

**A DI ĐÀ KINH SỚ SAO
DIỄN NGHĨA
QUYỂN IV**

**Liên Trì đại sư chùa Vân Thê soạn sớ sao
Pháp sư Cổ Đức diễn nghĩa**

**阿彌陀經疏鈔演義
卷四**

明古杭雲棲寺沙門祿宏述
明雲棲寺古德法師演義
民國淨業學人釋淨空演講
越南譯本

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa

Quyển IV

阿彌陀經疏鈔演義

卷四

明古杭雲棲寺沙門祿宏述

明雲棲寺古德法師演義

民國淨業學人釋淨空演講

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Địa điểm: Đài Loan Cảnh Mỹ Hoa Tạng Đồ Thư Quán

Thời gian: Tháng 12 năm 1984

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Minh Tiến - Huệ Trang - Đức Phong

Mục Lục

Tập 91.....3	Tập 101 215	Tập 111.....447
Tập 92.....29	Tập 102 237	Tập 112.....473
Tập 93.....52	Tập 103 258	Tập 113.....510
Tập 94.....72	Tập 104 285	Tập 114.....534
Tập 95.....91	Tập 105 303	Tập 115.....553
Tập 96.....115	Tập 106 325	Tập 116.....572
Tập 97.....141	Tập 107 347	Tập 117.....594
Tập 98.....160	Tập 108 372	Tập 118.....614
Tập 99.....178	Tập 109 404	Tập 119.....639
Tập 100.....195	Tập 110 429	Tập 120.....659

Tập 91

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm sáu mươi một.

(Sớ) Nạn thoát giả, Nguyên mật, Trương Sĩ Thành công Hồ Châu, Giang Chiết thừa tướng dữ chiến, cầm tứ thập nhân, tù hạm tổng lục, dạ túc Tây Hồ Diệu Khòa Tự. Đại Du Mưu thiên sư, từ bộ lang hạ, tù kiến Sư thân quán nhàn nhã, trì tụng bất chuyết, nhân cầu cứu bạt. Sư giáo linh chí tâm niệm Nam Mô Cứu Khổ Cứu Nạn A Di Đà Phật, trung hữu tam nhân tín thọ kỳ ngữ, niệm bất tuyệt khẩu. Thiên hiểu phát tù, dịch già tỏa, chí tam nhân, hình cụ bất túc, duy hệ dĩ thằng, ký nhi thâm súc, tri lương dân bị lỗ giả, tội đắc thích.

(疏)難脫者，元末張士誠攻湖州，江浙丞相與戰，擒四十人，囚檻送戮，夜宿西湖鳥窠寺。大猷謀禪師，徐步廊下，囚見師神觀閒雅，持誦不輟，因求救拔。師教令至心念南無救苦救難阿彌陀佛，中有三人信受其語，念不絕口。天曉發囚，易枷鎖，至三人，刑具不足，惟繫以繩，既而審鞠，知良民被虜者，遂得釋。

(Sớ: Thoát nạn: Cuối đời Nguyên, Trương Sĩ Thành tấn công Hồ Châu, Thừa Tướng đánh nhau với hắn tại miền Giang Chiết, bắt được bốn mươi người, giam vào tù xa, đưa đi hành hình. Đến đêm, [xe tù] nghỉ tại chùa Diệu Khòa ở Tây Hồ. Thiên sư Đại Du Mưu đi thông dong trên hành lang, tù nhân thấy Sư dáng vẻ nhàn nhã, trì tụng không ngừng; do vậy, bèn cầu Sư cứu giúp. Sư dạy họ hãy chí tâm niệm Nam Mô Cứu Khổ Cứu Nạn A Di Đà Phật, trong số ấy có ba người tin nhận lời Ngài, niệm không ngừng tiếng. Tới sáng, giải tù nhân đi, thay gông xiềng, tới ba người ấy, không đủ gông cùm, chỉ trói bằng thừng. Thảm vận cạn kẻ, biết họ là lương dân bị bắt, họ bèn được thả).

Đây là nói tới điều cảm ứng cuối cùng, tức “*phu tù thoát nạn*” (bị giam cầm được thoát nạn). Khi gặp phải tai nạn, niệm Phật, niệm Bồ Tát, cảm ứng rất nhiều. Chúng ta thấy điều này không chỉ được ghi chép trong nhiều bộ cảm ứng lục, mà trong bút ký của cổ nhân cũng thấy hết sức nhiều, như trong cuốn Duyệt Vy Thảo Đường Bút Ký của Kỷ Hiểu Lam

cũng ghi chép không ít. Ở đây cũng là nêu đại lược một điều, tức là một chuyện vào đời Nguyên. Khi ấy, Trương Sĩ Thành¹ cát cứ một phương, về sau bị Châu Nguyên Chương tiêu diệt, lúc ấy, thế lực của hắn khá lớn. Hồ Châu thuộc tỉnh Giang Tô. Trong chiến tranh loạn lạc, chẳng ít dân lành bị bắt làm tù binh. Có kẻ làm loạn, mà cũng có dân lành lẫn lộn trong các tù binh, mỗi người nghiệp lực khác nhau. Do những tù binh ấy bị nhốt trong phòng trống của nhà chùa, nên có thể gặp pháp sư, đây là công nghiệp của chúng sanh. Những kẻ ngộ nạn ấy cầu pháp sư giúp đỡ, pháp sư có thể giúp đỡ bằng cách khuyên họ niệm Phật. Thông thường chúng ta gặp tai nạn đều niệm “*Nam-mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát*”, ở đây là Cứu Khổ Cứu Nạn A Di Đà Phật, tôi tin bản thân thiền sư Đại Du Mưu nhất định là một người niệm Phật tu Tịnh Độ. Nếu không, Sư chẳng dạy họ niệm A Di Đà Phật.

Do vậy biết: Trong khi chúng ta gặp tai nạn, có cần phải niệm Quán Âm Bồ Tát hay không? Bị bệnh, có cần phải niệm Dược Sư Phật hay chăng? [Nếu gặp tai nạn bèn niệm Quán Âm Bồ Tát, bị bệnh niệm Dược Sư Phật] thì dường như mỗi vị Phật hay Bồ Tát cai quản một chuyện [nhất định]! Từ chỗ này, chúng ta hiểu: Bình thường chúng ta tu pháp môn này, niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là Bản Tôn của chúng ta, gặp tai nạn cũng vậy, mà bị bệnh tật cũng thế, thấy đều niệm A Di Đà Phật, chắc chắn hữu hiệu! Hiệu quả do đâu mà có? Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói: “*Chí thành cảm thông*”. Người bình thường cầu Phật, cầu Bồ Tát chẳng hiệu quả, vì tâm họ chẳng chân thành. Vì sao biết tâm họ chẳng

¹ Trương Sĩ Thành (1321-1387) là một tướng lãnh nghĩa quân chống lại Mông Cổ sống vào cuối đời Nguyên, quê ở Câu Trường (nay là thành phố Đại Phong, tỉnh Giang Tô). Họ Trương vốn làm nghề gánh muối. Năm Chí Chánh (1353) cùng với các em là Trương Sĩ Nghĩa, Trương Sĩ Đức, Trương Sĩ Tín và Lý Bá Thăng kéo cờ khởi nghĩa, được dân chúng ủng hộ, chiếm được vùng Thái Châu, Hưng Hóa, Cao Bru của tỉnh Giang Tô. Năm 1354, Trương Sĩ Thành xưng đế ở Cao Bru, đặt quốc hiệu là Đại Châu, tự xưng là Thành Vương, lấy niên hiệu là Thiên Hựu. Tháng Chín năm ấy, Thái Sư kiêm Tả Thừa Tướng Thoát Thoát của nhà Nguyên dẫn binh tấn công Cao Bru, đánh bại Trương Sĩ Thành. Trương Sĩ Thành đang lúc bó tay chịu chết thì Nguyên Thuận Đế nghe lời sàm tấu, tức đoạt binh quyền của Thoát Thoát, khiến Trương Sĩ Thành thừa dịp đánh bại quân Nguyên, chiếm đến Tô Châu. Một đối thủ quan trọng của Trương Sĩ Thành thuở ấy là Châu Nguyên Chương đã xưng đế ở Nam Kinh cũng tấn công Trương Sĩ Thành ráo riết. Trương Sĩ Thành phải xin xưng thần, nhưng Châu Nguyên Chương từ chối. Đến năm 1357, họ Trương phải chịu nhận tước phong nhà Nguyên. Tuy vậy, cuộc tranh giành quyền lực giữa Trương Sĩ Thành và Châu Nguyên Chương vẫn dang dai mãi cho đến năm 1367 khi Tô Châu thất thủ, Trương Sĩ Thành bị họ Châu giải về Nam Kinh và bị xử tử hình.

chân thành? Họ cầu rất nhiều Phật, Bồ Tát, tâm họ sẽ chẳng chân thành. Nếu tâm chân thành, chỉ cầu một vị Phật hay Bồ Tát mà quý vị thường chuyên niệm, đến lúc ấy, nhất định có linh nghiệm. Chúng ta niệm đoạn này, phải hiểu rõ đạo lý này. Tục ngữ có câu: “*Thành tắc linh*” (thành kính ắt linh thiêng), chẳng thành kính sẽ không linh; niệm chú, vẽ bùa đều chẳng ra ngoài lệ này! Niệm chú, vẽ bùa bằng lòng Thành đều linh, huống hồ chúng ta niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát? Chẳng còn nghi hoặc gì nữa!

Học Phật, dầu là nghiên cứu kinh giáo, cũng phải một môn thâm nhập. Học nhiều, tinh thần lẫn sức lực của chúng ta bị phân tán, muốn đạt thành tựu rất khó! Từ xưa tới nay, hễ học phải “*chuyên công*” (chuyên dốc công sức nơi một bộ kinh); thí dụ như chúng ta dùng thời gian mười năm để chuyên môn học bộ kinh Di Đà này, “*chuyên công*” nơi một bộ kinh Di Đà này, mười năm không ngừng đọc tụng, diễn giảng, nghiên cứu, thảo luận, sau mười năm ấy, quý vị sẽ là chuyên gia kinh A Di Đà, chẳng có ai sánh bằng quý vị, vì sao? Quý vị có hạ thủ mười năm công phu [nghiên cứu, học tập] bộ kinh này. Một kẻ khác, trong mười năm nghiên cứu mười bộ kinh, thoạt nhìn chẳng ít, rất nhiều! Mỗi năm nghiên cứu một bộ, đối với mỗi bộ kinh, người ấy đều liễu giải ngoài da, thiếu chiều sâu! Nếu mười năm nghiên cứu hai mươi bộ, ba mươi bộ, càng chẳng cần phải nói nữa! Tôi nghĩ mọi người đều có thể hiểu rõ đạo lý này, quý vị hãy suy nghĩ kỹ lưỡng: Chúng ta phải nên dùng thái độ gì để học Phật?

Xưa nay, các vị đại đức có thành tựu đều là suốt đời dốc công sức nơi một bộ. Thời cổ, như ngài Thanh Lương suốt đời dốc hết công phu nơi kinh Hoa Nghiêm, Ngài giảng kinh Hoa Nghiêm năm mươi lần. Trí Giả đại sư chuyên dốc công sức nơi Pháp Hoa. Vào đời Đường, Nam Sơn Luật Tổ là ngài Đạo Tuyên Luật Sư ở núi Chung Nam chuyên dốc công sức nơi Tứ Phần Giới Luật. Tứ Phần Luật² là một bộ sách rất lớn. Ngài

² Tứ Phần Luật (Dharmagupta-vinaya), còn gọi là Đàm Vô Đức Luật Tạng là một bộ luật gồm sáu mươi quyển, do các vị Trúc Phật Niệm, Phật Đà Da Xá v.v... cùng dịch tại Trường An từ năm 410 đến 412 vào thời Diêu Tân. Đây là giới luật được truyền thừa theo truyền thống Pháp Tạng Bộ của Thượng Tọa Bộ tại Ấn Độ. Bộ luật này được chia thành bốn phần: 1. Luật tỳ-kheo 2. Luật tỳ-kheo-ni 3. Nói về những quy định thông thường trong sinh hoạt như Tự Tứ, quần áo, thuốc men, y Ca Thi Na v.v... 4. Những quy định về phòng ốc, điều bộ Tỳ Ni v.v... Theo truyền thống, bộ luật này được coi là do tôn giả Pháp Chánh (Dharmagupta, còn phiên âm là Đàm Vô Đức) hội tập từ giới bản được lưu truyền trong Thượng Tọa Bộ. Sau khi bộ luật này được dịch sang tiếng Hán, vẫn chưa được phổ biến, mãi đến đời Bắc Ngụy Văn Đế, ngài Pháp Thông Luật Sư bắt đầu hoằng truyền, môn nhân là Đạo Phú viết sớ giải. Sau đấy, các vị Huệ Quang, Trí Thủ tiếp tục hoằng dương Tứ Phần Luật. Môn nhân của ngài Trí Thủ là

nghe giảng hơn hai mươi lần, người ta có tinh thần như vậy. Nơi nào giảng Tứ Phần Luật, Ngài tìm đến đó chỉ để nghe kinh, kinh giảng xong Ngài mới rời đi. Cận đại, pháp sư Viên Anh chuyên dốc sức nơi kinh Lăng Nghiêm, từ năm hai mươi lăm tuổi Ngài đã dốc sức nơi kinh Lăng Nghiêm mãi cho đến năm bảy mươi mấy tuổi mới hoàn thành bộ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa. Do công sức cả đời, Ngài mới có thành tựu to lớn ngàn ấy. Cư sĩ Giang Vị Nông suốt đời chuyên dồn sức nơi kinh Kim Cang, bốn mươi năm dốc công phu nơi kinh Kim Cang, từ xưa tới nay chẳng ai giảng kinh Kim Cang hay hơn ông ta được. Một bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của ông ta là bản chú giải kinh Kim Cang có uy tín nhất, người ta dụng công sâu dày, bốn mươi năm mà! Đối với một bộ Tâm Kinh, Tâm Kinh gồm hai trăm sáu mươi chữ, cư sĩ Châu Chỉ Am³ cũng dùng bốn mươi năm công phu, viết thành tác phẩm Tâm Kinh Thuyên Chú. Đây là chú giải Tâm Kinh đầy uy tín, từ xưa đến nay không có một ai có thể vượt trội ông ta được! Do vậy, bất luận là giải môn hay hành môn đều phải chuyên công thì mới có thể thu được hiệu quả chẳng thể nghĩ bàn!

Ở đây nói tới niệm Phật, trong số tù nhân có ba người oan uổng, họ là lương dân, họ tin tưởng; còn kẻ làm ác chẳng tin. Nếu chúng ta hỏi: Giả sử bọn họ tin tưởng, có được cứu hay chẳng? Họ tin tưởng, chắc chắn được cứu. Đoạn kế tiếp sẽ nói về kẻ ác đắc độ. Những kẻ ấy đều có thể vãng sanh, đều được cứu vớt, tôi nghĩ trong một đời này, chắc chắn, chúng ta [vãng sanh] chẳng có vấn đề gì!

(Huyền Nghĩa) Hựu phục ác nhân tặc Thiện Hòa thập niệm, địa ngục hiện nhi hóa Phật không nghênh. Súc sanh tặc cù dục xưng danh, hình hài yểm nhi liên hoa địa phát. Hà hướng thân vô trọng thức, báo tại tối linh, tín nguyện huân tu, ninh thành hư khí?

Đạo Tuyên Luật Sư đã hệ thống hóa, biên tập, chú giải hoàn chỉnh Tứ Phần Luật, khiến cho Tứ Phần Luật có ảnh hưởng lớn nhất đối với Phật giáo Trung Hoa. Bộ Tứ Phần Luật Xan Phiên Bồ Khuyết Hành Sự Sao của ngài Đạo Tuyên là một tác phẩm trọng yếu để nghiên cứu Tứ Phần Luật.

³ Châu Chỉ Am (1781-1839), tên thật là Châu Tế, tự là Bảo Tự và Giới Tồn, hiệu Vị Trai; về già lấy hiệu là Chỉ Am, người xứ Kinh Khê tỉnh Giang Tô (nay là huyện Tuyên Hưng). Ông đỗ Tiến Sĩ năm Gia Khánh thứ mười (1805), văn chương trác tuyệt, được coi là một nhà văn học nổi tiếng thời ấy. Ngoài tác phẩm Tâm Kinh Thuyên Chú, ông còn để lại những tác phẩm nổi tiếng như Giới Tồn Trai Luận Từ Tạng Trước, Phổ Lược, Tổng Tứ Gia Từ Tuyền v.v...

(玄義)又復惡人則善和十念，地獄現而化佛空迎。畜生則鵠鶻稱名，形骸掩而蓮華地發。何況身無重慝，報在最靈，信願熏修，寧成虛棄。

(Huyền Nghĩa: Lại nữa, kẻ ác như Thiện Hòa mười niệm, tướng địa ngục hiện mà hóa Phật đón rước trên không. Súc sanh như con yểu xung danh, xác đã vùi mà đất trở hoa sen. Huống chi con người là hạng tối linh, thân không vướng tội ác nặng nề, tín nguyện熏修, há thành luống uổng?)

Chúng ta xem lời chú giải.

(Sớ) Ác nhân giả.

(疏) 惡人者。

(Sớ: Kẻ ác).

Đây là một câu chuyện rất nổi tiếng, ai này đều hay biết.

(Sớ) Đường Trương Thiện Hòa, đồ ngư vi nghiệp.

(疏) 唐張善和，屠牛為業。

(Sớ: Đời Đường, Trương Thiện Hòa làm nghề mổ trâu).

Vào đời Đường, ông Trương Thiện Hòa làm đồ tể, giết trâu, cả đời đã mổ trâu, bán thịt trâu chẳng biết đến bao nhiêu!

(Sớ) Lâm chung, kiến quần ngư sác mạng, ư thị đại bố.

(疏) 臨終，見群牛索命，於是大怖。

(Sớ: Lâm chung, thấy lũ trâu đến đòi mạng; do vậy, hết sức kinh hoảng).

Khi lâm chung, ông ta thấy nhiều kẻ đầu trâu đến đòi mạng. Khi ấy, ông ta sợ hãi, biết nhân quả báo ứng chẳng sai mảy may!

(Sớ) Hoán kỳ thê vân: “Tốc diên Tăng vị ngã niệm Phật”.

(疏) 喚其妻云：速延僧為我念佛。

(Sớ: Gọi vợ: “Mau thỉnh Tăng niệm Phật cho ta”).

Ông ta bảo vợ thỉnh người xuất gia mau đến siêu độ ông ta. Theo như Vãng Sanh Truyện ghi chép, khi ông ta gào to “cứu mạng”, gặp duyên tốt đẹp, nhân duyên thù thắng, khéo sao có một vị xuất gia hóa duyên đi qua cửa, nghe tiếng ông ta kêu, hỏi: “Chuyện gì?” Vợ ông ta thỉnh vị xuất gia ấy vào trong nhà. Ông ta cho biết nhiều kẻ đầu trâu tới đòi mạng!

(Sớ) Dụ vân: “Kinh trung thuyết lâm chung ác tướng hiện giả, chí tâm niệm Phật, tức đắc vãng sanh”.

(疏) 諭云：經中說臨終惡相現者，至心念佛，即得往生。

(Sớ: Vị Tăng khuyên như: “Kinh dạy khi lâm chung tướng ác hiện ra, hãy chí tâm niệm Phật liền được vãng sanh”).

Vị xuất gia ấy bảo ông ta: Theo như Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh đã dạy, Ngũ Nghịch, Thập Ác là tội nghiệp to lớn, nặng nề, khi lâm chung niệm Phật cũng có thể vãng sanh.

(Sớ) Hòa vân: “Địa ngục chí”.

(疏) 和云：地獄至。

(Sớ: Thiện Hòa nói: “Tướng địa ngục hiện ra rồi”).

Trương Thiện Hòa kêu to: “Tướng địa ngục hiện tiền”. Nói cách khác, ngay lập tức ông ta phải đọa địa ngục.

(Sớ) Cấp thủ hương lò lai, tức dĩ hữu thủ kinh hỏa, tả thủ niệm hương, diện Tây chuyên thiết niệm Phật, vị mãn thập thanh, tự ngôn “Phật lai nghênh ngã”, tức hóa khứ.

(疏) 急取香鑪來，即以右手擎火，左手拈香，面西專切念佛，未滿十聲，自言佛來迎我，即化去。

(Sớ: Vội cầm lấy lò hương, liền dùng tay phải giữ lửa, tay trái cầm hương, mặt hướng về phương Tây, chuyên nhất, thiết tha niệm Phật, chưa đầy mười tiếng, tự nói: “Phật đến đón ta”, liền mất).

Ngay lập tức cầm lấy lò hương, nắm trên tay một vốc hương, lớn tiếng niệm A Di Đà Phật. Chưa đầy mười tiếng, ông ta nói: “Chẳng thấy người đầu trâu nữa! Phật đến rồi!” Ông ta theo Phật ra đi. Đây là một ví dụ hết sức tốt đẹp, đây là kẻ làm ác lâm chung niệm Phật vãng sanh; nhưng

phải nói rõ chuyện này cùng quý vị, quý vị từng thấy có mấy ai khi lâm chung sáng suốt, tỉnh táo như thế hay chẳng? Đây là điều kiện tiên quyết. Nếu khi lâm chung, chẳng nhận biết một ai, sẽ chẳng thể cứu được!

Trương Thiện Hòa có đại phước báo, phước báo ấy đã tu trong đời trước. Tu trong đời trước là như kinh Di Đà đã dạy: “*Lâm mạng chung thời, tâm bất điên đảo*” (lúc lâm chung, tâm không điên đảo). Do vậy, kinh Di Đà dạy chúng ta hai chuyện. Thứ nhất là “*nhất tâm bất loạn*”, đó là quyết định thành tựu. Chỉ cần đắc nhất tâm bất loạn, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thích đi lúc nào bèn đi lúc ấy, muôn ở lại thế giới này thêm mấy năm bèn ở thêm mấy năm, chắc chắn chẳng trở ngại, đến đi tự do, đó là đắc nhất tâm bất loạn. Chưa đắc nhất tâm bất loạn thì điều kiện quan trọng nhất là “*tâm bất điên đảo*”. Khi quý vị sắp mất, phải tỉnh táo, sáng suốt, như vậy thì mới nắm chắc vãng sanh. Nếu lâm chung đau khổ, hoặc hôn mê, bất tỉnh, như vậy thì chẳng có cách nào cả, thậm chí trợ niệm cũng chẳng có cách nào! Do vậy, con người trong một đời phải nên tu phước, chớ nên hưởng phước, chớ nên hưởng sạch một chút phước báo ấy, hưởng hết thì khi lâm chung sẽ chẳng có phước!

Trong quá khứ, tôi đã thấy không ít kẻ phú quý, tuổi trẻ đắc chí, trung niên đắc chí, tha hồ hưởng thụ, gọi một tiếng, trăm kẻ thừa, đến tuổi xế bóng suy sụp, ngay cả một kẻ hầu hạ, chăm sóc cũng chẳng có! Giặt áo, nấu cơm đều phải tự mình làm lấy, đáng thương vô cùng! Khi người ấy đắc chí, trong nhà kẻ hầu mười mấy, hai mươi người, vẫn sợ hầu hạ chẳng trọn vẹn; lúc tuổi xế chiều, chuyện gì tự mình cũng đều phải làm, ra phố mua thức ăn cũng tự mình xách giỏ lê bước. Tôi đã thấy rất nhiều, hưởng hết phước rồi! Tình hình lúc người ấy chết [như thế nào] có thể suy ra được, lẽ nào có thể tỉnh táo, sáng suốt được? Chẳng thể nào!

Do vậy, nhất định phải biết tu phước, mong sao khi lâm chung tỉnh táo, sáng suốt, chúng ta niệm Phật chắc chắn có thể vãng sanh. Đói nghiệp vãng sanh phải cậy vào sát-na lâm chung ấy! Như Trương Thiện Hòa tỉnh táo dường ấy là do thiện căn tu hành trong nhiều đời nhiều kiếp, khi đó, [thiện căn ấy] bèn hiện tiền. Suốt đời chẳng nghe Phật pháp, lâm chung được nghe, chịu tin tưởng, chịu chuyên tâm niệm; do vậy, lúc lâm chung mười niệm hay một niệm cũng có thể vãng sanh, đây là Hạ Phẩm Hạ Sanh trong Quán Kinh. Ngàn vạn phần phải ghi nhớ, quyết chẳng thể mang tâm lý cầu may. Đọc câu chuyện này, [bèn làm tướng] chẳng có gì phải gấp rút! Cả đời này tạo ác thêm một chút, chẳng sao cả! Lâm chung vẫn còn kịp. Nếu quý vị suy tưởng như vậy, lầm lẫn quá đời! Khi quý vị lâm chung, có thể bảo đảm tỉnh táo, sáng suốt như ông Trương Thiện Hòa hay chẳng?

Có bảo đảm khi ấy sẽ có thiện tri thức tới giúp đỡ quý vị hay không? Do vậy, chớ nên mang tâm lý cầu may! Phải sốt sắng niệm Phật. Nhất là trong thời đại hiện đại này, tai nạn bất ngờ rất nhiều, bản thân chúng ta có đảm bảo cả đời chẳng gặp phải hay chẳng? Tai nạn đột nhiên xảy đến, làm thế nào đây? Do vậy, bình thường phải nghiêm túc nỗ lực niệm Phật, niệm Phật có thể tiêu tai miễn nạn. Dầu đại kiếp nạn xảy đến, cũng có thể tỉnh táo, sáng suốt niệm Phật vãng sanh, đây là công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

(Sớ) Súc sanh giả.

(疏) 畜生者。

(Sớ: Súc sanh).

Đoạn này nói về súc sanh niệm Phật vãng sanh. Chuyện này rất kỳ quái, nhưng cũng không ít, cổ nhân đã viết một quyển sách có tựa đề Vật Do Như Thử (loài vật mà còn như thế) chuyên môn ghi chép chuyện súc sanh vãng sanh tại Trung Quốc trong các thời đại.

(Sớ) Tống Hoàng Nham Chánh Đẳng Tự, Quán Công, súc cù dục.

(疏) 宋黃巖正等寺，觀公，畜鵪鶉。

(Sớ: Đòi Tống, Quán Công thuộc chùa Chánh Đẳng tự Hoàng Nham nuôi một con yêng).

Chùa tên là Chánh Đẳng. Pháp danh của vị xuất gia này chẳng ghi chép trọn vẹn, tôn xưng Ngài bằng một chữ⁴ là Quán Công. Sư nuôi một con “cù dục” (con yêng), chúng ta thường gọi nó là “bát ca” (八哥). Bát ca có thể nói được.

(Sớ) Thường niệm Phật bất tuyệt.

(疏) 常念佛不絕。

(Sớ: Thường niệm Phật chẳng dứt).

⁴ Đây là thói quen của Phật môn Trung Hoa, nhằm tỏ lòng tôn kính, ít khi gọi đủ pháp danh hay pháp hiệu mà chỉ gọi tên bằng chữ đầu (nếu đồng thời có nhiều vị cùng chữ thì gọi bằng chữ thứ hai trong pháp danh), chẳng hạn tổ Huệ Viễn được gọi là Viễn Công, tổ Ấn Quang được gọi là Ấn Công hay Ấn Tổ, hòa thượng Khai Như núi Phổ Đà được gọi là Khai Công, pháp sư Đế Nhàn được gọi là Đế Công v.v...

Trong chùa, mọi người dạy nó niệm Phật, nó cũng biết niệm Phật.

(Sớ) *Nhật nhật lập hóa lung thượng, Quán táng chi.*

(疏) 一日立化籠上，觀葬之。

(Sớ: Một hôm, nó đứng chết trong lồng, Quán Công đem chôn).

Có một hôm nó vãng sanh, đứng chết trong lồng, pháp sư đem nó đi chôn.

(Sớ) *Dĩ nhi thổ thượng xuất tử liên hoa nhất đóa.*

(疏) 已而土上出紫蓮華一朵。

(Sớ: Nhưng trên mặt đất trở một đóa sen tím).

Chôn dưới đất, chưa được mấy hôm, trên cuộc đất ấy mọc lên một đóa hoa sen màu tím. Pháp sư nghĩ đây là tướng lành rất tốt đẹp, muốn biết đóa sen ấy có phải từ thân con yểu mọc ra hay chẳng, liền bói đất xem thử.

(Sớ) *Tầm thổ trung, tắc hoa tùng thiệt đoan nhi phát.*

(疏) 尋土中，則華從舌端而發。

(Sớ: Tìm trong đất thì ra hoa mọc từ lưỡi con chim).

Quả nhiên đúng như vậy, hoa sen ấy mọc từ lưỡi của con chim bé ấy.

(Sớ) *Linh Chi Chiếu Luật Sư, vị chi tán, hữu “lập vong lung bé hồn nhàn sự, hóa tử liên hoa dã thái kỳ” chi cú.*

(疏) 靈芝照律師，為之讚，有「立亡籠閉渾閒事，化紫蓮華也太奇」之句。

(Sớ: Ngài Linh Chi Chiếu luật sư soạn bài tán, trong ấy có câu: “Đứng chết trong lồng nào hiếm lạ, hóa sanh sen tím thật hy kỳ”).

Đây là một vị xuất gia sống vào đời Tống chuyên môn nghiên cứu giới luật, trong Luật Tông gọi Ngài là Linh Chi Luật Tổ⁵. Ngài thấy chuyện này, bèn đặc biệt viết một bài văn đề tán thán. Súc sanh đạo vãng sanh là chuyện bình thường, từng nghe nói rất nhiều, chẳng hiếm lạ! Cuống lười biến thành hoa sen tím, chuyện này rất hiếm lạ. Đây là nói về thời xưa.

Trong cuốn băng thân âm lời khai thị trong Phật Thất, pháp sư Đàm Hư có kể nhiều chuyện vãng sanh hiện thời. Ngài có nhắc tới chuyện một con gà trống vãng sanh. Khi pháp sư Đế Nhân làm phương trượng chùa Đầu Đà, trong chùa có nuôi một con gà trống. Con gà trống ấy mỗi ngày đều theo đại chúng tụng kinh sớm tối, nó cũng theo đại chúng đến trai đường. Mọi người ăn cơm, cơm, rau rơi xuống đất nó đều nhặt ăn hết, ăn sạch sành sanh. Có một hôm lên tụng kinh, sau khi tụng kinh xong, mọi người đều rời khỏi, con gà trống ấy không đi. Thầy Hương Đăng xưa nó đi: “Mọi người đi hết rồi, ta phải đóng cửa, người hãy mau đi ra”. Con gà trống to ấy không đoái hoài tới thầy ấy, đi tới giữa đại điện, đứng ở đấy, ngهنển cổ nhìn tượng Phật, kêu ba tiếng, rồi đứng chết ngay ở đó. Pháp sư Đế Nhân chiếu theo lễ tiết dành cho người xuất gia hỏa táng nó. Đây là chuyện súc sanh vãng sanh mà lão pháp sư Đàm Hư đích thân chứng kiến. Con người nếu chẳng khéo niệm Phật sẽ thua cả súc sanh! Công đức lợi ích vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nói bất tận, quý vị hãy khéo nghe lời khai thị của Đàm lão pháp sư.

(Sớ) Như thượng trì danh sở cử, tự phi quang xuất Phật chí thử.

(疏) 如上持名所舉，自飛光出佛至此。

(Sớ: Những điều cảm ứng do trì danh như vừa nêu trên đây, từ phóng ra quang minh hiện hình tướng Phật cho đến chỗ này).

⁵ Linh Chi Nguyên Chiếu (1048-1116) là người Dư Hàng (nay là Dư Huyện tỉnh Chiết Giang), họ Đường, tự Trạh Nhiên, hiệu An Nhân Tử. Xuất gia từ nhỏ, mười tám tuổi đã được thọ Cụ Túc Giới, học giáo nghĩa Thiên Thai với ngài Thần Ngộ Xử Khiêm, nhưng dốc chí nơi giới luật. Về sau, Sư lễ ngài Quảng Từ xin thọ Bồ Tát Giới, nói pháp Nam Sơn Chánh Truyền. Trong niên hiệu Nguyên Phong (1078-1085), Sư trụ trì chùa Chiêu Khánh, hoằng truyền giới luật, về già, dời sang chùa Linh Chi, ở đó suốt ba mươi năm, cõi đời gọi ngài là Linh Chi Tôn Giả. Khi mất, được vua ban thụy hiệu Đại Trí Luật Sư. Những tác phẩm chủ yếu của Ngài là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Tư Trì Ký (chú giải bộ Hành Sự Sao của tổ Đạo Tuyên).

Thiện Đạo đại sư niệm Phật một tiếng, trong miệng tỏa ra một tia sáng, chuyện này đã được nhắc tới trong phần trước, cho đến tận chỗ này, hết thầy đều là nói về chuyện cảm ứng.

(Sớ) Diệc thiên vạn trung kỷ nhất nhi dĩ.

(疏) 亦千萬中紀一而已。

(Sớ: Cũng chỉ là ghi chép một phần trong ngàn vạn phần đó thôi).

Ngàn vạn người và động vật vãng sanh, nêu đại lược một hai trường hợp để chứng minh mà thôi!

(Sớ) Thắc giả, ác chi nặc w tâm giả dã.

(疏) 慝者，惡之匿於心者也。

(Sớ: “Thắc” là trong tâm ẩn giấu điều ác).

Trong tâm có sự đại ác; tham, sân, si, mạn đều là đại ác.

(Sớ) Tồi linh giả, nhân vi vạn vật chi linh dã. Mạt phục kết ngôn, ác nhân niệm Phật, thượng đắc vãng sanh, hà huống ác vị tất như Thiện Hòa.

(疏) 最靈者，人為萬物之靈也。末復結言，惡人念佛，尚得往生，何況惡未必如善和。

(Sớ: “Tồi linh”: Con người linh thông nhất trong muôn loài. Cuối cùng, lại kết luận rằng: Kẻ ác niệm Phật còn được vãng sanh, huống hồ kẻ chưa chắc đã ác như Thiện Hòa).

Chưa tạo tội nghiệp nặng nề như ông Trương Thiện Hòa.

(Sớ) Súc sanh niệm Phật, thượng đắc vãng sanh, hà huống linh nhi hiệu vi nhân loại. Dĩ thử tử hướng, tri tất sanh dã.

(疏) 畜生念佛，尚得往生，何況靈而號為人類。以此比況，知必生也。

(Sớ: Súc sanh niệm Phật còn được vãng sanh, huống hồ loài người được gọi là “tồi linh”. Dùng điều này để so sánh, liền biết [người chân thật niệm Phật] ắt được vãng sanh).

Chúng ta nhìn vào những sự tích này hãy nên giác ngộ. Trừ phi bản thân chúng ta chẳng chịu phát tâm, chứ chịu phát tâm niệm Phật, đời này, chúng ta nhất định vãng sanh, đây là chuyện thiên chân vạn xác (ngàn vạn phần xác đáng). Các vị đồng học có rất nhiều người mới vừa học Phật, [thấy] tông phái Phật pháp nhiều, pháp môn nhiều, kinh điển nhiều, khởi sự tu tập từ chỗ nào? Chẳng thể không lưu ý điều này. Nếu vừa bắt đầu tu tập bèn tìm được đúng cửa ngõ, quý vị sẽ thành tựu nhanh chóng. Thành tựu không chỉ nhanh mà còn cao. Tìm trật cửa ngõ, chắc là suốt cả đời này vẫn chẳng thể thành tựu, đi theo khá nhiều con đường oan uổng. Đây là điều phải lưu ý lúc khởi đầu. Trong tất cả các pháp môn, thành tựu trong một đời, ai nấy đều có thể thành tựu, không gì hơn pháp môn Niệm Phật.

Kinh Di Đà tuy đơn giản, kinh văn chẳng dài, nhưng từng câu từng chữ chứa đựng vô lượng nghĩa. Chúng ta đọc bản chú giải này, quý vị cầm trên tay một cuốn sách chú giải kinh Di Đà to như thế, trong đó, chúng tôi chọn lựa ba tác phẩm chú giải. Bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư bác đại tinh thâm, gồm có bốn quyển, hôm nay chúng ta giảng đến đây là quyển thứ nhất. Giảng chưa xong quyển thứ nhất mà đã mất chín mươi một buổi giảng rồi. Lần này là lần thứ ba chúng tôi giảng Sớ Sao, lần thứ hai chúng tôi có giữ lại băng thâu âm, mỗi băng dài chín mươi phút, một bộ kinh A Di Đà là ba trăm ba mươi lăm băng. Do vậy, mọi người ngàn vạn phần đừng xem rẻ kinh Di Đà, chớ nên nghĩ pháp môn này đơn giản!

Trong quá khứ, thầy Lý giảng một bộ kinh Lăng Nghiêm ở Đài Trung, giảng xong từ đầu tới cuối cũng chẳng hơn một trăm ba mươi sáu giờ. Chúng tôi giảng Di Đà Kinh Sớ Sao một lượt đã giảng hơn năm trăm giờ, đó là lần giảng thứ hai. Giảng lần này tỉ mỉ hơn lần trước, tốn thời gian càng nhiều hơn! Do vậy, khinh dễ pháp môn Niệm Phật tức là thiếu phước báo; chọn lựa pháp môn này tức là quý vị thiện căn, phước đức, nhân duyên sâu dày.

Bản thân tôi học Phật hơn ba mươi năm, trong quá khứ chẳng hiểu, mò mẫm khắp nơi, cũng mò mẫm khá nhiều kinh luận, tới cuối cùng mới biết pháp môn Niệm Phật tốt đẹp. Trong đạo tràng giảng kinh, tôi chỉ giảng hai bộ kinh là kinh Di Đà và Tứ Thập Hoa Nghiêm. Lần này vì các đồng học giảng Tứ Thập Nhị Chương Kinh, nhằm giúp đỡ những vị học giảng kinh, mong mọi quý vị sẽ nhờ vào Tứ Thập Nhị Chương Kinh mà dấy lên hứng thú học Phật. Nếu thật sự học Phật, nhất định phải niệm kinh Di Đà, nhất định phải tu pháp môn Niệm Phật.

(Sớ) Tín nguyện huân tu, sở tác đường quyên, vô hữu thị xú.

(疏) 信願熏修，所作唐捐，無有是處。

(Sớ: “Tín nguyện huân tu”: Tu tập pháp môn này mà phí uổng là chuyện chẳng bao giờ có).

“Đường quyen” có nghĩa là uổng phí. Chỉ cần quý vị tin tưởng, phát nguyện, sốt sắng niệm Phật, niệm Phật gọi là “huân tu”, ngày đêm chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi, cứ một mực niệm, đó gọi là “huân tu”. Nếu nói quý vị làm chuyện này vô ích thì chẳng có lẽ ấy! Chắc chắn là đạt được công đức lợi ích thù thắng!

Ngũ, kết khuyến.

(Huyền Nghĩa) **Thị dĩ nhất âm thử xướng, thiên Phật đồng canh. Tam học cao tăng, cứu lưu danh đức, nhược u, nhược hiển, nhược thánh, nhược phàm, như vạn thủy vô bất triều Đông, tự quần tinh tất giai cũng Bắc, phương chi tiếp kính, hiệu viết Phổ Môn, khởi hư ngữ tai! Quyết chí cầu sanh, vô dung nghĩ nghị giả hĩ.**

五，結勸。

(玄義)是以一音始唱，千佛同慶。三學高僧，九流名德，若幽若顯，若聖若凡，如萬水無不朝東，似群星悉皆拱北，方之捷徑，號曰普門，豈虛語哉。決志求生，無容擬議者矣。

(Năm là kết luận, khuyên lơn.

Huyền Nghĩa: Do vậy, một tiếng vừa đề xướng, ngàn vị Phật cùng tiếp lời. Bạc cao tăng Tam Học, các vị danh đức trong cứu lưu, dù u hay hiển, dù thánh hay phàm, như muôn dòng nước, không dòng nào chẳng xuôi về Đông, dường các ngôi sao đều châu về phương Bắc, đây mới là đường tắt, được gọi là Phổ Môn, há phải lời lẽ rỗng tuếch ư? Hãy quyết chí cầu được vãng sanh, chớ nên băn khoăn, bàn định chi nữa!)

“Canh” (慶) là tiếp tục. Qua mấy câu này, Liên Trì đại sư đã tận tình khuyên bảo, khích lệ chúng ta hãy chọn lựa pháp môn này, nghiêm túc tu học. Xin quý vị đọc lời chú giải:

(Sớ) **Thử tổng kết Tịnh Độ pháp môn, nhất thiết chúng sanh sở quy y dã.**

(疏) 此總結淨土法門，一切眾生所皈依也。

(*Sớ*: Đây là tổng kết pháp môn Tịnh Độ là pháp môn được hết thầy chúng sanh quy y).

Chữ “*thử*” chỉ ba dòng văn tự trước dòng này. Pháp môn này có thể nói là đã được đề xướng đầu tiên trong hội Hoa Nghiêm. Trong Phật giáo Trung Quốc, kinh Hoa Nghiêm được mọi người công nhận là “*căn bản pháp luân*”, [tức là] hết thầy các kinh đều là quyến thuộc của Hoa Nghiêm, mà cũng là cành nhánh của Hoa Nghiêm. Giống như một cái cây, Hoa Nghiêm là căn bản, hết thầy các kinh đều là cành nhánh sanh từ căn bản này, ta sẽ hiểu địa vị được chiếm lãnh bởi kinh Hoa Nghiêm trong Phật pháp. Trong kinh Hoa Nghiêm giảng tới hai ngàn pháp môn, bao gồm Hiền, Mật các tông. Kinh ấy to lớn, giảng rất chi tiết, giảng rất nhiều, nhưng cuối cùng kết quy nơi pháp môn Niệm Phật. Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát đều phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, Thiện Tài đồng tử cũng tu pháp môn Niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Trong năm mươi ba lần tham học, tuy tham phỏng khá nhiều các tông phái và pháp môn bất đồng, sau khi tiếp xúc với họ, Thiện Tài đồng tử vẫn như như bất động, vẫn là nhất tâm niệm Phật. Không chỉ tới cuối cùng, Văn Thù, Phổ Hiền, Thiện Tài vãng sanh Tịnh Độ, mà Phổ Hiền Bồ Tát còn dùng “mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc”, khuyên tất cả các vị Bồ Tát trong hội Hoa Tạng thầy đều cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hãy xem cảnh tượng ấy trang nghiêm tới bậc nào! Do vậy, chúng ta mới thật sự hiểu Tịnh Độ là chỗ quy y của toàn bộ Phật pháp. Chẳng niệm Phật, chẳng cầu sanh Tịnh Độ, quá đáng tiếc!

Trong lời mi chú⁶ cho kinh Vô Lượng Thọ, thầy Lý đã phê mấy câu. Vì thầy thấy trong kinh có nói: Bồ Tát đã cúng dường bốn trăm ức trong đời quá khứ, con số ấy thật là phi phạm! Cúng dường bốn trăm ức Phật mà còn mê khi cách âm, vẫn bị thoái chuyển, điều này đáng sợ quá! Tuy có cái nhân xa xôi, trong tương lai đương nhiên họ vẫn có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng nhiều kiếp dài lâu luân hồi trong lục đạo, chịu khổ rất oan uổng. Vì thế, cuối cùng, lão nhân gia nhận định: “*Chẳng cầu đời nghiệp vãng sanh, chẳng ngu, ắt cuồng*”, quý vị chẳng phải là kẻ ngu thì cũng là cuồng vọng! Lời này chẳng sai tí nào!

⁶ Mi chú: Ghi chú ở trên đầu mỗi câu hay mỗi đoạn của chánh kinh.

(Sớ) Xướng giả, đạo dã, canh giả, tục dã. Thỉ xướng giả, Thích Ca khai thị Tây Phương, chúng sanh thỉ tri Tịnh nghiệp, thị dẫn nhi đạo chi dã.

(Sớ) 唱者導也，廣者續也。始唱者，釋迦開示西方，眾生始知淨業，是引而導之也。

(Sớ: “Xướng” là hướng dẫn. “Canh” là tiếp nối. “Đề xướng đầu tiên”: Đức Thích Ca khai thị cõi Tây Phương, chúng sanh mới biết đến Tịnh nghiệp, đây là hướng dẫn vậy).

Trong hội Hoa Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói đến Tây Phương Tịnh Độ; nhưng trong hội Di Đà, hội Vô Lượng Thọ, hội Quán Vô Lượng Thọ chuyên giảng Tây Phương Cực Lạc thế giới, chuyên giới thiệu Tây Phương Tịnh Độ. “*Chúng sanh thỉ tri Tịnh nghiệp*”: Chúng ta mới biết; nhưng [trong số các bộ] kinh Phật truyền đến Trung Quốc thì kinh Vô Lượng Thọ được truyền đến sớm nhất. Khi ngài An Thế Cao tới Trung Quốc, kinh Vô Lượng Thọ đã được truyền đến. Hơn nữa, ngài An Thế Cao còn dịch sang tiếng Hán, rất đáng tiếc là bản này đã thất truyền.

(Sớ) Đồng canh giả, lục phương tán thán. Tường như kinh văn trung thuyết, thị tục nhi hòa chi dã.

(Sớ) 同廣者，六方讚歎。詳如經文中說，是續而和之也。

(Sớ: “Đồng canh” (cùng tiếp nối) là sáu phương tán thán như trong kinh văn đã nói cặn kẽ, đó là nối tiếp phụ họa theo).

Thích Ca Mâu Ni Phật giảng Tây Phương Tịnh Độ, sáu phương Phật tán thán, khuyên chúng ta học tập.

(Sớ) Tam học giả vi Thiên, Giáo, Luật tam tông dã.

(Sớ) 三學者，謂禪教律三宗也。

(Sớ: “Tam học” là ba tông Thiên, Giáo, Luật).

“*Tam Học*” là Thiên, Giáo, Luật. Nói thật ra, ngoài Tịnh Độ Tông ra, [từ ngữ Tam Học] bao quát toàn bộ các tông phái, Thiên Thai, Hiền Thủ, Tam Luận, Duy Thức đều gộp trong một chữ Giáo.

(Sớ) Thiên, như Vĩnh Minh, dĩ Tông môn trụ thạch, nhi thượng thượng phẩm sanh.

(疏) 禪，如永明，以宗門柱石，而上上品生。

(Sớ: Thiên như ngài Vĩnh Minh là bậc thạch trụ trong nhà Thiên, mà thượng thượng phẩm vãng sanh).

Đây là nói tới Thiên Tông. Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ trước đó cũng học Thiên, là bậc đại triết đại ngộ trong Thiên Tông, quay về niệm Phật, trở thành tổ sư đời thứ sáu của Tịnh Độ Tông. Theo truyền thuyết, Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư là A Di Đà Phật tái lai. Ngài có viết một bộ sách lớn là Tông Kính Lục một trăm quyển lưu truyền đời sau; ngoài ra, còn có Vạn Thiện Đồng Quy Tập. Theo truyền ký ghi chép, sau khi pháp sư vãng sanh, có một vị xuất gia đối trước tháp của Ngài lễ bái, đi nhiều, suốt cả năm đều làm như vậy, chẳng chịu rời đi. Có người hỏi thầy ấy: “Vì sao thầy lễ tháp ở nơi này?” Nhà sư ấy cho biết đã từng chết một lần, gặp vua Diêm La, thấy trong đại điện của vua Diêm La treo một bức tượng vẽ. Trước khi vua Diêm La sắp thăng điện đều đến trước tượng lay ba lay. Sư bèn hỏi người bên cạnh: “Đấy là hình của ai vậy?” Người khác bảo: “Đó là Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư”. Nói chung, thọ mạng của Sư vẫn chưa hết, vua Diêm La cho trở về. Sau khi sống lại, Sư đi hỏi dò khắp nơi xem có ai là Vĩnh Minh Diên Thọ hay không? Nghe nói quả nhiên có một vị như vậy, Sư đối trước tháp của Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư hằng ngày lễ bái, đi nhiều, bảo: “Vua Diêm La cung kính đại sư, [lễ nào ta không cung kính]”. Hơn nữa, trong cõi Âm còn cho biết ngài Vĩnh Minh Diên Thọ thượng thượng phẩm vãng sanh. Thượng thượng phẩm là từ nơi ấy mà truyền ra, chứ trong truyện ký không nói!

(Sớ) Viên Chiếu dĩ độc bình đơn truyền, nhi tiêu danh liên cảnh.

(疏) 圓照以獨秉單傳，而標名蓮境。

(Sớ: Ngài Viên Chiếu riêng giữ phép đơn truyền, mà tên ghi nơi cảnh sen).

Đời Tống, thiên sư Viên Chiếu sau khi đại triết đại ngộ nơi Thiên Tông, quay về niệm Phật. “*Tiêu danh liên cảnh*”: Khi ấy, tại chùa Tư Phước có một vị xuất gia tới lễ dưới tòa của pháp sư Viên Chiếu. Sau khi lễ bái, còn bỏ tiền cúng dường. Pháp sư ấy là một vị đại pháp sư hết sức nổi tiếng, tư cách, địa vị đều cao hơn Chiếu pháp sư (ngài Viên Chiếu). Do vậy, mọi người cảm thấy lạ lùng, hỏi: “Vì sao Ngài đến lễ Sư? Lại còn

cúng dường Sư nữa?” Vị ấy cho biết: Trong Thiên Định, ông ta thấy thế giới Tây Phương. Trên hoa sen trong thế giới Tây Phương có khắc tên họ pháp sư Viên Chiếu. Vì thế, ông ta biết Sư trong tương lai quyết định vãng sanh, nên đặc biệt đến lễ dưới tòa, cúng dường.

(Sớ) Giáo như Tăng Duệ hoằng phụ Thập sư, nhi liên hoa xuất tháp.

(疏) 教，如僧叡弘輔什師，而蓮華出榻。

(Sớ: Giáo thì như ngài Tăng Duệ giúp ngài La Thập hoằng truyền, giường nảy hoa sen).

Đây là nói về Giáo Hạ. Tăng Duệ là một người lỗi lạc, Ngài là một trong bốn đại đệ tử của Cưu Ma La Thập đại sư⁷. Khi ấy, Ngài giúp Cưu Ma La Thập đại sư dịch kinh, học vấn, đạo đức vô cùng tốt đẹp. Sau khi pháp sư La Thập vãng sanh, ngài Tăng Duệ sang Lô Sơn theo Huệ Viễn đại sư niệm Phật. Ngài cũng biết trước lúc mất, khi mất báo trước với mọi người khi nào Ngài sẽ ra đi. Ngài hướng về Tây, chấp tay mà tịch. Mọi người thấy trước cái giường Ngài đang ngồi có một đóa sen vàng, chợt ẩn, chợt hiện, lại còn có mây mù ngũ sắc từ phòng Ngài chậm chậm trôi ra. Đây là tướng lành vãng sanh.

(Sớ) Tứ Minh trung hưng Thai giáo, nhi Tây hướng tọa vong.

(疏) 四明中興台教，而西向坐亡。

(Sớ: Ngài Tứ Minh trung hưng giáo nghĩa Thiên Thai, ngồi hướng mặt về Tây mà tịch).

Tứ Minh tôn giả chú sớ rất nhiều, là bậc đại sư trung hưng tông Thiên Thai. Lúc lâm chung, Ngài cũng niệm Phật, mặt hướng về phía Tây ngồi mất, chẳng đau khổ, biết trước lúc mất.

(Sớ) Luật như Linh Chi, sanh hoằng Tỳ Ni, nhi tử sanh An Dưỡng.

(疏) 律，如靈芝，生弘毗尼，而死生安養。

(Sớ: Luật như Linh Chi, sống hoằng dương Luật Tạng, thác sanh An Dưỡng).

⁷ Ngài Cưu Ma La Thập có bốn đại đệ tử là Đạo Sanh, Tăng Triệu, Đạo Dung, và Tăng Duệ.

Đây là người học giới luật. Linh Chi Luật Sư suốt đời hoàng dương giới luật, nhưng chính mình niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ.

(Sớ) Thanh Chiếu đại xiển Luật học, nhi thuyết kệ Tây quy.

(疏) 清照大闡律學，而說偈西歸。

(Sớ: Ngài Thanh Chiếu xiển dương Luật học rộng lớn, nói kệ về Tây).

Đời Tống, Thanh Chiếu Luật Sư là học trò của Linh Chi Luật Sư. Tuy Ngài suốt đời hoàng dương giới luật, nhưng chính Ngài niệm Phật sáu mươi năm. Khi lâm chung, nói một bài kệ: “*Di Đà khẩu khẩu xưng*”, xưng niệm, “*bạch hào niệm niệm tưởng*”, thường tưởng tượng bạch hào của A Di Đà Phật tỏa ánh sáng, “*trì thủ bất thoái tâm*”, chỉ cần quý vị niệm Phật, tưởng Phật không ngã lòng, “*quyết định sanh An Dưỡng*”, An Dưỡng là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói xong, Ngài vãng sanh.

(Sớ) Nhược quảng cử giả, bất khả thắng số.

(疏) 若廣舉者，不可勝數。

(Sớ: Nếu kể rộng rãi thì chẳng kể xiết).

Nếu nói rộng rãi sẽ nhiều lắm, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, các bộ truyện ký vãng sanh ghi chép [các nhân vật] trải các đời hết sức nhiều!

(Sớ) Cửu lưu giả, vị Nho, Đạo, nông, công, y, bốc đẳng dã.

(疏) 九流者，謂儒道農工醫卜等也。

(Sớ: “Cửu lưu” là Nho, Đạo, nông dân, thợ thuyền, thầy thuốc, thầy bói v.v...)

Người trong tam giáo cửu lưu⁸ niệm Phật vãng sanh cũng hết sức đông đảo!

⁸ Từ ngữ “tam giáo cửu lưu” hay gọi tắt là “cửu lưu” phiếm chỉ các tông phái học thuật và tôn giáo của xã hội Trung Quốc thời cổ. Thoạt đầu, cửu lưu gồm:

1. Nho gia.

2. Đạo gia.

3. Âm Dương gia: Chuyên nghiên cứu Âm Dương, Ngũ Hành, đại biểu xuất sắc của học thuyết này là Trâu Diễn, Đổng Trọng Thư. Âm Dương Gia thịnh hành nhất vào

(Sớ) Nho, như Văn Lộ Công, đức nghiệp mãn triều, nhi kết thập vạn đồng sanh chi duyên.

(疏) 儒，如文潞公，德業滿朝，而結十萬同生之緣。

(Sớ: Nho như Văn Lộ Công đức hạnh công nghiệp trùm khắp triều đình, [đề xướng hội niệm Phật] kết duyên vãng sanh với một vạn người).

Đây là Văn Ngạn Bác, Tể Tướng đời Tống, vị này cũng niệm Phật vãng sanh.

(Sớ) Tô Trưởng Công, văn hạnh tuyệt thế, nhi hữu Tây Phương Công Cứ chi thuyết.

(疏) 蘇長公，文行絕世，而有西方公據之說。

(Sớ: Tô Trưởng Công văn chương, hạnh nghiệp tuyệt thế, có câu nói “Tây Phương Công Cứ”).

thời Ngụy - Tấn, đến đời Đông Hán, kết hợp với tư tưởng Đạo gia trở thành Hoàng Lão Học Phái.

4. Pháp gia: Chuyên đề xướng quân chủ tập trung, trị dân bằng pháp luật nghiêm ngặt, không từ thủ đoạn chính trị nào, nên còn gọi là Bá Đạo. Các nhân vật tiêu biểu của phái này gồm Thương Ưởng, Quản Tử, Tử Sản, Hàn Phi, Lý Tư, Thân Bất Hại, Thận Đáo...

5. Danh gia: Chuyên biện định Danh và Thực, nặng về lý luận, nhiều khi trở thành ngụy biện như Công Tôn Long chủ trương “ngựa trắng không phải là ngựa, đá cứng không phải là đá”. Các đại biểu chủ yếu của phái này là Công Tôn Long, Doãn Văn, Đặng Tích, Huệ Thi v.v...

6. Mặc gia: Những người theo thuyết Kiêm Ái của Mặc Địch.

7. Tung Hoàn gia: Chủ trương liên kết hay chia rẽ các quốc gia để đạt được mục tiêu chính trị, các nhân vật tiêu biểu là Tô Tần, Trương Nghi, Cam Mậu, Nhạc Nghị, Phạm Chuy, Mao Toại v.v...

8. Tạp gia: Không chuyên một đường lối nào.

9: Nông gia: Chủ trương phát triển, nghiên cứu nông nghiệp.

Từ cách hiểu ban đầu này, về sau phát triển thành ba loại cửu lưu, nhằm phân loại các nghề nghiệp trong xã hội:

1. Thượng cửu lưu: như đế vương, thánh hiền, văn nhân, vũ sĩ, nông dân, thợ thuyền, thương nhân.

2. Trung cửu lưu: học trò, thầy thuốc, thầy bói, họa sĩ, người chép thuê, tăng, ni, đạo sĩ.

3. Hạ cửu lưu: sư gia (người hầu ghi chép án từ hoặc cố vấn, tham mưu cho quan lại), sai nha, bà mối, đầy tớ sai vặt, trộm cắp, kỹ nữ v.v...

Chữ 長 phải đọc âm “*Zhǎng*” (âm Hán Việt là Trưởng), là anh cả. Tô Trưởng Công là Tô Đông Pha. Tô Đông Pha có ba anh em⁹, ông ta là anh cả, nên người đời sau gọi ông ta là Trưởng Công. Tô Đông Pha mỗi khi đến một nơi nào, đều đem theo một bức tượng vẽ A Di Đà Phật. Người ta hỏi ông ta: “Đây là gì vậy?” Ông ta nói: “Đây là công cứ để sanh về Tây Phương của ta”. Từ ngữ “*Tây Phương công cứ*” do ông ta nói ra đầu tiên. Trên thực tế, ông ta trọn chẳng vãng sanh, vì sao chẳng thể vãng sanh? Tập khí văn học quá nặng, gây chướng ngại. Sở Tri Chướng quá nặng, cho nên ông ta chẳng thể vãng sanh.

(Sớ) Đạo như Cát Tế Chi xả Tiên học nhi hồi tâm Tịnh nghiệp.

(疏) 道，如葛濟之捨仙學而回心淨業。

(Sớ: Đạo như Cát Tế Chi bỏ đạo Tiên, hồi tâm tu Tịnh nghiệp).

Cát Tế Chi đời Tống, [theo Tịnh Độ Thánh Hiền Lục] “*Cú Dung nhân, cứu sự Tiên học*” (người xứ Cú Dung, theo học đạo Tiên đã lâu). Ông ta là người Giang Tây, lúc đầu học Đạo (tu Tiên). Vợ ông ta là người niệm Phật. Có một năm, bà vợ đang dệt vải, bỗng nhiên thấy A Di Đà Phật và Quán Âm, Thế Chí, hải hội đại chúng đều hiện trên không trung. Bà vợ vội lễ bái, lại còn chỉ lên trời bảo Cát Tế Chi hãy xem, chính ông ta thấy A Di Đà Phật hiện nửa thân, nên tin tưởng, chẳng học Đạo nữa, mà chuyên môn niệm Phật. Có câu chuyện như vậy!

(Sớ) Loan pháp sư phân Tiên kinh nhi chuyên tu Quán Kinh.

(疏) 鸞法師焚仙經而專修觀經。

(Sớ: Pháp sư Đàm Loan đốt kinh Tiên để chuyên tu Quán Kinh).

Vào thời đại Hậu Ngụy¹⁰, ngài Đàm Loan là một vị đại sư lỗi lạc trong Tịnh Độ Tông, ham thích trường sinh bất lão, nên học Đạo từ nhỏ, tu Tiên. Về sau, Sư gặp một vị cao tăng từ Ấn Độ tới Trung Quốc là ngài

⁹ Tô Đông Pha tên thật là Tô Tuân, em trai là Tô Triệt (còn gọi là Tô Tử Do, hay Dĩnh Tân Di Lão) và Tô Tiểu Muội đều nổi tiếng về văn tài.

¹⁰ Hậu Ngụy là từ ngữ gọi chung các triều đại mang hiệu Ngụy (như Đông Ngụy, Bắc Ngụy, Tây Ngụy) sau nhà Tào Ngụy (do Tào Phi sáng lập). Ngài Đàm Loan sanh năm 476 nhằm năm đầu niên hiệu Thừa Minh đời Hiếu Văn Đế nhà Bắc Ngụy (còn gọi là Nguyên Ngụy, do Thác Bạt Khuê sáng lập), viên tịch năm Hưng Hòa thứ tư (542) đời Hiếu Tĩnh Đế nhà Đông Ngụy (do Nguyên Thiện Kiến chất của Ngụy Hiếu Văn Đế sáng lập dưới sự ủng hộ của Cao Hoan).

Bồ Đề Lưu Chi, vị pháp sư này cũng phiên dịch không ít kinh điển. Ngài Đàm Loan bèn hỏi pháp sư: “Trong Phật giáo có phương pháp trường sinh bất tử hay chăng?” Ngài Bồ Đề Lưu Chi nói: “Trường sinh bất tử chỉ riêng Phật giáo có, trừ Phật giáo ra, đâu có gì thật sự là trường sinh bất tử?” Sư nghe nói, tin tưởng. Do vậy, ngài Bồ Đề Lưu Chi bèn trao cho Sư một quyển Thập Lục Quán Kinh, tức là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, dặn Sư hãy chiếu theo phương pháp ấy tu học. Sư đốt sạch những kinh tu Tiên trước kia, chuyên tu Thập Lục Quán Kinh, tu thành công. Pháp sư Đế Nhân có chú giải Thập Lục Quán Kinh, dựa theo bộ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Diệu Tông Sao¹¹ để chú giải. Diệu Tông Sao rất sâu, người sơ học chẳng dễ gì đọc hiểu được! Pháp sư Đế Nhân là tổ sư trong tông Thiên Thai, hóa sâu thành đơn giản, dễ hiểu, kẻ sơ học đọc đến đều hiểu được!

(Sớ) Nãi chí Tử Chương chi nghiệp Kỳ Hoàng nhi niệm Phật.

(疏) 乃至子章之業岐黃而念佛。

(Sớ: Cho đến Tử Chương theo nghề y¹², nhưng niệm Phật).

Đời Nguyên, Ngô Tử Chương làm thầy lang chữa bệnh, suốt đời niệm Phật; khi lâm chung chẳng ngã bệnh, niệm Phật qua đời.

(Sớ) Trương Thuyên Chi hà lỗi tử nhi xưng danh.

(疏) 張銓之荷耒耜而稱名。

(Sớ: Trương Thuyên Chi vác cày xưng danh).

Đời Tấn, Trương Thuyên Chi là nông phu cày ruộng. Ông ta là người đọc sách, hết sức thanh cao, không muốn làm quan, quay về nhà cày cấy. Tuy làm ruộng, ông ta thường mang theo kinh sách, để trong lúc nghỉ tay cày bừa sẽ đọc kinh Phật. Về sau, ông ta cũng tham dự Lô Sơn liên xã của Huệ Viễn đại sư. Mỗi người trong liên xã niệm Phật vãng sanh đều biết trước lúc mất, không bệnh tật, qua đời.

(Sớ) U như minh quân kính lễ.

¹¹ Ở đây, nguyên văn ghi làm thành “Diệu Trung Sao”, có lẽ do người ghi lại văn tự đã nghe lầm chữ Tông thành Trung vì trong tiếng Quan Thoại hai chữ này đọc hơi giống nhau.

¹² Kỳ Hoàng là gọi tắt của Kỳ Bá và Hoàng Đế, hai người được coi là tổ của y học Trung Quốc. Do đó, “nghiệp Kỳ Hoàng” là học nghề thuốc, hành y.

(疏) 幽如冥君敬禮。

(Sớ: “U” là như vua cõi Âm kính lễ).

Vua Diêm La lễ tượng thiên sư Vĩnh Minh Diên Thọ.

(Sớ) La Sát hưu tâm.

(疏) 羅剎休心。

(Sớ: La Sát nguôi lòng).

Trong phần trước đã nhắc tới câu chuyện này. Quý La Sát muốn ăn thịt người, khiến cho người nơi ấy ai nấy đều hoảng sợ, chẳng yên ổn. Do vậy, quốc vương ước định với quý La Sát, mỗi ngày trao cho quý ăn thịt một người. Mỗi nhà luân phiên, như vậy thì mọi người mới yên dạ đôi chút. Có một ngày, nhà nọ chỉ có đứa con độc nhất, cả nhà người ấy niệm Phật. Luân lưu đến phiên, chỉ đành đem đứa con nhỏ giao cho quý La Sát. Khi đưa đi, cha mẹ lại dặn con hãy nhất tâm niệm Phật, niệm Phật nhất định đừng để gián đoạn. Vì thấy nó niệm Phật, quý La Sát chẳng dám tới gần, nên chẳng có cách nào xơi nó được! Ngày hôm sau, người nhà thấy nó vẫn còn sống, hỏi nguyên do? Nó nói: “Quý La Sát đến rồi lại đi!” Không chỉ bỏ đi, mà từ đây về sau, quý La Sát chẳng quấy nhiễu! Niệm Phật có thể khiến cho quý thần lánh xa, chẳng dám léo hánh, chẳng dám quấy nhiễu, sức mạnh của Phật hiệu chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị phải chí tâm xưng niệm! Quý vị vừa niệm Phật vừa dấy vọng tưởng, sẽ chẳng có sức mạnh, quý La Sát trông thấy vẫn có thể bắt nạt quý vị vì tâm quý vị chẳng chân thành! Miệng có, tâm không, Phật hiệu chẳng linh, tâm và miệng phải giống hệt như nhau!

(Sớ) Thánh.

(疏) 聖。

(Sớ: Thánh).

Nói tới thánh nhân.

(Sớ) Như Văn Thù cầu sanh, Phổ Hiền nguyện vãng.

(疏) 如文殊求生，普賢願往。

(Sớ: Như Văn Thù cầu được sanh về, Phổ Hiền nguyện được về tới).

Kinh Hoa Nghiêm nói Văn Thù, Phổ Hiền Bồ Tát cầu sanh Tịnh Độ.

(Sớ) Huống hiển dữ phàm, bất đãi luận hĩ.

(疏) 况顯與凡，不待論矣。

(Sớ: Huống hô hiển và phàm, chẳng cần phải nói nữa).

“Huống” là huống chi, “hiển” (người trong cõi dương gian), “phàm” (phàm phu) chẳng cần phải nói nữa!

(Sớ) Triều Đông giả, hội cực nghĩa.

(疏) 朝東者，會極義。

(Sớ: Xuôi về Đông, có nghĩa là quy tụ về nơi cùng tột).

Câu này nhằm giải thích câu “*nư vạn thủy vô bất triều Đông*” (như muôn dòng, chẳng dòng nào không xuôi về Đông). Địa hình Trung Quốc, phía Đông là Thái Bình Dương, tất cả các con sông đều chảy về phía Đông.

(Sớ) Củng Bắc giả, tông bản nghĩa.

(疏) 拱北者，宗本義。

(Sớ: Châu về phương Bắc, nghĩa là đề cao cái gốc).

Sao Bắc Cực (Pole star, North star) trên trời được dùng để xác định phương hướng, vì nó di động với biên độ nhỏ nhất.

(Sớ) Dụ Tịnh Độ vi Chân Tế sở nghệ, thế tất hướng vãng.

(疏) 喻淨土為真際所詣，勢必向往。

(Sớ: Sánh ví Tịnh Độ là chỗ để Chân Tế quay về, thế tất phải hướng tới).

Chân Tế là chân lý; đó gọi là “*thù đồ đồng quy*” (khác đường nhưng về cùng một chỗ), không gì chẳng quy hướng Tịnh Độ.

(Sớ) Phi cưỡng chi sử nhiên dã.

(疏) 非強之使然也。

(Sớ: Chẳng phải do cưỡng ép mà thành ra như vậy).

Đây chẳng phải là miễn cưỡng, là chuyện thực tại, chẳng miễn cưỡng tí nào.

(Sớ) Tiếp kính, phổ môn, giải kiến tiền văn.

(疏) 捷徑普門，解見前文。

(Sớ: Xem lời giải thích của “đường tắt” và Phổ Môn trong phần trước).

Trong phần trước đã nói, pháp môn Niệm Phật thẳng tắt nhất trong hết thảy các pháp môn, nhanh chóng nhất, chẳng có pháp môn nào nhanh hơn pháp môn này. Do vậy, Niệm Phật cũng được gọi là Phổ Môn.

(Sớ) Trùng ngôn kết chi, minh bất hư dã.

(疏) 重言結之，明不虛也。

(Sớ: Lập lại để kết luận thì rõ ràng [pháp môn này] chẳng hư luống vậy).

Đây là nhắc lại lần nữa để kết luận khuyên lơn: Pháp môn Niệm Phật chân thật, chẳng dối, chúng ta ngàn vạn phần đừng để luống qua!

(Sớ) Quyết chí giả, Đại Bản vân: “Thiết hữu đại hỏa, sung mãn tam thiên đại thiên thế giới, yếu đương quá thử, sanh bỉ quốc độ, tắc quyết định kỳ chí, vô thoái khiếp dã”.

(疏) 決志者，大本云：設有大火，充滿三千大千世界，要當過此，生彼國土，則決定其志，無退怯也。

(Sớ: “Quyết chí” là như kinh Đại Bản chép: “Nếu có lửa lớn đầy đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, cũng phải vượt qua, sanh về cõi ấy, quyết định ý chí, chẳng lui sụt, khiếp nhược”).

Quý vị phải hạ quyết tâm kiên định, phải lập chí hướng này: Trong đời này, ta nhất định sanh về Tịnh Độ! Đã đặt vững quyết tâm ấy, quý vị phải biết: Hết thảy muôn duyên thế gian và xuất thế gian đều phải buông xuống. Hễ có chuyện gì quý vị chẳng buông xuống được, sẽ chẳng thể vãng sanh. Chuyện ấy là chướng ngại to lớn của chính mình, mà cũng khiến cho chính mình suốt đời tiếc nuối. Không chỉ là tiếc nuối một đời, mà là đời đời kiếp kiếp tiếc nuối. Pháp môn này chẳng dễ gì gặp gỡ! Bài

Khai Kinh Kệ có câu: “*Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ*”, chẳng giả tí nào! Do vậy, khuyến khích quý vị hạ vững quyết tâm, lập chí hướng chắc chắn. Trừ pháp môn này ra, ta tạm thời buông các pháp môn khác xuống, chẳng tu. Trừ bộ kinh điển này ra, những kinh điển khác cũng buông xuống, ta tạm thời chẳng niệm. Xem trong những phần trước, người ta suốt đời niệm kinh Di Đà, niệm mấy chục vạn biến. Nếu chúng ta buông những chuyện khác xuống, chúng ta sẽ có thể đạt được những thành tựu giống như cổ nhân.

(Sớ) Nghĩ nghị giả.

(疏) 擬議者。

(Sớ: Toan tính, bàn định...)

“Nghĩ” (擬) là hoài nghi.

(Sớ) Dịch viết: “Nghĩ chi nhi hậu ngôn, nghị chi nhi hậu động”.
Kim vị bất tu nghĩ nghị.

(疏) 易曰：擬之而後言，議之而後動。今謂不須擬議。

(Sớ: Kinh Dịch dạy: “Toan tính rồi mới nói, bàn định rồi mới hành động”. Nay nói chẳng cần phải bàn khoăn, bàn định nữa).

Chẳng cần phải suy tính, bàn định, mà hãy mau hạ quyết tâm.

(Sớ) Tích nhân hữu ngôn: “Bốc dĩ quyết nghi, bất nghi hà bốc”.

(疏) 昔人有言：卜以決疑，不疑何卜。

(Sớ: Xưa kia có người nói: “Bói toán để dứt lòng nghi hoặc, nếu chẳng nghi hoặc thì bói để làm gì?”)

Đây là chuyện thời Đường Thái Tông. Chúng ta căn bản là chẳng có hoài nghi, chẳng cần phải bói toán!

(Sớ) Niệm Phật vãng sanh, dẫn đế tín bất nghi nhi dĩ, hà phục nghĩ nghị vi tai.

(疏) 念佛往生，但諦信不疑而已，何復擬議為哉。

(Sớ: Niệm Phật vãng sanh chỉ nên tin tưởng chắc chắn, chẳng nghi ngờ mà thôi, cần gì phải bàn khoăn, bàn định nữa?)

Chớ nên hoài nghi, chớ nên thảo luận, hãy mau hạ quyết tâm niệm Phật, nhất định thành tựu trong một đời này. Hôm nay đã hết thời gian rồi.

Tập 92

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm sáu mươi tám¹³.

Cửu, tổng thích danh đề.

九、總釋名題。

(Chín, giải thích chung tên gọi của kinh).

Phần Tổng Thích Danh Đề chia thành hai đoạn lớn.

Sơ, đề nghĩa, nhị, dịch nhân.

初、題義，二、譯人。

(Một là ý nghĩa của tựa đề kinh, hai là nói về người dịch)

Đoạn lớn thứ nhất giải thích tựa đề bản kinh, đoạn lớn thứ hai nói về người phiên dịch, tức Cưu Ma La Thập đại sư.

Như thượng bát môn tự nghĩa, dĩ tri nhất kinh đại chỉ. Kim dục thích văn, tiên minh tổng đề, sử hữu cương lĩnh. Cố thứ chi, dĩ tổng thích danh đề.

如上八門敘義，已知一經大旨。今欲釋文，先明總題，使有綱領，故次之以總釋名題。

(Do những ý nghĩa được trình bày trong tám môn như trên, đã biết được ý chỉ chung của kinh này. Nay sắp giải thích kinh văn, trước hết giảng rõ tựa đề chung của bản kinh, nhằm làm cho người đọc biết được cương lĩnh. Vì thế, tiếp theo đây là phần Tổng Thích Danh Đề).

Đoạn này nhằm trình bày nguyên do có đoạn lớn này: Vì sao phải có đoạn này, trước hết, nêu ra rõ ràng. Tám môn trên đây là phần Huyền Nghĩa của kinh này, nói theo cách bây giờ, đó là phần khái yếu, khái thuyết, khái luận của kinh Di Đà, chúng tôi đã giảng xong, đã nói rất rõ ràng minh bạch tông chỉ nghĩa thú của bộ kinh này.

¹³ Đến đây là đã giảng xong quyển một của bộ A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, bắt đầu bước vào quyển thứ hai.

Tới lúc này mới thật sự bước vào kinh văn. Trong kinh văn, trước tiên giới thiệu đề mục, vì đề mục là tổng cương lĩnh của cả bộ kinh, rất giống với tựa đề của một bài văn, hết sức quan trọng.

(Kinh) Phật thuyết A Di Đà Kinh.

(經) 佛說阿彌陀經。

(Chánh kinh: Phật Thuyết A Di Đà Kinh).

Phần Sớ dưới đây là lời chú giải.

(Sớ) Đề nghĩa hữu tứ.

(疏) 題義有四。

(Sớ: Phần giảng về ý nghĩa của tựa đề kinh gồm bốn đoạn).

Trong phần này có bốn đoạn, chia ra như thế nào? Đoạn thứ nhất là Phật, một chữ là một đoạn, đoạn thứ hai là Thuyết, đoạn thứ ba là A Di Đà, đoạn thứ tư là Kinh.

(Sớ) Sơ, năng thuyết Phật.

(疏) 初、能說佛。

(Sớ: Một, vị Phật nói kinh này).

“Phật” là Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

(Sớ) Nhị, chánh minh thuyết.

(疏) 二、正明說。

(Sớ: Hai, giải thích chữ Thuyết).

“Chánh” là [kinh này] do Thích Ca Mâu Ni Phật nói.

(Sớ) Tam, sở thuyết Phật.

(疏) 三、所說佛。

(Sớ: Ba, đức Phật được nói đến).

Đoạn thứ ba là nội dung được nói. Thích Ca Mâu Ni Phật nói gì vậy? Nói tới Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới cho chúng ta.

(Sớ) Tứ, kết thuyết danh.

(疏) 四、結說名。

(Sớ: Bốn, kết lại để nêu tên kinh).

Đây là Kinh.

(Sớ) Ngôn thứ độ Thích Ca Mâu Ni Phật.

(疏) 言此土釋迦牟尼佛。

(Sớ: Nói đến Thích Ca Mâu Ni Phật trong cõi này).

“*Thứ*” (đây) là đối với “*bi*” (kia) mà nói, vì A Di Đà Phật không ở trong thế giới này. Thông thường chúng ta nói đến “thế giới”, trong quan niệm của người bình thường, [chữ “thế giới”] chỉ quả địa cầu này; thật ra, trong Phật pháp, phạm vi của từ ngữ này to hơn rất nhiều. Chẳng phải chỉ là một quả địa cầu, mà “thế giới” trong Phật pháp là một Ngân Hà Hệ như chúng ta nói trong hiện tại, số lượng tinh cầu trong ấy đúng là chẳng biết rõ. Kinh Phật thường nói là “*tam thiên đại thiên thế giới*”. Tam thiên đại thiên thế giới là khu vực giáo hóa của một đức Phật, như vậy thì Phật có diệt độ hay không? Không có, Phật chẳng diệt độ. Chúng ta nói “*Phật diệt độ*” là nói theo quả địa cầu này: Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện, Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ. Nếu nói theo đại thế giới, đức Phật chẳng diệt độ, đức Phật diệt độ trên quả địa cầu này, lại xuất hiện trên một tinh cầu khác, chuyện là như thế đó! Do vậy, Phật quả thật bất sanh bất diệt, chúng ta phải nên biết điều này.

A Di Đà Phật chẳng thuộc vào Ngân Hà Hệ này, mà thuộc một tinh hệ (galaxy) khác. Tinh hệ ấy cách chúng ta hết sức xa xôi, kinh nói “*mười vạn ức cõi Phật*”. Nếu mỗi cõi Phật là một Ngân Hà Hệ, chúng ta thuộc Ngân Hà này, Ngân Hà của Tây Phương Cực Lạc thế giới ở bên đó, ở giữa [hai tinh hệ] có mười vạn ức Ngân Hà Hệ, khoảng cách quá ư xa xôi. Những nhà khoa học hiện thời vắt óc suy nghĩ [chẳng tìm ra] cách nào, muốn ngồi phi thuyền cũng chẳng đến được, khoảng cách thật sự quá xa xôi. Tuy xa xôi, chúng ta muốn tới vẫn chẳng khó, vẫn là rất dễ. Đây là nói về “*thần thức*” (tục ngữ gọi là “*linh hồn*”), tốc độ của thần thức vô cùng nhanh, bất luận phương tiện giao thông khoa học kỹ thuật gì cũng chẳng có cách nào sánh bằng, chỉ trong một cái khảy ngón tay, hay trong một niệm có thể từ thế giới này vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì thế, đừng nên sợ khoảng cách xa xôi, chớ nên bận lòng! Đây là Thích Ca Mâu Ni Phật...

(Sớ) Thuyết bỉ độ A Di Đà Phật y chánh trang nghiêm.

(疏) 說彼土阿彌陀佛依正莊嚴。

(Sớ: Nói về y báo và chánh báo trang nghiêm của A Di Đà Phật trong cõi kia).

“Y” là hoàn cảnh, nói tới hoàn cảnh sống ở bên kia. “Chánh” là nói tới thân thể chúng ta, thân thể là chánh báo. Dung mạo, sự khỏe mạnh, sự trường thọ nơi thân thể này đều là chánh báo của thân. Y báo là hoàn cảnh vật chất. Giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật và nhân dân bên ấy, đó là “y chánh trang nghiêm”, nhằm mục đích gì?

(Sớ) Tín nguyện vãng sanh chi kinh dã.

(疏) 信願往生之經也。

(Sớ: [Đây là] kinh tín nguyện vãng sanh).

Khuyên chúng ta phải tin tưởng, khuyên chúng ta phát nguyện, phát nguyện gì? Chúng ta di dân sang Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hiện tại có rất nhiều người di dân sang ngoại quốc, tôi thấy họ rất khổ. Ở ngoại quốc, áp lực trong cuộc sống rất nặng, Hoa kiều ở ngoại quốc chẳng hạnh phúc! Do vậy, chúng ta nên di dân sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây mới là cõi nước thật sự yên ổn, còn nước Mỹ chắc chắn chẳng an ổn.

(Sớ) Thống quát đại ý, thứ nãi ly thích.

(疏) 統括大意，次乃離釋。

(Sớ: Nêu đại ý tổng quát rồi mới tách ra từng điều để giải thích).

Trước hết, nêu lên đại ý. “Ly thích” là giải thích từng đoạn một. Phần dưới là Sao, Sao là chú giải của lời Sớ. Sớ và Sao đều do Liên Trì đại sư viết. Sau khi đại sư viết chú giải cho kinh này, vì lời chú giải khá sâu, sợ người đời sau nghiên cứu gặp khó khăn, nên Ngài lại tự viết thêm lời chú giải cho bản chú giải, chú giải lời chú giải gọi là Sao. Nếu văn tự trong lời Sao dễ hiểu, minh bạch, chúng tôi sẽ tinh lược, chẳng giảng cặn kẽ, có chỗ nào khó thì chúng tôi sẽ nêu ra để nghiên cứu, thảo luận.

(Sao) Thống quát giả, tiên tả lược biểu toàn văn, sử huyết mạch quán thông, ý nghĩa cụ túc.

(鈔) 統括者，先且略表全文，使血脈貫通，意義具足。

(Sao: “*Thông quát*” là trước hết nêu đại lược ý nghĩa được biểu thị trong toàn bộ bản kinh, khiến cho [người đọc] thông suốt điều cốt lõi, ý nghĩa trọn đủ).

Đây là ý nghĩa của chữ “*thông quát*”.

(Sao) *Thứ nhì nhất nhất ly nhi thích chi.*

(鈔) 次乃一一離而釋之。

(Sao: *Kế đó bèn tách ra thành từng điều một để giải thích*).

“*Ly thích*” là đem tên kinh Phật Thuyết A Di Đà Kinh chia thành bốn đoạn, giải thích từng tận từng đoạn một.

(Sao) *Đề chỉ Phật danh.*

(鈔) 題止佛名。

(Sao: *Tên kinh chỉ có danh hiệu Phật*).

Bộ kinh này dùng danh hiệu Phật làm tựa đề.

(Sao) *Nhi ngôn y chánh đẳng giả, Quán Kinh “ngôn Phật tiện châu”, kim cử Phật danh, nhiếp vô bất tận cố.*

(鈔) 而言依正等者，觀經言佛便周，今舉佛名，攝無不盡故。

(Sao: *Mà nói là y báo, chánh báo v.v... vì như Quán Kinh đã dạy “hễ nói tới Phật liền trọn đủ”, nay nêu lên danh hiệu Phật sẽ nhiếp trọn hết, chẳng sót điều gì*).

Trong tựa đề kinh chẳng nói tới y báo và chánh báo trang nghiêm, chỉ nói tới danh hiệu Phật. Tuy chẳng nói tới y báo và chánh báo trang nghiêm, nhưng hễ nói tới Phật thì y báo và chánh báo trang nghiêm đều gồm trọn trong ấy. Tuy tinh lược về mặt ngôn ngữ, nhưng ý nghĩa hết sức hoàn chỉnh, toàn vẹn.

“*Ly thích*” là tách ra để giảng. Chúng ta phải đặc biệt lưu ý chỗ này, vì không riêng gì người niệm Phật cần phải biết, đó cũng đồng thời là Phật học thường thức, chúng ta hiểu rõ thì mới chẳng đến nỗi này sanh hiểu lầm đối với Phật giáo.

(Sao) Thứ ly thích dã.

(鈔) 次離釋也。

(Sao: Kế đó là tách ra từng điều để giải thích).

Tách ra đề giảng, trước hết giảng chữ Phật.

(Sớ) Phật giả, Phạm ngữ cụ vân Phật Đà, thử vân Giác Giả.

(疏) 佛者，梵語具云佛陀，此云覺者。

(Sớ: “Phật”, tiếng Phạn nói đầy đủ là Phật Đà, cõi này dịch là Giác Giả).

“Cụ” là xưng hô đầy đủ, tức nói đầy đủ thì [Phật] là Phật Đà Da (Buddhaya). Chúng ta dịch Phạn văn của Ấn Độ sang tiếng Hán, “Phật Đà Da” gọi thành Phật là do tỉnh lược.....Người Hoa thích đơn giản, chẳng thích rườm rà, vì thế, dịch tiếng ngoại quốc [sang tiếng Hán] cũng rất đơn giản. Từ ngữ Phật Đà Da bỏ bớt âm cuối, giữ lại một chữ Phật!

(Sớ) Thử vân Giác Giả.

(疏) 此云覺者。

(Sớ: Cõi này dịch là Giác Giả).

Phật Đà Da nghĩa là gì? “Giác” có nghĩa là trí huệ giác ngộ.

(Sớ) Bị tam giác cố.

(疏) 備三覺故。

(Sớ: Do trọn đủ ba ý nghĩa giác).

Đầy đủ ba ý nghĩa Giác.

(Sớ) Hựu vân Trí Giả, vô bất tri cố.

(疏) 又云智者，無不知故。

(Sớ: Còn dịch là Trí Giả, vì không gì chẳng biết).

Trong ý nghĩa của chữ “Phật”, có ý nghĩa Giác và ý nghĩa Trí, hai thứ ý nghĩa.

(Sớ) Hựu Phật giả, thập hiệu chi nhất.

(疏) 又佛者，十號之一。

(Sớ: Lại nữa, Phật là một trong mười hiệu).

Phật có mười hiệu. Trong mười hiệu ấy có một hiệu là Phật, tức là Phật Đà.

(Sớ) *Hựu Phật Địa minh thập nghĩa Phật, Thiên Thai minh Lục Túc Phật, Hoa Nghiêm minh thập thân Phật.*

(疏) 又佛地明十義佛，天台明六即佛，華嚴明十身佛。

(Sớ: Lại nữa, Phật Địa Luận nói tới mười ý nghĩa của chữ Phật, tông Thiên Thai nói tới Lục Túc Phật, kinh Hoa Nghiêm nói về mười thân Phật).

“*Minh*” là nói rõ. Trong Phật Địa Luận¹⁴ có nói về mười ý nghĩa của chữ Phật. Trong bản chú giải kinh Pháp Hoa, Thiên Thai Trí Giả có nói sáu loại Phật, gọi là Lục Túc Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm có giảng mười loại Phật, gọi là “*thập thân Phật*”.

(Sớ) *Cố Phật giả, thiên trung thiên, thánh trung thánh.*

(疏) 故佛者，天中天，聖中聖。

(Sớ: Vì thế, Phật là trời của các vị trời, là thánh của các bậc thánh).

Đây là tôn xưng Phật, tôn xưng Ngài “*thiên trung thiên*”, là bậc thánh của chư thánh.

(Sớ) *Phàm đơn ngôn Phật giả, tức Bản Sư Thích Ca Mâu Ni dã.*

(疏) 凡單言佛者，即本師釋迦牟尼也。

(Sớ: Nếu chỉ nói một chữ Phật thì chính là Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật).

Chỉ nói một chữ Phật, tức là nói tới vị thầy căn bản của chúng ta là Thích Ca Mâu Ni Phật, giống như trong tựa đề kinh này.

(Sao) *Phạm giả, tịnh dã.*

¹⁴ Phật Địa Luận (Buddhabhūmi-sūtra-shāstra) có tên gọi đầy đủ là Phật Địa Kinh Luận, là một bộ luận do ngài Thân Quang Bồ Tát (Bandhuprabha) viết, được ngài Huyền Trang dịch sang tiếng Hán thành bảy quyển. Luận này nhằm giải thích Phật Địa Kinh, nội dung hết sức phong phú, giải thích ý nghĩa kinh và những khái niệm thanh tịnh pháp giới, Đại Viên Kính Trí, Bình Đẳng Tánh Trí, Nhiếp Đại Giác Trí v.v...

(鈔) 梵者，淨也。

(Sao: “Phạm” là tịnh).

Người Ấn Độ, cổ nhân Ấn Độ tự xưng họ là hậu duệ của Đại Phạm Thiên (Brahma), do vậy, ngôn ngữ của họ được gọi là Phạm ngữ, văn tự gọi là Phạm văn. Cách nói này cũng chẳng phải là không có đạo lý, truyền thuyết từ cổ nói tổ tiên họ từ trời giáng xuống, tức là Phạm Thiên giáng xuống. Theo Tiến Hóa Luận (Theory of Evolution), tổ tiên của nhân loại là vượn và khỉ, do vượn và khỉ tiến hóa [thành người]; trong Phật pháp chẳng nói “tiến hóa”. Đức Phật bảo chúng ta, tổ tiên của nhân loại do đâu mà có? Từ Quang Âm Thiên (Ābhāsvara)¹⁵ tới. Người từ Quang Âm Thiên tới địa cầu này, tới nơi này, khi ấy trên địa cầu có một loại thực vật gọi là “địa phi” vô cùng thơm ngon, họ rất thích ăn thứ này. Sau khi ăn nhiều, họ bị mất thần thông phi hành (đi lại bằng cách bay lượn), đi không được! Vì sao? Khởi lên tâm tham, tham ái nơi này, nên không trở về được. Sau khi không trở về được, ở lại nơi này, cho nên con người do đây mà có. Do vậy, tổ tiên của con người là chư thiên cõi Quang Âm Thiên. Theo Phật pháp, Sơ Thiên là Phạm Thiên, Nhị Thiên là Quang Âm Thiên. Do vậy, truyền thuyết của Cổ Ấn Độ hết sức gần gũi [với kinh Phật]. “Phạm” có nghĩa là thanh tịnh.

(Sao) *Đổi Hoa danh Phạm, văn chất chi vị dã.*

(鈔) 對華名梵，文質之謂也。

(Sao: So với tiếng Hán nên gọi là Phạm, ngụ ý văn chương lẫn nội dung đều hay đẹp).

“Phạm bốn”: Kinh Phật nguyên văn viết bằng Phạn văn (Sankrit). “Đổi Hoa danh Phạm”, “Hoa” là tiếng Hán, “đổi Hoa danh Phạm”, do so với tiếng Hán mà nói thì gọi là Phạm. Sách Diễn Nghĩa giảng: “*Văn chất chi vị giả, Phạm bốn giai Tây Vực chi ngữ, chất nhi vô văn, dịch dĩ thử phương chi ngữ, tắc dụng lục kinh, Trang, Lão chi văn, văn thái ý lệ,*

¹⁵ Quang Âm Thiên còn gọi là A Ba Hội Đê Bà, A Ba Hội Thiên, A Hội Hằng Tu Thiên, A Ba Hồ Tu Thiên, A Ba La Thiên v.v... hoặc dịch nghĩa là Quang Âm Thiên, Thủy Vô Lượng Thiên, Vô Lượng Thủy Thiên, Cực Quang Tịnh Thiên, Cực Quang Thiên, Quang Tịnh Thiên, Biến Thắng Quang Thiên, Hoảng Dục Thiên, Quang Diệu Thiên. Đây là tầng trời thứ ba trong Nhị Thiên Thiên. Trong tầng trời ấy không có âm thanh, quang minh do định tâm luôn tỏa ra, dùng quang minh để diễn đạt ý tưởng nên gọi là Quang Âm Thiên. Tuổi thọ của chư thiên trong tầng trời này là tám đại kiếp, lấy Thiên Duyệt làm thức ăn, sắc thân tối trắng, sống yên vui, trọn đủ thần thông.

hoán nhiên thành chương” (“*Văn chất chi vị*” [ý nói]: Bản tiếng Phạn đều dùng ngôn ngữ của Tây Vực, ý nghĩa phong phú nhưng lời văn thô mộc. Dịch sang tiếng xứ này, bèn dùng văn chương trong Lục Kinh¹⁶, Trang, Lão, văn từ đẹp đẽ, bóng bẩy, tươi đẹp, tạo thành văn chương rạng ngời). Phạn văn ý nghĩa phong phú, nhưng thiếu bóng bẩy, chẳng dùng phương cách tu từ, câu văn chẳng được tô điểm cho đẹp đẽ. Tiếng Hán khác hẳn, một tác phẩm văn chương tiếng Hán sau khi viết xong, phải được gọt giũa, phải tô điểm câu văn cho đẹp đẽ. Sự tô điểm ấy gọi là Văn. “*Chất*” (質) là có nội dung, Văn (文) là được tô điểm, trau chuốt, lúc ấy, mới là văn chương hay đẹp bậc nhất. Kinh Phật dịch sang tiếng Hán, đích xác là văn chương lẫn nội dung đều vượt trội!

Sau khi đức Phật diệt độ một ngàn năm, Phật pháp truyền tới Trung Quốc. Theo sử sách Trung Quốc ghi chép, thời điểm xác thực [Phật pháp được truyền vào Trung Quốc] là lúc hai vị pháp sư Ma Đằng (Kāśyapa Mātanga) và Trúc Pháp Lan (Dharmarakṣa) được Hán Minh Đế phái đặc sứ thỉnh các Ngài từ Tây Vực tới Trung Quốc vào năm Vĩnh Bình thứ mười đời Hán Minh Đế tức là năm 67 Công Nguyên, hiện thời là năm 1987, hơn một ngàn chín trăm năm, Phật giáo đã truyền đến Trung Quốc rất sớm! Sau này, vào giữa đời Đường, kinh Phật từ Tây Vực truyền sang Trung Quốc với số lượng lớn. Pháp sư Trung Quốc sang bên ấy thỉnh kinh, mà cũng có kinh do pháp sư Ấn Độ đem tới. Có thể nói là kinh điển hết sức phong phú. Những kinh luận đem tới, chẳng phải là được phiên dịch toàn bộ, mà chỉ chọn lọc những thứ trọng yếu để ưu tiên dịch trước, dịch sang tiếng Hán.

Nhưng chư vị có nghĩ nguyên bản Phạn văn đã đi về đâu hay không? Không còn nữa, tại Trung Quốc đại lục tìm không được nguyên văn một bộ kinh điển nào bằng tiếng Phạn. Thuở ấy, kinh lá Bối (bối điệp kinh) được lưu thông với số lượng lớn, có sao ngày nay chẳng còn một bộ nào! Đặt câu hỏi như vậy. Tôi từng đem vấn đề này thỉnh giáo tiên sinh Phương Đông Mỹ, sau khi Phương tiên sinh nghe xong, cũng cảm thấy đây là một câu hỏi đích xác, cụ suy nghĩ, nghĩ ra câu trả lời. Đối với câu trả lời do cụ nghĩ ra ấy, tôi cũng rất đồng ý với cách nói của cụ. Cụ nói: “Người Trung Quốc quá tự phụ, lòng tin quá mạnh, cho rằng những kinh điển người Hán đã phiên dịch, không chỉ là ý nghĩa hoàn toàn chẳng sai lầm, mà văn tự còn được gọt giũa bóng bẩy hơn bản tiếng Phạn. Đọc kinh điển bằng tiếng

¹⁶ Lục Kinh là sáu bộ kinh điển chính yếu của Nho gia bao gồm Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch và Xuân Thu. Nhạc Kinh đã thất truyền, có lẽ do bị Tàn Thủy Hoàng thiêu hủy.

Hán, kinh điển tiếng Phạn có thể chẳng cần đến nữa!” Đó là câu trả lời của Phương tiên sinh, tôi nghe cũng cảm thấy rất hài lòng, đủ thấy người Hoa có lòng tự tin mạnh mẽ... Người hiện thời đọc kinh điển bằng tiếng Hán bèn hoài nghi, không tin, muốn tìm kinh điển bằng tiếng Phạn, tiếng Anh, hay tiếng Tây Tạng. Đây đúng là chuyện đau buồn! [Kinh điển bằng] tiếng Nhật được dịch từ tiếng Hán ra, [kinh điển bằng] tiếng Tây Tạng có nhiên một phần được dịch trực tiếp từ tiếng Phạn, nhưng vẫn có một phần được dịch từ tiếng Hán!

Phật giáo Tây Tạng trẻ hơn Phật giáo Trung Quốc vài trăm năm. Phật giáo Tây Tạng do Văn Thành Công Chúa¹⁷ đời Đường [sau khi] được gả về Tây Tạng đã đề xướng. Khi ấy, vua Tây Tạng mới [phái người] sang Ấn Độ, sang Trung Quốc thỉnh kinh. Từ thời Hậu Hán tới đời Đường, tôi thiếu phải trẻ hơn sáu, bảy trăm năm, xét về mặt tu học thành tựu, nói thật ra, Tây Tạng kém hơn Trung Quốc. Chẳng nói gì khác, coi như chúng ta thừa nhận những đại lạt-ma như Đạt Lại, Ban Thiên là A La Hán chuyên thể thì họ mới là A La Hán mà thôi, trong khi tổ sư các tông, các phái của Trung Quốc đều là đại Bồ Tát minh tâm kiến tánh, cao trỗi hơn A La Hán rất nhiều, làm sao A La Hán có thể sánh bằng? Do vậy, [không tin tưởng kinh điển bằng tiếng Hán, chạy theo kinh điển bằng tiếng Tây Tạng] không chỉ là đánh mất lòng tự tin, mà ngay cả tín tâm học Phật cũng bị mất, làm sao có thể thành tựu cho được? Ở ngoại quốc, Mật Tông rất thịnh hành, nhưng thật ra, Phật học Trung Quốc chắc chắn không thể kém Tây Tạng. Nói thật ra, nếu thật sự muốn học Phật phải học những thứ của Trung Quốc, có thể nói là kinh điển Phật học bằng tiếng Hán là độc nhất vô nhị.

¹⁷ Văn Thành Công Chúa (623-580) là cháu gái Đường Thái Tông, được hoàng đế nhà Đường gả cho vua Songstan Gampo (605-650) của Tây Tạng thuộc vương triều Yarlung (sử Hán thường gọi là vương quốc Thổ Phồn) nhằm xoa dịu sự quấy phá, tấn công liên tục của họ. Theo sử liệu Tây Tạng, công chúa Văn Thành đã đem Phật giáo vào Tây Tạng. Cùng với sự giúp đỡ của công chúa Bhrikuti (Xích Tôn Công Chúa) xứ Nepal, công chúa Văn Thành thành công trong việc lôi kéo vua Songtsan Gampo tin theo đạo Phật và dân Tây Tạng chuyển từ tín ngưỡng đạo Bon sang Phật giáo, mở đường cho Liên Hoa Sinh đại sĩ (Padmasambhava) truyền Mật Tông vào Tây Tạng sau này. Người Tây Tạng gọi công chúa Văn Thành là rGya MobZa (người con gái đất Hán) hoặc Mun Chang Kung Co. Ngôi chùa Jokhang (Đại Chiêu Tự) được coi là nơi thờ bức tượng Phật do công chúa Văn Thành đem từ Trung Hoa sang Tây Tạng. Người Tây Tạng tin vua Songtsan Gampo là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, còn Xích Tôn công chúa là hóa thân của Lục Độ Mẫu (Green Tara), Văn Thành Công Chúa là hóa thân của Bạch Độ Mẫu (White Tara). Tara lại là một vị Bồ Tát do Quán Thế Âm Bồ Tát hóa thân, có đến hai mươi một hóa thân khác nhau; trong đó ba thân Lục Độ Mẫu, Bạch Độ Mẫu và Xích Độ Mẫu được tôn thờ nhiều nhất.

Tôi còn nhắc nhở người Mỹ, tôi tiếp xúc người Mỹ học Phật cũng nhiều, họ cũng giống như ong vỡ tổ học Thiên, học Mật; vì thế, tôi cảnh tỉnh họ, tôi nói thẳng với họ: “Phật giáo chưa truyền đến Mỹ!” Họ nghe nói, cảm thấy kỳ quái, hiện thời Phật giáo tại Mỹ rất thịnh hành. Người Nhật truyền giáo bên đó, người Nhật có thế lực rất lớn. Chín mươi phần trăm giáo hội, chùa miếu tại Mỹ là của người Nhật Bản, Tây Tạng chiếm sáu bảy phần trăm, Trung Quốc chỉ chiếm hai ba phần trăm. Người Nhật có thế lực lớn nhất, chi phối Phật giáo nước Mỹ. Tôi bảo người Mỹ: “Phật giáo chưa truyền tới Mỹ”. Họ nghe nói vậy, rất lạ lùng, tôi bèn giải thích: “Quý vị hãy quan sát cẩn thận một phen, người Hoa thờ tượng Phật hay tượng Bồ Tát, vừa nhìn bèn thấy là người Hoa, Phật giáo đã truyền đến Trung Quốc rồi. Người Nhật thờ tượng Phật, tượng Bồ Tát, vừa nhìn đã thấy là người Nhật Bản, lại còn đi giày kiêu Nhật. Tượng Phật của Thái Lan cầm nhọn, vừa nhìn đã thấy là người Thái”. Tôi nói: “Quý vị có khi nào thấy một tượng Phật, tượng Bồ Tát ở Mỹ giống một người Mỹ hay chẳng?” Tôi nhắc nhở họ: Phật giáo trao cho chúng ta tinh thần đội trời đạp đất, độc lập, chẳng phải là để người khác xỏ mũi lôi đi, đây là chỗ chúng tôi bội phục năm vóc sát đất đối với Phật pháp.

Người Nhật truyền bá Phật giáo mang tánh chất xâm lược; hiện thời họ chẳng dùng võ lực, chẳng dùng quân đội xâm lược, mà dùng hai phương pháp tôn giáo và kinh tế để xâm lược, diệt vong cả quốc gia của quý vị mà quý vị vẫn chẳng biết. Dùng Phật pháp để không chế tư tưởng của quý vị, nghe theo lời họ, thuận theo sự sắp đặt của họ, nguy lắm! Vì thế, tôi cảnh tỉnh người Mỹ, đừng để họ dùng phương pháp ấy xâm lược. Hiện thời, người Mỹ dần dần bị mất lòng tự tin, nghĩ Nhật Bản tốt đẹp, thứ gì của Nhật Bản cũng là bậc nhất, chúng ta phải cảnh giác điều này. Do vậy, phải nhận ra văn hóa, ưu điểm của chính mình, mà cũng phải biết khuyết điểm của chính mình. Khuyết điểm lớn nhất của chúng ta trong hiện thời là thiếu lòng tự tin, chẳng đoàn kết. Có thể sửa đổi hai khuyết điểm này, chúng ta sẽ là bậc nhất trên thế giới, là người lãnh đạo thế giới.

(Sao) Cụ giả, cụ túc, Phạn ngữ đương vân Phật Đà, bất ngôn Đà giả, tỉnh văn dã.

(鈔)具者，具足，梵語當云佛陀，不言陀者，省文也。

(Sao: “Cụ” là đầy đủ. Nói theo tiếng Phạn sẽ là Phật Đà, [trong tiếng Hán] chẳng nói chữ Đà là vì tỉnh lược).

“*Tỉnh văn*” là tỉnh lược. Người Trung Quốc chuộng đơn giản, thích tỉnh lược. Do vậy, họ tỉnh lược âm cuối của chữ Phật Đà Da, chỉ nói là Phật.

(Sao) Dịch dĩ Chấn Đán chi ngôn, tắc vân Giác Giả.

(鈔) 譯以震旦之言，則云覺者。

(Sao: Dịch sang tiếng Trung Hoa sẽ là “bậc giác ngộ”).

Vào thời cổ, người ngoại quốc gọi Trung Hoa là “*Chấn Đán*” vì Trung Hoa ở phương Đông, nơi mặt trời mọc. Ngoài ra, còn có một danh xưng là Chi Na. Chi Na (Cina-sthana) là tiếng Phạn, có nghĩa là chuẩn mực văn hóa cao, sản vật phong phú. Nói theo cách hiện thời, đó là một quốc gia hay một khu vực văn minh, kinh tế phát triển cao nhất. Giống như trong kinh Phật nói đến danh xưng Xá Vệ Quốc (Srāvastī), đó là tôn xưng xứ ấy là một nơi có văn hóa và kinh tế phồn hoa, hưng thịnh nhất tại Cổ Ấn Độ.

Phật dịch sang tiếng Hán “*tắc vân Giác Giả*” (nên gọi là Giác Giả). Giác là:

(Sao) Đối mê giả đắc danh dã.

(鈔) 對迷者得名也。

(Sao: Do đối với người mê mà gọi là Giác).

“*Mê*” là tương phản của giác ngộ. Vì thế, mê và giác là một cặp, Phật là giác, bất giác là mê, phàm phu mê, Phật giác ngộ. Giác có ba ý nghĩa:

(Sao) Tam giác giả, tự giác dị phàm phu.

(鈔) 三覺者，自覺異凡夫。

(Sao: “Ba thứ giác”: Tự giác khác với phàm phu).

Đức Phật tự giác, phàm nhân tự mình mê hoặc. Quả thật, chúng ta chẳng biết chính mình do đâu mà có, cũng chẳng biết chính mình tương lai sẽ đi về đâu, thậm chí không biết hiện tại phải nên làm những gì. Sống hồ đồ cả đời này, đó là bất giác, đúng là “*túy sanh, mộng tử*” (sống say, chết mộng). Phàm phu là như vậy, trong thế gian này, tranh danh, đoạt lợi, đến rốt cuộc rỗng tuếch, quý vị có thể đoạt được thứ gì hay chăng? Chẳng có gì cả! Cổ nhân nói con người nên làm được ba điều bất hủ: Lập công, lập đức, lập ngôn, đó gọi là “*di phương hậu thế*” (để lại tiếng thơm cho

đời sau), quan niệm này vẫn là mê, bất giác. Vì sao? Địa cầu có thành, trụ, hoại, không, quý vị chẳng giữ được. Theo các nhà địa chất khảo sát, trước đây địa cầu đã trải qua bốn lần hồng thủy (lụt lội lớn), cả mặt đất đều bị chìm đắm, tất cả văn hóa đều bị hủy diệt toàn bộ, mỗi lần hồng thủy gần như văn hóa đều phải bắt đầu lại. Quý vị để tiếng thom cho đời sau, đây là mộng tưởng, là chuyện chẳng thể làm được! Có thể thấy lời Phật dạy chính xác, chẳng sai lầm. Mê hoặc, điên đảo! Phải giác ngộ điều này!

Phật chẳng mê, nên Ngài chẳng có phiền não, Phật chẳng mê, nên Ngài chẳng luân hồi; phiền não là nhân, luân hồi là quả. Lục đạo luân hồi do đâu mà có? Do phiền não trong tâm quý vị biến hiện. Tâm Phật chẳng có phiền não, nên chẳng có lục đạo luân hồi. Trong kinh, đức Phật nói thánh giả Tiêu Thừa Tứ Quả La Hán vượt thoát luân hồi, vượt thoát bằng cách nào? Đoạn Kiến Tư phiền não bèn vượt thoát tam giới, vượt thoát luân hồi. Phật chẳng có Kiến Tư phiền não, không chỉ chẳng có Kiến Tư phiền não, mà Trần Sa phiền não cũng chẳng có, Vô Minh phiền não cũng chẳng có. Đối với ba loại phiền não này, A La Hán bắt quá đoạn được Kiến Tư phiền não, chứ Trần Sa phiền não và Vô Minh phiền não hãy còn; vì thế, chẳng còn luân hồi trong lục đạo của tam giới.

Chư vị đồng tu phải nhớ kỹ, nếu chúng ta chẳng đoạn Kiến Tư phiền não, bất luận quý vị học pháp môn nào cũng chẳng thể thành tựu, vì sao? Quý vị chưa có năng lực thoát tam giới. Giống như pháp sư Đàm Hư đã nói, Ngài là tổ sư tông Thiên Thai, tông Thiên Thai dùng phương pháp Chỉ Quán để tu Thiền Định, tu Chỉ Quán, tu tới mức tốt nhất cũng chẳng qua là sanh lên trời mà thôi, chẳng thoát khỏi tam giới. Dù cho công phu Thiền Định rất sâu, ngồi xếp bằng nhìn vách có thể ngồi trên một tháng, một trăm ngày không đứng dậy, phi phạm lắm! [Nhưng] quả báo của người ấy cũng bất quá là Sơ Thiên hay Nhị Thiên mà thôi, hoặc trên trời Tứ Thiên, công phu như thế đấy, chẳng thoát khỏi tam giới.

Do vậy, chư vị đồng tu, nếu muốn thoát sanh tử luân hồi trong đời này, mong thật sự lìa khổ được vui, sạch sẽ, gọn gàng, quý vị phải nghiêm túc nghiên cứu kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ. Trừ pháp môn này ra, bất luận pháp môn nào quý vị cũng đừng mong thành tựu trong một đời này! Tôi chẳng nói bừa đâu, chính quý vị hãy suy nghĩ một chút, quý vị có thể đoạn phiền não hay chẳng? Chẳng phải là nói pháp môn chẳng hay, pháp môn nào cũng đều hay, nhưng nếu quý vị tu theo cách ấy mà thật sự có thể đoạn phiền não thì sẽ thành công. Quý vị dùng phương pháp ấy để tu, nhưng tu mà chẳng thể đoạn phiền não, nói cách khác, quý vị chẳng thành công, uống thuốc ấy vô hiệu!

Pháp môn này chẳng đoạn phiền não mà vẫn có thể vãng sanh, mâu nhiệm ở chỗ này. Trừ pháp môn này ra, trong “tám vạn bốn ngàn pháp môn” như thường nói, bất luận pháp môn nào cũng đều phải đoạn Kiến Tư phiền não thì mới có thể vượt thoát lục đạo luân hồi, chỉ riêng pháp môn này chẳng cần. Quý vị thật sự tin tưởng, thật sự phát nguyện, thật sự chịu niệm Phật, nhất định thành công trong một đời này. Quý vị phải buông hết thầy xuống, không chỉ buông duyên thế gian xuống, mà tất cả hết thầy Phật pháp đều phải buông xuống. Ta chẳng cần phải nghiên cứu hết thầy các kinh giáo, chỉ cần nghiên cứu hai bộ kinh này là đủ rồi, bảo đảm quý vị vãng sanh trong một đời này. Nếu quý vị tu Thiền, tu Mật, tu Giáo, sẽ chẳng đáng trông cậy, vì sao? Tư tưởng của quý vị hỗn loạn, công phu bị xen tạp, chẳng thuần; vì thế, rất khó đạt được hiệu quả. Pháp môn này chẳng có bí quyết gì khác, giống như trong Đại Kinh đã dạy: “*Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”, còn trong bộ kinh này thì dạy: “*Nhất tâm bất loạn, tâm bất điên đảo*”. Chỉ cần quý vị thật sự làm theo như thế, chắc chắn thành công; vì thế nói là “vô cùng trọng yếu”.

Tôi thừa cùng các vị đồng tu, tôi nhất định nắm chắc vãng sanh, sở dĩ ngày nay tôi khẳng định như thế để khuyên quý vị vì tôi quyết định nắm chắc. Trên thế giới này, suốt ngày từ sáng đến tối, tôi hoan hỷ, cười hề hà, vì sao? Tôi đến lữ hành, tôi tới vui chơi, chẳng lo nghĩ, chẳng vướng mắc, lẽ nào chẳng tự tại! Phải nghiêm túc nỗ lực. Trước khi tôi có được pháp môn này, tôi giống hệt như quý vị: Suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung, phiền não trùng trùng; sau khi hiểu được pháp môn này, [những điều ấy] chẳng còn nữa, vọng tưởng, tạp niệm chẳng còn, hết thầy phiền não cũng chẳng còn, phiền não cũng chẳng tìm được, chẳng nghĩ đến phiền não nào, đều chẳng nghĩ tới. Tôi thật sự đạt được lợi ích và chỗ hay khéo của pháp môn này.

Nay tôi đem lợi ích thù thắng này công hiến quý vị. Do vậy, nếu mọi người phát tâm in kinh, tốt nhất là in hai bộ kinh này, tức Di Đà Kinh Sớ Sao và Yếu Giải, hoặc Chú Giải kinh Vô Lượng Thọ, công đức vô lượng vô biên, vì sao? Người khác có được những tác phẩm ấy, thật sự có thể đắc độ. Họ có những kinh sách khác, tuy hay, nhưng chẳng cứu được cái mạng trong hiện tại. Mấy bộ sách ấy thật sự cứu mạng, thật sự có thể giải quyết vấn đề; do vậy, hết thầy các công đức chẳng thể sánh bằng công đức này! Đây là nói về tự giác; Phật giác, phàm phu bất giác, “*tự giác dị phàm phu*”, “*dị*” (異) là chẳng giống phàm phu.

(Sao) Giác tha dị Nhị Thừa.

(鈔) 覺他異二乘。

(Sao: Giác tha là khác với Nhị Thừa).

“Nhị Thừa” là nói tới Thanh Văn và Duyên Giác, chúng ta thường gọi họ là A La Hán và Bích Chi Phật, trong Phật pháp gọi những vị này là Tiểu Thừa. Tiểu Thừa đã đoạn Kiến Tư phiền não, có thể vượt thoát lục đạo sanh tử luân hồi; nhưng họ chỉ là tự giác, chẳng giác tha, tục ngữ gọi họ là “*tự liễu hán*” (kẻ chỉ lo giải thoát cho riêng mình). Chính mình đã giác ngộ, nhưng không chịu giúp đỡ người khác, không chịu giáo hóa chúng sanh, đó là kẻ Tiểu Thừa. Do vậy, sự tự giác của Tiểu Thừa chưa viên mãn; trong ba loại phiền não, họ chỉ đoạn được một loại là Kiến Tư phiền não, hai loại khác vẫn chưa đoạn được! Vì sao chưa đoạn được? Hai loại phiền não kia phải giáo hóa chúng sanh thì mới đoạn được. Người Tiểu Thừa tham cầu thân tâm tự tại, chẳng muốn tiếp xúc xã hội, vì người trong xã hội quá phiền phức. Vì thế, họ chẳng đoạn được Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc. Phật khác hẳn, Phật giáo hóa chúng sanh trọn khắp, đại từ, đại bi, chẳng giống Thanh Văn và Duyên Giác.

(Sao) Giác mãn dị Bồ Tát.

(鈔) 覺滿異菩薩。

(Sao: Giác mãn khác với Bồ Tát).

“Mãn” (滿) là viên mãn, Bồ Tát thật sự là tự giác, chính mình tự giác, mà cũng giáo hóa chúng sanh, cũng giúp đỡ người khác giác ngộ, nhưng chưa viên mãn. Chỉ có Phật viên mãn, đại giác viên mãn; do vậy, Ngài chẳng giống Bồ Tát.

Xung hô trong Phật môn, ở đây tôi nói đại lược, đây là một thứ kiến thức thông thường, quý vị phải ghi nhớ. Hiện thời, chúng ta thấy nhiều vị xuất gia thường được tôn xưng là “đại sư X...”, xưng hô như vậy không được! Sau khi các vị đồng tu hiểu chuyện này, sau này gặp người xuất gia, đừng nên gọi vị ấy là đại sư, gọi “đại sư” là chửi vị ấy, vì sao? Chữ “*đại sư*” dùng để gọi Phật! Bồ Tát còn chưa có tư cách xưng là đại sư, Bồ Tát xưng là Đại Sĩ, [chẳng hạn như] Quán Âm Đại Sĩ. Quý vị có thấy chỗ nào gọi Ngài là Quán Âm Đại Sư hay chẳng? Chẳng có, mà là Quán Âm Đại Sĩ; bởi lẽ, Bồ Tát được gọi là Đại Sĩ, hoặc Khai Sĩ.

“*Đại sư*” là tiếng để tôn xưng Phật. Mọi người bình thường chớ nên xưng, vì sao? Phải là người đã giác mãn mới có thể xưng, tuy người ấy đã giác, nhưng chưa giác mãn, sẽ chẳng thể xưng là đại sư. Do vậy, gọi

vị ấy là đại sư là quá lớn! Giống như chúng ta gặp một ai, muốn tỏ lòng tôn kính người ấy, danh xưng tôn kính cao nhất trong thế gian là Tổng Thống, tôi gặp quý vị [bèn gọi quý vị là] “Tổng Thống tiên sinh”, chẳng phải là chửi quý vị hay sao? Quý vị chẳng phải là Tổng Thống, mà gọi quý vị là Tổng Thống tiên sinh! Quý vị làm giáo viên trong nhà trường, cao nhất trong nhà trường là hiệu trưởng, trông thấy quý vị bèn gọi quý vị là “hiệu trưởng tiên sinh”, đây chẳng phải là chửi người ta hay sao? Do vậy, [xung hô như vậy] tuyệt đối là sai lầm, con người hiện thời có nhiều chỗ vượt phạm, làm chuyện quá lớn!

(Sao) Tam giác câu viên, cố viết tự tha giác mãn chi giả.

(鈔) 三覺俱圓，故曰自他覺滿之者。

(Sao: Ba thứ giác đều trọn vẹn, cho nên nói là bậc tự giác, giác tha viên mãn).

Phải đạt tới địa vị ấy, chúng ta mới tôn xưng vị ấy là Phật, gọi Ngài là đại sư.

Chữ “*Phật*” có rất nhiều ý nghĩa, thưở ấy, trong tiếng Hán chẳng thể tìm được từ ngữ để dịch danh từ này, không thể làm gì khác hơn là dịch âm rồi chú giải. Dưới đây là ba ý nghĩa giác khác nữa, cũng là nói tới tự giác, giác tha, giác mãn.

(Sao) Hựu ly tâm danh tự giác, ly sắc danh giác tha, câu ly danh giác mãn, diệc tam giác nghĩa.

(鈔) 又離心名自覺，離色名覺他，俱離名覺滿，亦三覺義。

(Sao: Lại nữa, lìa tâm là tự giác, lìa sắc là giác tha, cùng lìa [danh lẫn sắc] gọi là giác mãn. Đó cũng là ý nghĩa của ba thứ giác).

Trong phần trước, tam giác là nói theo mặt nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau). A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, quả thật có những hạng người ấy, có chuyện ấy, [cách giải thích ý nghĩa ba thứ giác trong đoạn trước được] nói theo phương diện ấy. Còn ba ý thứ giác ở đây hoàn toàn nói theo công phu tu chứng của chính mình, chẳng dính gì đến người ngoài. Ở đây, nói tới Sắc và Tâm là nói theo Duy Thức Học. Duy Thức Học cũng là Tâm Lý Học Phật giáo, nói tới Tâm Lý Học. Tâm ở đây là thức tâm, chúng ta thường nói là “bát thức”. Bát thức hoàn toàn nói về tâm lý: A Lại Da Thức là nói đến bản thể của cái tâm, bảy thức trước là nói tới tác dụng của cái tâm ấy, tức là tác dụng tâm lý. Do vậy, trong các

tác dụng, tác dụng thứ nhất là Mạt Na. Mạt Na là Chuyển Thức, [hàm nghĩa] từ Thể chuyển biến thành tác dụng như thế nào, nên nó được gọi là Chuyển Thức. Thứ sáu là Ý Thức, nay chúng ta luôn sử dụng Ý Thức, Ý Thức phân biệt các thứ, chấp trước đủ thứ. Hết thấy những thứ này toàn là tâm ý thức.

Nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân là Ngũ Thức, chúng ta có năm thứ cảm quan (giác quan), mắt có thể thấy, tai có thể nghe v.v... Vì thế, kinh Lăng Nghiêm dạy: *“Nguyên y nhất tinh minh, phân thành lục hòa hợp”* (vốn là một cái trong treo, sáng suốt, chia thành sáu thứ hòa hợp). Thể của chúng là một, nhưng do nơi công cụ khác nhau mà khởi tác dụng khác nhau. Do hiện thời khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta lý giải chuyện này chẳng khó. Thí dụ như điện, Thể của điện là một, nhưng nơi đèn thì tỏa sáng, nơi microphone bèn khuếch đại âm thanh, nhưng điện chỉ là một! Nơi máy móc khác nhau, bèn khởi tác dụng chẳng giống nhau. A Lại Da như dòng điện, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân giống như máy móc chạy bằng điện, nơi mỗi loại máy, nó khởi tác dụng khác nhau, nhưng dòng điện ấy chắc chắn giống nhau. Vì thế, tâm là một, nơi mắt có thể thấy, nơi tai có thể nghe, nơi mũi ngửi hương, nơi lưỡi nếm vị, đó là do máy móc khác nhau, nên khởi tác dụng khác nhau. Những thứ này thấy đều gọi là vọng tâm, hư vọng, chẳng phải là chân tâm.

Tác dụng của chân tâm tuyệt diệu thay! Tác dụng của chân tâm chẳng bị “máy móc” ràng buộc. Nếu là chân tâm [thì dùng bất cứ giác quan nào] cũng có thể thấy, nghe, mà cũng có thể nếm mùi vị. Do vậy, kinh Lăng Nghiêm nói: *“Lục căn hồ dụng”* (sáu căn dùng lẫn cho nhau). Bất luận đối với một vật thể nào, nó đều có thể phát huy toàn bộ công năng, toàn bộ tác dụng, đó là chân thật. Vì thế, chúng ta thường nói người dùng chân tâm “có thần thông”, vì sao có thần thông? Thí dụ như người ấy nhìn vào chỗ này, có thể thấy phía sau hay chẳng? Có thể thấy đằng sau, trông thấy được! Thân thì sao? [Chỗ nào trên] thân cũng đều khởi tác dụng, chẳng bị chướng ngại! Đỉnh đầu cũng thấy được phía trên, lòng bàn chân cũng thấy được phía dưới, bốn phương tám hướng đều thấy. Vì thế, chân tâm hiện tiền, bản năng (năng lực sẵn có) của quý vị bèn khôi phục.

Hiện thời, trên thế giới này, có không ít kẻ có thần thông, thật đấy, chẳng giả, nhưng ngàn vạn phần quý vị đừng nên quấy rầy họ, chớ nên thân cận họ, chẳng có lợi ích gì! Vì thần thông của họ đều do quỷ thần dựa thân hiện ra, chẳng phải là năng lực do người ấy vốn có. Yêu ma quỷ quái tới thế gian này là vì họ có duyên với kẻ ấy, nhờ thân thể kẻ ấy để hiển lộ thần thông, đôi bên đều có lợi. Ma quỷ có lợi, mà chính người ấy cũng

cảm thấy nay ta có thần thông, cũng nhóm họp chẳng ít đồ chúng khuấy động sóng gió, kiếm chác tiếng tăm, lợi dưỡng. Hiện tại, người mê tín chuyện này đặc biệt đông, nói sự thật họ chẳng tin, nói lời giả dối họ tin ngay!

Khi tôi giảng pháp môn Tịnh Độ tại Los Angeles, người nghe đại khái chỉ có bốn mươi mấy người, trong số ấy, có một vị cư sĩ bảo tôi: “Thưa pháp sư! Nếu ngài giảng Tài Thần Kinh¹⁸, sợ rằng người nghe hơn một vạn”. Ông ta bảo tôi: “Lô Thắng Ngạn¹⁹ giảng Tài Thần Kinh ở đó,

¹⁸ Tài Thần Kinh có hai cách hiểu:

1. Tài Thần Kinh là Huyền Đàn Nguyên Soái Kinh của Đạo Giáo. Vị thần Kim Long Như Ý Chánh Nhất Long Hồ Huyền Đàn Chân Quân (tục danh Triệu Công Minh, gọi tắt là Huyền Đàn Nguyên Soái) này được tin là chủ về phú quý tài sản, chường thiện, phạt ác, quản trị phước lộc trong nhân gian. Huyền Đàn Nguyên Soái thường được tạc tượng mặt đen, rậm râu, đầu đội mũ sắt, cưỡi hổ đen, tay cầm roi sắt, nên còn gọi là Hắc Hồ Huyền Đàn. Đạo Giáo còn phân định: Văn Tài Thần là Phạm Lãi, Võ Tài Thần là Triệu Công Minh.

2. Tài Thần Kinh là nghi quỹ Mật Tông Tây Tạng dạy về pháp tu quán tưởng thần Câu Tỳ La (Kubera, Kuvera). Câu Tỳ La chính là Bắc Phương thiên vương Tỳ Sa Môn (Vaiśravaṇa), tuy có thuyết nói Câu Tỳ La là con trai của Tỳ Sa Môn thiên vương. Trong truyền thống Tây Tạng, Tài Thần Câu Tỳ La được gọi là Jambala (hay Dzambala), thường được tạc tượng lùn, mập, bụng phệ (tượng trưng cho sự giàu có và hoan hỷ), tay cầm một con chồn mongoose (một loại chồn chuyên ăn rắn độc tại Ấn Độ) nhả ra tiền vàng hay châu ngọc. Mật Tông Tây Tạng nói có năm vị Jambala có màu sắc khác nhau: trắng, đen, đỏ, xanh lục và vàng, nhưng thường được thờ và cầu nguyện nhiều nhất là Hoàng Tài Thần, tức Jambala sắc vàng. Mỗi vị có chân ngôn và nghi quỹ riêng. Năm vị Tài Thần này được coi là hóa thân của các vị Phật hay Bồ Tát khác nhau, chẳng hạn Hoàng Tài Thần là hóa thân của Bảo Sanh Như Lai (Ratnasambhava), vị này thân màu vàng, ngồi trên hoa sen, tay cầm ngọc như ý và chồn mongoose. Bạch Tài Thần sắc trắng, hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, cưỡi sư tử tuyết hoặc rồng, tay cầm quyền trượng và con chồn mongoose. Hắc Tài Thần là hóa thân của Bất Động Phật (Akshobhaya), thường đứng trên xác chết đặt trên tòa sen, tay cầm chén Kapala và chồn Mongoose v.v...

Do Lô Thắng Ngạn pha trộn lung tung Đạo Giáo và Mật Tông nên rất có thể ông ta giảng Tài Thần Kinh theo cả hai kiểu.

¹⁹ Lô Thắng Ngạn là giáo chủ tà phái Chân Phật Tông của Đài Loan. Ông ta sanh năm 1945, quê ở Gia Nghĩa (Đài Loan), thờ nhỏ theo đạo Tin Lành, từng tốt nghiệp kỹ sư khảo sát từ đại học Trung Chánh, chuyên dạy Kinh Thánh vào Chủ Nhật mỗi tuần. Đột nhiên, năm 1969, ông ta tuyên bố được Diêu Trì Kim Mẫu khai Thiên Nhân Thông và hai mươi vị đạo sư của Đạo Giáo, Hiền Giáo và Mật Giáo Tây Tạng thị hiện, khái thị nên theo Phật giáo, học Phong Thủy với Liễu Minh Hòa Thượng, quy y với ngài Ân Thuận để học Thiên, và bắt đầu khai đạo, thành lập tông phái Linh Tiên Tông. Giáo nghĩa của ông ta pha trộn lung tung những niềm tin dân gian, tín ngưỡng Đạo

bán vé tham dự mỗi vé hai mươi Mỹ kim, mà chẳng còn chỗ nào trống”. Quý vị xem thử là bao nhiêu người? Lô Thắng Ngạn thật sự phát tài. Chúng tôi nói lời thật với mọi người, lời thật chẳng ai nghe! Kể nói giả dối nhằm lừa người, con người hiện thời chịu bị lừa gạt, nên dễ bị gạt bèn kéo tới. Trước mắt thì tốt đẹp lắm, tiền bạc cuộn cuộn đưa tới không ngừng, nhưng quả báo về sau cũng kinh khủng lắm, đây là “cái được chẳng bù nổi cái mất”, như cổ nhân đã nói: “*Đao khâu thí mật*” (liếm mật trên lưỡi dao). Mật trên mũi dao rất ngọt, ném vào được hưởng vị mật ngọt, nhưng lưỡi cũng đứt luôn! Quả báo về sau đáng sợ lắm, chúng ta nhất định chớ nên làm chuyện ấy!

Do vậy, phải tự giác, tự giác lià tâm, tức là lià tâm ý thức, đó gọi là tự giác, đây là công phu chân chánh. Lià tâm ý thức thì lià bằng cách nào? Nói đơn giản, thức là phân biệt, ý là chấp trước, tâm là giữ lại ấn tượng. Nếu trong cuộc sống, chúng ta xử sự, đãi người, tiếp vật, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, không giữ lại ấn tượng, đó là “lià tâm ý thức”, là tự giác. Chư vị hãy suy nghĩ, có thể làm được hay chẳng? Chẳng dễ dàng! Đó là tự giác.

Giáo, vay mượn và xuyên tạc Mật Tông Phật giáo, nhất là Mật Tông Tây Tạng. Ông ta tuyên bố từng được “điểm đạo” bởi các vị Lạt-ma nổi tiếng của Tây Tạng như Karmapa đời thứ mười sáu, Rangjung Rigpe Rinpoche, Tai Situ Rinpoche, nhưng các Lạt-ma Tây Tạng không công nhận điều này! Ông ta tự tuyên bố mình là hóa thân của một vị Bồ Tát tên Padmakumara (Liên Hoa Đồng Tử), vị này chính là hóa thân của A Di Đà Phật (sic!), nên thường tự xưng là Liên Hoa Hoạt Phật. Năm 1982, ông ta dẫn vợ con sang Mỹ, định cư tại Seattle và đổi tên đạo của mình thành Linh Tiên Chân Phật Tông; về sau chỉ còn gọi là Chân Phật Tông. Ông ta lại xin quy y với thượng sư Thổ Đăng Đạt Cát của Hoàng Giáo Tây Tạng (chi phái Mông Cổ) tại Hương Cảng để tăng uy thế. Năm 1986, ông ta chính thức xuống tóc xuất gia tại chùa Lô Tạng sáng lập tại Seattle, nhưng vẫn sống với vợ con, hưởng thụ mọi lạc thú trần tục, thậm chí tín đồ không cần kiêng rượu thịt. Vợ ông ta là Liêu Lệ Hương tự xưng là Liên Hương Thượng Sư và nắm quyền chỉ đạo pháp vụ trong Chân Phật Tông. Năm 1996, sau khi xin được tiếp kiến Đạt Lai Lạt Ma và sư trưởng Ganden Tri Rinpoche (trưởng dòng tu Gelugpa, tức dòng tu của Đạt Lai Lạt Ma), Lô Thắng Ngạn tuyên bố ông ta được hai vị này công nhận ông ta là Lạt-ma cao cấp của Tây Tạng và có toàn quyền xử lý sự vụ của tín đồ Phật giáo Tây Tạng tại Đài Loan, nhưng văn phòng chính phủ Tây Tạng phản bác tuyên bố này. Ngày 24 tháng Mười năm 2007, bảy đại đoàn thể Phật giáo Trung Hoa tại Mã Lai (Tổng hội Phật giáo Mã Lai, Hội Thanh Niên Phật Giáo Mã Lai, Hội Phật giáo Hoàng Pháp Mã Lai, Tích Lan Phật Giáo Tinh Tấn Hội, Phật Quang Sơn, Phật Giáo Từ Tế Công Đức Hội, Tổng Hội Kim Cang Thừa Mã Lai) cùng một số tổ chức Phật giáo tại Đài Loan và Hương Cảng đã cùng tuyên cáo Chân Phật Tông là ngoại đạo dựa hơi Phật giáo. Hai vị Ấn Thuận và Lạt-ma Thổ Đăng Đạt Cát đều tuyên bố minh bạch họ không có quan hệ sư thừa với họ Lô.

Ý nghĩa tự giác này còn sâu hơn phân trước, đây là công phu thật sự, phải lìa tâm ý thức. Trong các buổi giảng, tôi thường dùng bốn câu để giảng: “*Chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm*”. Phải thật sự thực hiện! Thật sự làm như vậy, có người hỏi tôi: Như vậy chẳng phải là biến thành ngây ngốc hay sao? Nếu ngây ngốc là Phật thì rất dễ, trong bệnh viện chích một mũi thuốc bèn ngây ngốc, thành Phật rồi, cần gì phải khổ sở tu như thế? Chẳng cần nữa! Không phải vậy! “Chẳng phân biệt” như tôi vừa mới nói với quý vị chính là “phân biệt” và “chẳng phân biệt” là một, không hai; đó gọi là “chẳng phân biệt”. “Chấp trước” và “chẳng chấp trước” là một, không hai; đó gọi là “chẳng chấp trước”. “Chẳng động niệm” thì “động niệm” và “chẳng động niệm” cũng là một, chẳng hai. “Khởi tâm” và “chẳng khởi tâm” cũng là một, không hai!

Điều này nghe qua rất huyền diệu, nhưng tôi nói lời thật với quý vị. Thí dụ như chúng ta đả người, tiếp vật, trên tay cầm một quyển sách, người ta hỏi quý vị: “Pháp sư! Thầy cầm gì trên tay?” Tôi chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, tôi chẳng nói một câu nào, nhưng người ta hỏi, tôi chẳng ngờ ngác! Họ hỏi tôi đó là gì, tôi đáp: “Sách!” “Sách gì?” “Kinh Di Đà”. Quý vị thấy tôi lại phân biệt, lại chấp trước, lại khởi tâm, lại động niệm, nhưng phân biệt, chấp trước, khởi tâm, động niệm là vì kẻ đó. Kẻ ấy nói đây là sách, cho nên tôi nói với hắn đây là sách. Kẻ ấy nói đây là kinh Di Đà, nên tôi cũng nói kinh Di Đà. Trong tâm của chính tôi có chấp trước đây là sách, đây là kinh Di Đà hay không? Không có! Do vậy, đối với chính mình mà nói thì quả thật chẳng khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, nhưng đối với người khác lại khởi tâm, lại động niệm, lại phân biệt, lại chấp trước, cho nên là một, không hai! Nếu quý vị học được như vậy thì gọi là Phật.

Đối với chính mình, “*Phật pháp trên thế gian*”, đối với người khác, “*bất hoại thế gian tướng*” (chẳng phá hỏng tướng thế gian). Đối với hết thảy các hiện tượng và hết thảy trật tự trên thế gian đều tùy thuận, quyết định chẳng phá hoại chúng, tâm chính mình thanh sạch, chẳng nhiễm mấy trần, quý vị đắc đại tự tại. Trên thế gian này, không có một ai mà ta chẳng thể hòa thuận, không có chuyện gì chẳng đáng yêu, quý vị đắc đại tự tại. Nhưng người thế gian chẳng giống như Phật, họ bên ngoài phân biệt, bên trong cũng thật sự phân biệt, bên ngoài chấp trước, bên trong cũng chấp trước, chuyện này phiền phức lắm! Phật, Bồ Tát cao minh ở chỗ: Bên ngoài bèn ứng theo quý vị, thuận theo sự phân biệt của quý vị mà phân biệt, thuận theo sự chấp trước của quý vị mà chấp trước; đối với chính

Ngài thì căn bản là chẳng có phân biệt, chấp trước, bản lãnh ở chỗ này, điều đó gọi là tự giác, chúng ta phải học điều này. Tu hành là tu gì? Tu điều này. Mỗi ngày gõ mõ, niệm kinh, lạy Phật, đập đầu, người ta nói những điều đó đều là làm ra vẻ, làm bộ, làm tịch, dấu làm giống đến mấy, nhưng trong tâm thiếu công phu, vô dụng!

Lần này tôi qua Gia Nã Đại, gặp một vị đồng tu, cho tôi biết: Trong quá khứ, ông ta theo một vị lão sư phụ học Phật. Ông ta nói vị sư phụ ấy tu hành hết sức tốt đẹp, công khóa mỗi ngày đều chẳng thiếu, luôn hết sức nghiêm túc tu học, ông ta bội phục năm vóc sát đất. Ông ta nói gần đây vị thầy đó bị ma dựa, đang ở trong nhà thương điên. Ông ta đến hỏi tôi nguyên nhân vì sao? Hỏi tôi có nên thân cận vị ấy hay chẳng? Tôi bảo ông ta: “Tu hành trên hình thức, dù tu tốt đẹp vẫn là làm bộ, làm tịch. Tu hành chân chánh là dụng công nơi nội tâm để chuyển cảnh giới, chứ không do hình thức”.

Chúng ta đọc truyện ký của cổ nhân, thấy Hàn Sơn, Thập Đắc ở trong chùa miếu điên điên khùng khùng, họ là hai người làm việc vất vả, chuyên nhóm lửa trong nhà bếp, về sau mới biết họ là Văn Thù, Phổ Hiền hai vị đại Bồ Tát. Họ ở chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai, sư Phong Can già gạo trong phòng xay xát là A Di Đà Phật. Các Ngài đều làm việc cực nhọc, hầu hạ mọi người. Do vậy, các Ngài thấy [chư Tăng] mỗi nửa tháng tụng giới trong Giới Đường, trang nghiêm tụng giới, nghiêm túc lắm! Hàn Sơn, Thập Đắc ở ngoài cửa trêu ghẹo, cợt nhả, vì sao? Tụng giới luật rất nghiêm túc, nhưng không làm được! Vì thế, phải biết: Công phu chân chánh ở nơi tâm địa. “*Nhân địa bất chân, quả chiêu vu khúc*” (cái nhân chẳng thật, chuốc quả ngoắt ngoéo). Sư phụ ông ta gặp ma chướng, bị ma dựa là có nguyên nhân.

Ông ta hỏi: “Tôi có nên thân cận người ấy hay chẳng?” Tôi bảo ông ta: “Nếu ông đã theo ông ta nhiều năm như vậy, phải có nghĩa vụ chăm nom ông ta. Ông ta đang bệnh khổ, nếu cần được giúp đỡ thì có tiền nên giúp đỡ ông ta, chăm sóc ông ấy”. Ông ta thưa: “Sư phụ tôi tiền nhiều lắm!” Tôi nói: “Vậy thì ông chẳng cần phải đến, lắm tiền quá sẽ bị ma dựa. Trong kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung, đức Phật đã dạy: ‘*Tích tài tàng đạo*’ (tích tụ tài sản, đạo tiêu vong), tâm ông ta không ở nơi đạo, mà hằng ngày lòng đặt nơi tiền tài”. Nhất là tại Hương Cảng, sư phụ ông ta ở Hương Cảng, tiền nhiều quá, bỏ trong ngân hàng lại sợ ít lời, mua cổ phiếu lại sợ cổ phiếu sụt giá, chuyện này phiền phức lớn lắm, ông ta đâu có lòng nào tu đạo? Vì thế, dù mỗi ngày tụng niệm công khóa chăm chỉ, tâm ông

ta không đặt nơi đạo, sẽ bị ma dựa! Chúng ta phải hiểu chỗ này, lìa tâm và sắc rất u trọng yếu!

Sắc là gì? Cảnh giới bên ngoài. Cảnh giới bên ngoài phải bỏ, quyết chẳng bị động tâm bởi ngũ dục lục trần bên ngoài. Bên ngoài là tài, sắc, danh, ăn uống, nghỉ ngơi, tiếng tăm, lợi dưỡng, quý vị vẫn bị động tâm vì những thứ ấy là sai rồi, quý vị sẽ mê, chẳng giác. Do vậy, tự giác và giác tha ở đây có nghĩa là bên trong thì đoạn phiền não, bên trong chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, bên ngoài chẳng bị ngũ dục lục trần dụ dỗ, mê hoặc, đó là Giác Tha. “*Câu ly*” (đều lìa), hai bên đều lìa, trong lìa phiền não, ngoài dứt trần duyên, đó là Giác Mãn, giác hành viên mãn. Vì vậy, đoạn này giải thích [ý nghĩa của Tam Giác] hoàn toàn dựa theo công phu của chính mình, hết sức trọng yếu.

Học Phật, thu hoạch trong giai đoạn thứ nhất là pháp hỷ sung mãn, đây là sự chứng đắc, hưởng thụ đầu tiên. Năm Dân Quốc 42 (1953), tôi thân cận tiên sinh Phương Đông Mỹ, hết sức khó có, cụ muốn tôi theo học ở nhà cụ, chẳng học ở trường. Vì thế, tôi học ở nhà cụ. Cụ giảng triết học khái luận, giảng tới cuối cùng bèn giảng triết học trong kinh Phật. Cụ đưa ra một nhận định đánh thếp: “*Triết học trong kinh Phật cao nhất trong toàn bộ triết học thế giới, là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Tôi bị rúng động bởi hai câu ấy. Vì thế, phát tâm học Phật, nghiên cứu Phật học. Tôi vô cùng cảm kích thầy, vì sao? Ngày nay tôi thật sự chứng thực sự hưởng thụ tối cao trong đời người, tôi đạt được.

Vì thế, học Phật thân tâm tự tại, khoái lạc. Tôi thấy rất nhiều người học Phật, học đến nổi mặt mày cau có. Đây là học Phật chẳng đúng phương pháp, chẳng đạt được lợi ích, giống như chúng ta mắc bệnh, uống thuốc vô hiệu! Mong mọi người hãy khéo kiểm điểm, nghiêm túc học tập, người học Phật sung sướng. Tôi ở ngoại quốc có pháp duyên tốt đẹp như thế, hết thấy mọi người đều mong theo tôi vì thấy tôi rất vui sướng, sự vui sướng của tôi do đâu mà có? Do niệm A Di Đà Phật. Tôi dạy họ: “Quý vị niệm như thế sẽ rất vui sướng!” Điều này có thể tiếp dẫn rất nhiều chúng sanh. Nếu tôi suốt ngày từ sáng đến tối đeo bản mặt cau có, chẳng có ai muốn học Phật hết! Quý vị thấy học Phật theo kiểu đó, thì có còn nên học Phật hay chẳng? Chẳng nên học Phật!

Chư vị hãy cố gắng tích cực, nếu chúng ta chẳng học Phật pháp tốt đẹp, không chỉ chúng ta có lỗi với đức Phật, mà còn là phá hoại Phật pháp, vì sao? Chúng ta dọa lây người khác không dám học Phật, tội lỗi ấy vô lượng vô biên, khác nào phá hoại Phật pháp. Nói chung, chúng ta khiến cho người ta trông thấy, [liền nghĩ]: Học Phật tốt lắm, quý vị thấy người

học Phật hạnh phúc, vui sướng dường ấy. Thứ nhất là nếu khiến cho người ta có ấn tượng ấy, như vậy là quý vị có thể phổ độ chúng sanh, có thể tiếp dẫn chúng sanh rộng khắp, rất quan trọng! Pháp hỷ từ trong nội tâm phát ra, chẳng phải do học được, nhất định chẳng do bị cảnh giới bên ngoài kích thích, mà thật sự từ nội tâm sanh ra hỷ duyệt, đó là pháp hỷ. Ngày hôm nay, chúng tôi giảng tới đây!

Tập 93

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm bảy mươi.

(Sao) Hựu ly tâm danh tự giác, ly sắc danh giác tha, câu ly danh giác mãn, diệc tam giác nghĩa.

(鈔)又離心名自覺，離色名覺他，俱離名覺滿，亦三覺義。

(Sao: Lại nữa, lìa tâm là tự giác, lìa sắc là giác tha, đều lìa [sắc và tâm] là giác mãn, đây cũng là ba nghĩa của Giác).

Đây là giải thích chữ “Phật”, trong chữ này hàm chứa rất nhiều ý nghĩa. Câu này liên quan đến giáo nghĩa rất sâu, nếu chẳng có sự tu dưỡng kha khá đối với giáo nghĩa, e rằng nghe giảng sẽ chẳng dễ gì hiểu rõ cho lắm. Ở đây tôi dùng phương thức đơn giản nhất, để lại nói rõ cùng quý vị: Sắc là gì? Tâm là gì?

Nói đơn giản, Tâm là phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Lìa hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, đây là “tự giác”. Tôi giảng cách này dễ hiểu, chắc chắn chẳng trái phạm giáo nghĩa. Nếu giảng tâm ý thức theo giáo nghĩa, nói tới Duy Thức, giảng cả nửa ngày, mọi người nghe như đang kẹt trong mây mù cả năm dặm, chẳng hiểu rõ ràng! “Ly sắc” là gì? Sắc là cảnh giới bên ngoài, chẳng chấp tướng là lìa sắc, trọn chẳng phải là nói sắc tướng bên ngoài đều từ bỏ, đó là là chuyện chẳng thể nào được, làm không được, trong tâm chẳng chấp trước, tức là không bị sắc tướng bên ngoài nhiễm trước, đó gọi là lìa sắc, là “giác tha”.

Vì sao gọi là giác tha? Chẳng chấp tướng, nói đơn giản là buông xuống, buông cảnh giới bên ngoài xuống: Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, tiếng tăm, lợi dưỡng, thật sự có thể thấy thấu suốt, buông xuống, đó là “ly sắc”. Chư vị hãy suy nghĩ, nếu quý vị chẳng thật sự thấy thấu suốt sắc tướng bên ngoài, quý vị có buông xuống được chăng? Quý vị thấy thấu suốt sắc tướng bên ngoài là giác tha. Biết hết thấy vạn pháp giống như kinh Kim Cang đã dạy: “Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”. Do vậy, quý vị mới buông xuống: “Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”, quý vị mới không đắm nhiễm chúng. Thật sự triệt để liễu giải tướng cảnh giới bên ngoài. Triệt để liễu giải sẽ nhất định chẳng chấp trước, nhất định buông xuống, đó là “giác tha”. Tự giác và

giác tha thấy đều viên mãn, đó là “*giác mãn*”. Nghĩa Tam Giác ở chỗ này không khác với ý nghĩa trong phần trước cho lắm!

Có những kẻ tự giác, nhưng chẳng thể giác tha; có những kẻ giác tha, chẳng thể tự giác. Chẳng hạn như người Tiểu Thừa tự giác, nhưng chẳng thể giác tha. Bản thân người Tiểu Thừa thật sự chẳng có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, nhưng chẳng thấy thấu suốt cảnh giới bên ngoài, đó là “có tự giác, thiếu giác tha”. Quyền Giáo Bồ Tát có giác tha, nhưng chẳng tự giác. Tuy họ thấy thấu suốt cảnh giới bên ngoài, nhưng trong tâm, phiền não, kiến giải vẫn chưa buông xuống được, tri kiến vẫn chưa buông xuống được. Đối với cảnh giới bên ngoài như tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, quả thật vị ấy hết sức coi nhạt, đã buông xuống, nhưng có một thứ thành kiến không buông xuống được, đó là chẳng tự giác. Hiện tượng này rất rõ rệt nơi những kẻ sơ học như chúng ta. Chúng ta lấy việc học Phật pháp để nói thì “*tiên nhập vi chủ*” (pháp nào được tiếp xúc đầu tiên sẽ là chánh yếu), chẳng buông xuống được, hết sức chấp trước, đó cũng là nghiệp chướng, chướng ngại thành tựu trong một đời!

Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nhắc nhở các đồng tu, thời gian tốt đẹp chẳng nhiều, cuộc sống yên ổn, xã hội còn có thể sống bình an chẳng phải là chuyện dễ, nhất định phải khéo giữ vững, nhất là trong những năm gần đây, chúng ta thấy tình hình thế giới, lòng người quả thật có những dấu vết, điềm báo đại tai nạn sắp xảy ra; vì thế, chúng ta phải nỗ lực vượt bậc! Phải nỗ lực tiến theo phương hướng “tự giác, giác tha”, trong có thể buông phiền não xuống, ngoài tận lực giảm bớt thế duyên (duyên trong cõi đời); đó gọi là “*tùy duyên, chẳng phan duyên*”, nhiều thêm một chuyện chẳng bằng ít đi một chuyện, ít đi một chuyện chẳng bằng không có chuyện gì. Cũng có lẽ người khác thấy chúng ta rất tiêu cực, chuyện này chẳng sao cả! Họ nói ta tiêu cực, ta [cứ chấp nhận là ta] tiêu cực, khéo dùng thời gian này để niệm Phật. Đợi đến khi chúng ta niệm Phật tốt đẹp, tai nạn xảy tới, chúng ta có chỗ tốt đẹp để ra đi, chẳng bị tai nạn; khi ấy, họ mới biết chúng ta tiêu cực quả thật có rất nhiều điều tốt đẹp. Vì thế, đối với duyên thế gian phải tiêu cực, đối với niệm Phật phải tích cực.

Lại thưa cùng quý vị, đối với chuyện nghiên cứu kinh luận Đại Thừa, chúng ta đều phải tiêu cực, vì sao? Tuy kinh luận rất hay, nhưng quá nhiều! Chẳng kịp nữa, chúng ta thấy đều buông xuống. Chúng ta niệm kinh chỉ niệm kinh A Di Đà, hoặc chỉ niệm kinh Vô Lượng Thọ là được rồi, quý vị chẳng biết lợi ích do niệm kinh này! Quán Kinh dạy chúng ta “*đọc tụng Đại Thừa*”. Trong ba thứ phước báo như Quán Kinh đã giảng, điều thứ ba là “*phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa*,

khuyến tấn hành giả”, đó là vô lượng vô biên phước báo. Đọc tụng Đại Thừa là đọc gì? Chính là đọc kinh Vô Lượng Thọ, đọc kinh Di Đà, hoặc đọc chú giải kinh Di Đà, đều được! Quý vị mỗi ngày niệm một tiếng, sẽ có lợi ích vô cùng to lớn, niệm một tiếng giống như đem bộ phim về Tây Phương Cực Lạc thế giới chiếu trong tâm quý vị một lần. Chiếu phim mỗi ngày, sau này, bất tri bất giác tâm của quý vị toàn là cảnh giới Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất tri bất giác dưỡng thành. Kinh Lăng Nghiêm gọi sự dưỡng thành ấy là “*ức Phật*”, chúng ta thường tưởng Phật, miệng niệm Phật. “*Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*” (nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật), đây là công đức chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, kinh khác chẳng cần niệm, vì sao? Không còn kịp!

Tôi cảm thấy thời gian tốt đẹp, nay chúng ta ấn định thời gian, bảy năm, bảy năm nhất định có thể niệm đến công phu thành phiền, nhất tâm bất loạn. Nói cách khác, quyết định có thể tự tại vãng sanh. Khi vãng sanh chớ nên bị bệnh, giống như các vị đại đức xưa nay, đứng mất, ngồi tịch, ra đi trong lúc cười nói, tự tại lắm! Làm được chăng? Thưa quý vị, ai cũng đều làm được, chỉ sợ quý vị chẳng chịu làm. Có lẽ quý vị hoài nghi, rất nhiều người xuất gia niệm Phật cả đời, tới cuối cùng vẫn ngã bệnh, vẫn chết rất đau đớn, làm sao ta có thể ra đi tự tại được? Quý vị chẳng hiểu: Những vị xuất gia ấy niệm Phật suốt đời, nhưng trong lần ngoài đều chẳng buông xuống, cho nên họ mới bị bệnh, mới đau khổ. Quý vị thấy đều buông xuống, còn có gì đau khổ nữa? Chẳng có! Toàn bộ nghiệp chướng tiêu hết. Hễ có một chuyện chưa buông xuống, đó chính là nghiệp chướng, quý vị đáng chịu quả báo như thế nào vẫn phải chịu như vậy. Vì thế, buông xuống tốt đẹp lắm!

(Sao) Hựu vân trí giả, trí tức giác nghĩa, vô bất tri giả.

(鈔) 又云智者，智即覺義，無不知者。

(Sao: Lại dịch là “trí giả” (bậc trí), trí có nghĩa là giác, không gì chẳng biết).

Chữ “*Phật*” có nghĩa là “*trí giả*” (bậc trí), bậc giác ngộ, bậc trí huệ. “*Trí tức giác nghĩa*” (trí nghĩa là giác), Trí là Thể, Giác là Dụng. Nói cách khác, Chân Như bản tánh vốn trọn đủ vô lượng trí huệ, trí huệ khởi tác dụng thì gọi là Giác; đối với chính mình thì gọi là Tự Giác, đối với người khác gọi là Giác Tha, chuyện là như vậy đó. Nay tự tánh của chúng ta bị mê, thiếu trí huệ, biến trí huệ thành thông minh tài trí thế gian, trong Phật

pháp gọi [sự thông minh ấy] là “*thế trí biện thông*”, tức là thông minh, trí huệ, biện tài thế gian. Sau khi mê, chân trí huệ (trí huệ chân thật) biến thành trí huệ thế tục, biến thành trí huệ thế gian. Trí huệ thế gian khởi tác dụng, chẳng tránh khỏi có phiền não, phân biệt, chấp trước, so sánh, theo khuôn mẫu ấy. Chẳng giống như trí huệ chân chánh của Như Lai và đại Bồ Tát, chẳng có phiền não, chẳng sanh phiền não.

“*Vô bất tri giả*” (không gì chẳng biết): “*Bát Nhã vô tri, vô sở bất tri*” (Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết). “*Vô tri*” là nói tới trí huệ chân chánh. Hiện thời, chúng ta hoàn toàn tương phản, chúng ta có biết; do có biết nên có cái chẳng biết, thua thiệt to! Trong hội Lăng Nghiêm, tôn giả Phú Lô Na thỉnh giáo Thích Ca Mâu Ni Phật [vì sao] chúng sanh khởi lên vô minh, Ngài hỏi: “Do nguyên nhân gì mà vô minh sanh khởi?” Đức Phật giải thích tuyệt hay bằng bốn chữ “*tri kiến lập tri, thị vô minh bốn*” (từ tri kiến lập thêm một cái biết nữa, đó là gốc vô minh). Đây là căn bản của vô minh, vô minh sanh ra như vậy đó. Câu này có nghĩa là gì? Trong vô tri, quý vị thành lập một cái “có biết”, có biết là trật rồi!

Có biết là vô minh, vô tri là bốn tánh; quý vị nghe tôi nói câu này, ngàn vạn phần chớ nên hiểu lầm, phải ghi nhớ lời này: “*Vô tri là trí huệ*”, được rồi, nay ta sẽ ngậy ngốc, đó có phải là trí huệ hay chẳng? Hiểu lầm mất rồi! Quý vị hoàn toàn hiểu lầm. Vô tri tuyệt đối chẳng phải là cảnh giới của phàm phu chúng ta, không chỉ chẳng phải là cảnh giới của phàm phu, mà nó cũng chẳng phải là cảnh giới của hàng Nhị Thừa hay Quyền Giáo Bồ Tát. Nói cách khác, chúng tôi ở đây nói chơi, quý vị cũng đang nghe chơi. Nếu muốn đạt đến cảnh giới ấy, tôi dạy quý vị một phương pháp: Thật thà niệm Phật, niệm tới Lý nhất tâm bất loạn, cảnh giới ấy sẽ hiện tiền. Lý nhất tâm là hàng Viên Giáo Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên, quý vị mới có thể thật sự chứng thực. Nếu không, quý vị trở về nhà, dấy lên vọng tưởng, dấy vọng tưởng cách nào cũng là vô minh, cũng là tà tri tà kiến. Kinh Bát Nhã dạy: “*Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết*”, vô tri là bản thể của Bát Nhã; “không gì chẳng biết” là nó khởi tác dụng. Khi nó chẳng khởi tác dụng là vô tri; khi có tác dụng thì không gì chẳng biết.

(Sao) *Trí Luận* vân.

(鈔) 智論云。

(Sao: *Trí Độ Luận* nói).

“*Trí Luận*” là Đại Trí Độ Luận, có mấy câu được trích lục ở đây.

(Sao) Tri nhất thiết chúng sanh số phi số, thường phi thường đấng, thị trí vô bất tri, sở vị đắc Nhất Thiết Chúng Trí thị dã, tức giác mãn nghĩa dã.

(鈔)知一切眾生數非數，常非常等，是智無不知，所謂得一切種智是也，即覺滿義也。

(Sao: Biết hết thấy chúng sanh có số lượng hay chẳng phải số lượng, thường hay chẳng thường v.v... đó là trí không gì chẳng biết, nói “đắc Nhất Thiết Chúng Trí” là nói về chuyện này, đây là ý nghĩa Giác Mãn vậy).

“Tri nhất thiết chúng sanh số phi số” (Biết hết thấy chúng sanh có số lượng hay chẳng phải số lượng): “Số” (數) là số lượng, phạm vi bao hàm của chữ này vô cùng rộng rãi; nếu lấy con số để nói thì tận hư không trọn pháp giới sẽ là số lượng của chúng sanh. Ai biết chuyện này? Đức Phật biết, các vị đại Bồ Tát biết, vì sao? Các Ngài đã kiên tánh. Trong Chân Như bản tánh có trí huệ bản năng, các Ngài chẳng cần phải tính toán, cũng chẳng cần phải suy nghĩ, giống như computer, quý vị nhấn nút một cái, con số liền hiện ra, kỳ diệu vô cùng, quả thật là như vậy. Chỉ cần người ta hỏi đến, lập tức đáp được con số, chẳng cần phải suy nghĩ, cũng chẳng cần quan sát, bản năng (năng lực sẵn có) trong tự tánh chẳng thể nghĩ bàn dường ấy!

Mặt khác, chữ “số” này cũng có thể hiểu là “số thuật” (thuật bói toán số mạng). Chúng sanh đang mê nên đều có số mạng; vì có số mạng, nên người có thể đoán mạng. Nếu không có số mạng, họ (các thầy tướng số) làm sao đoán được? Những gã thầy bói quả thật đã căn cứ trên Toán Học rất cao thâm, kinh Dịch nói về Toán Học. Hiện thời, đã phát hiện rất nhiều tinh cầu trong vũ trụ nhờ suy luận Toán Học. Vì thế, cuộc đời một cá nhân có số, đời đời kiếp kiếp đều thuộc trong số lượng. Đại vũ trụ cũng có số, đều có thể dự đoán được. Vì vậy, có nhiều tiên đoán từ mấy ngàn năm trước, tiên đoán rất chính xác. Vì sao có thể suy tính chính xác đến mấy ngàn năm như vậy? Do trong ấy có số lượng!

Ai có thể thoát khỏi số lượng? Trong sách Liễu Phàm Tứ Huấn, thiên sư Vân Cốc đã nói: “Người đại tu hành chẳng bị số lượng câu thúc”; quý vị tìm đến thầy tướng số, ông ta sẽ bói toán chẳng linh, đoán không chuẩn xác, vì sao? Người ấy đã vượt khỏi số lượng. Những kẻ thông thường đều bị vận mạng câu thúc, giống như ông Viên Liễu Phàm vậy. Tôi đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, thấy Viên Liễu Phàm là một phàm phu tiêu chuẩn. Chúng ta là phàm phu, nhưng ngay cả tiêu chuẩn [của phàm phu]

còn chưa đạt! Ông ta là phạm phu tiêu chuẩn; nhưng sau này, ông ta gặp thiền sư Vân Cốc, có thể sửa đổi vận mạng, sáng tạo vận mạng. Có thể thấy vận mạng là có, Phong Thủy cũng có, nhưng biến đổi [vận mạng] thì phải biến đổi từ cái tâm. Cảnh chuyển theo tâm, số cũng phải từ tâm mới có thể hóa giải. Do vậy, chữ Số này bao hàm rất nhiều nghĩa, hàm nghĩa cũng rất sâu.

“*Thường phi thường đấng*”: Hết thấy các pháp, có pháp nào thường trụ? Pháp nào vô thường? Thí dụ như nói theo phía chúng sanh chúng ta, chân tánh của chúng ta là thường, hết thấy chúng sanh đều có Phật Tánh, Phật Tánh là thường. Nhục thể (cái thân xác thịt) này là vô thường, nhục thể có sanh, lão, bệnh, tử, thành, trụ, hoại, không, tinh thần của chúng ta là chân thường. Nói theo cách bây giờ thì là tinh thần và vật chất. Thân thể này là vật chất, có tụ, có tán, nhưng thật sự thì tinh thần chẳng đến, chẳng đi, trong Phật pháp gọi điều ấy là Phật Tánh, hoặc gọi là Bản Tánh, hoặc gọi là Chân Tâm; trong kinh nói chung có đến mấy chục danh từ đều nhằm để nói về sự thật này. Do vậy, cái nào là thường? Cái nào là vô thường? “*Đấng*” là từ ngữ tinh lược, [hàm ý] là tiếp theo đó còn có nhiều thứ nữa, đều là nói về nguyên lý, nguyên tắc trong vũ trụ và nhân sinh.

“*Thị trí vô bất tri*” (là trí không gì chẳng biết), trí huệ khởi tác dụng, không gì chẳng biết, đó gọi là Nhất Thiết Chủng Trí (Sarvathā-jñāna). Nhất Thiết Chủng Trí là trí huệ của Như Lai, là trí huệ viên mãn. Nhất Thiết Trí (Sarva-jñāna) là biết Không; nó biết Thể, nhưng không biết Dụng, nên gọi là Nhất Thiết Trí. Đạo Chủng Trí là biết Dụng mà cũng biết Thể, đây là trí huệ của Bồ Tát. Đạt tới Nhất Thiết Chủng Trí thì hai loại trí huệ này đều viên mãn, đó là trí huệ nơi quả địa của Như Lai. Gọi là Nhất Thiết Chủng Trí nhằm nói lên ý nghĩa “trí huệ viên mãn”.

(Sao) Thập hiệu giả, vạn đức Thế Tôn, cử mạc năng tận. Lược nhi ngôn chi, Như Lai chí Phật, cộng hữu thập hiệu. Thập hiệu chi trung, Phật đương kỳ nhất. Cự tư thập đức, thể xuất thế gian chi sở tông chủ, cố danh Thế Tôn.

(鈔)十號者，萬德世尊，舉莫能盡。略而言之，如來至佛，共有十號。十號之中，佛當其一。具茲十德，世出世間之所宗主，故名世尊。

(Sao: “Mười hiệu”: Thế Tôn có muôn đức nói chẳng thể hết. Nói đại lược, từ Như Lai tới Phật có tất cả mười hiệu. Trong mười hiệu, Phật

là một hiệu trong số đó. Đây đủ mười đức, là bậc được tôn sùng nhất trong cả thế gian lẫn xuất thế gian, nên gọi là Thế Tôn).

Như Lai “*thập hiệu*”, mười hiệu ấy là “*thông xung*”, [tức là] bất luận vị Phật nào cũng đều có đủ mười hiệu ấy. Mười hiệu ấy được đặt ra dựa trên trí huệ và đức năng của Phật. Trong mười hiệu, ở đây chỉ nêu ra hai hiệu, nêu ra “*Như Lai*” và “*Phật*”. Thập hiệu là Phật học thường thức, chúng tôi giảng đơn giản một lượt.

Thứ nhất là “*Như Lai*” (Tathāgata). Cũng có rất nhiều cách giải thích hai chữ Như Lai này. Cách giải thích thường thấy nhất là: “*Kim Phật như đồng cổ Phật chi tái lai, giá khiêu Như Lai*” (Phật hiện tại giống như cổ Phật trở lại, nên gọi là Như Lai). Trí huệ và đức năng của mỗi vị Phật đều giống như nhau, Phật hiện tại giống như cổ Phật tái lai, đây là hoàn toàn nói theo mặt Sự. Nói theo Lý thì như kinh Kim Cang đã giải thích rất hay: “*Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ*” (Như Lai là không từ đâu đến, mà cũng chẳng đi về đâu). Điều này giống hệt như trong Bát Nhã và Trung Quán đã nói: “*Bất lai, bất khứ*” (Chẳng đến, chẳng đi). Đó là ý nghĩa của Như Lai. Còn có một cách giải thích khác, ý nghĩa hết sức hay: “*Như Lai giả, chư pháp Như nghĩa*” (Như Lai là nghĩa Như của các pháp). Đây là giải thích vì sao Như Lai được gọi là Như Lai, nêu ra đạo lý và cảnh giới do chính Ngài đã đích thân chứng đắc: “*Hết thảy các pháp đều Như*”. Hết thảy các pháp là tướng, Như điều gì? Giống như Tánh của hết thảy các pháp, Tánh và Tướng như nhau, đó là Như Lai. Do vậy, nói “*nghĩa Như của các pháp*”; nhưng nói theo kiểu này, các đồng tu chắc là rất khó thông hiểu. Chúng tôi lấy chuyện nằm mộng làm tỷ dụ: Nằm mộng, bỗng nhiên quý vị thức giấc, hãy suy nghĩ toàn bộ mộng cảnh, mộng cảnh là các pháp, cái tâm có thể biến hiện mộng cảnh ví như tự tánh. Quý vị nghĩ xem: Tất cả cảnh giới trong mộng có phải đều do cái tâm của quý vị biến hiện hay không? Nếu quý vị giấc ngộ, tất cả cảnh giới trong mộng đều là tâm ta! Tâm là mộng cảnh, mộng cảnh là tâm. “*Ngoài tâm không mộng, ngoài mộng không tâm*”, tâm và mộng như nhau; đây là nghĩa Như của các pháp.

Từ chỗ này, quý vị hãy suy nghĩ, sấm la vạn tượng trong tận hư không khắp pháp giới hiện thời đều là Tướng Phần được hiện bởi Chân Như bản tánh của chúng ta. Quý vị nói “*minh tâm kiến tánh*”, tánh ở đâu vậy? Chẳng có một pháp nào chẳng phải là tánh! Giống như chúng ta nằm mộng, bỗng nhiên trong mộng nghĩ “*tâm ở nơi đâu?*” Chẳng có pháp nào trong mộng chẳng phải là tâm! Toàn là tự tánh của quý vị! Vì thế, kinh

thường dạy: “*Toàn bộ vọng chính là chân, toàn bộ chân chính là vọng*”, chân là gì? Cái tâm có thể biến (năng biến tâm). Vọng là mộng cảnh được biến hiện [bởi tâm]. Chân và vọng là một, chẳng hai! Hiểu rõ sự thật này, chân - vọng chẳng hai, tánh - tướng như một. Đây là lời giải thích “*nghĩa Như của các pháp*” trong kinh Kim Cang. Quý vị đạt tới cảnh giới này, có thể gọi là Như Lai. Vì thế, đức hiệu Như Lai được thành lập từ chỗ này. Chúng ta chưa đạt tới cảnh giới này, chẳng thể xưng là Như Lai; đạt tới cảnh giới này bèn gọi là Như Lai. Gọi Như Lai là đã chứng đắc Pháp Thân. Pháp Thân là bản thân của hết thảy các pháp, giống như mộng cảnh vừa mới được nhắc tới, bỗng nhiên nhận biết ta đang nằm mộng, tất cả hết thảy các cảnh giới trong mộng đều là chính mình, thân thể của chính quý vị trong mộng là chính mình, người khác trong giấc mộng vẫn là chính mình, do chính cái tâm của quý vị biến hiện, chẳng phải do người từ bên ngoài bước vào mộng cảnh, chẳng có chuyện ấy! Núi, sông, đại địa trong mộng vẫn là chính mình, không có gì chẳng phải là chính mình, mới biết tận hư không khắp pháp giới thảy đều là chính mình, đó gọi là “*chứng đắc thanh tịnh Pháp Thân*”, thừa nhận hết thảy các pháp quả thật là chính mình. Nhục thân của chúng ta có sanh, có diệt, Pháp Thân bất sanh, bất diệt. Không chỉ tinh thần bất diệt, mà vật chất bất diệt, Pháp Thân bất sanh, bất diệt. Nếu quý vị nghe hiểu những lời này, lãnh hội cặn kẽ, tuy chưa thể chứng đắc Pháp Thân, ít nhiều quý vị đã có khái niệm về Pháp Thân. Đây là ý nghĩa của hai chữ Như Lai.

Đức hiệu thứ hai là “*Ứng Cúng*” (Arhat), [nghĩa là] đáng nên tiếp nhận đại chúng cúng dường. Vì sao đáng nên tiếp nhận đại chúng cúng dường? Phật là vô thượng phước điền của hết thảy chúng sanh, chúng ta tới đâu để gieo phước? Cúng dường Phật có phước báo lớn nhất. Hiện tại, Phật chẳng còn trụ thế, chúng ta muốn tu phước thì làm sao? Chúng ta tới đâu cúng dường? Cúng dường những pháp sư xuất gia! Pháp sư xuất gia cố nhiên có người là đệ tử Phật chân chánh, mà cũng có yêu ma, quỷ quái. Nếu quý vị cúng dường sai, giống như quý vị gieo hạt giống trên đá, hoặc gieo trên cát, không chỉ chẳng sanh mầm, mà ngay cả hạt giống gieo xuống ấy cũng bị hư hoại. Do vậy, gieo phước điền chẳng dễ dàng. Nhưng tôi bảo quý vị: Tuy Phật chẳng tại thế, xá-lợi Pháp Thân Phật vẫn tồn tại trên thế gian, quý vị cúng dường xá-lợi Pháp Thân giống như cúng dường Phật chẳng hai, chẳng khác; xá-lợi Pháp Thân là gì? Kinh điển! Quý vị cúng dường kinh điển. Cúng dường bằng cách nào? Quý vị đọc tụng kinh điển mỗi ngày. Trong quá khứ, người ta chép kinh, nay chúng ta in kinh, đây là cúng dường Phật, khiến cho xá-lợi Pháp Thân của Ngài thường trụ thế

gian, vĩnh viễn chẳng bị hủy diệt. Nhất là kinh Di Đà, kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ là cùng một bộ, một kinh là Đại Bản, kinh kia gọi là Tiểu Bản, nói kinh Vô Lượng Thọ hay nói kinh Di Đà hoàn toàn giống nhau. Trong Pháp Diệt Tận Kinh, đức Phật đã nói: Trong tương lai, Phật pháp sẽ diệt tận, kinh diệt đầu tiên là kinh Lăng Nghiêm, kinh diệt cuối cùng là kinh Di Đà. Tất cả hết thảy các kinh đều diệt sạch, kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ vẫn còn trên thế gian một trăm năm; bởi lẽ, kinh này thật sự là “tam căn phổ bị, lợi độn toàn thân” (thích hợp khắp ba căn, gồm thân lợi căn lẫn độn căn). Người chẳng gặp được những kinh ấy là kẻ thiếu phước; người gặp được kinh điển, y giáo tu hành, không ai chẳng thành tựu trong một đời! Do vậy, nói: Phật pháp thành tựu trong một đời, chỉ có pháp môn này, chúng ta đọc tụng, hoằng dương, lưu thông kinh điển này chính là cúng dường đức Phật. Do vậy, danh hiệu thứ hai là Ứng Cúng, Phật là phước điền chân thật của chúng sanh trong chín pháp giới.

Đức hiệu thứ ba là “Chánh Biến Tri” (Samyak-sambuddha), danh hiệu này được kiến lập theo trí huệ và đức năng của Phật. Ngài là bậc toàn trí toàn năng, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Những gì Ngài biết nhất định là chính xác, chẳng sai lầm; vì vậy, gọi là Chánh Tri. Biến Tri là không chuyện gì Ngài chẳng biết, biết trọn khắp. [Gộp hai ý nghĩa Chánh Tri và Biến Tri lại] nên gọi là Chánh Biến Tri.

Danh hiệu thứ tư là “Minh Hành Túc” (Vidyā-carana-sampanna). Minh là “minh” (明) trong “quang minh”, Hành là “hành” (行) trong “tu hành”, Túc là “túc” trong “mãn túc” (満足: trọn đủ). Đức hiệu này được kiến lập dựa trên thần thông của Phật. A La Hán có sáu thứ thần thông; tuy có sáu món thần thông, nhưng năng lực hữu hạn. Chẳng hạn như nói đến Túc Mạng Thông thì A La Hán chỉ biết tới năm trăm đời, biết năm trăm đời quá khứ, nhưng hơn năm trăm đời sẽ chẳng biết.

Túc Mạng Thông (Pūrvanivāsānusrī-jñāna) của Phật chẳng có hạn lượng, vô lượng, vô biên. Đây là nêu một thí dụ để nói. Nơi Phật chẳng gọi là Lục Thông, mà đổi tên, gọi là Tam Minh (Tri-vidya), tức là ba thứ quang minh. Không gọi là “thần thông”, Minh cao minh hơn thần thông rất nhiều. Trọn đủ Tam Minh: Thiên Nhãn Minh, Túc Mạng Minh, Lưu Tận Minh. Đây cũng là năng lực của Ngài; “thần thông” nói thật ra là “có năng lực”. Chánh Biến Tri trong phần trước là nói về trí huệ, trí huệ lẫn năng lực đều viên mãn, chẳng có mảy may khiếm khuyết, nên gọi là Minh Hành Túc.

Thứ năm là “Thiện Thệ” (Sugata), có nghĩa là “bất tái lai” (chẳng trở lại); “bất tái lai” là chẳng thoái chuyển. Ngài đã thành Phật, chắc chắn

chẳng đọa xuống hàng Bồ Tát, tuyệt đối chẳng lại đọa làm phàm phu. Nếu nói “chẳng trở lại” nghĩa là thành Phật sẽ không trở vào nhân gian thì cách nói như vậy chẳng thông! Phật thường thị hiện trong nhân gian, Ngài có đến; đó gọi là “*đạo giá Từ hàng*” (thả chiếc bè Từ). Cổ nhân giải thích Thiện Thệ là “*bất hoàn lai*” (chẳng trở lại), trên thực tế là nói Ngài chẳng thoái chuyển, sẽ không rớt xuống địa vị phàm phu. Ngài vào trong cõi phàm, tùy loại hóa thân, giống như Quán Âm Bồ Tát “nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy”. Tuy hiện thân ấy, trên thực tế vẫn là Phật, trọn chẳng thật sự đọa lạc trong thân ấy. Vì vậy, Ngài đến nhân gian thị hiện thân người, chắc chắn chẳng thật sự biến thành người, chẳng có, vẫn là Phật, bất quá hiện hình dáng con người để hòa quang đồng trần, nhằm giúp đỡ chúng ta mà thôi, tuyệt đối chẳng lui sụt. Đó là Thiện Thệ.

Thứ sáu là “*Thế Gian Giải*” (Lokavid), Giải (解) là lý giải. Hết thầy các pháp thế gian Ngài hoàn toàn thông đạt, chẳng có chuyện gì không biết. Pháp thế gian và xuất thế gian thầy đều thông đạt, đó là Thế Gian Giải. Hoảng pháp lợi sanh, quả thật chẳng phải là chuyện dễ dàng. Thuở ấy, tôi theo học Giáo với thầy Lý, thầy Lý dặn đi, dặn lại, dặn dò chúng tôi nhất định phải thông đạt pháp thế gian, nhưng học Phật phải luôn lấy Phật pháp làm chánh. Thầy đặc biệt nhắc nhở chúng tôi nhất định phải hiểu pháp thế gian. Không hiểu pháp thế gian, chỉ thông hiểu Phật pháp, sẽ chẳng thể độ chúng sanh, vì quý vị và người thế gian chẳng hợp nhau. Thông hiểu pháp thế gian mà chẳng thông hiểu Phật pháp, cũng chẳng thể độ chúng sanh; nếu muốn phát tâm độ chúng sanh, sẽ chẳng dễ dàng! Pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều phải thông đạt, chuyện này khó lắm. Pháp thế gian, chúng ta không cần bàn tới những kiến thức khoa học kỹ thuật mới mẻ hiện thời, chúng ta chẳng bàn đến những thứ ấy, vì quá nhiều, mà chỉ nói đến kiến thức xưa kia. Tứ Khố Toàn Thư là thứ cổ xưa của Trung Quốc, quý vị có thể thông đạt trong một đời này hay không? Pháp thế gian, chẳng tính tới khoa học kỹ thuật hiện đại, những thứ mới mẻ hiện thời không kể đến, chỉ tính những thứ xưa cũ, đã khó rồi! Còn Phật pháp thì sao? Tam Tạng kinh điển. Có thể thấy chuyện này khó lắm, thật sự là khó! Do vậy, phát tâm dễ, muốn thật sự làm được chẳng dễ dàng, nhưng chúng ta vẫn phải tận tâm tận lực gắng gượng thực hiện!

Trong pháp thế gian, thầy Lý chọn lựa cho các học trò, thứ nhất là Tứ Thư phải đọc, thứ hai là cổ văn, đọc Cổ Văn Quán Chi²⁰, thứ ba là Ngự

²⁰ Cổ Văn Quán Chi là tuyển tập các bài cổ văn được coi là tuyệt diệu nhất trong nền văn học Trung Hoa. Tác phẩm này do chú cháu Ngô Sở Tài và Ngô Điều Hầu biên soạn vào năm Khang Hy 34 (1694). Tác phẩm này chọn lựa hai trăm hai mươi bài văn

Phê Thông Giám Tập Lãm²¹, đây là lịch sử, phải biết giáo huấn lịch sử trong quá khứ, thứ tư là Ngũ Chung Di Quy²² là sách dạy cách tu thân, đây là pháp thể gian thầy quy định chúng tôi phải đọc. Nay chúng tôi thấy nhiều người phát tâm gần như tốt đẹp mọi lẽ, nhưng chẳng hiểu đạo lý xử thế, không hiểu lễ tiết, cử chỉ, lời lẽ, hành vi thường gây mất lòng người khác, làm sao có thể hoằng pháp cho được? Dầu quý vị thông hiểu Phật pháp cách mấy cũng chẳng được, không biết cách xử sự! Có rất nhiều người thật sự tu hành khá lắm, nhưng đối với pháp thể gian là một tờ giấy trắng tinh, điều gì cũng không biết. Vì thế, đối xử với kẻ khác đúng là dở khóc dở cười, người ấy có cố ý hay không? Chắc chắn là vô ý! Do chưa từng học, nên chẳng hiểu đạo lý đãi người xử thế. Vì vậy, pháp thể gian và xuất thế gian đều phải thông đạt. Đối với hết thầy các pháp thể gian, đức Phật chẳng có gì không thông đạt, cho nên gọi là Thế Gian Giải. Chẳng thông đạt pháp thể gian, chắc chắn chẳng thể độ chúng sanh, lời nói, việc làm, cử chỉ của chính mình khiến chúng sanh cảm thấy ngán ngẩm, dầu đức hạnh cao tới đâu đi nữa, ngay cả chuyện làm người mà quý vị quá tệ thì còn nói gì được nữa? Do vậy, chúng ta phải lưu ý điều này. Tôi kính khuyên quý vị: Đối với sách vở thế gian, nhất định phải đọc Ngũ

viết theo lối Văn Ngôn từ thời Tiên Tần đến giữa đời Minh. Chữ Cổ Văn do Hàn Dũ đề xướng nhằm phân biệt với Kim Văn (tức Biền Văn). Chữ Quán Chi xuất phát từ Tả Truyện, theo đó công tử Quý Trát của nước Ngô đi sứ nước Lỗ, nghe tấu nhạc Thiệu đã thốt lên: “*Quán chi hĩ! Nhược hữu tha nhạc, ngô bất cảm thính dĩ*”. Câu này được các nhà chú giải đời sau giảng: Nhạc Thiệu là đỉnh cao tột nhất của âm nhạc. Đã được thưởng thức nhạc Thiệu rồi, không còn muốn nghe bất cứ thứ âm nhạc nào khác nữa. Do vậy, chữ Quán Chi được dùng để chỉ những gì tuyệt tác, hay nhất, tốt đẹp nhất.

²¹ Ngự Phê Thông Giám Tập Lãm, gọi tắt là Thông Giám Tập Lãm, gồm một trăm mười sáu quyển, được biên soạn vào năm Càn Long 32 (1767) bởi nhóm Phó Hằng, Doãn Kế Thiện, Lư Thống Huân, A Lý Côn, Lư Luân, Vu Mẫn Trung v.v... theo lệnh của hoàng đế Càn Long. Thật ra, bộ sách này là bản tổng hợp hai bộ sách Ngự Phê Tư Trị Thông Giám Cương Mục thời Khang Hy và bộ Lịch Đại Thông Giám Toàn Yếu do Lý Trần Dương biên soạn dưới đời Minh. Nội dung bao gồm các sự kiện lịch sử từ thời Tam Hoàng Ngũ Đế đến đời Minh, kèm thêm các nhận định, giải thích, điển cố, khảo chứng. Trong sách này cũng thu thập hơn ba trăm lời nhận định của Càn Long.

²² Ngũ Chung Di Quy là sách giáo khoa về đức dục do Trần Hoàng Mưu biên soạn, nội dung bao gồm những chủ đề như dưỡng tánh, tu thân, trị gia, làm quan, xử thế, giáo dục. Do sách gồm có năm phần chính nên gọi là Ngũ Chung Di Quy, tức là Dưỡng Chánh Di Quy, Giáo Nữ Di Quy, Huấn Tục Di Quy, Tòng Chánh Di Quy, Tại Quan Pháp Giới Lục (sách răn mình của kẻ đang làm quan). Các phần này được biên soạn dựa trên giáo huấn của tiên nhân, và hoàn thành vào nhiều thời điểm khác nhau, chỉ được in chung lại thành Ngũ Chung Di Quy vào năm Càn Long thứ tám (1743).

Chủng Di Quy. Cuốn này do cư sĩ Trần Hoằng Mưu biên soạn vào đời Thanh, biên soạn vô cùng hay, đây là “*học Lễ*” như thường nói: “*Nhân vô lễ, tắc bất lập*” (con người vô lễ chẳng thể thành tựu), không có cách nào chen chân trong xã hội, nhất định phải hiểu lễ tiết!

Thứ bảy là “*Vô Thượng Sĩ*” (Anuttara). Sĩ (士) là danh từ tôn xưng của Trung Quốc đối người đọc sách. Trong những người đọc sách, Phật là chí cao vô thượng, cho nên gọi Ngài là Vô Thượng Sĩ. Nếu nói tới học vị, không có ai cao hơn Phật, Ngài có học vị tối cao, nên gọi là Vô Thượng Sĩ.

Đức hiệu thứ tám là “*Điều Ngự Trượng Phu*” (Purusadamyasārathi). Người Trung Quốc thường nói tới “đại trượng phu”; “đại trượng phu” và “đại anh hùng” đều nhằm tôn xưng những người kiệt xuất xưa kia. Gọi là “kiệt xuất” tức là người khác chẳng làm được, nhưng người ấy có thể thực hiện, khi ấy, mới gọi là “anh hùng” hoặc “đại trượng phu”. Phật xưng là Điều Ngự Trượng Phu: Điều Ngự là đối với chúng sanh mà nói, trong tâm chúng sanh có phiền não, Phật có cách khuấy phục, hóa giải phiền não của quý vị. Quý vị lạc phương hướng, chệch đường lối, Ngài có cách dẫn dắt quý vị đi vào con đường chánh đáng, đó là ý nghĩa của chữ Điều Ngự. Nghĩa gốc của Điều Ngự (調御) là đánh xe, trước đây đánh xe ngựa, xe kéo bằng ngựa [nên người đánh xe phải] không chế (điều khiển) ngựa, Điều Ngự mang ý nghĩa này. Quả thật, đức Phật có năng lực ấy.

Đức Phật chẳng còn tại thế, nhưng kinh điển cũng có cái năng lực này, vì sao chúng ta chẳng đạt được lợi ích? Ở đây, có hai nhân tố: Thứ nhất là Phiền Não Chướng nặng nề, chẳng chịu tiếp nhận; thứ hai là chấp trước kiên cố, có thành kiến, bài xích Phật pháp, như vậy là chẳng có cách nào hết! Chẳng phải là Phật không thể lợi ích chúng ta, mà vì bản thân chúng ta có tánh chống đối ở trong ấy. Chúng ta bài xích Phật pháp, nên chẳng đạt được lợi ích. Trong hết thảy các kinh, chư vị phải biết: Tuyệt đối chẳng phải vì chúng ta học Tịnh Độ bèn đặc biệt ca ngợi Tịnh Độ, coi nhẹ các pháp môn khác, chẳng phải vậy! Nếu có quan niệm ấy, chúng ta sẽ chẳng đạt được nhất tâm trong Tịnh Độ; tuy có thể vãng sanh, nhưng phẩm vị chẳng cao lắm!

Pháp môn bình đẳng, không hai, không khác. Tuy pháp môn bình đẳng, lũ chúng sanh chúng ta nghiệp chướng bất bình đẳng, căn tánh bất bình đẳng, tri kiến bất bình đẳng! Vì thế, có pháp môn học dễ dàng, có pháp môn học khó khăn, có pháp môn chúng ta có thể đạt được lợi ích viên mãn rốt ráo, có pháp môn chúng ta học chỉ đạt được một ít phần lợi

ích. Chỉ cần là Phật pháp chắc chắn đạt được lợi ích, nhưng quý vị đạt được [lợi ích] nhiều ít khác nhau! Các đại đức xưa nay, trong ngoài nước đều công nhận pháp môn “trì danh niệm Phật” của kinh Di Đà là lợi ích viên mãn rốt ráo, ai nấy đều có thể niệm, ai cũng có thể hành, vấn đề là chính quý vị có chịu tu tập hay không? Nếu quý vị chịu tin tưởng, chịu niệm, chịu hành, quý vị sẽ thành Phật trong một đời này.

Lần này, chúng tôi đọc bản chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, thấy đối với căn cơ của pháp môn này, cụ có nói một điều hết sức có lý! Pháp môn Niệm Phật nhằm tiếp độ người căn cơ thượng thượng. Điều này chẳng thể nghĩ bàn! Tiếp độ căn cơ thượng thượng, chúng ta suy nghĩ căn kẽ, chẳng sai! Những ai là bậc thượng thượng? Bà cụ già căn cơ thượng thượng! Trong tâm bà ta chẳng có vọng tưởng gì, tri kiến gì cũng chẳng có, suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật là đủ rồi, điều gì cũng chẳng cần tới, đó là bậc thượng thượng thừa! Kẻ trung hạ vẫn còn hoài nghi, vẫn muốn làm chuyện này, chuyện nọ, khiến cho chính mình bị lầm lạc. Chúng ta thấy kẻ chẳng hiểu biết gì niệm ba năm, bèn đứng mất, ngồi mất, cười rồi ra đi, chẳng bị bệnh khổ, biết trước lúc mất, đấy chẳng phải là bậc thượng thượng thừa thì còn ai đáng gọi là bậc thượng thượng thừa? Chúng ta tưởng chính mình là bậc thượng thượng thừa, Phật, Bồ Tát thấy chúng ta là kẻ căn cơ hạ hạ, chẳng có cách nào hết! Do vậy, chúng ta ngàn vạn phần đừng coi thường các bà cụ già, chúng ta chẳng thể sánh bằng họ. Họ khăng khăng một câu Phật hiệu, ý niệm gì cũng đều chẳng có! Chúng ta niệm Phật hiệu, nhưng vẫn đọc kinh này, nghiên cứu kinh kia, vẫn mong hiểu nhiều hơn thứ này, thứ nọ, toàn bộ đều là xen tạp vọng tưởng, chẳng thuần như người ta! Thật sự thật thà niệm Phật, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi, đấy là bậc thượng thượng thừa. Có thể làm được chín chữ ấy (chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi), chẳng có ai ba năm không thành Phật!

Nói “*pháp môn thành Phật*” thì thành Phật thật sự chẳng khó, ba năm quyết định thành công. Cho tới lúc ấy, trí huệ mở mang, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều thông đạt. Chúng ta học, dẫu học ba mươi năm, hay ba trăm năm, vẫn là học ngoài da, vẫn là dùng chẳng được, không bằng người ta một câu A Di Đà Phật, đấy mới thật sự là tu từ căn bản, chẳng làm chuyện cành nhánh! Nhà Thiên nói tới căn bản, trong Tịnh Độ nói một câu A Di Đà Phật, căn bản ấy là căn bản viên mãn rốt ráo, nhà Thiên chẳng thể sánh bằng! Thiên chưa chắc ba năm đã có thể khai ngộ, niệm Phật ba năm nhất định có thể thành Phật, chẳng thể sánh tầy! Vì thế,

chẳng phải là đức Phật không thể điều ngự, mà do chúng ta không chịu tiếp nhận; đây là nói đến thiện căn, phước đức, nhân duyên.

Tôi nhìn thánh chúng trong giảng đường, cũng rất cảm khái, có nhiều người nghe tôi giảng kinh trong quá khứ, hiện thời không đến, tôi thấy hiện thời có rất nhiều gương mặt mới. Tôi cảm khái ở chỗ nào? Những người đó phước báo không lớn lắm, giải hạnh của bản thân tôi mỗi năm đều có tiến bộ, trong quá khứ họ nghe, [giải hạnh của tôi khi ấy] chỉ cao chừng đó, hiện tại tôi cao ngần này, họ nghe không được, họ chỉ có tư cách nghe cao đến mức đó, lên một bậc nữa, họ không thể nghe được, hết sức đáng tiếc! Do vậy, càng nghe về sau, phước báo càng lớn! Cũng có một số ít trước đây đã đến nghe, quý vị hãy lắng lòng hồi tưởng, cảnh giới tôi giảng mỗi năm khác nhau, khác hẳn! Vì thế, tôi mượn người ta rất nhiều băng âm lời tôi đã giảng để nghe lại, sau khi nghe xong, tôi đều lắng đầu, vì sao? Không có một cuốn băng nào khiến tôi hài lòng, thấy đều không được. Nếu là tôi, tôi sẽ thiêu sạch toàn bộ! Ngày hôm nay giảng cho quý vị nghe, tới hôm sau lại chẳng vừa ý. Do vậy, điều khẩn yếu là phải niệm một câu Phật hiệu cho tốt đẹp thì hết thầy chúng ta đều thành tựu.

Danh hiệu thứ chín là “*Thiên Nhân Sư*” (Śāstā deva-manuśyānām), đây là nói theo thân phận xuất hiện của đức Phật. Phật là đạo sư của cõi trời và nhân gian, nên chúng ta gọi Ngài là Thiên Nhân Sư. Do Phật pháp là sự giáo dục của đức Phật, chúng ta gọi Ngài là thầy. Chúng ta chẳng gọi Ngài là thần, không xưng tụng Ngài là thần minh chí cao vô thượng, không gọi Ngài như vậy! Không gọi Ngài là Thượng Đế, chúng ta gọi Ngài là Thiên Nhân Sư. Ngài là thầy của chúng ta, bản chất của Phật giáo đã được bày tỏ [qua đức hiệu này]!

Đức hiệu thứ mười là “*Phật*” (Buddha), tam giác viên mãn, nên gọi là Phật. Đây đủ mười đức hiệu này nên gọi là “*Thế Tôn*” (Loka-natha, Bhagavat), Thế Tôn là tổng xưng (danh xưng chung), trong thế gian chẳng có ai tôn quý bằng!

(Sao) Thập nghĩa giả.

(鈔) 十義者。

(Sao: Mười nghĩa là...)

Thập nghĩa Phật là như Phật Địa Luận đã giảng.

(Sao) Cự nhị trí, đoạn nhị chương, giác nhị đế, đắc tự tha nhị lợi, như “mộng giác, hoa khai” nhị dụ, hợp chi vi thập nghĩa dã.

**(鈔)具二智，斷二障，覺二諦，得自他二利，如夢覺
華開二喻，合之為十義也。**

(Sao: Đây đủ hai trí, đoạn hai chương, giác hai đế, đắc hai thứ lợi ích là tự lợi và lợi tha, lập ra hai thứ thí dụ là “như tỉnh mộng” và “hoa nở”, hợp lại thành mười nghĩa).

Mười ý nghĩa này có thể nói đều là nêu ra cương lĩnh. Thứ nhất là trọn đủ “*nhị trí*”, tức là Căn Bản Trí và Hậu Đắc Trí. Căn Bản Trí (Mūlajñāna) còn gọi là Thật Trí, tức trí huệ chân thật. Hậu Đắc Trí (Prsthalabdha-jñāna) còn gọi là Quyền Trí, tức vận dụng quyền xảo (quyền biến, khéo léo). Chúng ta dùng tỷ dụ để nói thì như trong kinh đã dạy: “*Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết*”, vô tri là Căn Bản Trí, “không gì chẳng biết” là Hậu Đắc Trí. Căn Bản Trí không cần phải học, nó là thứ chính quý vị vốn có. Nói cách khác, nó là chiếu dụng (tác dụng chiếu soi) của tâm thanh tịnh, Tâm Kinh nói: “*Chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*”. Tâm thanh tịnh, nó sẽ tự nhiên chiếu, giống như nước, nếu khi nước thanh tịnh, chẳng cuộn sóng, sẽ tự nhiên soi chiếu cảnh giới bên ngoài, soi bóng rõ rệt, đó là Căn Bản Trí. Quyền Trí nhằm ứng phó chúng sanh, nên gọi là Hậu Đắc Trí. Hậu Đắc Trí cần phải học, nhưng Căn Bản Trí chẳng cần học. Vì sao Bồ Tát phải giáo hóa chúng sanh? Chẳng giáo hóa chúng sanh, trí huệ chẳng thể viên mãn ư? Chẳng thể viên mãn! Ất phải giáo hóa chúng sanh, dạy dỗ khá lâu, vì quý vị tiếp xúc chúng sanh thì mới hiểu vô lượng vô biên tập khí, vô lượng vô biên phiền não của chúng sanh, thấy đều hiểu được. Quý vị hiểu được, sẽ có trí huệ để đối trị, chỉ dạy họ, trí huệ ấy được gọi là Hậu Đắc Trí.

Chúng ta nêu tỷ dụ để nói, như Thiên Tông Lục Tổ đại sư, sau khi Ngài minh tâm kiến tánh, đắc Căn Bản Trí, Ngài có biết kinh Niết Bàn hay chẳng? Không biết, phải có người đem kinh Niết Bàn đọc một lần, nhưng [nghe xong] Ngài hoàn toàn biết. Người ta chẳng đọc một lần, Ngài chẳng biết. Ngài cũng chẳng biết kinh Pháp Hoa, bảo thiên sư Pháp Đạt niệm kinh Pháp Hoa một lượt, Ngài liền biết, hiểu rõ! Pháp thế gian và xuất thế gian, có thể nói là điều gì Ngài cũng đều không biết, nhưng hề tiếp xúc liền biết, vừa thấy liền hiểu, vừa nghe liền hiểu; đó là Hậu Đắc Trí. Do vậy, nếu Ngài chẳng giáo hóa chúng sanh, chẳng đi tham học, Hậu Đắc Trí sẽ chẳng thể viên mãn. Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần cũng do đạo lý này, Ngài phải viên mãn điều gì? Viên mãn Hậu Đắc

Trí, chẳng phải là viên mãn Căn Bản Trí; không có năm mươi ba lần tham học, Hậu Đắc Trí sẽ chẳng viên mãn. Do vậy, Bồ Tát phải phát nguyện phổ độ hết thủy chúng sanh, đối với người khác có lợi ích, đối với chính mình có lợi ích, thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí của chính mình. “*Cụ nhị trí*” chính là hai thứ trí huệ ấy, Ngài đều trọn đủ!

“*Đoạn nhị chướng*”. Nhị chướng là Phiền Nã Chướng (Kleśāvarana) và Sở Tri Chướng (Jñeyāvarana). Đoạn Phiền Nã Chướng bèn khôi phục tâm thanh tịnh, đây là chướng ngại lớn nhất. Chúng ta niệm Phật, nghĩ đến tâm thanh tịnh, mong tâm địa thanh tịnh, mong đạt được công phu thành phiền, thành phiền sẽ vãng sanh. Trong công phu thành phiền có chín phẩm, ba phẩm thượng của công phu thành phiền sẽ sanh tử tại, muốn vãng sanh khi nào sẽ có thể vãng sanh khi ấy, muốn ở lại thêm mấy năm cũng chẳng trở ngại gì. Ba phẩm thượng của công phu thành phiền có năng lực này. Do vậy, mỗi cá nhân chúng ta đều có hy vọng. Nếu nói nhất tâm bất loạn mới có năng lực [vãng sanh tại] thì chúng ta chẳng có hy vọng gì, công phu thành phiền đã có năng lực này, chúng ta ai nấy đều có hy vọng, vì sao? Chúng ta đích xác có thể làm được. Bao lâu? Nghiêm túc thực hiện thì ba năm chắc chắn đạt được, có lẽ còn chưa cần tới ba năm, quyết định có thể làm được!

Bình thường đãi người tiếp vật phải thường đề cao cảnh giác, học điều gì? Học giảm nhẹ phiền não, quyết định chớ nên tăng trưởng tham, sân, si, mạn, phải thấy thấu suốt chúng, phải nhạt bớt chúng, chớ nên so đo. Oan gia đối đầu, ta không mong thấy kẻ ấy, nhìn thấy kẻ ấy đi tới bèn tránh sang bên cạnh, đó chẳng phải là tu hành. Người tu hành thì như thế nào? Lúc gặp oan gia đối đầu, ta ngồi với kẻ ấy cùng một chỗ, ta cũng chẳng cần phải bỏ đi, tốt nhất là huấn luyện chính mình trong khi ấy, [xét xem] tâm sân khuê của ta có giảm nhẹ hay không? Không có kẻ oan gia đối đầu ấy, ta làm sao có thể đoạn được cái tâm sân khuê? Chẳng có kẻ ta rất ưa thích, làm sao đoạn được tham ái? Tùy duyên, chẳng phan duyên, chẳng tìm kiếm! [Nghe nói] ta phải đoạn tâm sân khuê, bèn đi kiếm kẻ oan gia đối đầu, trật rồi! Đó là phan duyên. Chạm mặt, cũng chẳng cần tránh né, không chạm mặt, cũng chẳng cần phải đi tìm. Từ đầu đến cuối giữ gìn cái tâm bình thường, giữ gìn cái tâm thanh tịnh, tâm chúng ta mới trong sạch. Đó gọi là “*bất tương, bất nghênh*” (chẳng sấn đón), tùy duyên, chẳng phan duyên, đoạn phiền não trong cảnh giới.

Công phu thật sự sẽ hiện trong cảnh giới. Không có cảnh giới, làm sao biết được công phu của chính mình? Kinh Kim Cang nêu thí dụ: Nhẫn Nhục tiên nhân tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, gặp Ca Lợi Vương (Kalingarāja)

cắt xẻo thân thể, Ngài viên mãn Nhẫn Nhục Ba La Mật, thật sự khảo nghiệm, chịu nổi khảo nghiệm, nên Nhẫn Nhục Độ viên mãn. Vì vậy, nhất định phải xét nghiệm công phu của chính mình trong cảnh giới, xem công phu của chúng ta đã thành phiền hay chưa? Tâm thanh tịnh có hiện tiền hay chưa? Đã đạt đến nhất tâm bất loạn hay chưa?

Loại thứ hai là Sở Tri Chướng, bản thân phiền não là chướng ngại, nhưng bản thân của sự hiểu biết (Sở Tri) chẳng phải là chướng ngại, vì đức Phật là Chánh Biến Tri, làm sao là chướng ngại cho được? Không gì chẳng biết! Chúng ta cũng giống như Phật, cũng là không gì chẳng biết, nhưng hiện thời chúng ta thật sự cái gì cũng không biết. Cái gì cũng đều không biết, nhất định là có chướng ngại ngăn trở trí huệ của chúng ta. Chúng ta gọi chướng ngại ấy là Sở Tri Chướng, phải đoạn điều ấy! Nếu muốn đoạn Sở Tri Chướng, làm như thế nào? Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta một phương pháp, học rộng nghe nhiều để phá Sở Tri Chướng; năm mươi ba lần tham học của Thiệt Tài đồng tử nhằm phá Sở Tri Chướng, viên mãn Hậu Đắc Trí.

Nhưng trong hiện tiền, tôi phải nhắc nhở các đồng tu, chúng ta có cần học rộng nghe nhiều hay chẳng? Quý vị học rộng nghe nhiều, Sở Tri Chướng chẳng khử được. Không chỉ chẳng trừ khử được, mà còn tăng thêm, tuyệt đối là tăng trưởng tà tri tà kiến, chuyện này phiền lắm. Do vậy, quý vị theo học một vị thầy, đi theo một con đường, hai vị thầy là hai con đường, ba vị thầy là ba con đường, về sau, chẳng biết đi theo đường nào mới nên! Chẳng có cách nào cả! Vì thế, trong hiện tại cũng có mấy vị cư sĩ tìm tôi, mong tôi bồi dưỡng một số nhân tài; hiện thời, nhân tài hoàng pháp lợi sanh quá ít, tôi bảo họ tôi cũng có ý đó, nguyên nhân do đâu? Tìm chẳng được học trò. [Họ nói]: “Học trò rất nhiều”, đâu có chuyện ấy! Kiếm đâu ra một đứa học trò phục tùng thầy một trăm phần trăm! Một người còn tìm chưa ra!

Tôi cũng từng nói với quý vị, trước kia, tôi thân cận thầy Lý, vừa nhập môn bái sư, [thầy Lý dặn dò]: “Điều kiện thứ nhất là chỉ được nghe thầy giảng, không được phép nghe bất cứ ai khác”. Nếu chẳng tiếp nhận điều này, vậy là xong, quý vị chẳng cần nhập môn! Giảng kinh, thuyết pháp hoan nghênh quý vị tới nghe, người đến chẳng cự tuyệt, người đi chẳng lưu lại, nhưng thầy dạy lớp [huân luyện kinh giáo] ấy, quý vị chẳng thể tham dự. Quý vị muốn tham gia lớp ấy, chính thức làm học trò của cụ, chỉ nên nghe mình cụ giảng, bất luận ai khác giảng kinh thuyết pháp đều chẳng được đến nghe. Cụ dạy quý vị đi theo một con đường, dẫn quý vị đi theo một con đường. Chẳng được xem kinh điển, quý vị muốn xem kinh

điền nào phải trình lên cụ, cụ đồng ý mới có thể xem. Chưa được thầy đồng ý thì kinh sách gì cũng chẳng được phép xem. Vì thế, chúng ta cảm thấy [dường như] vị thầy này chuyên chế, độc tài, chẳng đếm xỉa lý lẽ!

Chỉ có vị thầy như vậy mới có thể đào tạo học trò thành đạt, tới khi quý vị trong tương lai có thể tự phân biệt đúng, sai, tà, chánh thì bất cứ gì cũng đều có thể xem, ai giảng gì cũng đều có thể nghe, chỉ có lợi, chẳng có hại, vì sao? Quý vị có thể phân biệt chân, vọng, đúng, sai, người ta giảng sai quý vị sẽ biết, hấp thụ những ưu điểm của người ta, gạt bỏ những khuyết điểm, quý vị có năng lực đi tham học. Lúc chính mình chưa có năng lực, chỉ nên theo một vị thầy, [học với] hai vị thầy chắc chắn chẳng thể thành tựu. Do vậy, chúng tôi đến đâu để tìm được học trò? Tìm chẳng ra! Còn có người nói: “Pháp sư! Thầy suốt ngày đi ngoại quốc, lại chẳng ở nhà, học trò học với thầy bằng cách nào?” Học trò đương nhiên sẽ bỏ đi. Học trò thiếu phước báo, thầy phải dạy mỗi ngày ư? Chẳng cần, thầy chỉ cần chỉ cho quý vị một con đường, quý vị đi theo con đường ấy sẽ chẳng sai lầm!

Tôi ở Đài Trung nghe thầy Lý giảng kinh một giờ vào mỗi thứ Hai; lúc ấy, tôi cũng dẫn hai vị pháp sư theo, một vị là pháp sư Huệ Nhân, vị kia là pháp sư Kiến Như, dẫn họ tới Đài Trung thân cận thầy Lý, tới đó học Phật pháp. Pháp sư Kiến Như ở ba tháng liền bỏ đi, thầy ấy nói: “Không được! Tốc độ tiến triển quá chậm, mỗi thứ Hai học một tiếng đồng hồ, tôi đến đây học được gì?” Pháp sư Huệ Nhân ở được mười tháng, do dụng công quá độ, nên hể vừa nhìn vào sách, mắt thấy một bầu đen kịt. Sư thiếu phước báo, dụng công quá mức, nghiệp chướng hiện tiền, phải rời đi! Tôi cảm thấy ở Đài Trung, mỗi tuần học một giờ đôi với tôi hết sức thích hợp, vì sao? Tôi hoàn toàn có thể tiêu hóa. Khi ấy, năng lực tiếp nhận của tôi là như vậy. Thầy mỗi tuần dạy hai giờ, tôi vẫn rất tiêu dao tự tại, vẫn có thể tiếp nhận, nhưng nếu học bốn giờ, tôi sẽ rất bận bịu, rất căng thẳng. Hoàn toàn có thể tiêu hóa, biến [những gì thầy đã dạy] thành [sở ngộ của] chính mình, hết sức có thụ dụng. Tôi yên ổn trụ trong hoàn cảnh ấy mười năm. Người hiện thời thiếu lòng kiên trì, nên chẳng có cách nào hết! Vì thế nói: “*Mỗi người mỗi chí*”, chẳng thể miễn cưỡng!

Ngày nay chúng ta phá Sở Tri Chương bằng phương pháp nào? Cổ nhân Trung Quốc nói: “*Độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến*” (đọc sách ngàn lần, tự thấy ý nghĩa). Giáo huấn này có đạo lý rất sâu. Chẳng hạn như ta không hiểu kinh, có sợ không? Chẳng sợ! Quý vị cứ niệm mỗi ngày, niệm trên một ngàn biến, sẽ đại triệt đại ngộ. Quý vị đọc Đàn Kinh, thấy thiên sư Pháp Đạt thân cận Lục Tổ. Sư niệm kinh Pháp Hoa, đến gặp Lục

Tổ với thái độ hết sức ngạo mạn, khi đánh lễ đầu chẳng sát đất, Lục Tổ nói: “Ông ngạo mạn như thế, nhất định có gì đáng để kiêu ngạo?” Sư nói đã niệm ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa, từ đầu đến cuối niệm ba ngàn biến, trong bụng có ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa, đáng nên kiêu ngạo, gặp tổ sư, lễ bái đầu chẳng sát đất, bị Lục Tổ quở trách một trận. Được Lục Tổ chỉ điểm, Sư hoát nhiên thông suốt, đại triệt đại ngộ. Người khác vì sao chỉ điểm cách nào cũng chẳng khai ngộ, do nguyên nhân gì? Vì quý vị chẳng có ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa! Kinh Pháp Hoa phân lượng khá lớn, mỗi ngày niệm một bộ phải mất ba ngàn ngày, gần như là tốn thời gian tám, chín năm, mỗi ngày đều niệm chẳng gián đoạn; vì thế, được chỉ điểm liền khai ngộ. Một ngộ, hết thầy đều ngộ, có thể nói là giống như Lục Tổ đối với pháp thế gian và xuất thế gian hề tiếp xúc bèn thông đạt, đây là phương pháp tốt đẹp!

Nếu quý vị đọc bộ Ảnh Trần Hồi Ưc Lục của pháp sư Đàm Hu, đó là tự truyện của Ngài. Lúc Ngài chưa học Phật, khi còn làm cư sĩ, đã có tám năm gian khổ học tập kinh Lăng Nghiêm, có ba bốn người cùng chung chí hướng cùng học. Về sau, Ngài xuất gia, trở thành nhất đại tổ sư của tông Thiên Thai, dựa vào gì? Do căn cơ tám năm gian khổ học tập kinh Lăng Nghiêm. Chúng ta hôm nay đọc kinh này, ngày mai đọc luận kia, chẳng được rồi! Niệm phần trước, chẳng hiểu phần sau, niệm tới phần sau, quên hết phần trước, vô dụng! Đọc quyển sách này xong, lại đổi sang quyển khác, quên hết, quý vị từ đầu đến cuối chẳng thể thành tựu. Chẳng giống như cổ đức, cổ đức là một bộ kinh sách đọc đến tận cùng, thầy đều đọc thông suốt, khai ngộ rồi mới đọc thứ khác, xem những thứ khác chẳng tốn sức, vừa đọc liền hiểu rõ, lý giải. Căn bệnh của người thời nay là chẳng biết vun trồng căn bản. Chẳng biết vun trồng căn bản [là bí quyết để thành tựu, thầy] chuyện ấy quá khô sở, toàn làm những chuyện dễ coi. Vì thế, người hiện thời là hoa cắm trong bình, chẳng có rễ, rất đẹp, hai ngày là xong luôn, tàn úa, chẳng như cổ nhân, cổ nhân là rễ sâu cội vững, thật sự là mỗi năm trở mầm mới, mỗi năm nở hoa mới. Vì thế, [người hiện thời] thua kém cổ nhân. Chư vị đồng tu phải nghiêm túc phản tỉnh.

Nếu bản thân chúng ta muốn thành tựu trong một đời này thì thời gian không nhiều lắm, tốn thời gian bất quá từ năm năm tới bảy năm; bởi lẽ, liễu sanh tử là chuyện bậc nhất, nắm vững Tây Phương Cực Lạc thế giới là chuyện bậc nhất. Kế đó là nghiên cứu kinh, phải biết đặt chuyện này vào hạng hai, nghiên cứu kinh muốn giác ngộ thì phải chuyên dồn công sức nơi một bộ. Có thể giúp chúng ta liễu sanh tử, không gì hơn bộ kinh Di Đà này! Chú giải có phân lượng nhiều dường ấy, đủ cho quý vị

đọc. Quý vị chuyên đọc một bộ này, nghiên cứu kinh và chú giải, quý vị đọc suốt mười năm hay tám năm, sẽ là nhất đại tổ sư của Tịnh Độ Tông, là A Di Đà Phật tái lai, vì sao? Có thể vỗ ngực xưng là đại diện của A Di Đà Phật hóa độ chúng sanh trên quả địa cầu này, trở thành chuyên gia kinh Di Đà, chẳng cần tới bộ thứ hai! Những thứ được trích dẫn trong bộ chú giải này là rất nhiều kinh luận, pháp thế gian lẫn xuất thế gian, hết thảy đều được trích dẫn trong ấy, chẳng cần phải tra cứu sách tham khảo nữa, một bộ là đủ rồi! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta giảng tới đây.

Tập 94

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm bảy mươi một:

(Sao) Thập nghĩa giả, cụ nhị trí, đoạn nhị chương, giác nhị đế, đắc tự tha nhị lợi, như mộng giác hoa khai nhị dụ, hợp chi vì thập nghĩa dã.

(鈔)十義者。具二智，斷二障，覺二諦，得自他二利，如夢覺華開二喻，合之為十義也。

(Sao: “Mười nghĩa” là đầy đủ hai trí, đoạn hai chương, giác hai đế, đắc hai lợi ích tự lợi, lợi tha, lập ra hai thứ thí dụ là “như tỉnh mộng” và “hoa nở”, hợp lại thành mười nghĩa).

Đây là giải thích ý nghĩa của chữ Phật thường được nhắc đến trong kinh Phật, nói tới thập nghĩa Phật. “Cụ nhị trí” (đầy đủ hai trí) là Căn Bản Trí và Hậu Đắc Trí, mỗi vị đồng tu học Phật đều hết sức quan tâm chuyên này, mà cũng đều mong chính mình có thể đạt được trí huệ này. Tuy hết sức tha thiết mong mỏi, mấy ai đạt được? Vì sao chẳng đạt được? Trước hết phải tìm ra nguyên nhân, tiêu trừ nguyên nhân vì sao chúng ta chẳng thể đạt được thì chúng ta mới hòng đạt được. Phải biết Căn Bản Trí hết sức trọng yếu, không có Căn Bản Trí chắc chắn chẳng có Hậu Đắc Trí! Giống như cái cây, trước hết nhất định phải có rễ, trước hết phải có gốc, thì mới có cành, lá, hoa, quả. Nếu rễ không có, làm sao nó có thể khai hoa, kết quả? Đó là chuyện không thể nào xảy ra được. Vì vậy, Căn Bản Trí hết sức trọng yếu!

Trong thế hệ chúng ta, giáo học trong Phật học đã hoàn toàn bỏ mất Căn Bản Trí; bỏ mất Căn Bản Trí thì Hậu Đắc Trí cũng chẳng có. Nói thật ra, như ngài Thanh Lương đã nói trong Hoa Nghiêm Sớ Sao, quý vị chẳng nghiên cứu Phật học thì hằng ngày “tăng trưởng vô minh”, nhưng quý vị hằng ngày nghiên cứu Phật học thì hằng ngày “tăng trưởng tà kiến”, chuyện này rất phiền phức! Chẳng phải là tăng trưởng vô minh bèn tăng trưởng tà kiến, làm sao có thể thành tựu? Chẳng thể nào! Ngược lại, chúng ta thấy giáo dục cổ đại của Trung Quốc, vào thời cổ, không riêng gì Phật môn, mà ngay cả giáo học trong pháp thế gian cũng đều coi trọng bồi dưỡng Căn Bản Trí. Nếu thật sự có tâm mong đạt một chút thành tựu trong

Phật pháp, bất luận tại gia hay xuất gia, quý vị phải đặc biệt chú ý: Căn Bản Trí sanh từ tâm thanh tịnh; tâm chẳng thanh tịnh, lấy đâu ra trí huệ?

Giáo học trong Phật môn vào thời cô, hễ xuất gia xuống tóc *bèn* “*năm năm học giới*”, thời gian năm năm này nhằm bồi dưỡng Căn Bản Trí. Năm năm học giới, chẳng phải là bảo quý vị nghiên cứu giới luật, chẳng phải vậy! Quý vị chẳng có tư cách nghiên cứu giới luật; giới luật là một môn học vẫn rất rộng, giống như pháp luật trong thế gian. Năm năm học giới là học phương thức sinh hoạt của người xuất gia, giống như huấn luyện học trò mới trong Phật môn. Ngày nay chúng ta đi học, đại khái là đến trường, ba tháng đầu nhằm huấn luyện học sinh mới, còn thời gian huấn luyện học trò mới trong Phật môn là năm năm, đây là huấn luyện nhập ngũ. Sự huấn luyện ấy có hai trọng điểm: Thứ nhất là giáo dục sinh hoạt, tập quen với nếp sống của người xuất gia; thứ hai là bồi dưỡng Căn Bản Trí. Bồi dưỡng Căn Bản Trí ra sao? Học thuộc lòng kinh điển! Trong năm năm ấy, trong chùa có giảng đường, pháp sư giảng kinh, quý vị không có tư cách nghe. Tọa Thiền trong Thiền Đường, niệm Phật trong Niệm Phật Đường, quý vị thầy đều không có tư cách [tham dự]. Ngoài [làm xong] công tác [được giao] ra, quý vị tự tìm thời gian để học thuộc lòng kinh điển.

Học thuộc kinh gì? Tùy theo mỗi tông, mỗi phái mà khác nhau. Nếu quý vị học Hoa Nghiêm Tông, đương nhiên phải thuộc kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm to như vậy, quý vị phải đọc thuộc từ đầu đến cuối. Nếu quý vị học Thiên Thai Tông, phải học thuộc kinh Pháp Hoa, chú giải kinh Pháp Hoa cũng phải thuộc. Đối với chú giải, học thuộc bộ [Pháp Hoa] Văn Cú của Trí Giả đại sư, phân lượng rất đáng nể, lại còn phải thuộc Ma Ha Chỉ Quán, trong năm năm phải thuộc những bộ ấy. Nếu học Duy Thức Tông, đối với sáu kinh mười một luận, trong sáu kinh phải thuộc một hoặc hai kinh, trong mười một luận, phải thuộc ba hay bốn bộ luận. Trong đó, bộ lớn nhất là Du Già Sư Địa Luận phải thuộc. Nếu quý vị chẳng thuộc, chẳng có tư cách học Duy Thức. Vì thế, cổ nhân đều phải thuộc sách, học thuộc sách chính là tu Căn Bản Trí. Chư vị phải hiểu: Học thuộc sách là tu Giới, tu Định, tu Huệ, hoàn thành Giới, Định, Huệ Tam Học cùng lúc!

Tu Tịnh Độ đương nhiên cũng không ngoại lệ, nhưng trong không ngoại lệ cũng có một chút ngoại lệ! Tịnh Độ Tông lấy ba kinh một luận làm chủ, phân lượng quả thật ít hơn nhiều lắm! Kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, kinh A Di Đà, Vãng Sanh Luận nhất định phải thuộc. Nếu tính cả chú giải thì phân lượng khá lớn. Nay quý vị lấy một cuốn sách to lớn này chính là chú giải kinh A Di Đà, quý vị nghĩ xem:

Muốn thuộc bộ này cũng chẳng phải là chuyện dễ! Cái gọi là “trong không ngoại lệ còn có ngoại lệ” của Tịnh Độ Tông chính là gì? Nếu quý vị chẳng thuộc kinh cũng được, thiên bẩm của chính mình chẳng đủ, trình độ rất kém cỏi, thậm chí trong những người học Tịnh Độ, có những người còn chẳng biết chữ cũng học Tịnh Độ được! Quý vị cứ niệm một câu A Di Đà Phật đến rốt cùng, cũng có thể thành công, cũng có thể khai trí huệ. Vì thế, pháp này quả thật chẳng thể nghĩ bàn, thật sự là một pháp môn đặc biệt.

Hiện thời, pháp môn Tịnh Độ là pháp môn duy nhất có thể cứu độ hết thảy chúng sanh, bất luận là đồng tu xuất gia hay tại gia đều phải phát tâm hoằng dương rạng rỡ Tịnh Độ. Trong kinh Vô Lượng Thọ, mười sáu vị Bồ Tát, tức là nhóm Hiền Hộ mười sáu vị Chánh Sĩ, đều là tại gia. Chánh Sĩ là Bồ Tát, họ mang thân phận là Đẳng Giác Bồ Tát, có cùng địa vị Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, đều hiện thân cư sĩ tại gia. Muốn hoằng dương Tịnh Độ thì tam kinh nhất luận nhất định phải thuộc, phân lượng của tam kinh nhất luận cũng chẳng lớn, dài nhất là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ chỉ có hai quyển. Nay chúng ta dùng bản hội tập của cư sĩ Hạ Liên Cư, trong ấy chia ra tất cả là bốn mươi tám chương, mỗi một chương là một khóa, bốn mươi tám khóa, văn tự trong mỗi khóa cũng chẳng dài, rất dễ đọc thuộc lòng.

Người thuộc kinh Di Đà rất nhiều, nhưng kinh Di Đà có ba loại phiên bản, tốt nhất là cả ba phiên bản đều phải đọc thuộc lòng. Bản chúng ta hiện đang sử dụng do Cư Ma La Thập đại sư dịch. Trừ bản ấy ra, còn có bản dịch của Huyền Trang đại sư và bản hội tập của cư sĩ Hạ Liên Cư do tôi đã đem từ Mỹ về gần đây. Kinh A Di Đà có ba phiên bản, chúng ta đều có đủ, điều này hết sức hiếm có.

Cớ sao nói học thuộc sách là tu Căn Bản Trí? Căn Bản Trí là tu tâm thanh tịnh. Lúc học thuộc sách là tu giới luật, tinh thần của giới luật chỉ gồm tám chữ: “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*”. “*Chư ác mạc tác*” là giới Tiểu Thừa. “*Chúng thiện phụng hành*” là giới Bồ Tát. Chúng ta niệm kinh, trong tâm chẳng nghĩ đến chuyện xấu, chẳng dấy vọng tưởng, đó là “*chư ác mạc tác*”, giới Tiểu Thừa trọn đủ. Kinh điển từ Chân Như bốn tánh của Như Lai lưu lộ, là điều thiện nhất trong các điều thiện, chẳng có gì lành hơn. Chúng ta niệm kinh là “*chúng thiện phụng hành*”. Do vậy, quý vị niệm kinh, hết thảy giới luật thảy đều trọn đủ, chẳng sót một điều nào. Quý vị nói phải tu giới luật, niệm kinh là được rồi!

Khi niệm kinh phải chuyên tâm, vì nếu quý vị đọc thuộc lòng thì phải chuyên tâm. Chuyên tâm là tu Định. Đối với bộ kinh này, từ “*như thị*

ngã vẫn” tới “tín thọ phụng hành”, niệm rõ ràng, rành rẽ, chẳng niệm sai chữ nào, chẳng niệm điên đảo câu nào, đây là tu Huệ. Khi niệm kinh, quyết định chớ nên suy tưởng ý nghĩa trong kinh. Dầu đang niệm kinh, bỗng nhiên những ý nghĩa trong kinh chọt vọt ra, đừng quan tâm tới, vẫn cứ niệm tiếp, vừa nghĩ “câu này nói như thế nào?”, “ý nghĩa này hay quá”! Thôi rồi! Cả ba thứ [Giới, Định, Huệ] đều chẳng có! Giới không có vì quý vị dấy vọng tưởng, Định cũng không có, Huệ cũng không có. Do vậy, niệm là thật thà niệm một mạch từ đầu đến đuôi. Cách niệm ấy là tu hành, là hoàn thành Tam Học Giới, Định, Huệ cùng một lúc, đó gọi là tu Căn Bản Trí.

Vì thế, trong Phật môn, thời gian [học Giới] là năm năm, nhưng hiện thời những kẻ xuất gia, phải nói đúng là thiếu thiện căn, mà cũng chẳng có phước đức, vì sao? Tâm bất định, đi lung tung khắp nơi. Hễ đi lung tung, tâm cũng loạn theo. Quý vị đi ra ngoài, tiếp xúc nhiều người, nhiều sự; nói cách khác, khiến cho đầu óc đầy ắp những suy nghĩ loạn xạ. Cổ nhân nói: “Tri sự đa thời phiền não đa, thức nhân đa xử thị phi đa” (biết nhiều chuyện lắm điều phiền não, quen nhiều người lắm nỗi thị phi), lắm chuyện thì sẽ lắm phiền não, biết nhiều người, lắm chuyện thị phi! Lắm phiền não, nhiều thị phi, tâm quý vị làm sao có thể đắc định? Thật sự mong thành tựu, những chuyện chúng ta chẳng cần phải biết tốt nhất là đừng tìm hiểu, người chẳng cần phải quen biết thì tốt nhất là đừng giao du với họ, cầu cho cái tâm của chúng ta định, đây mới là chuyện quan trọng!

Các đồng tu muốn thật sự thành tựu trong Phật pháp, chớ nên khởi sự tu tập từ cả hai trí, không được! Đã có Căn Bản Trí, sau đây, quý vị thấy sắc, nghe tiếng, sáu căn tiếp xúc cảnh giới lục trần bên ngoài tự nhiên thông suốt, trí huệ bèn hiện tiền, trí huệ ấy gọi là Hậu Đắc Trí. Các đồng tu đang hiện diện, có không ít vị đã đọc Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư có đại trí huệ như vậy, trí huệ ấy là Hậu Đắc Trí, do đâu mà có? Do Căn Bản Trí mà ra, từ tâm thanh tịnh mà ra. Ngài chẳng biết chữ, đương nhiên chẳng thể xem kinh, nhưng quý vị đem kinh đọc từ đầu đến cuối một lượt cho Ngài nghe, Ngài đều hiểu rõ, có thể giảng từng đạo lý một cho quý vị nghe. Vừa tiếp xúc, trí huệ bèn hiện tiền; không tiếp xúc, Bát Nhã vô tri! Không tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, tâm địa thanh tịnh, chẳng sanh một niệm; vừa tiếp xúc, trí huệ lập tức phát khởi, đó là Hậu Đắc Trí. Do vậy, chẳng có Căn Bản Trí, chắc chắn chẳng có Hậu Đắc Trí.

Quý vị phải nhớ kỹ câu này, đọc tụng Đại Thừa cho nhiều. Nay chúng ta đọc tụng Đại Thừa, tôi khuyên chư vị niệm kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, kinh Di Đà, ba bộ kinh này, chúng ta thụ

dụng cả đời chẳng hết, chẳng cần phải đọc quá nhiều thứ! Thật sự dồn vũng công sức nơi ba kinh, bỏ ra thời gian mười năm, hai mươi năm. Sau hai mươi năm, quý vị là A Di Đà Phật sống trên thế giới này, đó là thành tựu chẳng thể nghĩ bàn, ngàn vạn phần đừng tu học lung tung. Quý vị học nhiều, học tạp, học suốt cả đời cũng chẳng ra gì, chẳng học tốt đẹp một thứ nào hết! Vì thế, học thứ gì cũng đều phải chuyên. Đây là “*cụ nhị trí*”, [tức là] trọn đủ hai thứ trí huệ.

“*Đoạn nhị chương*”: Nhị Chương là Phiền Não Chương và Sở Tri Chương. Phiền não phải đoạn, nhưng đừng sợ phiền não khởi lên. Quý vị càng sợ phiền não, phiền não càng lắm, đừng sợ nó! Phiền não dấy lên thì làm thế nào? Cổ đại đức dạy chúng ta niệm Phật, khi phiền não khởi lên bèn lớn tiếng niệm Phật, niệm cho phiền não mất đi. Nếu niệm lớn tiếng chẳng thuận tiện, thì quý vị bèn nghe, bỏ máy hát loại nhỏ trong túi áo, mở âm thanh lớn nhất. Âm thanh ấy rót vào tai quý vị, âm thanh nào bên ngoài cũng chẳng nghe! Vì thế, lúc phiền não dấy lên, bèn lớn tiếng niệm Phật, hoặc là nghe Phật hiệu niệm lớn tiếng.

Nếu muốn phá Sở Tri Chương, hãy dùng phương pháp niệm kinh như tôi vừa mới nói. Nghiên cứu kinh chẳng thể phá Sở Tri Chương, quý vị nghiên cứu kinh điển là tăng trưởng Sở Tri Chương. Hiện thời, rất nhiều Phật Học Viện dùng phương pháp sai lầm, bao nhiêu Phật Học Viện mời tôi, tôi không đến, tôi chẳng dạy trong Phật Học Viện, vì sao? Có lỗi với học trò, hằng ngày tăng trưởng Sở Tri Chương của học trò, không được rồi! Vì thế, nhất định phải hiểu đạo lý này. Phá Sở Tri Chương là tu tâm thanh tịnh, tâm địa thanh tịnh quang minh, Sở Tri Chương sẽ chẳng còn. Do vậy, phải đoạn Nhị Chương.

“*Giác Nhị Đế*”, Nhị Đế là Chân Đế (Paramārtha-satya) và Tục Đế (Samvrti-satya). Quý vị phải giác ngộ, trong thế giới này, bất luận là tự thân hay hoàn cảnh đều có thật và giả, quý vị hiểu rõ thật, giả, đây là trí huệ. Gì là thật? Gì là giả? Giả thì chẳng cần phải sót sáng, chẳng cần phải so đo, phiền não sẽ ít đi. Đối với cái giả, nếu quý vị tích cực so đo, sẽ có nhiều phiền não hơn. Thật là gì? Đối với cá nhân chúng ta mà nói thì bản tánh của chúng ta là thật; đối với hết thảy các pháp bên ngoài, Pháp Tánh là thật. Tánh là thật, tướng là giả; Lý là thật, Sự là giả. Do vậy, đối với hiện tượng, đối với hết thảy mọi sự, chuyện gì bỏ qua được, cho qua luôn, chớ nên ráo riết so đo; đối với Lý, chúng ta phải cầu chúng, phải dồn công sức nơi ấy. Đối với Chân Như bản tánh, chúng ta phải chứng đắc. Đức Phật nói kinh, đã dựa trên Nhị Đế để thuyết pháp, cho nên có kinh liễu nghĩa, có kinh không liễu nghĩa. Kinh không liễu nghĩa là do Phật tùy

thuận Tục Đế để giảng; kinh liễu nghĩa là do đức Phật căn cứ trên cảnh giới do Ngài đích thân chứng đắc mà nói với chúng ta. Chẳng hạn như ba kinh Tịnh Độ đều là kinh điển liễu nghĩa, đều là cảnh giới tự chứng của Như Lai. Phải thông hiểu điều này, hiểu Nhị Đế.

“*Đắc tự tha nhị lợi*” (đạt được lợi ích tự lợi và lợi tha), câu này dễ hiểu, [tự tha nhị lợi] là tự lợi và lợi tha. Người học Phật chúng ta, đối với tiếng tăm, lợi dưỡng, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ trong thế gian này đều phải buông xuống, chẳng cầu có được những thứ ấy. Dầu có đạt được chúng, cũng phải nên lập tức buông bỏ, vì sao? Tâm chúng ta mới thanh tịnh. Nếu quý vị chẳng buông bỏ, danh lợi có thể ô nhiễm tự tánh của quý vị, phải bỏ chúng đi, đó là tự lợi. Thật sự tự lợi thì mới có năng lực lợi tha, đặc biệt là chúng ta tu pháp môn Tịnh Độ, dùng phương pháp niệm Phật này để tự lợi, niệm tới mức công phu thành phiến, niệm tới nhất tâm bất loạn, niệm sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta cũng dùng phương pháp này giúp đỡ người khác, khuyên dạy người khác, đối với mỗi một quốc gia, nơi chốn trên thế giới đều khuyên kẻ khác niệm Phật, ta chẳng giảng pháp môn nào khác, chuyên môn khuyên người khác niệm Phật.

Niệm Phật lợi ích vô lượng vô biên, nhất là lần này chúng ta thảo luận kinh Vô Lượng Thọ, bộ kinh này thật sự đơn giản, ngắn gọn, tường tận, minh bạch, thật phù hợp với tiêu chuẩn văn tự tối cao của cổ nhân, đơn giản, chẳng rắc rối, ngắn gọn, nhưng lại cặn kẽ, minh bạch. Khai giảng lần này, chúng tôi cũng soạn một bài Giảng Nghĩa đơn giản nhất khiến cho người khác rất dễ đọc, vừa xem liền liễu giải. Trong tương lai, chúng tôi cũng muốn viết Giảng Nghĩa cho Di Đà Kinh Sớ Sao. Sách Yếu Giải có hai bản chú giải, một là chú giải của pháp sư Viên Anh, hai là của pháp sư Bảo Tịnh, tức cuốn A Di Đà Kinh Yếu Giải Thân Văn Ký, phân lượng cũng hết sức đáng kể, trong tương lai chúng tôi sẽ viết thành cuốn Giảng Nghĩa đơn giản để chú giải đơn giản. Phân lượng to như vậy, người hiện thời vừa nhìn đã thấy nhức đầu, vừa nhìn đã chẳng muốn xem nữa! Chúng tôi viết đơn giản mấy trang, người ta thấy sách ấy không dày, coi một lát là xong. Do có ưu điểm này, sẽ dẫn dụ người khác thâm nhập kinh tạng.

“*Như mộng giác*” [nghĩa là] giống như tỉnh giấc mộng, đây là tỷ dụ; giống như “*hoa khai*” là hoa sen nở. “*Mộng giác, hoa khai*” là tỉnh giấc mộng lớn, đó là hoa sen nở. Nếu chúng ta tách ra, ghép lại theo từng cặp tương ứng thì “*do Căn Bản Trí, đoạn Phiền Não Chương, giác Chân Đế Lý, đắc lợi ích Tự Lợi*” giống như chợt tỉnh giấc mộng lớn, giác mộng ấy là tỷ dụ chuyện này. “*Do Hậu Đắc Trí, đoạn Sở Tri Chương, giác Tục*

Đề Lý, *đắc lợi ích Lợi Tha*”, chúng ta có thể lợi ích người khác, giống như hoa sen nở. Hai câu này nhằm tỷ dụ hai bên, mỗi câu đều có hai bên.

(Sao) Lục Tức giả.

(鈔) 六即者。

(Sao: Lục Tức...)

Tông Thiên Thai nói Phật có sáu loại, gọi là Lục Tức Phật. “*Tức*” có nghĩa là “chính là”. Có sáu loại “chính là Phật”.

(Sao) Thi hồ Lý Tức, chung hồ Cứu Cánh.

(鈔) 始乎理即，終乎究竟。

(Sao: Bắt đầu từ Lý Tức Phật đến cuối cùng là Cứu Cánh Tức Phật).

Lược bớt những loại ở giữa. Chúng tôi trình bày đại lược một chút. Lục là nói theo mặt Sự thì có tất cả sáu điều. “*Tức*” (即) là nói theo Lý. Học Phật có thứ tự cạn sâu khác nhau, cho nên nói là Lục. Lại sợ chúng ta nẩy sanh mặc cảm tự ty, cho nên phải thời thời khắc khắc nhắc nhở chúng ta; vì thế, nói tới Tức, [quý vị] chính là Phật, dụng ý hết sức sâu xa!

“*Lý Tức*” là gì? Lý Tức Phật. Lý Tức Phật, Danh Tự Tức Phật, Quán Hạnh Tức Phật, Tương Tự Tức Phật, Phần Chứng Tức Phật, Cứu Cánh Tức Phật, đây chính là Lục Tức Phật như tông Thiên Thai đã nói. “*Lý*” là nói tới bản tánh của chúng sanh, bản tánh là Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm và Viên Giác, đức Phật đã dạy: “*Hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Đây là nói theo phương diện nào? Nói đến Lý Tức Phật, quý vị vốn là Phật, chính là nói theo điều này. Nếu vốn đã là Phật, thì nói cách khác, ai nấy đều có tư cách làm Phật, người người đều nên xưng là Phật, vì sao? Vì quý vị vốn là Phật! Nay quý vị biến thành phàm phu là do quý vị mê Lý ấy, mê mất tự tánh, nên mới biến thành lục đạo phàm phu. Nay chúng ta học Phật nhằm mục đích gì? Không gì chẳng nhằm khôi phục tự tánh mà thôi, Thiên gia gọi Lý Tức là “*phụ mẫu vị sanh tiền, bổn lai diện mục*” (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra), nói về điều này. Đây là nói theo Lý.

Nói theo Lý thì bình đẳng, chúng sanh và Phật bình đẳng, chúng sanh và Phật chẳng hai, quan điểm bình đẳng của Phật pháp được kiến lập từ chỗ này. Vì thế, Phật pháp thật sự bình đẳng, vạn pháp bình đẳng được kiến lập từ chỗ này. Tâm bình đẳng hiện tiền, thừa quý vị, quý vị thành

Phật, vì tâm Phật là tâm bình đẳng. Nếu chúng ta muốn học Phật, muốn thành Phật sớm hơn một chút thì xử sự, đãi người, tiếp vật hãy tận hết sức dùng cái tâm bình đẳng, sẽ tương ứng với Phật và chân tánh. Sai biệt, bất bình đẳng là tâm phàm phu, không thể chấp nhận được!

Thứ hai là Danh Tự Tức Phật, đây là nói theo tướng phàm phu. Trước hết, nói theo Lý, theo Lý [thì hết thấy chúng sanh đều] là Phật, chẳng tranh cãi chi nữa, nhưng nói theo Sự, thì trên sự tướng chẳng phải [là Phật], trên mặt sự tướng, chúng ta là phàm phu. Lý Tức Phật: Các phàm phu đều là Phật, thật sự bình đẳng, không chỉ con người là như vậy, mà ngay cả muỗi, trùng, kiến cũng đều là Phật. Chúng nó có Phật Tánh, hết thấy chúng sanh đều có Phật Tánh, Lý là bình đẳng thật sự. Nói theo sự tướng, sẽ chẳng bình đẳng. Nói theo sự tướng, Danh Tự Phật là ai? Là kẻ nghe Phật pháp, tiếp xúc Phật pháp, thọ Tam Quy Y, nay đang phát tâm học Phật. Phát tâm học Phật thì quý vị có thể gọi là Danh Tự Phật, là một vị Phật hữu danh vô thực!

Học Phật thì đương nhiên là Phật, giống như trong hiện thời có rất nhiều đồng tu phát tâm muốn tới chùa Lâm Tế thọ giới, thọ Bồ Tát Giới bèn là Bồ Tát; nhưng vị Bồ Tát ấy là Danh Tự Bồ Tát, có danh hiệu Bồ Tát, nhưng chẳng phải là Bồ Tát thật sự. Bồ Tát thật sự là như kinh Kim Cang đã dạy: *“Nếu Bồ Tát có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì chẳng phải là Bồ Tát”*. Quý vị hãy còn có bốn tướng, kinh Kim Cang đã giảng rất rõ ràng, quý vị chẳng phải Bồ Tát! Quý vị chẳng phải là Bồ Tát thật sự, mà là danh tự Bồ Tát (Bồ Tát chỉ có cái tên suông). Chúng ta phát tâm học Phật, thọ Tam Quy, Ngũ Giới, bắt đầu học Phật bèn là Danh Tự Phật. Tuy là Danh Tự Phật, chúng ta phải hướng tới chữ Phật ở cuối [từ ngữ Danh Tự Phật], chúng ta nhất định phải từ Danh Tự biến thành Phật thật sự, có như vậy thì mới chẳng cô phụ dụng ý lập ra sáu từ ngữ này của [Trí Giả] đại sư.

Như thế nào thì mới có thể làm một vị Phật thật sự? Thừa chư vị, niệm Phật! Áp dụng Lục Tức Phật vào niệm danh hiệu A Di Đà Phật, đúng là tuyệt diệu, vì sao? Mỗi danh từ đều tương ứng! Nói theo trì danh niệm Phật trong Tịnh Độ Tông, phát tâm niệm Phật là Danh Tự Tức Phật. Niệm tới công phu thành phiến là Quán Hạnh Tức Phật. Trong mười hai thời, khi trong tâm chẳng niệm Phật, Phật hiệu tự nhiên hiện tiền, chẳng có tạp niệm nào khác, suốt ngày từ sáng đến tối đều là A Di Đà Phật, đây là Quán Hạnh Tức Phật. Niệm tới Sự nhất tâm bất loạn, đây chính là Tương Tự Tức Phật, gần giống như Phật, công phu thuần thực, Kiến Tu phiến nào tự nhiên chẳng còn. Niệm tới Lý nhất tâm bất loạn, Kiến Tu phiến nào và

Trần Sa phiến não đều đoạn, phá một phẩm vô minh, đó là Phần Chứng Túc Phật. Công phu đạt tới viên mãn, bốn mươi một phẩm vô minh phá sạch. Đây chính là Cứu Cánh Túc Phật.

Tôi đã từng nói với quý vị: Nếu ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tới được Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, ta sẽ tu pháp môn gì? Ta vẫn tu pháp môn Niệm Phật, chẳng tu gì khác! Tuy ở đó có rất nhiều vị Phật, muốn học pháp môn gì cũng có, Bồ Tát rất nhiều, muốn học pháp môn gì cũng đều có, nhưng pháp gì ta cũng chẳng học, ta vẫn là một câu A Di Đà Phật niệm tới cùng, vì sao? Vì ta biết một câu A Di Đà Phật này từ Lý Túc cho đến Cứu Cánh Túc, đơn giản nhất, không gì [đơn giản] hơn được! Nói thật ra, ta không ngu ngốc, kẻ thông minh đi theo đường gần, kẻ thông minh tìm một phương pháp đơn giản nhất, chỉ có kẻ đần độn mới tìm thật nhiều phương pháp, tự mình chuốc phiền, khiến cho mình gặp khó khăn! Ta chẳng làm chuyện ấy, ta cứ niệm một câu A Di Đà Phật đến cùng!

Quý vị hãy tự mình suy nghĩ cặn kẽ, nếu quý vị thật sự niệm Phật tới trình độ Tương Tự Túc Phật, đến khi ấy, hầu như là đối với hết thảy các kinh luận, đúng là chưa xem qua, nhưng mở ra để trước mặt, quý vị đều có thể giảng đạo lý rõ ràng. Đạt tới địa vị Phần Chứng, các pháp thế gian và xuất thế gian pháp chẳng cần học mà thông đạt hết thảy. Quý vị nói chúng ta còn phải học những thứ ấy để làm gì? Nhà Thiền nói: “*Tam Tạng mười hai bộ đều gọi là dây leo*”. Đó là nói với kẻ ngu, chính mình làm khó chính mình, chính mình tự chuốc phiền, nên đức Phật mới phải giảng Tam Tạng mười hai bộ cho kẻ ấy. Phật cũng không ngại phiền, mà cũng chẳng sợ phiền. Chúng ta chẳng làm chuyện này, mà phải làm chuyện thẳng thừng, thỏa đáng. Tôi nói như vậy, quý vị nghe rất dễ hiểu, cách nói này hay lắm!

(Sao) Cái thỉ tắc toàn giác toàn mê, trung tắc giác nhi vị tận, mạn nãi vô sở bất giác. Kim xưng Phật giả, chỉ Cứu Cánh dã.

(鈔)蓋始則全覺全迷，中則覺而未盡，末乃無所不覺。今稱佛者，指究竟也。

(Sao: Ấy là vì thoạt đầu toàn bộ giác, toàn bộ mê, ở giữa là giác nhưng chưa trọn hết, cuối cùng là không gì chẳng giác. Nay nói đến Phật [trong tựa đề bản kinh này] thì chữ Phật chỉ Cứu Cánh Túc Phật vậy).

Đây là lời tổng kết Lục Túc. Lý Túc Phật là “toàn bộ giác”, Danh Tự Túc Phật là “toàn bộ mê”; do vậy, “thoạt đầu là toàn bộ giác, toàn bộ

mê”. Giữa là từ Quán Hạnh cho đến Phân Chứng, tuy giác, nhưng chẳng triệt để, “*Giác nhưng chưa trọn hết*”, tức là chẳng viên mãn. Đến cuối cùng là Cứu Cánh Giác, đó là thành Phật, đây là “*không gì chẳng giác*”.

(Sao) Thập Thân giả.

(鈔) 十身者。

(Sao: Mười thân là...)

Thập Thân được giảng trong kinh Hoa Nghiêm.

(Sao) Nhất Chánh Giác Phật, chí thập Tùy Nhạo Phật, tường cụ Ly Thế Gian phẩm.

(鈔) 一正覺佛，至十隨樂佛，詳具離世間品。

(Sao: Thứ nhất là Chánh Giác Phật cho đến thứ mười là Tùy Nhạo Phật, xem chi tiết trong phẩm Ly Thế Gian).

Kinh Hoa Nghiêm có tất cả ba mươi chín phẩm, phẩm Ly Thế Gian là phẩm thứ ba mươi tám. Phẩm kinh này khá dài, gồm năm quyển kinh văn, hoàn toàn giảng về pháp môn tu hành. Thanh Lương đại sư chia bộ kinh này thành bốn khoa lớn, tức là bốn đoạn lớn: Tín, Giải, Hành, Chứng. Phẩm Ly Thế Gian là Hành, chuyên nói về tu hành, trong ấy nói tới hai ngàn pháp môn. Vì thế, kinh văn khá dài.

(Sao) Thử thập thân Phật, duy Hoa Nghiêm hữu chi. Nhiên ước kỳ đại yếu, bất xuất “giác mãn” chi nghĩa, cố viết: Thập thân sơ mãn, Chánh Giác thì thành, danh Viên Mãn Phật dã.

(鈔) 此十身佛，唯華嚴有之。然約其大要，不出覺滿之義，故曰十身初滿，正覺始成，名圓滿佛也。

(Sao: Mười thân Phật này chỉ có trong kinh Hoa Nghiêm. Nhưng xét theo ý nghĩa chánh yếu, chẳng ra ngoài ý nghĩa giác mãn. Vì thế, nói: Mười thân đã mãn, mới thành Chánh Giác, gọi là Viên Mãn Phật).

Thứ nhất là Chánh Giác Phật, thứ hai là Nguyên Phật, thứ ba là Nghiệp Báo Phật, thứ tư là Trụ Trì Phật, thứ năm là Niết Bàn Phật, thứ sáu là Pháp Thân Phật, thứ bảy là Tâm Phật, thứ tám là Tam Muội Phật, thứ chín là Bồ Tát Phật, thứ mười là Tùy Nhạo Phật, đây là “*thập thân Phật*” được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Tông Thiên Thai lẫn tông Hiền Thủ đều nói về sự thành Phật, từ phẩm Phổ Môn, mọi người thấy Quán

Thế Âm Bồ Tát tùy loại hóa thân: “*Nên dùng thân Phật để đắc độ, liền hiện thân Phật để thuyết pháp*”. Nói cách khác, Quán Thế Âm Bồ Tát có thể thành Phật. Do vậy, phải biết: Đối với chuyện thành Phật, Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo có năng lực hiện thân Phật, hiện ba mươi hai tướng, tám mươi thứ [tùy hình] hảo, có thể hiện thân Phật.

Từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác có tất cả bốn mươi một địa vị. Các Bồ Tát thuộc bốn mươi một địa vị này đều có thể hiện thân Phật. Từ Thập Trụ đến Sơ Hạnh, trong mười một địa vị ấy có thể hiện làm Tạng Giáo Phật hay Thông Giáo Phật, có thể dùng thân phật ấy để giáo hóa chúng sanh. Từ Đệ Nhị Hạnh trở lên cho đến Đẳng Giác, có thể hiện làm Biệt Giáo Phật. Tạng Giáo, Thông Giáo và Biệt Giáo Phật, đều là Bồ Tát, chẳng thể hiện thân Viên Giáo Phật, vì sao? Chính Ngài chưa chứng đắc, chưa phải là Cứu Cánh Phật. Vì thế, chúng ta thường nói “*thành Phật*”, quý vị phải hỏi ngược lại: Thành vị Phật nào? Thật giống như quý vị nói: “Tôi đã tốt nghiệp”. Tốt nghiệp, khá lắm, nhưng quý vị tốt nghiệp từ trường nào? Tốt nghiệp Mẫu Giáo? Hay tốt nghiệp Tiểu Học? Hay tốt nghiệp Đại Học? Hay tốt nghiệp Hậu Đại Học (nghiên cứu sinh)? Đều là tốt nghiệp như nhau, nhưng trình độ khác nhau! Tạng Giáo Phật trình độ thấp nhất, Thông Giáo cao hơn một chút, Biệt Giáo lại cao hơn tí nữa, Viên Giáo mới là vị Phật thật sự viên mãn.

Từ pháp môn Tịnh Độ, quan sát cẩn kẽ, hoặc quý vị đọc kinh Hoa Nghiêm kỹ lưỡng sẽ hiểu: Chúng ta tu hành có thể tới thế giới phương khác, tu hành trong thế giới phương khác có thể chứng đắc Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật, Biệt Giáo Phật, nhưng rất khó thành Viên Giáo Phật, vì sao? Từ kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương khuyên bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Tạng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Pháp Thân đại sĩ, như vừa mới nói, bao gồm Tạng, Thông, Biệt Phật ở trong ấy, những người ấy đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm gì? Nếu không đến đó để thành quả Phật trong Viên Giáo thì [vãng sanh Cực Lạc] chẳng có ý nghĩa gì! Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới [nhằm mục đích gì] nói chẳng lọt tai, chẳng có lý do thì vì sao phải đến? Chúng ta mới hoảng nhiên đại ngộ: Nếu muốn thành một vị Phật rốt ráo viên mãn, nhất định phải tới Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì thế, kinh này là quy túc của Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Phải thật sự giác ngộ! Tu hết thầy các pháp môn khác đều là cành nhánh, pháp môn này là căn bản. Thật sự tìm được căn bản, tin sâu chẳng nghi ngờ, tất cả những thứ cành nhánh đều phải buông xuống hết, chớ nên làm nữa!

Vì thế, hiện thời tôi in kinh bèn in kinh A Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ, trừ hai kinh này ra, kinh gì tôi cũng chẳng in. Vì sao? Tôi đã hiểu rõ, hai bộ kinh ấy là tinh hoa của những kinh pháp được giảng bởi hết thầy chư Phật. Chúng ta phải in những thứ hay nhất, đó chính là lợi ích cúng dường chúng sanh thù thắng nhất. In những kinh ấy, công đức còn lớn hơn in kinh Pháp Hoa và Hoa Nghiêm, bất luận một kinh nào cũng đều chẳng thể sánh bằng kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ. Bản thân tôi học Phật hơn ba mươi năm mới lãnh hội sâu xa, cho nên nay tôi hết thầy đều buông xuống, chuyên tu hành pháp môn này. Chính tôi hết sức nắm chắc tôi có thể vãng sanh, tôi sống trong thế giới Sa Bà này là thân cuối cùng, đời sau, nếu trở lại, đó là “thừa nguyện tái lai” (nuông theo nguyện lực trở lại), sẽ không mắc quả báo này. Nếu quý vị hỏi tôi, dựa vào đâu? Dựa vào một câu A Di Đà Phật này, dựa vào một câu này mà thành công!

Thứ nhất là Chánh Giác Phật, tức là thị hiện thành Chánh Giác. Trong đây có Tạng Giáo, Thông Giáo, Biệt Giáo. Giống như Quán Thế Âm Bồ Tát, các hàng đại Bồ Tát nên dùng thân Phật để đắc độ, bèn hiện thân Phật, thị hiện thân Chánh Giác. Chúng ta thường gọi Chánh Giác Thân là Phật Thân.

Thứ hai là Nguyện Phật, thuận theo thệ nguyện mà hiện thân. Đức Phật có từ bi nguyện lực rộng lớn, chúng sanh muốn thấy thân gì, Ngài bèn hiện thân ấy. Phật có năng lực biến hiện. Chúng ta không có duyên phận trông thấy, đó là một vấn đề khác!

Thứ ba là Nghiệp Báo Phật, do vạn hạnh của Bồ Tát cảm thành. Chẳng hạn như trong lần trước tôi đã kể với quý vị: Tại Hương Cảng, có mấy đồng tu đến Phô Đà Sơn, triều bái Phạm Âm Động, lạy Quán Âm Bồ Tát, ba người cùng đi, đều thấy Quán Âm Bồ Tát. Trở về, mọi người cùng nhau nói chuyện, ba người thấy hình tượng Bồ Tát khác nhau. Bồ Tát có thể hiện, đó là Nguyện Thân của Ngài; chúng sanh trông thấy Bồ Tát [dưới hình dáng nào] là do nghiệp cảm. Có người thấy Bồ Tát là thân kim sắc, có người thấy Ngài mang thân tỳ-kheo, có người thấy Ngài giống như một bà lão. Mỗi cá nhân thấy hình tượng khác nhau, cũng có kẻ thấy là thân Phật ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Đây là do nghiệp cảm của cá nhân khác biệt, nên Bồ Tát ứng hiện cũng khác nhau, chẳng phải là Bồ Tát cố ý hiện thân này cho quý vị thấy, hiện thân khác cho kẻ khác nhìn, chẳng phải vậy, Bồ Tát chẳng phân biệt, chẳng ưa ghét, Bồ Tát chỉ hiện một thân, nhưng chúng sanh thấy mỗi người mỗi khác. Đó gọi là Nghiệp Báo Phật.

Thứ tư là Trụ Trì Phật. “Trụ trì” là trụ trì trong thế gian này. Tuy Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đã khuất, nhưng xá-lợi của Phật vẫn còn. Nay còn có người cúng dường xá-lợi Phật, giống như đức Phật trụ thế. Không có xá-lợi, thưa quý vị, hãy cúng dường bộ kinh A Di Đà này. Kinh A Di Đà là Pháp Thân xá-lợi của Phật, kinh điển này hiện diện giống như Phật đang ở trước mặt, chẳng hai, chẳng khác, đó là Trụ Trì Phật.

Thứ năm là Niết Bàn Phật. Phật độ chúng sanh, hóa duyên hết, Ngài bèn thị hiện nhập diệt, tướng nhập diệt này gọi là Niết Bàn Phật. Vì sao Phật phải nhập diệt? Nhập diệt vẫn nhằm độ chúng sanh. Có những kẻ căn cơ khác hẳn, Phật còn tại thế, họ chẳng chịu tích cực học, đâm ra gặp Phật mỗi ngày, [kẻ ấy bèn ý y]: Hôm nay ta không hiểu, còn có ngày mai. Nếu ngày mai chưa hiểu, vẫn còn ngày mốt, ngày tháng còn dài lắm mà! Họ chẳng quan tâm. Đức Phật vừa nhập diệt, [khác nào] một gậy đập vào đầu họ, đánh thức họ, họ bèn liều mạng dụng công nỗ lực, nên có thể thành tựu. Vì vậy, đức Phật vừa thị hiện nhập diệt, chẳng biết đã độ bao nhiêu người. Năm ngoái (1986), thầy Lý vãng sanh, nếu thầy Lý vẫn còn tại thế, nói thật ra cũng chẳng độ chúng sanh được, vì sao? Mọi người nghe cụ giảng kinh nhiều năm như vậy, nghe chán tai rồi, giống như gió thoảng qua tai. Tuy có nhiều người ngàn ấy, bao nhiêu người đều là đến để tán trợ, tín đồ cũ mà, đâm ra là mỗi tuần đến một lần, vì không tới thì không được! Quý vị không tới thì các đồng tu khác gọi điện thoại: “Vì sao tôi không thấy bạn tới? Bạn lại bị bệnh hả?” Hỏi đơn, hỏi ren, quý vị chẳng thể nào không tới. Thậm chí tới nơi ấy ngồi ngủ gục cũng được, có kẻ như vậy đó. Nói thật ra, hóa duyên đã hết. Sau khi cụ vừa mất, mọi người như được đập một gậy đánh thức, người bình thường chẳng dụng công bèn liều mạng niệm Phật, trong bốn mươi chín ngày niệm Phật chẳng gián đoạn, độ thật nhiều người! Cụ vừa thị hiện nhập diệt bèn độ rất nhiều người, ngay cả một vị lão cư sĩ còn như vậy, huống gì Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, chúng ta có thể tưởng tượng được!

Thứ sáu là Pháp Thân Phật. Trong tam thân, Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân, hoàn toàn có cùng một ý nghĩa với Pháp Thân, là “*pháp giới nhất tướng*”, nhất tướng là Thật Tướng. Trong phần trước, tôi đã nhắc tới chuyện nằm mộng. Trong mộng, quý vị nhận biết: Cảnh giới trong mộng thấy đều là chính mình. Nếu quý vị thấu hiểu cảnh giới trong mộng là Pháp Thân của ta, toàn bộ mộng cảnh là Pháp Thân của ta. Nếu quý vị lại có thể liên tưởng, mở rộng ra, tận hư không khắp pháp giới là chính mình. Nếu quý vị có thể từ chỗ này mà lãnh hội, từ đây mà thật sự chứng,

sẽ ngay lập tức tương ứng, do vậy, quý vị chứng đắc Pháp Thân thanh tịnh. Pháp Thân thường trụ, bất sanh bất diệt.

Thứ bảy là Tâm Phật. Tâm này đặc biệt thiên trọng tâm Đại Bi, là đại từ đại bi trong Bồ Đề tâm, nguyện độ hết thảy chúng sanh.

Thứ tám là Tam Muội Phật, Tam Muội là Định. Phật thường ở trong Định, đi, đứng, nằm, ngồi đều ở trong Định. Chúng ta học Phật, điều thứ nhất là phải tu Định. Chúng ta thấy trong Trúc Song Tùy Bút có một câu chuyện: Có một học nhân hết sức dụng công, do hăm mộ bèn đến tham phỏng một vị lão hòa thượng, Ngài là một vị thiện tri thức thật sự. Lão hòa thượng thấy người ấy tìm đến, cũng thấu nhận, bảo ông ta ở trong chùa, giao cho làm một số việc. Ông ta ở nơi ấy làm lụng suốt ba năm, có một hôm bạch với lão hòa thượng: “Con tới đây cầu pháp, được lão hòa thượng cho ở lại đây, nhưng cả ba năm, lão hòa thượng chẳng nói một câu nào, con chẳng học được gì. Trong tâm rất áo nảo, hối hận, dường như đã uổng công ở lại ba năm”. Lão hòa thượng bảo ông ta: “Ông chẳng học được gì ư? Ta mỗi ngày đều dạy ông, mỗi ngày đều thuyết pháp cho ông, có sao ông chẳng nghe? Thuyết pháp không nhất định phải dùng ngôn ngữ!”

Từ chỗ này, chúng ta có thể hiểu: Lão hòa thượng đã truyền dạy ông ta Phật pháp sống động, ngộ nhập ngay trong cuộc sống, làm sao có thể nói là chẳng học được gì? Lão hòa thượng nói: “Ông ở đây ba năm, chẳng có ý niệm rời đi, đó là ba năm tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, ba năm ấy là tiền phương tiện của tam-muội, làm sao có thể nói là chẳng có thành tựu?” Ông ta nghe lão hòa thượng cảnh tỉnh, bỗng nhiên giác ngộ, hay quá, ba năm chờ đợi tại đó khiến tâm địa thanh tịnh hơn. Vì vậy, chúng ta đọc Ngũ Lục, bao nhiêu người học thân cận một vị thiện tri thức hai mươi năm, ba mươi năm, rất bình thường! Có người suốt đời chẳng rời khỏi thầy, thầy viên tịch rồi mới rời đi giáo hóa một phương. Những vị ấy đều là gốc sâu rễ chắc, công lực thâm hậu, sau đây đi dạy học nhất định có thể khiến cho Phật pháp được tỏa ngời rạng rỡ.

Con người hiện thời học không thành, nguyên nhân chủ yếu là một tí định lực cũng chẳng có! Đừng nói ba năm, định lực trong ba tháng cũng không có! Ở được hai ba tuần đã tính ra đi, thật sự chẳng có phước báo. Trong quá khứ, pháp sư Tinh Vân đã nói với tôi về vấn đề này: “Hoàn cảnh Phật Quang Sơn tốt đẹp như thế, vì sao học trò tốt nghiệp xong chẳng muốn ở lại, cứ muốn đi sang nơi khác?” Pháp sư Thiên Ân²³ cũng từng hỏi

²³ Pháp sư Thiên Ân (1924-1980) là một tỳ-kheo-ni nổi tiếng của Đài Loan, tục danh Hồng Kim Châu, sanh tại Cao Hùng, Đài Loan, tốt nghiệp Văn Khoa trường đại học

tôi câu này, Sư nói: “Đạo tràng của chúng tôi to như thế này, hết thấy đều vô cùng tốt, vì sao người ta không ở mà cứ đi các nơi?” Nói theo Phật pháp thì là thiếu phước! Nói theo pháp thế gian thì đại khái là Phong Thủy không tốt lắm. Nói thật ra, phước đức và nhân duyên có quan hệ rất lớn.

Thứ chín là Bồn Tánh Phật. Bồn Tánh Phật là Căn Bản Trí của quý vị hiện tiền, chúng đấng Chân Như bồn tánh, Thiên gia gọi là “minh tâm kiến tánh”, còn người niệm Phật chúng ta gọi là Lý nhất tâm bất loạn. Nếu đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, quý vị sẽ có Bồn Tánh Phật. Quý vị phải nhớ rõ: Niệm tới Lý nhất tâm bất loạn, sẽ giống như Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, có thể tùy loại hóa thân, đối với kẻ nguyện dùng thân Phật đắc độ, bèn có năng lực thị hiện thân Phật. Lúc ấy, trí huệ, thần thông, và đức năng đều có tác dụng hiện tiền.

Nói tới chỗ này, chúng tôi phải đặc biệt nhắc nhở các đồng tu một câu: Sự nhất tâm và Lý nhất tâm, chúng ta rất khó đạt được trong một đời này, quá khó! Nhưng công phu thành phiền, có thể nói là mỗi cá nhân đều có thể làm được. Nói cách khác, mỗi cá nhân chúng ta đều có phần trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, vấn đề là quý vị có vắng sanh hay không? Địa vị trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư có thấp quá hay chẳng? Không thấp! Lịch đại tổ sư dạy chúng ta: Chỉ cần quý vị sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư liền sanh trọn vào ba cõi trên, điều này chẳng thể nghĩ bàn. Trong các chú sớ, cổ đức đều nói như vậy. Trong các thế giới của mười phương chư Phật đều chẳng có điều này, chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới có chuyện kỳ lạ này! Vì thế, kẻ hạ phẩm hạ sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, sau khi tới đó, hằng ngày cùng Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền ở cùng một chỗ, sống cùng nhau, học tập cùng nhau, du ngoạn

Chiêu Hòa (Showa), Đông Kinh vào năm 1944. Năm 1948, xin xuất gia với ngài Viên Dung chùa Đông Sơn ở Bình Đông, được ban pháp danh Ân Nghi, hiệu Thiên Ất, thọ Cụ Túc Giới năm 1953 tại chùa Đại Tiên (tại Quan Từ Lãn), được chọn làm Thủ Sa Di Ni trong giới đàn ấy. Sau đây, Sư lên Đài Bắc y chỉ pháp sư Từ Hàng, học lớp nghiên cứu Phật học tại chùa Tịnh Tu. Sư cũng theo học với ngài Bạch Thánh. Sư trước sau nhiều lượt làm Dẫn Tán Sư trong Tam Đàn Đại Giới, đảm nhiệm Trụ Trì chùa Từ Vân, Hưng Long, Viên Thông Học Uyển, tham dự diễn giảng Phật pháp nhiều nơi, từng giảng Tứ Phần Tỳ Kheo Ni Giới Bồn ít nhất ba lần. Sư được ngài Bạch Thánh phó pháp dòng Lâm Tế đời thứ 42, pháp danh Định Giác vào năm 1961. Năm 1970, Sư được thỉnh làm Đắc Giới Hòa Thượng cho Ni chúng tại chùa Viên Sơn Lâm Tế khi mới 47 tuổi. Sư lại được thỉnh làm Đắc Giới Hòa Thượng vào năm 1976 trong giới đàn Long Hồ Am ở Đại Cang Sơn, tuyên giảng hai bộ Tỳ Kheo Ni Giới Bồn và Tỳ Ni Nhật Dụng Thiết Yếu. Sư viên tịch tại Đài Bắc vào ngày Mười Bốn tháng Ba năm 1980.

cùng nhau, chẳng tách rời mãi cho đến khi các Ngài bầu bạn với ta cùng thành Phật, tự tại lắm! Đây là chỗ thù thắng nhất trong thế giới Cực Lạc, các đồng tu phải nhớ kỹ!

Do vậy, đọc kỹ ba kinh, đọc kỹ những bản chú giải tôi đã giới thiệu với mọi người, chú giải phải đọc nhiều lượt, càng đọc nhiều lần càng hay, đọc nhiều, đọc thuần thục, cảnh giới ấy sẽ thường hiện diện trong đầu óc quý vị. Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*” (nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật), đọc nhiều, thuần thục, quý vị thường nghĩ đến cảnh giới Tây Phương Cực Lạc thế giới, thường nghĩ đến A Di Đà Phật và các đại Bồ Tát, đó là “*ức Phật*”, miệng chúng ta “*niệm Phật*”, hoàn toàn phù hợp tông thú tu hành của Tịnh Độ Tông, lẽ nào chẳng vắng sanh!

Thứ mười là Tùy Nhạo Phật. Chữ 樂 [trong ngữ cảnh này] phải đọc [theo âm Quan Thoại] là Yào (âm Hán Việt là Nhạo), Nhạo là ưa thích. [Tùy Nhạo là] thuận theo lòng ưa thích của chúng sanh mà thị hiện.

Đây là mười thân Phật được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Tiếp đó là mấy câu nói tổng hợp để kết luận: “*Nhiên ước kỳ đại yếu*”, nghĩa là quy nạp về điều trọng yếu nhất thì “*bất xuất giác mãn chi nghĩa*” (không ngoài ý nghĩa giác mãn), tông Thiên Thai gọi “*giác mãn*” là Cứu Cánh Phật. Vì sao? Chưa đạt đến rốt ráo, làm sao có thể hiện mười thân? Có thể tự tại thị hiện mười thân, quả thật phải đạt tới giác mãn rốt ráo. “*Cổ viết thập thân sơ mãn, Chánh Giác thì thành, danh Viên Mãn Phật dã*” (vì thế nói mười thân vừa mãn, Chánh Giác mới thành, gọi là Viên Mãn Phật). Chánh Giác mới thành [ở đây] chính là Chánh Giác được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Quý vị mở phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm, tức phẩm thứ nhất của kinh Hoa Nghiêm, sẽ thấy: “*Phật thì thành Chánh Giác*” (đức Phật vừa mới thành Chánh Giác), “*thành*” là viên mãn Chánh Giác (quả vị Phật trong Viên Giác), chẳng phải là Tạng Giáo Chánh Giác, vì bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ làm đương cơ cho cảnh giới của Ngài.

(Sao) Thiên trung thiên giả.

(鈔) 天中天者。

(Sao: “Bạc trời của các trời”).

Đây là khen ngợi Phật. Chúng ta đối với Phật quả thật chẳng có cách nào tán thán, cho nên ca ngợi Ngài là “*thiên trung thiên*”, nghĩa là bạc trời của các trời.

(Sao) Thiên hữu tứ: Nhất, Thế Gian Thiên, chư quốc vương thị.

(鈔) 天有四：一、世間天，諸國王是。

(Sao: Trời có bốn loại: Một là Thế Gian Thiên, tức là các quốc vương).

Trong kinh Phật nói tới bốn loại trời. Loại thứ nhất cũng gọi là Danh Thiên, tức là Danh Tự Thiên, hữu danh vô thực, đây là “Thế Gian Thiên”. “Chư quốc vương thị” (là các quốc vương) giống như Trung Quốc vào thời cổ, hoàng đế xưng là “thiên tử”, nhưng trên thực tế họ là người, chẳng phải trời. Quốc vương Nhật Bản xưng là Thiên Hoàng (Tennō), nhưng cũng là người, cũng chẳng phải là trời! Những kẻ ấy đều hữu danh vô thực, họ được gọi là Thế Gian Thiên. Người thế gian tôn xưng họ, chứ họ chẳng phải là trời thật sự.

(Sao) Nhị, Sanh Thiên, Dục, Sắc, Vô Sắc chư thiên thị.

(鈔) 二、生天，欲色無色諸天是。

(Sao: Thứ hai là Sanh Thiên, tức chư thiên Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới).

“Sanh”: Thật sự ở trên trời. Phật pháp nói có hai mươi tám tầng trời. Dục Giới có sáu tầng trời, có ham muốn ăn uống, nam nữ. Thiên giới càng lên cao, dục vọng càng mỏng. Lên cao hơn là Sắc Giới. Sắc Giới có mười tám tầng [gọi chung là] Tứ Thiên: Sơ Thiên ba tầng, Nhị Thiên ba tầng, Tam Thiên ba tầng, Tứ Thiên chín tầng. Mười tám tầng trời này, tài, sắc, danh, vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, ngũ dục đều không có. Các đồng tu học Thiên, hãy tự mình khéo phản tỉnh một phen, quý vị còn có dục vọng hay chẳng? Đối với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ có còn động tâm hay chẳng? Trên mặt Sự không có thì chẳng ăn nhằm gì cả, khẩn yếu là trong tâm [chẳng có]. Nếu trong tâm còn động tâm, tôi bảo đảm quý vị chẳng đến được Sắc Giới, mà vẫn ở trong Dục Giới. Bởi vậy cũng biết, tu Thiên không dễ dàng! Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ bày ra trước mặt mà thật sự chẳng động tâm, mới lên được Tứ Thiên Thiên, chẳng đơn giản! Đó là công phu rất khó. Trong tâm chúng ta hơi động một chút ý niệm là không được rồi, dục vẫn chưa đoạn, vẫn là Dục Giới.

Sắc Giới lại lên cao hơn nữa là Vô Sắc Giới, đây chính là Tứ Không Thiên, đây là chỗ cao nhất trong thế giới Sa Bà. Chư thiên cõi ấy thật sự giác ngộ thân là thừa thãi, ngay cả thân cũng từ bỏ. Bốn cõi trời này, nói thật ra là thế giới tinh thần, không có vật chất, không có thân thể nên không

có thân tướng. Chúng ta thường nói đến linh hồn, [bốn tầng trời Tứ Không] là cảnh giới cư trụ của linh hồn! Có thể sanh lên hai mươi tám tầng trời thì gọi là Sanh Thiên, [hàm ý] thật sự sanh lên cõi trời.

(Sao) Tam, Tịnh Thiên, Tứ Quả, Chi Phật thị.

(鈔) 三、淨天，四果支佛是。

(Sao: Ba là Tịnh Thiên, tức là Tứ Quả và Bích Chi Phật).

Tịnh Thiên: Tịnh là thanh tịnh, chẳng phải là chư thiên thông thường, mà là người học Phật, chưa hoàn toàn đoạn hết phiền não, nhưng chẳng sanh trong Dục Giới, những vị ấy được gọi là Tam Quả La Hán, [tức là] Tam Quả của Tiểu Thừa ở trong Tứ Thiên Thiên. Tứ Thiên Thiên có tất cả chín tầng²⁴. Thật ra, [tầng trời thứ tư trong] Tứ Thiên Thiên bình thường chỉ có ba tầng, thêm một tầng nữa là Ngoại Đạo Thiên, tầng ấy gọi là Vô Tướng Thiên. Họ cái gì cũng chẳng nghĩ đến, tu thành Vô Tướng Định, tu đến Tứ Thiên Ngoại Đạo Thiên. Bốn loại trời này đều là phàm phu, vẫn chưa phải là thánh nhân. Trừ bốn loại ra, còn có loại thứ năm, gọi là Ngũ Bất Hoàn Thiên, đây là chỗ tu hành của bậc Tam Quả Tiểu Thừa, trong kinh Phật gọi là Tịnh Cư Thiên (Śuddhāvāsa), Tịnh Cư thiên tử tu hành ở nơi ấy. Kẻ căn tánh nhạy bén trực tiếp chứng A La Hán, vượt thoát tam giới; kẻ độn căn phải trải qua Tứ Không Thiên mới thoát tam giới. Đây là Tịnh Thiên. “*Tứ Quả Chi Phật*”: Tam Quả sẽ chứng Tứ Quả ở nơi ấy. “*Chi Phật*” là Bích Chi Phật, hai hạng người ấy ở nơi đó.

(Sao) Tứ, Nghĩa Thiên, Thập Trụ Bồ Tát thị.

(鈔) 四、義天，十住菩薩是。

(Sao: Bốn là Nghĩa Thiên tức Thập Trụ Bồ Tát).

²⁴ Theo luận Câu Xá, Tứ Thiên Thiên gồm tám tầng trời: Vô Vân Thiên (Anabhaka), Phước Sanh Thiên (Punya-prasava), Quảng Quả Thiên (Brhat-phala), Vô Phiền Thiên (Avrha), Vô Nhiệt Thiên (Atapa), Thiện Hiện Thiên (Sudrsha), Thiện Kiến Thiên (Sudarshana), Sắc Cứu Cánh Thiên (Akanistha). Nếu tính thêm một tầng trời ngoại đạo là Vô Tướng Thiên (Asamjñisattvāh), sẽ thành chín tầng. Tịnh Cư Thiên nằm trong Tứ Thiên Thiên, bao gồm các tầng trời Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Kiến, Thiện Hiện và Sắc Cứu Cánh Thiên. Hòa Thượng nói “loại thứ năm” ngụ ý thánh chúng sống trong năm tầng trời chẳng phải là phàm phu (chư thiên thông thường), chứ không phải là ngoài bốn tầng Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên và Tứ Thiên còn có một tầng thứ năm.

Từ trời Đạo Lợi trong Dục Giới lên đến trời Tứ Thiên, quá nửa các vị Thập Trụ Bồ Tát hóa thân trong ấy làm Thiên Vương, dùng thân phận thiên vương hóa độ chúng sanh, đây là Nghĩa Thiên. Thập Trụ ở đây là Thập Trụ trong Viên Giáo, mà cũng là Thập Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo.

(Sao) Phật tịnh siêu chi, thị thiên nhi hựu thiên dã.

(鈔) 佛並超之，是天而又天也。

(Sao: Phật đều vượt trời họ, lại là bậc trời của chư thiên).

“*Phật tịnh siêu chi*” : Đối với bốn loại trời vừa nêu trên đây, Phật đều vượt trời họ, nên được gọi là Thiên Trung Thiên. Đây là tôn xưng đức Phật, Phật vượt trời toàn bộ. Ngày hôm nay tôi giảng tới đây.

Tập 95

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm bảy mươi ba.

(Sao) Thánh trung thánh giả, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, nhập thánh vực nhi vị ưu, duy Phật cư cực quả, thị thánh nhi hựu thánh dã.

(鈔) 聖中聖者，聲聞緣覺菩薩，入聖域而未優，惟佛居極果，是聖而又聖也。

(Sao: “Thánh trung thánh”: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đã dục vào bậc thánh, nhưng chưa đạt tới mức ưu việt, chỉ có Phật thuộc quả vị tốt cùng, nên là bậc thánh của chư thánh).

Trong sự giáo học của đức Phật, trước hết, chúng ta phải hiểu rõ Phật giáo là nền giáo dục của đức Phật, có khá nhiều chỗ hết sức tương tự với cách giáo học hiện thời trong nền giáo dục của chúng ta, chỉ là danh xưng khác nhau, trên thực tế chẳng có gì khác biệt. Trong Phật pháp, chia ra Đại Thừa và Tiểu Thừa, giống như trong giáo dục hiện tại chia ra Tiểu Học, Trung Học, và Đại Học. Thanh Văn là Tiểu Học, Duyên Giác như Trung Học, Bồ Tát như Đại Học, chia thành ba giai đoạn, nhưng tốt nghiệp “Tiểu Học” trong Phật pháp có trình độ khá cao!

Cái được Phật pháp truy cầu là trí huệ tối cao, tối viên mãn, trong kinh Phật gọi [trí huệ ấy] là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Anuttara-samyak-sambodhi). Đây là tiếng Phạn dịch âm, có nghĩa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong câu này cũng chia thành ba giai đoạn. Thứ nhất là Chánh Giác. Người đạt Chánh Giác đã tu học xong Tiểu Thừa, được gọi là chứng đắc địa vị A La Hán. A La Hán có một ý nghĩa là Vô Học. Vô Học nghĩa là vị ấy đã học xong hết những thứ cần học, chẳng còn học nữa, đã tốt nghiệp chương trình học, nên vô học. Phật pháp có ba giai đoạn, giai đoạn thứ nhất, chứng đắc Chánh Giác là A La Hán. Phật pháp thừa nhận chúng sanh trong thế gian có giác, chẳng thể nói là không giác ngộ. Trong thế gian hiện thời, những khoa học gia, triết học gia, nhà tôn giáo, đối với vũ trụ và nhân sinh đã có sự giác ngộ kha khá, tuy đã giác, nhưng chẳng thể coi là Chánh, chưa thể coi là Chánh Giác được! Trong tiêu chuẩn Chánh Giác của Phật pháp, điều kiện thứ nhất là phải có sự giác ngộ kha khá đối với vũ trụ và nhân sinh. Điều kiện thứ hai

là phải đoạn phiền não, quý vị quả thật có thể đoạn các duyên tham, sân, si, mạn, thật sự phù hợp tiêu chuẩn “giác, chánh, tịnh” mới gọi là Chánh Giác. Do vậy, A La Hán đã đạt tới mục tiêu này.

Đức Phật giảng nhiều hiện tượng trong vũ trụ, chúng ta có thể lý giải, nhưng còn có nhiều hiện tượng mà với năng lực hiện thời, chúng ta vẫn chưa thể đạt được, thậm chí tư tưởng, học thuật, khoa học kỹ thuật của chúng ta đều chẳng đạt được, nhưng chẳng thể nói là chúng không tồn tại. Thí dụ như người Ấn Độ nói lục đạo luân hồi, lục đạo luân hồi chẳng phải là quan niệm riêng của Phật giáo. Tại Ấn Độ vào thời cổ, Bà La Môn giáo, Số Luận (Sāṅkhya), Du Già (Yoga)²⁵, ngoại đạo đều nói tới chuyện việc này. Nói cách khác, trước Thích Ca Mâu Ni Phật, người Ấn Độ đã nói tới lục đạo luân hồi. Hơn nữa, còn có nhiều nhà tôn giáo, năng lực tu hành thật sự có thể đạt tới Sắc Giới Thiên và Vô Sắc Giới Thiên. Những tôn giáo cao cấp Ấn Độ có thể lý giải tình hình trong lục đạo rất rõ ràng, họ biết những sự thật ấy rất rõ ràng, nhưng rốt cuộc vì sao sanh ra chuyện ấy? Con người có thể vượt thoát lục đạo hay chẳng? Họ chẳng có cách

²⁵ Số Luận là một trường phái triết học cổ Ấn Độ, trong kinh thường gọi họ là Ca Tỳ La ngoại đạo, hoặc Vũ Chúng ngoại đạo, hay Vũ Tế ngoại đạo. Khác với Lục Sư ngoại đạo hoàn toàn chống đối Bà La Môn giáo, Số Luận có nhiều điểm tương đồng và thậm chí vay mượn một số luận điểm của Bà La Môn giáo. Theo truyền thuyết, phái này do tiên nhân Ca Tỳ La (Kapila) sáng lập. Số Luận quan niệm vũ trụ do hai yếu tố lớn tạo thành: Bồ Lô Sa (Purusha: tinh thần tối cao) và nguyên chất (Prakriti: vật chất nguyên sơ). Khác với Nhị Nguyên Luận của Tây Phương, Số Luận quan niệm vật chất và tinh thần hòa lẫn vào nhau. Bồ Lô Sa còn tách ra vô số những đơn vị tinh thần độc lập gọi Jiva. Nguyên chất lại do ba yếu tố cấu thành: Sattva (hỷ), rajas (uru), và tamas (tối tăm). Thoạt đầu, Số Luận không thừa nhận có một đấng sáng tạo do lập luận: “Một Thượng Đế bất biến sẽ không thể là cội nguồn của một thế giới luôn thay đổi”. Sau này, do pha trộn với Yoga và các phái triết học khác, Số Luận cũng thừa nhận có thần Ishavar là đấng sáng tạo.

Du Già nói ở đây chính là trường phái Yoga sáng lập bởi Phách Thần Già Lợi (Pantajali, sống vào khoảng thế kỷ thứ hai trước Công Nguyên). Pantajali đã hệ thống hóa, hoàn chỉnh học thuyết lý luận của Yoga; trường phái của Pantajali được gọi là Thăng Vương Du Già (Raja Yoga) nhằm phân biệt với những trường phái chỉ chú trọng tập luyện cơ thể hơn quan tâm đến triết học. Mục tiêu Thiền Định của Yoga là hợp nhất Tiểu Ngã của mỗi cá nhân với Đại Ngã của Phạm Thiên. Các tác phẩm của Pantajali đã được hệ thống hóa thành Du Già Bát Phần Pháp (Ashtanga Yoga) và được coi như là cơ sở lý luận chính yếu của các trường phái Yoga khác như Cấp Đạt Du Già (Hatha Yoga), Trí Huệ Du Già (Jhana Yoga), Chí Thiện Du Già (Bhakti Yoga), Hành Động Du Già (Karma Yoga), Âm Thanh Du Già (Mantra Yoga), Mật Truyền Du Già (Tantra Yoga) v.v...

nào! Đó gọi là “*biết chuyện đương nhiên, nhưng chẳng biết nguồn cội*”, [chỉ có] Thích Ca Mâu Ni Phật mới giải quyết vấn đề này cho chúng ta!

Nguyên nhân căn bản của lục đạo luân hồi là do mê mất chính mình nên mới có hiện tượng ấy. Mê gì? Mê mất Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chính mình. Đức Phật cho chúng ta biết: Hết thấy chúng sanh ai nấy đều có Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác! Nói cách khác, trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tài nghệ viên mãn, hết thấy chúng sanh đều bình đẳng. Vì sao nay quý vị bị mất? Do quý vị mê mất chính mình. Phật pháp chẳng nói quý vị mê bên ngoài, mà là mê mất tự tánh của chính mình, nên hiện tượng này biến thành hiện tượng lục đạo luân hồi. Nếu quý vị thật sự giác ngộ, tìm luân hồi trọn chẳng thể được, còn có lục đạo ở đâu nữa? Đây là vấn đề mê hay giác. Mê thì giống như chúng ta nằm mộng, cổ nhân cũng nói: “*Mộng lý mình mình hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên*” (Trong mộng rành rành phô sáu nẻo, giác rồi ba cõi rỗng toang hoang). Quý vị tỉnh giấc, còn có mộng ở chỗ nào? Tìm cũng tìm chẳng được! Khi chúng ta mê bèn như nằm mộng, có lục đạo luân hồi, có chuyện này, chẳng phải là không có, thật sự có; tuy có, nó chẳng phải là thật, giống như chúng ta nằm mộng, nhưng trong mộng, quý vị chẳng biết là đang nằm mộng, cứ ngỡ mộng cảnh là thật, chẳng biết đó là giả, là hư vọng. Tới khi tỉnh giấc, mới biết [những mộng cảnh ấy] đều là giả. Nếu trong mộng hiểu được chính mình đang nằm mộng, giác mộng ấy nhất định rất thú vị, nhất định rất tự tại. Do vậy, Phật pháp nói Phật, Bồ Tát du hí thần thông trên thế gian, vì sao? Các Ngài biết chính mình đang nằm mộng. Chúng ta nằm mộng mà chẳng biết mình đang nằm mộng, các Ngài biết chính mình đang nằm mộng; vì thế, tâm tình và cảnh giới của chúng ta hoàn toàn khác hẳn!

Đó là nói về giai đoạn thứ nhất, tức Chánh Giác. Có thể nói A La Hán là một danh xưng học vị của bậc Chánh Giác giống như hiện thời chúng ta nói tới Học Sĩ (Cử Nhân), Thạc Sĩ, Tiến Sĩ. Bồ Tát giống như Thạc Sĩ, Phật giống như Tiến Sĩ, học vị tối cao. Chánh Đẳng Chánh Giác là Bồ Tát, Đẳng là bằng Phật, nhưng vẫn chưa phải là Phật; nói cách khác, rất gần với viên mãn, nhưng vẫn chưa đạt tới viên mãn thật sự. Đạt tới rốt ráo viên mãn sẽ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hoàn toàn chẳng mê, đây là Phật. Ba danh hiệu này giống như ba danh hiệu học vị (degree).

Vì thế, đức Phật dạy chúng ta: Ai nấy đều có thể thành Phật. Ngài lại còn nói rất minh bạch như trong Hoa Nghiêm và Viên Giác đã nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật*”, vốn là Phật, vốn đích xác là Phật; chỉ cần quý vị chẳng mê, quý vị là Phật! Quý vị tuy mê, nhưng mê

vẫn là Phật. Vì mê là giả, chẳng phải là thật, giác là thật. Nếu là thật, sẽ vĩnh viễn chẳng mất đi; giả thì chắc chắn có thể bỏ đi. Vì thế, trước hết, chúng ta phải kiến lập tín tâm nơi đây: Chính mình chắc chắn có thể thành tựu! Chỗ khác nhau giữa Phật pháp và các tôn giáo khác là Phật pháp nói đến Tín thì thứ nhất là tin vào chính mình, kiến lập lòng tự tin kiên cường, tín tâm theo Lý tánh; đã tự tin rồi thì sẽ tin tưởng Phật, tin tưởng Bồ Tát, tin tưởng thầy có thể giúp đỡ mình. Nếu chúng ta đánh mất lòng tin vào chính mình, dẫu Phật, Bồ Tát thần thông lớn tới đâu, trí huệ cao tới đâu đi nữa, vẫn chẳng thể giúp đỡ! Phật, Bồ Tát có thể giúp đỡ ai? Giúp kẻ có lòng tự tin, người ấy thật sự tin tưởng chính mình có thể thành Phật, tin tưởng chính mình có thể tiêu nghiệp chướng. Do vậy, đầu tiên, nhất định là chính mình phải kiến lập tín tâm.

Chúng ta gọi A La Hán là thánh nhân, Bồ Tát cao hơn A La Hán một cấp, đương nhiên càng là thánh nhân, Phật là tối cao, được xưng tụng là “*thánh trung chi thánh*” do ý nghĩa này. Trong phần trên, đã tán thán Ngài là “*thiên trung chi thiên*” (vị trời của chư thiên); ở đây, tán thán Phật là bậc thánh của các thánh. Tuy chúng ta gọi Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát là thánh nhân, các Ngài chưa hoàn toàn đạt đến địa vị viên mãn rốt ráo, chỉ có Phật mới viên mãn rốt ráo. Vì thế, “*thị thánh chi hựu thánh*” (lại là bậc thánh của các thánh). Những lời khen ngợi này đều dành cho Thích Ca Mâu Ni Phật, nhằm để xưng hô với Ngài.

(Sao) *Tức Thích Ca giả, quá khứ, vị lai, tu tiêu mô Phật.*

(鈔) 即釋迦者，過去未來，須標某佛。

(Sao: “*Tức là Phật Thích Ca*”): *Nếu là Phật quá khứ và vị lai, cần phải nêu rõ là vị Phật nào.*

Trong kinh Phật, nếu nói tới đức Phật khác, nhất định là nói về quá khứ Phật, hoặc vị lai Phật. Chẳng hạn như chúng ta nói tới Di Lặc Bồ Tát, bèn gọi Ngài là Đương Lai Hạ Sanh Phật, Ngài là vị lai Phật, hiện nay vẫn còn là Bồ Tát, vẫn chưa thành Phật. Nếu trong kinh chẳng nói “*quá khứ, vị lai*” thì [hễ chỉ nói “Phật” thì tức] là nói Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thầy căn bản của chúng ta, vì nền giáo dục và sự giáo học [Phật pháp] lúc thoạt đầu do Ngài khởi xướng, Ngài là người khởi xướng, sáng lập Phật giáo.

(Sao) *Thích Ca kiến tọa đạo tràng, nhất độ chi trung, vô nhị Phật cổ. Dụ như tiền triều đế chủ, tu xưng quốc hiệu, đương kim thiên tử,*

trực viết Chí Tôn, diệc dĩ nhất quốc chi trung vô nhị chủ cố. Thị tri đơn ngôn Phật giả, tức Tát Đạt sở thành Hiền Kiếp đệ tứ Phật dã.

(鈔)釋迦見坐道場，一土之中，無二佛故。喻如前朝帝主，須稱國號，當今天子，直曰至尊，亦以一國之中無二主故。是知單言佛者，即悉達所成賢劫第四佛也。

(Sao: Đức Thích Ca ngồi nơi đạo tràng. Trong một cõi nước, chẳng có hai vị Phật. Giống như [nói tới] vua chúa trong triều đại trước, cần phải gọi rõ quốc hiệu, [còn nói tới] vị thiên tử hiện tại, bèn gọi thẳng là đấng Chí Tôn. Cũng như trong một nước chẳng có hai chủ. Do vậy, chỉ nói “Phật” thì chính là nói tới vị Phật thứ tư trong Hiền Kiếp do Thái Tử Tát Đạt Đa tu thành).

Ý nghĩa này rất rõ ràng, đại sư dùng tỷ dụ để giảng rõ. Nhờ vào công cụ khoa học, chúng ta biết vũ trụ to lớn phi thường, nhưng vẫn chẳng rộng lớn, viên mãn như trong kinh Phật đã nói. Khoa học đã chứng thực đích xác một phần, tối thiểu là đối với tam thiên đại thiên thế giới như đức Phật đã dạy, các nhà khoa học đã đồng ý. Nói “vô lượng vô biên thế giới” thì các nhà khoa học còn chưa chứng thực được! Địa bàn giáo hóa của một vị Phật là một đại vũ trụ, đây chẳng phải là quả địa cầu này, địa cầu chỉ là một cứ điểm (foothold, stronghold) trong khu vực giáo hóa của đức Phật mà thôi. Trong Phật pháp, khu vực giáo hóa to lớn ấy được gọi là “đại thiên thế giới”, một đại thiên thế giới có mười ức Ngân Hà Hệ. Một Ngân Hà Hệ là một đơn vị thế giới, một ngàn đơn vị thế giới là một tiểu thiên thế giới, một ngàn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới, một ngàn trung thiên thế giới là một đại thiên thế giới. Do đại thiên thế giới có ba thứ “thiên”, tức là tiểu thiên, trung thiên, và đại thiên, nên trong Phật pháp thường nói là “tam thiên đại thiên thế giới”.

Trí huệ và năng lực của Phật vô cùng lớn, chúng ta chẳng thể nào tưởng tượng được. Chúng ta nói “thần thông” thì thần thông là năng lực. “Thông” (通) là thông đạt chẳng chướng ngại, bất luận trí huệ, đức năng, hay tài nghệ đều chẳng bị chướng ngại. Nói cách khác, Phật đa tài, đa nghệ, điều gì cũng biết, điều gì cũng đều có thể. “Thần” (神) là vượt khỏi sự hiểu biết thông thường của chúng ta. Những gì chúng ta không thể tưởng tượng, Ngài đều biết, đều có thể làm được, nên gọi là “thần thông”. Khu vực giáo hóa của Phật là một đại thiên thế giới. Chúng sanh nơi này cơ duyên chín muồi, Ngài bèn đến nơi đây. Chúng ta trong cõi này chẳng chịu tiếp nhận, nghe lời, thầy bèn bỏ đi, sang dạy bên thế giới khác. Thân

Phật không chỉ là một thân, Ngài có thể phân thân. Phân thân, nói theo khoa học, cũng là một chuyện có thể được, nhưng hiện thời chúng ta chẳng biết cách làm. Những năng lực này của Phật do đâu mà có? Do định công (công phu định lực) mà có. Trong phẩm Như Lai Xuất Hiện của kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã dạy: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Nói cách khác, hết thảy chúng sanh vốn đều là Phật, nay vì sao biến thành chúng sanh? Vì sao trí huệ, đức tướng, năng lực của quý vị thảy đều bị mất? “*Đản dĩ vọng tưởng, chấp trước, nhi bất năng chứng đắc*” (chỉ vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc). Đức Phật chỉ nói tới một nhân tố quan trọng, đó là “vọng tưởng, chấp trước”. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là gốc bệnh của chúng sanh. Nếu hoàn toàn không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tâm của quý vị và toàn thể vũ trụ hợp thành một, không có giới hạn.

Năng lực trí huệ vốn sẵn có, chẳng do học được từ bên ngoài. Một đời đức Phật dạy học bốn mươi chín năm, giảng Bát Nhã hai mươi hai năm. Bát Nhã là trí huệ. Trong toàn bộ giáo học, Bát Nhã là khoa mục trung tâm trong sự giáo học của Phật pháp, giảng lâu nhất. Trong kinh Bát Nhã có hai câu danh ngôn: “*Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết*”. Nếu quý vị đạt được tâm thanh tịnh, lìa khỏi hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; lúc đó, trong cái tâm thanh tịnh ấy, cái gì cũng đều chẳng có. Lục Tổ bảo: “*Vốn chẳng có một vật*”, đây là Bát Nhã vô tri. Khi nó khởi tác dụng, không gì chẳng biết. Vì sao nó có thể không gì chẳng biết? Vì trong cảnh giới vô tri ấy, tâm tĩnh lặng, giống như nước lặng trong, chẳng dấy lên sóng mòi, khi nước hết sức tĩnh lặng sẽ soi bóng hết thảy cảnh giới bên ngoài giống như một tấm gương soi, soi rõ ràng, không có gì chẳng biết! Vì thế, “vô tri” là trí huệ thật sự, hễ “có biết” là hỏng rồi! Có biết, quý vị sẽ có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, giống như nước dấy sóng, soi bóng cảnh giới bên ngoài sẽ vỡ thành từng mảnh nhỏ, chẳng thể soi rất hoàn chỉnh. Quý vị nói “có biết”, tức là sẽ có điều chẳng biết, còn vô tri thì không gì chẳng biết. Vì thế, đức Phật mong chúng ta hãy học vô tri, chẳng mong chúng ta học hữu tri. Vô tri chẳng phải là si ngốc, vô tri là trí huệ thật sự, là tâm địa thanh tịnh. Trong tâm chẳng thể có thứ gì, thường giữ gìn cái tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh là giác tâm, tâm thanh tịnh là chánh tâm.

Phật pháp tuy có rất nhiều tông phái, pháp môn, nhưng trên thực tế, cuối cùng là ba môn “*giác, chánh, tịnh*”. Bất luận quý vị từ môn nào tiến nhập đều được, đều như nhau. Thiên Tông theo Giác môn, nên chẳng lập văn tự, khởi sự bằng Thiên Định, đó gọi là “*giáo ngoại biệt truyền*”

(truyền riêng ngoài Giáo). Giáo Hạ, bao gồm bảy tông phái, theo Chánh môn. Chánh môn là kiến giải chính xác, tư tưởng chính xác, đương nhiên môn này tương đối chậm hơn một chút. Vì Giác môn là toàn bộ thân, tâm, thể giới, hết thấy buông xuống, cho nên ngay cả kinh điển cũng không cần, pháp thể gian lẫn Phật pháp thấy đều buông xuống, khôi phục cái tâm thanh tịnh, đi theo lộ trình ấy. Lộ trình ấy nhanh chóng, là đốn siêu. Giáo Hạ giống như chúng ta đi học, từ Tiểu Học, Trung Học, tới Đại Học tuân tự thông thả tiến từng bước, bồi dưỡng tư tưởng và kiến giải đều chính xác, cuối cùng vẫn đạt tới mục tiêu giống hệt!

Đi theo Tịnh môn có hai tông phái: Tịnh Độ Tông và Mật Tông; nhưng nói theo hiện thời, Mật chẳng bằng Tịnh Độ, vì sao? Hiện tại yêu ma quỷ quái đều vào trong Mật. Hiện thời, Mật chẳng phải là Phật Mật, mà là Ma Mật, Yêu Mật, Quỷ Mật, Quái Mật, chuyện này phiền lắm! Vì thế, có người học Mật, học chẳng bao lâu, học mấy tháng thường biến thành bệnh thần kinh, bệnh tật gì cũng đều phát sanh. Thật ra, Mật Tông đích xác là rất hay, chỉ vì hiện thời yêu ma quỷ quái xâm nhập, nguyên nhân vì đâu? Mật dễ dàng xâm nhập nhất! Mật qua lại với quỷ thần hết sức mật thiết, nên rất dễ biến chất. Tịnh Độ Tông chuyên niệm A Di Đà Phật, chẳng dễ dàng biến chất, yêu ma quỷ quái vào trong Tịnh Độ Tông cũng niệm A Di Đà Phật; do vậy, biến thành chánh pháp, mà cũng biến thành chánh, nên Tịnh Độ chẳng bị biến thành tà pháp. Sở dĩ Mật rất dễ biến thành tà, chẳng phải vì Mật chẳng tốt đẹp, mà do hiện tại Mật bị yêu ma quỷ quái xâm nhập, chúng ta chẳng có cách nào phân biệt nó là thật hay giả. Như tôi thấy, tại Trung Quốc và ngoại quốc tôi đã thấy rất nhiều, chín mươi phần trăm là giả, chẳng thật! Mật thật sự tôi cũng đã từng gặp rồi. Lúc tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư là Mật thật sự, chắc chắn chẳng phải là Tà Mật. Hiện thời, Mật có rất nhiều vấn đề, mà lại còn là những vấn đề vô cùng nghiêm trọng, chúng ta phải nhận biết chuyện này! Chúng ta chọn lựa pháp môn Tịnh Độ, theo ngõ Tịnh, chuyên môn bồi dưỡng cái tâm thanh tịnh; bởi lẽ, trong tất cả các pháp môn, học pháp môn này đơn giản nhất, dễ dàng nhất.

Chư vị phải nhớ, pháp môn thù thắng nhất là pháp môn đơn giản nhất. Nếu có ai nói: “Pháp này quá đơn giản, đâu có dễ dàng như vậy?” Kẻ ấy chẳng tin tưởng, tức là hấn thiếu phước báo, nghiệp chướng sâu nặng! Nếu pháp môn này phức tạp, chẳng thể coi là một pháp môn thật sự hay. Pháp thật sự hay nhất định phải đơn giản, nhất định phải rất dễ dàng, ai nấy đều có thể tu, ai nấy đều tu thành công, khi ấy mới là pháp môn bậc nhất. Do vậy, pháp môn Tịnh Độ là pháp môn thù thắng nhất trong toàn

bộ Phật pháp, trong vô lượng vô biên pháp môn; vì thế, được mười phương chư Phật tán thán.

Nói tới cuối cùng là ba môn “*giác, chánh, tịnh*” này; trong ba môn ấy, chúng ta chọn một môn để nhập đạo là được, đây là một mà ba, tuy ba mà một. Thí dụ như quý vị từ Tịnh môn mà vào, quý vị chẳng hề không chánh, chẳng hề không giác, Giác lẫn Chánh đều đạt được. Giống như giảng đường này có ba cửa, quý vị theo bất luận cửa nào để tiến vào, đều giống như nhau, toàn bộ đều đạt được. Chẳng thể nói là ta theo Tịnh môn tiến vào, tới khi đó, ta vẫn còn có vấn đề nơi Chánh và Giác, ta còn phải tu học thêm, chẳng có đạo lý này. Giác nhất định là Chánh, nhất định là Tịnh, Chánh nhất định là Giác, nhất định là Tịnh, Tịnh nhất định là Giác, nhất định là Chánh, là một mà ba, tuy ba mà một; nhưng ba môn này khó dễ khác nhau, chúng ta phải khéo chọn lựa!

Trong một khu vực giáo hóa, chỉ có thể có một vị Phật, Phật giống như hiệu trưởng. Một trường học chỉ có thể có một hiệu trưởng, chẳng thể có hai hiệu trưởng. Tuy có người đạo đức, học vấn, trí huệ, thần thông hoàn toàn bình đẳng giống hệt như Phật, nhưng trong khu vực giáo hóa ấy, vẫn phải chọn ra một vị làm hiệu trưởng, chẳng thể nào hết thầy mọi người đều làm hiệu trưởng. Chúng ta gọi những người ấy là Đẳng Giác Bồ Tát, hoàn toàn bình đẳng với Phật. Trong nhà trường ấy, các Ngài làm giáo sư, hoặc đảm nhiệm giáo vụ, nhưng hiệu trưởng luôn luôn chỉ có một người. Trên danh phận tuy là như thế, nhưng địa vị của họ nhất định bình đẳng. Không chỉ hiệu trưởng và giáo viên bình đẳng, mà [ngay cả] địa vị học trò cũng bình đẳng. Do vậy, Phật và chúng sanh cũng là bình đẳng, trong Phật pháp quả thật không có cao thấp. Căn nguyên của thuật ngữ “*bình đẳng*” là do kinh Phật mà có, thanh tịnh, bình đẳng.

Mỗi cõi Phật là một đại thiên thế giới. Quả địa cầu này là một phần tử của đại thiên thế giới, là một tinh cầu nhỏ bé mà thôi! Giáo khu (khu vực giáo hóa) của Thích Ca Mâu Ni Phật là một đại thiên thế giới. Do vậy, chúng ta nói Phật giảng sanh hay nhập diệt là nhìn theo mặt hình tích, [tức là] nhìn từ hình tướng bên ngoài, trên thực tế là chẳng sanh, chẳng diệt. Không riêng gì đức Phật chẳng sanh, chẳng diệt, mà mỗi cá nhân chúng ta đều là chẳng sanh, chẳng diệt, những gì đức Phật có, chúng ta thấy đều có. Do vậy, kinh điển toàn nói những chuyện thuộc bốn phần của chính chúng ta. Như kinh Hoa Nghiêm toàn là giảng về chính mình, chắc chắn chẳng có một câu nào nói đến chuyện ngoài chính mình ra! Không có! Chúng ta đọc kinh Phật, nhất định phải hiểu được ý nghĩa này!

Đức Phật dạy, trong “đại thời gian” hiện tại, cái “đại thời gian” ấy cũng rất dài, chẳng thể dùng một hai năm để tính toán, chỉ dùng Kiếp để tính toán, [Kiếp ở đây] là đại kiếp. “*Kiếp*” (Kalpa) là đơn vị thời gian, có tiểu kiếp, trung kiếp, và đại kiếp, ở đây nói tới đại kiếp. Thông thường chúng ta nói tiểu kiếp là “*tăng giảm kiếp*” (Antah-kalpa). Theo kinh dạy, khi thọ mạng con người dài nhất là tám vạn bốn ngàn năm, đây là tuổi thọ dài cực hạn của con người. Từ tám vạn bốn ngàn năm, cứ mỗi một trăm năm lại giảm một tuổi, giảm như vậy tới mười tuổi, mười tuổi là cực hạn thấp nhất của tuổi thọ con người; sau đây, cứ mỗi một trăm năm lại tăng thêm một tuổi, tăng thêm cho đến tám vạn bốn ngàn tuổi, chu kỳ một tăng một giảm này được gọi là một “*tiểu kiếp*”. Phật giáo tính toán đơn vị thời gian theo cách tính như thế. Hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp (Asankya-kalpa), bốn trung kiếp là một đại kiếp (Maha-kalpa).

Trong một đại kiếp này, đức Phật dạy: Trong thế giới này, có một ngàn vị Phật xuất thế, Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ tư trong đại kiếp này. Kiếp này có tên là Hiền Kiếp (Bhadra-kalpa) vì hiền nhân rất nhiều, [tức là] Phật, Bồ Tát thành tựu con người rất nhiều, do có nhiều người hiền nên gọi là Hiền Kiếp. Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ tư trong Hiền Kiếp, vị Phật thứ năm là Di Lạc Phật, ngài Di Lạc hiện đang là Bồ Tát. Di Lạc Bồ Tát giáng thế vào năm mười sáu ức bảy ngàn vạn năm sau. Tới chỗ này, chúng ta đã giới thiệu xong chữ Phật trong tựa đề “*Phật Thuyết A Di Đà Kinh*”. Tiếp theo đây là giảng chữ “Thuyết”.

(Sớ) Thuyết giả, duyệt dã.

(疏) 說者，悅也。

(Sớ: Thuyết là hoan hỷ).

Vào thời cô, chữ Duyệt (悅) trong Hỷ Duyệt (hoan hỷ) viết cùng một mặt chữ với chữ Thuyết (說: nói) trong hiện tại. Nói thì đương nhiên hoan hỷ mới nói, chẳng hoan hỷ sẽ chẳng thể nói. Nhất là nói kinh Di Đà, đức Phật hoan hỷ tới tột bậc, vì sao? Tất cả hết thảy các pháp môn đều phải đi đường vòng rồi mới thành tựu, đều khiến cho chúng sanh phải chịu đựng những nỗi khổ sở, đi theo rất nhiều chặng đường oan uổng rồi mới có thể thành tựu, chỉ riêng pháp môn này là thành tựu trong một đời, trực tiếp thành tựu. Có thể đem pháp môn này giới thiệu với chúng sanh, lẽ nào đức Phật chẳng vui sướng? Đức Phật mang tâm nguyện mong cho mọi người đều thành tựu trí huệ viên mãn, mọi người đều thành Phật. Quý vị phải nhớ: “Thành Phật”, chẳng phải là thành thần! Thành thần hay thành

tiên đều chẳng thể giải quyết vấn đề, vì sao? Thân tiên còn có mê hoặc, điên đảo. Phật, Bồ Tát chẳng mê hoặc, chẳng điên đảo. Đức Phật mong chúng ta thành tựu trí huệ, khôi phục năng lực vốn có của chính mình, đức Phật giáo học nhằm mục đích này! Luôn mong chúng ta thành tựu sớm một chút, giống như cha mẹ quan tâm, yêu thương con cái, luôn mong muốn con học hành sớm ngày thành tựu, sự nghiệp sớm có ngày viên mãn. Đức Phật nói bộ kinh này lợi ích chúng sanh chẳng gì có thể sánh bằng, mà mọi người cũng phải chịu tiếp nhận, chịu tin tưởng thì mới có thể nói! Nói ra mà không ai tin tưởng, nói uổng công rồi! Đức Phật quan sát thấy học trò có thể tiếp nhận, cho nên Ngài vô cùng hoan hỷ diễn nói. Bộ kinh này và kinh Vô Lượng Thọ là đồng bộ, kinh Di Đà là giới thiệu đơn giản, kinh Vô Lượng Thọ là thuyết minh tỉ mỉ. Hai bộ kinh này có nội dung hoàn toàn tương đồng.

(Sớ) Duyệt sở hoài cố.

(疏) 悅所懷故。

(Sớ: Do thỏa thích điều ấp ủ trong lòng).

“Hoài” (懷) là “hoài bão” (điều ôm ấp, kỳ vọng trong lòng); nói thật ra là nguyện vọng. Nguyện vọng thật sự có thể đạt được, thật sự hoan hỷ, thật sự hỷ duyệt.

(Sớ) Tứ Biện tuyên diễn cố, thập nhị bộ đẳng, chí Tứ Tát Đàn, giai thị Thuyết nghĩa.

(疏) 四辯宣演故，十二部等，至四悉檀，皆是說義。

(Sớ: Từ dùng Tứ Biện Tài tuyên diễn mười hai bộ v.v... cho tới Tứ Tát Đàn đều là ý nghĩa của chữ Thuyết).

Đối với mỗi câu đều được giảng rõ tỉ mỉ trong lời chú giải tiếp theo đây, nay chúng ta coi lời chú giải, xin hãy xem lời Sao.

(Sao) Duyệt sở hoài giả.

(鈔) 悅所懷者。

(Sao: Do thỏa thích điều ấp ủ trong lòng).

Vì sao đức Phật hoan hỷ dường ấy?

(Sao) *Bổn nguyện độ sanh, đắc cơ nhi thuyết, sở hoài sướng duyệt.*

(鈔) 本願度生，得機而說，所懷暢悅。

(Sao: *Bổn nguyện độ sanh có cơ hội để nói, thỏa thích nỗi niềm hằng ấp ủ.*)

Nói thật ra, đức Phật chỉ có một nguyện vọng là giúp đỡ chúng sanh, giúp cho chúng sanh khôi phục năng lực sẵn có, khôi phục trí huệ vốn có, khôi phục thì gọi là “thành Phật”; chỉ có một mục đích rất đơn thuần như vậy. Đức Phật quả thật có năng lực giúp đỡ chúng ta, nhưng chúng ta không chịu tiếp nhận, không tin, nên đức Phật chẳng có cách nào cả! Vì thế, chẳng phải là Phật thiếu từ bi, chẳng phải là Ngài không chịu giúp đỡ chúng ta, mà do chúng ta bài xích, cự tuyệt, chẳng tin, Ngài chẳng có cách gì hết! Chúng ta chịu tin tưởng, chịu tiếp nhận, đức Phật liền hoan hỷ; kinh nói người ấy có thiện căn, có phước đức. Thiện căn và phước đức trọn đủ, nhất định đức Phật chẳng bỏ lỡ cơ hội ấy, nhất định tới giúp đỡ người ấy. Nếu người ấy thiện căn và phước đức trọn đủ, chịu tin, chịu phát nguyện, chịu nỗ lực tu tập, mà nếu người ấy cả đời chẳng gặp gỡ Phật pháp, Phật sẽ có lỗi với kẻ ấy. “*Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân*” (trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai), Phật có lỗi với người ấy. Nếu kẻ ấy không tin, không chịu phát nguyện, không chịu khéo học, mà nếu Phật tới độ kẻ ấy sẽ là chuyện thừa thãi, vô dụng! Cơ cảm tương ứng, Phật bèn đến. Nhất là nói bộ kinh này, sung sướng quá, thẳng thừng giúp đỡ quý vị thành tựu, thành tựu ấy là thành tựu rất ráo viên mãn. Việc này hoàn toàn tương ứng với bổn nguyện giúp đỡ chúng sanh, Ngài có thể tìm được những người chịu tin, chịu học, bèn nói với họ pháp môn này.

Tiếp đó, đại sư trích dẫn kinh Đại Bổn, Đại Bổn chính là kinh Vô Lượng Thọ, Ngài trích dẫn kinh văn từ kinh Vô Lượng Thọ.

(Sao) *Như Đại Bổn, Thế Tôn dục thuyết thử kinh.*

(鈔) 如大本世尊欲說此經。

(Sao: *Như trong kinh Đại Bổn, lúc đức Thế Tôn sắp nói kinh ấy.*)

“*Thử kinh*” là kinh Vô Lượng Thọ. Hai bộ kinh Di Đà và Vô Lượng Thọ có ý nghĩa hoàn toàn tương đồng, có thể dùng chung cho nhau.

(Sao) *Tiên thả chư căn duyệt dự, nhan sắc dị thường.*

(鈔) 先且諸根悅豫，顏色異常。

(Sao: Trước hết, các căn lộ vẻ vui sướng, vẻ mặt khác với bình thường).

Trước khi giảng kinh, trông đức Phật dung mạo rạng ngời, hết sức vui sướng, hết sức hoan hỷ; khi ấy, ngài A Nan thấy vậy, tự nhủ trước nay ta chưa hề thấy đức Phật hoan hỷ, rạng rỡ giống như hôm nay. “*Nhan sắc dị thường*”: Chẳng giống lúc bình thường, hoan hỷ phi thường! Trước khi nói kinh, đức Phật hiện vẻ hỷ duyệt như vậy, chính là vì Ngài sắp giới thiệu pháp môn giúp đỡ chúng sanh bậc nhất trong vô lượng vô biên pháp môn. Trong giảng đường này, chúng tôi giảng kinh đã giảng thật lâu, thấu hiểu sâu đậm pháp môn này là pháp môn bậc nhất trong vô lượng pháp môn.

(Sao) *Huống kim trì danh niệm Phật, đắc cơ nhi thuyết, duyệt khả tri hĩ.*

(鈔) 況今持名念佛，得機而說，悅可知矣。

(Sao: Huống chi nay pháp trì danh niệm Phật gặp được căn cơ để nói, có thể biết là đức Phật vui sướng [dường nào]).

Phương pháp tu hành trong Tịnh Độ cũng rất nhiều, Trì Danh là bậc nhất, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, thẳng chóng nhất, ôn hòa nhất. Nói thật ra, pháp này tương ứng với Thiên, mà cũng tương ứng với Mật. Niệm một câu A Di Đà Phật là Thiên Tịnh Mật Tam Tu. Quý vị đang tam tu mà chẳng biết! Vừa mở đầu, kinh Vô Lượng Thọ đã biểu thị pháp, ba ý nghĩa này hết sức rõ rệt, cho nên chẳng cần tu pháp nào khác! Quý vị nói: “Cách tu như thế nào?” Một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng là được rồi, tới lúc đó, sẽ tự nhiên hiểu rõ, tự nhiên tâm khai ý giải, niệm tới mức cái tâm thanh tịnh, niệm tới nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn là “minh tâm kiến tánh” trong Thiên Tông, là “tam mật tương ứng” trong Mật Tông, nhưng phương pháp [trì danh] này dễ hơn Thiên, mà cũng dễ hơn Mật, thành tựu hoàn toàn giống như Thiên và Mật. Vì thế, nó thật sự là một pháp môn chẳng thể nghĩ bàn.

“*Đắc cơ*”: Cơ (機) là kẻ có căn khí, ở đây là kẻ có thể tín, có thể nguyện, chịu niệm Phật, gặp được người như vậy, đức Phật bèn hoan hỷ. Gặp được người như vậy, người ấy nhất định đắc độ trong một đời, nhất định thành Phật trong một đời. Lẽ đâu đức Phật chẳng hoan hỷ? Đương nhiên là hoan hỷ phi thường. Đây là nói chữ “*duyet*” có ý nghĩa thỏa thích bồn hoải. Cũng chính vì như vậy, nay chúng ta muốn giới thiệu Phật pháp

với người khác, kinh điển nhiều lắm, kinh điển Phật giáo nổi tiếng là nhiều, phương pháp, đường lối cũng quá nhiều, chúng ta giới thiệu với người khác điều gì đây? Chúng ta chỉ giới thiệu pháp môn này. Vì vậy, tôi giảng kinh trong ngoài nước, luôn giới thiệu pháp môn này với mọi người, người chịu tin sẽ đắc độ. Do đó, chúng ta chẳng cần làm chuyện náo nhiệt, đừng phô trương âm ỉ, [khoe khoang] thính chúng của tôi đến mấy trăm người, mấy ngàn người, không nên làm chuyện ấy! Mấy ngàn người hay mấy trăm người sau khi nghe, chẳng có một người nào tin tưởng, chẳng có một ai chịu hành, vẫn chẳng phải là uổng công giảng ư?

Chúng ta tới một nơi nào có một người chịu tin tưởng, một người phát nguyện, thật sự chịu tu hành, người ấy sanh về thế giới Tây Phương, thấy Phật, thành Phật, đây là có ý nghĩa. Tới một nơi độ được một người, giúp đỡ người ấy thành Phật, nơi ấy là nơi chúng ta phải đến. Nếu chẳng ai tin tưởng, không ai bằng lòng tu thì mười vạn người, trăm vạn người, chúng ta tới đó [giảng kinh, thuyết pháp] cũng chẳng có ý nghĩa gì hết! Vì thế, chúng ta chẳng cần phô trương, đừng nên chuộng sĩ diện hảo, mà phải thật sự giúp đỡ người khác. Tôi mỗi khi tới một nơi nào, nói chung có được một hai người, thậm chí chỉ có một người [chịu thật sự tu tập], tôi đều rất hoan hỷ, vì sao? Người ấy thật sự tin tưởng, thật sự phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, nói chung, kể như tôi đã giúp đỡ người khác, chẳng uổng công tới! Thật sự hoan hỷ, giúp đỡ một người thành Phật, đúng là nhân duyên rất hiếm có, hết thấy các chuyện tốt đẹp đều chẳng thể sánh bằng chuyện này. Người ấy thành Phật, trong tương lai độ bao nhiêu chúng sanh! Chúng ta phải chú trọng thực chất.

(Sao) Tứ Biện giả.

(鈔) 四辯者。

(Sao: Tứ Biện là...)

“Biện” là biện tài, trong kinh Phật thường nói có bốn thứ, [gọi chung là] Tứ Vô Ngại Biện Tài, thứ nhất là:

(Sao) Viết Nghĩa.

(鈔) 曰義。

(Sao: Là Nghĩa Biện Tài).

“*Nghĩa*” là nghĩa lý, là lý luận. [Nghĩa Vô Ngại Biện Tài là] thông đạt lý luận chẳng chướng ngại; nói thông tục là hiểu rành rẽ đạo lý, chẳng bị chướng ngại. Thứ hai là...

(Sao) *Viết Pháp.*

(鈔) 曰法。

(Sao: *Pháp Biện Tài.*)

“*Pháp*” là phương pháp. Đức Phật giảng tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, phương pháp vô ngại. Nếu Ngài có chướng ngại, làm sao có thể nói nhiều dường ấy được? Phương pháp này không được, bèn đổi sang phương pháp khác. Phương pháp, đường lối rất nhiều, nói chung nhằm dẫn dụ quý vị bước vào chánh đạo. Đây là biện tài của Phật. Thứ ba là...

(Sao) *Viết Từ.*

(鈔) 曰詞。

(Sao: *Từ Biện Tài.*)

“*Từ*” là ngôn ngữ, [Từ Vô Ngại Biện Tài là] ngôn ngữ chẳng bị chướng ngại. Kinh thường nói: “*Phật dĩ nhất âm nhi thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải*” (Đức Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp, chúng sanh tùy theo mỗi loài đều hiểu). Đức Phật thuyết pháp tại nơi đó, bất luận là người nào đến nghe, đều nghe rất rõ ràng, đều nghe rất minh bạch, ngôn ngữ quá xảo diệu. Nếu đức Phật ngự trên giảng đài, người Hoa nghe [sẽ cảm thấy]: “Đức Phật nói bằng tiếng Hoa, Ngài nói bằng tiếng quê hương của chúng ta!” Người Nhật Bản nghe [sẽ thấy] đức Phật giảng bằng tiếng Nhật. Đức Phật cũng chẳng cần phiên dịch. Một âm thanh thốt ra, người ở mỗi nơi nghe thành tiếng địa phương của họ. Điều này tuyệt diệu chẳng thể nói nổi, đức Phật có năng lực ấy. Gần đây, các khoa học gia nghiên cứu, trong tương lai có thể phát minh một loại computer có thể tự động phiên dịch các thứ ngôn ngữ bất đồng, mọi người đều có thể nghe hiểu! Trong quá khứ, chúng ta rất khó tin tưởng [chuyện này], các khoa học gia hiện thời chứng tỏ: Đó là chuyện có thể làm được. Vì thế, chư thiên đến nghe, [sẽ thấy Phật nói] bằng ngôn ngữ của chư thiên. Từ quý đạo đến nghe, [sẽ thấy đức Phật nói] bằng ngôn ngữ của quý đạo. Súc sanh tới nghe, [sẽ thấy đức Phật nói] bằng ngôn ngữ súc sanh. Quá kỳ diệu! Đây là Từ Vô Ngại. Thứ tư là:

(Sao) *Viết Nhạo Thuyết dã.*

(鈔) 曰樂說也。

(Sao: *Nhạo Thuyết Vô Ngại.*)

Có ba thứ Biện Tài trên đây, nhưng chẳng thích giảng, sẽ chẳng có cách nào hết! “*Nhạo Thuyết*” là người ấy thích giảng, chẳng ngại phiền, không nề hà mệt mỏi. Chỉ cần gặp phải đối tượng, bèn hết sức vui lòng giúp đỡ, dắt dìu người khác, giúp đỡ người khác vô điều kiện. Chúng ta phải học tập điều này.

(Sao) *Tứ giai vô ngại, danh chi viết Thuyết.*

(鈔) 四皆無礙，名之曰說。

(Sao: *Bốn điều ấy đều vô ngại, nên gọi là Thuyết.*)

Ở đây, Thuyết bao gồm bốn ý nghĩa vô ngại. Trong kinh điển có [nói tới] rất nhiều vị Phật, Bồ Tát, [đối với] trí huệ, thần thông, đức năng của các Ngài, có những điều chúng ta chẳng thể học theo, nhưng cũng có những điều chúng ta có thể học tập. Có thể học tập thì chúng ta phải tận hết khả năng học tập. Như ở nơi đây, bản thân chúng ta hiểu được Phật pháp bao nhiêu, phải giới thiệu với mọi người bấy nhiêu! Có người nói: “Nói sai Phật pháp, phải chịu trách nhiệm nhân quả!” Gánh trách nhiệm nhân quả giống như chỉ sai đường, báo hại người ta phải đi bao nhiêu con đường oan uổng! Đây là chuyện quý vị có lỗi với người ta. Phật pháp là chỉ đường! Chúng ta tuân thủ nguyên tắc do Khổng lão phu tử đã dạy: “*Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri*” (biết thì nói là biết, không biết bèn nói không biết), sẽ không chỉ sai đường! Phàm kẻ chỉ sai đường đều là phường ham cao xa, hiếu thắng, không biết mà cứ nhận bừa là biết, nên mới phạm lỗi! Tôi hiểu ý nghĩa này bèn giảng cho quý vị nghe, chỗ kia không hiểu, không hiểu thì tôi chẳng giảng, đừng sợ tên tò, đừng sợ mất mặt, chắc chắn quý vị sẽ chẳng giảng trật.

Từ xưa tới nay đều là như vậy, người ta chuộng thể diện! Học Phật chớ nên có chuyện này, phải thật thà! Ta hiểu đoạn này ta có thể giảng, đoạn kia ta không hiểu, ta đọc lướt qua, đọc lướt qua chẳng bị khuyết điểm! Chúng tôi đọc rất nhiều bản chú giải của cổ nhân, phát hiện rất nhiều trường hợp kinh văn có rất nhiều ý nghĩa trong ấy, nhưng vì sao lời chú giải chẳng giảng? Viết mấy câu đơn giản, sơ sài cho xong, có sao chẳng chú giải căn kẽ? Về sau, chúng tôi hiểu: Đoạn ấy, Ngài cũng không hiểu,

nhưng chẳng mắc khuyết điểm! Nếu Ngài dùng ý tưởng của chính mình để giải, sẽ có thể giảng sai. Vì thế, Ngài dè dặt, cẩn thận, chính mình không biết, chưa lãnh ngộ được, quyết định không dám tùy tiện nói lung tung! Chư vị thuyết pháp cho hết thấy chúng sanh, tuân thủ nguyên tắc này, bất cứ lúc nào, bất luận nơi đâu, đều chẳng có khuyết điểm, chỉ có công đức, không mắc khuyết điểm, phải ghi nhớ điều này!

(Sao) Trung Luận vân.

(鈔) 中論云。

(Sao: Trung Quán Luận nói:)

Trích dẫn một đoạn từ Trung Quán Luận.

(Sao) Chư Phật y Nhị Đế, vị chúng sanh thuyết pháp.

(鈔) 諸佛依二諦，為眾生說法。

(Sao: Chư Phật nương vào Nhị Đế để thuyết pháp cho chúng sanh).

Nhị Đế là Chân Đế và Tục Đế, Chân Tục nhị đế. Chân Đế là chân thật, Lý chân thật, Sự chân thật, nhưng chúng sanh chẳng thấy, Phật, Bồ Tát thấy được, đó là thật. Tục Đế là thế tục, tức kiến giải và hiểu biết thông thường của người thế tục; chúng ta tùy thuận thế tục để nói, mọi người sẽ rất dễ hiểu. Vì sao? Vì thường thức và kiến giải của quý vị có thể đạt đến. Do đó, đức Phật thuyết pháp luôn chẳng rời khỏi hai nguyên tắc sau đây:

- Một là cảnh giới do đích thân Ngài chứng đắc.
- Hai là nói theo hoàn cảnh sống hiện thực của chúng ta.

Chân và Tục có thể viên dung, chúng ta sẽ sống rất hạnh phúc, rất mỹ mãn.

Đức Phật giáo hóa các chúng sanh tuân theo tiêu chuẩn: Nương vào Chân Tục nhị đế. Trình độ [của thính chúng] càng cao thì thành phần thuộc Chân Đế [trong lời giảng] càng nhiều. Càng là kẻ mới học, thành phần Tục Đế [trong lời Phật giảng] càng nhiều, phương diện Chân Đế ít hơn. Dạy hàng đại Bồ Tát thì Chân nhiều, Tục ít. Nói theo Ngũ Thừa Phật pháp thì đức Phật dạy người, dạy trời, Tục Đế chiếm phần hết sức quan trọng, Chân chẳng qua là điểm thêm đôi chút mà thôi! Lên cao hơn là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Chân sẽ dần dần chiếm đa số, thành phần Tục chiếm ít hơn. Đó là y Chân Tục nhị đế để thuyết pháp.

Nhưng phải hiểu: Chân và Tục chẳng hai. Trong cái nhìn của Phật mới có thể thấy như vậy. Chân và Tục quả thật là một, chẳng hai. Chẳng

hạn như chúng ta nêu thí dụ, kinh thường dạy: “*Phiền não tức Bồ Đề*”, Bồ Đề là Chân, phiền não là Tục, chúng là một, không hai. Trên thực tế, vì sao trở thành có phiền não và Bồ Đề? Do mê hay ngộ! Mê thì quý vị mê gì? Mê Bồ Đề. Bồ Đề bị mê thì sẽ không gọi là Bồ Đề, thay đổi danh xưng thành phiền não. Quý vị ngộ là ngộ gì? Ngộ phiền não. Nếu giác ngộ phiền não, chẳng còn gọi nó là phiền não nữa, mà sửa tên thành Bồ Đề, chuyện là như vậy đó. Do vậy, mê thì có phiền não, ngộ là Bồ Đề, chỉ đổi danh xưng, chẳng thay đổi Sự, trên mặt Sự là như nhau.

Nếu chúng ta hỏi: Người giác ngộ còn có phiền não hay không? Người giác ngộ thật sự chẳng có phiền não. Thích Ca Mâu Ni Phật còn có tâm hoan hỷ, tâm hỷ duyệt, đây chẳng phải là phiền não ư? Nơi Phật chẳng gọi là phiền não, mà gọi là Bồ Đề. Mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn đều là Bồ Đề; đối với chúng ta, mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn là phiền não. Vì sao có sự sai biệt ấy? Chúng ta bị mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn ô nhiễm, tâm chúng ta chẳng thanh tịnh. Thích Ca Mâu Ni Phật mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn bày ra trước mặt, tâm địa Ngài chẳng nhiễm, mà thanh tịnh; sai biệt ở chỗ này! Nếu trong cuộc sống hằng ngày, trong đời người, tiếp vật, mừng, giận, buồn, vui, mà chúng ta có thể giữ được tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần thì mừng, giận, buồn, vui là Bồ Đề.

Có người chẳng hiểu, nghĩ học Phật là chuyện rất đáng kinh sợ. Vì sao? Học Phật không có Ái nữa. Không có Ái thì làm sao được? Đáng sợ vô cùng! Thật ra, học Phật thì Phật là thật sự yêu thương, chẳng giả! Người thế gian tuy cảm thấy Ái rất đáng quý, nhưng đều là giả, hư tình giả ý, chẳng phải là chân ái, mà là giả ái. Khi yêu nhau bèn kết hôn, hai hôm sau nghe nói lại ly hôn, đó chẳng phải là chân ái, vì lòng ái ấy bị biến đổi! Không giống như Phật, Bồ Tát! Lòng ái của Phật, Bồ Tát vĩnh viễn bất biến. Quý vị tôn kính các Ngài, các Ngài yêu thương, che chở quý vị; quý vị hủy báng, hãm hại các Ngài, các Ngài vẫn yêu thương, che chở quý vị, chẳng hề đổi dạ, đây gọi là Bồ Đề, là thật! Vì thế, lòng Ái thật sự ở trong Phật pháp, trong thế gian không có! Thế gian hư tình giả ý, nhất định phải hiểu rõ ràng, chớ bị lừa. Vì thế, bảo quý vị phải dùng lý trí, chớ nên dễ dãi xử sự theo cảm tình. Cảm tình là mê, lý trí là giác, phải lấy lý trí làm chủ. Tuy có cảm tình, nhưng tình sanh từ lý trí, chẳng sanh từ mê hoặc, điên đảo, chẳng sanh từ mê chấp, mà sanh từ lý trí, Phật pháp nói tới chuyện này. Thông thường, chúng ta chẳng nói Ái, mà thay đổi danh xưng thành “từ bi”, từ bi là Ái. Nói cách khác, lý tánh ái (lòng yêu thương dựa trên lý tánh) là từ bi, còn [lòng yêu thương] sanh từ phân biệt, chấp trước, tình

thức thì gọi là Ái. Một đấng là danh xưng khi mê, một đấng là danh xưng lúc giác ngộ, khác nhau ở chỗ này!

Giáo học Phật pháp là một nghệ thuật cao độ, ở đây nói là “y *Nhi Đế*”. Kiến trúc Phật giáo thể hiện ý nghĩa này. Đại điện của Phật, tức Đại Hùng Bảo Điện, là một kiến trúc chủ yếu nhất trong tự viện, giống như một hội đường (tòa nhà dùng để nhóm họp)²⁶, hết thầy những cuộc nhóm họp trọng yếu phải được cử hành tại đó. Chúng ta thấy kiến trúc ấy bên ngoài là hai tầng, bên trong là một tầng, vì sao xây cất theo cách ấy? Hai tầng tượng trưng *Nhi Đế*, một tầng bên trong tượng trưng *Nhất Như*. Chân Tục nhất như, *Nhi Đế* bất *nhị*. Ngay cả kiến trúc cũng đều biểu thị pháp, thể hiện dụng ý này, chẳng phải là xây cất tùy tiện. Đây là nói thêm cho quý vị hiểu!

(Sao) Từ Vô Ngại Trí, dĩ thế trí sai biệt thuyết.

(鈔) 詞無礙智，以世智差別說。

(Sao: Từ Vô Ngại Trí, dựa trên trí thế gian mà nói khác biệt [tùy theo hoàn cảnh, thời điểm]).

Trong “*Từ Vô Ngại*” có rất nhiều ý nghĩa, chúng ta vừa mới nói một ý nghĩa là “*Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp, chúng sanh tùy theo từng loài đều hiểu*”, đây là *Từ Vô Ngại*. *Từ Vô Ngại* kiêu này chúng ta không thể học được, nhưng *Từ Vô Ngại* theo nghĩa thứ hai, chúng ta có thể học được. Học gì vậy? Nguyên lý, nguyên tắc, và tinh thần của Phật pháp vĩnh viễn bất biến, nhưng thuyết pháp có thể do tùy lúc, tùy chỗ mà nói khác nhau. Chẳng hạn như người nghe giảng chúng ta đều là đồng tu đang học *Tịnh Độ*, chúng tôi có cách nói theo kiêu tu *Tịnh Độ*. Nếu tôi đến *Thiên Đường* bên giảng *Thiên*. Tôi có một người bạn thân là pháp sư *Thánh Nhất*, Ngài tham *Thiên*, trong chùa của Ngài có tới bốn mươi người hằng ngày đều ngồi tham *Thiên*. Tôi tới *Hương Cảng*, Ngài cũng mời tôi giảng khai thị; nói chung, tôi chẳng thể giảng *Tịnh Độ*, chỉ đành giảng *Thiên*, khế hợp căn cơ của bọn họ, giảng *Đàn Kinh*, giảng kinh *Kim Cang*, lấy những tài liệu trong ấy để nói với họ. Nếu thính chúng là người kinh

²⁶ Ở đây, Hòa Thượng dùng chữ “hội đường” thay vì “hội trường” nhằm nhấn mạnh đến toàn thể kiến trúc được dùng vào việc nhóm họp của tăng chúng (tụng niệm công khóa hằng ngày, tác bạch, yết ma, tấn sơn, nghị sự, truyền giới v.v...) vì trong các đại tòng lâm, chánh điện được xây tách biệt, không xây chung với giảng đường, tổ đường như trong các chùa hiện thời, chứ “hội trường” thì có thể là một phần của công trình, hoặc có thể trung dụng vào những mục đích khác.

doanh, mua bán, tôi giảng kinh nhất định phải dạy họ làm thế nào để phát tài, họ mới hoan hỷ, đó là “vô ngại”. Nếu thỉnh chúng là dân biểu, đại biểu Quốc Hội, và ủy viên Lập Pháp, nội dung ý nghĩa lời tôi nói phải là tham chánh như thế nào, làm thế nào để thực hiện tốt việc chính trị trong đất nước, làm sao khiến cho dân chúng sống cuộc đời giàu có, khỏe mạnh, an ổn, vui sướng, mà chẳng khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, giảng theo cách ấy họ chẳng thể tiếp nhận. Vì thế, trong lúc nào, đối với hạng người nào, quyết định sẽ nói khác nhau!

Cùng là một bộ kinh, cùng một câu kinh, sẽ có nhiều cách giảng khác nhau. Tuy khác nhau, nhưng tông chỉ quyết định chẳng thay đổi, phương hướng, mục tiêu, tinh thần quyết định chẳng thay đổi; do vậy, quyết định chẳng giảng sai lệch Phật pháp. Phật pháp sống động, chẳng chết cứng, khô khan, chẳng phải là chỉ có thể giảng một cách, đây là chỗ khó khăn trong kinh Phật. Không riêng gì kinh là như vậy, mà chú giải cũng đều là như vậy; do vậy, [giảng kinh, giảng chú giải] chẳng dễ dàng! Chú giải của cổ nhân câu nào cũng đều là sống động, quý vị nói sao cũng hợp lý, chẳng chết cứng, chẳng phải là câu này có ý nghĩa [nhất định] như thế này, phải giảng theo cách này, đó là văn chương chết ngắc! Phật pháp sống động, không chỉ là kinh sống động, mà chú giải cũng đều sống động, hết sức chẳng dễ dàng! Nếu chính mình chẳng thật sự chứng đến cảnh giới ấy, sẽ nói không được, mà viết cũng chẳng thành. Viết văn chương thì ý nghĩa chỉ có một, chẳng có ý nghĩa thứ hai. Viết một bài văn hay thì ai cũng có thể viết được; nhưng nếu viết một bài văn làm sao cho “*người nhân thấy là nhân, người trí thấy là trí*”, văn chương ấy chẳng dễ viết. Đây là Từ Vô Ngại loại thứ hai, đích xác là chúng ta có thể học được, chúng ta nỗ lực sẽ có thể học được, đây là “*dĩ thế trí sai biệt thuyết*”.

(Sao) Nhạo Thuyết Vô Ngại Trí.

(鈔) 樂說無礙智。

(Sao: Nhạo Thuyết Vô Ngại Trí).

Chữ 樂 phải đọc là Yào (âm Hán Việt tương ứng là Nhạo), nghĩa là ưa thích, yêu chuộng. “*Nhạo Thuyết*”: Nay chúng ta bảo là “thích nói”, không ngại phiền, chẳng sợ mệt nhọc. Thích nói với người khác là Nhạo Thuyết Vô Ngại Trí.

(Sao) Dĩ Đệ Nhất Nghĩa Trí thiện xảo thuyết, bất ngôn Nghĩa Pháp giả, hậu hậu kiêm ư tiền tiền, Từ cập Nhạo Thuyết, nhiếp Nghĩa, Pháp cố.

(鈔)以第一義智善巧說，不言義法者，後後兼於前前，詞及樂說，攝義法故。

(Sao: Dùng Đệ Nhất Nghĩa Trí để khéo léo nói, chẳng nói tới Nghĩa Vô Ngại Biện Tài và Pháp Vô Ngại Biện Tài, vì những điều sau bao gồm điều trước. Từ Vô Ngại Biện Tài và Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện Tài bao trùm Nghĩa Vô Ngại Biện Tài và Pháp Vô Ngại Biện Tài).

Thứ tự của bốn chữ “nghĩa, pháp, từ, nhạo” này chẳng thể điên đảo, vì sao? Chữ sau có thể bao gồm chữ trước, nhưng chữ trước chưa chắc đã bao gồm chữ sau. Đến phần Nhạo Thuyết, đương nhiên toàn bộ ý nghĩa của ba loại trước đều được bao gồm trong ấy. Đệ Nhất Nghĩa Trí là trí huệ chân thật, mà cũng chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác như chúng ta đã nói trong phần trước. Đây mới là Đệ Nhất Nghĩa Trí. “Thiện xảo” là ứng dụng vào hành vi, ứng dụng trong xử sự, đối người, tiếp vật, trong giáo hóa chúng sanh vô cùng xảo diệu! Chẳng dùng từ ngữ “xảo diệu” mà dùng từ ngữ “thiện xảo”, hay quá! “Thiện” là tốt, phương thức xảo diệu vô cùng tốt đẹp, có thể khiến cho người ta tiếp nhận rất dễ dàng, rất dễ hiểu rõ, rất dễ đạt tới hiệu quả giáo học, đây mới gọi là “thiện xảo”.

(Sao) Thập nhị bộ đẳng, chỉ sở thuyết dã.

(鈔)十二部等，指所說也。

(Sao: “Mười hai bộ v.v...” chỉ những kinh điển đã được nói).

Nói theo cách bây giờ, “thập nhị bộ” là đức Phật thuyết pháp có mười hai phương thức khác nhau; nói theo văn chương hiện thời là “thể tài” (genre). [Kinh Phật] có mười hai loại thể tài khác nhau. Có thể là dùng thể tài văn xuôi, hoặc dùng thể tài thi ca. Chúng ta mở bản kinh ra, trong kinh vẫn có Trường Hàng, Trường Hàng là văn xuôi, như trong kinh Di Đà hoàn toàn là văn xuôi. Có những kinh trong đó có kệ tụng, kệ tụng là thi ca. Sau phần văn xuôi có thi ca. Lại còn có những kinh điển phía sau có chú ngữ, đều là vận dụng thể tài khác nhau. Thể tài có tất cả mười hai loại, nhưng cũng không phải là mỗi bộ kinh đều có mười hai loại này. Mười hai loại đều có đủ thì chỉ có một bộ kinh là Đại Phương Quảng Phật

Hoa Nghiêm Kinh. Bộ kinh này lớn nên có đủ mười hai loại thể tài. Kinh Pháp Hoa cũng là kinh lớn, nhưng chỉ có chín loại thể tài. Kinh Di Đà có hai loại: Một là văn xuôi, loại kia là Vô Vấn Tự Thuyết, kinh này từ đầu đến cuối không có ai khải thỉnh, do Thích Ca Mâu Ni Phật tự nói ra. Trong mười hai loại, loại này khá đặc biệt, Vô Vấn Tự Thuyết là không ai hỏi, tự mình nói.

“*Thập nhị bộ*” là toàn bộ Phật pháp. “*Bộ*” là bộ phận, chẳng có nghĩa là kinh Phật chỉ có mười hai bộ! Về sau, cổ nhân sợ người ta thấy danh từ này nảy sinh hiểu lầm, ngỡ là [kinh Phật chỉ có] mười hai bộ kinh, nên đổi thành “*thập nhị phần giáo*”. “*Thập nhị phần giáo*” và “*thập nhị bộ kinh*” ý nghĩa hoàn toàn tương đồng, đều nhằm nói rõ đức Phật thuyết pháp theo các thể lệ khác nhau. Mười hai loại thể tài này, kinh Đại Tiểu Thừa đều có, nhưng kinh Tiểu Thừa chỉ có chín loại thể tài. Cũng có người nói Tiểu Thừa cũng có mười hai loại thể tài này. Đây là cổ nhân mỗi vị có cách nói riêng biệt.

(Sao) Tất Đàn giả.

(鈔) 悉檀者。

(Sao: Tất Đàn là...)

Nương theo Tứ Tất Đàn, Tứ Tất Đàn cũng nhằm nói rõ: Có thể nói thiện xảo. Nói cách khác, đây là một phương thức tiếp dẫn chúng sanh. Tất Đàn (Siddhānta) là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Biến Thí (bố thí trọn khắp).

(Sao) Hợp Hoa Phạm vân Biến Thí.

(鈔) 合華梵云遍施。

(Sao: Ghép tiếng Hán và tiếng Phạn lại [thành từ ngữ này], có nghĩa là Thí Trọn Khắp).

“*Tất*” là chữ Hán, “*Đàn*” là tiếng Ấn Độ. Danh từ này gồm một chữ Hán và một âm tiếng Phạn gộp lại, Hoa Phạm hợp dịch thành Tất Đàn. “*Tất*” có nghĩa là phổ biến, “*đàn*” (Dāna) là bố thí. [Tất Đàn] có nghĩa là bố thí trọn khắp. Gồm có tất cả bốn loại.

(Sao) Dĩ Thế Giới, Vị Nhân, Đối Trị, Đệ Nhất Nghĩa, tứ môn.

(鈔) 以世界、為人、對治、第一義，四門。

(Sao: Dùng bốn môn Thế Giới, Vị Nhân, Đối Trị, Đệ Nhất Nghĩa).

Đây là danh xưng của Tứ Tắt Đàn: Thế Giới Tắt Đàn, Vị Nhân Tắt Đàn, Đối Trị Tắt Đàn, Đệ Nhất Nghĩa Tắt Đàn.

(Sao) Tác hoan hỷ, sanh thiện, diệt ác, nhập đạo, tứ ích.

(鈔) 作歡喜、生善、滅惡、入道，四益。

(Sao: Để tạo bốn món lợi ích: Hoan hỷ, sanh thiện, diệt ác, nhập đạo).

Đây là nội dung của Tứ Tắt Đàn. Thế Giới Tắt Đàn nghĩa là gì? Hoan hỷ. Điều cốt yếu trong Phật pháp là khiến cho hết thảy chúng sanh sanh tâm hoan hỷ, đây là điều kiện thứ nhất. Người ta chẳng hoan hỷ thì làm thế nào? Chẳng hoan hỷ, chúng ta hãy nhanh chóng rời khỏi; rời khỏi họ sẽ hoan hỷ. Bất luận thế nào, phải làm cho người ta hoan hỷ. Người ta rất thích chúng ta ở với họ, chúng ta bèn ở cùng một chỗ với họ. Họ chán ghét chúng ta, muốn chúng ta rời khỏi, chúng ta mau mắn rời khỏi. Đây là điều thứ nhất phải tuân thủ; bởi lẽ, Phật pháp luôn khiến cho người khác sanh tâm hoan hỷ. Chúng ta bước vào một ngôi chùa xây đúng quy củ, tức là chùa theo đúng quy củ kiến trúc trong Phật pháp, vừa bước vào sẽ thấy kiến trúc đầu tiên là Thiên Vương Điện. Thiên Vương Điện đối diện đại môn, đầu tiên quý vị thấy Di Lặc Phật, Di Lặc Phật khiến cho quý vị hoan hỷ: Mập mập, cười hi hi, đây là ý nghĩa Thế Giới Tắt Đàn. Do vậy, người nào mới có tư cách học Phật? Phải hoan hỷ đối với người khác, trong bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, đều khiến cho người khác sanh tâm hoan hỷ, người như vậy mới có thể học Phật, người như vậy mới có thể nhập Phật môn. Di Lặc bụng rất lớn, biểu thị chuyện gì cũng đều có thể bao dung, chẳng so đo, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, có thể sanh tâm hoan hỷ. Do vậy, Ngài biểu thị pháp; đây cũng là nhằm bảo chúng ta phải học tập.

Thứ hai là Vị Nhân Tắt Đàn, mang ý nghĩa “*sanh thiện*”. Chúng ta đối đãi với người khác, nhất định phải khơi gợi giác tánh của người ta, phải giúp đỡ kẻ ấy sanh khởi thiện tâm, trước hết, thực hiện từ chỗ này. Thật ra, giáo học của cổ nhân Trung Quốc cũng là như vậy, “*ân ác, dương thiện*” (ân giầu điều ác, tuyên dương điều lành). Chẳng hạn như trông thấy người ta, tuy kẻ ấy chẳng phải người tốt, lắm phen làm ác, nhưng hẳn cũng có điểm tốt, quý vị gặp mặt hẳn bèn tán dương chuyện tốt lành của hắn, chớ nên nhắc tới điều ác. Kẻ ấy được cổ vũ, khích lệ sẽ quay đầu, học theo điều tốt. Trong xã hội hiện thời, nói thật ra, dư luận phải chịu trách nhiệm

rất lớn, vì sao? Người tốt, chuyện tốt chẳng nói tới, đối với kẻ ác bèn thêm muối, thêm dấm, khiến cho kẻ ác nghĩ: “Ta làm người tốt có ích gì, ai biết? Ta làm ác, người nào cũng biết ta”. Nói cách khác, cổ vũ, khích lệ con người hướng theo điều ác, dư luận nhất định phải chịu trách nhiệm chuyện này. Nếu chúng ta ca ngợi mặt thiện, về căn bản là chẳng nhắc tới mặt ác, dầu là kẻ làm ác cũng sẽ sanh tâm hổ thẹn: “Ta làm chuyện ác nhiều ngàn ấy, người ta trọn chẳng nhắc tới, người ta tha thứ cho ta”. Trong tâm hẳn khổ sở: “Làm một tí chuyện tốt lành nhỏ xíu, người khác tán thán ta, cổ vũ khích lệ ta, đối với ta tốt đẹp như thế đấy!” Hẳn sẽ quay đầu. Phật môn rất coi trọng giáo học, đầu tiên là phải giúp cho kẻ khác sanh thiện, cổ vũ, khích lệ người khác hướng thiện.

Thứ ba là Đối Trị Tất Đàn, đây là “*diệt ác*”. Diệt ác, chủ yếu là đối với chính mình mà nói. Giống như giới luật của nhà Phật, giới luật nhằm răn dè chính mình, chẳng phải để ngăn cấm người khác. Vì thế, giới luật trong Phật pháp thật sự đáng tán thán. Phật khuyên chúng ta hãy tự tuân thủ giới luật, đừng quan tâm đến người khác. Kẻ khác tuân thủ hay không chẳng liên quan đến ta! Chính mình giữ giới là đúng, giới luật nhằm ngăn giữ chính mình! Đối trị là đối trị chính mình, đối trị phân biệt, chấp trước, vọng tưởng của chính mình. Đối trị chính mình, tức là những thứ như ghen ghét, sân khuê, chúng ta đều phải sửa đổi. Sửa đổi là sám hối chân thật. Trong sám trừ nghiệp chướng của Phật pháp, điều được coi trọng là sửa lỗi, đổi mới. Thực hiện những nghi thức [sám hối] chẳng phải là điều trọng yếu; nghi thức là làm cho người khác xem, giống như diễn tuồng, diễn cho kẻ khác xem, nhằm dụng ý nào? Nhằm dụng ý khuyên người khác quay đầu, khuyên người khác hãy sửa lỗi, đổi mới, mang ý nghĩa này. Bản thân quý vị thật sự hối cải, cần gì phải làm những hình thức ấy? Không cần thiết! Chúng ta phải biết điều này. Chúng ta lạy Lương Hoàng Sám, lễ Thủy Sám nhằm khuyên người khác. Do vậy, những chuyện như thế chớ nên không biết! Sau khi đã biết, quý vị mới hiểu giáo học Phật pháp thiện xảo, ứng dụng những phương pháp vô cùng cao minh, dùng rất xảo diệu.

Thứ tư là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn, đây là nói về Nhập Đạo. Đệ Nhất Nghĩa là trí huệ rốt ráo viên mãn; trong bốn món Tất Đàn, điều này là mục tiêu chủ yếu. Những điều trước đều là “*dụ đạo*” (誘導: khuyên dụ, hướng dẫn), “*dụ đạo*” tới cuối cùng thì phải giúp cho người ấy thành Phật, phải cổ vũ, khích lệ người ấy. Thứ nhất, phải khơi gợi lòng tin nơi người ấy, vì sao chúng sanh chẳng thể thành Phật? Do không tin chính mình có thể thành Phật. Thậm chí tôi đã gặp những đồng tu học Phật nhiều năm, tự cảm thấy chính mình nghiệp chướng quá nặng, tội nghiệp quá sâu, đời sau

ta chỉ cần có thể lại được làm người là tốt rồi, thế giới Tây Phương ta chẳng dám mong mỏi! Quan niệm ấy sai lầm! Do vậy, chúng ta nhất định phải giúp họ kiến lập lòng tin, tạo tội nghiệp dầu lớn đến mấy đều có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị thầy Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh đã dạy: Ngũ Nghịch, Thập Ác gặp nhân duyên tốt đẹp, gặp thiện tri thức chân thật giảng giải lý luận, phương pháp, quý vị thật sự hiểu rõ, giác ngộ, tuân theo phương pháp ấy để tu hành, nhất định có thể vãng sanh. Chúng ta vẫn chưa tạo tội nghiệp nặng nề đường ấy, vì sao chẳng thể [vãng sanh]? Chắc chắn có thể! Tội nghiệp từ vô thi kiếp dầu nặng đến mấy, không có tội nào chẳng thể hồi cải, đều là trong một niệm hồi tâm chuyển ý, phá mê khai ngộ, nghiệp chướng bèn có thể tiêu trừ, phước huệ hiện tiền. Đệ Nhất Nghĩa Tát Đàm là môn chánh yếu nhất, thật sự giới thiệu Đại Thừa Phật pháp cho người khác, khuyên lơn, cổ vũ họ tu học, vì thế là Nhập Đạo. Đó là bốn thứ lợi ích.

(Sao) Thập nhị bộ kinh, nhất thiết chư pháp, tùy nghi nhi thuyết, vô lượng phương tiện, yếu quy tác Thế Giới đẳng tứ thuyết, sử nhân đắc hoan hỷ đẳng tứ ích nhi dĩ. Giám cơ thọ pháp, kỳ văn phần quảng, lược cử bất tất.

(鈔)十二部經一切諸法，隨宜而說，無量方便，要歸作世界等四說，使人得歡喜等四益而已。鑒機授法，其文繁廣，略舉不悉。

(Sao: Mười hai bộ kinh, hết thầy các pháp, tùy nghi mà nói, vô lượng phương tiện đều phải quy về bốn món Tát Đàm như Thế Giới v.v... nhằm khiến cho người ta đạt được bốn thứ lợi ích như hoan hỷ v.v... mà thôi. Xét căn cơ để trao truyền giáo pháp. Lời văn rườm rà, quá rộng, nên nêu đại lược, chẳng trình bày trọn hết).

Nói cặn kẽ, sẽ quá nhiều, nên ở đây chỉ dùng phương pháp đơn giản nhất hòng giới thiệu. Pháp môn rất nhiều, kinh điển rất nhiều, bất luận nói theo cách nào, đều phải làm cho thính chúng đạt được bốn món lợi ích. Bất luận giảng một bộ kinh nào, bất luận giảng một bộ luận nào, quý vị đều phải khiến cho người khác sanh tâm hoan hỷ, sanh thiện, đoạn ác, nhập đạo. Đức Phật thuyết pháp có nhiều nguyên tắc, nhưng những nguyên tắc này chúng ta đều phải biết thì thuyết pháp mới chẳng luống uổng, thật sự hữu ích cho chúng sanh. Hôm nay chúng tôi giảng tới đây!

Tập 96

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm bảy mươi bảy:

(Sớ) Phật thuyết giả, thuyết giả ngũ nhân cố.

(疏) 佛說者，說揀五人故。

(Sớ: “Phật thuyết”: Nhằm phân định rõ [trong] năm hạng người có thể nói kinh, [kinh này do chính đức Phật nói]).

Trong đoạn trước đã giới thiệu sơ lược những ý nghĩa sâu xa được bao hàm trong chữ Thuyết. Đoạn này nói về những bộ kinh Phật [có tựa đề] được bắt đầu bằng hai chữ Phật Thuyết. Cũng có nhiều kinh điển hoàn toàn không có hai chữ này, [chẳng hạn như trong các tựa đề] Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh đều không có chữ “Phật Thuyết”. Vì sao có kinh điển ghi [tựa đề] là Phật Thuyết? Có kinh điển chẳng ghi Phật Thuyết? Thật ra, đều là kinh do đức Phật nói, vì sao có sai biệt như vậy? Có thói quen như sau: Hễ là kinh Vô Ván Tự Thuyết, như kinh Di Đà này, tên kinh phải bắt đầu bằng Phật Thuyết. Một loại khác là trong phần Chánh Tông, câu đầu tiên do đức Phật nói thì tựa đề kinh cũng bắt đầu bằng Phật Thuyết. Do phân định [kinh này] chẳng phải do năm loại người [nói ra], trong năm loại người này có cả Phật trong ấy. Bởi lẽ, kinh điển không nhất định đều do đức Phật nói, mà năm loại người đều có thể giảng kinh.

(Sao) Ngũ nhân giả, nhất Phật, nhị Bồ Tát, tam thiên nhân, tứ tiên, ngũ hóa nhân, thử ngũ giai năng thuyết kinh.

(鈔) 五人者，一佛，二菩薩，三天人，四仙，五化人，此五皆能說經。

(Sao: Năm loại người là: Một là Phật, hai là Bồ Tát, ba là chư thiên, bốn là tiên, năm là hóa nhân. Năm loại này đều có thể nói kinh).

Thứ nhất là Phật, thứ hai là Bồ Tát, thứ ba là “thiên nhân” (chư thiên), thứ tư là “tiên nhân”, thứ năm là “biến hóa nhân”, năm loại này đều có thể nói kinh. Trừ Phật ra, bốn loại kia đều phải được Phật ấn chứng thì

mới có thể gọi là Kinh. Nếu chưa được Phật ấn chứng, chẳng thể là kinh, quý vị phải ghi nhớ điều này!

(Sao) Kim hiển thử kinh thị Chí Thánh lập ngôn.

(鈔) 今顯此經是至聖立言。

(Sao: Nay chỉ rõ kinh này là lời dạy của đấng Chí Thánh).

Kinh Di Đà từ đầu đến cuối do một mình Thích Ca Mâu Ni Phật nói. Tuy đức Phật gọi Xá Lợi Phất để nói, nhưng trong kinh này, ngài Xá Lợi Phất chẳng nói lời nào, chỉ có nghe mà thôi, chẳng nêu ra câu hỏi nào. Từ đầu tới cuối do một mình Thích Ca Mâu Ni Phật nói, có thể nói là chẳng có kinh nào khác thuần hơn [kinh này].

(Sao) Kim khẩu thân xuất, bất đồng Bồ Tát tại nhân, thiên thuộc phàm loại.

(鈔) 金口親出，不同菩薩在因，天屬凡類。

(Sao: Miệng vàng đích thân nói ra, chẳng giống như hàng Bồ Tát còn đang tu nhân, chư thiên thuộc về phàm phu).

Bồ Tát tu nhân chưa viên mãn, Bồ Tát chưa thành Phật. Chư thiên vẫn là phàm phu y như cũ, chẳng phải là thánh nhân.

(Sao) Tiên tạp ngoại đạo, hóa nhân phi chân dã.

(鈔) 仙雜外道，化人非真也。

(Sao: Tiên xen tạp ngoại đạo, hóa nhân chẳng phải là người thật).

Họ biến hóa, chẳng phải là người thật sự.

(Sao) Như thiên tử chiếu, bất đồng bách quan, tể tướng, chư vương đẳng ngữ dã.

(鈔) 如天子詔，不同百官宰相諸王等語也。

(Sao: Giống như chiếu chỉ của hoàng đế, chẳng giống lời lẽ của trăm quan, tể tướng, các vương gia v.v..)

Đây là dùng một tỷ dụ, lời Phật nói giống như chiếu thư của hoàng đế, chúng ta thường gọi là “*thánh chỉ*”, hơn hẳn mệnh lệnh của tể tướng, trăm quan, vượt trội quá nhiều! Đây là kiến thức thông thường, chúng ta biết có năm loại người nói kinh.

(Sớ) A Di Đà giả, thị tiêu hiển bỉ Phật.

(疏) 阿彌陀者，是標顯彼佛。

(Sớ: “A Di Đà”: Nêu rõ đức Phật ấy).

“Tiêu” là tiêu minh (標明: nêu rõ, chỉ rõ), “bỉ” là giáo chủ Tây Phương Cực Lạc thế giới, là vị Phật trong thế giới kia.

(Sớ) Phạm ngữ A, thử vân Vô.

(疏) 梵語阿，此云無。

(Sớ: A là tiếng Phạn, được cõi này dịch là Vô).

A là âm tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô.

(Sớ) Phạm ngữ Di Đà, thử vân Lượng.

(疏) 梵語彌陀，此云量。

(Sớ: Tiếng Phạn Di Đà, cõi này dịch là Lượng).

“Thử” là Trung Quốc, [Di Đà dịch sang tiếng Hán] có nghĩa là Lượng. A Di Đà nghĩa là “vô lượng”.

(Sớ) Ngôn Phật công đức bất khả cùng tận, cố vân Vô Lượng.

(疏) 言佛功德不可窮盡，故云無量。

(Sớ: Ý nói công đức của Phật chẳng thể cùng tận, nên nói là Vô Lượng).

“Vô lượng” hàm nghĩa rộng bao la, chẳng thể nói trọn. Tiếp đó là chữ Phật, Phật là giác, [A Di Đà Phật] là Vô Lượng Giác. Thân, tâm, thế giới, vạn sự vạn pháp vô lượng vô biên, Phật không có gì chẳng giác, thứ gì cũng đều giác, giác mà chẳng mê, lúc ấy mới gọi là A Di Đà Phật. Những ý nghĩa được bao hàm trong danh hiệu này rất nhiều, nên bảo là “bất khả cùng tận”.

(Sớ) Như kinh thọ mạng, quang minh, thị vô lượng trung cô cử nhị sự, nhiếp dư công đức dã.

(疏) 如經壽命光明，是無量中姑舉二事，攝餘功德也。

(Sớ: Như trong kinh nói đến thọ mạng và quang minh, chỉ là nêu lên hai chuyện nhằm gồm thâu những công đức khác).

Trong kinh Di Đà, đức Phật nói về “*vô lượng*” đã nêu đại lược hai thứ là vô lượng thọ và vô lượng quang. Trên thực tế, Thọ tượng trưng thời gian, quá khứ, hiện tại, vị lai; Quang tượng trưng không gian, quang minh chiếu khắp, mang ý nghĩa này. Nói theo cách bây giờ là “*thời không*” (thời gian và không gian), những thứ được bao hàm trong “*thời không*” đúng là vô lượng vô biên, mang ý nghĩa này. Đức Phật chẳng nói “*thời không*”, mà nói “*quang thọ*”, ý nghĩa này càng thâm thiết, sống động hơn! Vì sao? Nói “*thời không*” thì thời gian và không gian là thứ chết cứng; nói “*quang thọ*” thì quang thọ là sống động, ý nghĩa này hết sức sâu màu! Quang và thọ vô lượng vô biên, chẳng thể cùng tận, hết thảy công đức đều được bao gồm!

(Sao) Vô lượng giả, hữu nhị nghĩa, nhất giả chúng đa vô hữu số lượng.

(鈔) 無量者，有二義，一者眾多無有數量。

(Sao: “Vô lượng”: Có hai nghĩa, một là rất nhiều, chẳng có số lượng).

Quá nhiều! “*Chúng đa vô hữu số lượng*”: Đây là nói theo phương diện sự vật. Giống như sâm la vạn tượng trong vũ trụ, những vật hữu hình có số lượng quá nhiều, không thể đếm được, nên gọi là “*vô lượng*”.

(Sao) Nhị giả, quảng đại vô hữu hạn lượng.

(鈔) 二者廣大無有限量。

(Sao: Hai là rộng lớn chẳng có hạn lượng).

Giống như hư không, hư không quá lớn, ai có thể biết được bờ mé của nó? Chẳng ai có thể biết! Chúng ta gọi nó là “*vô lượng*”, đây là nói theo phía hư không.

(Sao) Phục hữu nhị nghĩa.

(鈔) 復有二義。

(Sao: Lại còn có hai nghĩa).

Trong kinh Phật còn có hai ý nghĩa nữa, tức là nói theo cách khác.

(Sao) Nhất giả, thập đại số trung chi vô lượng.

(鈔) 一者十大數中之無量。

(Sao: Một, “vô lượng” chính là con số Vô Lượng trong mười con số lớn [theo cách tính toán của cổ Ấn Độ]).

“Vô lượng” là tên gọi của một con số, chẳng phải thật sự là vô lượng. Đơn vị tính toán của Trung Quốc chỉ có hai mươi mấy thứ, thông thường chúng ta nói một, mười, trăm, ngàn, vạn, mười vạn, trăm vạn, ngàn vạn, ức, triệu... Những con số của Ấn Độ tính từ một, mười, trăm, ngàn, tổng cộng có hơn năm mươi đơn vị, những con số càng lên cao đúng là con số thiên văn. “Thập đại số” là mười con số lớn cuối cùng [trong cách tính ấy].

Mười con số lớn cuối cùng, thứ nhất là A-tăng-kỳ (Asamkhyā), thứ hai là Vô Lượng (Amita, Ananta), thứ ba là Vô Biên (Aprameya)²⁷. Do vậy, Vô Lượng và Vô Biên danh xưng của những con số. Bao nhiêu A-tăng-kỳ là một Vô Lượng? A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ là một Vô Lượng; Vô Lượng lần Vô Lượng là một Vô Biên, tính toán như vậy. Con số A-tăng-kỳ hết sức to. Nếu quý vị muốn biết chuyện này, trong kinh Hoa Nghiêm có chương Căn Tự Tại Đồng Tử, đã giảng những tên gọi con số này rất nhiều. Trong quá khứ, chúng ta đọc chương này, chỉ có thể đọc theo văn tự, chứ không có biện pháp tính toán, con số ấy quá lớn. Dẫu lớn đến mấy thì Vô Lượng vẫn là có hạn lượng.

Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật thọ mạng là vô lượng, chúng ta phải hỏi: Rốt cuộc là vô lượng nào? Có phải là Vô Lượng trong mười con số lớn hay chẳng? Chuyện này chúng ta chẳng cần phải chia chẻ tận căn tởm tóc, dù là Vô Lượng trong mười con số lớn, vẫn đủ dùng! Vì sao? Chẳng phải là nói để thành Phật phải mất ba A-tăng-kỳ kiếp đó sao? Như vậy thì thọ mạng của quý vị là Vô Lượng, tức là A-tăng-kỳ kiếp lần

²⁷ Ở đây, hòa thượng nói theo cách giải thích Danh Số Ấn Độ trong Phiên Dịch Danh Nghĩa Đại Tập. Theo sách ấy, mười con số lớn trong cách tính toán của cổ Ấn Độ là: 1) A Tăng Kỳ, 2) Vô Lượng, 3) Vô Biên, 4) Vô Tăng (Aparimita), 5) Xuất Biên (Aparimāva), 6) Vô Tỷ (Atulya), 7) Bất Khả Tỷ (Amāpya), 8) Bất Khả Tự Nghi (Acintya), 9) Bất Khả Thuyết (Anabhilāpya), 10) Bất Khả Thuyết Bất Khả Thuyết (Anabhilāpyabhilāpya). Phạm A Tăng Kỳ của kinh Hoa Nghiêm dịch những tên gọi này hơi khác và từ A Tăng Kỳ đến số cuối cùng có nhiều hơn nữa (gồm hai mươi con số): A Tăng Kỳ, A Tăng Kỳ Chuyển, Vô Lượng, Vô Lượng Chuyển, Vô Biên, Vô Biên Chuyển, Vô Đẳng, Vô Đẳng Chuyển, Bất Khả Số, Bất Khả Số Chuyển, Bất Khả Xưng, Bất Khả Xưng Chuyển, Bất Tự Nghi, Bất Tự Nghi Chuyển, Bất Khả Lượng, Bất Khả Lượng Chuyển, Bất Khả Thuyết, Bất Khả Thuyết Chuyển, Bất Khả Thuyết Bất Khả Thuyết, Bất Khả Thuyết Bất Khả Thuyết Chuyển.

A-tăng-kỳ kiếp, ba A-tăng-kỳ kiếp thâm vào đâu? Nói cách khác, vãng sanh tới Tây Phương Cực Lạc thế giới quyết định thành Phật, không một ai chẳng thành Phật, thời gian ấy đủ dùng rồi! Huống chi trong Tây Phương Cực Lạc thế giới lại chẳng thoái chuyển, chỉ có tiến lên, từ rày về sau chẳng thoái chuyển nữa. Nói cách khác, mọi người tới đó tu hành, quý vị dụng công, sẽ thành Phật nhanh hơn một chút; quý vị chẳng siêng năng dụng công, thành Phật chậm hơn một tí, chỉ có tốc độ khác nhau, quyết định chẳng thoái chuyển. Cho dù là Vô Lượng có hạn lượng, đối với chúng ta cũng đủ rồi! Nhưng sau khi thành Phật, thọ mạng thật sự là vô lượng, chẳng phải là con số Vô Lượng. Do vậy, chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thọ mạng của chúng ta là vô lượng có hạn lượng. Cho đến khi quý vị tới Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật, thọ mạng sẽ thật sự là vô lượng, chẳng phải là vô lượng có hạn lượng.

Niệm Phật, chúng ta nhất định phải sốt sắng. Đại chuyên giảng tòa trong dịp nghỉ mùa Đông năm nay, chúng tôi muốn giảng Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, nên hôm nay tôi mở Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh ra xem, tôi còn giữ một quyển do pháp sư Đệ Nhàn viết lần đầu vào thời ấy, là bản được khâu gáy bằng chỉ²⁸. Chúng tôi đọc lời tựa bản ấy. Pháp sư Đệ Nhàn là một đại pháp sư lỗi lạc thời cận đại, là người bậc nhất sống vào cuối đời Thanh, đầu thời Dân Quốc, chẳng một pháp sư nào có thể sánh bằng Ngài, Ngài là tổ sư của tông Thiên Thai thời cận đại. Trong lời tựa, Ngài đã viết: Chính mình là kẻ hạ hạ căn, chỉ có niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Theo lời tựa ấy, cả đời Ngài chẳng có ngày nào không niệm Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, nhưng Ngài tu hành bằng phương pháp trì danh niệm Phật, và cũng là một vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong thời cận đại. Do vậy, đối với những vị đại đức giống như Ngài, chúng ta thấy Ngẫu Ích đại sư, Ngẫu Ích đại sư viết Yếu Giải nhằm chú giải kinh Di Đà được Ấn Quang đại sư tán thán đến tột bậc: *“Dù cổ Phật tái lai chú giải kinh Di Đà, cũng chẳng có cách nào hay hơn được!”* Quý vị xem lời tán thán ấy, còn gì để nói nữa, nhưng chính Ngẫu Ích đại sư tự nói về mình như thế nào? Hạ hạ phẩm vãng sanh. Ngài viết thư cho bạn bè, trong [Ngẫu Ích Đại Sư] Toàn Tập có lá thư ấy: *“Hạ hạ phẩm vãng sanh là kết cục đã định của đệ”*. Ngài đoan quyết chính mình quyết định vãng sanh, nhưng phẩm vị là Hạ Hạ Phẩm.

²⁸ Đây là sách in theo lối cổ. Người ta in toàn bộ cuốn sách thành nhiều trang trên một tờ giấy dài, chỉ in một mặt, khi in xong, xếp sách sao cho mặt không có chữ bị ép vào nhau, rồi dùng chỉ khâu gáy những trang ấy lại, đóng bìa.

Sau khi đọc [lời ấy], chúng ta phải khéo ngẫm lại mình, chúng ta sanh trong đời loạn này, đúng vậy, đọc những tác phẩm của cổ đại đức, [nhận thấy] quả thật chúng ta nghiệp chướng sâu nặng, chẳng tu pháp môn này, sẽ chẳng có cách nào cứu cả! Lời này do pháp sư Đệ Nhàn đã nói: “*Chẳng tu pháp môn này, chẳng có cách nào cứu cả!*” Chúng tôi nói tới chỗ này, quả thật lời ấy đã khiến chúng ta rất phân chấn: Sanh về nơi ấy là quyết định thành tỵ; sau khi thành tỵ, sẽ thật sự là vô lượng.

(Sao) Nhị giả, cánh vô cùng tận chi vô lượng.

(鈔) 二者更無窮盡之無量。

(Sao: Hai là vô lượng chẳng có cùng tận).

Thật sự vô lượng, chẳng có cùng tận.

(Sao) “Cô cử nhị sự” giả, dĩ vô lượng bất chỉ thọ mạng quang minh dã, tường như hậu văn trung biện.

(鈔) 姑舉二事者，以無量不止壽命光明也，詳如後文中辯。

(Sao: “Chỉ nêu lên hai sự”: Do chẳng phải chỉ có thọ mạng và quang minh là vô lượng, trong phần kinh văn ở phía sau sẽ biện định cặn kẽ).

Đến phần kinh văn ở phía sau sẽ giảng rất tỉ mỉ.

(Sớ) Kinh giả, Phạm ngữ Tu Đa La, thử vân Khế Kinh.

(疏) 經者，梵語脩多羅，此云契經。

(Sớ: “Kinh”: Tiếng Phạn là Tu Đa La, cõi này dịch là Khế Kinh).

Tiếng Phạn của Ấn Độ gọi Kinh là Tu Đa La (Sūtra), dịch sang nghĩa tiếng Hán là Khế Kinh.

(Sớ) Hữu thông biệt nhị nghĩa, Khế phục nhị nghĩa, Kinh phục đa nghĩa. Kinh tuy đa nghĩa, bất xuất “quán, nhiếp, thường, pháp” tứ nghĩa.

(疏) 有通別二義，契復二義，經復多義，經雖多義，不出貫攝常法四義。

(*Sớ*: Có hai nghĩa *Thông* và *Biệt*. Chữ *Khế* lại có hai nghĩa. *Kinh* lại có nhiều nghĩa. Chữ *Kinh* tuy có nhiều nghĩa, nhưng chẳng ngoài bốn nghĩa *Quán, Nhiếp, Thường, Pháp*).

“*Thông*” là chung với những thứ khác, đều gọi là *Kinh*. Như chúng ta thường niệm kinh *Địa Tạng*, đó là *kinh*, *kinh Kim Cang* cũng là *kinh*, *kinh Pháp Hoa* cũng là *kinh*, đều gọi là *Kinh*. Chữ *Kinh* này là *Thông Đè* (tên gọi chung, tựa đề chung của các bản *kinh Phật*). Phàm [những lời giảng dạy] do đức *Phật* đã nói, hoặc do *Bồ Tát*, các vị tiên nhân đã nói, được *Phật* ấn chứng, đều có thể gọi là *Kinh*. Vì thế, *Kinh* là *Thông Đè*.

(*Sao*) *Thông biệt giả, Phật sở thuyết giáo, tổng danh Tu Đa La, thị chi vị Thông.*

(鈔) 通別者，佛所說教，總名脩多羅，是之謂通。

(*Sao*: “*Thông biệt*”: Phàm những giáo pháp do đức *Phật* đã nói, đều gọi là *Tu Đa La*. Đây là *Thông*).

“*Thị chi vị Thông*”: Đây là gọi chung.

(*Sao*) *Tích chi tắc Kinh danh Tu Đa La, Luật danh Tỳ Nại Da, Luận danh A Tỳ Đàm (A Tỳ Đạt Ma), thị chi vị Biệt.*

(鈔) 析之則經名修多羅，律名毘奈耶，論名阿毘曇 (阿毘達摩)，是之謂別。

(*Sao*: Chia chẻ ra thì *Kinh* gọi là *Tu Đa La*, *Luật* gọi là *Tỳ Nại Da*, *Luận* gọi là *A Tỳ Đàm (A Tỳ Đạt Ma)*, đó là *Biệt*).

Ba thứ này đều do đức *Phật* nói. Thuở ấy, đức *Phật* giảng *kinh thuyết pháp* chẳng hề chia thành lớp để dạy học, đều là do các đệ tử xuất gia hay tại gia có nghi vấn, hướng về đức *Phật* thỉnh giáo, một hỏi một đáp như vậy; về sau, kết tập lại, ghi chép xuống, bèn gọi là *Kinh*. Mỗi lần đức *Phật* giảng, bất luận nội dung cạn, sâu, ngắn, dài, nói chung cả ba ý nghĩa ấy đều có. *Kinh* quá nửa giảng về *Định*, nói cách khác, dạy quý vị tu tâm thanh tịnh, loại này được kết tập lại bèn gọi là *Kinh*. Dạy chúng ta đãi người, tiếp vật, vâng giữ khuôn phép, đặt chính mình vào khuôn khổ như thế nào, loại này thuộc về *Giới Luật*. Làm thế nào để có thể khơi gọi, phát khởi trí huệ của chính mình, loại này thuộc về *Luận*. Về sau, chúng ta quy nạp chúng trở thành *Tam Tạng kinh điển*, tức là *Kinh, Luật, Luận*. *Tu Đa La* là *Kinh Tạng*, *Tỳ Nại Da* là *Luật Tạng*, *A Tỳ Đàm* là *Luận Tạng*.

Mỗi lần đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, trong nội dung đều có ba phương diện này. Về sau, phân loại kinh điển, bèn xét xem, trong bộ kinh này, phần nào trong ba thứ ấy được giảng nhiều nhất? Dựa trên phân lượng nhiều nhất để quy nạp, phân loại. Chẳng hạn như đối với bộ kinh này, hoàn toàn dạy chúng ta “*nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo*”, chẳng hề nói tới Luật, cho nên vô cùng thuần! Kinh Lăng Nghiêm, nửa sau quyển thứ sáu là “*tứ chủng thanh tịnh minh hối*” (bốn thứ giáo huấn thanh tịnh, trong sáng) giảng giới luật, giảng căn bản giới. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật và các vị Bồ Tát thảo luận, nên có luận. Trong mười quyển kinh văn, hầu như bảy quyển giảng về Xa Ma Tha, Tam Ma và Thiên Na, giảng về Định nhiều nhất, nên Lăng Nghiêm được quy về Kinh Tạng. Như trong kinh Hoa Nghiêm có luận, cũng có chỗ thảo luận, mà cũng có chỗ nói về giới luật như phẩm Tịnh Hạnh và phẩm Phạm Hạnh, đó là giới luật, nhưng chiếm phần lớn vẫn là giảng Định, nên vẫn y như cũ, quy nạp vào Kinh Tạng. Trong giới kinh cũng có giảng Định, cũng có giảng Huệ, nhưng giảng Giới khá nhiều, bèn quy nạp vào Luật Tạng. Những điều này đều là Phật học thường thức.

(Sao) “Khế phục nhị nghĩa” giả, nhất giả khế lý, tức hợp đạo chi ngôn; nhị giả, khế cơ, tức đậu căn chi giáo.

(鈔)契復二義者，一者契理，則合道之言；二者契機，則逗根之教。

(Sao: “Khế lại có hai nghĩa”: Một là khế lý, tức là nói lời hợp đạo; hai là khế cơ, tức giáo pháp phù hợp căn cơ).

“Khế” (契) chứa đựng hai ý nghĩa, hai ý nghĩa ấy chẳng thể thiếu, thường nói là: “*Thượng khế chư Phật sở chứng chi Lý, hạ khế chúng sanh khả độ chi cơ*” (trên khế hợp với Lý được chứng bởi chư Phật, dưới khế hợp căn cơ của chúng sanh đáng độ). Nói đơn giản, đức Phật nói sâu hay cạn, nói dài hay ngắn, nhất định chẳng thể trái nghịch chân lý, đó là Khế Lý. Chân lý là Thật Tướng của các pháp, là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Do Khế Lý, nên lời nói chân thật, chẳng dối gạt người khác, nhất định phải đúng Lý. Hết thấy chư Phật chứng cùng một Lý, cho nên chân lý chỉ có một, sở chứng của hết thấy chư Phật nhất định phải tương ứng, khế hợp điều này. Đồng thời, nhất định phải thích hợp căn tánh tức là trình độ của chúng sanh trong hiện đại thì họ sẽ có thể tiếp nhận. Nếu họ chẳng thể tiếp nhận, chẳng phải là quý vị đã uổng công nói hay sao? Do vậy, nhất định phải Khế Cơ.

Nhưng chư vị phải nhớ, nay chúng ta chẳng gặp Phật. Nếu quý vị gặp Phật, nhất định Phật sẽ chẳng giảng kinh Hoa Nghiêm cho quý vị, mà cũng chẳng giảng kinh Pháp Hoa, Đại Trí Độ Luận, Đại Thừa Khởi Tín Luận, vì sao? Chẳng khế cơ, giảng [những thứ kinh luận ấy] cho quý vị sẽ vô ích, quý vị làm không được. Hiện thời, nếu quý vị gặp Thích Ca Mâu Ni Phật, đại khái ngay cả kinh Di Đà, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng chẳng nói với quý vị, mà chỉ nói một câu: “Hãy thật thà, trở về nhà niệm A Di Đà Phật”. Như thế là được, quý vị có thể thành công, thật đấy, chẳng giả tí nào! Trong thời kỳ Mạt Pháp hiện thời, chúng ta là kẻ nghiệp chướng sâu nặng, ngoài một câu A Di Đà Phật ra, chẳng có cách nào cứu được! Nhưng một câu A Di Đà Phật này: “*Trên khế hợp với Lý được chứng bởi chư Phật, dưới khế hợp căn cơ của chúng sanh đáng độ*”, quyết định có thể thành tựu.

Ngày hôm qua có bốn vị cư sĩ từ Cao Hùng tới, đại khái họ đã nghe băng thâu âm rất lâu, đến đây tìm tôi. Tôi kể với họ chuyện bà cụ ở làng Tướng Quân mười năm trước, niệm Phật ba năm bèn đứng vãng sanh, mấy người họ hiểu được! Vì thế, một câu Phật hiệu hãy khéo niệm, thành tựu chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta nghe băng thâu âm lời khai thị lão pháp sư Đàm Hư trong Phật Thất, Ngài có nói về một vị pháp sư đồ đệ của ngài Đế Nhàn, coi như đồng học [của pháp sư Đàm Hư], cũng niệm Phật ba năm, đứng vãng sanh, biết trước lúc mất, chẳng bị bệnh khổ, đây là gương tốt cho chúng ta. Do vậy, một câu Phật hiệu thật sự khế cơ, khế lý!

(Sao) Kim lược Khế tự, dẫn danh viết Kinh giả, tỉnh văn dã.

(鈔) 今略契字，但名曰經者，省文也。

(Sao: Nay lược bớt chữ Khế, chỉ nói là Kinh, tức là tỉnh lược vậy).

Người Trung Quốc có thói quen thích đơn giản, không thích rườm rà, chẳng thích rắc rối; vì thế, tỉnh lược chữ Khế, chỉ gọi là Kinh.

(Sao) Kinh phục đa nghĩa giả.

(鈔) 經復多義者。

(Sao: Kinh lại có nhiều nghĩa).

Trong một chữ Kinh, hàm chứa nhiều nghĩa.

(Sao) Hoa Nghiêm Sớ dẫn Tạp Tâm ngũ nghĩa.

(鈔) 華嚴疏引雜心五義。

(Sao: Sách Hoa Nghiêm dẫn năm ý nghĩa [của chữ Kinh] từ Tạp Tâm Luận).

Trong Hoa Nghiêm Kinh Sớ, Thanh Lương đại sư giảng chữ Kinh này có tất cả mười ý nghĩa, có mười cách giải thích. Trong Tạp Tâm Luận²⁹ giảng chữ Kinh có năm ý nghĩa.

(Sao) *Vị: Nhất, xuất sanh.*

(鈔) 謂：一、出生。

(Sao: Nghĩa là: Một, sanh ra).

“*Xuất sanh*” là sanh khởi, dùng ý nghĩa này để giảng.

(Sao) *Nhị, hiển thị.*

(鈔) 二、顯示。

(Sao: Hai là chỉ bày rõ ràng).

“*Hiển*” là rõ ràng, “*thị*” phô bày. Nói cách khác, Như Lai giảng hết thầy Pháp Tướng, nói rõ ràng, rành rẽ, giống như trong phòng triển lãm, bày cho chúng ta thấy các món đồ, mang ý nghĩa này.

(Sao) *Tam, dưng tuyền.*

(鈔) 三、涌泉。

(Sao: Ba là suối phun).

²⁹ Tạp Tâm Luận là tên gọi tắt của bộ Tạp A Tỳ Đàm Tâm Luận, mười quyển, do tôn giả Pháp Cứu soạn. Ngài Tăng Già Bạt Ma xứ Nam Thiên Trúc dịch sang tiếng Hán vào năm Nguyên Gia 12 (435) đời Lưu Tống. Trước đó, luận này đã được dịch hai lần: 1. Pháp Hiền và Giác Hiền cùng dịch vào cuối niên hiệu Nghĩa Hy (417-418) đời An Đế nhà Đông Tấn.

2. Ngài Y Diệp Ba La dịch chín quyển rưỡi vào năm Nguyên Gia thứ ba (426) đời Đông Tấn, sau đó Tam Tạng Cầu Na Bạt Ma dịch tiếp phần còn lại vào năm Nguyên Gia thứ tám.

Hai bản này đều đã thất truyền. Luận này nhằm mục đích giảng rộng những phần luận về tâm trong bộ A Tỳ Đàm Tâm Luận của ngài Pháp Thắng, tham khảo rất nhiều phần trong Đại Tỳ Bà Sa Luận để bổ sung những chỗ giản lược trong tác phẩm của ngài Pháp Thắng.

Ý nghĩa này khá dễ hiểu, giống như nước suối phun lên, dùng ý nghĩa này để diễn tả: Những ý nghĩa được bao hàm trong kinh chẳng có cùng tận! Chẳng hạn như bộ kinh này, quả thật chẳng giống sách vở thế gian; quý vị đọc sách vở thế gian một lần đã hiểu ý nghĩa, quý vị đọc lần thứ hai vẫn thấy ý nghĩa ấy, đọc lần thứ ba, vẫn là ý nghĩa đó. Do vậy, đọc đôi ba lượt chẳng muốn đọc nữa, vì sao? Chẳng có ý nghĩa mới mẻ nào nữa! Đó là gì? Nước tù đọng. Kinh Phật khác hẳn, kinh Phật quý vị đọc mỗi lần đều có ý nghĩa [mới mẻ của] mỗi lần, đọc lần sau lại có ý nghĩa mới, ý nghĩa vĩnh viễn chẳng cùng tận. Sơ phát tâm học một bộ kinh, trong tương lai học tới khi thành Phật, vẫn có thể học một bộ kinh ấy, ý nghĩa vẫn chẳng cùng tận. Do vậy, trong kinh chứa đựng vô lượng nghĩa! Các đồng tu sơ học, có những người thấy kinh văn quá sâu, đọc không hiểu, chẳng muốn đọc nữa, trật rồi! Đọc không hiểu bèn chẳng muốn niệm, giống như nước suối ngầm ở dưới đất, chẳng được đào bới. Quý vị bỏ chút công phu đào ra, sau khi đã thấy nước, nguồn nước vĩnh viễn chẳng khô cạn, lấy mãi chẳng hết, dùng mãi chẳng hết, “*Kinh*” là như vậy. Vì thế, cổ nhân nói: “*Độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến*” (đọc sách ngàn lần, tự thấy được ý nghĩa).

Hiện tại học thứ này thứ nọ khó lắm, không giống như thời cổ, thời cổ thật sự có thiện tri thức, hiện tại không có. Vì thế, chúng ta hiện thời chẳng có phước báo lớn như cổ nhân, hiện tại không có thiện tri thức chân chánh. Không có thiện tri thức, chúng ta học với ai? Chúng ta chỉ còn cách học với cổ nhân, chắc chắn sẽ không đi sai đường, chắc chắn sẽ không lạc vào tà đạo. Nói cách khác, học với cổ nhân nhất định đáng tin cậy. Nay chúng ta mở Sớ Sao ra, học với Liên Trì đại sư; đọc Sớ Sao là nghe Liên Trì đại sư khai thị cho chúng ta. Ngài khai thị, chúng ta nghe không hiểu, nghe không hiểu chẳng sao cả, lại nghe lần thứ hai, lần thứ hai nghe vẫn không hiểu, lại nghe lần thứ ba. Chỉ cần quý vị không ngừng tiếp tục xem mãi như vậy, nghiêm túc đọc bộ Sớ Sao này từ đầu đến cuối, chẳng cần nhiều, mỗi ngày đọc một giờ, đọc ba năm hay năm năm, quý vị chắc chắn khai ngộ. Quý vị không chịu làm thì chẳng có cách nào hết!

“Ta dùng thời gian ba năm để đọc Đại Tạng Kinh”, [làm như vậy] chắc chắn quý vị chẳng thể khai ngộ, vì sao? Xem phần trước, chẳng biết phần sau, xem phần sau, quên sạch phần trước, làm sao quý vị có thể khai ngộ được? Không thể nào có chuyện ấy được! Đấy đúng là như ngài Thanh Lương đã nói: “Chẳng tăng trưởng vô minh, bèn tăng trưởng tà kiến”, điều này hết sức đáng sợ. Chúng ta muốn học đạo, rốt cuộc đến cuối cùng đạt được hậu quả trái ngược, chúng ta đi ngược đường, sai lầm quá đỗi to lớn!

Do vậy, tôi mong mỗi các đồng tu, chúng ta đã phát đạo tâm mong thật sự thành tựu, hãy dùng theo cách của cổ nhân, dồn công sức nơi một bộ kinh thì mới có thể thành tựu. Kinh có ý nghĩa vĩnh viễn chẳng cùng tận, đó là ý nghĩa của chữ “*dùng tuyên*”.

(Sao) Tứ, thẳng mặc.

(鈔) 四、繩墨。

(Sao: Bốn là dây mực).

“*Thẳng mặc*”: Xưa kia, nếu thợ mộc cưa gỗ, sẽ dùng “*mặc đầu*”³⁰ để kéo căng sợi dây, kéo thẳng sợi dây [đã nhúng mực, rồi nắm sợi dây búng nhẹ] để in một đường [nhằm đánh dấu chỗ sẽ cưa trên gỗ], đây là “*thẳng mặc*”. Đã vạch một đường thẳng, cưa theo đó, cứ chiếu theo đường thẳng ấy mà cưa. Hiện thời khoa học kỹ thuật tiến bộ, không cần đến thứ này. “*Thẳng mặc*” có thể vạch một đường thẳng, nên cứ cưa theo đó sẽ chẳng bị cong queo. Dùng ý nghĩa này nhằm nói [kinh Phật là tiêu chuẩn để] phân biệt tà, chánh. Lý luận, phương pháp và cảnh giới trong kinh đều là chính xác, chẳng tà vạy, cho nên kinh có ý nghĩa “*thẳng mặc*”. Chúng ta tu hành phải có tiêu chuẩn, lấy gì làm tiêu chuẩn? Lấy kinh điển làm tiêu chuẩn. Giống như thợ mộc, ta phải cưa theo đường thẳng, đường thẳng ấy dùng gì để làm chuẩn? Dùng dây mực để vạch tiêu chuẩn, dùng ý nghĩa này.

(Sao) Ngũ, kết man.

(鈔) 五、結鬘。

(Sao: Năm là kết tràng hoa).

“*Man*” (鬘) là vòng hoa, dùng nhiều hoa xâu lại thành vòng khoác trên cổ. Người Ấn Độ rất thích trang sức theo kiểu này. Đức Phật cũng thường dùng chuyện này làm tỷ dụ. Tràng hoa do [các thứ hoa] xâu kết lại, dùng ý nghĩa này, giữ cho hoa chẳng đến nỗi rơi mất. [Kinh Phật có thể] liên kết các pháp, dùng ý nghĩa này.

³⁰ “*Mặc đầu*” (墨斗) theo tương truyền là một phát minh của Lỗ Ban (tổ nghề mộc), gồm một hộp tròn, có chứa mực và một sợi dây dầm mực, quấn quanh một trục quay đặt trong hộp, để có thể kéo dài hay rút gọn theo ý muốn. Dụng cụ này được thợ mộc dùng để đánh dấu vết cưa, cắt, đục v.v...

(Sao) Phật Địa nhị nghĩa, vị nhất quán xuyên, vị nhất nhiếp trì.

(鈔) 佛地二義，謂一貫穿，謂一攝持。

(Sao: Theo Phật Địa Luận, Kinh có hai nghĩa, một là xuyên suốt, hai là tóm giữ).

Phật Địa Luận giải thích chữ Kinh bằng hai ý nghĩa Quán và Nhiếp. Chữ “quán xuyên” giống với ý nghĩa “kết man” trong phần trên. “Nhiếp trì”: Các tác phẩm văn chương thế gian không có sức [lôi cuốn], nắm giữ tâm hồn con người. Văn chương thế gian hay nhất, quý vị đọc một lần xong, hãy còn muốn xem, xem hai lượt vẫn còn muốn xem, giống như nam châm có thể thu hút quý vị. Tuy nó có thể thu hút, nhưng sức mạnh hữu hạn, vì sao? Quý vị xem liên tục hai mươi lượt, ba mươi lượt, chẳng muốn đọc nữa, có thể thấy sức mạnh của nó cũng không mạnh mẽ lắm! Văn chương chẳng hay, đương nhiên đọc một lần còn chưa được, đọc mấy dòng đầu đã chẳng muốn xem tiếp. Văn chương hay có thể đọc từ đầu tới cuối, rất tán thưởng, còn có thể đọc lần thứ hai, lần thứ ba, đọc thêm vài lần, sẽ chẳng muốn coi nữa. Nhưng kinh Phật khác hẳn, quý vị càng đọc càng ưa thích, sau khi xem đúng là chẳng thể buông xuống, thật đúng như người ta thường nói: Quý vị đắc “*cá trung tam muội*” (đạt được ý nghĩa tinh rỗng và bí quyết). Thường ném được ý vị ấy, ý nghĩa ào ạt xuất hiện, thật sự được thụ dụng, kinh có sức [ảnh hưởng] ấy khiến quý vị đọc suốt cả đời cả kiếp vẫn chẳng chán. Dầu là một bộ kinh, nhưng quý vị thật sự thâm nhập, nó sẽ có sức mạnh ấy! Quý vị có thể cả ngày không ăn cơm, có thể suốt ngày chẳng ngủ, nhưng một ngày chẳng thể không đọc kinh, sức mạnh ấy được gọi là “*nhiếp trì*”. Kinh Phật có sức mạnh ấy!

(Sao) Thử phương tứ nghĩa.

(鈔) 此方四義。

(Sao: Phương này, dùng bốn nghĩa).

“Thử phương” là Trung Quốc. Đối với kinh điển của cổ nhân cũng có bốn ý nghĩa, giống như chúng ta tôn xưng sách vở do cổ thánh tiên hiền lưu lại là “kinh”. Nho gia Trung Quốc có mười ba kinh, sách Trang Tử của Đạo Gia được tôn xưng là Nam Hoa Kinh³¹, sách của Lão Tử được tôn xưng là Đạo Đức Kinh, những kinh ấy đều có bốn ý nghĩa.

³¹ Sách Trang Tử được gọi là Nam Hoa Kinh hay Nam Hoa Chân Kinh vì các vua cuối nhà Đường mê thích thân tiên, ưa luyện đan, tu Đạo Giáo. Đường Huyền Tông đã tôn

(Sao) Vị nhất thường, nhị pháp, tam kính, tứ điển, cố vân “đa nghĩa”. “Bất xuất tứ nghĩa” giả, chỉ “quán, nhiếp, thường, pháp” tứ tự dã.

(鈔)謂一常，二法，三遷，四典，故云多義。不出四義者，指貫攝常法四字也。

(Sao: Tức là một là thường, hai là pháp, ba là đường lối, bốn là khuôn mẫu, nên nói là “nhiều nghĩa”. “Chẳng ra ngoài bốn nghĩa” tức là nói về bốn chữ “quán, nhiếp, thường, pháp” vậy).

Thứ nhất là Thường, siêu việt thời gian và không gian. Bộ Luận Ngữ của Khổng lão phu tử được chúng ta gọi là Kinh, do Ngài đã nói từ hơn hai ngàn năm trăm năm trước, nay chúng ta mở ra đọc, vẫn sử dụng được. Đó là vượt thời gian, vượt không gian. Người Trung Quốc đọc sách ấy, thích hợp, vẫn có thể sử dụng được. Người Nhật đọc Luận Ngữ cũng có thể sử dụng được! Hiện thời, người Nhật có nhiều ưu điểm hơn người Hoa, nay người Hoa coi sách ấy như đồ bỏ, nhưng người Nhật vẫn dùng. Do vậy, tuy Nhật Bản bại trận trong Đệ Nhị Thế Chiến, hiện nay họ là nước bậc nhất trên thế giới. Quý vị muốn tìm nguyên nhân ư? Họ chọn lựa giữ lấy tinh thần Nho gia, tận lực phát triển khoa học kỹ thuật Tây Phương, cho nên hiện thời trên thế giới không ai có thể sánh bằng họ, đạo lý ở chỗ này. Cơ sở và cội nguồn văn hóa của người Nhật đều là những thứ của Trung Quốc, họ học từ Trung Quốc. Dân tộc họ có tánh chất bảo tồn truyền thống rất mạnh, đó là ưu điểm lớn nhất của họ. Họ học từ Trung Quốc, mãi cho đến ngày nay vẫn còn duy trì được. Người Nhật mặc Hòa phục, đây là trang phục của người Hoa thời cổ, người Nhật chế ra y phục từ đâu? Lấy cách thức từ Trung Hoa, chiếu theo kiểu đó mà may cắt. Hòa phục (Wafuku) còn gọi là Ngô phục (Gofuku), học ở đâu ra? Từ nước Ngô thời Xuân Thu, tức tỉnh Giang Tô [hiện tại]. Họ sống trong nhà lót nền bằng chiếu tatami là cách thức kiến trúc của Trung Quốc vào thời Xuân

xung bốn vị triết gia thời cổ là Tứ Đại Chân Nhân, và đặt pháp hiệu cho họ. Trang Châu được tôn là Nam Hoa Chân Nhân, Liệt Ngự Khẩu là Xung Hư Chân Nhân, Văn Tử (tương truyền là đệ tử đặc ý của Lão Tử) là Thông Huyền Chân Nhân, và Canh Tang Sở (một nhân vật do Trang Châu bịa ra trong sách Trang Tử, nhưng Đường Huyền Tông vẫn tin Canh Tang Sở là nhân vật có thật) là Động Linh Chân Nhân. Vì thế, sách Trang Tử được Đạo Giáo gọi là Nam Hoa Kinh, sách Liệt Tử (do Liệt Ngự Khẩu viết) được gọi là Xung Hư Kinh.

Thu, sau khi học được mãi cho đến hiện tại chẳng biến đổi, vẫn giữ như thế.

Nay chúng ta đọc cổ thư, nhất là đọc Lễ Ký, đúng là đọc sách mà chẳng biết sách nói gì? Nhưng đến thăm Nhật Bản, thấy giống hệt như trong Lễ Ký đã nói. Chẳng hạn như trong Lễ Ký nói: Nếu quý vị bước vào công nhà người ta, thấy ở cửa đặt hai đôi giày, chớ nên tùy tiện bước vào. Nay chúng ta bước vào cửa, trong phòng khách đâu có đặt hai đôi giày? Mới hiểu [bên Nhật, nền nhà lát bằng thảm] tatami, đi trên tatami thì phải đặt giày bên ngoài. Có lẽ hai người họ đang bàn chuyện gì cơ mật, quý vị bước vào sẽ khiến người ta rất ngỡ ngàng, đó là thất lễ. [Sách Lễ Ký nói] khách quý đến, “trùng tịch” (chồng chiếu) để ngồi, nay chúng ta chẳng hiểu “trùng tịch” là gì? Chúng ta đều ngồi trên ghế. Hóa ra, trên thảm tatami, có đặt cái đệm để ngồi. Đối với khách quý, nhằm đặc biệt tiếp đãi, xếp hai cái đệm [chồng lên nhau], hai cái đệm thể hiện sự tôn kính nhất. Vì thế, đến chỗ người ta, vừa nhìn liền biết cách sống của họ hoàn toàn tuân theo Lễ Ký. Người Nhật bắt đầu học những thứ của Trung Quốc từ thời Xuân Thu, mỗi triều đại đều cử du học sinh sang Trung Hoa du học. Vì thế, văn hóa Trung Quốc quả thật đều [được bảo tồn] tại Nhật Bản. Tới Nhật Bản, thấy những phong tục, tập quán, văn vật thuộc thời đại Xuân Thu của Trung Hoa, chúng tôi rất khâm phục họ, họ có thể bảo tồn. “Thường” là vượt thời gian, vượt không gian. Hiện thời, tư tưởng Nho gia được truyền bá sang Mỹ, Âu Châu, điều gì có thể sử dụng, điều gì được họ ưa thích, họ sẽ tiếp nhận rất dễ dàng. Đây là ý nghĩa của chữ Thường, tức là vượt thời gian, vượt không gian.

Thứ hai là Pháp, tức là nguyên lý, nguyên tắc, phép tắc. Phép tắc ấy bất biến, chiếu theo phương pháp ấy để làm, nhất định sẽ thông suốt, đó là Pháp. Do vậy, Pháp có nghĩa là “quỹ tắc” (軌則: khuôn khổ, đường lối).

Thứ ba là Kính (逕), tức con đường nhỏ, đường gàn, là đường của thánh hiền đi. Quý vị noi theo con đường ấy để đi, sẽ thành thánh, thành hiền.

Thứ tư là Điển (典), tức là điều được xưa lẫn nay đề cao, hết thảy mọi người bằng lòng tuân thủ, tôn trọng, tôn sùng.

(Sao) Lương dĩ Kinh tự, Tây Vực chánh phiên vi Tuyền. Tuyền hữu Quán Trì nghĩa, Quán tắc quán xuyên sở thuyết chi lý, Trì tắc nhiếp trì sở hóa chi sanh. Thủ nhị tức cai xuất sanh ngũ nghĩa.

(鈔)良以經字，西域正翻為線，線有貫持義，貫則貫穿所說之理，持則攝持所化之生，此二足該出生五義。

(Sao: Ấy là vì chữ Kinh trong tiếng Tây Vực dịch sát nghĩa là Tuyến (sợi dây), vì Tuyến có ý nghĩa Quán Trì: Quán là xuyên suốt, liên kết Lý đã nói, Trì là giữ gìn những chúng sanh được hóa độ. Hai nghĩa này đủ để bao gồm năm nghĩa như xuất sanh v.v...)

Kế đó, giải thích hai ý nghĩa Quán và Nhiếp. Hai ý nghĩa Quán và Nhiếp ấy có thể bao quát năm ý nghĩa được giảng trong Tập Tâm Luận. Nói cách khác, hai ý nghĩa Quán và Nhiếp này có thể bao quát trọn vẹn rất nhiều cách cổ nhân giải thích ý nghĩa của chữ Kinh. Ở đây, rất rõ rệt là đại sư chỉ dùng hai chữ này để bao gồm các ý nghĩa khác. Vì thế, hai chữ này được đặc biệt coi trọng!

(Sao) *Nhi thủ phương kinh điển, diệc danh viết Kinh.*

(鈔) 而此方經典，亦名曰經。

(Sao: Nhưng kinh điển ở phương này cũng được gọi là Kinh).

Kinh điển của Trung Quốc cũng gọi là Kinh. Chúng ta cũng tôn xưng trước thuật của cổ thánh tiên hiền là Kinh; nhưng trong kinh điển của Trung Hoa không có ý nghĩa Tuyến, còn Tu Đa La của nhà Phật có ý nghĩa Tuyến, Tuyến là xuyên suốt.

(Sao) *Kinh thị Tuyến nghĩa.*

(鈔) 經是線義。

(Sao: Kinh có nghĩa là Tuyến).

Khế Kinh có nghĩa gốc là Tuyến.

(Sao) *Thủ phương bất quý Tuyến.*

(鈔) 此方不貴線。

(Sao: Cõi này không coi trọng Tuyến).

Người Hoa đôi với chữ Tuyến chẳng coi trọng lắm, cho nên lược bỏ chữ Khế [trong Khế Kinh].

(Sao) *Cổ trực thủ Kinh tự, nhi gia dĩ Khế.*

(鈔) 故直取經字，而加以契。

(Sao: Nên lấy ngay chữ Kinh, thêm vào chữ Khế).

Khi phiên dịch thì đối với chữ Tu Đa La mới dịch thành Khế Kinh.

(Sao) 竊 xưng tối vi doãn đáng.

(鈔) 古稱最為允當。

(Sao: Cách gọi theo lối cổ là thích đáng nhất).

Thời cổ dùng danh xưng Khế Kinh để dịch chữ Tu Đa La, mọi người công nhận cách dịch ấy hết sức thích đáng.

(Sao) 赫, Thường giả, cổ kim bất dịch. Pháp giả, cận viễn đồng tôn.

(鈔) 又常者，古今不易。法者，近遠同尊。

(Sao: Lại nữa, Thường là xưa nay chẳng thay đổi. Pháp là xa gần cùng tôn trọng).

Đây là giải thích hai ý nghĩa Thường và Pháp. Dùng hai chữ Thường và Pháp có thể bao quát bốn ý nghĩa của [kinh điển] Trung Quốc (tức là Thường, Pháp, Kinh, Điển), Kinh và Điển có thể gộp trong hai chữ này. Thường là xưa nay chẳng đổi, đó là Thường, đó là “*thường đạo*” (đạo thường hằng). Căn bản của văn hóa Trung Quốc luân thường, Luân (倫) là tổ chức luân lý. [Do có] Ngũ Luân nên quan hệ giữa con người với nhau vô cùng mật thiết. Ngũ Luân bắt đầu từ vợ chồng, vợ chồng sống chung một nhà, tối thiểu là chung một phòng, ngoài phòng là gia đình. Trong gia đình có cha con, anh em. Bên ngoài nhà là xã hội, quốc gia và xã hội. Trong quốc gia có vua tôi, bằng hữu. Nói “*quân thần*” thì “*quân*” (君) là người lãnh đạo, “*thần*” (臣) là người bị lãnh đạo. Chúng ta làm mọi chuyện trong xã hội, thì cấp trên của quý vị là Quân, quý vị là Thần. Nếu quý vị làm một ông chủ nhỏ thì quý vị là Quân, nhân viên của quý vị là Thần. Do vậy, chữ Quân không nhất định chỉ đế vương, trong xã hội có mối quan hệ giữa trưởng quan (cấp trên) và bộ thuộc (nhân viên, thuộc hạ); “*bình bôi*” (bằng vai phải lứa) là quan hệ bạn bè. Tổ chức xã hội Trung Quốc là xã hội Ngũ Luân. Thời cổ, Trung Quốc không có hai chữ “*đoàn kết*” vì bản thân Ngũ Luân đã là đoàn kết. “*Tứ hải chi nội giai huynh đệ*” (trong bốn biển đều là anh em). Bạn của bạn bè, hàng xóm của

xóm giềng, mở rộng ra là một quốc gia; quốc gia dân tộc đích xác là một chính thể.

Ngũ Luân là tổ chức, duy trì Ngũ Luân bằng Ngũ Thường, đây là thường đạo. “*Thường*” là một tiêu chuẩn làm người của người Hoa, tức tiêu chuẩn đạo đức, Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Nhân Từ là từ mình bèn nghĩ đến người, hễ nghĩ đến ta bèn cũng nghĩ tới người khác. Do vậy, chữ Nhân là chữ Hội Ý³². Nhân (仁) là hai người, tức là khi quý vị nghĩ đến mình thì cũng phải nghĩ tới người khác, suy từ mình mà nghĩ đến người khác, đó là Nhân. Nghĩa (義) là trọn hết nghĩa vụ, chẳng bàn tới quyền lợi. Chúng ta là địa vị gì, mang thân phận gì, nên làm chuyện gì, đều phải tận tâm tận lực thực hiện tốt đẹp, trọn hết nghĩa vụ. Lễ (禮) là có chừng mực, chẳng quá lộ, mà cũng chớ nên dễ dãi, xã hội sẽ có trật tự, mọi người đều yên tâm, Lễ có thể an tâm. Trí (智) là lý trí, hoàn toàn tương đồng với chủ trương của Phật pháp, xử sự, đãi người, tiếp vật phải dùng lý trí. Tín (信) là đáng tin cậy, đây là đạo đức cơ bản. Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín là Ngũ Thường, là thường đạo! Xưa nay, trong ngoài nước, vĩnh viễn chẳng thể thay đổi, ai nấy đều phải tuân thủ.

Sách Lễ Ký ghi: “*Nhân khí thường, tắc yêu hưng*” (con người vứt bỏ lễ thường, ắt yêu quái dấy lên). Thường là gì? Chính là năm điều ấy, tức Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, chúng ta thấy đều từ bỏ, cũng không nói tới, yêu ma quỷ quái trên thế giới này thấy đều xuất hiện, vì sao? Vì yêu ma quỷ quái chẳng bàn tới Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Con người nhất định phải nói tới Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, nay chúng ta gọi [năm điều này là] “*nhân cách*”. Nhân cách là tư cách làm người, tư cách làm người là gì? Chính là năm điều ấy. Nếu không có năm điều ấy, sẽ thiếu tư cách làm người! Thiếu tư cách làm người, hiện thời vẫn mang hình dáng con người, nhưng quý vị một hơi thở ra không hít vào được sẽ đi vào tam ác đạo, chẳng thể được làm thân người nữa! Nếu quý vị muốn đời sau còn được làm thân người, quý vị hãy khéo giữ gìn nhân cách, Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Muốn sanh lên trời, phải tăng cường năm điều kiện ấy, phải tu Thập Thiện Nghiệp Đạo mới có thể sanh thiên, tư cách của thiên phải cao hơn con người.

³² Hội Ý là một trong cách sáng tạo chữ Hán thời cổ, thường là ghép hai chữ đơn độc để tạo thành một chữ mới. Chẳng hạn chữ Tửu (酒: rượu) là do chữ Dậu (酉: cái bình sành để ủ rượu) và chữ Thủy (水) hợp thành. Chữ Hảo (好) do Nữ (女) và Tử (子) ghép lại, hàm ý, người đàn bà có con là chuyện tốt đẹp.

“*Pháp giả, cận viển đồng tôn*” (Pháp là xa gần cùng tôn trọng), “*tôn*” là tôn trọng, mà cũng có thể hiểu là tuân thủ, đó là Pháp, tức phép tắc, giống như pháp luật của quốc gia, trên cả nước phải cùng nhau tuân thủ. Pháp do cổ thánh tiên hiền đã lập, đích xác chẳng hạn chế trong một nước, một dân tộc, mà có thể nói: Đối với các phép tắc do tổ tiên đã lập, hết thảy các quốc gia, dân tộc đều phải tuân thủ, vì sao? Quý vị tuân thủ thì quốc gia của quý vị sẽ ổn định lâu dài, thiên hạ thái bình. Hiện thời, chính phủ đang nói tới chuyện an hòa lợi lạc. Nếu thật sự muốn đạt tới an hòa lợi lạc, nhất định phải tuân thủ. Quý vị giữ đúng pháp của các bậc thánh hiền, sẽ thành công. Phật pháp có phạm vi càng lớn hơn nữa, đối tượng của nó là trọn hết hư không khắp pháp giới, chẳng hạn chế trong quả địa cầu này! Quý vị giữ vững những phép tắc ấy của Phật thì sẽ có thể thành Phật, có thể thành Bồ Tát, lợi ích ấy các pháp thế gian trọn chẳng thể sánh được.

(Sao) Thường tắc cửu nhi hành chi.

(鈔) 常則久而行之。

(Sao: Thường là đã được thực hành từ lâu).

“*Thường*” là vượt thời gian. Thánh nhân lập pháp quả thật rất lỗi lạc. Trong quá khứ, tiên sinh Phương Đông Mỹ đã bảo tôi rất nhiều lần, cụ nói suốt một đời cụ, đọc sách cụ bội phục Châu Lễ nhất. Khi ấy, cụ khuyên tôi xem, nhưng tôi chẳng xem. Hiến pháp đời Châu do Châu Công³³ chế định. Tại Trung Quốc, triều đại nhà Châu có lịch sử dài nhất,

³³ Châu Công, tên thật là Cơ Đán, con trai thứ tư của Cơ Xương (Châu Văn Vương), em trai của Bá Ấp Khảo (bị Trụ Vương giết), Cơ Phát và Quán Thúc Tiên, nên còn gọi là Thúc Đán, hoặc ghép thành Châu Công Đán, hoặc Lỗ Châu Công (do được phong đất ở nước Lỗ). Khi Cơ Phát (Châu Vũ Vương) hưng binh diệt Trụ, Cơ Đán làm quan, giúp anh ổn định triều chánh, phát triển quân đội nhà Châu. Khi Châu Vũ Vương bệnh nặng, Cơ Đán đã lập đàn tế trời, xin chết thay anh. Khi Cơ Phát sắp mất, đã ủy thác Cơ Đán phụ chánh phò tá thái tử Cơ Tụng (Châu Thành Vương) còn nhỏ lên ngôi vua. Ông đã giúp vua dẹp tan nội loạn (do ba người em là Quán Thúc Độ, Hoắc Thúc Xử và Sái Thúc Tiên gây loạn, toan giúp Vũ Canh khôi phục nhà Thương). Ông định ra năm bậc quan chức: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam, lập đẳng cấp trong xã hội, phong đất cho những công thần như phong đất Tề cho Khương Tử Nha, lập ra quy định cha chết truyền ngôi cho con trưởng để tránh tranh giành quyền lực, quy định lễ nhạc như tang phục, ngũ lễ, tam tông, tứ đức v.v... Khi Thành Vương đã lớn, ông trao lại quyền hành, viết những bức thư cảnh tỉnh Thành Vương khi vua nghe lời gièm pha nghi ngờ lòng trung của ông. Hậu thế tôn xưng ông bằng nhiều danh hiệu; đời Tống

tám trăm năm! Bất luận triều đại nào của Trung Quốc, chẳng có triều đại nào lâu dài như vậy. Đáng tiếc là con cháu đời sau của triều đình nhà Châu chẳng làm đúng với hiến pháp. Nếu làm đúng hiến pháp, thật sự là ngàn năm vạn đời chẳng thể vong quốc! Phương tiên sinh bảo tôi: Xưa nay, trong ngoài nước, hiến pháp của mỗi quốc gia, dân tộc đều chẳng hoàn thiện bằng Châu Lễ, quả thật là tuyệt diệu! Về sau, tôi học Phật, chẳng học những chuyện ấy, cho nên cũng chẳng đọc [Châu Lễ], nhưng lời thầy nói với tôi đã tạo thành ấn tượng vô cùng sâu đậm, cụ nói: “Tác phẩm ấy của Châu Công đúng là một bộ hiến pháp vô cùng hoàn mỹ”. Đó là Thường, có thể thật sự vượt thoát thời gian lẫn không gian.

(Sao) Hữu cộng diêu nghĩa, tức danh vi Kính.

(鈔) 有共繇義，即名為逕。

(Sao: Lại còn có ý nghĩa là đường lối, duyên do chung, nên gọi là Kính).

Kính (逕) là con đường, là nơi mọi người cùng đi. Diêu (繇) là “do” trong “căn do” (根由). Đức Phật thành đạo, Bồ Tát thành đạo đều vì nhân duyên và nguyên nhân ấy. Chúng ta tu học nếu dùng nguyên nhân này, đương nhiên cũng có thể thành tựu. Nếu hiểu [Kính] có nghĩa là đường nẻo thì cũng hợp lý, người ta đi theo con đường ấy có thể thành Phật, có thể thành Bồ Tát, nay chúng ta cũng đi theo đường này, nhất định cũng có thể thành Phật, thành Bồ Tát, mang ý nghĩa này. Chúng ta thuộc thời cận đại, thời cổ lại càng chẳng cần phải nói. Quý vị xem Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện, nhìn vào những người vãng sanh trong thời cận đại, hãy nên giác ngộ. Do con đường Niệm Phật thật sự có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là giả. Những người đó dùng phương pháp này, họ thành công; nay chúng ta noi theo con đường này để đi, nhất định cũng có thể thành công, quyết định đừng nên hoài nghi.

Gần đây nhất, chúng tôi in ba thứ bản dịch của kinh Di Đà, chư vị hãy nên nghiên cứu kỹ càng, chắc chắn sẽ chẳng hoài nghi kinh A Di Đà. Quý vị đọc bản dịch của Huyền Trang đại sư, đọc bản hội tập của cư sĩ Hạ Liên Cư, ý nghĩa hết sức rõ ràng, sẽ hiểu chúng ta phải biết cách đọc như thế nào, cách tu ra sao? Vì bản chúng ta thường niệm là bản dịch của Cư Ma La Thập đại sư, Ngài dịch đơn giản, có khá nhiều ý nghĩa trong ấy,

Chân Tông đã truy tặng ông là Văn Hiến Vương, đời sau gọi ông bằng danh hiệu Nguyên Thánh.

nhưng do văn tự giản lược, chúng ta nhìn không ra. Thí dụ như “*A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp*” (từ khi A Di Đà Phật thành Phật đến nay là mười kiếp), kiếp có đại kiếp, trung kiếp, tiểu kiếp, rốt cuộc là kiếp nào? Bản dịch của Huyền Trang đại sư nói rõ là mười đại kiếp, chẳng phải tiểu kiếp. Bản của La Thập đại sư ghi “*nhất tâm bất loạn*”, chúng ta cảm thấy rất khó khăn. Bản của Huyền Trang đại sư không viết như vậy, Ngài bảo chúng ta hãy “*chuyên tâm hệ niệm*”, tức là quý vị chuyên tâm niệm Phật, tới lúc lâm chung, Phật đến tiếp dẫn, Phật lực gia trì, khiến quý vị đắc nhất tâm bất loạn, điều này dễ dàng, ngay lập tức chúng ta an tâm, đúng là tuyệt diệu chẳng thể diễn tả được!

Bản dịch của La Thập đại sư văn phong rất lưu loát, chúng ta đọc bản dịch ấy rất thoải mái, giống như đọc Quốc Văn của Trung Quốc. Bản dịch của Huyền Trang đại sư đọc rất trúc trắc, vì Ngài chiếu theo văn bản Ấn Độ để dịch thẳng ra, rất nhiều cách hành văn, cú pháp chúng ta không quen thuộc lắm, đọc lên chẳng cảm thấy trôi chảy, thông suốt, nhưng ý nghĩa vô cùng hoàn chỉnh. Ngài chiếu theo nguyên văn dịch từng câu một, chẳng sót một ý nghĩa nào! Xét theo ý nghĩa, pháp sư Huyền Trang dịch rất hay, nhưng xét theo văn tự trôi chảy, thông suốt, bản dịch của pháp sư La Thập hay hơn. Cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập hai bản ấy, vừa muốn văn chương tốt đẹp, vừa muốn ý nghĩa hoàn chỉnh. Lần này, tôi mang bản ấy từ Mỹ về, chúng tôi in lại để lưu thông, cúng dường mọi người, mong mọi người tăng trưởng tín tâm, mọi người đều có thể vãng sanh trong một đời này. Nay ở trong hội này, tương lai tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta lại mở đại hội, thường ở cùng một chỗ.

(Sao) Pháp tắc quĩ nhi chánh chi. Hữu định cứ nghĩa, tức danh vi Điển.

(鈔) 法則軌而正之。有定據義，即名為典。

(Sao: Pháp là đường lối chánh đáng. Do [Kinh] mang ý nghĩa “là chứng cứ nhất định” nên gọi là Điển).

“*Hữu định cứ nghĩa*” là có [chứng cứ] xác định, có thể lấy nó làm bằng chứng. Giống như pháp luật trong hiện thời, mọi người có tranh chấp, bèn dùng điều gì làm tiêu chuẩn để so sánh ai phải, ai trái? Có pháp luật để làm tiêu chuẩn, pháp luật còn gọi là “*pháp điển*”.

(Sao) Diệc nhị túc cai tứ.

(鈔) 亦二足該四。

(Sao: Cho nên hai chữ đủ để gồm trọn bốn ý nghĩa).

Dùng hai chữ Thường và Pháp có thể gồm trọn Kinh và Điển.

(Sao) Tắc bỉ phương Quán Nhiếp, thử phương Thường Pháp, hợp nhi ngôn chi, tứ tự chi trung, tận Kinh nghĩa hĩ.

(鈔)則彼方貫攝，此方常法，合而言之，四字之中，盡經義矣。

(Sao: Cho nên hai chữ Quán và Nhiếp của phương kia và Thường Pháp của phương này, hợp lại để nói thì bốn chữ sẽ [bao gồm] trọn hết ý nghĩa của chữ Kinh).

Từ xưa tới nay, các vị đại đức chú kinh, giảng kinh, hễ giải thích chữ Kinh này, thông thường đều dùng bốn chữ Quán, Nhiếp, Thường, Pháp để giải thích. Ở đây, giảng khá tỉ mỉ, nêu ra nguồn gốc của bốn chữ này. Quán Nhiếp là cách người Ấn Độ [dùng để] bao quát khá nhiều ý nghĩa của chữ Kinh trong hai chữ này. Bốn ý nghĩa [kinh điển] của Trung Quốc cũng có thể được khái quát bởi Thường Pháp. Vì thế, dùng Quán, Nhiếp, Thường, Pháp để bao gồm trọn hết.

(Sớ) Hựu Kinh phục hữu thông biệt nhị nghĩa, Kinh chi nhất tự, thị vi thông danh, Phật Thuyết A Di Đà ngũ tự, thị vi biệt danh.

(疏)又經復有通別二義，經之一字，是為通名；佛說阿彌陀五字，是為別名。

(Sớ: Lại nữa, kinh lại có hai nghĩa Thông và Biệt, một chữ Kinh là tên chung (thông danh), năm chữ Phật Thuyết A Di Đà là tên riêng).

Biệt là chẳng giống với bộ [kinh luận] khác, đó là Biệt. Thông là cùng chung với các bộ khác, đó là Thông. Kinh là Thông Danh (tên chung). Hễ là kinh tụng đều gọi là Kinh, như kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa, kinh Kim Cang, sau mỗi danh xưng đều có chữ Kinh; nhưng [phân danh xưng riêng biệt] như Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, kinh khác chẳng dùng danh xưng ấy, chỉ có một bộ này! Phật Thuyết A Di Đà cũng chỉ có bộ kinh này dùng danh xưng này, bộ khác không có, nên gọi là Biệt Đề (đề mục riêng). Nhưng kinh dùng danh hiệu A Di Đà [để đặt tên] thì trừ bộ này ra còn có kinh Vô Lượng Thọ cổ nhân cũng dịch là A Di Đà Kinh. [Thành ra] kinh A Di Đà có hai loại, bắt đầu dĩ thêm chữ Đại

[để phân biệt], Đại A Di Đà Kinh chính là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ và kinh này cùng bộ. Nói rõ tỉ mỉ là kinh Vô Lượng Thọ; nói đơn giản, tóm tắt, giới thiệu đơn giản là bộ kinh này. Hai bộ kinh này có nội dung hoàn toàn tương đồng, đều có thể gọi là A Di Đà Kinh, mà cũng đều có thể gọi là Vô Lượng Thọ Kinh.

(Sớ) Như giáo, hành, lý, thông, biệt diệc nhĩ.

(疏) 如教行理通別亦爾。

(Sớ: Đối với Giáo, Hành, Lý cũng có Thông và Biệt giống như vậy).

Kinh có Giáo kinh, có Hành kinh, có Lý kinh; trong Giáo, Hành, Lý cũng có Thông và Biệt. Thông là chung với những bộ khác, thông với các pháp môn khác, Biệt là chẳng giống những pháp môn khác. Giáo là sự giáo học của Phật, Hành là tu hành, Lý là căn cứ lý luận của giáo học tu hành. Những kinh này cũng có Thông và Biệt.

(Sớ) Thử tam tức phối tam đức, viên dung cụ túc.

(疏) 此三即配三德，圓融具足。

(Sớ: Ba điều này (Giáo, Hành, Lý) chính là phối hợp với Tam Đức, viên dung trọn đủ).

Tam Đức là Pháp Thân, Bát Nhã, và Giải Thoát, được gọi là Tam Đức Bí Tạng.

(Sớ) Như Thiên Thai sở xưng, văn thủ đề danh, công đức vô lượng.

(疏) 如天台所稱，聞首題名，功德無量。

(Sớ: Như ngài Thiên Thai đã ca ngợi: Nghe tựa đề của kinh, công đức vô lượng).

“Thủ đề danh” chính là tên của bộ kinh. Nghe tên kinh có vô lượng vô biên công đức, tông Thiên Thai nói như vậy. Chính vì tông Thiên Thai nói như vậy, cho nên người Nhật chẳng niệm Phật, mà niệm “*Nam-mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*” tức là niệm tựa đề kinh³⁴, hễ nghe tựa đề kinh,

³⁴ Đây là quan điểm của Nhật Liên (Nichiren, sáng tổ phái Nhật Liên Tông, tức Tân Pháp Hoa Tông). Nhật Liên tự xưng mình là Thượng Hạnh Bồ Tát tái lai để giảng dạy chính xác kinh Pháp Hoa, và coi quan điểm của tông Thiên Thai của Trí Giả đại sư chỉ là pháp quyền biến thị hiện, giáo pháp của ông ta mới là chân chánh hiểu đúng chân

công đức bèn vô lượng vô biên. Nhưng nếu chẳng hiểu ý nghĩa của tựa đề kinh, sẽ chẳng có công đức; lấy đâu ra công đức? Chẳng sanh ra được! Do vậy, nhất định phải hiểu rành rẽ tựa đề kinh thì tựa đề kinh sẽ có vô lượng công đức. Người Nhật niệm “*Nam-mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*” tức là niệm uổng công. Cách niệm ấy chẳng phải là không có công đức, thật sự có công đức; nhưng họ niệm không có công đức, ta niệm có công đức. Vì sao? Họ chẳng hiểu được ý nghĩa trong tựa đề. Họ niệm, tâm và miệng chẳng tương ứng. Tâm, miệng, hạnh tương ứng sẽ có vô lượng vô biên công đức. Do vậy, chẳng bằng niệm một câu A Di Đà Phật. Vì quý vị chẳng liễu giải A Di Đà Phật, nhưng thành tâm thành ý niệm sẽ có công đức; niệm “*Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*” phải thông đạt ý nghĩa trong tựa đề mới có công đức.

Trong quá khứ, tôi đã giảng đại ý kinh Pháp Hoa ở chỗ này, giảng “*Quyền Thật thập diệu*”, chữ “*Diệu*” có hai mươi ý nghĩa: Quyền Diệu có mười ý nghĩa, Thật Diệu có mười ý nghĩa; chúng tôi tốn rất nhiều thời gian giảng tựa đề kinh Diệu Pháp Liên Hoa mà vẫn là nói đại lược! Nếu nói tỉ mỉ thì Thiên Thai đại sư “*cửu tuần đàm diệu*”, tức là mỗi ngày giảng tám tiếng đồng hồ, giảng suốt chín mươi ngày mới giảng xong chữ Diệu! Bộ sách Pháp Hoa Huyền Nghĩa Thích Thiêm in bìa cứng dày như thế, gồm ba cuốn to. Ba cuốn sách to vốn để giảng điều gì? Chính là Thiên Thai đại sư thuở trước đã bỏ ra chín mươi ngày giảng chữ “*Diệu*” thành ba cuốn sách to như thế đó! Nếu chúng tôi chiếu theo ba cuốn sách to ấy để giảng, giảng ba năm vẫn chưa xong, đương nhiên là vô lượng công đức;

nghĩa của kinh Pháp Hoa. Ông ta còn kịch liệt chủ trương đả phá các tông phái khác, tuyên giảng chỉ có Nhật Liên Tông của ông ta mới là chánh pháp chân truyền, đặc biệt đả kích Thiên, Tịnh Độ và Mật Tông. Ông ta chủ trương niệm đề kinh Pháp Hoa gọi là Daimoku (đề mục), không thờ Phật mà thờ Gohonzon (御本尊: Ngự bản tôn), tức Nam-mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh ở chính giữa, chung quanh đề các danh hiệu các vị Phật, Bồ Tát được nhắc tới trong kinh Pháp Hoa (trừ A Di Đà Phật vì ông ta đả kích Tịnh Độ), và Tứ Thiên Vương. Điều đặc biệt là tuy đả kích Mật Tông thậm tệ, trong Gohonzon vẫn ghi tên hai vị Minh Vương quan trọng trong Mật Tông là Ái Nhiễm Minh Vương và Bất Động Minh Vương. Quan điểm của Nhật Liên về các tông phái khác được người Nhật gọi là “*Shika no kakugen*” (四箇の格言: Tứ Cá Cách Ngôn) như sau: “*Niệm Phật vô gián, Thiên thiên ma, Chân Ngôn vong quốc, Luật quốc tặc*”. Theo cách giải thích của Sáng Giá Học Hội (Soka Gakkai, đoàn thể Nhật Liên Tông tại gia lớn nhất của Nhật), điều đó có nghĩa là: “*Niệm Phật sẽ đọa địa ngục vô gián, Thiên là sáng chế của các thiên ma, Chân Ngôn tông phá hủy đất nước, Giới Luật là kẻ phản bội quốc gia*”.

nhưng người Nhật chẳng hiểu, coi [tựa đề kinh] như thân chú để niệm, vô ích, miệng có, tâm không, chẳng có tí hữu dụng nào!

(Sớ) Nhược phối Tam Đại, tức Phật thị Thể Đại, Vô Lượng Thọ thị Tướng Đại, Vô Lượng Quang thị Dụng Đại, như giáo trung thuyết.

(疏)若配三大，則佛是體大，無量壽是相大，無量光是用大，如教中說。

(Sớ: Nếu phối hợp với Tam Đại thì Phật là Thể Đại, Vô Lượng Thọ là Tướng Đại, Vô Lượng Quang là Dụng Đại, như trong giáo đã nói).

Đoạn này được giải thích tỉ mỉ trong lời Sao, nhưng ngày hôm nay đã hết thời gian rồi, lần sau chúng ta sẽ thảo luận cặn kẽ: Phối hợp với Tam Đại ra sao? Phối hợp với Tam Đức như thế nào? Vì nếu hiểu rõ ý nghĩa tựa đề kinh, sau này, quý vị niệm một câu A Di Đà Phật, công đức sẽ vô lượng; so với quý vị niệm A Di Đà Phật trước đây, ý nghĩa khác nhau. Nếu quý vị hiểu ý nghĩa của Nam-mô A Di Đà Phật, quý vị sẽ niệm chẳng mệt mỏi, sẽ niệm đầy hứng thú, sẽ niệm phấn chấn tinh thần. Tinh thần chẳng khá, niệm mấy câu Phật hiệu, tinh thần bèn phấn chấn, thật sự có đại tác dụng như thế. A! Chúng ta niệm Phật hồi hướng.

Tập 97

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm tám mươi một:

(Sao) Giáo Hành Lý giả, bốn Lý lập Giáo, y Giáo tu Hành, tòng Hành hiển Lý, chư kinh giai cụ Giáo Hành Lý tam, cổ danh vi Thông.

(鈔)教行理者，本理立教，依教修行，從行顯理，諸經皆具教行理三，故名為通。

(Sao: “Giáo, Hành, Lý”: Vốn dựa trên Lý để lập Giáo, nương theo Giáo để tu hành, từ tu hành mà hiển Lý. Các kinh đều trọn đủ ba món Giáo, Hành, Lý, nên gọi là Thông).

Những điều được nói trong mấy câu này cũng là những ý nghĩa trọng yếu trong tựa đề kinh. Hết thấy các kinh Phật, bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, nhất định trọn đủ ba ý nghĩa “*Giáo, Hành, Lý*”. Có ba điều ấy thì mới thấy rõ chỗ khác biệt giữa kinh Phật và sách vở thế gian. Nay chúng ta gọi Giáo là sách giáo khoa. Thuở Phật tại thế không có sách, cũng chẳng có giảng nghĩa, đó gọi là “*dĩ âm thanh vi Phật sự*” (dùng âm thanh để làm Phật sự), lời Phật giảng diễn là Giáo. Đời sau kết tập kinh điển, bèn gọi [kinh điển] là Giáo, giống như đức Phật nói bộ kinh A Di Đà này chính là Giáo, những điều do đức Phật đã nói là Giáo. Trong ấy, nhất định có đạo Lý, lý luận trong kinh ấy là gì? Những gì là cách tu hành trong kinh ấy? Tựa đề bản kinh này do La Thập đại sư dùng thiện xảo phương tiện nhất để chọn lựa, lấy danh hiệu của A Di Đà Phật làm đề mục. Thật ra, tựa đề gốc của kinh này là Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh, đó là tên gốc của kinh; nhưng danh hiệu A Di Đà Phật đúng là hết sức kỳ diệu, bốn chữ ấy trọn đủ cả ba món Giáo, Hành, Lý, thật sự tuyệt diệu chẳng thể diễn tả được!

“*Bốn Lý lập Giáo, y Giáo tu Hành*”: Giáo nhất định phải kiến lập từ Lý. Lý là gì? Lý là Chân Như Thật Tướng. Hết thấy các kinh Đại Thừa đều lấy Thật Tướng làm Thễ, trong phần trước, chúng ta đã thảo luận [điều này]. Trong phần đầu bộ Sớ Sao, Liên Trì đại sư sử dụng Thập Môn Khai Khải [để thảo luận thể tánh của kinh này], giảng hết sức tỉ mỉ. Phật từ Chân Như bốn tánh lưu lộ giáo học, mà cũng từ chân tánh lưu lộ hết thấy các kinh. Hết thấy các kinh lưu lộ từ chân tánh. Chân tánh là Lý, Chân Như bốn tánh là Lý, nương vào Lý ấy để kiến lập giáo học. “*Y giáo tu*

hành”, nói theo ý nghĩa thông thường sẽ là nương theo Văn Tự Bát Nhã, kinh điển là văn tự, là sách giáo khoa, chúng ta phải nương theo lý luận và phương pháp trong sách giáo khoa để tu hành, tu gì vậy? Khôi phục tự tánh của chúng ta, tu điều này, chẳng phải điều nào khác, khôi phục tự tánh mà thôi! Trong tự tánh có Pháp Thân, Giải Thoát, Bát Nhã. Giáo Hạ thiên trọng Bát Nhã, tức là nương vào Văn Tự Bát Nhã để tu Quán Chiếu Bát Nhã, nương theo lý luận và phương pháp ấy để tu hành.

Tu hành phải có mục tiêu, mục tiêu ấy là gì? Là “*tùng Hành hiển Lý*” (do Hành mà hiển Lý), Hành là tu hành. Nói thật ra, Hiển là hiển lộ Chân Như bản tánh, Thiên gia nói là “*minh tâm kiến tánh*”. Minh tâm kiến tánh là hiển lộ Lý. Thiên nhằm mục đích minh tâm kiến tánh, Giáo Hạ vẫn nhằm mục đích minh tâm kiến tánh, chúng ta niệm Phật cũng không ngoài minh tâm kiến tánh. Niệm tới Lý nhất tâm bất loạn bèn minh tâm kiến tánh. Có thể thấy bất luận tông nào, phái nào, tuy phương pháp, kỹ xảo khác biệt, có các cách [tu tập] sai khác, nhưng mục tiêu là nhất trí, chỗ để đạt tới hoàn toàn tương đồng. Vì thế mới nói pháp môn vô nhị, pháp môn bình đẳng, mới nói ra ý nghĩa này. “*Chư kinh giai cụ Giáo, Hành, Lý tam*” (các kinh đều đủ ba món Giáo, Hành, Lý), hết thấy các kinh đều đầy đủ ba yếu tố này. Đó là Thông Đề, hết thấy các kinh phải trọn đủ ba ý nghĩa này. Tiếp đó, [chuyên] nói về kinh [A Di Đà] này:

(Sao) Chuyên chỉ thử kinh, tác Phật Thuyết thị Giáo.

(鈔) 專指此經，則佛說是教。

(Sao: Chuyên nói về kinh này, thì Phật Thuyết là Giáo).

Trong tựa đề kinh thì Phật Thuyết là Giáo.

(Sao) Chấp trì danh hiệu thị Hành, A Di Đà thị Lý.

(鈔) 執持名號是行，阿彌陀是理。

(Sao: Chấp trì danh hiệu là Hành, A Di Đà là Lý).

Giáo là A Di Đà, chấp trì danh hiệu (Hành) vẫn là A Di Đà, Lý được chứng đắc vẫn là A Di Đà; do vậy, A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn. Trong những kinh điển khác, mỗi chuyện đều có thể phân biệt, nhưng kinh này rất lạ lùng: Một câu A Di Đà Phật có đủ các ý nghĩa ấy (Giáo, Hành, Lý), thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Trong kinh Vô Lượng Thọ, mỗi chuyện đều [tách bạch] rõ rệt; nhưng kinh này hết sức lạ lùng, đặc biệt, A Di Đà Phật dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Lượng Giác. Vô Lượng Giác là tự

tánh của chúng ta. Nói cách khác, [A Di Đà Phật] là danh hiệu của tự tánh. Danh hiệu Phật đồng thời cũng là danh hiệu của tự tánh; do vậy, nó là Lý, chúng ta niệm Phật phải chứng, chứng gì? Phải đích thân chứng đắc A Di Đà.

(Sao) Cục thử dị dư, cố danh vi Biệt.

(鈔) 局此異餘，故名為別。

(Sao: Hạn cuộc trong kinh này thì [trong tựa đề kinh] có chỗ khác biệt với những kinh khác, nên gọi là Biệt).

“Cục thử”: Chữ “thử” (此) chỉ kinh này, bộ kinh này không giống những kinh khác, những kinh khác chẳng lấy A Di Đà làm tên kinh.

(Sao) Phối Tam Đức giả, Lý tức Pháp Thân, Giáo tức Bát Nhã, Hành tức Giải Thoát.

(鈔) 配三德者，理即法身，教即般若，行即解脫。

(Sao: Phối hợp với Tam Đức thì Lý là Pháp Thân, Giáo tức Bát Nhã, Hành tức Giải Thoát).

Lý là Pháp Thân, điều này dễ hiểu. Lý là Chân Như Lý Thể, là Thanh Tịnh Pháp Thân của chính chúng ta. Giáo là Bát Nhã; chữ “Bát Nhã” chỉ hết thảy các kinh điển do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, thường gọi là Văn Tự Bát Nhã. Từ Văn Tự cho tới Quán Chiếu Bát Nhã vẫn thuộc về Giáo. Trong mùa Đông năm nay, chúng tôi sẽ tổ chức đại chuyên giảng tòa, giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, trong ấy sẽ đặc biệt giảng về quán chiếu, [giảng theo] chú giải của Thiên Thai đại sư, phải từ Lục Tức Phật để giảng, từ Danh Tự Tức, Quán Hạnh Tức, Tướng Tự Tức, Phần Chứng Tức cho đến Cứu Cánh Phật, chúng ta sẽ lại thảo luận cặn kẽ vấn đề này.

Hành là Giải Thoát. Nói thật ra, Hành là hành vi sinh hoạt. Hiện thời, hành vi sinh hoạt của chúng ta chẳng tự tại, thường nói là “chẳng tự do”, chính mình không thể làm chủ, chỗ nào cũng bị bó buộc! Vì sao không thể làm chủ? Vì thiếu trí huệ, hễ có trí huệ sẽ làm chủ được. Hiện thời, chúng ta thiếu trí huệ, bị phiền não không chế, cho nên chúng ta cảm thấy chỗ nào cũng chẳng tự tại! Học Phật phải cầu trí huệ, Phật pháp chẳng cầu chi khác, quý vị nhất định phải nhớ điều này! Phật pháp nhằm cầu trí huệ, có trí huệ thì vấn đề gì cũng đều có thể giải quyết. Do vậy, Phật pháp là phương pháp trí huệ, Phật học là học vấn trí huệ. Các đồng tu phải lưu ý điều này!

Ngày hôm qua, chúng ta có hội giảng diễn; giảng diễn xong, có một người đến hỏi tôi nhiều vấn đề. Nghe nói ông ta là một giáo sư đại học có tiếng, nhưng những vấn đề ông ta hỏi đều thiếu trí huệ. Chẳng hạn như ông ta nêu ra câu hỏi thứ nhất là: “Nếu người trên thế giới này đều xuất gia hết, chẳng phải là người trên thế giới này đều bị diệt chủng ư?” Tôi hỏi ngược lại ông ta: “Nếu người trên cả thế giới đều làm giáo sư đại học thì vẫn bị diệt chủng, đúng không?” Đều là giáo sư đại học, cũng không có ai cày ruộng, cũng không có ai dệt vải, chẳng phải vẫn là một con đường chết hay sao? Quý vị hãy suy nghĩ thử xem, người trên thế giới này đều có thể xuất gia hết hay chẳng? Có thể đều làm giáo sư đại học hay không? Không thể nào có chuyện ấy! Đây là thiếu trí huệ! Do vậy, trí huệ có thể giải quyết hết thảy vấn đề, trí huệ có thể đem đến cuộc sống tự tại mỹ mãn; đây là giải thoát. Vì thế, hành vi sinh hoạt của người học Phật quả thật là giải thoát tự tại, vì người ấy có Quán Huệ.

(Sao) Hựu Lý thông Hành, Giáo, Pháp Thân tức Bát Nhã, Giải Thoát, nãi chí Hành thông Lý, Giáo, Giáo thông Lý, Hành. Cử nhất tức tam, lệ thượng khả tri.

(鈔)又理通行教，法身即般若解脫，乃至行通理教，教通理行，舉一即三，例上可知。

(Sao: Lại nữa, Lý thông với Hành và Giáo. Pháp Thân tức là Bát Nhã và Giải Thoát; cho đến Hành thông với Lý và Giáo, Giáo thông với Lý và Hành. Nêu một điều sẽ chính là ba, cứ dựa theo trên đây sẽ biết).

Đây là một mà ba, tuy ba mà một, quả thật là như vậy. Pháp Thân là Bát Nhã và Giải Thoát, đó gọi là “toàn tánh khởi tu”, cho nên Lý thông với Hành. “Tánh” là Chân Như bản tánh. Điều này tuy là nói đến Phật pháp cao cấp, tu trì cao cấp, nhưng khi mỗi cá nhân chúng ta tu tập, nhất là pháp môn Niệm Phật, hễ quý vị tu tập sẽ là toàn tánh khởi tu. Tuy toàn tánh khởi tu, nhưng chính quý vị không biết! Người thấu hiểu sẽ biết rõ điều này, nhưng chính quý vị chẳng biết chính mình đang toàn tánh khởi tu. Ở đây, có một điều phải nhận thức rõ ràng: Hiện thời, trước hết, chúng tôi buông cái Tánh ấy xuống, chẳng bàn đến, mà luận về tâm, mọi người sẽ dễ hiểu. Trong tâm suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, khởi tâm vọng tưởng.

Chúng ta vọng niệm gì cũng chẳng có, toàn tâm toàn ý niệm một câu Phật hiệu này, có phải là toàn tâm khởi tu hay không? Trọn chẳng biết tâm là tánh! Nhất là quý vị toàn tâm toàn ý niệm một câu Phật hiệu này,

nếu chẳng phải là tánh thì là gì vậy? A Di Đà Phật là đức hiệu lưu lộ từ tự tánh của Như Lai; nay quý vị dốc toàn bộ cái tâm để niệm Phật hiệu, nếu chẳng phải là toàn tánh khởi tu thì là gì vậy? Vừa niệm Phật, vừa đầy vọng tưởng, sẽ chẳng phải là [toàn tánh khởi tu]. Nếu vọng tưởng gì cũng đều buông xuống, toàn tâm toàn ý niệm Phật, thưa quý vị, đây là toàn tánh khởi tu. Các pháp môn khác chưa chắc là như vậy, nhưng pháp môn Niệm Phật chắc chắn là như vậy, vì sao? Vì một câu Phật hiệu chính là đức hiệu của tự tánh. Vì vậy, quý vị tham thiền, trì chú, không nhất định có thể đạt tới cảnh giới này, nhưng niệm Phật quyết định tương ứng, quyết định là cảnh giới này. Vì thế, pháp này chẳng thể nghĩ bàn. Cái hay của niệm Phật thật sự chẳng thể nói trọn! Thật sự thông đạt, quả thật điều gì cũng đều buông xuống, chúng ta thấy bậc cổ đại đức thông Tông thông Giáo, thuở trẻ học rộng nghe nhiều; về sau, đã học thông suốt, bèn phát hiện thật sự có những thứ tốt đẹp trong pháp môn này, đối với những thứ kém tốt đẹp khác đều chẳng cần nữa, đều gạt bỏ! Vì vậy, tới cuối cùng [các Ngài] nhất tâm nhất ý niệm A Di Đà Phật, biết pháp môn niệm A Di Đà Phật mới là pháp môn bậc nhất trong ngàn kinh vạn luận, những pháp môn khác đều chẳng cần tới nữa!

Nếu chúng ta nhận biết “toàn tánh khởi tu”, tuy là sơ học niệm Phật, nói thật ra, công phu ấy đúng là công phu thượng thừa, là cách tu của các vị đại Bồ Tát. Trong bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã trích dẫn cách nói ấy của cổ nhân, chúng tôi càng nghĩ càng thấy có lý! Pháp môn Niệm Phật này nhằm tiếp dẫn bậc thượng thượng căn; chúng ta vừa nghe [nói như vậy, bèn tự nhủ]: Bậc thượng thượng căn thì chúng ta chẳng có phần, chúng ta là kẻ hạ căn, chính mình cũng chẳng dám gánh vác, rất khiêm hư, rất khách sáo. Tiếp đó, người ta đã nói rất rõ ràng, chỉ cần có thể tin tưởng pháp môn này, chịu phát nguyện vãng sanh, kẻ ấy là bậc thượng thượng căn. Chúng ta nghe lời ấy lại [cảm thấy] như thế nào? Chúng ta nghe xong, suy nghĩ, tin tưởng, thật sự phát nguyện, đó chính là bậc thượng thượng căn. Kẻ căn cơ trung hạ nghe xong sẽ hoài nghi, chẳng tin tưởng, chẳng chịu cầu sanh Tịnh Độ, chẳng chịu niệm Phật. Đó là kẻ căn cơ trung hạ!

Do vậy, “thượng thượng căn” tuyệt đối chẳng phải là nói về kẻ thông minh tài trí, mà là nói tới người trọn đủ Tín, Nguyện, Hạnh; chỉ cần quý vị trọn đủ ba điều kiện ấy, sẽ là bậc thượng thượng căn. Thượng thượng căn như vậy được mười phương chư Phật, Bồ Tát thừa nhận là hạng thượng thượng căn; [cách nói ấy] rất có lý, vì sao? Vì người ấy sẽ vãng sanh trong một đời này, vãng sanh là thành Phật. Nếu người này

chẳng gọi là thượng thượng căn, ai mới xứng là thượng thượng căn? Kẻ thông Tông thông Giáo vẫn phải luân hồi trong sáu nẻo, vẫn chẳng thể thoát khỏi tam giới trong một đời này, làm sao coi là thượng thượng căn cho được? Vì thế, nghĩ ra, lời cổ đức nói có lý lắm, chẳng phải là vô lý! Sau đây, chúng ta suy nghĩ: Có nhiều bà cụ niệm Phật vãng sanh trong một đời, đúng là bậc thượng thượng căn. Chúng ta tự nghĩ mình thông minh tài trí ghê gớm lắm; so ra, thua kém những người ấy! Người ta có thể thành Phật, còn chúng ta sống cả đời rồi vẫn luân hồi trong lục đạo. Đây là nói “*Pháp Thân chính là Bát Nhã và Giải Thoát*”. Chiếu theo Lý này để suy luận, Bát Nhã cũng là Pháp Thân và Giải Thoát, Giải Thoát cũng là Pháp Thân và Bát Nhã; một chính là ba, ba chính là một!

“*Nãi chí Hành thông Lý, Giáo, Giáo thông Lý, Hành*” (cho đến Hành thông với Lý và Giáo, Giáo thông với Lý và Hành): Giáo là văn tự, văn tự tánh Không, đó là Thật Tướng, giống như kinh Kim Cang đã nói: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Quý vị biết nó là hư vọng, đó chính là Thật Tướng. Tới khi ấy, có thể bảo quý vị: Thật Tướng và hư vọng là một, không hai, quý vị thật sự giác ngộ. Đó gọi là “*dùng vàng chế các vật, món nào cũng đều là vàng*”, chúng tôi dùng tỷ dụ này cho mọi người dễ hiểu. Các món vật là hư vọng, vàng là chân thật, đồ vật có phải là vàng hay không? Đồ vật là vàng; đồ vật hư vọng và vàng chân thật là một, không hai. Hết thấy vạn vật trong vũ trụ là đồ vật, có hình, có tướng. Những thứ có hình có tướng sẽ là tướng hư vọng, Thể của tướng hư vọng là Chân Không. Chân Không là tên gọi khác của bản tánh; nói Chân Không hay nói bản tánh đều là nói về cùng một thứ. Do vậy, văn tự tánh Không là Thật Tướng, là Chân Như bản tánh. Do vậy, “*Giáo thông Lý*”.

Chính vì Giáo và Lý là một, không hai; do vậy, chúng ta chớ nên chấp trước tướng văn tự, đừng nên chấp trước nó. Hễ quý vị chấp trước là trật mắt rồi! Chẳng chấp trước nó, quý vị sẽ thông đạt, đắc tự tại đối với văn tự, đắc Bát Nhã, đắc giải thoát. Nếu quý vị chấp trước nó, sẽ mê, mê nơi văn tự, Giáo cũng chẳng thông, trí huệ cũng chẳng có, Giải Thoát cũng không có, tự tại lẫn trí huệ đều không có. Đó là chết cứng nơi câu văn, chẳng biết văn tự tánh Không, chẳng biết văn tự là Thật Tướng. Mọi người phải chú tâm lãnh hội ý nghĩa này, chớ nên suy tưởng; nếu suy tưởng sẽ nghĩ không ra. Nếu quý vị suy xét, càng nghĩ càng hỏng bét, chớ nên suy tưởng, mà phải lãnh hội. Không thể lãnh hội thì cũng chẳng sao! Niệm A Di Đà Phật là được rồi; quý vị niệm ba năm, sẽ tự nhiên hiểu. Chuyện này rất kỳ diệu, niệm ba năm bèn hiểu. Đúng như [lời Sao] đã viết: “*Cử nhất*

tức tam, lệ thượng khả tri” (Nêu lên một điều chính là ba điều, dựa theo những điều trên đây sẽ có thể suy ra).

(Sao) Thể Tướng Dụng giả.

(鈔) 體相用者。

(Sao: Thể, Tướng, Dụng).

Đây là dùng Tam Đại để xét.

(Sao) Thể giả, tổng thể, ngôn Phật tiện châu, cố Phật vi Thể. Tướng giả, Thể trung sở cụ chi Tướng. Thể vô tận, Tướng diệc vô tận, cố Vô Lượng Thọ vi Tướng. Dụng giả, Thể trung sở phát chi Dụng. Thể vô bất chiếu, Dụng diệc vô bất chiếu, cố Vô Lượng Quang vi Dụng. Nhược thông, nhược biệt đẵng, diệc như thượng lệ.

(鈔) 體者，總體，言佛便周，故佛為體；相者，體中所具之相，體無盡，相亦無盡，故無量壽為相；用者，體中所發之用，體無不照，用亦無不照，故無量光為用。若通若別等，亦如上例。

(Sao: Thể là tổng thể, nói Phật liền trọn đủ. Vì thế, Phật là Thể. Tướng là tướng sẵn đủ trong Thể. Thể vô tận, nên Tướng cũng vô tận. Vì thế, Vô Lượng Thọ là Tướng. Dụng là tác dụng do Thể phát ra. Thể không gì chẳng chiếu, nên Dụng cũng không gì chẳng chiếu. Vì thế, Vô Lượng Quang là Dụng. [Các nghĩa] dù thông, hay biệt cũng đều theo lệ trên đây).

Thể là bản thể. Nói “Phật”, bản thể bền trọn đủ viên mãn, chẳng khuyết thiếu mảy may. “Phật” ở đây, tự nhiên là nói về Pháp Thân Phật. Chúng ta nghe nói Pháp Thân Phật, [chẳng cảm thấy] có vấn đề gì, nhưng Báo Thân và Ứng Thân lại như thế nào? Cũng như vậy ư? Cũng thế! Nhưng ý nghĩa này chẳng dễ hiểu cho lắm, giống như kinh Hoa Nghiêm đã dạy: “Phá nhất vi trần, xuất đại thiên kinh quyển” (phá một vi trần, hiện ra quyển kinh to bằng tam thiên đại thiên), lại nói: “Giới tử nạp Tu Di” (núi Tu Di nhét vào hạt cải), tức là nói một và nhiều chẳng hai, lớn nhỏ như nhau. Nếu hiểu rõ đạo lý này, lẽ đâu Ứng Thân chẳng phải là Pháp Thân? Kinh Hoa Nghiêm nói như vậy. Cuối chương Truyền Hương Sám Hối của Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư đã giảng “nhất thể tam thân”, cũng là giảng rõ ràng, minh bạch ý nghĩa “một tức là ba, ba chính là một” trong kinh Hoa Nghiêm.

Vì thế, đối với chữ “Phật” ở đây, quý vị nói là Pháp Thân, Báo Thân, hay Ứng Thân đều được. Nói “Phật” liền “châu”, “châu” (周) là viên mãn. Nếu nói cái thân này của phàm phu chúng ta [cũng viên mãn] thì có được hay không? Giống hệt! Không hề chẳng trọn khắp! Thánh phàm chẳng hai, chúng sanh và Phật chẳng hai! Do vậy, trong các kinh Hoa Nghiêm, Viên Giác, Niết Bàn cũng có ý nghĩa này: “Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật”. Phật và chúng sanh khác biệt ở chỗ mê hay ngộ, nhưng tự tánh chẳng có mê hay ngộ, Phật Tánh chẳng có mê hay ngộ! Nói thật ra, Thể và Tướng đều không có mê hay ngộ, trong Thể chẳng có mê hay ngộ, trong Tướng cũng chẳng có mê hay ngộ. Mê và ngộ do đâu mà có? Trong Dụng có mê hay ngộ! Thể, Tướng và Dụng là Tam Đại, hai thứ đầu đều chẳng có tướng mê hay ngộ; Phật ngộ, ngộ gì vậy? Ngộ Thể, ngộ Tướng. Lũ chúng sanh chúng ta mê, mê gì vậy? Mê Thể, mê Tướng. Bản thân Thể và Tướng không có mê hay ngộ, cho nên chúng sanh và Phật chẳng hai. Hễ nói tới Phật liền trọn vẹn, tùy tiện nêu ra một pháp nào, nêu ra một pháp sẽ trọn khắp, cho đến nêu ra một vi trần cũng trọn khắp, nhất định phải hiểu ý nghĩa này, đây là nói về bản thể.

Tướng là hiện tướng, Thể nhất định hiện Tướng, chẳng thể nói Thể không có Tướng, quyết định là có Tướng. Hư không cũng có Tướng, hư không cũng là Tướng Phần của Chân Như bốn tánh. Có hình sắc thì chúng ta gọi nó là Tướng; nhưng không có hình sắc vẫn là Tướng, tức là “hư không tướng”. Nói có hình sắc, mọi người dễ hiểu tướng ấy, nhưng nói đến [điều gì] không có hình sắc, chúng ta chẳng hiểu cho lắm. Có sao không có hình sắc mà gọi là Tướng? Nó cũng do tự tánh biến hiện, cũng chẳng rời khỏi tự tánh. Chúng tôi nêu tỷ dụ để nói thì ban đêm quý vị nằm mộng, trong giấc mộng có hư không hay chẳng? Nếu trong mộng chẳng có hư không, quý vị sẽ chẳng thể chuyển động; quý vị muốn hoạt động thì luôn luôn phải có hư không. Hư không trong giấc mộng do đâu mà có? Có phải là do cái tâm của quý vị biến hiện hay không? Có thể thấy hư không cũng do tự tánh biến hiện; hết thấy vạn pháp trong hư không cũng do tự tánh biến hiện. Vì thế, hư không là một thứ thuộc về Tướng Phần của tự tánh. Nó vẫn là Tướng Phần, chẳng thể nào không có tướng, giống như chúng ta nói tới vàng, vàng nhất định có tướng. Quý vị làm thành một cái nhẫn, sẽ có tướng nhẫn; làm thành vòng đeo tay, sẽ có tướng vòng đeo tay. Hết thấy đều chẳng cần tới nữa, ta ép cho những thứ ấy dẹp lép, nó bèn có tướng dẹp lép, kéo dài ra bèn có tướng dài ngoằng. Quý vị nói: “Tôi chẳng cần tướng”, không cần tướng thì vàng cũng chẳng có. Đã có vàng, nhất định có tướng. Điều này cho thấy: Hễ có Thể, nhất định có

Tướng. Quý vị phải hiểu: Kiến tánh chẳng phải là diệt Tướng rồi quý vị mới kiến tánh. Diệt Tướng, chẳng thấy Tánh; giống như vàng, tướng gì cũng chẳng cần tới nữa thì vàng cũng không có, quý vị cũng không có được vàng!

Do vậy, nói “*lià hết thấy tướng*” nghĩa là trong tâm, lià [ý niệm] chấp trước tướng, chẳng phải là lià tướng bên ngoài. Ví như kinh Kim Cang có dạy: “*Nếu Bồ Tát có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, bèn chẳng phải là Bồ Tát*”, Bồ Tát nhất định phải lià bốn tướng ấy. Nhân tướng và ngã tướng chúng ta đều chẳng cần, đâu có đạo lý ấy! Lià gì vậy? Trong tâm lià rồi [ý niệm] “tôi chấp trước có người, có ta, có kẻ khác”. Quý vị lià cái tướng phân biệt, chấp trước ấy, chứ không phải là bên ngoài chẳng có [tướng]. Tướng Phần bên ngoài chắc chắn tồn tại. Hiện thời, căn bệnh nặng của chúng ta là gì? Căn bệnh nặng là trong tâm quý vị có tướng chấp trước, có tướng phân biệt! Những thứ ấy phiền lụy, chúng khiến cho quý vị chẳng thể kiến tánh. Kinh Hoa Nghiêm giảng rất hay: Lià khỏi hết thấy vọng tướng, chấp trước, Tướng là Tánh, Tánh là Tướng. Khi ấy, minh tâm kiến tánh, Tánh ở nơi đâu? Tướng là Tánh; giống như nói: “Vàng ở nơi đâu? Đồ vật là vàng”. Thuận tay cầm lấy [bất cứ vật nào], không có gì chẳng phải là vàng; đất cũng là kiến tánh.

Ngày nay, sở dĩ chúng ta không có cách nào thực hiện “Tánh - Tướng như một”, chẳng thể kiến tánh, là vì trong tâm chính mình có một thứ vọng tướng, phân biệt, chấp trước. Vọng tướng ấy gọi là tướng hư vọng. Rời khỏi tướng hư vọng này, tất cả hết thấy cảnh giới bên ngoài đều là tướng chân thật, gọi là “Thật Tướng của các pháp”. Do vậy, đạt đến cảnh giới ấy, đức Phật lại nói theo một cách khác: “*Phàm những gì có hình tướng, đều là Thật Tướng*”. Đối với câu đã nói trong phần trước “*phàm những gì có hình tướng, đều là hư vọng*”, hai câu này có mâu thuẫn hay không? Chẳng mâu thuẫn! Chúng có cùng một ý nghĩa, tướng hư vọng là Thật Tướng, Thật Tướng là tướng hư vọng, chẳng mâu thuẫn tí nào! Quý vị mới hiểu chân, vọng chẳng hai, phàm thánh giống như nhau; nhưng nếu tâm quý vị chẳng thanh tịnh, sẽ chẳng thấy được. Ất cần phải tâm thanh tịnh hiện tiền thì chân tướng ấy mới có thể hiện tiền.

Đây là nói về Tướng, tức là Tướng được hiện bởi Thể. “*Thể vô tận*”, đương nhiên Tướng vô tận. Vì vậy, kinh này lấy Vô Lượng Thọ làm đại diện. Tác dụng là mê hay ngộ. Dụng của phàm phu là mê, Dụng của Phật, Bồ Tát là ngộ, khác nhau ở chỗ này, những điều khác giống hệt như nhau! “*Thể vô bất chiếu, Dụng diệt vô bất chiếu*” (Thể không gì chẳng chiếu, Dụng cũng không gì chẳng chiếu). Do vậy, Vô Lượng Quang là đại

dụng của chư Phật, Bồ Tát. Các Ngài có trí chiếu, giác ngộ, chẳng mê. Nay [những điều] chúng ta phải học, nói thật ra là học điều này. Vì vậy, toàn thể giáo học trong Phật pháp, quả thật lấy Bát Nhã làm chủ.

Trong sự giáo hóa cả một đời đức Phật, kinh Hoa Nghiêm chỉ nói trong mười bốn ngày, cũng có người bảo là hai mươi một ngày; nếu tính là ba thất, thì cũng chẳng hơn hai mươi một ngày. Kinh Hoa Nghiêm do đức Phật giảng trong Định, phạm phu chúng ta chẳng thể hiểu cảnh giới ấy. Giảng A Hàm mười hai năm, [A Hàm] giống như Tiểu Học; Phương Đẳng tám năm; Bát Nhã hai mươi hai năm, dài nhất. Đức Phật giảng kinh tổng cộng bốn mươi chín năm, Bát Nhã chiếm hai mươi hai năm, gần như là chiếm phân nửa [thời gian], quý vị mới biết Phật pháp lấy trí huệ Bát Nhã làm chủ. Chúng ta nhất định phải biết điều này.

Nếu Bát Nhã trọng yếu như vậy, nay chúng ta có phải học kinh Bát Nhã hay không? Học cũng được, mà không học càng tốt hơn, vì sao? Niệm một câu A Di Đà Phật này, [chính là] phước huệ song tu. Một câu A Di Đà Phật bao gồm vô lượng Bát Nhã. Niệm một câu Phật hiệu này cho tới khi tâm thanh tịnh, Bát Nhã trong bốn tánh sẽ hiện tiền. Cách này tuyệt diệu lắm, tuyệt diệu ở chỗ này! Phương cách của Thiên Tông rất đặc biệt, Thiên Tông là “*bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền*”, “*giáo*” là giáo học. Họ chẳng dốc sức nơi giáo học; nói cách khác, chẳng đổ công nơi kinh điển, chẳng dốc sức nơi giảng kinh, thuyết pháp; họ dồn sức chỗ nào? Trực tiếp bảo quý vị tu Định. Thuở đầu, khi Đạt Ma Tổ Sư đến [Trung Hoa], đã dạy người khác phương pháp quán tâm, dùng phương pháp ấy. Sau đấy, do chúng sanh nghiệp chướng tập khí nặng nề, dùng phương pháp ấy công phu chẳng đắc lực. Vì thế, tổ sư mới đổi sang một phương pháp gọi là “*tham thoại đầu*”, nhằm mục đích cầu đắc tâm thanh tịnh. Tâm địa thanh tịnh, trí huệ Bát Nhã khai, khi ấy, lại đọc kinh. Do vậy, chẳng phải là họ không cần đến kinh điển, họ cần kinh điển, nhưng đặt kinh điển vào nửa giai đoạn sau, trước hết, cầu đắc Thiên Định, đắc Thiên Định rồi mới đọc kinh, mở quyển kinh ra bèn hiểu rõ ý nghĩa. Do vậy, tốc độ [lãnh hội kinh điển] của họ vô cùng nhanh chóng!

Vì thế, chẳng phải là Thiên gia không cần kinh, họ cần! Những tổ sư đại đức trong Thiên Tông có vị nào chẳng thông đạt hết thảy các kinh? Quý vị thấy ngữ lục, trước tác của các Ngài dẫn kinh điển làm chứng, chẳng có pháp thế gian hay xuất thế gian nào các Ngài không biết. Không chỉ thông thạo kinh Phật, mà bá gia chư tử của Trung Quốc, các Ngài đều thông hiểu. Các Ngài sau khi ngộ mới xem sách; trước khi khai ngộ, quyết định chẳng đọc sách, quyết định chẳng nghe kẻ khác giảng diễn, dùng

phương pháp ấy. Nhưng niệm Phật càng thuận tiện hơn tham thoại đầu của Thiền Tông. Nói thật thà, hiện thời, tham thoại đầu của nhà Thiền cũng chẳng dễ dàng. Hiện thời, nói thật ra, tham thoại đầu là dấy vọng tưởng, đâu có gì là tham thoại đầu? Làm ra vẻ, chứ chẳng khai ngộ! Tham thoại đầu tâm phải rất vi tế, quý vị chẳng có cách nào thực hiện công phu này!

Thoại đầu là gì? Nếu khi câu nói ấy khởi lên, nó đã trở thành thoại vĩ mất rồi, chẳng phải là thoại đầu! Thoại đầu không có ý nghĩa, chẳng hạn như nhà Thiền thường nói: “*Tham phụ mẫu vị sanh tiền bốn lai diện mục*” (tham cứu diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra), quý vị bèn nghĩ: Khi cha mẹ chưa sanh ra ta, ta vốn là như thế nào? Đó gọi là khởi vọng tưởng, có gì là tham thoại đầu? Quý vị có thể tìm ra câu trả lời ở nơi ấy hay chẳng? Nó chẳng có ý nghĩa, mà cũng chẳng có câu trả lời! Nhằm dạy quý vị dùng một phương pháp, [câu tham thoại đầu ấy khiến cho quý vị khởi nghĩ, mỗi nghĩ ấy] gọi là “*nghi tình*”. Khi ý niệm dấy lên, quý vị bèn bí mật tìm tòi, niệm ấy do đâu mà có? Đó gọi là “thoại đầu”. Quý vị tìm nguồn gốc, cội nguồn của nó, quan sát nó, tâm sẽ đắc Định. Cách này đòi hỏi tâm hành nhân phải rất vi tế, kẻ hời hợt sẽ không hành được, chẳng có cách nào! Nếu quý vị muốn tìm câu trả lời cho câu hỏi ấy, đó là khởi vọng tưởng, chẳng gọi là tham thoại đầu. Nhưng quý vị truy ngược lại coi ý niệm ấy do đâu mà có? Tất nhiên ý niệm ấy không có, khi nó không có, quý vị bèn chú ý, niệm ấy đi đâu rồi? Quý vị dõi theo câu ấy, tìm kiếm nó, chỉ quan sát nó, tâm sẽ đắc Định. Thiền giả dùng phương pháp này thì gọi là “*tham thoại đầu*”.

Vận dụng công phu đặc lực, sẽ chẳng trở ngại công việc; đi, đứng, nằm, ngồi đều tham Thiền. Trong Thiền Tông, Thiền hòa tử³⁵ mỗi ngày làm lụng, gánh nước, bửa củi, luôn làm những việc cực nhọc ấy, nhưng tham cứu quyết định chẳng gián đoạn. Nhưng quý vị hãy suy nghĩ: Phương pháp ấy chẳng đơn giản, thuận tiện như niệm Phật. Nếu nói về sự thành tựu thì niệm Phật cao hơn. Nếu họ (hành giả nhà Thiền) chẳng đại triệt đại ngộ, sẽ chẳng có một tí tác dụng gì! Sau khi đại triệt đại ngộ, chưa chắc đã có thể vượt thoát tam giới, vì sao? Nếu chẳng đoạn Kiến Tư phiền não, đâu là đại triệt đại ngộ, quả báo bất quá là Tứ Thiên Thiên mà thôi!

Ở đây, chúng tôi có một cuốn băng âm lời khai thị của lão pháp sư Đàm Hư, quý vị có thể thỉnh về nhà nghe nhiều lần. Có những đồng tu nói: “*Sư là người phương Bắc, chúng tôi nghe không hiểu giọng địa*

³⁵ “Thiền hòa tử” là tiếng gọi chung những người tham Thiền, “hòa tử” mang ý nghĩa đồng tham đạo hữu, cùng nhau tu tập thân ái.

phương của Ngài!” Cuốn băng ấy là bảo bối, không nghe không được! Quý vị nghe tới hai mươi lần, ba mươi lần, sẽ nghe hiểu, phải kiên trì nghe. Tôi nghe lời giảng của Ngài có thể hiểu tám, chín phần, tôi còn nghe ba mươi mấy lần. Do cuốn băng của Ngài dài một tiếng rưỡi, gần như tôi có thể nhớ nằm lòng, tôi nghe quá nhiều lượt! Thật là hay, Sư giảng khai thị, giảng về tham Thiền. Bởi lẽ, quả báo tham Thiền là Tứ Thiên Thiên, chẳng thể thoát tam giới, công phu ấy kể như rất khá, khi người ấy đến được Tứ Thiên Thiên, đã đạt công phu là khuất phục phiền não. Nếu chưa thể khuất phục phiền não, chẳng thể đến Tứ Thiên Thiên. Tuy có thể chế phục phiền não, [nhưng vì] tập khí phiền não chưa đoạn, nên chẳng ra khỏi tam giới. Nếu chúng ta niệm Phật, niệm tới mức vừa mới có thể khuất phục phiền não đôi chút thì đã có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hễ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, bèn viên chứng ba thứ Bất Thoái, một đời thành Phật; tham Thiền làm sao có thể sánh bằng niệm Phật? Chẳng sánh bằng! Nếu có công phu định lực của Thiền Tông, thừa quý vị, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị sẽ rất cao.

Quán Kinh và kinh Vô Lượng Thọ giảng hết sức thấu triệt. Đối với pháp môn Tịnh Độ, hai lời nguyện, tức nguyện mười tám và nguyện mười chín trong bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật là tinh túy của đại nguyện. Nguyện mười tám nói gì? Kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác lúc lâm chung mười niệm vãng sanh; [đối với hạng người này] Thiền chẳng có một tí ti biện pháp nào cả! Kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác lâm chung gặp thiện tri thức, khuyên kẻ ấy niệm Phật bèn có thể vãng sanh. Quý vị hãy nghĩ xem, còn có ai chẳng thể vãng sanh? Không có ai chẳng thể vãng sanh! Nguyện mười chín bảo [hành nhân] hãy phát Bồ Đề tâm. Chúng ta nghe nói tới Bồ Đề tâm cũng ngán, chúng ta chẳng thể phát nổi tâm ấy! Nhưng Ngẫu Ích đại sư đã nói một câu huých toẹt: Chỉ cần quý vị thật sự chịu phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là Vô Thượng Bồ Đề tâm. Chúng ta nghe Ngài nói câu ấy, tảng đá [đề trữu trong lòng] rơi phịch xuống đất, chúng ta dấy lên Vô Thượng Bồ Đề tâm, vì sao? Tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là tâm Vô Thượng Bồ Đề. Chúng tôi càng nghĩ càng thấy có lý, thật vậy! Vì người ấy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thành Phật trong một đời, tâm ấy chẳng phải là Vô Thượng Bồ Đề tâm, thì tâm gì mới là Vô Thượng Bồ Đề tâm? Đây là chỗ chẳng thể nghĩ bàn của Tịnh Độ, trong hết thảy các kinh khác không có, trong các thế giới của mười phương chư Phật cũng không có. Vì thế, quý vị phải thật thà nắm chắc nhân duyên đúng là khó thể gặp gỡ từ vô lượng kiếp tới nay, thế mà chúng ta được gặp gỡ trong một đời này!

Người bên ngoài quốc mời tôi đi giảng kinh, tôi chẳng thể không đi, đây là nhân duyên trong vô lượng kiếp, tôi phải nói với họ. Người nào tin sẽ thành Phật, chỉ cần vãng sanh sẽ thành Phật. Đối với người không tin, cũng gieo chủng tử cho họ. Vì thế, nhất định phải đi. Chúng tôi ra nước ngoài giảng kinh, các đồng tu ở đây phải niệm Phật, chớ nên gián đoạn. Tôi lại kính khuyên quý vị, hy vọng các đồng tu phải thật sự nỗ lực, để làm gì? Đọc kinh. Điều trọng yếu nhất trong Quán Kinh là ba phước. Quán hạnh có ba thứ: Quán Tưởng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, và Trì Danh Niệm Phật, [Quán Kinh] giảng ba phương pháp ấy. Từ phép Quán thứ nhất tới phép Quán thứ mười hai là Quán Tưởng Niệm Phật, phép Quán thứ mười ba trở đi là Quán Tượng Niệm Phật, phép Quán thứ mười sáu là Trì Danh Niệm Phật. Quán Kinh chủ yếu giảng về phương pháp niệm Phật và tam phước. Đối với tam phước, chúng ta nhất định phải nhớ kỹ, nói thật ra, tam phước là ba tầng lớp:

1) Thứ nhất, chúng ta phải tu phước báo nhân thiên. Phước thứ nhất là *“hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết”*. Nếu quý vị chưa thể ăn chay, ăn thịt cũng không sao, nhưng đừng sát sanh, mua ngoài chợ những thứ đã bị giết rồi, mua về ăn, đừng mua thứ còn sống đem về nhà giết, hãy từ tâm chẳng giết! *“Tu Thập Thiện Nghiệp Đạo”*, đây là phước thứ nhất, nhân thiên phước.

2) Phước thứ hai là phước báo Tiểu Thừa, đây là [phước tu] trong nhà Phật: *“Thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi”*, Tam Quy, Ngũ Giới, oai nghi là nghi biểu, nói theo cách bây giờ là lễ nghi, chúng ta phải giữ lễ tiết.

3) Phước thứ ba là phước Đại Thừa, tức phước của Đại Thừa Bồ Tát. Câu đầu tiên là *“phát Bồ Đề tâm”*, chúng ta phát tâm vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới tức là phát Bồ Đề tâm. *“Tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa”*, câu tiếp theo là *“khuyến tấn hành giả”*, khuyến tấn là gì? Phải giảng cho người khác nghe, khuyên người khác tu pháp môn Tịnh Độ.

Vì vậy, đọc tụng rất quan trọng, đọc tụng giống như nghe đức Phật răn dạy. Chúng ta đọc bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư, sẽ giống như nghe Liên Trì đại sư khai thị. Quý vị thấy cổ đức, chúng ta đọc kinh luận, ngữ lục thường thấy các Ngài nghe giảng kinh, nghe chưa xong bộ kinh, đã khai ngộ, chứng quả. Quý vị đồng tu từ lúc học Phật, nghe cho tới nay vẫn chẳng khai ngộ, vì sao chẳng khai ngộ? Vì bình thường, quý vị chẳng đọc tụng, nguyên nhân đơn giản như thế đó! Trong Lục Tổ Đàn Kinh, quý vị thấy: Nếu thiên sư Pháp Đạt chẳng niệm ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa, Lục

Tổ giảng giải như thế, Sư có thể khai ngộ hay chẳng? Chẳng thể ngộ! Vì sao Sư khai ngộ? Vì Sư niệm ba ngàn bộ. Kinh Pháp Hoa có bảy quyển, mỗi ngày niệm một biến, niệm ba ngàn bộ gần như là niệm mười năm. Sư có căn cơ mười năm đọc tụng Đại Thừa; vì thế, Lục Tổ vừa giảng một tí, Sư đã hoảng nhiên đại ngộ.

Nếu hiện thời quý vị cũng niệm Di Đà Kinh Sớ Sao ba ngàn biến, nghe tôi giảng kinh ở nơi đây, sẽ khai ngộ hay không? Nhất định có người khai ngộ. Vì vậy, cổ nhân nghe kinh khai ngộ, chẳng phải là không có đạo lý. Người ta căn tánh nhạy bén, vì sao nhạy bén? Niệm nhiều nên nhạy bén! So với họ, quý vị còn thông minh hơn, nhưng không chịu làm, còn có cách nào nữa? Trong nhà bị trở ngại, chẳng thể đọc tụng thì đến đây, tới chỗ này để làm. Nếu chẳng ngừng niệm mãi như vậy, đối với quý vị sẽ rất có lợi. Quý vị niệm nhuần nhuyễn, giảng phần trước, quý vị biết phần sau, giảng tới phần sau, quý vị nghĩ đến phần trước, sẽ xuyên suốt ý nghĩa của cả bộ kinh. Tâm địa thanh tịnh, đích xác sẽ có ngộ xứ. Do vậy, đọc tụng Đại Thừa vô cùng trọng yếu.

Chúng ta có thể thường xuyên niệm, thường xuyên nghe, thường xuyên giảng cho người khác, nhất định phải giảng cho người khác, thật sự là một ngày khó gặp gỡ trong vô lượng kiếp. Bản thân chúng ta đạt được lợi ích này, nếu chẳng lần lượt bảo với người khác, chúng ta sẽ có lỗi với Phật, có lỗi với tổ sư. Chúng ta nói cho họ biết, họ chẳng tin, chẳng tiếp nhận, đó là vì chính kẻ ấy nghiệp chướng nặng nề, chúng ta đã tận hết tâm lực rồi! Chính kẻ ấy không chịu tu, đó là chuyện của kẻ ấy, chúng ta xét lòng chẳng then, tâm địa thanh tịnh. Tuyệt đối chẳng phải là chúng ta đã đạt được, nhưng chẳng bảo với kẻ khác, [như vậy là] không được!

Bản thân tôi đã học Phật hơn ba mươi năm, nay tôi hiểu thật sâu pháp môn này, nên tôi dám khuyên người khác hãy đều buông xuống tất cả các pháp môn khác! Quý vị chỉ cần học một môn này, chắc chắn sẽ thành công. Quý vị tu thêm những thứ khác, chắc chắn bị chướng ngại. Hiện thời, chúng ta hãy toàn tâm toàn lực đi theo pháp môn này, chắc chắn sẽ đi thông suốt. Nếu quý vị thông đạt môn này, bất luận trong tương lai quý vị học pháp môn nào, hết thầy pháp môn đều đạt được. “*Một kinh thông, hết thầy các kinh đều thông*”. Một pháp môn thành tựu, hết thầy các pháp môn thành tựu, đúng là Thiên, Giáo, Mật, Luật, không có môn nào quý vị chẳng thành tựu. Do vậy, đây là pháp môn đơn giản nhất, dễ dàng nhất, ổn thỏa nhất, đáng tin cậy nhất; nếu chúng ta chẳng tu pháp môn này, quả thật quá đáng tiếc!

(Sớ) Chư kinh lập danh, giai dĩ Nhân, Pháp, Dụ, hoặc đơn, hoặc phức. Thử kinh đơn Nhân, Nhân phục hữu nhị, lưỡng độ quả nhân cố, thất tắc tam giai dung thông cố.

(疏) 諸經立名，皆以人法喻，或單或複。此經單人，人復有二，兩土果人故，實則三皆融通故。

(Sớ: Đặt tên cho các kinh đều dùng Nhân, Pháp, Dụ, hoặc đơn, hoặc phức. Kinh này chỉ dùng Nhân. Nhân lại có hai, tức là bậc đã chứng quả trong hai cõi. Quả thật là ba thứ này (Nhân, Pháp, Dụ) đều dung thông).

Đây là nói về cách đặt tên trong kinh Phật có một nguyên tắc, đề mục (tên kinh) chẳng phải là tùy tiện thành lập, mà dùng Nhân, Pháp, và Tỷ Dụ. Tất cả các kinh đều chẳng tách rời ba nguyên tắc này. Ba loại đơn là chỉ dùng Nhân làm đề mục, hoặc chỉ dùng Pháp, hay chỉ dùng Dụ (tỷ dụ), đó là ba loại. Ngoài ba loại này, còn có hai loại trùng điệp, tức là “Nhân Pháp, Nhân Dụ, Pháp Dụ”, biến thành ba thứ trùng phức, gọi [gộp chung] là “tam đơn tam phức”; còn có một loại gọi đủ là “cụ túc”, tức là trong tựa đề ấy, Nhân, Pháp, Dụ đều có. Vì thế, có tất cả bảy thứ. Kiến lập đề mục của hết thầy các kinh Phật đều chẳng ra ngoài phạm vi của bảy loại này. Vì thế, gọi là “thất lập tuyển đề” (bảy cách chọn lựa để đặt tựa đề một bản kinh).

Trong bảy cách chọn lựa để đặt tên kinh, kinh này thuộc loại nào? Đơn nhân, Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Trong tên kinh này, chỉ có Nhân, không có Pháp, mà cũng không có tỷ dụ (Dụ), hoàn toàn dùng Nhân để đặt tên. Nhân lại có hai người: “Phật Thuyết” thì Phật là Thích Ca Mâu Ni Phật, là vị thuộc thế giới Sa Bà, vị được nói đến là “A Di Đà” thuộc về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, trong nhân có cõi này và cõi kia. “Quả nhân” là người chứng đắc Phật rốt ráo. Kinh này thuộc loại “đơn nhân lập đề”.

(Sao) Đơn phức giả, như Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, cụ túc Nhân, Pháp, Dụ tam.

(鈔) 單複者，如大方廣佛華嚴經，具足人法喻三。

(Sao: “Đơn phức”: Như Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh trọn đủ ba thứ Nhân, Pháp, Dụ).

Trong đề mục của kinh Hoa Nghiêm, ba thứ Nhân, Pháp, Dụ đều có. Đại Phương Quảng là Pháp, Phật là Nhân, Hoa Nghiêm là tỷ dụ, Hoa là đóa hoa, Nghiêm là trang nghiêm, giống như trong vườn hoa, các thứ hoa đều có, hoa nở hết sức tươi thắm, dùng điều này làm tỷ dụ. Vì thế, gọi là Hoa Nghiêm, đó là tỷ dụ.

(Sao) Đại Phương Tiện Phật Báo Ân Kinh, Nhân Pháp vô Dụ.

(鈔) 大方便佛報恩經，人法無喻。

(Sao: Tựa đề của Đại Phương Tiện Phật Báo Ân Kinh có Nhân và Pháp, không có Dụ).

Trong đề mục này, có Nhân và Pháp, không có tỷ dụ. Đại Phương Tiện là Pháp, Báo Ân cũng là Pháp, Phật là Nhân. Trong đề mục này, không có tỷ dụ. Đề mục này thuộc loại “*Nhân Pháp lập đề*”.

(Sao) Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Pháp Dụ vô Nhân.

(鈔) 妙法蓮華經，法喻無人。

(Sao: Diệu Pháp Liên Hoa Kinh có Pháp và Dụ, không có Nhân).

Diệu Pháp là Pháp, Liên Hoa là tỷ dụ. Trong đây, không có Nhân, vì thế, là Pháp Dụ Vô Nhân, dùng Pháp và Dụ để đặt tên kinh.

(Sao) Bồ Tát Anh Lạc Kinh, Nhân Dụ, vô Pháp.

(鈔) 菩薩瓔珞經，人喻無法。

(Sao: Bồ Tát Anh Lạc Kinh, có Nhân và Dụ, không có Pháp).

Bồ Tát là Nhân, Anh Lạc là tỷ dụ. Anh Lạc là những thứ trang sức đeo trên người, do châu ngọc hoặc các thứ hoa kết thành. Chúng ta thấy trước ngực của tượng Phật, Bồ Tát đeo rất nhiều, đầy ắp, đó là anh lạc. Bồ Tát Anh Lạc Kinh không có Pháp, tên kinh thuộc loại “*Nhân Dụ vô Pháp*”.

(Sao) Đại Bát Nhã Kinh, đơn Pháp, vô Nhân Dụ.

(鈔) 大般若經，單法無人喻。

(Sao: Đại Bát Nhã Kinh, chỉ có Pháp, không có Nhân và Dụ).

Đại Bát Nhã là Pháp, không có tỷ dụ, cũng không có Nhân, đây là “*đơn Pháp lập đề*”.

(Sao) Phạm Võng Kinh, đơn Dụ, vô Nhân Pháp.

(鈔) 梵網經，單喻無人法。

(Sao: Phạm Võng Kinh, chỉ có Dụ, không có Nhân và Pháp).

Phạm Võng là tỷ dụ, tức là cái lưới của Đại Phạm Thiên, trong đề mục này không có Nhân, mà cũng chẳng có Pháp, dùng tỷ dụ để đặt tên kinh.

(Sao) Kim thử kinh giả, đơn Nhân, vô Pháp Dụ, tha giai lệ thử.

(鈔) 今此經者，單人無法喻，他皆例此。

(Sao: Nay kinh này chỉ có Nhân, không có Pháp và Dụ, đối với tên gọi của những bộ kinh khác, cứ dựa theo những điều đã trình bày ở đây để biết).

“Tha” (他) là hết thảy những kinh khác. [Tựa đề của] hết thảy các kinh Phật khác cũng chẳng ngoài bảy cách đặt tên này!

(Sao) Lương độ quả nhân giả, Bồ Tát tại nhân, Như Lai tại quả, cố Phật hiệu “quả nhân”.

(鈔) 兩土果人者，菩薩在因，如來在果，故佛號果人。

(Sao: “Quả nhân thuộc hai cõi”: Bồ Tát đang tu nhân, Như Lai đã chứng quả, nên Phật được gọi là “quả nhân”).

“Hiệu” (號) là danh hiệu, chúng ta gọi Ngài là “quả nhân”. Bồ Tát còn đang tu nhân, vẫn đang tu hành, vẫn chưa viên mãn; viên mãn gọi là kết quả.

(Sao) Kim thị thử phương chi Phật.

(鈔) 今是此方之佛。

(Sao: Nay là vị Phật ở phương này).

“Thử phương chi Phật” là Thích Ca Mâu Ni Phật.

(Sao) Thuyết bỉ phương Phật cố.

(鈔) 說彼方佛故。

(Sao: Nói tới vị Phật ở phương kia).

“*Bỉ phương Phật*” là Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. Do vậy, trong tựa đề kinh là “*lưỡng độ quả nhân*” (bậc đã chứng đắc Phật quả ở hai cõi).

(Sao) Dung thông giả, cử nhất tức tam cố.

(鈔) 融通者，舉一即三故。

(Sao: “Dung thông”: *Nêu lên một chính là ba***).**

Nói thật ra, ý nghĩa này phát xuất từ kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm quả thật chẳng thể nghĩ bàn. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Hàng bố chẳng trở ngại viên dung, viên dung chẳng trở ngại hàng bố*”, “*hàng bố*” là theo thứ tự, còn “*viên dung*” là không có thứ tự, “*một tức là nhiều, nhiều tức là một*”. Chiếu theo Lý ấy trong kinh Hoa Nghiêm để nhìn, chẳng có một pháp nào không viên dung, đó gọi là “*viên nhân thuyết pháp, chẳng pháp nào không viên*”, viên nhân quán pháp, cũng chẳng pháp nào không viên! Có thể thấy: Đối với viên và chẳng viên, pháp không có viên hay chẳng viên, tùy thuộc vào tầm nhìn của người ấy là viên hay chẳng viên, vấn đề ở chỗ này! Viên là như vậy, mà nhiễm, tịnh, cấu, uế, không pháp nào chẳng phải là như vậy. Do vậy, tâm tịnh thì hết thấy các pháp đều tịnh; tâm ô nhiễm, hết thấy các pháp bị ô nhiễm. Pháp có tịnh hoặc uế hay không? Chẳng có! Nhiễm hay tịnh là do tâm, chẳng do pháp. Đây là nguyên lý chân thật được giảng trong kinh Hoa Nghiêm.

Liên Trì đại sư chú giải kinh Di Đà, chọn dùng phương thức [chú giải kinh điển] của tông Hoa Nghiêm; vì thế, mở đầu Ngài dùng Thập Môn Khai Khải. Lại còn khắp mọi chỗ đều trích dẫn kinh Hoa Nghiêm để giải thích kinh Di Đà, Ngài dụng tâm rất nhọc nhằn, dụng ý rất sâu, nhằm mục đích bảo chúng ta kinh Di Đà và kinh Hoa Nghiêm là một, không hai, dụng ý ở chỗ này. Vì thế, cổ đức nói: Kinh Di Đà là kết luận của kinh Hoa Nghiêm, là chỗ quy túc của Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Trong bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, chúng ta cũng thấy cụ trích dẫn lời cổ đức, chứ chẳng phải do chính cụ nói, [cổ đức] nói Hoa Nghiêm và Pháp Hoa bất quá nhằm dẫn khởi kinh Di Đà mà thôi, nhằm hướng dẫn quý vị. [Có thể sánh ví kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa] giống như lời tựa cho một cuốn sách mà thôi! Từ những kinh ấy, [đức Phật] dẫn dắt chúng ta vào kinh Di Đà. Lời ấy càng nghĩ càng thấy có lý! Do vậy, quý vị phải nghĩ kinh này quan trọng lắm. Hoa Nghiêm và Pháp Hoa được mọi người trong thiên hạ công nhận là vua trong các kinh, nhưng vua các kinh lại dẫn về Cực Lạc. Điều này đáng để chúng ta suy nghĩ sâu xa!

(Sao) Như kim kinh tuy thuộc đơn nhân, nhi Pháp tùng Nhân thuyết, Dụ dĩ Nhân cử.

(鈔) 如今經雖屬單人，而法從人說，喻以人舉。

(Sao: Như [tựa đề] kinh này tuy thuộc loại đơn Nhân, nhưng Pháp do người nói, tỷ dụ do người nêu ra).

Nói đến Nhân thì đương nhiên Pháp và Dụ cũng được bao gồm trong ấy!

(Sao) Ngôn thiên, nghĩa viên, thông dung giao triệt, Lý cố nhiên dã.

(鈔) 言偏義圓，通融交徹，理固然也。

(Sao: Lời nói có thiên lệch, nhưng nghĩa viên dung, dung thông thấu triệt, Lý vốn là như vậy).

Nói tới Pháp Thân thì Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát là ba đức, hễ nói tới Phật liền trọn khắp. Ba món ấy cũng giống như vậy, bất luận nói tới Nhân, nói tới Pháp, hay nói tới Dụ, nhất định sẽ là “một mà ba, tuy ba mà một”. Nói tới Nhân, thì Pháp là do Nhân nói, Dụ do Nhân nêu ra; đương nhiên Nhân bao gồm Pháp và Dụ. Nếu chỉ nói tới Dụ, Dụ do Nhân tỷ dụ, Nhân có thể thuyết pháp, cho nên trong Dụ cũng bao gồm Nhân và Pháp. Pháp cũng như vậy, Pháp do Nhân nói, đương nhiên chẳng lìa Nhân, Nhân lại nêu tỷ dụ để hiển thị pháp, Dụ cũng được bao gồm bên trong, quả thật là một mà ba, ba mà một. Nếu chúng ta hiểu, tách ra thì nói như thế nào, viên dung thì như thế nào, khi đáng chia thì chia, khi nên viên dung thì nên viên dung. Khi đáng chia là nhằm khiến cho người khác dễ lãnh ngộ, dễ hiểu. Khi viên dung là nhằm khiến cho người khác đừng chấp trước; chẳng chấp trước thì mới có thể hiểu được ý nghĩa viên dung. Nếu quý vị có phân biệt, chấp trước, quý vị chỉ có thể hiểu ý nghĩa một bên, ý nghĩa ấy chẳng viên; ắt phải đạt đến đừng chấp trước, ý nghĩa sẽ viên mãn. Do vậy, phải dùng hai cách nói khiến cho quý vị có thể thật sự thấu hiểu! Ngày hôm nay chúng tôi giảng tới đây.

Tập 98

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm tám mươi lăm:

(Sớ) Thử kinh bốn danh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

(疏) 此經本名：稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(Sớ: Kinh này vốn có tên là Kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm).

Tên kinh này do chính Thích Ca Mâu Ni Phật nói ra. Trong phần sau, trong đoạn Sáu Phương Phật sẽ nêu ra tên gốc của kinh này. Tên này hết sức trọng yếu. Từ tên kinh này, chúng ta có thể nhận biết pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn. Xưng Tán là ai khen ngợi? Mười phương ba đời hết thủy chư Phật, không vị Phật nào chẳng khen ngợi, khen ngợi điều gì? Khen ngợi Bất Khả Tư Nghị Công Đức. Công là gì? Đức là gì? Công là tín nguyện trì danh, công phu, công tu hành ấy. Đức là gì? Đức và Đắc (đạt được) có cùng một ý nghĩa, thời cổ, hai chữ này dùng lẫn lộn; vì thế, Đức là cái ta đạt được! Quý vị nương theo công phu này để tu, sẽ đạt được gì? Vãng sanh bất thoái. “*Tín nguyện trì danh, vãng sanh bất thoái*” là công đức của bộ kinh này!

Vì sao nói chẳng thể nghĩ bàn? Thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Sự thật này “*chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu đạt rốt ráo*”, Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng thể hiểu rất rõ ràng, do nguyên nhân nào? Chúng ta thường tán thán Phật là vạn đức vạn năng, giác hạnh viên mãn. Có rất nhiều người nói khen ngợi như vậy chính là cách nói tượng trưng, vì Phật há có năng lực to lớn ngàn ấy? Phật chẳng thể làm được rất nhiều chuyện như thế. Chúng ta không chỉ nghe tục nhân phê bình như thế, thậm chí các đại pháp sư xuất gia cũng phê bình như vậy! Họ phê bình đúng hay sai? Họ phê bình chẳng đúng, nói thật ra, họ chẳng thấy được mọi mặt trong Phật pháp!

Nói cách khác, nếu người ấy thật sự liễu giải kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, và pháp môn Tịnh Độ, sẽ thừa nhận Phật thật sự vạn đức vạn năng, đúng là giác hạnh viên mãn, chẳng còn tranh cãi gì nữa. Vì sao? Chúng sanh tội nghiệp cực nặng, Ngũ Nghịch, Thập Ác, tạo những trọng tội ấy ngay lập tức phải đọa địa ngục, nếu chúng ta hỏi, đức Phật có bản lãnh khiến cho những kẻ như vậy chẳng đọa địa ngục hay chẳng? Không chỉ chẳng đọa địa ngục, mà còn có thể khiến cho kẻ ấy ngay lập tức thành

Phật hay không? Nếu đức Phật có bản lãnh ấy, đức Phật là vạn đức vạn năng, là giác hạnh viên mãn. Nếu đức Phật chẳng có năng lực ấy, tức là năng lực của Phật vẫn còn khiếm khuyết, chúng ta nói Ngài vạn đức vạn năng chỉ là lời ca ngợi, chẳng thật, chẳng phải là sự thật. Thật ra, từ kinh này, chúng ta đã có được kết luận, Phật vạn đức vạn năng là sự thật, tức là nói chúng sanh Ngũ Nghịch, Thập Ác phải đọa địa ngục, đức Phật không chỉ có thể khiến cho họ chẳng đọa địa ngục, mà còn có thể khiến cho họ lập tức thành Phật. Đức Phật dùng phương pháp gì? Bảo họ niệm Phật.

Từ Thập Lục Quán Kinh, tức là từ kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, có mười sáu phép Quán [để quán] Vô Lượng Thọ Phật. Mười sáu phép Quán ấy bao gồm trọn hết: Mười hai phép Quán đầu là Quán Tưởng Niệm Phật, [phép Quán thứ] mười ba, mười bốn và mười lăm là Quán Tượng Niệm Phật; [phép Quán] thứ mười sáu là Trì Danh Niệm Phật. Quý vị phải ghi nhớ: Kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ đều chú trọng trì danh niệm Phật. Trì Danh Niệm Phật là phép Quán thứ mười sáu trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Độ hạng chúng sanh nào? Kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác, khi lâm chung, một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh. Hễ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ viên chứng ba thứ Bất Thoái, còn có gì để nói hay chẳng? Viên chứng ba thứ Bất Thoái là thành Phật!

Nếu chẳng thành Phật, làm sao có thể viên chứng ba thứ Bất Thoái? Trong phần trước, chúng tôi đã nói: Tiểu Thừa Sơ Quả mới chứng Vị Bất Thoái; thuộc về Đại Thừa là hàng Tứ Quả A La Hán hồi Tiểu hướng Đại. Nếu nói theo Viên Giáo, Bồ Tát thuộc địa vị Thất Tín chứng Hạnh Bất Thoái, tức loại Bất Thoái thứ hai. Minh tâm kiến tánh, phá một phẩm vô minh, phần chứng Pháp Thân thì mới có thể chứng đắc Niệm Bất Thoái, nhưng đó là mới vừa chứng đắc, chưa viên mãn. Viên mãn ba thứ Bất Thoái là ai? Là Đẳng Giác Bồ Tát trong Viên Giáo, tức là những vị như Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc, các Ngài mới là viên chứng ba thứ Bất Thoái. Do vậy, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn, vì sao? Quý vị thấy các Ngài chẳng cần tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chẳng cần phải trải qua nhiều tầng cấp, địa vị như vậy, từ Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, lại đạt đến Đẳng Giác, không cần phải trải qua như thế, từ phàm phu ngay lập tức đạt lên cao như vậy, lại là trong một niệm hay mười niệm trong khoảng sát-na bèn đạt được, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Thật vậy, Bồ Tát đều nghĩ chẳng thông suốt, đây là đạo lý gì? Trong Tịnh Độ Tam Kinh đã giảng cặn kẽ đạo lý này, giảng cho chúng ta biết đạo lý này. Vì vậy, đây là công đức chẳng thể nghĩ bàn.

Do đó, mười phương chư Phật không vị nào chẳng tán thán, không vị nào chẳng hoằng dương, quý vị phải biết [như vậy]!

Vì lẽ đó, pháp môn này thù thắng nhất, là pháp môn bậc nhất. Các pháp môn khác chẳng thể độ, chẳng có cách nào độ, nhưng pháp môn này có thể độ, đây mới là bậc nhất. Quý vị nghĩ đến Thiên hay Mật, bất luận một pháp môn nào, có thể độ kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác hay không? Chẳng độ được! Dầu là có thể độ thì cũng phải mất một thời gian rất dài, phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, hay vô lượng kiếp, chẳng thể khiến kẻ ấy đắc độ ngay lập tức! Trong kinh này đã nói: “*Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, cho đến hoặc bảy ngày*”. Một ngày bèn độ được! Trong một ngày độ kẻ phạm phu trong địa ngục thành Phật, pháp này chẳng phải là pháp môn bậc nhất để chư Phật độ chúng sanh thì pháp môn nào mới gọi là bậc nhất? Quý vị hãy suy nghĩ cặn kẽ! Do vậy, [pháp này được] mười phương chư Phật xưng tán.

Mười phương chư Phật đã xưng tán, chúng ta lại hỏi: Mười phương chư Phật có giảng kinh này hay không? Đương nhiên là giảng! Căn tánh của chúng sanh trong mười phương thế giới khác nhau, nên chư Phật trong mười phương thế giới giảng kinh cũng khác nhau, chỉ riêng bộ kinh này là giống nhau. Mười phương ba đời tất cả chư Phật không vị nào chẳng giảng kinh Di Đà, không vị nào chẳng giảng kinh Vô Lượng Thọ. Tịnh Độ Tam Kinh Nhất Luận chắc chắn giống nhau, vị Phật nào cũng đều phải giảng, vì sao? Nếu Phật chẳng giảng kinh này, sẽ chẳng thể phổ độ chúng sanh, sẽ chẳng thể triệt để viên mãn độ thoát chúng sanh trong một thời gian ngắn nhất, đức Phật sẽ chẳng thể [làm được]; chỉ có mình pháp môn này! Do vậy, chư vị phải hiểu: Quý vị có thể gặp gỡ pháp môn này, đến rốt ráo là phước khí như thế nào? Chẳng có cách nào diễn tả được! Bất khả thuyết bất khả thuyết [phước báo], không có cách nào nói được! Từ vô lượng kiếp tới nay, trong một đời này, quý vị có thể gặp pháp môn này, đúng là lạ lùng, phước báo do đâu mà có? Từ đề mục này, chúng ta có thể hiểu thật sâu ý nghĩa này.

Do vậy, tôi khuyên mọi người, quý vị học kinh bèn học ba kinh là đủ rồi, học giảng kinh bèn học giảng ba kinh, chính mình nương theo kinh này để tu hành, dùng kinh này hóa độ chúng sanh, giảng cho người khác nghe, không nên giảng gì khác, những kinh khác đều là kinh hạng hai, hạng ba, kinh này là bậc nhất. Kinh bậc nhất chỉ có một bộ này, không có bộ thứ hai! Ngay cả Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đều là Tựa Phần của kinh này, dẫn đường, hướng dẫn [tới kinh này], quý vị có thể suy nghĩ mà biết tầm quan trọng của kinh này. Quả thật chẳng dễ gì gặp gỡ, cho nên công

đức chẳng thể nghĩ bàn, hết thảy chư Phật đều nói đây là công đức chẳng thể nghĩ bàn, có thể khiến cho chúng sanh tội nghiệp cực nặng thành Phật trong một ngày.

Nay chúng ta nghiệp chướng chẳng nặng như vậy, chẳng tạo trọng tội Ngũ Nghịch, Thập Ác, chúng ta chẳng thành Phật hay sao? Chắc chắn có thể thành tựu. Nhưng hiện thời vẫn chưa thành tựu, quý vị chẳng thành tựu là do nguyên nhân nào? Quý vị đối với kinh này, đối với pháp môn này vẫn chưa thể khẳng định một mực, vì sao? Chưa nhận thức rõ ràng, kinh nói “pháp khó tin”, quý vị có tin hay không? Tin! Tuy tin, nhưng chưa đủ chân thật, tin chưa triệt để. Quý vị có phát nguyện hay không? Có phát nguyện, nhưng nguyện chẳng thiết tha. Quý vị có hành hay không? Có, cũng niệm Phật, nhưng niệm chẳng đủ sức, niệm chưa đến mức! Do vậy, tuy Tín, Nguyện, Hạnh đều có, nhưng rất dễ xuôi, biếng nhác. Bộ kinh này rột ráo [giảng dạy] chuyện gì, quý vị chẳng triệt để hiểu rõ. Thật sự triệt để hiểu rõ thì điều gì cũng đều buông xuống. Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức, phải hiểu điều này! “Xưng tán” là được mười phương chư Phật xưng tán, mười phương ba đời hết thảy chư Phật đều xưng tán.

Trong Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh cũng có rất nhiều ý nghĩa này. Nhất Thiết Chư Phật chỉ mười phương ba đời hết thảy chư Phật. [Kinh này] được hết thảy chư Phật hộ trì, trong tâm hết thảy chư Phật đều nghĩ tới. Nói lời thật thà, Phật có phải niệm kinh này hay không? Phải niệm, vì sao? Nếu Ngài chẳng niệm kinh này, sẽ chẳng thể thành Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật như thế nào? Niệm A Di Đà Phật thành Phật, chư vị phải biết điều này. Không chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật, mà hết thảy chư Phật đều do niệm A Di Đà Phật mà thành Phật, đạo lý này cũng rất sâu xa. Đối với ý nghĩa của A Di Đà Phật, A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác, quý vị hãy suy nghĩ: Hết thảy chư Phật có phải là Vô Lượng Giác hay không? Nếu các Ngài chẳng phải là Vô Lượng Giác, làm sao thành Phật cho được? Vì thế, A Di Đà Phật là danh hiệu chung của hết thảy chư Phật. Nếu các Ngài không thành Vô Lượng Giác, sẽ chẳng thể thành Phật. Do vậy, các Ngài phải niệm tự tánh A Di Đà, niệm Vô Lượng Giác trong tự tánh, chứng đắc Vô Lượng Giác trong tự tánh, sẽ thành Phật viên mãn. Do vậy, mới hiểu chư Phật do niệm A Di Đà Phật mà thành Phật.

Đồng thời, qua kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Văn Thù, Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát trong Viên Giáo, trong hội Hoa Nghiêm, [các Ngài] vẫn phải phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vì sao? Đương nhiên là vì muốn thành Phật. Thành vị Phật nào? Thành Viên Giáo

Phật, là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là Vô Lượng Giác. Không chỉ chính các Ngài phát nguyện vãng sanh, còn dùng mười đại nguyện vương để khuyên dạy trọn khắp những vị Bồ Tát minh tâm kiến tánh, tức là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong Hoa Tạng hải hội, thầy đều cầu sanh Tây Phương thế giới. Bốn mươi một địa vị là Thập Trụ gồm mười địa vị, Thập Hạnh gồm mười địa vị, Thập Hồi Hướng gồm mười địa vị, Thập Địa gồm mười địa vị; [tổng cộng] bốn mươi địa vị, kể cả Đẳng Giác Bồ Tát thành bốn mươi một địa vị Bồ Tát. Trong mỗi một địa vị chẳng biết có bao nhiêu người? Chẳng có cách nào tính toán! Thầy đều vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, để làm gì? Sang bên kia để thành Phật quả trong Viên Giáo.

Còn có pháp hội nào thù thắng, trang nghiêm hơn pháp hội này? Chúng ta tìm không được. Vì thế, nói “kinh Hoa Nghiêm là Tự Phần của kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ”, chẳng sai tí nào! Do vậy, một bộ Hoa Nghiêm tới cuối cùng trở về Tịnh Độ, trở về kinh này, được hết thầy chú Phật hộ niệm. Hộ pháp thì pháp môn này là pháp môn bậc nhất, nhưng quý vị chẳng biết giá trị, chẳng quý mến nó. Quý vị thật sự biết giá trị, sẽ hết sức quý trọng, yêu mến nó, chớ nên để nó thất truyền, phải hồng dương rạng rỡ, thật sự nhận biết. Huống chi kinh còn dạy chúng ta: Một người thật sự phát tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật sẽ phái hai mươi lăm vị Bồ Tát ngày đêm bảo vệ, hộ trì quý vị. Quý vị sẽ chẳng gặp những tai nạn xấu ác, chẳng bị nguy hiểm, thật lòng sanh về Tịnh Độ, hồng dương Tịnh Độ. Không chỉ phải phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, mà chúng ta còn phải phát tâm hồng dương Tịnh Độ, vì sao? Tương ứng với bốn nguyện của Phật.

Có rất nhiều đồng tu cũng có lúc nói với tôi, muốn tôi dạy họ giảng kinh. Tôi giảng ở nơi đây là dạy quý vị giảng kinh, quý vị hãy chú ý nghe, nghe kỹ càng, nghe xong, quý vị sẽ biết giảng. Sau khi quý vị đã nghe, có thể giảng được bao nhiêu bèn giảng bấy nhiêu, chỉ cần chẳng giảng sai là được rồi! Chỗ nào không biết giảng, đừng giảng; biết giảng thì giảng, [như vậy] thì sẽ chẳng sai! Tôi dạy quý vị giảng một bộ kinh Di Đà, đừng lôi Sớ Sao ra, vì một bộ sách lớn như vậy sẽ dọa kẻ khác chết khiếp! Ta biết giảng đề mục, bèn giảng một câu ấy là được rồi. Ta biết giảng kinh văn bèn giảng mấy câu cũng được. Vì thế, giảng những thứ đơn giản, dễ hiểu, nhất là đối với con người hiện thời, mọi người công việc đều rất bận rộn, đâu có thời gian dài như vậy để nghe quý vị giảng một bộ kinh lớn? Đó là chuyện không thể nào được! Càng đơn giản càng hay! Nói ra những ý nghĩa trọng yếu trong ấy là được rồi! Chúng ta nhắm đến mục đích làm

cho người khác tin tưởng pháp môn Niệm Phật, khiến cho họ phát nguyện, chịu niệm thì mục đích đã đạt. Giảng cho họ tin tưởng, khiến họ thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, thật sự chịu niệm Phật, hồng dương Tịnh Độ nhằm mục đích này! Do vậy, đây là kinh được hết thầy chư Phật hộ niệm.

Do điều này có thể biết: Chúng ta là người thật sự đọc tụng bộ kinh điển này, nhất định sẽ được hết thầy chư Phật hộ niệm. “*Niệm*” ở đây là Phật thường nhớ đến chúng ta, thường nghĩ nhớ chúng ta, Phật thường che chở chúng ta, vì sao? Ngài phải bảo vệ pháp môn này. Chúng ta muốn cầu Phật, Bồ Tát bảo vệ, cầu Phật, Bồ Tát phù hộ thì hãy niệm kinh này. Quý vị niệm A Di Đà Phật, nhất định được hết thầy chư Phật gia hộ. Do vậy, có thể thấy sự thù thắng của pháp môn này. Vì sao khi Cưu Ma La Thập đại sư dịch kinh chẳng dùng tên gốc của bản kinh, mà đổi đề mục thành Phật Thuyết A Di Đà Kinh? Vì sao phải sửa như vậy?

(Sớ) Kim danh thị Thập Sư cải định.

(疏) 今名是什師改定。

(Sớ: Tên kinh hiện thời do La Thập đại sư sửa đổi).

“*Kim danh*” là tên hiện thời của kinh này, chính là Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Tựa đề kinh này chẳng phải do đức Phật nói, mà do chính La Thập đặt ra tên gọi ấy. Ngài đặt tên này cũng có dụng ý rất sâu, vì kinh này chủ yếu dạy quý vị hãy chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, rành rành là dùng ngay danh hiệu để làm tựa đề của kinh. Do vậy, vừa nhìn thấy kinh này, tự nhiên quý vị niệm một câu A Di Đà Phật, dụng ý ấy rất u là sâu! Do vậy, người đời sau cũng hết sức tán thán trí huệ của La Thập đại sư, cũng rất bội phục, chẳng nói đề mục do Ngài đặt ra chẳng đúng, vì Ngài đặt ra đề mục này phù hợp rất sâu với ý đức Phật: Khuyến con người hãy niệm A Di Đà Phật.

(Sớ) Tự hữu nhị nghĩa.

(疏) 自有二義。

(Sớ: Tự có hai nghĩa).

Nêu ra hai đạo lý [trong việc La Thập đại sư chọn tên kinh như vậy].

(Sớ) Nhất giả, Phật nhiếp vô tận nghĩa cố.

(疏) 一者佛攝無盡義故。

(Sớ: Một là do Phật nhiếp thọ vô tận ý nghĩa).

Trong bốn chữ A Di Đà Phật bao hàm vô lượng nghĩa.

(Sớ) *Nhị giả, bỉ Phật nhân sở nhạo văn cố.*

(疏) 二者彼佛人所樂聞故。

(Sớ: Hai là con người thích nghe [danh hiệu] đức Phật ấy).

“樂” đọc là Yào (âm Hán Việt tương ứng là Nhạo), nghĩa là ưa thích, vui thích. “*Bỉ Phật*” là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật đặc biệt có duyên rất sâu với chúng sanh trong thế gian này, mọi người thích nghe tên Ngài. Do vậy, La Thập đại sư dùng danh hiệu Phật để làm tên kinh với dụng ý ấy. Trong lời Sao tiếp theo đây, [Liên Trì đại sư] đã giải thích hai ý nghĩa của việc La Thập đại sư lập ra đề mục này.

(Sao) *Nhiếp nghĩa vô tận giả, như tiền văn “ngôn Phật tiện châu”.*

(鈔) 攝義無盡者，如前云言佛便周。

(Sao: “*Nhiếp thọ vô tận nghĩa*” là như trong phần trước đã nói: “*Nói tới Phật liền trọn khắp*”).

“*Ngôn Phật tiện châu*”: Nói tới Phật, hết thấy các ý nghĩa đều viên mãn, trọn đủ.

(Sao) *Tắc nhất thiết công đức giai tùng Phật xuất, Phật tức bất tư nghị cố.*

(鈔) 則一切功德皆從佛出，佛即不思議故。

(Sao: *Tức là hết thấy công đức đều phát xuất từ Phật, Phật là chẳng thể nghĩ bàn*).

Ý nghĩa này cũng rất rõ ràng.

(Sao) *Hựu Di Đà vạn đức hồng danh, thập phương tam thế nhất thiết chúng sanh chi sở hỷ nhạo, thượng chí chư Phật tán thán, hạ chí quỷ súc quy y, chánh vị bất tư nghị công đức cố.*

(鈔) 又彌陀萬德洪名，十方三世一切眾生之所喜樂，上至諸佛讚歎，下至鬼畜歸依，正謂不思議功德故。

(*Sao*: Lại nữa, vạn đức hồng danh Di Đà được mười phương ba đời hết thấy chúng sanh ưa thích, trên là được chư Phật tán thán, dưới là ngạ quỷ, súc sanh đều quy y, nên bảo là “công đức chẳng thể nghĩ bàn”).

Ý nghĩa này cũng hết sức hay. Như vừa mới nói, mười phương ba đời hết thấy chư Phật, không vị nào chẳng tán thán A Di Đà Phật, không vị nào chẳng khuyên con người cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, không vị nào chẳng khuyên con người niệm A Di Đà Phật. Do vậy, quý vị niệm A Di Đà Phật, chư Phật hoan hỷ. Đức Phật chẳng nói: “Cớ sao các người niệm A Di Đà Phật, mà chẳng niệm ta?” [Nếu nghĩ] Phật sẽ tức giận, thì đó là tâm lượng của người trong thế gian chúng ta, chẳng phải là tâm Phật. Vì sao? Đức Phật biết: “Quý vị niệm ta sẽ chẳng thành Phật, chẳng thể vãng sanh. Chỉ có niệm A Di Đà Phật, mới có thể vãng sanh, mới có thể thành Phật”. Chúng ta phải hiểu rõ điều này.

Nguyện vọng lớn nhất của mười phương chư Phật là mong mỗi chúng ta ngay lập tức thành Phật, đó là nguyện vọng của Phật. Chúng ta làm như thế nào thì mới có thể ngay lập tức thành Phật? Quý vị niệm A Di Đà Phật, sẽ nhanh chóng thành Phật. Đúng như Thiện Đạo đại sư đã dạy, Ngài bảo chúng ta hãy chuyên niệm, thứ nhất là thân chuyên lễ, mỗi ngày thân chúng ta lễ bái, lễ bái vị nào? Lạy A Di Đà Phật, thân chuyên lễ A Di Đà Phật. Miệng chẳng niệm điều gì khác, những điều khác thấy đều chẳng niệm, chuyên niệm A Di Đà Phật. Trong tâm cũng chẳng tưởng gì khác, điều gì cũng chẳng nghĩ tới, chuyên tưởng A Di Đà Phật. Thân này cũng chẳng cần lạy vị Phật nào khác, chẳng cần lạy vị Bồ Tát nào khác, thân, khẩu, ý tam nghiệp của quý vị có thể chuyên chú vào A Di Đà Phật. Thiện Đạo đại sư nói: Một trăm người tu, một trăm người vãng sanh. Một ngàn người tu, một ngàn người vãng sanh. Vạn người tu, vạn người đến. Có thật hay chẳng? Thật đấy! Chẳng giả tí nào!

Chúng ta thấy khá nhiều chuyện thật sự; chẳng hạn như những câu chuyện do lão pháp sư Đàm Hư đã kể trong lời khai thị Phật Thất. Đó là thật, chẳng giả! Một đồ đệ của pháp sư Đệ Nhàn niệm Phật ba năm bèn đứng vãng sanh, biết trước lúc mất. Chết rồi vẫn đứng sững ba ngày, chờ lão hòa thượng đến lo liệu hậu sự cho ông ta. Quý vị thấy bản lãnh của người ta lớn cỡ nào? Người ấy chẳng biết chữ, tuy xuất gia, pháp sư Đệ Nhàn cho ông ta xuống tóc, nhưng chẳng cho thọ giới, lão hòa thượng chẳng cần ông ta phải thọ giới. Ông ta đã già khòm rồi mới xuất gia, chẳng cần thọ giới. Chính ông ta đương nhiên chẳng thể xem kinh, trước nay cũng chưa hề nghe giảng kinh lần nào! Sau khi [ông ta] xuất gia, lão hòa thượng dạy: “Ông cứ niệm miết một câu Nam-mô A Di Đà Phật”. Ông

thật sự mỗi ngày lễ bái A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật, tưởng A Di Đà Phật, thực hiện ba năm, bèn thành công. Quý vị hỏi ông ta điều gì khác, ông ta cũng không biết. Đại Bi, Thập Tiểu Chú đều không biết. Gõ đàn khánh, gõ mõ ra sao, ông ta cũng không biết. Điều gì cũng không biết, chỉ ôm chặt một câu Nam-mô A Di Đà Phật, niệm ba năm [bèn vãng sanh].

Lúc ông ta vãng sanh, pháp sư Đê Nhân lo liệu hậu sự, vô cùng bội phục ông ta, rất tán thán, lại còn nói: Sự thành tựu của ông ta cao hơn những vị đại pháp sư giảng kinh, thuyết pháp, và các vị phương trượng trụ trì những ngôi chùa nổi tiếng. Đây là “chuyên”, không có gì khác! Mấy câu ấy của Thiên Đạo đại sư được chép trong chú giải kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, bộ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Tứ Thiếp Sớ do Thiên Đạo đại sư soạn. Do vậy, chúng ta làm nhiều thứ, làm rất nhiều chuyện hoa dạng sẽ vô dụng, chẳng đắc lực! Thật sự đắc lực là một câu A Di Đà. Quý vị nhất định phải biết, nhất định phải hiểu rõ, một câu danh hiệu A Di Đà Phật thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, ngài Cư Ma La Thập dùng nó làm tựa đề kinh này!

(Sớ) Vân Sớ Sao giả, Sớ dĩ thích kinh, Sao dĩ thích Sớ, ký dị hiểu dĩ.

(疏) 云疏鈔者，疏以釋經，鈔以釋疏，冀易曉也。

(Sớ: Nói Sớ Sao thì Sớ là giải thích kinh, Sao nhằm giải thích Sớ, mong cho [độc giả] dễ hiểu).

“Sớ Sao” nói theo cách bây giờ là “chú giải”. Chú giải có rất nhiều tên gọi. Trong Phật môn, [chú giải có thể] gọi là Luận, như Đại Trí Độ Luận là chú giải của kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật, được gọi là Luận, do Long Thọ Bồ Tát soạn. Phàm [những tác phẩm nào] dùng chữ Luận đều hàm ý rất kiên định, rất khẳng định: [Những ý nghĩa được nêu lên trong] bản chú giải này của tôi là ý nghĩa của Phật, quyết định chẳng sai, thì mới có thể gọi là Luận, chẳng khác gì đức Phật đã giảng. Các đại đức về sau chẳng dám gọi [tác phẩm chú giải của mình] theo kiểu ấy, lời tôi giảng chưa chắc đã là ý Phật, chỉ có thể dâng lên quý vị tham khảo, quý vị có thể chọn lọc [những ý kiến nào phù hợp], có thể sửa sai tôi, chứ Luận thì không thể. Luận là lời tôi nói và lời Phật dạy chẳng hai, quý vị chỉ có thể tuân theo, chẳng thể nào không tôn sùng, quyết định chẳng thể thay đổi. Tôi nói một chữ cũng chẳng sai, [dùng chữ Luận nhằm tỏ] thái độ như vậy đó. “Sớ” khách sáo, khiêm hư hơn. Sớ có nghĩa là “khai thông”.

Tại Trung Quốc vào thời cổ, chú giải cũng giống như vậy. Như Xuân Thu Tam Truyện, kinh Xuân Thu do Khổng lão phu tử nói, Tả Khâu Minh soạn một bản chú giải gọi là Tả Truyện. Công Dương Truyện, Cốc Lương Truyện [cùng với Tả Truyện là chú giải của ba người khác nhau³⁶] dành cho bộ kinh Xuân Thu của Khổng lão phu tử. Gọi là Truyện thì Truyện có nghĩa là truyền lại, ý nghĩa này cũng kiên định: [Ý nghĩa trong] bản chú giải này của tôi là ý nghĩa của Khổng lão phu tử, chẳng sai! Một câu cũng chẳng thể sửa, có thể truyền mãi đến đời sau, khẩu khí rất lớn! Người đời sau chẳng dám dùng chữ này; vì thế, [các bản] chú giải dùng chữ Chú, Giải, Sớ hay Sao, dùng những từ ngữ ấy đều là lời lẽ khiêm hư. Có nghĩa là tôi [giảng giải] không nhất định có thể hoàn toàn phù hợp ý Phật, có thể sửa chữa, có thể dùng làm [tài liệu] tham khảo cho mọi người, chẳng khẳng định như vậy. [Dùng các chữ Chú, Giải, Sớ, Sao có] ý nghĩa như vậy đó.

“Sớ” là chú giải “Kinh”. Trong kinh văn có chỗ nào văn tự hay nghĩa lý sâu xa, khó hiểu, sẽ khai thông, khiến cho quý vị dễ hiểu giải. Nhưng đôi khi Sớ vẫn còn rất sâu, vẫn cần phải chú giải lời Sớ, tức là chú giải lời chú giải, đó là “Sao”. Sao tức là chú giải của lời chú giải, nghĩa là Sớ vẫn còn rất khó hiểu, bèn dùng Sao để giải thích Sớ. Hiện thời, chúng ta đọc Sao vẫn chưa hiểu, vẫn thấy [lời Sao] rất sâu, vẫn cần phải chú giải thêm, tức là vẫn phải giải thích thêm lời chú giải của chú giải, lời giải thích ấy gọi là Diễn Nghĩa. Do vậy có Sớ Sao Diễn Nghĩa. Diễn Nghĩa là chú giải lời Sao. Càng chú giải, ý nghĩa càng nhiều, ý nghĩa vĩnh viễn chẳng cùng tận, mục đích là mong cho chúng ta dễ hiểu rõ, dễ thấu hiểu ý nghĩa trong kinh. Vì thế, soạn Sớ, soạn Sao, hay viết Diễn Nghĩa, cho đến chúng tôi giảng giải, đều nhằm [cùng một] mục đích [như đã được nói] ở đây:

³⁶ Công Dương Truyện do Công Dương Cao, người nước Tề, biên soạn. Ông này là một đệ tử của Tử Hạ. Tử Hạ là một đệ tử trứ danh của Khổng Tử, có tên thật là Bốc Thương, quê ở Ôn Ấp, nước Tấn. Tử Hạ được xếp vào Thập Triết, tức mười đại học giả của Khổng Giáo. Thông thường, người ta coi Công Dương Truyện là những ghi chép của Công Dương Cao đối với lời dạy của Tử Hạ về kinh Xuân Thu.

Cốc Lương Truyện do Cốc Lương Tử, ông này cũng ghi chép những lời dạy của Tử Hạ về kinh Xuân Thu mà viết thành sách này. Nhận định về ba tác phẩm chú giải này, Trịnh Huyền nhận xét: “*Tả Thị giới về Lễ, Công Dương giới về Sám (dự đoán), Cốc Lương giới về Kinh*”. Phạm Ninh cho rằng Tả Truyện phong phú nhưng có khuyết điểm chứa nhiều chuyện huyền hoặc, Cốc Lương Truyện trong sáng nhưng quá ngắn gọn, còn Công Dương Truyện có quá nhiều biện luận, phán đoán, và cách hành văn quá thông tục, thiếu tao nhã.

Giúp cho chúng ta lý giải kinh này. Tiếp theo đây là định nghĩa nhằm giải thích chữ Sớ Sao:

(Sao) Sớ giả, cổ vân Điều Trần dã, hựu Ký Chú dã.

(鈔) 疏者，古云條陳也，又記注也。

(Sao: “Sớ”: Cổ gọi là Điều Trần hoặc Ký Chú).

Trong kinh văn có những ý nghĩa rất sâu, ý nghĩa sâu thẳm, chúng ta có thể hiểu được, có thể thấy đôi chút, bèn ghi chú bên cạnh. Hoặc dùng một cuốn vở riêng để viết xuống, ghi chép, đó gọi là Điều Trần, viết xuống từng điều một. Cũng có nghĩa là “ký chú”, “ký” là bút ký, ghi chú mình bạch chỗ tâm đắc, cảm tưởng, ngộ xứ, lãnh ngộ của chính mình.

(Sao) Kim vị kinh nghĩa đắc thử, điều trần nhi bất ẩn hối.

(鈔) 今謂經義得此，條陳而不隱晦。

(Sao: Nay [Sớ] có nghĩa là do nhờ vào đây mà ý nghĩa của kinh được nêu bày từng điều, chẳng bị ẩn khuất).

Ý nghĩa rõ rệt, qua chú giải, chúng ta thấy ý nghĩa hết sức rõ rệt.

(Sao) Ký chú nhi bất di vong dã.

(鈔) 記注而不遺忘也。

(Sao: Ghi chú để chẳng quên sót).

Đây là sợ sau này chúng ta sẽ quên mất, nên viết lại, viết thành bút ký để ghi nhớ, sau này sẽ không quên mất. Những điều ấy đều là ý nghĩa của chữ Sớ.

(Sao) Sao giả, cổ vân Lược Thủ dã, hựu Tả Lục dã. Lược Thủ, tác Điều Trần chi thiết yếu; Tả Lục, tức Ký Chú chi hiển minh.

(鈔) 鈔者，古云略取也，又寫錄也。略取，則條陳之切要；寫錄，即記注之顯明。

(Sao: Cổ nhân nói “Sao” là Lược Thủ, hoặc Tả Lục. Lược Thủ là [chọn lấy] những điều thiết yếu trong phần Điều Trần (Sớ). Tả Lục là giảng rõ phần Ký Chú).

“*Lược Thủ, tắc Điều Trần chi thiết yếu*”: Đặc biệt nêu ra, đặc biệt trình bày những ý nghĩa hay câu văn trọng yếu khiến cho những ý nghĩa ấy càng thêm rõ rệt, chọn lấy những điều trọng yếu [trong lời Sớ]. Chẳng hạn như Hoa Nghiêm Kinh Sớ Luận Toàn Yếu, Pháp Hoa Kinh Văn Cú Toàn Yếu, những tác phẩm ấy đều thuộc loại Lược Thủ. Vì Sớ và Luận có phân lượng quá lớn, cho nên chọn lấy những chỗ trọng yếu. Chỗ không trọng yếu sẽ không sao lục, chỉ trích lục những điểm trọng yếu, bèn gọi là Toàn Yếu. Hai bộ sách ấy đều do thiền sư Đạo Bối biên tập trong niên hiệu Khang Hy đời Thanh, là tác phẩm trích lục. Đối với kẻ nghiên cứu Sớ Luận kinh Hoa Nghiêm như chúng ta, có thể nói [hai bộ sách ấy] đã giúp đỡ rất lớn. Hoa Nghiêm Sớ Luận phân lượng lớn, ý nghĩa cũng sâu, chẳng dễ đọc! Pháp Hoa Kinh Văn Cú Ký cũng giống như vậy, cũng vô cùng sâu, phân lượng khá nhiều! Do Sư thực hiện công tác này, đối với kẻ sơ học chúng ta, quả thật là hết sức có ích. Chúng ta đọc phần tinh hoa, đọc phần lược thuật trọng điểm. Đó chính là ý nghĩa của chữ Lược Thủ. Tả Lục là viết bút ký, nghe giảng, đọc sách đều phải viết bút ký, mang ý nghĩa này. Trước đây gọi là Ký Chú, nay gọi là “viết bút ký”. Giúp quý vị ghi nhớ chẳng quên, lại còn viết rõ ràng, minh bạch những chỗ quan trọng. Đây là định nghĩa của hai chữ Sớ Sao.

(Sao) Ký, vọng dã.

(鈔) 冀，望也。

(Sao: “Ký” là mong mỏi).

“Ký” là mong muốn, là lòng mong mỏi của chúng ta đối với một chuyện gì đó.

(Sao) Kinh nan minh.

(鈔) 經難明。

(Sao: Kinh khó thể hiểu rõ).

Kinh có ý nghĩa rất sâu, chẳng dễ hiểu rõ!

(Sao) Sớ thông chi.

(鈔) 疏通之。

(Sao: [Chú giải] cho thông suốt).

Khai thông [những ý nghĩa ẩn kín bằng cách sớ giải], chúng ta sẽ hiểu rõ ý nghĩa trong kinh.

(Sao) Sớ nan minh.

(鈔) 疏難明。

(Sao: Lời Sớ khó hiểu rõ).

Sớ cũng chú giải rất sâu!

(Sao) Sao xuất chi.

(鈔) 鈔出之。

(Sao: Lời Sao bèn nêu rõ ra).

Sao là viết rõ ràng, phơi bày ý nghĩa.

(Sao) Vọng nhân nhân hiểu liễu kinh nghĩa dã.

(鈔) 望人人曉了經義也。

(Sao: Mong cho ai nấy hiểu rõ ý nghĩa của kinh).

Mục đích ở đây là mong sao mọi người đều có thể hiểu rõ nghĩa lý trong kinh. Nói nhiều ngàn ấy! Chỗ hay trong bản chú giải này của Liên Trì đại sư là: Không chỉ là giảng rõ ràng giáo tướng, mà mỗi đoạn đều có lời bàn luận xúng tánh. Đoạn xúng tánh ấy [nhằm trình bày] những nghĩa lý rất sâu trong kinh, thường nói là “*huyền ngoại chi âm*” (âm thanh nằm ngoài dây đàn, ý nằm ngoài lời), nhìn theo văn tự bề ngoài sẽ chẳng thấy được. Trên thực tế, đoạn văn tự [Xúng Tánh] này nhằm hiển thị đạo lý ấy.

(Sớ) Xúng Lý.

(疏) 稱理。

(Sớ: Xúng Lý).

Sau mỗi một đoạn đều có phần Xúng Lý. Lý là Chân Như bốn tánh, [“*xúng Lý*”] là nói theo Chân Như bốn tánh.

(Sớ) Tắc tự tánh giác, thị Phật nghĩa.

(疏) 則自性覺，是佛義。

(Sớ: Tự tánh giác là ý nghĩa của chữ Phật).

Đó gọi là “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”, hoàn toàn trở về tự tánh.

(Sớ) *Tự tánh giác vô lượng, thị A Di Đà nghĩa; tự tánh Bốn Thi nhị giác, thị lương độ quả nhân nghĩa.*

(疏) 自性覺無量，是阿彌陀義；自性本始二覺，是兩土果人義。

(Sớ: *Tự tánh giác vô lượng là ý nghĩa của A Di Đà, Bốn Giác và Thi Giác trong tự tánh là ý nghĩa của “quả nhân hai cõi”.*

“*Quả nhân*” là Phật. “*Lương độ*” là thế giới Cực Lạc và thế giới Sa Bà của chúng ta. Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật là Bốn Giác, Thích Ca Mâu Ni Phật ở cõi này là Thi Giác, Bốn và Thi chẳng hai.

(Sớ) *Tự tánh giác thể biến chiếu, thị thuyết kinh nghĩa, hậu giai lệ thử.*

(疏) 自性覺體遍照，是說經義，後皆例此。

(Sớ: *Giác thể của tự tánh chiếu trọn khắp là ý nghĩa của sự “nói kinh”, trong những đoạn kế tiếp sau đây đều phỏng theo cách thức này.*

Từ đây trở đi, sau mỗi đoạn đều có phần bàn luận xứng tánh, đây là chỗ tuyệt diệu trong bản chú giải này. Tự tánh giác là Phật, “*Phật*” là tiếng Phạn dịch âm, dịch sang chữ Hán là Giác. Mỗi cá nhân chúng ta cũng đều có giác, có ai chẳng giác? Đều giác. Vì sao không gọi là Phật? Vì quý vị chưa phải là tự tánh giác. Nếu quý vị là tự tánh giác, sẽ được gọi là Phật. Cái giác hiện thời của quý vị là gì? Giác của quý vị trong hiện tại là vọng tâm giác, chẳng là chân tâm, mà là vọng tâm! Suốt ngày từ sáng đến tối khởi vọng tưởng, tưởng Đông, nghĩ Tây, đó là tâm vọng tưởng, tâm ấy cũng đang giác, nhưng những gì tâm ấy giác đều là “thác giác” (giác sai lầm), chẳng phải là chân giác. Vì sao? Vì chẳng phải là chân tâm, làm sao quý vị chân giác cho được? Quý vị dùng vọng tâm, [nên sự giác ngộ của quý vị là] vọng tâm giác, đó là thác giác, chẳng phải là chân giác. Do vậy, nếu quý vị giác ngộ bằng chân tâm, sẽ gọi là Phật; nếu giác ngộ bằng vọng tâm, sẽ chẳng gọi là Phật.

Trong kinh Kim Cang có một câu, ý nói: Chúng ta học Phật, nếu cầu từ sắc tướng và âm thanh của Phật, sắc tướng là gì? Là oai nghi. Đức Phật ngồi thì ngồi như thế nào? Đứng thì đứng ra sao? Ngủ như thế nào?

Bốn oai nghi “đi, đứng, nằm, ngồi” là sắc tướng. Câu từ âm thanh, âm thanh là đức Phật thuyết pháp, quý vị nghe, chiếu theo lời Phật nói để cầu. Đức Phật bảo: “*Thị nhân hành tà đạo*” (người ấy hành tà đạo). Y giáo phụng hành, cố sao vẫn là tà đạo? Quý vị phải hiểu: Sắc tướng và âm thanh của Phật đều nhằm dạy chúng ta phải phát tự tánh giác, chứ không phải là bảo chúng ta học [rập khuôn] dáng vẻ đức Phật, mà là nhìn vào hình dáng, nghe pháp ngữ của Ngài, bèn khơi mở tự tánh giác của chúng ta, đức Phật nhắm tới mục đích ấy, chẳng muốn chúng ta học theo dáng vẻ và cách ăn nói của Ngài.

Trong thuở ấy, [lời giảng ấy] quả thật rất khó hiểu, hiện thời dễ hiểu hơn. Vì sao nói hiện thời dễ hiểu hơn? Nay chúng ta đã cách Phật ba ngàn năm, hình thái ý thức và cách sống của chúng ta hoàn toàn khác [thời] Phật. Nếu chúng ta vẫn học theo dáng vẻ, âm thanh của Ngài, đúng là quý vị lợi ngược dòng, lạc hậu trong xã hội này, không thể thực hiện được! Do vậy, Phật pháp bảo quý vị cầu tự tánh giác. Nếu quý vị thật sự giác ngộ tự tánh, Phật pháp là sống động, chẳng chết cứng, mà sống động, hoạt bát. Phật pháp là gì? Phật pháp là cuộc sống hiện thực, là xử sự, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống, giác chứ không mê, đó là Phật pháp. Vì vậy, chẳng cần phải làm ra vẻ kiêu cạo gì, chẳng phải vậy! [Nếu làm như vậy] sẽ là chết cứng trong Phật pháp. Vì thế, đức Phật nói: “*Kẻ ấy hành tà đạo*”. Vì sao? Thấy Thích Ca Mâu Ni thành Phật, chính mình biến thành ma! Phật dạy chúng ta hãy tự mình thành Phật, đừng biến chính mình thành ma, có ý nghĩa này. Vì thế, câu kinh Kim Cang ấy có ý nghĩa rất sâu.

Quý vị thấy Phật giáo truyền đến Trung Quốc, lập tức liền bị Hán hóa. Ở Ấn Độ, ba y, một bát, mỗi ngày ăn một bữa Ngọ, ngủ dưới gốc cây. Truyền đến Trung Quốc, hoàng đế Trung Hoa cúng dường cung điện, hoặc nơi cư ngụ rất tốt đẹp, các tăng sĩ chẳng cần phải ra ngoài ngủ nơi trống trải. Mỗi ngày đều được cúng dường chu đáo, chẳng cần ra ngoài khát thực. Lại còn được cúng dường y phục rất tốt, ăn uống, quần áo, chỗ ở, cuộc sống toàn bộ đều được Hán hóa. Do vậy, hiện thời còn có những người học Phật, nhất định phải mặc theo kiểu y phục Tiểu Thừa đáp y. Nếu quý vị thật sự muốn học, hiện thời học điều gì? Học theo người xuất gia ở Thái Lan, chứ đâu phải là [học theo] Phật. Vì sao? Vì Phật chỉ có ba y, quý vị còn mặc quần lót, quý vị chẳng [ăn mặc giống như] Phật, ngay cả quần lót cũng không mặc. Đức Phật khát thực, giữa trưa ăn một bữa, hiện thời quý vị ăn ba bữa, chưa học được! Thuở ấy, đức Phật và các đệ tử ngồi xếp bằng dưới gốc cây, chẳng có nhà để ở, nay quý vị còn có nhà

đề ở, quý vị vẫn chưa học được! Quý vị thấy đó: Học chẳng giống, chẳng ra thể thống gì, chẳng gọi là “hành tà đạo” thì gọi là gì?

Những người đó nghe nói như vậy, nhất định sẽ phản đối, nói tôi chửi họ, nói tôi chẳng tuân thủ giáo huấn của Phật, lại còn chửi rửa họ! Chính bọn họ tưởng đó là Phật pháp thì trật mắt rồi! Bởi lẽ, Phật pháp thuộc thời đại nào, nhất định sẽ hoàn toàn tương đồng với thời đại ấy. Ở nơi nào hay thuộc quốc gia nào, nhất định cũng sẽ hoàn toàn tương đồng với phong tục, tập quán nơi đó, mọi người mới vui vẻ, mới hoan hỷ tiếp nhận. Do vậy, Phật giáo truyền đến Trung Quốc dường như là bị Hán hóa, nhưng thật ra, đó là gì? Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Mọi người nhất định phải hiểu rõ đạo lý này, chớ nên chết cứng trong Phật pháp, đừng học chết cứng, mà phải phát khởi tự tánh giác. Đây là một chút ý nghĩa.

“Tự tánh giác vô lượng là ý nghĩa của A Di Đà”, A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác, dịch toàn bộ danh hiệu ấy sang tiếng Hán sẽ là Vô Lượng Giác. Giác tánh của chúng ta là một, giác tánh khởi tác dụng vô lượng vô biên. Vô lượng vô biên tác dụng là A Di Đà. Quý vị phải nhớ kỹ điều này! Giác tánh là gì? Rất khó giảng! Giác tánh là như thế nào? Nếu giảng [giác tánh] là như thế nào, có lẽ cũng có thể hiểu được đôi chút. Lục Tổ đã nói ra hình dáng của tự tánh. Lục Tổ đã trình bày rõ hình trạng của tự tánh giác, Ngài nói: *“Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần”*, đó là hình trạng của giác tánh. Vì thế, giác tánh chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Quý vị có phân biệt, có chấp trước, sẽ là bất giác, là mê! Không chỉ chẳng có phân biệt, chấp trước, mà tâm địa thanh sạch, chắc chắn không lưu giữ ấn tượng. Đó là giác thật sự. Chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, không ghi ấn tượng, tâm thanh tịnh lắm! Tâm ấy rộng lớn không ngăn mé! Tâm có phân biệt sẽ có giới hạn, hề có chấp trước, tâm lượng bèn hẹp hòi, có lớn và nhỏ. Vô phân biệt, vô chấp trước, không ghi ấn tượng chính là trạng huống của giác!

Khởi tác dụng, có phân biệt, có chấp trước, nhưng không giữ lại ấn tượng. Vì sao có phân biệt? Vì chúng sanh có phân biệt! Thuận theo chúng sanh mà phân biệt, chính mình chẳng có phân biệt; thuận theo chúng sanh chấp trước mà chấp trước, chính mình chẳng chấp trước. Vì thế, người ấy chấp trước mà chẳng chấp trước, phân biệt nhưng không phân biệt. Trong Đàn Kinh, thiền sư Hoài Nhượng và Lục Tổ hỏi đáp. Khi câu trả lời của Hoài Nhượng có lời biện bác, Lục Tổ nói: *“Có phải là người có phân biệt hay chăng?”* Hoài Nhượng đáp rất hay: *“Phân biệt cũng chẳng phải là Ý”*, [nghĩa là: Lời đáp mang tính chất phân biệt ấy] chẳng thuộc vào tâm

ý thức. Đó chính là tùy thuận Ngài phân biệt mà tôi phân biệt, chẳng phải là trong tâm tôi thật sự có phân biệt. Lục Tổ bèn ấn chứng, ấn khả. Chẳng phải là chính mình thật sự có phân biệt, chẳng phải là chính mình thật sự có chấp trước, đối với chính mình thì phân biệt lẫn chấp trước thấy đều không có! Do tùy thuận chúng sanh mà phân biệt, tùy thuận chúng sanh mà chấp trước, nhưng tâm địa người ấy thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Đây là trạng huống của tự tánh. Điều này không dễ gì làm được, đây là công phu thật sự.

“*Tự tánh Bốn Thi nhị giác, thị lưỡng độ quả nhân nghĩa*” (Bốn Giác và Thi Giác trong tự tánh là nghĩa của vị chứng quả trong hai cõi). Bốn Giác là đối với Thi Giác mà nói. Thi Giác và Bốn Giác tương đồng, đó là quý vị bắt đầu giác ngộ. Do vậy, quý vị phải biết: Công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn, bất luận pháp môn nào chẳng thể sánh bằng công phu niệm Phật! Ví dụ như tham Thiền, học Mật, học Chú, chắc chắn chẳng bằng niệm Phật, vì sao? Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật, cái tâm năng niệm là Thi Giác, một câu Phật hiệu được niệm là Bốn Giác, Thi, Bốn tương ứng, Thi, Bốn chẳng hai. Thi Giác hợp với Bốn Giác, “*nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”, dùng cách niệm này để đồng thời đoạn Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh phiền não. Quý vị nói pháp môn nào có thể đồng thời đoạn ba thứ phiền não ấy? Không thể nào! Các pháp môn thông thường đều là trước hết phải đoạn Kiến Tư, rồi đoạn Trần Sa, cuối cùng phá Vô Minh, chúng chia thành tầng lớp, chẳng thể đồng thời; chỉ riêng pháp môn Niệm Phật là đồng thời. Chư vị hãy suy nghĩ, nếu chẳng đồng thời, vì sao vừa vãng sanh liền được viên chứng ba thứ Bất Thoái? Nói theo Lý chẳng xuôi! Đây là vì khi niệm Phật, chúng là đồng thời, Thi Giác hợp với Bốn Giác, Thi và Bốn chẳng hai. Do vậy, một câu Phật hiệu này đồng thời đoạn Kiến Tư phiền não, phá Trần Sa phiền não, phá căn bản vô minh. Những chỗ hay của pháp môn này đúng là nói chẳng tận, nhưng người biết tới quá ư là ít.

Vì thế, pháp môn này thù thắng chẳng còn phải tranh cãi nữa, mười phương chư Phật tán thán là có lý, chẳng phải là tùy tiện tán thán. Quý vị thấy các kinh khác có được mười phương chư Phật tán thán hay không? Không có, tìm không ra! Chỉ có bộ kinh này được mười phương hết thảy chư Phật tán thán. Do vậy, bình thường chính chúng ta niệm nhưng chẳng biết đến công phu này. Nói thật ra, chính quý vị là người niệm Phật nhưng niệm cũng chẳng đúng pháp, tuy niệm nhưng công phu chẳng đắc lực. Quý vị thật sự đắc lực thì pháp Niệm Phật thật sự hữu hiệu, phiền não nhất định mỗi ngày một nhẹ hơn, vô minh nhất định mỗi ngày một giảm ít, giác

tánh bèn thấu lộ. Tới lúc mạng chung, Phật đến tiếp dẫn quý vị, Phật quang chiếu soi, Phật lực gia trì, khi ấy, quý vị sẽ đắc nhất tâm bất loạn. Do vậy, hễ vắng sanh bèn viên chúng ba thứ Bất Thoái, đạo lý là như thế đó!

Vì thế, pháp này mới gọi là pháp môn Nhị Lực, nhưng chính chúng ta làm phân nửa, đến khi ấy, Phật lực sẽ gia bị được! Pháp môn thù thắng như vậy, phải cực lực tuyên dương. Do tuyên dương, một chúng sanh tin tưởng thì chúng sanh ấy được thành Phật. Không chỉ là đắc độ, người ấy còn thành Phật! Hai người tin tưởng, hai người thành Phật. Thật sự tin tưởng, đó là đại thiện căn, đại phước báo, kinh dạy: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*” (chẳng thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy). Chúng ta có thể tạo nhân duyên cho chúng sanh, tức là giới thiệu sự thù thắng và công đức lợi ích của pháp môn này với người khác, giảng giải cho người khác nghe. Kẻ ấy tin tưởng, tức là người ấy có đại thiện căn, có đại phước đức. Nếu kẻ ấy không tin, tức là chẳng có thiện căn, chẳng có phước đức. Tuy thiếu thiện căn, phước đức, nhưng “*nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng*” (một phen thoảng qua tai, vĩnh viễn là hạt giống đạo), đã gieo một chủng tử, tuy chưa thể thành tựu trong đời này, trong tương lai vẫn còn có thể thành tựu! Có thể thực hiện tốt đẹp chuyện này tức là báo đền ân Phật.

“*Tự tánh giác thể biến chiếu, thị thuyết kinh nghĩa*” (Giác thể trong tự tánh chiếu trọn khắp là ý nghĩa của việc “nói kinh”), chúng sanh mê mà chẳng giác, vì vậy, đức Phật đến khai thị cho họ, làm cho họ giác ngộ. Có thể khiến cho hết thảy chúng sanh giác ngộ chính là mục đích của việc nói kinh. “*Giác thể biến chiếu*” cũng là ý nghĩa của việc “*thuyết kinh*”. Nói đơn giản, “*biến chiếu*” là đối với hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật, hết thảy thời gian và không gian, không có gì chẳng rõ ràng, không có gì chẳng hiểu rõ, đây là “*biến chiếu*”. Quyết định chẳng mê, biết rõ ràng, rành rẽ, biết được chính mình phải nên xử lý như thế nào, biết chính mình phải nên dùng phương thức gì, làm với thái độ gì, tuy không nói kinh mà cũng giống như nói kinh. Quý vị giác mà chẳng mê. Những kẻ khác có thiện căn và phước đức sâu dày ra, do thấy quý vị đãi người tiếp vật với thái độ như thế, sự giác ngộ của họ được dẫn khởi, chúng ta gọi đó là “thân giáo”. Thân giáo và ngôn giáo thảy đều phải trọn đủ, đương nhiên tâm quý vị thanh tịnh, đây là ý giáo, [tức là] trong tâm đã thuyết kinh, miệng chẳng thuyết kinh, nhưng tâm đã thuyết kinh, chẳng lúc nào, không chỗ nào chẳng nói kinh, mang ý nghĩa này! Đây là ý nghĩa “*biến chiếu*”. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này !

Tập 99

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm tám mươi lăm:

(Sớ) Xưng lý, tức tự tánh giác, thị Phật nghĩa; tự tánh giác vô lượng, thị A Di Đà nghĩa; tự tánh Bồ Đhi nhị giác, thị lưỡng độ quả nhân nghĩa; tự tánh giác thể biến chiếu, thị thuyết kinh nghĩa. Hậu giai lệ thử.

(疏)稱理，則自性覺，是佛義；自性覺無量，是阿彌陀義；自性本始二覺，是兩土果人義；自性覺體遍照，是說經義。後皆例此。

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh giác là ý nghĩa của chữ Phật. Tự tánh giác vô lượng là nghĩa của A Di Đà. Bồ Đhi và Thi Giác trong tự tánh là ý nghĩa người đã chứng quả trong hai cõi. Thể của tự tánh giác chiếu khắp là ý nghĩa “nói kinh”. Những điều sau đó cứ dựa theo đây [mà suy ra ý nghĩa]).

Đoạn văn này khá quan trọng. Cổ nhân thường dạy chúng ta, nghe kinh phải “*tiêu quy tự tánh*”, tu hành phải “*chuyển Thức thành Trí*”, dạy chúng ta hai cương lĩnh trọng yếu ấy. Chúng ta tu học đến rốt ráo sẽ đạt được gì, mấu chốt ở ngay trong hai câu này. Liên Trì đại sư viết tác phẩm chú giải này, mỗi đoạn văn đều tiêu quy tự tánh; những bản chú giải khác đâu có, cũng chẳng nêu bày rõ rệt đường ấy. Đây là nêu gương nhằm dạy chúng ta một phương pháp học tập.

Do vậy, Phật pháp cầu từ nơi đâu? Phải cầu từ tự tánh, đây mới là Phật pháp chân chánh, Phật pháp chẳng ở bên ngoài. Kinh văn là bên ngoài, là ngôn thuyết, đức Phật đã tỷ dụ, kinh Lăng Nghiêm ghi “*do như chỉ nguyệt*” (giống như ngón tay chỉ mặt trăng), ngón tay ấy là ngôn giáo của đức Phật, hết thầy kinh điển đều là ngón tay để chỉ điều gì? Chỉ vàng trắng, mục đích nhằm dạy quý vị hãy nhìn vàng trắng, chớ nên nhìn ngón tay. Nhìn ngón tay là trật mắt rồi, ngỡ ngón tay là mặt trăng, lầm lẫn quá đỗi! Do ngón tay ấy, quý vị bèn thấy vàng trắng, vàng trắng tượng trưng tự tánh. Vì thế, đoạn xưng tánh này nhằm giảng về tự tánh, nhắc nhở chúng ta học Phật phải học theo cách như thế ấy. Đoạn này nhằm giảng tựa đề kinh, tức là [giảng giải] Phật Thuyết A Di Đà Kinh, làm thế nào để biến Phật Thuyết A Di Đà thành tự tánh của chính mình thì quý vị mới thật sự

đạt được. Đạt được điều gì vậy? Minh tâm kiến tánh, tức là những gì do tự tánh lưu lộ và những điều Phật đã giảng chẳng khác nhau.

“Phật” là “*tự tánh giác*”. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư đã giảng cương lĩnh tu hành. Tuy Ngài thuộc Thiên Tông, nhưng nói đến cương lĩnh tu hành trên thực tế cũng có tầng lớp, Ngài giảng năm tầng lớp. Đầu tiên Ngài nói đến “*Nhất Thể Tam Bảo*”, đây là điều những kẻ học Phật chúng ta mong cầu. Đối với cương lĩnh tu học, lão nhân gia nêu ra Tam Quy. Tam Quy của Ngài chẳng phải là “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, mà là “*quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh*”, nói rõ ràng; những câu này thuần túy nói về Tự Tánh Tam Bảo. Thật ra, ý nghĩa của “Phật, Pháp, Tăng” viên mãn hơn “Giác, Chánh, Tịnh”, vì Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo, có thể giảng là Nhất Thể Tam Bảo, mà cũng có thể giảng là Biệt Tướng Tam Bảo, hoặc có thể giảng là Trụ Trì Tam Bảo, đều có thể nói như thế, ý nghĩa viên mãn đều được bao gồm trong ấy. Tôi nghĩ, Thiên Tông nói “*giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm*” (truyền riêng ngoài Giáo, chỉ thẳng tâm người), Ngài trực tiếp chỉ rõ “Giác, Chánh, Tịnh” trong tự tánh là Tam Bảo, là chỗ quy y chân thật của chúng ta. Cách giảng này chẳng hàm hồ chút nào, mà rõ rệt, minh bạch. Giáo Hạ cũng không ra ngoài lệ ấy, hết thầy đều lấy Tự Tánh Tam Bảo làm chỗ quy y chân thật cho chúng ta. Ở đây, [Liên Trì đại sư dạy]: “*Xứng Lý, tức tự tánh giác thị Phật nghĩa*” (Tương xứng với Lý, tự tánh giác là ý nghĩa của chữ Phật).

Kinh Kim Cang nói: Nếu quý vị cầu Phật nơi sắc tướng, hoặc cầu Phật nơi âm thanh, sẽ là “*thị nhân hành tà đạo*” (người ấy hành tà đạo). Sắc tướng là gì? Quý vị nghĩ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp của đức Phật chính là Phật, sai rồi! Cầu nơi âm thanh: Thuở ấy, đức Phật thuyết pháp, âm thanh bao gồm kinh điển nhà Phật. Cầu từ nơi kinh điển, cầu từ lời thuyết pháp thì có thể cầu Phật được hay không? Chẳng cầu được, vì sao? Cầu pháp ngoài tâm! Sắc tướng và âm thanh đều là lục trần bên ngoài, trong ấy đâu có Tam Bảo? Vì thế, nhất định phải biết quay đầu. Nói tới Phật là nói tới vị Phật trong tự tánh của chúng ta thì bản thân quý vị mới thật sự được thụ dụng. Nếu quý vị nghĩ “ở ngoài tâm ta thật sự có một đức Phật đang thuyết pháp”, chính mình thì sao? Chẳng phải là chính mình biến thành ma u? Nhất định phải biết: Tự và Tha chẳng hai, Tánh và Tướng như một, đức Phật trong tâm của chính mình thuyết pháp cho chính mình, thuyết pháp nhằm đánh thức tự tánh giác của chúng ta thì mới hòng đạt được mục đích. Do vậy, nhất định phải nhận biết rõ ràng ý nghĩa chữ Phật, quyết định chẳng nói tới ai khác, mà là nói đến tự tánh giác.

Tự tánh vốn là giác, nay chúng ta đang mê, có đúng là thật sự mê hay không? Chẳng thật sự mê! Nếu tự tánh bị mê, sẽ chẳng thể nói nó là thật, vì sao? Phật pháp nói đến “Chân” thì định nghĩa của Chân là “vĩnh viễn không thay đổi, vĩnh viễn bất diệt, vĩnh viễn chẳng biến đổi”, đây mới là Chân. Nếu tự tánh có mê hay ngộ, tức là nó bị biến đổi; bị biến đổi sẽ chẳng thể gọi là tự tánh! Bị biến đổi sẽ chẳng thể gọi là Giác. Trong các kinh Hoa Nghiêm và Viên Giác, đức Phật nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn thành Phật*”, chẳng sai! Vốn đã thành Phật! Hiện thời có đúng là Phật hay chẳng? Đúng là Phật. Có khác với Thích Ca Mâu Ni Phật và A Di Đà Phật hay không? Chẳng sai biệt! Một tí sai biệt cũng chẳng có! Nhìn từ chỗ nào mà thấy chẳng sai biệt? Nhìn từ tự tánh “Giác, Chánh, Tịnh”, quả thật chẳng sai biệt. Sai biệt ở chỗ nào? Sai biệt là do bản thân chúng ta chẳng nhận biết chính mình, vấn đề ở chỗ này, đó gọi là “mê”.

Tự tánh của chúng ta có mê hay không? Tự tánh chẳng mê. Chẳng mê mà nói là mê, cái mê ấy là giả lập, chẳng thật! Chư vị phải hiểu, Phật pháp nói theo kiểu như vậy hết sức nhiều! Đó gọi là “phương tiện thuyết”. Vì sao nói tự tánh của chúng ta chẳng mê? Nếu quý vị đọc kỹ kinh Lăng Nghiêm, sẽ hiểu rõ. Thường nói: “*Khai huệ Lăng Nghiêm*”, [học tập kinh Lăng Nghiêm sẽ] khai trí huệ, “*thành Phật Pháp Hoa*”, kinh Pháp Hoa nói về sự thành Phật triệt để và viên mãn nhất. Trong phần Thập Phiên Hiền Kiến (mười phen chỉ tánh Thấy) của kinh Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu một thí dụ nhằm chỉ ra căn tánh của sáu căn là giác tánh; nói tới, nói lui nhằm giảng rõ tánh Thấy của chúng ta bất sanh, bất diệt, chẳng đến, chẳng đi, giảng rõ [tánh Thấy là] chân tâm thường trụ. Niệm thứ nhất, chúng ta mở banh mắt nhìn cảnh giới bên ngoài, đây là thấy bằng tánh Thấy trong giác tánh, vì sao? Chúng ta chẳng phân biệt, chấp trước, cũng không ghi giữ ấn tượng. Chẳng khởi phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng giữ lại ấn tượng, có thấy hay không? Đương nhiên là có thấy, lại còn thấy thứ gì cũng rõ ràng, minh bạch, đó là thấy bằng tánh Thấy; nhưng qua niệm đầu thứ hai bèn trật, niệm thứ hai có phân biệt, có chấp trước!

Chẳng hạn như chúng ta vừa thấy một vật rõ ràng, chẳng phân biệt; niệm thứ hai bèn: “*Đây là một quyển sách*”, mê rồi! Vì sao? Nó chẳng có tên, quý vị đặt tên cho nó, trật mất rồi! Cổ đại đức Trung Quốc đã hiểu: “*Danh khả danh, phi thường danh*”. Nó chẳng có tên, đây là quý vị thấy diện mục sẵn có của nó. Thêm vào một cái tên, sẽ chẳng còn là diện mục sẵn có nữa! Nếu lại chấp: “*Đây nhất định là sách, chắc chắn chẳng sai!*”, thêm chấp trước vào, đã trật lại càng trật hơn! Mê pháp như thế đó; đây

gọi là “mê tình”. Mê là gì? Phân biệt, chấp trước, giữ ấn tượng; đó gọi là “tâm ý thức”. Ghi ấn tượng trong A Lại Da, thức thứ bảy chấp trước, thức thứ sáu phân biệt. Tôi vừa mới nói, tu hành phải chuyển Thức thành Trí. Quý vị chuyên biên thức thứ sáu, thức thứ bảy và thức thứ tám, đó gọi là tự tánh giác. Đối với tự tánh giác, nhằm nói cho tiện, bèn dùng thức thứ tám để nói, chúng ta gọi thức thứ tám [khi đã chuyển thành trí] là Đại Viên Kính Trí (*Ādarsha-jñāna*); thức thứ bảy được gọi là Bình Đẳng Tánh Trí (*Samatā-jñāna*); thức thứ sáu gọi là Diệu Quán Sát Trí (*Pratyaveksanā-jñāna*). Cách chuyển ra sao? Nói thật ra, trong hết thấy cảnh giới, lục căn tiếp xúc lục trần, chỉ cần quý vị chẳng phân biệt, không dùng tới phân biệt, bèn chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí. Vì vậy, chúng ta vừa nhìn, chẳng có tí phân biệt, chấp trước nào, đó là Diệu Quán Sát. Vì sao? Dùng tánh Thấy để thấy!

Chẳng có tí chấp trước nào tức là tánh bình đẳng. Quý vị phải hiểu: Có chấp trước nên mới có bất bình đẳng; chẳng chấp trước, vạn pháp sẽ bình đẳng. Tập khí phân biệt và chấp trước của chúng ta quá nặng, quý vị thấy trẻ nhỏ vẫn chưa biết phân biệt, chấp trước gì! Người khác cho nó uống nước đường, nó uống ngon lành; nó bóc phân của chính mình, ăn vào cũng thấy rất thơm. Vì sao? Nó chẳng có phân biệt. Nếu nó phân biệt, sẽ chẳng bao giờ ăn phân nữa, vì sao? Bỏ Giác mê rồi, do mê nên có phân biệt. Lúc chẳng mê, nó chẳng phân biệt, hết thấy đều là bình đẳng, chẳng có đẹp, xấu, chẳng có ưa, ghét. Sâu hơn một tầng nữa, chẳng giữ lại ấn tượng, tâm địa vĩnh viễn thanh tịnh, đó gọi là “*chuyển Thức thành Trí*”. Nếu quý vị hỏi chuyển theo cách nào thì cách chuyển như vậy đó. Quý vị phân biệt, chấp trước, giữ ấn tượng rất sâu, sẽ rất phiền phức, đó là chướng ngại rất lớn đối với tu hành. Do vậy, thật sự dụng công là khi lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, phân biệt, chấp trước, giữ lại ấn tượng càng ngày càng phải giảm thiểu, nhạt bớt. Như vậy mới là tốt, mới có thể khôi phục tự tánh giác.

“*Tự tánh giác vô lượng thị A Di Đà nghĩa*” (tự tánh giác vô lượng là ý nghĩa của A Di Đà), tự tánh giác quả thật vô lượng, nó có công năng vô lượng. Hết thấy cảnh giới vô lượng, vô biên, nên đối tượng nhận biết là vô lượng vô biên, chúng được gọi là “y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới”, không gì chẳng giác. Công năng của giác tánh cũng là vô lượng, đó là ý nghĩa của A Di Đà. A Di Đà là tiếng Phạn, A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. A Di Đà Phật dịch trọn vẹn là Vô Lượng Giác. Tự tánh giác, bất luận năng giác hay sở giác đều là vô lượng vô biên.

“*Tự tánh Bốn Thi nhị giác thị lưỡng độ quả nhân nghĩa*” (Bốn Giác và Thi Giác trong tự tánh là ý nghĩa của người chứng quả trong hai cõi). Bốn Giác là đối với Thi Giác mà nói. Thi Giác và Bốn Giác tương đồng, vì sao có Thi Giác? Vì chúng sanh lúc mê bèn bất giác. Tuy bất giác, Bốn Giác vẫn khởi tác dụng y như cũ. Bất giác là chẳng giác Bốn Giác, chẳng biết chính mình có Bốn Giác, đó gọi là mê, là bất giác. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã nói rất rõ ràng: “*Do bất giác, nên mới kiến lập Thi Giác*”. Nay quý vị bắt đầu giác ngộ. Trong câu “*lưỡng độ quả nhân nghĩa*”, “*quả nhân*” (người đã chứng quả) là Phật, coi A Di Đà Phật như Bốn Giác, Bốn Giác của ai? Bốn Giác trong tự tánh của chúng ta. Coi Thích Ca Mâu Ni Phật như Thi Giác trong tự tánh của chúng ta, có đúng hay không? Đúng! Nếu Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng thuyết pháp, làm sao chúng ta biết chính mình có Bốn Giác, có tự tánh giác? Chúng ta chẳng biết, chưa hề biết. Nhờ Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp, chúng ta mới giác ngộ, suy nghĩ, nhận thấy tự tánh của chính mình quả thật là giác. Trong niệm thứ nhất, chúng ta thấy sắc, ngửi hương, chẳng khởi tâm, động niệm, đích xác là giác tánh, tức là tự tánh giác của chúng ta khởi tác dụng; niệm thứ hai vẫn là tự tánh giác khởi tác dụng. Nếu tự tánh giác chẳng khởi tác dụng, quý vị hãy nghĩ xem, tám thức do đâu mà có? Nói cách khác, khởi tâm, động niệm, phân biệt, chấp trước, cũng do tự tánh giác khởi tác dụng.

Trong tác dụng ấy, chia ra mê và ngộ. Mê gọi là phàm phu, mê là đối với hết thảy tác dụng đều hoàn toàn không biết, đây là phàm phu. Nếu hiểu rõ ràng hết thảy các tác dụng, sẽ là Bồ Tát. Chẳng hạn như kinh được mở đầu bằng “*như thị ngã văn*”, chúng ta hỏi: Ngài có phân biệt hay không? Có chấp trước hay không? Nếu Ngài chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, có sao Ngài nói “ta”? Nếu Ngài đã nói có ta, đương nhiên là có quý vị, có kẻ khác. Đây là có phân biệt, có chấp trước; nhưng Ngài vẫn hiểu rõ ràng, chẳng mê, chẳng mê tức là ngộ. Do vậy, Ngài nói “ta”, chẳng trở ngại Sự, vì sao? Ngài chẳng chấp ngã! Chúng ta nói “ta” bèn chấp ngã, ta chẳng phải là người, người chẳng phải là kẻ khác, đúng là như vậy đó! Miệng Ngài nói “ta”, trong tâm Ngài bình đẳng, chẳng có phân biệt, chấp trước. Vì thế, nói chính là không nói, phân biệt là chẳng phân biệt, chẳng phân biệt là phân biệt, đồng thời! Phân biệt là do tùy thuận chúng sanh mà phân biệt, chính mình quả thật chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Do vậy, bản thân Ngài quả thật đã sử dụng tự tánh giác, sử dụng căn tánh của sáu căn, trọn chẳng dùng tám thức, nhưng biểu lộ ra ngoài thành tám thức, phân biệt, chấp trước, chẳng khác gì chúng ta. Đây gọi là “tùy thuận chúng

sanh, tùy hỷ công đức”. Quý vị phân biệt ra sao, tôi phân biệt theo quý vị [như thế ấy]. Quý vị chấp trước như thế nào, tôi chấp trước theo quý vị [như thế đó]. Hết thấy đều thuận theo chúng sanh, chính mình quả thật chẳng có [phân biệt, chấp trước], Phật, Bồ Tát là như vậy đó! Phàm phu chúng ta [bề ngoài] phân biệt, chấp trước, trong tâm thật sự có phân biệt, thật sự có chấp trước, nên gọi là phàm phu. Vì thế, nhìn bề ngoài, Phật, Bồ Tát và phàm phu chẳng khác nhau, nhưng bên trong hoàn toàn không giống nhau. Ngộ là bên trong chẳng có [phân biệt, chấp trước, vọng tưởng], bên trong thật sự là “giác, chánh, tịnh”. Kẻ mê hoặc, bên ngoài và bên trong giống hệt nhau! Bên ngoài có phân biệt, bên trong thật sự phân biệt; bên ngoài chấp trước, trong tâm cũng thật sự có chấp trước, đó là mê.

Từ chỗ này, chúng ta hiểu một chuyện, công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn, vì sao? Cái tâm năng niệm của chúng ta là Thi Giác, đức Phật được niệm, tức là A Di Đà Phật được ta niệm, chính là Bản Giác. Chúng ta phát tâm niệm một câu A Di Đà Phật, tức là Bản Giác và Thi Giác trong tự tánh. Người biết đến Lý này và sự thật này chẳng nhiều! Vì thế, pháp môn Niệm Phật thành tựu chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị nghĩ xem, pháp môn nào thành tựu thù thắng như pháp môn Niệm Phật? Điều này bày ra ngay trước mặt chúng ta. Phật pháp thường nói “tam chuyển pháp luân”:

- Thị Chuyên: Thị (示) là khai thị, giảng cho quý vị nghe. Người căn tánh bậc thượng vừa nghe liền tin tưởng, hiểu rõ.

- Loại người thứ hai cần phải khuyên. Phải vất vả khuyên lơn thì kẻ ấy mới tin tưởng, đó là loại người thứ hai. [Điều này gọi là Khuyên Chuyên].

- Còn có một hạng người, khuyên họ, họ cũng chẳng tin, người ấy phải thật sự trông thấy sự thật thì mới tin tưởng. Do vậy, đối với loại thứ ba phải thực hiện Chứng Chuyên, [tức là] nêu ra bằng chứng cho người ấy thấy, người ấy mới tin tưởng. Nêu ra chứng cứ cho kẻ ấy thấy mà kẻ ấy vẫn chẳng tin thì không có cách nào hết! Phật cũng chẳng có cách nào độ kẻ ấy!

Pháp môn Niệm Phật có chứng cứ rất nhiều. [Hành nhân niệm Phật] biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh rất nhiều. Chúng tôi chính mắt trông thấy, tự mình nghe thấy, quyết định chẳng phải là giả, rất ư là nhiều! Đã Chứng Chuyên mà vẫn chẳng tin thì kẻ ấy nghiệp chướng quá nặng! Cứ thông thả, chẳng biết là đời nào, kiếp nào, người ấy mới có thể đắc độ. Cam lão cư sĩ ở Cựu Kim Sơn (San Francisco) có kể cho tôi nghe chuyện

một người thân thích của cụ, cũng là một bà cụ, lúc niệm Phật vãng sanh bèn ngồi xếp bằng, biết trước lúc mất. Cụ biết trước lúc mất ra sao? Cụ mất trong đêm, sáng ngày hôm sau, người nhà phát hiện bà cụ ngồi xếp bằng trên giường, đã vãng sanh. Từng bộ tang phục của mỗi người trong nhà đều xếp sẵn trước giường, cụ đã may sẵn từ lâu rồi. Cụ biết sẽ đi lúc nào, đó là chuyện thật, chẳng giả!

Pháp sư Sướng Hoài ở Hương Cảng nói người độ thầy ấy là một vị lão cư sĩ. Sư trông thấy [chuyện ấy] mới niệm Phật, Sư thuộc loại người thứ ba. Sư là học trò của cụ Đàm Hư. Cụ Đàm Hư kể bao nhiêu chuyện, Sư chẳng tin, ắt phải chính mắt trông thấy một trường hợp mới tin tưởng. Năm trước, pháp sư kể với tôi: Vị lão cư sĩ ấy thường đến Đồ Thư Quán của Sư mượn kinh. Sư thấy vị lão cư sĩ ấy vãng sanh, mới tin tưởng niệm Phật, nay Sư niệm A Di Đà Phật chẳng hoài nghi. Kể ra cũng khá lắm, vẫn có thể đắc độ. Vị lão cư sĩ ấy họ Âu Dương, tám mươi mấy tuổi. Trước đây từng làm quan; sau này, chánh phủ [Trung Hoa Dân Quốc] dời sang Đài Loan, cụ sang Hương Cảng ở với con gái. Con gái chẳng hiểu thuận, cụ chẳng mong nhờ cậy được gì, chỉ đành niệm Phật, chỉ đành cầu Phật, phải tự mình lo toan mọi điều trong cuộc sống. Lúc cụ sắp vãng sanh, cụ nói với pháp sư Sướng Hoài, [tức là] lúc cụ mượn Đại Tạng Kinh về xem, có nói cụ sắp ra đi, đem kỳ hạn nói với Sư: Ngày Hai Mươi Hai tháng Chạp sẽ ra đi. Pháp sư Sướng Hoài ghi nhớ rất rõ ràng. Lúc cụ nói lời ấy là ngày mùng Một tháng Chạp, tức là đã nói với Sư ba tuần trước khi vãng sanh, bảo Sư ngày Hai Mươi Hai sai người đến nhà cụ lấy Đại Tạng Kinh về, vì cụ chẳng thể đem trả được, cụ phải ra đi. Pháp sư Sướng Hoài nghe nói vậy, sừng sốt, “đi” là vãng sanh ư? Coi bộ không giống, chẳng tin được, thôi kệ như thế nào đi nữa, cứ ghi ngày giờ lên phiếu ghi nhớ, tới hôm Hai Mươi Hai, sai người đến nhà cụ lấy kinh về là được rồi!

Tới hôm ấy, Sư sai người đến lấy kinh về. [Người ấy] đến nhà cụ, lão tiên sinh còn đang xem kinh. Thấy nhân viên từ Đồ Thư Quán đến, cụ hỏi anh ta: “Cháu đến làm gì?” Anh ta thưa: “Chẳng phải là lão nhân gia bảo hôm nay đến lấy kinh về đó sao?” Lão nhân gia bảo: “Đúng thế, tôi bảo anh hôm nay đến lấy, chứ đâu có bảo anh đến trong lúc này, tôi vẫn còn đang xem mà!” Người trẻ tuổi đương nhiên cũng chẳng muốn đôi co với cụ già, cũng tôn trọng cụ, quay về. Hai hôm sau, đến nhà cụ, người nhà cho biết: “Lão tiên sinh đã vãng sanh”. Anh ta hỏi: “Khi nào?” “Hai tiếng đồng hồ sau khi anh trở về”. Anh ta hỏi: “Cụ mất như thế nào?” “Ngay trong lúc đang ngồi bó gối xem kinh”. Đi như vậy đó. Tiêu sái, thật

sự tự tại! Khi pháp sư Sướng Hoài tới đó thấy vậy, chẳng nói năng gì, trở về nhà niệm Phật.

Thiên Thai Tinh Xá của pháp sư Sướng Hoài, đại diện thờ Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, hai bên là tôn giả Ca Diếp và A Nan, bình thường Sư luôn niệm Nam-mô Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng niệm A Di Đà Phật. Tôi đến thăm tinh xá của Sư, Sư dùng một bức hình Tây Phương Tam Thánh do chúng ta in, lấy băng keo trong dán lên lòng kiếng của tượng Phật. Sư nói: “Nay tôi tin tưởng, nhưng nhất thời không tìm được tượng Phật, xảy ra chuyện mới ôm chân Phật, niệm A Di Đà Phật”, chuyện này là thật, chẳng giả. Do vậy, Sư nói vị lão tiên sinh ấy đã độ Sư! Sư bảo: “Vị lão tiên sinh ấy nhất định là Bồ Tát hóa thân đến độ tôi. Nếu chẳng làm cho tôi đích thân trông thấy, tôi vẫn chẳng niệm A Di Đà Phật”. Chuyện này là chuyện thật! Có lần tôi ở Tân Gia Ba, ở Tân Gia Ba cũng có một bà cụ biết trước lúc vãng sanh. Vì thế, trong thời đại hiện tại, chúng ta thấy [các trường hợp] niệm Phật vãng sanh vẫn nhiều dường ấy. Hơn nữa, lại có nhiều trường hợp vãng sanh tướng lành hết sức tốt đẹp, quá nửa là những kẻ chẳng biết chữ! Bà cụ làng Tướng Quân ở Đài Nam chỉ niệm Phật ba năm, bèn biết trước lúc mất, đứng mất.

Các vị hãy nghĩ xem, pháp môn nào thù thắng như vậy? Người ta không biết bí mật trong một câu Phật hiệu này, bí mật ấy chính là Thi Giác hợp với Bồ Giác, tâm năng niệm là Thi Giác, Phật hiệu được niệm là Bồ Giác; Thi Giác và Bồ Giác chẳng hai, Thi Giác và Bồ Giác tương ứng. Do vậy, công đức của niệm Phật không chỉ có thể chế phục Kiến Tư phiền não, mà đồng thời còn có thể phá Trần Sa và Vô Minh. Thông thường, tu hành phá phiền não, đoạn Kiến Tư trước, rồi mới đoạn Trần Sa, rồi lại phá Vô Minh, theo thứ tự; còn niệm Phật là cùng một lúc. Câu danh hiệu này có sức mạnh ấy, có công đức ấy. Vì thế, vãng sanh sẽ viên chứng ba món Bất Thoái. Nếu quý vị không thật sự hiểu thấu triệt, rõ ràng đạo lý này, thật sự chẳng tin, nói theo phương diện giáo lý sẽ chẳng suông! Thật ra, những kẻ nói theo giáo lý chẳng thể thông suốt, thì nói thật ra là do chưa thấu triệt giáo lý; nếu thật sự thấu triệt, lẽ đâu nói chẳng suông? Tây Phương Cực Lạc thế giới đã có Sự này, đương nhiên sẽ có đạo lý. Có Lý nhất định có Sự, có Sự nhất định có Lý, quý vị đều hiểu rõ ràng, sẽ chẳng hoài nghi, mới hiểu niệm Phật thù thắng, niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn!

Do vậy, chúng ta phải học kinh, học kinh gì? Kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, ba kinh là đủ rồi, chớ nên học những kinh khác nữa. Học những thứ khác, nói thật thà là xen tạp, thật sự chẳng cần phải học! Ba bộ kinh ấy có thể nói là tinh hoa của hết

thầy các pháp môn do mười phương ba đời hết thầy chư Phật đã nói. Kinh Pháp Hoa, kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng đều quy về pháp môn Tịnh Độ. Trong kinh Hoa Nghiêm, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Cổ đại đức nói Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là Tụ Phần của kinh Di Đà mà thôi, Chánh Tông Phần là kinh A Di Đà, chúng ta nên nhận biết điều này!

“*Tự tánh giác thể biến chiếu thị thuyết kinh nghĩa*” (Thể của tự tánh giác chiếu trọn khắp là ý nghĩa của việc nói kinh). Nói kinh là do chúng sanh mê hoặc, bất giác, mới cảm chư Phật Như Lai dùng quang minh của tự tánh, thường gọi là “Bát Nhã trí quang”, chiếu trọn khắp hết thầy chúng sanh, khiến cho hết thầy chúng sanh phá mê khai ngộ, đây là ý nghĩa của việc “thuyết kinh”. Bản thân chúng ta đã giác ngộ, giác ngộ chẳng khác chư Phật Như Lai, cùng là một giác, chẳng phải hai giác. Vì sao? Giác tánh là một, không hai. Kinh thường dạy: “*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân*” (mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân), chính là đạo lý này. Giác tánh giống nhau, do vậy, vạn pháp bình đẳng, chúng ta phải giác ngộ, tu hành từ chỗ này. Nay chúng ta thấy vạn pháp có tốt, có xấu, có vui thích, có chán ghét, có bất bình đẳng trong ấy. Bất bình là mê, giác ngộ là bình đẳng, vì sao? Điều tốt đẹp, đáng ưa thích do tự tánh giác của quý vị biến hiện, mà điều ác, bất hảo, đáng ghét, vẫn do tự tánh giác của quý vị biến hiện. Cái có thể biến hiện là một, tướng được biến hiện có sai biệt, nhưng giác tánh có thể biến hiện là một, chẳng hai!

Ví như ban đêm chúng ta ngủ nằm mộng, cũng có giấc mộng rất ngọt ngào, cũng có khi nằm mộng rất kinh khủng, tướng trong mộng đương nhiên có sai biệt, nhưng cái tâm nằm mộng là một tâm, chẳng phải hai tâm. Nhìn từ Thể, chẳng sai biệt; nhưng Tướng có phân biệt. Thật sự nhận biết Thể vô sai biệt, sẽ hoá nhiên giác ngộ: Tướng cũng vốn chẳng sai biệt. Ví như vàng ròng, đây là Thể, vàng ròng đúc thành một tượng Phật, quý vị rất cung kính tượng ấy. Dùng vàng ròng đúc thành tượng La Sát hay tượng ngựa quý, quý vị trông thấy rất sợ hãi. Tượng khác nhau mà! Nhưng thấy đều là vàng ròng, phân lượng bằng nhau, giá trị cũng bằng nhau, chẳng sai biệt. Do vậy, tướng có thể biến đổi, Thể chẳng biến đổi! Tướng do đâu mà biến? Tướng do tâm phân biệt mà biến, hết thầy các pháp đều từ phân biệt biến hiện. Nếu quý vị chẳng có tâm phân biệt, sẽ chẳng có hết thầy các pháp. Chúng ta ban đêm nằm mộng, cũng là do phân biệt, chấp trước nên mới có! Nếu quý vị chẳng phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng nằm mộng. Vẫn còn nằm mộng tức là quý vị chưa hoàn toàn đoạn sạch phân biệt, chấp trước. Hoàn toàn đoạn sạch, chắc chắn không nằm

mộng. “*Tự tánh giác thể biến chiếu*” chính là ý nghĩa của “*thuyết kinh*”. Thuyết kinh cũng nhằm dụng ý giúp đỡ chúng ta khôi phục Bản Giác, khôi phục tự tánh giác.

“*Hậu giai lệ thứ*”: Sau mỗi đoạn chú giải, Liên Trì đại sư đều có phần Xưng Lý, nhằm giảng đoạn kinh văn ấy theo cách tiêu quy tự tánh, khiến cho chúng ta đạt được rất nhiều lợi ích từ đoạn ấy.

(Sao) Xưng Lý giả, dĩ tức Sự tức Lý, sở vị tổng cai vạn hữu, tức thị nhất tâm, tức y báo, chánh báo, hà phi tự tánh?

(鈔)稱理者，以即事即理，所謂總該萬有，即是一心，則依報正報，何非自性。

(Sao: “Xưng Lý”: Sự chính là Lý, Lý chính là Sự, có nghĩa là toàn thể vạn hữu chính là nhất tâm, cho nên y báo và chánh báo, có thứ nào chẳng phải là tự tánh?)

Sao nhằm giải thích Sớ, nhằm nói rõ ràng hơn, ý nghĩa càng phong phú. “*Xưng Lý*” là gì? Người tu hành thường nói là “*xưng tánh khởi tu*”, xưng tánh khởi tu là chuyện như thế nào? Chính là Xưng Lý! Quý vị hiểu rõ đoạn này, thật sự biến đoạn này thành quan niệm, kiến giải, tư tưởng, hành vi của chính mình thì gọi là “*xưng tánh khởi tu*”. Người xưng tánh khởi tu chẳng phải là phạm nhân, mà là Bồ Tát, chúng ta gọi người ấy là vị Bồ Tát thật sự, danh xứng với thực. Kinh Kim Cang dạy: “*Nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ Tát*” (Nếu Bồ Tát có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì chẳng phải là Bồ Tát), vì sao? Vì vị ấy chẳng xưng tánh. Người xưng tánh khởi tu nhất định là “*vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”, xưng tánh sẽ là Bồ Tát chân thật.

“*Tổng cai vạn hữu, tức thị nhất tâm*” (toàn thể vạn hữu chính là nhất tâm), hai câu này là cương lĩnh. Pháp giới tuy rộng lớn, nhưng y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, mười phương, ba đời, do đâu mà có? Từ nhất tâm của chính mình, nhất tâm biến hiện các vật. Nhất tâm [nói ở đây] là nhất tâm của chính mình. Vì thế, “*y báo, chánh báo, hà phi tự tánh*” (y báo và chánh báo, có thứ nào chẳng phải là tự tánh), có gì chẳng phải là tự tánh? Thật sự giác ngộ, tâm lượng sẽ to lớn, “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”, giác ngộ là như vậy. Khi chưa giác ngộ, tâm lượng rất nhỏ, chẳng thể dung kẻ khác. Người giác ngộ là Phật, Bồ Tát, thật sự biết chân tướng sự thật. Kẻ chưa giác ngộ, chẳng hiểu rõ

chân tướng sự thật. Vì vậy, “giác” là hiểu rõ triệt để chân tướng sự thật, chân tướng của nhân sinh và vũ trụ là nhất tâm sở hiện, sở biến.

Kinh Hoa Nghiêm giảng rất hay: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, tâm có thể hiện tướng, tướng là cái được hiện. Trong kinh thường nói: “*Chư pháp Thật Tướng*”, [Thật Tướng là các pháp đều do] tâm hiện. Thức biến hóa, nên Thức là mê. Do đã mê nên mới có tâm ý thức, mới có phân biệt, chấp trước. Phân biệt và chấp trước là thức. Vì có phân biệt, chấp trước, nên mới biến hiện mười pháp giới. Nếu chẳng có phân biệt, chấp trước, thua quý vị, pháp giới vốn là nhất, cái “nhất” ấy mới là thật! Kinh Hoa Nghiêm nói Nhất Chân pháp giới, pháp giới vốn là Nhất Chân, chẳng phải là mười pháp giới. Mười pháp giới ở đâu ra? Do quý vị phân biệt và chấp trước mới có. Nếu quý vị chẳng phân biệt, chấp trước, lấy đâu ra mười pháp giới? Giống như trên quả địa cầu này có nhiều quốc gia; biên giới giữa các nước do đâu mà có? Do con người vạch ra, do con người chấp trước: Chỗ này là của ta, nơi kia là của người, nên mới có [biên giới]. Nếu lià khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, quý vị tìm khắp địa cầu cũng chẳng thấy biên giới nào hết, tìm không ra, không có! “Không có” là thật; “có” là giả! Vì thế, có phân biệt, chấp trước, có giới hạn là giả, chẳng có giới hạn là thật. Do đó, mười pháp giới là giả, lúc mê mới có, khi giác ngộ chẳng còn nữa. Khi giác ngộ, pháp giới là Nhất Chân.

Đại Chuyên Giảng Tòa lần này, chúng tôi muốn giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật (còn gọi là Thập Lục Quán Kinh). Mấy hôm nay, tôi đang đọc bộ Quán Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa của pháp sư Đế Nhân. Trí Giả đại sư tu Quán Kinh vãng sanh, Ngài y theo phương pháp ấy để tu hành, được vãng sanh. Ngài là tổ sư tông Thiên Thai, bản chú giải ấy của Ngài hết sức nổi tiếng. Bộ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Diệu Tông Sao quá sâu, những người bình phàm hiện thời tuyệt đối chẳng thể đọc được; nhưng tác phẩm ấy vô cùng hay! Trước kia, khi thầy Lý tại thế đã khuyên tôi in nhiều một chút để lưu thông, tôi in bốn ngàn bộ. Bộ Diễn Nghĩa của pháp sư Đế Nhân giống như phần Tiết Yếu (trích lục những phần trọng yếu) của bộ Diệu Tông Sao; đối với mỗi đoạn, Ngài thêm đôi chút ý kiến của chính mình, những ý kiến này dễ hiểu hơn rất nhiều [so với nguyên văn lời Sao]. Ngài bảo tuy có mười sáu phép Quán, nhưng trên thực tế, chẳng ra ngoài nhất tâm, chẳng khác gì câu nói “*tổng cai vạn hữu, tức thị nhất tâm*” (toàn thể vạn hữu chính là nhất tâm) ở đây, hoàn toàn tương đồng. Trong bản chú giải của Ngài, mỗi phép Quán trong mười sáu phép Quán đều dùng phương pháp Nhất Tâm Tam Quán để tu Tây Phương Tịnh Độ, chúng ta có thể hợp cả hai kinh lại để xem.

Nhưng chúng ta tu pháp môn này, chẳng chọn cách quán tưởng, mà dùng trì danh. Mười hai phép Quán đầu trong Quán Kinh là Quán Tưởng Niệm Phật; các phép Quán mười ba, mười bốn, và mười lăm là Quán Tượng Niệm Phật, phép Quán cuối cùng, tức phép Quán thứ mười sáu, là Trì Danh Niệm Phật. Tuy nói cuối cùng, nói về Hạ Phẩm Hạ Sanh, nhưng tôi thưa với chư vị đồng tu: Hạ Phẩm Hạ Sanh giống như màn chót trong một tuồng hát, màn chót là màn hay nhất. Quý vị chớ nên coi rẻ Hạ Phẩm Hạ Sanh, Hạ Phẩm Hạ Sanh và Thượng Phẩm Thượng Sanh chẳng khác nhau, đúng là chẳng thể nghĩ bàn, là pháp khó tin. Có sao nói “chẳng khác nhau”? Quý vị hãy nghiên cứu kỹ lưỡng kinh văn, Hạ Phẩm Hạ Sanh là hạng người nào? Ngũ Nghịch, Thập Ác, ngay lập tức đọa vào A Tỳ địa ngục, đức Phật có năng lực khiến cho người ấy trong lúc lâm chung có thể một niệm hoặc mười niệm vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới do Phật có trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, chẳng khiếm khuyết tí nào. Nếu là một kẻ tội nghiệt cực nặng nề, lập tức phải đọa địa ngục, mà đức Phật chẳng thể khiến cho kẻ ấy lập tức thành Phật, tức là năng lực của Phật vẫn còn khiếm khuyết, vẫn chưa thể nói Phật là vạn đức vạn năng. [Nếu như vậy, nói] Phật vạn đức vạn năng là chúng ta ca ngợi Ngài, chẳng phải là sự thật. Nếu là sự thật, kẻ ấy tội nặng như thế, lập tức đọa địa ngục, đức Phật có thể ngay lập tức khiến cho kẻ ấy thành Phật, chúng ta chẳng còn bàn cãi gì nữa! Phật đúng là vạn đức vạn năng. Phật có làm được hay không? Làm được! Thật vậy, chẳng sai tí nào! Nhìn từ chỗ nào? Phép Quán thứ mười sáu trong Quán Kinh! Quý vị mới hiểu pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn. Bởi lẽ, hết thấy các pháp môn khác chẳng độ được, pháp môn này có thể lập tức độ kẻ ấy thành Phật, nên pháp môn này mới gọi là pháp môn bậc nhất, pháp môn vô thượng, pháp môn không gì sánh bằng, chúng ta mới thật sự thấy rõ ràng! Công đức trì danh niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn!

Tuy là Hạ Phẩm Hạ Sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng viên chứng ba thứ Bất Thoái. Nói cách khác, hạng người nào viên chứng ba thứ Bất Thoái? Đẳng Giác Bồ Tát viên chứng ba thứ Bất Thoái. Người ấy sanh về bên đó, tuy là Hạ Phẩm Hạ Sanh, là phàm phu, nhưng viên chứng ba thứ Bất Thoái. Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói: Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới vô cùng lạ lùng, đặc biệt! Quý vị nói người [vãng sanh] ấy là phàm phu, nhưng người ấy đã viên chứng ba thứ Bất Thoái, đó là Bồ Tát. Nếu quý vị bảo người ấy là Bồ Tát, người ấy chưa đoạn một phẩm phiền não nào, nên người ấy là phàm phu. Vì thế, chẳng thể nói người ấy là phàm phu, mà cũng chẳng thể bảo là Bồ

Tát. Người ấy loại nào cũng không phải, mà loại nào cũng đều phải, nói người ấy là Bồ Tát cũng được, mà bảo là kẻ phạm phu cũng được luôn! Quý vị nói người ấy Bồ Tát cũng không được, gọi là phạm phu cũng không xong! Thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Do nguyên nhân nào vậy? Công đức xung danh niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn! Khi chúng ta thảo luận Quán Kinh sẽ nói cặn kẽ vấn đề này. Bất quá, trong kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ đều có thảo luận rất tỉ mỉ, thảo luận rất sâu xa. Chúng ta biết đây là sự thật, Phật thật sự có năng lực ấy, mỗi cá nhân chúng ta đều có thể làm được!

Nhưng quyết định chớ nên hiểu lầm ý nghĩa này. Nếu quý vị nghĩ kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác, lâm chung mười niệm hoặc một niệm đều có thể vãng sanh, lại còn viên chúng ba thứ Bất Thoái, nay ta làm thêm một chút chuyện xấu cũng chẳng sao! Chờ tới lúc lâm chung, ta lại niệm Phật vẫn có thể [vãng sanh], vẫn còn kịp; nếu quý vị nghĩ kiểu đó, hoàn toàn sai bét rồi! Trong tương lai, quý vị đọa A Tỳ địa ngục, chẳng thể trách tôi nói không rõ ràng! Tôi giảng rõ ràng, rành rẽ, quý vị nhất định đừng nên có tâm lý cầu may! Đó là tình hình gì? Những kẻ ác ấy suốt đời chẳng nghe Phật pháp, hoặc nghe pháp môn khác, chẳng nghe pháp môn Niệm Phật, lúc lâm chung tiếp xúc pháp môn này là tiếp xúc lần đầu. Còn quý vị nay đã tiếp xúc pháp môn Tịnh Độ, chẳng còn cơ hội [giống như người Hạ Phẩm Hạ Sanh nữa đâu]. Nay quý vị hãy khéo thật thà niệm Phật, đừng nên giữ tâm lý cầu may! Phải học theo phương pháp do Thiện Đạo đại sư đã dạy, tức là chúng ta thân chuyên lễ A Di Đà Phật, mỗi ngày lạy A Di Đà Phật; miệng chuyên niệm A Di Đà Phật; tâm chuyên tưởng A Di Đà Phật. Nếu thân khẩu ý tam nghiệp đều có thể hệ niệm A Di Đà Phật, Thiện Đạo đại sư nói: “*Một trăm người tu, một trăm người vãng sanh, một ngàn người tu, một ngàn người vãng sanh, vạn người tu, vạn người đến, chẳng sót một ai!*”, quý vị phải chuyên!

Nhưng trong thế gian này, có một số người rất chấp trước, đầu óc đông cứng. Trước đây, thầy Lý đã gọi họ là “*đầu óc cứng ngắt như khúc gỗ vuông vức*”, chẳng xoay chuyển được! Ở Hương Cảng, tôi cũng đem câu nói ấy khuyên các đồng tu. Giảng xong, có mấy người đến hỏi: “Sau này, chúng con thấy Thích Ca Mâu Ni Phật cũng không cần lạy, thấy Quán Âm Bồ Tát cũng không cần lạy, vì tổ sư nói phải chuyên lễ, thân chuyên lễ A Di Đà Phật!” Tôi nói: “Sao mà lại chấp chết cứng như thế?” Tôi nói: - Tổ nói chuyên lễ chẳng sai, nhưng quý vị phải hiểu, ai dạy chúng ta pháp này? Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta. Chẳng thể nào quên Thích Ca Mâu Ni Phật được! Quên Ngài tức là có lỗi đối với Ngài rồi!

Do vậy, chúng ta lạy Phật, trước hết, lạy ba lạy, lạy Thích Ca Mâu Ni Phật, lạy Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ba lạy. Sau đấy, lạy A Di Đà Phật. Lạy A Di Đà Phật càng nhiều càng tốt, thông thường chúng ta lạy tối thiểu bốn mươi tám lạy. Lạy một trăm lạy, hai trăm lạy, ba trăm lạy, đều là rất phổ biến. Khi chúng ta niệm Phật, mở đầu nhất định niệm Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ba lần, rồi mới niệm A Di Đà Phật. Niệm Nam-mô A Di Đà Phật, niệm sáu chữ hoặc bốn chữ đều được, niệm một trăm câu, niệm một ngàn câu, hoặc niệm một vạn câu. Sau khi niệm A Di Đà Phật xong, chúng ta niệm Quán Thế Âm Bồ Tát ba lần, niệm Đại Thế Chí Bồ Tát ba lần, niệm Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát ba lần, sau đó hồi hướng. Từ xưa đến nay, cách này được gọi là nghi thức chuyên niệm.

Trong tâm thường tưởng cảnh giới Tây Phương Cực Lạc thế giới, thường nghĩ tới A Di Đà Phật. Nghĩ tới cảnh giới Tây Phương, phải niệm kinh Di Đà rất thuần thực, hoặc niệm kinh Vô Lượng Thọ rất thuần thực. Quý vị phải biết: Thuở ấy, Huệ Viễn đại sư kiến lập Tịnh Độ Tông, kiến lập Lô Sơn Liên Xã, một trăm hai mươi ba người ai nấy đều vãng sanh, hội ấy đúng là quá thù thắng. Tổ kiến lập Đông Lâm Niệm Phật Đường, tức Lô Sơn Liên Xã. Khi ấy, kinh Di Đà và kinh Quán Vô Lượng Thọ đều chưa được phiên dịch, chưa truyền tới Trung Quốc, chỉ có kinh Vô Lượng Thọ. Do vậy, đạo tràng niệm Phật ấy tu học hoàn toàn căn cứ trên kinh Vô Lượng Thọ.

Kinh Vô Lượng Thọ là kinh bậc nhất trong Tịnh Độ Tông, nhưng kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà đồng bộ. Kinh kia nói rộng, nói rất tỉ mỉ; kinh này nói đại lược, đơn giản, nhưng nội dung hoàn toàn tương đồng. Vì thế, chúng ta gọi hai kinh ấy là Đại Bản và Tiểu Bản. Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ, Tiểu Bản là kinh Di Đà, nội dung hoàn toàn tương đồng. Kinh niệm rất thuần thực, lúc ấy mới có thể tưởng, phải thường tưởng ý nghĩa trong kinh, Nếu không thuộc kinh, sẽ chẳng có cách nào quán tưởng, sẽ không thể tưởng được!

Nhất là kinh Vô Lượng Thọ vô cùng hay, phân lượng rất vừa phải, không nhiều, không ít. Vì thế, thật sự muốn tu pháp môn Tịnh Độ, mong muốn có thể vãng sanh trong một đời này, tốt nhất là học thuộc lòng bộ kinh ấy, nhưng cũng không cần phải cố ý học thuộc! Quý vị niệm nhiều, niệm thuần thực, sẽ tự nhiên thuộc. Chẳng hạn như quý vị mỗi ngày niệm một lần, niệm hằng ngày chẳng gián đoạn, niệm mười năm hoặc tám năm, lẽ nào chẳng thuộc? Nếu có thể thuộc, quán tưởng sẽ vô cùng thuận tiện. Đồng thời, văn chương trong kinh ấy hết sức hay! Nếu có thể thật sự niệm hiểu và niệm thuộc bộ kinh ấy, quý vị cũng học được Cổ Văn. Quý vị đọc

hết thầy các kinh, đọc hết thầy văn chương thời cổ như Tứ Khố Toàn Thư hoặc Đại Tạng Kinh, sẽ chẳng bị chướng ngại nơi văn tự! Vì thế, có thể coi kinh Vô Lượng Thọ như Cổ Văn để niệm. Kinh ấy chỉ có tất cả bốn mươi tám chương, giống như bốn mươi tám bài. Xưa kia, thầy Lý dạy Cổ Văn, lão nhân gia thường nói: Tối thiểu phải thuộc năm mươi bài cổ văn thì quý vị mới có cơ sở vững vàng về văn chương Văn Ngôn, đọc loại văn Văn Ngôn sẽ chẳng bị trở ngại. Quý vị có thể thuộc một trăm bài cổ văn, sẽ có thể viết lách bằng Văn Ngôn. Do vậy, Ngài hết sức coi trọng chuyện đọc thuộc lòng. Chúng ta là người học Phật, nếu học thuộc kinh Vô Lượng Thọ sẽ là vừa học kinh mà cũng học Cổ Văn luôn, nhất cử lưỡng tiện!

(Sao) Hựu “tức Lý” giả, Sự y Lý thành, như Tịnh Danh vân: “Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật độ tịnh”.

(鈔)又即理者，事依理成，如淨名云：隨其心淨，則佛土淨。

(Sao: Lại nữa, “tức Lý”: Sự nương vào Lý mà thành, như kinh Tịnh Danh đã nói: “Hễ tâm tịnh, cõi Phật sẽ tịnh”).

Trích dẫn một câu từ kinh Duy Ma, kinh Tịnh Danh là kinh Duy Ma³⁷. Trong phần trước đã nói Lý và Sự chẳng tách rời, có Sự nhất định có Lý, tức là có đạo lý. Đã có đạo lý ấy, nhất định có sự tướng. Do vậy, Lý và Sự chẳng tách rời! “Sự y Lý thành”: Nay chúng ta thấy những hiện tượng trong thế giới Sa Bà, tất nhiên có đạo lý trong ấy. Chuyện lớn có Lý, mà chuyện nhỏ cũng có Lý. Đó gọi là “lớn như thế giới, nhỏ như vi trần” đều có Lý trong ấy. Tâm tình của chúng ta cũng biến hóa trong từng sát-na, bị biến hóa là Sự, tức hiện tượng. Mừng, giận, buồn, vui là hiện tượng tâm lý, chúng có Lý. Chẳng có Lý, lấy đâu ra Sự? Vật chất biến hóa, chúng ta nói đến vật thì chúng đích xác có Lý. Do vậy, có Lý nơi vật

³⁷ Kinh Duy Ma (Vimalakīrti Nirdeśa Sūtra), còn gọi là Bát Tư Nghị Giải Thoát Kinh, tường thuật cuộc thảo luận pháp môn Bát Nhị giữa cư sĩ Duy Ma với các vị Thanh Văn và đại Bồ Tát. Cư sĩ Duy Ma gọi đầy đủ là Duy Ma Cát, vốn là Kim Túc Như Lai hóa thân, thị hiện trong nước Tỳ Xá Ly (Vesāli) của thế giới Sa Bà giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa. Chữ Duy Ma Cát có nghĩa là “danh xưng không bị ô nhiễm”, nên thường được dịch sang tiếng Hán là Tịnh Danh hoặc Vô Cấu Xung. Kinh này có đến bảy bản dịch, nhưng đã thất truyền bốn bản. Bản được lưu truyền rộng nhất là bản Duy Ma Cát Sở Thuyết Kinh do ngài Cưu Ma La Thập dịch, còn bản Thuyết Vô Cấu Xung Kinh của ngài Huyền Trang dịch hầu như chỉ dành để tham khảo.

và Lý nơi tâm; nhưng Lý nơi vật và Lý nơi tâm là một; bởi lẽ, chân lý chỉ có một. Xứng Lý thì chủ yếu là chúng ta phải tìm được Lý này!

Ở đây, [lời Sao] trích dẫn kinh Tịnh Danh: “Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh”, chúng ta dùng lý này để nhìn. Đạo lý này có nghĩa là: Thật sự giác ngộ duy tâm Tịnh Độ chính là cái Lý để nương vào (sở y chi Lý). Cõi Phật thanh tịnh, cảm vôi y báo và chánh báo trang nghiêm, đây chính là những Sự được thành [bởi Lý]. Đã nương vào Lý để thành tựu Sự, Sự nhất định phải xứng Lý. Căn cứ trên đạo lý này, chúng ta quan sát hoàn cảnh trước mắt, cũng phải nên giác ngộ. Hiện thời, cả thế giới đều động loạn, động loạn đến mức chẳng thể vãn hồi, trong ấy có Lý, Lý gì vậy? Lòng người thiếu chỗ nương về! Ở Trung Quốc, trong quá khứ, trải các đời đều có thể nói là có những khoảng thời gian ổn định, bình trị khá dài. Tuy có động loạn, nhưng thời gian động loạn cũng không dài. Đó gọi là “loạn lạc rồi đến bình trị”. Thời gian cõi đời yên ổn dài hơn đời loạn, do nguyên nhân nào? Tư tưởng và kiến giải của mọi người có cùng một tiêu chuẩn. Dầu lệch khỏi tiêu chuẩn ấy, cũng chẳng lệch khỏi quá xa! Vì thế, lòng người có chỗ nương về. Chỗ nương về là gì? Một đảng là Nho gia, đạo thống (giềng mối đạo) của học thuyết Khổng Mạnh, một đảng là Đại Thừa Phật pháp. Người Trung Quốc xử sự, đãi người, tiếp vật, tư tưởng, kiến giải đều dựa trên tiêu chuẩn của Nho và Phật, nên mới có thể bình trị lâu dài.

Hiện thời, lòng người chẳng quay về nương náu [Nho và Phật], không có gì để noi theo. Vì vậy, thế giới đại loạn, dân chúng phải hứng chịu khổ sở. Trong quá khứ, tại phương Tây, tuy phương Tây không có học thuật³⁸, nhưng phương Tây có tôn giáo, tư tưởng của Cơ Đốc Giáo và Thiên Chúa Giáo ảnh hưởng lòng người Tây Phương, gần như là cả hai ngàn năm. Hiện thời, người Tây Phương chẳng tin Thượng Đế, người Đông Phương chẳng cần đến Khổng Tử và Phật, đây là căn nguyên khiến thế giới đại loạn. Tương loạn lạc ấy mọi người đều thấy, mỗi năm một rõ rệt hơn, điều này tuyệt đối chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Vì thế, tôi giảng kinh các nơi ở hải ngoại, mọi người rất quan tâm đến sự động loạn trên thế giới. Tôi thật thà bảo họ: Chúng ta có thể tu hành, khéo niệm Phật, niệm kinh, ước chừng trong năm năm chẳng có vấn đề. Lâu hơn chút nữa là thêm hai năm thành bảy năm, chứ sau đây tôi không dám nói. Đại tai nạn trên thế giới ngày một sát nút, trong vòng từ năm năm đến bảy năm,

³⁸ Chữ “*học thuật*” được dùng ở đây để chỉ những quan điểm luân lý, đạo đức giống như Nho và Phật, chứ không có nghĩa là những trường phái triết học, khoa học như trong hiện thời.

chúng ta chẳng tự chuẩn bị đường thoát thân cho tốt đẹp thì sau này chẳng thể nào tưởng tượng được! Trong thời gian ngắn ngủi như thế, dùng phương pháp gì để cứu chính mình? Trừ thật thà niệm Phật ra, chẳng có con đường thứ hai nào! Trước lúc ra đi, thầy Lý nói: “*Thế giới loạn chẳng thể cứu được, hãy mau chóng sang Tây Phương*”. Thầy luôn khuyên học trò hãy mau chóng di dân sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, đừng di dân sang ngoại quốc. Ngoại quốc càng rồi ren hơn, chẳng tốt đẹp bằng Đài Loan. Tại Đài Loan, thật thà chuẩn bị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây mới là đường ngay, đây mới là sự tính toán thông minh!

Hiện thời, lòng người chẳng thanh tịnh, đương nhiên cõi nước chẳng thanh tịnh. Lòng người thanh tịnh, cõi nước sẽ thanh tịnh. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, người một nhà hòa thuận, người một nhà tâm thanh tịnh, nhà người ấy thanh tịnh; trong một đoàn thể mà lòng người thanh tịnh thì đoàn thể ấy sẽ thanh tịnh; một xã hội, một quốc gia mà lòng người thanh tịnh, nơi ấy sẽ thanh tịnh; nhưng quý vị hãy suy nghĩ, dùng phương pháp gì để tịnh hóa lòng người? Hiện thời, người thật sự tin vào đạo lý Phật pháp có mấy ai? Tiếng tăm, lợi dưỡng vừa bày ra trước mặt sẽ lại lập tức thoái lui.

Lần này, ở Tân Gia Ba, pháp sư Diễn Bồi hết sức cảm khái nói với tôi: Mắt thấy Phật pháp không có người kế tục, do nguyên nhân gì? Người trẻ tuổi xuất gia chẳng ít, nhưng sức dụ dỗ mê hoặc của tiếng tăm lợi dưỡng bên ngoài quá lớn, kinh sám Phật sự tiêu diệt Phật pháp! Có rất nhiều pháp sư trẻ tuổi chẳng chăm chỉ học kinh, học kinh rất khổ, họ đi niệm kinh [cho người khác kiếm tiền]. Niệm nửa năm hoặc là một năm, chính mình sẽ mua được nhà, tự mình dựng một ngôi chùa. Dựng chùa để làm gì? Lại tiếp tục làm kinh sám Phật sự, làm ông chủ! Trước kia [các pháp sư trẻ tuổi ấy ở trong chùa miếu của các vị hòa thượng hay pháp sư đại đức lớn tuổi hơn] là làm công, làm công một thời gian, có tiền bèn mở tiệm làm chủ, lão hòa thượng có đồ đệ hay không? Có chứ, đồ đệ đâu cả rồi? Đi hết rồi, bên mình chẳng có một ai!

Hiện thời, đối với tin tức trong thế gian này, biết ít một chút cũng chẳng sao! Tin tức nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới phải biết nhiều hơn một tí mới tốt. Trong tâm thường nghĩ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đừng nghĩ tới chuyện trong thế giới này. Chúng ta có thể rời khỏi thế giới này sớm một chút là có phước nhất. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sớm một chút. Ngày hôm nay đã hết thời gian rồi, tôi giảng tới chỗ này. Lời chú giải trong đoạn này rất dài, vô cùng trọng yếu!

Tập 100

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm tám mươi sáu:

(Sao) Xứng Lý giả, dĩ tức Sự tức Lý. Sở vị, tổng cai vạn hữu, tức thị nhất tâm, tức y báo chánh báo, hà phi tự tánh? Hựu, tức Lý giả, Sự y Lý thành, như Tịnh Danh vân: “Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật độ tịnh”.

(鈔)稱理者，以即事即理。所謂總該萬有，即是一心，則依報正報，何非自性。又即理者，事依理成，如淨名云：隨其心淨，則佛土淨。

(Sao: “Xứng Lý”: Sự chính là Lý, Lý chính là Sự, có nghĩa là toàn thể vạn hữu chính là nhất tâm, cho nên y báo và chánh báo, có thứ nào chẳng phải là tự tánh? Lại nữa, “tức Lý”: Sự nương vào Lý mà thành, như kinh Tịnh Danh đã nói: “Hễ tâm tịnh, cõi Phật sẽ tịnh”).

Đây là trích dẫn một câu rất nổi tiếng trong kinh Duy Ma để chứng thực.

(Sao) Kim kinh ngôn nhất tâm bất loạn.

(鈔)今經言一心不亂。

(Sao: Nay kinh này nói “nhất tâm bất loạn”).

[Chữ “kim kinh”] chỉ bộ kinh A Di Đà đang được chúng tôi giảng.

(Sao) Tức tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ, vi nhất kinh đại chỉ đã. Minh lý nhi đàm, vân “xứng Lý” đã.

(鈔)即自性彌陀，惟心淨土，為一經大旨也。冥理而談，云稱理也。

(Sao: “Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ” là tông chỉ chánh yếu của kinh này; ngầm nói đến Lý nên gọi là “xứng Lý”).

Tông chỉ quan trọng nhất của kinh này là “tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”.

(Sao) Giác thị tổng nghĩa, giác thể chi trung, quảng đại tất bị, vô cùng vô tận, thị vi biệt nghĩa.

(鈔)覺是總義，覺體之中，廣大悉備，無窮無盡，是為別義。

(Sao: Giác là nghĩa tổng quát, trong giác thể rộng lớn trọn đủ, vô cùng, vô tận; đây là nghĩa riêng biệt).

Những điều này đều nhằm giải thích [những ý nghĩa] trong lời Sớ. “Giác” là tổng nghĩa, [tức là] nói tổng quát. Trong đoạn trước, lời Sớ đã giảng: “Tự tánh giác thị Phật nghĩa” (tự tánh giác là ý nghĩa của chữ Phật). Câu tiếp theo là “giác thể chi trung” (trong giác thể) nhằm giải thích câu “tự tánh giác vô lượng, thị A Di Đà nghĩa” (tự tánh giác vô lượng là ý nghĩa của A Di Đà) [trong lời Sớ]. “Quảng đại”: Quảng là nói theo tác dụng; cho nên nó bao gồm các ý nghĩa “rộng nhiều, rộng rãi mênh mông”. “Giác thể” là chân tâm của chúng ta, chân tâm vốn giác; vì thế, nó được gọi là Bản Giác. Phật môn thường nói tới mê, mê gì vậy? Mê mất Bản Giác. Nói cách khác là mê bản tâm, hoặc có thể nói là mê bản tánh. Bản Tâm, Bản Tánh và Bản Giác đều có cùng một ý nghĩa. Chúng ta mê là mê điều này, nên mới biến thành bất giác. Mê như thế nào? Nói thật ra, điều này cũng hoàn toàn chẳng khó hiểu! Trong tâm chúng ta có ý niệm, đó là mê. Vì sao? Trong chân tâm chẳng có ý niệm. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường dạy: “Chân tâm ly niệm”, chẳng có ý niệm. “Có niệm” là vọng tâm. Nói cách khác, có niệm là bất giác, là mê; vô niệm là giác. Chúng ta nghe nói như vậy, được rồi, tất cả hết thảy các vọng niệm đều dứt trừ, điều gì cũng chẳng nghĩ tới, vậy thì quý vị có giác hay không? Vẫn là bất giác! Vì sao nói là “bất giác?” Vì quý vị vẫn còn có “vô niệm”. Quý vị có vô niệm, tức là vẫn còn có ý niệm [“ta nay đã vô niệm”], chuyện này phiền lắm. “Có niệm” là bất giác, vô niệm cũng là bất giác. Do vậy, trong sự lìa ấy, chẳng những không thể có hữu niệm, mà vô niệm cũng chẳng cần đến. Hữu niệm lẫn vô niệm thảy đều lìa, chân tâm bèn hiện tiền.

Bởi lẽ, có những kẻ hiểu lầm, ngỡ “lìa hết thảy niệm” là niệm gì cũng đều chẳng cần đến, rốt cuộc vẫn giữ chặt một cái “vô niệm”. Quý vị có niệm hay không? Tôi chẳng có ý niệm thì “chẳng có ý niệm” vẫn là một niệm, vẫn là một vọng niệm! Vì thế, người ấy chẳng có cách nào hiển lộ chân tâm, chẳng có cách nào khôi phục giác thể, đạo lý ở chỗ này. Đây là “tu Vô Tướng Định” như trong nhà Phật thường nói. “Vô tướng” vẫn là một thứ tướng, tức là suy tướng đến sự “vô tướng” ấy. Do vậy, người ấy vẫn còn một niệm, cho nên chẳng phải là công phu thật sự, quả báo là

[sinh trong] Vô Tướng Thiên (Asamjñisattvāh), tu hành đến cuối cùng biến thành ngoại đạo. Vô Tướng Thiên là ngoại đạo. Chúng ta phải hiểu đạo lý này, tu hành đúng là khó, thật sự chẳng phải là chuyện dễ dàng! Đến khi quý vị có công phu tu hành kha khá, sẽ thường xuất hiện nhiều cảnh giới, quá nửa những cảnh giới ấy [thoạt nhìn] rất giống [thánh cảnh], nhưng chẳng phải [là thánh cảnh thật sự]. Vì thế, [nếu hành nhân không biện định, hiểu rõ], sẽ thường bị rơi vào cảnh ma.

Tôi thường nghe các đồng tu nói, họ cũng quen biết các đồng tham đạo hữu hoặc bạn bè, nói tu hành nửa tháng hoặc một năm bèn đổ bệnh; mà bệnh cũng chẳng nhẹ. Nói cách khác, đó là chuyện đáng tiếc trong cả đời người ấy, chẳng có cách nào khôi phục bình thường. Nói thông tục là tu đến nổi mắc bệnh thần kinh, chuyện này rất phiền, không ai có sức cứu người ấy được! Nếu người ấy chẳng sốt sắng, chẳng dụng công tu hành, không sao hết, chẳng sanh ra chuyện. Vừa thật sự dụng công, nầy sanh phiền phức liền! Đừng nói là tu Thiên, tu Mật, tu những pháp môn khác dễ bị trục trặc, [ngay cả] niệm Phật mà nếu niệm không đúng pháp cũng bị trục trặc, chỉ là ít hơn một chút mà thôi. Lúc tôi mới học Phật, vừa mới đến Đài Trung thân cận thầy Lý; thầy Lý bảo chúng tôi, thầy có hai người học trò niệm Phật trong Tinh Tấn Phật Thất bèn đổ bệnh. Cụ hết sức hao tổn tâm sức, gần như phải mất tám tháng mới trị cho một người trở lại bình thường, tốn thời gian hơn một năm để trị cho người kia. Đây là nói nếu quý vị thật sự dụng công, một niệm sai lầm sẽ sanh ra sai lầm. Vì thế, niệm Phật chẳng thể không hiểu đạo lý và phương pháp, nhất định phải giữ vững nguyên tắc.

Nói cách khác, hễ đổ bệnh tức là tâm người ấy không đúng mực, cầu nhanh chóng, hiếu thắng, muốn vượt trội người khác, đều do các vọng niệm này nên người ấy mới đổ bệnh! Nếu không, dùng cái tâm bình thường để tu hành, chẳng tham cầu cảnh giới, cũng chẳng đòi hỏi thành tựu nhanh chóng, cứ thật thà niệm mãi một câu A Di Đà Phật, chắc chắn chẳng có khuyết điểm gì! Vì thế, cái tâm hiếu thắng là chuyện phiền phức; trong Phật môn gọi là “cống cao, ngã mạn”; hiếu thắng cũng thuộc loại ngã mạn. Nếu quý vị chẳng thật sự dụng công thì không sao; nhưng thật sự dụng công sẽ xảy ra chuyện. Tâm hiếu thắng là đại chướng ngại, ngạo mạn trong “tham, sân, si, mạn” là đại phiền não, hiếu thắng, hiếu cường, muốn vượt trội người khác, ý niệm ấy chẳng tốt! Vì thế, Phật, Bồ Tát dạy chúng ta phải khiêm hư, người khác ở đằng trước, chúng ta ở đằng sau. Như Ngẫu Ích đại sư là một người lỗi lạc; lão nhân gia niệm Phật cầu vãng sanh, Ngài nói: *“Ta chỉ cần hạ hạ phẩm vãng sanh là đủ rồi, thỏa mãn*

rồi”. Quyết định chẳng có chút tâm niệm hiếu thắng hiếu cường, Ngài chẳng có [tâm niệm ấy]! Thông thường, người như vậy thành tựu thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Phàm những kẻ hiếu thắng hiếu cường đến cuối cùng đều thất bại. Chúng ta phải chú ý, cảnh giác điều này.

Chân tâm có tác dụng vô lượng, vô biên; vì thế, gọi nó là Quảng. “Đại” là lời tán thán, giống như chữ Đại trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, hoặc Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh đều thuộc về lời lẽ tán thán. Trong Đại Kinh đã giải thích ý nghĩa của chữ ấy, tán thán điều gì? Tán thán Chân Như bản tánh, mà cũng là tán thán giác thể của Bản Giác; nhà Thiên gọi nó là “*phụ mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục*” (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra), [Chân Như bản tánh] đúng là to lớn! Vì vậy, Đại ở đây chẳng phải là Đại trong Đại Tiểu (lớn hay nhỏ), mà là chẳng có cách nào hình dung, quả thật chẳng có lời lẽ nào để có thể tán thán, bất đắc dĩ miễn cưỡng dùng chữ Đại này, mượn chữ này để tán thán nó. “*Quảng đại tất bị, vô cùng, vô tận*” chính là ý nghĩa riêng biệt.

(Sao) Bản Thủ hữu nhị.

(鈔) 本始有二。

(Sao: Bản Giác và Thủ Giác có hai cách nói).

“*Hữu nhị*” là có hai cách để nói.

(Sao) Ước tiên hậu, tác Di Đà cổ Phật, thử Phật tân thành, thị bỉ Bản thử Thi.

(鈔) 約先後，則彌陀古佛，此佛新成，是彼本此始。

(Sao: Xét theo thứ tự trước sau, Di Đà là cổ Phật, còn vị Phật [trong cõi] này là mới thành, nên gọi [vị Phật kia] Bản, vị này là Thi Giác).

Nói theo thứ tự trước và sau, hoàn toàn nói theo tướng. A Di Đà Phật tại Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật tới nay đã mười kiếp. Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật trong thế giới này là vị Phật mới thành, Ngài trụ thế tám mươi năm (bảy mươi chín tuổi nhập diệt, tính từ đầu đến cuối là tám mươi năm). A Di Đà Phật thành Phật trước, Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật sau. A Di Đà Phật thành Phật từ mười kiếp trước, Phật Thích Ca thành Phật trong hiện tại. “*Thị bỉ Bản thử Thi giả*”, vị thành Phật trước là Bản, vị thành Phật sau là Thi. Thích Ca Mâu Ni Phật là Thi, tức Thi Giác, A Di Đà Phật là Bản Giác.

(Sao) Tục tụng tánh bản lai thị Phật vi Bản. Vô minh sở phủ, kim phương phá Hoặc chứng trí vi Thi dã.

(鈔)即自性本來是佛為本，無明所覆，今方破惑證智為始也。

(Sao: Tục tụng vốn sẵn là Phật, đó là Bản; bị vô minh che lấp, nay mới phá Hoặc, chứng trí, đó là Thi).

Thật sự nói đến ý nghĩa của Bản và Thi, thì Bản là nói đến tục tánh, Chân Như tục tánh; đó là Bản. Bản và Thi đều là nói phương tiện, chẳng Chân. Trong Chân, đâu có Bản và Thi! Có Bản và Thi, đó là giả, chẳng phải là Nhất Chân, đã biến thành hai pháp, làm sao có thể gọi là Nhất Chân cho được? Vì thế, đây là nói phương tiện. Vì chúng ta mê, sau khi mê, lại phá mê khai ngộ, nên gọi là Thi. Cái mê ấy có phải là thật sự mê hay không? Chẳng phải là mê thật sự. Nếu thật sự mê, làm sao còn có thể phá cái mê ấy? Không thể phá được! Mê là hư vọng, chúng ta thường gọi là “vọng tình”, mê vọng. Do vậy, mê chẳng phải là thật, giác là thật.

Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã nói rất hay: “*Bản Giác vốn có*”, vốn sẵn có, “*bất giác vốn không*”, bất giác là mê, mê vốn chẳng có. Hiện thời có [bất giác] hay không? Hiện tại vẫn chẳng có. Nếu hiện tại là thật sự có, sẽ chẳng thể phá mê được! Giống như tối tăm, có tối tăm hay chẳng? Chẳng có tối tăm, vì sao? Đèn vừa bật lên, tối tăm chẳng còn nữa! Nếu có tối tăm thì bật đèn lên, tối tăm cũng chẳng mất đi, nó mới là thật sự có! Đèn vừa bật lên, tối tăm chẳng còn nữa, có thể thấy tối tăm là vọng, chẳng thật. Vì thế, mê là quý vị chưa ngộ. Hễ quý vị giác ngộ, mê chẳng còn nữa! Phá mê khai ngộ, hễ giác ngộ, mê chẳng còn nữa. Do vậy, dẫu thời gian mê lâu dài đến mấy, chúng ta cũng chẳng sợ. Cổ đức tỷ dụ “*thiên niên ám thất*”, [tức là] căn phòng ấy đã tối tăm cả ngàn năm, thời gian ấy rất dài, nhưng quý vị thắp một ngọn đèn, liền sáng sủa, chẳng còn tối tăm nữa! Từ vô thị kiếp tới nay, chúng ta luôn mê hoặc. Chớ sợ! Chỉ cần hiện tại quý vị ngộ thì vô lượng kiếp mê tình thấy đều chẳng còn nữa, đều tiêu mất, chỉ sợ quý vị chẳng ngộ!

Lý ấy có thể nói là chẳng khó hiểu, nhưng chuyện ấy chẳng dễ dàng như thế. Cũng có đồng tu tới nói với tôi: “*Khi con niệm Phật thì cũng được lắm, lúc đọc kinh cảnh giới cũng rất tốt, nhưng hễ tụng chuyện, phiền não lại dậy lên, làm thế nào đây?*” Phiền não dậy lên là mê hoặc, mê tình lại dậy lên! Do đó, chúng ta hiểu rõ: Công phu giác vào lúc nào thì mới là thật sự giác ngộ? Trong lúc gặp chuyện! Nói cách khác, xử sự, đãi người,

tiếp vật, tâm quý vị thanh tịnh, không bị xoay chuyển bởi ngoại cảnh thì quý vị thật sự giác ngộ. Vẫn còn bị ngoại cảnh xoay chuyển, tuy niệm Phật, dù mỗi ngày niệm nhiều đến đâu đi nữa, quý vị vẫn là bất giác! Do vậy, giác phải được khảo nghiệm trong xử sự, đãi người, tiếp vật, khảo nghiệm xem quý vị đã thật sự giác ngộ hay chưa?

Do điều này biết rằng: Chúng ta bình thời niệm Phật nhằm bồi dưỡng giác tánh. Chúng ta thường đang mê, bất giác, [niệm Phật nhằm] huân tập khí phận Thi Giác, lúc gặp chuyện quý vị chẳng mê thì mới hữu dụng. Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật này, phải hiểu ý nghĩa của câu danh hiệu này. A Di Đà Phật là tiếng Phạn dịch âm, dịch sang tiếng Hán là Vô Lượng Giác. Niệm một câu A Di Đà Phật là niệm niệm giác, chẳng mê, có ý nghĩa ấy, tức là ý nghĩa “vô lượng giác”. Bất luận lúc nào, bất luận ở nơi đâu, bất luận cảnh giới thuận hay nghịch, ta đều phải giác chứ không mê. Giác chứ không mê, sẽ giữ được tâm thanh tịnh bất động. Ta thấy rõ ràng, nghe rõ rệt, thứ gì cũng rõ ràng, minh bạch, đây là trí huệ. Tuy điều gì cũng rõ ràng, nhưng trong tâm như như bất động; bất động là gì? Chẳng khởi tham, sân, si, mạn, nghi, chẳng dấy động những thứ ấy. Trong thuận cảnh, chẳng khởi tâm tham ái, chẳng có ý niệm ấy. Trong nghịch cảnh, tâm chẳng sân khuê, tâm cảnh bình đẳng, chẳng có tâm ngạo nghễ, ngã mạn, thứ gì cũng rõ ràng, chắc chắn chẳng có tâm nghi hoặc. Tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, trong tâm thấy đều chẳng có. Đây là như như bất động, lại hiểu rõ ràng bên ngoài, cái tâm khi ấy mới thật sự là giác ngộ, đó là Thi Giác.

Thi Giác niệm niệm đều là Thi Giác. Chẳng hạn như quý vị tu hành chứng quả, chứng đạo, lấy Viên Giác để nói thì Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín là Thi Giác, quý vị đã đắc địa vị Sơ Tín. Từ Sơ Tín đến Nhị Tín vẫn là Thi Giác, tức là Thi Giác của địa vị Nhị Tín. Từ Nhị Tín đạt lên Tam Tín, vẫn là Thi Giác, tức là Thi Giác của Tam Tín, mãi cho đến địa vị Đẳng Giác Bồ Tát, vẫn là Thi Giác. Do vậy, đối với Thi Giác, hằng ngày đều là Thi Giác, qua kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn là “*thi thành Chánh Giác*” (mới thành Chánh Giác). Do vậy, biết: Thi và Bồn chẳng hai, mang ý nghĩa này. Niệm niệm đều là Thi Giác; Thi Giác và Bồn Giác là một, không hai. Vì thế, phải hiểu vô minh chẳng thật, nhưng có vô minh hay không? Có! Tuy có, nhưng chẳng thật, chẳng phải là thật sự. Vì nó là pháp sanh diệt; có sanh, có diệt, nên nó chẳng thật. Bồn Giác là thật, vì Bồn Giác là pháp bất sanh, bất diệt. Do Bồn Giác bất sanh, bất diệt, cho nên nó là thật.

“*Kim phương phá Hoặc, chứng trí, vi Thi*” (nay mới phá Hoặc, chứng trí, nên là Thi Giác). So với kẻ chưa hiểu Phật thì người học Phật chúng ta là Thi Giác. Tuy chúng ta vẫn chưa phá một phẩm vô minh phiền não nào, nhưng chúng ta biết chính mình có Phật tánh, biết niệm Phật có thể vãng sanh Tịnh Độ, người khác vẫn chưa biết; đây là Thi Giác. Lại thừa cùng quý vị, đây là Thi Giác chân chánh, Thi Giác rốt ráo. So với hết thảy các pháp môn Đại Thừa khác, tác dụng sẽ khác nhau. Vì trong hết thảy các pháp môn khác, muốn liễu sanh tử và viên chứng Bồ Đề trong một đời, nói thật sự là chuyện chẳng thể nào xảy ra được. Chỉ riêng pháp môn Niệm Phật là có thể quyết định thành công trong một đời, ổn thỏa, thích đáng. Do vậy, bất cứ pháp môn nào cũng đều chẳng thể sánh bằng!

Nhưng thật sự có thể lãnh hội, nhận biết pháp môn này, quả thật chẳng dễ dàng cho lắm, vì sao không dễ dàng? Nói ngược lại, tâm chúng sanh chẳng thanh tịnh, họ có tâm phân biệt, tâm chấp trước, tâm [phân chia] cao thấp, có những tâm ấy nên họ coi thường pháp môn Niệm Phật. Họ chẳng hiểu pháp môn Niệm Phật, chẳng nghiên cứu kinh luận thuộc về pháp môn Niệm Phật, [nhưng vẫn khăng khăng] cho [niệm Phật] là mê tín, là giáo pháp dành cho mấy bà già! Thật ra, những bà cụ già niệm Phật đứng mát, ngồi mát, nhiều lắm! Còn kẻ kia rất thông minh, tới cuối cùng sợ rằng vẫn thua bà cụ già, đây gọi là “*thông minh bị thông minh gây làm lạc*”. Đây là nói người học Phật tự mình mê hoặc, điên đảo, giống hệt như những kẻ chẳng học Phật lại phê bình Phật giáo, bảo Phật giáo là mê tín. Quý vị hỏi họ: “Phật giáo là gì?” Kẻ ấy không biết. [Đã không biết] vì sao [anh dám bạo miệng nói Phật giáo là mê tín]? “Hết thảy mọi người đều nói Phật giáo là mê tín!” Mọi người chê là mê tín, kẻ ấy cũng nói là mê tín, điều này rất nguy hiểm! Quý vị nghĩ Phật giáo là mê tín, nếu nói nó là mê tín thì phải nghiên cứu triệt để một phen để xem nó có đúng là mê tín hay không? Nhất định chớ nên hàm hồ, lơ mơ, mà cứ tùy tiện phê phán, chẳng tránh khỏi gây tạo tội nghiệp! Chính quý vị tự làm lẫn trong một đời, đó là chuyện nhỏ, quý vị tự làm tự chịu; nhưng quý vị làm cho người khác lỡ làng, tội lỗi ấy lớn lắm! Người ấy học pháp môn này sẽ thành Phật trong một đời; thế mà quý vị khuyên người ấy đừng nên học pháp môn này, lỗi người ấy trở vào lục đạo, tội lỗi ấy quá lớn, phá hoại Pháp Thân huệ mạng của người khác. Do vậy, những kẻ phê bình Tịnh Độ; nói thật ra, toàn là những kẻ chẳng hề nghiên cứu Tịnh Độ.

Trong quá khứ, tôi chẳng nghiên cứu, cũng coi thường Tịnh Độ, cũng nói pháp ấy là giáo pháp dành cho mấy bà già! [Hiện thời] tôi hoàn toàn liễu giải nên mới tin tưởng, nhưng để thật sự liễu giải đến mức tin

tưởng pháp môn này, gần như phải mất ba mươi năm công phu, chẳng dễ dàng! Ngày nay, tôi đem tâm đắc ba mươi năm thật thà thừa cùng quý vị; nếu quý vị tin tưởng, sẽ khỏi phải phí ba mươi năm. Nếu quý vị không tin, quý vị tu tập ba mươi năm, chưa chắc đã có thành tựu như tôi! Tôi không phải là kẻ người khác nói sao bèn tin như vậy! Thuở đầu, pháp sư Sám Vân khuyên tôi, khi đó, tôi mới học Phật chưa được bao lâu, còn chưa xuất gia; về sau, thầy Lý khuyên tôi, tuy tôi không phản đối, nhưng vẫn chưa thể tin tưởng hoàn toàn, vẫn không chịu dụng công tu học. Sau nhiều năm như thế, nghiên cứu một số kinh điển Đại Thừa, đặc biệt là mười sáu, mười bảy năm giảng kinh Hoa Nghiêm mới thật sự hiểu rõ, hiểu pháp môn này là pháp môn bậc nhất để mười phương ba đời hết thầy chư Phật độ chúng sanh. Hiểu được điều ấy quả thật chẳng đơn giản, chẳng dễ dàng; vì thế, tôi vô cùng quý trọng pháp môn này!

Giảng kinh thì tôi chuyên giảng kinh Di Đà; hiện thời, những kinh luận khác tôi cũng không giảng. Kinh Lăng Nghiêm tôi cũng không giảng. Nay quý vị hãy học theo tôi, học kinh Di Đà, hãy xếp kinh Lăng Nghiêm lại, chẳng cần phải học kinh ấy nữa. Kinh Lăng Nghiêm có tuyệt diệu hay chẳng? Tuyệt diệu, nhưng rất khó, quả thật chẳng dễ dàng. Thật sự giúp quý vị vãng sanh, giúp quý vị thành Phật, pháp môn này đã đủ rồi! Ta rất biết chọn lọc, chọn lấy món nào hạng nhất, chẳng cần tới hạng nhì. Quý vị phải hiểu kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ đều là kinh bậc nhất, ta không cần đến kinh bậc hai nữa. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm tôi cũng không muốn giảng!

(Sao) Ước nhân quả, tác thử Phật giáo linh vãng sanh, nãi đắc kiến A Di Đà Phật, thị thử Bản bỉ Thi.

(鈔)約因果，則此佛教令往生，乃得見阿彌陀佛，是此本彼始。

(Sao: Nếu xét theo nhân quả, vị Phật này dạy [hành nhân] vãng sanh bèn được thấy A Di Đà Phật, nên vị Phật này là Bản, vị Phật kia là Thi).

[Đến đây], Bản và Thi đảo ngược [vị trí], đây là nói theo phương diện nhân quả. Làm sao chúng ta biết có Tây Phương Cực Lạc thế giới? Làm sao biết thế giới Cực Lạc tốt đẹp ngàn ấy? Đều do Thích Ca Mâu Ni Phật dạy cho biết. Cả đời Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh suốt bốn mươi chín năm, Ngài giảng rất nhiều kinh. Chuyên giảng Tịnh Độ có ba bộ kinh là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật.

Trong đó, kinh Vô Lượng Thọ rất đặc biệt, thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật không chỉ giảng một lần, mà giảng rất nhiều lần, đây là một pháp môn đặc biệt. Những kinh khác đức Phật chỉ giảng một lần trong một đời Ngài, chẳng giảng lại, chỉ riêng kinh Vô Lượng Thọ được giảng rất nhiều lượt!

Nguyên bản kinh Vô Lượng Thọ được truyền đến Trung Quốc rất sớm, từ thời Đông Hán, kinh đã được truyền đến Trung Quốc, do ngài An Thế Cao dịch, đáng tiếc là bản dịch ấy đã thất truyền. Từ đời Hán đến đời Tống, tổng cộng có mười hai lần phiên dịch. Sau này, nhiều học giả, chuyên gia đã khảo chứng, thấy trong Đại Tạng Kinh còn năm bản dịch. Cổ đức phán đoán tối thiểu phải có ba bản gốc khác nhau. Từ chỗ này, ta biết thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nhiều lần tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, đây là pháp môn đặc biệt, đặc biệt quan trọng! Ngày nay, chúng ta phải thật sự phát dương quang đại pháp môn này, đây là trách nhiệm của chúng ta. Nếu chúng ta không biết thì thôi, chúng ta không có trách nhiệm ấy. Nếu đã biết, đã nhận thức, phải có trách nhiệm phát dương quang đại. Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu [pháp môn này] cho chúng ta, Ngài là Bản. Chúng ta y theo giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật để hành phương pháp này, tu hành, trong tương lai nhất định sẽ thấy A Di Đà Phật, thấy A Di Đà Phật là “Thị”. Nói theo phương diện nhân quả, đức Bản Sư của chúng ta là Bản, A Di Đà Phật là Thị. Tu nhân là Bản, chứng quả là Thị. Tu nhân mới hồng chứng quả, vãng sanh là chứng quả. Đó là nói theo phương diện nhân quả.

(Sao) Tịch tự tánh bản hữu thành Phật chi trí vi Bản, y Bản Trí nhi cầu Phật Trí, nãi đắc thành Phật vi Thị dã.

(鈔)即自性本有成佛之智為本，依本智而求佛智，乃得成佛為始也。

(Sao: Tịch tự tánh vốn sẵn có trí thành Phật, đó là Bản; nương vào Bản Trí để cầu Phật Trí, sẽ được thành Phật, thì đó là Thị).

Đây là dựa trên nhân quả để luận định Bản và Thị. Bản có thể gọi là Thị, mà Thị cũng có thể gọi là Bản, tùy thuộc quý vị nhìn từ góc độ nào!

(Sao) Bản Thị hỗ dung, thường giác bất muội, huy thiên giám địa, diệu cổ đằng kim, thường thuyết như thị kinh, bách thiên vạn ức tòa.

(鈔)本始互融，常覺不昧，輝天鑑地，耀古騰今，常說如是經，百千萬億座。

(Sao: *Bổn Giác và Thi Giác dung nhập lẫn nhau, thường giác chẳng mê, rạng trời, chiếu đất, chói ngời suốt từ xưa đến nay, trăm ngàn vạn ức pháp hội thường thuyết kinh như thế*).

Dùng hai ý nghĩa trong phần trước (tức là từ hai góc độ khác nhau) để quan sát Bổn và Thi, sẽ thấy Bổn và Thi có thể dung thông lẫn nhau. Khi chúng ta dậy lên vô minh, hay lúc có mê tình, bèn gọi tự tánh là Bổn Giác. Chúng ta phá mê tình, [tự tánh hiển lộ], bèn gọi là Thi Giác. Đó là ý nghĩa [đã được diễn tả] trong phần trước. Vô minh là giả, là hư vọng, chẳng thật. Vì vậy, bất luận tự tánh giác có vô minh hay không, nói thật ra, nó “*thường giác bất muội*”. Giống như chúng ta nói trời âm u, là do mặt trời bị mây che kín, mây có thật sự che nổi mặt trời hay không? Thật ra, mây chẳng che lấp mặt trời. Hiện thời, rất dễ hiểu rõ điều này! Quý vị ở thành phố Đài Bắc, mây che lấp thái dương, nhưng đến Cơ Long, nơi ấy không có mây, thái dương chẳng bị che khuất. Do vậy biết: Thái dương thường tỏa ánh sáng, không ai có thể che được, mây dường như che lấp, nhưng thời gian ấy rất ngắn ngủi, tạm bợ, là giả, chẳng thật! Vô minh che khuất bổn tánh của chúng ta giống như mây che lấp thái dương, có thể thấy là nó chẳng thật, mà là giả! Do vậy, mê chắc chắn có thể phá, giác chắc chắn có thể hiện tiền. Trước hết, chúng ta phải kiến lập lòng tin này.

Trong Phật pháp nói đến Tín, thì niềm tin thứ nhất là phải tin vào đạo lý này, phải tin vào sự thật này. Quý vị có thể kiến lập lòng tin trên đây thì mới tin tưởng “chính mình chắc chắn có thể thành Phật, bản thân ta nhất định có thể phá vô minh, có thể khôi phục Bổn Giác”, mới có những tín tâm ấy. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng do cái tâm này biến hiện, đó gọi là “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”. Tự tánh giác là Tây Phương Di Đà Tịnh Độ, tự tánh mê là thế giới Sa Bà dơ ác, thấy đều là vật được biến hiện bởi tự tánh. Đây chính là “*ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm*”. Chúng ta tin tưởng, đặc biệt là đối với ba món tư lương, tức là ba điều kiện trọng yếu được nói đến trong Tịnh Độ là Tín, Nguyện, Hạnh; Ngẫu Ích đại sư đã dạy, trước hết hãy Tín Tự. Tín Tự chính là như tôi vừa mới nói, nhất định phải tin tưởng những đạo lý ấy.

Mấy câu tiếp theo đều nhằm trình bày ý nghĩa “*Thi Giác và Bổn Giác dung thông bất nhị*”. “*Thường giác bất muội, huy thiên giám địa*” (thường giác ngộ, chẳng mê muội, rạng trời, chiếu đất) nhằm tỷ dụ quang

minh của Bồn Giác và Thị Giác, quang minh chiếu trọn khắp, câu này nói đến không gian, “*diệu cổ đằng kim*” (suốt từ xưa đến nay) là nói tới thời gian. [Thị Giác và Bồn Giác] siêu việt thời gian và không gian!

“*Thường thuyết như thị kinh, bách thiên vạn ức tòa*” (thường nói kinh như thế, trăm ngàn vạn ức pháp hội). “*Thuyết kinh*” nhằm dụng ý phá mê khai ngộ; vì vậy, phá mê khai ngộ chính là “*thuyết kinh*”. Tự tánh quang minh chiếu khắp; đó chính là ý nghĩa thuyết kinh. Hiểu rõ đạo lý này, thuyết kinh chưa hề gián đoạn, về mặt thời gian bèn chẳng gián đoạn, trong không gian bèn trọn khắp hết thảy các nơi, không lúc nào, không chỗ nào chẳng nói kinh. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, lục trần thuyết pháp, cũng là sự thật được hiển hiện dựa trên nguyên lý này. Thật ra, người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thanh tịnh, nên họ thấy lục trần thuyết pháp, chẳng bị thời gian và không gian ngăn ngại. Trong thế giới này, trước mắt chúng ta, có bao giờ chẳng phải là lục trần thuyết pháp? Vì sao trong cõi này, chúng ta chẳng nói “lục trần thuyết pháp”? Vì tâm không thanh tịnh! Tuy lục trần phóng quang rúng động cõi đất suốt mãi từ xưa cho đến tận nay, nhưng quý vị có mắt mà chẳng thấy, có tai nhưng chẳng nghe, nên [dẫu lục trần thường thuyết pháp vẫn giống như] chẳng thuyết pháp, nguyên nhân là như vậy đó.

Do vậy, Phật pháp bất luận nói tới pháp môn hay tông phái nào, thảy đều dùng tâm thanh tịnh để nhập; tâm quý vị chẳng thanh tịnh, nhập pháp môn nào cũng chẳng được! Nếu muốn nhập Phật môn, Phật môn có tám vạn bốn ngàn môn, có vô lượng vô biên môn, dùng phương pháp nào để có thể nhập? Tâm thanh tịnh có thể nhập. Trước đây, tôi cũng nói với các vị đồng tu ba nguyên tắc: Giác, Chánh, Tịnh. Giác tâm có thể nhập, chánh tri chánh kiến có thể nhập, tâm thanh tịnh có thể nhập, ba điều kiện ấy. Quý vị có một điều, sẽ có thể nhập. Hễ nhập môn thì “một chính là ba, ba chính là một”, đây chính là “pháp môn Bất Nhị”. Nhưng trong ba điều kiện ấy, giác khó, chánh tri chánh kiến cũng khó, thanh tịnh dễ hơn. Tịnh Độ do tâm thanh tịnh mà nhập, theo môn này mà nhập. Thiền là từ giác tâm mà nhập, Giáo từ chánh tâm mà nhập, pháp môn Niệm Phật từ tâm thanh tịnh mà nhập. So trong ba môn, [môn Tịnh] dễ hơn rất nhiều. Huống chi, trong cái tâm thanh tịnh ấy, ở đây lại là pháp môn Nhị Lực, bản thân chúng ta có công phu, lại có Phật lực giúp đỡ. Vì vậy, pháp môn này được gọi là pháp môn Nhị Lực, Phật lực có thể giúp đỡ và gia trì chúng ta. Dưới đây, đại sư lập ra một cuộc vấn đáp giả định:

(Sao) Vấn: *Sớ Sao thữ kinh, chánh vị phát huy trì danh công đức, phổ khuyến chư nhân cầu sanh bỉ độ dã, hà nãi nhất nhất tiêu quy tự tánh, phiên thành cực tặc chi đàm, y nhiên Tịnh Độ thị tâm, hề tất xả thữ nguyện bỉ?*

(鈔)問: 疏鈔此經，正為發揮持名功德，普勸諸人求生彼土也，何乃一一消歸自性，翻成極則之談，依然淨土是心，奚必捨此願彼？

(Sao: Hỏi: *Viết lời Sớ và lời Sao cho kinh này, chính là vì để giảng rõ công đức trì danh, khuyến khắp mọi người cầu sanh về cõi ấy, có sao lại đối với mỗi điều đều gồm thâu về tự tánh, [khiến cho pháp này] trở thành lời đàm luận cùng cực [về Lý], Tịnh Độ vẫn là tâm như cũ, cần gì phải bỏ cõi này, nguyện sanh sang cõi kia?)*

Câu hỏi này vô cùng hay, vì sao? Tôi tin trong các đồng tu, quả thật có những người nghe những lời được nói trong các đoạn trên, bèn nảy sanh nghi vấn này. Nếu hết thấy đều nói tới duy tâm, hết thấy đều nói tới tự tánh, chúng ta còn cần gì phải niệm Phật về Tây Phương Cực Lạc thế giới nữa? Chúng ta cứ ở đây là được rồi. Câu hỏi này nhắm vào ý nghĩa ấy, chất vấn Liên Trì đại sư: Ngài giảng bộ kinh Di Đà này, viết chú giải là dùng văn tự để giảng, mục đích không gì chẳng nhằm khuyên người khác niệm Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, cần gì phải bàn đến những vấn đề [thuộc về Lý tánh] này? Càng bàn càng sâu, đều là nói tới tự tánh, có khác gì Tánh Tông đâu? “*Nhất nhất tiêu quy tự tánh*” (mỗi mỗi đều quy về tự tánh) là “*cực tặc chi đàm*” (lời bàn luận tột cùng), đây là đại thừa Phật pháp tối cao. “*Duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệc vô tam*” (chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai, cũng không ba); đây là Phật pháp tối cao. Vì sao đại sư nói như vậy? Tiếp theo đây, Ngài sẽ giải thích, trên thực tế, Ngài nói cách ấy chẳng sai lầm, chỉ có cách giảng triệt để rốt ráo như vậy mới có thể khiến cho người ta sanh lòng tôn trọng pháp môn Niệm Phật, chẳng còn coi rẻ nữa, vì họ biết pháp môn này chẳng đơn giản, vượt trội hết thấy các pháp môn thuộc các tông, các phái. Vì vậy, Liên Trì đại sư trong mỗi một tiết đều chỉ rõ sự xứng Lý.

(Sao) Đáp: *Thữ chánh song bị nhị căn, song phá nhị Hoặc, như tiền Tự trung sở minh. Lương dĩ độn căn giả, thủ sự tướng nhi tự túc.*

(鈔)答: 此正雙被二根，雙破二惑，如前序中所明。良以鈍根者，守事相而自足。

(*Sao: Đáp: Đây là nhằm thích hợp với hai loại căn cơ, nhằm phá cả hai thứ Hoặc giống như đã nói rõ trong lời Tựa ở phần trước. Ấy là vì kẻ độn căn bèn chấp sự tướng tự cho là đủ.*)

Phía sau đoạn này có câu: “*Lợi căn giả, sùng Lý tánh nhi trước Không*” (Kẻ lợi căn tôn sùng Lý tánh, chấp Không). “*Nhị căn*” là độn căn và lợi căn, hai loại người này quả thật rất đông. Đối với hai loại người này, trong lời mi chú kinh Vô Lượng Thọ, thầy Lý đã phê: “*Chẳng cầu đời nghiệp vãng sanh, chẳng ngu, ắt cuồng*”, độn căn là ngu si, lợi căn là cuồng vọng; hai hạng người ấy chẳng tin Tịnh Độ. Đại sư viết đoạn này nhằm chuyên đời phó hai hạng người ấy.

“*Thủ sự tướng nhi tự túc giả*” (chấp sự tướng tự cho là đủ), nói thật ra, hạng người này còn thường có thành tựu, chứ kẻ cuồng vọng đúng là hồng bát! Kẻ độn căn tâm lượng chẳng lớn, đạt được chút ít đã thỏa mãn. Nếu quý vị dạy họ niệm một câu A Di Đà Phật, họ cũng thỏa mãn, chẳng còn mong muốn gì nữa, nhưng người như vậy thật sự có thể thành công. Chúng tôi cũng thấy rất nhiều trường hợp thực tế. Vì vậy, cổ nhân nói: “*Duy thượng trí dữ hạ ngu bất di*” (chỉ có bậc thượng trí và kẻ hạ ngu là không thay đổi chí hướng). Hai hạng người sau đây dễ đắc độ nhất, một là gì? [Một là người] trí huệ tối cao, thông đạt, hiểu rõ hết thảy, chẳng có vấn đề gì. Quý vị vừa nói với họ, họ liền ngay lập tức phát tâm, giống như những vị Đại Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền; Ngẫu Ích đại sư đã nói: “*Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả đại sư là những nhân vật hạng nhất*”, đây là bậc thượng căn lợi trí, các Ngài vừa nghe, chẳng bàn cãi gì nữa, thấu hiểu, tin tưởng. Kẻ hạ ngu không biết chữ, chẳng có kiến thức gì, tâm lượng rất nhỏ, dạy họ một câu A Di Đà Phật, họ bèn thật thà suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật, những thứ khác họ cũng chẳng muốn biết đến. Hai loại người ấy nhất định vãng sanh.

Tuy hai hạng người ấy hễ tu đều vãng sanh, nhưng sẽ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới với phẩm vị sai khác. Người thông đạt lý sẽ Thượng Phẩm Thượng Sanh, hoa nở thấy Phật; người chẳng hiểu lý cũng có thể vãng sanh, quyết định sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Tuy sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, nhưng vì người ấy chẳng hiểu lý, trí huệ kém hơn bậc lợi căn, nhưng xét về phước đức, nhân duyên thì chẳng khác bậc đại Bồ Tát cho mấy, đây là pháp môn thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng chớ vị phải biết: Người độn căn nếu học pháp môn khác sẽ chẳng có cách nào thành tựu. Chẳng hạn như học Tiểu Thừa, sẽ vĩnh viễn chết cứng trong pháp Tiểu Thừa, chắc chắn chẳng tin pháp Đại Thừa, vì

sao? Kẻ ấy cố chấp, thành kiến rất sâu, điều gì được tiếp xúc trước sẽ là chủ yếu mà! Nếu người ấy gặp Tịnh Độ thì tốt lắm, cố chấp cũng được, thành kiến sâu cũng được, kẻ ấy chẳng muốn học pháp môn khác, tốt lắm! Nhưng cơ duyên này không dễ gì gặp gỡ! Vì vậy, phải biết, trong pháp môn Niệm Phật có đạo lý rất sâu. Đại sư giảng kinh, đặc biệt nêu ra đoạn này nhằm phá trừ nổi chấp trước sự tướng của những kẻ độn căn chẳng hiểu rõ đạo lý Tịnh Độ. Vì thế, Ngài đặc biệt dùng cách Xưng Lý để nói. Nói cách khác, nâng cao phẩm vị vãng sanh Tịnh Độ, tăng tấn tín nguyện cho người ấy.

Người lợi căn thường được thế gian gọi là kẻ thông minh, nhạy bén, những người ấy thường sùng bái lý luận, thiên chấp lý luận, đối với sự tu hành trong thực tế và sự tướng thường sơ sót, thường chấp Không. Nhà Thiên dễ mắc bệnh này, Tánh Tông như Tam Luận Tông chẳng hạn, cũng dễ mắc bệnh này, chấp Không. Vì người ấy chấp trước lý Không, căn bản là chẳng tin tưởng Tây Phương có Tịnh Độ, không tin có thế giới Cực Lạc, càng không tin đời nghiệp có thể vãng sanh. Loại người này hết sức đáng sợ. Trong kinh, đức Phật từng dạy: *“Ninh khả chấp Hữu như Tu Di sơn, bất khả chấp Không như giới tử”* (Thà chấp Có như núi Tu Di, đừng chấp Không chùng bằng hạt cải). *“Giới tử”* (芥子) là hạt cải, tỷ dụ sự nhỏ nhoi. Chấp Không dẫu một chút tí, cũng làm hỏng chuyện lớn. Vì sao? Chẳng cứu được! Vì sao nói chẳng cứu được? Kẻ ấy chẳng tin Phật pháp, chẳng thể cứu! Chấp trước Có, dẫu chấp trước nghiêm trọng đến mấy đi nữa, vẫn còn cứu được, Phật còn có thể độ người ấy. Người ấy chấp Có, có nhân quả báo ứng, tối thiểu sẽ chẳng dám làm chuyện xấu; có Tây Phương Tịnh Độ, người ấy niệm Phật cũng thật sự có thể vãng sanh, người ấy chấp Có! Nếu chẳng tin nhân quả báo ứng, chuyện gì xấu cũng đều dám làm, vì sao? Kẻ ấy chẳng tin có quả báo. Chuyện ấy chẳng phải là “quý vị tin thì có, không tin bèn chẳng có”. Nếu [đúng là] như vậy, ta thà chẳng tin còn hơn. Không tin, vẫn có [nhân quả báo ứng]! Do vậy, nhất định phải biết chân tướng sự thật. Kẻ lợi căn càng đáng sợ, họ có thể khéo ăn nói, thế trí biện thông, và cũng có biện tài kha khá, cũng nói khiến cho hoa trời rơi tứ tung, người nghe cũng cảm thấy rất có lý; thật ra, kẻ ấy đã nói sai be bét!

Chúng ta thấy các vị cổ đại đức, tổ sư các tông, các phái, các Ngài thật sự thông đạt, tuy nói Không, nhưng chẳng phá Có. Tông Thiên Thai nói Không, nhưng Thiên Thai đại sư niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Tông Hiền Thủ giảng Có, tông Hoa Nghiêm giảng Có, từ Hữu môn mà nhập; tông Thiên Thai (tông Pháp Hoa) từ Không môn mà nhập. Quý vị thấy các vị tổ sư tông Thiên Thai, kể từ Trí Giả đại sư, cho tới sau này, quá nửa

đều là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Cận đại, pháp sư Đế Nhân, pháp sư Đàm Hư đều cầu sanh Tịnh Độ. Pháp sư Bảo Tĩnh³⁹ cũng là học trò của pháp sư Đế Nhân, Ngài viết bộ Di Đà Kinh Yếu Giải Thân Văn Ký rất hay, cũng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Tổ sư Pháp Tướng Duy Thức Tông là Khuy Cơ đại sư chú giải kinh Di Đà, bộ Di Đà Kinh Thông Tán Sớ do Ngài soạn, cực lực tán thán pháp môn này.

Những vị đại sư ấy tuy nói Không, nhưng chẳng phá Có, vẫn từ Hữu Môn để thật sự tu tập, thật sự hành trì, chẳng giống người hiện thời! Nói thật ra, con người hiện thời tuy nói Không, nhưng chẳng thể thật sự là Không. Nếu quý vị không tin, thử hỏi họ mấy câu, họ sẽ cáu giận đôi ba ngày không nguôi! “Không” ở chỗ nào? Họ chẳng có Không! Họ muốn Không, cũng chẳng Không được, mà chẳng cần đến Có, hồng bút rồi! Vấn đề ấy nghiêm trọng lắm; cả hai bên Có và Không đều hồng bút, hết sức dễ bị đọa lạc. Đại sư nói cách này nhằm khiến cho kẻ lợi căn chẳng lìa sự tướng, chẳng rơi vào Ngoan Không (cái Không trống rỗng, chẳng có gì, không phải là Chân Không). Đây là phá trừ mê hoặc “chấp Lý, mê Sự” cho hàng lợi căn vậy!

(Sao) Quán thử, sử tri Sự hữu Lý tồn, vô trệ Sự nhi mê Lý.

(鈔) 觀此，使知事有理存，毋滯事而迷理。

³⁹ Pháp sư Bảo Tĩnh (寶靜), thường bị đọc trại thành Bảo Tịnh trong các dịch phẩm lưu hành từ trước đến nay, là người Ngu Huyện, tỉnh Chiết Giang. Sư sanh năm 1899 (năm Quang Tự 25), cha Ngài là doanh nhân, từng đảm nhiệm chức vụ khoa trưởng huyện Cẩn đầu thời Dân Quốc. Từ bé, Sư đã tỏ ra đỉnh đạc, điềm đạm, trầm mặc, ít nói, thường mang ý tưởng xuất gia. Đến năm Sư mười chín tuổi, nhằm ngày mùng Tám tháng Chạp bèn xuất gia tại chùa Linh Ân huyện Phụng Hóa. Xuống tóc chỉ một năm, Ngài được thầy ưu ái cho thọ Cụ Túc giới tại chùa Phương Quảng núi Thiên Thai. Ngài tinh tấn tu trì, hằng ngày tụng Pháp Hoa, học tập Thiên Thai Giáo Quán dưới sự chỉ dẫn của hòa thượng Khả Đoan. Về sau, Ngài sang Ninh Ba, đến chùa Quán Tông học Giáo Quán với ngài Đế Nhân, trở thành một học trò đặc ý của tổ Đế Nhân. Khi Quán Tông Học Xã thành lập, tổ Đế Nhân đích thân chủ trì, ngài Bảo Tĩnh lãnh ngộ khá nhất, nên Tổ thường sai Sư giảng thêm cho đồ chúng. Duyên hồng hóa của Sư rất thịnh, Ngài diễn giảng rất nhiều nơi, nhưng chủ yếu là giảng giáo nghĩa Thiên Thai và Tịnh Độ. Khi pháp sư Đế Nhân bị bệnh nặng, đã phó chúc Sư kế nhiệm trụ trì chùa Quán Tông, chính thức nói pháp Thiên Thai, làm pháp tự đời thứ bốn mươi bốn của Thiên Thai Giáo Quán Tông. Ngài trước tác khá nhiều, những tác phẩm được lưu hành rộng nhất là Đại Thừa Khởi Tín Luận Giảng Nghĩa, A Di Đà Kinh Yếu Giải Thân Văn Ký, Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm Giảng Nghĩa, Tu Tập Chỉ Quán Tọa Thiền Pháp Giảng Thuật...

(Sao: Do thấy điều này, nên làm cho kẻ ấy biết trong Sự có Lý, chẳng vương mắc nơi Sự rồi mê Lý).

Đối với kẻ thiên trọng Sự tu, chẳng chú trọng nghiên cứu lý luận, bèn khuyến khích họ, nếu có thời gian, có cơ hội, hãy học nhiều hơn một chút sẽ có lợi. Nếu chẳng có cơ duyên, quý vị chú trọng sự tướng để tu trì cũng được. Giống như chúng tôi trước đây thường nhắc tới một đồ đệ của pháp sư Đế Nhân, niệm Phật vãng sanh, đứng ra đi, đã chết rồi vẫn đứng ba ngày, chờ thầy đến lo liệu hậu sự. Vì ông ta không biết chữ, tuổi tác cũng quá lớn, nên chẳng có cơ duyên nghe kinh, nhưng là người rất thật thà, pháp sư Đế Nhân dạy ông ta niệm A Di Đà Phật, ông ta liền thật thà niệm câu A Di Đà Phật này, niệm ba năm bèn thành công. Thành tựu phi thường thù thắng, nói thật ra, ông ta chỉ làm được bốn chữ “*thật thà niệm Phật*”, đúng là thật thà, thật sự làm được “chẳng hoài nghi, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp”, đây mới gọi là “*thật thà*”. Vì thế, người ta niệm ba năm bèn niệm thành công.

(Sao) Lợi căn giả, sùng lý tánh nhi trước Không. Quán thử, sử tri Lý tại Sự trung, vô việt Sự nhi cầu Lý.

(鈔)利根者，崇理性而著空。觀此，使知理在事中，毋越事而求理。

(Sao: Kẻ lợi căn tôn sùng Lý tánh, chấp Không. Do thấy điều này nên khiến cho biết Lý ở trong Sự, chẳng bỏ qua Sự để cầu Lý).

Khiến cho những người ấy giác ngộ, Lý ở nơi đâu? Lý chẳng phải là Không, nếu Lý lìa khỏi Sự, sẽ chẳng thể tồn tại. Sau khi quý vị hiểu rõ, sẽ càng thêm nỗ lực nơi mặt Sự, đây mới là người thật sự hiểu Lý. Nếu hiểu rõ Lý, mà vứt bỏ tu hành nơi mặt Sự, nhất định là đã hiểu lầm Lý ấy, chẳng thật sự hiểu rõ Lý. Thật sự hiểu rõ Lý, chắc chắn người ấy tu hành chẳng khác gì người thật thà niệm Phật. Vì sao? Người ấy triệt để liễu giải chân tướng sự thật; vì thế, “*vô việt Sự nhi cầu Lý*” (chẳng bỏ qua Sự để cầu Lý), hãy cầu Lý ngay trong Sự. Lý và Sự chẳng hai.

(Sao) Hựu thử kinh bản vi thác bỉ danh hiệu, hiển ngã tự tâm, dĩ Thập Lục Quán Kinh đồng ý.

(鈔)又此經本為託彼名號，顯我自心，與十六觀經同意。

(Sao: Hơn nữa, kinh này vốn nhờ vào danh hiệu ấy để hiển lộ tự tâm của ta, có cùng một ý nghĩa với Thập Lục Quán Kinh).

Có đoạn này là vì sợ lại có kẻ sẽ nêu nghi vấn: Nếu pháp môn Tịnh Độ đều mong quy vào lý tánh, người tu hành chỉ cần giác ngộ Lý trong tự tánh, chẳng phải là chuyện có thể giải quyết xong xuôi hay sao? Cần gì phải niệm Phật cầu sanh! Đại sư nói: “*Thử kinh bốn vì thác bỏ danh hiệu, hiển ngã tự tâm*” (kinh này vốn nhờ vào danh hiệu ấy để hiển lộ tự tâm của ta), có thể thấy tín nguyện trì danh là một biện pháp, là một phương pháp, nhằm mục đích minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, có cùng một đạo lý, nguyên lý, mục tiêu, phương hướng với Thiền, Giáo, và các tông. Đó chính là “*pháp môn tuy nhiều, chẳng hai, chẳng khác, môn nào cũng là bậc nhất, chẳng có hạng nhì!*”

Trong kinh Lăng Nghiêm, chúng ta thấy hai mươi lăm vị Bồ Tát [nêu ra tâm đặc tu chúng]; trong hai mươi lăm môn Viên Thông, Đại Thế Chí Bồ Tát đại diện pháp môn Niệm Phật, người ta là đệ nhất, chẳng phải là đệ nhị. Sau khi chúng ta đọc xong chương Hai Mươi Lăm Môn Viên Thông phải giác ngộ. Đọc kinh Lăng Nghiêm, hết thấy mọi người đều biết Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương bậc nhất. Quý vị thấy Văn Thù Bồ Tát chọn lọc, chẳng phải là chọn [pháp Viên Thông] của Quán Thế Âm Bồ Tát hay chẳng? Thật ra, Ngài đã đặc biệt vì chúng sanh trong thế giới Sa Bà chúng ta mà chọn lựa pháp môn Nhĩ Căn của Quán Thế Âm Bồ Tát. Trừ pháp ấy ra, pháp môn Niệm Phật cũng được chọn lựa. Quý vị phải nhìn cho ra [điều này]; nhìn từ chỗ nào? Nhìn ở chỗ thứ tự sắp theo chiều thuận. Nếu chiếu theo cách sắp xếp thông thường, thứ tự sẽ là lục căn, lục trần, lục thức, bảy đại, hai mươi lăm môn ấy. Theo thứ tự thuận, pháp Nhĩ Căn Viên Thông của Quán Thế Âm Bồ Tát phải xếp vào môn thứ hai, nhưng quý vị thấy Ngài được xếp cuối cùng, ghép vào màn biểu diễn chót. Đây là gì? Pháp môn đặc biệt.

Pháp môn Niệm Phật cũng chẳng theo thứ tự thuận, cũng được xếp vào cuối cùng. Nói cách khác, kết thúc gồm hai màn. Trong bảy đại, Đại Thế Chí Bồ Tát là Căn Đại. Theo thứ tự thuận, bảy đại tất nhiên là Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức; Căn là Kiến. Nếu theo thứ tự thuận, Ngài phải xếp trước Di Lạc Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát là người cuối cùng (tức Thức). Phải biết Di Lạc Bồ Tát được xếp trước Ngài, vị trí của hai Ngài đảo ngược, chúng ta biết nó là pháp môn đặc biệt, chẳng phải là pháp môn thông thường. Vì vậy, trong [sáu căn và] bảy đại, chỉ có Quán Âm và Thế Chí là chẳng xếp hàng theo thứ tự thuận, hai Ngài được xếp

vào hàng cuối cùng. Xếp vào cuối cùng, Đại Thế Chí được xếp phía trước, Quán Thế Âm Bồ Tát xếp đằng sau, do đạo lý nào? Vì pháp môn Niệm Phật được mười phương vô lượng vô biên thế giới, thập phương tam thế tất cả hết thảy chư Phật, Bồ Tát hồng dương, hết thảy chúng sanh cùng tu, nên là pháp đệ nhất. Nhĩ Căn Viên Thông, đặc biệt là đối với thế giới Sa Bà chúng ta, xét theo hiện tiền chúng sanh để giảng thì trong sáu căn của chúng ta, Nhĩ Căn nhạy bén nhất. Bởi lẽ đó, thưở ấy đức Phật thuyết pháp chẳng dùng văn tự, mà dùng ngôn ngữ. Mọi người đến nghe giảng, nghe dễ hiểu rõ, nhưng nhìn thì chẳng dễ gì nhìn mà hiểu rõ được! Nhĩ Căn nhạy bén hơn Nhãn Căn, [nên ngài Văn Thù] chọn lựa như vậy, cho nên phải hiểu rõ!

Kinh Lăng Nghiêm tuyên dương điều gì? Tuyên dương pháp môn Niệm Phật. Pháp môn Niệm Phật phải dùng phương pháp Nhĩ Căn Viên Thông của Quán Thế Âm Bồ Tát để niệm, cách niệm ra sao? Phật hiệu từ trong tâm sanh ra, miệng niệm ra tiếng, tai nghe [từng âm thanh niệm Phật lọt] vào, đó gọi là “*phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo*” (xoay cái Nghe để nghe nơi tự tánh, tánh trở thành vô thượng đạo) trong pháp môn Niệm Phật. Trước tiên, khuyên quý vị niệm Phật, sau đấy, dạy quý vị phương pháp dụng công, đó là tinh túy của kinh Lăng Nghiêm. Bao nhiêu người đọc tụng kinh điển Đại Thừa đã sơ sót, chẳng biết kinh Lăng Nghiêm giảng gì! Kinh Lăng Nghiêm thật sự giảng về chuyện này! Kinh Hoa Nghiêm giảng gì? Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng khuyên quý vị niệm Phật cầu sanh Tây Phương thế giới, giảng điều này, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Vì thế, quý vị đọc kinh Đại Thừa, đối với những chỗ này, phải thấy được đường nẻo, chỗ máu chốt, đừng nhìn vào chỗ náo nhiệt! Nắm được đường nẻo, chúng ta mới hiểu: Đến rốt ráo là dạy chúng ta làm gì? Tịnh Độ Tam Kinh chuyên giảng Tây Phương Cực Lạc thế giới; cho nên cổ đức nói: “*Pháp Hoa và Hoa Nghiêm đều là Tự Phần của kinh Di Đà*”. Cách nói ấy rất đúng, những kinh ấy dẫn quý vị về Tịnh Độ. Kinh Lăng Nghiêm cũng dẫn chúng ta về Tịnh Độ.

“*Dữ Thập Lục Quán Kinh đồng ý*” (có cùng một ý nghĩa với Thập Lục Quán Kinh), trong Quán Kinh Sớ Sao có nói: Người tu hành cần phải biết, tu Quán thì phải dùng gì để Quán? Phải dùng tâm tánh, dùng tự tánh để quán thì mười sáu phép Quán mới có thể thành công, y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có thể hiển thị rất rõ rệt. Nhờ vào cảnh giới y báo và chánh báo của Tây Phương thế giới để quán tâm tánh của chúng ta thì tâm tánh mới có thể hiển lộ. Đạo lý này đã được Trí Giả đại sư viết trong bản chú giải Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, tôn

giả Tứ Minh (Tri Lễ đại sư) đã chú giải bản chú giải ấy, tức bộ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ Diệu Tông Sao; đây là bản chú giải Quán Kinh có uy tín nhất, nhưng bản [Quán Kinh] Sớ Sao ấy khá sâu.

Lần này chúng ta in [Quán Kinh] Sớ Sao Diễn Nghĩa, pháp sư Đê Nhân đã hoàn toàn dựa trên bộ Sớ Sao để viết ra cuốn sách này, trích yếu những phần trọng yếu trong bộ [Quán Kinh] Sớ Sao (Quán Kinh Diệu Tông Sao), lược bớt những phần rườm rà, phức tạp, thêm vào những ý nghĩa giải thích của chính Ngài để giảng rõ. Vì vậy, trước hết, chúng ta đọc Sớ Sao Diễn Nghĩa, sau đây mới đọc Diệu Tông Sao sẽ chẳng khó. Đây là sách rất hay để tiếp dẫn hàng sơ cơ. Những đạo lý như vậy, chúng ta đều đọc được. Nói đến lý luận của Tịnh Độ thì Diệu Tông Sao giảng hết sức thấu triệt; vì vậy, người niệm Phật chẳng thể không đọc Quán Kinh Diệu Tông Sao!

Pháp môn Niệm Phật, nói thật ra là phát dương quang đại phép Quán cuối cùng trong Thập Lục Quán Kinh, vì phép Quán thứ mười sáu nói về trì danh niệm Phật. Quán Kinh có tất cả mười sáu phép Quán, mười hai phép Quán đầu là quán tướng, hoàn toàn có quan hệ vô cùng mật thiết với tự tánh giác; vì thế, đúng là nói về “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”, Lý Sự viên dung. Phép Quán mười bốn, mười lăm và mười sáu giảng về Tam Bối Vãng Sanh nói về Quán Tượng Niệm Phật. Cuối cùng là Trì Danh Niệm Phật; vì vậy, trì danh niệm Phật cũng phát sanh từ lý luận trong Quán Kinh. Kinh Vô Lượng Thọ và Tiểu Bản Di Đà Kinh cực lực đề xướng trì danh niệm Phật. Trong pháp môn Niệm Phật, coi trì danh niệm Phật là bậc nhất.

Pháp Quán thứ mười sáu tuy giảng về Hạ Phẩm Hạ Sanh, nhưng chư vị phải biết: Nói đúng ra, tuy đức Phật có tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, nhưng chẳng thể độ kẻ Hạ Phẩm Hạ Sanh, chẳng có cách nào! Hạng người này nghiệp chướng quá nặng, lập tức sẽ đọa A Tỳ địa ngục. Tội nghiệp sâu nặng như vậy, chẳng có cách nào, pháp môn nào cũng chẳng độ được, vẫn còn có pháp môn này có thể độ họ, quý vị sẽ hiểu pháp môn này tốt đẹp, pháp môn này mới là pháp môn bậc nhất. Do vậy, chương Hạ Phẩm Hạ Sanh trong mười sáu phép Quán là màn chót, mới là pháp môn bậc nhất trong hết thảy các pháp môn. Vì có pháp môn này thì mới có thể độ trọn hết thảy chúng sanh. Nếu chẳng có pháp môn này, vẫn có những chúng sanh không độ được, chẳng có cách cứu! Quý vị mới biết sự thù thắng và chỗ hay của pháp môn này.

Vì vậy, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà đã đặc biệt phát dương quang đại pháp môn này. Sử dụng pháp môn này, có thể nói là chẳng có

ai không được độ, chẳng có ai không thành Phật. Từ xưa, các vị tổ sư đại đức đã tán thán pháp môn này là Bi Tâm triệt để của Phật, hiển thị trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn của Phật, vạn đức vạn năng là thật, chẳng giả, chẳng phải là lời lẽ tán thán, mà xác thực là như vậy. Từ hai bộ kinh này, chúng ta có thể thấy trì danh niệm Phật quả thật là pháp môn bậc nhất trong tất cả các pháp môn. Vì nó có thể phổ độ hết thảy chúng sanh, tất cả các pháp môn khác chẳng độ được, pháp môn này có thể độ. Nay chúng ta chọn lựa pháp môn này, quyết định chẳng chọn lầm. Ngày hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 101

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm tám mươi chín:

(Sao) Hựu Bồ Tát do nghi cận Phật, như tiền Giáo Khởi trung thuyết, tắc dĩ ngộ tâm giả, diệc chánh ưng niệm Phật cầu sanh, hà túc nghi dã.

(鈔)又菩薩猶宜近佛，如前教起中說，則已悟心者，亦正應念佛求生，何足疑也。

(Sao: Lại nữa, Bồ Tát vẫn còn nên thân cận Phật, như trong phần Giáo Khởi ở phía trước đã nói: Người đã ngộ tâm cũng phải nên niệm Phật cầu sanh, há còn ngờ ư?)

Theo Quán Kinh, người tu hành phải biết phép Quán hoàn toàn nương vào tâm tánh, dùng tâm tánh của chúng ta để quán y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới thì cảnh giới Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ có thể hiển thị rõ ràng, minh bạch. Ngược lại, qua sự hiển thị cảnh giới y báo và chánh báo, cũng có thể thấy được tâm tánh của chính chúng ta hiện tiền, nhà Thiền gọi [điều ấy] là “minh tâm kiến tánh”. Đây là lý luận hết sức trọng yếu trong Quán Kinh. Phương pháp trong kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà còn thiện xảo và thuận tiện hơn Quán Kinh, chẳng cần dùng đến y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Cách ấy (cách quán trong Quán Kinh) cũng khá rắc rối, [còn kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ] dùng một câu danh hiệu, do một câu danh hiệu ấy mà hiển lộ chân tánh của chính mình. Do vậy, kinh dạy quý vị phải “*hệ tâm bất loạn*” để niệm câu danh hiệu ấy. Xét về ý nghĩa chung thì [quán tướng và trì danh] giống nhau, nhưng khó hay dễ khác biệt rất lớn. Trì danh niệm Phật dễ hơn quán tướng rất nhiều!

Giảng tới đoạn này, sợ sẽ có người muốn hỏi: “Minh tâm kiến tánh là người khai ngộ. Kẻ chưa khai ngộ đáng nên niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; người đã khai ngộ dường như không cần thiết, không cần phải cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ?” Vì vậy, đại sư mới viết một đoạn như thế này: Bồ Tát vẫn phải thường thân cận Phật Đà! Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Văn Thù, Phổ Hiền và bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều là hạng minh tâm kiến tánh, các Ngài vẫn cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thân cận A Di Đà Phật; có thể thấy ở đây Liên Trì đại sư

đã nói chẳng sai. Trong phần Giáo Khởi Nhân Duyên ở phía trước cũng nói rất nhiều. “*Tắc dĩ ngộ tâm giả*”, tức là người đã minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, “*chánh ưng niệm Phật cầu sanh, hà túc nghi dã*” (cũng nên niệm Phật cầu vãng sanh, há còn ngờ ư). Kẻ chưa kiến tánh mê hoặc, điên đảo, có lúc cũng chẳng mong vãng sanh Tịnh Độ; hàng kiến tánh Bồ Tát tuyệt đại đa số đều mong vãng sanh Tịnh Độ; từ hội Hoa Nghiêm, chúng ta thấy được điều này. Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng đều vãng sanh; đây là một chứng cứ rất rõ rệt!

(Sao) Hựu Duy Ma kinh vân: “Tuy tri chư Phật quốc, cập dĩ chúng sanh không, nhi thường tu Tịnh Độ, giáo hóa u chúng sanh”.

(鈔)又維摩經云：雖知諸佛國，及與眾生空，而常修淨土，教化於眾生。

(Sao: Hơn nữa, kinh Duy Ma dạy: “Tuy biết các cõi Phật, và chúng sanh đều Không, nhưng thường tu Tịnh Độ, giáo hóa các chúng sanh”).

Đây là dẫn chứng, dẫn bốn câu kinh văn từ kinh Duy Ma để làm chứng. “*Tuy tri chư Phật quốc, cập dĩ chúng sanh Không*”, đây là như kinh Bát Nhã thường nói: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, đây là tinh túy của kinh Bát Nhã. Đó là nói về Lý, Sự có phải là như vậy hay chẳng? Sự thật xác thực là như vậy. Thế nhưng, chẳng phải là hàng kiến tánh Bồ Tát không thấy chân tướng sự thật ấy, chân tướng sự thật quả thật đúng như hai câu kinh ấy đã nói; thế mà Bồ Tát vẫn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, dùng phương pháp ấy để tự hành, dạy người. Từ hai câu ấy, chúng ta hiểu rõ mười phương ba đời hết thấy chư Phật, Bồ Tát dùng phương pháp gì để tự mình thành Phật và giúp đỡ chúng sanh thành Phật? Chính là pháp môn Niệm Phật! Bốn câu kinh văn ấy đã giảng rõ ràng. Do vậy biết Tánh và Tướng chẳng mâu thuẫn nhau, mà viên dung, là một, chẳng hai. Chúng ta thường thấy Không Tông và Hữu Tông dường như xung đột, đó là cái nhìn của phàm phu chúng ta, chứ đối với người thật sự nhập cảnh giới, thông đạt sẽ chẳng như vậy! Một chính là hai, hai chính là một, Tánh và Tướng quả thật là một.

(Sao) Cố hoạn bất ngộ tự tâm nhĩ.

(鈔)故患不悟自心耳。

(Sao: Cho nên lo chẳng ngộ tự tâm mà thôi!)

Chúng ta lo là lo chẳng khai ngộ. Còn đang mê hoặc, điên đảo, điều này đáng để chúng ta lo âu!

(Sao) Ngộ tâm, tức vô nhất pháp xuất ư tâm ngoại, tức tâm tức cảnh, tức cảnh tức tâm, vãng sanh Tịnh Độ, nguyện kiến Di Đà, bất ngại duy tâm, hà phương tự tánh?

(鈔) 悟心，則無一法出於心外，即心即境，即境即心，往生淨土，願見彌陀，不礙唯心，何妨自性。

(Sao: Ngộ tâm thì không có pháp nào ở ngoài tâm, tâm chính là cảnh, cảnh chính là tâm. Vãng sanh Tịnh Độ, nguyện thấy Di Đà, chẳng trở ngại duy tâm, há trở ngại tự tánh?)

Nói thật ra, tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương là thấy tự tánh. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới ấy chính là Tướng Phần trong tự tánh của chúng ta; chúng chính là hình dạng của Chân Như bản tánh, điều ấy cũng được kinh gọi là “*chư pháp Thật Tướng*” (Thật Tướng của các pháp). Thật Tướng: Tướng tức là Tánh, Tánh tức là Tướng. “*Tức tâm tức cảnh*”, tâm và cảnh như một, tâm và cảnh chẳng hai. Chuyện này thật sự rất khó lãnh hội, vì sao khó lãnh hội? Chúng ta mê nơi Tướng, đối với cả hai bên Tánh và Tướng đều mê, cho nên chẳng dễ gì lãnh hội được! Trong các buổi giảng, chúng tôi thường dùng chuyện nằm mộng để tỷ dụ, vì thời gian nằm mộng ngắn ngủi, sau khi tỉnh giấc, quý vị giác ngộ, nhưng trong khi nằm mơ, quý vị chẳng giác ngộ. Nếu giác ngộ trong mộng sẽ rất thú vị, sẽ giống như người đã khai ngộ. Quý vị nghĩ xem: Tất cả cảnh giới trong mộng có phải do tâm quý vị biến ra hay chẳng? Nếu chúng ta coi cảnh giới như mộng cảnh để nói thì cái có thể tạo ra giấc mộng là tâm của chính quý vị, cảnh giới trong mộng là Tướng Phần do tâm biến hiện trong khi đang nằm mộng; toàn bộ mộng cảnh chẳng phải là tâm của quý vị hay sao? Toàn bộ cái tâm chẳng phải là mộng cảnh hay sao? Tâm và mộng cảnh là một, chẳng hai! Lìa mộng chẳng có tâm, lìa tâm không có mộng, tâm và cảnh như nhau. Chúng ta suy nghĩ những điều này thấy cũng có lý một chút, vẫn còn có thể nghĩ thông suốt.

Quý vị thật sự nghĩ thông suốt, lại dùng Lý ấy để quan sát cảnh giới hiện thực; cảnh giới ấy cũng giống như thế. Nếu trong cảnh giới, quý vị thấy tất cả các cảnh đều do tâm ta biến, cảnh chẳng lìa tâm, tâm chẳng lìa cảnh, quý vị sẽ khai ngộ, minh tâm kiến tánh. Nói cách khác, không cần đợi về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị đã kiến tánh. Nhưng minh

tâm kiến tánh trong thế giới này, chỉ thấy được một phía là uế độ trong tánh của chúng ta. Nói cách khác, [chỉ thấy] được phía hiện tượng ác trong tâm tánh. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ thấy trong tâm tánh chúng ta còn có phương diện tốt đẹp. Giống như chúng ta nằm mộng, có lúc giấc mộng rất ngọt ngào, có lúc gặp ác mộng. Chúng ta kiến tánh trong thế giới này, giống như gặp ác mộng, trong ác mộng, hiểu tâm và cảnh như nhau; vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là giấc mộng ngọt ngào, cũng biết tâm và cảnh như nhau. Khi ấy, quả thật, tận hư không trọn pháp giới là một tâm. Phật pháp nói đến tốt cùng là dạy chúng ta nhập cảnh giới ấy. Bất đắc dĩ, đặt tên cho cảnh giới ấy là Nhất Chân pháp giới. Hiện thời, chúng ta không thấy được, do đang mê nơi cảnh giới nên cũng chẳng có cách nào khai ngộ; đó là vì tâm chúng ta không thanh tịnh, trong tâm phân biệt, chấp trước, có vọng tưởng, có phiền não. Vì thế, quý vị chẳng thể thấy chân tướng sự thật.

Ở đây, đại sư bảo: “*Vãng sanh Tịnh Độ, nguyện kiến Di Đà, bất ngại duy tâm*” (Vãng sanh Tịnh Độ, nguyện thấy Di Đà, chẳng trở ngại duy tâm). Nói thật ra, ở nơi ấy, không chỉ chẳng trở ngại duy tâm, mà còn sẽ chứng “duy tâm Tịnh Độ”, chứng thực “tự tánh Di Đà”, nói thông tục là “thành Phật chứng quả”. Chứng quả là chứng gì vậy? Chứng đắc rõ rệt Nhất Chân, tâm và tánh là một, chẳng hai, chứng điều ấy, thấy điều ấy. Đây là quý vị đã chứng đắc.

(Sao) Hựu vấn: Tích nhân vị Hoa Nghiêm cực giáo, khả đắc giai ước Quán Hạnh, minh chư pháp môn. Phương Đẳng nhi hạ, hà đắc diệc ước Quán Hạnh?

(鈔) 又問：昔人謂華嚴極教，可得皆約觀行，明諸法門，方等而下，何得亦約觀行。

(Sao: Lại hỏi: Người xưa nói Hoa Nghiêm là giáo pháp cùng tột, nên [khi giảng giải kinh ấy] có thể dựa vào Quán Hạnh để giảng rõ các pháp môn, còn đối với các kinh thuộc loại Phương Đẳng trở xuống, có sao cũng dùng Quán Hạnh [để giải thích]?)

Hỏi hay lắm! Câu hỏi này là giả thiết, giả sử có một người nêu ra câu hỏi như vậy! Trong kinh Phật, Hoa Nghiêm là Nhất Thừa Viên Giáo, được gọi là “*xưng tánh nhi đàm*” (稱性而談: đàm luận xưng tánh), hoàn toàn là ngôn ngữ, văn tự lưu lộ từ Chân Như bản tánh sau khi đức Phật đã chứng đắc chân tánh, từng câu, từng chữ đều là chân tánh, nên gọi là “*xưng tánh chi đàm*” (稱性之談: lời luận định xưng tánh). Cũng chính vì

lẽ đó, hết thấy các pháp có thể “*quán tâm xưng Lý*”, trong mỗi đoạn [chú giải kinh văn], Liên Trì đại sư đều có viết một đoạn Xưng Lý, chẳng hạn như đoạn này là Xưng Lý. Xưng Lý nghĩa là nói tương ứng với tánh. Kinh Hoa Nghiêm được nói tương xứng với tánh, mọi người chẳng bàn cãi điều này, họ đều biết, đều tôn trọng kinh Hoa Nghiêm là đại pháp Nhất Thừa Viên Giáo.

“*Phương Đẳng nhi hạ*” (từ Phương Đẳng trở xuống): Những kinh Đại Thừa thông thường dường như chẳng cao sâu như thế, có sao cũng có thể xếp vào loại Quán Hạnh giống như Hoa Nghiêm để nói? Kinh Di Đà thuộc thời Phương Đẳng; nói cách khác, chớ nên dùng cung cách phán định kinh Hoa Nghiêm để giảng bộ kinh này! [Ở đây, có sao Liên Trì đại sư] đàm luận xưng tánh, sau mỗi đoạn [chú giải kinh văn] đều có một đoạn Xưng Lý, tức là [giải thích đoạn ấy] tương xứng với Tánh [như thế nào]. Nói thật ra, đối với chuyện này, Liên Trì đại sư đã tốn rất nhiều tâm tư, Ngài sống vào cuối đời Minh, cách chúng ta gần sáu trăm năm. Trong các tự viện từng lâm tại Trung Quốc thuở ấy, phong khí nhà Thiền rất thịnh hành, nếu trực tiếp phê bình sẽ khiến cho rất nhiều người khó chịu, nhưng những kẻ bình phẩm lại coi thường, rẻ rúng Tịnh Độ. Vì thế, Ngài phải một phen khổ tâm, hoàn toàn dùng kinh Hoa Nghiêm để giải thích kinh Di Đà. Do lẽ đó, trong Di Đà Kinh Sớ Sao có rất nhiều chỗ trích dẫn kinh Hoa Nghiêm. Nói cách khác, Ngài đã ngấm ngấm, chẳng công khai, đề cao kinh Di Đà, dùng gì để đề cao? Dùng Hoa Nghiêm để đề cao, đề cao đến mức [kinh Di Đà] còn cao hơn kinh Hoa Nghiêm, khiến cho mọi người hiểu được tầm quan trọng của pháp môn này, hy vọng những kẻ học Thiền sẽ tỉnh ngộ. Thiền chẳng thể thành công, bèn quay về niệm Phật, chắc chắn thành tựu! Đây là một phen khổ tâm của Ngài.

Vì thế, Ngài viết Sớ Sao quả thật đã hết sức mềm dẻo, nhân nhượng, ngõ hầu đạt được lợi ích toàn cuộc, khác hẳn Ngẫu Ích đại sư. Ngẫu Ích đại sư sống vào thời đại trễ hơn Ngài. Liên Trì đại sư hoàng dương Tịnh Độ đã tạo thành cơ sở tương đối khá, Ngẫu Ích đại sư thừa dịp phát huy rực rỡ, thuận tiện hơn nhiều! Chẳng giống như thời đại của tổ Liên Trì, trong thời đại ấy, áp lực bên ngoài rất lớn; do vậy, lúc soạn Sớ Sao, Tổ phải cực lực dùng Nhất Thừa Viên Giáo Hoa Nghiêm và Pháp Hoa để chỉ bày sự vĩ đại và chẳng thể nghĩ bàn của pháp môn này. [Từ chuyện này], ta cũng có thể thật sự thấy được học vấn và đạo đức của Tổ, nếu Ngài chẳng phải là bậc đại thông gia, quả thật sẽ không thể làm được! Có thể thấy Liên Trì đại sư tin sâu Tịnh Độ, y theo phương pháp này để tu hành, hoàng dương pháp môn này, chẳng phải là mù quáng! Từ hết thấy các kinh

luận Đại Thừa, Ngài đã quyết trạch⁴⁰ pháp môn này. Chúng ta đọc truyện ký của Ngài cũng có thể thấy được chuyện ấy. Dưới đây là câu trả lời:

(Sao) Cổ đức đáp vân: Chư liễu nghĩa bất liễu nghĩa giáo, giai thị liễu nghĩa, dĩ duy nhất tâm cố. Cứ thử, tác viên cơ đối giáo, hà giáo bất viên? Lý tâm thiệp Sự, hà Sự bất Lý?

(鈔)古德答云：諸了義不了義教，皆是了義，以唯一心故。據此，則圓機對教，何教不圓，理心涉事，何事不理。

(Sao: Cổ đức đáp: “Các giáo pháp liễu nghĩa và bất liễu nghĩa đều là liễu nghĩa, vì chỉ là nhất tâm”. Dựa trên điều ấy, đối với người căn cơ viên mãn, có giáo pháp nào chẳng viên? Dùng cái tâm xưng Lý để lãnh hội Sự, có Sự nào chẳng phải là Lý?)

Đoạn này đã giảng trọn hết Phật pháp. Nếu hỏi Phật pháp là gì, dùng mấy câu này để đáp, sẽ trả lời rất viên mãn. Nói theo cách này, không chỉ kinh Phương Đẳng, mà chẳng có một pháp nào không phải là Phật pháp. Quý vị nói xem: Có pháp nào chẳng phải là Phật pháp? Phật pháp là gì? Duy tâm sở hiện gọi là Phật pháp. Có pháp nào chẳng do duy tâm sở hiện? Pháp nào cũng đều là! Giống như nằm mộng, tất cả cảnh giới trong mộng hoàn toàn do tâm biến hiện, tuyệt đối chẳng có cảnh giới nào không do tâm quý vị biến hiện. Có cảnh giới nào đến từ bên ngoài cái tâm của quý vị hay chẳng? Không có! Toàn là vật do tâm của chính quý vị biến hiện. Nếu trong mộng, quý vị bỗng nhiên giác ngộ, tâm ta là gì? Tâm ở trong thân thể ta, những gì ở ngoài thân thể chẳng phải là tâm, [hiểu như vậy] thì sai mất rồi! Hết thấy mọi người trong giấc mộng do chính quý vị biến ra, tuyệt đối không thể nói họ chẳng dính líu gì đến quý vị! Quý vị nằm mộng thấy hết thấy mọi người, kẻ ta ưa thích lẫn kẻ ta chán ghét đều do chính quý vị biến ra! Trong mộng, quý vị mộng thấy hết thấy mọi vật, chúng cũng do chính quý vị biến ra, chẳng có gì không do chính mình biến! Do vậy, nói: Ngoài pháp chẳng có tâm, ngoài tâm chẳng có pháp.

Tận hư không, trọn pháp giới mười phương ba đời hết thấy vạn pháp toàn là vật được biến hiện bởi tự tâm của chúng ta. Quý vị nói xem: Chân Như tồn tại ở chỗ nào? Tùy tiện, lấy bất cứ pháp nào cũng đều được, chẳng có một pháp nào không phải! Giống như hỏi chúng ta về kiến

⁴⁰ Quyết Trạch (Pravicāra): Chọn lựa, quyết định.

tánh, tánh ở nơi đâu? Giống như quý vị nằm mơ, đang trong lúc nằm mơ, hỏi quý vị “tâm của anh ở đâu?” Tùy tiện lấy vật nào cũng được! Bởi lẽ, hết thấy các pháp thấy đều do tâm tánh của quý vị biến ra! Đó gọi là “*dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*” (dùng vàng chế đồ vật, món nào cũng đều là vàng). Chúng ta dùng vàng ròng chế thành mấy ngàn món, có đến mấy vạn hình thức, hình dạng, đủ mọi thứ khác biệt, vàng ở nơi đâu? Tùy tiện lấy bất cứ vật nào cũng đều là vàng, chẳng có gì không phải! Do vậy, có kẻ hỏi: “Chân Như bốn tánh ở đâu?” Không có một pháp nào chẳng do Chân Như bốn tánh biến ra, hết thấy các pháp đều là Tướng Phần, tức là hình trạng của Chân Như bốn tánh. Tướng là Tánh, Tánh là Tướng, cho nên chẳng có pháp nào chẳng phải là Chân Như bốn tánh! Nếu quý vị đã hiểu thì đó là “kiên tánh” được nói trong kinh Phật, sách vở thế gian có giống như vậy hay không? Đương nhiên cũng là như vậy. Phật giáo giảng như vậy, các giáo pháp ngoại đạo có giảng như vậy hay không? Thấy đều là như vậy, chẳng có một pháp nào không phải. Vì thế, đối với cảnh giới, tâm quý vị bình đẳng, tâm bình đẳng liền phóng quang minh, trí huệ liền sanh khởi.

Hiện nay, chúng ta bất bình đẳng trong hết thấy cảnh giới, đây là mê, bất giác. Giác là gì? Tâm bình đẳng là giác. Chẳng mê là gì? Tâm bình đẳng chẳng mê. Vẫn còn bất bình đẳng thì là mê hoặc, điên đảo. Vì vậy, bản thân chúng ta phải giác ngộ, đãi người, xử sự, tiếp vật, tâm chúng ta có bình đẳng hay không? Bình đẳng thì quý vị là Bồ Tát, là Phật, thật sự hành Bồ Tát đạo. Do vậy, trong tâm chính mình phải thật sự bình đẳng; nhưng đãi người, tiếp vật, xử sự, phải dùng cái tâm bình đẳng để tùy thuận sự bất bình đẳng trong thế gian. Chẳng hạn như người ta hỏi: “Cái gì đây?” [Quý vị trả lời]: “Đây là một quyển sách”. Nói “một quyển sách” tức là chẳng bình đẳng, nó không có tên mới là bình đẳng! Ta dấy lên một niệm sẽ chẳng bình đẳng; nhưng tâm ta bình đẳng; vì kẻ khác gọi nó là sách, ta thuận theo kẻ khác mà gọi nó là sách, chẳng phải là ta phân biệt, chấp trước. [Nói] “đây là sách” là vì kẻ khác phân biệt, chấp trước thứ này là sách, nên ta cũng thuận theo sự phân biệt và chấp trước của người ấy mà phân biệt, chấp trước, chính mình chẳng phân biệt, chấp trước. Do vậy, tâm địa tỏa quang minh, tâm địa thanh tịnh, thấy chân tướng sự thật. Nếu trong tâm chính mình thật sự có chấp trước, phân biệt, hồng rồi! Đó là mê, chắc chắn là chưa ngộ, chắc chắn tâm và cảnh, Tánh và Tướng chưa thể dung hợp thành một! Phật pháp phải học từ chỗ này, mà cũng cầu từ chỗ này!

Cổ nhân nói: “*Viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên*” (người căn tánh viên mãn thuyết pháp, không pháp nào chẳng viên), hết thảy các kinh hoàn toàn là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Trong khi giảng tựa đề kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi đã nói điều này: Kinh Hoa Nghiêm là danh xưng chung của hết thảy các kinh, không chỉ gồm trọn những gì đức Phật đã nói, mà hết thảy các pháp thế gian không do đức Phật nói cũng đều được bao gồm toàn bộ trong danh từ này thì ý nghĩa ấy mới được nói rất viên mãn. Ngài (tổ Liên Trì) đã dùng đoạn thứ nhất để trình bày [các ý nghĩa trong tựa đề kinh], ý nghĩa ấy rất sâu. Giảng tựa đề Phật Thuyết A Di Đà Kinh đến đây là hết một đoạn.

Nhị, dịch nhân.

二、譯人。

(Hai, người dịch).

Giảng về người phiên dịch [được ghi trong phần tựa đề].

Diêu Tần Tam Tạng pháp sư Cưu Ma La Thập dịch.

姚秦三藏法師鳩摩羅什譯。

(Pháp sư Cưu Ma La Thập dịch vào thời Diêu Tần).

Phần Nhân Đề (tựa đề nói về người phiên dịch) gồm có bốn đoạn: Đoạn thứ nhất là Diêu Tần, chỉ thời đại, niên đại. Trong lịch sử Trung Quốc, có tất cả bốn triều đại chọn Tần làm quốc hiệu; vì thế, phải lấy họ của hoàng đế đặt trước [chữ Tần] thì mới biết là triều đại Tần nào! Tại Trung Quốc, người đầu tiên lấy chữ Tần làm quốc hiệu chính là Tần Thủy Hoàng. Tần Thủy Hoàng họ Doanh nên [triều đại của ông ta] gọi là Doanh Tần. Người thứ hai là Phù Kiên thành lập một nước Tần tại địa bàn Sơn Tây, Thiểm Tây và Cam Túc, lịch sử gọi triều đại này là Phù Tần. Sau khi thua trận Phù Thủy, Phù Kiên bị thuộc hạ là tướng quân Diêu Trành phát động chánh biến giành ngôi hoàng đế, quốc hiệu vẫn gọi là Tần, nên [sử gọi triều đại này là] Diêu Tần, thuộc thời đại Đông Tấn.

“*Tam Tạng pháp sư*” là học vị; nay chúng ta nói đến các danh xưng học vị như Tiến Sĩ, Học Sĩ (Cử Nhân) v.v... Vị pháp sư này có khả năng thông đạt Tam Tạng; nói cách khác, Ngài là bậc chuyên gia về Phật học, thông đạt Kinh, Luật, Luận Tam Tạng. Chỉ hiệu giới luật, chúng ta sẽ gọi Ngài là Luật Sư. Chỉ hiệu Luận, chúng ta gọi Ngài là Luận Sư, đều là chưa thể hoàn toàn thông đạt. Vị hoàn toàn thông đạt được gọi là Tam Tạng

Pháp Sư, có địa vị cao nhất trong Phật giáo. Tam Tạng Pháp Sư đúng là Tiến Sĩ, học rộng, nghe nhiều, học vị như vậy đó. Phàm những vị dịch kinh đều là Tam Tạng Pháp Sư, thông đạt hết cả, chẳng đến nỗi dịch sai ý nghĩa. Cưu Ma La Thập là tên của pháp sư, “*dịch*” là phiên dịch.

(Sớ) *Diêu Tần tiêu đại.*

(疏) 姚秦標代。

(Sớ: *Chữ Diêu Tần chỉ rõ thời đại.*)

Chỉ ra thời đại.

(Sớ) *Tam Tạng hiển đức.*

(疏) 三藏顯德。

(Sớ: *Chữ “Tam Tạng” nêu rõ đức hạnh của Ngài.*)

Nêu bày đức năng: Ngài thông đạt Tam Tạng.

(Sớ) *La Thập xuất danh.*

(疏) 羅什出名。

(Sớ: *“La Thập” là nói ra tên của Ngài.*)

“*La Thập*” là nêu rõ danh hiệu của Ngài.

(Sớ) *Dịch chi nhất tự, kết thành năng phiên nhân dã.*

(疏) 譯之一字，結成能翻人也。

(Sớ: *Một chữ “dịch” để kết thúc, nhằm chỉ rõ người phiên dịch [kinh này là ai].*)

Chữ “*dịch*” chỉ người phiên dịch.

(Sao) *Xuất xứ thì mạt bị tiên, tư bất trùng lục.*

(鈔) 出處始末備前，茲不重錄。

(Sao: *Xuất xứ [của bản dịch này] đã được trình bày cặn kẽ từ đầu đến cuối trong phần trước, ở đây chẳng lặp lại.*)

Kinh này được dịch hai lượt: Lần đầu tiên do Cưu Ma La Thập đại sư dịch, lần thứ hai do Huyền Trang đại sư dịch dưới đời Đường, trong phần trước đã từng nói rồi, không cần lặp lại.

(Sao) Cổ xưng Thập sư, thất Phật dĩ lai dịch kinh sư dã, do thị lược cử, thả dĩ thất Phật vi ngôn nhĩ.

(鈔)古稱什師，七佛以來譯經師也，猶是略舉，且以七佛為言耳。

(Sao: Cổ nhân xưng tụng La Thập đại sư là vị thầy dịch kinh của bảy đức Phật thì vẫn là nói đại lược, nên mới nói “bảy đức Phật” mà thôi).

Trong phần Huyền Nghĩa thuộc quyển thứ nhất của bộ Sớ Sao đã giới thiệu tỉ mỉ tiểu sử La Thập đại sư, ở đây chẳng nhắc lại; nhưng giảng vào kinh văn, trong phần Nhân Đề, chẳng thể không giới thiệu, cho nên bổ sung thêm vài ý nghĩa. Cổ đức nói Cựu Ma La Thập đại sư trong quá khứ là người phiên dịch [kinh điển] của bảy đức Phật, đời đời kiếp kiếp phát tâm hoằng pháp lợi sanh, làm công tác phiên dịch; cho nên Ngài dịch vô cùng hay! Nói như vậy vẫn là nói đại lược, vì chỉ nêu ra bảy vị Phật gần nhất.

(Sao) Phù Tỳ Bà chí u Thích Ca, thủ vĩ chỉ kinh nhị kiếp.

(鈔)夫毗婆至於釋迦，首尾止經二劫。

(Sao: Do từ Tỳ Bà Thi Phật cho đến Thích Ca Mâu Ni Phật, từ đầu đến đuôi chỉ là hai kiếp).

Từ Tỳ Bà Thi Phật (Vipasyin) cho đến Thích Ca Phật, ba vị Phật cuối cùng trong kiếp trước đó (tức Trang Nghiêm Kiếp), khởi đầu kiếp này (Hiền Kiếp) có bốn vị Phật, hợp thành bảy vị Phật, kể từ đầu đến đuôi là hai kiếp. Tỳ Bà Thi Phật: Tỳ Bà Thi dịch sang tiếng Hán là Thắng Quán, nghĩa là “quán chiếu thù thắng”. Vị Phật thứ hai là Thi Khí Phật (Sikhin), Thi Khí dịch sang tiếng Hán là Trì Ké, Ké (髻) là đầu tóc kết thành búi, Trì (持) có nghĩa là gìn giữ. Vị thứ ba là Tỳ Xá Phù Phật (Visvabhu), Tỳ Xá Phù dịch sang tiếng Hán là Biến Nhất Thiết Tự Tại (trọn khắp hết thảy đều tự tại). Vị thứ tư, tức vị Phật thứ nhất trong Hiền Kiếp (Bhadra-kalpa) là Câu Lưu Tôn Phật (Krakucchanda), Câu Lưu Tôn dịch nghĩa tiếng Hán là Sở Ứng Đoạn Dĩ Đoạn (những gì đáng đoạn đã đoạn xong), như Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh phiền não, Ngài đều đoạn hết, [danh hiệu Phật] có ý nghĩa ấy. Vị Phật thứ hai [trong Hiền Kiếp, tức vị Phật thứ năm trong bảy vị Phật] là Câu Na Hàm Mâu Ni Phật (Kanakamuni), dịch nghĩa là

Kim Sắc Tiên (vị tiên thân vàng). Vị Phật thứ ba [trong Hiền Kiếp] là Ca Diếp Phật (Kasyapa), dịch nghĩa là Âm Quang Phật. Quang minh của Ngài vô cùng chói lọi, khi Phật hiện diện, hết thấy những ánh sáng khác đều chẳng thể thấy, giống như ban ngày dưới ánh mặt trời mà bật đèn điện, chẳng thấy ánh sáng của đèn, chỉ thấy ánh sáng mặt trời. Vì quang minh của Phật quá lớn, gồm thâu những ánh sáng khác, nên gọi là Âm Quang (nuốt mất ánh sáng). Vị thứ tư [trong Hiền Kiếp] là Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, dịch nghĩa là Năng Nhân Tịch Mặc. La Thập đại sư là vị phiên dịch [kinh điển] của bảy vị Phật ấy, Ngài đã phát nguyện ấy. Vì sao ở đây đại sư nói là “*lược cử*” (nêu đại lược)? Quý vị đọc đoạn văn tiếp theo sẽ biết.

(Sao) Nhi Di Đà thành Phật thập kiếp.

(鈔) 而彌陀成佛十劫。

(Sao: Nhưng đức Di Đà đã thành Phật mười kiếp).

A Di Đà Phật đã thành Phật mười kiếp.

(Sao) Tắc Trang Nghiêm kiếp tiền, cánh thượng cửu kiếp, sở lịch dĩ kỷ vạn Phật.

(鈔) 則莊嚴劫前，更上九劫，所歷已幾萬佛。

(Sao: Tức là đã hơn chín kiếp trước kiếp Trang Nghiêm, đã trải qua mấy vạn vị Phật).

Có thể thấy rằng: Nói Ngài là vị sư dịch kinh của bảy đức Phật đích xác là nói đại lược, chỉ giới thiệu mấy vị gần nhất, chẳng nói tới mấy vị trước đó. Nếu kể cả những vị trước đó thì Ngài đời đời kiếp kiếp phát nguyện dịch kinh Phật. Dịch kinh Phật đều là sau khi đức Phật đã diệt độ, lúc đức Phật tại thế chẳng cần phải dịch. “*Phật dĩ nhất âm nhi thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải*” (Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp, chúng sanh tùy theo mỗi loại đều hiểu). Ngôn ngữ của Phật vô cùng kỳ diệu, Ngài ở nơi ấy thuyết pháp, chúng ta là hạng người nào nghe giảng cũng đều [cảm thấy] giống hệt như [đức Phật đang sử dụng] ngôn ngữ ở quê hương ta. Bất luận người nào thân cận Phật, chẳng có ai nghe mà không hiểu lời đức Phật nói. Sau khi đức Phật diệt độ, hàng Bồ Tát đều không có năng lực ấy, cho nên phải theo đuổi công tác phiên dịch.

(Sao) Ký lục phương chư Phật, mị bất tán thán thủ kinh.

(鈔) 既六方諸佛，靡不讚歎此經。

(Sao: Nên sáu phương chư Phật, không vị nào chẳng tán thán kinh này).

Trong kinh này, La Thập đại sư dịch là “*lục phương Phật*”, [sáu phương là nói rút gọn của mười phương], tức là mười phương hết thầy chư Phật, không có vị Phật nào chẳng tán thán bộ kinh này.

(Sao) tactics Phật dĩ lai, diệc tất giai thuyết thử kinh, diệc tất giai hữu dịch giả.

(鈔) 則萬佛以來，亦必皆說此經，亦必皆有譯者。

(Sao: Cho nên [kể từ] một vạn vị Phật cho tới nay, vị nào cũng đều nói kinh này, mà ắt cũng đều có người dịch kinh này).

Đây là suy đoán dựa theo Lý, tình hình nhất định phải là như thế. Chúng ta đối chiếu cẩn thận kinh Vô Lượng Thọ với kinh này để nghiên cứu, sẽ hiểu rõ một sự thật: Mười phương thế giới chúng sanh căn tánh khác nhau, đức Phật thuyết pháp là ứng cơ thuyết pháp (thuyết pháp thuận theo căn cơ). Mỗi vị Phật trong mỗi thế giới đối với chúng sanh trong mỗi thế giới ấy sẽ nói các pháp môn khác nhau, chỉ có một bộ kinh Di Đà này là tương đồng! Mười phương ba đời hết thầy chư Phật không vị Phật nào chẳng nói, chẳng hộ trì, chẳng hoằng dương. Bộ kinh này chính là khoa mục mà chư Phật, Bồ Tát trong hết thầy thế giới thuộc mười phương ba đời cùng tu. Không chỉ là cùng tu, thừa quý vị, nó lại còn là khoa mục bắt buộc phải tu của hết thầy chư Phật. Bất luận tông phái nào ở Trung Quốc, khóa tụng kinh tối đều niệm kinh Di Đà, có thể thấy bộ kinh này vô cùng trọng yếu, nó là pháp môn bậc nhất và bộ kinh bậc nhất để chư Phật, Bồ Tát độ chúng sanh, chúng ta nhất định phải biết điều này!

Nhưng hiện thời, người học Phật chuyên môn học kinh Di Đà vẫn chẳng nhiều lắm, do nguyên nhân nào? Kinh đã nói rất rõ ràng: “*Chẳng thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy*”, đó là do thiện căn, phước đức, nhân duyên của người ấy ít ỏi! Người ấy tu những thứ khác. Nếu người ấy có nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên thì chuyện gì cũng không làm, chuyên tu bộ kinh này. Do vậy, phải hiểu: Suốt đời chuyên tu bộ kinh này, đó là thiện căn, phước đức, nhân duyên thầy đều trọn đủ, người ấy nhất định vãng sanh trong một đời này, sau khi vãng sanh, nhất định thành Phật. Do vậy, người ấy không nghiên cứu tràn lan những kinh điển khác, mà chọn lấy pháp môn bậc nhất và kinh điển

bậc nhất đã được mười phương chư Phật đề xướng, chúng ta nhất định phải nhận biết điều này.

Đại sư nói hết thầy chư Phật đều giảng kinh này. Sau khi đức Phật diệt độ, trong thời kỳ Tượng Pháp hoặc Mạt Pháp, [kinh này] nhất định phải được phiên dịch. Vì thế, có những vị Bồ Tát phát tâm đời đời kiếp kiếp làm công tác dịch thuật này, đại khái La Thập đại sư thuộc loại nhân vật ấy, tuyệt đối chẳng phải là phàm nhân.

(Sao) Nhi kinh xưng mẫu Phật giả viết.

(鈔) 而經稱母佛者曰。

(Sao: Nhưng trong kinh, vị được gọi là mẹ đức Phật đã nói).

“*Kinh xưng mẫu Phật*” là Ma Da phu nhân, tức là mẹ của Thích Ca Mâu Ni Phật. Ma Da (Māyā) dịch sang tiếng Hán là Huyền Sanh, vì Ma Da phu nhân đã dùng pháp môn Như Huyền để huyền sanh⁴¹ ra đức Phật. Kinh dạy, trước khi Thích Ca Mâu Ni Phật giáng sanh, mười phương chư Phật mỗi ngày ba thời thuyết pháp trong bụng Ma Da phu nhân. Đức Phật và các vị đại Bồ Tát thị hiện giáng sanh trong nhân gian, tuy hoài thai mười tháng giống như chúng ta, các Ngài chẳng hứng chịu nỗi khổ thai ngục. Ở trong thai mẹ, Ngài khai đại pháp hội, mỗi ngày giảng kinh, thuyết pháp trong ấy, chư Phật, Bồ Tát đều đến nghe. Bọn phàm phu chúng ta ở trong thai mẹ mười tháng, giống như ở trong địa ngục, khổ chẳng thể nói nổi! Trong kinh, đức Phật đã hình dung nỗi khổ ấy giống như địa ngục, nên gọi là “*thai ngục khổ*”. Sau khi đầu thai bèn mê hoặc, điên đảo, giống như bị nhốt trong tù ngục. Mẹ ăn chút gì nóng, con như đang ở trong Bát Nhiệt địa ngục; mẹ uống một chén nước lạnh, con giống như ở trong Bát Hàn địa ngục, khổ gần chết! Đức Phật giáng sanh, khác hẳn, nên gọi là Như Huyền là do ý nghĩa này.

Chúng ta thấy trong kinh Hoa Nghiêm, Ma Da phu nhân có nói, Ngài cũng là bậc đại quyền thị hiện, phát nguyện đời đời kiếp kiếp muốn làm Phật mẫu. Do vậy, không chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật là do Ngài hoài thai sanh ra, mà một ngàn vị Phật xuất thế trong Hiền Kiếp đều do Ngài hoài thai sanh ra, đời đời kiếp kiếp làm Phật mẫu.

(Sao) Thế thế Phật sanh, ngã vi kỳ mẫu.

⁴¹ Huyền sanh: Thị hiện dường như có hoài thai, hạ sanh, chứ không phải thật sự đức Phật đầu thai vào bụng mẹ như phàm nhân.

(鈔) 世世佛生，我為其母。

(Sao: Đòi đòi chư Phật giáng sanh, ta làm mẹ của các Ngài).

Ma Da phu nhân nói như vậy.

(Sao) Tử Phật giả viết.

(鈔) 子佛者曰。

(Sao: Con của đức Phật nói).

“*Tử Phật*” là La Hầu La (Rāhula), Ngài là con của Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng là bậc đại quyền thị hiện.

(Sao) Thế thế Phật xuất, ngã vi kỳ tử.

(鈔) 世世佛出，我為其子。

(Sao: Đòi đòi Phật xuất thế, ta làm con các Ngài).

Đại sư nêu hai trường hợp trong kinh ấy (kinh Hoa Nghiêm) để nói.

(Sao) Dĩ thị lệ chi, Thập sư dịch kinh, hà xí thất Phật.

(鈔) 以是例之，什師譯經，何啻七佛。

(Sao: Phỏng theo đó [để suy đoán], há phải La Thập đại sư chỉ dịch kinh của bảy đức Phật).

Tôi nghĩ có thể là Ngài cũng đòi đòi kiếp kiếp, hễ Phật xuất thế, Ngài bèn dịch kinh, Ngài đều tiến hành phiên dịch. Nêu lên thí dụ này để nói rõ, nhìn từ mặt hình tướng, La Thập đại sư là người dịch kinh của bảy đức Phật, nhưng bản lai diện mục của Ngài chẳng thể nghĩ bàn, có thể là Ngài cũng phát nguyện đòi đòi kiếp kiếp theo đuôi công tác dịch kinh.

(Sao) Nhi thử kinh lưu thông cửu viễn, u thị ích tín.

(鈔) 而此經流通久遠，於是益信。

(Sao: Nhưng kinh này được lưu thông đã lâu; do vậy, càng thêm tin tưởng).

Chúng ta lại càng tin tưởng bộ kinh này được lưu thông trong hết thảy các cõi Phật khắp mười phương ba đời. Nói tới các kinh khác, chưa chắc mỗi thế giới đều giống nhau, nhưng kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ chắc chắn giống nhau, đến bất cứ thế giới nào đều thấy [hai kinh này].

(Sao) Xứng Lý, tác tự tánh dung thông ẩn hiển, thị Hoa Phạm phiên dịch nghĩa.

(鈔) 稱理，則自性融通隱顯，是華梵翻譯義。

(Sao: Xứng Lý thì tự tánh dung thông, ẩn tàng, hay hiển lộ, chính là ý nghĩa dịch từ Phạn sang Hán).

“Dung thông” trùng trùng vô ngại. “Ẩn hiển” là hình tướng của sự dung thông, đúng như kinh Pháp Hoa đã nói “bách giới thiên như”. Trí Giả đại sư đọc kinh Pháp Hoa, đã nêu tỏ tinh nghĩa (nghĩa lý tinh vi) của kinh Pháp Hoa qua [khái niệm] bách giới thiên như. Nói cách khác, không có một pháp nào chẳng Như! “Như” là Chân Như, tức là nói về bản tánh, hết thấy các pháp là Tướng, Tướng như Tánh, Tánh như Tướng. Chúng ta dùng một tỷ dụ để nói thì màn hình TV có thể hiển hiện tướng. Chúng ta sánh ví màn hình với Chân Như, hình tướng [hiển hiện trên màn hình] giống như vạn pháp. Tướng được hiển thị có rời khỏi màn hình hay chẳng? Chẳng rời khỏi. Suốt ngày từ sáng đến tối hiển lộ tướng, hiển lộ các tướng hoàn toàn bất động, nhưng chẳng hề rời khỏi màn hình. Màn hình là năng hiển (chủ thể có thể hiển lộ), vạn pháp là sở hiển (đối tượng được hiển lộ). Sở hiển là Tướng, năng hiển là Tánh, quý vị nghĩ xem có tướng nào chẳng Như? Trong những tướng được hiển lộ ấy, có tướng nào chẳng phải là màn hình? Bất luận tướng nào cũng đều là như vậy! Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, nay chúng ta đã thấy sâm la vạn tượng, có tướng nào chẳng phải là Chân Như bản tánh của chính mình? Thấy đều là [Chân Như bản tánh], hết thấy đều do Chân Như bản tánh hiển lộ; vì thế, gọi là “bách giới thiên như”, chẳng có pháp nào không Như.

Trí Giả đại sư đã phát minh đạo lý này từ kinh Pháp Hoa. Nếu chính Ngài chẳng kiến đạo, sẽ không thể nói ra được. Do vậy, ta biết Trí Giả đại sư là một vị Bồ Tát minh tâm kiến tánh, chẳng phải là phàm nhân! Minh tâm kiến tánh nói theo Biệt Giáo là từ Sơ Địa trở lên, trong Viên Giáo là từ Sơ Trụ trở lên. Lão nhân gia cũng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ mà vắng sanh, trong Vãng Sanh Truyện có chép tên Ngài. “Dung thông” là Tướng Tướng như nhau, Tánh Tướng bất nhị.

(Sao) Tức Phạm khả dĩ thành Hoa.

(鈔) 即梵可以成華。

(Sao: Tức là Phạn văn có thể trở thành Hoa văn).

“Phạm” là Phạn ngữ (Sankrit), tức ngôn ngữ của Ấn Độ cổ đại; “Hoa” là ngôn ngữ của Trung Quốc. Kinh điển được dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán. Tuy câu nào cũng là tiếng Phạn, nhưng câu nào cũng đều là tiếng Hoa.

(Sao) Tắc Hiển phi Mật ngoại.

(鈔) 則顯非密外。

(Sao: Hiển chẳng ở ngoài Mật).

Người Hoa nhìn vào văn tự tiếng Hán, nghe tiếng Hán, vừa nghe liền hiểu. Chúng ta nghe người Ấn Độ nói chuyện, đọc văn tự Ấn Độ chẳng hiểu. Không hiểu [nên nghĩ là] Mật, còn hiểu sẽ là minh hiển (rõ rệt). Hiển và Mật là một, chẳng hai. Dịch ra sẽ hiểu được ý nghĩa, chẳng còn là Mật nữa, chẳng dịch thì là Mật. Người khác nói, chúng ta không hiểu, [những điều người ấy nói] liền biến thành Mật. Người ta nói, chúng ta đã hiểu, sẽ không còn là Mật. Đây chính là Phạn có thể trở thành Hoa, Hiển chẳng ở ngoài Mật.

(Sao) Phương Hoa vị thường bất Phạm, tắc Mật tại Hiển biên.

(鈔) 方華未嘗不梵，則密在顯邊。

(Sao: Thì mới là Hoa chưa hề chẳng phải là Phạn, Mật ở ngay nơi Hiển).

Hiển và Mật chẳng hai, Hiển Mật viên dung. Có những thứ được truyền từ Ấn Độ vào Trung Quốc, như Đại Thừa Khởi Tín Luận do Mã Minh Bồ Tát soạn, sau khi được truyền sang Trung Quốc, bị thất truyền tại Ấn Độ. Huyền Trang đại sư lại dịch ngược từ tiếng Hán sang Phạn văn. Do vậy, tiếng Hán có thể dịch sang tiếng Phạn, mà tiếng Phạn có thể dịch sang tiếng Hán. Vào thuở ấy, những vị đại sư dịch kinh thường làm chuyện này. Vì thế, Mật ở nơi Hiển, Hiển ở nơi Mật, Hiển và Mật là một, chẳng hai.

(Sao) Đương ám trung hữu minh, đương minh trung hữu ám, hõ tương yểm ánh, thiệp nhập trùng trùng, diệu thể dung thông, bất nhất, bất dị.

(鈔) 當暗中有明，當明中有暗，互相掩映，涉入重重，妙體融通，不一不異。

(Sao: Trong tối có sáng, trong sáng có tối, che khuất và rọi sáng lẫn nhau, xen lẫn vào nhau trùng trùng, diệu thể dung thông, chẳng một, chẳng khác).

Thật ra, những câu này đều nói theo Tánh Tông, nhất là trong cảnh giới rất cao của Thiên Tông. Từ những chỗ này, chúng ta có thể thấy rất rõ dụng tâm của Liên Trì đại sư; Ngài luôn ngâm nói niệm Phật chính là Thiên. Những huyền nghĩa tối cao được giảng trong Thiên Tông đều là những ý nghĩa trong kinh Di Đà, đều nhằm khuyên người tham Thiên niệm Phật. Nếu không, Ngài nói những lời này đâu có ý nghĩa gì? Đọc những lời chú giải này, có thể đoán được dụng tâm của đại sư, biết thuở ấy, trong hoàn cảnh đó, Ngài đã khéo léo, uyển chuyển giải thích bộ kinh này nhằm phổ độ chúng sanh. Những ý nghĩa của Thiên, Giáo, Mật, Luật đều được nêu tỏ trong kinh này. Nói thật ra, nếu chẳng phải là một vị Tam Tạng pháp sư, quả thật cũng rất khó làm được. Trước kia, Tam Tạng pháp sư dịch kinh, nay Tổ chẳng dịch, Ngài chú giải, cũng phải thông đạt Tam Tạng mới có thể hoàn thành. Vì thế, Ngẫu Ích đại sư hết sức tán thán bộ Sớ Sao này là “*bác đại tinh thâm*” (rộng lớn mênh mông, tinh tường, sâu xa). Trước kia, thầy Lý đã nói: “*Nếu chẳng thông đạt hơn nửa bộ Đại Tạng Kinh, đọc Sớ Sao sẽ không hiểu*”, lời ấy cũng rất có lý!

“*Đương ám trung hữu minh, đương minh trung hữu ám*” nói rõ: Sáng và tối đối lập lẫn nhau, sáng đến tối lui, tối lui sáng đến. Giống như người Hoa nói về kinh Dịch: “*Trong Âm có Dương, trong Dương có Âm*”. Quý vị nhìn vào hình vẽ Thái Cực, màu đen tượng trưng cho Âm, màu trắng tượng trưng cho Dương. Trong phần đen có một điểm trắng, [biểu thị] trong Âm có Dương; trong phần trắng có một điểm đen, [biểu thị] trong Dương có Âm, sử dụng ý nghĩa này. Tối và sáng chính là Âm Dương. Nói theo mặt hiện tượng, sau nửa đêm, trời sáng dần, sẽ thấu lộ quang minh; đây là thấy “*ám trung hữu minh*”, đó là một hiện tượng rất rõ rệt, nhất là trên mặt biển đặc biệt dễ thấy hiện tượng này. Hiện thời giao thông nhanh chóng, tiện lợi, nếu ngồi máy bay đường dài, rất dễ thấy hiện tượng này, hết sức dễ thấy “*ám trung hữu minh, minh trung hữu ám*”.

“*Hỗ tương yểm ánh*” (che lấp và chiếu rọi lẫn nhau), nói tới sự xuyên suốt giữa hai pháp, tối vào sáng, sáng vào tối. “*Thiếp nhập trùng trùng*” (xen nhập lẫn nhau trùng trùng), có ý nghĩa giống như những tấm gương [phản chiếu lẫn nhau]. Trong quá khứ, vào đời Đường, Hiền Thủ quốc sư (thầy của Thanh Lương đại sư) giảng Nhất Chân pháp giới, giảng về cảnh giới xen nhập lẫn nhau trùng trùng trong Thập Huyền Môn, hoàng

để nghe chẳng hiểu ý nghĩa này. Sư bảo hoàng đế hãy dựng một cái đình bát giác. Sau khi đình đã được cất xong, mỗi mặt đình đặt một tấm gương rất lớn. Sư nói: “Nếu bệ hạ không hiểu xen nhập lẫn nhau trùng trùng là như thế nào, hãy tới đứng giữa đình nhìn xem”. Vua vừa nhìn, thấy giống như nơi nào cũng phản chiếu, giống như một người biến thành vô lượng phân thân, cảnh giới ấy hiện tiền, vua bèn hoảng nhiên đại ngộ! Do vậy, tạo thành một cảnh giới như thế để nhà vua thể nghiệm, đương nhiên [cảnh giới] thể nghiệm vẫn chưa phải là cảnh giới chân thật, chỉ là cảnh giới tương tự, nhưng từ chỗ ấy sẽ có thể ngộ nhập.

Kinh thường dùng cái lưới (la võng) của Thiên Đế làm tỷ dụ. Hiện nay rất ít thấy “la võng”, nhưng trong các đại tự viện của Nhật Bản hãy còn có [la võng]. Quá nửa la võng được kết bằng sợi đồng, căng trên các kèo, xà khắc vẽ trong cung điện, [nhằm mục đích] ngăn ngừa chim làm tổ, phá hư những tác phẩm nghệ thuật ấy. [Mỗi mắt lưới] trong la võng của trời Đế Thích đều buộc một viên dạ minh châu⁴², có tên là Ma Ni Bảo Châu. Châu ấy tỏa ánh sáng, giống như các ngọn đèn treo của chúng ta trong hiện tại tỏa ánh sáng. Khi ánh sáng của mỗi ngọn đèn chiếu rọi lẫn nhau, các ánh sáng xen nhập lẫn nhau, chẳng thể tách bạch, giống như trong giảng đường này, tuy đèn không nhiều lắm, có mười mấy cái đèn thôi, nhưng quý vị có biết ánh sáng này do ngọn đèn nào phát ra hay không? Ánh sáng của mỗi ngọn đèn đều gộp trong ấy, đều xen lẫn. Tuy xen lẫn, nhưng chẳng hỗn độn, hay khéo là hay khéo ở chỗ này. Vì sao biết chúng chẳng hỗn độn? Vì quý vị tắt ngọn đèn nhỏ này, ánh sáng của

⁴² Dạ Minh Châu là một thứ bảo thạch, còn gọi là Dạ Quang Bích, Tùy Châu, Huyền Châu, Thùy Cức, Minh Nguyệt Châu, Hỏa Quang Thạch, Thạch Lân Ngọc v.v... là thổ sản của vùng Đại Lý (Vân Nam). Loại đá này thường tỏa ánh sáng trong bóng tối. Tuy nó có thể tỏa sáng lung linh, nhưng không thể nào dùng để soi sáng các hang động hoặc địa cung như trong các truyện chường hay các truyện cổ Trung Hoa thường bịa đặt. Do hiếm lạ nên trong truyền thống Trung Quốc, Dạ Minh Châu đã được thêu dệt rất nhiều huyền thoại. Dạ Minh Châu thật ra chỉ là một loại đá quý, trong suốt, có lẫn nhiều nguyên tố thuộc loại đất hiếm (Rare earth metals, tức những nguyên tố như Lanthanide, Thulium, Ytterbium, Lutetium v.v...). Khi bị tác động bởi hoàn cảnh bên ngoài, các điện tử đất hiếm di chuyển, thay đổi trạng thái, tương tác với lớp cấu trúc trong suốt của Dạ Minh Châu, khiến cả khối đá tỏa sáng; nhưng ánh sáng này chẳng chói lọi rực rỡ đến nỗi đủ sức soi đường! Thật ra, Dạ Minh Châu vẫn có thể tỏa sáng trong nhiều giờ liền, nhưng không thể thấy được dưới ánh sáng ban ngày; có lúc Dạ Minh Châu cũng chẳng tỏa sáng ban đêm do hoàn toàn phụ thuộc vào sự tương tác của các điện tử trong đá! Nói la võng của Thiên Đế buộc Dạ Minh Châu cũng là cách nói tỷ dụ cho dễ hiểu, chứ Ma Ni Bảo Châu chỉ có trong cõi trời, Dạ Minh Châu không thể nào sánh bằng!

nó sẽ chẳng còn nữa. Nếu xen lộn thì lẽ ra chẳng thể tắt được, nó vẫn còn ở nơi đây. Tuy xen nhập lẫn nhau, nhưng vẫn chẳng hỗn độn, tướng ấy vô cùng vi diệu. Do cổ nhân chẳng có nhiều đèn như thế, nên dùng la võng của Đê Thích Thiên làm tỷ dụ. “*Đé võng thiên châu*” (ngàn hạt châu nơi cái lưới của Thiên Đé) nghĩa là giống như một ngàn ngọn đèn gộp chung lại, ánh sáng xen lẫn, diệu ảnh trùng trùng, vô tận.

“*Diệu thể dung thông, bất nhất, bất dị*”: Diệu thể là nói đến Chân Như bản tánh của chúng ta. Kinh Đại Thừa dạy: “*Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ chẳng sai biệt*”. Tâm là Thể, là cái Thể có thể biến hiện, Phật là tướng giác ngộ được biến hiện [bởi cái Thể ấy], chúng sanh là tướng mê được biến hiện [cũng bởi cái Thể ấy]. Chúng ta lại lấy chuyện nằm mộng làm tỷ dụ, cái tâm nằm mộng ví như cái Tâm ấy. Chúng ta mơ một giấc mộng đẹp đẽ thì giấc mộng đẹp ví như Phật, chúng ta gặp ác mộng, ác mộng ví như chúng sanh. Mộng đẹp hay ác mộng đều do cái tâm ấy biến hiện. Tâm giác liên hiện tứ thánh pháp giới, tâm mê liên hiện lục phàm pháp giới. Tứ thánh và lục phàm đều do tâm này biến hiện. Nói cách khác, tâm năng hiện và tứ thánh lục phàm được hiện là một, chẳng hai, cả ba thứ không sai biệt, là cùng một chuyện, là một, chẳng hai! Năng hiện (chủ thể biến hiện, tức cái tâm) là một, chỉ vì trong sở hiện (cái được biến hiện, tức tứ thánh lục phàm) có mê hay ngộ sai khác, nhưng mê cũng là Chân Như bản tánh, mà ngộ vẫn là Chân Như bản tánh.

Chư vị phải biết: Hết thấy chúng sanh là vật được hiện trong tâm chúng ta, hết thấy các hiện tượng vật chất cũng là vật được hiện trong tâm ta. Nếu quý vị chú tâm sẽ thấu hiểu các hiện tượng ấy, nói thật ra, [điều này] có thể thấu hiểu được! Ví dụ như khi chúng ta ngủ, nhắm mắt lại, tướng ấy có hay không? Chẳng có! Thật sự không có. Đức Phật dạy chúng ta: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, đúng là chẳng thật! Mở banh con mắt, tùy theo sự phân biệt, chấp trước của quý vị mà hiện những tướng ấy. Nhắm mắt lại, những tướng ấy đều chẳng còn! Tuy mở toang mắt, trong tâm chúng ta dấy lên một niệm, tướng bên ngoài sẽ biến hóa theo ý niệm, tướng chuyển theo tâm. Ưa thích thì càng nhìn càng thích; chán ghét thì càng nhìn càng thấy đáng ghét. Tướng có thật sự đáng ưa hay đáng ghét hay chẳng? Không có, mà do tâm của quý vị xoay chuyển. Tâm quý vị xoay chuyển, cảnh giới bên ngoài bị chuyển theo, có thể thấy “tướng chuyển theo tâm”, lời nói ấy rất chính xác, chẳng sai! Vì tướng là vật được biến hiện trong tâm quý vị, cho nên nó cũng chuyển biến theo tâm.

Quý vị hiểu ý nghĩa này, sẽ hiểu vận mạng do chính mình nắm giữ, không thuộc quyền thao túng của kẻ khác. Chính mình có thể chuyển, Phong Thủy cũng do chính mình xoay chuyển, sẽ chẳng bị lừa đảo, gạt gẫm. Sửa đổi Phong Thủy thì sửa từ chỗ nào? Sửa từ trong tâm, tâm có thể chuyển cảnh. Sửa bên ngoài nhất định chẳng thể đổi được, chẳng có ích gì! Quý vị thấy cảnh giới bên ngoài đáng ghét, chẳng vui thích, bèn sửa sao cho rất thuận mắt, nhưng quý vị sửa trên cảnh giới, chẳng phải sửa trong nội tâm, vẫn là mê chưa ngộ, chẳng thể giải quyết vấn đề. Dẫu dễ nhìn, nhìn lâu lại thấy đáng ghét; có thể thấy là sửa đổi ngoại cảnh thì chẳng thể sửa được! Nếu thật sự sửa từ nội tâm, sẽ giống như Phật, Bồ Tát, thật sự đại từ đại bi, chẳng bỏ một ai, vì sao? Kiến lập từ nội tâm, chẳng kiến lập nơi ngoại cảnh. Kiến lập trên ngoại cảnh, chắc chắn chẳng thể lâu dài. Kiến lập trong nội tâm thì mới thật sự trường viễn. [Kiến lập nơi] ngoại cảnh sẽ không thể [lâu dài], vì nó có biến hóa.

Hiểu rõ chân tướng sự thật, hiểu tâm năng biến là thật, tướng sở biến là giả; giống như chúng ta nằm mơ: Cái tâm nằm mộng là thật, giấc mộng là giả. Mỗi đêm nằm mộng khác nhau, đủ thấy mộng là giả tướng; nhưng giả tướng do chân tâm biến hiện, là hình dạng của chân tâm. Tâm chúng ta biến đổi, phân biệt, chấp trước trong từng sát-na, tâm ấy bất định, nên mộng cảnh mỗi đêm khác nhau. Hãy nên biết: Nếu tâm định, sẽ nằm mơ giống hệt như nhau. Tâm quý vị bất định, cho nên tâm có hình dạng khác nhau. Tâm có hình dạng như thế nào? Trong khi nằm mơ sẽ thấy, mộng cảnh là hình dạng của tâm. Tâm quý vị như thế nào, cảnh trong mộng sẽ phơi bày rõ rệt, nhưng cái tâm ấy là vọng tâm, không phải là chân tâm.

Chân tâm có hình dạng ra sao? Hiện tại, hình dạng của y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới chính là hình dạng của chân tâm. Nếu quý vị có thể thấu hiểu hình dạng của chân tâm, trong hết thấy cảnh giới sẽ như như bất động, tự tại vô ngại, thật sự đắc Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát. Pháp Thân: Hoàn toàn liễu giải chân tướng sự thật thì gọi là Pháp Thân, tuyệt đối chẳng còn chấp trước thân này là ta. Thân ta là gì? Hết thấy vạn pháp là thân ta. Đúng như trong mộng, bỗng nhiên giác ngộ “ta nay đang nằm mơ”, những gì là ta? Toàn bộ mộng cảnh đều là ta, bản thân ta trong mộng cũng là ta, hết thấy nhân vật trong mộng cũng là ta, núi sông, đại địa cũng là ta, chẳng có một pháp nào không phải là ta, vì sao? Thấy đều do tâm ta biến hiện. Lìa tâm, chẳng có hết thấy các pháp! Người đại triệt đại ngộ Phật pháp sẽ biết hết thấy nhân vật, hết thấy vạn pháp, vũ trụ, trời đất là một mình ta, là cảnh giới được hiển hiện bởi chân

tâm của chính ta. Giống như nằm mơ, hoàn toàn hiểu rõ, cho nên trong cảnh giới ấy sẽ như như bất động; đây là chứng đắc Pháp Thân. Bát Nhã là trí huệ, triệt đề liễu giải là trí huệ, đạt được giải thoát nơi ấy, giải thoát là đắc tự tại. Không có mừng, giận, buồn, vui, thứ gì cũng đều chẳng có, tâm địa thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần, đó là đắc đại tự tại. Trong Phật pháp gọi chúng là “tam đức mật tạng”.

“*Bất nhất, bất dị*”, vì tự tánh tùy duyên, cho nên chẳng phải là nhất. Tuy tùy duyên, nó chẳng thay đổi, cho nên “*bất dị*”, tức là chẳng khác, là một. Nơi hữu tình gọi là Phật Tánh, nơi vô tình gọi là Pháp Tánh. Thay đổi danh từ, Phật Tánh và Pháp Tánh là một, chẳng hai, nhưng hữu tình và vô tình có sai biệt, một đẳng là động vật, một đẳng là thực vật và khoáng vật. Diện mạo bên ngoài quả thật có sai biệt. Có sai biệt thì “*bất nhất*”, nhưng xét theo Tánh thì “*bất dị*”. Tâm năng biến là một, chẳng hai, hoặc là nói: “*Tâm, Phật, chúng sanh, cả ba vô sai biệt*”. Chuyện này cũng rất rõ rệt, người giác ngộ và kẻ mê hoặc, điên đảo, tứ thánh và lục phàm chẳng một, nhưng nói theo phương diện bốn tánh, tức là nói theo Phật Tánh, tứ thánh và lục phàm bất dị, tánh của chúng ta và tánh của chư Phật là một tánh, nhất tánh, vô nhị tánh.

Liên Trì đại sư đã dùng đại đạo lý này để chỉ rõ văn tự Ấn Độ và văn tự Trung Quốc “*bất nhất, bất dị*”. Nhìn từ hình tướng bên ngoài, văn tự chẳng giống nhau. Văn tự Ấn Độ và văn tự Trung Quốc hoàn toàn khác nhau; nhưng xét theo phương diện biểu đạt ý nghĩa, bất dị! Dịch ra sẽ có cùng một ý nghĩa, cho nên bất dị. Từ âm thanh dùng phù hiệu để viết khác nhau, nhưng ý nghĩa giống nhau, bất nhất, bất dị. Dùng điều này để chỉ rõ: Chữ “*dịch*” trong “*phiên dịch*” cũng là lời đàm luận xứng tánh. Nếu mở rộng Lý này vào cuộc sống của chúng ta, áp dụng vào xử sự, đãi người, tiếp vật, hết thấy Sự Lý đều có thể dùng xứng tánh để giải thích. Nếu dùng xứng tánh để giải thích, sẽ đều là Nhất Chân pháp giới, đều là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh.

Sau khi chúng ta học xong bộ Di Đà Kinh Sớ Sao này, sẽ có tác dụng rất lớn, nếu quý vị biết dùng, sẽ đại tự tại trong hiện tiền. Tuy chưa thể đích thân chứng đắc Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, vẫn có một chút bóng dáng, chứng tương tự, có một chút ý vị tương tự. Từ Tương Tự tiến đến Phần Chứng; không có Tương Tự, lấy đâu ra Phần Chứng? Tương Tự được bồi dưỡng thành thói quen, sẽ bất tri bất giác đạt đến địa vị Phần Chứng, rất hữu ích đối với việc niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ của chúng ta, giúp chúng ta đạt nhất tâm bất loạn, giúp chúng ta tăng cao phẩm vị. Phần

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa

giới thiệu người phiên dịch đã xong. Lần sau, tôi sẽ bắt đầu từ đoạn kinh văn “*như thị ngã văn*”, hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 102

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm chín mươi hai.

Thập, biệt giải văn nghĩa.

十、別解文義。

(Mười, giải thích ý nghĩa của từng đoạn kinh văn riêng biệt).

Khoa mục lớn này là cả một đoạn lớn; đoạn lớn này là đoạn thứ mười, chín đoạn trước đều là Huyền Đàm, nói theo cách bây giờ là phần Khái Luận, còn ở đây là giảng giải kinh văn. Trong đoạn này, toàn bộ kinh văn được chia thành ba phần, tức là ba đoạn:

Sơ Tự Phần, nhị Chánh Tông Phần, tam Lưu Thông Phần.

初序分，二正宗分，三流通分。

(Thứ nhất, Tự Phần; thứ hai, Chánh Tông Phần; thứ ba, Lưu Thông Phần).

Ba phần này cũng cần phải giới thiệu đại lược cùng quý vị. Thế tài trong kinh Phật chẳng giống sách vở trong thế gian. Thế gian có những người viết sách, tự mình viết lời tựa, hoặc cậy người khác viết lời tựa. Lời tựa nhằm dụng ý giới thiệu cuốn sách ấy. Kinh Phật rất đặc biệt, bản thân cuốn kinh có lời Tựa, tức Tự Phần, chẳng cần nhờ người khác viết lời tựa! Kinh có Chánh Tông Phần, Chánh Tông là nói thẳng vào vấn đề, phần chủ yếu nhất nằm trong Chánh Tông Phần. Vì thế, kinh văn của phần này đặc biệt dài, những ý nghĩa chủ yếu đều được giảng rõ trong ấy. Cuối cùng, kinh có một phần được gọi là Lưu Thông Phần, trong các sách thông thường cũng không có phần này. Lưu Thông Phần mang ý nghĩa khuyên người ta sau khi đọc xong, phải giới thiệu kinh này cho người khác, đối với hiện tại phải lưu thông mười phương, chúng ta phổ biến, giới thiệu kinh điển cho đại chúng; đối với người mai sau, phải lưu truyền hậu thế. Phương pháp lưu truyền hậu thế trước kia là in kinh, chép kinh. Thời cổ chưa có [kỹ thuật] ấn loát, chỉ có chép tay; vì thế, chép kinh để truyền cho hậu thế. Đây là chỗ đặc biệt trong kinh Phật.

Nhưng ba phần này đều rất trọng yếu, cổ nhân nói: “*Như nhân thực mật, trung biên giai điềm*” (Như người ăn mật, ở chính giữa hay chung quanh đều ngọt ngào). Mang ý nghĩa này, cân nhắc giữa ba phần có thể

nói là chúng [quan trọng] như nhau. Tụ Phần lại chia làm hai đoạn, đoạn thứ nhất là Chứng Tín Tụ, đoạn thứ hai là Phát Khởi Tụ. Chứng Tín Tụ còn gọi là Thông Tụ, trong hết thấy các kinh đều có Thông Tụ; phàm là kinh Phật đều có, phần này gọi là Thông Tụ, [Thông nghĩa là] chung cho hết thấy các kinh. Biệt Tụ của mỗi bộ kinh khác nhau; phần này nhằm nêu rõ nhân duyên khiến đức Phật giảng bộ kinh này, do duyên có nào mà giảng bộ kinh này, nên được gọi là Biệt Tụ. Chứng Tín Tụ gồm sáu thứ chứng tín, còn gọi là Lục Chứng Thành Tụ.

Sơ Tụ Phần, sơ ngũ cú chứng; nhị liệt chúng chứng.

初序分。初五句證。二列眾證。

(Thứ nhất, Tụ Phần, trước hết là năm câu làm chứng, kế đó, liệt kê các vị thánh giả tham dự pháp hội để làm chứng).

Tổng cộng có sáu câu chứng tín, chúng ta đọc kinh văn.

(Kinh) Như thị ngã văn, nhất thời, Phật tại Xá Vệ quốc, Kỳ Thu Cáp Cô Độc Viên.

(經) 如是我聞。一時。佛在舍衛國。祇樹給孤獨園。

(**Kinh:** Tôi nghe như thế này, một thời, đức Phật ngự tại nước Xá Vệ, trong vườn của ông Cáp Cô Độc, cây của thái tử Kỳ Đà).

Trong một dòng kinh văn này, có năm thứ chứng tín. “*Như thị*” là Tín Thành Tụ; “*ngã văn*” là Văn Thành Tụ. Chúng tôi giảng đơn giản: [Nói] “*như thị*” là vì thuở ấy, đức Phật giảng kinh không ghi chép, sau khi đức Phật diệt độ, do tôn giả A Nan lặp lại một lượt những kinh đức Phật đã nói khi Ngài còn tại thế. Ngài A Nan có trí nhớ vô cùng mạnh, nghe một lần sẽ vĩnh viễn chẳng quên mất, nên [đại chúng] thỉnh Ngài nhắc lại, tức là lặp lại lần nữa những kinh do đức Phật đã giảng trước đây. Vừa nói vừa có người ghi chép, chỉnh lý, gọi [những biên bản ghi chép ấy] là kinh điển. Hai chữ “*như thị*” nhằm nói rõ những lời nhắc lại của ngài A Nan quả thật đã dựa trên những gì Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng thuở ấy, chẳng thêm, chẳng bớt, nên gọi là “*như thị*”. Lặp lại những lời đức Phật đã nói, giống hệt như lời Phật nói. Chẳng phải do chính ngài A Nan nói, mà hoàn toàn là nhắc lại lời Phật dạy. Đây là Tín Thành Tụ. Giống như vậy, mỗi chữ, mỗi câu trong bộ kinh này đều do A Nan đích thân nghe đức Phật giảng, chẳng phải là nghe kể lại, nên cũng gọi là “*như thị*”. “*Ngã văn*” là nhận trách nhiệm đối với người đời sau, A Nan tôi đích

thân nghe đức Phật dạy, nên gọi là Ngã Văn (tôi nghe), chẳng phải lần lượt được nghe kể lại, mà là đích thân tôi tự nghe đức Phật nói. Đây là Văn Thành Tụ.

“*Nhất thời*” là Thời Thành Tụ. Lúc mới học Phật, đôi với câu kinh này, tôi hết sức không cho là đúng; ngài A Nan có trí nhớ mạnh như vậy, lẽ nào quên mất ngày tháng? Phải nên là năm nào đó, tháng nào đó, ngày nào đó, nói rất tỉ mỉ. Có sao chẳng ghi chép như vậy, mà nói mơ hồ, mờ mịt là “*nhất thời*”? Điều này khiến người đời sau có đôi chút chẳng phục, có đúng là A Nan có trí nhớ tốt như thế hay không? Sau này mới hiểu được, cách nói ấy do đức Phật dạy Ngài.

Lúc đức Phật trụ thế, xã hội Ấn Độ và xã hội Trung Quốc không hoàn toàn giống nhau. Thuở ấy, Ấn Độ toàn là các bộ lạc, tiểu quốc, đại quốc sợ còn chưa to bằng Đài Bắc. Ở Trung Quốc, vào đời Châu, đại quốc rộng một trăm dặm. Một trăm dặm (lý) thuở ấy so với chúng ta hiện thời, lớn bằng khu Cảnh Mỹ. Đó là đại quốc. Do đơn vị đo lường đời Châu nhỏ hơn chúng ta hiện thời; thước đời Châu rất nhỏ, đem so với thước Đài Loan, sợ rằng chưa tới sáu tấc. Một dặm thuở ấy sợ chưa bằng nửa dặm hiện thời. Những quốc gia, tiểu bộ lạc thuở trước rất nhỏ, một thôn, một trấn là một nước. Vì quốc gia hoàn toàn chưa thống nhất, từ sách lịch sử, chúng ta thấy nhà Châu có tám trăm chư hầu⁴³, tức là tám trăm nước.

⁴³ “Chư hầu” là danh xưng chỉ các chế độ phong kiến cát cứ trước thời Tần Thủy Hoàng. Các vị Cộng Chủ (có danh xưng là Thiên Tử hoặc Hoàng Đế), thật ra là một vị tù trưởng hoặc lãnh tụ bộ tộc mạnh nhất, được các tù trưởng khác tuân phục, coi như thủ lĩnh tối cao. Khi lên ngôi, vị Cộng Chủ sẽ phong lãnh địa và tước hiệu cho con, em, người trong gia tộc hoặc công thần, đất phong (phong địa) ấy sẽ được gọi là “hầu quốc” hoặc “chư hầu quốc”. Đôi khi cũng phong cho con cháu của các đời Cộng Chủ trước, chẳng hạn, Châu Vũ Vương phong cho con cháu họ Thần Nông đất Tiêu, con cháu Hoàng Đế ở đất Chúc, con cháu vua Nghiêu ở đất Kế, con cháu vua Thuấn ở đất Trần v.v... Châu Vũ Vương cũng phong cho Khương Tử Nha đất Doanh Khâu (nước Tề), phong cho em là Quán Thúc Tiên đất Quán, phong cho em trai là Cơ Đán (Châu Công) làm vua nước Lỗ, phong cho em họ là Triệu Công Thích làm vua nước Yên, chú là Thúc Chấn Đạc làm vua đất Tào, Sái Thúc Độ làm vua đất Dung (nước Sái)... Châu Công đã thiết lập năm tước vị Công, Hầu, Bá, Tử, Nam và tùy theo tước vị mà địa vị của các nước chư hầu cũng khác nhau; cũng như quy định chặt chẽ như chư hầu không được cúng tế tông miếu của Thiên Tử, không được tiếm dụng lễ nhạc, nghi trượng dành cho thiên tử, con trưởng vĩnh viễn kế tục ngôi cha giữ ngôi chư hầu, các con thứ chỉ làm Khanh, Đại Phu, chư hầu chỉ được xưng cao nhất là Công, chữ Vương dành riêng cho thiên tử. Đồng thời, quy định đất của Thiên Tử rộng mười ngàn dặm, đất của Công rộng một ngàn dặm, đất của Hầu rộng năm trăm dặm v.v... Thoạt đầu, chế độ chư hầu nhằm mục đích cử người nhà, thân thích, trấn giữ những nơi quan

Nhưng ở Trung Quốc, tuy Châu cũng là một nước, rất nhiều nước tôn trọng nhà Châu; vô hình trung nhà Châu là trung tâm lãnh đạo của hết thảy các quốc gia, giống như chánh phủ Liên Hiệp Quốc vậy. [Các chư hầu] hết sức tôn trọng thiên tử nhà Châu. Các tiểu quốc đối với thiên tử nhà Châu rốt cuộc là quan hệ gì? Có thể nói là quan hệ thật sự rất nhỏ nòi, không đáng kể, chỉ là ba năm tiến cống một lần. “*Tiến cống*” là tặng một chút lễ vật, chẳng phải là tặng mỗi năm. Vì thuở ấy, giao thông chẳng thuận tiện, những nơi gần mỗi năm tiến cống một lần, những nơi xa xôi ba năm tiến cống một lần, có nghĩa vụ như thế: Biểu tặng một ít thổ sản, tặng một chút lễ vật. Đối với những tiểu quốc ấy, thiên tử nhà Châu có ràng buộc gì không? Không có! Chỉ là ban truyền nhật lịch, các nước đều dùng lịch pháp của nhà Châu, lịch pháp thống nhất, năm tháng ngày giờ đều thống nhất, có mỗi quan hệ như thế. Ngoài ra, hết thảy đều là độc lập, tự chủ.

Nhưng tại Ấn Độ, vẫn chưa có một trung tâm [quyền lực] được mọi người cùng tôn kính. Đã là không có, chúng ta có thể suy ra là mỗi quốc gia có lịch pháp riêng của nước ấy, lịch pháp khác nhau. Thuở ấy, đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, dấu chân trọn khắp năm xứ Ấn Độ, mỗi quốc gia Ngài đều đến giảng, nhưng mỗi quốc gia có lịch pháp khác nhau. Nếu quý vị ghi chép năm nọ, tháng nọ, ngày nọ, rốt cuộc là [theo lịch pháp] của nước nào? Trên thực tế sẽ gặp khó khăn. Khổng lão phu tử chép kinh Xuân Thu, đây là bộ lịch sử đầu tiên của Trung Quốc, Ngài ghi chép năm, tháng, ngày [rõ rệt] vì xã hội đời Châu và xã hội Ấn Độ khác nhau, tuy là thời đại bộ lạc, nhưng lịch pháp đã thống nhất, năm, tháng, ngày, giờ thống nhất. Đây là theo hoàn cảnh thực tế [của Ấn Độ thuở ấy] nên gặp khó khăn trong ghi chép năm, tháng, ngày, giờ. Mặt khác, còn có ý nghĩa sâu xa hơn; sau này, trong phần chú giải, chúng ta sẽ thảo luận [cặn kẽ hơn].

Chữ “*nhất thời*” vô cùng hay khéo. Nói nông cạn một chút, khi thầy trò hợp đạo, thầy ưa thích giảng, trò ưa thích nghe, hết thảy mọi người đều rất hoan hỷ, khi ấy, chính là lúc nói ra kinh này. Nếu giảng sâu hơn, sẽ là

trọng, nhưng cuối cùng, các chư hầu hoàn toàn độc lập, không còn nghe theo lệnh nhà Châu nữa, nên Hòa Thượng mới nói “chẳng có ràng buộc gì”. Khi Cộng Chủ mạnh, các nước còn tiến cống đều đặn, nghe theo lệnh Cộng Chủ đóng góp người ngựa, tiền của khi Cộng Chủ phải đối phó với chư hầu làm phản hay Cộng Chủ dẹp nội loạn tại các nước chư hầu khác. Từ sau thời Châu Bình Vương trở đi, nhà Châu mất dần thế lực, dần dần chỉ còn hư vị. Thậm chí, các chư hầu xưng Bá (như Tề Hoàn Công, Tấn Tương Công, Tần Mục Công) còn thao túng, bắt vua Châu phải nghe theo lệnh. Các “Bá” chinh phục, chiếm đóng, tiêu diệt các nước chư hầu khác, mà Thiên Tử nhà Châu chẳng làm được gì!

“*khi nhất tâm*”, kinh này nói đến “*nhất tâm bất loạn*”, người nói lẫn kẻ nghe tâm đều thanh tịnh, đều là nhất niệm bất sanh. Nói thật ra, đây mới là ý nghĩa thật sự của “*nhất thời*”. “*Phật thuyết*” là từ Chân Như bản tánh lưu lộ âm thanh, người nghe dùng Chân Như bản tánh để tiếp nhận. Vì thế, vừa nghe bèn khai ngộ, vừa nghe bèn minh tâm kiến tánh, chứng quả. Do đó, đây là ý nghĩa thật sự của “*nhất thời*”.

Khi tâm chúng ta thật sự đạt đến thanh tịnh, chuyên nhất, sẽ màu nhiệm chẳng thể diễn tả được! Thích Ca Mâu Ni Phật giảng bộ kinh này vẫn chưa tan, quý vị còn có thể tự mình tham gia pháp hội này. Ở Trung Quốc, vào đời Tùy, Trí Giả đại sư đọc kinh Pháp Hoa tới phân nửa, nhập Định. Trong Định, Ngài tới núi Linh Thứu ở Ấn Độ; kinh Pháp Hoa được giảng tại núi Linh Thứu, thành Vương Xá, Thích Ca Mâu Ni Phật còn đang giảng kinh Pháp Hoa tại đó. Ngài nghe xong một buổi, xuất Định bảo mọi người: Pháp hội kinh Pháp Hoa của Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn chưa tan. Đây là đạo lý gì vậy? Đây là sự thật. Khoa học hiện tại cũng thừa nhận, nhưng chưa làm được, đó gọi là “ngược dòng thời gian”! Trong Định có thể thấy quá khứ, có thể thấy được vị lai. Trong kinh này, Định ấy được gọi là “nhất tâm bất loạn”. Nếu quý vị thật sự đạt đến nhất tâm bất loạn, sẽ thấy rõ ràng quá khứ, vị lai, chẳng có gì không biết! Đây là cảnh giới Hiện Lượng, khôi phục năng lực vốn sẵn có, biết quá khứ, hiện tại, tương lai. Chúng ta thường nói thông tục là “*thần thông*”, đây là bản năng (năng lực vốn sẵn có). Vì thế, quý vị chẳng cần cầu thần thông, đạt đến nhất tâm bất loạn sẽ khôi phục năng lực ấy.

Do vậy, có thể biết: Dùng chữ “*nhất thời*” rất xảo diệu. Nếu nói năm, tháng, ngày, giờ [cụ thể] thì [thời điểm ấy] đã là quá khứ, quá khứ sẽ vĩnh viễn chẳng trở lại. Nói “*nhất thời*”, chúng ta còn có thể tự mình tham dự, chỉ cần khi nào chúng ta đạt đến nhất tâm bất loạn là sẽ có thể tham gia pháp hội này, có thể đích thân nghe Phật giảng kinh; Phật vẫn giảng kinh ở nơi ấy, vẫn tồn tại nơi ấy. Đúng như kinh Pháp Hoa đã nói: “*Thị pháp trụ pháp vị*” (pháp ấy trụ nơi pháp vị), [nghĩa là] hết thấy các pháp đều trụ đúng vị trí của chúng, “*thế gian tướng thường trụ*” (tướng thế gian thường trụ), tướng thế gian bất hoại. Nếu tướng thế gian bị hoại, quý vị sẽ vĩnh viễn chẳng tìm được quá khứ. Tất cả những hình tướng quá khứ đều tồn tại, tướng thế gian bất hoại, câu này hết sức khó hiểu; nhưng các khoa học gia hiện thời đã dần dần hiểu điều này. Nếu có thể đảo ngược thời gian, thứ gì trong quá khứ cũng đều có thể thấy được; khoa học cận đại thừa nhận sự thật này, có thể thấy quá khứ vẫn tồn tại. Do vậy, dùng

chữ “*nhất thời*” quá xảo diệu. Cách này cao minh hơn ghi chép năm, tháng, ngày, giờ [cụ thể] rất nhiều!

“*Phật*” là Thuyết Pháp Chủ, nay chúng ta gọi Ngài là “*vị chủ giảng*”, tức là người giảng chánh yếu trong một đại hội giảng diễn, Phật ở đây là Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Tiếp đó là địa điểm thuyết pháp, “*tại Xá Vệ quốc*”, Xá Vệ Quốc là tên cái thành ấy, “*Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên*” là đạo tràng.

“*Như thị*” là Tín Thành Tụ, “*ngã văn*” là Văn Thành tựu, “*nhất thời*” là Thời Thành Tụ, “*Phật*” là Chủ Thành Tụ, “*Xá Vệ quốc, Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên*” là Xứ Thành Tụ. Trong câu này đã bao gồm năm món thành tựu, giống như mở cuộc họp, cuộc họp sẽ có biên bản ghi rõ thời gian, địa điểm, nhằm chứng tỏ kinh này chẳng phải là ngụy tạo, quả thật do đức Phật đã nói vào lúc ấy. Chúng ta đọc lời Sớ.

(Sớ) Biệt giải văn nghĩa giả.

(疏) 別解文義者。

(Sớ: Giải thích ý nghĩa riêng biệt của kinh văn).

Giải thích [ý nghĩa] tựa đề của khoa này.

(Sớ) Dĩ tri nhất đề tổng ý.

(疏) 已知一題總意。

(Sớ: Đã biết ý nghĩa chung của tựa đề kinh này).

Trong phần trước đã giới thiệu tựa đề kinh và người phiên dịch.

(Sớ) Vị thâm kinh trung, tự thử chí chung, vi hà đẳng văn, xiển hà đẳng nghĩa. Kim nãi chương phân cú giải, tỷ Văn Tụ Bát Nhã đạt hồ Thật Tướng, dĩ hữu tận chi ngôn, lược chương vô tận cố.

(疏) 未審經中，自始至終，為何等文，闡何等義。今乃章分句解，俾文字般若達乎實相，以有盡之言，略彰無盡故。

(Sớ: Chưa biết trong kinh từ đầu tới cuối, văn tự như thế nào, xiển dương những ý nghĩa như thế nào. Nay chia thành từng đoạn, giải thích từng câu, ngõ hầu do Văn Tụ Bát Nhã sẽ thấu đạt Thật Tướng. Dùng lời lẽ hữu hạn để nêu bày đại lược sự vô tận vậy).

Đây là giải thích ý nghĩa của tựa đề khoa mục này. Phần Huyền Nghĩa là đại ý, đã giới thiệu các tựa đề khoa mục rồi, nhưng vẫn chưa biết văn tự trong bộ kinh ra sao, “*vi hà đặng văn*” (văn tự như thế nào), vì trong văn chương kinh Phật có mười hai loại thể tài, không biết [văn tự trong kinh này] thuộc loại nào. Trong Phật pháp nói đến văn Trường Hàng, hiện thời gọi là Văn Xuôi; Kệ Tụng nay được gọi là thi ca, câu cú rất chỉnh tề, có gieo vần. Lại còn có Mật Chú; đây là ba loại văn tự khác nhau, có hình thức văn tự hoàn toàn không giống nhau. Trong Văn Xuôi, lại còn có nhiều thứ thể tài, trong Kệ Tụng lại có Trùng Tụng và Cô Khởi Tụng sai khác. Chưa biết văn tự trong bộ kinh này thuộc loại thể tài nào, nghĩa lý là như thế nào, đều phải dùng Khoa Phán để phân tích, đây chính là “*chương phân cú giải*”.

Người đời sau chia sách của cổ nhân thành chương cú (phân đoạn thành từng chương, từng câu). Hiện thời, mọi người đọc Tứ Thư, quá nửa tuân theo cách phán định chương cú của Châu Hy. Nói đơn giản, “*chương cú*” là chia thành từng đoạn, tức các đoạn lớn, đoạn vừa, đoạn ngắn, nhìn vào sẽ hiểu rõ ràng minh bạch. [Cách phân định] chương cú xuất phát từ khoa phán trong kinh Phật. Vì thế, biết rằng: Kinh Phật có ảnh hưởng rất lớn đối với văn học Trung Quốc. Nho gia dùng phương pháp khoa phán trong kinh Phật để phân tích Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh.

Khoa phán trong kinh Phật phân tích vô cùng tinh vi, chặt chẽ, người hiện đại nói cách [phân tích ấy] là khoa học, có thứ lớp, có hệ thống, chẳng rối loạn tí nào. Đây là một bộ kinh lớn, quý vị xem Biểu Giải kinh Hoa Nghiêm; đây chính là khoa phán, từ đầu đến cuối, một bộ kinh lớn dường ấy mà một câu là một ý nghĩa, hai câu là một ý nghĩa khác, Ngài (Thanh Lương đại sư) đã phán định rõ ràng, rành mạch. Bề ngoài là phân tích kết cấu văn chương, nhưng cũng đồng thời trình bày những nghĩa lý [hàm tàng] trong văn chương; do vậy, khoa phán chính là chú giải kinh. Hiểu khoa phán, nhất định sẽ hiểu rõ kinh. Vì thế, học giảng kinh, trước hết phải học khoa phán. Trước hết, đem bộ kinh này từ đầu đến cuối chia ra thành ba phần: Tự Phần, Chánh Tông Phần, Lưu Thông Phần. Trong Tự Phần lại có ba phần, tức là trong Tự Phần lại có Tự, có Chánh Tông, có Lưu Thông, dùng phương pháp này để chia ra dần dần. Càng chia ra càng tinh tế, quý vị sẽ thấy kinh văn rõ ràng, rành mạch. Trong kinh Phật, như trong bản in cuốn kinh này, những chỗ phía trước có hình tròn, những chữ ghi sau hình tròn đều là khoa phán⁴⁴; trong kinh Phật, [cách khoa phán

⁴⁴ Trong bản in cuốn A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, những khoa đề (tựa đề của từng khoa trong bản Sớ Sao Diễn Nghĩa) được mở đầu bằng chấm tròn trắng

như vậy] gọi là Bán Khoa. Bán Khoa là gì? Là [khoa phán] được ghi kèm vào phía trước mỗi đoạn kinh văn. Toàn Khoa là gì? Vẽ cả bản kinh thành biểu giải, đặt đầu cuốn kinh, đó là Toàn Khoa. Có kinh có, có kinh không, như phần Khoa Văn Biểu Giải trong kinh Hoa Nghiêm Kinh do chúng tôi đã in chính là Toàn Khoa.

Phân tích như vậy để từ Văn Tự Bát Nhã đạt tới Thật Tướng Bát Nhã. Nói đơn giản, Văn Tự Bát Nhã có ba ý nghĩa:

- Thứ nhất, “*văn tự từ Bát Nhã lưu xuất*”. Bản thân văn tự chẳng phải là Bát Nhã, nó là phù hiệu, nhưng loại phù hiệu ấy được sáng tạo bởi trí huệ Bát Nhã. Đặc biệt là văn tự Trung Quốc được sáng tạo bởi trí huệ. Văn tự Trung Quốc có sáu cách tạo chữ, gọi là Lục Thu⁴⁵. Chữ tượng hình ngoại quốc cũng có; nhưng chữ Hội Ý thì văn tự ngoại quốc⁴⁶ không có. Hội Ý là thấy mặt chữ liền thấu hiểu ý nghĩa trong ấy, có trí huệ rất sâu trong đó. Chẳng hạn như chữ Gia (家), quý vị nhìn chữ Gia viết theo kiểu chữ Triện sẽ thấy được ý vị trong đó, sẽ hiểu ý nghĩa rất sâu trong chữ ấy. Chẳng thể nào không cần đến Gia, nhưng chớ nên mê, quý vị phải giác ngộ! Trong cách viết chữ Gia (家), phía trên vẽ “một hình” [tượng trưng] cho cái nhà, nay chúng ta viết [thành bộ Miên (宀)] giống như nét chữ che trên đầu chữ Bảo (寶), nếu nhìn chữ Gia được viết theo lối chữ Triện, quý

bao lấy một chấm đen, những tựa đề ghi sau đó thuộc phần Khoa Phán. Chẳng hạn như trong phần này, có ba câu được đánh dấu bằng chấm tròn đen là “Thập Biệt Giải Văn Nghĩa”, “Sơ Tự Phần, Sơ ngũ cú chứng, nhị liệt thánh chứng” và “Sơ Ngũ Cú Chứng”.

⁴⁵ Lục Thu là sáu cách tạo chữ trong văn tự chữ Hán, gồm Tượng Hình (mô phỏng hình dáng của sự vật), Chỉ Sự (mô phỏng, nêu đặc tính của sự vật, chẳng hạn chữ Xuyên dùng ba vạch để hình dung các dòng nước), Hình Thanh (mô phỏng âm thanh), Hội Ý (ghép hai hay nhiều chữ lại để diễn tả ý nghĩa), Chuyển Chú (dùng một chữ này để giải thích chữ kia), Giả Tá (vận dụng chữ đồng âm để thay thế cho những phức tạp hơn). Khái niệm Lục Thu đã thấy ghi sớm nhất trong sách Châu Lễ (thiên Địa Quan), do vậy, khái niệm Lục Thu đã xuất hiện tối thiểu từ cuối thời Chiến Quốc, nhưng người đã hệ thống hóa, có nhiều công hiến lớn đối với cách phân định Lục Thu là Hứa Thận (58-147) sống vào đời Hán Hòa Đế nhà Đông Hán qua tác phẩm Thuyết Văn Giải Tự.

⁴⁶ Ở đây, hòa thượng nói tới các loại văn tự không dùng chữ Hán, chứ trong chữ Nôm của Việt Nam hai cách tạo chữ bằng Giả Tá và Hội Ý được sử dụng rất rộng rãi; chẳng hạn con số Ba dùng chữ Ba (巴) và Tam (三) ghép lại, chữ Chén (cái chén ăn cơm) có hai cách viết: Dùng ngay chữ Trản (盞) nhưng đọc là Chén (đấy là cách viết Giả Tá), hoặc ghép chữ Thạch (石) và chữ Chiến (戰); có lẽ đây là một cách độc đáo riêng trong cách sáng tạo chữ Nôm. Trong lối viết Kanji, người Nhật cũng sáng tạo nhiều chữ Hán mới bằng cách Hội Ý.

vị sẽ thấy đó là nhà ở. Ở trong nhà là gì? Vừa nhìn liền biết ngay, [chữ Thi (豕) dưới bộ Miên (宀)] là một con lợn nhỏ, lợn là ngu si! Bảo quý vị phải thấy điều này, phải giác ngộ, đừng bị mê hoặc bởi nó! Vì thế, văn tự Trung Quốc quả thật từ trí huệ lưu lộ. Quý vị thấy chữ ấy, sẽ khai trí huệ, phải mở mang trí huệ chân chánh.

Có một năm nọ, cư sĩ Tiêu Quốc Bảo viết thư cho tôi kể anh ta quen biết một người bạn gái, muốn kết hôn, hỏi tôi có nên hay không? Tôi gửi cho anh ta một tấm bưu thiếp, viết một chữ Hôn (婚), bảo anh ta hãy xem kỹ. Anh ta cũng hiểu được ý nghĩa ấy, gửi thư trả lời: “Con chẳng kết hôn”. Quý vị thấy chữ Hôn ấy, trông thấy người nữ (女), đầu óc liền hôn mê (昏): hôn mê, mê muội, thiếu sáng suốt). Nếu anh ta chẳng mê muội, sẽ chẳng kết hôn; nếu mê muội bèn kết hôn. Theo cổ lễ Trung Quốc, hôn lễ cử hành sau hoàng hôn, tuyệt đối chẳng cử hành lúc ban ngày ban mặt. Quý vị đọc Lễ Ký sẽ biết nếp sống của người Hoa trong quá khứ vô cùng ý vị, quả thật đã phối hợp cùng thiên nhiên. Do vậy, cuộc sống của người Trung Quốc [thời cổ] quả thật hết sức tình tứ.

Anh ta (cư sĩ Tiêu Quốc Bảo) làm theo cách như vậy có đúng hay không? Vẫn chẳng đúng, vẫn sai! Phật pháp nói Trung Đạo, chớ nên rơi vào hai bên! Quý vị mê hoặc, điên đảo, “hôn” là rơi vào bên này. Nếu quý vị chẳng kết hôn, sẽ ngã vào bên kia. Điều này dạy quý vị điều gì? Khi quý vị kết hôn, chớ nên mê muội, đấy mới là đúng, lúc ấy mới là Trung Đạo! Do vậy, anh ta vẫn hiểu lầm ý nghĩa, cho đến hiện tại vẫn chẳng kết hôn. Văn tự Trung Quốc đúng là có trí huệ rất sâu, chẳng hạn như quý vị “*thành gia*” (lập gia đình), lập gia đình nhưng đừng mê trong cái nhà ấy, mang ý nghĩa đó. Nhắc nhở quý vị, chớ chẳng phải là bảo quý vị đừng lập gia đình, đừng kết hôn, mà là bảo quý vị chớ mê! Chẳng mê ở trong ấy, đấy mới là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa được nói trong Phật pháp.

- Thứ hai, “*văn tự có thể sanh ra Bát Nhã*”, từ văn tự có thể sanh ra trí huệ. Như tôi vừa mới nói, khi quý vị thấy văn tự ấy, có thể sanh khởi trí huệ, văn tự được sáng tạo từ trí huệ. Do vậy, văn tự cũng có thể sanh ra trí huệ. Đức Phật vì chúng ta mà nói các thứ văn tự, kinh điển, chúng ta gọi những thứ ấy là Văn Tự Bát Nhã. Văn tự có thể sanh ra Bát Nhã. Vì vậy, chúng ta nương theo kinh điển nhà Phật, vâng theo lời Phật dạy, có thể khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật.

- Thứ ba, “*văn tự chính là Bát Nhã*”. Văn tự là phù hiệu, phù hiệu ấy chính là Không, chính là Giả, chính là Trung, bản thân nó chẳng phải là Bát Nhã thì là gì? Nhìn từ hình tướng của văn tự, nó là giả tướng. Nhìn

từ bản thể, nó là Không, chẳng có tự tánh, vô tự tánh. Nó do nhân duyên hòa hợp mà hiện ra tướng, bản thân nó chẳng có tự tánh, bản thể của nó chính là Không. Nhưng nó có thể truyền lại trí huệ, lý luận, kinh nghiệm, và phương pháp của những bậc đã giác ngộ. Từ văn tự, người đời sau chúng ta có thể hoàn toàn tiếp nhận [những điều ấy]. Do vậy, có thể nói văn tự là Bát Nhã. Bởi đó, từ Văn Tự Bát Nhã đạt đến Thật Tướng Bát Nhã. Tình hình này tạo thuận tiện rất lớn, thuận tiện gì vậy? Tức là ngôn ngữ, văn tự đơn giản, hữu hạn, mà lại có thể hiển thị, khiến cho chúng ta thấu hiểu, giác ngộ nghĩa lý chẳng có cùng tận. Văn tự hữu hạn, nhưng nghĩa lý trong ấy chẳng có cùng tận.

(Sớ) *Ư trung phân tam.*

(疏) 於中分三。

(Sớ: Trong ấy, chia ra làm ba).

Trong đoạn này, bộ kinh [Di Đà] này được chia thành ba phần.

(Sớ) *Kim thuộc Tự Phần.*

(疏) 今屬序分。

(Sớ: Nay [đoạn đang được thảo luận ở đây] thuộc về Tự Phần).

Đoạn chúng ta đang đọc này thuộc vào Tự Phần.

(Sớ) *Tự giả tự dã.*

(疏) 序者敘也。

(Sớ: Tự là trần thuật).

Là trình bày, tường thuật.

(Sớ) *Hựu tự dã.*

(疏) 又緒也。

(Sớ: Còn có nghĩa là đầu mối).

Là đầu mối.

(Sớ) *Vị nhập chánh văn, tiên tự liệt thứ kinh chi đoan tự dã.*

(疏) 未入正文，先敘列此經之端緒也。

(Sớ: Chưa bước vào phần chánh văn, trước hết, nêu bày đầu mối của kinh này).

Trước hết, trình bày nhân duyên giảng kinh.

(Sớ) Hữu Chứng Tín, Phát Khởi nhị tự.

(疏) 有證信發起二序。

(Sớ: Có hai loại tự phần là Chánh Tín và Phát Khởi).

Tự Phần có hai đoạn: Đoạn thứ nhất là Chứng Tín Tự, đoạn thứ hai là Phát Khởi Tự. Chứng Tín Tự là Lục Chung Thành Tự. Phát Khởi Tự ở sau [Chứng Tín Tự, trình bày] nhân duyên của bộ kinh và pháp hội lần này. Nhân duyên pháp hội [lần này] nhất định chẳng giống những pháp hội khác; vì thế, còn gọi là Biệt Tự.

(Sớ) Kim duy chứng tín, phàm chứng tín giả, giai dĩ lục chủng thành tựu. Kim thuận văn tiện, quân kỳ phồn giản, thả phân vi nhị, tiên minh ngữ cú, hậu minh liệt chúng, hợp chi thành lục.

(疏) 今唯證信，凡證信者，皆以六種成就。今順文便，均其繁簡，且分為二，先明五句，後明列眾，合之成六。

(Sớ: Nay riêng đối với phần Chứng Tín. Phàm là Chứng Tín, đều dùng sáu món thành tựu [để chứng minh tính chân thật của một bộ kinh]. Nay thuận theo lời văn cho tiện, cần nhắc mức độ phức tạp hay đơn giản, bèn chia thành hai phần, trước hết là giảng năm câu [thuộc năm điều Thành Tự đầu tiên], sau là nêu rõ thính chúng [tham dự pháp hội], hợp thành sáu [thứ Thành Tự]).

Liên Trì đại sư gộp chung năm món thành tựu đầu lại để giảng, hợp thành một đoạn. Phần liệt kê thính chúng, vì có nhiều người, nên Ngài chia thành một đoạn khác. Trước hết, nói về năm câu này, sau đó sẽ giảng về đại chúng.

(Sớ) Tư phục lệ, tiên thống quát đại ý, thứ nãi ly thích.

(疏) 茲復例前統括大意，次乃離釋。

(Sớ: Ở đây, lại theo thông lệ, trước hết nêu tổng quát đại ý rồi kể đó mới tách ra từng điều để giải thích).

Trước hết là nói chung, sau đây mới giới thiệu từng điều.

(Sớ) *Ngôn như thị chi pháp.*

(疏) 言如是之法。

(Sớ: Nói “pháp như thế”).

“*Như thị chi pháp*” là chỉ bộ kinh này.

(Sớ) *Ngã tùng Phật văn.*

(疏) 我從佛聞。

(Sớ: [Nhằm biểu thị pháp này] ta nghe từ đức Phật nói).

“*Ta*” là tôn giả A Nan tự xưng. Kinh do tôn giả A Nan kết tập, do Ngài giảng lại, nhắc lại.

(Sớ) *Bỉ nhất thời Thích Ca Mâu Ni Phật, tại Xá Vệ quốc chi Kỳ Viên dã, cái thị Phật thị A Nan cố.*

(疏) 彼一時釋迦牟尼佛，在舍衛國之祇園也，蓋是佛示阿難故。

(Sớ: Vì trong một thời nọ, Thích Ca Mâu Ni Phật ngự tại Kỳ Viên thuộc nước Xá Vệ, dạy cho A Nan [pháp ấy]).

Phía trước hết thầy kinh có ghi thêm mấy lời dẫn nhập này, chép thêm mấy câu này là vì đức Phật đã bảo ngài A Nan [làm như thế]. Lúc đức Phật sắp diệt độ, A Nan quá đau xót, vì A Nan chỉ chứng Sơ Quả, chưa đoạn Kiến Tư phiền não, Ngài đã đoạn Kiến Hoặc, nhưng chưa đoạn Tư Hoặc (tham, sân, si, mạn, nghi). Vì thế, đức Phật diệt độ, Ngài rất đau khổ, vẫn ứa nước mắt. Lúc ấy, ngài A Nậu Lô Đà bảo Ngài: “Đức Phật sắp diệt độ, có những vấn đề rất trọng yếu ông cần phải thỉnh giáo, há có nên khóc lóc?” Ngài được cảnh tỉnh, bèn đáp: “Vấn đề gì vậy? Nay tâm tôi đang loạn, tôi nghĩ cũng chẳng ra phải nên hỏi những gì? Những gì chẳng cần hỏi?” Ngài A Nậu Lô Đà dạy ngài A Nan hỏi bốn câu. Bốn câu hỏi ấy vô cùng trọng yếu, liên quan đến Tăng đoàn.

Thứ nhất là lúc Phật tại thế, mọi người chúng con ở cùng chỗ với đức Phật, đức Phật lãnh đạo chúng con. Đức Phật chẳng trụ thế, chúng con nương tựa vào ai để làm thầy? Chúng con trụ nơi đâu? Hai câu hỏi ấy. Trong tương lai, chúng con kết tập những kinh điển do đức Phật đã giảng, đầu kinh có cần phải thêm những câu chữ nào hay không? Vì phía trước

kinh điển của ngoại đạo Ấn Độ đều có lời dẫn nhập, chúng ta cần thêm hay không? Nên thêm theo cách nào? Câu hỏi thứ tư là đức Phật tại thế, đương nhiên đồ đệ rất nhiều, trong các môn đệ cũng có những kẻ quậy phá, cần quấy, đức Phật có thể chế phục họ. Đức Phật nhập diệt, chúng con đều là bạn học, họ nhiều loạn Tăng đoàn, nên làm như thế nào? Nêu lên bốn câu hỏi ấy.

Đức Phật trả lời, câu thứ nhất là “*dĩ giới vi sư*” (lấy giới làm thầy). Phật chẳng tại thế, nhưng giới luật do đức Phật chế định vẫn còn, nương theo giới luật để tu hành sẽ chẳng khác gì thầy vẫn còn. “*Y Tứ Niệm Xứ trụ*” (nương vào Tứ Niệm Xứ để trụ), ta trụ vào đâu? Nương vào Tứ Niệm Xứ. Tứ Niệm Xứ là quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Tâm chúng ta an trụ nơi Tứ Niệm Xứ, chẳng khác gì Phật vẫn trụ thế. Trong tương lai, kết tập kinh điển, trước hết thầy các kinh phải thêm: “*Tôi nghe như thế này, một thời Phật ngự tại nơi nào đó, cùng với những người nào đó*”, đây là lời giới thiệu. Vì thế, hết thầy các kinh trong hiện thời đều có câu này. Thứ tư, đối phó những ác tỳ-kheo đầu bò đầu bươu như thế nào? Đức Phật dạy hãy Mặc Tẫn; Mặc Tẫn (Brahma-danda) là không quan tâm tới bọn họ, để mặc họ. “*Phật thị A Nan*”, [nghĩa là] đức Phật chỉ dạy A Nan như thế.

(Sớ) Như thị ngã văn hữu tam nghĩa: Nhất, đoạn nghi cố; nhị, tức tránh cố; tam, giản tà cố.

(疏) 如是我聞有三義：一斷疑故，二息諍故，三揀邪故。

(Sớ: “Như thị ngã văn” có ba ý nghĩa: Một là để đoạn nghi; hai là nhằm dứt mọi tranh cãi; ba là để phân biệt kinh này chẳng phải do kẻ tà vạy bịa đặt).

Thuở ấy, khi tôn giả A Nan kết tập kinh điển, vừa lên tòa, được Tam Bảo gia trì, tướng mạo A Nan biến đổi, trở nên giống như Phật, cho nên thính chúng ở dưới đều hoài nghi. Có kẻ hoài nghi: Có phải là Thích Ca Mâu Ni Phật trở lại hay không? Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ, đương nhiên sẽ không trở lại. Có phải là Phật từ phương khác đến hay chăng? Cũng có người hoài nghi A Nan đã thành Phật. Vì vậy, ngài A Nan vừa xưng “*như thị ngã văn*”, mọi người chẳng còn nghi hoặc. Đó là ý nghĩa thứ nhất, tức là “*đoạn nghi cố*” (nhằm đoạn nghi).

Thứ hai là “*tức tránh luận*” (dứt tranh cãi), nếu bảo là do A Nan nói, mọi người chẳng phục. Ngài A Nan nói: “*Những lời này chẳng phải*

do tôi nói, mà đều do đức Phật nói”, mọi người chẳng dị nghị, chẳng tranh cãi.

Thứ ba là “*giản tà*”, “*tà*” là ngoại đạo Ấn Độ. Kinh sách của ngoại đạo Ấn Độ đều mở đầu bằng chữ A Ưu. A Ưu là hữu vô, nghĩa là “hoặc hữu, hoặc vô”, phỏng chừng, bất định. Kinh Phật chẳng dùng cách ấy, kinh Phật dùng “*như thị ngã văn, nhất thời*”, dùng cách mở đầu như vậy. Đây là chỗ nhằm phân biệt sự sai khác [giữa kinh Phật] với hết thảy các kinh sách tôn giáo của Ấn Độ. Vừa mở ra đã thấy hình thức khác hẳn.

(Sao) Văn Tự Bát Nhã, vị Bát Nhã vô ngôn, lại ngôn nhi hiển. Cố Phật dĩ văn tự thuyết kinh, kim hoàn dĩ văn tự giải thích.

(鈔)文字般若，謂般若無言，賴言而顯。故佛以文字說經，今還以文字解釋。

(Sao: Văn Tự Bát Nhã ý nói: Bát Nhã vô ngôn, nhưng dựa vào ngôn ngữ để hiển lộ. Vì thế, đức Phật dùng văn tự để nói kinh, nay lại dùng văn tự để giải thích).

Cổ nhân bảo: “*Đạo bốn vô ngôn, nhân ngôn hiển đạo*” (Đạo vốn chẳng có ngôn ngữ, do ngôn ngữ mà hiển lộ Đạo). Thánh nhân Trung Quốc cũng nói: “*Đạo khả đạo, phi thường đạo. Danh khả danh, phi thường danh*” (Đạo mà có thể nói ra được thì chẳng phải là đạo thường hằng, cái tên mà có thể gọi ra được thì chẳng phải là cái tên thường hằng). Quan điểm này tương xứng với kiến giải của đức Phật; nói cách khác, đều hiểu rõ Thật Tướng, chân tướng của vạn pháp trong vũ trụ vốn chẳng nói được. Kinh Đại Bát Nhã tuy là bộ kinh Phật lớn nhất, có tới sáu trăm quyển, nhưng cốt lõi của bộ kinh rất đơn giản: “*Bát sanh, bát diệt*”, “*Bát Nhã vô tri*”. Bát Nhã vốn vô tri, vô tri là Thể của Bát Nhã, khi ứng dụng sẽ là “*không gì chẳng biết*”. Thể của Bát Nhã là gì? Nói thật ra là tâm thanh tịnh. Quý vị muốn cầu Bát Nhã, cầu ở nơi đâu? Không phải là niệm kinh Bát Nhã hay niệm kinh Kim Cang sẽ có Bát Nhã, chẳng có đạo lý ấy! Niệm kinh Đại Bát Nhã, quý vị có Bát Nhã hay không? Càng niệm càng mê muội, mơ hồ, càng niệm càng hồ đồ. Bát Nhã nhất định phải cầu từ trong Định, Thiền gia nói “*Thiền Định rất sâu*”. Người ấy đắc Thiền Định thật sâu, nên trí huệ mở mang. Đây là “*vốn chẳng có một vật*” như Lục Tổ đã nói. Nó chính là Bát Nhã, là Thể của Bát Nhã. Trong Tịnh Độ gọi nó là “*nhất tâm bất loạn*”. Nhất tâm bất loạn có Sự nhất tâm và Lý nhất tâm. Ở đây nói tới Lý nhất tâm, chứ Sự nhất tâm vẫn chưa được! Sự nhất tâm là Định, nó có thể chế phục phiền não, nhưng chẳng thể chuyển phiền

não thành Bồ Đề. Quý vị phải hiểu: Phiền não và trí huệ Bát Nhã là cùng một chuyện, là một, chẳng hai. Định có thể chế phục phiền não, nhưng chẳng thể chuyển phiền não, chẳng thể chuyển biến! Tới khi khai trí huệ thì mới được, sẽ chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển sanh tử thành Niết Bàn, chúng là một, chẳng phải hai!

Quý vị phải hiểu: Nói “đoạn phiền não” thì “đoạn” ấy chẳng phải là thật sự đoạn. Nếu thật sự đoạn phiền não thì Bát Nhã cũng đoạn luôn, vẫn chưa được! Nói “đoạn” thật ra là “chuyển”, phiền não chẳng còn, phiền não đều biến thành trí huệ. Lúc mê, chuyển Bát Nhã thành phiền não; đó là phạm phu, mê rồi! Bậc giác ngộ chuyển hết phiền não tập khí của quý vị thành đại trí huệ. Kinh thường dạy: “*Phiền não tức Bồ Đề, sanh tử tức Niết Bàn*”. Vì chúng là một Thể. Do vậy, đức Phật dạy chúng ta phải chuyển biến, quý vị phải biết chuyển biến. Do điều này, biết rằng: Phật pháp quả thật sống động, hoạt bát, chẳng phải là chết cứng. Căn tánh người Tiêu Thừa quả thật kém cõi, chết cứng nơi chữ nghĩa, chết cứng trong giáo pháp, chẳng chuyển được! Tôi đa là họ có thể chế phục, chế phục đến mức cao nhất cũng bắt quá chúng A La Hán mà thôi. A La Hán thiếu trí huệ, Tam Đức Bí Tạng là Bát Nhã, Pháp Thân, Giải Thoát; A La Hán chưa chứng đắc Pháp Thân, cũng chẳng có Bát Nhã. A La Hán chỉ có một chút giải thoát nhỏ nhoi, sự giải thoát ấy do Định mà đạt được, chẳng đắc đại giải thoát. Đại giải thoát nhất định phải do trí huệ Bát Nhã chuyển phiền não thành Bồ Đề thì mới được. Do vậy, biết trí huệ ấy vô cùng trọng yếu.

Trí huệ là mục tiêu truy cầu tối hậu trong Phật pháp, mà cũng là mục tiêu chân chánh. Phương pháp cầu trí huệ tuyệt đối là Thiền Định, chẳng có cách nào thay đổi điều này! Chẳng do Định sẽ chẳng đạt được trí huệ; nhưng tuyệt đối chẳng thể nói Thiền Tông mới tu Thiền Định, các tông khác chẳng tu, [nếu hiểu như vậy] thì đã sai bét rồi! Cố nhiên Thiền Tông tu Thiền Định, nhưng tất cả hết thấy các tông phái khác, tám vạn bốn ngàn pháp môn thấy đều tu Thiền Định! Có thể không gọi là Thiền Định, nhưng xét theo ý nghĩa thì là Thiền Định, giống như Tịnh Độ chúng ta đề xướng “nhất tâm bất loạn”, nhất tâm bất loạn là Thiền Định! Giáo Hạ, như tông Thiên Thai tu Chỉ Quán, Chỉ Quán là Thiền Định. Thiền Định (Dhyāna-samādhi) là từ Phạn văn của Ấn Độ dịch ra, Thiền là Tĩnh Lự. Tĩnh (靜) là “tĩnh chỉ” (lặng lẽ, dứt bật), ngưng dứt tất cả hết thấy vọng tưởng, đó là Chỉ. Quán là trong Định có cảnh giới, quý vị phải hiểu rõ ràng. Tĩnh Lự chính là Chỉ Quán do người Hoa phát minh ra. Vì thế, Chỉ Quán là Thiền. Do điều này, biết: Không có một tông phái, không một

pháp môn nào chẳng tu Thiên Định, chẳng qua phương pháp khác nhau, cách thực hiện khác biệt, nhưng thấy đều cùng tu Định. Phương pháp của Tịnh Độ Tông là dùng một câu Phật hiệu A Di Đà Phật để tu Thiên Định, phù hợp ý nghĩa Thiên Định, mà cũng phù hợp với Chỉ Quán. Niệm một câu Phật hiệu này nhằm ngưng dứt hết thấy những vọng niệm khác, đó là Chỉ. Quý vị niệm một câu Phật hiệu này rõ ràng, rành rẽ, đó là Quán.

Thiền gia tham thoại đầu, tham thoại đầu là Quán, dứt vọng niệm là Chỉ. Họ niệm niệm phải cảnh tỉnh bằng câu thoại đầu ấy. Người niệm Phật chúng ta niệm niệm cảnh tỉnh bằng câu Phật hiệu này; người tham Thiền dùng thoại đầu để cảnh tỉnh, nhưng nếu kẻ ấy chưa đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, sẽ chẳng có cách nào, không thể thụ dụng, con đường ấy rất khó khăn! Còn chúng ta do một câu Phật hiệu này, dầu chưa thể đắc Thiên Định rất sâu, chỉ cần niệm tới mức tương ứng là có thể vãng sanh, đây là pháp môn Nhị Lực. Người niệm Phật dễ thành tựu, thành tựu bền vững sanh. Thiền chẳng dễ gì thành tựu, vô cùng khó khăn! Giáo Hạ tu Chỉ Quán, cũng chẳng phải là chuyện dễ dàng. Vì vậy, tông Thiên Thai từ sau Trí Giả đại sư trở đi, rất nhiều vị tổ sư tông Thiên Thai chẳng tu Chỉ Quán mà đều niệm Phật. Chỉ Quán do Trí Giả đại sư phát minh. Ma Ha Chỉ Quán và Tiểu Chỉ Quán đều do Ngài phát minh, nhưng chính Ngài chẳng tu, bản thân Ngài niệm Phật, cuối cùng vẫn là niệm Phật vãng sanh. Quý vị mới biết pháp môn Niệm Phật thù thắng, pháp môn Niệm Phật đáng tin cậy, Chỉ Quán chẳng đáng tin cậy bằng Niệm Phật. Nếu muốn khai trí huệ, nhất định phải tu tâm thanh tịnh, mà cũng là nói “phải tu nhất tâm”, quý vị mới biết điều này thật sự trọng yếu! Tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí huệ Bát Nhã, tâm chúng ta không thanh tịnh, cho nên chẳng có cách nào. Dầu quý vị thông minh cách mấy, có trí huệ cách mấy, đều là Thế Trí Biện Thông, chẳng phải là trí huệ Bát Nhã.

“Bát Nhã vô ngôn, lại ngôn nhi hiển” (Bát Nhã không có ngôn ngữ, dựa vào ngôn ngữ để hiển lộ). Đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, tôn giả A Nan đã kết tập, lưu lại những kinh điển này. Thậm chí, những kinh điển ấy lại được các vị cổ đức Trung Quốc dịch sang tiếng Hán, văn tự Trung Quốc cũng thuộc Bát Nhã, có thể hiển lộ những đạo lý do đức Phật đã nói. *“Cổ Phật dĩ văn tự thuyết kinh, kim hoàn dĩ văn tự giải thích”* (vì thế, đức Phật dùng văn tự để nói kinh; nay vẫn dùng văn tự để giải thích): Những bản chú giải của các tổ sư vẫn dùng văn tự để giải thích kinh điển nhà Phật, giúp chúng ta thâm nhập cảnh giới Phật.

(Sao) Nhiên văn tự tánh Không, tức thị Thật Tướng. Cố tam chủng Bát Nhã, tương vi dung thông, bất ngại văn tự dã.

(鈔)然文字性空，即是實相。故三種般若，相為融通，不礙文字也。

(Sao: Nhưng văn tự tánh Không, chính là Thật Tướng. Vì thế, ba thứ Bát Nhã dung thông lẫn nhau, chẳng trở ngại văn tự).

Giải thích ý nghĩa câu “*Văn Tự Bát Nhã đạt hồ Thật Tướng*” trong phần trước. “*Văn tự tánh Không là Thật Tướng*”, Thật Tướng là chân tướng của nó. Do vậy, biết: Văn tự cũng thuộc loại giải thoát tướng, giải thoát là gì? Nói theo cách bây giờ, [giải thoát] là tự do, tự tại, chẳng bị trói buộc tí nào, chẳng chướng ngại tí nào! Văn tự xác thực là như vậy. Văn tự cũng chẳng ở trong, cũng chẳng ở ngoài, mà cũng chẳng ở chặng giữa, giống như trong kinh Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật gạn hỏi tôn giả A Nan về cái tâm đến bảy chỗ. Trên mặt Sự tuy có, về Lý xác thực chẳng có. Đây là văn tự tánh Không, tương ứng với Thật Tướng. Hiểu rõ Thật Tướng, chân tướng sự thật, đối với văn tự, cũng có thể nói là đối với kinh điển, chúng ta phải dùng thái độ gì để quan sát? Bất ly, bất tức (chẳng rời lìa, chẳng chấp trước), thái độ ấy là đúng. “*Bất ly*” là chẳng rời khỏi kinh điển, đọc tụng mỗi ngày. “*Bất tức*” là ta chẳng chấp trước nó, đó là quý vị thật sự nhận biết nó. Quý vị rời lìa văn tự, nói văn tự tánh Không, ta chẳng cần đến nó, vậy là quý vị chấp Không. Quý vị chấp trước nó, không buông xuống được, bèn là chấp trước Có. Điều đáng quý trong Đại Thừa Phật pháp là hai bên Có và Không đều chẳng chấp trước: Chẳng rời khỏi kinh điển, mỗi ngày đọc kinh điển, chẳng rời vào Không; nhưng chẳng chấp trước kinh điển, ta chẳng chấp Có. Hai bên đều chẳng chấp trước. Có như vậy, quý vị mới có thể thấu hiểu nghĩa thú trong kinh điển. Nhất quyết đừng chết cứng nơi kinh văn, quý vị đồng tu phải hiểu rõ chuyện này! Phải biết ngôn ngữ, văn tự do đức Phật đã nói nhằm khơi gợi bản tánh của chúng ta, nếu quý vị chấp trước, sẽ biến thành chướng ngại.

Phải như thế nào mới khai hiện bản tánh? Một pháp chẳng lập mới khai hiện, lúc đạt tới “chẳng có một vật nào”, bản tánh sẽ khai hiện. Nói cách khác, tất cả hết thảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, vướng mắc trong tâm quý vị thấy đều buông xuống, bản tánh của quý vị sẽ khai hiện. Hễ có một chuyện vướng mắc là không được, bản tánh liền bị nhiễm dơ, bị chướng ngại. Nếu nói tới Phật pháp, thì nói thật ra, nó đơn giản như vậy đó. Hiện thời, chúng ta chẳng thể kiến tánh là do trong lòng vướng mắc quá nhiều chuyện, đã nghe Phật pháp nói ta phải buông bỏ, nhưng có

buông xuống được hay chẳng? Bỏ không nổi! Bỏ không nổi sẽ chẳng thể kiến tánh! Chân tánh đã bị những thứ ấy trói buộc. Nếu quý vị thật sự có thể hạ quyết tâm, hết thảy đều gạt bỏ, đều bỏ sạch, sẽ kiến tánh, sẽ minh tâm kiến tánh.

Lại nữa, đối với chuyện “bỏ” thì tôi lại phải nhắc quý vị, chẳng phải là bỏ trên mặt Sự! Bỏ sạch trên mặt Sự, vẫn chẳng thể kiến tánh. Nếu bỏ hết trên mặt Sự sẽ kiến tánh, người đã chết chẳng có gì không bỏ, thứ gì cũng chẳng mang theo, thân thể cũng chẳng mang theo, lẽ ra phải minh tâm kiến tánh! Sau khi kẻ ấy đã chết, có sao vẫn phải đầu thai luân hồi? Do vậy, quý vị phải hiểu: Chẳng phải là bỏ trên mặt Sự, mà là bỏ trong tâm. Vì sao đức Phật lại bảo chúng ta bỏ nơi Sự? Bỏ nơi Sự nhằm mong giúp cho quý vị bỏ trong tâm, mang ý nghĩa này! Trong tâm thật sự có thể bỏ sạch sành sanh, dấu trên mặt Sự là có, chắc chắn chẳng trở ngại Sự. Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, làm sao có chướng ngại cho được? Vì vậy, thành Phật là tâm thành Phật, chẳng phải là thân thành Phật.

Phật dạy chúng ta trì giới luật, tức là phải bỏ những thứ bất thiện; bỏ sạch hết thảy các thứ bất thiện. Dạy kẻ sơ học dùng phương pháp ấy. Bởi vậy, chúng ta trì giới cũng chớ nên chấp chết cứng giới điều. Chết cứng trong giới điều, không chỉ chẳng thể khai trí huệ, mà cũng chẳng thể đắc Định. Vốn chẳng có một vật, lấy đâu ra giới? Nếu còn có một điều giới luật, tức là còn có một vật! Còn có “chẳng sát sanh” tức là trong bốn tánh của quý vị còn có “chẳng sát sanh”, còn có một vật, chẳng thể gọi là “chẳng có một vật nào”! Còn có “chẳng trộm cắp”, tức là quý vị có hai vật, chẳng phải là “không có một vật nào”! Vì thế, phải hiểu: Trong tâm thanh tịnh, thứ gì cũng đều không có, hoàn toàn do bốn tánh hiển lộ.

Nhưng từ vô thủy kiếp tới nay, chúng ta mê mất bốn tánh, nay đức Phật dạy chúng ta một phương pháp để từ từ khôi phục bốn tánh từng bước một. Khởi đầu bằng trì giới, từ trì giới sẽ đắc định, từ đắc định khai trí huệ, khai trí huệ sẽ hiển lộ Chân Như bốn tánh của chúng ta, dùng phương pháp và cách thức này. Những phương pháp và cách thức ấy là cần thiết trong quá trình tu hành, nhưng tiến lên một bước, nhất định phải bỏ bước dưới. Đắc Định sẽ không cần trì giới, vì sao? Định cộng giới. Một người đắc Định, có thể phạm giới hay chẳng? Chẳng thể nào! Vì thế, gọi là Định cộng giới, cho nên chẳng cần phải trì giới từng điều một. Tới khi chứng quả, sẽ là đạo cộng giới, quyết định chẳng phạm giới.

Do vậy, có thể biết rất nhiều thứ do đức Phật đặt ra nhằm giúp đỡ chúng ta tu tâm, tu tâm là chánh yếu. Tâm đã thanh tịnh, lẽ đâu thân chẳng thanh tịnh? Thân nhất định thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh, cảnh giới bèn

thanh tịnh, thế giới sẽ thanh tịnh. Chúng ta muốn biết thế giới ấy là tốt hay xấu, hãy nhìn từ đâu? Nhìn từ lòng người. Tâm con người bất hảo, thế giới ấy nhất định có tai nạn, tâm chẳng thanh tịnh mà! Vì sao thế giới Cực Lạc tốt đẹp? Chẳng cần nhìn vào điều nào khác, tâm người nơi ấy thanh tịnh, mỗi người đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều do tâm thanh tịnh mà vãng sanh, cho nên cảnh giới của họ tốt đẹp! Tâm chẳng thanh tịnh, sẽ không thể vãng sanh, tâm nhất định phải thanh tịnh thì mới có thể vãng sanh; chẳng giống thế giới này, tâm chẳng thanh tịnh, vấn đề này nghiêm trọng lắm.

“*Tam chủng Bát Nhã, tương vi dung thông*” (ba thứ Bát Nhã dung thông lẫn nhau). Ba thứ Bát Nhã là Văn Tự, Quán Chiếu, Thật Tướng. Nương theo văn tự, khởi quán chiếu, chứng Thật Tướng. “*Y văn tự*” là nương theo kinh điển, chúng ta đọc kinh phải dựa vào văn tự. Không có văn tự, chẳng có cách gì tiếp nhận giáo huấn của đức Phật, đức Phật dạy người đời sau hoàn toàn phải nhờ vào văn tự. Chúng ta đọc kinh, điều khẩn yếu là phải “*khởi quán chiếu*”, đây là biết đọc, chẳng chết cứng nơi văn tự. Quán chiếu là gì? Nói nghiêm ngặt, Quán là đừng phân biệt, chấp trước; nói theo cách bây giờ, chỉ là nói tương tự, chỉ có thể nói tương tự, vẫn chưa phải là chân thật; [Quán] được gọi là trực giác, trực giác là không thông qua phân biệt, tư duy, tưởng tượng, mắt chúng ta thấy cảnh giới bên ngoài, tai nghe âm thanh thì gọi là Quán. Chiếu nghĩa là hiểu rõ, chiếu kiến có nghĩa là hiểu rõ. Mắt chúng ta vừa thấy [cảnh giới] bên ngoài sẽ hiểu rõ ràng, đây là Quán Chiếu. Giống như chúng ta mở cuốn kinh ra, thấy chữ rõ ràng, rành rẽ, ý nghĩa cũng hiểu rất rõ rệt; đây là Quán Chiếu. Nếu chúng ta mở kinh điển ra, đối với mỗi câu bèn suy nghĩ ý nghĩa trong ấy, trật rồi! Vì sao? Quý vị vừa nghĩ, ý thức, tức thức thứ sáu, bèn làm chủ. Nói đơn giản, Quán Chiếu là chẳng dùng tới tâm ý thức. Chúng ta nói đơn giản hơn chút nữa, sẽ là đừng dùng thức thứ sáu, tức ý thức, đừng dùng thức thứ bảy; đây là Quán Chiếu. Thức thứ sáu là phân biệt, ta chẳng phân biệt; thức thứ bảy là chấp trước, ta cũng đừng chấp trước, ta chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, mà hiểu rõ ràng, rành rẽ, đây là Quán Chiếu. Vận dụng công phu ấy lâu ngày, Thật Tướng sẽ hiện tiền.

Vì vậy, đọc kinh, tôi thường nói với các vị đồng tu, người biết đọc kinh, nói thật ra, đọc chú giải cũng giống như vậy, tôi nói [đọc kinh, hay đọc chú giải] là Tam Học Giới - Định - Huệ được hoàn thành một lượt, đây là nói theo Tam Học. Nếu nói theo Bát Nhã, sẽ là Quán Chiếu Bát Nhã nhập Thật Tướng Bát Nhã. Ngay trong lúc lục căn tiếp xúc lục trần, chúng ta chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp

trước, không lưu lại ấn tượng, sẽ là Thật Tướng, nên nói theo kiểu kinh Kim Cang sẽ là: “*Phàm những gì có tướng đều là Thật Tướng*”. Chúng ta vừa mới khởi tâm động niệm, [bèn tự nhắc nhở] “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, tướng bên ngoài có còn biến động hay không? Không có.

Tướng hư vọng và tướng chân thật khác nhau ở chỗ nào? Từ tâm niệm của chúng ta. Chúng ta dùng chân tâm nhìn cảnh giới bên ngoài, cảnh giới bên ngoài là tướng chân thật, là Thật Tướng; chúng ta dùng tâm vọng tướng để nhìn cảnh giới bên ngoài, cảnh giới bên ngoài là tướng hư vọng; đạo lý như thế đấy. Trong chân tâm không có ý niệm. Đại Thừa Khởi Tín Luận đã nói rất rõ ràng: “*Chân tâm ly niệm*”, không có niệm! Vì thế, cái tâm chúng ta không có ý niệm sẽ là chân tâm. Cái tâm không có niệm ấy thấy hết thấy vạn vật sẽ là Thật Tướng của các pháp, thừa quý vị, đấy là Nhất Chân pháp giới. Vì sao? Trong tâm quý vị có phân biệt, do không có phân biệt, chẳng có tốt xấu, liền bình đẳng. Không chấp trước sẽ chẳng yêu ghét. Không có tốt xấu sẽ chẳng ưa ghét, chẳng ưa thích, chẳng ghét bỏ, hết thấy các pháp bình đẳng, cảnh giới này là Nhất Chân pháp giới.

Do Phật và các vị đại Bồ Tát trụ Nhất Chân pháp giới, Nhất Chân pháp giới cũng chẳng phải là rời khỏi thế giới này mà có riêng một Nhất Chân pháp giới, [nếu hiểu như vậy] quý vị đã trật rồi! Chẳng hề có! Nhất Chân pháp giới và mười pháp giới đều do tâm của chính chúng ta biến ra. Khi trong tâm chúng ta chẳng có phân biệt, chấp trước, không có ý niệm, pháp giới ấy là thật, Nhất Chân, đó là thật. Hễ khởi tâm động niệm, tâm chúng ta bèn là tâm vọng tướng; dấy lên vọng tướng, quý vị thấy cảnh giới ấy sẽ thiên biến vạn hóa. Vì thế, nói thật thà, cảnh giới ấy là cảnh chuyển theo tâm! Đức Phật nói lời chân thật, chẳng phải là tâm chuyển theo cảnh! Vì vậy, người học Phật nhất định phải học gì? Cảnh chuyển theo tâm, phải tự tại; đấy là người học Phật.

Kẻ chẳng học Phật, khổ lắm! Tâm chuyển theo cảnh. Trong thế gian này, có những kẻ xem Phong Thủy, Phong Thủy là gì? Cảnh giới! [Quý vị coi Phong Thủy] tức là bị cảnh giới xoay chuyển! Cảnh giới ảnh hưởng đến quý vị. Người ta ca tụng quý vị mấy câu, quý vị vui vẻ lắm, tâm bị động rồi! Bị kẻ khác chuyển, bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển! Người ta chửi quý vị mấy câu, nếu quý vị nổi cáu vài ngày, quý vị đã bị cảnh giới chuyển, bị xoay chuyển bởi mối quan hệ với con người, bị xoay chuyển bởi hoàn cảnh vật chất thì mới nhân mạnh Phong Thủy. Phong Thủy xét theo Phật pháp sẽ chẳng thông! Phật pháp là gì? Tâm ta chuyển cảnh giới,

lấy đâu ra Phong Thủy? Không có! Lúc ấy mới là rốt ráo, lúc ấy mới là triệt để, chính mình xoay chuyển quan hệ con người, chính mình xoay chuyển hoàn cảnh vật chất. Hết thầy do chính mình làm chủ, chẳng do ngoại cảnh làm chủ. Chính mình làm chủ thì lúc đó mới gọi là Phật, là Bồ Tát.

Trong Phật pháp nói tu hành, tu gì vậy? Tu điều này! Chư vị nhất định phải biết: Rời khỏi hết thầy quan hệ giữa con người với nhau, rời khỏi hết thầy hoàn cảnh vật chất, quý vị tới đâu để tu? Chẳng có chỗ nào để tu cả! Ở ngay trong cảnh giới, dấy lên Quán Chiếu Bát Nhã. Thiên gia nói chớ nên bỏ mất quán chiếu, hễ bỏ mất quán chiếu sẽ mê hoặc. Quán chiếu là niệm niệm nhắc nhở chính mình cảnh giác, chẳng bị cảnh giới chuyển. Người khác ca tụng ta, tâm ta sáng suốt, rõ ràng, đó là trí huệ chiếu trụ, chẳng phải là ta hồ đồ! Kẻ khác ca tụng ta, ta chẳng hiểu, tức là đã biến thành chai đá, vô cảm mất rồi! Kẻ khác ca tụng ta, ta biết rõ ràng! Nhưng trong tâm ta như thế nào? Chẳng hào hứng, tâm bình lặng, yên tĩnh. Bề ngoài thì cũng tỏ ra khách sáo, đó là ứng phó bề ngoài đối với người ấy [chứ trong tâm chẳng bận lòng vì lời khen đó]. Đây chính là trí huệ Bát Nhã khởi tác dụng; cho nên nói: “*Không gì chẳng biết*”, khởi tác dụng mà! Người ta chửi mình mấy câu, ta cũng hiểu rõ ràng, rành rẽ, trong tâm ta thì sao? Chẳng tức giận, không bị cảnh giới chuyển, tâm thanh tịnh. Từ đầu đến cuối, trong cảnh giới giữ gìn cái tâm thanh tịnh; đây gọi là học Phật, học Phật là học theo cách này!

Quý vị mỗi ngày niệm A Di Đà Phật, nếu ở trong cảnh giới vẫn bị cảnh giới xoay chuyển, tức là niệm Phật hiệu chẳng đắc lực! Niệm Phật hiệu thật sự đắc lực, sẽ không bị cảnh giới chuyển. Không bị cảnh giới chuyển, sẽ tương ứng với Bát Nhã. Nói cách khác, quý vị có thể làm chủ trong cảnh giới, trong tương lai vãng sanh thế giới Cực Lạc chắc chắn sẽ tự làm chủ. Chẳng thể làm chủ cảnh giới, thì trong tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó cũng là cảnh giới, quý vị vẫn chẳng thể làm chủ được. Thật sự tu hành, chẳng thể rời khỏi xã hội. Hàng Tiểu Thừa lánh mình trong núi thẳm, nơi không dấu chân người, khoét hang động để trụ trong đó khổ tu; vô dụng! Tu mười năm hay tám năm, bảo người ấy đến thành phố Đài Bắc đi dạo một vòng, ngay lập tức xong đời, hết thầy hồng bút, có ích gì đâu? Không chịu nổi khảo nghiệm! Vì vậy, thật sự tu hành phải tu nơi đô thị, phải ở trong chốn hồng trần để trải qua sự việc hồng luyện tâm, nắm vững một câu A Di Đà Phật để luyện cái tâm thanh tịnh của chính mình, luyện tâm thanh tịnh trong cảnh giới. Đó là thật sự học Phật! Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 103

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm chín mươi bốn:

(Sao) *Lược chương giả, ngôn bất tận ý, cố vân lược dã.*

(鈔) 略彰者，言不盡意，故云略也。

(Sao: “Trình bày đại lược”: Nói chẳng hết ý, nên bảo là “đại lược”).

Đây là một đoạn ngắn đã được giảng trong lần trước, nhằm giải thích Văn Tụ Bát Nhã.

(Sao) *Lục chủng thành tựu, phân hợp nhị khoa giả.*

(鈔) 六種成就，分合二科者。

(Sao: Sáu thứ thành tựu được chia ra, và gộp lại thành hai khoa).

Có những bản [chú giải] kinh, sáu thứ thành tựu được chia thành sáu khoa, chia rất tỉ mỉ. Ở đây, Liên Trì đại sư chia khá đơn giản, gộp năm thứ thành tựu đầu thành một khoa, xếp Chúng Thành Tựu thành riêng một khoa, [do vậy, sáu thứ thành tựu được] chia làm hai khoa. “*Khai hợp*” (tức chữ “*phân hợp*” được dùng trong lời Sao), “*khai*” là triển khai, “*hợp*” là quy nạp; trong kinh Phật có rất nhiều lẽ lối như vậy.

(Sao) *Lệ như Ngũ Uẩn, Lục Căn, hoặc hợp Sắc khai Tâm, hoặc hợp Tâm khai Sắc, tùy kỳ sở nghi, vô định pháp dã.*

(鈔) 例如五蘊六根，或合色開心，或合心開色，隨其所宜，無定法也。

(Sao: Ví dụ như Ngũ Uẩn và Lục Căn thì Ngũ Uẩn là gộp Sắc, tách Tâm [thành nhiều thành phần khác nhau], hoặc [như trong trường hợp Lục Căn] thì gộp Tâm, chia chẻ Sắc [thành năm căn riêng biệt], tùy thuận cơ nghi, chẳng hạn có pháp nhất định).

Đây là nêu thí dụ. Trong kinh điển nhà Phật và các bản chú giải của cổ đức, những trường hợp như vậy rất nhiều, trong tương lai chư vị đều có thể thấy được. Ngũ Uẩn là năm pháp Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Gộp lại, chẳng hạn như “*hợp Sắc khai Tâm*”, Sắc chỉ nói một thứ, tức là

quy nạp hết thảy các Sắc pháp thành một, nói triển khai Tâm pháp thành bốn thứ. Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều là Tâm pháp; đó là “*hợp Sắc khai Tâm*”. Lục Căn là “*hợp Tâm khai Sắc*”, Nhãn Căn, Nhĩ Căn, Ty Căn, Thiệt Căn, Thân Căn đều là Sắc, chỉ có Ý Căn là Tâm; Tâm pháp nói một thứ, Sắc pháp nói năm thứ. “*Hợp*” là quy nạp, “*khai*” là triển khai. Vì thế, thuyết pháp chẳng nhất định; nhưng lúc nói luôn có một nguyên tắc. Vì sao có lúc đức Phật nói Ngũ Uẩn? Có lúc nói Lục Căn? Do đối tượng (thính chúng) khác nhau. Nếu đối phương mê Sắc pháp rất sâu, mê Tâm pháp cạn hơn, bèn đối với điều mê sâu mà nói cạn kẽ, đối với điều mê cạn bèn nói đại lược. Có khi nói nhiều về Tâm pháp, như Ngũ Uẩn là để nói với kẻ mê tâm nặng nề! Nói Lục Căn là đối với kẻ mê sắc nặng hơn một chút, tức là nói với kẻ mê sắc tướng nặng nề. Nếu Sắc lẫn Tâm đều mê nặng nề, đức Phật bèn giảng Thập Nhị Xứ, hoặc Thập Bát Giới. Trong Thập Bát Giới, Sắc pháp được nói rất nhiều, đến mười một thứ: Lục Trần (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp) là sáu Sắc pháp, trong Lục Căn, trừ Ý Căn thuộc Tâm pháp ra, năm thứ còn lại là Sắc pháp; [do vậy] sáu cộng thêm năm thành mười một thứ, tức là nói đến mười một thứ Sắc pháp. Lục Thức là Tâm pháp, lại còn có Ý Căn. Vì thế, nói đến bảy thứ Tâm pháp, [hợp với mười một món Sắc pháp] thành Thập Bát Giới. Đối với kẻ Sắc và Tâm đều mê sâu đậm, đức Phật thuyết pháp như vậy. Do điều này, ta biết đức Phật chẳng có cách nói nhất định, chỉ tùy thuận nhu cầu của đối phương mà thuyết pháp cho chúng sanh. Nói thật ra, bản thân đức Phật chẳng có pháp nào để nói. Đây là một nguyên tắc trong sự thuyết pháp của đức Phật và trong cách chú giải kinh điển của cổ đức.

(Sao) Phật thị giả.

(鈔) 佛示者。

(Sao: Phật dạy).

Nhằm giải thích câu “*Phật thị A Nan cố*” (đức Phật dạy A Nan) [trong lời Sớ]. Lục Chung Thành Tựu trong phần Tựu [của một bản kinh] xuất phát từ lời dẫn dò của đức Phật.

(Sao) Trí Luận vân: “Phật Niết Bàn thời, thị A Nan ngôn, nhất thiết kinh sơ, giai vân như thị ngã văn, nhất thời Phật tại mộ quốc, mộ địa”. Cái thị tôn Phật di sắc cố.

(鈔) 智論云：佛涅槃時，示阿難言，一切經初，皆云如是我聞，一時佛在某國某地。蓋是尊佛遺教故。

(Sao: Trí Độ Luận chép: “Lúc đức Phật nhập Niết Bàn, dạy ngài A Nan: - Đầu hết thấy các kinh đều ghi ta nghe như thế này, một thời đức Phật ở nước nọ, nơi nọ”. Đây là tôn trọng di giáo của đức Phật vậy).

Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, ngài A Nan vẫn giống như phạm phu, trong tâm vô cùng khổ sở. Ngài A Nậu Lô Đà bảo ngài A Nan hãy thỉnh giáo đức Phật, thỉnh giáo bốn chuyện. Trong ấy có chuyện: Đầu hết thấy các kinh phải xếp đặt ra sao? Đức Phật dạy: Trước hết thấy các kinh đều phải thêm câu “tôi nghe như thế này, một thời, đức Phật ở nơi nào đó, cùng với những người nào”, thêm mấy câu ấy. Do vậy, phần Thông Tụ tuân theo “di sắc” của đức Phật, tức là làm theo di giáo của đức Phật.

(Sao) “Đoạn nghi” giả, A Nan kết tập thời, chúng khởi tam nghi: Nhất, nghi Phật trùng khởi; nhị, nghi A Nan thành Phật; tam, nghi tha phương Phật lai. Kim viết “như thị ngã văn”, tam nghi đốn thích. “Tức tránh” giả, viết “ngã văn”, tắc phi ức kiến tự tác cố.

(鈔)斷疑者，阿難結集時，眾起三疑：一、疑佛重起，二、疑阿難成佛，三、疑他方佛來。今日如是我聞，三疑頓釋。息諍者，曰我聞，則非臆見自作故。

(Sao: “Đoạn nghi: Khi ngài A Nan kết tập, đại chúng dấy lên ba mối nghi: Một là nghi Phật trở lại, hai là nghi A Nan đã thành Phật, ba là nghi Phật từ nơi khác đến. Nay nói “ta nghe như thế”, ba mối nghi ấy nhanh chóng được cởi gỡ. “Dứt tranh cãi”: Nói “tôi nghe” [ngụ ý: Những kinh điển tôi nói đây] chẳng phải do tôi tự suy nghĩ, bịa ra).

Chẳng phải do ý tưởng của ngài A Nan, hoàn toàn là lời đức Phật đã nói, mọi người sẽ chẳng tranh chấp!

(Sao) Giảm tà giả, viết “như thị”, tắc dị ngoại đạo “A Ưu” cố.

(鈔)揀邪者，曰如是，則異外道阿憂故。

(Sao: “Phân biệt khác với tà ngoại”: Nói “như thế” nên khác với [kinh điển] của ngoại đạo dùng chữ “A Ưu”).

Phía trước kinh điển của ngoại đạo Ấn Độ có phù hiệu là từ ngữ “A Ưu” này. A là Không, Ưu là Có. Nói cách khác, [A Ưu là] hoặc Có, hoặc Không, đây là một câu nói nước đôi! Kinh Phật khác hẳn, mở đầu khác hẳn bọn họ

(Sao) Như Phật Địa Luận vân: “Như thị chi pháp, ngã tích tăng vãn”, ý ty tăng giảm dị phân quá thất, diệc “tức tránh” nghĩa dã.

(鈔)如佛地論云：如是之法，我昔曾聞，意避增減異分過失，亦息諍義也。

(Sao: Như Phật Địa Luận đã nói: “Pháp như thế, xưa kia tôi đã từng được nghe”, [nói như vậy] nhằm tránh khuyết điểm phân tranh, biện bác “tăng, giảm, khác biệt”, cũng là ý nghĩa dứt tranh cãi vậy).

Nêu lên lệ này rất hay! Ngài A Nan kết tập di giáo của đức Phật, hoàn toàn nhắc lại lời đức Phật đã dạy trong thuở ấy, chẳng thêm, chẳng bớt, giống hệt như đức Phật đã nói khi trước. Lúc đây, những người tham dự, đồng thời tham gia kết tập có năm trăm vị A La Hán, chẳng có ai đưa ra ý kiến phản đối thì lúc ấy mới có thể chép xuống; chắc chắn chẳng giống như chúng ta trong hiện tại, trong hội nghị chỉ cần đa số thông qua là được! Lúc kết tập kinh chẳng phải là như vậy! Hễ có một người phản đối, câu ấy không thể ghi lại, năm trăm vị A La Hán tham dự nghe xong đều gật đầu: “Chẳng sai! Đức Phật nói như thế, tôi có nghe nói”. Nếu có một ai nói: “A Nan! Tôi chưa hề nghe đức Phật nói câu ấy”, chẳng thể ghi lại [câu ấy]. Do vậy biết: Thái độ kết tập kinh điển thuở ấy vô cùng nghiêm túc, cẩn thận, nhằm giữ chữ tín với người đời sau thì hậu thế mới tôn trọng và tin tưởng kinh điển. Đây cũng là ý nghĩa “dứt tranh luận”. Vì thế, kinh điển lưu thông, mọi người chẳng dị nghị. Dưới đây là tách ra để nghiên cứu, khảo sát từng câu một.

(Sớ) Như thị giả, Tín Thành Tựu dã.

(疏)如是者，信成就也。

(Sớ: “Như thị” là Tín Thành Tựu).

Trong sáu thứ thành tựu, điều này thuộc về Tín Thành Tựu.

(Sớ) Như Trí Luận trung thuyết.

(疏)如智論中說。

(Sớ: Như trong Trí Độ Luận đã nói)

Lời Sao trích dẫn Đại Trí Độ Luận. Đại Trí Độ Luận gồm một trăm quyển, do Long Thọ Bồ Tát trước tác. Bộ luận này giải thích Ma Ha Bát

Nhã Ba La Mật Kinh⁴⁷, chúng ta thường gọi kinh ấy là kinh Đại Bát Nhã. Kinh Đại Bát Nhã có tất cả ba mươi quyển. Long Thọ Bồ Tát soạn chú giải tới bao nhiêu quyển? Bản gốc bằng tiếng Phạn gồm một ngàn quyển. Một ngàn quyển chú giải để giải thích ba mươi quyển kinh văn, giải thích vô cùng tỉ mỉ. Đại Trí Độ Luận đã dành ra từ ba quyển rưỡi đến bốn quyển để giải thích bốn chữ “*như thị ngã văn*”. Thuở ban đầu, khi tôi đọc Đại Trí Độ Luận mới thật sự cảm nhận nghĩa vị trong kinh Phật chẳng cùng tận. Giải thích bốn chữ mà đã nghiêm nhiên gần tới bốn quyển kinh văn!

Bộ luận này do Huyền Trang đại sư mang từ Ấn Độ về, dịch ra. Do người Hoa chuộng đơn giản, nếu dịch thành một ngàn quyển, sợ chẳng có ai xem. Vừa nhìn thấy nhiều như thế, họ sẽ không đọc! Do vậy, Ngài cô đọng, rút gọn thành một trăm quyển; nói cách khác là một phần mười. Cách dịch ra sao? Phần đầu tiên hoàn toàn dịch đúng theo nguyên văn trong bộ luận, tổng cộng ba mươi bốn quyển, đó là phần đầu. Mỗi phần sau đó đều dịch đại ý, nêu ra những điểm quan trọng, chẳng dịch hoàn toàn. Vì thế, quý vị muốn đọc nguyên bản chú giải của Long Thọ Bồ Tát thì đọc ba mươi bốn quyển đầu, đó là phần đầu bộ chú giải. Do vậy biết: Chú sớ kinh Phật thì phải chú giải tỉ mỉ, nghĩa thú chẳng thể nói trọn. Đây là trích dẫn mấy câu trong Đại Trí Độ Luận để nói, mấy câu quan trọng nhất [nói về] Tín Thành Tụ.

(Sớ) Hữu nhị tự phục vi nhị nghĩa, hữu đa chủng giải. Nhược dĩ Tông giản định, ước đương Tông, tất nhất tâm bất loạn viết Như, duy thử vô phi viết Thị.

(疏)又二字復為二義，有多種解。若以宗揀定，約當宗，則一心不亂曰如，唯此無非曰是。

(Sớ: Lại nữa, hai chữ [Như Thị] ấy lại có hai nghĩa, có nhiều cách giảng giải. Nếu dùng Tông [do chính mình đang tu học] để biện định, xét theo Tịnh Độ Tông, nhất tâm bất loạn là Như, chỉ có điều này không sai là Thị).

“*Dĩ Tông giản định*”: Tông ở đây là “*bổn Tông*” (tông ta đang tu học). Vì một câu kinh văn có rất nhiều ý nghĩa, chúng ta tu học tông nào

⁴⁷ Bộ kinh này do ngài Cưu Ma La Thập dịch (khác với Đại Bát Nhã Kinh sáu trăm quyển do ngài Huyền Trang dịch). Thật ra, từ ngữ Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Kinh chỉ hai bản kinh khác nhau: Đại Phẩm Bát Nhã Kinh (hai mươi quyển) và Tiểu Phẩm Bát Nhã Kinh (mười quyển) đều do ngài La Thập dịch. Thông thường, hai bộ này luôn được in chung với nhau, nên Hòa Thượng mới nói bộ kinh này gồm ba mươi quyển.

sẽ có cách giảng giải theo tông đó. Như vậy thì đối với nhiều loại chú giải, chúng ta sẽ có một tiêu chuẩn lấy hay bỏ. Cũng giống như vậy, đối với “*như thị ngã văn*”, Thiên Tông có cách giảng của Thiên Tông, cách giảng của Thiên Tông và Tịnh Độ Tông hoàn toàn khác nhau, có thể nói là trái ngược nhau. Do vậy, nếu chẳng hiểu rõ, đọc bản chú giải này, cách giảng của hai người [tu theo hai tông phái khác nhau] sẽ hoàn toàn khác nhau, xung đột, mâu thuẫn lẫn nhau. Thật ra, chẳng phải vậy! Mỗi tông có phương pháp tu hành riêng, cho nên giảng giải ý nghĩa khác nhau.

“*Đương Tông*” tức là Tịnh Độ Tông của chúng ta, niệm Phật. Cách giảng của Tịnh Độ Tông là dùng hai câu đơn giản, rõ ràng để giảng rành rẽ hai chữ “*như thị*”: Nhất tâm bất loạn là Như. “*Duy thử vô phi*” (chỉ có điều này không sai), quyết định chẳng sai, đó là Thị. Dùng ngay ý nghĩa trong kinh văn [kinh Di Đà]! Nói thật ra, hai câu trọng yếu nhất trong cả bộ kinh A Di Đà là “*nhất tâm bất loạn, tâm bất điên đảo*”. Chúng ta học Phật, nếu muốn quyết định thành tựu trong một đời này, quý vị tuân thủ hai câu ấy là được rồi! Phải học hai câu ấy sao cho chúng thật sự hòa nhập thành một khối với tư tưởng, hành vi, và cuộc sống của chính mình thì mới được. Nếu nói lúc tôi niệm Phật thì nhất tâm bất loạn, còn chẳng niệm sẽ loạn; vậy là không được rồi! Chẳng có tác dụng! Xử sự, đãi người, tiếp vật, thấy đều phải nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo, phải như vậy thì quý vị niệm Phật mới được coi là công phu thành tựu.

Chúng ta thấy nhiều người lúc vãng sanh, biết trước lúc ra đi, chẳng có bệnh khổ, nói đi bèn đi, họ có bản lãnh gì vậy? Thật ra, nói xuyên suốt thì họ đã vận dụng chữ “*Như*” này vào cuộc sống, nên họ thành công. Vì thế, tu Tịnh Độ là tu tâm tịnh, “*tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh*”. Nhất tâm bất loạn, tâm bèn thanh tịnh; tâm chẳng thanh tịnh, chắc chắn chẳng đạt đến nhất tâm bất loạn. Dùng phương pháp gì để tu đến mức nhất tâm bất loạn? Dùng phương pháp Niệm Phật. Do vậy, phương pháp trong Tông này vô cùng đơn giản, ai nấy đều có thể làm được. Đạt tới nhất tâm bất loạn, chuyện gì cũng đều hiểu rõ, quá khứ, hiện tại, vị lai, không gì chẳng biết. Nói thật ra, ai nấy đều có thể làm được, vấn đề là quý vị có muốn làm, có chịu làm hay không! Nếu quý vị muốn làm, chịu làm, chẳng một ai không làm được!

“*Duy thử vô phi viết Thị*” (chỉ có điều này không sai nên nói là Thị), tôi phỏng theo cách này để nói: “*Duy thử thị Chân viết Thị*” (chỉ có điều này là Thật nên nói là Thị), vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là chân thật, những điều khác thấy đều là giả. Thế giới này là hư vọng, chẳng chân thật, phải giác ngộ điều này! Biết là hư vọng, đây là thấy thấu

suốt. Có thể thấy thấu suốt, quý vị mới có thể buông xuống, xử sự, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày, quý vị sẽ chẳng phân biệt quá mức, mà cũng chẳng chấp trước quá mức! Quý vị nhất định giữ thái độ: Cái gì cho qua được bèn cho qua! Chẳng có chuyện gì là thật, đều là hư vọng, chẳng thật sự tồn tại! Chỉ có niệm Phật là thật, chỉ có tâm địa thanh tịnh là thật, những cái khác đều là giả. Xét trong toàn bộ Phật pháp có nhiều tông phái ngàn ấy, chỉ có tông phái này thành tựu dễ dàng nhất, nắm chắc thành tựu nhất! Cổ nhân bảo: “*Vạn người tu, vạn người về*”, chẳng giả một tí nào.

(Sao) Trí Luận vân: “Phật pháp đại hải, tín vi năng nhập”. Tín giả, ngôn thị sự như thị, bất tín giả, ngôn thị sự bất như thị.

(鈔)智論云：佛法大海，信為能入。信者言是事如是，不信者言是事不如是。

(Sao: Trí Độ Luận chép: “Biển cả Phật pháp, do lòng tin mà có thể vào”. Tin sẽ nói chuyện này đúng là như thế, chẳng tin sẽ nói chuyện này chẳng phải là như thế).

Đoạn văn này trích từ Đại Trí Độ Luận. Đối với Phật pháp, nhất định phải do lòng tin mới có thể nhập môn. Nói đến Tín, thật ra, có hai loại:

- Loại thứ nhất là chân tướng Sự Lý đều hiểu rõ ràng, nên tin tưởng. Loại này rất khó, chẳng hoài nghi, lòng tin vững chắc, chẳng ngờ vực, Tín Căn đã kiến lập.

- Loại kia là những kẻ chẳng hiểu rõ Sự Lý, tuy trọn chẳng hiểu rõ, nhưng có thể tin tưởng, mà cũng chẳng hoài nghi. Nói thật ra, kẻ ấy đã có thiện căn và phước đức từ nhiều đời, nhiều kiếp. Nếu kẻ ấy chẳng có thiện căn, phước đức, sẽ chẳng tin tưởng. Do người ấy tin tưởng, nên chắc chắn sẽ thành tựu. Nhất là đối với pháp môn này, trong kinh, đức Phật đã gọi pháp môn này là “pháp khó tin”, thật sự khó! Nếu kẻ ấy có thể tin tưởng pháp khó tin, ta có thể thấy kẻ ấy thiện căn, phước đức sâu dày. Vì sao? Do đã tin, nên trong đời này, người ấy nhất định vãng sanh. Hễ vãng sanh, chắc chắn sẽ thành Phật trong một đời này. Pháp môn này là phương pháp thành Phật ngay trong đời này, chẳng cần đợi đến đời thứ hai, thành Phật ngay trong đời này! Tiếp đó, Tổ dẫn lời giảng của mấy vị cô đại đức.

(Sao) Triệu công viết.

(鈔)肇公曰。

(Sao: Ngài Tăng Triệu nói).

Triệu công là ngài Tăng Triệu, là một vị đệ tử của Cưu Ma La Thập đại sư. La Thập đại sư là người dịch bộ kinh này, Ngài có bốn học trò vô cùng kiệt xuất, được gọi là “*Thập môn tứ triết*” (bốn vị học giả lỗi lạc trong môn đình ngài La Thập), Tăng Triệu là một vị trong số đó, trẻ tuổi nhất, thông minh tuyệt đỉnh, nhưng thọ mạng rất ngắn ngủi, ba mươi mấy tuổi đã viên tịch, thành tựu phi phàm. Ngài viết Duy Ma Kinh Chú, Triệu Luận, mấy tác phẩm do Ngài viết được lưu truyền hậu thế. Ngài nói:

(Sao) *Như thị giả, tín thuận chi từ dã.*

(鈔) 如是者，信順之辭也。

(Sao: “*Như thị*” là từ ngữ biểu lộ sự tín thuận).

Đó là tin, sau khi đã tin thì mới có thể thuận theo, đây mới là tin tưởng thật sự.

(Sao) *Có thể nhân doãn khả, diệc viết “như thị”.*

(鈔) 故世人允可，亦曰如是。

(Sao: Vì vậy, người đời chấp nhận [điều gì] thì cũng nói “*như thị*”).

Người thế gian đối với chuyện gì nếu chấp nhận, cũng sẽ nói “đúng như thế”.

(Sao) *Phục nhị nghĩa giả.*

(鈔) 復二義者。

(Sao: Lại có hai nghĩa).

Lại có hai ý nghĩa.

(Sao) *Hựu ly “như thị” nhị tự các thích dã.*

(鈔) 又離如是二字各釋也。

(Sao: Chính là lại đem hai chữ “*như thị*” tách ra để giải thích từng chữ một).

“*Ly*” là tách ra, Như là gì? Thị là gì?

(Sao) Đa giải giả, hữu dĩ thánh nhân thuyết pháp, dẫn hiển ư Như, duy Như vi Thị.

(鈔) 多解者，有以聖人說法，但顯於如，唯如為是。

(Sao: “Có nhiều cách giải thích”, có người cho rằng thánh nhân thuyết pháp chỉ nhằm hiển lộ lý Như, chỉ có Như là đúng).

Nêu lên mấy trường hợp. Trên thực tế, có rất nhiều cách giải thích hai chữ này! “*Thánh nhân thuyết pháp*”: Chữ “*thánh nhân*” chỉ Phật; câu này có thể nói là đã bao gồm hết thầy các kinh, hết thầy các kinh cũng không ra ngoài phạm vi này! “*Dẫn hiển ư Như*” (chỉ nhằm hiển lộ lẽ Như), giảng chữ Như theo cách nào? Chính là Chân Như bản tánh. Đức Phật giảng hết thầy các kinh, không gì chẳng nhằm mục đích dạy chúng ta minh tâm kiến tánh, thấy Chân Như bản tánh của chính mình. Hết thầy các kinh đều nhằm bày vẽ, chỉ dạy chúng ta hãy kiến tánh. Vì thế, [lời Sao nhận định] “*duy Như vi Thị*” (chỉ có Như là đúng). Nếu chẳng dạy chúng ta minh tâm kiến tánh, chắc chắn kinh điển ấy chẳng phải là kinh điển nhà Phật, đặc biệt là kinh điển Đại Thừa. Có phải là kinh này dạy chúng ta minh tâm kiến tánh? Đúng vậy! Vì sao biết đúng là như vậy? Nhất tâm bất loạn là minh tâm kiến tánh, nhất tâm là chân tâm, chân tâm còn gọi là Chân Như. Do vậy, thầy đều là dạy chúng ta minh tâm kiến tánh.

(Sao) Như Lưu Cầu sở thuyết.

(鈔) 如劉虬所說。

(Sao: Như ngài Lưu Cầu⁴⁸ đã nói).

Đây cũng là một vị đại đức thuở xưa, hết sức có thành tựu trong Phật pháp. Trong Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao, Thanh Lương đại sư thường trích dẫn lời Ngài.

(Sao) Hữu dĩ Như giả, đương Lý chi ngôn. Thị giả, vô phi chi xung.

⁴⁸ Lưu Cầu (439-495), tự Linh Dự, là một vị ẩn sĩ đời Nam Tề, người xứ Nam Dương. Thuở trẻ, ông từng làm quan Quốc Tử Bác Sĩ, huyện lệnh, cuối cùng là quận thừa huyện Phú Dương. Ông nghiên cứu Phật pháp tinh tường, chủ trương thuyết “nhập Không tất Đốn”, soạn nhiều bản chú giải như Chú Pháp Hoa Kinh, Chú Vô Lượng Nghĩa Kinh... Ông đề xướng cách phán giáo Phật pháp gồm Đốn Tiệm nhị giáo, ngũ thời, thất giai. Ông chủ trương chỉ có kinh Hoa Nghiêm là Đốn Giáo, các kinh khác đều là Tiệm Giáo. Quan điểm Ngũ Thời của ông khá giống cách phán giáo Ngũ Thời trong tông Thiên Thai.

(鈔) 有以如者，當理之言，是者，無非之稱。

(Sao: Có người cho Như là nói xứng Lý, còn Thị là nói không sai).

Lý là Chân Như Lý thể, “*đương Lý*” nói thật ra là xứng tánh, là từ chân tâm Lý thể lưu xuất ngôn ngữ, văn tự, đó là ý nghĩa của chữ Như. Thị là quyết định chẳng sai. Từ Chân Như bản tánh lưu lộ, làm sao có khuyết điểm cho được? Lẽ nào có sai lầm cho được? Điều đó được gọi là Thị. Ngài Thanh Lương giải thích kinh Hoa Nghiêm cũng trích dẫn câu này.

(Sao) Như Sanh công sở thuyết.

(鈔) 如生公所說。

(Sao: Như ngài Đạo Sanh đã nói).

“*Sanh công*” là ngài Đạo Sanh⁴⁹. “*Sanh công thuyết pháp, ngoan thạch điểm đầu*” (ngài Đạo Sanh thuyết pháp, đá cũng gặt đầu) chính là vị này. Ngài nói:

(Sao) Hữu dĩ Như Lai thuận cơ vi ứng, danh Như, chúng sanh vô phi vi cảm, danh Thị.

(鈔) 有以如來順機為應名如，眾生無非為感名是。

(Sao: Có người cho rằng Như Lai thuận theo căn cơ mà ứng thì gọi là Như; chúng sanh không gì chẳng cảm, nên gọi là Thị).

⁴⁹ Đạo Sanh (355-434), còn gọi là Trúc Đạo Sanh, là một học giả lỗi lạc về kinh Niết Bàn thời Đông Tấn. Sư quê ở Cự Lộc (nay thuộc huyện Bình Hương, tỉnh Hà Bắc), kiêu ngạo tại Bành Thành (Đồng Sơn, tỉnh Giang Tô), họ ngoài đời là Ngụy. Do tôn ngài Trúc Pháp Thái làm thầy, nên mới có đạo hiệu là Trúc Đạo Sanh. Năm mười lăm tuổi, Sư đã lên giảng tòa, các bậc học rộng thạc đức chẳng ai có thể biện bác hơn được. Năm hai mươi tuổi, Sư thọ Cụ Túc Giới, oai danh giảng diễn vang lừng thiên hạ. Về sau, Sư lên Trường An theo học với ngài La Thập, được xếp vào hàng bốn đại môn đệ kiệt xuất của ngài La Thập. Năm Nghĩa Hy thứ năm (409), Sư chủ trương “*Xiển Đè có thể thành Phật*”, bị mọi người chống đối, bèn lui về ẩn cư tại Lô Sơn. Đến khi bản dịch kinh Đại Niết Bàn của ngài Đàm Vô Sấm truyền đến kinh đô Kiến Nghiệp, mọi người vô cùng khâm phục kiến giải của Sư. Sư để lại những tác phẩm nổi tiếng như Nhị Đế Luận, Phật Tánh Đương Hữu Luận, Pháp Thân Vô Sắc Luận, Phật Vô Tịnh Độ Luận, Ứng Hữu Duyên Luận, Biện Phật Tánh Nghĩa, Pháp Hoa Kinh Nghĩa Sớ v.v... Trong chú giải kinh Duy Ma của ngài Tăng Triệu và Đại Bát Niết Bàn Kinh Tập Giải của ngài Bảo Lương thường trích dẫn rất nhiều nhận định của ngài Đạo Sanh.

Đây là nói tới chuyện “*ứng cơ thuyết pháp, cảm ứng đạo giao*”. Từ những lời giải thích hai chữ Như Thị trên đây, có thể thấy nhìn từ phương diện nào để giảng hai chữ Như Thị đều rất có lý, đều có thể chấp nhận; nhưng rốt ráo lấy Chân Như bản tánh làm Đệ Nhất Nghĩa là cách giải thích bậc nhất. Cách giải thích này cũng tuyệt lắm. Vì đức Phật giảng kinh, đương nhiên là phải Khế Cơ và Khế Lý. Kinh cũng dạy điều này, nếu giảng kinh mà chẳng khế Lý tức là chẳng phải từ Chân Như bản tánh lưu lộ, sẽ gọi là “*ma thuyết*”. Vì thế, phân biệt Phật và ma, lấy tông chỉ kinh này để nói, nếu quý vị từ nhất tâm bất loạn mà nói thì là Phật thuyết. Nếu từ tam tâm, nhị ý, loạn tâm mà nói thì là ma thuyết. Phân biệt giữa Phật và ma như thế đó!

Ngoài ra, còn phải Khế Cơ. Khế Cơ là phải có thể thích hợp với trình độ của chúng sanh. Nếu chẳng thích hợp trình độ chúng sanh, tuy là nói từ nhất tâm bất loạn, nhưng nói ra, mọi người nghe không hiểu, đó gọi là nói phí công, là nói lời thừa thãi! Do vậy biết, kinh Phật tuân theo tiêu chuẩn, thứ nhất là phải từ Chân Như bản tánh lưu lộ, thứ hai là phải khiến cho chúng sanh nghe hiểu. Nghe xong, họ có thể tiếp nhận. Đó gọi là “*khế Cơ, khế Lý*”. Do vậy, ngài Đạo Sanh nói theo phương diện Khế Cơ, còn những lời giảng trong phần trước là nói theo phương diện Khế Lý. “*Thuận cơ vi ứng*” (ứng hiện thuận theo căn cơ), chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. “*Vi ứng*” (ứng hiện) là Như, “*chúng sanh vô phi vi cảm*” (chúng sanh chẳng ai không cảm), đó là Thị.

Hiểu rõ đạo lý này, chư vị đồng tu phải nhớ, đức Phật thuyết pháp, các vị Bồ Tát, tổ sư thuyết pháp là vì chúng sanh mà thuyết, chẳng nhằm khoe khoang công phu của chính mình, chẳng nhằm phô trương chính mình. Do trong quá khứ, lúc tôi mới học Phật, đã từng nghe có những pháp sư thuyết pháp, sau khi thuyết xong, phía dưới có rất nhiều tín đồ, thường thân cận pháp sư, rất thân thuộc, đến thỉnh giáo pháp sư sau khi Ngài giảng xong, đã nói: “Thưa sư phụ, lời giảng hôm nay của lão nhân gia, con chẳng hiểu gì hết”. Giảng quá sâu, không hiểu! Vị sư phụ ấy cười: “Nếu các người nghe hiểu pháp ta giảng thì còn đáng giá chi nữa?” Nói vậy là trật lất! Nói ra là phải khiến cho người ta nghe sẽ thấu hiểu, có thể tiếp nhận, tiêu hóa, người ta mới được hưởng lợi ích. Cố ý nói cho kẻ khác nghe chẳng hiểu, tức là quý vị nói uổng công mất rồi, người ta đến đó nghe cũng phí công nghe, đôi bên đều phí uổng thời gian! Rất đáng tiếc, sai mất rồi! Quý vị nhất định phải nhớ: Sau này, quý vị thuyết pháp, chớ nên nói quá sâu, hãy nói sao cho người khác nghe bèn hiểu được. Tự mình

khoe khoang bản thân giỏi giang, đây chính là sai lầm, chớ nên làm như vậy.

(Sao) Như Dung công sở thuyết.

(鈔) 如融公所說。

(Sao: Như ngài Biện Dung đã nói).

“Dung công” là thiền sư Biện Dung⁵⁰, Ngài sống vào đời Minh, Liên Trì đại sư đã từng đến tham học với Ngài. Thuở ấy, Ngài là một vị cao tăng nổi tiếng, Liên Trì đại sư chịu ảnh hưởng rất lớn từ Ngài. Chư vị học Phật phải biết, chúng ta thân cận một vị thiện tri thức thì rốt cuộc ai là thiện tri thức? Nói thật ra, chuyện này chẳng quan trọng, thật sự học được điều gì [từ vị ấy mới là quan trọng], còn thầy có thật sự cao minh hay không là chuyện thứ yếu! Chính mình đối với thầy có thành ý mới là điều kiện bậc nhất khiến cho quý vị có thể đạt được điều gì hay không, giống như Ấn Quang đại sư đã dạy: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”.

Trong kinh, đức Phật đã kể một câu chuyện; đó là một chuyện thật được đức Phật nhắc đến trong kinh điển. Ngài nói có một vị tỳ-kheo già tu hành rất nhiều năm, chẳng đắc đạo, trong tâm rất áo não, mà cũng rất hồ thẹn. Có mấy tỳ-kheo trẻ tuổi vừa mới xuất gia muốn trêu ghẹo, bỡn cợt, bèn bảo vị tỳ-kheo già ấy:

- Chẳng phải là thầy muốn chứng quả hay sao?

- Vâng! Tôi muốn chứng lắm, nhưng chẳng biết chứng bằng cách nào!

⁵⁰ Thiền sư Biện Dung Chân Viên là người nói pháp đời thứ ba mươi một của tông Lâm Tế, nói pháp thiền sư Phật Nham Chân Tế. Ngài Biện Dung quê ở Doanh Sơn, Tứ Xuyên, họ Tiên, xuất thân từ một gia đình thư hương nhiều đời, thông duệ, mẫn tiệp từ bé, thích đọc sách, những gì đã đọc Sư chẳng hề quên. Năm ba mươi hai tuổi, chợt ngộ thể sự vô thường, Sư đi chiêm bái Nga My, gặp vị dị tăng ở động Cửu Lạp, bèn xuống tóc xuất gia. Sư tham học khắp nơi, đến kinh sư, nghe pháp sư Thông Tú giảng kinh Hoa Nghiêm đến câu “*nhược nhân dục thức Phật cảnh giới, đương tịnh kỳ tâm như hư không*” (nếu ai muốn biết cảnh giới Phật, hãy tịnh cái tâm dường hư không), chợt đón ngộ. Ngày hôm sau, lên Khuông Sơn, ẩn cư trong động Mã Tổ. Người tìm về theo Ngài rất đông. Trong núi thiếu lương thực, Sư bèn đích thân dẫn cũ đem xuống trấn Cửu Giang đổi lấy lương thực châu cấp đại chúng, trải nóng lạnh suốt bảy năm ròng rã, chẳng nề hà gian khổ, nên đạo hạnh lừng lẫy khắp vùng Giang Nam. Về sau, Sư trụ tại Đông Lâm Viện ở kinh đô, lặng lòng đọc kinh, đại chúng kính ngưỡng, suy tôn Ngài là Di Lạc tái thế. Sư thị tịch năm tám mươi ba tuổi.

- Chúng tôi biết, để tụi tôi dạy thầy.
- Hay quá!
- Nhưng thầy phải mời tụi tôi ăn uống ngon lành, phải bao tụi tôi ăn.

Vị tỳ-kheo già lấy tiền bạc dành dụm ra, nhưng Sư cũng chẳng dành dụm được mấy, bèn bán sạch mớ quần áo ít ỏi để mời họ ăn. Họ ăn xong, vị tỳ-kheo già cầu hỏi cách chứng quả như thế nào? Họ cũng đâu có cách nào, nhưng đã lỡ nhận lời rồi, bèn trêu gheo sư, bảo Sư ngồi xồm ở góc nhà, họ nói: “Thầy ngồi xồm ở đó, trong tâm thầy chớ có suy nghĩ loạn xạ, hãy nghe theo lời tôi nói”. Vị tỳ-kheo trẻ bèn cầm trái banh ném vô đầu Sư, bảo: “Thầy đã chứng Sơ Quả”. Vị tỳ-kheo già gật đầu: “Đúng vậy!” Lại đổi sang góc bên kia, Sư cũng ngoan ngoãn bước sang góc kia. Lại ném bóng vào đầu Sư: “Thầy đã chứng Nhị Quả”. Chuyển khắp bốn góc: “Thầy đã chứng Tứ Quả La Hán!” Sau khi trở lại góc ban đầu, Sư đánh lễ mấy vị tỳ-kheo trẻ tuổi nghịch ngợm. Các tỳ-kheo trẻ thưa: “Tôi giống với thầy mà!” Sư nói: “Tôi đã thật sự chứng Tứ Quả”. Mấy vị tỳ-kheo trẻ tuổi đều sững sờ, hướng về Sư cầu sám hối, Sư nói: “Tôi quả thật đã chứng Tứ Quả”. Điều này cho thấy tâm vị ấy chân thành, dầu người khác trêu gheo Ngài, Ngài vẫn một mực chứng quả. Tâm Ngài có mười phần thành kính nên đạt được. Bởi lẽ đó, quý vị muốn thân cận một vị thầy, thân cận vị thầy nào mới là thiện tri thức thật sự? Vị thầy nào mà quý vị cảm thấy tôn kính nhất, hãy thân cận vị ấy, nhất định sẽ thành tựu.

Trong quá khứ, lúc tôi mở Đờ Thư Quán ở nơi đây, có mấy vị xuất gia trẻ tuổi như Ngô Nguyên, Y Nhân ở nơi đây. Sau đây, pháp sư Vĩnh Tinh bên Hương Cảng mở Phật Học Viện tại nơi đó, thỉnh pháp sư Hiền Minh sang đó làm viện trưởng. Họ nghe tin ấy, mong sang Hương Cảng cầu học. Lúc sắp ra đi, tôi chúc phước: “Mấy thầy đã tôn kính pháp sư Hiền Minh thì phải khéo học theo Ngài. Nếu mấy thầy thật sự có thể học với Ngài suốt mười năm, nhất định sẽ có thành tựu. Vì nếu các thầy chẳng tôn kính thầy, làm sao các thầy đạt được gì?” Đó gọi là “*một phần cung kính, được một phần lợi ích*”. Sau khi họ tới Hương Cảng, nghe nói hình như chỉ học được một học kỳ, nhà trường cũng chẳng thể tiếp tục, pháp sư Hiền Minh cũng bỏ đi luôn. Sau này, bọn họ ở bên đó chuyên lo kinh sám, rất đáng tiếc!

Vì vậy, chúng ta phải học theo cổ nhân, theo một vị thầy, tức là vị thầy mà quý vị cảm thấy tôn kính nhất. Liên Trì đại sư đã nêu gương cho chúng ta. Thuở ấy, thiên sư Biện Dung hết sức lỗi lạc. Khi Tổ đến gặp Ngài, tam bộ nhất bái, đến lạy dưới tòa lão hòa thượng, thỉnh lão hòa

thượng khai thị. Lão hòa thượng thấy Tổ cung kính như vậy, chỉ nói với Tổ một câu: “*Ngươi đừng để danh lợi làm hại*”, người bên cạnh [lão hòa thượng] nghe xong cười ha hả, vì sao? Tam bộ nhất bái từ chôn xa xôi đường ấy đến nơi, chỉ được dạy một câu tầm thường tẻ nhạt như vậy, mọi người đều cười nhạo Tổ. Tổ bèn bảo bọn họ: “Tôi nhờ một câu nói này mà đạt được lợi ích cả đời!” Có thể thấy lão nhân gia thường giáo huấn người khác như vậy, người khác không được hưởng lợi ích vì đã coi thường câu ấy, nghe mỗi ngày, giống như gió thoảng qua tai, chẳng lưu ý. Tổ nghe câu này bèn nhớ kỹ trong lòng, suốt đời chẳng phạm lỗi lầm ấy, suốt đời tránh né tiếng tăm, lợi dưỡng. Do vậy, Tổ trở thành nhất đại cao tăng, thành tựu vượt trời thiên sư Biến Dung. Đây chính là “*mười phần cung kính*” như tổ Ấn Quang đã dạy, từ câu này Ngài “*được mười phần lợi ích*”, đạt được lợi ích viên mãn, hết sức khó có!

(Sao) Hữu dĩ Thật Tướng chi Lý, thử chung bất dị danh Như, như Lý nhi thuyết danh Thị.

(鈔) 有以實相之理，始終不異名如，如理而說名是。

(Sao: Có người coi lý Thật Tướng từ đầu đến cuối chẳng sai khác là Như, nói đúng như Lý là Thị).

Cách nói này hoàn toàn dựa vào Lý Thể của chân tánh để luận định Như và Thị, cả hai chữ đều được giảng theo Lý, đều luận theo lý tánh.

(Sao) Như Thiên Thai sở thuyết.

(鈔) 如天台所說。

(Sao: Như tông Thiên Thai đã nói).

Đây là tông Thiên Thai. Tông Thiên Thai lấy kinh Pháp Hoa làm chủ tu (pháp tu chánh yếu).

(Sao) Hữu dĩ Như vi Chân Không, Thị vi Diệu Hữu.

(鈔) 有以如為真空，是為妙有。

(Sao: Có người coi Như là Chân Không, Thị là Diệu Hữu).

Tông Thiên Thai nói như vậy. Thiên Thai là Không Tông, Hoa Nghiêm là Hữu Tông; nhưng các vị tổ sư tông Thiên Thai đều niệm Phật, cầu vãng sanh Tịnh Độ; tuy những vị như Trí Giả đại sư suốt đời hoằng dương kinh Pháp Hoa, giảng lý luận Không Tông, soạn Ma Ha Chỉ Quán để dạy phương pháp tu hành này, lão nhân gia tự viết Ma Ha Chỉ Quán để

dạy người khác tu, nhưng chính Ngài niệm Phật cầu vãng sanh, chúng ta phải hiểu rõ điều này. Rất nhiều vị tổ sư tông Thiên Thai niệm Phật cầu vãng sanh, như pháp sư Đế Nhàn, pháp sư Đàm Hư trong thời cận đại, đều niệm Phật cầu vãng sanh.

(Sao) Địch phá ngoại đạo đoạn thường nhị kiến.

(鈔) 敵破外道斷常二見。

(Sao: Phá trừ hai kiến chấp Thường và Đoạn của ngoại đạo).

Cách nói ấy của tông Thiên Thai nhằm phá trừ Thường Kiến và Đoạn Kiến của ngoại đạo.

(Sao) Như Thanh Lương chiết trung chư gia sở thuyết, dư thuyết thượng đa, khứng phiên bất dân.

(鈔) 如清涼折衷諸家所說，餘說尚多，恐繁不引。

(Sao: Như ngài Thanh Lương chọn lọc, dung hòa những thuyết của các vị ấy, còn có rất nhiều thuyết khác, sợ rườm rà nên chẳng dẫn ra đây).

Nếu trích dẫn [trọn đủ] sẽ phiền lắm, quá nhiều!

(Sao) Dĩ thượng các hữu ý nghĩa, tiểu dị đại đồng, tịnh vô tương ngại.

(鈔) 以上各有意義，小異大同，並無相礙。

(Sao: Các ý nghĩa được nhắc đến trên đây, khác nhau đôi chút, nói chung là tương đồng, trọn chẳng trở ngại lẫn nhau).

Nếu đọc nhiều thì những điều này đều thuộc loại kiến thức Phật học thông thường; vì thế, những cách nói [khác biệt vừa dẫn trên đây] thật sự là đại đồng tiểu dị, tuyệt đối chẳng trái nghịch chân lý.

(Sao) Dĩ Tông giản định giả.

(鈔) 以宗揀定者。

(Sao: Dùng Tông của hành nhân đang tu tập để biện định, chọn lựa).

Đây là dựa trên tông phái, bản thân chúng ta đang tu học tông nào hay pháp môn nào, bèn dùng giáo nghĩa trong tông ấy hoặc môn ấy để chọn lựa, biện định, sẽ đạt được lợi ích lớn nhất.

(Sao) Như Thị nhị nghĩa, tùy tông dĩ định.

(鈔) 如是二義，隨宗以定。

(Sao: Ý nghĩa của hai chữ Như Thị sẽ tùy theo tông [ta đang tu học] để biện định ý nghĩa).

Mỗi tông có một cách giảng riêng theo tông ấy.

(Sao) Kim thử kinh tông hồ nhất tâm.

(鈔) 今此經宗乎一心。

(Sao: Nay kinh này đề cao nhất tâm).

Bản kinh này lấy “nhất tâm bất loạn” làm Tông.

(Sao) Lương điều chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn. Nhất tâm, tức phi sanh, phi diệt, vô khứ, vô lai, tràm nhiên thường trụ.

(鈔) 良繇執持名號，一心不亂。一心，則非生非滅，無去無來，湛然常住。

(Sao: Bởi lẽ, chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn. Nhất tâm chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi, trong lặng, thường trụ).

Điều này là đúng, quý vị phải liễu giải điều này. Nay chúng ta thấy hết thấy các pháp trong thế giới này đều là sanh diệt, vô thường. Vì sao có hiện tượng này? Vì tâm chúng ta sanh diệt, vô thường; tâm sanh diệt thấy cảnh giới bên ngoài sanh diệt, tâm vô thường thấy vạn pháp vô thường. Nói thật ra, chẳng phải là vạn pháp có sanh diệt hay vô thường! Nếu nói vạn pháp là sanh diệt, vô thường, sai mất rồi! Đạo lý này rất khó hiểu, chúng ta có thể nêu tỷ dụ để nói, giống như hiện thời chúng ta chiếu phim, nhìn vào TV sẽ chẳng dễ thấy, nhưng chiếu phim sẽ dễ nhìn ra! Quý vị thấy phim ảnh, nay chúng ta thường sử dụng máy quay phim loại nhỏ không chuyên nghiệp, trong một giây thường chụp được hai mươi bốn “pô”, tức là hai mươi bốn tấm phim được chụp liên tục [trong một giây]. Mỗi khi ống kính mở đóng một lần, ống kính mở ra, chúng ta xem như một tấm phim được sanh ra, ống kính đóng lại, ta bảo tấm phim diệt. Một giây, ống kính đóng mở hai mươi bốn lần, tức là hai mươi bốn lần sanh diệt. Hình ảnh được chiếu lên [ví như] tường bên ngoài, [mỗi giây] chiếu hai mươi bốn tấm [khác nhau], tường bên ngoài có sanh diệt hay không? Chẳng có, nhưng ống kính đóng hay mở là có sanh diệt. Vì nó đóng hay mở, nên chiếu cuộn phim này giống như có sanh có diệt. Nếu chúng ta

chẳng dùng đến sự đóng mở ấy, mà trực tiếp nhìn vào [từng tấm ảnh trong cuộn phim] sẽ chẳng thấy tướng sanh diệt.

Trong tâm chúng ta, mỗi giây “đóng mở” (sanh diệt) bao nhiêu lượt? Trong kinh, đức Phật đã nêu ra một tỷ dụ, Ngài nói một cái khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, tức là [một sát-na] bằng một phần sáu mươi [thời gian] khảy ngón tay một lần. Đại khái, chúng ta khảy nhanh một tí, trong một giây có thể khảy bốn lần, chúng ta có thể khảy được như thế. Trong một giây khảy bốn lần, bốn nhân sáu mươi thì trong một sát-na có bao nhiêu lần sanh diệt? Đức Phật nói mỗi niệm trong tâm chúng ta có chín trăm lần sanh diệt. Chư vị lại nhân lên xem, chín trăm nhân với sáu mươi nhân với bốn [thành hai trăm mười sáu ngàn lần sanh diệt]. Máy chiếu phim mỗi giây rọi hai mươi bốn tấm phim lên màn bạc, quý vị đã ngỡ là thật, chẳng thấy nó là giả. Nay chúng ta nhìn hiện tượng bên ngoài, trong một giây có hai mươi một vạn sáu ngàn lần (216.000) sanh diệt, làm sao thấy được chân tướng của tướng cảnh giới bên ngoài? Nhìn chẳng ra! Chẳng thấy chân tướng! Thật sự đạt đến nhất tâm, nhất tâm là chẳng có tâm sanh diệt trong ấy, sanh diệt đã đoạn rồi, đó là chân tâm.

Dùng chân tâm để nhìn cảnh giới bên ngoài thì cảnh giới bên ngoài như thế nào? Bất sanh, bất diệt. Vì vậy, trong kinh Pháp Hoa, đức Phật đã dạy: “*Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ (bất hoại)*” (pháp ấy trụ nơi pháp vị, tướng thế gian thường trụ (chẳng hư hoại)), tức là Ngài dạy chúng ta: Hết thấy các hiện tượng bất sanh, bất diệt. Nếu quý vị nghĩ tướng ấy có sanh, có diệt, quý vị đã nhìn sai mất rồi! Nếu quý vị thấy hết thấy các pháp bất sanh bất diệt, đây là Thật Tướng của các pháp. Ai có thể thấy Thật Tướng của các pháp? Đạt tới nhất tâm bất loạn sẽ thấy Thật Tướng của các pháp. Thấy Thật Tướng của các pháp, thế giới ấy cũng chẳng gọi là mười pháp giới, mà gọi là Nhất Chân pháp giới. Như vậy thì Nhất Chân pháp giới ở chỗ nào? Ở ngay trước mặt chúng ta. Chúng ta dùng máy chiếu phim đem chiếu lên màn bạc để nhìn, đây chính là mười pháp giới; bỏ máy móc đi, bỏ sạch, không cần tới nó, sẽ là Nhất Chân pháp giới. Nay chúng ta chẳng dùng cái tâm sanh diệt ấy, thế giới vốn là Nhất Chân. Chẳng phải là nói ngoài mười pháp giới có một cái Nhất Chân, chẳng phải vậy! Mười pháp giới và Nhất Chân pháp giới là một, không hai, tùy thuộc quý vị dùng tâm gì để nhìn. Quý vị dùng tâm sanh diệt, sẽ thấy mười pháp giới; dùng tâm bất sanh bất diệt để nhìn, pháp giới ấy sẽ là Nhất Chân pháp giới, bởi lẽ, chân tướng sự thật là như vậy. Vì thế, quý vị có thể trở lại quá khứ, cũng có thể lập tức tới vị lai, vì sao? Ba đời là một, không hai. Quý vị có phân biệt, nên mới có ba đời, mới có quá khứ,

hiện tại, vị lai; không có phân biệt, sẽ chẳng có ba đời! Do vậy, quý vị có thể trở lại quá khứ, mà cũng có thể đến vị lai. Đây là nói “*phi sanh, phi diệt, vô khứ, vô lai*” (chẳng sanh, chẳng diệt, không đến, không đi), chẳng có đến hay đi.

“*Trạm nhiên thường trụ*”: Trạm nhiên (湛然) là tử dụ. Trong kinh Phật thường dùng bình ngọc lưu ly thanh tịnh làm tử dụ. Lưu Ly: Nay chúng ta gọi ngọc Lưu Ly được nói trong kinh Phật là ngọc Phỉ Thúy (Jadeite). “*Pha lê*” (Sphatika) được nhắc đến trong kinh chính là “*thủy tinh*” trong hiện thời. Thời cổ chưa phát minh ra pha lê, thủy tinh [thuở đó] là chất pha lê trong thiên nhiên. Những khoáng vật trên quý ấy thanh tịnh, trong ấy chẳng có một tí gì dơ bẩn, giống như bình bằng ngọc Lưu Ly đựng nước, trong ngoài sạch sẽ, khiết tịnh! Đây là ý nghĩa của chữ “*trạm nhiên*”. Điều này ví như Chân Như bản tánh của chúng ta. Nói thật ra, Chân Như bản tánh chẳng có mảy may ô nhiễm nào! Nay chúng ta nói nó bị nhiễm bẩn, đó là đức Phật nói phương tiện, chẳng phải là thật sự ô nhiễm! Thật sự ô nhiễm thì làm sao có thể đoạn được? Làm sao còn có thể trừ khử được? Do vậy, mê chỉ là mê bề ngoài, tuyệt đối chẳng phải là mê Chân Như bản tánh, không phải vậy. Chúng ta nói “ô nhiễm” thì chắc chắn chẳng phải là Chân Như bản tánh bị ô nhiễm. Đến tột cùng mê ở chỗ nào? Ô nhiễm ở chỗ nào? Thưa quý vị, quý vị chú tâm tìm tòi, sẽ chẳng tìm được! Chính vì chẳng tìm được, nên đức Phật mới bảo mê và ô nhiễm là hư vọng, chẳng thật! Nếu là thật, sẽ nhất định tìm được. Quý vị tìm không được, nên nó mới là hư vọng. Vì vậy, gọi là “mê vọng”, mê chẳng phải là thật, mê là hư vọng.

Đã biết là hư vọng thì nhất định có thể rời khỏi cái mê ấy, có thể đoạn sạch nó. Giác là thật, bản tánh là thật, thanh tịnh là thật, nên chắc chắn có thể khôi phục. Đến lúc nào sẽ khôi phục? Nói thật ra là trong một niệm! Nhất niệm hoằng nhiên đại ngộ sẽ ngay lập tức khôi phục. Vì thế, Phật pháp mâu nhiệm ở chỗ này, khiến cho quý vị giác ngộ. Sau khi giác ngộ, sẽ được gọi là “phá mê, khai ngộ”. Mê ấy về căn bản là giả, chẳng thể tìm được! Chẳng hạn như quý vị nói: “Trong tâm tôi buồn phiền quá, phiền não! Có phương pháp gì để có thể đoạn phiền não hay chăng?” Có phương pháp! Quý vị hãy tìm cho ra phiền não để tôi nhìn thấy, tôi sẽ đoạn nó giùm quý vị. Quý vị có thể tìm được phiền não hay không? Kết quả là quý vị tìm cách nào cũng chẳng tìm được. Tìm chẳng được phiền não thì về căn bản là không có phiền não! Đây là chân tướng tỏ lộ.

Thuở ấy, Huệ Khả đại sư là Nhị Tổ của Thiên Tông tuy xuất gia tu hành, nhưng tâm bất an, phiền não rất nặng. Ngài rất hy hữu, thấy Tổ Đạt

Ma từ Ấn Độ sang, ngồi nhìn vách suốt chín năm tại chùa Thiếu Lâm, công phu Thiền Định rất sâu, nên thỉnh Tổ hãy dạy Ngài. Về căn bản, Tổ Đạt Ma không đoái hoài ngài Huệ Khả. Ngài Huệ Khả thấy Đạt Ma tổ sư không quan tâm tới, khi đó, mùa Đông, trời đang đổ tuyết, Ngài dùng đao chặt đứt một cánh tay, tay phải cầm cánh tay trái dâng lên cúng dường Tổ Đạt Ma. Ngài Đạt Ma ngó lại: “Vi sao người làm như thế?” Ngài thưa: “Tâm con bất an, xin lão nhân gia an tâm cho con”. Đạt Ma tổ sư duỗi tay ra, nói: “Được rồi, người lấy cái tâm ra cho ta coi. Ta sẽ an nó cho người”. Lúc ấy, ngài Huệ Khả mới hỏi quang phản chiếu, tìm mãi chẳng được, tâm chỗ nào vậy? Cuối cùng, trả lời Đạt Ma tổ sư: “Con tìm tâm, nhưng chẳng thể tìm được!” Đạt Ma tổ sư nói: “Ta đã an tâm cho người rồi”. Ta thay người an cái tâm rồi, người tìm chẳng được, tìm không được tức là nó không có! Người còn cái gì để có thể bất an nữa đây? Do câu nói ấy, tổ Huệ Khả bèn khai ngộ và trở thành tổ sư đời thứ hai của Thiền Tông.

Quý vị thật sự có phiền não, quý vị có thể dùng cách này: Lấy phiền não ra, tìm ra nó cho tôi xem, phiền não của quý vị ở chỗ nào? Có hình dạng giống như thế nào? Là vuông, tròn, hay dẹp? Tìm cho ra để coi thử, nó là vàng, đỏ, hay xanh lá cây? Quý vị có thể tìm ra hay chẳng? Tìm không ra, về căn bản là chẳng có chuyện này, tức là quý vị mê hoặc, điên đảo! Hễ quý vị ngộ thì điều gì cũng chẳng có. Do vậy, đức Phật giảng lẽ thật cùng quý vị, pháp chân thật là như vậy đó. Đây là “*trạm nhiên thường trụ, chân tâm thường trụ*”. Trong hội Lăng Nghiêm, tôn giả A Nan rất lỗi lạc, Ngài suy nghĩ đến bảy chỗ đều nghĩ chẳng đúng! Ngài thưa trình những chỗ Ngài nghĩ tâm ở đó, đức Phật bèn dạy: “Ông tìm cái tâm ra cho ta coi”. Tìm bảy chỗ, Phật đều bác bỏ, đều sai cả, đúng là tìm tâm trọn chẳng thể được. Do vậy, [đoạn văn giảng về] bảy chỗ gạn tâm [trong kinh Lăng Nghiêm] đích xác là khai trí huệ. Đó là nói về nhất tâm bất loạn, dùng mấy câu này để miêu tả hình dạng của nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn được gọi là Như.

(Sao) Hựu thử nhất tâm, tứ quá ly, bách phi tuyệt, cố danh viết Thị.

(鈔) 又此一心，四過離，百非絕，故名曰是。

(Sao: Lại nữa nhất tâm ấy, lìa bốn lỗi, dứt trăm điều sai, nên gọi là Thị).

Trong kinh nói đến “*tứ quá, bách phi*” rất nhiều. Đức Phật nêu ra thí dụ này, có thể nói là đã bao quát tất cả vọng tưởng của chúng ta. “*Quá*”

là quá thất (過失: lầm lỗi), [tứ quá] là bốn thứ lầm lỗi. Chúng tôi tùy tiện nêu lên một thứ để nói, chẳng hạn như Thị Phi. Thị (是: đúng) là cái thứ nhất, Phi Thị (非是: chẳng đúng) là cái thứ hai. Diệc Thị Diệc Phi (亦是亦非: vừa đúng, vừa sai) là cái thứ ba, Phi Thị Phi Phi (非是非非: chẳng phải đúng, chẳng phải sai) là cái thứ tư. Những thứ ấy gọi là Bốn Thứ Lầm Lỗi Căn Bản. Tâm thanh tịnh há có Thị, Phi? Hễ có Thị thì tương phản của nó là Phi, thiết lập sự tương đối, Thị cũng là trật! Thị và Phi thấy đều chẳng có thì mới không có lầm lỗi; nhưng quý vị thấy đều chẳng có, hễ còn có ý niệm này (tức ý niệm “mọi thứ thấy đều chẳng có”), quý vị vẫn chưa thanh tịnh! Do vậy, Song Diệc và Song Phi (Diệc Thị Diệc Phi và Phi Thị Phi Phi) đều là lầm lỗi, đây là nêu ra một trường hợp để nói!

Nêu ra bất cứ câu nào, thì sự tương đối được kiến lập đều có đủ bốn câu. Trong mỗi câu thuộc bốn câu ấy, quý vị phỏng theo lệ ấy để suy diễn, [thì trong mỗi câu] lại có bốn câu, nên biến thành bốn lần bốn là mười sáu câu. Đối với mười sáu câu thì quá khứ có mười sáu câu, hiện tại có mười sáu câu, vị lai có mười sáu câu, cho nên biến thành bốn mươi tám câu. Đối với bốn mươi tám câu, lại có bốn mươi tám câu đã đầy niệm, và bốn mươi tám câu chưa đầy niệm, gộp lại thành chín mươi sáu câu. Chín mươi sáu câu ấy kể cả bốn câu căn bản hợp thành một trăm câu, nên gọi là Bách Phi. Từ ngữ này bao quát tất cả hết thấy vọng tưởng. Tất cả vọng tưởng suốt ngày từ sáng đến tối của quý vị chẳng ra ngoài nguyên tắc “*tứ cú bách phi*” này! Quý vị mỗi ngày đầy vọng tưởng, hết thấy đều là hư vọng, trong nhất tâm bất loạn không có, những thứ ấy thấy đều chẳng có, nên gọi là Thị. Đó là dùng nghĩa lý “*nhất tâm bất loạn*” trong kinh này để giải thích.

(Sao) *Di thử sở minh, bất đắc xưng Thị.*

(鈔) 異此所明，不得稱是。

(Sao: Những gì khác với những điều được nêu lên ở đây sẽ chẳng được gọi là Thị).

Nếu nói khác với cách giải thích này, sẽ chẳng phải là cách giảng trong tông này. Đối với tông này, cách giảng hai chữ Như Thị [như vừa đã nêu trên đây] là hợp lý nhất; đó cũng là sự thụ dụng tốt nhất trong sự tu học pháp môn này. Hai chữ Như Thị được giới thiệu đến đây [là xong], dưới đây là giảng về Ngã Văn.

(Sao) *Ngã văn giả, Văn Thành Tự dã.*

(鈔) 我聞者，聞成就也。

(Sao: “Tôi nghe” là Văn Thành Tựu).

Trong sáu thứ thành tựu, món thứ hai là Văn Thành Tựu.

(Sao) Ngã giả, tự ngã.

(鈔) 我者自我。

(Sao: Ngã là tự mình).

Là chính mình.

(Sao) Văn giả, thân văn, tự ngã thân văn, phi tư thực cố, phi độc cố cố.

(鈔) 聞者親聞，自我親聞，非私淑故，非讀古故。

(Sao: “Nghe” là đích thân nghe, chính mình đích thân nghe, chẳng phải là do được nghe truyền lại, chẳng phải do đọc tác phẩm của cố nhân).

[Nói “ngã văn”] nhằm phân biệt với “tư thực” và “độc cố”. [“Tư thực” và “độc cố”] chẳng phải là đích thân nghe, mà là nghe truyền lại, nghe lời truyền thuật lại. “Độc cố” là đọc sách, chúng ta đọc sách của cố nhân, biết một số chuyện, nhưng chẳng phải là chính tai ta nghe, mà là nghe thuật lại! “Tư thực”: Trong Phật môn và Nho gia đều có “tư thực đệ tử”, tức là học theo cố nhân. Chúng tôi cũng thường đề xướng điều này, vì hiện thời chẳng có những vị đại đức tại thế, chúng ta phải làm như thế nào thì mới có thể thành tựu? Chúng ta học theo cố nhân. Chẳng hạn như chúng ta muốn học kinh Di Đà, mà chẳng tìm được một vị thầy giỏi, nhưng bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư vẫn còn, chúng ta noi theo Sớ Sao để học kinh Di Đà, làm đệ tử của Liên Trì đại sư; đó gọi là “tư thực đệ tử”. Chẳng phải do Ngài đích thân dạy bảo chúng ta, nhưng trước tác của Ngài vẫn còn, chúng ta học từ văn tự của Ngài, đó gọi là “tư thực đệ tử”. Từ xưa tới nay, người dùng phương pháp này, tu thành công vô cùng nhiều. Ngẫu Ích đại sư học theo ngài Liên Trì, là tư thực đệ tử của Liên Trì đại sư, vì lúc ấy, Liên Trì đại sư đã vắng sanh. Ngài Ngẫu Ích học bộ Sớ Sao, trở thành nhất đại tổ sư của Tịnh Độ Tông, Ngài học thành công.

Phải như thế nào mới là tư thực đệ tử thật sự? Giống như thuở trước bái sư, người ấy vô cùng kính phục thầy, bội phục đến năm vóc gieo xuống đất, muôn theo Ngài. Học bao nhiêu năm? Phải học mười năm, hai mươi

năm, ba mươi năm, chuyên học với một vị thầy. Chẳng hạn như quý vị muốn làm tư thực đệ tử của Liên Trì đại sư, làm bạn đồng học với Ngẫu Ích đại sư, tối thiểu quý vị phải đọc bộ Di Đà Kinh Sớ Sao của Liên Trì đại sư mười năm. Tác phẩm này chỉ có bốn quyển, kể cả kinh và sớ, mỗi ngày quý vị đọc một lượt, đọc hằng ngày, đọc suốt mười năm, tôi thấy quý vị cũng chẳng kém Ngẫu Ích đại sư, cũng sẽ trở thành nhất đại tổ sư của Tịnh Độ Tông, thật đấy, chẳng giả đâu! Học theo lời dạy của một vị, theo một thầy, lúc đó mới gọi là “tư thực đệ tử”. Hôm nay ta đọc tác phẩm này, mai xem tác phẩm khác, chẳng thể gọi là “tư thực đệ tử” được. Theo chắc chắn một vị thầy, phải theo suốt mười năm, hai mươi năm, tối thiểu là mười năm, chẳng thể ít hơn mười năm. Mỗi ngày đọc sách này, mỗi ngày đọc một lần, đọc suốt mười năm sẽ khai ngộ, thật sự đạt được nhất tâm bất loạn.

(Sao) Tự ngã thân văn giả, tự giản phi kỹ, thân giản phi diện, cái thị kỹ cung diện thọ chi thuyết dã.

(鈔)自我親聞者，自揀非己，親揀非面，蓋是己躬面受之說也。

(Sao: “Tự mình đích thân nghe”: Chữ Tự nhằm tách biệt với trường hợp chẳng phải do chính mình [nghe nhận], chữ Thân nhằm tách biệt với trường hợp vắng mặt (chỉ nghe nói lại), tức là chính mình đối trước mặt, vâng nhận lời dạy của [đức Thế Tôn]).

“Tự ngã thân văn”: Chính mình nghe nói, được thầy trực tiếp chỉ dạy.

(Sao) Tư thực giả, Mạnh Tử vân: “Dư vị đắc vi Khổng Tử đồ dã, dư tư thực chư nhân dã.

(鈔)私淑者，孟子云：予未得為孔子徒也，予私淑諸人也。

(Sao: “Tư thực”, Mạnh Tử nói: “Ta chưa được làm học trò Khổng Tử, ta học lại với các môn đệ của Ngài”)⁵¹.

⁵¹ Câu nói này trích từ thiên Ly Lâu Hạ trong sách Mạnh Tử. Triệu Kỳ chú giải: “Thực, thiện dã. Ngã tư thiện chi vu hiền nhân nhĩ, cái hận kỳ bất đắc học vu đại thánh nhân dã” (Thực là tốt lành, tôi mong được tốt lành như bậc hiền nhân, tiếc rằng chẳng được học với bậc đại thánh nhân). Dựa trên câu chú giải này, các nhà nghiên cứu Khổng Học cho rằng chữ “tư thực” mang ý nghĩa tiếc hận vì không được trực tiếp nghe giảng

“Đồ” (徒) là học trò. Ngài không sống cùng một thời đại với Khổng Tử, Khi Mạnh Tử sinh ra, Khổng lão phu tử đã qua đời, chẳng còn ở trên đời. Do vậy, chẳng thể làm học trò Khổng lão phu tử. “*Dur tur thực chư nhân*”: Tự mình hướng về các môn sinh của Khổng lão phu tử học tập, tức là được nghe những lời truyền dạy lại, chứ không trực tiếp tiếp nhận [giáo huấn của thầy].

(Sao) Thích viết.

(鈔) 釋曰。

(Sao: Giảng rằng).

Giải thích.

(Sao) *Dĩ Mạnh Tử phi thân kiến Khổng Tử, nãi thọ nghiệp Khổng Tử chi hậu nhân, nhi tư kỳ đạo, dĩ thiện kỳ thân giả dã.*

(鈔) 以孟子非親見孔子，乃受業孔子之後人，而私其道，以善其身者也。

(Sao: Do Mạnh Tử chẳng đích thân gặp Khổng Tử, mà theo học với hậu duệ của Khổng Tử, tự mình dùng đạo ấy để tu thân trở thành tốt lành vậy).

Đó gọi là “*tư thực đệ tử*”, chẳng do thầy đích thân truyền dạy.

(Sao) *Độc cổ giả, Tề Hoàn Công độc thư ư đường thượng, luân nhân dĩ vi sở đọc giả, cổ nhân chi tao phách nhĩ.*

(鈔) 讀古者，齊桓公讀書於堂上，輪人以為所讀者，古人之糟粕耳。

(Sao: “*Độc sách cổ*”: Tề Hoàn Công đọc sách nơi nhà trên, người thợ làm bánh xe ché nhà vua đọc sách như vậy là nhai bã của cổ nhân).

Chuyện này phê phán Tề Hoàn Công⁵². Tề Hoàn Công là chư hầu, tức là hoàng đế [nước Tề] thời ấy, đọc sách. “*Luân nhân*” là người làm

dạy, nay cảm thấy may mắn được học và làm theo di huấn của thầy để trở thành hiền thiện như thầy.

⁵² Tề Hoàn Công là một trong Ngũ Bá thời Xuân Thu, vua đời thứ mười lăm của nước Tề, tên thật là Khương Tiểu Bạch, là con trai của Tề Hy Công, em trai Tề Tương Công.

công, là một anh thợ [làm bánh xe]. Anh ta nghe nhà vua đọc sách, bèn phê phán: “Những điều nhà vua đọc chẳng phải là tinh hoa, cốt lõi của cổ nhân, mà là đọc cặn bã của cổ nhân”. Đây là một điển cố, dưới đây là lời giải thích.

(Sao) Dĩ Hoàn Công phi diện đối cổ nhân, cổ nhân dĩ vãng, vi đồ độc kỳ di ngôn giả dã.

(鈔) 以桓公非面對古人，古人已往，為徒讀其遺言者也。

(Sao: Bởi lẽ Hoàn Công chẳng gặp mặt cổ nhân, cổ nhân đã qua đời rồi, chỉ uống công đọc di ngôn của họ).

Nói thật ra, câu này chính là như chúng ta thường nói: “*Ăn chẳng tiêu*”. Hằng ngày đọc, nhưng chẳng thể tiêu hóa, đọc những thứ ấy chẳng có tác dụng gì! Chúng ta đọc kinh Phật cũng vậy, nếu quý vị chẳng thể tiêu hóa ý nghĩa (lãnh hội ý nghĩa chân thật) của kinh điển, cổ nhân bảo là “*chết cứng nơi từng hàng chữ*”. Chẳng thà không đọc sách! Nếu nói khó nghe hơn, sẽ là đọc sách trở thành đần, đọc sách lâu ngày biến thành kẻ ngây ngốc vì sách, sai mất rồi! Tề Hoàn Công đọc sách nhưng chẳng tiêu hóa được, nên bị anh thợ chê cười!

(Sao) Kim A Nan cung phùng chí thánh, phi tư thực dã, hợp thượng tự ngã.

(鈔) 今阿難躬逢至聖，非私淑也，合上自我。

(Sao: Nay ngài A Nan đích thân gặp gỡ bậc chí thánh, chẳng phải là “tư thực”, điều này phù hợp với ý nghĩa “tự ngã” trong phần trên).

Tranh giành ngôi vua với công tử Củ thành công, Tề Hoàn Công được Quản Trọng phò tá, áp dụng những chính sách tiên bộ, phát triển nông thương nghiệp, biến nước Tề thành một cường quốc, triệu tập các nước như Tống, Trần v.v... kết minh, chín lần triệu tập chư hầu, trở thành Minh Chủ đầu tiên của chư hầu, chinh phạt các sắc dân thiểu số ở ngoài quan ải như Sơn Nhung, Nhung Địch, đánh bại nước Sở, trở thành bá chủ Trung Nguyên. Tiếc là về già, Tề Hoàn Công trở thành hôn ám, sủng nịnh bọn xu phụ bất tài như Dịch Nha, Thụ Điêu, khiến triều chánh rối ren. Cuối đời, khi ông lâm bệnh, năm người con trai là Công Tử Vô Khuy, Công Tử Chiêu, Công Tử Phan, Công Tử Nguyên, Công Tử Thương giành ngôi, bèn xây bít cung điện của vua cha, không cho người vào thăm, khiến Tề Hoàn Công bị chết đói. Năm vị công tử lo đánh nhau giành ngôi đến nỗi xác Tề Hoàn Công bị bỏ mặc suốt sáu mươi ngày, rữa nát, giòi bò đầy lên cửa sổ.

Ngài A Nan sống cùng một thời đại với Thích Ca Mâu Ni Phật, làm đệ tử Phật, mỗi ngày tự mình nghe Phật thuyết pháp. Do vậy, Ngài chẳng phải là tư thực đệ tử của đức Phật!

(Sao) A Nan nhĩ linh chí giáo, phi độc cổ dã, hợp thượng thân văn.

(鈔) 阿難耳聆至教，非讀古也，合上親聞。

(Sao: Ngài A Nan đích thân nghe giáo lý tột bậc, chẳng phải là đọc sách của cổ nhân, phù hợp với ý nghĩa “thân văn” trong phần trên).

Ngài đích thân nghe Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, cho nên chẳng phải là đọc sách cổ.

(Sao) Tự ngã thân văn, kim dĩ cáo chúng, tiện ưng tín thọ, cánh phục hà thuyết.

(鈔) 自我親聞，今以告眾，便應信受，更復何說。

(Sao: Do chính mình đích thân nghe, nay thuật lại với đại chúng, họ liền tin nhận, chẳng còn nói gì nữa!)

Đây là chúng tín cho chúng ta, chẳng phải là Ngài nghe thuật lại, chẳng phải là đọc sách cổ rồi xen lẫn kiến giải của chính mình vào đó, mà là trực tiếp nghe lời Phật dạy, nhắc lại lời Phật, đúng như lời Phật nói.

(Sớ) Thánh nhân vô ngã, kim hà xưng Ngã?

(疏) 聖人無我，今何稱我？

(Sớ: Thánh nhân vô ngã, sao nay xưng là Ta?)

Trong Phật pháp, điều thứ nhất là phải phá Ngã Chấp. Nếu chẳng phá Ngã Chấp, sẽ không thể thoát khỏi tam giới; nói cách khác, chắc chắn luân hồi trong lục đạo, chẳng thể thoát được! Nếu chẳng phá Pháp Chấp, sẽ chẳng thể kiến tánh. Do lẽ đó, hàng A La Hán phá Ngã Chấp, chưa phá Pháp Chấp, nên các Ngài vượt thoát lục đạo luân hồi, nhưng chẳng thể kiến tánh. Vì thế, cả hai thứ chấp trước Ngã và Pháp đều phải phá, đặc biệt là phá Ngã Chấp được xếp vào vị trí thứ nhất. Chúng ta niệm Phật thì chư vị phải biết, đối với “nhất tâm bất loạn” được nói trong phần sau kinh này, để giảng bốn chữ ấy, trong tác phẩm [Sớ Sao] này, Liên Trì đại sư đã dành tới nửa quyển văn tự để chú sớ. Bản chú giải của Ngài gồm tất cả

bốn quyền; nói cách khác, [Ngài đã dùng tới] một phần tám văn tự [trong toàn bộ bản chú giải] để giải thích “*nhất tâm bất loạn*”. Quý vị bèn hiểu bốn chữ ấy là một câu trọng yếu nhất trong kinh này. Nhất tâm bất loạn có hai loại là Sự nhất tâm và Lý nhất tâm. Niệm thế nào thì mới có thể đạt đến Sự nhất tâm? Phá Ngã Chấp là Sự nhất tâm, phá Pháp Chấp là Lý nhất tâm. Có thể thấy phá Ngã Chấp rất trọng yếu!

Ngài A Nan là thánh nhân, lúc kết tập kinh điển, Ngài đã chứng Tứ Quả; chứng Tứ Quả, chưa phá Pháp Chấp, nhưng chắc chắn đã phá Ngã Chấp; có sao Ngài vẫn nói “Ta”? Tiếp theo đây là lời giải thích cho lời cật vấn “*thánh nhân vô ngã, kim hà xưng Ngã*” (thánh nhân vô ngã, nay sao lại xưng là Ta), [Liên Trì đại sư] trích dẫn lời giảng của Đại Trí Độ Luận.

(Sớ) Trí Luận hữu tam.

(疏) 智論有三。

(Sớ: Đại Trí Độ Luận nêu ra ba điều).

Đại Trí Độ Luận đã nêu ra ba lý do.

(Sớ) Nhất, tùy thế gian cố.

(疏) 一、隨世間故。

(Sớ: Một, do thuận theo thế gian).

Nhằm thuận tiện trao đổi ý kiến, thuận tiện giáo hóa chúng sanh, nếu chẳng dùng danh xưng Ta, sẽ chẳng có cách nào dạy người khác. Vì lợi ích chúng sanh, tôi tùy thuận thế gian. Quý vị gọi thứ này là Ta thì tôi cũng nói là Ta!

(Sớ) Nhị, phá tà kiến cố.

(疏) 二、破邪見故。

(Sớ: Hai là do phá tà kiến).

Nếu chúng Vô Ngã, nhưng chính mình đối với người khác cũng chẳng thừa nhận, phủ định Ngã, sẽ trở thành tà tri tà kiến, không thể được!

(Sớ) Tam, bất trước Vô Ngã cố.

(疏) 三、不著無我故。

(Sớ: Ba, do chẳng chấp trước Vô Ngã).

Chẳng chấp trước Ngã, mà cũng chẳng chấp trước Vô Ngã, tới lúc ấy mới thật sự là đoạn Ngã Chấp.

(Sớ) Dĩ thị tam giả, bất ngại thuyết Ngã, hựu Pháp Thân chân ngã, diệt đắc xưng Ngã.

(疏) 以是三者，不礙說我，又法身真我，亦得稱我。

(Sớ: Do ba điều ấy, chẳng ngại nói đến Ngã. Hơn nữa, Pháp Thân là Chân Ngã, nên cũng có thể nói Ngã).

Nếu thật sự thấy Pháp Thân, xác thực là Thường - Lạc - Ngã - Tịnh, bốn ý nghĩa ấy là chân thật, chẳng giả. Nay vì sao đức Phật dạy chúng ta phá Ngã Chấp? Chúng ta chưa thấy Pháp Thân. Chưa thấy Pháp Thân thì khái niệm Ngã của chúng ta là giả, chẳng thật! Ý nghĩa này rất ư là sâu! Trong phần sau của bản chú giải này sẽ còn thảo luận cặn kẽ. Những chỗ này đều đáng cho chúng ta học tập. Chúng ta phải hiểu chân tướng sự thật, phải học theo Phật, Bồ Tát, nội tâm của chính mình phải thanh tịnh, chớ nên phân biệt, đừng chấp trước. Nhưng khi chúng ta tiếp xúc đại chúng, thuận theo sự phân biệt của chúng sanh mà phân biệt, thuận theo sự chấp trước của chúng sanh mà chấp trước. Do vậy, nói: “*Phật pháp tại thế gian, bất hoại thế gian tướng*” (Phật pháp trong thế gian, chẳng hoại tướng thế gian). Không phá hoại tướng thế gian thì gọi là “đại từ, đại bi”.

Chấp trước và chẳng chấp trước đồng thời, chẳng có trước sau, không có thứ tự. Đối với chính mình mà nói thì không có chấp trước, vô ngã; đối người khác bèn nói Ta. Đây là chỗ khác nhau giữa Phật, Bồ Tát và chúng ta. Chúng ta nói Ta, chính mình thật sự có một cái chấp trước Ngã kiên cố; Phật, Bồ Tát trọn chẳng chấp trước. Do tùy thuận chúng sanh mà Phật, Bồ Tát nói [như thế], vì lợi ích chúng sanh mà nói, chẳng phải vì lợi ích chính mình.

Chư vị phải hiểu: Chính mình chẳng có sự chấp trước ấy, đó là tự lợi; hòa quang đồng trần với người khác là lợi tha. Tự lợi và lợi tha cũng là đồng thời, chẳng có thứ tự trước hay sau. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 104

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm chín mươi chín:

(Sớ) Thánh nhân vô ngã, kim hà xưng Ngã? Trí Luận hữu tam: Nhất, tùy thế gian cố; nhị, phá tà kiến cố; tam, bất trước vô ngã cố. Dĩ thị tam giả, bất ngại thuyết Ngã. Hựu Pháp Thân chân ngã, diệc đắc xưng Ngã.

(疏) 聖人無我，今何稱我？智論有三：一、隨世間故，二、破邪見故，三、不著無我故。以是三者，不礙說我，又法身真我，亦得稱我。

(Sớ: Thánh nhân vô ngã, nay có sao nói là Ta? Trí Độ Luận nêu lên ba điều: Một, do tùy thuận thế gian; hai, do phá tà kiến; ba, do chẳng chấp trước Vô Ngã. Do ba điều ấy, nói Ngã chẳng trở ngại gì. Lại nữa, Pháp Thân là Chân Ngã, nên cũng nói Ngã).

Đoạn này nhằm ngăn ngừa trước trường hợp có những kẻ học một chút Phật pháp, [bèn bắt bẻ] trong kinh Phật thường nói phải phá Ngã Chấp và Pháp Chấp. Sơ Quả đã phá Thân Kiến, Tứ Quả La Hán đã phá Ngã Chấp, vì sao, các Ngài vẫn còn nói Ta? Ngăn ngừa mối nghi hoặc như thế, cho nên ở đây, đại sư đặc biệt giảng rõ, Ngài dẫn ba ý nghĩa [vì sao] xưng là Ta như trong Đại Trí Độ Luận đã giảng. Trong phần dưới có giải thích ba ý nghĩa ấy, chúng ta hãy đọc lời Sao:

(Sao) Thử hạ phục phân “ngã văn” vi nhị, ly thích đồng tiền.

(鈔) 此下復分我聞為二，離釋同前。

(Sao: Dưới đây lại chia “ngã văn” thành hai đoạn để giải thích từng điều [riêng rẽ] giống như [phương cách giải thích hai chữ “như thị”] trong phần trên).

“Ly” là tách ra để giảng, Ngã là gì? Văn là gì? Giống như phương cách đã được sử dụng trong phần trước. Điều thứ nhất là:

(Sao) Nhất vân tùy thế gian giả, vị thế pháp trung thuyết Ngã, phi Đệ Nhất Nghĩa trung thuyết Ngã, tùy thuận thế gian nhi thuyết, vô hữu thật thể, tắc bất quai u Đệ Nhất Nghĩa dã.

(鈔)一云隨世間者，謂世法中說我，非第一義中說我，隨順世間而說，無有實體，則不乖於第一義也。

(Sao: Một là nói “tùy thuận thế gian” có nghĩa là nói Ngã theo pháp thế gian, chẳng phải là nói Ngã như trong Đệ Nhất Nghĩa Đệ, tùy thuận thế gian mà nói, [cái Ngã ấy] chẳng có thực thể, nên chẳng trái nghịch Đệ Nhất Nghĩa).

Đệ Nhất Nghĩa chẳng thể nói được, điều này thường diễn tả là “ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xú diệt”. Những gì có thể diễn tả được đều là Đệ Nhị Nghĩa, Đệ Tam Nghĩa! Những gì có thể tư duy, tưởng tượng, cũng không phải là Đệ Nhất Nghĩa. Đệ Nhất Nghĩa là gì? Trong Đệ Nhất Nghĩa, ngay cả Đệ Nhất Nghĩa cũng không có. Nếu có Đệ Nhất Nghĩa, sẽ chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa thật sự. Nói thật ra, nói theo tướng được hiện thì Chân Như bốn tánh được gọi là Nhất Chân pháp giới. “Chư pháp Thật Tướng” như kinh Pháp Hoa đã nói, hay “Lý nhất tâm bất loạn” được nói trong Tịnh Độ đều là Đệ Nhất Nghĩa. Nó có rất nhiều danh từ, hơn một trăm loại, đều nhằm nói về cùng một chuyện! Thật ra, chẳng thể nào diễn tả được! Chính chúng ta phải tự mình thấu hiểu, chỉ có thể lãnh hội, chẳng thể vận dụng tư duy, vì vừa rớt vào tư duy sẽ là Đệ Nhị Nghĩa, chẳng còn là Đệ Nhất Nghĩa nữa.

Nhà Thiền nói “tham Thiền” tức là lia tâm ý thức để tham, lia tâm ý thức là Đệ Nhất Nghĩa. “Tâm” là A Lại Da thức, “Ý” là Mạt Na thức, tức thức thứ bảy, “Thức” là thức thứ sáu (Ý Thức). Quý vị có thể rời khỏi thức thứ sáu, thức thứ bảy, thức thứ tám, những gì quý vị hiển lộ sẽ là Chân Như bốn tánh, Chân Như bốn tánh là Đệ Nhất Nghĩa. Làm thế nào mới có thể lia được? Trước hết, quý vị phải hiểu “tâm ý thức” nghĩa là gì? Là hiện tượng như thế nào? Thức thứ sáu, tức Ý Thức, cái tâm phân biệt ấy là thức thứ sáu (Ý Thức), thức thứ bảy là chấp trước, chúng ta nói thức thứ tám là “ghi ấn tượng”. Nói cách khác, quý vị chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, không giữ ấn tượng, lúc ấy là Đệ Nhất Nghĩa. Chúng ta mắt thấy sắc chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng giữ lại ấn tượng; tai nghe tiếng cũng chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng giữ lại ấn tượng, tức là không dùng tâm ý thức; khi ấy, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần đều là Đệ Nhất Nghĩa.

Ở đây, quý vị hãy khéo suy nghĩ, quý vị có thể nói một câu nào hay không? Đừng nói chi khác, chúng tôi nêu thí dụ như thế này: “Rời khỏi hết thầy danh tướng, quý vị hãy nói một câu xem, đây là gì vậy? Quý vị có thể nói được hay không?” Lìa khỏi tướng danh tự, quý vị nói “trang giấy” thì “trang giấy” là danh tự, “tinh xá” cũng là danh tự, “cái thẻ kẹp sách” cũng là danh tự! Tôi bảo quý vị rời khỏi tướng danh tự, quý vị hãy nói một câu xem, đó là gì vậy? Chẳng nói được! Chẳng rõ ràng hay sao? Rõ ràng là nói không được, đây là Đệ Nhất Nghĩa. Quý vị có thể nói được thì là Đệ Nhị Nghĩa, chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa.

Khi Phật pháp chưa truyền tới Trung Quốc, người Trung Quốc cũng biết tới cảnh giới ấy! Quý vị thấy Lão Tử đã nói: “*Danh khả danh, phi thường danh; đạo khả đạo, phi thường đạo*”, hai câu này có cùng một ý nghĩa với “*ngôn ngữ dứt bất, tâm hạnh xứ diệt*” trong kinh Phật. Cách nói khác nhau, nhưng cảnh giới và ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Có thể thấy Lão Tử cũng thấy Đệ Nhất Nghĩa, cũng chứng đắc Thật Tướng của các pháp. Nếu Ngài không phải là Phật tái lai thì cũng là bậc Bát Địa Bồ Tát trở lên! Chẳng phải là Bát Địa trở lên, sẽ không thể nói được! Chưa nhập cảnh giới này, sẽ không thể nói được! Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc cũng đã nhập cảnh giới này.

Vì thế, trong Đệ Nhất Nghĩa là pháp bình đẳng, là pháp thanh tịnh, từ Đệ Nhất Nghĩa lưu xuất tác dụng là từ bi. Do vậy, từ bi là Tánh Đức, là đức năng sẵn có trong Chân Như bốn tánh, đại từ đại bi! Chúng ta thường nói “*vô duyên Đại Từ, đồng thể Đại Bi*”. Nếu chưa kiến tánh, tâm từ bi này không lưu xuất được, chúng ta muốn học cũng không học được, miễn cưỡng học cách nào cũng đều học không giống, ắt chính mình phải đích thân nhập cảnh giới này mới được. Bởi lẽ, trong Đệ Nhất Nghĩa không có Ngã! Như trong kinh Kim Cang đã nói bốn tướng đều là Không, Ngã lấy đâu ra? Khi ấy mới gọi là Đệ Nhất Nghĩa, cũng gọi là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa. Vì vậy, xác thực là Vô Ngã. Do tùy thuận thế gian bèn khởi tác dụng thì gọi là từ bi.

Nếu Phật thường trụ trong Đệ Nhất Nghĩa, trong Đệ Nhất Nghĩa thì như tôi vừa mới nói, không chỉ chẳng có ngôn ngữ, cũng chẳng có tư duy, thử hỏi đức Phật giáo hóa chúng sanh bằng cách nào? Đức Phật giảng các bộ kinh, nói nhiều lời như thế, đều là từ Đệ Nhất Nghĩa biến thành Đệ Nhị Nghĩa, nên chúng ta mới có thể đạt được lợi ích, Ngài mới có thể giảng cho chúng ta để chúng ta nghiên cứu thảo luận, một hỏi, một đáp. Nếu trong Đệ Nhất Nghĩa thì ngay cả ý niệm cũng chẳng thể khởi lên, còn có nói năng, ngôn ngữ chi nữa? Vậy thì Phật cũng chẳng thể giáo hóa chúng

sanh, chúng sanh cũng vĩnh viễn chẳng thể khai ngộ. Do vậy, phải chuyên Trí thành Thức, chuyên thành phân biệt, chấp trước, giữ lại ấn tượng, khởi những tác dụng ấy. Khởi lên những tác dụng ấy nhằm giáo hóa chúng sanh. Vì thế, biên hiện [những tác dụng ấy] để người khác thụ dụng, chẳng phải để chính mình thụ dụng! Biến hóa tâm ý thức để người khác thụ dụng! Vì lẽ đó, chư Phật, Bồ Tát là trí và thức đồng thời khởi tác dụng, chẳng có thứ tự trước hay sau, vì sao? Ngài tự thụ dụng là Trí; nói cách khác, Ngài chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, mà cũng chẳng giữ lại ấn tượng, Ngài tự thụ dụng bốn trí Bồ Đề. Kẻ khác thụ dụng những gì? Tám thức. Vì thế, Phật là tám thức và bốn trí đồng thời. Đối với chính mình là bốn trí, đối với người khác là tám thức. Tám thức của Ngài do tứ trí biến hóa thành bát thức; vì thế, Ngài chẳng mê, chẳng phiền não. Đây là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế.

Đích xác là phàm phu chúng ta chỉ có tám thức, chẳng có bốn trí, vì sao? Trong hết thảy các pháp bèn phân biệt, chấp trước, giữ lại ấn tượng, chuyện này phiền phức lớn lắm. Phiền phức gì vậy? Biên hiện lục đạo luân hồi như thế đó! Lục đạo luân hồi do chính mình biến ra, chính mình thoát chìm, thoát nổi trong ấy, ai có thể cứu quý vị? Không ai có thể cứu, người cứu quý vị vẫn là chính mình. Trừ chính mình ra, ai cũng đều chẳng thể cứu quý vị được! Quý vị nói Phật, Bồ Tát đại từ đại bi có thể cứu chúng ta, vậy thì Phật, Bồ Tát thật sự từ bi, đã sớm cứu thoát chúng ta hết cả rồi, lẽ đâu hiện thời chúng ta vẫn luân hồi sanh tử trong lục đạo? Phật, Bồ Tát không cứu được! Phật, Bồ Tát có thể cứu chúng ta bằng cách dạy cho chúng ta biết chân tướng sự thật này, chúng ta hiểu rõ rồi thì chính mình mới có cách, cách gì vậy? Giống như Phật, Bồ Tát, chẳng dùng tâm ý thức sẽ chẳng có luân hồi, sẽ giải thoát.

Vì vậy, các đồng tu phải hiểu rõ, trong cuộc sống hằng ngày, lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới lục trần, phải biết rằng gốc bệnh sâu đậm là “phân biệt, chấp trước, giữ lại ấn tượng”, căn bệnh ấy đáng sợ lắm! Căn bệnh ấy là căn bản sanh tử từ vô lượng kiếp đến nay. Ai có năng lực chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng giữ lại ấn tượng khi lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, ai có năng lực ấy? Người có năng lực ấy đã thành Phật, thành Bồ Tát, đã thoát lìa tam giới. Vì thế, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn đều nói cùng một Lý này, chẳng có Lý thứ hai nào! Ngàn kinh vạn luận đều nhằm nói về một Lý này. Rất nhiều phương pháp đều nhằm dạy chúng ta hãy xoay chuyển quan niệm, hễ chuyển được sẽ thành công. Vì sao chẳng thể chuyển được? Tập khí quá sâu! Dùng tâm ý thức đã thành thói quen. Chúng ta biết phải chuyển, nhưng hễ gặp

chuyện bèn ngay lập tức hồ đồ, mê muội, lại quen thói sử dụng [tâm ý thức], rắc rối ở chỗ này! Từ vô thủy kiếp tới nay đã dùng thành thói quen, nay xoay chuyển ngay lập tức sẽ chẳng thể chuyển được, chuyện này phiền lắm!

Nhưng chúng ta thấy cổ đức có nhiều vị thật sự chuyển được. Chúng ta phải đặc biệt lưu ý: Có sao các Ngài có thể chuyển được? Chúng ta nghiên cứu nguyên nhân, cố nhiên [người ta sẽ] thường nói: “Đó là bậc tái lai! Người ta tu hành nhiều đời nhiều kiếp!” Nếu chúng ta bị câu nói này mê hoặc, sẽ bị họa hại nghiêm trọng! Nói thật ra, lời ấy chẳng sai, đó là thiện căn nhiều đời nhiều kiếp, nhưng bản thân chúng ta không có [thiện căn] ư? Chính chúng ta cũng là thiện căn nhiều đời nhiều kiếp, đúng như trong khi giảng nghĩa kinh Vô Lượng Thọ hôm thứ Tư, chúng ta đã đọc một đoạn trong đó có dẫn lời của Thiện Đạo đại sư: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chín phẩm sai biệt là vì chúng ta gặp duyên khác nhau. Lời ấy rất có lý, trong tâm chúng tôi bội phục! Nói cách khác, từ vô thủy kiếp tới nay, chúng ta luôn có thiện căn, người khác có thì ta cũng có, nhưng gặp duyên khác nhau, cho nên vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có chín phẩm sai biệt. Nói cách khác, ngày nay chúng ta gặp gỡ duyên thù thắng nhất, trong đời này vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thượng phẩm thượng sanh. Nếu gặp duyên kém cỏi, có thể là chẳng thể vãng sanh được! Đúng là gặp duyên bất đồng! Nhân đều giống nhau, lời nói ấy mới thật sự có lý. Do vậy, chúng ta phải coi trọng cái duyên.

Duyên chẳng ngoài ba điều kiện: Thứ nhất là thiện tri thức, thứ hai là đồng tham đạo hữu, thứ ba là đạo tràng. Thiện tri thức chân chánh là gì? Thật sự nhận biết rõ ràng, chẳng hiểu sai lạc pháp môn này, chúng ta noi theo người ấy sẽ chẳng đi sai đường. Đồng tham đạo hữu cùng nhau tu hành, khích lệ, rèn giũa lẫn nhau. Chư vị đồng tu phải biết: Kinh Phật gọi sự nhận thức ấy là chánh tri chánh kiến, không dễ dàng! Tôi thừa cùng quý vị đồng học, trong nhiều năm qua, tôi cũng đã dạy không ít học trò, từng dạy chẳng ít Phật Học Viện, nay nghĩ lại thì chính mình cũng rất hổ thẹn, vì sao? Đúng là như người ta thường nói: “Khiến cho con em người khác lầm lạc!” Dạy học khiến cho con em của người khác bị lầm lỡ. Tôi dạy tại Phật Học Viện, trong quá khứ cũng đã khiến cho con em người khác bị lầm lạc, nhưng chẳng phải là cố ý, vì sao? Chính mình chẳng nhận biết rõ ràng, cứ nghiễm nhiên làm thầy! Nay mới hiểu rõ, mới hối hận! Nay tôi đã hiểu rõ, nhận biết đường lối rồi! Sau khi nhận rõ, mới thật sự giác ngộ cách dạy học của cổ nhân là đúng, chính xác; nay chúng ta [tư

phụ chính mình] thông minh, tài trí, nghĩ ra một khuôn khổ phương pháp khác, đó là sai lầm.

Cổ nhân dùng phương pháp gì? Thâm nhập một môn. Mười năm trước, tức năm 1977, tôi đến giảng kinh tại Hương Cảng lần đầu tiên, giảng kinh Lăng Nghiêm. Lúc ấy, lão pháp sư Hải Nhân ở Hương Cảng vẫn còn sống, năm sau Ngài viên tịch, tức là viên tịch năm 1978. Tôi đến viếng Ngài, khi ấy Ngài đã ngoài chín mươi tuổi, ở Hương Cảng, Ngài được xưng tụng là Thủ Lăng Nghiêm Vương. Sư cả đời chuyên giảng kinh Lăng Nghiêm. Tôi ở Hương Cảng, do tôi giảng kinh Lăng Nghiêm, nghe nói Ngài suốt đời nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm, đương nhiên phải đến bái yết Ngài, trò chuyện rất hợp ý, được lão nhân gia chỉ dạy rất nhiều. Làm học trò của Ngài chẳng dễ dàng, Ngài dạy học theo lối xưa, chẳng dùng kiểu mới, nghe nói Ngài chỉ có sáu vị đồ đệ. Tư cách ra sao mới được Ngài thâm nhập làm học trò? Phải thuộc kinh Lăng Nghiêm! Không chỉ thuộc lòng kinh, mà còn phải thuộc lòng chú giải. Ngài chỉ định bản chú giải, nếu là tôi, tôi sẽ không chọn bản chú giải ấy! Sư chọn bản Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh Văn Cú do Ngẫu Ích đại sư trước tác. Trong quá khứ, tôi học Lăng Nghiêm, chọn bản chú giải Lăng Nghiêm Kinh Chánh Mạch của pháp sư Giao Quang. Bản Văn Cú tôi cũng có, [sách được đóng thành] mười tập, khâu gáy bằng chỉ, cả kinh lẫn chú giải đều phải thuộc lòng. Nếu chẳng thể thuộc, Ngài sẽ không thâm nhập. Làm học trò của Ngài phải học thuộc kinh Lăng Nghiêm, phải thuộc chú giải; nhưng học trò của Ngài người nào cũng có thành tựu, Ngài sử dụng phương pháp của cổ xưa.

Nếu chúng ta nghiên cứu Cao Tăng Truyện kỹ càng, từ xưa tới nay, thậm chí tại gia cư sĩ, họ thành tựu gần như chẳng có ngoại lệ nào, đều là suốt đời chuyên dồn công sức nơi một bộ kinh. Như vào đầu thời Dân Quốc, cư sĩ Giang Vị Nông suốt đời chuyên môn nghiên cứu kinh Kim Cang, ông ta dành ra bốn mươi năm dụng công nơi kinh Kim Cang, cuối cùng viết thành bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, đó là thành tích nghiên cứu bốn mươi năm của ông ta. Cư sĩ Châu Chỉ Am nghiên cứu Tâm Kinh, Tâm Kinh hai trăm sáu mươi chữ, ông ta cũng phải tốn bốn mươi năm công phu để viết một bộ chú giải cho Tâm Kinh, tức Tâm Kinh Thuyên Chú. Quý vị suy nghĩ xem, tinh lực cả đời dồn vào một bộ kinh. Trong truyện ký của pháp sư Đàm Hư có đề cập “*bát tái hàn song độc Lăng Nghiêm*” (tám năm siêng gắng đọc kinh Lăng Nghiêm), đọc một bộ kinh Lăng Nghiêm suốt tám năm. Vì vậy, mọi người nếu muốn thành tựu, thật sự phải đổ công sức mười năm hay tám năm nơi một bộ kinh. Mười năm

hay tám năm ấy rất khổ, không ai biết tới quý vị, không ai hỏi đến quý vị! Mười năm quanh quẽ siêng khổ học tập, học mười năm hay tám năm, quý vị sẽ khai ngộ! Hễ ngộ bèn nhập Đệ Nhất Nghĩa. Sau khi ngộ, hết thấy các kinh luận đều thông, tức là “*một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông*”. Con người hiện tại đi lạc đường, vì sao? Hễ vừa dụng công bèn sách này cũng phải đọc, sách kia cũng phải xem, thứ gì cũng đều đọc, mong thứ gì cũng đều hiểu, kết quả là sau khi đọc, thứ gì cũng đều không hiểu! Những gì quý vị hiểu đều là kiến thức thông thường bề ngoài, thậm chí ngay cả kiến thức thông thường cũng nói sai be bét! Vì sao? Vì quý vị chưa nhập cảnh giới, chưa nhập Đệ Nhất Nghĩa! Phải là sau khi khế nhập thì mới được, mới là thật, chẳng giả.

Do điều này, chúng ta hãy suy nghĩ, trước đây coi thường, tưởng phương pháp cổ xưa là cũ rích, đáng phải nên đào thải, nay ta thật sự hiểu rõ phương pháp ấy là phương pháp cao minh nhất. Các phương pháp tách lìa phương pháp ấy đều là sai lầm; nhất định phải thâm nhập một môn! Quý vị muốn nghiên cứu kinh Di Đà, hãy đọc Sớ Sao, hoặc đọc Yếu Giải; mỗi ngày đọc một lần, quý vị niệm suốt mười năm, chẳng gián đoạn bữa nào. Nói cách khác, tâm quý vị đã định rồi, đó là Niệm Phật tam-muội, vì sao? Trong tâm quý vị chẳng hề nghĩ đến điều gì khác, tâm định nơi chuyên nhất, đó là Niệm Phật tam-muội. Quý vị có Định, Định lâu ngày sẽ khai trí huệ, nhất quyết chớ nên tam tâm nhị ý. Nếu chư vị muốn thành tựu, niệm kinh Vô Lượng Thọ cũng được, mà niệm kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật cũng được, nhưng chỉ nên niệm một thứ, đừng nên niệm hai thứ, hãy thâm nhập một môn!

Ở đây, Tổ trích dẫn mấy câu từ bộ Đại Luận, Bồ Tát biết người thế gian nói “Ta”, Ngài hiểu rõ ràng “Ta” là bất khả đắc. Vì thế, để tự mình thụ dụng thì là vô ngã tướng, chẳng trái nghịch Đệ Nhất Nghĩa. Tùy thuận chúng sanh nên nói “Ta”, sự tùy thuận chúng sanh ấy chính là lòng đại từ đại bi lưu lộ từ chân tánh để người khác thụ dụng. Nhằm giáo hóa và lợi ích chúng sanh mà nói “Ta”, tuyệt đối chẳng phải là chính mình có phân biệt, có chấp trước. Ý nghĩa thứ hai là nói:

(Sao) Nhị vân phá tà kiến giả, vị tà ngã, mạn ngã, danh tự ngã, thể tục nhân cụ tiền nhị ngã, học đạo nhân cụ hậu nhị ngã, thánh nhân duy tối hậu ngã, thuận tục xưng ngã, dẫn thị danh tự, thật vô tà mạn, cố vô quá cũu.

(鈔)二云破邪見者，謂邪我、慢我、名字我，世俗人具前二我，學道人具後二我，聖人唯最後我，順俗稱我，但是名字，實無邪慢，故無過咎。

(Sao: Hai, nói “phá tà kiến” là muốn nói tới tà ngã, mạn ngã, và danh tự ngã. Người thế tục có đủ hai thứ ngã đầu, người học đạo có đủ hai thứ ngã sau, thánh nhân chỉ có loại ngã cuối cùng. Thuận theo thế tục nên xưng là ta, nhưng đó chỉ là danh tự, chứ thật sự chẳng có tà ngã hay mạn ngã, nên chẳng phạm lỗi gì!)

Ở đây, [lời Sao] đã nêu lên ba điều;

- Thứ nhất là tà kiến. Tà kiến là kiến giải sai lầm. Căn bản là không có ta, nhưng ngỡ là có Ta, đó gọi là Tà Ngã.

- Thứ hai là Mạn Ngã, kiêu căng, ngạo mạn. Chỉ cần có Ngã thì chắc chắn sẽ có Mạn. Chữ [Mạn] này là một chướng ngại rất lớn. Vì có Ngã Kiến, nhất định có ngạo mạn, nói chung là luôn [tưởng] mình mạnh hơn người khác, người khác chẳng bằng ta, chẳng biết hết thấy các pháp bình đẳng, hết thấy các pháp “tướng Có, thể Không”, chắc chắn là bình đẳng. Trong sự bình đẳng, dấy lên sự ngạo nghễ, ngã mạn, tâm bình đẳng mất đi! Nếu tâm chẳng bình đẳng, chắc chắn chẳng thể kiến tánh, chắc chắn chẳng thể phá nghiệp chướng, ngã mạn là nghiệp chướng. Vì thế, tu trì Phật pháp, pháp môn thứ nhất là “lễ kính chư Phật”, vì sao phải tu lễ kính? Phá ngã mạn! Nói cách khác, phá trừ nghiệp chướng. Chướng ngại ấy sẽ ngăn trở quý vị mình tâm kiến tánh, ngăn trở Bồ Đề Niết Bàn của chính mình. Không chỉ chướng ngại điều ấy (Bồ Đề Niết Bàn), mà hễ có ngã mạn, nhất định sẽ tạo tội nghiệp. Chính mình ngạo nghễ, khinh mạn người khác, đây là tạo tội nghiệp. Đừng tưởng tội nghiệp ấy rất nhỏ, tội nghiệp rất nhỏ nhưng hằng ngày tích lũy sẽ biến thành chướng ngại trọng đại, chướng ngại quý vị học đạo! Không chỉ đạo nghiệp chẳng thể thành tựu, mà thậm chí nó còn chướng ngại quý vị lý giải kinh luận. Kẻ kiêu căng, ngạo mạn nghe kinh sẽ không hiểu, mà cũng chẳng thể khai ngộ. Nếu kẻ ấy ngộ thì đều là ngộ nơi đường tà, suy nghĩ lệch lạc, chẳng thể ngộ chánh pháp. Điều này đúng là vô cùng nghiêm trọng.

- Thứ ba là Danh Tự Ngã, Danh Tự nghĩa là hữu danh vô thực.

Tiếp đó, Tổ phân tích: Người thế tục trọn đủ hai thứ Ngã trước đó, tức là Tà Ngã và Mạn Ngã. Người học đạo trọn đủ hai loại Ngã trong phần sau, tức là Mạn Ngã và Danh Tự Ngã, vì sao? Họ có kiến giải chính xác. Chẳng hạn như hàng Sơ Quả Tiểu Thừa, đã chứng Sơ Quả, kiến giải chính

xác, chẳng có Tà Ngã, nhưng có Mạn Ngã. Vì sao có Mạn Ngã? Vì họ đã đoạn Kiến Hoặc, nên không có kiến giải sai lầm, nhưng chưa đoạn Tư Hoặc, tham, sân, si, mạn chưa đoạn, nên Ngã của họ thuộc loại Mạn Ngã, chẳng phải là Tà Ngã. Đạt tới địa vị Đại Bồ Tát, Tư Hoặc đoạn sạch, Mạn Ngã chẳng còn nữa, sau đấy, nói Ngã với chúng ta, các Ngài cũng nói Ngã, [cái Ngã ấy] là Danh Tự Ngã, chẳng trở ngại Sự, [vì Ngã ấy] hữu danh vô thực. Nhằm thuận tiện nói năng, đó là mảnh khóc giáo hóa chúng sanh, bắt đặc dĩ, chư vị nghĩ thứ này là Ta ư? Được rồi! Tôi cũng gọi nó là Ta, chứ thật sự chẳng có ngã mạn. Vì thế, thánh nhân xưng Ta trọn chẳng có khuyết điểm! Điều thứ ba...

(Sao) Tam, bất trước Vô Ngã giả, chư thánh nhân tri nhất thiết pháp Không, Thật Tướng Vô Ngã, nhi bất trước Không, bất trước Vô Ngã.

(鈔)三不著無我者，諸聖人知一切法空實相無我，而不著空，不著無我。

(Sao: Ba là chẳng chấp trước Vô Ngã. Các vị thánh nhân biết hết thấy các pháp là Không, Thật Tướng Vô Ngã, nhưng chẳng chấp trước Không, chẳng chấp trước Vô Ngã).

Ý nghĩa này vô cùng trọng yếu. Chấp Không và chấp Có đều sai lầm như nhau, vì sao? Chẳng đoạn chấp trước thì chẳng qua là thay đổi đối tượng chấp trước mà thôi. Đức Phật dạy chúng ta phá chấp trước, chứ Ngài chẳng bảo chúng ta thay đổi đối tượng chấp trước, quý vị phải biết điều này! Ngài biết Thật Tướng Vô Ngã, nhưng chẳng chấp trước tướng Vô Ngã, cho nên khi khởi tác dụng tùy thuận chúng sanh thì vẫn nói “Ta” giống hệt như chúng sanh. Nói Ta, nhưng chẳng chấp Ngã Tướng, chẳng chấp Không Tướng, tức là hai bên đều chẳng chấp trước.

(Sao) Hựu Du Già hữu tứ ý, đại lược đồng thử, đệ tam nghĩa ngôn, nhược định vô ngã, thùy vi tu học, nhân tắc sanh bố, cố bất trước Vô Ngã.

(鈔)又瑜伽有四意，大略同此，第三義言，若定無我，誰為修學，人則生怖，故不著無我。

(Sao: Lại nữa, Du Già Sư Địa Luận [nói Ngã] có bốn ý, đại khái giống những điều đang được nói ở đây. [Trong bốn nghĩa ấy], nghĩa thứ ba là: Nếu cứ khẳng khẳng vô ngã, ai sẽ tu học, người ta sẽ sanh lòng sợ hãi; vì thế, chẳng chấp trước Vô Ngã).

Đây là trích dẫn một đoạn trong Du Già Sư Địa Luận để chứng minh, nhằm đặc biệt chứng minh câu thứ ba “do chẳng chấp trước Vô Ngã”. Du Già Sư Địa Luận nói: Vô Ngã thì người nào học Phật? Ai sẽ tu hành?

(Sao) Hựu Quán Kinh Sớ vân: “Vô ngã tức vô văn, vô văn tức hóa đạo tuyệt. Vị truyền hóa bất tuyệt, giả danh thuyết Ngã”.

(鈔)又觀經疏云：無我則無聞，無聞則化道絕，為傳化不絕，假名說我。

(Sao: Lại nữa, Quán Kinh Sớ viết: “Vô ngã thì không nghe, không nghe thì sự hóa độ tu học bị chấm dứt. Nhằm truyền thừa, hóa độ chẳng dứt, nên giả danh nói Ngã”).

Trong Quán Kinh [Sớ] cũng nói rõ ràng: Vô ngã thì không có ai truyền pháp, mà cũng chẳng có cách nào thực hiện tự lợi, lợi tha. Nói cách khác, hai phương diện tự hành và giáo hóa chúng sanh đều chẳng thể thành tựu. Vì lẽ đó, Bồ Tát chẳng chấp trước Ngã, mà cũng chẳng chấp trước Vô Ngã. Ngã và Vô Ngã hai đằng đều chẳng chấp trước, ý nghĩa này mới là chân nghĩa! Nói “chân nghĩa” tức là ba thứ Thể, Tướng, Dụng đều trọn đủ, ba thứ ấy đồng thời. Nói theo Thể, vô ngã, Thể là không tịch; còn nói theo Tướng thì sao? Tuy Thể là Không, nhưng nó có thể hiện tướng, nơi tướng có Ngã hay chẳng? Nơi tướng cũng vô ngã. Thể vô ngã, mà tướng cũng vô ngã, Ngã do đâu mà có? Ngã từ Dụng mà có. Chúng ta khởi tác dụng, tức là tác dụng tự hành, hóa độ người khác. Từ tác dụng mà kiến lập cái Ngã; cái Ngã ấy được gọi là Danh Tự Ngã, vì sao? Thể lẫn Tướng đều bất khả đắc, hữu danh vô thực, chẳng trở ngại gì!

Dụng là Trung Đạo. Phật pháp nói “dụng Trung”, Nho gia cũng “dụng Trung”. Nho gia vận dụng Trung Dung, quả thật là anh hùng có cái nhìn đại lược giống nhau. Khổng lão phu tử và Thích Ca Mâu Ni Phật chưa hề gặp mặt, chưa từng tiến hành hội đàm, nhưng đích xác là kiến giải chẳng khác biệt cho mấy, đều là “dùng Trung”. Điều này rất tuyệt, vận dụng Trung Đạo. Bởi lẽ, Thể, Tướng, Dụng đồng thời, chẳng có thứ tự trước hay sau. Vì thế, đức Phật giảng kinh, thuyết pháp nhằm chỉ dạy chúng ta tu hành theo cách nào, thấy đều là dùng Trung. Nếu chúng ta cũng biết dùng Trung, sẽ nhập Phật tri kiến, sẽ tương ứng với Phật pháp. Vì sao chúng ta học Phật chẳng giống? Vì sao học Phật chẳng thành tựu? Vì chẳng dùng Trung! Quý vị biết Chân, biết Chân Không, sẽ thấy thấu

suốt hết thấy các pháp không có tự tánh, không có tự thể, Thể là Không! Thấy thấu suốt. Biết hết thấy các tướng là giả; chẳng có tướng nào là thật, quý vị sẽ buông xuống. Đã thấy thấu suốt lại buông xuống, quý vị sẽ tự tại. Tự tại là Trung, cuộc sống của quý vị đạt tự tại, nay chúng ta gọi điều này là “*chân, thiện, mỹ, huệ*”, hạnh phúc mỹ mãn, Phật pháp gọi điều này là Trung Đạo. Quý vị có thể sống trong Trung Đạo, ngập tràn “*chân, thiện, mỹ, trí huệ*”, chắc chắn quý vị sống đời hạnh phúc nhất, viên mãn nhất. Có thể thấy sự thụ dụng trong Phật pháp chẳng thuộc trong đời sau, mà là hưởng thụ ngay trong hiện tại, tùy thuộc quý vị có biết sử dụng hay không, có thật sự triệt để hiểu rõ hay không? Biết sử dụng thì không gì chẳng được tự tại!

Những chỗ như thế này chúng ta đều phải học tập. Học tập chẳng phải là học tập theo hình dáng, mà phải thật sự học giống như Phật, thấu hiểu Thật Tướng của các pháp, triệt để hiểu rõ Chân, Giả, Trung là một, không hai. Bất luận pháp nào cũng đều trọn đủ Chân, Giả, Trung. Tông Thiên Thai nói Nhất Tâm Tam Quán, tùy tiện lấy một pháp nào, to như thế giới, hoặc nhỏ như vi trần, không pháp nào chẳng trọn đủ Nhất Tâm Tam Quán. Giống như chúng ta cầm lấy trang giấy này, đây là một pháp. Nói về Thể, bản thể của nó là Không, chẳng có tự thể, Tướng của nó là Giả. Chúng ta dùng nó để đánh dấu [trang sách đang đọc dở], nó khởi tác dụng, Dụng là Trung, chúng ta dùng Trung! Có trở ngại Thể và Tướng hay chẳng? Chẳng trở ngại! Vì thế, Thể, Tướng, Dụng đồng thời, chẳng hề tách rời, pháp nào cũng đều là như thế. Nếu quý vị tiến nhập chỗ này, sẽ đạt được đại tự tại. Từ nay trở đi, chẳng còn lo âu, vương mắc, tâm và toàn thể vạn pháp hợp thành nhất thể, thụ dụng tự tại!

(Sao) Pháp Thân chân ngã giả, ước bản nhi ngôn.

(鈔) 法身真我者，約本而言。

(Sao: “Pháp Thân là Chân Ngã”, tức là nói theo phương diện bản thể).

Đây là nói theo bản thể.

(Sao) A Nan diệc thông Pháp Thân Ngã dã, dĩ vô ngã pháp trung, hữu chân ngã, tức Pháp Thân Ngã, như Niết Bàn Thường Lạc Ngã Tịnh chi Ngã, hà ngại ư vô ngã?

(鈔)阿難亦通法身我也，以無我法中，有真我，即法身我，如涅槃常樂我淨之我，何礙於無我。

(Sao: A Nan cũng thông suốt Pháp Thân Ngã, do trong pháp vô ngã có chân ngã, tức là Pháp Thân Ngã, như Ngã trong Thường Lạc Ngã Tịnh [được nói trong kinh] Niết Bàn, nên [nói Ngã] há trở ngại vô ngã?)

Trí Giả đại sư chú giải kinh Pháp Hoa, trong bộ Pháp Hoa Kinh Văn Cú, Ngài đã chia kinh Pháp Hoa thành hai phần: Nửa bộ đầu và nửa bộ sau. Kinh Pháp Hoa có tất cả bảy quyển, hai mươi tám phẩm, mười bốn phẩm đầu thuộc nửa bộ đầu, mười bốn phẩm sau thuộc nửa bộ cuối. Trong mỗi nửa bộ đều có ba phần là Tự Phần, Chánh Tông Phần và Lưu Thông Phần, cách phân định ra sao? Tức là Bản Tích Nhị Môn, chia thành hai môn là Bản Môn và Tích Môn. Nói tới Tích Môn thì Tích (迹) là dấu vết, hình tướng, dùng tỷ dụ để nói, sẽ giống như diễn tuồng. Nói Tích là nói trên sân khấu, quý vị mang thân phận nào, đó là Tích. Nói tới Bản (本) thì quý vị ở sau sân khấu có thân phận [thật sự như thế nào], đó là Bản. Bản Tích nhị môn [là như vậy đó]. Nói theo mặt dấu vết, hình tướng (Tích Môn), tôn giả A Nan là một đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, là Sơ Quả Tu Đà Hoàn. Đây là nhìn từ tướng, giống như diễn tuồng, Ngài đóng vai ấy, thủ diễn vai ấy, phải diễn cho thật giống. Đóng vai nào thì phải [diễn xuất] giống như vai trò ấy, đó là nói theo mặt hình tướng, dấu vết. Nói theo Bản, ngài A Nan là Đại Bồ Tát thị hiện nhằm giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh, giống như trợ giáo của Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài chẳng thật sự là một vị Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa, mà là Đại Bồ Tát tái lai. Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, nhìn theo hình tích, là học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật, là Tiểu Thừa Tứ Quả La Hán, có địa vị như thế. Nếu nhìn theo diện mạo sau sân khấu, các Ngài đã sớm thành Phật, là các vị cô Phật tái lai!

Đó gọi là “nhất Phật xuất thế, thiên Phật ủng hộ”, nghĩa là một vị Phật xuất thế giáo hóa chúng sanh, một ngàn Phật (không chỉ là một ngàn vị Phật), chư Phật có duyên với vị Phật ấy, có duyên với chúng sanh thấy đều đến ủng hộ, giúp đỡ vị Phật ấy giáo hóa chúng sanh. Những vị đến ủng hộ, có vị thị hiện thân phận xuất gia như Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, A Nan; có vị thị hiện thân phận tại gia như vua Ba Tư Nặc thứu ấy là hộ pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật. Nhà vua là Tứ Địa Bồ Tát, phát tâm đến hộ pháp. Chư vị phải hiểu [những vị làm công tác] hoằng pháp và hộ pháp đều chẳng dễ dàng, đều là Bồ Tát tái lai! Chẳng phải là Bồ Tát, nói thật

thà, ai nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật? Ai coi Ngài như vật báu? Ủng hộ như vậy, nhất định phải là kẻ thật sự nhận biết giá trị. Ai nhận biết giá trị? Chư Phật, Bồ Tát nhận biết giá trị, chứ phàm phu chẳng biết! Phàm phu chẳng nhận biết giá trị, cho nên người ủng hộ thường ngỡ ma là Phật!

Nếu chư vị nghiên cứu chú giải kinh Vô Lượng Thọ kỹ lưỡng, trong chú giải đã giảng rất rõ ràng, A Di Đà Phật phát bốn mươi tám nguyện, vì sao Ngài phải phát ra nguyện này, nguyện nọ? Trong các nguyện ấy có nói tới Tha Tâm Thông, hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn có Tha Tâm Thông. Đây là đức Phật thấy khá nhiều chúng sanh trong mười phương thế giới có trí huệ, nhưng thiếu phước đức, hoặc có phước báo, nhưng thiếu trí huệ. Có lúc lại có đức, nhưng không có quyền vị, như Đào Uyên Minh (Đào Tiềm), “*lui về đi thôi*” (quy khứ lai hề), rút lui! Vì sao? Suốt đời ôm ấp học vấn, nhưng chẳng có chỗ dùng, không nơi dụng võ! Lại có những kẻ thiếu đức lại giữ địa vị rất cao, địa vị rất cao ấy sẽ tổn hại dân chúng khá nhiều. Nếu có Tha Tâm Thông, chúng ta sẽ ủng hộ người hữu đức hữu học, hết thấy dân chúng đều hưởng lợi lạc! Có thể thấy Tha Tâm Thông vô cùng trọng yếu. Vì thế, A Di Đà Phật mới phát nguyện như sau: Phàm là người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy đều đắc Tha Tâm Thông. Nếu có một ai chẳng đắc Tha Tâm Thông, Ngài thì chẳng thành Phật. Nhất là trong thời kỳ Mạt Pháp, pháp yếu, ma mạnh, vì sao ma mạnh mẽ? Ma tu phước, phước báo to lớn. Người thật sự học Phật, thật sự phát tâm, phước báo kém hơn ma vương! Thật sự phát tâm thì làm như thế nào? Vội vã cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, về đi thôi, vì sao? Chẳng có phước báo, sẽ chẳng thể độ chúng sanh! Từ kinh luận, chúng ta có thể thấy những chỗ như vậy, đều phải nên biết.

Ngài A Nan đã là Pháp Thân đại sĩ, nhất định Ngài đã sớm chứng đắc Tam Đức bí tạng. Tam Đức là Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, Ngài đã chứng đắc! Mỗi đức trong Tam Đức đều có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, thật đấy, chẳng giả đâu! Pháp Thân có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh chân thật, Bát Nhã cũng có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh chân thật, Giải Thoát cũng có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh chân thật; đây là Chân Ngã, chẳng phải là Giả Ngã! Trong kinh có tám cách định nghĩa chữ Ngã, chúng ta chỉ nói hai định nghĩa trọng yếu nhất:

1) Ý nghĩa thứ nhất là “*chủ tể*”. Ngã có nghĩa là chủ tể, tức là chính mình làm chủ. Nay chúng ta hãy suy nghĩ, bản thân chúng ta có thể làm chủ hay chẳng? Nếu ta có thể làm chủ, năm nào cũng là mười tám tuổi thì ta mới làm chủ được! Ta chẳng già, chẳng bệnh, chẳng chết thì mới có thể

làm chủ. Ngày nay, tuy ta mong mỗi như thế, vẫn phải già, vẫn phải bệnh, vẫn phải chết, [tức là] không thể làm chủ, không có Ngã!

2) Ý nghĩa thứ hai là “tự tại”. Ngã có nghĩa là “tự tại”. Chúng ta cũng chẳng đạt được tự tại! Nhưng Pháp Thân thật sự làm chủ, thật sự tự tại. Bát Nhã và Giải Thoát đều là tự tại, đều làm chủ, cho nên chúng có ý nghĩa Ngã!

Vì thế, nói theo Bốn, đại Bồ Tát hóa thân có Chân Ngã. Tuy các Ngài miệng nói Ngã để hằng thuận chúng sanh, vẫn tương ứng với Tự Tại Ngã của chính mình, chẳng phải là gạt người, nên nói lời ấy trọn chẳng nói sai!

“*Vô ngã pháp trung, hữu Chân Ngã, tức Pháp Thân Ngã*” (trong pháp vô ngã có Chân Ngã, tức Pháp Thân Ngã). Tự tánh là Chân Ngã, tức là Pháp Thân. Pháp Thân Ngã là Chân Ngã. “*Như Niết Bàn Thường, Lạc, Ngã, Tịnh chi Ngã*”: Có Chân Thường, Chân Lạc, Chân Ngã, có thanh tịnh chân chánh (Chân Tịnh). Đối với phàm phu và Tiểu Thừa, Quyền Giáo Bồ Tát, bốn chữ “*Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*” là hữu danh vô thực. Tứ Niệm Xứ dạy chúng ta hãy dùng trí huệ để quan sát, nhưng trong cảnh giới phàm phu không có [Thường, Lạc, Ngã, Tịnh]. “*Quán thân bất tịnh*”, không có Tịnh! “*Quán Thọ là khổ*”, không có Lạc! “*Quán pháp vô thường*”, không có Thường! “*Quán tâm vô ngã*” [không có Ngã]. Bốn chữ ấy hàng Pháp Thân đại sĩ đều có, các Ngài có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, quả thật trọn đủ bốn tịnh đức ấy, chẳng thiếu thứ gì! Nay chúng ta dùng phương pháp Niệm Phật để chúng đại Niết Bàn, chúng Pháp Thân, niệm tới trình độ nào? Niệm tới Lý nhất tâm bất loạn bèn chúng đắc, hoặc phá một phẩm vô minh, chúng một phần Pháp Thân, chính mình sẽ đạt được, thật sự thụ dụng bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh ấy. Những vị Đại Quyền Bồ Tát thị hiện có nói Ta, há trở ngại vô ngã? Các Ngài quả thật có thể nói Ngã. Dưới đây là giảng chữ Văn:

(Sớ) Văn giả, nhĩ căn phát thức, phé biệt tùng tổng.

(疏) 聞者耳根發識，廢別從總。

(Sớ: Văn là nhĩ căn sanh nhĩ thức, bỏ biệt, theo tổng).

Lẽ ra nên nói Văn là “*nhĩ văn*” (tai nghe), vì sao nói “*ngã văn*” (ta nghe)? “*Nhĩ*” là lục căn, là biệt, “*Ngã*” là tổng. Nói “*ngã văn*” cũng được, mà nói “*nhĩ văn*” cũng thế. Bỏ cái riêng biệt, thuận theo tổng quát, nên nói “*ngã văn*”.

(Sớ) Cố vân “ngũ văn”, Đại Thừa trung tam, Thi Giáo vô văn, Chung Giáo văn nhi bất văn, Đốn Giáo vô văn bất văn.

(疏)故云我聞，大乘中三，始教無聞，終教聞而不聞，頓教無聞不聞。

(Sớ: Vì thế, nói là “ta nghe”. Trong Đại Thừa có ba loại nghe: Thi Giáo không nghe, Chung Giáo nghe mà chẳng nghe, Đốn Giáo không có Nghe và Chẳng Nghe).

Tông Hiền Thủ giảng Ngũ Giáo là Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên. Loại trừ Tiểu Giáo ra, đó là Tiểu Thừa, vì kiến giải của Tiểu Thừa giống như phàm phu. Thi Giáo là bắt đầu của Đại Thừa, cho nên bắt đầu nói từ chỗ này. Trong ba câu ấy, Văn là pháp Có, Vô Văn là Không, quy nạp lại [sẽ là] một đàng Không, một đàng Có. Thi Giáo nói hết thấy các pháp là Không, hoàn toàn chú trọng quan sát Thể của hết thấy các pháp, quan sát từ Lý Thể của hết thấy các pháp, nên thành lập giáo nghĩa “*vạn pháp giai Không*”. Do vậy nói họ “*vô văn*”, vạn pháp đều là Không!

Chung Giáo là nửa sau của Đại Thừa, Thi Giáo là nửa đoạn đầu của Đại Thừa. Đức Phật nói đến Không là nói đến bản thể. Nửa đoạn sau là từ Thể khởi Dụng, khởi Dụng là hiện tượng, hiện tượng chính là Có. Phân chia đại lược thì Phật giáo có hai tông là Không và Hữu. Phân chia tỉ mỉ thì trong Không Tông có rất nhiều phân phái. Trong Hữu Tông lại có rất nhiều tông, nói nghiêm ngặt, quy nạp toàn thể lại sẽ là hai tông Không và Hữu. Không và Có là một, chẳng hai! Không là nói về Thể. Có Thể, nhất định có Tướng. Thể chẳng lia Tướng. Tướng nhất định có Thể, Tướng chẳng rời Thể. Do đó, Thể và Tướng là một, không hai. Nhằm khiến cho chúng ta giác ngộ, nhằm thuận tiện thuyết pháp, nên đức Phật nói Thể, nói Tướng. Nói tới Thể, chúng ta chớ nên chấp trước Thể. Nói tới Tướng, chúng ta chớ nên chấp Tướng. Quý vị chấp Tướng sẽ chẳng ngộ Thể. Quý vị chấp trước Thể, nhất định bị Tướng mê hoặc. Nói cách khác, Thể và Tướng thấy đều không hiểu rõ, chẳng cần phải chấp trước chúng, đó là hiểu rõ Thể và Tướng. Do vậy, nói Không là do Không mà ngộ Diệu Hữu; nói tới Hữu, là từ trong Hữu ngộ Chân Không. Bất luận giảng theo cách nào, cảnh giới ngộ nhập là một, không hai, là cùng một cảnh giới, lúc ấy mới gọi là “*pháp môn vô nhị, vô biệt*” (pháp môn chẳng hai, chẳng khác)! Tuy pháp môn muôn vàn sai khác, hễ ngộ nhập sẽ là một; có như vậy thì mới có thể thật sự thụ dụng Phật pháp.

“*Đại Thừa Chung Giáo thị song chiếu nhị biên*” (Chung Giáo của Đại Thừa chiếu soi cả hai bên), Thể và Tướng đều nói, cho nên nói là

“nghe, nhưng chẳng nghe”. Ở đây, [lời Sao] giảng “*Chung Giáo văn nhi bất văn*” (Chung Giáo nghe nhưng chẳng nghe). Nói cách khác, đến khi ấy mới hiểu Không và Hữu là một, không hai: “*Tức Hữu nhi Không, tức Không nhi Hữu*” (Hữu chính là Không, Không chính là Hữu), đúng là “*song chiếu nhị biên*”. Trong Tâm Kinh có nói: “*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*”. Sắc là có, Sắc là tướng, tức sắc tướng. Không là Chân Không, là Thể, Thể là Không. Vì vậy, nói: “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*”.

“*Đốn Giáo vô văn bất văn*” (Đốn Giáo không có Nghe và Chẳng Nghe). “*Đốn giáo thị song giá nhị biên*” (Đốn Giáo ngăn che cả hai bên [Có và Không]). Chung Giáo là song chiếu, “song chiếu” là vừa Có vừa Không, cũng Có cũng Không, nói theo Tướng thì Có! Nói theo Thể sẽ là Không. Đốn Giáo là “*song giá*”. Song Giá là Không lẫn Có đều chẳng có; không chỉ chẳng có Không, mà ngay cả Có cũng chẳng có. Đó là Song Giá. Đốn Giáo “*vô văn diệt vô bất văn*” (không có nghe mà cũng chẳng phải là không có nghe). Không Nghe và Không Chẳng Nghe, cả hai đảng đều tách lìa. “*Vô văn*” (không nghe) là ngăn lập Có, “*vô bất văn*” (chẳng phải là không nghe) nhằm ngăn lập Không, đây mới là Trung Đạo song giá nhị biên. Song Chiếu là Trung Đạo, Song Giá cũng là Trung Đạo, họ thụ dụng giống hệt nhau, tương đồng. Phương pháp để tiến nhập khác biệt, một đảng tiến nhập bằng Song Giá, một đảng tiến nhập bằng Song Chiếu. Thật ra, sau khi đã tiến nhập sẽ tương đồng. Các giáo nghĩa thông thường đều nói như vậy.

(Sớ) Ước đương tông.

(疏) 約當宗。

(Sớ: Nếu xét theo tông này).

Chữ “*đương tông*” chỉ Tịnh Độ Tông chúng ta. Cách nhìn và cách giảng chữ Văn trong tông này như thế nào?

(Sớ) Tắc truyền pháp thánh nhân, dĩ ngã vô ngã bất nhị chi Chân Ngã, căn cảnh phi nhất dị chi diệu nhĩ, văn Sa Bà Cực Lạc vô chương ngại chi pháp môn dã.

(疏) 則傳法聖人，以我無我不二之真我，根境非一異之妙耳，聞娑婆極樂無障礙之法門也。

(*Sớ*: Bạc thánh nhân truyền pháp, lấy Ngã và Vô Ngã chẳng hai làm Chân Ngã, lấy Căn và Cảnh chẳng một, chẳng khác làm cái tai nhiệm mầu, để nghe pháp môn chẳng chướng ngại giữa Sa Bà và Cực Lạc).

Đây là giải thích theo giáo nghĩa của tông này. Nên giảng câu “*dĩ ngã vô ngã bất nhị chi chân ngã*” như thế nào? Ngã là Có, nói theo Tướng. Vô Ngã là nói theo Thê. “*Ngã vô ngã bất nhị*” là Thê và Tướng chẳng hai, mà cũng là Tánh và Tướng như nhau, cũng là: Có chính là Không, Không chính là Có, chẳng phải Có, chẳng phải Không, hoàn toàn kiến lập từ Trung Đạo; nói tới ý nghĩa này! Vì sao? Vì tông của chúng ta là Đại Thừa Đốn Giáo, pháp môn này thành tựu trong một đời, bảy ngày thành tựu. Pháp môn Niệm Phật là Đốn Giáo, có thể nói các vị tổ sư đại đức các tông các phái xưa nay đều công nhận: Đây là pháp môn Đốn Giáo, viên cực, đốn cực. Vì thế, phải chọn cách nhìn của Đốn Giáo để [giảng giải chữ Văn] thì mới là đúng.

“*Căn Cảnh phi nhất dị chi diệu nhĩ*”: “*Căn*” là Nhĩ Căn. “*Văn*” sử dụng Nhĩ Căn, “*Cảnh*” là âm thanh. Đối tượng của Nhĩ là âm thanh. “*Căn cảnh nhược nhất, tắc nhị câu thành không*” (Nếu Căn và Cảnh là một, thì hai thứ đều trở thành Không), rỗng không, cả hai thứ [Căn và Cảnh] đều chẳng thể thành lập. “*Kim phi nhất, phi dị, tắc Không Hữu song khiển, tức thị Đốn Giáo song giá Trung Đạo dã*” (Nay chẳng một, chẳng khác, tức là Không lẫn Hữu đều mất, chính là Trung Đạo ngăn lập hai bên trong Đốn Giáo vậy). Chẳng thể nói là một, mà cũng chẳng thể nói là “*dị*” (khác). “*Dị*” là chẳng một. Một và Chẳng Một đều chẳng thể kiến lập, đó mới là diệu! Nói Nhất, sẽ chẳng là Dị; nói Dị sẽ chẳng là Nhất. Nay Không và Có cùng tồn tại, Không và Có chẳng hai, song giá, song chiếu, giá và chiếu đồng thời, chúng ta thường nói là “*Tịch mà thường Chiếu, Chiếu mà thường Tĩnh*”. Vì thế, cái Tai này tuyệt diệu tốt bậc, sử dụng cái Tai tuyệt diệu này [để nghe]!

“*Văn Sa Bà Cực Lạc vô chướng ngại chi pháp môn*” (nghe pháp môn chẳng chướng ngại nơi Sa Bà và Cực Lạc): Sa Bà là nơi chúng ta đang cư trú; Cực Lạc là nơi chúng ta muốn đến. Tuy kinh nói hai nơi này cách nhau mười vạn ức cõi Phật, nói thật ra, Sa Bà vắng sanh Cực Lạc chẳng ngăn ngại, thế giới Cực Lạc cũng chẳng ngăn ngại thế giới Sa Bà. Đó là “*câu tồn*” (cùng tồn tại)! Đây là pháp môn Song Chiếu. “*Sở vị cứu cánh cực quang, bất việt phạm phu nhất niệm*” (Tức là nói quang minh tốt bậc rốt ráo chẳng ra ngoài một niệm của phạm phu), giảng như thế nào? Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, đương nhiên

trong ấy bao gồm cả Sa Bà lẫn Cực Lạc, đúng như kinh Hoa Nghiêm đã dạy: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, chẳng có chương ngại! Hiểu rõ đạo lý này sẽ thấy thấu suốt. Chỉ sau khi đã thấy thấu suốt, chúng ta mới buông xuống tất cả những nỗi ngờ vực, lo lắng. Hễ buông xuống, nhất tâm bèn hiện tiền.

Do vậy biết: Nhất tâm bất loạn chẳng khó chứng, chẳng khó đắc! Hiện thời, chúng ta ngờ vực, lo nghĩ quá nhiều, cho nên nhất tâm chẳng thể hiện tiền. Không chỉ nhất tâm chẳng thể hiện tiền, ngay cả công phu thành phiền cũng chẳng thể hiện tiền, chuyện này rất phiền! Chẳng thể hiện tiền, tuy chúng ta niệm, nhưng công phu chẳng đắc lực. Do vậy, phải nói lắm kinh luận dường ấy, sâu ngàn ấy. Nói thật ra, Lý này vốn sâu xa, nhưng sâu có thể nói thành cạn, cạn thì cũng chỉ cạn đến một mức độ nào đó, Lý này quả thật sâu như thế. Sau khi đã hiểu rõ, nói chung, đều là một mục đích, buông xuống hết thảy các mối ngờ vực, lo lắng mà thôi! Buông hết thảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng xuống, sẽ thành công.

Chúng ta thật sự có thể buông hết thảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng xuống, quý vị sẽ là người thượng thượng căn, từ nay trở đi, chẳng cần phải nghe kinh giáo nữa. Kinh điển [đối với người ấy sẽ] như thế nào? Giấy lộn! Một đồng giấy lộn! Giảng kinh là gì? Nói nhăng nhít! Chẳng cần tới! Nếu trong tâm còn có nghi lự (ngờ vực, lo lắng), thì vẫn cần phải có những thứ ấy (kinh điển và lời giảng kinh), vì sao? Chúng có thể giúp chúng ta giảm bớt và tiêu trừ nghi lự, tác dụng ở chỗ này. Nói cách khác, bản thân chúng ta vẫn chưa phải là thượng thượng căn, vẫn còn có nghi lự, trong tâm vẫn có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, chắc chắn chẳng phải là thượng thượng căn! Bậc thượng thượng căn phân biệt, chấp trước, vọng tưởng thảy đều xóa sạch, thảy đều chẳng còn. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 105

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang thứ hai trăm lẻ ba.

(Sao) Phế Biệt tùng Tổng giả, dĩ bất văn “nhĩ văn”, nhi văn “ngã văn”. Lương diêu Ngã tác thống thâu chư căn thức đẳng, dĩ Tổng cai Biệt, cố văn “ngã văn”.

(鈔)廢別從總者，以不云耳聞，而云我聞。良繇我則統收諸根識等，以總該別，故云我聞。

(Sao: “Phế Biệt, theo Tổng”: Do chẳng nói “tai nghe” mà nói “ta nghe”, ấy là vì Ngã bao gồm các Căn, Thức v.v... nên dùng Tổng để bao gồm Biệt. Vì thế, nói “ta nghe”).

Ý nghĩa của đoạn này rất rõ ràng. Chúng ta nói “mắt, tai, mũi, lưỡi, thân” là những bộ phận trên thân thể chúng ta, nói Ngã thì toàn bộ các bộ phận nhiều như vậy đều được bao gồm. Vì thế, chẳng nói là “nhĩ văn” mà nói là “ngã văn”.

(Sao) Thỉ Giáo đẳng giả.

(鈔)始教等者。

(Sao: Thỉ Giáo v.v...)

Đây là giải thích [các ý nghĩa về Ngã] theo Thỉ Giáo, Chung Giáo, và Đốn Giáo trong Đại Thừa.

(Sao) Nhược văn ngã ký vô ngã, văn diệc vô văn, thị Đại Thừa sơ môn, Thỉ Giáo ý dã.

(鈔)若云我既無我，聞亦無聞，是大乘初門，始教意也。

(Sao: Nếu nói “ngã đã là vô ngã, có nghe cũng như không nghe”, thì đó là ý nghĩa trong Thỉ Giáo, tức là bước đầu của Đại Thừa vậy).

Câu này nói về giáo nghĩa trong Thỉ Giáo. Đại Thừa Thỉ Giáo giảng về Không, hoàn toàn nói theo thể tánh. Nếu dùng thuật ngữ triết học hiện đại để nói thì Thỉ Giáo giảng về bản thể của vạn hữu trong vũ trụ. Bản thể

là không tịch; do vậy, hết thấy hiện tượng đều là pháp được sanh bởi nhân duyên. Phàm là “*nhân duyên sanh pháp*” (pháp sanh bởi nhân duyên) sẽ chẳng có tự tánh, chẳng có tự thể. Vì thế, Ngã quả thật là chẳng thể được (bất khả đắc). Đã chẳng có Ngã thì ai nghe? Đương nhiên cũng chẳng có ai nghe. Đối với Không Tông của Tiểu Thừa và Bát Nhã của Đại Thừa, đều có thể nói là “*hết thấy các pháp đều Không*”, như thường nói: “*Phật diệc vô thuyết, ngã diệc vô văn*” (Phật cũng chẳng nói, ta cũng chẳng nghe), đó gọi là “*chân văn*”. Ý nghĩa này khá sâu, nhất là tông Bát Nhã trong Đại Thừa, [kinh điển thuộc] hệ thống Bát Nhã quả thật khá sâu!

Đọc Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, chúng ta thấy cư sĩ Giang Vị Nông đã nói rất rõ ràng: Trong thời đại Đường - Tống, rất ít người muốn giảng kinh Kim Cang, do nguyên nhân nào? Chỉ sợ người ta nghe xong nảy sanh hiểu lầm, đọa vào Ác Thủ Không (sai lầm do chấp trước lý Không, phủ nhận mọi sự tướng, phé bỏ tu hành) sẽ phiền toái to lớn. Vì thế, trong kinh thường nói: “*Ninh khả chấp Hữu như Tu Di sơn, bất khả chấp Không như giới tử*” (Thà chấp Có như núi Tu Di, chẳng chấp Không chùng bằng hạt cải). Đó là nói quý vị chấp trước Có, người ấy có thể cứu, Có là như thế nào? Có nhân, có quả, tối thiểu quý vị chẳng dám làm chuyện xấu, sẽ làm việc thiện, thiện có thiện báo, ác có ác báo, còn cứu được! Nếu chấp trước Không, điều gì cũng đều là Không, chuyện xấu gì kẻ ấy cũng dám làm, vì sau khi làm đâu có gì, rỗng không mà! Không xong rồi, rất nhiều tệ nạn! Vì thế, cổ nhân cũng chẳng muốn giảng kinh luận Bát Nhã do sợ người nghe nếu chẳng hiểu rõ ý nghĩa thật sự, sẽ thường nảy sanh hiểu lầm.

Gần đây, người bàn luận Bát Nhã (giảng Không) rất nhiều, nói rất huyền, rất diệu, nói đến nổi hoa trời rơi loạn xạ, thật ra, kẻ ấy có Không hay chẳng? Tôi thấy kẻ ấy chẳng Không! Vì sao? Kẻ ấy rất coi trọng danh lợi, rất so đo, có thể thấy kẻ ấy chẳng Không, miệng nói Không, trong tâm chẳng Không. Kẻ ấy nói Không, chắc chắn chẳng phải là nghĩa Không trong tam thừa, vì sao? Nếu chính mình chẳng nhập cảnh giới ấy, những gì quý vị nói đều chẳng thật, giả trá! Chính mình ắt phải khế nhập cảnh giới ấy, thật sự thấu hiểu; sau đó, quý vị nói ra, ý vị sẽ khác hẳn. Hiện thời có rất nhiều kẻ nói Không, đàm huyền thuyết diệu đều là trên mặt văn tự, phần lớn là đọc mấy cuốn sách, miệng nói thao thao như nước chảy; nếu quý vị thật sự hỏi kẻ ấy mấy câu, hẳn cũng chẳng thể đáp được! Chúng ta phải hiểu điều này!

Cư sĩ Giang Vị Nông đồ công sức bốn mươi năm nơi kinh Bát Nhã rất đáng giá, quả thật, ông ta có thể thấu hiểu [Bát Nhã] đôi chút. Tuy có

thể thấu hiểu đôi chút, ông ta vẫn chuyên tu Tịnh Độ, cầu nguyện vãng sanh, đó nghĩa là gì? Thừa quý vị, đây là thật sự hiểu được nghĩa Không. Nói cách khác, kẻ chủ trương “*hết thấy đều là Không, vạn pháp đều là Không, trong ngoài đều Không*”, hủy báng Tịnh Độ, chẳng muốn cầu sanh Tịnh Độ, thật sự chẳng hiểu nghĩa Không! Mã Minh Bồ Tát, Long Thọ Bồ Tát đều là tổ sư Không Tông, nhưng những vị ấy đều phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Tám tông phái của Đại Thừa Trung Quốc đều do ngài Long Thọ truyền dạy. Vì thế, ngài Long Thọ là tổ sư chung của cả tám tông, là tổ sư khai tông của tám tông phái Đại Thừa, nhưng Ngài là một người cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, ta biết: Không có tông nào chẳng quy về Tịnh Độ, cuối cùng đều là chỉ quy Tịnh Độ. Chúng ta phải nên nhận biết chuyện này!

(Sao) Nhược vân tùng duyên cố Không, bất hoại giả danh, tức bất văn nhi văn, văn nhi bất văn, Chung Giáo ý dã.

(鈔)若云從緣故空，不壞假名，即不聞而聞，聞而不聞，終教意也。

(Sao: Nếu nói do các duyên nên là Không, chẳng hoại giả danh, tức là “chẳng nghe mà nghe, nghe nhưng chẳng nghe” sẽ là ý nghĩa trong Chung Giáo).

Chung Giáo là giai đoạn cuối cùng của Đại Thừa, đến lúc ấy, chú trọng giảng về hiện tượng, tức là nói về Tướng. Bởi lẽ, Thi Giáo giảng về Thê. Thê là rỗng không, nhưng Thê có tướng, tướng là Có, tướng chẳng Không! Nhưng quý vị cũng chớ nên chấp trước tướng Có ấy là thật sự có! Nó đúng là có, nhưng chẳng phải là thật sự có. Nói thật ra, Phật pháp giảng về chân và vọng bằng một định nghĩa rất đơn giản, rất dễ hiểu! Phàm là “chân”, chắc chắn sẽ chẳng biến đổi, mà vĩnh viễn thường trụ, Phật pháp gọi nó là Chân. Nếu nó thường thay đổi, Phật pháp gọi nó là Giả, là giả tướng, chẳng phải là chân tướng. Chúng ta nghĩ xem có tướng nào vĩnh viễn không biến đổi? Tìm không ra! Động vật có sanh, lão, bệnh, tử, tức là chúng biến đổi trong từng sát-na. Thực vật có sanh, trụ, dị, diệt, cũng biến đổi trong từng sát-na. Khoáng vật có thành, trụ, hoại, không, biến xanh, ruộng dâu, vẫn là biến đổi! Nói cách khác, quý vị tìm không được thứ gì vĩnh hằng chẳng thay đổi. Do vậy, đức Phật bảo chúng ta: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Những tướng ấy đều là pháp sanh diệt, chẳng phải là thường trụ. Nói cách khác, duyên sanh, duyên diệt, là pháp được sanh bởi nhân duyên. Do nhân duyên sanh, điều này vô

cùng rõ rệt, có thể nhìn thấy được. Tướng là Có, cái Có ấy là tạm thời có. Thí dụ như trong cõi này, một người sống tới tám chín mươi tuổi; trong tám chín mươi năm đó, người ấy tồn tại, nhưng trước đó chẳng có, mà sau đó cũng chẳng có!

Chiều thứ Bảy hôm trước, tôi ở đại y viện Đài Loan, trong bệnh viện có hội Niệm Phật, rất khó có, mời tôi đến giảng diễn. Tôi thấy vậy, rất cảm động. Những bác sĩ và y tá hướng dẫn một số bệnh nhân niệm Phật, niệm rất khẩn thiết, rất khó có! Vì họ hằng ngày thấy kẻ này đi, người khác tới, thấy hiện tượng đó, nên họ cảm nhận khác hẳn chúng ta: Các bệnh nhân đang bệnh khổ. Các đồng tu bên kia (bên Mỹ) bảo tôi: Vợ cư sĩ Châu Tuyên Đức ở Los Angeles đã vãng sanh ngày Mười Ba tháng Giêng. Bà cụ năm nay chín mươi tuổi, hai vợ chồng cụ cùng tuổi. Tôi nghĩ đời người đúng là vô thường, khi tôi giảng diễn ở Los Angeles, mỗi ngày bà cụ đều đến nghe. Xa cách chừng ba tháng, cụ đã ra đi rồi, vạn pháp vô thường!

Tướng ấy là giả có, trong Phật pháp còn gọi là Diệu Hữu. “*Diệu*” là nó chẳng phải là thật; tuy chẳng thật, nhưng nó có, chẳng thể nói nó không có. Thể là Không, tướng là giả, tướng có. Tâm Kinh nói: “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc*”. Không là nói về Thể, nói tới bản thể; Sắc là nói về hiện tượng, Thể và hiện tượng là một. Nói cách khác, Thể là Không, Tướng cũng là Không, điều này cho chúng ta thấy: Thể lẫn Tướng đều chẳng thể chấp; hễ chấp trước thì thứ gì cũng là sai lầm! Ở đây nói: “*Duyên sanh có không*” (do các duyên sanh ra nên là Không) là nói về Tướng, nói theo phương diện Tướng.

“*Bất hoại giả danh*”: Giả danh chẳng hoại, đương nhiên giả tướng càng chẳng phá hoại. Vì thế, “*Phật pháp trên thế gian, chẳng hoại tướng thế gian. Phật pháp trên thế gian, chẳng lìa pháp thế gian*”. Người thật sự tu hành, đạo tràng ở trong tâm, chẳng ở nơi hình tướng bên ngoài. Đạo tràng ở trong lòng, lục căn tiếp xúc lục trần cảnh giới thủy đều là “tu hành”. Nói theo thực tế, bất luận tông phái nào, phương pháp tu hành cao cấp đều vốn là như vậy. Cuộc sống là Phật pháp, Phật pháp là cuộc sống, Phật pháp và cuộc sống của chúng ta hoàn toàn dung hợp thành một thể. Kinh Hoa Nghiêm giảng rõ nghĩa thú này. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm vô cùng thích hợp với con người hiện thời, nhất là phương Tây tư tưởng cởi mở, cuộc sống tự do, hoàn toàn tương ứng với cảnh giới Hoa Nghiêm, chỉ cần quý vị thật sự hiểu rõ ràng, chắc chắn người ấy sẽ đạt được sự hưởng thụ tối cao trong cuộc sống. Chẳng giống như Tiểu Thừa và Quyền Giáo chấp vào hình tướng, có nghi thức nhất định, có nghi quy nhất định, cuộc sống

của Thi Giáo Đại Thừa Bồ Tát là tu trì. Vì thế, chẳng hoại giả danh, chẳng hoại giả tướng, chẳng hoại pháp thế gian; đây là “*chẳng nghe mà nghe, nghe nhưng không nghe*”. Có sao nói “*chẳng nghe*”? Nói theo Lý, sẽ chẳng có nghe. Nói theo Lý, Thế là Không, Tướng là giả, lấy đâu ra nghe? Nhưng nói theo Sự thì có nghe, có Lý, có Sự! Vì vậy, “*chẳng nghe mà nghe, nghe nhưng không nghe*”. Lý Sự viên dung, Lý Sự chẳng trở ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, đây mới là viên cực, diệu cực! Đó là giáo nghĩa của Đại Thừa Chung Giáo.

(Sao) Nhược vân năng sở song tịch, vô văn bất văn, ly niệm đốn hiển, Đốn Giáo ý dã.

(鈔)若云能所雙寂，無聞不聞，離念頓顯，頓教意也。

(Sao: Nếu nói Năng và Sở cùng vắng lặng, chẳng có Nghe và Không Nghe, lìa niệm, mau chóng hiện rõ, là ý nghĩa trong Đốn Giáo).

Đây là ý nghĩa “*vạn pháp duyên sanh*” (vạn pháp do các duyên sanh ra). Vì duyên sanh nên chúng chẳng có tự tánh. Do đó, hiển lộ hết thấy các pháp cũng là Không. Duyên sanh tỏ rõ [các pháp] vô tự tánh, duyên sanh là Năng Hiển, vô tự tánh là Sở Hiển. “*Năng Sở song tịch*” là hai bên đều tách lìa. Nghe và Chẳng Nghe là hai bên; do vậy, nói Chẳng Nghe cũng là “*Chẳng Không Nghe*”. Chữ Vô ấy bao trùm những điều sau đó. “*Vô văn, vô bất văn*” (không nghe, chẳng phải là không nghe) là rời khỏi hai bên. “*Ly niệm đốn hiển*”: Ly niệm là chân tâm, chân tâm ly niệm, ở đây, chúng ta gọi [chân tâm] là “*nhất tâm*”, tức là Lý nhất tâm bất loạn, nhất tâm bèn hiện tiền. Đó là cảnh giới rất cao, chúng ta thường gọi là “*nhất niệm bất sanh*”, Lục Tổ nói “*vốn chẳng có một vật*” là nói đến cảnh giới ấy. Người Đại Thừa viên đốn tu gì trong cuộc sống? Tu điều này, tu “*nhất niệm bất sanh*” trong xử sự, đãi người, tiếp vật. Nhất niệm bất sanh là Thiên Định rất sâu, họ tu điều ấy. Chuyện bên ngoài hiểu rõ ràng, rành rẽ, đó là Tu Huệ, giữ cho Định Huệ cân bằng.

Từ xưa tới nay, các vị đại đức đều thừa nhận kinh Di Đà là pháp môn viên đốn, quý vị hiểu: Nói thật ra, người niệm Phật là tu Phật pháp cao cấp nhất, trong bất luận cảnh giới nào chỉ quan tâm một câu A Di Đà Phật, hết thấy những vọng tưởng, tạp niệm khác thấy đều buông xuống, đó là Đốn! Nghe và Chẳng Nghe là hai bên, hai bên đều buông xuống, trong tâm chỉ giữ một câu Phật hiệu. Hết thấy buông xuống là Song Tịch; chỉ giữ một câu Phật hiệu là Song Chiếu, Tịch - Chiếu đồng thời. Vì thế, sức mạnh ấy chẳng thể nghĩ bàn. Nay chúng ta công phu niệm Phật chẳng

đắc lực, tuyệt đối chẳng phải vì pháp môn không hay, mà vì bản thân chúng ta chẳng thể nương theo pháp môn này để tu học, lỗi lầm ở nơi chính mình, chẳng do kinh điển, chẳng do Phật, Bồ Tát! Rốt cuộc lỗi lầm ở chỗ nào? Do chúng ta chưa thể buông tham, sân, si, mạn xuống, chưa thể buông thị phi, nhân ngã xuống, chướng ngại ở chỗ này. Nếu thị phi, nhân ngã, tham, sân, si, mạn thấy đều buông xuống, há công phu chẳng đắc lực ư? Thị phi, nhân ngã là duyên bên ngoài, tham, sân, si, mạn là duyên bên trong, đều là giả, đều chẳng thật, vì sao? Thấy đều là “*duyên sanh pháp*”, tức pháp sanh bởi các nhân duyên, bản thể của chúng là Không. Chúng ta mê nơi những hiện tượng hư huyền ấy, giống như nằm mộng mà chẳng biết chính mình đang nằm mộng, coi mộng là thật, hồng lét ở chỗ này. Do vậy, công phu chẳng đắc lực.

“*Vô*” và “*ly*” đều có nghĩa là Bỏ. Nếu chúng ta có thể buông những thứ ấy xuống, tâm chúng ta lập tức thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là chân tâm, là bản tánh của chúng ta, là Lý nhất tâm bất loạn như kinh này đã nói. Đó là ý nghĩa Đốn Giáo, tương ứng với kinh này.

(Sao) Ngã vô ngã giả, sanh nhi bất sanh, bất sanh nhi sanh, tức Pháp Thân cố. Căn cảnh giả, văn thuyết A Di Đà Phật, năng văn, sở văn, phi nhất dị cố. Sa Bà, Cực Lạc giả, sở vị Sa Bà y chánh, toàn xử Cực Lạc chi tự tâm cố. Dĩ thử kinh phần nhiếp u Viên, ưng quy Pháp Tánh cố.

(鈔)我無我者，生而不生，不生而生，即法身故。根境者，聞說阿彌陀佛，能聞所聞，非一異故。娑婆極樂者，所謂娑婆依正，全處極樂之自心故。以此經分攝於圓，應歸法性故。

(Sao: “Ngã, vô ngã”: Sanh mà chẳng sanh, chẳng sanh nhưng sanh, tức là Pháp Thân. “Căn, cảnh”: Nghe nói A Di Đà Phật, chủ thể nghe và đối tượng được nghe đều chẳng phải là một hay khác. “Sa Bà, Cực Lạc” ý nói: Y báo và chánh báo cõi Sa Bà hoàn toàn thuộc trong Cực Lạc nơi tự tâm. Do kinh này thuộc về Viên một phần, nên phải thuộc về Pháp Tánh).

Đây là nói đến “ngã, vô ngã”, đại sư giải thích: Sanh mà chẳng sanh, chẳng sanh nhưng sanh. Sanh là Có, sanh là Ngã; cũng có thể nói Sanh là phàm phu, vì phàm phu chấp trước Sanh. Vô Sanh là A La Hán, Tiêu Thừa. Tiêu Thừa vô ngã, do đã đoạn Ngã Chấp. A La Hán tuyệt đối

chẳng còn chấp trước thân này là ta, vì Ngài đã thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật, không có Ngã Chấp, nhưng hãy còn Pháp Chấp. [Những lời giảng] ở chỗ này nhằm dạy chúng ta: Ngay cả Pháp Chấp cũng phải phá trừ, “*sinh nhưng chẳng sanh, chẳng sanh mà sanh, chính là Pháp Thân*”. Sanh và chẳng sanh là một, chẳng hai, vì sao có phàm phu và Nhị Thừa? Vì họ chấp trước, một đằng là chấp trước sanh nên gọi là phàm phu, kẻ chấp trước bất sanh gọi là A La Hán. Nói cách khác, một đằng chấp trước hiện tượng, tướng là có, chấp trước Có; một đằng chấp trước tánh Không, Thể chẳng có, họ chấp trước Không. Giống như trong triết học hiện thời, một đằng chấp trước bản thể, một đằng chấp trước hiện tượng. Chúng ta gọi kẻ chấp trước hiện tượng là phàm phu, họ có Ngã. Kẻ chấp trước bản thể, vô ngã, chấp trước Không. Hai bên đều trật, phàm phu chúng ta sai lầm, nhưng người Nhị Thừa cũng chưa hề đúng, vẫn là sai lầm! Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã quở trách A La Hán, Bích Chi Phật, gọi họ là “*tiêu nha bại chủng*” (giống mầm hư bại), đọa trong hầm sâu Niết Bàn là do ý nghĩa này!

Bồ Tát thông minh, chẳng chấp trước hai bên. Vì sao hai bên cũng chẳng chấp trước? Các Ngài hiểu đó là cùng một chuyện. Thể là Thể của Tướng, chẳng phải là ngoài Tướng có một Thể, chẳng phải vậy! Tướng là Tướng của Thể, chẳng phải là ngoài Thể có Tướng, giống như cổ nhân đã sánh ví: “*Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*” (dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng là vàng). Vàng ở chỗ nào? Các món đồ là vàng, vàng là đồ vật. Ngoài các món đồ, há có vàng? Ngoài vàng, há có các món đồ? Vàng và các món đồ là một, chẳng hai. Do vậy, sanh và bất sanh là một, chẳng hai, hai bên cũng chẳng chấp trước. Đây là Pháp Thân, ý nghĩa Pháp Thân bèn hiện tiền! Pháp Thân là chân ngã.

“*Căn cảnh giả, văn thuyết A Di Đà Phật*” (“Căn, cảnh”: Nghe nói A Di Đà Phật), “*năng văn*” (chủ thể nghe, cái có thể nghe) là Căn, A Di Đà Phật được nghe (sở văn) là cảnh giới. Quý vị nói xem: Rốt cuộc Năng Văn và Sở Văn là một, hay là hai? Căn thân và cảnh giới rõ rệt, đương nhiên chẳng phải là một; vì thế nói là “*phi nhất*”; nhưng Căn và Trần đều từ trong Chân Như bỗng tánh biến hiện, vì thế nói là “*phi dị*”. Dùng Duy Thức để giảng thì Căn là Kiến Phần của A Lại Da Thức; cảnh giới bên ngoài, tức Trần, là Tướng Phần của A Lại Da. Kiến Phần và Tướng Phần do cùng một Tự Chứng Phần biến hiện. Vì thế, Tánh và Tướng cùng nguồn.

Khoa học hiện đại chưa phát triển đến trình độ này, hiện thời, họ đã biết vật chất bất diệt, biết năng lượng và vật chất có thể chuyển biến thành

lẫn nhau. Khoa học hiện tại hiểu đạo lý này: “Có thể biến vật chất thành năng lượng”, bom nguyên tử được phát minh dựa trên đạo lý này. Nhưng hiện tại họ vẫn chưa biết làm thế nào để biến năng lượng thành vật chất, khoa học gia vẫn chưa biết. Nếu biết điều ấy, sẽ thụ dụng tự tại! Đúng là chúng ta muốn gì bèn có thể biến hiện thứ ấy, vì tất cả hết thảy vật chất đều do năng lượng biến hiện. Hiện tại vẫn chưa biết cách biến! Thể chất và năng lượng của vật chất được Phật pháp gọi là Trần, vật chất và năng lượng của Lục Trần; nhưng còn có một bộ phận sợ rằng khoa học cho đến hiện thời vẫn chưa tìm ra; đó là hiện tượng tâm lý, tâm năng (năng lực của tâm), họ chẳng hiểu tâm năng và vật chất là tương đồng, là một, chẳng hai, chúng có cùng nguồn. Chính vì cùng nguồn, nên tới khi quý vị không có chướng ngại, sẽ biến hóa tự tại. Như trong Tây Du Ký viết Tôn Ngộ Không có bảy mươi hai phép biến hóa, đó là “*tiểu vu*” (phù thủy oắt con), quá nhỏ bé! Đến khi quý vị chẳng có chướng ngại, thần thông sẽ rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị có thể biến hóa tam thiên đại thiên thế giới, chắc chắn sẽ có thể! Vì sao? Tam thiên đại thiên thế giới cũng do tâm năng của chúng ta biến hiện!

Vì thế, nhìn từ căn nguyên, chúng tương đồng, chẳng phải là hai thứ, chẳng khác biệt! Nhìn từ hiện tượng trước mắt, chúng không đồng nhất, chẳng phải là một; nhưng nhìn từ căn bản, cội nguồn, chúng lại chẳng phải là hai! Vì thế, nói “*phi nhất, phi dị*”, Lý này vô cùng sâu xa! Nhưng chúng ta có thể hiểu được thì sau khi hiểu sẽ nhập cảnh giới ấy. Nhập cảnh giới ấy, chân tướng sự thật được tỏ bày; nói cách khác, bản năng hiện tiền. Trong Phật pháp, nói đến tu hành thì vì sao một gã phàm phu có thể thành La Hán? Thành Bồ Tát? Thành Phật? Tất cả hết thảy nguyên lý tu hành căn cứ trên đâu? Căn cứ trên đạo lý này! Do vậy ta biết: Nói tới “tu hành” thì chắc chắn chẳng phải là tu trí huệ, hay tu thần thông, đạo lực, chẳng phải vậy, vì trí huệ, thần thông, đạo lực vốn sẵn đủ, rốt cuộc là tu gì vậy? Tu sửa mê hoặc, điên đảo; trí huệ, thần thông, đạo lực vốn có của chúng ta bị mê, chẳng biết, nay quý vị trừ khử mê, khôi phục bản năng (năng lực sẵn có), tu là tu những điều ấy!

Ngàn muôn phần dừng làm lẫn, ngõ ngoài bỗn tánh của chúng ta còn có trí huệ, thần thông, [tương như vậy] là làm mất rồi, biến thành ngoại đạo! Vì thế, phải hiểu ngoài tâm không có hết thảy các pháp, phải hướng vào trong tự tánh để cầu hết thảy các pháp. Do đó, Phật pháp gọi là “nội học”, cầu pháp ngoài tâm gọi là ngoại đạo. Nay chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Tây Phương Cực Lạc thế giới ở nơi đâu? Do tự tâm của chúng ta biến hiện! Quý vị phải hiểu rõ đạo lý

này. Nay chúng ta dùng một câu Phật hiệu để khai phát tự tánh. Nếu quý vị nghĩ ngoài cái tâm này có một Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngoài tâm có A Di Đà Phật, Ngài có thể đến giúp chúng ta, vậy là quý vị đã biến thành ngoại đạo, niệm Phật mà niệm đến nỗi trở thành ngoại đạo! Ở đây, [đại sư] nói với chúng ta nhiều như thế nhằm dạy chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật.

“*Sa Bà y chánh, toàn xử Cực Lạc chi tự tâm*” (y báo và chánh báo của cõi Sa Bà hoàn toàn thuộc trong Cực Lạc nơi tự tâm). Thế giới Sa Bà là hoàn cảnh cư trụ hiện tại của chúng ta. Mấy năm nay, tôi thường ra ngoại quốc, đối với sự học Phật của bản thân tôi rất hữu ích, tôi ngộ hiểu sâu xa, ngộ gì vậy? Mỗi ngày đều làm khách! Có nhà hay chẳng? Trở về Đài Loan, ở lâu nhất là hai tháng. Vì thế, trong quan niệm của tôi, thế giới này là lữ quán, mỗi ngày đều lữ hành. Lại suy nghĩ: Cả đời này, chúng ta lữ hành mỗi ngày, cho nên chẳng chấp trước bất cứ nơi nào, vì sao? Ở hai ngày lại phải đi, đối với con người lẫn sự việc đều rất lộn lộn. Lại suy nghĩ: Nếu chúng ta chẳng sanh Tịnh Độ, thì vẫn là lữ hành trong lục đạo. Hôm nay ở nhân đạo, ngày mai trong súc sanh đạo, ngày một tới địa ngục đạo; lữ hành trong sáu nơi của lục đạo, chuyển qua, chuyển lại! Sau khi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì sao? Vẫn lữ hành. Tới đó thành Phật, tới mười phương thế giới hóa độ chúng sanh. Nơi nào có duyên bèn đến đó, duyên hết lại ra đi. Chân tướng của đời người là như thế. Vì thế, đối với mỗi nơi nào, người nào, những thứ chấp trước sẽ tự nhiên phai nhạt.

Phai nhạt sẽ có lợi là Ái Biệt Ly (yêu thương mà phải chia lìa), Oán Tằng Hội Khô (oán ghét mà phải gặp gỡ) chẳng có! Chẳng lưu luyến, tôi tới chỗ nào, người ta hoan nghênh, gặp mặt vui vẻ, rời khỏi nơi ấy, quên sạch sành sanh! Tôi chẳng viết cho ai một lá thư nào, chẳng thể mở ra lệ ấy. Vì viết thư, người ta sẽ nói: “Pháp sư viết thư cho người khác, chẳng viết thư cho tôi”. Rất phiền! Thấy đều chẳng viết, mọi người nhất loạt bình đẳng. Đó là tốt nhất! Quý vị cũng chẳng cần nghĩ tới tôi, tôi cũng chẳng nhớ tới quý vị, sạch lầu! Đi đến [một nơi nào đó], tôi sẽ gửi thông cáo, tôi gửi thông cáo bằng cách nào? Tôi đem vé máy bay photocopy ra mấy tấm, đem bản sao gửi cho họ. Họ sẽ biết khi nào tôi tới là được rồi, một chữ tôi cũng chẳng cần phải viết, thuận tiện nhất! Vì thế, thứ gì cũng lộn lộn, thật thà niệm một câu Phật hiệu A Di Đà Phật, chắc chắn có thụ dụng!

Quá khứ, ở ngoại quốc, tôi cũng đã từng nói với quý vị. Tôi nghĩ ra một phương pháp niệm Phật, tôi cảm thấy rất hữu dụng. Hiện thời, các đồng tu ngoại quốc cũng rất vui vẻ hoan nghênh. Tôi ngỡ là tôi phát minh

ra, nhưng tôi hôm qua, xem sách cũ, giờ đến phần [Những Khai Thị Trong] Phật Thất [của Hành Sách đại sư], thì ra trong niên hiệu Khang Hy nhà Thanh, Ngài cũng đã làm theo cách như thế! Hóa ra, cái tôi nghĩ là kiêu mới vẫn là thứ cũ, nhưng phương pháp cũ ấy hiện thời không ai đề xướng, không ai áp dụng phương pháp ấy. Tôi vừa trông thấy hết sức vui vẻ, nghiêm nhiên cô nhân cũng dùng phương pháp này, phương pháp ấy, quả thật là tốt đẹp, đáng nên đề xướng. Nhưng hiện thời đạo tràng này của chúng ta quá nhỏ, nếu giảng đường của chúng ta to gấp đôi như thế sẽ có thể áp dụng: Một khu để nhiều Phật, một khu chỉ tĩnh, một khu lay Phật, chia thành ba khu.

Cổ nhân dùng ba ban. Khi niệm thì cứ một ngàn câu niệm Phật luân lưu theo thứ tự thuận, tức là khi nhiều Phật phải niệm một ngàn câu Phật hiệu, niệm xong một ngàn câu Phật hiệu, quý vị bèn chỉ tĩnh (止靜)⁵³. Ban thứ hai ra khỏi chỗ, đi nhiều Phật, ban thứ nhất và thứ ba chỉ tĩnh; ban thứ hai đi nhiều, niệm Phật một ngàn tiếng xong, cũng chỉ tĩnh, ban thứ ba đi nhiều Phật. Cách nghĩ của vị ấy hoàn toàn giống như cách tôi nghĩ: Hễ vào Niệm Phật Đường bèn thôi trò chuyện, chỉ niệm Phật, không nói năng. Chẳng tụng kinh, cũng chẳng có xướng tán, [mọi nghi thức khác] đều không có, chỉ khởi đầu cây hương thứ nhất [trong ngày đầu tiên] là có. Sau đấy, suốt bảy ngày trong Phật Thất đều chẳng có. Pháp khí chỉ có một cái dẫn khánh và một cái mõ nhỏ, chỉ dùng hai thứ ấy. Tương lai, chúng ta in Phật Thất Nghi Quy, chúng ta sẽ đề xướng cách làm này. Nghi quy rất đơn giản, rất thực dụng, vì sao? Khi mọi người cùng nhau niệm Phật, sẽ chẳng cảm thấy có áp lực. Quý vị niệm ra tiếng một ngàn câu, khi chỉ tĩnh lắng nghe hai ngàn câu, sau đấy, lại xoay vòng đến quý vị, ba ban mà! Nghe niệm hai ngàn câu, chỉ tĩnh, dốc toàn bộ tinh thần lắng nghe. Nếu có lúc quý vị cảm thấy hôn trầm, bèn niệm thầm, hay Kim Cang trì, miệng chẳng niệm ra tiếng, chớ để chính mình hôn trầm, dùng phương pháp này.

Chữ “*Sa Bà*” chỉ thế giới hiện tại của chúng ta. “*Toàn xử Cực Lạc chi tự tâm*”, tự tâm là pháp giới, ở đây nói là tự tâm, kẻ bình phàm chúng ta thấy chữ này bèn hiểu sai ý nghĩa, tâm là gì? Nay ta suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung, gọi đó là tâm! Chẳng phải vậy! Cái tâm ta suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung chẳng phải là tự tâm, mà là vọng tâm. Tự tâm là cái tâm chính quý vị vốn có, nhà Thiên gọi nó là “*phụ mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục*” (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra), đó là tâm. Trong kinh Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo

⁵³ Chỉ tĩnh: ngồi yên lặng sau khi niệm Phật, có thể niệm thầm hay quán tưởng Phật hiệu. Chữ này thường bị đọc trại thành “chỉ tịnh”.

ngài A Nan đi tìm tâm, [tức là tìm] cái tâm này, đó là chân tâm. Chúng ta có một bức tranh để kết duyên gọi là Thập Pháp Giới Đồ, chính giữa [bức tranh] là Tâm, vạn pháp duy tâm, đó gọi là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, đây là chân tâm của chúng ta. Thế giới Sa Bà do tâm chúng ta biến, thế giới Cực Lạc cũng do tâm chúng ta biến. Tâm năng biến là một, thế giới được biến là hai! Thật ra, không chỉ là hai, mà vô lượng vô biên hằng sa thế giới không ra ngoài nhất tâm. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm nói tới Nhất Chân pháp giới, Nhất Chân pháp giới là gì? Tự tâm là Nhất Chân pháp giới. Mê tự tâm, con người thường coi cảnh giới bên ngoài là pháp giới, nên mới có mười pháp giới. Thật ra, pháp giới chẳng phải chỉ có mười, “mười” là biểu thị pháp, biểu thị ý nghĩa vô tận. Vì số đếm từ một đến mười, lại tính từ đầu, từ mười một đến hai mươi, từ hai mươi một tới ba mươi, [cho nên “mười”] biểu thị ý nghĩa vô tận. Sau khi mê, pháp giới là vô cùng vô tận. Sau khi giác ngộ, pháp giới là một, ở đây nói là “*phi nhất, phi dị*”, tức là Nhất Chân pháp giới. Vì thế, nói “*Sa Bà y chánh, toàn xử Cực Lạc chi tự tâm*” (y báo và chánh báo của cõi Sa Bà hoàn toàn thuộc trong Cực Lạc nơi tự tâm).

“*Dĩ thử kinh phần nhiếp u Viên, ung quy Pháp Tánh cố*” (do kinh này thuộc về một phần Viên, nên phải quy về Pháp Tánh), đức Phật giảng kinh, Lý là một, nhưng do đối tượng thính chúng khác nhau, cho nên thuyết pháp có sai khác. Có thể nói đối tượng của bộ kinh này không gì chẳng gồm thấu, trên là gồm cả bậc Đẳng Giác Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền; dưới là ác đạo chúng sanh, ngay cả chúng sanh trong địa ngục A Tỳ cũng được bao gồm trong ấy, thật sự là mười pháp giới không gì chẳng được bao gồm. Vì thế là “*tam căn phổ bị, lợi độn toàn thấu*” (thích hợp khắp ba căn, gồm thấu lợi căn lẫn độn căn), đây là giáo nghĩa Viên Giáo. Tuy chẳng phải là Thuần Viên, như kinh Pháp Hoa là Thuần Viên, nhưng kinh Di Đà cũng thuộc loại Viên Giáo, gọi là “*phần nhiếp u Viên*”.

Trong phần trước, chúng tôi đã từng đề cập, thuở ấy, Liên Trì đại sư có nỗi khổ rất bất đắc dĩ, Ngài sống vào những năm cuối đời Minh, thuộc niên hiệu Thiên Khải và Vạn Lịch nhà Minh. Thuở ấy, tại Trung Quốc đại lục, phong khí Thiên hết sức thịnh hành, mọi người cũng coi thường Tịnh Độ. Liên Trì đại sư là tổ sư trung hưng Tịnh Độ Tông, chẳng giống các vị tổ sư khác. Tính đến nay, [Tịnh Độ Tông] tổng cộng có mười ba đời tổ sư, nhưng có thành tựu đặc thù thì chỉ có ba vị đại sư. Vị thứ nhất là vị sáng lập tông này, tức là có Huệ Viễn đại sư đời Tấn, vị thứ hai chấn hưng lần nữa là Vĩnh Minh Diên Thọ. Về sau, truyền được mấy trăm năm lại dần dần suy, Liên Trì đại sư lại chấn hưng. Đây là ba vị đại sĩ lỗi

lạc của Tịnh Độ Tông. Trong tình hình ấy, phong khí nhà Thiên vô cùng thịnh hành, ai nấy xúm xít học Thiên, Ngài chẳng thể mịch lòng kẻ khác. Mịch lòng kẻ khác sẽ có lăm chướng ngại, sẽ có nhiều kẻ chống đối. Vì thế, phải nói mềm mỏng, uyển chuyển. Nếu Ngài nói kinh này là Thuần Viên, là Cực Viên, nhất định mọi người sẽ phản đối. Vì thế, trong Sớ Sao, chỗ nào Ngài cũng trích dẫn kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa, vì lẽ nào? Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đều là Thuần Viên, [dùng cách như vậy] để đề cao địa vị kinh Di Đà, vì xen lẫn kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa vào đây [để chứng minh kinh Di Đà], mọi người sẽ chẳng thể nói kinh này chẳng phải là Viên Giáo! Đây là sự bất đắc dĩ phải rất miệng, buột lòng. Bối cảnh trong thời đại của Ngài là như vậy, cho nên lời lẽ hết sức mềm mỏng, uyển chuyển!

Thật sự hiểu rõ, Ngài biết kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ là viên nhất trong các kinh Viên Giáo, là đốn nhất trong các kinh Đốn Giáo! Hiện thời có thể nói như vậy, vì hiện tại ngôn luận tự do, không ai can thiệp. Thuở ấy chẳng được! Lúc đó, áp lực trong giới Phật giáo rất sâu, Ngài chịu sức ép trầm trọng, nên chỉ có thể nói là Phần Viên, tức là trong kinh có một phần thuộc về tư tưởng Viên Giáo, có một phần là lý luận Viên Giáo. Ngài nói như vậy thì người ta nghe mới còn có thể miễn cưỡng tiếp nhận!

Trên thực tế, [pháp môn Tịnh Độ] là viên nhất trong các pháp viên, vì sao? Vì Ngẫu Ích đại sư sống vào thời Liên Trì đại sư đã phục hưng Tịnh Độ [thành công], Ngài là người kế thừa, nên Ngài nói khác với Liên Trì đại sư. Ngài bảo kinh Di Đà là “*Hoa Nghiêm áo tàng, Pháp Hoa bí tủy*” (tàng sâu màu của Hoa Nghiêm, tinh túy kín nhiệm của Pháp Hoa), Ngài nói như vậy đó! Có nghĩa là [kinh Di Đà] là pháp viên nhất trong các pháp viên, đốn nhất trong các pháp đốn; đề cao kinh Di Đà, vượt trội Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Quý vị phải hiểu, nếu không có cơ sở do Liên Trì đại sư [đã bồi đắp tốt đẹp], tổ Ngẫu Ích cũng chẳng dám nói như thế! Giống như xây bảo tháp, Liên Trì đại sư đã đặt vững nền tảng, tổ Ngẫu Ích có thể xây cao lên, lúc ấy mới là hoàn toàn chân thật hiển lộ. “*Ứng quy Pháp Tánh*”, nói hết sức có đạo lý, nhất là từ Di Đà Kinh Yếu Giải, tức là bản chú giải do Ngẫu Ích đại sư biên soạn, ta thấy [Tổ nói] đơn giản, thẳng thừng: [Kinh Di Đà] chẳng khác kinh Hoa Nghiêm, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, nhưng chỗ quy túc cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm là “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”.

(Sớ) Hoặc nghi Phật thành đạo cứu, A Nan phương thì xuất gia, hà đắc câu ngôn “ngã văn”?

(疏) 或疑佛成道久，阿難方始出家，何得俱言我聞。

(Sớ: Hoặc nghi là Phật thành đạo đã lâu, A Nan mới xuất gia, lẽ đâu [đầu các kinh] đều nói là “ta nghe”?)

Nghi vấn này, từ xưa tới nay đều có. Vì sao? Nhìn vào Phật giáo sử, hoặc đọc Thích Ca Phương Chí hay Thích Ca Phổ đều có thể nêu ra câu hỏi này. Ngày Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo, tôn giả A Nan sanh ra; tên Ngài do vua Tịnh Phạn đặt cho, tức là phụ thân của Thích Ca Mâu Ni Phật đặt tên cho A Nan. A Nan (Ānanda) dịch nghĩa sang tiếng Hán là Khánh Hỷ, [tức là] chúc mừng hoan hỷ! Vì có người tâu với vua Tịnh Phạn: “Thái Tử đã thành Phật”, đây là chuyện vui mừng rất lớn; tiếp đó, lại có người tâu, hoàng đế⁵⁴ sanh con trai, hai chuyện vui xảy ra cùng lúc; vì thế, đặt tên cho Ngài là Khánh Hỷ, tức A Nan.

Sau khi thành đạo, đức Phật liền bắt đầu giảng kinh, thuyết pháp. Đức Phật thành đạo lúc ba mươi tuổi, nói cách khác, Thích Ca Mâu Ni Phật lớn hơn A Nan ba mươi tuổi. Đức Phật thuyết pháp hai mươi năm, A Nan mới xuất gia. A Nan hai mươi tuổi mới xuất gia, làm thị giả của đức Phật. Nói cách khác, những kinh đã giảng trong hai mươi năm trước đó, A Nan chưa hề nghe qua. Sau đây là hai mươi mấy năm nữa, đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, A Nan tham dự những pháp hội ấy. Có sao kết tập kinh điển đều nói: “*Như thị ngã văn*”? Có thể nêu ra nghi vấn như vậy. Nghi vấn này xưa nay thường có người nhắc tới; ở đây, đại sư giải thích:

(Sớ) Cổ vị hữu tứ nghĩa cổ, viết “văn” vô ngại.

(疏) 古謂有四義故，曰聞無礙。

(Sớ: Cổ nhân nói do có bốn nghĩa, nên nói là Nghe chẳng trở ngại gì).

Giải thích: Ở đây có bốn ý nghĩa, cho nên đầu các kinh, ngài A Nan có thể nói “*như thị ngã văn*”.

(Sớ) Hựu A Nan hữu tam, hoặc văn bất văn, diệc vô ngại cố.

(疏) 又阿難有三，或聞不聞，亦無礙故。

⁵⁴ A Nan là con của Bạch Phạn Vương. Bạch Phạn Vương và Tịnh Phạn Vương là hai anh em ruột.

(*Sớ*: Lại nữa, có đến ba vị A Nan, nên dù nghe hay không nghe, cũng chẳng trở ngại gì).

Chú giải như vậy, chúng ta nghe [cảm thấy] rất khó hiểu, dưới đây còn phải giải thích thêm, trong lời Sao giảng:

(*Sao*) *Nghi giả, Phật thành đạo dĩ lịch niên nhị thập, A Nan xuất gia, hựu thập niên, phương mạng vi thị giả, tuy thân thị Phật, nhi tam thập niên tiền, Phật sở thuyết kinh, hà đắc câu xưng “ngã văn”?*

(鈔)疑者，佛成道已歷年二十，阿難出家，又十年，方命為侍者，雖親侍佛，而三十年前，佛所說經，何得俱稱我聞。

(*Sao*: “Nghi”: Đức Phật thành đạo đã hai mươi năm, A Nan mới xuất gia, lại còn mười năm sau đó, mới được sai làm thị giả. Tuy đích thân hầu Phật, nhưng đối với những kinh đức Phật đã nói trong ba mươi năm trước đó, vì sao đều nói là “tôi nghe”?)

Đây là nêu ra đơn giản một đoạn tiêu sử của A Nan.

(*Sao*) *Cổ đáp tứ nghĩa giả.*

(鈔)古答四義者。

(*Sao*: Cổ nhân trả lời nghi vấn ấy bằng bốn nghĩa).

Có bốn ý nghĩa.

(*Sao*) *Nhất triển chuyển văn.*

(鈔)一展轉聞。

(*Sao*: Một là lần lượt nghe lại).

Tuy đức Phật giảng kinh trong quá khứ, Ngài chưa từng nghe, nhưng có những đồng học giảng cho Ngài nghe. A Nan thích đa văn, cũng rất vui thích hướng về người khác thỉnh giáo. Vì thế, do lần lượt nghe mà Ngài được nghe.

(*Sao*) *Như Báo Ân kinh ngôn: “A Nan sở bất văn kinh, tòng chư tỳ-kheo biên văn, hoặc chư thiên tử thuyết”.*

(鈔)如報恩經言：阿難所不聞經，從諸比丘邊聞，或諸天子說。

(Sao: Như kinh Báo Ân chép: “Những kinh A Nan chưa được nghe, sẽ nghe từ nơi các tỳ-kheo, hoặc từ các thiên tử nói lại”).

“Thiên tử” thuở ấy là các vị hộ pháp của đức Phật. Các vị đại hộ pháp ấy cũng thường cùng nghe kinh. Sau khi nghe, các Ngài cũng có thể nói lại.

(Sao) Như Niết Bàn Kinh, nãi Hoàng Quảng Bồ Tát chi sở lưu thông cố.

(鈔) 如涅槃經，乃弘廣菩薩之所流通故。

(Sao: Như kinh Niết Bàn là do Hoàng Quảng Bồ Tát lưu thông).

Trong kinh Niết Bàn có chép, đức Phật bảo Văn Thù Bồ Tát: Tỳ-kheo A Nan là em họ ta, những kinh được giảng trong hai mươi năm trước đó thầy ấy chưa được nghe, sau khi ta nhập diệt, sẽ do Hoàng Quảng giúp thầy ấy lưu thông⁵⁵. Vì vậy, có kinh văn làm chứng cứ cho [lời giải thích này]. Đây là “triển chuyển văn”.

(Sao) Nhị giả, Phật trùng thuyết, như Báo Ân Kinh ngôn: A Nan nhân Phật mạng vi thị giả, nãi cầu tam nguyện. Kỳ tam, sở vị văn kinh, thỉnh Phật trùng thuyết cố.

(鈔)二者佛重說，如報恩經言：阿難因佛命為侍者，乃求三願。其三，所未聞經，請佛重說故。

(Sao: Hai là do đức Phật nói lại, như kinh Báo Ân có chép: A Nan do được đức Phật sai làm thị giả, bèn xin được thỏa ba nguyện. Nguyện thứ ba là đối với những kinh chưa được nghe, xin đức Phật nhắc lại).

Đức Phật bảo Ngài làm thị giả, Ngài nêu ra ba điều kiện⁵⁶, trong ấy, điều kiện thứ ba là “những kinh chưa được nghe, xin Phật nhắc lại”. Đức

⁵⁵ Điều này được chép trong quyển bốn mươi của kinh Đại Bát Niết Bàn,

⁵⁶ Ba điều kiện ấy là: Chẳng nhận y cũ của đức Phật, chẳng theo Phật khi Phật được thỉnh riêng (tức là có những trường hợp thí chủ chỉ mời mình đức Phật thọ trai, không mời toàn bộ Thường Tùy Chúng), ba là những kinh chưa được nghe, xin đều được nhắc lại. Hai điều đầu nhằm tránh hiềm nghi, sợ có người dị nghị là vì cơm áo mà A Nan làm thị giả của đức Phật.

Phật cũng chấp nhận. Có những kinh đã giảng trong quá khứ, Ngài chưa được nghe, có những kinh được đức Phật nhắc lại một lần, cho nên Ngài có cơ hội được nghe!

(Sao) Tam giả, A Nan tự thông.

(鈔) 三者阿難自通。

(Sao: Ba là A Nan tự thông hiểu).

Không nói, nhưng chính Ngài cũng hiểu rõ.

(Sao) Như Kim Cang Hoa Kinh ngôn: “A Nan đắc Pháp Tánh Giác Tự Tại tam-muội, sở vị văn kinh, tự năng ức trì”. Niết Bàn diệc vân: “Nhược tại, nhược bất tại, tự nhiên năng giải liễu cố”.

(鈔) 如金剛華經言：阿難得法性覺自在三昧，所未聞經，自能憶持。涅槃亦云：若在若不在，自然能解了故。

(Sao: Như kinh Kim Cang Hoa chép: “A Nan đắc Pháp Tánh Giác Tự Tại tam-muội, đối với những kinh chưa nghe, tự mình có thể nhớ giữ”. Kinh Niết Bàn cũng nói: “Dù hiện diện hay không cũng tự nhiên có thể hiểu thấu suốt”).

Nói thật ra, A Nan là đại quyền Bồ Tát thị hiện, chẳng phải thật sự là Tiểu Thừa sơ học, Ngài cũng là đến giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh, giống như diễn tuồng. Thích Ca Mâu Ni Phật đóng vai chánh, Ngài tới giúp, đóng vai phụ, lẽ đâu chẳng hiểu rõ? Ngài hoàn toàn thông đạt, đắc Pháp Tánh Giác Tự Tại tam-muội. Pháp Tánh Giác Tự Tại tam-muội là gì? Ngộ Pháp Tánh, giống như nhà Thiền nói “*minh tâm kiến tánh*” có cùng một ý nghĩa. Kiến tánh: Từ chân tánh khởi lên giác ngộ; Pháp Tánh là chân tánh, chẳng có bờ mé, cũng chẳng có quá khứ, hiện tại, vị lai. Vì thế, một người thật sự kiến tánh, chẳng có pháp thế gian hay xuất thế gian nào mà chẳng thông đạt. Thí dụ rõ rệt nhất là Thiền Tông Lục Tổ kiến tánh, cho nên có những thứ Ngài chưa từng nghe nhưng đều thông đạt, những thứ Ngài chưa xem qua, nhưng đều có thể nói được! Chỉ cần quý vị vừa nhắc tới, Ngài lập tức hiểu ngay, vì sao? Hết thấy các pháp đều do Pháp Tánh biến. Quý vị đã kiến tánh, lẽ nào chẳng thông? Vì thế, kiến tánh trọng yếu lắm!

Người như thế nào mới có thể kiến tánh? Nhất định phải tu Định, trong kinh này là tu nhất tâm bất loạn. Quý vị tu điều ấy, tâm thanh tịnh đến tột bậc, khởi tác dụng, gọi là “chiếu kiến”. Tâm giống như một tấm

gương. Tấm gương ấy sạch lâu lâu, thứ gì cũng đều không có, khởi tác dụng chiếu kiến. Chiếu kiến là trí huệ Bát Nhã, trí huệ thật sự. Mười phương ba đời không có một pháp nào chẳng biết, thấy đều chiếu kiến. Quý vị không nói, nó (cái tâm thanh tịnh ấy) chẳng có phân biệt, là bình đẳng, thanh tịnh. Quý vị vừa nói, nó lập tức có phản ứng, nó nói rõ chân tướng sự thật cùng quý vị. Vì thế, nói: “*Bát Nhã vô tri, vô sở bất tri*” (Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết). Vô tri là khi nó chiếu kiến, “*Tịch mà thường Chiếu, Chiếu mà thường Tĩnh*”, giống như một tấm gương, soi rõ ràng, rành rẽ, chẳng nói một câu nào, mà cũng chẳng có phân biệt, chẳng chấp trước, cũng chẳng giữ lại ấn tượng, nhưng hiểu rõ ràng, rành rẽ. Kể khác hỏi người ấy, hướng về người ấy thỉnh giáo, người ấy bèn khởi tác dụng, khi khởi tác dụng, không gì chẳng biết! Do vậy, quý vị muốn cầu Chân Tri thứ gì cũng đều biết thì trước hết quý vị phải cầu thứ gì cũng chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, không giữ lại ấn tượng, cầu điều này. “*Vô tri*” chẳng phải vô tri theo kiểu hoàn toàn đần độn, chẳng biết gì cả. Đần độn là vô tri thật sự, còn [vô tri] ở đây là “không gì chẳng biết”. Khi chẳng khởi tác dụng là vô tri, khi khởi tác dụng là không gì chẳng biết. Đần độn là dù khởi tác dụng hay không khởi tác dụng đều chẳng biết, đó là sai lầm!

Chúng ta phải khôi phục trí huệ và đức năng trong tự tánh; dùng một câu Phật hiệu này sẽ có thể [khôi phục]. Nhất định phải buông hết thấy thân, tâm, thế giới xuống; không chỉ buông pháp thế gian xuống, mà Phật pháp cũng phải buông xuống. Vì chẳng buông Phật pháp xuống, quý vị còn có chuyện tham luyện, tâm chẳng thanh tịnh. Do vậy, thấy đều phải buông xuống, đây mới là con đường đúng đắn để khôi phục tự tánh thanh tịnh tâm. Ngài A Nan đã minh tâm kiến tánh, là bậc đại Bồ Tát tái lai; vì thế, đối với hết thấy các kinh do đức Phật đã giảng Ngài đều biết, chẳng nghe cũng biết.

(Sao) Tứ giả, Thanh Lương chiết trung thượng tam, ngôn A Nan nữ đại quyền Bồ Tát, ảnh hưởng hoằng truyền. Như Bất Tư Nghị Cảnh Giới Kinh ngôn: Xá Lợi, Mục Liên, nữ chí A Nan đẳng, giai đại quyền Bồ Tát, hiện Thanh Văn thân, hà trệ u tích, ngôn bất văn dã.

(鈔)四者清涼折衷上三，言阿難乃大權菩薩，影響弘傳。如不思議境界經言：舍利、目連乃至阿難等，皆大權菩薩現聲聞身，何滯於迹，言不聞也。

(Sao: Bốn, ngài Thanh Lương dung hội ba nghĩa trên đây, nói A Nan là bậc đại quyền Bồ Tát, [thị hiện trong thế giới Sa Bà] để tạo ảnh

hưởng, hoằng truyền. Như kinh Bát Tư Nghị Cảnh Giới đã nói những vị như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, cho đến A Nan v.v... đều là đại quyền Bồ Tát hiện thân Thanh Văn, há bị vương mắc nơi hình tích, mà nói là [ngài A Nan] chẳng nghe ư?]

Đây là Thanh Lương đại sư thuộc tông Hoa Nghiêm đã nói dung hòa ba ý nghĩa trên đây, Ngài nói cũng vô cùng hay! Như trong các vị đệ tử Phật, Xá Lợi Phất, Mục Liên đều là cô Phật tái lai. Chánh pháp trụ thế lợi ích nhân thiên, nhưng [để giữ cho chánh pháp trụ thế] chẳng dễ dàng! Chúng sanh thiếu phước, sẽ chẳng tin; vì thế, Phật đến thế giới này, ai sẽ theo gót Ngài? Nói cách khác, ai sẽ ủng hộ Ngài? Phàm phu chẳng nhận biết, cũng coi Ngài như phàm phu, chẳng ủng hộ Phật, cho nên mới có “*một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ*”, Phật pháp mới có thể hưng long, nhất định phải có người ủng hộ.

Thời kỳ Mạt Pháp, cho đến hiện thời, trong tâm chúng sanh tưởng gì? Tham, sân, si, mạn, họ nghĩ tưởng những thứ ấy, đều là cầu pháp ngoài tâm. Vì thế, ma vừa thuyết pháp, đồ chúng cả ngàn vạn đều kéo đến. Vì sao? [Ma nghĩ]: “Kẻ khác mong cầu, ta bèn ban cho họ”. Hôm trước, tôi thấy một quyển sách, phía trước có hình Lô Thắng Ngạn đội mũ Tỳ Lô hết sức trang nghiêm đang giảng kinh Tài Thần nơi đó: “Mọi người chuộng phát tài, ta sẽ dạy mọi người phát tài ra sao!” Vì thế, mọi người đều kéo đến! Trong quá khứ, tôi ở Los Angeles nghe nói: Ông ta đến Los Angeles “hoằng pháp” là giảng kinh Tài Thần, người nghe phải mua vé vào cửa, mỗi vé hai mươi đồng Mỹ Kim, người ta xúm đen xúm đỏ đến nghe, ông ta thật sự phát tài. Vì sao? Mỗi cá nhân đều muốn phát tài, tưởng nghe giảng làm sao để phát tài sẽ có thể phát tài. Kết quả, chẳng phải là thính chúng phát tài, mà là ông ta (Lô Thắng Ngạn) phát tài! Các đồng học bên ấy bảo tôi: “Pháp sư! Nếu thầy giảng như vậy thì cũng phát tài”.

Chánh pháp là dạy người ta buông xuống hết thảy, ai bằng lòng? Không ai đến nghe cả! Bảo quý vị đối với tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần thảy đều buông xuống, bảo quý vị tu tâm thanh tịnh, đương nhiên thính chúng ít ỏi! Vì thế, chư Phật, Bồ Tát phải đến [hỗ trợ Phật]. Một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật đều là chư Phật và đại Bồ Tát đến sắm vai, đến diễn tuồng, cho đến các vị quốc vương, đại thân hộ pháp của đức Phật thảy đều là Bồ Tát tái lai. Như vua nước Xá Vệ là Ba Tư Nặc được nhắc đến trong kinh là Tứ Địa Bồ Tát thị hiện. Nếu không có những vị Phật và đại Bồ Tát ấy, ai nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật? Vì thế, chánh pháp quyết định chẳng chèo kéo, mê hoặc đại

chúng, quyết định chẳng giở trò, chẳng diễn những trò xiếc để dụ dỗ, mê hoặc chúng sanh, mà là bình phàm, chân thật chỉ dạy. Vì thế, chỉ có chư Phật và các vị đại Bồ Tát đến ủng hộ, đó gọi là “*một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ*”.

Tướng suy trong thời Mạt Pháp, chúng sanh bạc phước, Phật cũng không tới, mà Bồ Tát cũng chẳng tới. Do vậy, Phật pháp suy thì hòa hợp Tăng đoàn chẳng có, mỗi người một đạo tràng, đúng là đáng buồn! Nói thật thà, trong Phật giáo chẳng phải là không có sức mạnh, chẳng phải là thiếu tiền tài, nhưng bị phân tán! Nếu những người xuất gia đều ở cùng một chỗ, sức mạnh sẽ được tập trung lại, tuyệt diệu lắm! Mỗi người dựng một chùa, đôi bên chẳng thể hợp tác với nhau, đương nhiên Phật pháp sẽ bị tiêu diệt, đây là đạo lý nhất định. Ai có thể cứu được? Không ai có thể cứu được! Vì sao có hiện tượng này? Ma đã nói với Phật rất rõ ràng! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ma Vương Ba Tuần đã nói với Phật: “Sẽ có ngày tôi tiêu diệt Phật pháp của Ngài”. Đức Phật cười bảo hấn: “Phật pháp là chánh pháp, ông chẳng thể diệt được!” Ma liền nói: “Đến thời kỳ Mạt Pháp, tôi sẽ bảo ma con, ma cháu thầy đều xuất gia, xâm nhập toàn bộ để tiêu diệt Phật pháp”. Đức Phật nghe nói, ứa lệ, hiện thời đúng là như vậy! Kinh Lăng Nghiêm đã nói rất rõ ràng: “*Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng*”. Vì thế, ngày nay chúng ta may mắn được nghe chánh pháp, sau khi nghe thì như thế nào? Độ chính mình là chánh yếu, đây là điều trọng yếu nhất. Chính chúng ta tìm được một sinh lộ, biết thật thà niệm Phật quyết định vãng sanh.

Từ ngày học Phật, tôi chẳng tán thành dựng đạo tràng, vì sao? Dựng đạo tràng sẽ có đấu tranh, sẽ có phiền phức, tôi đã thấy quá nhiều rồi. Trước đây, thầy Lý đã bảo tôi: Khi chúng ta lập đạo tràng, mỗi cá nhân bỏ tiền hoặc ra sức, cầm sổ công đức đi hóa duyên bên ngoài, ai nấy đều là Bồ Tát, đồng lòng hiệp lực xây dựng đạo tràng. Sau khi dựng đạo tràng xong, mỗi người đều biến thành La Sát, vì sao? “Tôi hóa duyên được nhiều tiền hơn quý vị, tôi phải làm Trụ Trì”, “tuy tôi kém hơn ông, nhưng còn nhiều hơn bọn họ, tôi phải làm Đương Gia”. Trụ Trì, Đương Gia chùa miếu được chọn như thế nào? Xét coi ai hóa duyên được nhiều tiền hơn, lấy đó để xét, kẻ đó đạo đức ra sao chẳng cần bàn tới! Thậm chí, chẳng phục, tranh chấp, đấu tranh, tạo thành tình trạng ấy, tôi đã chính mắt thấy! Do vậy, đạo tràng ấy chẳng tạo dựng nên hồn! Dầu cho đã xây dựng xong xuôi, tới lúc quý vị đã chết, đồ tử, đồ tôn đâu đá nơi đó. Mọi người tranh đoạt, tạo tội nghiệp! Còn có những nơi bị kẻ tại gia chiếm đóng; trong nhà vị [Trụ Trì, Đương Gia] ấy có các thân thích đến chiếm đóng, biến đạo

tràng thành nơi ô uế! Tôi cũng đã từng thấy [chuyện này]. Tuy bản thân vị ấy không có con cái, nhưng con cái của anh em, cháu trai bên nội, bên ngoại ùa tới, chiếm đoạt chùa miếu, người xuất gia bị đuổi đi, bọn họ mỗi ngày thu tiền nhang đèn ở đó, làm chuyện này. Đây là tướng suy của Phật môn trong thời Mạt Pháp.

Do vậy, tôi thường cô vũ, khích lệ các đồng tu có tài lực, chủ trương quý vị cung cấp đạo tràng để làm gì? Cung cấp [nơi chốn] giảng kinh, tu hành, chủ quyền thuộc về quý vị, mọi người sẽ không tranh giành, cung thỉnh pháp sư hữu đức hữu học đến trụ trì. Đạo tràng của ta chẳng giao cho vị ấy, giao cho vị ấy chính là hại vị ấy. “Tôi thỉnh thầy đến làm trụ trì, hướng dẫn đại chúng tu hành, thầy bỏ đi, quyền sở hữu tài sản thuộc về tôi. Thầy tu tập tốt đẹp, tôi mời thầy trụ thêm mấy năm. Thầy tu tập lỗi thôi, tôi mời thầy trụ ba năm, thầy cuốn xéo đi, tôi lại thỉnh người khác”. Vậy thì người ấy trụ tại ở nơi nào cũng sẽ ngoan ngoãn tu học, vì sao? Chẳng tu học đàng hoàng, hết hạn ba năm, người ta chẳng mời ở tiếp nữa! [Cho nên] người ấy sẽ có đạo tâm. Giao đạo tràng cho người ấy, người ấy sẽ chẳng có đạo tâm, vì sao? Nơi này là của ta, ta làm sao thì làm, các người đừng hòng can thiệp, đạo tâm chẳng còn! Trước kia, người tu đạo thật sự có đạo tâm, vì sao? Tự viện, tùng lâm là của chung, chẳng thuộc một ai. Quý vị thật sự có đạo đức, hoan nghênh quý vị đến trụ. Nếu quý vị thiếu đạo đức, trụ vài ngày, mời quý vị hãy rời đi, hãy cuốn xéo đi! Vì thế, người ấy nhất định phải giữ quy củ, nhất định phải thật sự tu hành thì mới được đạo tràng ấy hoan nghênh, mới có thể ở lâu dài về sau. Hiện thời là mỗi người một đạo tràng.

Tuy tôi ở Đài Loan nhiều năm như vậy, rất hổ thẹn. Ở Tân Gia Ba, tôi gặp pháp sư Diễn Bồi, Ngài nói: “Thầy từ Đài Loan tới, lẽ ra phải biết chuyện của Đài Loan”. Tôi thưa: “Xấu hổ quá, tôi không biết!” Sư kể cho tôi nghe, Ngài nói: “Rất nhiều pháp sư trẻ tuổi ở Đài Loan, xuất gia chẳng bao lâu, tự mình kiếm một số tín đồ, quyên góp mua một căn phòng ở chung cư, mệnh danh là tinh xá, tự mình mỗi người một căn”. Ngài nói ở nơi nọ, dường như có bảy tám chục chỗ đều giống như vậy, lắp điện thoại, chỗ nào có “Phật sự” cần mời, người ấy đến niệm kinh. Niệm xong, trở về, tự mình hưởng thụ một mình, chẳng bị ai cai quản, đều là kiểu đó, làm thế nào được! Vì thế, đối với chuyện truyền giới tại Đài Loan, Ngài rất chán ngán! Pháp sư Diễn Bồi bảo tôi: “Nếu cứ tiếp tục truyền như vậy, Phật giáo chẳng diệt vong cũng không được! Hình tượng đều bị phá sạch! Trước kia, người xuất gia phải học giới năm năm. Khi quý vị xuống tóc xuất gia, phải trụ trong chốn thường trụ tối thiểu năm năm, củng cố căn

cơ vững vàng rồi mới có tư cách đi tham học. Đâu có như bây giờ, mỗi người một đạo tràng, tẻ quá!” Đúng là một vị pháp sư tốt mới có thể nói ra những lời này!

Pháp sư Thánh Nhất ở Hương Cảng cũng là một người rất lỗi lạc, Ngài thường sang khuyến hóa tại Đại Lục, Phật giáo Đại Lục vô cùng tôn trọng Ngài. Có lần, Ngài bảo tôi: Ở Đại Lục có một ngôi chùa mới được khôi phục, họ chẳng biết làm theo cách nào, bèn thỉnh giáo Ngài. Họ nêu ý kiến là trong chùa miếu hiện thời, mỗi vị thường trụ có một phòng riêng, tức là mỗi người có một liêu phòng. Pháp sư Thánh Nhất nghe xong hết sức phản đối, Ngài bảo: “Chẳng thể được! Chùa miếu Trung Quốc từ xưa tới nay đều là ở theo lối quảng đơn”. “*Quảng đơn*”⁵⁷ là phòng ngủ chung. Sư nói: “Mỗi người ở một phòng, đóng cửa lại, kẻ ấy làm gì ai thấy? Mỗi người ở riêng một phòng, chắc chắn tu không thành công, vì sao? Tập khí khuyết điểm đều xuất hiện!” Do vậy, những vị tiền bối ở Đại Lục nghe lời Ngài, chẳng cất liêu phòng cho mỗi cá nhân, thay đều làm phòng ngủ chung. Vì thế, người tu hành ban ngày ở chung chỗ, mọi người nhìn thấy quý vị. Tối đi ngủ, cũng là mỗi người thấy kẻ khác, như vậy thì mới có thể dần dần đoạn hết tập khí từ vô thủy kiếp; đó là đúng! Chẳng phải là nói chúng ta ngày nay hưởng thụ cuộc sống vật chất dư dả, mỗi người có thể ở một phòng, lại còn một suite, hay thì hay đấy, nhưng là vào tam đồ ác đạo, chẳng thể đến Tây Phương! [Muốn] tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn phải ở trong phòng ngủ tập thể, trụ quảng đơn! Đừng nói chi khác, ở trong phòng ngủ tập thể, tôi nghĩ mức độ thấp nhất là mỗi sáng phải xếp mền, đệm rất ngăn nắp. Nếu không, vừa nhìn sẽ thấy lộn xộn, chính quý vị cũng cảm thấy rất đáng thẹn! Nhưng mỗi người một phòng, không sao hết, đóng cửa phòng lại, cũng chẳng có ai nhìn thấy, đôi chút tập khí lười nhác sẽ không sửa được! Vì thế, pháp sư Thánh Nhất nói rất có lý, Ngài nói: “Người tu hành ở mỗi người một phòng sẽ chẳng thể nào thành tựu được!”

Đoạn này nói những đệ tử đức Phật, cho đến các vị hộ pháp đều là chư Phật, Bồ Tát thị hiện, có thể thấy người thật sự có đạo tâm, sẽ chẳng chú trọng danh lợi, chẳng quan tâm đến địa vị, chúng ta chỉ cần làm tốt chuyện này là được rồi, giống như diễn tuồng, đồ đệ, học trò đóng vai

⁵⁷ Gọi là “*quảng đơn*” vì xưa kia chư Tăng không có giường. Mỗi người nằm ngủ trên một tấm ván vừa với thân mình, nên gọi là “*đơn*”. Chùa lớn có nhiều liêu phòng, nhưng mỗi liêu phòng là một phòng ngủ lớn, có kê nhiều đơn; vì thế, gọi là “*quảng đơn*”. Dưới mỗi đơn, là một tráp nhỏ đựng quần áo và các đồ dùng cá nhân lặt vặt, thậm chí không có tủ riêng.

chánh, thầy ở bên cạnh gõ trống, chạy cờ. Họ là thầy, chẳng quan tâm đến thân phận, địa vị, nhất định phải diễn vở hát cho thật hay!

Phật pháp trong thế gian nhất định phải có thể thật sự lợi ích chúng sanh, phải chú trọng điều này, bỏ tiếng tăm, lợi dưỡng của chính mình, Phật pháp sẽ hưng vượng. Vì vậy, Phật pháp là đạo thầy trò, điều này rất khó! Hiện thời, truyền pháp chẳng dễ dàng, người hiện thời xử sự theo cảm tình, lôi kéo tín đồ, phải khéo quan sát về mặt tín đồ, phải bỏ đỡ tín đồ thì tín đồ mới đến! Nếu quý vị chẳng bỏ đỡ họ đôi chút, [họ sẽ so đo] người trong chùa kia đối xử tốt đẹp, lịch sự với ta như vậy, tại sao ta phải đến chùa này? Ta đến chùa kia chẳng hay hơn ư? Trước kia, thầy Lý ở Đài Trung đã hết sức cảm thán, liên hữu ở Đài Trung bị kẻ khác kéo đi, vì sao? Đạo tràng người ta khách đến như trở về nhà, được hầu hạ chẳng thiếu sót điều nhỏ nhặt nào, thoải mái lắm! Thầy Lý giảng kinh, thuyết pháp, mỗi ngày chửi người khác: “Thôi! Ông hằng ngày chửi tôi, bên kia họ tâng bốc tôi, lẽ gì tôi đến nghe ông chửi?” Vì thế, bỏ đi khá nhiều! Đúng là đáng cảm khái ngàn vạn phần! Do vậy, chúng ta nghĩ đến “*ngàn vị Phật ủng hộ*”, cùng nhau kiến lập chánh pháp trong thế gian này, các đồng tu chúng ta phải ghi nhớ. Đạo tràng này của chúng ta chẳng lôi kéo tín đồ, có thể đến nơi đây cùng nhau nghiên cứu, mọi người đều có phước báo. Không có phước báo, sẽ chẳng thể tham dự thánh hội này! Hôm nay, chúng tôi giảng đến chỗ này!

Tập 106

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm lẻ bảy:

(Sao) Tam A Nan giả.

(鈔) 三阿難者。

(Sao: “Ba vị A Nan”).

Đây là nói về ba vị A Nan, kinh Đại Thừa thường nói chuyện này, kinh Tiểu Thừa chẳng thừa nhận.

(Sao) Nhất danh Hoan Hỷ, kết Thanh Văn Tạng.

(鈔) 一名歡喜，結聲聞藏。

(Sao: Vị thứ nhất tên là Hoan Hỷ, kết tập Thanh Văn Tạng).

Đây là hoàn toàn nói theo hình tướng, dấu vết. Ngài A Nan là em họ của Thích Ca Mâu Ni Phật; sau khi đức Phật diệt độ, Ngài vâng theo đi giáo của đức Phật, kết tập kinh điển Tiểu Thừa.

(Sao) Nhị danh Hỷ Hiền, kết Duyên Giác Tạng.

(鈔) 二名喜賢，結緣覺藏。

(Sao: Vị thứ hai là Hỷ Hiền, kết tập Duyên Giác Tạng).

Thông thường, chúng cũng quy nạp Duyên Giác vào pháp Tiểu Thừa, tức là Thanh Văn và Duyên Giác. Nếu nói tới Tam Thừa, sẽ tách ra thành Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Trí huệ và công phu tu hành của Duyên Giác đều cao hơn Thanh Văn. Trong kinh giáo đã nêu ra sự khác biệt lớn nhất ở chỗ: Tuy Thanh Văn đã đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng chưa đoạn tập khí; Duyên Giác thì ngay cả tập khí cũng đoạn. Đây là chỗ khác nhau nơi quả chứng giữa Thanh Văn và Duyên Giác.

(Sao) Tam danh Hỷ Hải, kết Bồ Tát Tạng.

(鈔) 三名喜海，結菩薩藏。

(Sao: Vị thứ ba tên là Hỷ Hải, kết Bồ Tát Tạng).

Hết thầy kinh Đại Thừa cũng do tôn giả A Nan kết tập. Do đây có thể biết, kinh điển Tam Thừa có quan hệ mật thiết với tôn giả A Nan. Đại Thừa nói rõ tôn giả A Nan cũng đã ngộ nhập Pháp Tánh, cho nên thông đạt hết thầy Đại Thừa Phật pháp vô ngại⁵⁸.

(Sao) Tắc A Nan dĩ đại thân lực, tùy cơ thị giáo, thị tri nhất đại thời giáo, thử A Nan bất văn giả, bỉ A Nan văn chi, hựu hà văn dữ bất văn nhi vi ngại dã.

(鈔)則阿難以大神力，隨機示教，是知一代時教，此阿難不聞者，彼阿難聞之，又何聞與不聞而為礙也。

(Sao: A Nan dùng đại thân lực, tùy theo căn cơ mà chỉ bày giáo pháp. Vì thế, biết: Đối với giáo pháp trong cả một đời đức Phật, nếu ngài A Nan này không nghe, thì ngài A Nan khác nghe, há còn trở ngại vì “nghe” hay “chẳng nghe” nữa ư?)

Đây là ý nghĩa vô ngại. Trong phần trước đã từng nói: “*Một vị Phật xuất thế, ngàn vị Phật ủng hộ*”, Phật pháp mới có thể thường trụ thế gian, mới có thể thật sự lợi ích hết thầy chúng sanh. Không có chư Phật, chư Bồ Tát hộ trì, phàm phu sẽ chẳng nhận biết, chẳng biết giá trị, càng chẳng có lòng nhẫn nại, chẳng có tâm dài lâu! Do điều này, ta biết chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức trụ trì trong thế gian mấy chục năm, phát huy rạng rỡ Phật pháp đều chẳng thể nghĩ bàn. Trong các vị đệ tử và hộ pháp, cũng thường có nhiều vị tái lai. Nếu bảo là không có vị nào tái lai, chỉ có một vị Phật, Bồ Tát, hay La Hán xuất thế, chắc chắn chẳng thể nào hóa độ chúng sanh. Vì thế, cũng biết: Pháp duyên hoàn toàn cậy nhờ Tam Bảo.

⁵⁸ Quan điểm có đến ba vị A Nan Đà do Trí Giả đại sư đề xướng. Trong Pháp Hoa Kinh Văn Cú có đoạn viết: “*Kinh Chánh Pháp Niệm nói có ba vị A Nan. A Nan Đà, cõi này dịch là Hoan Hỷ, trì tạng Tiểu Thừa. A Nan Bạt Đà, cõi này dịch là Hỷ Hiền, thọ trì Tạp Tạng. A Nan Sa Già, cõi này dịch là Hoan Hỷ Hải, trì Phật Tạng*”. Sách A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa chỉ chú giải sơ lược như thế này: “*Thánh nhân không có tên, tên là do dựa theo sự mà đặt. Thanh Văn đoạn Chánh Sư Kiến Tư, thoát khỏi tam giới, đặc đại hoan hỷ, nên vị kết tập Thanh Văn Tạng có tên là Hoan Hỷ. Duyên Giác đoạn trừ tập khí, mức độ hiền cao hơn Thanh Văn. Vì thế, khi kết Duyên Giác Tạng có tên là Hỷ Hiền. Bồ Tát đoạn trừ vô minh, ngộ nhập pháp hải, nên có tên là Hỷ Hải*”. Như vậy, sách Diễn Nghĩa quan niệm chỉ có một vị A Nan, tùy theo nhìn từ sự chứng quả nơi hình tướng mà gọi tên khác nhau, vì ngài A Nan chẳng phải thật sự là Thanh Văn hay Duyên Giác, mà là đại quyền Bồ Tát thị hiện. Hoặc cũng có thể hiểu là Bản địa chỉ là một vị A Nan, nhưng do thích ứng với tam thừa mà thị hiện thành ba vị A Nan.

Đương nhiên chuyện này là “*khả ngộ, bất khả cầu*” (có thể ngộ, chẳng thể cầu). Chúng sanh có phước, Phật, Bồ Tát bèn xuất thế; chúng sanh chẳng có phước, chúng ta làm cách nào cũng chẳng cầu được! Phước do đâu mà có? Phước phải do chính mình tu. Bản thân chúng ta chẳng tu phước, mong mỗi người khác tu phước, đó là sai lầm; nhất định phải là chính mình biết tu phước. Đoạn “*ngã văn*” đã giảng xong. Tiếp theo đây là giảng về “*nhất thời*”, tức là điều thứ ba trong sáu thứ thành tựu.

(Sớ) Nhất thời giả, Thời Thành Tựu dã.

(疏) 一時者，時成就也。

(Sớ: “Nhất thời” là Thời Thành Tựu).

Lúc nào?

(Sớ) Sư tư tương hợp, đương thời thuyết thính sự tất, tức danh “nhất thời”, dĩ thuyết thính vô định cố. Bất ngôn mỗi niên nguyệt nhật giả, thập phương thời phân bất nhất, lưỡng độ chánh sóc bất đồng cố.

(疏) 師資相合，當時說聽事畢，即名一時，以說聽無定故。不言某年月日者，十方時分不一，兩土正朔不同故。

(Sớ: Thầy trò tương hợp, trong lúc ấy, nói và nghe xong xuôi, bèn gọi là “nhất thời”; bởi lẽ, nói và nghe bất định. Chẳng nói năm, tháng, ngày nào, vì cách phân định thời gian trong mười phương khác nhau, [cách chọn lựa] ngày đầu năm giữa hai cõi (Trung Hoa và Ấn Độ) khác nhau).

Đây là nguyên nhân khiến [kinh điển nhà Phật] chẳng ghi chép năm, tháng, ngày, giờ. Hiện thời, những chuyện này càng rõ rệt hơn nữa. Chúng ta biết trên địa cầu có múi giờ sai khác; thời cổ, chắc chắn chưa có múi giờ sai khác! Vì sao? Cổ nhân cười ngựa, dẫu phi nhanh đến mấy thì một ngày đi được hai ba trăm dặm là cùng. Đi hai ba trăm dặm sẽ chẳng thấy có chuyện múi giờ sai khác! Ngồi thuyền cũng giống như vậy, thuận gió, thuận nước thì một ngày sẽ như cổ nhân nói: “*Thiên lý Giang Ninh nhất nhật hoàn*” (Giang Ninh ngàn dặm một ngày về). Đó là nói hình dung, chứ trọn chẳng đi được một ngàn dặm, cũng có thể nói đi được một, hai trăm dặm đã nhiều lắm rồi, đã khá nhanh rồi! Lữ hành kiêu ấy, trong thuở Kháng Chiến, tôi cũng thường đi. Nếu đi bộ thì một ngày nhiều nhất không

hơn một trăm hai mươi dặm, [tính theo cách đo lường] hiện thời là sáu chục cây số. Đi ít nhất là sáu mươi dặm Tàu (tức ba mươi cây số), đi năm ngày phải nghỉ ngơi hai ngày. Vì thế, chẳng thể nào có múi giờ sai khác! Hiện thời, ngồi máy bay, sự sai biệt thời gian ấy vô cùng rõ rệt. Do liên quan đến chuyện múi giờ sai khác, sẽ không thể ghi chép năm, tháng, ngày, giờ [cụ thể], đạo lý như thế đây! Còn nữa, trong quá khứ, những quốc gia tại Cổ Ấn Độ chưa thống nhất, mỗi tiểu quốc gia dùng lịch pháp khác nhau. Vì thế, năm, tháng, ngày, giờ cũng khác nhau. Hiện thời, trên thế giới, tối thiểu có ba loại lịch pháp khác nhau: Dương lịch, Âm lịch của Trung Quốc, lịch pháp của Hồi giáo, chúng ta phải tuân theo loại lịch pháp nào để ghi chép? Điều này rất rắc rối, do vậy, chẳng dùng năm, tháng, ngày, giờ, chỉ ghi mơ hồ là “*nhất thời*”. Ý nghĩa của chữ “*nhất thời*” hết sức sâu.

“*Sư tư tương hợp*”: Cổ đức thường dùng câu này để giải thích chữ “*nhất thời*”, tức là lúc cơ cảm tương ứng, nghĩa là chúng sanh có cảm, Phật bèn ứng, lúc cảm ứng đạo giao bèn gọi là “*nhất thời*”. Nói thật ra, chúng sanh dùng gì để có thể cảm? Nhất tâm có thể cảm, tam tâm nhị ý chắc chắn chẳng thể cảm ứng Phật, Bồ Tát. Không chỉ chẳng thể cảm ứng Phật, Bồ Tát, mà đối với quý thần cũng là như vậy. Sách Liễu Phàm Tứ Huán có nói tới chuyện vẽ bùa, niệm chú, muốn vẽ đạo bùa ấy cho linh thì phải vẽ như thế nào mới linh? Nhất tâm bất loạn. Trong khoảng thời gian rất ngắn, kể từ khi chấm một nét bút để vẽ đạo bùa ấy cho đến khi vẽ xong, trong tâm chẳng có một vọng niệm nào, đó là lúc nhất tâm, đạo bùa ấy sẽ linh! Niệm chú cũng giống như vậy, niệm từ đầu tới cuối, trong tâm chẳng có vọng tưởng nào, chú ấy bèn linh. Chư vị hãy suy nghĩ, [sẽ thấy] chú dài chẳng bằng chú ngắn, vì sao? [Niệm] chú dài sẽ khởi vọng tưởng, do thời gian niệm khá lâu! Quý vị không tin thì niệm chú Lăng Nghiêm và chú Đại Bi để so sánh, sẽ thấy khác nhau. Chúng ta thường thấy niệm chú Đại Bi cảm ứng rất nhiều. Quý vị dò hỏi có thấy chú Lăng Nghiêm có cảm ứng hay không? Quá dài, khi niệm, nói chung, chẳng tránh khỏi có một, hai vọng tưởng, xong luôn! Hễ vọng tưởng là [sức chuyên chú] đã bị phá sạch rồi, chẳng thể thành công. Vì thế, chú Đại Bi lại chẳng bằng chú Vãng Sanh, [vì chú Vãng Sanh] ngắn hơn! Chú Vãng Sanh lại chẳng bằng một câu “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, đơn giản nhất. Vì thế, thành tâm thành ý niệm câu Phật hiệu này, thời gian ngắn ngủi, trong ấy chẳng xen tạp vọng tưởng, dễ đắc nhất tâm; hễ nhất tâm bèn khởi cảm ứng, nguyên lý ở chỗ này! Vì thế, ngay cả giao tiếp với quý thần cũng đều phải dùng nhất tâm thì mới có cảm ứng.

(Sớ) Ước đương tông, tắc tức thuyết thính khoảnh, tâm cảnh mãn, phàm thánh hội, y chánh dung, nhất đa đẳng. Thử chư nhị pháp, giai nhất chi thời, danh nhất thời dã.

(疏)約當宗，則即說聽頃，心境泯，凡聖會，依正融，一多等。此諸二法，皆一之時，名一時也。

(Sớ: Ước theo tông này thì trong khoảng thời gian nói và nghe, tâm lẫn cảnh đều mất, phàm và thánh dung hội, y báo và chánh báo hòa nhập vào nhau, một và nhiều như nhau. Lúc các pháp có đối lập ấy đều là một thì gọi là “nhất thời”).

“Đương tông” là tông của chúng ta (Tịnh Độ Tông), nói theo giáo nghĩa trong kinh này. Hoàn toàn kiến lập trên “nhất tâm bất loạn” để nói nên vô cùng hữu lý. Tâm chúng ta thật sự đạt đến thuần nhất, sẽ là lúc thấy Phật, mà cũng là lúc vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thật sự là tu hành khai hoa kết quả. Trong đoạn này, nói thật ra, cũng là nói rõ công phu chân thật của người tu Tịnh Độ. Vì thế, trong rất nhiều kinh điển, chúng ta thấy đức Phật giảng kinh ấy chưa xong, mới nói một nửa, những vị đương cơ đã khai ngộ, chứng quả. Như trong kinh Lăng Nghiêm mà rất nhiều đồng tu quen thuộc, trong hội Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng mới một nửa, cô Ma Đăng Già bèn chứng Tam Quả; chưa nói xong, tôn giả A Nan đã chứng Sơ Quả. Vì sao họ nghe kinh có thể chứng quả? Chính vì đạo lý đang được nói đến ở đây.

“Thuyết thính khoảnh” là lúc đang nói và nghe. “Tâm cảnh mãn”: Tuy ở đây nói bốn câu, chỉ cần quý vị hiểu một câu, sẽ hiểu ba câu kia. Cổ đức thường nói nghe kinh phải “*tiêu quy tự tánh*”. Tiêu quy tự tánh là như thế nào? Chính là ba chữ “*tâm cảnh mãn*” được nói ở đây, đó gọi là “*tiêu quy tự tánh*”. Tâm lẫn cảnh hai bên đều không có, tâm mới đạt đến nhất tâm! Khi ấy, hoàn toàn là cảnh giới hiện lượng Nhất Chân. Nói như vậy, sợ quý vị vẫn chưa dễ gì hiểu được. Tướng cảnh giới là phàm và thánh như nhau, tâm thật sự đạt đến thanh tịnh, bình đẳng, trong hết thấy các pháp đều chẳng khởi phân biệt, chẳng chấp trước, không có vọng tưởng. Trong ấy, chẳng có tâm mà cũng chẳng có cảnh, tâm lẫn cảnh cùng lìa! Đây là nhất tâm hiện tiền, nói “*nhất thời*” chính là nói về lúc ấy!

Chúng ta nghe kinh không nhập cảnh giới đó, cũng là nghe kinh chẳng khai ngộ! Chư vị phải biết: Nghe kinh khai ngộ chẳng phải là nói ngộ được câu này trong kinh giảng theo cách nào, có ý nghĩa gì, chẳng phải ngộ điều ấy, ngộ như vậy là hỏng bét rồi! Quý vị ngộ kiếu ấy, chỉ

hiều được câu ấy, lại xem đến câu kế tiếp sẽ chẳng ngộ. “Ngộ” là nói “ngộ nhập tự tánh!” Thật sự ngộ nhập tự tánh, không chỉ hiểu trọn vẹn một bộ kinh này, mà hết thảy các kinh do chư Phật Như Lai đã nói cũng hiểu toàn bộ. Các pháp thế gian và xuất thế gian không có pháp nào chẳng thông đạt, lúc đó mới gọi là “khai ngộ”. Một ngộ, hết thảy ngộ, chẳng phải ngộ một câu này. Chẳng có ý nghĩa như thế! Bốn câu này nhằm [diễn tả] tình trạng khai ngộ. Có thể thấy: Thật sự nói và nghe thì chỗ nào chẳng phải là tu hành? [Luôn luôn] đang tu hành, tu Định! Nghe rõ ràng, rành rẽ, đó là tu Huệ. Khi nghe chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng có vọng tưởng, đây là tu Định. Thái độ nghe kinh như vậy là “*Định Huệ đẳng học*” (học cân bằng Định và Huệ), vận dụng công phu thuần thực, sẽ nhập cảnh giới, khai ngộ. Vì thế, nghe kinh rất kỵ khởi phân biệt trong ấy: Ở chỗ này nghĩa là gì, cách giảng như thế nào, kỵ nhất điều đó! Bởi lẽ, quý vị nghe như vậy, hoàn toàn rơi vào ý thức, rơi vào thức thứ sáu, thức thứ sáu là hắc ám, chẳng phải là quang minh, vĩnh viễn chẳng thể khai ngộ. Đây là chỗ người thời nay thua kém cổ nhân!

Nói cách khác, quý vị còn có tâm là còn có cảnh giới. Tâm và ngoại cảnh đối lập, sẽ còn có phàm, còn có thánh, còn có y báo, còn có chánh báo, còn có một, còn có nhiều, quý vị hoàn toàn sống trong thế giới tương đối. Đây là chưa nhập, là phàm phu; ắt cần phải vượt thoát tương đối, nên bắt đầu dĩ nói Nhất Chân pháp giới. Vì thế “*nhất thời*” là khi chứng đắc Nhất Chân pháp giới, cũng tức là khi bản thân chúng ta chứng đắc nhất tâm bất loạn. Nhất Chân pháp giới là Sở Chứng; nhất tâm bất loạn là Năng Chứng. Năng và Sở là một, chẳng hai, lúc ấy là thật sự chứng. Nếu Năng Chứng và Sở Chứng là hai chuyện, tâm và cảnh sẽ chẳng mất, tâm và cảnh bèn đối lập, chưa nhập. Tâm và cảnh nhất định là một, không hai, phàm và thánh là một, y báo và chánh báo là một, một và nhiều cũng là một, đây mới là thật sự khế nhập. Khi ấy, con người thật sự giải thoát, thật sự tự tại. “*Thử chư nhị pháp, giai nhất chi thời*” (lúc các pháp đối lập ấy đều là một) thì là “*nhất thời*”.

(Sao) Thuyết thính vô định giả.

(鈔) 說聽無定者。

(Sao: Người nói và kẻ nghe bất định).

Đây là nhằm giải thích câu “*dĩ thuyết thính vô định cố*” trong phần trước.

(Sao) Hoặc thuyết giả đăc đà-la-ni, nhất sát-na khoảnh, nhất tự chi trung, thuyết nhất thiết pháp môn.

(鈔)或說者得陀羅尼，一剎那頃，一字之中，說一切法門。

(Sao: Hoặc là người nói đăc đà-la-ni, trong một sát-na, trong một chữ, nói hết thầy pháp môn).

Người thuyết pháp đăc đà-la-ni. Đà-la-ni (Dhāranī) là dịch âm tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tổng Trì, “*tổng nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa*” (bao gồm hết thầy các pháp, nắm giữ hết thầy các nghĩa), nay chúng ta thường nói là “*cương lĩnh*”, [tổng trì là] nắm vững cương lĩnh Phật pháp. Cương lĩnh ấy vô cùng đơn giản, tóm tắt; vì thế, kinh giảng về đà-la-ni (tức là pháp môn Tổng Trì) có “*nhiều chữ, ít chữ, một chữ, không có chữ nào*” sai khác! Thường là nói bốn loại lớn ấy. “*Sát-na khoảnh*” là thời gian hết sức ngắn ngủi. “*Đa tự, như chư kinh mật chú. Nhất tự, như Án tự. Vô tự, như vô tướng diệu tâm*” (Nhiều chữ như mật chú trong các kinh. Một chữ như chữ Án (Aum). Không có chữ như vô tướng diệu tâm). Đà-la-ni nhiều chữ như chú Lăng Nghiêm, chú Đại Bi, chú Vãng Sanh. Một chữ là như trong Phật môn thường nói Án (Aum: ॐ); trong bốn mươi tự mẫu (chữ cái) của Hoa Nghiêm, chữ A là nguyên âm thứ nhất, hết thầy âm thanh đều từ nguyên âm này biến hóa, nay chúng ta gọi là “*mẫu âm*” (vowel), mẫu âm thứ nhất là chữ này. Vô tự là “*ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xứ diệt*”, là nhất tâm, “*vốn chẳng có một vật*” như Lục Tổ nói thuộc loại vô tự, tức là chân tâm, bản thể. “*Vô tướng diệu tâm*” là nói tới vô tự đà-la-ni. Vô tự đà-la-ni là Thể, có tác dụng chẳng thể nghĩ bàn; đó gọi là “*Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết*”.

Nay chúng ta muốn đạt được, quan trọng nhất là Vô Tự đà-la-ni, tức là đăc thanh tịnh tâm, điều này rất trọng yếu. Đặc biệt là tu pháp môn Tịnh Độ, nói thật thà thì tu pháp môn Tịnh Độ là tu tâm thanh tịnh mà thôi! Đó gọi là “*tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh*”. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm câu A Di Đà Phật này, quý vị có nghĩ ta hằng ngày niệm, niệm rồi ta nghĩ có đạt được gì hay không? Ta có được điều gì hay không? Niệm một câu A Di Đà Phật này nhằm đăc tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh có thật sự đạt được hay chưa? Tâm thanh tịnh là nhất niệm bất sanh, đó là tâm thanh tịnh. Trong tâm vẫn còn khởi tâm động niệm, tâm ấy chẳng thanh tịnh. Tâm thanh tịnh có thể sanh ra muôn pháp, đăy là căn bản! Căn bản đà-la-ni. Nếu trong tâm còn có vọng niệm toi bời, đời này chúng ta

niệm Phật sẽ không thể thành tựu, chỉ có thể nói là kết thiện duyên với Tây Phương Cực Lạc thế giới mà thôi! Đòi này có thể vãng sanh hay không? Chẳng thể vãng sanh. Quý vị muốn vãng sanh thì tâm nhất định phải thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh, làm sao có thể vãng sanh?

Do vậy, chúng ta phải dùng một câu A Di Đà Phật để niệm cho hết tập khí vọng tưởng từ vô thủy kiếp đến nay, niệm cho dứt những tập khí vọng tưởng ấy. Nhưng tập khí vọng tưởng luôn dấy lên hiện hành, đây là chuyện phiền phức, nhất định phải đề cao cảnh giác. Hễ lục căn của chúng ta vừa tiếp xúc cảnh giới lục trần, tập khí bèn dấy lên hiện hành, hễ hiện hành sẽ tạo nghiệp, tạo nghiệp lẽ nào chẳng hứng chịu quả báo! Tuy Tịnh Độ nói “*đổi nghiệp vãng sanh*”, nhưng chư vị phải biết: Mang theo nghiệp cũ, chẳng phải là mang theo nghiệp mới, phải hiểu rõ chuyện này! Nghiệp cũ là gì? Nghiệp quá khứ! Chẳng phải là hiện tại chúng ta mỗi ngày tạo nghiệp mà có thể mang theo [những nghiệp ấy] được, chẳng có đạo lý ấy! Nói cách khác, nay chúng ta đã giác ngộ, chúng ta phải dùng một câu A Di Đà Phật này để thay thế tất cả nghiệp chướng tập khí. Đây là bí quyết tu hành trong pháp môn này!

Do vậy, vãng sanh, cũng là nói đến chuyện tu Tịnh Độ, có ba bậc công phu: Bậc thượng là Lý nhất tâm bất loạn, đoạn Kiến Tư phiền não, phá một phần vô minh, đây là công phu thượng thừa. Bậc trung là chưa phá vô minh, nhưng đã đoạn Kiến Tư phiền não; đây là Sự nhất tâm bất loạn. Kinh Vô Lượng Thọ nói đến ba bậc là thượng bối, trung bối, hạ bối (bậc thượng, bậc trung, bậc hạ). Bậc hạ khuất phục Hoặc, chưa đoạn phiền não, nhưng một câu A Di Đà Phật này có thể áp chế [phiền não]. Nói cách khác, phiền não sẽ chẳng thể dấy lên hiện hành. Trong tâm vừa động, ngay lập tức biến [niệm ấy] thành A Di Đà Phật. Công phu như vậy gọi là “*đổi nghiệp vãng sanh*”. Ý niệm vừa dấy động, ngay lập tức hiện hành, tức là chẳng có cách nào, không được rồi! Ý niệm vừa dấy động, lập tức chuyển nó thành A Di Đà Phật. Tập khí nghiệp chướng có niệm thứ nhất, niệm thứ hai biến thành A Di Đà Phật; đó gọi là “*khuất phục phiền não, luyện tập công phu thành phiền*”, là ba phẩm Hạ trong ba bậc chín phẩm vãng sanh; mọi người chúng ta đều có thể đạt được những phẩm này!

Ai này đều làm được, nhưng vì sao chúng ta không làm được? Nói thật ra là chẳng chịu làm! Mà cũng chẳng biết chuyển ngay trong niệm thứ hai. Niệm thứ nhất dấy lên, đương nhiên chẳng thể chuyển nơi đó, hãy chuyển trong niệm thứ hai. Ta vừa muốn nói năng thì niệm ấy dấy lên, đó là niệm thứ nhất, niệm thứ hai bèn A Di Đà Phật, biến điều ta vốn nghĩ thành A Di Đà Phật. Đó là niệm Phật, là công phu. Niệm Phật phải niệm

theo cách như vậy thì mới được! Trong Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã dạy chúng ta, “*thiếu thuyết nhất cú thoại, đa niệm nhất cú Phật, đả đắc niệm đầu tử, hứa như Pháp Thân hoạt*” (ít nói một câu chuyện, niệm nhiều một câu Phật, để đánh chết ý niệm, cho Pháp Thân được sống). Nói rất minh bạch! Người vãng sanh là vãng sanh như vậy! Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, nhưng vọng niệm vẫn dấy lên như cũ, vẫn tạo khẩu nghiệp và thân nghiệp y như cũ, không được rồi! Nếu người như vậy mà cũng có thể vãng sanh thì chẳng có đạo lý nào! Nói theo Lý, chẳng thể thông suốt được! Do vậy, quý vị nhất định phải biết: Mang theo nghiệp cũ, chẳng mang theo nghiệp mới.

Thật sự đạt được tâm thanh tịnh, chưa cần nói đến nhất tâm bất loạn, đây là công phu thượng thừa (Lý nhất tâm bất loạn) và công phu trung thừa (Sự nhất tâm bất loạn), [chỉ nói đến] công phu bậc hạ thì Phật hiệu của quý vị có thể áp chế phiền não, trí huệ hiện tiền, ít nhiều gì trí huệ trong tự tánh của quý vị đã lộ ra. Nếu quý vị chẳng thể áp chế [phiền não] thì không được rồi, những gì quý vị lưu lộ ra vẫn là tâm ý thức khởi tác dụng y như cũ: Phân biệt, chấp trước khởi tác dụng, chẳng phải là chân tâm khởi tác dụng. Trong chân tâm, không có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Hết thấy kinh luận vốn dựa trên nguyên lý này, pháp môn Niệm Phật của chúng ta cũng chẳng phải là ngoại lệ, mà cũng căn cứ trên nguyên lý và nguyên tắc này.

(Sao) Hoặc thính giả đắc tịnh nhĩ căn, w nhất sát-na, văn nhất tự thời, w dư nhất thiết tất vô chướng ngại.

(鈔)或聽者得淨耳根，於一剎那，聞一字時，於餘一切悉無障礙。

(Sao: Hoặc người nghe đắc nhĩ căn thanh tịnh, trong một sát-na, lúc nghe một chữ bèn đối với hết thấy những điều khác đều chẳng chướng ngại).

Đoạn trên là nói về người nói, đoạn này nói về người nghe. Người nghe cũng có thể khai ngộ, nói cách khác, quý vị biết nghe! Nếu người nói biết nói, người nói sẽ khai ngộ, người nghe biết nghe, người nghe sẽ khai ngộ. Nếu người nói chẳng biết nói, nhưng chúng ta là người nghe biết nghe thì nghe xong có thể khai ngộ hay không? Sẽ khai ngộ. Tuy người nói từ tâm ý thức mà nói ra, là lời nói của phàm phu, nhưng người nghe chẳng chấp vào hai bên, chẳng chấp vào Trung Đạo, nên người nghe khai ngộ. Tức là khi nghe, thật sự tập trung tinh thần, khi nghe quên mất ta,

tâm thật sự đạt được thanh tịnh. Khi ấy, chẳng chấp trước tướng Ta, mà cũng chấp trước tướng Người của kẻ thuyết pháp, mà cũng chẳng chấp trước tướng Pháp được nói trong khi ấy, nghe rõ ràng, rành rẽ, phân minh, tam luân thể không, người ấy sẽ khai ngộ. Người ấy nghe như vậy sẽ ngộ nhập nhất tâm, [đoạn này] nói đến đạo lý ấy. “*Tịnh nhĩ căn*” [là như vậy đó].

“*Tịnh nhĩ*” là như ngài Quán Thế Âm Bồ Tát đã được nhắc tới trong kinh Lăng Nghiêm. Quán Thế Âm Bồ Tát “*nhĩ căn viên thông*”, bất luận nhĩ căn nghe như thế nào, Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng nghe bên ngoài, Ngài nghe bên trong. Chúng ta phải hiểu rõ ràng “trong” và “ngoài”. [Nghe nói “trong” và “ngoài”, quý vị liền nghĩ]: Bên ngoài là âm thanh, phải tiên nhập vào trong ấy (bên trong âm thanh) để nghe! Quý vị nghĩ như vậy là trật lất rồi! Trong và ngoài là gì? Bên ngoài là Trần, bên trong là Tánh. Do vậy, Quán Thế Âm Bồ Tát nghe âm thanh bên ngoài, tiếng người khác nói chuyện, tiếng xe ngựa, tiếng mưa gió, đều là âm thanh; đó là Thanh Trần. Chúng ta nghe những âm thanh ấy đều phân biệt, chấp trước; vì thế đối với Nhĩ Căn và Nhĩ Thức của chúng ta, những âm thanh ấy là Thanh Trần. Cách nghe của Quán Thế Âm Bồ Tát khác chúng ta, Ngài dùng tánh Nghe, chẳng dùng Nhĩ Thức. Tánh Nghe nghe âm thanh bên ngoài, bên nghe được tánh của âm thanh, điều này gọi là “*minh tâm kiến tánh*”. Vì thế nói Ngài “lục căn thanh tịnh”, tịnh Nhĩ Căn, tịnh Nhãn Căn, tịnh Thiệt Căn... sáu căn không căn nào chẳng thanh tịnh. Thanh tịnh như thế nào? Chẳng chạy theo Trần, mà hướng theo Tánh, đi theo Tánh. Tánh ở chỗ nào? Tánh ở ngay trong lục trần, thấy Trần bèn thấy Tánh, người ta cao minh ở chỗ này!

Cổ nhân tỷ dụ “*dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*” (dùng vàng chế đồ vật, món nào cũng là vàng), sánh ví vàng như bôn tánh, sánh ví đồ vật như lục trần, Ngài thấy các món vật bèn thấy vàng. Quý vị nghĩ xem: Các món vật bất bình đẳng, đủ mọi cách thức, hình dạng, kiểu cọ, lớn nhỏ khác nhau; thấy được vàng thì sao? Bình đẳng, Thể là bình đẳng. Do vậy, trong tâm Ngài chẳng có hết thấy phân biệt, chấp trước, tâm Ngài bình đẳng. Bình đẳng đối với hết thấy các pháp, vì Ngài thấy Pháp Tánh. Tánh và Tướng chẳng tách rời, Tánh là Tướng, Tướng là Tánh. Từ Tướng bèn thấy Tánh, đó là Phật, Bồ Tát. Còn phàm phu chúng ta không như vậy, khởi phân biệt, chấp trước nơi Tướng, quên mất Tánh, đó gọi là “mê mất”, chấp Tướng, mê Tánh. Vì thế, mê và ngộ là chuyện như vậy đó. Người ta ngộ là ngộ gì vậy? Ngộ là ngộ tánh. Trong hết thấy các pháp, họ thấy Pháp Tánh từ Pháp Tướng, chúng ta gọi điều đó là Giác hay Ngộ. Người giác

ngộ sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, cho nên khởi tác dụng chẳng bị chướng ngại.

“*U nhất sát-na*” (trong một sát-na) là nói thời gian rất ngắn. “*Văn nhất tự thời, u du nhất thiết tất vô chướng ngại*” (lúc nghe một chữ, đối với hết thảy những điều khác đều không chướng ngại), “*du*” là quá nhiều, không chỉ là một bộ kinh này. Trong bộ kinh này, quý vị đã khai ngộ từ một chữ, sẽ đối với bộ kinh này chẳng có chướng ngại. Không chỉ đối với bộ kinh này chẳng bị chướng ngại, mà đối với hết thảy các kinh đều không bị chướng ngại. Không chỉ chẳng bị chướng ngại đối với hết thảy các kinh, mà đối với các pháp thế gian hay xuất thế gian thảy đều không bị chướng ngại, một ngộ, hết thảy ngộ! Quý vị phải hiểu điều này, chính mình chưa khai ngộ thì trong tâm quý vị phải biết rõ, chẳng cần phải hỏi ai khác, đối với hết thảy các pháp quý vị có thông đạt vô ngại hay không? Không có! Vậy là chưa khai ngộ.

Trong Ấn Quang Đại Sư Vĩnh Tư Lục, đại sư có một đệ tử quy y, sau khi lão pháp sư viên tịch, ông ta viết một bài kỷ niệm kể lại một đoạn nhân duyên của chính mình với lão pháp sư. Ông ta vốn là một phần tử trí thức cao cấp, học vấn rất khá, đọc sách rất nhiều. Về sau học Phật, tham Thiền, chính mình rất đặc ý, ngõ bản thân đã khai ngộ. Thiền Tông có một bộ ngữ lục nổi tiếng là Ngũ Đẳng Hội Nguyên, bộ sách này có một ngàn bảy trăm công án, tức là những cuộc vấn đáp nhằm tiếp dẫn học trò của các vị tổ sư xưa kia. Ông ta hết sức tự hào, nói gần như đối với một ngàn bảy trăm công án, gần như công án nào cũng tham thấu suốt, chỉ còn sót lại một vài công án chưa thấu triệt mà thôi, còn chừng năm, sáu công án chưa nắm chắc, còn những công án khác thảy đều chẳng có vấn đề. Do vậy, người ấy rất tự phụ, cũng rất ngạo mạn. Vì thế, viết một bức thư gởi lão hòa thượng Ấn Quang kể về tâm đắc của chính mình. Ngài Ấn Quang gởi thư trả lời, nói: “*Một ngàn bảy trăm công án, chỉ cần ông tham thấu một điều, sẽ hoàn toàn thông đạt [mọi công án]. Nếu còn có một công án nào chẳng tham thấu, tức là ông hoàn toàn chẳng thấu triệt gì hết*”. Ông ta bị lão hòa thượng tạt nước lạnh lên đầu, kể ra cũng tỉnh ngộ, bỏ Thiền, thật thà niệm A Di Đà Phật.

Hễ có một điều chẳng thông, tức là quý vị chẳng thông một điều nào. Hễ thông thì hết thảy đều thông! Điều này thật sự là giáng một gậy vào đầu kẻ cuồng vọng. Vì thế, thật sự thông đạt, các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng có gì không thông đạt, quý vị xử trí những chuyện thế gian hằng ngày cũng sẽ tùy tâm thi thố, tuyệt đối chẳng sai lầm. Chúng ta hãy tự suy nghĩ, chính mình chưa đạt đến cảnh giới ấy thì cũng phải học

giống như vị đại đức kia, quay trở lại thật thà niệm A Di Đà Phật, đừng nên dấy vọng tưởng nữa, phải nên buông hết thầy kinh giáo xuống. Mở những kinh ấy ra xem chỉ giúp quý vị khởi vọng tưởng, tăng trưởng tà tri tà kiến, chẳng có lợi tí nào cho công phu tu hành của quý vị, nhất định phải nhớ kỹ điều này!

Đây là nêu bày công đức và lợi ích của hai phương diện Nói và Nghe, chỉ cần quý vị biết nghe, biết nói thì nói và nghe đều là tu hành, nói và nghe thầy đều có ngộ xứ. Vì vậy, nghe kinh phải chuyên tâm, phải buông xuống tất cả tạp niệm. Trong khi nghe chẳng có phân biệt, chấp trước, sự nghe kinh ấy sẽ có ngộ xứ, bất luận người nào, chẳng được đại ngộ thì cũng là tiểu ngộ. Trong phần trước đã nói đại triệt đại ngộ, chúng ta chưa làm được điều ấy, nhưng tiểu ngộ thì chúng ta sẽ có. Thường có tiểu ngộ, mấy năm sau sẽ biến thành đại ngộ. Nhiều lần đại ngộ sẽ biến thành đại triệt đại ngộ. Vì thế, biết nghe là dùng tâm thanh tịnh để nghe, “nói” cũng giống như thế!

Trước khi giảng kinh, phải làm công tác chuẩn bị. Nói thật ra, chuẩn bị [lãnh hội] kinh điển để nói, chẳng bằng đối trước thánh chúng có tâm cung kính, chẳng dám lười nhác, chẳng dám ngạo mạn, tu những điều ấy. Trước khi giảng kinh bèn đọc kinh, xem chú giải, khi lên giảng đài, chưa chắc quý vị đã dùng đến những thứ chuẩn bị sẵn, vì sao? Lên giảng đài có nhiều ý nghĩa mới nảy sanh. Tôi nghĩ đối với tình hình này, từ xưa tới nay mỗi vị pháp sư lên giảng đài đều có kinh nghiệm này. Trong quá khứ, tôi đọc bộ Viên Giác Kinh Thân Văn Ký, do pháp sư Đệ Nhàn giảng, mấy vị đệ tử tại gia như Tường Duy Kiều v.v... ghi chép. Bản thân Ngài giảng kinh, đã soạn một bản Viên Giác Kinh Giảng Nghĩa, nhưng trên giảng đài Ngài chẳng giảng theo giảng nghĩa, người ngồi dưới mỗi ngày ghi lại những điều lão hòa thượng giảng, sau đây đưa cho lão hòa thượng xem. Lão hòa thượng đọc xong, cảm thấy rất ngạc nhiên: “Những điều này do tôi đã giảng ư?” “Đúng vậy! Do lão nhân gia giảng”. “Ta làm sao giảng hay như thế được?” Chính mình nghĩ không ra. Trên giảng đài, do tâm thanh tịnh, công phu quán chiếu đặc lực; vì thế, tự nhiên trong tâm trào ra các ý nghĩa và kinh nghĩa, tự nhiên thổ lộ ra, nhưng chính mình cũng chẳng hay biết. Các vị đại đức xưa nay đều có kinh nghiệm này. Nói và nghe nhất định phải hiểu thái độ nói và nghe.

(Sao) Hoặc thuyết giả thời thiểu, thính giả thời đa, hoặc thuyết giả thời đa, thính giả thời thiểu.

(鈔)或說者時少，聽者時多；或說者時多，聽者時少。

(Sao: Hoặ̣c là người nói trong khoảng thời gian ngắn, mà người nghe cảm thấy thời gian rất lâu; có lúc người nói trong thời gian rất lâu mà người nghe cảm thấy thời gian rất ngắn).

Cảm nhận về thời gian dài hay ngắn khác nhau. Có lúc chúng ta nghe người ta giảng diễn, thực tế là thời gian chẳng dài, nhưng dường như một ngày bằng cả năm, sao mà vẫn giảng chưa xong? Có lúc nghe rất hứng thú, quên mất thời gian, sao mà rất ngắn tựa như trong khoảnh khắc? Những kinh nghiệm này rất nhiều người đã có. Hai câu này có ý nghĩa như vậy.

(Sao) Thuyết giả thần lực diên xúc tùy nghi, thính giả căn khí lợi độn bất nhất.

(鈔) 說者神力延促隨宜，聽者根器利鈍不一。

(Sao: Người nói có thần lực nên có thể kéo dài hay rút ngắn [thời gian] tùy nghi, căn khí của người nghe là lợi căn hay độn căn bất nhất).

Hai câu này nhằm giải thích về chuyện [thời gian] người nói nhiều hay ít, người nghe nhiều hay ít trong phần trên. Trong Phật pháp, chuyện này quả thật có cảnh giới chẳng nghĩ bàn. Chẳng hạn như lấy kinh Hoa Nghiêm để nói, sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo, đã nói [kinh Hoa Nghiêm] dưới cội Bồ Đề trong hai thất, cũng có chỗ nói là ba thất. Hai thất là mười bốn ngày, ba thất là hai mươi một ngày, nói một bộ kinh lớn như thế [trong một khoảng thời gian ngắn ngủi như vậy], ai có thể tin tưởng? Nay chúng ta đem kinh ấy niệm một lượt, niệm suốt hai mươi một ngày chưa xong, huống hồ giảng giải? Huống chi theo như Long Thọ Bồ Tát đã thấy, bộ kinh Hoa Nghiêm [được lưu truyền trong Diêm Phù Đề] chỉ là cương yếu. Trong cung rồng, Ngài đã thấy toàn bộ kinh Hoa Nghiêm, toàn bộ có bao nhiêu? Theo phương pháp tính toán [kích thước của] kinh Phật, cứ lấy bốn câu làm một Kệ, hoặ̣c gọi là một bài tụng. Bộ kinh ấy có mười tam thiên đại thiên thế giới vi trần⁵⁹ kệ, có một tứ thiên hạ⁶⁰ vi trần phẩm. Ngài vừa thấy bèn sững sờ, nói thẳng thừng, đơn giản là chúng sanh trong Diêm Phù Đề sẽ chẳng thể nào lãnh nhận được! Nếu bộ kinh này có hình tượng thì cả địa cầu cũng chẳng thể dung nạp, bộ kinh

⁵⁹ Tam thiên đại thiên thế giới vi trần: Số lượng vi trần trong một tam thiên đại thiên thế giới.

⁶⁰ Tứ thiên hạ là nói đến bốn đại bộ châu, tức nhân gian. Do bốn đại bộ châu nằm ngay dưới Tứ Thiên Vương Thiên nên gọi là “tứ thiên hạ”.

lớn như vậy đó! Sau đấy, Ngài mới bắt đầu xem trung bộ. Trung bộ vẫn còn quá lớn, vẫn chẳng có cách nào tiếp nhận. Lại xem hạ bản, hạ bản là đề yếu (nêu bày những điều quan trọng), giống như Tứ Khố Toàn Thư Mục Lục Đề Yếu, Đề Yếu bao nhiêu? Mười vạn bài tụng, bốn mươi vạn câu, bốn mươi phẩm. Long Thọ Bồ Tát thấy chúng sanh trong Diêm Phù Đề có thể tiếp nhận bản kinh Hoa Nghiêm này, bèn đem bộ kinh này truyền dạy trong thế gian. Nhưng hiện thời bản dịch tiếng Hán vốn chỉ là một nửa nguyên bản, đại kinh đã bị mất, nguyên bản tàn khuyết, bản tàn khuyết chẳng hoàn chỉnh được truyền sang Trung Quốc, [nghĩa là] chúng ta phiên dịch phân nửa nguyên bản, gồm tám mươi quyển. Tám mươi quyển kinh chỉ có bốn vạn năm ngàn bài tụng, [tức là] mười vạn bài tụng vẫn còn thiếu năm vạn năm ngàn bài tụng, còn thiếu một chút mới được phân nửa, vẫn chưa đạt đến [phân nửa nguyên bản].

Điều này có nghĩa là thời gian nói ngắn ngủi, nhưng người nghe cảm giác lâu dài. [Thính chúng] đều là các vị Bồ Tát nghe giảng, đương cơ [của hội Hoa Nghiêm] đều là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, họ cảm thấy đã nghe rất nhiều. Câu này nhằm nói tới đạo lý ấy, “*thuyết giả thần lực diên xúc tùy nghi*” (người nói có thần lực kéo dài hay rút ngắn tùy nghi). Thời gian chẳng phải là pháp cố định. Chư Phật Như Lai và các vị Bồ Tát có thần thông, có thể biến thời gian ngắn ngủi thành lâu dài, có thể rút thời gian dài thành ngắn ngủi, có thể tự tại. Trong tiểu thuyết truyền kỳ của Trung Quốc có chuyện Hoàng Lương Mộng (giác mộng kê vàng), quý vị đi học trong nhà trường, học Quốc Văn đều đã đọc cả rồi, chuyện ấy nói rõ thời gian kéo dài hay rút ngắn bất định. Thời gian ngắn ngủi mà chính mình cảm thấy đã vài chục năm trôi qua, tỉnh giấc, bất quá là vừa mới mấy phút mà thôi! Nếu người ấy học thứ gì thì trong mộng chẳng biết đã học bao nhiêu thứ! Đó là trong thời gian ngắn ngủi, mà nghe rất nhiều, dùng ngay thí dụ này để nói. Có khi nói rất nhiều, nhưng người nghe cảm thấy rất ít, đó là vì [người nghe] thật sự nắm được chỗ cương lĩnh và trọng yếu.

“*Thính giả căn khí lợi độn bất nhất*” (căn khí của người nghe là lợi căn hay độn căn khác nhau), có người lợi căn, có kẻ độn căn. Nói chung, một nguyên tắc là: Nghe kinh cũng thế, đọc kinh cũng thế, tu hành cũng thế, nhất định phải đạt được pháp vị, phải thật sự nếm được mùi vị Phật pháp. Hễ nếm được pháp vị sẽ pháp hỷ sung mãn, thân và tâm sẽ đạt được khoái lạc! Đây là thật sự có thâm hoạch nơi Phật pháp. Nếu học Phật rất khổ sở, giống như đi học rất nhọc nhằn, không muốn học cũng phải học, học chẳng có hứng thú gì, tức là chúng ta đã đi lạc đường, hoặc là trật

phương pháp, ắt cần phải sửa đổi. Nguyên nhân chánh yếu là như thế đó. Phật pháp chẳng phải là pháp cố định, kinh Kim Cang đã nói rất hay: “*Phật vô hữu định pháp khả thuyết*” (Phật chẳng có pháp nhất định nào để nói), Phật pháp tùy thuận mỗi chúng sanh mà có một cách thuyết pháp.

Vì vậy, quý vị hãy nói thử xem: Có bao nhiêu pháp môn? Vô lượng vô biên. Vì sao? Chúng sanh vô lượng vô biên, pháp môn do chúng sanh mà thiết lập. Giống như các món thuốc, thuốc có rất nhiều loại, vô lượng vô biên; vì sao có nhiều thứ như vậy? Bệnh có vô lượng vô biên. Nếu bệnh rất đơn thuần, chỉ có một loại bệnh, sẽ chỉ có một loại thuốc! Thuốc ấy có thể trị lành bệnh, cần gì phải có nhiều thứ như thế! Bệnh có rất nhiều loại, nên thuốc cũng rất nhiều, đạo lý là như thế đó.

Vì vậy, chúng ta phải chú ý phương pháp tu hành, tuyệt đối chớ nên khăng khăng giữ chặt quy củ, người khác dùng phương pháp ấy hữu hiệu, ta dùng không thấy hiệu quả! Ta dùng phương pháp này rất hữu hiệu, nhưng người khác dùng chẳng hữu hiệu. Thích hợp với căn tánh và cuộc sống của chính mình, phương pháp tu học đối với chính mình rất có hiệu quả, thân tâm của chính mình tự tại, pháp hỷ sung mãn. Chúng ta phải dùng trí huệ để chọn lựa những điều giống như vậy, hoặc là cải tiến phương pháp tu học của tiền nhân sao cho thích hợp với thời đại này. Ngày nay thường nói tới chuyện “hiện đại hóa” thì phương pháp tu hành trong Phật pháp cũng phải “hiện đại hóa”, nhưng tinh thần nguyên lý và nguyên tắc vĩnh viễn không thay đổi, phương thức có thể thay đổi. Nhất định phải hiện đại hóa mới được.

(Sao) Cổ vị tam thừa phàm thánh, sở kiến Phật thân báo hóa, niên tuế đoản trường, thành Phật cửu cận, các các bất đồng cố. Kim chỉ thủ Phật cập đệ tử sư tư cơ cảm tương ngộ chi khoảnh, thuyết thính sự tất, tiện danh “nhất thời” dã.

(鈔)古謂三乘凡聖，所見佛身報化，年歲短長，成佛久近，各各不同故。今止取佛及弟子師資機感相遇之頃，說聽事畢，便名一時也。

(Sao: Cổ nhân nói: - Phàm phu và thánh nhân trong tam thừa thấy báo hóa thân của Phật có tuổi thọ dài hay ngắn khác nhau, thành Phật gần đây hay đã lâu xa, mỗi người thấy mỗi khác. Nay chỉ lấy khoảng thời gian đức Phật và các đệ tử thầy trò cơ cảm gặp gỡ, nói và nghe xong xuôi bèn gọi là “một thời”).

Từ đoạn văn này trở đi đều là ấn chứng. “*Phàm phu*” là lục đạo, Nhị Thừa là Thanh Văn, Duyên Giác cùng với ba địa vị Tam Hiền Bồ Tát trong Biệt Giáo. Những người này đều chưa kiến tánh, nói cách khác, xử sự, đãi người, tiếp vật vẫn dùng thức thức sáu, vẫn dùng tâm ý thức, vẫn dùng tâm phân biệt, chưa thể chuyển thức thành trí. Họ thấy Phật, thấy Bồ Tát đều dùng cái tâm phân biệt, chấp trước để thấy, cho nên họ thấy Ứng Thân của Phật. Giống như thuở Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trên thế giới này, Ngài trụ thế bảy mươi chín năm (tính theo tuổi ta là tám mươi tuổi), đó là nói “*kiến Phật thân báo hóa, niên tuế đoản trường*” (thấy báo hóa thân của Phật có tuổi thọ dài hay ngắn khác nhau).

“*Thành Phật cứu cận*”, Cứu (久) là xa xôi, Cận (近) là chẳng xa. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện [thành Phật] mới đây, Ngài cũng thị hiện thọ mạng chẳng dài. Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy lúc ban sơ A Di Đà Phật phát tâm, Ngài mang thân phận quốc vương, thuở ấy, thọ mạng dài lâu: Phật trụ thế thọ mạng bốn mươi hai kiếp, đương nhiên là thọ mạng của chúng sanh cũng dài ngàn ấy. Đó là dài hay ngắn khác nhau, Phật thị hiện thời gian tu hành và thành đạo đều dài.

Ở đây, nay “*chỉ thủ Phật cập đệ tử sư tư cơ cảm tương ngộ chi khoảnh*” (chỉ lấy khoảng thời gian đức Phật và các đệ tử thầy trò cơ cảm, gặp nhau) mà gọi là “*nhất thời*”, chẳng nói đến chuyện gì khác, chỉ chọn lấy ý nghĩa này. Thích Ca Mâu Ni Phật là người nói, các đệ tử tham dự pháp hội là người nghe pháp hiện diện trong khi ấy, đó là cơ duyên chín muồi, cảm ứng đạo giao. Nhất là do pháp môn này là “*vô vấn tự thuyết*” (không ai hỏi mà tự nói), cho nên vô cùng đặc biệt.

(Sao) *Thập phương thời phân giả, dĩ thập phương biến w hoành thụ, thụ tắc cai hồ thiên thượng.*

(鈔) 十方時分者，以十方遍於橫豎，豎則該乎天上。

(Sao: “Phân định thời gian trong mười phương”: Do mười phương trọn khắp chiều ngang lẫn chiều dọc. Chiều dọc bao gồm cả cõi trời).

“*Hoành thụ*”: Nói tới Thụ (chiều dọc) là chỉ nói tới lục đạo. Lục đạo là chư thiên, Tu La, con người, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, đó là “*thụ thuyết*” (nói theo chiều dọc), thời gian quả thật khác nhau. Dưới đây, nêu ra một thí dụ để nói:

(Sao) *Tứ Thiên nhất nhật.*

(鈔) 四天一日。

(Sao: Một ngày trên cõi trời Tứ Thiên).

“*Tứ Thiên*” là Tứ Thiên Vương Thiên⁶¹. Một ngày đêm trên Tứ Thiên Vương Thiên.

(Sao) Nhân thọ ngũ tuần.

(鈔) 人壽五旬。

(Sao: Bằng năm mươi năm trong nhân gian).

Thọ mạng năm mươi năm trong nhân gian bằng một ngày đêm trong Tứ Thiên Vương Thiên, thọ mạng trên Tứ Thiên Vương Thiên dài lâu. Cao hơn Tứ Thiên Vương Thiên là Đao Lợi Thiên, một ngày đêm trên Đao Lợi Thiên bằng một trăm năm trong nhân gian chúng ta. Vì thế, cõi người chẳng đáng kể gì, đừng nên chấp trước quá, có gì tốt đẹp để so đo? Chư thiên cõi Đao Lợi nhìn chúng ta: “Đáng thương! Sáng sanh, tối chết!”, bọn hấn có thể sống được bao lâu? Bất quá một ngày đêm mà thôi! Lên cao hơn, thọ mạng Dạ Ma Thiên càng dài hơn, một ngày đêm trên Dạ Ma Thiên là hai trăm năm trong nhân gian chúng ta. Một ngày đêm trên Đâu Suất Thiên là bốn trăm năm trong nhân gian chúng ta. Nhìn từ Đâu Suất Thiên, nhân gian chúng ta chỉ sống mấy giờ, đúng là quá đáng thương. Mấy giờ ấy cũng chẳng thật thà! Tranh danh, đoạt lợi, lo được, lo mất! Phải giác ngộ điều này. Đó là nhìn lên trên.

Nếu nhìn xuống dưới, thọ mạng trong súc sanh đạo chẳng nhất định. Thọ mạng ngắn ngủi, như các loài trùng nhỏ sống trên mặt nước, nó có thể chạy tới, chạy lui trên mặt nước, chúng ta gọi chúng là “phù du” (mayfly). Thọ mạng đích xác của loài phù du chỉ là mấy tiếng đồng hồ. Vì thế, chúng ta thấy thọ mạng của chúng giống như chư thiên trời Đao Lợi thấy [thọ mạng] của chúng ta. Trong loài súc sanh, cũng có loài thọ mạng

⁶¹ Tứ Thiên Vương Thiên (Caturmahārājakāyikās) là tầng trời thứ nhất, nằm ngay ngang lưng núi Tu Di. Gọi là Tứ Thiên Vương Thiên vì trong cõi trời này có bốn vị thiên vương cai quản bốn phía là Bắc phương Đa Văn Thiên Vương (Vaiśravaṇa, thống lãnh chúng Dạ Xoa, La Sát, thủ hộ Bắc Cầu Lô Châu), Tây phương Quảng Mục Thiên Vương (Virūpākṣa, thống lãnh loài rồng, ngựa quý v.v... thủ hộ Tây Ngưu Hóa Châu), Nam phương Tăng Trưởng Thiên Vương (Virūdhaka, thống lãnh loài quý Cừu Bàn Trà, Bê Lê Đa v.v... thủ hộ Nam Thiệm Bộ Châu), và Đông phương Trì Quốc Thiên Vương (Dhṛitarāstra, thống lãnh các loài điên cuồng quý, hương âm thân v.v..., thủ hộ Đông Thắng Thần Châu). Nói chung, các loại quý thân, thiên long bát bộ đều thuộc quyền quản hạt của bốn vị thiên vương này.

rất dài, như loài rồng được nói trong kinh, rồng là súc sanh, thọ mạng dài đến mấy kiếp. Nga quý đạo, địa ngục đạo thọ mạng đều rất dài. Trong kinh điển nhà Phật có nói: Một ngày đêm trong địa ngục A Tỳ là hai ngàn bảy trăm mấy chục năm trong nhân gian. Trung Quốc có danh hiệu là “năm ngàn năm lịch sử”, chưa đầy hai ngày trong địa ngục A Tỳ! Vì thế, chớ nên đến nơi ấy. Thọ mạng của họ là bao lâu? Thọ mạng ít nhất là một vạn năm, một ngày đêm [trong địa ngục] bằng hai ngàn bảy trăm năm trong nhân gian! Chớ nên tạo tội nghiệp địa ngục! Tiễn vào rất dễ, thoát ra khó lắm! Vì thế, trong kinh điển đức Phật đã giảng về địa ngục rất tỉ mỉ, nhằm bảo chúng ta hãy lưu tâm đề cao cảnh giác, chớ nên đọa địa ngục. Đây là nói theo chiều dọc, thời gian đích xác là khác nhau, sai biệt rất lớn.

(Sao) Hoành tặc biến hồ tứ châu, Thiệm Bộ tam canh, Câu Lô nhất ngọ, bất khả định dã.

(鈔)橫則遍乎四洲，瞻部三更，俱盧日午，不可定也。

(Sao: Theo chiều ngang thì trọn khắp bốn đại châu, Nam Thiệm Bộ Châu là canh ba thì Bắc Câu Lô Châu đã là giữa trưa, nên [thời gian] chẳng thể nhất định).

Nói theo chiều ngang, nay chúng ta nói là “múi giờ sai khác”. Thí dụ như nay chúng ta ở đây là chín giờ tối thì tại Nữu Ước (New York) của Mỹ là chín giờ sáng. Điều này được gọi là múi giờ sai lệch, chẳng giống nhau. “*Bất khả định dã*” (chẳng thể nhất định), nên kinh Phật không ghi chép năm, tháng, ngày, giờ là có lý.

(Sao) Lương độ chánh sóc giả, tuế thủ chi nhật, danh vi Chánh Sóc.

(鈔)兩土正朔者，歲首之日，名為正朔。

(Sao: “Ngày Chánh Sóc hai cõi khác nhau”: Ngày đầu năm gọi là Chánh Sóc⁶²).

⁶² Ngày đầu tháng trong Âm Lịch được gọi là Sóc (Sóc có nghĩa là khởi đầu, còn gọi là Nguyệt Cát), tháng Giêng lại gọi là Chánh Nguyệt, nên mồng Một tháng Giêng được gọi là Chánh Sóc. Ngày Rằm gọi là Vọng, ngày cuối tháng gọi là Nguyệt Tận. Tháng đủ (ba mươi ngày) thì ngày cuối tháng gọi là Đại Tận, tháng thiếu sẽ gọi ngày cuối tháng là Tiểu Tận.

“*Tuế thủ*” là cách người Trung Quốc gọi ngày mùng Một tháng Giêng vào thời cổ. Chúng ta ấn định ngày mùng Một tháng Giêng nhằm ngày nào? Người Trung Quốc ấn định ngày mùng Một tháng Giêng chẳng giống người Ấn Độ.

(Sao) Chấn Đán, Ngũ Thiên, bất tương thống thuộc.

(鈔) 震旦五天，不相統屬。

(Sao: Trung Hoa và năm xứ Thiên Trúc [ấn định ngày đầu năm] chẳng giống nhau).

“*Chấn Đán*” là Trung Quốc, Ngũ Thiên là Ngũ Thiên Trúc, tức Ấn Độ. Lịch pháp Trung Quốc và lịch pháp Ấn Độ khác nhau. Không chỉ Trung Quốc và ngoại quốc khác nhau, mà Trung Quốc cổ đại, Hạ, Thương, Châu khác nhau.

(Sao) Châu chánh kiến Tý.

(鈔) 周正建子。

(Sao: Đòi Châu, ấn định tháng Tý là tháng Giêng).

Đòi Châu ấn định ngày mùng Một tháng Giêng vào tháng Tý, tức là ngày mùng Một tháng Mười Một [Âm lịch] hiện thời.

(Sao) Hạ chánh kiến Dần.

(鈔) 夏正建寅。

(Sao: Nhà Hạ định tháng Giêng nhằm tháng Dần).

Tháng Dần là tháng ta đang sử dụng trong lịch pháp hiện thời. Âm lịch hiện thời cũng gọi là “Hạ lịch”⁶³, lấy ngày mùng Một tháng Dần làm

⁶³ Người Trung Hoa vẫn tin Âm Lịch hiện thời do Hiên Viên Hoàng Đế chế ra, đến nhà Hạ chọn tháng Dần làm tháng Giêng vì quan niệm ứng với quẻ Thái trong kinh Dịch, nhưng nhà Thương lại chọn tháng Sửu (tháng Chạp hiện thời) làm tháng Giêng vì nó tương ứng với quẻ Lâm mang ý nghĩa tốt lành hơn, nhà Châu chọn tháng Tý (tháng Mười Một hiện thời) làm tháng Giêng, nhà Tần chọn tháng Hợi (tháng Mười Âm lịch hiện thời) làm tháng Giêng, đến đời Hán Vũ Đế (144 trước Công Nguyên), quyết định quay lại áp dụng lịch nhà Hạ và từ đó đến nay không thay đổi nữa. Do trong nhân gian thường quan niệm vào giờ Tý là bắt đầu cho một ngày mới, khí Dương bắt đầu tăng trưởng, giờ Sửu gà gáy, giờ Dần trời rạng sáng, con người thức dậy ra đồng, nên cổ nhân hay nói “*thiên khai ư Tý, địa khai ư Sửu, nhân khai ư Dần*”. Câu này được chép lại trong Tây Du Ký hồi một. Một tà phái ở Việt Nam đã dựa vào câu này

ngày đầu năm, tức là mừng Một tháng Giêng. Có thể thấy ba triều đại Hạ, Thương, Châu lịch pháp khác nhau. “*Thiên can địa chi*”, Địa Chi là dùng mười hai chữ⁶⁴ để tượng trưng cho mười hai tháng. Nay chúng ta lấy tháng Dần làm tháng Giêng.

(Sao) Bĩ thời Chấn Đán thuộc Châu, nhi Phật tại Xá Vệ, Xá Vệ kiến Dân, nãi dụng Hạ chánh.

(鈔)彼時震旦屬周，而佛在舍衛，舍衛建寅，乃用夏正。

(Sao: Khi ấy, Chấn Đán thuộc nhà Châu, nhưng đức Phật ở thành Xá Vệ, Xá Vệ lấy tháng Dần làm tháng Giêng, tức là dùng theo Chánh Sóc của nhà Hạ).

Đây là xét theo khảo cứu, khi đó, tại Ấn Độ, ngày mùng Một tháng Giêng của họ giống như chúng ta đang sử dụng hiện thời, trong khi ấy, Trung Quốc thuộc triều đại nhà Châu. Nhà Châu ăn Tết sớm hơn một tháng [so với hiện thời], không giống lịch pháp hiện thời.

(Sao) Tắc Ngũ Thiên chánh nguyệt, Chấn Đán tam nguyệt, Ngũ Thiên nhị nguyệt, Chấn Đán tứ nguyệt dã, diệc bất khả định.

(鈔)則五天正月，震旦三月，五天二月，震旦四月也，亦不可定。

(Sao: Cho nên Ngũ Thiên Trúc là tháng Giêng thì Trung Hoa đã là tháng Ba, Ấn Độ là tháng Hai thì Trung Hoa đã là tháng Tư, nên cũng không thể nói nhất định được).

Đây là nói lịch pháp của Trung Quốc và Ấn Độ khác nhau, hống chi thuở ấy Ấn Độ chưa thống nhất, lịch pháp Ấn Độ cũng không thống

để đoán quyết vũ trụ được khai sinh vào năm Tý, và tuyên bố điều này do cơ bút của Đức Chí Tôn phán truyền!

⁶⁴ Thiên Can gồm Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý (mười chữ). Địa Chi gồm mười hai chữ là Tý, Sửu, Dần, Mão v.v... Đôi khi lại gọi theo tên loài hoa chủ yếu trong một số tháng, nên mười hai tháng trong Âm lịch theo thứ tự sẽ là chánh nguyệt, hạnh nguyệt, đào nguyệt, mai nguyệt, lựu nguyệt, hà nguyệt (hoa sen), lan nguyệt, quế nguyệt, cúc nguyệt, lương nguyệt (tháng tốt lành), đông nguyệt (tháng mùa Đông), và lạp nguyệt (tháng chạp).

nhất, không giống như Trung Quốc. Ở Trung Quốc, vào thời nhà Châu, lịch pháp đã thống nhất.

(Sao) Cố chỉ ngôn nhất thời dã.

(鈔) 故止言一時也。

(Sao: Cho nên chỉ nói “nhất thời”).

Đây là nói rõ nguyên nhân theo phương diện thời gian và không gian vì sao chẳng ghi chép năm, tháng, ngày, giờ. Dưới đây là nói tới giáo nghĩa trong kinh này:

(Sao) Tâm cảnh giả, nhất tâm bất loạn, vô năng niệm, sở niệm cố. Phàm thánh giả, dữ chư thượng thiện nhân đồng hội nhất xứ cố. Y chánh giả, Phật cập thủy điều thụ lâm, đồng thuyết diệu pháp cố. Nhất đa giả, nhất Phật thuyết kinh, lục phương tề tán cố.

(鈔) 心境者，一心不亂，無能念所念故。凡聖者，與諸上善人，同會一處故。依正者，佛及水鳥樹林，同說妙法故。一多者，一佛說經，六方齊讚故。

(Sao: “Tâm cảnh”: Nhất tâm bất loạn, do không có năng niệm và sở niệm. **“Phàm thánh”:** Cùng ở một chỗ với các bậc thượng thiện nhân. **“Y chánh”:** Phật và nước, chim, rừng cây cùng nói diệu pháp. **“Một nhiều”:** Một vị Phật nói kinh, sáu phương cùng ca ngợi).

Những điều này đều nói về pháp môn Bất Nhị, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, toàn bộ đều là cảnh giới Hoa Nghiêm.

(Sao) Như thượng chủng chủng nhị pháp, giai thành nhất vị.

(鈔) 如上種種二法，皆成一味。

(Sao: Các thứ hai pháp [đối lập] như trên đều thành một vị).

Đây là nhập pháp môn Bất Nhị, nhập Nhất Chân pháp giới.

(Sao) Tức dĩ thử thời vi nhất thời dã.

(鈔) 即以此時為一時也。

(Sao: Nên coi lúc ấy là “nhất thời” vậy).

Đây mới là ý nghĩa thật sự của “nhất thời”. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này.

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa

Tập 107

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm mười:

(Sớ) Phật giả, Chủ Thành Tựu dã. Phật nghĩa giải kiến tiền văn, dĩ thị nhất kỳ chúng sanh sở cộng tông cổ, danh chi viết Chủ. Hựu lục chủng thành tựu trung, tối vi Chủ cổ.

(疏)佛者，主成就也。佛義解見前文，以是一期眾生所共宗故，名之曰主。又六種成就中，最為主故。

(Sớ: Phật là Chủ Thành Tựu. Xem lời giải thích ý nghĩa chữ Phật trong phần trước. Do được chúng sanh cùng tôn sùng trong một thời kỳ, nên gọi là Chủ. Lại nữa, trong sáu thứ thành tựu, Chủ là trọng yếu nhất).

Đây là giải thích chữ Phật trong phần kinh văn “*như thị ngã văn, nhất thời Phật*”. Trong Lục Chủng Thành Tựu, chữ Phật thuộc Chủ Thành Tựu. “*Như thị*” là Tín Thành Tựu, “*ngã văn*” là Văn Thành Tựu, “*nhất thời*” là Thời Thành Tựu, “*Phật*” là Chủ Thành Tựu. Nói theo cách bây giờ, chữ “*Chủ*” này là chủ tịch trong đại hội, hoặc là vị chủ giảng trong giảng tòa này, Thích Ca Mâu Ni Phật là chủ giảng. Vì sao gọi Ngài là Chủ Thành Tựu? Tiếp đó là hai câu giải thích, “*thị nhất kỳ chúng sanh*”, trong một thời kỳ. Nếu nói theo thuở ấy, đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, bốn mươi chín năm ấy là một thời kỳ trụ thế giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong thời kỳ ấy, mọi người đều coi đức Thế Tôn là thầy, đều coi Ngài là vị chủ giảng, tức là vị “*thuyết pháp chủ*”; do vậy, gọi Ngài là Chủ Thành Tựu. Nếu nói theo toàn thể pháp vận của đức Phật, pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn hai ngàn năm. Một vạn hai ngàn năm chia thành ba thời kỳ: Chánh Pháp, Tượng Pháp, và Mạt Pháp; Chánh Pháp một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp một vạn năm. Một vạn hai ngàn năm ấy là pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật, mà cũng là thời kỳ giáo hóa lâu dài của Ngài.

Trong một vạn hai ngàn năm ấy, tuy hiện thời Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng tại thế, chúng ta đọc kinh điển, đọc ngữ lục của Ngài, vẫn giống như tiếp nhận sự giáo huấn của đức Phật. Ý nghĩa chữ Chủ cũng có thể hiểu là kéo dài đến tận thời kỳ Mạt Pháp. Vì vậy, trong sáu thứ thành tựu, Chủ Thành Tựu là điều trọng yếu nhất. Nếu chẳng có Phật, năm thứ

khác đều chẳng thể nói là thành tựu được! Do có Phật, mới có năm thứ thành tựu trước đó. Trong lời Sao có giải thích.

(Sao) Cộng tông giả.

(鈔) 共宗者。

(Sao: “Cùng tôn sùng”).

“Cộng” là cùng chung.

(Sao) Phật xuất thế vi nhất kỳ, nhất kỳ chi trung.

(鈔) 佛出世為一期，一期之中。

(Sao: Phật xuất thế là “một kỳ”, trong một kỳ).

Nói theo nghĩa hẹp, đức Phật giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm; nói theo nghĩa rộng, toàn thể pháp vận của đức Phật là một vạn hai ngàn năm.

(Sao) Lục phàm, tam thánh.

(鈔) 六凡三聖。

(Sao: Lục phàm, tam thánh).

“Lục phàm” là lục đạo phàm phu, “tam thánh” là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chúng ta gọi họ là “tam thừa nhân”.

(Sao) Nhất thiết chúng sanh, đồng sở tông chủ.

(鈔) 一切眾生，同所宗主。

(Sao: Hết thầy chúng sanh đều cùng tôn sùng vị Chủ).

Hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới đều tôn Phật làm thầy, đều nghe theo giáo huấn của đức Phật.

(Sao) Như vạn tánh bách tích, quy nhất nhân cố.

(鈔) 如萬姓百辟，歸一人故。

(Sao: Như vạn họ, trăm quan⁶⁵ đều thuộc về một người).

⁶⁵ Theo nghĩa gốc, “Tích” (辟) là tiếng để gọi chư hầu (theo từ điển Khang Hy, khi dùng theo nghĩa này, phải đọc là Tích). Sách Nhĩ Nhã Thích Huấn giảng: “*Thiên tử*

Trước kia, hoàng đế là chủ một nước. Dân chúng và chư hầu đều phải nghe lệnh thiên tử. Đây là dùng thiên tử để sánh ví đức Phật.

(Sao) Lục thành tựu trung Chủ giả, vọng tiền, tác tế Chủ chi hội thành Thời, linh Chủ chi ngữ thành Văn, thọ Chủ chi giáo thành Tín. Vọng hậu, tác Chủ chi sở cư thành Xứ, Chủ chi sở hóa thành Chúng, thị lục chủng cộng thành, nhi quy trọng ư Phật, diệc ngôn Phật tiện châu ý dã.

(鈔)六成就中主者，望前，則際主之會成時，聆主之語成聞，受主之教成信。望後，則主之所居成處，主之所化成眾，是六種共成，而歸重於佛，亦言佛便周意也。

(Sao: Đối với Chủ trong sáu thứ thành tựu, nếu xét những điều trước thì lúc gặp gỡ Chủ sẽ thành Thời, nghe lời Chủ nói sẽ thành Văn, nhận lãnh lời dạy của Chủ thành Tín. Nhìn vào những điều sau, nơi Chủ ở là Xứ, kẻ được Chủ hóa độ là Chúng, nên sáu thứ cùng được hình thành, nhưng đều quy kết Phật là trọng yếu nhất, nên hễ nói “Phật” thì các ý nghĩa đều được trọn vẹn).

“Tế Chủ chi hội thành Thời”: “Tế hội” (際會) là lúc nhân duyên tụ hội, cũng có thể nói là lúc cơ duyên chín muồi. Nếu cơ duyên chưa chín muồi, Phật xuất hiện trong thế gian này cũng vô ích. Trong thời đại hiện tại, vì sao Phật, Bồ Tát không đến? Chắc cũng có kẻ nói, chúng sanh hiện thời quá khổ sở, lẽ ra Phật, Bồ Tát phải nên đại từ đại bi phổ độ chúng sanh, phải nên ngay lập tức tới thế gian này thì mới đúng. Thật ra, Phật, Bồ Tát đúng là đại từ đại bi, hiện thời các Ngài cũng tới, không chỉ tới, mà còn tới rất nhiều, và cũng tới nhiều lần. Bất quá, chẳng dùng thân phận Phật, Bồ Tát để đến, vì sao? Nếu dùng thân phận Phật, Bồ Tát để đến, không chỉ chẳng thể độ chúng sanh, mà còn đem đến tai nạn cho chúng sanh. Nói như vậy nghĩa là sao? Hiện thời, chúng sanh tin tà, chẳng tin chánh, nghe lừa gạt, chẳng nghe khuyên răn. Quý vị khuyên họ, họ chẳng nghe; lừa họ, họ nghe theo! Đó là do nghiệp chướng nặng nề! Phật, Bồ Tát chẳng thể lừa người! Nếu Phật, Bồ Tát lừa người, sẽ là phá giới, còn gọi là Phật, Bồ Tát gì nữa! Phật, Bồ Tát chẳng thể lừa người. Do vậy, Phật, Bồ Tát đến giáo hóa chúng sanh trong hiện thời khó khăn lắm, khá là khó

dữ chư hầu thông xưng Tịch dã” (thiên tử và các chư hầu đều gọi chung là Tịch). Về sau, “Tịch” được hiểu theo nghĩa rộng là các quan.

khăn. Ngược lại, hiện thời, trong thế gian này, yêu ma, quỷ quái rất nhiều. Tôi nghe đồng tu kể: Pháp sư Khai Tâm ở Đài Nam bảo: “Tháng Bảy năm ngoái, Quỷ Môn Quan mở cửa, yêu ma quỷ quái đều bước ra”. Sư thấy chuyện này rất lạ lùng, vì sao yêu ma, quỷ quái đều được thả ra? Thả những loài ấy ra, chắc chắn đối với thế gian này chẳng có gì tốt đẹp, đó là điềm báo thế giới động loạn, chẳng phải là chuyện tốt lành. Điều này đương nhiên cũng chẳng phải là không có nguyên nhân. Nguyên nhân căn bản ở chỗ nào? Nguyên nhân căn bản là do lòng người. Nếu tâm con người chánh đáng, những thứ yêu quỷ ấy sẽ không được thả ra, vì thả ra cũng chẳng khởi tác dụng gì! Lòng người tà, sẽ cảm ứng tà, chánh cảm ứng chánh. Hiện tại, chúng sanh trong thế gian này, kẻ tà tri tà kiến nhiều lắm, kẻ có chánh tri kiến ít ỏi; bởi lẽ, họ tin tưởng tà pháp, chẳng tin tưởng chánh pháp.

Dầu Phật, Bồ Tát đông đảo, cũng rải khắp trong các ngành nghề, giống như phẩm Phổ Môn đã nói: “Nên dùng thân gì để đắc độ, Ngài bèn hiện thân ấy”; nhưng nếu cơ duyên chưa chín muồi, Phật cũng chẳng thể độ kẻ ấy! Kẻ ấy chẳng tin, chẳng tiếp nhận, không có cách nào hết! Nếu tâm mọi người đều chánh, đều muốn thoát khỏi sanh tử, đều muốn sớm chứng Bồ Đề, nếu những người như vậy đông đảo, Phật sẽ đến. Trong Phật môn thường nói: “*Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân*” (trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai). Chỉ cần có một người chánh tri chánh kiến, thật sự mong liễu sanh tử, thoát tam giới, thành Phật đạo, Phật cũng chẳng thể bỏ người ấy. Nếu Phật bỏ người ấy, Phật sẽ có lỗi đối với chúng sanh, một người cũng chẳng thể bỏ! Một người thì Ngài có phương pháp độ một người, nhiều người, bèn có phương pháp độ nhiều người; phương pháp khác nhau! Trong hội này, cơ duyên đắc độ của chúng sanh đã chín muồi; do vậy, đức Phật thị hiện giáng sanh trong nhân gian, trụ thế tám mươi năm, vì chúng ta thuyết pháp bốn mươi chín năm. Đây là một kỳ “*gia hội*” (嘉會: hội tốt lành), tức là pháp hội vô cùng thù thắng.

“*Linh Chủ chi ngữ thành Văn*” (nghe lời dạy của vị Chủ thành Văn Thành Tựu). Nếu chẳng do nghe Phật pháp mà khai ngộ thì chẳng thể gọi là Văn Thành Tựu. Nghe Phật khai thị, hoảng nhiên đại ngộ thì gọi là Văn Thành Tựu. “*Thọ Chủ chi giáo thành Tín*” (tiếp nhận sự giáo hóa của Chủ mà thành Tín Thành Tựu): Nghe lời Phật nói, thật sự ngộ nhập; sau khi ngộ nhập, tín tâm kiên cố, vĩnh viễn chẳng bị thoái chuyển, thật sự tin tưởng. Trước kia, con người căn tánh nhậy bén, nghe pháp dễ khai ngộ. Con người hiện thời thành kiến rất sâu, vọng tưởng đặc biệt nhiều, luôn luôn đều phải có chứng cứ, không có chứng cứ sẽ chẳng tin tưởng. Đương

nhiên Phật thuyết pháp, họ cũng đòi hỏi phải đưa ra chứng cứ; vì thế, [phải vận dụng] Tam Chuyển Pháp Luân. Tam Chuyển Pháp Luân là ba nguyên tắc thuyết pháp của đức Phật. Thứ nhất là Thị Chuyển, nói rõ sự thật, lý luận, người lợi căn vừa nghe liền khai ngộ. Người căn tánh độn vẫn chẳng ngộ, Phật lại phải khuyên dạy, khích lệ, đó là Khuyển Chuyển. Nếu người ấy giác ngộ, bèn có thể tiếp nhận. Còn có một hạng người căn tánh rất độn, quý vị khuyên kẻ ấy, kẻ ấy cũng chẳng tiếp nhận. Khích lệ kẻ ấy, kẻ ấy cũng chẳng nghe lọt tai. Đối với người như vậy, Phật chỉ còn cách đưa chứng cứ cho kẻ ấy thấy, đó là Chứng Chuyển. Kẻ ấy vừa nhìn thấy chứng cứ, bèn tin tưởng, thì vẫn còn cứu được, vẫn có thể độ. Loại người thứ tư, đưa ra chứng cứ, kẻ ấy vẫn không tin, chẳng còn cách nào, đó là kẻ vô duyên với Phật, Phật chẳng thể độ kẻ ấy. Ba loại người trước đều có thể độ, còn loại thứ tư, đối với người ấy, Phật chẳng biết làm sao, độ không được! Giống như những kẻ tin tà, chẳng tin chánh trong hiện thời, sẽ chẳng có cách nào tiếp nhận Phật pháp. Thật sự tin là Tín Thành Tựu. Ở đây nói là “*thọ Chủ giáo*” (tiếp nhận lời dạy của vị Chủ); tức là nói về Tam Chuyển Pháp Luân, Thị, Khuyển, Chứng đều có thể tiếp nhận, bèn thành Tín Thành Tựu.

“*Chủ chi sở cư thành Xứ*”, Xứ Thành Tựu. “*Chủ chi sở hóa thành Chúng*”, “*sở hóa*” là những người được Ngài giáo hóa, là học trò của Ngài, tiếp nhận sự giáo hóa của Ngài. Đó là Chúng Thành Tựu, kinh thường liệt kê Thường Tùy Chúng gồm một ngàn hai trăm năm mươi người. Do vậy, trong sáu thứ thành tựu, Chủ Thành Tựu là điều trọng yếu nhất. Không có Chủ Thành Tựu, năm thứ kia cũng chẳng thể thành tựu. Kinh điển thường nói “*ngôn Phật tiện châu*”, [nghĩa là] nói một chữ Phật, hết thảy các ý nghĩa đều được bao gồm viên mãn, chẳng sai sót một điều nào!

(Sớ) Tại Xá Vệ quốc, Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên giả, Xứ Thành Tựu dã.

(疏) 在舍衛國，祇樹給孤獨園者，處成就也。

(Sớ: “*Tại nước Xá Vệ, Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên*” là Xứ Thành Tựu).

“*Xá Vệ quốc, Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên*” là nơi Ngài trụ. Chúng ta thấy kinh nói “*Phật tại*”, chẳng nói Phật trụ ở nơi nào. “*Tại*” và “*trụ*” khác nhau. “*Trụ*” là ở nơi đó, bất động; “*tại*” là hiện diện khắp nơi ấy, ngày mai có trụ ở đó hay không, chẳng nhất định. Trước kia, hoàng đế ở

nơi nào chẳng thể nói là vua “trụ” nơi đó, mà gọi là “tại”. “Hành tại” là nói nhà vua đang ở nơi nào đó. Vì sao chẳng nói là “trụ”? Vì xưa kia, hoàng đế “*quý vị thiên tử, phú hữu tứ hải*” (quý hiển như thiên tử, giàu khắp bốn biển). Cả nước đã là nhà của vua thì quý vị nghĩ xem vua phải trụ nơi đâu? Nước đã là nhà, là trụ xứ của vua! Do vậy, chỉ đành nói là vua ở tại nơi đâu. Ví như, nhà quý vị rất lớn, lúc quý vị ở nhà, hỏi quý vị đang ở chỗ nào? Ở phòng khách hay đang ở trong phòng? Chẳng thể nói quý vị trụ tại phòng khách, trụ trong phòng riêng, hoặc trụ trong bếp, chẳng thể nói kiêu đó! Khu vực giáo hóa của Phật so với lãnh thổ của một quốc vương còn lớn hơn rất nhiều, khu vực giáo hóa của Phật là tam thiên đại thiên thế giới. Địa cầu của chúng ta là một tinh cầu trong tam thiên đại thiên thế giới mà thôi. Tam thiên đại thiên thế giới là khu vực giáo hóa của một đức Phật; nếu nói Thích Ca Mâu Ni Phật trụ ở đâu, chúng ta chỉ có thể nói Ngài trụ trong thế giới Sa Bà. Hiện thời, Ngài ở nơi đâu? Do vậy, nói là Tại, chẳng thể nói là Trụ.

(Sớ) Tại giả, Thiên Thai vị tại tức trụ ý. Biệt chi hữu tứ, viết thiên trụ, phạm trụ, thánh trụ, Phật trụ. Tùy nghi Phật trụ, nãi chí thiên trụ, thật tắc Phật thân vô tại, vô bất tại.

(疏)在者，天台謂在即住意。別之有四：曰天住，梵住，聖住，佛住。隨宜佛住，乃至天住，實則佛身無在無不在。

***(Sớ: “Tại”:* Tông Thiên Thai nói “tại” có nghĩa là “trụ”. Nói tách biệt thì có bốn loại là thiên trụ, phạm trụ, thánh trụ, và Phật trụ. Tùy thời tiết, căn cơ thích hợp mà có Phật trụ cho đến thiên trụ, nhưng thật ra, thân Phật không ở nơi nào nhất định, mà cũng không nơi nào chẳng hiện diện).**

Bồ Tát đều là tùy loại hóa thân, nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy, huống chi là Phật? “*Phật thân vô tại, vô bất tại*”, nơi nào có duyên, Phật sẽ hiện diện nơi đó. Không có duyên, Phật sẽ chẳng hiện diện. Đúng như kinh Lăng Nghiêm đã dạy: “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng tiếp nhận của họ). Chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng, cảm ứng đạo giao. Lũ chúng sanh chúng ta có cảm là có tâm, Quán Kinh dạy chúng ta tưởng, còn kinh này dạy chúng ta niệm, ức Phật, niệm Phật, chúng ta có tâm, nhưng Phật ứng là vô tâm. Vô tâm thì làm sao có thể ứng? Nói thật ra, chính vì vô tâm nên

mới có thể ứng, hữu tâm sẽ chẳng thể ứng. Quý vị thấy cái khánh này chẳng có tâm, bên trong trống rỗng. Quý vị gõ nó, đó là cảm, quý vị vừa gõ, nó liền ngân lên, ngân lên là ứng. Chính vì nó vô tâm, cho nên “*đại khẩu tắc đại minh, tiểu khẩu tắc tiểu minh*” (gõ mạnh sẽ kêu to, gõ nhẹ sẽ kêu nhỏ). Nếu nó có tâm, quý vị gõ, chắc là nó chẳng kêu, chẳng đáp ứng. Vì Phật là vô tâm, nơi nào có cảm, bên ứng nơi đó. Phật có đến đi hay không? Chẳng đến đi! Đúng như kinh đã dạy: “*Đương xứ xuất sanh, đương xứ diệt tận*” (sanh ra từ đâu sẽ diệt mất ở ngay nơi đó), chẳng có đến đi. Thật ra, đối với nguyên lý này, Phật là như thế, mà mỗi cá nhân chúng ta cũng đều là như vậy. Rất đáng tiếc, chính chúng ta chẳng biết chân tướng sự thật này; chúng ta mê, cho là có sanh, lão, bệnh, tử, có đến, có đi, thấy đều là quan niệm sai lầm, thấy chân tướng sự thật sai lạc. Nếu quý vị thật sự giác ngộ, thấy chân tướng sự thật, thì phàm phu chúng ta và Phật chẳng hai! Nếu nói khác nhau thì chỉ là mê hay ngộ, trừ mê hay ngộ ra, quả thật chẳng có gì khác nhau!

Đoạn này giảng về Xứ Sở Thành Trụ. Tông Thiên Thai bảo “*tại*” cũng có nghĩa là “*trụ*”. “*Biệt chi hữu tứ*” (nói tách biệt thì có bốn loại), Biệt là nói theo Phật pháp, căn cứ trên những điều được giảng trong kinh điển, kinh quá nửa nói là “*Phật trụ*”, tông Thiên Thai chia thành bốn loại. Vì sao tông Thiên Thai phải nói như vậy? Đương nhiên là có đạo lý, họ muốn “*hiển thị tâm pháp có thể trụ*”, vì người ta hề nói đến “*trụ*” thường nghĩ đến thân, chúng ta nói: “*Quý vị trụ ở đâu?*” đều hàm ý thân quý vị đang trụ ở đâu, chẳng nói tâm quý vị trụ nơi đâu! Nhưng trong Phật pháp, nói thật ra, rất coi trọng tâm. Quý vị thấy Nhị Tổ Huệ Khả của Thiền Tông thỉnh giáo Đạt Ma Tổ Sư, nói thật ra là do Ngài chẳng hiểu phải an trụ tâm ở nơi đâu, phải an trụ cái tâm ở chỗ nào cho thỏa đáng. Vì chuyện ấy mà chặt tay cầu pháp. Trong kinh Kim Cang, cả một bộ kinh Kim Cang chỉ nhằm giảng hai vấn đề. Ngài Tu Bồ Đề thỉnh giáo Thích Ca Mâu Ni Phật hai vấn đề, thứ nhất là “*vân hà hàng phục kỳ tâm?*” (làm thế nào để hàng phục cái tâm). Vấn đề thứ hai là “*ung vân hà trụ?*” (nên trụ như thế nào). Hàng phục cái tâm là do tâm chúng ta có quá nhiều tạp niệm, quá nhiều phiền não, cần phải dùng phương pháp nào thì mới có thể chế phục? Đây là một vấn đề. Thứ hai là tâm an trụ ở chỗ nào? Do vậy, tông Thiên Thai nói bốn loại [trụ] vì chú trọng cái tâm, điều này rất khẩn yếu, ý nghĩa rất sâu.

Trong tâm quý vị thường xuyên suy tưởng, vướng mắc, đây chính là tâm quý vị trụ vào đó, trong ấy sẽ chia ra thành mười pháp giới. Nếu tâm quý vị thường nghĩ đến tham lam, keo kiệt, quý vị sẽ trụ trong ngã

quỷ đạo. Hiện thời, thân vẫn chưa ở trong ngạ quỷ đạo, nhưng tâm đã an trụ trong ngạ quỷ đạo! Nếu thường ôm lòng sân khuê, ganh ghét, đó là địa ngục đạo, tâm ở trong địa ngục đạo. Nếu muốn làm một thiện nhân, nhưng chuyện gì cũng chẳng nghe, chẳng hỏi tới, hồ đồ, chuyện gì cũng chẳng biết, tâm ấy sẽ trụ trong súc sanh đạo, súc sanh đạo ngu si! Trong tâm thường có tham, sân, si, những thứ ấy là tam ác đạo. Tuy thân chưa đến đó, tâm đã an trụ nơi đó, rất phiền phức!

Do điều này biết rằng: Trong tâm thường nghĩ tới Ngũ Giới, Ngũ Thường, Nho gia nói Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, Tứ Duy, Bát Đức; đây là nhân đạo. Nếu trụ trong Thập Thiện, Tứ Vô Lượng Tâm (từ, bi, hỷ, xả), đó là thiên đạo, thiên trụ. Nếu thường nghĩ tới Tứ Đệ, Ba Mươi Bảy Phẩm [trợ đạo], đó là A La Hán, tâm trụ trong Thanh Văn đạo. Thường nghĩ tới Mười Hai Nhân Duyên, đây là Duyên Giác đạo. Thường nghĩ tới Lục Độ, vạn hạnh, là Bồ Tát đạo. Nếu thường nghĩ tới thanh tịnh, bình đẳng, đây là Phật đạo, Phật tâm thanh tịnh, bình đẳng. Nay kinh này khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật trụ ở chỗ nào? Trụ trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì thế, dụng ý của Ngài ở chỗ này!

(Sao) Tại tức trụ trước, Đại Phẩm luận: Minh Phật tại chỗ, dĩ nhi ngôn tạm tại cửu trụ, tổng thành tại ý.

(鈔)在即住著，大品論：明佛在某所，已而言暫在久住，總成在意。

(Sao: “Tại” là ở lại. Kinh Đại Phẩm [Bát Nhã] luận định: “Nói rõ Phật ở chỗ nào, nói “tại” mang ý nghĩa tạm thời, nói “trụ” mang ý nghĩa lâu dài, nhưng đều là ý nghĩa của chữ “tại”).

“Tại” là tạm thời, “trụ” là lâu dài. “Trụ” ở chỗ nào, tức là ở lâu dài nơi ấy; có một chút khác biệt như vậy.

(Sao) Kim vị vô luận cửu tạm, dẫn tự đương thời thuyết kinh chỉ xứ, tức danh vị tại, như thiên tử sở chí, tức danh “hành tại” dã.

(鈔)今謂無論久暫，但就當時說經之處，即名為在；如天子所至，即名行在也。

(Sao: Nay bất luận là lâu dài hay tạm thời, hễ trong lúc ở chỗ nào thuyết kinh bèn nói là “tại” [nơi đó], như thiên tử đi tới đâu thì nơi đó gọi là “hành tại”).

Hiện thời, bất luận thời gian Ngài ở nơi nào lâu dài hay tạm thời, dài hay ngắn, chúng ta chỉ nói bộ kinh này được giảng ở nơi nào đó.

(Sao) Tứ trụ giả, Phật nhiếp chúng sanh, tùy nghi nhi trụ. Hoặc hiện thiên trụ, vị Lục Dục thiên nhân, tức dĩ Thí, Giới thiện tâm trụ.

(鈔)四住者，佛攝眾生，隨宜而住。或現天住，謂六欲天因，即以施戒善心住。

(Sao: “Bốn loại trụ”: Đức Phật nhiếp thọ chúng sanh, thuận theo cơ nghi để trụ, hoặc hiện thiên trụ, nghĩa là do cái nhân sanh vào cõi trời Lục Dục bèn trụ trong thiện tâm Thí Giới).

Những điều tiếp theo đây, đều là nói theo phương diện nhân quả. Vì Phật giáo hóa chúng sanh, trong sự giáo hóa chúng sanh ấy, lấy nhân quả làm mệnh đề (proposition) chủ yếu để thảo luận. Chúng sanh chúng ta mong cầu quả báo, nhất định phải biết quả báo được hình thành như thế nào. Nói cách khác, nhất định phải biết nhân duyên của nó. Nhân duyên trọn đủ, quả báo đương nhiên sẽ hiện tiền; bởi lẽ, từ đầu đến cuối, Phật pháp chẳng lừa nhân quả. Hiện tại có những kẻ chẳng tin nhân quả, đấy là ngu si! Nhân quả bày ra ngay trước mắt, nhưng kẻ ấy vẫn ương ngạnh nói chẳng tin, còn có cách nào nữa đây? Ví như nếu kẻ ấy muốn khỏi đói bụng, ăn cơm là nhân, ăn no sẽ khỏi đói bụng đấy là quả. Đó là nhân và quả rất đơn giản! “Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu”, hạt dưa là nhân, sanh ra quả dưa là quả. Bất luận chuyện gì trên thế gian cũng chẳng thể vượt khỏi nhân và quả, lẽ nào chẳng tin? Vì thế, trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói “ngũ châu nhân quả” (năm tầng lớp nhân quả)⁶⁶, trong kinh Pháp Hoa, nói “Nhất Thừa nhân quả”.

Ở đây, chia thành bốn đoạn, cũng là giảng về bốn thứ nhân quả khác nhau. “Hoặc hiện thiên trụ”, [nghĩa là] đối với những chúng sanh cầu sanh lên cõi trời, họ biết cõi trời tốt đẹp, mong mỗi đời sau được sanh lên thiên đường. Quý vị nói thoát tam giới, liễu sanh tử, họ chẳng có hứng thú, nghe không lọt tai, mục đích của họ chỉ là mong sanh về thiên đường.

⁶⁶ “Ngũ châu nhân quả” do Thanh Lương đại sư phán định các phẩm trong kinh Hoa Nghiêm, tức là:

1. Sở tín nhân quả: từ phẩm Một đến phẩm thứ Sáu.
2. Sai biệt nhân quả: gồm hai mươi chín phẩm kế tiếp.
3. Bình đẳng nhân quả: gồm hai phẩm kế đó.
4. Hạnh thành nhân quả: gồm một phẩm, tức phẩm Ly Thế Gian.
5. Chứng nhập nhân quả: tức phẩm Nhập Pháp Giới.

Đức Phật nói: “Không sao! Quý vị mong đến thiên đường, ta sẽ dạy quý vị phương pháp đến thiên đường”, sẽ dạy họ an trụ cái tâm nơi Thập Thiện, Tứ Vô Lượng Tâm, trong tương lai, nhất định có thể sanh thiên, dạy họ tu Thập Thiện Nghiệp Đạo. “*Thí Giới thiện tâm*” là bố thí, trì giới, tu Thập Thiện, “*thiện tâm*” là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Quý vị y theo những điều ấy để tu học, tương lai nhất định sanh thiên, tâm quý vị an trụ ở chỗ ấy!

(Sao) Hoặc hiện Phạm trụ, vị Sơ Thiên chí Phi Tưởng nhân, tức dĩ Tứ Vô Lượng Tâm trụ.

(鈔) 或現梵住，謂初禪至非想因，即以四無量心住。

(Sao: Hoặc hiện Phạm Trụ, nghĩa là do cái nhân sanh từ Sơ Thiên cho đến cõi trời Phi Tưởng mà trụ trong Tứ Vô Lượng Tâm).

“*Phạm*” là Sắc Giới thiên, Vô Sắc Giới thiên, Tứ Thiên, Bát Định, Phật dạy quý vị phương pháp ấy. Hiện thời, có không ít người thích tham Thiên, thích sanh về Phạm Thiên. “*Phạm*” có nghĩa là thanh tịnh. Đức Phật sẽ dạy họ phương pháp ấy, dạy họ Tứ Thiên, Bát Định, Tứ Vô Lượng Tâm, dạy họ hãy an trụ cái tâm nơi ấy. So với loại trước, loại này cao hơn rất nhiều, địa vị cao hơn rất nhiều. Những pháp này đều là pháp thế gian, chẳng vượt thoát tam giới, công phu đã khá lắm, nhưng vẫn là phàm phu sanh tử trong lục đạo.

(Sao) Hoặc hiện thánh trụ, vị tam thừa nhân, tức dĩ tam tam-muội trụ.

(鈔) 或現聖住，謂三乘因，即以三三昧住。

(Sao: Hoặc hiện thánh trụ, nghĩa là do cái nhân tam thừa nên trụ trong ba thứ tam-muội).

“*Tam-muội*” (Samādhi) là tiếng Phạn dịch âm, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chánh Thọ, Tam là Chánh, Muội là Thọ. Chánh Thọ là sự hưởng thụ bình thường. “*Tam tam-muội*” là ba thứ hưởng thụ bình thường. Phàm phu chúng ta hưởng thụ bất bình thường, có sao không bình thường? Có mừng, giận, buồn, vui, thất tình, ngũ dục, nên sự hưởng thụ ấy không bình thường. Trong sự hưởng thụ bình thường, không có tham, sân, si, mạn, không có thất tình, ngũ dục, lúc đó mới gọi là hưởng thụ bình thường! Sự hưởng thụ bình thường ấy chính là Thiên Định. Tam-muội cũng có thể dịch là Thiên Định, mà cũng là nhất tâm bất loạn trong pháp môn Niệm Phật. Nhất tâm bất loạn được gọi là Niệm Phật tam-muội, là sự hưởng thụ đúng mực do niệm Phật. “*Tam Thừa*” là Thanh Văn, Duyên

Giác, Bồ Tát, vượt thoát tam giới. Thanh Văn phải tu pháp Tứ Đế, phải tu ba mươi bảy đạo phẩm, Duyên Giác phải tu mười hai nhân duyên, Bồ Tát phải tu lục độ vạn hạnh, đó là “*tam thừa nhân*” (cái nhân của tam thừa).

Ba thứ tam-muội là Không, Vô Tướng, Vô Tác, chúng được gọi là “*đại tam không tam-muội*”, chung cho cả ba thừa. Thanh Văn có, Duyên Giác cũng có, Bồ Tát cũng có, nhưng cảnh giới khác nhau. Danh từ “*tam tam-muội*” tương đồng, nhưng cảnh giới khác nhau, công phu sâu hay cạn khác biệt. Giống như học hành trong nhà trường: Sơ Trung (Trung Học Đệ Nhất Cấp, cấp hai), Cao Trung (Trung Học Đệ Nhị Cấp, cấp ba), Đại Học đều có giờ Quốc Văn, tên gọi môn học giống nhau, nhưng nội dung có sâu hay cạn khác nhau. Người thuộc tam thừa đều có đại tam không tam-muội, tâm phải an trụ chỗ này thì mới có thể vượt thoát tam giới, siêu phàm nhập thánh.

“*Đại tam không tam-muội*”, nói đơn giản là như trong Bát Nhã đã nói “*tam luân thể không*”, chẳng chấp tướng. “*Không*” là Huệ, là trí huệ chân thật, thật sự hiểu rõ hết thấy các pháp là Không. Nói thật ra, “*hết thấy các pháp đều là Không*” rất khó hiểu! Do giảng “*hết thấy các pháp đều là Không*” mà đức Phật giảng kinh Bát Nhã suốt hai mươi hai năm. Lão nhân gia thuyết pháp bốn mươi chín năm, gần như tốn phân nửa thời gian để giảng giải cho chúng ta “*hết thấy các pháp đều là Không*”, hết thấy các pháp là không thể được. Vì sao phàm phu chúng ta có lắm phiền não như thế? Những phiền não ấy đều phát sanh từ sự cảm nhận sai lầm, ngỡ hết thấy các pháp đều là có, ngỡ hết thấy các pháp thật sự có, đối với hết thấy các pháp dấy lên vọng niệm, vọng niệm gì vậy? Được, mất. Không đạt được bèn mong đạt được; đạt được rồi lại sợ bị mất đi, lo được, lo mất; do vậy, hết thấy phiền não đều sanh từ chỗ ấy. Thật sự liễu giải chân tướng sự thật, hết thấy các pháp là không thể được, vậy thì ý niệm được - mất chẳng còn. Ý niệm được - mất chẳng còn, sẽ tự tại, chẳng còn phiền não. Vì thế, điều này vô cùng trọng yếu.

Nói theo luật nhân quả, trong cuộc đời mỗi người chúng ta, nói thật ra, số mạng quý vị đã được định trước, chẳng có cách nào vượt khỏi vận mạng! Vì thế, đại đa số con người khi đi xem tướng, quý vị thấy thầy tướng số đoán mạng rất chuẩn xác, người ta nói rành rọt quá khứ, hiện tại, vị lai chẳng sai chút nào, có thể thấy là đều đã được định sẵn! Quý vị đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, sách Liễu Phàm Tứ Huấn vô cùng hay, có thể khiến quý vị khai ngộ, mới hiểu vận mạng suốt đời của mỗi người đã định sẵn, “*một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng được định trước*”. Không tiên sinh đoán mạng cho Viên Liễu Phàm, mỗi năm ông Viên thu nhập

bao nhiêu tiền, phê đoán Bát Tự⁶⁷ rành rẽ, kết toán [chi thu] mỗi năm chẳng sai tí nào, chẳng nhiều hơn, chẳng ít hơn, trong mạng đã định sẵn rồi. Trong mạng đã được định trước là có, sẽ luôn có. Trong mạng đã định sẵn không có, cầu cách nào cũng không được. Vì thế, Viên Liễu Phàm tin vào vận mạng, vọng tưởng gì cũng chẳng cần nghĩ tới, vì sao? Trong mạng đã định sẵn rồi, ta có muốn cũng chẳng được! Trong mạng là có thì ta chẳng muốn cũng không được luôn! Đến lúc, nó sẽ xảy tới. Thôi đi, đừng nghĩ tới nữa là tốt nhất! Tâm ông ta thanh tịnh, đắc Định rồi, mà cũng đắc tam-muội. Ông ta và hòa thượng Vân Cốc hai người ngồi xếp bằng trong Thiền Đường suốt ba ngày ba đêm, trong tâm chẳng dấy lên một vọng tưởng nào! Hòa thượng Vân Cốc thấy vậy bội phục vô cùng: Một người có công phu Thiền Định sâu như thế chẳng dễ có, ba ngày ba đêm ngồi trên bồ đoàn chẳng dấy lên một vọng tưởng nào! Do vậy, hết sức ca ngợi ông ta. Ông ta mới cho biết: “Mạng đã được Khổng tiên sinh đoán sẵn rồi, hết thấy đều biết”. Ông ta nói: “Tôi có suy tưởng cũng uổng công; nên đơn giản là chẳng nghĩ tới nữa”. Nghe xong, thiền sư Vân Cốc cười ha hả: “Tôi ngỡ ông là thánh nhân, [nào ngờ] vốn là phàm phu”. Thánh nhân là công phu thành tựu, còn ông ta là phàm phu, tin tưởng nhân quả, coi như chẳng cần nghĩ tới, có nghĩ tới cũng uổng công, suy tưởng đều là vọng tưởng, có gì chính mình phải chịu khổ? Vì thế, chẳng nghĩ tới. Vì thế, ông ta chưa phải là định, mà là hiểu rõ nhân quả.

Người thật sự hiểu rõ nhân quả, hết thấy vọng niệm chẳng có; nhưng còn kém người tu đạo. Người tu đạo có quán huệ. Người tin tưởng nhân quả chỉ biết chuyện đương nhiên, chẳng hiểu nguyên cớ, chưa có Huệ, vẫn bị vô minh bao trùm, cả đời vẫn nghe theo số mạng sắp xếp, không có cách nào vượt thoát số mạng. Trụ trong tam tam-muội, hoàn toàn chuyển biến vận mạng, có thể nói là giải thoát khỏi vận mạng, chính mình hoàn toàn làm chủ tể, rất khác với Viên Liễu Phàm. Viên Liễu Phàm là phàm phu, người trụ trong tam tam-muội là thánh nhân, tuyệt đối chẳng phải là phàm phu, người ấy đã vượt thoát tam giới, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi.

Do vậy, “*Không*” là quán huệ, chẳng chấp trước hết thấy các pháp, biết hết thấy các pháp giống như kinh Kim Cang đã nói. Kinh Kim Cang

⁶⁷ Bát Tự còn gọi là Tứ Trụ hoặc Tử Bình, là một cách đoán vận mạng dựa trên Thiên Can và Địa Chi của năm, tháng, ngày, giờ sanh, đem phối hợp Ngũ Hành Âm Dương tương sanh, tương khắc để luận đoán. Quan niệm này đã có từ rất lâu đời, được bổ sung và hệ thống hóa bởi Lý Hư Trung vào đời Đường và Tử Tử Bình vào đời Ngũ Đại. Người có công hệ thống hóa cũng như bổ sung lý luận thấu đáo nhất là Tử Tử Bình nên môn này được gọi là Tử Bình Bát Tự từ đó.

khai trí huệ. Kinh Kim Cang chẳng cần niệm nhiều, chỉ cần niệm hai câu là được, “*Phàm những gì có tướng, đều là hư vọng*”, quý vị phải nhớ kỹ câu ấy, hư vọng thì còn có tốt đẹp gì nữa mà tranh giành? Còn có được mất chi nữa? “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Pháp hữu vi là pháp sanh diệt, giống như con người chúng ta có sanh, lão, bệnh, tử, thực vật có sanh, trụ, dị diệt, khoáng vật có thành, trụ, hoại, không, đều gọi là pháp hữu vi. Động vật, thực vật, khoáng vật thấy đều là pháp hữu vi, cho đến những gì tâm ta nghĩ cũng là pháp hữu vi, cũng chẳng thật, đều là giả, giống như mộng, huyễn, bọt, bóng, có cũng được, không có cũng được, về căn bản là đừng nên chấp trước.

Thật sự nhập cảnh giới này, quý vị nói vọng tưởng dấy lên thì có cần phải đoạn hay chẳng? Vọng tưởng là hư vọng, đoạn nó để làm gì? Không cần đoạn nó! Chân chẳng cần cầu, vọng chẳng cần đoạn, tự nhiên thứ gì cũng đều không có. Vọng tưởng đã là vọng tưởng, mà vẫn nỗ lực đoạn vọng tưởng, há chẳng phải là trên vọng tưởng lại chồng thêm vọng tưởng, vĩnh viễn chẳng đoạn được! Vì vậy, Vĩnh Gia đại sư đã nói rất hay: “*Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân, bất trừ vọng tưởng, bất cầu Chân*” (Đạo nhân tuyệt học vô vi thật là nhàn, chẳng trừ vọng tưởng, chẳng cầu Chân), chẳng có chuyện gì! Nếu quý vị đoạn vọng tưởng, mong cầu Chân, sẽ còn có Sự, còn lo được, lo mất. Nói cách khác, tâm quý vị vẫn chưa thanh tịnh. Do vậy, thật sự nhập ba thứ Không tam-muội, tâm thanh tịnh, trong hết thấy cảnh giới có thể tùy duyên, đắc đại tự tại, thật sự chẳng lo nghĩ, không vướng mắc, tự do, tự tại.

Do vậy, thánh nhân và phàm phu khác nhau, phàm phu không làm được. Tứ Thiên, Bát Định là dùng công phu định lực để khuất phục phiền não, chưa thể đoạn phiền não. Nhập Đại Tam Không tam-muội, chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển sanh tử thành Niết Bàn, đây mới là trí huệ chân chánh. Đây là nói về Thánh Trụ, nếu quý vị phát nguyện muốn liễu sanh tử, thoát tam giới, chứng thánh quả, đức Phật có biện pháp để dạy cho quý vị. Quý vị thích thành A La Hán, sẽ thành A La Hán; thích thành Bồ Tát, sẽ trở thành Bồ Tát.

(Sao) Hoặc hiện Phật trụ, tức dĩ Thủ Lăng Nghiêm bách bát tam-muội, lực, vô úy, bất cộng trụ.

(鈔)或現佛住，即以首楞嚴百八三昧，力無畏不共住。

(Sao: Hoặc hiện Phật trụ, tức là dùng một trăm lẻ tám tam-muội trong Thủ Lăng Nghiêm, lực, vô úy, bất cộng để trụ).

Đây là cảnh giới tối cao. “*Bách bát tam-muội*” là Thủ Lăng Nghiêm tam-muội như kinh Lăng Nghiêm đã giảng. Kinh Lăng Nghiêm giảng về chuyện này. Đức Phật chẳng thường nói tới loại tam-muội này. “*Bách bát*” chẳng phải là con số, mà là biểu thị pháp, do đối ứng với phiền não mà nói. Trong Phật môn, thường quy nạp, phân loại phiền não. Quy nạp để nói cho thuận tiện, vì nói thật ra, phiền não vô lượng vô biên; vô lượng vô biên sẽ khó nói, nói bằng cách nào đây? Do vậy, quy nạp lại, quy nạp thành tám vạn bốn ngàn. Thật sự có con số tám vạn bốn ngàn, nhưng phạm vi đã thu nhỏ rất nhiều. Nhưng nếu giảng giải tám vạn bốn ngàn thì vẫn phiền phức, giảng giải từng điều một sẽ phiền phức khôn ngần! Nhằm giảng giải thuận tiện, bèn quy nạp thành một trăm lẻ tám loại, để nói hơn! Do vậy, hiện thời tràng hạt (xâu chuỗi) có một trăm lẻ tám hạt, [ngụ ý] đoạn trừ một trăm lẻ tám phiền não. Vì thế, trong tam-muội cũng nói “*bách bát tam-muội*”, ý nghĩa của “*bách bát*” là triển khai sẽ thành vô lượng vô biên. Danh xưng chung là Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, nói tách ra là “*bách bát tam-muội*”. Giống như địa phương Đài Loan này có danh xưng chung là tỉnh Đài Loan, tách ra bèn có Đài Bắc, Cao Hùng, Đài Trung, cũng có rất nhiều huyện thị. Do vậy, Thủ Lăng Nghiêm là danh xưng chung, là pháp đợc chứng đắc bởi Như Lai, cũng có thể nói là tam-muội rốt ráo viên mãn.

“*Lực*” là Thập Lực, tức là Như Lai có mười thứ năng lực đặc thù, ngay cả Bồ Tát cũng chẳng có, nhưng Như Lai có. Nói đơn giản, Lực là năng lực. Chúng ta thường tán thán Phật vạn đức, vạn năng, lời này cũng chẳng phải là tán thán tùy tiện, mà là thật. Phật có trí huệ viên mãn, có năng lực viên mãn, nhìn từ chỗ nào? Chúng ta đọc xong Quán Kinh sẽ hiểu rõ. Nếu có kẻ tạo tác Ngũ Nghịch, Thập Ác, tội nặng dường ấy, nếu chúng ta hỏi: Phật có năng lực khiến cho kẻ ấy lập tức thành Phật hay chẳng? Nếu Phật chẳng có năng lực thì “vạn đức, vạn năng” chỉ là lời tán thán, chẳng phải là thật sự. Thừa quý vị, Phật thật sự có năng lực này. Quý vị thấy trong chương Hạ Phẩm Hạ Sanh trong Thập Lực Quán Kinh, những chúng sanh Ngũ Nghịch, Thập Ác lâm chung, tướng địa ngục hiện tiền, nếu họ có duyên gặp thiện tri thức khuyên hãy niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, lâm chung một niệm hay mười niệm đều đợc vãng sanh; hễ vãng sanh sẽ đắc viên chứng ba thứ Bất Thoái, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Có thể thấy: Chẳng phải là Phật không có năng lực, mà do chúng sanh chẳng tin tưởng, không chịu tiếp nhận! Đây chẳng phải là Phật có khuyết điểm, chẳng phải do Ngài không có năng lực làm đợc, Ngài muốn giúp quý vị, nhưng quý vị không tiếp nhận, vậy thì có

cách nào nữa đây? Do vậy, biết: Ngũ Nghịch, Thập Ác lâm chung sắp đọa địa ngục, đều có thể ngay lập tức thành Phật, nhiều người trong số chúng ta đang hiện diện tại đây vẫn chưa có nghiệp chướng nặng nề như thế! Nếu quý vị chịu tin tưởng, phẩm vị sẽ cao, ai nấy đều vãng sanh trong bậc trung hoặc bậc thượng, chẳng thuộc trong ba phẩm Hạ.

Thiện Đạo đại sư đã nói rất hay: “*Ba bậc, chín phẩm là do chúng ta trong đời này gặp duyên khác nhau, cho nên vãng sanh mới có sai khác*”. Chẳng hạn tại Đài Loan, Tịnh Độ rất phổ biến, người niệm Phật rất đông, nhưng mỗi nơi niệm Phật, gặp duyên khác nhau. Ở nơi này, duyên của chúng ta khá thù thắng, nhưng vẫn chưa phải là tận thiện tận mỹ, vì sao nói chưa phải là tận thiện, tận mỹ? Chúng ta còn thiếu một Niệm Phật Đường; [đạo tràng phải gồm] một giảng đường và một Niệm Phật đường, mới là tận thiện tận mỹ. Trong giảng đường, giảng giải Tịnh Độ tam kinh nhất luận, hoặc giảng giải Tịnh Độ ngũ kinh, những đạo lý ấy quý vị thấy đều hiểu rõ trọn hết, mới có tâm thực hiện, quyết định chẳng hoài nghi. Những câu Phật hiệu do quý vị niệm trong Niệm Phật Đường đều đặc lực, duyên ấy thù thắng bậc nhất. Duyên kém hơn một chút, hướng dẫn quý vị cùng nhau niệm Phật, nhưng chẳng hiểu đạo lý niệm Phật, tuy niệm suốt đời nhưng vẫn bán tín bán nghi, do duyên kém nên phẩm vị vãng sanh thấp. Đối với lý luận thấy đều hiểu rõ, thông đạt, niệm Phật như vậy, phẩm vị vãng sanh sẽ cao. Ba bậc chín phẩm chẳng phải do thiện căn, phước đức đời quá khứ, chẳng phải do những điều ấy quyết định, mà do duyên gặp được trong đời này quyết định. Lời ấy hay quá, Thiện Đạo đại sư bảo chúng ta như vậy. Vì thế, chúng ta phải quý trọng cái duyên này.

Trong tương lai, nếu chúng ta thật sự có khả năng ấy, chúng ta lại tìm một nơi to như vậy, hoặc lớn hơn chỗ này một chút, có một Niệm Phật Đường. Có Niệm Phật Đường thì hằng ngày khi niệm Phật chẳng cần phải dọn dẹp bàn ghế, cực nhọc quá, tâm bị khuấy loạn hết. Nếu có Niệm Phật Đường, chúng tôi giảng kinh ở đây xong, mọi người đến niệm Phật trong Niệm Phật Đường. Giảng đường và Niệm Phật Đường nhất định phải là hai nơi, như vậy thì mới tốt đẹp. Nói thật ra, chuyện này cũng không phải là rất khó, mọi người thật sự có tâm, có ý niệm ấy, có nguyện vọng ấy, sẽ được thành tựu.

“*Vô úy*”: Phật có bốn thứ vô úy:

- Thứ nhất là “*tổng trì vô úy*”, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, lý luận, hiện tượng, trình tự, chẳng có gì Phật không biết. Do vậy, trong bất luận trường hợp nào, Ngài cũng đều vô úy (không sợ hãi), không có gì chẳng biết. Chúng ta lên giảng đài sẽ chẳng tự nhiên như

đức Phật, vì sao? Sợ người ta bắt bí, bắt bí đến nỗi ta không biết làm sao giải quyết cho êm xuôi, mang nỗi sợ này! Phật không có, Phật thật sự là toàn trí, toàn năng.

- Thứ hai là “*tri căn vô úy*”, Phật có thân thông, căn tánh của mỗi chúng sanh Phật đều biết, Ngài biết đời quá khứ và cũng biết đời vị lai của quý vị. Quá khứ, hiện tại, vị lai của quý vị Ngài đều biết; do vậy, quý vị nghĩ gì, muốn hỏi gì, Ngài đều biết, không có gì chẳng biết. Do vậy, trên giảng đài Ngài vô úy.

- Thứ ba là “*quyết nghi vô úy*”, bất luận nan đề nào cũng chẳng thể làm khó được Ngài, Ngài đều có thể giải thích, giúp quý vị đoạn nghi sanh tín.

- Thứ tư là “*đáp báo vô úy*”, cũng là biện tài vô ngại. Quý vị có câu hỏi, chắc chắn Phật sẽ trả lời, nhất định sẽ đáp cho quý vị hài lòng. Không chỉ đáp khiến cho quý vị đoạn nghi sanh tín, mà còn khiến quý vị phá mê khai ngộ. Đây là điều Bồ Tát chưa thể làm được viên mãn, chỉ có Phật quả mới đạt đến rốt ráo viên mãn bốn thứ [vô úy] ấy. Vì thế, chúng được gọi là “*bốn thứ vô úy nơi quả địa*”.

“*Bất cộng*” là mười tám món bất cộng pháp. Từ ba nghiệp thân - khẩu - ý, chắc chắn không có khuyết điểm, cho đến điều thứ mười tám là “*tri vị lai vô ngại*”, tức là Phật biết hiện tại, quá khứ, vị lai thấy đều chẳng có chướng ngại, không có gì chẳng biết. Tiêu Thừa, Bồ Tát đều chưa thể làm được điều này; do vậy, Phật đích xác là toàn trí toàn năng. “*Trụ*” kế tiếp là Phật trụ.

(Sao) Thượng tam tùy tha ý trụ, hậu nhất tùy tự ý trụ.

(鈔) 上三隨他意住，後一隨自意住。

(Sao: Ba món “tùy” trước là thuận theo ý của người khác mà trụ, món “tùy” sau cùng là Ngài tự trụ).

Đức Phật trụ tại “*nước Xá Vệ, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên*”. Ba loại trước là Phật giáo hóa chúng sanh, loại cuối cùng, chúng sanh cũng làm không được, nên chính Phật an trụ. Chính mình trụ trong một trăm lẻ tám Lăng Nghiêm tam-muội, Thập Lục, Tứ Vô Úy, mười tám pháp Bất Cộng, Phật trụ tại nơi đó. Đây là Thiên Thai đại sư giảng ý nghĩa riêng biệt của chữ “*trụ*”, cách giảng này cũng vô cùng hay, chúng ta cũng cần phải học tập. Dưới đây, Liên Trì đại sư giả lập một đoạn vân đáp nhằm đoạn trừ nghi hoặc cho chúng ta.

(Sao) Vấn: Phật hà dĩ thiên trụ?

(鈔) 問：佛何以天住。

(Sao: Hỏi: Vì sao Phật thiên trụ?)

Phật trụ trong “*Phật trụ*”, đó là hợp lý; vì sao Ngài trụ trong thiên trụ? Nói thật ra, Phật thị hiện trong nhân gian, vẫn chưa phải là thiên trụ, mà là nhân trụ. Ở trong nhân gian của chúng ta, so với cõi trời còn ủy khuất hơn nữa.

(Sao) Đáp: Khuất chí tôn tại chí liệt xứ, vi độ sanh cố dã.

(鈔) 答：屈至尊在至劣處，為度生故也。

(Sao: Đáp: Khuất thân cao quý nhất nơi thấp hèn nhất là do độ sanh).

Trả lời rất hay, cũng hết sức viên mãn. Do chúng sanh có cảm, nên Phật bèn có ứng. Chúng sanh ở nơi nào, Phật nhất định phải thị hiện thân đồng loại, cùng ở chung một chỗ với họ thì khi ấy mới có thể giáo hóa họ. Nếu chẳng thế ở cùng một chỗ, Phật sẽ chẳng có cách nào giáo hóa. Phải là tùy loại hiện thân, nên dùng thân gì để đắc độ, Phật bèn thị hiện thân phận như thế ấy!

(Sao) Vô tại, vô bất tại giả.

(鈔) 無在無不在者。

(Sao: “Vô tại, vô bất tại”).

Nói thật ra, Thể, Tướng, tác dụng đều là như vậy.

(Sao) Thể tịch liêu, cố vô tại.

(鈔) 體寂寥，故無在。

(Sao: Thể vắng lặng, cho nên chẳng hiện diện).

“*Tịch liêu*” là trống vắng, giống như hư không. Thể giống như hư không, chẳng có hình tướng, không có âm thanh, không có dấu vết, cho nên “*vô tại*”, nhưng nó hiện tướng, nên nó tồn tại.

(Sao) Thể viên thông, cố vô bất tại.

(鈔) 體圓通，故無不在。

(Sao: Do Thể viên thông, nên không đâu chẳng tồn tại).

“Viên” là viên mãn, “thông” là thông đạt. Chúng sanh có cảm, Ngài sẽ có ứng. Vì có ứng, nên Ngài hiện diện, nói “vô bất tại” tức là có sự hiện hữu. Vì thế, nói “vô tại, vô bất tại”. Vô tại là nói theo Thể, vô bất tại là nói theo tướng được hiện.

(Sao) Hoa Nghiêm vân: “Phật thân phi chí, phi bất chí”.

(鈔) 華嚴云：佛身非至非不至。

(Sao: Kinh Hoa Nghiêm nói: “Thân Phật chẳng đến, mà cũng không đâu chẳng đến”).

“Chí” là đến, “phi chí, phi bất chí” là không đến, mà cũng chẳng không đến. Vì đây là cảm ứng, ở đâu có cảm, bèn hiện tướng nơi ấy. Quý vị chẳng nói Phật có đến, cũng không thể nói Ngài không đến; đến và không đến đều chẳng thể nói được; đây mới là chân tướng sự thật.

(Sao) Hà dĩ cố? Hư không vô thân cố.

(鈔) 何以故，虛空無身故。

(Sao: Vì có sao? Do hư không chẳng có thân).

Pháp Thân không có tướng, giống như hư không chẳng có một tướng gì! Không có tướng, làm sao có thể nói nó đến, làm sao có thể nói nó không đến?

(Sao) Như Lai diệc nhĩ.

(鈔) 如來亦爾。

(Sao: Như Lai cũng giống như vậy).

Pháp Thân của Phật giống như hư không.

(Sao) Biến nhất thiết pháp, biến nhất thiết chúng sanh, quốc độ.

(鈔) 遍一切法，遍一切眾生國土。

(Sao: Trọn khắp hết thấy các pháp, trọn khắp hết thấy chúng sanh, cõi nước).

Giống như hư không, quả thật là trọn khắp. Nói thật ra, chân tâm của chúng ta trọn khắp. Tâm là trọn khắp. Chẳng tin thì có thể thí nghiệm, chúng ta mở căng mắt, những gì có thể thấy đều là trọn khắp. Chúng ta

thấy gì tức là tâm ta đến nơi đó. Nếu tâm không đến, làm sao quý vị thấy được? Quý vị có thể thấy thì chính là tâm quý vị đạt tới [chỗ đó]. Chủ thể để thấy (năng kiến) là gì? Tâm là năng kiến, mắt chẳng phải là năng kiến. Mắt chẳng phải là năng kiến, tâm là năng kiến. Tâm bao lớn? Quý vị thấy rộng chừng nào, tâm to chừng đó. Nói thật ra, phạm vi [mà mắt] chúng ta thấy được hãy còn nhỏ lắm, vì chúng ta thấy đằng trước, chẳng thấy đằng sau. Chúng ta nghe có thể nghe phía trước, lại còn có thể nghe phía sau; nhưng phạm vi của nghe vẫn chưa đáng coi là lớn.

Ý niệm trong tâm chúng ta, quý vị nghĩ tới chỗ nào, tâm ở ngay nơi đó. Tâm ấy có thể nói là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (tâm trùm khắp thái hư, dung lượng bằng với các cõi có số lượng nhiều như cát), quý vị thấy tâm ấy lớn ngàn nào! Tâm có tướng hay chẳng? Không có tướng. Tâm chẳng hiện tướng, tâm còn lớn hơn hư không rất nhiều! Tâm là Pháp Thân, tâm là bản tánh, Chân Như bản tánh, Pháp Thân Lý thể, [những danh từ ấy] đều nhằm nói về thứ này (tâm). Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng rất nhiều, rất tỉ mỉ, rất viên mãn. Do vậy, “*vô tại, vô bất tại*” quả thật là “*biến nhất thiết pháp, biến nhất thiết chúng sanh, quốc độ*” (trọn khắp hết thấy các pháp, trọn khắp hết thấy chúng sanh, cõi nước). Vì thế, nói:

(Sao) Phi chí, phi bất chí, tức thử ý dã.

(鈔) 非至非不至，即此意也。

(Sao: [Nói] “chẳng tới, chẳng không tới”, chính là [nói đến] ý này vậy).

Hoàn toàn giống với ý nghĩa đang nói ở đây.

(Sao) Nhiên tắc Phật tại Xá Vệ, dĩ tự liệt cơ, cố danh “thiên trụ”.

(鈔) 然則佛在舍衛，以就劣機，故名天住。

(Sao: Nhưng đức Phật ngự tại Xá Vệ nhằm thích ứng với căn cơ kém hèn, nên gọi là “thiên trụ”).

Đây là chúng ta coi Phật như chư thiên, tôn xưng Ngài. Phật nhận lấy thân phận chúng sanh, nhằm giáo hóa chúng sanh, nên phải thị hiện hình tướng ấy, trụ tại nước Xá Vệ mười mấy, hai mươi năm, trụ nơi ấy để giáo hóa.

(Sao) Như thật nhi luận, tức Xá Vệ danh Phạm trụ, thánh trụ, Phật trụ, diệc hà bất khả.

(鈔) 如實而論，即舍衛名梵住聖住佛住，亦何不可。

(Sao: Nếu nói đúng theo sự thật thì [đức Phật ngự tại] Xá Vệ vẫn có thể gọi là Phạm trụ, thánh trụ, hoặc Phật trụ, cũng đều chẳng có gì là không được!)

Nói theo hình tích, Xá Vệ là một trụ xứ trong nhân gian chúng ta. Nếu nói theo cảnh giới, nói theo phương diện tâm lý, quý vị nói cách nào cũng đều được, nói gì cũng đều được, đều là nói có lý.

(Sớ) Xá Vệ, Phạn ngữ, diệc vân Thất La Phiệt Tất Đễ.

(疏) 舍衛，梵語，亦云室羅筏悉底。

(Sớ: Xá Vệ, tiếng Phạn, còn dịch âm là Thất La Phiệt Tất Đễ).

Thất La Phiệt Tất Đễ (Śrāvastī)⁶⁸ là dịch âm tiếng Phạn, người Trung Quốc chuộng đơn giản, phiên dịch thường bỏ bớt âm cuối. Chẳng hạn như “Phật đà-da”, chúng ta bỏ âm cuối là “đà-da”, chỉ gọi là Phật.

(Sớ) Hoa ngôn Văn Vật, dĩ đức danh cố; nhất vân văn giả, dĩ nhân danh cố.

(疏) 華言聞物，以德名故；一云聞者，以人名故。

(Sớ: Tiếng Hán dịch là Văn Vật, đặt tên [nước ấy] dựa theo phẩm đức. Dịch chữ thứ nhất là Văn (được nghe danh khắp nơi) do [trong nước ấy] có nhiều người nổi tiếng).

“Hoa” là tiếng Trung Quốc, [Xá Vệ] dịch theo nghĩa tiếng Hán là Văn Vật.

(Sao) Đức giả, dĩ quốc phong tứ đức.

(鈔) 德者，以國豐四德。

(Sao : “Đức”: Do nước giàu có, hội đủ bốn đức).

⁶⁸ Thành Xá Vệ (kinh điển Nam Truyền thường ghi theo âm Pali là Sāvattthī). Thành này nằm trên bờ sông Aciravati (nay là sông Rapti), là thủ đô của đại quốc Kiền Tát La (Kosala). Thuở đức Phật, thành này có đến hơn năm mươi ngàn gia đình sinh sống, tức là đông dân bậc nhất bậc nhì Ấn Độ thời ấy. Đây cũng là nơi đức Phật an cư kiết hạ đến hai mươi lăm lần. Những vị hộ pháp nổi tiếng thời ấy như vua Ba Tư Nặc, ông Cấp Cô Độc, bà Tỳ Xá Khư (Visakha), và hoàng hậu Suppavasa đều ở thành này.

Nói theo cách hiện thời, quốc gia này đã phát triển, bất luận xét trên văn minh vật chất, hay kinh tế, văn hóa, chánh trị, đều là một quốc gia đã phát triển rất cao.

(Sao) Nhất giả, trần đức, ngũ trần chi cảnh, đa mỹ lệ cố.

(鈔) 一者塵德，五塵之境，多美麗故。

(Sao: Một là trần đức (ưu điểm về mặt ngũ trần), do [xét theo] cảnh Ngũ Trần, [Xá Vệ] rất xinh đẹp).

Nói theo cách bây giờ, Trần là kiến thiết vật chất. Ở nơi ấy, kiến thiết vật chất và kiến trúc vô cùng tốt đẹp, văn minh vật chất cũng vô cùng phát triển.

(Sao) Nhị giả, tài đức, thất bảo trân kỳ, vô phất hữu cố.

(鈔) 二者財德，七寶珍奇，無弗有故。

(Sao: Hai là tài đức (ưu điểm về mặt tài chánh), do bảy báu quý lạ, chẳng thiếu món gì).

Kinh tế phát triển. Ngày hôm nay, báo chí đã đặt tựa đề rất lớn cho biết hai năm nữa, tồn khoản ngoại hối (foreign exchange) của Đài Loan sẽ cao nhất thế giới. Đó là “tài đức”.

(Sao) Tam giả, thánh đức, Tam Tạng thánh pháp, giai cụ túc cố.

(鈔) 三者聖德，三藏聖法，皆具足故。

(Sao: Ba là thánh đức (ưu điểm về mặt thánh giáo), do Tam Tạng thánh pháp đều trọn đủ).

Chữ “thánh đức” chỉ Phật pháp, Phật pháp vô cùng hưng thịnh. Đức Phật ngự tại nơi ấy giảng kinh, tức là có Pháp Bảo, Phật có đông học trò đường ấy, đó là đệ tử của Phật, tức Tăng Bảo. Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo đầy đủ; vì thế, nơi ấy có “thánh đức”. Ở chỗ này, cũng có thể giải thích là trình độ văn hóa vô cùng cao, tư tưởng học thuật phát triển.

(Sao) Tứ giả, giải thoát đức, nhân đa giải thoát, bất nhiễm dục cố.

(鈔) 四者解脫德，人多解脫，不染欲故。

(Sao: Bốn là, giải thoát đức, do có nhiều người giải thoát, chẳng nhiễm dục).

Điều này chẳng đơn giản. “*Giải thoát*” là nói người tu hành chứng quả đông đảo, có nhiều thánh nhân. Thuở Phật tại thế, Phật là bậc chí thánh, đại thánh, trong các đệ tử Phật, có không ít vị chứng Bồ Tát quả, chứng Bích Chi Phật quả, chứng A La Hán quả rất nhiều, thánh nhân rất đông! “*Xá Vệ*” dịch sang nghĩa tiếng Hán là “*phong phú*”, [nghĩa là] sản vật phong phú, người có đạo đức vô cùng đông; do vậy gọi là Văn Vật. Văn là nổi tiếng, nức tiếng xa gần, [Vật] là sản vật phong phú. [Danh xưng] *Xá Vệ* có ý nghĩa ấy. Hiện thời, nói thật ra, Đài Loan còn thua nước *Xá Vệ* một chút, hai điều trước (trần đức và tài đức) chẳng kém họ, nhưng hai điều sau (thánh đức và giải thoát đức) thua họ. Nói theo Phật pháp, Đài Loan là khu vực có Phật pháp hưng thịnh nhất trên cả thế giới trong hiện thời. Đáng tiếc là Phật chẳng trụ thế, Phật chẳng ở nơi đây, Bồ Tát, A La Hán cũng không có, phàm phu tăng không ít, còn tốt hơn những nơi khác một chút, nhưng chẳng thể sánh bằng nước *Xá Vệ*. Điều thứ tư ở chỗ chúng ta không có! Mong sao mọi người nỗ lực niệm Phật, niệm tới công phu thành phàm là thánh nhân, niệm tới nhất tâm bất loạn bèn chứng quả, điều này phải cậy vào sự nỗ lực của chúng ta. “*Nhân đa giải thoát, bất nhiễm dục cố*” (do có nhiều người giải thoát, chẳng nhiễm dục). Nhiều người chứng quả, cho nên quá nửa dân chúng tiếp nhận sự giáo hóa của đức Phật. Do đức Phật giáo hóa ở nơi ấy mười mấy, hai mươi năm, giảng rất nhiều bộ kinh lớn, cho nên người nơi ấy thật sự có phước báo, quá nửa đều là có thể thấy thấu suốt, buông xuống, người giải thoát đông đảo!

(Sao) Dĩ thị dự động Ngũ Thiên, danh Văn Vật dã.

(鈔) 以是譽動五天，名聞物也。

(Sao: Do vậy, lừng danh năm xứ Thiên Trúc, nên gọi là Văn Vật).

“*Dự*” (譽) là vinh dự, là tiếng tăm. Ngũ Thiên là Ấn Độ. Thuở đó, Ấn Độ gọi là Thiên Trúc, chia thành năm khu vực: Bắc Ấn Độ, Nam Ấn Độ, Đông Ấn Độ, Tây Ấn Độ, Trung Ấn Độ, người Trung Quốc gọi là Ngũ Thiên Trúc. Từ đời Đường về trước, luôn gọi [Ấn Độ] là Thiên Trúc (Sindhu). Cả Ấn Độ không ai chẳng biết đến nước *Xá Vệ*, đều biết đến địa phương ấy, là một quốc gia có trình độ văn hóa và vật chất phát triển nhất, nên gọi là Văn Vật.

(Sao) Dĩ nhân danh giả, đa hiền nhân cố, quốc dĩ nhân vi trọng cố.

(鈔) 以人名者，多賢人故，國以人為重故。

(Sao: “Do có nhiều người nổi tiếng”: Do có nhiều người hiền, vì đất nước tôn trọng con người).

Cũng có người nói Xá Vệ “*dĩ nhân danh*” (do người dân trong nước mà được nổi tiếng), có những nhân vật nổi tiếng. Nói theo cách bây giờ, những người nổi tiếng quốc tế đặc biệt nhiều, cho nên gọi là Xá Vệ. “*Đa hiền nhân cố*” (do có lắm người hiền) như A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát đều là hiền nhân. Phật thường giảng kinh thuyết pháp ở nơi ấy, những người ấy đều là đệ tử Phật, cho nên vô cùng nhiều. “*Quốc dĩ nhân vi trọng*” (đất nước coi trọng con người), Ấn Độ cổ đại và Trung Quốc đều đặc biệt coi trọng hiền nhân, hiền nhân là vật báu của đất nước! Nhiều người hiền, quốc gia nhất định cường thịnh, cuộc sống của dân chúng nhất định đạt được an hòa, lợi lạc. Đó là giải thích hai chữ Xá Vệ.

Tiếp theo đó là nói đến đạo tràng nơi Ngài cư trụ. Xá Vệ là một thành lớn, [Xá Vệ] là tên thành thị ấy, giống như nay chúng ta nói tới thành phố Đài Bắc, đó là tên một thành thị. Ngài trụ tại nơi nào trong thành thị ấy?

(Sớ) Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên giả.

(疏) 祇樹給孤獨園者。

(Sớ: Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên).

Đây là đạo tràng giảng kinh thuyết pháp của đức Phật thuở ấy.

(Sớ) Phạn ngữ Kỳ Đà, diệc vân Thệ Đa.

(疏) 梵語祇陀，亦云逝多。

(Sớ: Tiếng Phạn Kỳ Đà còn gọi là Thệ Đa).

Kỳ Đà (Jetā, Jetakumāra) và Thệ Đa đều là dịch âm tiếng Phạn.

(Sớ) Ngôn Kỳ giả, tỉnh văn dã.

(疏) 言祇者，省文也。

(Sớ: Nói “Kỳ” [trong Kỳ viên] là tỉnh lược).

Đây cũng là tỉnh lược, bỏ bớt âm cuối.

(Sớ) Thử vân Chiến Thắng.

(疏) 此云戰勝。

(Sớ: Cõi này dịch [Kỳ Đà] là Chiến Thắng).

Chữ “*thử*” chỉ Trung Quốc. Kỳ Đà dịch nghĩa sang tiếng Hán là Chiến Thắng.

(Sớ) Cấp Cô, biểu đức.

(疏) 給孤，表德。

(Sớ: Cấp Cô, biểu thị đức hạnh).

“*Cấp*” là bố thí, “*Cô*” là kẻ cô độc. Có thể thấy người này rất từ bi, thường cứu giúp kẻ bần khổ, là một nhà từ thiện thật sự. Do vậy, mọi người không gọi tên ông ta mà gọi là “*trưởng giả Cấp Cô Độc*” (Anāthapindada). Ông ta đặc biệt quan tâm kẻ cô độc, cho nên mới được gọi bằng ngoại hiệu như vậy, gọi ông ta như vậy là một cách xưng hô tôn kính. Vị này là ai? Chính là...

(Sớ) Tu Đạt Đa.

(疏) 須達多。

(Sớ: Tu Đạt Đa).

“*Tu Đạt Đa*” (Sudatta) là tên ông ta, tức trưởng giả Tu Đạt Đa.

(Sớ) Viên giả, Phạn ngữ Tăng-già-lam-ma, thử vân Chúng Viên.

(疏) 園者，梵語僧伽藍摩，此云眾園。

(Sớ: “Viên”: Tiếng Phạn là Tăng-già-lam-ma (Sanghārāma), cõi này dịch là Chúng Viên).

Đây là tiếng Phạn dịch âm, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chúng Viên. Tăng-già (Sanghā) là Chúng, Hòa Hợp Chúng. Phải tuân thủ sáu điều kiện, tức Lục Hòa Hợp, tuân thủ sáu điều kiện ấy, mọi người ở chung với nhau, vì thế, đó là một viên lâm. Viên lâm ấy vốn của Thái Tử Kỳ Đà, Kỳ Đà là Thái Tử của vua nước Xá Vệ. [Viên lâm ấy] là một biệt thự, tức là một hoa viên biệt thự, có diện tích rất lớn.

Trưởng giả Tu Đạt Đa thỉnh Thích Ca Mâu Ni Phật đến nước Xá Vệ giảng kinh, thuyết pháp, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật còn có một nhóm thường tùy đệ tử đi theo Ngài. Phật đi tới đâu, những người ấy theo

tới đó, bao nhiêu người? Là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người. Do vậy, nhất định phải thỉnh nhiều người như thế. Thỉnh nhiều người như thế đến, đương nhiên phải tìm một nơi rộng rãi để họ có thể trụ lại. Tu Đạt Đa đi khắp nơi trong nước Xá Vệ để kiếm chỗ, thấy biệt thự ấy của Thái Tử rất thích hợp, một ngàn hai trăm năm mươi lăm người trụ nơi đó không có vấn đề gì, ở rất thoải mái, bèn thương lượng với Thái Tử muốn mua chỗ ấy. Vị Thái Tử ấy cũng chẳng biết Thích Ca Mâu Ni Phật là ai, trưởng giả nhất định đòi mua, xin Thái Tử ra giá, ông ta bèn nói giỡn: “Nghe nói nhà ông rất nhiều vàng, đất của ta là tác đất tác vàng, ông lót vàng được bao nhiêu, ta sẽ bán bấy nhiêu”. Tu Đạt Đa thật sự mở kho trong nhà lấy vàng ròng trải đất. Thái Tử rất cảm động, liền hỏi trưởng giả: “Rốt cuộc là do chuyện gì? Ông mua để làm gì?” Tu Đạt Đa bèn kể rõ. Bản thân Thái Tử cũng rất kính nể, bội phục, nói: “Như vậy thì hay lắm! Hai người chúng ta cùng làm công đức”. Trưởng giả cậy trong nhà có tiền, có vàng: “Tôi muốn làm một mình, chẳng muốn ông góp phần”, nên nảy sanh tranh chấp. Xảy ra tranh chấp, Thái Tử Kỳ Đà bèn làm khó: “Được rồi! Nếu vậy thì ông không chịu cho ta làm, được lắm! Đất ta đã bán cho ông, ông đã lót vàng rồi, nhưng cây hoa, cỏ cây trong chỗ đó, ta đều sai người chặt sạch, vì ông cũng chưa trải vàng tới đó. Còn có nhà cửa, ta đều sai phá sạch, ông chỉ mua được bãi đất trống!” Trưởng giả bị làm khó dễ, không còn cách nào, lúc ấy, mới đồng ý: “Được rồi! Hai người cùng làm công đức. Mỗi người phân nửa”. Chỗ ấy về sau được gọi là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên (Jetavane Anāthapindikassa Ārāma). Coi như cây cối thuộc phần công đức của Thái Tử Kỳ Đà, viên lâm đã bán cho ông trưởng Cấp Cô Độc. Nơi ấy mang tên hai người. Đó là nơi đức Phật thuyết pháp trong thưở ấy. Ngày hôm nay giảng tới chỗ này!

Tập 108

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm mười bốn:

(Sao) Chiến Thắng giả, Ba Tư Nặc vương Thái Tử sanh thời, vương dĩ ngoại quốc giao chiến đắc thắng, hỷ nhi lập danh.

(鈔) 戰勝者，波斯匿王太子生時，王與外國交戰得勝，喜而立名。

(Sao: Chiến Thắng: Khi vua Ba Tư Nặc sanh Thái Tử, vua cùng nước ngoài giao chiến thắng trận, nên vui mừng đặt tên như vậy).

Nói rõ những ý nghĩa được bao hàm trong danh hiệu Kỳ Đà.

(Sao) Tu Đạt Đa giả, Phạn ngữ, thử vân Nhạo Thí.

(鈔) 須達多者，梵語，此云樂施。

(Sao: Tu Đạt Đa, là tiếng Phạn, cõi này dịch là Nhạo Thí).

Tức là vui vẻ bố thí.

(Sao) Thắng Quân vương đại thân dã.

(鈔) 勝軍王大臣也。

(Sao: Là đại thân của vua Thắng Quân).

“Thắng Quân vương” là vua Ba Tư Nặc (Prasenajit), [Tu Đạt Đa] là đại thân của vua Ba Tư Nặc.

(Sao) Hỷ nhạo hành thí, toại thành lệnh danh.

(鈔) 喜樂行施，遂成令名。

(Sao: Ưa thích bố thí, nên thành mỹ danh).

Danh hiệu do chuộng thiện, ưa thí mà thành tên.

(Sao) Cấp Cô Độc giả.

(鈔) 給孤獨者。

(Sao: Cấp Cô Độc...)

“Cấp” có nghĩa là bỏ thí.

(Sao) *Áu nhi vô phụ viết Cô, lão nhi vô tử viết Độc.*

(鈔) 幼而無父曰孤，老而無子曰獨。

(Sao: Trẻ thơ không cha gọi là Cô, già cả không con là Độc).

Do đây có thể biết: Tu Đạt Đa là một vị trưởng giả từ thiện, không chỉ có địa vị rất cao trong quốc gia, mà còn có tài sản rất lớn. Điều khó có nhất là ông ta chuộng thiện, ưa thí, thường cứu giúp những người già yếu, nghèo túng. Vì thế, thuở ấy, mọi người gọi ông là trưởng giả Cấp Cô Độc, chẳng gọi tên tục. Đây là tôn kính ông ta.

(Sao) *Khổng ân châu cấp, Kỳ chánh tiên quỳnh⁶⁹, phi bất phổ từ, hữu hoãn cấp cố.*

(鈔) 孔恩周急，岐政先榮，非不普慈，有緩急故。

(Sao: Châu cấp có chọn lựa như Khổng Tử [chẳng giúp đỡ kẻ giàu được giàu thêm], cai trị bằng lòng nhân như Văn Vương giúp người đơn

⁶⁹ “Khổng ân châu cấp”: Theo sách A Di Đà Kinh Sớ Sao Sự Nghĩa, câu này dựa theo lời Khổng Tử đã nói trong Luận Ngữ: “*Quân tử châu cấp bất kế phú*”. Để hiểu câu này, lại phải đọc cả đoạn dài trong thiên Ung Dã sách Luận Ngữ: “*Tử Hoa sứ ư Tề, Nhiễm Tử vị kỳ mẫu thỉnh túc. Tử viết: “Dữ chi phủ”, thỉnh ích, viết: “Dữ chi dữ”. Nhiễm Tử dữ chi túc ngữ thặng, Tử viết: “Xích chi quát Tề dã, thừa phì mã, y khinh cừ, ngô văn chi dã, quân tử châu cấp bất kế phú*”. Đoạn này được cụ Lý Bình Nam giảng như sau: “*Tử Hoa là tên tục của Công Tây Xích, đệ tử của Khổng Tử. Nhiễm Tử là Nhiễm Hữu, cũng là môn đệ của Khổng Tử. Tử Hoa đi sứ nước Tề, Nhiễm Tử bèn xin Khổng Tử giúp cho mẹ Tử Hoa một ít hạt kê để ăn. Khổng Tử bảo hãy cho bà ta sáu học bốn thặng. Nhiễm Tử cho là ít, xin thêm, Khổng Tử bảo: ‘Cho bà ta thêm mười sáu đấu’. Nhiễm Tử vẫn cho là ít bèn tự cho thêm năm thặng (một thặng là mười sáu học). Khổng Tử bèn quở: ‘Công Tây Xích đi nước Tề, ngồi xe do ngựa béo kéo, mặc áo cừ mềm mại, sang trọng, ta từng nghe nói quân tử chẳng giúp cho kẻ giàu được giàu thêm’”. “Kỳ chánh tiên quỳnh”: Trong A Di Đà Kinh Sớ Sao Sự Nghĩa, tổ Liên Trì giảng: “*Mạnh Tử học theo cách cai trị đất Kỳ Châu của Văn Vương, nói: “Già mà không có vợ thì gọi là Quan, già mà không có chồng gọi là Quả, già mà không con gọi là Độc, trẻ mà không cha gọi là Cô. Bốn loại người ấy là dân nghèo trong thiên hạ, không ai nương tựa. Văn Vương cai trị, thì thổ lòng nhân, ắt sẽ giúp đỡ những người ấy trước. Kinh Thi có câu: ‘Cả hỷ phú nhân, ai thử quỳnh độc’ (kẻ giàu sướng thay, xót thay kẻ cô quạnh)*”. Quỳnh (榮) là không có anh em. Do vậy, “Kỳ chánh tiên quỳnh” có nghĩa là những người cầm quyền nhân từ luôn chăm lo, cứu giúp những kẻ nghèo cùng, cô độc trước. Cả hai câu đều hàm nghĩa người trí huệ khi cứu tế sẽ cứu vớt những người cần được cứu giúp trước, luôn thực hành hạnh bố thí bằng trí huệ.*

côi trước, chẳng phải là lòng Từ không trọn khắp, nhưng chuyện cứu tế có hoãn đãi hay gấp rút khác biệt).

Tuy bổ thí, cúng dường bằng tâm bình đẳng, nhưng quan tâm kẻ cô độc (cô nhi và người già sống trợ trợ một mình) là những kẻ hết sức đáng thương và kẻ thiếu thốn, do vậy, trong lúc cứu tế, đã xếp họ vào mức ưu tiên bậc nhất. Đây là những người hết sức cần được cứu giúp. Vì thế, trưởng giả Cấp Cô Độc cũng đặc biệt chiếu cố những người đó.

(Sao) Chúng cư viết Viên giả.

(鈔) 眾居曰園者。

(Sao: Chỗ nhiều người ở gọi là Viên).

Giải thích chữ Viên trong từ ngữ Cấp Cô Độc Viên.

(Sao) Lâm âm thanh u, học đạo chi nhân, ứng thê chỉ cố.

(鈔) 林蔭清幽，學道之人，應棲止故。

(Sao: Nhiều cây cối xum xuê, thanh vắng, là nơi đáng để cho người học đạo ở).

Hoàn cảnh cư trụ của “*học đạo chi nhân*” (người học đạo) rất nên “*thanh u*”, hoàn cảnh ấy sẽ tốt đẹp hơn một chút. Từ xưa đến nay, tự viện, tùng lâm đều được kiến tạo trong vùng núi rừng, cách xa thành thị, cách biệt khá xa những nơi dân cư hòng tĩnh tâm dưỡng đạo, tu đạo.

(Sao) Thí thụ mãi viên giả, Niết Bàn Kinh thuyết: “Tu Đạt trưởng giả, bản Xá Vệ nhân, sơ vị tri Phật, vị phình phụ cố”.

(鈔) 施樹買園者，涅槃經說：須達長者，本舍衛人，初未知佛，為娉婦故。

(Sao: “Thí cây, mua vườn”: Kinh Niết Bàn nói: “Trưởng giả Tu Đạt vốn là người Xá Vệ, thoát đầu chưa biết Phật, vì cưới dâu mà...)

Lúc ông ta nạp sính lễ cưới dâu cho con trai.

(Sao) Nhập Vương Xá thành, nhân San Đàn Na kiến Phật sanh tín.

(鈔) 入王舍城，因珊檀那見佛生信。

(Sao: Vào thành Vương Xá, do ông San Đàn Na chỉ dẫn, được gặp Phật, sanh lòng tin).

Trưởng giả San Đàn Na ở thành Vương Xá (Rājagṛha) là thông gia (sui gia) của Tu Đạt Đa. Họ đang cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật, thỉnh Thích Ca Mâu Ni Phật đến giảng kinh. Do cơ duyên ấy, nên Tu Đạt Đa được gặp Phật.

(Sao) Thỉnh quy Xá Vệ, Phật lệnh Thân Tử tuyển chúng cư xứ.

(鈔) 請歸舍衛，佛令身子選眾居處。

(Sao: Thỉnh Phật đến Xá Vệ, đức Phật sai ngài Xá Lợi Phất chọn lựa chỗ cư trú cho chúng tăng).

Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật sai một vị thị giả, tức là tôn giả Xá Lợi Phất, “*Thân Tử*” là Xá Lợi Phất; sai ngài Xá Lợi Phất cùng sang nước Xá Vệ với trưởng giả Tu Đạt Đa để tìm hoàn cảnh cư trú [thích hợp] bên ấy, do số người trong tăng đoàn của đức Phật khá đông, chẳng có hoàn cảnh cư trú thích hợp thì đối với họ cũng sẽ rất khó khăn.

(Sao) Đắc Kỳ Đà viên, trưởng giả vấn giá, Thái Tử hý đáp: “Kim bố địa mãn, tức đương mại dũ”. Trưởng giả bố kim, Thái Tử cảm thán, toại dũ dịch địa, địa sở hữu thụ, tịnh dĩ thí Phật, nhân lập tinh xá. Trưởng giả, Thái Tử giao tương phát tâm, thành thử mỹ sự, cổ song tiêu dã.

(鈔) 得祇陀園，長者問價，太子戲答：金布地滿，即當賣與。長者布金，太子感歎，遂與易地，地所有樹，并以施佛，因立精舍。長者太子交相發心，成此美事，故雙標也。

(Sao: Tìm được vườn cây của Kỳ Đà, trưởng giả hỏi giá, Thái Tử nói đùa: “Đem vàng lót khắp đất, ta sẽ bán cho ông”. Trưởng giả trải vàng, Thái Tử cảm thán, bèn giao đất, những cây mọc trên đất đều cúng dường Phật. Do vậy, lập tinh xá. Trưởng giả và Thái Tử cùng nhau phát tâm thành tựu chuyện tốt đẹp này, nên gọi nơi ấy bằng tên của hai người).

Tôi nghĩ chuyện này chẳng cần phải giảng, mọi người đọc xong, nói chung đã hiểu rõ tình hình, bởi lẽ lai lịch của Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên đã có nhiều kinh chú giải rồi.

Đoạn kế tiếp là nói xứng Lý. Đây là một điều đặc thù của Liên Trì đại sư trong bộ Di Đà Kinh Sớ Sao, đoạn kinh văn này tiêu quy tự tánh, cũng là hết sức khó có!

(Sớ) Nhược dụ đương kinh giáo lý, các hữu sở biểu, như Pháp Hoa, Hoa Nghiêm thích lệ.

(疏) 若喻當經教理，各有所表，如法華華嚴釋例。

(Sớ: Nếu dựa theo giáo lý trong kinh này để nói, mỗi điều đều có ý nghĩa biểu thị pháp, giống như cách giải thích kinh Pháp Hoa và Hoa Nghiêm).

“Đương kinh” là kinh này, nói theo lý luận giáo học trong kinh này, chỗ nào cũng đều mang ý nghĩa biểu thị pháp, như kinh Pháp Hoa và kinh Hoa Nghiêm, Trí Giả đại sư giải thích kinh Pháp Hoa, soạn Pháp Hoa Kinh Văn Cú, Thanh Lương đại sư soạn Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao, đều diễn giải rất nhiều sự tướng trong ấy thành sự biểu thị pháp, tức là những điều ấy biểu thị ý nghĩa nào. Dùng thể lệ ấy để xem xét kinh này, chúng ta có thể thấy rất nhiều nghĩa lý.

(Sao) Dụ đương kinh giả, như Xá Vệ quốc, quốc chi thắng, biểu thử Tịnh Độ pháp môn, quảng đại hoàng viễn, pháp chi tối thượng cố.

(鈔) 喻當經者，如舍衛國，國之勝，表此淨土法門，廣大宏遠，法之最上故。

(Sao: “Dựa theo kinh này để nói”, như nước Xá Vệ là nước thù thắng nhất trong các nước, biểu thị pháp môn Tịnh Độ này rộng lớn, thênh thang, là pháp tối thượng).

Kinh này nói đến thành Xá Vệ. Thuở ấy, thành Xá Vệ là một nước lớn nhất tại Ấn Độ, đô thị ấy là đô thị lớn nhất trong năm xứ Ấn Độ, bất luận trình độ văn hóa, chính trị, giáo dục, hay kinh tế đều thuộc hạng nhất. Vì thế, đức Phật giảng kinh ở nơi đó, cũng nhằm biểu thị pháp môn này là pháp môn tối thượng trong hết thảy các pháp, giống hệt như nước Xá Vệ là thành thị lớn nhất, thù thắng nhất trong năm xứ Ấn Độ thuở ấy, dùng ý nghĩa này.

(Sao) Tức Từ Ân ngôn, Vương Xá thành, thành chi thắng.

(鈔) 即慈恩言，王舍城，城之勝。

(*Sao*: Chính là như ngài Từ Ân (Khuy Cơ đại sư) nói: “Thành Vương Xá là thành thù thắng”).

“Thắng” là thù thắng.

(*Sao*) **Thành thắng dư thành, biểu Pháp Hoa pháp thắng dư pháp cố, hạ giai lệ thử.**

(鈔) 城勝餘城，表法華法勝餘法故，下皆例此。

(*Sao*: Thành ấy thù thắng hơn các thành khác, biểu thị giáo pháp Pháp Hoa thù thắng hơn các pháp khác. Những điều sau đây đều tuân theo lệ này).

Nói theo phương diện biểu thị pháp, kinh Pháp Hoa được người đời sau tôn xưng là “*kinh trung chi vương*” (vua của các kinh), bảo là “*ngũ thời cực xướng, tối hậu cực đàm*” (sự xướng suất tốt bậc trong năm thời, là sự bàn luận tốt bậc cuối cùng), là kinh điển Viên Giáo thuần nhất. Sự thù thắng của nước Xá Vệ đã được nói tới trong phần trên, giống như thành phố Nữ Ước là thành phố lớn bậc nhất trong thế giới hiện thời. Nữ Ước của Mỹ là thành phố lớn bậc nhất trên toàn thế giới, là trung tâm tài chánh của thế giới, cả thế giới chẳng ai không biết đến nó. Trong quan niệm của bọn họ, nước Xá Vệ thuở ấy tại Ấn Độ cũng giống như một đô thị lớn trên thế giới hiện thời, dùng chuyện này để làm tỷ dụ.

(*Sao*) **Kỳ Thụ, thụ chi thắng.**

(鈔) 祇樹，樹之勝。

(*Sao*: “*Cây của Thái Tử Kỳ Đà*”: *Cây thù thắng*).

Cây do Thái Tử Kỳ Đà trồng, cây do người trồng mà khác biệt. Cây cối cũng là loài hữu tình, nó có mỗi cảm ứng với lòng người. Chẳng hạn như thuở Huyền Trang đại sư sang Ấn Độ thỉnh kinh, trước cửa chùa có một cái cây, Ngài sờ vào thân cây bảo: “Ta sang Tây phương thỉnh kinh, người hãy mọc dài về phía Tây. Đến năm nào ta trở về, người sẽ mọc dài về phương Đông”. Cây ấy quả nhiên nghe lời. Sau khi Ngài ra đi, cây mỗi năm đều mọc dài về phía Tây, năm Ngài quay về, cây bèn chuyển phương hướng, mọc dài về phía Đông. Người trong chùa đều nói: “Chắc là Huyền Trang đại sư trở về, cây đã mọc dài sang phía này rồi!” Quả nhiên Ngài trở về trong năm ấy. Do vậy, cây cối quả thật có mỗi cảm ứng với lòng

người. Thái Tử Kỳ Đà chẳng phải là kẻ tâm thường, cây do ông ta trồng sẽ đặc biệt tươi tốt, thù thắng hơn cây do người khác trồng.

(Sao) Biểu Tịnh Độ ẩm cái chúng sanh.

(鈔) 表淨土蔭蓋眾生。

(Sao: Biểu thị Tịnh Độ che rợp chúng sanh).

Cây to rợp bóng, mát mẻ, mùa Hè, hết thấy mọi người thích ngồi dưới gốc cây. Con người hiện tại ít rảnh rỗi, người thời cổ có nhiều thời gian rảnh rỗi; vì thế, đều muốn cây to. Cửa nhà nào cũng đều có cây to, nhất là lúc mùa Hè, đây là chỗ hóng mát rất tiện. Vì thế, sánh ví “*Tịnh Độ che rợp chúng sanh*”.

(Sao) Vĩnh ly nhiệt não cố.

(鈔) 永離熱惱故。

(Sao: Do vĩnh viễn lìa khỏi nóng bức).

Mười phương thế giới đều là uế nhiều, tịnh ít. Nói cách khác, phiền não rất nhiều. Chỉ riêng thế giới Tây Phương thanh lương, tự tại. Chọn lấy Tịnh Độ trong các cõi Phật mười phương, giống như đặc biệt chọn nơi rợp bóng, mát mẻ, có thể đoạn phiền não của hết thấy chúng sanh. Đây là ý nghĩa được biểu thị bởi cây.

(Sao) Cấp Cô Viên, viên chi thắng.

(鈔) 給孤園，園之勝。

(Sao: Vườn của ông Cấp Cô Độc là vườn thù thắng).

“*Viên*” là thụ dụng tự tại. Ngôi viên lâm của ông ta rất lớn. Biệt thự của Thái Tử thuở ấy có kiến trúc cũng vô cùng xinh đẹp. Sống trong viên lâm ấy sướng lòng khoái mắt!

(Sao) Biểu Tịnh Độ an ổn chúng sanh, hằng thọ chư lạc cố.

(鈔) 表淨土安穩眾生，恆受諸樂故。

(Sao: Biểu thị Tịnh Độ an ổn chúng sanh, luôn hưởng các niềm vui).

Chữ “*viên*” biểu thị ý nghĩa này!

(Sao) Kỳ Đà Thái Tử, chủng chi thắng.

(鈔) 祇陀太子，種之勝。

(Sao: Thái Tử Kỳ Đà dòng dõi thù thắng).

Trong bốn chủng tánh tại Ấn Độ, Thái Tử thuộc chủng tánh Sát Đế Lợi (Kshatriyas), là vương tộc.

(Sao) Biểu Tịnh Độ sanh giả, tất cánh thành Phật, thiệu long Phật chủng cố.

(鈔) 表淨土生者，畢竟成佛，紹隆佛種故。

(Sao: Biểu thị sanh về Tịnh Độ sẽ rốt ráo thành Phật, tiếp nối hưng thịnh dòng giống nhà Phật).

Đều mang ý nghĩa biểu thị pháp, đều nói rất viên mãn. Phàm những ai vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, có thể nói là “đều có thể gọi là Pháp Vương Tử”, vì sao? Người ấy trong tương lai nhất định thành Phật, nối tiếp huệ mạng Phật, rộng độ chúng sanh, giống như Thái Tử trong tương lai sẽ kế thừa vương vị, thống trị quốc gia.

(Sao) Tu Đạt trưởng giả, nhân chi thắng.

(鈔) 須達長者，人之勝。

(Sao: Trưởng giả Tu Đạt là người thù thắng).

Đây là bầy tôi, là người thù thắng.

(Sao) Biểu Tịnh Độ sanh giả, nhập Chánh Định Tu, câu thượng thiện nhân cố.

(鈔) 表淨土生者，入正定聚，俱上善人故。

(Sao: Biểu thị người sanh về Tịnh Độ, nhập Chánh Định Tu đều là thượng thiện nhân).

Phàm người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là thượng thiện nhân. Vì trưởng giả Tu Đạt Đa thuở ấy đích xác trọn đủ trí huệ và đức năng, lại là người vô cùng từ bi. Nghe Phật pháp, thật sự phát tâm, có thể bỏ mình vì người, thỉnh Phật đến nước Xá Vệ hoàng pháp lợi sanh. Ông ta thỉnh Phật đứng là chẳng tiếc giá nào, muốn cầu Phật sang nơi ấy giảng kinh, thuyết pháp. Vì thế, thật sự đáng gọi là thượng thiện nhân.

(Sao) Như Hoa Nghiêm chủng chủng biểu pháp, dĩ hiển nhất tâm, giai thứ ý dã.

(鈔) 如華嚴種種表法，以顯一心，皆此意也。

(Sao: Như kinh Hoa Nghiêm có các thứ biểu thị pháp nhằm chỉ rõ nhất tâm, đều nhằm ý này vậy).

Những bộ kinh lớn như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa hoàn toàn giảng những nghĩa thú biểu thị pháp, chúng ta đọc kinh Phật phải chú ý điều này!

(Sớ) Xưng Lý, tác tự tánh đồng triệt thập phương, thị A Nan văn Phật nghĩa. Tự tánh bất ly đương xứ, thị Phật tại Kỳ Viên nghĩa.

(疏) 稱理，則自性洞徹十方，是阿難聞佛義。自性不離當處，是佛在祇園義。

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh thấu suốt rộng rang mười phương là ý nghĩa A Nan nghe đức Phật thuyết pháp. Tự tánh chẳng rời khỏi ngay chỗ ấy là ý nghĩa Phật ngự tại Kỳ Viên).

Đây là hoàn toàn nói xưng tánh. “*Tự tánh đồng triệt thập phương*” có nghĩa là: [Nếu hiểu] “*A Nan văn Phật*” [theo ý nghĩa sự tương], vậy thì chúng sanh đều không nghe được, có ý nghĩa như vậy. Nếu nói Phật ngự tại tinh xá Kỳ Viên, bản thân chúng ta là phàm phu, đương nhiên chẳng ở tinh xá Kỳ Viên, cho nên có phân biệt, có cách ngăn, chướng ngại. Nếu thật sự hiểu duy tâm, hãy nên quán hết thấy các pháp, chẳng có một pháp nào chẳng phải là tâm hiện, thức biến. Tâm thức biến hết thấy pháp giới, thử hỏi Phật có ở ngoài tâm chúng ta ư? Tinh xá Kỳ Viên lại ở ngoài tâm chúng ta ư? Nhìn vào tâm tánh, chẳng có một pháp nào ở ngoài tâm tánh, cho nên mới nói “*đồng triệt thập phương*” (thấu suốt rộng rang mười phương), đó mới là ý nghĩa chân thật của “*A Nan văn Phật*”. “*Tự tánh bất ly đương xứ*”, Pháp Tánh trạm nhiên, chẳng dời, chẳng biến, đó là ý nghĩa thật sự của “*Phật trụ tại*”.

(Sao) Tâm văn đồng thập phương, tác Khánh Hỷ hiện kim phương kết tập, chân Phật ốc lý tọa, tác Thích Ca nguyên bất trụ Tây Càn.

(鈔) 心聞洞十方，則慶喜現今方結集，真佛屋裏坐，則釋迦原不住西乾。

(Sao: Tâm nghe thấu suốt mười phương, nên nay ngài A Nan thị hiện kết tập [kinh điển], vị Phật thật sự ngồi trong nhà, nên Phật Thích Ca vốn chẳng trụ ở Tây Càn).

“Tây Càn” là Ấn Độ. Có ý nghĩa là A Nan và Thích Ca Mâu Ni Phật trọn chẳng rời khỏi chúng ta, đây là như trong chương Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm có nói: “Tâm văn đồng thập phương, sanh u đại nhân lực” (tâm nghe thông suốt mười phương, là do sức của cái nhân to lớn sanh ra), đó là kinh văn trong kinh Lăng Nghiêm. Cổ nhân có nói: “Kim Phật bất độ lô, mộc Phật bất độ hỏa, nê Phật bất độ thủy, chân Phật ốc lý tọa” (Phật bằng vàng chẳng bén mảng đến lò lửa, Phật bằng gỗ chẳng dính đến lửa, Phật đắp bằng đất chẳng dính đến nước, vị Phật thật sự ngồi trong nhà). “Chân Phật” là nói tới Chân Như bốn tánh. Tượng Phật đúc bằng kim loại chẳng bén mảng đến bên lò, vì hễ bị lửa trong lò luyện thép nung đốt bèn chảy tan, chẳng còn nữa. Tượng Phật khắc bằng gỗ chẳng thể thiêu, hễ thiêu sẽ không còn gì. Tượng Phật bằng đất nặn chẳng thể bỏ vào nước, bỏ vào nước sẽ rã nát. Vị Phật thật ngồi trong nhà, “vị Phật thật” là nói tới tự tánh. Đây là nói đến ý nghĩa “tâm văn đồng thập phương”. Tiếp theo đó là hai câu trong Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương:

(Sao) **Phản văn tự văn, phản Phật tự Phật.**

(鈔) 反聞自聞，反佛自佛。

(Sao: Xoay trở lại cái Nghe để nghe chính mình, xoay trở lại quán sát Phật để nhận biết vị Phật của chính mình).

Từ “*phản văn, văn tự tánh*” (xoay trở lại cái Nghe để nghe tự tánh), chúng ta thấu hiểu “*phản Phật tự Phật*”. “*Phản văn tự tánh*” là bí quyết tu hành của Quán Thế Âm Bồ Tát, do chính Ngài tu hành. “*Phản văn, văn tự tánh, tánh thành vô thương đạo*”, chính Ngài đã tự trình bày Ngài từ phàm phu đã tu thành Quán Thế Âm Bồ Tát, tu thành Đẳng Giác Bồ Tát theo cách như vậy. Trong kinh đã nói rất rõ ràng, thầy của Ngài là Quán Thế Âm Phật, đó là cổ Phật, Ngài học với vị Phật ấy. Sau đây, học thành, cũng có danh hiệu là Quán Thế Âm, chúng ta gọi Ngài là Quán Thế Âm Bồ Tát. Nói đơn giản, phương pháp của Ngài là do tâm của những kẻ bình phàm chúng ta thường rong ruổi bên ngoài, còn Ngài tu Nhĩ Căn Viên Thông. Phàm phu nghe âm thanh bên ngoài, tâm liền rong ruổi bên ngoài, duyên theo âm thanh, hễ dễ nghe bèn nghe nhiều hơn một chập, tâm đã

rong ruổi theo bên ngoài mắt rồi. Phương pháp của Bồ Tát là chẳng rong ruổi bên ngoài, mà dõi vào trong, theo đuôi bên trong. Rong ruổi bên trong chẳng phải là nghe ngược lại hay sao? Hay là quay đầu lại ư? Chẳng phải! [Nói] trong và ngoài là [nói đến] Tánh và Tướng. Âm thanh phát ra là Tướng, nhưng Tướng nhất định có Tánh. Ngài nghe âm thanh bên ngoài chẳng giống như chúng ta, chúng ta nghe âm thanh, chẳng nghe được Tánh của âm thanh. Chúng ta chỉ chấp vào Tướng âm thanh, chẳng biết đến Tánh của âm thanh. Quán Thế Âm Bồ Tát nghe âm thanh bên ngoài, chẳng chấp Tướng của âm thanh, mà nghe thấy Tánh của âm thanh, Ngài kiến tánh. Vì thế, nói “*phản văn, văn tự tánh*”. Ngài nghe âm thanh trái ngược chúng ta. Phàm phu chúng ta nghe âm thanh bên chấp tướng, người ta chẳng chấp tướng, mà nghe được tánh. Do vậy, Ngài có thể kiến tánh, “*tánh thành vô thượng đạo*”.

Nay ở đây, đại sư muốn chúng ta hãy dùng theo cách ấy. Chúng ta “*phản Phật*” tức là thấy vị Phật của chính mình, dùng cách thức ấy. Phật là sắc tướng, chúng ta dùng con mắt để thấy thì cái thấy được là sắc tướng. Nếu chúng ta có thể xoay lại thấy sắc tánh thì đó là đúng, quý vị sẽ thấy Phật. Lục căn của chư Phật, Bồ Tát tiếp xúc lục trần, các Ngài chẳng gọi chúng là lục trần. Chúng ta mắt đối trước Sắc Trần, do chấp tướng, chúng liền biến thành Sắc Trần, tai đối trước Thanh Trần, lục căn tiếp xúc lục trần, liền biến thành phàm phu, biến thành ô nhiễm. Mắt của chư Phật, Bồ Tát đối trước Sắc sẽ là Sắc Tánh, mắt các Ngài không gọi là Nhãn Căn, mà thay đổi danh tự, gọi là “Kiến tánh” (tánh Thấy). Tánh Thấy sẽ thấy Sắc Tánh. Nơi Nhĩ Căn, tánh Nghe nghe Thanh Tánh, đó gọi là “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Quán Thế Âm Bồ Tát dùng tánh Nghe để nghe Thanh Tánh. Ở đây, đại sư dạy chúng ta, chúng ta noi theo lệ ấy, vận dụng công thức ấy, dùng tánh Thấy để thấy Sắc Tánh là “*phản Phật tự Phật*”. Quý vị có thể quay đầu như vậy, trong Phật môn thường nói “*quay đầu là bờ*”. Quay đầu là quay theo kiểu như vậy!

(Sao) Đương tri Kỳ Viên nhất hội, nghiêm nhiên vị tán, khởi độc Linh Sơn.

(鈔) 當知祇園一會，儼然未散，豈獨靈山。

(Sao: Hãy nên biết: Hội Kỳ Viên vẫn nghiêm nhiên chưa tan, há riêng mình hội Linh Sơn!)

“*Nghiêm nhiên vị tán*” là nói Trí Giả đại sư niệm kinh Pháp Hoa tới phẩm Dược Vương Bản Sự. Nói thật ra, trong kinh Pháp Hoa, Thích Ca

Mâu Ni Phật đã dạy chúng ta hãy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới⁷⁰, đoạn kinh văn ấy chính là phẩm Dược Vương Bồ Tát. Đại sư niệm tới phẩm này, nhập Định, tự thấy mình đến núi Linh Thứu, đức Phật vẫn còn giảng kinh Pháp Hoa nơi ấy, Ngài ngồi nghe một buổi, sau khi xuất Định, bảo người khác: “*Một hội Linh Sơn, nay vẫn còn chưa giải tán*”. Vì thế, nghiêm nhiên chưa tan! Nói thật ra, về sau, tuy Trí Giả đại sư chuyên hoằng dương Pháp Hoa, bản thân Ngài tu hành là chuyên tu Tịnh Độ. Ngài tu theo bộ kinh nào? Trong ba kinh, Ngài nương theo Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh để tu hành. Lúc sắp vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài tự nói Ngài là trung bối vãng sanh. Đến phần sau, chúng ta xem tới phép Quán thứ mười sáu, quý vị sẽ thấy trong mười sáu phép Quán đã giảng ba phẩm thượng, ba phẩm trung, ba phẩm hạ, Ngài là trung bối vãng sanh.

Ở đây, Liên Trì đại sư bảo chúng ta: Hội Kỳ Viên này, tức pháp hội Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh A Di Đà này cũng chưa tan; cũng chẳng phải là chỉ có hội Linh Sơn chưa tan, hội nào cũng đều chưa tan. Chỉ cần quý vị có công phu ấy, có năng lực ấy, đều có thể đến tham dự giống như Trí Giả đại sư. Trong sáu thứ thành tựu, năm thứ thành tựu trong phần trước đã nói xong. Tiếp theo đây là Chúng Thành Tựu:

(Kinh) Dữ đại tỳ-kheo tăng, thiên nhị bách ngũ thập nhân câu.(經) 與大比丘僧。千二百五十人俱。

(Kinh: Cùng với các đại tỳ-kheo tăng, một ngàn hai trăm năm mươi người).

Đây là kinh văn.

(Sớ) Tự thử nhi hạ, chí chư thiên đại chúng câu.

(疏) 自此而下，至諸天大眾俱。

⁷⁰ Trong phẩm ấy có chép rõ: “*Nhược hữu nữ nhân, văn thị kinh điển như thuyết tu hành, u thử mạng chung, tức vãng An Lạc thế giới A Di Đà Phật đại Bồ Tát chúng vì nhiều trụ xứ, sanh liền hoa trung bảo tọa chi thượng, bất phục vị tham dục sở nã, diệc phục bất vị sân khuể, ngu si sở nã, diệc phục bất vị kiêu mạn tất đồ chư cầu sở nã, đắc Bồ Tát thần thông vô sanh pháp nhẫn*” (Nếu có nữ nhân, nghe kinh điển này, tu hành đúng như lời dạy, khi mạng chung liền được vãng sanh thế giới An Lạc, là nơi A Di Đà Phật ngự giữa đại chúng vây quanh, sanh trên tòa báu giữa hoa sen, chẳng bị tham dục gây nã, mà cũng chẳng bị sân khuể, ngu si bức nã, cũng chẳng kiêu mạn, ganh ghét nã hại, đắc thần thông Vô Sanh Pháp Nhẫn của Bồ Tát).

(*Sớ*: Tự đây trở xuống, cho đến đoạn “chư thiên đại chúng cùng tham dự”).

Đoạn văn này thuộc về Chúng Thành Tụ.

(*Sớ*) **Dữ giả cộng nghĩa.**

(疏) 與者共義。

(*Sớ*: “Dữ” có nghĩa là “cùng”).

Là Thích Ca Mâu Ni Phật và một ngàn hai trăm năm mươi người, trên thực tế, còn có năm người, tức một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, bỏ bớt số lẻ, chỉ nói số tròn. Đức Phật và những người ấy ở cùng một chỗ. Những người ấy là Thường Tùy Chúng của đức Phật. Nói cách khác, đức Phật đi đến đâu, họ theo đến đây, chưa hề rời khỏi Phật. Vì thế, muốn thỉnh đức Phật giảng kinh, thuyết pháp cũng chẳng dễ dàng, chẳng phải thỉnh một mình đức Phật, mà là thỉnh nhiều người như thế, tiếp đãi cũng chẳng phải là chuyện dễ. Tiếp theo đây là giải thích chữ “đại tỳ-kheo”.

(*Sớ*) **Đại giả, giản tiểu.**

(疏) 大者揀小。

(*Sớ*: “Đại”, nhằm phân biệt chẳng phải là Tiểu).

“Đại” là Đại Thừa, [nói Đại] nhằm phân biệt chẳng phải là Tiểu Thừa. Vì bình thường chúng ta nói tỳ-kheo đều là Tiểu Thừa, Tiểu Thừa là Thanh Văn Thừa. Đây là nói rõ các Ngài tuy mang hình dáng tỳ-kheo, nhưng trên thực tế, chẳng phải là tỳ-kheo Tiểu Thừa, có thể nói họ là các tỳ-kheo hồi Tiểu hướng Đại. Nói kiểu đó là nói rất miễn cưỡng, thật ra, các Ngài đều là đại Bồ Tát, đại Bồ Tát thị hiện thân phận Thanh Văn.

(*Sớ*) **Cụ hữu tam nghĩa.**

(疏) 具有三義。

(*Sớ*: Trọn đủ ba ý nghĩa).

“Đại” gồm ba ý nghĩa.

(*Sớ*) **Vị đại, đa, thắng.**

(疏) 謂大、多、勝。

(*Sớ*: Là lớn, nhiều, thù thắng).

Trọn đủ ba ý nghĩa này, cho nên mới nói là “Đại”. “Đại” là nói các Ngài đức đại, trí huệ đại; “Đa” là nói các Ngài lắm tài nghệ, đa tài, đa nghệ, những vị ấy đều là như vậy. “Thắng” là siêu thắng; trong thuở ấy, những vị Tiểu Thừa hoặc là chín mươi sáu loại ngoại đạo đều chẳng bằng các Ngài. Vì thế, các Ngài trỗi vượt hết thảy mọi người. Do đủ ba ý nghĩa này nên gọi là “Đại”.

(*Sớ*) *Di dư tỳ-kheo cố.*

(*疏*) 異餘比丘故。

(*Sớ*: Do chẳng giống với các tỳ-kheo khác).

“Dư tỳ-kheo” là Tiểu Thừa, họ thua các Ngài rất xa!

(*Sớ*) *Phật Địa diệc cụ tam nghĩa.*

(*疏*) 佛地亦具三義。

(*Sớ*: Phật Địa Luận cũng nói [Đại] có ba nghĩa).

“Phật Địa” là Phật Địa Luận. Chữ Đại cũng có ba ý nghĩa này.

(*Sớ*) *Tỳ-kheo, Phạn ngữ.*

(*疏*) 比丘，梵語。

(*Sớ*: Tỳ-kheo (Bhiksu) là tiếng Phạn).

Đây là dịch âm tiếng Ấn Độ.

(*Sớ*) *Thử vân hữu tam.*

(*疏*) 此云有三。

(*Sớ*: [Dịch sang tiếng] cõi này thì có ba...)

Trong từ ngữ này chứa đựng ba ý nghĩa; cho nên, nếu chúng ta dịch ra, sẽ không thể dịch trọn vẹn. Nó có rất nhiều ý nghĩa, trong văn tự Trung Quốc không được tìm được chữ thích đáng để phiên dịch, chỉ đành dịch âm rồi giải thích.

(*Sớ*) *Nhất, khát sĩ.*

(*疏*) 一、乞士。

(*Sớ*: Một là khát sĩ).

“*Khát*”: Phương thức sống thọ ấy là khát thực, “*sĩ*” là tiếng để gọi chung người có học vấn lẫn đạo đức. Mỗi ngày ra ngoài thác bát (khát thực), người khát thực ấy chẳng phải là kẻ ăn mày thông thường, mà là một người đi xin ăn, nhưng có học vấn, có đạo đức, cho nên dùng hai chữ này (Khát Sĩ) để dịch ý nghĩa thứ nhất. “*Khát*” bao gồm hai thứ ý nghĩa, thứ nhất là “*khát thực dĩ tư sắc thân*”, nghĩa là [xin ăn] để nuôi dưỡng nhục thân, thứ hai là cầu pháp nơi đức Phật, “*khát pháp dĩ tư huệ mạng*”, tức là mỗi ngày hướng về Phật cầu xin đức Phật giảng pháp nhằm nuôi nấng huệ mạng của chúng ta.

(*Sớ*) *Nhị, bố ma.*

(疏) 二、怖魔。

(*Sớ*: Hai là làm cho ma sợ hãi).

“*Ma*” là ma vương. Ma vương thống trị tam giới. Trong tam giới lục đạo cũng có một vị đại vương thống trị khắp tam giới lục đạo. Nếu lục đạo chúng sanh tu hành vượt thoát tam giới, trong tâm Ma cũng rất khổ, vì sao? Người thuộc quyền thống trị của hấn bỏ đi, số người sẽ dần dần giảm ít, hấn lo lắng vì chuyện này. Nhưng quý vị thật sự đạt được năng lực vượt thoát tam giới, hấn mới ưu lự, mới cảm thấy kinh hoàng. Nếu quý vị chẳng có năng lực, tuy xuất gia tu hành, hấn vẫn cười cợt, vì sao? Quý vị chẳng thoát được, không thoát khỏi ma chướng của hấn! Ma chướng của hấn là tam giới lục đạo, quý vị không có cách nào vượt thoát! Thật sự phát tâm tu hành, chúng A La Hán quả sẽ vượt thoát. Vì thế, “*bố ma*” là đạt tới A La Hán, ma vương mới lo lắng, vì sao? Quý vị đã có năng lực vượt thoát.

(*Sớ*) *Tam, phá ác.*

(疏) 三、破惡。

(*Sớ*: Ba là phá ác).

Chữ “*ác*” chỉ Kiến Tư phiền não, A La Hán đoạn sạch Kiến Tư phiền não, nên gọi là “*phá ác*”.

(*Sớ*) *Tăng giả, Phạn ngữ, cụ vân Tăng Già. Bất ngôn Già giả, tỉnh văn dã.*

(疏) 僧者，梵語，具云僧伽。不言伽者，省文也。

(Sớ: Tăng là tiếng Phạn, nói đầy đủ là Tăng Già. Không nói chữ Già là vì tỉnh lược).

Người Hoa thích tỉnh lược.

(Sớ) *Thử vân Chúng Hòa Hợp.*

(疏) 此云眾和合。

(Sớ: Cõi này dịch là Chúng Hòa Hợp).

“Tăng Già” (Sangha) dịch sang nghĩa tiếng Hán là Hòa Hợp Chúng. Trong “hòa hợp” có Lý và Sự gồm bảy điều, Lý là cùng mang ý nghĩa “cùng chứng vô vi, đồng chứng Niết Bàn”. Đó là nói theo Lý. Trong pháp Đại Thừa, sẽ là cùng chứng Vô Thượng Bồ Đề, hoặc như chúng ta nói là “đồng chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”, có cùng một mục tiêu. Nói theo Sự thì gồm sáu điều, chúng ta gọi là Lục Hòa Kính. Lục Hòa Kính là nói theo mặt Sự, “kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tránh, ý hòa đồng duyệt, lợi hòa đồng quân”, phải tuân thủ sáu điều này thì mới là được coi là một Tăng đoàn. Một Tăng đoàn phải từ bốn người trở lên. Từ bốn người trở lên ở cùng một chỗ, cùng nhau tu hành, tuân thủ bảy điều kiện ấy, tức là bảy giới điều thì đoàn thể đó gọi là Tăng đoàn. Do vậy, Tăng đoàn tối thiểu là bốn người, còn nhiều hơn thì không hạn chế, tối thiểu phải là bốn người! Nếu tu Tịnh Độ, trong pháp môn này, xét theo Lý là có cùng một kỳ vọng “cùng sanh về thế giới Tây Phương”, có chung một nguyện vọng ấy, còn trên mặt Sự thì vẫn là sáu điều ấy.

Trong kiến hòa đồng giải, mấy hôm nay chúng tôi đọc kinh Quán Vô Lượng Thọ, có cảm xúc thật sâu. Ngày nay, chúng ta kiến giải chẳng hòa hợp, chẳng thể có cùng kiến giải, nguyên nhân chủ yếu là vì chẳng “đọc tụng Đại Thừa”. Tịnh nghiệp tam phước trong Quán Kinh là cơ bản, không chỉ là cơ bản để tu Tây Phương Tịnh Độ, mà có thể nói căn bản của sự tu học hết thảy Phật pháp, quyết định chẳng thể vi phạm. Tịnh nghiệp tam phước gồm ba điều, tổng cộng mười một câu; điều cuối cùng là “phát Bồ Đề tâm”. Nếu nói chuyện “phát Bồ Đề tâm” với người tu Tịnh Độ, Ngẫu Ích đại sư đã giải thích vô cùng hay, trong Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngài đã nói: “Chân tâm muốn phát tâm vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì tâm ấy là Vô Thượng Bồ Đề tâm”, cách giải thích này rất đơn giản, rất dễ hiểu! “Tin sâu nhân quả”. Kiến hòa đồng giải chẳng thể thành

lập là vì chúng ta coi nhẹ chuyện “đọc tụng Đại Thừa”, tức là mỗi ngày phải niệm kinh, chẳng thể không niệm kinh!

Tu Tịnh Độ, niệm kinh gì? Niệm kinh Di Đà tốt lắm, nhưng kinh Di Đà mỗi ngày niệm một lần không đủ, vì sao? Quá ngắn, chẳng thể nhiếp tâm. Nói thật ra, kinh Di Đà cũng quá đơn giản, tuy niệm, cũng chẳng hiểu ý nghĩa trong ấy. Nếu chúng ta niệm kinh Di Đà, tôi cảm thấy hay nhất là niệm Di Đà Kinh Yếu Giải, đọc kinh cùng với lời giải thích. Yếu Giải do Ngẫu Ích đại sư trước tác, Ấn Quang đại sư tán thán tác phẩm ấy: “*Dẫu cổ Phật tái lai chú giải kinh Di Đà cũng không thể hay hơn được!*” Quý vị nghĩ xem: Tán thán đến tột bậc, vì thế, tôi cảm thấy đọc Yếu Giải tốt lắm! Nếu thời gian nhiều hơn, tốt nhất là đọc Yếu Giải Giảng Nghĩa, hoặc đọc Di Đà Kinh Sớ Sao, đọc cả lời Sớ lẫn lời Sao. Nay mọi người chúng ta thấy một cuốn sách to này có thể niệm được! Mỗi chữ, mỗi câu thầy đều chẳng bỏ sót, thầy đều niệm hết, niệm một quyển như vậy, đại khái, quý vị niệm một tuần sẽ có thể niệm hết. Sau khi niệm xong, lại niệm từ đầu, mỗi ngày đều phải niệm. Tôi thiếu mỗi ngày niệm một giờ, quý vị niệm kinh này từ đầu đến cuối, sau khi niệm xong lại niệm từ đầu. Phương pháp niệm này là mọi người cùng niệm, chẳng phải là cá nhân niệm cho mỗi cá nhân, mọi người cùng nhau niệm sẽ có thể đạt được hiệu quả kiến hòa đồng giải.

Nếu có thể nghiên cứu, thảo luận thì càng tốt. Phương pháp niệm giống như giảng kinh, có một người niệm trên giảng đài, mọi người ở dưới nghe, niệm một giờ được bao nhiêu trang. Sau khi niệm xong, có chút thời gian, hoặc là nửa giờ hay một giờ, mọi người nghiên cứu, thảo luận. Nói theo cách bây giờ là “thành lập nhận thức chung”, kiến hòa đồng giải trong [sáu thứ] hòa hợp chính là kiến lập nhận thức chung. Mọi người chúng ta có nhận thức chung, ở cùng một chỗ sẽ không nảy sanh ý kiến tranh cãi. Điều này vô cùng trọng yếu, ngàn vạn phần chớ nên coi nhẹ đọc tụng Đại Thừa! Đối với bản in này, phía trước là Sớ Sao, phần giữa là Yếu Giải, cuối cùng là Thông Tán Sớ, có tất cả ba thứ chú giải được in chung lại.

(Sớ) Thiên nhị bách ngũ thập nhân giả.

(疏) 千二百五十人者。

(Sớ: “Một ngàn hai trăm năm mươi người”).

Nói rõ những vị ấy do đâu mà có.

(Sớ) Tam Ca Diếp, Mục Liên, Xá Lợi, ngũ nhân đệ tử, cộng hợp thành cố.

(疏) 三迦葉，目連，舍利，五人弟子，共合成故。

(Sớ: Đệ tử của năm vị là ba anh em Ca Diếp, Mục Liên, Xá Lợi cùng hợp thành [con số một hai trăm năm mươi người]).

Đây là năm vị lãnh tụ, các vị ấy và học trò của các Ngài cùng hợp thành con số trên đây.

(Sớ) Thượng minh loại thuộc Thanh Văn, hạ minh số hữu nhược can dã. Câu giả, hợp thượng Cộng nghĩa.

(疏) 上明類屬聲聞，下明數有若干也。俱者，合上共義。

(Sớ: Trước là nói tới thính chúng thuộc hàng Thanh Văn, sau là nói họ gồm có bao nhiêu người. Chữ “câu” tương hợp với ý nghĩa “cùng nhau” [của chữ Dữ ở đầu câu]).

Đây là lời giải thích đơn giản trong phần Sớ.

(Sao) Cộng nghĩa giả, Thiên Thai dĩ thất nhất thích Cộng.

(鈔) 共義者，天台以七一釋共。

(Sao: Ngài Thiên Thai dùng bảy chữ Nhất để giải thích ý nghĩa chữ Cộng).

Chữ “cộng” này cũng chẳng thể tùy tiện dùng. Thiên Thai đại sư đã nói bảy điều kiện, bảy điều kiện ấy thấy đều trọn đủ thì gọi là Cộng. Bảy điều kiện nào vậy? Tiếp theo đây bèn nói rất rõ ràng.

(Sao) Vị xứ nhất.

(鈔) 謂處一。

(Sao: Chính là ở cùng một chỗ).

Các Ngài ở cùng một chỗ, cùng trụ một nơi.

(Sao) Thời nhất.

(鈔) 時一。

(Sao: Cùng một thời).

Cùng một thời gian. Cùng một nơi chốn, nhưng thời gian không đồng nhất, chẳng thể gọi là “cộng”.

(Sao) Tâm nhất.

(鈔) 心一。

(Sao: Cùng một tâm).

Trong Lý Sự hòa hợp như đã nói trong phần trước, Lý hòa và Kiến hòa đều là tâm, “tâm nhất” (cùng một tâm).

(Sao) Giới nhất, đạo nhất, kiến nhất.

(鈔) 戒一，道一，見一。

(Sao: Cùng một giới, một đạo, một kiến giải).

“Kiến” là kiến giải.

(Sao) Giải thoát nhất.

(鈔) 解脫一。

(Sao: Cùng một giải thoát).

“Giải thoát” là tự tại. Mỗi cá nhân đều trụ rất vui sướng, rất tự tại. Phải có đủ bảy điều kiện này, lúc đó mới có thể gọi “cộng trụ”, lúc đó mới là một Tăng đoàn hòa hợp. Bảy ý nghĩa này và tinh thần Lục Hòa Kính hoàn toàn tương đồng. Do vậy, cũng biết: Thuở ấy, Tăng đoàn hơn một ngàn hai trăm người của Thích Ca Mâu Ni Phật thật sự là một đại Tăng đoàn hòa hợp.

(Sao) Phật dữ đại chúng cộng cư Kỳ Viên, thị kinh chánh ý.

(鈔) 佛與大眾共居祇園，是經正意。

(Sao: Phật và đại chúng cùng ở Kỳ Viên là ý nghĩa chánh yếu trong kinh này).

Ý nghĩa thật sự của kinh này là nói đến điều ấy. Khi đó, đức Phật và đại chúng đều ở tại Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên.

(Sao) Quảng chi như thượng.

(鈔) 廣之如上。

(Sao: Nói rộng ra thì như trên).

Phía trước đã nói.

(Sao) Giản tiểu giả.

(鈔) 揀小者。

(Sao: Phân biệt chẳng phải là Tiểu).

“Giản” là phân biệt, “Tiểu” là Tiểu Thừa, ý nói những vị ấy chẳng phải là tỳ-kheo Tiểu Thừa.

(Sao) Minh phi sơ tâm tỳ-kheo.

(鈔) 明非初心比丘。

(Sao: Nói rõ những vị ấy chẳng phải là tỳ-kheo sơ tâm).

Chẳng phải là tỳ-kheo Tiểu Thừa sơ phát tâm.

(Sao) Túc hạ sở xưng trưởng lão đẳng thị dã.

(鈔) 即下所稱長老等是也。

(Sao: Túc là những vị được gọi là các trưởng lão trong phần dưới đây).

Trong phần kinh văn dưới đây sẽ liệt kê danh xưng của các vị thượng thủ đại đức, nêu tên mười sáu vị. Mười sáu vị ấy đều được gọi là trưởng lão hay tôn giả.

(Sao) Đại đa thắng giả, thiên vương đại nhân, sở cộng kính ngưỡng, phi tiểu đức dã, danh Đại.

(鈔) 大多勝者，天王大人，所共敬仰，非小德也，名大。

(Sao: “Đại, đa, thắng”: Trời, quốc vương, đại nhân đều cùng kính ngưỡng, chẳng phải là đức nhỏ nòi, nên gọi là Đại).

Đây là nói đạo đức lẫn trí huệ của các Ngài đều to lớn. Do vậy, khi ấy, quốc vương, đại thần đều tôn kính. Các Ngài chẳng phải là Tiểu Thừa, mà là bậc đại đức, đức to lớn.

(Sao) Nội điển ngoại tịch, vô bất bác thông, phi quả giải dã, danh Đa.

(鈔) 內典外籍，無不博通，非寡解也，名多。

(Sao: Kinh điển nhà Phật, sách vở thế gian, không gì chẳng thông suốt rộng rãi, chẳng phải là hiểu biết hạn hẹp, nên gọi là Đa).

Học rộng, nghe nhiều, lắm tài nghệ, đó là ý nghĩa của chữ Đa.

(Sao) Siêu xuất cửu thập lục chủng chi thượng, phi liệt khí dã, danh Thắng.

(鈔) 超出九十六種之上，非劣器也，名勝。

(Sao: Vượt trội chín mươi sáu thứ [ngoại đạo], chẳng phải là căn cơ kém hèn, nên gọi là Thắng).

“Thắng” là thù thắng. Thuở ấy, Ấn Độ có chín mươi sáu thứ ngoại đạo, những ngoại đạo ấy cũng đều rất có học vấn, cũng có những người tu trì rất khá, họ được gọi là tôn giáo gia, triết học gia, các vị đại tỳ-kheo đều vượt trội họ.

(Sao) Giai Tiểu Thừa trung cực dã.

(鈔) 皆小乘中極也。

(Sao: Đều là tốt đỉnh trong hàng Tiểu Thừa).

Hình tướng bề ngoài của các Ngài là Tiểu Thừa, nhưng thật ra đã đạt tới tốt đỉnh của Tiểu Thừa; bậc Đại Thừa cố ý khoác lây dáng vẻ Tiểu Thừa. Đó gọi là “ngoại hiện Thanh Văn thân, nội bí Bồ Tát hạnh” (ngoài hiện thân Thanh Văn, bên trong ẩn kín hạnh Bồ Tát), trong là Bồ Tát, bề ngoài là Thanh Văn. Vì thế, gọi là đại tỳ-kheo.

(Sao) Phật Địa tam nghĩa giả.

(鈔) 佛地三義者。

(Sao: Ba ý nghĩa trong Phật Địa Luận là...)

Phật Địa Luận đã nêu ra ba ý nghĩa để giải thích “đại, đa, thắng”.

(Sao) Nhất, tối cực lợi căn, Ba La Mật Đa chủng tánh, cố danh vi Đại.

(鈔) 一、最極利根，波羅密多種性，故名為大。

(Sao: Một là lợi căn cùng tốt, là chủng tánh Ba La Mật Đa, nên gọi là Đại).

Căn tánh vô cùng nhạy bén, là Ba La Mật Đa. Ba La Mật Đa (Pāramitā) là tiếng Ấn Độ, dịch nghĩa sang tiếng Hán là rốt ráo viên mãn. Nếu dịch theo nghĩa gốc của từng chữ sẽ là “đạo bỉ ngạn” (đạt đến bờ kia). Người Trung Quốc nói “đạo gia” (đạt đến mức tột cùng) cũng nhằm vào ý nghĩa này! Bất luận chuyện gì người ấy làm cũng là tốt nhất, chúng ta bèn hình dung người ấy đã “đạo gia”. Chẳng hạn như quý vị viết chữ rất đẹp, công phu đã đạt đến mức tuyệt diệu, người Ấn Độ bèn nói là Ba La Mật, Ba La Mật là đã đạt đến mức tuyệt diệu! Nếu quý vị nấu ăn rất ngon, công phu của quý vị cũng đạt tuyệt mức. Ba La Mật là một thuật ngữ rất phổ biến tại Ấn Độ. Chẳng hạn như bố thí, trì giới, công phu đã đạt đến tột bậc, làm đến mức độ rốt ráo viên mãn, bèn gọi là Ba La Mật. Những vị này bất luận trí huệ hay đức hạnh, điều gì cũng đều viên mãn, đều đã đạt đến mức tuyệt diệu, nên gọi là Đại.

(Sao) Nhị, giai đắc Vô Học quả vị, cố danh vi Đại.

(鈔) 二、皆得無學果位，故名為大。

(Sao: Hai là đều đã đắc quả vị Vô Học, nên gọi là Đại).

Đều chứng A La Hán, đây là Đại. Chẳng phải là đang học, mà đã đều tốt nghiệp, nên chúng ta gọi các Ngài là Đại. Đại A La Hán khác hẳn, Đại A La Hán là Đại Thừa A La Hán, đã tốt nghiệp Đại Thừa Phật pháp, đó là ai? Là Đệ Thập Địa Bồ Tát, tức Pháp Vân Địa (Dharmameghābhūmi) Bồ Tát, được gọi là Đại A La Hán, Tiểu Thừa A La Hán thua các vị này rất xa. Giống như chúng ta nói đến “tốt nghiệp” thì một đẳng là tốt nghiệp Tiểu Học, một đẳng là tốt nghiệp Đại Học, đều là tốt nghiệp, nhưng trình độ sai khác rất lớn!

(Sao) Tam, giai đắc Tiểu Quả dĩ, xu đại Bồ Đề, cố danh vi Đại.

(鈔) 三、皆得小果已，趨大菩提，故名為大。

(Sao: Ba, đều đã đắc Tiểu Quả, hướng đến đại Bồ Đề, nên gọi là Đại).

Đây là hồi Tiểu hướng Đại. Các Ngài đã chứng quả Tiểu Thừa A La Hán, quay trở về học pháp Đại Thừa Bồ Tát, nên gọi là Đại.

(Sao) Tác thông Đại Thừa ngôn dã.

(鈔) 則通大乘言也。

(Sao: Nên là ý nói thông với Đại Thừa).

Chữ Đại thông với Đại Thừa; ba ý nghĩa “đại, đa, thắng” thấy đều có thể dùng giáo nghĩa Đại Thừa để nhìn, đây mới là chính xác. Dưới đây là giải thích chữ tỳ-kheo.

(Sao) *Tỳ-kheo tam giả, nhất, khát sĩ, vị khát thực, khát pháp.*

(鈔) 比丘三者，一、乞士，謂乞食乞法。

(Sao: Tỳ-kheo gồm ba nghĩa: Một là khát sĩ, ý nói khát thực và khát pháp).

“Khát thực” nhằm nuôi nâng sắc thân, “khát pháp” nhằm nuôi nâng huệ mạng.

(Sao) *Khát thực, tác ly tứ tà mạng, hợp tứ chánh mạng, vô sự kinh doanh, bất cần súc tích, vạn duyên dứt tức, nhất chí thanh tu, tăng nghi dĩ thử hoạt mạng, cố viết “khát thực tư thân” dã.*

(鈔) 乞食，則離四邪命，合四正命，無事經營，不勤畜積，萬緣頓息，一志清修，僧宜以此活命，故曰乞食資身也。

(Sao: *Khát thực là lìa bốn thứ tà mạng, phù hợp bốn thứ chánh mạng, chẳng chú trọng kinh doanh, chẳng siêng năng tích góp, nhanh chóng dứt muôn duyên, một dạ thanh tu. Tăng nên sống theo cách này, nên nói “khát thực để nuôi thân”*).

Ở đây, giảng tỉ mỉ. Lìa bốn thứ tà mạng cũng là chuyện đáng chú ý. Nhưng hiện thời trong Phật môn chúng ta, quả thật đã vi phạm di giáo, làm bốn thứ tà mạng ấy. Tà mạng là phương thức sống không đúng pháp. Bốn thứ tà mạng ấy trái nghịch chế định của đức Phật.

1) Thứ nhất là “hạ khẩu thực”, tức là pha chế thuốc, trồng trọt ruộng vườn. Hiện thời còn có không ít người xuất gia học y, học châm cứu, đi học những thứ ấy. Cố nhiên là dường như có thể giúp người khác, người khác đến cúng dường một chút, nếu dùng những thứ cúng dường ấy để duy trì cuộc sống thì là sai lầm, thuộc về tà mạng. Còn có người tự mình canh tác, trồng trọt, dùng hình thức ấy để sống cũng là sai lầm; nhưng hai loại này ở Trung Quốc rất phổ biến. Nếu nói đến lịch sử thì đã có một ngàn hai trăm năm rồi! Bách Trượng đại sư, “*Mã Tổ kiến tùng lâm, Bách Trượng lập Thanh Quy*” (Mã Tổ lập tùng lâm, Bách Trượng

lập Thanh Quy), đã đề xướng cày ruộng, chính mình trồng lúa, trồng rau, đây là một trong bốn loại tà mạng; nhưng tổ sư nói rất có lý. Ngài nói giống như Ngẫu Ích đại sư đã nói, sau triều đại Nam Tống, Trung Quốc không có tỳ-kheo thật sự, tỳ-kheo đã tuyệt tích tại Trung Quốc. Ngài đề xướng: “*Một ngày không làm, một ngày chẳng ăn*”, Ngài cấy cày, ra đồng gieo lúa, trồng rau, mỗi ngày đều đi làm, dùng cách này để duy trì cuộc sống của chính mình, tham Thiền, tu đạo. Vì thế, chuyện này có lịch sử khá dài, gắng hết sức ít nhận [cúng dường] từ dân gian, mà tự lực cánh sinh.

Đây là do tình hình Trung Quốc khác biệt. Thuở ấy, tại Ấn Độ thác bát (ôm bát đi xin), Trung Quốc chẳng có tập quán ấy, quý vị ra ngoài thác bát, người ta chẳng cho, không giống như Ấn Độ. Như trong hiện tại, ở Thái Lan, thác bát là truyền thống. Quý vị đi ra ngoài thác bát, mọi người rất cung kính cúng dường. Tại Trung Quốc, người xuất gia cầm bát đi xin bên ngoài, chắc là đi suốt cả ngày chẳng xin được một nắm cơm! [Do vậy], Ngài (tổ Bách Trượng) chẳng đề xướng [thác bát], người ta chẳng tán thành chuyện này. Đây là do tập tục mỗi quốc gia và địa phương khác nhau, cho nên tại Trung Quốc không thể chẳng đề xướng trồng trọt. Trước đây, tự viện ở Đại Lục đều có ruộng đồng, có rừng núi, họ dựa vào đó để duy trì lương thực cho đại chúng thường trụ, cho nên cuộc sống an định, chẳng sợ đói kém. Tuy rất kham khổ, nhưng có thể sống qua ngày, mới có thể an tâm tu đạo! Nếu y theo [quy chế ở] Ấn Độ thuở ấy, chúng ta sẽ sai lầm, nhưng làm như chúng ta ở Trung Quốc lại chẳng phạm lỗi. Vì thế, hết thầy giới luật đều là sống động, đều có biến đổi cho thông suốt.

Vì sao chúng ta không đặt nặng [sống rập khuôn theo] giới luật? Vì giới luật là quy định sống của Ấn Độ thuở đó, có rất nhiều điều đến hiện thời chẳng thích hợp, về căn bản là không dùng được! Cho nên, khi truyền sang Trung Quốc, giới luật được tu chỉnh lại. Sau khi tu chỉnh, sẽ không gọi là giới luật, mà gọi là Thanh Quy. Những điều giới luật ấy đã bảo lưu toàn bộ tinh thần giới luật, nhưng nhằm thích hợp với hoàn cảnh sống của người Trung Quốc, phải sửa đổi, như vậy bèn biến thành Thanh Quy. Do vậy, Thanh Quy là giới luật. Hiện thời chúng ta tụng giới mang ý nghĩa kỷ niệm, nhưng phải giữ Thanh Quy. Thanh Quy là văn bản giới luật đã được tu chỉnh tại Trung Quốc, mang ý nghĩa như thế đó. Tôi suy nghĩ [giới luật đã được] tu chỉnh vào đời Đường, thích hợp thời đại đó, phù hợp xã hội nông nghiệp; nay là thời đại công thương nghiệp; vì thế, đến hiện thời, Thanh Quy cũng không thích hợp; nhưng trong thời đại này, chúng ta chẳng có một vị luật sư chân chánh xuất hiện. Nói thật ra, thời gian Hoàng

Nhất đại sư trụ thế quá ngắn, nếu Ngài có thể sống lâu hơn hai mươi năm nữa, có lẽ sẽ sửa chữa bộ Thanh Quy lần nữa nhằm thích hợp sử dụng cho thời đại công thương hiện thời! Do vậy, quý vị phải hiểu: Nhiều thứ trong Phật pháp đều có thể tùy theo ý thức, hình thái và hoàn cảnh sinh hoạt khác biệt tại mỗi nơi mà tu chỉnh. Vì thế, nó chẳng phải là chết cứng, khô khan.

2) Thứ hai là “*ngưỡng khẩu thực*”, ngửa xem tinh tú, mỗi ngày nói chuyện họa, phước, cát, hung cho người khác, làm theo kiểu ấy. Chuyện này Phật chẳng chấp nhận; dùng cách này để được cúng dường nhằm duy trì cuộc sống, sẽ là sai lầm, thuộc loại tà mạng.

3) Thứ ba là “*phương khẩu thực*”, mỗi ngày hoa ngôn xảo ngữ đi ra ngoài du thuyết, giao tế, ứng phó, thù tạc, kết giao kẻ quyền quý, chèo kéo tín đồ, đây là sai lầm. Mỗi ngày làm chuyện đó, qua lại với người khác, đạo tâm mất tiêu!

4) Thứ tư là “*duy khẩu thực*”, vẽ bùa, niệm chú, coi bói, xem tướng, xem Phong Thủy, dùng cách ấy để được cúng dường thì gọi là “*duy khẩu thực*”.

Những điều này đều thuộc loại tà mạng, Phật pháp quyết định cấm. Do vậy, thưở ấy, Bách Trượng đại sư chỉ đề xướng tự mình canh tác. Đệ tử Phật gọi là “*thanh tịnh khát sĩ*”, bởi lẽ, họ chẳng làm những chuyện này, hoàn toàn dùng phương thức khát thực để duy trì cuộc sống của chính mình. Khát thực chỉ được phép xin bảy nhà, trọn chẳng thể nhà nào cũng đều đến xin. Xin bảy nhà mà không được gì, bèn trở về sám hối, ngày hôm nay nghiệp chướng quá nặng, không ai cho! Nếu vượt hơn bảy nhà, người ta sẽ ghét bỏ, người xuất gia đi khắp nơi làm phiền kẻ khác! Vì thế, khát thực chỉ được phép xin bảy nhà!

Lìa khỏi bốn thứ tà mạng thì gọi là “*chánh mạng*”. “*Tứ chánh mạng*” cũng có bốn điều: Thứ nhất là “*vô sự kinh doanh*” (chẳng chú trọng kinh doanh). Vì thế, thân tâm thanh tịnh, nên mới có thể tu đạo, mới có thể dưỡng đạo. [Nhìn vào] chế độ của đức Phật thời cổ, [ta thấy] trước khi có chế độ tụng lâm và sau khi có chế độ tụng lâm khác nhau. Thành lập chế độ tụng lâm là một cuộc đại cách mạng trong Phật giáo Trung Quốc. Vì trước đó, mỗi cá nhân tu hành đều là chuyện cá nhân người đó, chẳng có cộng tu, đều là cá nhân tự mình tu hành. Tồi đa là pháp hội giảng kinh. Pháp sư giảng kinh, người từ nhiều nơi đến nghe kinh. Sau khi nghe xong, người nào tu cho người nấy, chẳng có cộng tu. Thưở đó, xuất hiện tệ trạng là mọi người đều chuộng nghe kinh, còn tu hành thì qua quít, tùy tiện, chẳng chú trọng. Như vậy là biến thành “hữu giải, vô hạnh”, biến

thành hình thức! Do vậy, hai vị đại sư Mã Tổ và hòa thượng Bách Trượng phát tâm từ bi. Mã Tổ được nói trong Phật môn⁷¹ là tổ sư đời thứ tám của Thiên Tông, họ ngoài đời là Mã, nên người ta gọi Ngài là Mã Tổ; pháp danh của ngài là Đạo Nhất. Hai vị thiền sư Mã Tổ và Bách Trượng thuộc đời thứ tám của Thiên Tông, là đồ tôn của Lục Tổ đại sư. Hai vị thấy thói xấu của những người tu hành là “có giải, thiếu hạnh”, bèn vận động làm một cuộc cách mạng, tạo lập từng lâm, đề xướng cộng tu.

Nói theo ý nghĩa hiện thời, từng lâm là thành lập trường đại học. Trước đó, truyền thừa trong Phật giáo giống như dạy học trong trường tu thực, là thầy dạy riêng biệt, không có chế độ! Tổ chức từng lâm là chánh thức kiến lập chế độ, biến sự truyền thừa tản mạn của Phật giáo trước đây thành chế độ hóa. Mọi người ở cùng một chỗ tu học, đó gọi là “*y chúng, khóa chúng*” (nuông theo đại chúng, trông cậy vào đại chúng). Trước đó, đúng là một nhóm người tán tu, số người trong Tăng đoàn hòa hợp rất ít, đều là mỗi chùa mấy người. Mười mấy người, hai mươi người, hai trăm người được coi là rất nhiều. Sau khi từng lâm thành lập, đông người hơn, thường là trong một từng lâm có đến mấy ngàn người trụ. Vì thế, có tổ chức vô cùng nghiêm ngặt, chặt chẽ. Cái gọi là “*tam đại cương lĩnh chấp sự*”, khá giống với cách chúng ta tổ chức nhà trường trong hiện tại, chỉ là danh xưng khác nhau. Hòa Thượng tương đương Hiệu Trưởng, Ngài là Thân Giáo Sư. Dưới đó có Thủ Tọa, tương đương chủ nhiệm Giáo Vụ; Giám Viện là Đương Gia Sư, tương đương chủ nhiệm Tổng Vụ; Duy Na tương đương chủ nhiệm Huấn Đạo. Do vậy, quả thật là quy mô của một trường học, thật sự kiến lập và chế độ hóa đại học Phật giáo. Đây là điểm đặc sắc trong Phật giáo Trung Quốc, ngoại quốc không có. Trong từng lâm, đề xướng trồng trọt, vì số người đông, nếu cầu cạnh bên ngoài cúng dường sẽ chẳng dễ dàng cho lắm. Quý vị nghĩ xem: Trong một từng lâm, trụ mấy ngàn người, mỗi ngày ăn bao nhiêu? Nếu bản thân quý vị chẳng làm, ai tới cúng dường quý vị? Quý vị ra ngoài thác bát chẳng dễ dàng cho lắm! [Từng lâm] cư trụ mấy ngàn người, mỗi ngày ăn cơm [đều do khát thực], nơi ấy sẽ gặp khó khăn, ai cũng ngăn quý vị, sợ quá! Vì thế, đề xướng canh tác là nổi khổ tâm bất đắc dĩ!

Tứ chánh mạng, thứ nhất là không theo đuổi kinh doanh; thứ hai là “*bất cần súc tích*” (chẳng siêng tích góp) tức là không tích trữ, thứ ba là “*vạn duyên đốn tức*” (muôn duyên nhanh chóng dứt), đó gọi là thân, tâm,

⁷¹ Do Thiên Hậu Nguyên Quân của Đạo giáo còn được người Hoa gọi là Ma Tổ (媽祖) nên rất nhiều người lầm lẫn Mã Tổ (馬祖) của Thiên Tông chính là Ma Tổ; vì thế phải nói rõ “*Mã Tổ trong Phật môn*”.

thế giới thầy đều buông xuống. Thứ tư là “*nhất chí thanh tu*”. Bốn câu ấy là tứ chánh mạng của người xuất gia. “*Tăng*” là người xuất gia, “*nghi dĩ thử hoạt mạng, cố viết khát thực tư thân dã*” (hãy nên sống theo cách ấy, nên nói là khát thực để nuôi dưỡng cái thân), đây là phương thức sống của người xuất gia!

(Sao) *Khất pháp, tác tham sư phỏng hữu, khẩn khổ kiêu thành, tuân cầu diệu pháp, kỳ thành thánh quả, cố ước khát pháp tư tâm dã.*

(鈔) 乞法，則參師訪友，懇苦翹誠，詢求妙法，期成聖果，故約乞法資心也。

(Sao: *Khất pháp là tham học với thầy, học hỏi nơi bạn, sốt sắng, siêng khổ, thành kính, cầu tìm diệu pháp, để mong thành thánh quả, nên thuộc về khát pháp để nuôi nấng cái tâm vậy.*)

Người xuất gia, trừ [khất thực để duy trì] cuộc sống ra, còn mong cầu pháp. Chúng ta thấy trong sách Thiên Lâm Bảo Huấn có nói người xuất gia chọn lựa đạo tràng, chọn lựa như thế nào? Phải chọn lựa đạo tràng nào mà cuộc sống chẳng có vấn đề, có thể ăn no, mặc ấm là được rồi, lại còn có thể nghe pháp, có tu, có học, đây là đạo tràng bậc nhất. Có đạo tràng như vậy, quý vị chớ nên rời khỏi, hãy khéo tu học ở đó. Thứ nhì là đạo tràng phước báo nhỏ hơn, cuộc sống rất gian khổ, nhưng họ có đạo, có tu, có học, cũng đáng nên chọn lựa. Chính mình phải chịu đựng khổ sở, nhẫn nại. Phải chịu đựng khổ, hứng chịu khổ, vì sao? Có đạo! Chúng ta đã xuất gia, muốn thành đạo nghiệp, lấy đạo nghiệp làm chủ yếu, dầu cuộc sống khổ sở vẫn không sợ. Chỗ chẳng nên chọn lựa là đạo tràng hết sức giàu có, ăn cũng sướng, mặc cũng sướng, ở cũng sướng, trong ấy chẳng có đạo, chẳng có giảng kinh, cũng chẳng tu hành, đạo tràng như vậy chớ nên đến. Vì sao? Đạo tràng như vậy cũng là đạo, nhưng đạo gì vậy? Địa ngục đạo, ngạ quỷ đạo, toàn là tu những đạo ấy! Trong tương lai, nếu quý vị chứng quả, sẽ chứng quả ngạ quỷ, quả địa ngục, chứng các quả ấy, chuyện này phiền lắm! Trong Thiên Lâm Bảo Huấn, tổ sư đã dạy chúng ta chọn lựa đạo tràng như thế nào, đạo tràng nào có thể trụ, đạo tràng nào chẳng thể trụ, chính chúng ta phải hiểu rõ ràng, [vì điều này] sẽ có quan hệ rất lớn đối với tương lai!

“*Tham sư phỏng hữu*”, tham học với thầy thì quý vị phải rất thận trọng chọn lựa một vị thầy, vì sao? Vị thầy ấy sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự thành tựu của quý vị trong tương lai. Nếu quý vị chọn được một vị thiện tri thức tốt đẹp để theo, vị thầy ấy dạy quý vị có kỳ hạn; một vị thầy thật

sự tốt chắc chắn sẽ không bảo quý vị: “Người suốt đời ở nơi đây, đừng nên đi ra ngoài”, nếu [nói như vậy] thì tuyệt đối chẳng phải là một vị thầy tốt. Vì sao? Quý vị sẽ có ngày tốt nghiệp! Quý vị đã tốt nghiệp, phải rời đi, tìm người cao minh hơn thì mới có thể thành tựu. Do vậy, một vị thầy thật sự tốt đẹp sẽ chẳng khiến cho tiền đồ của quý vị bị lỡ làng. Ngài đem những gì chính mình [đã biết] dạy cho quý vị xong, sẽ không có cách nào để dạy tiếp nữa, bèn mời quý vị đi tìm người khác, tìm người cao hơn Ngài, đây là một vị thầy tốt!

Quý vị thấy Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, Ngài đến tham phỏng một vị thiện tri thức, vị thiện tri thức ấy dạy hết cho Ngài, không còn gì để dạy nữa, bèn giới thiệu một vị thiện tri thức khác: “Người ấy cao hơn ta, người hãy đi tìm vị ấy”, đây mới là một vị thiện tri thức thật sự. Vì thế, chúng ta theo một vị thầy tốt có kỳ hạn. Đương nhiên cũng có những học trò cảm ơn thầy, cảm tạ ân đức ấy, chẳng muốn rời khỏi, gần như thường là đến khi thầy viên tịch mới rời khỏi. Họ sang nơi khác cầu pháp, hoặc là chủ trì giáo hóa, hoằng hóa một phương. Có người như vậy, nhưng là thiểu số, đa số sau khi học thành, sẽ ra ngoài tham học, giống như Thiện Tài đồng tử rời khỏi thầy ra ngoài tham học năm mươi ba lần. Nhưng khi quý vị chưa có năng lực tham học, thầy quyết định chẳng cho quý vị rời khỏi. Nếu để cho quý vị rời khỏi, tức là thầy có lỗi với quý vị. Thầy phải bảo vệ quý vị, phải giúp cho quý vị thành tựu, khiến cho quý vị có năng lực tham học, năng lực gì vậy? Năng lực phân biệt chân - vọng! Quý vị nghe người ta giảng điều gì, vừa nghe liền biết đó là chánh pháp hay tà pháp, có năng lực ấy. Có thể phân biệt đúng, sai, thiện, ác, có năng lực như vậy, thầy sẽ cho quý vị ra ngoài tham học.

Nếu quý vị chưa có năng lực ấy, thầy chắc chắn chẳng cho quý vị rời khỏi Ngài một bước, nhất định không chấp thuận cho quý vị ra khỏi cửa chùa. Vì sao? Nếu quý vị nghe người bên ngoài giảng, mỗi người giảng một cách, nghe ba người [giảng ba cách khác nhau], trong tâm liền đánh dấu hỏi, rốt cuộc ai đúng? Càng học càng mê hoặc, càng học càng điên đảo, học tới cuối cùng ngay cả Phật pháp cũng không tin. Vị này giảng Đông, vị kia giảng Tây, rốt cuộc ta đi đến đâu? Đơn giản là coi như xong, chẳng cần học nữa! Đây là do chính mình thiếu năng lực phân biệt, giống như chưa xuất sư, chưa có tư cách đi ra ngoài tham học. Có năng lực mà thầy chẳng cho quý vị ra ngoài, thầy sẽ có lỗi với quý vị; chưa có năng lực mà thầy đã cho quý vị đi, thầy cũng có lỗi với quý vị. Do vậy, sư đạo quả thật rất khó khăn! Thầy phải tuyệt đối chịu trách nhiệm đối với học trò; trò thành công hay thất bại, thầy phải gánh trách nhiệm! “*Tham*

su phông hữu” nhằm thành tựu đạo nghiệp của chính mình, phải phát tâm chí thành đến thỉnh giáo các vị thiện tri thức, nhằm mục đích thành tựu “*thánh quả*” của chính mình. Đây là “*khất pháp tư tâm*” tức là [thỉnh cầu giáo pháp] để nuôi dưỡng Pháp Thân huệ mạng của chính mình.

(Sao) Nhị, bố ma giả, nhược nhân phát tâm xuất gia, Ma Vương văn chi, sanh đại bố úy, dĩ ma nhạo sanh tử, xuất gia ly dục, xu hướng Vô Sanh, ma thất đảng dữ, sanh bố úy cố.

(鈔) 二、怖魔者，若人發心出家，魔王聞之，生大怖畏，以魔樂生死，出家離欲，趨向無生，魔失黨與，生怖畏故。

(Sao: Hai là khiến ma sợ hãi. Nếu có người phát tâm xuất gia, Ma Vương nghe thấy sẽ sanh lòng sợ hãi to lớn vì ma ưa sanh tử, kẻ xuất gia lìa dục, tiến hướng Vô Sanh sẽ khiến cho bè đảng của ma bị giảm thiểu, nên hẳn sanh lòng sợ hãi).

Điều này tôi vừa mới nói qua.

(Sao) Tam, phá ác giả, năng phá phiền não cứu thập bát Sứ, tất giai đoạn tuyệt cố.

(鈔) 三、破惡者，能破煩惱九十八使，悉皆斷絕故。

(Sao: Ba là phá ác, do có thể phá phiền não chín mươi tám Sứ, tất đều đoạn tuyệt).

“*Chín mươi tám Sứ*” là Kiến Tư phiền não, Kiến Hoặc có tám mươi tám Sứ, và Tư Hoặc gồm mười Sứ.

(Sao) Hoặc gia tịnh giới, tịnh mạng, tắc thành ngũ nghĩa. Kim tam nghĩa giả, dĩ khất thực nhiếp tịnh mạng, dĩ phá ác nhiếp tịnh giới cố.

(鈔) 或加淨戒、淨命，則成五義。今三義者，以乞食攝淨命，以破惡攝淨戒故。

(Sao: Hoặc có người thêm vào hai nghĩa tịnh giới và tịnh mạng thành năm nghĩa [của chữ tỳ-kheo], nay nói ba nghĩa, vì khất thực bao gồm tịnh mạng, phá ác bao gồm tịnh giới).

Thêm tịnh giới và tịnh mạng vào khất thực, bồ ma, phá ác, nên tỳ-kheo có năm ý nghĩa ấy, nhưng đại đa số đều giảng theo cách nêu ra ba ý nghĩa. Trong khất thực đã bao gồm tịnh mạng, trong phá ác bao gồm tịnh giới. Nói thật ra, ba ý nghĩa đã bao gồm năm ý nghĩa ở trong ấy.

(Sao) Chúng hòa hợp giả, tứ nhân dĩ thượng, đa chí vô lượng, tất giai đồng nhất Yết Ma, bất tương vi tránh, như thủy nhũ hợp, danh Hòa Hợp Chúng.

(鈔) 眾和合者，四人以上，多至無量，悉皆同一羯磨，不相違諍，如水乳合，名和合眾。

(Sao: “Chúng hòa hợp” là từ bốn người trở lên, [có thể] nhiều đến vô lượng, thấy đều cùng Yết Ma, chẳng tranh chấp với nhau, như sữa hòa lẫn vào nước, gọi là Hòa Hợp Chúng).

Trong phần trước đã nói tới “*Lý Sự thất hòa*” (bảy điều hòa hợp về Lý và Sự), đây là điều kiện cơ bản; ngoài ra còn có một thứ nữa là Yết Ma. Yết Ma (Karma) là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tác Pháp. Nay chúng ta vẫn không hiểu, tôi nói bằng danh từ hiện đại quý vị sẽ hiểu, đó là hội nghị để ban hành nghị quyết. Bởi lẽ, Phật giáo là dân chủ; trong Tăng đoàn hễ có chuyện lớn hay nhỏ đều phải họp lại, thiếu số phục tùng đa số. Cùng Yết Ma với nhau, nhất định phải tuân thủ nghị quyết của hội nghị, chẳng tranh cãi với nhau, đó là Hòa Hợp Chúng.

(Sao) Tam Ca Diếp giả.

(鈔) 三迦葉者。

(Sao: Ba vị Ca Diếp).

Tôn giả Ca Diếp có ba vị, Ca Diếp (Kāśyapa) là họ, có ba vị cùng mang họ Ca Diếp, vị thứ nhất là:

(Sao) Nhất, Ưu Lô Tần Loa, u hỏa long quật, hữu ngũ bách đệ tử.

(鈔) 一、優樓頻螺，於火龍窟，有五百弟子。

(Sao: Thứ nhất là Ưu Lô Tần Loa, ở hang rồng lửa, có năm trăm đệ tử).

Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp (Uruvilvā Kāśyapa) vốn là ngoại đạo, học ngoại đạo tại hang rồng lửa, rồng ấy là độc long, Ngài tu đạo nơi ấy, có năm trăm đồ đệ, rất nổi danh trong các ngoại đạo. Vị thứ hai là:

(Sao) Nhị, Già Da, ở Tượng Đầu sơn, hữu tam bách đệ tử.

(鈔) 二、伽耶，於象頭山，有三百弟子。

(Sao: Thứ hai là Già Da, ở núi Đầu Voi, có ba trăm đệ tử).

Già Da Ca Diếp (Gayā Kāśyapa) hướng dẫn một nhóm người tu hành tại núi Tượng Đầu (Gayāsiras), có ba trăm đệ tử. Vị thứ ba là:

(Sao) Tam, Na Đề, ở Hy Liên hà, hữu nhị bách đệ tử. Hậu giai quy Phật, cố hữu thiên chúng.

(鈔) 三、那提，於希連河，有二百弟子。後皆歸佛，故有千眾。

(Sao: Ba là Na Đề, ở sông Hy Liên, có hai trăm đệ tử. Về sau, đều quy y Phật, nên có một ngàn vị).

Na Đề Ca Diếp (Nadī-Kāśyapa) ở sông Hy Liên (Nairāñjanādi), có hai trăm đệ tử. Sau này, ba vị này đều bị Thích Ca Mâu Ni Phật hàng phục. Thích Ca Mâu Ni Phật tìm đến họ biện luận, họ đều biện luận thua Ngài. Sau khi biện luận thua cuộc bèn xuất gia theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Họ đã theo Thích Ca Mâu Ni Phật xuất gia, các đồ đệ cũng theo một đường lối, thầy đã làm học trò Thích Ca Mâu Ni Phật, mọi người chúng ta cũng đều chẳng muốn giải tán, tâm tu đạo rất thiết tha, cho nên đều theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Trước hết, ba người họ là thầy, về sau đều biến thành bạn học, đều là học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thầy trò ba vị ấy tổng cộng là một ngàn người.

(Sao) Mục Liên, Xá Lợi giả, nhị nhân cộng hữu nhị bách ngũ thập đệ tử, diệt lai quy Phật. Thành thiên nhị bách ngũ thập nhân dã.

(鈔) 目連舍利者，二人共有二百五十弟子，亦來歸佛。成千二百五十人也。

(Sao: Hai vị Mục Liên và Xá Lợi có tất cả hai trăm năm mươi đệ tử, cũng quy y Phật, [tổng cộng] thành một ngàn hai trăm năm mươi người).

Mục Liên và Xá Lợi Phất là đầu lãnh ngoại đạo, vốn cũng tu ngoại đạo. Mỗi người đều có một trăm đồ đệ, thầy trò sau này cũng đều quy y Thích Ca Mâu Ni Phật, nên lại ghép thành một ngàn hai trăm năm mươi người.

(Sao) Nhất thuyết độ Da Xá đẳng ngũ thập nhân, cập Trần Như đẳng ngũ nhân, cộng thành thử số.

(鈔) 一說度耶舍等五十人，及陳如等五人，共成此數。

(Sao: Một thuyết nói Phật độ nhóm ông Da Xá năm mươi người và nhóm Kiều Trần Như năm người, cộng thành con số ấy).

Da Xá đồng tử (Yasas) có năm mươi người. Trước hết, Phật độ nhóm Kiều Trần Như (Ajñāta Kaundinya) năm người tại Lộc Dã Uyển, tổng cộng là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người. Tăng đoàn của đức Phật có nhiều người như thế. Đây là nói rõ nguồn gốc số người trong Tăng đoàn.

(Sớ) Độc cử thiên nhị bách ngũ thập nhân giả, dĩ thường tùy cố.

(疏) 獨舉千二百五十人者，以常隨故。

(Sớ: Riêng nêu ra một ngàn hai trăm năm mươi người vì họ là thường tùy).

Thật ra, đức Phật bất luận giảng kinh ở nơi nào, thính chúng không chỉ có ngàn ấy người, số người [nghe giảng] luôn vô cùng nhiều, tại gia lẫn xuất gia đều rất nhiều; nhưng không cần nói tới những người khác, vì một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị này, bất luận là hội nào do đức Phật giảng kinh, họ đều luôn hiện diện, thường tùy đệ tử mà! Đức Phật đến nơi đâu, họ cũng theo đến đó, suốt đời chẳng tách rời, mãi cho đến khi đức Phật viên tịch, những vị ấy chẳng giải tán. Về sau, kết tập kinh điển, hễ nói đến Chúng Thành Tựu, thầy đều lấy các Ngài làm đại biểu. Ngày hôm nay, chúng tôi giảng tới đây!

Tập 109

Xin xem A Di Đà kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm hai mươi:

(Sớ) Độc cử thiên nhị bách ngũ thập nhân giả, dĩ thường tùy cố.

(疏) 獨舉千二百五十人者，以常隨故。

(Sớ: Riêng nêu lên một ngàn hai trăm năm mươi người vì họ thường theo đức Phật).

Thính chúng được liệt kê trong kinh Phật đại đa số đều là một ngàn hai trăm năm mươi vị, chỉ có rất ít kinh là ngoại lệ. Vì sao đều nêu lên một ngàn hai trăm năm mươi vị? Đại sư bảo những vị ấy là Thường Tùy Chúng của đức Phật.

(Sao) Thường tùy giả, vị Phật xuất thế gian, sở độ La Hán, tỳ-kheo, thậm đa vô lượng, hà độc cử thử?

(鈔) 常隨者，謂佛出世間，所度羅漢比丘，甚多無量，何獨舉此。

(Sao: “Thường tùy” nghĩa là: Đức Phật xuất hiện trong thế gian, độ La Hán, tỳ-kheo số nhiều đến vô lượng, có sao nêu riêng những vị này?)

Thuở Phật tại thế, quả thật đã độ rất nhiều người; vì sao thường nêu con số này?

(Sao) Dĩ thử thiên nhị bách ngũ thập nhân giả, tối tiên quy Phật.

(鈔) 以此千二百五十人者，最先歸佛。

(Sao: Do một ngàn hai trăm năm mươi người này quy y đức Phật sớm nhất).

Đây là những vị được đức Phật độ sớm nhất. Sau khi đắc độ, những vị này thường chẳng rời đức Phật, đức Phật đi đến đâu, các Ngài đều theo đến đó.

(Sao) Hựu thường bất ly Phật, trực chí Phật diệt, cố độc cử dã.

(鈔) 又常不離佛，直至佛滅，故獨舉也。

(Sao: Lại thường chẳng rời đức Phật mãi cho đến khi đức Phật diệt độ, nên nêu riêng những vị này).

Mãi cho đến sau khi đức Phật thị hiện Bát Niết Bàn (nhập Niết Bàn), các Ngài mới rời khỏi; vì thế, trong kinh thường nhắc tới những vị này. Những vị này đều chẳng phải là người tầm thường, trong Phật môn thường nói: “*Một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ*”. Nếu đức Phật đến nơi nào đó giảng kinh mà chẳng có ai nghe, hoẵng pháp sẽ chẳng có hiệu quả. Năm ngoái, tôi sang Tân Gia Ba, pháp sư Diễn Bồi bảo tôi: “Đừng nên sang Mỹ!” Vì sao chẳng thể sang? Sư nói: “Chúng ta là pháp sư giảng kinh, sang bên đó không có thính chúng, chúng ta sang làm gì?” Chẳng làm gì được hết! Lời ấy nói rất có lý! Ở Mỹ, thính chúng có thể đông tới cả trăm người, cũng là rất nhiều, pháp duyên thù thắng hiếm có, có tình hình như thế, nhưng đó là chuyện đôi khi, giống như chúng tôi một hai năm, sang đó một lần, họ đăng báo, phát thông cáo, tổ chức pháp hội. Pháp hội kéo dài dăm ba ngày thì được, cũng có thể đông tới hai ba trăm người, là hiện tượng rất hiếm có. Nếu giảng kinh trong một thời gian dài như ở nơi đây, giảng mỗi ngày, sợ rằng không có ai đến nghe, có được đôi ba người đến nghe cũng chẳng thể coi là ít! Đây là tình hình tại Mỹ. Do vậy, ở nơi ấy, Phật pháp vẫn chưa truyền tới bên đó! Giảng kinh bên Tân Gia Ba, thông thường là thính chúng từ năm trăm người trở lên, cho tới khoảng chừng một ngàn người là hiện tượng rất thường thấy, rất phổ biến. Vì thế, bên đó nghe kinh thù thắng hơn chúng ta ở nơi đây!

Đức Phật xuất hiện trên thế gian chẳng thể không có thính chúng, trong số một ngàn hai trăm năm mươi người ấy, có rất nhiều vị là cổ Phật tái lai. Nếu không phải là cổ Phật thì gần như cũng là đại Bồ Tát, đều là minh tâm kiến tánh đặng địa Bồ Tát, hoặc Viên Giáo địa thượng Bồ Tát. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trên thế gian này chẳng có thính chúng, các Ngài sẽ đến làm thính chúng. Đã làm thính chúng, đương nhiên chẳng thể dùng thân phận Phật hay Bồ Tát, chẳng thể làm như vậy, nhất loạt theo Phật đến thế gian này, thị hiện làm một gã ngoại đạo, hay một kẻ phàm nhân, toàn bộ đều là thị hiện. Không chỉ thính chúng là thị hiện, ngay cả những vị hộ pháp cũng đều là thị hiện, giống như diễn tuồng, toàn thể gánh hát do Phật dẫn đến. Vua Ba Tư Nặc, theo kinh Phật cho biết, chính là Tứ Địa Bồ Tát thị hiện hộ pháp. Phàm phu làm sao hiểu được chỗ hay của Phật pháp? Chẳng hiểu được! Lúc ấy, Phật, Bồ Tát giảng lâm, đương nhiên cũng có Phật, Bồ Tát đồng thời giảng hạ thị hiện làm quốc vương,

đại thân, trưởng giả, cư sĩ đến hộ trì Phật pháp, Phật pháp mới hưng long! Có thể thấy nhân duyên thù thắng chẳng thể nghĩ bàn.

Trong một ngàn hai trăm năm mươi người; trước hết, đức Phật tại Lộc Dã Uyên chuyên pháp luân, độ năm tỳ-kheo, tôn giả Kiền Trần Như đắc độ đầu tiên. Năm người ấy đều có quan hệ thân thuộc với Thích Ca Mâu Ni Phật; vốn do Thích Ca Mâu Ni Phật bỏ nhà ra đi, cha Ngài rất lo lắng, chỉ sợ Ngài xuất gia, nên phái năm người ấy đi tìm, mục đích là tìm Ngài về, chẳng để cho Ngài xuất gia. Nào ngờ, đức Phật thân thông quảng đại, đều độ hết năm vị này, đây là chuyện tại Lộc Dã Uyên. Về sau, gặp gỡ ba vị Ca Diếp, tôn giả Ca Diếp tu theo ngoại đạo, các Ngài có đồ chúng; ngài Đại Ca Diếp có năm trăm đệ tử, do vậy, đoàn thể này khá to. Hai vị kia là anh em của ngài Ca Diếp, mỗi người có hai trăm năm mươi người. Thầy trò ba vị Ca Diếp gộp thành một ngàn người. Họ gặp Phật, cũng đắc độ, biến thành một ngàn lẻ năm người. Về sau, gặp gỡ Mục Kiền Liên và Xá Lợi Phất, hai vị này cũng là thủ lĩnh ngoại đạo, mỗi người có đồ chúng một trăm người. Kết quả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên theo Phật xuất gia, các đồ chúng của hai Ngài cũng đều xuất gia theo Phật; vì thế, có một ngàn hai trăm lẻ năm người. Ngoài ra, còn có năm mươi đồng tử cũng đắc độ; hợp thành Tăng đoàn một ngàn hai trăm năm mươi lăm người. Do năm người là số lẻ không nói tới, nên một ngàn hai trăm năm mươi người là số tròn, trên thực tế là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người.

Những người ấy đều là Phật, Bồ Tát đại quyền thị hiện, giúp [Thích Ca Mâu Ni] Phật hoằng dương Phật pháp. Đức Phật tại thế, phàm phu chúng ta gặp Phật cũng chẳng hỏi được câu nào, mà cũng chẳng biết đức Phật cao minh. Các Ngài và đức Phật một hỏi, một đáp, chúng ta ở bên cạnh càng nghe, càng thấy có lý, tâm cung kính mới dấy lên, bởi lẽ, các Ngài đều là bậc tái lai. Trước hết, thị hiện tu hành trong ngoại đạo, tu bao nhiêu năm chẳng thành tựu gì. Các Ngài tu hành thật sự tinh tấn, nhưng chẳng có thành tựu; vừa gặp gỡ đức Phật, được đức Phật giảng cho các Ngài mấy câu, bèn chứng quả. Quý vị hãy nghĩ xem: Há người thường có thể làm được ư? Mấy câu liền chứng quả. Vì thế, chịu ơn đội đức, nhớ mãi không quên ân đức của Phật, suốt đời chẳng rời khỏi Phật. Các Ngài đều là nêu gương cho người đời sau. Biết người đời sau, phàm phu học Phật thiếu kiên nhẫn, học được ba tháng, nửa năm, bèn bỏ đi, làm sao có thể thành tựu cho được? Người ta thân cận thầy, suốt đời chẳng rời khỏi thầy, nên mới có thành tựu! Đây đều là nêu gương cho chúng ta, nhằm dạy chúng ta phải nên thân cận thiện tri thức, thân cận thầy như thế nào, nêu

giương cho chúng ta thấy để chúng ta học tập theo thì mới có thể thành tựu.

Vì thế, thuở trước, vào thời cô, thường là thân cận một vị thầy. Chúng ta đọc Cao Tăng Truyện, hay xem ngữ lục của một tông nào, sẽ thấy theo thầy mười năm là chuyện rất bình thường, chẳng kể là nhiều! Thân cận thầy hai ba chục năm là chuyện luôn nghe thấy, thường thấy. Còn những vị giống như một ngàn hai trăm năm mươi vị này, cả đời chẳng rời khỏi thầy là người như thế nào? Người thật sự minh tâm kiến tánh chứng quả! Đừng nói chi khác, quý vị đọc Lục Tổ Đàn Kinh, trong hội của Lục Tổ đại sư, thật sự đặc độ tổng cộng bốn mươi hai người, trong số bốn mươi hai người ấy, có rất nhiều người cả đời chẳng rời khỏi Lục Tổ. Sau khi Lục Tổ viên tịch, họ mới rời khỏi, mỗi người đến giáo hóa một phương. Những vị ấy đều là học Phật, thật sự học đạt thành tựu ở nơi ấy. Vì thuở ấy, quy mô Tăng đoàn của Lục Tổ cũng khá lớn, đạo tràng của Ngài có mấy ngàn người, một người giáo hóa cũng chẳng xuể, cho nên những đồ đệ đặc đạo chẳng rời khỏi thầy, giúp thầy dạy học, thành tựu đại chúng, giống hệt như những vị thường tùy đệ tử ở đây. Vì thế, trong các thánh chúng, đặc biệt nêu lên những vị ấy, chứ chẳng nhắc tới những người khác.

(Sao) Kỳ tha tán tại tứ phương, tuy thiên lý diện đàm, nhi cứ tích thành văn, thường pháp ứng nhĩ.

(鈔)其他散在四方，雖千里面談，而據迹成文，常法應爾。

(Sao: Những vị khác rải rác khắp bốn phương, tuy cách xa ngàn dặm vẫn giống như đích thân gặp mặt đàm luận, nhưng xét theo dấu vết để ghi chép thì vẫn nên theo lệ thường như vậy).

Đoạn này nói đến các đệ tử khác, chẳng theo Phật, chẳng thường ở cạnh Phật, bọn họ rải rác mỗi nơi, ở mỗi nơi đều hoằng pháp lợi sanh, phổ biến, tuyên dương Phật giáo, lợi ích trọn khắp hết thảy chúng sanh. Làm như vậy, đối với chính mình, dường như chẳng phải là lỡ làng sự tu hành chính mình ư? Nói thật ra, đó gọi là “*giáo học tương trưởng*” (người dạy và kẻ học cùng tiến triển), đều có tiên bộ. Tuy dạy học bên ngoài, vẫn chẳng thể tách rời thầy; vì thế, ở đây nói là “*thiên lý diện đàm*”.

“*Thiên lý diện đàm*” là một điển cố, tức là chuyện xảy ra vào đời Đường tức thời Đường Thái Tông. Đường Thái Tông quả thật rất giỏi. Thuở ấy là những năm cuối đời Tùy, thiên hạ đại loạn, quân hùng mỗi

người chiếm cứ một phương, mỗi người tự mình xưng vương, quốc gia biến thành cục diện chia năm, xẻ bảy. Cha nhà vua (tức Đường Cao Tổ) chiếm một vùng đất⁷², cũng xưng vương, chính nhà vua thường dẫn binh ra ngoài đánh nhau, khi đó, vua (Đường Thái Tông) chỉ mới mười sáu tuổi. Lúc khởi nghĩa, nhà vua mới mười sáu tuổi, thống lãnh đại quân bình định thiên hạ; vì thế, thật sự là một người rất giỏi. Vua có những trợ thủ giỏi, trong các trợ thủ có một người là Phòng Huyền Linh. Sau này, khi vua làm hoàng đế, Phòng Huyền Linh làm Tể Tướng. [Trước đó, khi chưa làm hoàng đế, còn là một vị tướng cầm quân dưới quyền cha, Đường Thái Tông] thường sai Phòng Huyền Linh đến gặp cha, báo cáo tình hình trong quân ngũ. Phòng Huyền Linh nói rất rõ ràng, rành rẽ, Đường Cao Tổ cũng rất khen ngợi, nói Phòng Huyền Linh đến đây báo cáo, giống như nói chuyện trực tiếp với Thái Tông, đó gọi là “*thiên lý diện đàm*”.

Nêu lên ý nghĩa này, tức là nói thật ra, tuy các đệ tử Phật giáo hóa chúng sanh ở mỗi nơi, vẫn thường sai người về thỉnh giáo Phật, xin Phật chỉ dạy, nên [lời Sớ] nêu ra lệ này. Có thể thấy là từ đầu đến cuối gìn giữ mối liên hệ này, trọn chẳng tách rời. Hướng chi hằng năm còn có ba tháng an cư mùa Hạ, kết hạ an cư nghĩa là gì? Nói theo cách hiện thời là tái giáo dục, tấn tu giáo dục (giáo dục bổ sung nhằm nâng cao trình độ). Hằng năm quý vị ở bên ngoài giáo hóa chúng sanh chín tháng, ba tháng trở về được Phật tái giáo dục, quy chế này vô cùng hay. Giống như các thầy cô trong nhà trường hiện tại, nghỉ Đông, nghỉ Hè, nếu chẳng tấn tu, sẽ vĩnh viễn chẳng có tiến bộ. Họ dạy một cấp lớp, năm nào cũng dùng sách giáo khoa cho cấp lớp ấy, chẳng cần phải chuẩn bị, dùng một bản giáo án có thể dạy suốt đời!

Phật pháp chẳng giống như vậy, thầy dạy học trong Phật pháp, những thứ họ dạy, năm nào cũng có tiến bộ, mỗi năm đều có những thứ mới. Bởi lẽ, an cư mùa Hạ chính là tấn tu giáo dục dành cho các thầy giáo,

⁷² Đường Cao Tổ (Lý Uyên) là người nửa Hán, nửa dân Tiên Ty, quê ở huyện Dịch Đạo, Lũng Tây, thuộc dòng dõi thế tập. Ông nội của Lý Uyên là Lý Hồ được phong tước Lũng Tây Quận Công, là một trong tám vị được xưng là Bát Trụ Quốc Gia của nhà Bắc Châu. Cha Lý Uyên là Lý Bình, được phong làm Trụ Quốc đại tướng quân, Đường Quốc Công. Khi Lý Uyên lên bảy, cha mất, đã được thế tập tước hiệu Đường Quốc Công. Lý Uyên là anh em bên ngoài với Tùy Dạng Đế vì Minh Kính Hoàng Hậu của nhà Bắc Châu, Nguyên Trinh Thái Hậu (mẹ đẻ của Lý Uyên) và Văn Hiến Hoàng Hậu (tên thật là Độc Cô Già La, vợ vua Tùy Văn Đế) là con gái đầu, con gái thứ tư và con gái thứ bảy của Độc Cô Tín (một trong tám vị trụ quốc tướng quân của nhà Tây Ngụy). Lý Uyên giết quận thừa Vương Oai vào năm 617, dẫn binh từ Thái Nguyên, xưng là Đường vương và chiếm cứ phía Tây Trung Hoa.

quy chế này vô cùng hoàn mỹ. Mãi cho đến gần đây, xã hội mới hiểu tầm trọng yếu của tái giáo dục. Vì sao? Hiện thời kỹ thuật mỗi tháng, mỗi ngày đều đổi khác, nếu chẳng tiếp nhận tái giáo dục, quý vị sẽ lạc hậu, chẳng có cách nào đuổi kịp. Vì vậy, ở ngoại quốc có nhiều công ty, hằng năm tối thiểu các viên chức phải có một lần được gởi đi huấn luyện nhằm tiếp nhận giáo dục khoa học kỹ thuật mới mẻ thì họ mới có thể đuổi kịp người khác. Từ ba ngàn năm trước, đức Phật đã khởi xướng làm chuyện ấy, tiến hành hoàn mỹ như thế, Phật pháp là như thế đó!

“*Cứ tích thành văn, thường pháp ứng nhĩ*”, hai câu này nghĩa là gì? “*Tích*” (迹) là dấu vết, hình tướng, vì chẳng thể nói tới căn bản, [các vị ấy] căn bản là cổ Phật tái lai hoặc đại Bồ Tát tái lai, chẳng thể nói, nên chúng ta chỉ luận theo dấu vết, hình tướng. Theo mặt dấu vết, hình tướng, các Ngài là ngoại đạo, theo Phật xuất gia, do tôn sư trọng đạo, báo đáp ân thầy, nên vĩnh viễn chẳng rời khỏi, hãy nên biết là như vậy. Đây là đạo thầy trò!

(Sao) Như Trọng Ni chi môn, hiền đạt chi sĩ, cái tam thiên yên.

(鈔) 如仲尼之門，賢達之士，蓋三千焉。

(Sao: Như trong cửa Không, bậc hiền đạt có đến ba ngàn người).

“*Trọng Ni*” là [tên tự của] Không lão phu tử. Không lão phu tử xuất hiện tại phương Đông, ở Trung Quốc, Ngài cũng tiến hành giáo dục giống như Thích Ca Mâu Ni Phật; có thể nói Thích Ca Mâu Ni Phật và Không lão phu tử suốt đời chú trọng tiến hành sự nghiệp giáo dục; nhưng Không lão phu tử là giáo dục bình dân, Thích Ca Mâu Ni Phật tuy là quý tộc, Ngài cũng hạ mình làm bình dân, có thể nói hai vị đều đề xướng giáo dục bình dân. Từ chỗ này, chúng ta nhận biết rõ ràng, Phật giáo là giáo dục của đức Phật, phải nhận thức bản chất rõ ràng. Thế nhưng đức Phật vứt bỏ phú quý, công danh trong nhân gian để xuất gia tu đạo, giáo hóa chúng sanh; còn Không lão phu tử chẳng giống như vậy. Quý vị đọc Luận Ngữ, [sẽ thấy] Không lão phu tử niệm niệm muốn làm quan, mong thực hiện hoài bão chính trị. Ngài đích xác là một người tốt, mong mọi đạt đến mục đích chánh trị đúng lý, đúng pháp. Vì vậy, Ngài đi các nơi du thuyết; nhưng thuở ấy, quốc vương các nước chư hầu đối với Ngài đều kính nhi viễn chi, chẳng dám dùng; vì sao không dám dùng Ngài? Nói thật ra, rất có lý, Ngài rất có khả năng, nhưng sau khi dùng Ngài, sợ Ngài phát động chánh biến đoạt mất chánh quyền, vì dưới tay Không lão phu tử có rất nhiều hiền nhân, nhân tài loại nào cũng đều có. Nói thật sự thì thuở ấy,

Ngài muốn làm chánh biến rất dễ, nhân tài đầy dẫy, nhưng Ngài không dùng thủ đoạn ấy, mà sử dụng phương cách chánh đáng, chẳng dùng thủ đoạn trái với lẽ thường. Ngài muốn nêu gương cho hậu thế, chẳng dùng bạo lực, chẳng dùng thủ đoạn phi pháp để đoạt lấy chánh quyền. Quốc chủ mỗi nước đều chẳng dùng Ngài, chẳng có cách nào, nên Ngài trở về quê nhà, bắt đầu lo giáo dục trên cõi đời, thực hiện công tác giáo dục. Do vậy, giáo dục bình dân là do Khổng lão phu tử đề xướng. Thuở ấy, học trò Ngài có ba ngàn người, ba ngàn người đều là nhân tài.

(Sao) Nhi độc cử thất thập tử giả.

(鈔) 而獨舉七十子者。

(Sao: Nhưng chỉ nhắc tới bảy mươi vị).

Chẳng thường nói tới ba ngàn người, mà thường nhắc đến bảy mươi hai môn đệ của Khổng lão phu tử, tức Thất Thập Nhi Hiền, giống như trong các đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ thường nhắc tới một ngàn hai trăm năm mươi người. Những vị này:

(Sao) Cửu tại Tứ Tân, tương y Trần, Sái, diệc thường tùy cố.

(鈔) 久在泗濱，相依陳蔡，亦常隨故。

(Sao: Ở Tứ Tân đã lâu, nương náu đất Trần, đất Sái, cũng là thường theo thầy).

Bảy mươi hai người ấy của Khổng lão phu tử cũng là thường tùy chúng của Ngài. Tứ Tân⁷³ là nơi Khổng Tử dạy học, thuộc tỉnh Sơn Đông. Hai nước Trần và Sái⁷⁴ là nơi Khổng Tử mắc nạn, họ cùng thầy đồng cam

⁷³ Tứ Tân có nghĩa là bên nước trên sông Tứ, tức thành phố Khúc Phụ, quê hương của Khổng Tử. Sông Tứ, tức Tứ Thủy, là con sông phát nguồn từ núi Mông Sơn tỉnh Sơn Đông, chảy qua các huyện Tứ Thủy, thành phố Khúc Phụ và thành phố Duyện Châu trước khi đổ vào Vận Hà thuộc thành phố Tế Ninh.

⁷⁴ Sái là một nước chư hầu do Châu Vũ Vương (Cơ Phát) phong cho em là Cơ Thúc Độ làm thái ấp, thuộc địa bàn thành phố Trú Mã Điếm tỉnh Hà Nam hiện thời. Sau khi Châu Vũ Vương diệt vua Trụ nhà Ân, đã chia đất Kinh Kỳ (Triều Ca, kinh đô nhà Ân Thương) ra làm ba phần nhằm giám sát con cháu nhà Ân, một phần giao cho Vũ Canh (con Trụ Vương), tức huyện An Dương tỉnh Hà Nam hiện thời, hai phần kia giao Quản Thúc (Cơ Tường) đất Quản, và phần còn lại chính là Thượng Sái (đất Sái). Nước Sái bị nước Sở diệt quốc vào năm 447 trước Công Nguyên (truyền được hai mươi sáu đời vua). Tuy viết là Thái (蔡), nhưng theo Dương Khoan, thời cổ chữ Thái (蔡) và chữ Sái (祭, âm hiện thời là Tế) đồng âm, nên tên nước này luôn đọc là Sái.

cộng khổ húng chịu hoạn nạn, vẫn chẳng rời thầy! Không lão phu tử bị tuyệt lương nơi đất Trần, chẳng có gì ăn! Thánh nhân còn mắc nạn ấy, chúng ta là phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, chịu khổ một chút thì chính mình phải giác ngộ, chớ nên hoài nghi.

Nhị, biểu vị đức.

(Kinh) Giai thị đại A La Hán, chúng sở tri thức.

(Sớ) Thượng cú biểu vị, hạ cú biểu đức. Đại giả, giản dư tiểu Thanh Văn cố.

二表位德。

(經) 皆是大阿羅漢。眾所知識。

(疏) 上句表位，下句表德。大者，揀餘小聲聞故。

(Hai, biểu thị địa vị, phẩm đức.

Kinh: Đều là bậc đại A La Hán, được mọi người hay biết.

Sớ: Câu trên nói về địa vị. câu dưới biểu thị đức. Đại là phân biệt [các Ngài] chẳng phải là hàng Thanh Văn Tiểu Thừa nào khác).

Câu trên biểu thị địa vị, câu dưới biểu thị phẩm đức. Những vị ấy là hạng người nào? Đều là đại A La Hán. Đại A La Hán và A La Hán thông thường khác nhau. Đại là đối với Tiểu mà nói, họ là Đại Thừa A La Hán, chẳng phải là Tiểu Thừa A La Hán. Tiểu Thừa A La Hán chỉ cần đoạn Kiến Tư phiền não là được, Đại Thừa A La Hán gần như là nhanh chóng đoạn sạch vô minh. Chúng ta giải thích chữ A La Hán trước.

(Sớ) Phạn ngữ A La Hán, thử hữu tam nghĩa: Nhất, Ứng Cúng; nhị, Sát Tặc; tam, Vô Sanh.

(疏) 梵語阿羅漢，此有三義：一應供，二殺賊，三無生。

Nước Trần thuộc huyện Hoài Dương, tỉnh Hà Nam hiện thời. Hồ Công Mãn (hậu duệ của vua Thuấn) là quan Đào Chánh (quản lý việc chế tác đồ sành sứ) của Châu Văn Vương. Khi Châu Vũ Vương diệt Trụ, đã phong đất Trần cho Hồ Công Mãn, và đổi họ theo tên đất nên gọi là Trần Mãn. Trần Mãn được coi là thi tổ của hai họ Trần và Hồ tại Trung Hoa. Nước Trần bị Sở Huệ Vương diệt quốc vào năm 479 trước Công Nguyên, truyền được hai mươi lăm đời vua. Hậu duệ của công tử Hoàn nước Trần đã thiên di sang Tề, đổi thành Điền (thời cổ Điền và Trần đồng âm), sau này vào năm 386 trước Công Nguyên đã diệt họ Khương, trở thành vua nước Tề. Khổng Tử bị vây hãm giữa biên giới Trần và Sái, không có gì ăn suốt mười ngày liền.

(*Sớ: Tiếng Phạn A La Hán, ở đây có ba nghĩa: Một là Ứng Cúng; hai là Sát Tặc; ba là Vô Sanh*).

Trong từ ngữ tiếng Phạn A La Hán (Arhat) bao hàm ba ý nghĩa. Ý nghĩa thứ nhất là Ứng Cúng. “Ứng” là đáng nên, tức là xứng đáng tiếp nhận đại chúng cúng dường. Ngài đáng nên tiếp nhận, vì sao đáng nên tiếp nhận? Do trong đại chúng, Ngài mang thân phận là thầy, nên học trò cúng dường thầy, thầy cũng nên tiếp nhận sự cúng dường của học trò. Vì thầy theo đuổi công tác giáo dục, chẳng theo đuổi sản xuất, chẳng làm công việc kiếm lời, vậy thì Ngài sống bằng cách nào? Phải cậy vào người khác cúng dường. Sự cúng dường ấy cũng chẳng phong phú cho lắm. Bởi lẽ, từ xưa tới nay, Ấn Độ cũng vậy, mà Trung Quốc cũng thế, những người đọc sách đều thanh bần, vì họ chẳng có công việc sanh lợi. Người xuất gia xưng “*bần tăng*” vì họ thanh bần, tâm đặt nơi đạo. Nếu người ấy giàu có, tâm sẽ chẳng nghĩ đến đạo, tâm sẽ lo hưởng thụ ngũ dục, lục trần. Người đọc sách trong thế gian cũng giống như vậy, nếu họ giàu có, nhất định học vấn bị lui sụt. Thanh bần thì học vấn, đạo đức nhất định thanh cao. [Thế gian thường nói] “*thanh bần, trọc phú*”, rất có lý! Ứng Cúng là đáng nên tiếp nhận đại chúng cúng dường, khiến cho cuộc sống chẳng đến nỗi thiếu thốn.

Ý nghĩa thứ hai là Sát Tặc (giết giặc), sát tặc nghĩa là gì? Chữ “*tặc*” chỉ phiền não. Có những kẻ thấy từ ngữ này, [hiểu lầm] A La Hán vẫn khai sát giới ư? Nhà Phật dạy chẳng sát sanh, mà A La Hán khai sát giới, [hiểu như vậy] là sai lầm. Vì phiền não có thể phá hoại tự tánh công đức của chúng ta, giống như giặc. Đoạn phiền não là ý nghĩa “*sát tặc*”.

Ý nghĩa thứ ba là Vô Sanh, Vô Sanh là thật sự chứng đắc bất sanh bất diệt. Chúng ta thường nói “*liễu sanh tử, thoát tam giới*”, Ngài thật sự làm được. Còn có một ý nghĩa khác, mà ở đây không nói tới, đó là Vô Học. Vô Học là đã tốt nghiệp, những thứ phải học Ngài đã học xong, chẳng còn học nữa, tốt nghiệp rồi. Giống như A La Hán được gọi là Vô Học, [sở học của] các Ngài có Đại Thừa và Tiểu Thừa. Đối với Tiểu Thừa, thông thường chúng ta nói [Vô Học] là Tứ Quả La Hán, đối với Đại Thừa, [Vô Học] là Pháp Vân Địa Bồ Tát, tức Thập Địa Bồ Tát, Ngài cũng học xong rồi, lên cao hơn nữa là Đẳng Giác, chẳng khác Phật cho lắm, là hậu bồ Phật. Vì thế, Đại Thừa Thập Địa Bồ Tát được gọi là Đại A La Hán. Ở đây, xét về hình tích các Ngài là Tiểu Thừa A La Hán, trên thực tế, đều là Đại Bồ Tát tái lai, đều là Đại Thừa A La Hán! Nói cách khác, đây là ngầm

dạy chúng ta các Ngài đều là Thập Địa Bồ Tát tái lai, chẳng phải là kẻ tâm thường.

(Sớ) Tức tiền khát sĩ, bố ma, phá ác quả dã.

(疏) 即前乞士怖魔破惡果也。

(Sớ: Tức là quả của khát sĩ, bố ma và phá ác trong phần trên).

A La Hán là quả, tỳ-kheo là nhân. Tỳ-kheo tu nhân, tại nhân địa gọi là Khát Sĩ, nơi quả địa gọi là Ứng Cúng. Nơi nhân địa là Phá Ác, nơi quả địa là Vô Sanh. Nơi nhân địa là Bố Ma, nơi quả địa là Sát Tặc. Đây là nhìn từ phương diện nhân và quả.

(Sớ) Tri thức giả, văn danh khâm đức viết Tri, đồ hình kính phụng viết Thức. Nhất vân kiến hình vi Tri, kiến tâm vi Thức; nhất vân Tri tức thị Thức, diệc khả chúng trung tri thức, vị chúng đạo cố.

(疏) 知識者，聞名欽德曰知，睹形敬奉曰識。一云見形為知，見心為識；一云知即是識，亦可眾中知識，為眾導故。

(Sớ: “Tri thức”: Nghe tiếng kính trọng, ngưỡng mộ đức là Tri, thấy mặt kính trọng, phụng sự là Thức. Có người nói thấy mặt là Tri, biết tâm là Thức; có người nói Tri chính là Thức, cũng có thể nói là bậc tri thức trong đại chúng, hướng dẫn đại chúng vậy).

Đây là giảng rõ [ý nghĩa của từ ngữ] “chúng sở tri thức”.

(Sao) Giản dư giả.

(鈔) 揀餘者。

(Sao: Phân biệt với những người khác).

“Giản” là tách biệt.

(Sao) Sơ Quả chí Tứ Quả.

(鈔) 初果至四果。

(Sao: Từ Sơ Quả cho đến Tứ Quả).

Nói về Tiêu Thừa.

(Sao) Giai Thanh Văn vị.

(鈔) 皆聲聞位。

(Sao: Đều thuộc địa vị Thanh Văn).

Thanh Văn là Tiểu Thừa.

(Sao) Kim viết Đại A La Hán giả, biểu thị Tứ Quả Thanh Văn dã.

(鈔) 今日大阿羅漢者，表是四果聲聞也。

(Sao: Nay nói là Đại A La Hán, nhằm biểu thị Tứ Quả Thanh Văn).

Cách nói này hoàn toàn luận theo tướng, nói theo dấu tích. Vì Sơ Quả cũng xưng là La Hán, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả đều xưng là La Hán. Trong Tiểu Thừa, xưng là Đại A La Hán chỉ là Tứ Quả; từ Tam Quả trở xuống đều chẳng thể xưng là Đại A La Hán. Nhằm tách biệt chữ Đại này với chữ Đại được giảng trong phần trước, vì trong phần trước đã nói “*Đại giả, giản dư tiểu Thanh Văn cố*” (Đại nhằm phân biệt chẳng phải là Thanh Văn Tiểu Thừa). Nếu là “*Đại, nhằm tách biệt chẳng phải là Tiểu*” sẽ là thuần túy Đại Thừa. Vì vậy, ý nghĩa [của chữ Đại được hiểu khác nhau] tùy thuộc nói theo Bản hay nói theo Tích (dấu vết), vừa nhìn sẽ hiểu rõ ngay!

(Sao) Ứng Cúng giả, phạm phu vô đức.

(鈔) 應供者，凡夫無德。

(Sao: Ứng Cúng: Phạm phu thiếu đức).

Chẳng dám xưng là Ứng Cúng.

(Sao) Tiền tam quả hữu đức nhi vị đại.

(鈔) 前三果有德而未大。

(Sao: Ba quả trước có đức, nhưng đức chưa to lớn).

Từ Sơ Quả tới Tam Quả có đức, nhưng đức vẫn chưa đủ, cũng không dám xưng là Ứng Cúng.

(Sao) Kim phạm hạnh dĩ lập, siêu xuất tam giới, ưng thọ nhân thiên cúng dường cố.

(鈔) 今梵行已立，超出三界，應受人天供養故。

(Sao: Nay do phạm hạnh đã lập, vượt thoát tam giới, đáng nên nhận lãnh sự cúng dường của trời người).

Đạt tới Tứ Quả La Hán, đích xác đã vượt thoát tam giới; khi ấy, đức hạnh đầy đủ, có tư cách tiếp nhận sự cúng dường của trời, người.

(Sao) Câu Xá vân.

(鈔) 俱舍云。

(Sao: Luận Câu Xá nói).

Câu Xá Luận⁷⁵ có nói.

(Sao) Cúng dường A La Hán, đặc hiện tại phước báo, thị nhân thiên thực phước chi lương điền.

(鈔) 供養阿羅漢，得現在福報，是人天植福之良田。

(Sao: Cúng dường A La Hán, đặc phước báo trong hiện tại, [vì A La Hán] là ruộng tốt lành để trời người gieo phước).

Cúng dường A La Hán được phước báo trong hiện tại, phước ấy do đâu mà có? Vì sao chúng ta cúng dường Ngài sẽ được phước báo? Cúng dường người khác chúng ta chẳng có phước báo ư? Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Chúng ta cúng dường A La Hán, A La Hán sẽ trụ ở chỗ chúng ta, chẳng thể bỏ đi. Ngài trụ tại nơi này, đương nhiên sẽ giáo hóa ở nơi này, người ở nơi này được phước báo, chúng ta là người cúng dường cũng được hưởng phước báo. Chúng ta cũng được hưởng lây công đức giáo hóa của A La Hán ở nơi này, giống như chính chúng ta giáo hóa vậy. Chúng tôi nêu một tỷ dụ để nói: Tại Trung Quốc, Khổng lão phu tử là thánh nhân. Ngoài Khổng lão phu tử ra, còn có một vị thánh nhân nữa, ai vậy? Vũ Huấn⁷⁶ là thánh nhân. Vũ Huấn đi xin ăn, mà là đại thánh nhân! Ông ta có

⁷⁵ Câu Xá Luận, gọi đầy đủ là A Tỳ Đàm Đạt Ma Câu Xá Luận (Abhidharma-kosa), do ngài Thế Thân biên soạn, gồm ba mươi quyển. Bộ luận này được dịch hai lần, lần thứ nhất bởi ngài Chân Đế dưới đời Trần, với danh xưng A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận Thích; lần thứ hai do ngài Huyền Trang dịch với tựa đề A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận. Bản dịch của ngài Huyền Trang đầy đủ, dễ đọc hơn. Tác phẩm này có nội dung rất rộng, bao gồm nội dung của các bộ Phát Trí Luận, Lục Túc Luận, Đại Tỳ Bà Sa Luận v.v... trước đó, nên có mỹ danh là Thông Minh luận.

⁷⁶ Vũ Huấn (1838-1896), quê ở trấn Liễu Lâm, huyện Đường Ấp, tỉnh Sơn Đông, gia cảnh bần khổ. Do là con thứ bảy trong gia đình nên còn gọi là Vũ Thất, về sau đổi tên

công đức chẳng khác Không lão phu tử. Không lão phu tử suốt đời giáo hóa chúng sanh, bản thân Vũ Huấn thất học, chưa hề đi học, nhưng chính mình hiểu tầm trọng yếu của giáo dục, đi khắp nơi ăn xin, để dành tiền nhằm thỉnh những vị thầy giáo giỏi lo dạy dỗ. Học trò được giáo hóa, kiến công, lập nghiệp, ai dạy họ? Chính là Vũ Huấn dạy, đây là một người phi phạm!

Một vị thiện tri thức chân chánh ở nơi này chẳng có ai cúng dường, cuộc sống bị trở ngại, Ngài không thể làm gì khác hơn là đến nơi khác; nơi nào có người cúng dường Ngài, Ngài ở nơi ấy giáo hóa chúng sanh, đây là đạo lý nhất định, tùy duyên, nhưng chẳng phan duyên. Vì thế, quý vị cúng dường một vị thiện tri thức, vị thiện tri thức ấy giáo hóa chúng sanh, công đức sẽ giống như chính quý vị làm, chẳng khác gì! Như trong hiện tại, rất nhiều trường học của tư nhân, người quản lý nhà trường trọn chẳng lên lớp, đồng sự của đồng sự hội (board of directors) và đồng sự trưởng chẳng lên lớp, nhưng họ mời hiệu trưởng, giáo viên, công đức giáo dục thuộc về ai? Đồng sự hội! Họ tiến hành, họ hướng dẫn, giáo hóa chúng sanh. Nhất định phải hiểu rõ đạo ý này.

Thuở ấy, tăng đoàn của đức Phật lớn như thế, mỗi khi đến một nơi nào đó, công tác tiếp đãi hết sức nặng nề, một ngàn người mà! Com ăn do

là Vũ Huấn. Ông cả đời đi ăn mày, dành dụm mở trường học, nên được triều đình biểu dương. Cha mất lúc mới tròn năm tuổi, phải ăn xin qua ngày, ông thêm đi học, nhưng chẳng bao giờ có dịp, vì thế, luôn áp ủ chí hưng học, mở trường học cho người nghèo. Ông tự học, kinh doanh và tiếp tục đi xin, tựu được 230 mẫu ruộng để làm học điền nhằm chi trả tiền mời giáo viên và cung cấp cái ăn cho học trò, mở trường gọi là Sùng Hiền Nghĩa Thục. Điều đáng cảm động là ông đến tận cửa các vị tiến sĩ, cử nhân trong vùng quy thỉnh cầu mãi cho đến khi họ nhận lời dạy. Để khuyến khích trẻ em nghèo đi học, ông không nề hà đến từng nhà quý trước cửa xin họ cho con em đi học. Năm 1890, ông lập ngôi trường thứ hai, năm 1896, ông lập ngôi trường thứ ba mang tên Ngự Sử Càng Nghĩa Thục. Mỗi năm vào ngày khai giảng, ông đích thân lạy tất cả giáo viên và học sinh. Tuy có tiền, ông sống rất lam lũ, toàn tâm toàn ý lo cho việc học. Khi ông mất, cả vạn người đến phúng viếng. Sức cảm hóa của ông rất lớn, Tuần Vũ Sơn Đông là Trương Diệu đã hạ lệnh miễn thuế các mẫu ruộng học điền, còn đích thân quyên tặng 200 lượng bạc. Vua Quang Tự ban tặng bốn chữ Nghĩa Học Học Chánh, ban hoàng mã quái (áo ngắn bằng lụa màu vàng, không tay mặc ra ngoài trường sam), lập bia Nhạo Thiện Hảo Thí. Tuy vậy, năm 1951, trong nỗ lực xóa sạch mọi “tàn dư Khổng học, văn hóa phong kiến”, Mao Trạch Đông phê phán Vũ Huấn, cộng thêm sự sách động xuất phát từ lòng căm ghét, hằn học của Giang Thanh (vợ Mao Trạch Đông), dẫn tới sự kiện Hồng Vệ Binh quật mộ ông, kéo xác lê khắp đường phố, đá đảo, phê bình, đấu tố, rồi đốt thành tro. Mãi tới năm 1985, chính quyền Hoa Lục mới phục hồi danh dự cho Vũ Huấn.

khất thực, khất thực cũng phải tuyên truyền. Các Ngài đi khất thực, chúng ta phải cúng dường Ngài. Nếu người ta chẳng biết các Ngài đi khất thực, mọi người chẳng biết cúng dường, các Ngài chẳng thể trụ tại nơi này. Nơi cư trụ còn phải to dường ấy, có thể dung nạp hơn một ngàn người, như vậy thì đức Phật và các đệ tử mới an trụ, ở nơi ấy, Ngài mới có thời gian giảng kinh, thuyết pháp. Giảng kinh, thuyết pháp nơi nào, nơi ấy có phước báo. Đây là lý do vì sao cúng dường A La Hán được phước báo trong hiện tại, A La Hán là phước điền của trời, người.

(Sao) Thọ thí vô tâm, cố viết Ứng Cúng.

(鈔) 受施無慚，故曰應供。

(Sao: Nhận bố thí không thẹn, nên gọi là Ứng Cúng).

Khi tiếp nhận, Ngài tâm an lý đắc, vật [cúng dường] ấy đáng nên tiếp nhận. Đó là ý nghĩa của chữ Ứng Cúng.

(Sao) Thỉ yên trì bát, kỳ phước chúng sanh, kim dĩ chứng đạo, lý ưng thọ cúng, vân Khất Sĩ quả dã.

(鈔) 始焉持鉢，期福眾生，今已證道，理應受供，云乞士果也。

(Sao: Thoạt đầu là khất thực để chúng sanh cầu phước, nay đã chứng đạo, theo đúng lẽ nên tiếp nhận cúng dường, nên nói [Ứng Cúng] là quả của Khất Sĩ).

Thoạt đầu, lúc Ngài xuất gia, mỗi ngày đi khất thực từng nhà, nhằm mục đích mong cho chúng sanh được phước; nay đã tu hành chứng quả, nói theo Lý phải nên tiếp nhận sự cúng dường của đại chúng. Cúng dường cũng chỉ giới hạn trong tứ sự, phải chú ý điều này. “Tứ sự” là ẩm thực, y phục, ngọa cụ, y dược; khi có bệnh bèn tiếp nhận cúng dường thuốc men. Ứng Cúng cũng là đáng nên tiếp nhận bốn thứ cúng dường ấy, nhưng nhất quyết chẳng được hưởng thụ xa xỉ quá lố, đó là sai lầm, không thể được! Đương nhiên trong thời cận đại, mức sống vật chất của chúng ta mỗi ngày một nâng cao hơn, cúng dường thiện tri thức khiến cho Ngài tiếp cận mức sống ấy thì cũng chấp nhận được, nhưng chắc chắn chẳng thể vượt hơn; hễ vượt hơn sẽ là chẳng đúng pháp. Đây là nói về quả Khất Sĩ.

(Sao) Nhiên Phật diệc danh Ứng Cúng.

(鈔) 然佛亦名應供。

(Sao: Nhưng Phật cũng gọi là Ứng Cúng).

Trong mười hiệu của Phật, có một hiệu là Ứng Cúng.

(Sao) La Hán cục w nhân thiên.

(鈔) 羅漢局於人天。

(Sao: La Hán hạn cuộc trong trời người).

Sự Ứng Cúng của A La Hán chỉ là nói [trong phạm vi] nhân thiên, đáng nên tiếp nhận sự cúng dường của nhân thiên.

(Sao) Phật, tặc nhân, thiên, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát sở ứng cúng dã.

(鈔) 佛，則人天聲聞緣覺菩薩所應供也。

(Sao: Phật là bậc đáng nên được trời, người, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát cúng dường).

Phật đáng nên tiếp nhận sự cúng dường của đại chúng, phạm vi rộng lớn. Thanh Văn, Duyên Giác cúng dường Ngài, Phật đáng nên tiếp nhận; Đẳng Giác Bồ Tát cúng dường Phật, Phật cũng đáng nên tiếp nhận, phạm vi [cúng dường] rộng lớn [hơn so với A La Hán].

(Sao) Sát Tặc giả.

(鈔) 殺賊者。

(Sao: Sát Tặc là...)

Giặc gì vậy? Giặc phiền não.

(Sao) Phiền não kiếp công đức tài, thương trí huệ mạng.

(鈔) 煩惱劫功德財，傷智慧命。

(Sao: Phiền não cướp đoạt của cải công đức, tổn thương trí huệ mạng).

Sở dĩ sánh ví phiền não với giặc là do thân đầy phiền não, chúng ta chẳng có công đức; phiền não là gì? Tham, sân, si, mạn, nghi, Kiến Tư phiền não là kiến giải và tư tưởng sai lầm; nói tóm lại là như đức Phật thường nói “*phân biệt, chấp trước, vọng tưởng*”, đấy là phiền não. Công

đức là thứ vốn có sẵn, vốn trọn đủ trong bốn tánh của chúng ta, vốn sẵn đầy đủ. Trong Chân Như bốn tánh của chúng ta có vô lượng trí huệ, vô lượng công đức, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, y báo và chánh báo trang nghiêm, chẳng thiếu thứ gì! Thuở ấy, khi Lục Tổ chứng đắc tự tánh, tự tánh là chân tâm, khi chân tâm hiện tiền, khởi tác dụng bèn gọi là “minh tâm kiến tánh”, chân tâm khởi tác dụng. Nay cái tâm chúng ta đang dùng là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm, vì sao? Trong chân tâm không có ý niệm, chúng ta có ý niệm, suốt ngày khởi tâm động niệm, đấy chẳng phải là chân tâm. Do vậy, trong chân tâm có vô lượng trí huệ, vô lượng công đức.

Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật có nói: *“Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*, chẳng khác gì Phật! Do vậy, chúng sanh và Phật bình đẳng, nhưng trí huệ và đức tướng của Phật đều khởi tác dụng, chúng sanh tuy có, nhưng chẳng khởi tác dụng, vì sao chẳng khởi tác dụng? Đức Phật nói rất minh bạch, *“chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc”*. Quý vị thấy một lời đã nói toạc ra, chúng ta đáng thương! Chưống ngại ấy chẳng phải do bên ngoài mà có, mà do chính bản thân quý vị, tự làm, tự chịu, ai khiến quý vị dấy vọng tưởng? Ai bảo quý vị phân biệt, chấp trước? Quý vị phân biệt, chấp trước, dấy vọng tưởng, cho nên trí huệ và công đức trong bốn tánh chẳng thể hiện tiền. Vọng tưởng, chấp trước là phiền não, cho nên nó *“cuớp đoạt công đức”*, đoạt mất công đức trong bốn tánh, *“tôn thương trí huệ mạng”*, vô lượng trí huệ chẳng thể hiện tiền, chúng ta phạm lỗi ở chỗ này!

Nói thật sự thì học Phật là học gì? Phá chấp trước mà thôi! Phá Nhân Ngã Chấp sẽ chứng Tiểu Thừa A La Hán. Phá Pháp Ngã Chấp, bèn chứng Đại Thừa A La Hán, phá chấp trước. Phật pháp từ đầu tới cuối là phá chấp trước, hết thấy chấp trước, vọng tưởng đều hết sạch, bèn minh tâm kiến tánh, khôi phục tự tánh. Khi Lục Tổ khai ngộ đã nói: *“Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn thanh tịnh”*, tự tánh là chân tâm của chúng ta. Nào ngờ chân tâm vốn thanh tịnh, trước nay cũng chưa hề ô nhiễm! *“Nào ngờ tự tánh, vốn trọn đủ”*, chẳng thiếu thứ gì, trí huệ và phước báo thứ gì cũng đầy đủ. *“Nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp”*, thế giới Sa Bà do tự tánh biến hiện, thế giới Cực Lạc cũng do tự tánh biến hiện. Tự tánh là năng biến, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là sở biến. Chúng ta chẳng hiểu rõ lý này, sẽ không có cách nào tu được, bất luận tu ra sao, chắc chắn chẳng đắc lực; hiểu rõ đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật này, công phu tu hành của chúng ta sẽ đắc lực.

Công phu ở chỗ nào? Phá chấp trước mà thôi, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, chẳng vọng tưởng. Trong cảnh giới ấy, pháp nào cũng đều là chân, đó gọi là “*Thật Tướng của các pháp*”. Thật Tướng của các pháp là Nhất Chân pháp giới, trong Tịnh Độ gọi là Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Thật Báo Trang Nghiêm Độ ở chỗ nào? Ở ngay trước mắt, quý vị rời khỏi hết thảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, nó sẽ ở ngay trước mắt. Hễ có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, Thật Báo Trang Nghiêm Độ biến thành Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Trong một niệm, chúng ta khởi lên vọng niệm, Nhất Chân pháp giới sẽ biến thành mười pháp giới, lỗi lầm ở nơi chính mình. Vì thế, Phật và đại Bồ Tát trụ trong Nhất Chân pháp giới, chúng ta là kẻ khởi tâm động niệm trụ trong mười pháp giới.

Sự nhiệm mầu và thù thắng của Cực Lạc Tịnh Độ ở chỗ nào? Khiến cho phàm phu chúng ta là kẻ chưa đoạn phân biệt, vọng tưởng, cũng trụ trong Nhất Chân pháp giới, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Trong các thế giới của mười phương chư Phật không có điều này, chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có, thù thắng ở chỗ này. Chuyện này chúng ta lưu lại đề sau này sẽ thảo luận tỉ mỉ trong kinh Vô Lượng Thọ, thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, mười phương chư Phật tán thán, mười phương chư Phật khuyên tu, đạo lý ở chỗ này, chớ nên không biết.

(Sao) Tiên tam quả Kiến Hoặc tuy đoạn, Tư Hoặc thượng tôn, kim đoạn Tư Hoặc thất thập nhị phẩm câu tận, như loạn lưu tất diệt, thiên hạ thái bình, cố viết Sát Tặc. Thử yên dĩ ác vi địch, kim ác dĩ diệt, vân Pháp Ác quả dã.

(鈔)前三果見惑雖斷，思惑尚存，今斷思惑七十二品俱盡，如亂流悉殄，天下太平，故曰殺賊。始焉以惡為敵，今惡已滅，云破惡果也。

(Sao: Ba quả trước (Sơ Quả cho đến Tam Quả) tuy đoạn Kiến Hoặc, nhưng Tư Hoặc vẫn còn. Nay bảy mươi hai phẩm Tư Hoặc đều đoạn sạch, như diệt hết phùng làm loạn, thiên hạ thái bình, nên nói là Sát Tặc. Thoạt đầu, coi những điều ác là địch, nay ác đã diệt, nên nói [Sát Tặc] là quả của sự phá ác).

Đây là giảng giải rõ ràng ý nghĩa chữ Sát Tặc. “*Thất thập nhị phẩm*”: Tam giới cửu địa có tất cả tám mươi một phẩm Tư Hoặc; Nhị Quả đoạn sáu phẩm đầu trong Dục Giới, Tam Quả đoạn ba phẩm sau trong

Dục Giới; do vậy, còn sót lại bảy mươi hai phẩm. Sau khi chứng đắc Tam Quả, phải đoạn sạch bảy mươi hai phẩm ấy. Bảy mươi hai phẩm ấy thuộc về Sắc Giới và Vô Sắc Giới, Dục Giới chỉ có chín phẩm. Do vậy, các Ngài đã đoạn [Tur Hoặc trong] Dục Giới, chứng đệ Tam Quả. Tam Quả gọi là Bất Lai, chẳng đến Dục Giới nữa, cái nhân Dục Giới chẳng còn! Ngài chỉ ở trong hai giới là Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Nếu lợi căn, Ngài sẽ trụ trong Tứ Thiên Thiên của Sắc Giới Thiên, [Tur Hoặc] thấy đều đoạn sạch, sẽ được vượt thoát. Nếu căn tánh độn một chút, Ngài vẫn phải sanh vào Tứ Không Thiên, tức là đến Vô Sắc Giới mới có thể đoạn hết, mới vượt thoát; nhưng tuyệt đối sẽ chẳng sanh trở lại Dục Giới. Đây là nói bảy mươi hai phẩm Tur Hoặc đều phải đoạn sạch.

Câu tiếp theo đó là tử dụ, “*loạn lưu tất diệt*”. “*Diễn*” (殄) là diệt, diệt sạch, thấy đều tiêu diệt, thiên hạ thái bình. Giống như đạo tặc bị bình định, tiêu diệt, nay thiên hạ thái bình, ví như giết giặc. “*Thĩ yên dĩ ác vi địch*” (thoạt đầu coi những điều ác như địch), lúc vừa mới xuất gia, chúng ta phải phá ác, nay ác đã phá hết, cho nên Sát Tặc là quả của Phá Ác.

(Sao) Vô sanh giả, phàm phu sanh tử vô lượng.

(鈔) 無生者，凡夫生死無量。

(Sao: Vô sanh: Phàm phu sanh tử vô lượng).

Từ vô lượng kiếp đến nay luân hồi, sanh sanh tử tử trong lục đạo, thoát chìm, thoát nổi. Kinh Phật dạy chúng ta phải giác ngộ, chớ nên ơ hờ, coi thường, chỉ cần là chúng sanh trong lục đạo, nhất định là thời gian trong ba ác đạo lâu dài, thời gian trong ba thiện đạo ngắn ngủi. Nếu quý vị không tin, hãy suy nghĩ: Từ sáng đến tối, trong ý niệm của chúng ta, ác niệm nhiều hay thiện niệm nhiều? Sẽ hiểu rõ ngay! Nếu ác niệm nhiều, đương nhiên thời gian trong tam ác đạo sẽ dài. Nếu thiện niệm nhiều, thời gian trong tam thiện đạo sẽ dài. Từ sáng đến tối, từ mùng Một đến Ba Mươi, từ tháng Giêng đến tháng Chạp, quý vị hãy nghĩ xem, so sánh giữa thiện niệm và ác niệm, sẽ tin tưởng lời Phật chẳng sai, quả thật là thời gian ở trong tam ác đạo dài lâu!

Không thoát khỏi luân hồi thì địa ngục và ngạ quỷ là quê nhà của chúng ta. Nay chúng ta sanh trong nhân gian, hay lên cõi trời đi dạo một phen, đó là đi du lịch, sau một vài ngày lại phải trở về! Điều này quả thật đáng sợ. Do vậy, phải giác ngộ, giác ngộ là giác ngộ điều này! Nay chúng ta rất may mắn sanh trong nhân gian, được làm thân người, tức là đi viễn cảnh, thời gian rất ngắn ngủi, tạm bợ, đi viễn cảnh nhằm hiểu rõ tình hình

bên ngoài rồi phải ngay lập tức bỏ đi, đừng nên trở lại! Quay trở lại là ngu si! Do vậy, có cơ duyên này, phải nghĩ cách thoát ly biển khổ, thoát ly luân hồi.

Nói tới thoát ly luân hồi, nói thực ra, Phật pháp quả thật có thể giúp đỡ, nhưng khiến cho thoát ly luân hồi ngay trong đời này, trừ pháp môn này ra, bất luận pháp môn nào khác cũng đều làm không được, quý vị phải thật sự giác ngộ điều ấy. Nếu quý vị nghĩ còn có pháp môn nào khác làm được, vậy là quý vị dấy vọng tưởng, nhất định sẽ bỏ lỡ một đời này. Pháp môn này là “*tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ*”, chỉ có một cách này. Đó là nói phàm phu sanh tử vô lượng, phải thật sự giác ngộ.

(Sao) Sơ Quả thất phản sanh tử, Nhị Quả nhất sanh Dục Giới, Tam Quả bất lai Dục Giới, do sanh Sắc Giới.

(鈔)初果七返生死，二果一生欲界，三果不來欲界，猶生色界。

(Sao: Sơ Quả bảy lần sanh tử, Nhị Quả một lần sanh trong Dục Giới, Tam Quả chẳng sanh vào Dục Giới, nhưng vẫn sanh trong Sắc Giới).

Nói tới tu hành thì nói thật ra, các đồng tu chúng ta đang hiện diện thật giống như đã được đức Phật thọ ký, chúng ta đều đã nhiều đời nhiều kiếp thân cận vô lượng chư Phật, vì sao? Nếu quý vị không nhiều đời nhiều kiếp thân cận vô lượng chư Phật, sẽ chẳng gặp được nhân duyên này trong đời này, sẽ chẳng được nghe kinh này. Nhân duyên ấy thù thắng, từ vô lượng kiếp đến nay, quý vị đời đời kiếp kiếp đều học Phật, đều niệm Phật, nhưng chưa thể vãng sanh thành công. Nếu vãng sanh thành công, quý vị sẽ chẳng đến đây. Nay quý vị lại đến cõi này, có thể thấy quý vị chưa thể vãng sanh. Vì sao chưa thể vãng sanh? Một phẩm Kiến Tư phiền não vẫn chưa đoạn; tuy niệm Phật, công phu chẳng đặc lực, phải giác ngộ điều này. Vì thế, tu hành chẳng phải là nói mỗi ngày ta niệm kinh, mỗi ngày ta niệm bao nhiêu câu Phật hiệu, vô dụng! Truy đánh niệm Phật cũng vô dụng. Phải sửa đổi tập khí, sửa khuyết điểm, sửa đổi tâm lý thì mới hữu dụng!

Chúng ta niệm Phật nhằm mục đích nào? Niệm cho cái tâm của chính mình thanh tịnh, niệm Phật nhằm mục đích ấy. Công phu bước đầu chúng ta phải đạt là “*công phu thành phiền*”. Nói “*thành phiền*” nghĩa là chúng ta không có vọng niệm; hễ ý niệm vừa dấy lên bèn “*A Di Đà Phật*” để chế ngự, công phu chế phục phiền não ấy gọi là công phu thành phiền.

Thành tựu công phu ấy sẽ đời nghiệp vãng sanh, sanh vào Phạm Thánh Đòng Cư Độ. Nay chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối vẫn có nhiều ý niệm dưng ấy, trọn chẳng giảm ít; nói cách khác, niệm Phật là niệm suông, chẳng đặc lực, chẳng thể liễu sanh tử, chẳng thể vãng sanh, mọi người phải nhớ kỹ! Nếu muốn thật sự nắm chắc vãng sanh, quý vị phải niệm sao cho có thể thật sự chế ngự vọng niệm, chẳng có vọng niệm. Nếu đoạn được vọng niệm, sẽ đặc nhất tâm bất loạn, đó là Sự nhất tâm bất loạn, sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư của Tây Phương Cực Lạc thế giới, địa vị ấy cao lắm. Nếu công phu tốt đẹp hơn, niệm đến khi trí huệ khai. Thông thường, nói đến “khai ngộ” chính là phá một phẩm vô minh, chứng một phần chân tâm, chân tâm xuất hiện. Sự nhất tâm là Định, Lý nhất tâm là Huệ, từ trong Định khai trí huệ, người vãng sanh ấy sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm; vì thế, chúng ta niệm Phật nhằm mục đích ấy.

Chẳng phải là nói ta mỗi ngày niệm mười vạn tiếng, niệm hai chục vạn tiếng cũng vô dụng! Chẳng do điều đó, chẳng do niệm nhiều hay ít! Nếu câu Phật hiệu nào cũng đều có sức mạnh, có thể chế ngự phiền não, có thể hoán đổi ý niệm của quý vị thì tất cả ý niệm sẽ đổi thành A Di Đà Phật. Quý vị thật sự làm được điều này, thiên hạ thái bình, chẳng có chuyện gì! Ý niệm vừa mới dấy lên, A Di Đà Phật, niệm niệm đều là A Di Đà Phật, lẽ nào thiên hạ chẳng thái bình hay sao? Đó là biết niệm Phật, niệm Phật là niệm theo cách ấy. Niệm cách ấy mới đặc lực, mong mọi người hãy lưu ý. Nếu lại làm lẫn, chúng ta lại bỏ lỡ đời này, rất đáng tiếc! Chẳng dễ gì được làm thân người, gặp gỡ chánh pháp càng khó hơn nữa, pháp môn này khó gặp, chẳng dễ gì gặp được! Nhất là trong đạo tràng này, có thời gian để thảo luận căn kẽ, thật sự khó có. Chúng tôi ra ngoại quốc, thời gian đều rất ngắn ngủi, một tuần hay mười ngày, quý vị nghĩ xem giảng được bao nhiêu? Giảng chẳng được bao nhiêu! Đó là vì người nơi ấy phước đức và nhân duyên chẳng đủ. Hiện nay, trên cả thế giới, Phật giáo tại Đài Loan là bậc nhất, mọi người công nhận, các vị lão pháp sư đều công nhận. Khi tôi gặp pháp sư Diễn Bồi ở Tân Gia Ba, pháp sư Diễn Bồi thừa nhận Đài Loan là bậc nhất, chẳng cần phải bàn cãi gì nữa! Mong mỗi các đồng học chúng ta hãy sót sáng, nỗ lực, khiến cho câu Phật hiệu nào cũng đều có thể đặc lực. Như vậy thì chúng ta sẽ thành tựu trong đời này, sẽ chẳng phải trở lại [thế gian này] lần nữa!

“*Sơ Quả thất phẩm sanh tử*” là nói về Sơ Quả Tu Đà Hoàn, Ngài đã đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới. Kiến Hoặc là kiến giải sai lầm. Ngài không có kiến giải sai lầm, Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến, thầy đều đoạn sạch, đây là mới chúng

đắc Sơ Quả. Sau khi chứng đắc Sơ Quả, đã được đảm bảo, vì sao? Ngài chẳng còn thoái chuyển, Vị Bất Thoái, tuyệt đối chẳng đọa xuống phàm phu. Tuy chưa thoát khỏi tam giới, nhưng Ngài tu trong tam giới, thời gian là nhất định, bảy lần sanh tử bèn chứng A La Hán, bèn vượt thoát. Muốn tu đến địa vị Phật, kinh nói là ba A-tăng-kỳ kiếp. Ba A-tăng-kỳ kiếp tính từ Tiểu Thừa Sơ Quả, chẳng tính từ lúc chúng ta nghe pháp, học Phật, nếu tính từ chỗ ấy, mỗi cá nhân đều đã thành Phật từ lâu rồi. Đòi quá khứ của chúng ta không chỉ là ba đại A-tăng-kỳ kiếp, có thể nói là chúng ta đã trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, nhưng tới ngày nay chúng ta vẫn y hệt như vậy. Ba A-tăng-kỳ kiếp tính từ Sơ Quả; nói cách khác, chúng ta đòi đòi kiếp kiếp học Phật đều chưa đạt đến địa vị Sơ Quả, tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc chưa hề đoạn.

“*Nhị Quả nhất sanh Dục Giới*”: Nhị Quả tiến hơn một bước, đoạn được sáu phẩm đầu trong tám mươi một phẩm Tư Hoặc, hãy còn lại ba phẩm, ba phẩm ấy thuộc về Dục Giới, [nên phải] sanh trong Dục Giới một lần nữa. Sanh trở lại một lần, đoạn sạch ba phẩm này, hết đoạn sạch sẽ chứng Tam Quả, chẳng trở lại. “*Tam Quả bất lai Dục Giới, do sanh Sắc Giới*” (Tam Quả chẳng trở lại Dục Giới, nhưng vẫn sanh trong Sắc Giới), Ngài ở trong Tứ Thiên Thiên. Tứ Thiên Thiên rất đặc biệt, nó là Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Trong Tứ Thiên Thiên có một chỗ gọi là Ngũ Bất Hoàn Thiên, Bất Hoàn là không trở lại Dục Giới, ở nơi ấy, tiếp tục nỗ lực tu hành khiến cho bảy mươi hai phẩm Tư Hoặc thấy đều đoạn sạch, Ngài bèn vượt thoát tam giới.

(Sao) Kim sanh duyên dĩ tận, bất thọ hậu hữu, cố viết Vô Sanh.

(鈔) 今生緣已盡，不受後有，故曰無生。

(Sao: Đòi này duyên đã hết, chẳng còn thọ thân sau, nên nói là Vô Sanh).

Duyên thọ sanh trong tam giới chẳng còn, không trở lại tam giới nữa. Nếu trở lại, sẽ là thừa nguyện tái lai, chẳng do duyên, mà do nguyện, thừa nguyện tái lai (nuông theo nguyện trở lại). Còn như chúng ta hiện thời là duyên, không đến cũng chẳng được, chẳng có cách nào khác, chẳng có cách gì! Người ta là do nguyện, thích đến bèn đến, không đến cũng được, đó là thừa nguyện tái lai.

Tu hành khó thay! Bảy lần sanh tử trong cõi trời hay nhân gian, thời gian thấy đều tính bằng những con số thiên văn! Tuổi thọ con người ngắn ngủi, chứ tuổi thọ cõi trời lâu dài, nhất là trong Tứ Thiên Thiên, thời gian

đều dùng đại kiếp để tính toán. Sau một thời gian dài như thế mới có thể vượt thoát luân hồi, nên quý vị mới hiểu pháp môn Tịnh Độ chẳng thể nghĩ bàn! Pháp môn này có thể thành tựu trong một đời, lại còn thành tựu cao hơn A La Hán rất nhiều! A La Hán phải tốn sức to lớn ngàn ấy mới có thể thoát khỏi tam giới. Sau khi thoát tam giới, đến nơi đâu vẫn chẳng biết, vẫn là bất định. Chúng ta không cần tốn sức lực to dường ấy, hễ thoát tam giới bèn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, tới đó thành Phật, sang đó làm Bồ Tát, làm Phật.

Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ có Nhất Thừa, tuy trong kinh nói [thế giới Cực Lạc] có người, có trời, có Thanh Văn, có Bồ Tát, đó là nói tùy thuận phàm phu chúng ta. Thật ra, Tây Phương Cực Lạc thế giới “*duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị diệc vô tam*” (chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai, cũng không ba). Tây Phương Cực Lạc thế giới thuần là pháp Bồ Tát; trừ phi quý vị chẳng sanh về nơi ấy, chứ hạ hạ phẩm vãng sanh bên đó cũng là Bồ Tát. Hễ sanh tới đó bèn là Bồ Tát, trong một đời, quyết định thành Phật. Vì vậy, thế giới ấy chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta may mắn gặp gỡ pháp môn này, nếu bỏ lỡ quả thật quá đáng tiếc! Ở đây nói “*kim sanh duyên dĩ tận, bất thọ hậu hữu*”, [nghĩa là] sau này chẳng còn đầu thai, thọ sanh ở nơi đây nữa, “*cố viết Vô Sanh*”. “*Vô Sanh*” là nói tới duyên sanh trong tam giới lục đạo [chẳng còn], Ngài bắt sanh, tức là chẳng thọ sanh ở nơi đây!

(Sao) Thử yên nguyện xuất sanh tử, linh ma khởi bố, kim chứng Vô Sanh, vân Bồ Ma quả dã.

(鈔)始焉願出生死，令魔起怖，今證無生，云怖魔果也。

(Sao: Thoạt đầu, nguyện xuất sanh tử khiến cho ma hoảng sợ, nay chứng Vô Sanh nên nói [Vô Sanh] là quả của Bồ Ma vậy).

Vừa mới xuất gia, phát tâm xuất gia, Ma Vương kinh sợ, hoảng hốt, ma tử, ma tôn lại có một kẻ bỏ đi, chạy mất, tâm hấn chẳng an, nay đúng là bị mất người nữa rồi! Chư vị phải biết: Ngày nay chúng ta phát tâm xuất gia, xuất gia như thế nào? Mỗi ngày vẫn dấy vọng tưởng, ma chẳng kinh sợ, ma trông thấy bèn cười khì: “Người xuất gia trên hình thức, chẳng chạy thoát khỏi ma chướng, vẫn ở trong ma chướng”, cho nên hấn chẳng sợ hãi! Nếu quý vị thật sự phát tâm xuất ly sanh tử, ma sẽ thật sự kinh hoảng. Thật sự xuất gia tu đạo, chúng ta phải hiểu rõ thấu triệt đạo lý trong kinh này, hiểu rõ là gì? Thấy thấu suốt. Phải làm được những phương pháp

do đức Phật đã dạy, làm được là buông xuống, chúng ta phải nỗ lực thực hiện. Giống như cương lĩnh trong kinh này, phải thật sự tin tưởng, phải thật sự phát nguyện, phải thật sự trì danh. Thật sự tin tưởng là gì? Tin bản thân chúng ta trong một đời này quyết định vãng sanh, quý vị tin tưởng chuyện này. Tin tưởng chính mình trong một đời này có thể Thượng Phẩm Thượng Sanh, hoa nở thấy Phật, quý vị phải có lòng tin này thì mới được. Phát nguyện như thế nào? Ta quyết định lìa bỏ thế giới Sa Bà, quyết định cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, phải có nguyện như vậy mới được.

Nếu quý vị muốn lìa bỏ thế giới này, sẽ chẳng còn sót sắng, so đo với thế giới này nữa. Nếu đối với hết thảy quan hệ giữa con người với nhau trong thế giới này, vẫn là thứ gì cũng phân biệt, chấp trước, quý vị sẽ không thể vãng sanh! Vì sao? Tâm quý vị không thanh tịnh. Phân biệt, chấp trước là tập khí, là tập khí từ vô lượng kiếp tới nay, sao có thể đoạn được? Do vậy, tập khí vừa dấy lên bèn “A Di Đà Phật”, giần nó xuống, niệm Phật khẩn yếu là phải niệm ngay trong lúc ấy. Vọng niệm vừa dấy lên, A Di Đà Phật, từ đầu đến cuối gìn giữ cái tâm thanh tịnh, bình đẳng, gìn giữ cái tâm ấy. Đối với người khác đại từ, đại bi, đó gọi là công phu! Tín, nguyện, hạnh là công phu. Công phu chẳng phải là nói mỗi ngày ta niệm bao nhiêu câu Phật hiệu, chẳng phải vậy! Công phu ở chỗ Phật hiệu quả thật có thể giúp quý vị từ sáng đến tối trong mười hai thời, tâm thanh tịnh, bình đẳng, đó là công phu. Niệm Phật đầu niệm cho nhiều mà khởi tâm động niệm vẫn là tham, sân, si, mạn, nói cách khác, tiền đồ của quý vị vẫn là trong lục đạo luân hồi, vẫn ở trong tam ác đạo! Niệm Phật như vậy vẫn chẳng thể liễu sanh tử, chẳng thể vãng sanh. Do vậy, người thật sự mong vãng sanh phải nhớ điều này.

Kinh dạy chúng ta một phương pháp cần phải làm, làm từ đâu? Phải làm từ ba thứ tịnh nghiệp, hãy đọc Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh dạy về phương pháp, giảng về nhân quả của ba bậc chín phẩm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị hiểu rõ, ta tu cái nhân thượng phẩm, đương nhiên được quả thượng phẩm. Ta tu cái nhân trung phẩm, vãng sanh sẽ được quả trung phẩm. Vì thế, phải xem tham chiếu ba kinh. Thật sự mong cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, nói thật ra, ngoài ba kinh Tịnh Độ ra, tối đa là ngũ kinh, những kinh khác chớ nên đọc. Vì sao? Những kinh ấy chẳng giúp quý vị vãng sanh Tịnh Độ. Nếu nói ta đoạn quyết sẽ thật sự vãng sanh Tịnh Độ, đâu có niệm kinh khác cũng được; nhưng ta nay chưa đảm bảo vãng sanh Tịnh Độ, những kinh khác đều phải buông xuống hết. Quý vị phải biết trong hết thảy các kinh, kinh nào có công đức lớn nhất? Kinh A Di Đà! Không có

kinh nào có công đức lớn hơn kinh Di Đà được, nhưng mọi người đều có biết! Kinh Hoa Nghiêm còn thua kinh Di Đà, kinh Địa Tạng, kinh Dược Sư lại càng không cần nói nữa, càng kém hơn! Quyển kinh bậc nhất bày ra trước mặt mà chúng ta chẳng biết giá trị, lại cho rằng kinh bậc hai, bậc ba, bậc bốn có công đức rất lớn. Chẳng biết kinh Di Đà công đức to lớn, chẳng hề biết! Mười phương chư Phật tán thán [pháp môn này] là Phật pháp thành tựu ngay trong một đời!

Mong các đồng tu phải ghi nhớ, phải nhận biết rõ ràng, phải nỗ lực, các phương pháp đều nằm trong Quán Kinh. Vừa mở đầu, bèn dạy chúng ta tạo cơ sở bằng cách tu ba thứ phước, loại đầu tiên là “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp”, phải thật sự thực hiện, chứ đọc suông vô ích! Loại thứ hai là “thọ trì Tam Quy”, Tam Quy là giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm, phải thật sự làm được, “đầy đủ các giới”, [nói tới] “các giới”, chúng ta là tại gia, nói thật ra thì trong hiện thời, xuất gia cũng như vậy, giữ tròn năm giới là được rồi, vì năm giới cũng là Cụ Túc Giới, “chẳng phạm oai nghi”, oai nghi là lễ tiết, chúng ta giữ lễ. Phước thứ ba, “phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tán hành giả”, tổng cộng ba thứ Tịnh nghiệp gồm mười một câu. Mười một câu ấy thầy đều thực hiện được. Nếu chẳng thể làm trọn hết, trong tương lai quý vị vãng sanh sẽ bị chướng ngại.

Nếu quý vị điều nào cũng đều làm được, tôi dám nói quý vị nhất định biết trước lúc mất, lúc ra đi chẳng bị đau khổ, vì sao? Quý vị có phước. Ba thứ phước ấy là đại phước báo! Phước báo tu thành, sanh tử tự tại, muốn đi lúc nào bèn đi ngay trong lúc ấy, ở thêm mấy năm nữa để làm gì? Khuyên lơn, khích lệ hành giả, vì lý do này. Chẳng vì lý do này, sẽ chẳng cần ở lại thế gian này một ngày nào nữa! Ở lại là vì muốn khuyên mọi người, khuyên thêm mấy người, dẫn thêm mấy người cùng đi. Quý vị có bệnh khổ là thiếu phước! Mọi người hãy suy nghĩ, người vãng sanh nằm bệnh, khổ sở như vậy, quý vị chỉ nghĩ đến mười một câu này, sẽ hiểu rõ: Mười một câu ấy, người đó làm được câu nào? Một câu người ấy cũng chưa làm được, lẽ đâu chẳng bị bệnh? Lẽ nào chẳng bị khổ? Đương nhiên! Thiếu phước mà!

Vì thế, đức Phật bảo: Khi vãng sanh, đầu tiên dạy chúng ta tu phước, mọi người sẽ ra đi tự tại. Người thật sự tu Tịnh Độ, đối với nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử, trừ sanh ra, chúng ta đã được sanh ra rồi, đã quên hết, chẳng khổ vì già, chẳng khổ vì bệnh, chẳng khổ vì chết, vì sao? Phước báo quá lớn. Làm được mười một câu ấy, khi già, người ấy chẳng khổ, chẳng bị

bệnh, lúc chết biết trước lúc mất, sanh tử tự tại, muốn đi như thế nào bèn ra đi như thế đó, chẳng bị khổ. Nếu quý vị chẳng nghiêm túc thực hiện, nói cách khác, do tội nghiệp sâu nặng từ vô thủy kiếp tới nay, làm sao chẳng khổ? Đương nhiên phải khổ. À! Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 110

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm hai mươi ba.

(Sao) Văn danh đồ hình giả, thị thân sơ nhất đối, tri giả nhĩ văn tắc tư mộ nguyện kiến, thức giả mục kích tắc phụng sự bất vi dã.

(鈔)聞名睹形者，是親疏一對，知者耳聞則思慕願見，識者目擊則奉事不違也。

(Sao: “Nghe tiếng, thấy hình” là cặp ý nghĩa thân - sơ. Tri là tai nghe bèn nghĩ nhớ, hâm mộ, mong được thấy. Thức là gặp gỡ bèn phụng sự chẳng trái nghịch).

Câu này nhằm giải thích lời Sớ: “*Văn danh khâm đức, viết Tri. Đồ hình kính phụng, viết Thức*” (Nghe tiếng kính trọng, ngưỡng mộ đức là Tri, thấy mặt kính trọng, phụng sự là Thức), mang ý nghĩa nói rõ các vị Thường Tùy đệ tử của đức Thế Tôn, nói theo cách bây giờ, đều hết sức nổi tiếng, thưở ấy, trong ngoài nước đều biết tới những nhân vật ấy. Mỗi người trong số các Ngài đều có sở trường đặc thù, về sau, trong kinh điển, các vị kết tập luôn dùng họ đại diện Phật pháp. “*Văn danh*” là nghe nói tới người ấy, “*đồ hình*” là đã từng thấy người ấy. Nghe tiếng là sơ, gặp mặt đương nhiên là thân thiết, [nên lời Sao mới nói] “*thân sơ nhất đối*” (một cặp ý nghĩa thân và sơ). Lại nói tới Tri Thức, Tri có nghĩa là nghe tiếng, “*nhĩ văn tắc tư mộ nguyện kiến*” (tai nghe bèn nghĩ nhớ, hâm mộ, mong được thấy), “*nguyện kiến*” không nhất định đã được gặp, còn Thức là đã từng gặp gỡ. Đây là giải thích chữ Tri Thức đơn giản.

(Sao) Kiến hình, kiến tâm giả, thị thiên thâm nhất đối. Tri giả, tắc diện đối quang nghi. Thức giả, tắc thần giao ý địa dã.

(鈔)見形見心者，是淺深一對。知者則面對光儀，識者則神交意地也。

(Sao: “Thấy mặt, thấy tâm” là một cặp ý nghĩa sâu và cạn. Tri là chỉ đối diện với hình dung. Thức là thấu hiểu tâm ý).

Ở đây có một cặp ý nghĩa sâu và cạn, tức là chúng ta đã từng gặp mặt một người, gặp mặt là quen biết, nhưng chẳng thâm giao, chẳng thường qua lại. Nếu có mối thâm giao, thường qua lại, sự quen biết ấy sâu

đậm hơn. Do vậy, trong sự quen biết cũng có sâu hay cạn sai khác, câu này có ý nghĩa như vậy. Dưới đây, đại sư trích dẫn một câu chuyện từ trong kinh Phật.

(Sao) Như nhị tăng cận Phật, kỳ nhất đạo vong, Phật dĩ vong giả vi tiên kiến ngã, tức kiến tâm chi vị dã.

(鈔)如二僧覲佛，其一道亡，佛以亡者為先見我，即見心之謂也。

(Sao: Như có hai vị tăng muốn đến thân cận Phật, một vị vì đạo mà chết, đức Phật nói “vị Tăng đã mất thấy ta trước”, ý nói thấy tâm vậy).

Trong câu chuyện này, có hai người xuất gia muốn đến gặp Phật, nhưng khoảng cách khá xa xôi, thủa ấy, chẳng có phương tiện giao thông thuận lợi, toàn là đi bộ. Đi qua đồng hoang chẳng tìm được nước, thủa ấy nguồn nước thiếu thôn, khá vất vả mới tìm được nước, nhưng trong nước ấy có trùng, uống nước ấy đương nhiên là sát sanh. Trong đó có một vị xuất gia trì giới rất nghiêm, chẳng dám uống, nên chết khát, đương nhiên chẳng thấy Phật. Người kia khát nước, chẳng có cách nào khác, đành uống nước, sau đấy, đến gặp Phật. Đức Phật hỏi vị đó: “Ông từ đâu đến?” Vị ấy thưa: “Hai người chúng con kết bạn đến gặp Phật, giữa đường, một người chẳng dám uống nước có trùng nên chết khát”. Đức Phật bảo vị ấy: “Người chết khát đó đã sớm gặp ta, ông đến quá trễ rồi!” Nói rõ người kia thấy Phật là thấy bằng tâm, còn vị này thấy Phật là thấy hình dáng, tức là thấy bằng thân, chẳng phải là thấy bằng tâm. Do vậy, trong đây có sâu hay cạn sai khác. “*Phật dĩ vong giả vi tiên kiến ngã, tức kiến tâm chi vị dã*” (đức Phật nói vị Tăng đã mất thấy ta trước, ý nói thấy tâm vậy).

(Sao) Tri tức thức giả.

(鈔)知即識者。

(Sao: Tri chính là Thức).

Tri và Thức có thể gộp lại để dùng.

(Sao) Do ngôn tương tri tương thức dã.

(鈔)猶言相知相識也。

(Sao: Giống như nói “tương tri tương thức” vậy).

Tận cho đến chỗ này, đều nhằm giải thích chữ Tri Thức.

(Sao) Đức cao vọng trọng, danh mãn thiên hạ, nhân nhân tri chi, nhân nhân thức chi, cố viết “chúng sở tri thức” dã. Nhất thuyết cử chúng chi trung, thử vi đa tri đa thức, nhân thiên nhĩn mục, vân chúng đạo dã.

(鈔)德高望重，名滿天下，人人知之，人人識之，故曰眾所知識也。一說舉眾之中，此為多知多識，人天眼目，云眾導也。

(Sao: Đức cao vọng trọng, tiếng tăm lừng lẫy thiên hạ, ai nấy đều biết, ai nấy đều hay, nên nói là “chúng sở tri thức”. Một thuyết khác là giữa đại chúng, những vị ấy được nhiều người hay biết, là mắt của trời người, nên gọi họ là bậc hướng dẫn đại chúng vậy).

Đây lại là một cách nói khác, cho nên trong phần giải thích chữ Tri Thức có tất cả ba tầng ý nghĩa, tầng này sâu nhất. Đây là nói trong đại chúng, chữ “đại chúng” chỉ đại chúng thường tùy (đại chúng thường theo hầu) đức Phật, trong một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị ấy, [những vị trưởng lão sẽ được nêu tên trong chánh kinh như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v...] là các vị nhân tài phi thường kiệt xuất, cho nên chẳng ai không biết, không ai chẳng nhận ra, cho nên gọi họ là “chúng sở tri thức”. Vì thế, họ là “nhân thiên nhĩn mục”, có thể thay mặt đức Phật lãnh đạo đại chúng. Đây là những học trò kiệt xuất trong các học trò của đức Phật, có thể thay đức Phật thuyết pháp.

(Sao) Kim nhân xưng thiện tri thức, diệc cụ nhị nghĩa.

(鈔)今人稱善知識，亦具二義。

(Sao: Nay người được gọi là thiện tri thức, cũng có hai ý nghĩa).

Đây là mở rộng ý nghĩa, chúng ta thường gọi người nào đó là thiện tri thức thì “thiện tri thức” có hai ý nghĩa:

(Sao) Nhất giả, đối ác nhi ngôn, dĩ ngã sở tri thức, hữu thiện, hữu ác, kim thị thiện chi tri thức cố.

(鈔)一者對惡而言，以我所知識，有善有惡，今是善之知識故。

(Sao: Một là đối với kẻ ác mà nói, do bậc tri thức của ta có kẻ thiện, người ác, nay vị này là thiện tri thức).

Đây là [nói theo] nghĩa cạn, phàm những ai chẳng làm ác đều có thể gọi là thiện tri thức. Đồng tu chúng ta gặp mặt nhau đều có thể gọi là thiện tri thức. Ý nghĩa thứ hai sâu hơn:

(Sao) Nhị giả, thử nhân hữu liễu nhiên chi tri, trác nhiên chi thức, nhân sở bất cập, thị tri thức chi thiện cố.

(鈔)二者此人有了然之知，卓然之識，人所不及，是知識之善故。

(Sao: Hai là người hiểu biết thông suốt, kiến thức lỗi lạc, người khác chẳng sánh bằng, nên là bậc thiện tri thức).

Ý nghĩa này sâu xa, tức là đối với những người hữu tu, hữu học, hữu chứng, bèn gọi họ là thiện tri thức, giống như một ngàn hai trăm năm mươi người ở đây, họ thật sự là thiện tri thức hữu tu, hữu chứng.

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh vô lậu, thị La Hán nghĩa. Tự tánh vô mê, thị tri thức nghĩa.

(疏)稱理，則自性無漏，是羅漢義。自性無迷，是知識義。

(Sớ: Xưng Lý, La Hán nghĩa là tự tánh vô lậu; tri thức nghĩa là tự tánh chẳng mê).

Đây là nói theo phương diện tâm tánh, đàm luận xưng tánh. Lậu là gì? Lậu (漏) là tỷ dụ, như cái chén trà của chúng ta nếu bị rò rỉ sẽ mất tác dụng, chúng ta đựng nước trà trong ấy, sẽ bị chảy mất. Đức Phật dùng chuyện này làm tỷ dụ nhằm sánh ví Pháp Tánh của chúng ta. Nếu trong Pháp Tánh của chúng ta có Lậu; nếu có Lậu, trí huệ công đức Bát Nhã trong Pháp Tánh sẽ bị rò rỉ, tỷ dụ ý nghĩa này. Chúng ta thấy một đồ đựng mà bị rò rỉ, rất rõ ràng là nó đã bị hư hỏng rồi! Pháp Tánh bị hư hỏng ở chỗ nào? Nói thật ra, Pháp Tánh trọn chẳng hư hỏng. Nếu trong Pháp Tánh, dấy lên phiền não, chấp trước, công đức trong Pháp Tánh chẳng thể thấu lộ được. Do vậy, Lậu là tên gọi khác của phiền não, chấp trước. Vô Lậu là không có phiền não, không có chấp trước. A La Hán đoạn Kiến Tư phiền não, phá Ngã Chấp. Không có chấp trước, không có phiền não, bèn gọi là A La Hán, đây là Tiểu Thừa. Nếu nói theo Đại Thừa, Kiến Tư và Trần Sa phiền não đều không có, Ngã Chấp lẫn Pháp Chấp đều đoạn sạch,

đó là Đại Thừa A La Hán. Thông thường, chúng ta gọi Đại Thừa A La Hán là Thập Địa Bồ Tát (Pháp Vân Địa Bồ Tát), gọi là Đại A La Hán.

“*Tự tánh vô mê, thị tri thức nghĩa*” (tự tánh chẳng mê là ý nghĩa của chữ Tri Thức). Nói thông thường, Mê có hai thứ: Một loại là Căn Bản Vô Minh, loại kia là Chi Mạt Vô Minh. Phải đạt đến Đẳng Giác Bồ Tát mới có thể phá Căn Bản Vô Minh, Chi Mạt Vô Minh thì A La Hán đã phá được. Chúng ta thường thấy kinh Phật nói Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên. Trong Thập Nhị Nhân Duyên, điều đầu tiên là vô minh, “*vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập*”. Thứ nhất là vô minh, vô minh ấy là Chi Mạt Vô Minh, phá vô minh sẽ chứng A La Hán, Bích Chi Phật quả. Do vậy, cái được đoạn bởi A La Hán và Bích Chi Phật là Chi Mạt Vô Minh, chẳng phải là Căn Bản Vô Minh, chúng ta phải nhận biết rõ ràng. Phá Căn Bản Vô Minh sẽ thành Phật; bởi lẽ, Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phần Sanh Tướng Vô Minh. “*Tự tánh vô mê*” là phá vô minh. Dưới đây là lời giải thích tỉ mỉ:

(Sao) *Tâm nguyên bản tịch, tắc chư lậu toàn Không; tâm thể bản minh, tắc quần mê an tại?*

(鈔) 心源本寂，則諸漏全空；心體本明，則群迷安在。

(Sao: Nguồn tâm vốn vắng lặng nên toàn bộ các Lậu đều là Không, tâm thể vốn sáng suốt, các thứ mê còn ở chỗ nào?)

“*Tâm nguyên*” là chân tâm của chúng ta. “*Tâm*” là chân tâm, vì sao gọi là Nguyên? Nguyên (源) là cội nguồn, khởi nguyên. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là vật được biến hiện bởi chân tâm của chúng ta. Do vậy, tâm là căn nguyên của muôn pháp, nên gọi là “*tâm nguyên*”. “*Bản tịch*”: Vốn là tướng tịch diệt, thanh tịnh, tịch diệt, giống như trong kinh đã nói: “*Chư pháp tùng bản lai, thường tự tịch diệt tướng*” (các pháp vốn là tướng thường tịch diệt), đây là chân tướng của hết thảy các pháp, như trong kinh Bát Nhã đã nói: “*Thật Tướng của các pháp*”, chân tướng của hết thảy các pháp quả thật là thanh tịnh, tịch diệt. Trong hiện tại, hết thảy các pháp có thanh tịnh, tịch diệt hay không? Vẫn thanh tịnh, tịch diệt, đó là thật, quyết định chẳng giả, nhưng chúng ta chẳng thấy cảnh giới này!

Kinh Nhân Vương chia sự tu hành của Bồ Tát làm năm giai đoạn, giai đoạn cao nhất gọi là Tịch Diệt Nhẫn. Tịch Diệt Nhẫn là gì? Chính là chứng đắc tướng tịch diệt của các pháp, Ngài thấy được. Ngài thấy hết thảy các pháp quả thật bất sanh, bất diệt, chẳng đến, chẳng đi, bất cấu, bất

tịnh, Ngài thấy được! Kiến giải chẳng khác gì chư Phật. Tịch Diệt có ba phẩm:

- Hạ phẩm Tịch Diệt Nhân vừa mới chứng đắc cảnh giới tịch diệt, “*sanh diệt diệt dĩ, tịch diệt hiện tiền*” (sinh diệt đã diệt rồi, tịch diệt hiện tiền), đạt đến cảnh giới này là Pháp Vân Địa Bồ Tát (Dharmamegā Bhūmi Boddhisattva).

- Trung phẩm Tịch Diệt Nhân là Đẳng Giác Bồ Tát (Samyak Sambodhi Boddhisattva).

- Thượng phẩm là Như Lai, đây là cảnh giới tối cao trong tu hành.

Thấp hơn cảnh giới này một tầng là Vô Sanh Pháp Nhân, trong bài kệ hồi hướng, chúng ta thường đọc: “*Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh*”. Vô Sanh Pháp Nhân kém hơn Tịch Diệt Nhân một cấp, đó cũng là chứng đắc của các vị đại Bồ Tát. Minh tâm kiến tánh mới có thể thấy Vô Sanh Pháp Nhân, thấy hết thấy các pháp bất sanh, bất diệt, nhưng vẫn chưa đạt đến tịch diệt.

Vì sao chúng ta chẳng thấy cảnh giới ấy? Đức Phật đã giảng rất rõ ràng, vì phàm phu có vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc. Tướng tịch diệt của các pháp ở ngay trước mắt, chắc chắn đức Phật chẳng nói “phải rời khỏi hết thấy tướng của các vật ở ngay trước mắt để chứng đắc cảnh giới đặc thù”, không có! Muôn hình tượng ở ngay trước mắt chúng ta, vì sao chúng ta thấy hết thấy các tướng đang động? Vì tâm chúng ta đang động. Lúc nào, tâm quý vị chẳng động, sẽ thấy tướng cảnh giới bên ngoài cũng chẳng động, tức là quý vị có thể thấy chân tướng. Chính vì tâm chúng ta đang động, niệm niệm đều sanh diệt, chúng ta dùng cái tâm sanh diệt, niệm này sanh, niệm kia diệt. Trong kinh, đức Phật nói: “*Trong một cái khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt*”. Nay chúng ta sử dụng cái tâm sanh diệt; dùng cái tâm sanh diệt để nhìn tướng cảnh giới bên ngoài, hết thấy muôn tướng đều là tướng sanh diệt. Nói thật ra, chẳng phải là cảnh giới có sanh diệt, mà do tâm chúng ta có sanh diệt, cho nên thấy cảnh giới bên ngoài sanh diệt. Vì chúng ta có chấp trước, cho nên trong hết thấy cảnh giới có sai biệt, chẳng bình đẳng. Hết thấy sai sót đều do tâm chúng ta sanh ra.

Rốt cuộc Phật, Bồ Tát và chúng ta khác nhau ở chỗ nào? Dụng tâm khác nhau! Phật, Bồ Tát dùng tâm thanh tịnh, dùng tâm bình đẳng, cho nên thấy hết thấy các pháp đều là thanh tịnh, bình đẳng; nay chúng ta thấy hết thấy các pháp bằng tâm phân biệt, tâm chấp trước, tâm vọng tưởng, tâm cao thấp, cho nên sanh phiền phức trong hết thấy các pháp. Nói thật ra, trong hết thấy các pháp không có những phiền toái ấy, mà thấy đều là

những thứ trong tâm của chính mình có, trong cuộc sống của chính mình cứ ngỡ là có, sai lầm ở chỗ này! Do vậy, khởi Hoặc tạo nghiệp chịu báo, tạo tác sanh tử luân hồi, căn nguyên ở chỗ này, chúng ta nhất định phải hiểu.

Đức Phật dạy chúng ta chân tướng sự thật, đó là “*tâm nguyên bốn tịch*” (nguồn tâm vốn vắng lặng), nói cách khác, kinh Pháp Hoa nói hết thấy các pháp chẳng có một pháp nào chẳng phải là tướng thanh tịnh, tịch diệt; cho nên gọi là “*bốn tịch*”. Chúng ta học Phật nhằm khôi phục bốn tịch và bản minh của chúng ta. Bốn tịch là Đại Niết Bàn, bản minh là Đại Bát Nhã; vì thế nói: “*Chư lậu toàn Không*” (các lậu toàn thể là Không). Trong bốn tánh chẳng có phiền não, quý vị tìm phiền não chẳng được, phiền não trọn chẳng thể tìm được! Nếu trong tâm có phiền não thì người biết tu hành khi tịnh tọa, chẳng hạn như tâm tham dấy lên, hãy nhằm quay lại kiểm xem tâm tham ở nơi đâu? Quý vị đi tìm, sẽ thấy tâm tham chẳng có, tìm không ra, tâm tham trọn chẳng thể tìm được. Nếu quý vị gặp chuyện bực mình, tức giận, cũng lắng lòng kiểm tâm sân khuê đang ở đâu? Quý vị tìm không được, như trong kinh Lăng Nghiêm, ngài A Nan tìm chân tâm, sân khuê ở bên trong hay ở bên ngoài? Hay ở chính giữa? Quý vị đi tìm cũng tìm không được.

Giống như Nhị Tổ Huệ Khả của Thiền Tông, tâm Ngài chẳng yên, khi tu hành tâm bất an, gặp được Đạt Ma Tổ Sư, hướng về Đạt Ma Tổ Sư thỉnh giáo, về căn bản, tổ Đạt Ma chẳng ngó ngang tới. Ngài thấy tổ Đạt Ma chẳng đoái hoài, nói chung là vì chính mình tâm chẳng chân thành, bèn hạ quyết tâm tự chặt đứt cánh tay để cúng dường Tổ. Quý vị nghĩ xem, xả thân cúng dường, chặt đứt một cánh tay để cúng dường Đạt Ma Tổ Sư. Khi đó là mùa Đông, bên ngoài đổ tuyết rất sâu, quỳ gối trên mặt đất đầy tuyết, cầm cánh tay cúng dường Đạt Ma Tổ Sư. Đạt Ma Tổ Sư thấy tình cảnh ấy, hỏi: “Người có gì phải khổ sở như thế? Rốt cuộc là vì chuyện gì?” Ngài thưa: “Tâm con bất an, xin đại sư an tâm cho con”. Đạt Ma Tổ Sư nói: “Người lấy cái tâm ra đây, ta sẽ an cho người”. Được hỏi, Ngài bèn quay lại kiểm, kiểm đến cuối cùng, thưa Đạt Ma tổ sư: “Con tìm tâm trọn chẳng thể được”, con tìm không được cái tâm! Đạt Ma Tổ Sư liền bảo: “Ta đã an cái tâm cho ông rồi”. Ta đã thay ông an cái tâm rồi, ông đã hiểu tâm trọn chẳng thể tìm được thì còn gì là an với chẳng an? Vấn đề liền được giải quyết, câu nói ấy đã điểm phá, Ngài bèn khai ngộ.

Quý vị phải hiểu: Tánh của phiền não là Không! Quý vị đừng sợ phiền não nhiều, đừng sợ nghiệp chướng nặng nề, tánh của nghiệp chướng cũng là Không, cũng là chẳng có; nhưng quý vị phải nhớ: Hễ quý vị chấp

trước bèn có, có phiền não, có nghiệp chướng; khi nào quý vị chẳng chấp trước, phiền não và nghiệp chướng sẽ chẳng có. Có Ngã Chấp, đương nhiên có tội nghiệp, đương nhiên có quả báo, đương nhiên có luân hồi. Ngã Chấp không có, quý vị hãy nghĩ xem, đâu có nghiệp chướng, ai lãnh chịu? Không ai lãnh chịu, không có ta mà! Quả báo ấy chỉ có kẻ có Ngã mới hứng chịu! Kẻ vô ngã sẽ không nhận lãnh. Người ấy đã không có Ngã, ai hứng chịu đây? Chẳng ai hứng chịu! Vì thế, quý vị phải hiểu: Có Ngã Chấp thì có nghiệp báo, phá Ngã Chấp sẽ không có. A La Hán liễu sanh tử, thoát tam giới, vì sao nói Ngài liễu sanh tử, thoát tam giới? Không có Ngã Chấp. Do vậy, biết: Tu hành trong Phật pháp, nói xuyên suốt là phá Nhị Chấp, tức là phá Ngã Chấp và phá Pháp Chấp. Phá Ngã Chấp, chúng Tiểu Thừa A La Hán, phá Pháp Chấp, chúng Đại Thừa A La Hán, bèn thành Phật. Nói theo cương lĩnh, đúng là một câu đã nói toạc nhà Phật tu tập điều gì! Chúng ta nhất định phải nắm vững nguyên lý và nguyên tắc này; nếu không, bất luận tu như thế nào, chỉ tăng trưởng Ngã Chấp, trật mắt rồi!

Từ vô thi kiếp tới nay, chúng ta tu hành, vì sao chẳng thể tu thành công? Chúng ta tu hành chắc chắn chẳng phải chỉ tu một đời, một kiếp này, mà từ vô lượng kiếp tới nay đời đời kiếp kiếp tu hành, không chỉ một A-tăng-kỳ kiếp, không chỉ ba A-tăng-kỳ kiếp, mà là vô lượng tam đại A-tăng-kỳ kiếp, nay chúng ta vẫn y hết như cũ, phải giác ngộ! Do có Ngã Chấp, ai tu hành? Ta tu hành! “Ta tu giỏi hơn người, ta dụng công nhiều hơn người!” Chỗ nào cũng đều có ta, quý vị thấy có hồng bút hay không? “Người mỗi ngày lay ba trăm lay, ta mỗi ngày lay ba ngàn lay, ta mạnh hơn người nhiều!” Dường như chẳng tu thì Ngã Chấp còn ít, còn nhẹ nhàng một chút, càng tu, Ngã Chấp càng nặng, tu gì? Tu Ngã Chấp, tu Pháp Chấp! Vẫn sợ Ngã Chấp và Pháp Chấp chưa đủ nhiều, mỗi ngày đều tăng thêm! Chuyện này sẽ phiền phức lớn. Nhà Phật thường nói “thấy thấu suốt, buông xuống”. Thấy thấu suốt điều gì? Thấy thấu suốt Ngã Chấp, buông Ngã Chấp xuống, thấy thấu suốt Pháp Chấp, buông Pháp Chấp xuống, quý vị mới có hy vọng! Chúng ta hằng ngày niệm Phật, lay Phật, tụng kinh nơi đây, giống như làm chuyện như vậy đó, nhưng nghiên cứu kỹ kết quả, dường như chẳng liên can mấy may đến tu hành, đó là Ngã Chấp lẫn Pháp Chấp trọn chẳng nhạt bớt tí nào, vẫn cứ chấp trước nhiều ngàn ấy. Chúng ta tự mình tu hành cả một đời, tu hành đời đời kiếp kiếp nhưng vẫn chẳng thể nhập môn, nguyên nhân ở chỗ này!

Hiểu rõ đạo lý này, sẽ biết phá Ngã Chấp khẩn yếu, trọng yếu phi thường. Phải thực hiện từ nơi đâu? Trước hết, hãy thực hiện từ Ngã Sở.

Trước hết, buông Ngã Sở xuống, dễ dàng hơn! Ngã Sở là cái ta có, là vật ngoài thân. Trước hết, có thể thấy thấu suốt vật ngoài thân, có thể buông xuống, có thể nhạt bớt một chút, đó là nói về tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, chúng là những thứ chúng ta hưởng thụ. Trước hết phải học, học điều gì? Chính mình có thừa, hãy nên buông xuống. Ta ăn no, mặc ấm, ta có một căn nhà có thể đụt mưa, tránh gió, còn dư ra thì hãy xả, buông xuống, hãy buông xuống những thứ ta có. Tiến hơn một bước nữa, Ngã cũng có thể buông xuống. Trong chương giảng về [Bồ Tát thuộc địa vị] *Đệ Lục Hồi Hương* của kinh Hoa Nghiêm có nêu khuôn mẫu rất cận kề, hoàn toàn giảng về bố thí, buông xuống, giảng đến bảy tám chục thứ, từ vật ngoài thân cho đến đầu, mắt, não, tủy, từ ngoại tài cho đến nội tài, không có gì chẳng thể bỏ, không có gì chẳng thấy thấu suốt. Đó là phá Ngã Chấp, phá Pháp Chấp, hiển thị “*tâm nguyên bốn tịch, tâm thể bốn minh*” (nguồn tâm vốn vắng lặng, tâm thể vốn sáng suốt), đại quang minh, đại viên mãn, hiển thị điều này.

Chỗ nào cũng đều có Ta, quý vị sẽ vĩnh viễn chẳng thể phá mê, bất luận quý vị tu như thế nào, mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, mỗi ngày đánh lễ mười vạn lần, quý vị chỉ tu phước báo nhân thiên, phước báo hữu lậu mà thôi, chẳng thoát khỏi tam giới, mà cũng chẳng thể vãng sanh! Chớ nghĩ: “Ta dụng công như thế, tương lai nhất định vãng sanh”, chẳng đáng trông cậy đâu nhé! Tuy nói vãng sanh là đời nghiệp vãng sanh, chẳng đoan một phẩm Hoặc (phiền não), lời ấy nói chẳng sai, nhưng quý vị nghiên cứu Tịnh Độ Tam Kinh cẩn thận, mới hiểu vì sao quý vị niệm Phật chẳng thể vãng sanh? Nếu vãng sanh đơn giản như vậy, trong đời quá khứ, ta cũng niệm A Di Đà Phật, đã vãng sanh từ sớm rồi, sao vẫn còn ngồi trong giảng đường này? Đã sớm vãng sanh mất rồi!

Vì sao không vãng sanh được? Vừa mở kinh điển ra xem, [liền thấy] tâm hạnh của chúng ta hoàn toàn trái nghịch những điều kinh đã giảng! Cho nên niệm Phật vẫn chẳng thể vãng sanh. Đúng như cổ đại đức đã nói: “*Rách toạc cuống họng cũng uống công*”, chẳng thể vãng sanh. Nguyên nhân chẳng thể vãng sanh vì đối với ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh, thảy đều phạm làm lỗi! Tín là tín tự, tín tha, tín nhân, tín quả, tín sự, tín lý, chúng ta toàn bộ đều phạm làm lỗi. Nói cách khác, chúng ta chẳng có tín tâm, tín tâm chưa kiên lập. Tín tâm thật sự kiên lập, thái độ xử sự, đãi người, tiếp vật sẽ thay đổi. Quý vị phát nguyện, nguyện ấy chẳng phải là thật, mà là giả! Người ấy nói: “Ta niệm niệm muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới”. Giả trá, chẳng thật, vì sao? Nếu thật sự phát nguyện vãng sanh, nhất định quý vị sẽ có thái độ giống như Lục Tổ đã nói: “*Chẳng*

thấy lỗi người khác”, vì sao? Chính mình quản mình còn chẳng xuê, mắt nào thấy lỗi người khác? Vẫn thấy làm lỗi này nọ, đó chẳng phải làm lỗi của người khác, mà là làm lỗi của chính mình! Do chính mình phân biệt, chấp trước! Chính mình chẳng có phân biệt, chấp trước, làm lỗi do đâu mà có? Vì vậy, làm lỗi ở chỗ nào? Làm lỗi ở ngay nơi chính mình. Chính mình phân biệt, chấp trước, đó là làm lỗi, chứ người khác chẳng có làm lỗi! Lục Tổ nói: *“Nhược chân tu đạo nhân, bất kiến tha nhân quá, tha phi, ngã bất phi, ngã phi tự tương tả”* (Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi người khác. Hã sai, ta chẳng sai. Lầm rồi, tự đọa lạc). *“Tả”* là ngày càng đọa lạc, chính mình tạo tội nghiệp, chính mình đọa lạc.

Người thật sự tu đạo, tâm địa thanh tịnh, chẳng có đúng hay sai, như vậy thì mới có thể niệm đến công phu thành thiền, mới có thể niệm tới nhất tâm bất loạn. Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, đối với hết thấy các sự, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, không khởi tâm, chẳng động niệm, người ấy quyết định vắng sanh, vì sao? Hết thấy thị phi thiện ác của người thế gian chẳng liên can đến ta, ta bận tâm những chuyện ấy để làm gì? Ta ghim những chuyện ấy trong lòng để làm gì? Chẳng cần thiết! Ghim trong tâm mình là đại chướng ngại! Vì thế, người thật sự tu đạo, những gì chẳng cần quản tới bèn gắng hết sức chẳng quan tâm tới, những gì bắt buộc dĩ không quan tâm chẳng được thì quan tâm về mặt Sự, nhưng trong tâm chẳng bận lòng, người ta cao minh ở chỗ này! Có chức trách thì chẳng thể không quản, tuy quản, tâm địa thanh tịnh, quyết định chẳng ô nhiễm, đây là người tu đạo. Quản về mặt Sự, tâm cũng bị cảnh giới xoay chuyển thì không được rồi! Quản về mặt Sự, tâm quyết định chẳng bị cảnh giới chuyển, vì sao? Vì *“tâm nguyên bản tịch, tâm thể bản minh”*, nên mới có tác dụng trí huệ quán chiếu.

(Sao) Pháp Hoa vị thị chân A La Hán.

(鈔) 法華謂是真阿羅漢。

(Sao: Kinh Pháp Hoa nói [người ấy] là A La Hán thật sự).

Kinh Pháp Hoa nói “chân A La Hán” là ai? Mỗi cá nhân đều là, không ai chẳng phải! Trong kinh Hoa Nghiêm và kinh Viên Giác, đức Phật nói: *“Hết thấy chúng sanh vốn thành Phật”*. *“Vốn thành Phật”* là nhìn từ chỗ nào? Nhìn từ nguồn tâm, nhìn từ tâm thể. Hết thấy mọi người đều như nhau, chúng sanh và Phật chẳng sai biệt. Sai biệt chỉ vì chúng sanh mê tâm nguyên của chính mình, mê tâm thể của chính mình, tuy mê,

nhưng trọn chẳng mất đi! Quý vị giác ngộ, nó khởi tác dụng, tác dụng của nó rộng lớn vô biên; khi mê hoặc, điên đảo, nó vẫn khởi tác dụng, vẫn là rộng lớn vô biên. Tướng và Dụng được dấy lên không hai, không khác, nhưng cảm nhận khác nhau. Kẻ mê thấy thế giới này là mười pháp giới, lục đạo, tam đồ, cảm nhận như thế đó. Người ngộ thấy mười pháp giới là Nhất Chân pháp giới, vì sao là Nhất Chân? Vì mười pháp giới có cùng một nguồn tâm, do nguồn tâm ấy biến ra! Cùng một nguồn tâm, cùng một bản thể, lẽ nào chẳng Chân? Thứ gì cũng đều là Chân. Đấy gọi là thấy Tướng, chẳng chấp Tướng.

Thí dụ như chúng ta dùng vàng ròng, vàng là tâm nguyên, bản thể, chúng ta dùng vàng ròng làm một tượng Phật, tượng Bồ Tát, tượng Duyên Giác, tượng Thanh Văn, tượng một vị trời, hay tượng một người, cho đến tượng súc sanh, hoặc tượng địa ngục, phân lượng nhiều như nhau, cân nặng như nhau, đấy chẳng phải là mười pháp giới ư? Kẻ phàm phu mê hoặc chấp tướng, [thấy tượng] đó là Phật, vội vã quỳ mọp xuống đất đánh lễ ba lạy, thấy đó là tượng ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh, bèn quở mắng mấy câu, chấp tướng! Người hiểu rõ thì mười tượng ấy là gì? Giá trị như nhau, chẳng hai, chẳng khác, thấy đều là vàng ròng, chẳng khác nhau! Nhìn theo quan điểm nghệ thuật, mỗi tượng đều được làm rất khéo léo, sống động, giá trị như nhau, bình đẳng. Người chẳng mê thấy các tượng ấy bình đẳng, người mê thấy các tượng ấy bất bình đẳng. Bình đẳng là Nhất Chân; trọn chẳng phải là nói trong Nhất Chân pháp giới không có ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh! Trong Nhất Chân pháp giới có [mười pháp giới]. Nhất Chân pháp giới và mười pháp giới chẳng khác nhau, khi giác ngộ sẽ thấy Nhất Chân.

Cảnh giới bất đồng là có cao, thấp, sẽ có khổ, vui. Nếu ở trong Nhất Chân pháp giới, tâm người ấy thanh tịnh, bình đẳng, sẽ chẳng có khổ hay vui. Ở trên cõi trời, người ấy chẳng hưởng lạc, ở dưới địa ngục, chẳng cảm thấy khổ; năm thứ cảm thọ “khổ, lạc, ưu, hỷ, xả” người ấy đều không có, vì sao? Trong tâm thể và tâm nguyên không có những thứ ấy, cho nên người ấy không cảm nhận. Phàm phu mới có cảm nhận, thánh nhân không có! Hiểu hết thấy các pháp đều xứng thể, đó gọi là “*các pháp đều Như*”, các pháp đều bất nhị. Xứng tánh, chẳng có một pháp nào không xứng tánh. Nói cách khác, không có một pháp nào chẳng do tâm biến hiện; vì vậy, “*ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm*”. Trong giảng đường, chúng tôi thường dùng mộng làm tỷ dụ, cảnh giới trong mộng là Pháp Tướng, cái tâm nằm mộng ví như chân tâm, toàn thể mộng cảnh do tâm hiện, “*toàn thể mộng chính là tâm*”, toàn thể tâm là mộng cảnh, tâm

và mộng là một, không hai. Từ chỗ này, mọi người có thể thấu hiểu. Đức Phật quan sát từ chỗ này, giảng rõ hết thấy chúng sanh đều là Phật, vốn đã thành Phật!

Căn cứ lý luận để chúng ta tu pháp môn Tịnh Độ cũng là câu ấy. Trong Quán Kinh đã giảng lý luận và phương pháp Niệm Phật. Quán Kinh nói: *“Tâm này là Phật”*, còn ở đây, câu ấy được diễn tả bằng: *“Tâm nguyên bốn tịch, tâm thể bốn minh”*, có cùng ý nghĩa. Vì vốn vắng lặng (bốn tịch), cho nên bốn minh *“là Phật”*, tâm nguyên, tâm thể là *“tâm này”*, tâm này là Phật. Trong toàn thể Phật pháp, bất luận một tông phái nào, bất luận pháp môn nào, đều dựa trên nguyên lý này để kiến lập, đó là Phật pháp. Câu dưới đây nói về cảnh giới *“tâm này làm Phật”*, tâm vốn là Phật, nay người ấy lại muốn làm Phật. *“Vốn là Phật”* tức là duy tâm sở hiện; *“tâm này làm Phật”*, nay muốn làm Phật, tức là duy thức sở biến.

Chúng tôi nói theo công thức ấy, mọi người sẽ hiểu rõ. Hiện thời chúng ta *“tâm này là Phật, tâm này làm người”*, chúng ta làm người! Chẳng phải là Phật, mà là nhân pháp giới trong mười pháp giới. Nếu chẳng muốn làm người, *“tâm này là Phật, tâm này làm quỷ”*, trở thành quỷ. *“Tâm này là Phật, tâm này làm súc sanh”*, làm súc sanh, tùy thuộc quý vị làm như thế nào! Tâm vĩnh viễn chẳng thay đổi, hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật. Vì tâm vĩnh viễn chẳng thay đổi, tùy thuộc quý vị làm gì, *“làm gì”* là duy thức sở biến. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta, quý vị muốn làm Phật, tâm này làm Phật, quý vị nhất định thành Phật, quý vị vốn là Phật, nay lại muốn làm Phật, lẽ nào quý vị chẳng thể thành Phật? Đương nhiên thành Phật!

Vì vậy, mọi người phải hiểu câu *“tâm này là Phật”* bao quát thấu triệt từ đầu đến cuối hết thấy hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới, câu này xuyên suốt, bản thể là Phật tánh. *“Tâm này là Phật”* nói về Phật tánh, hết thấy hữu tình chúng sanh thấy đều có Phật tánh. *“Tâm này làm Phật”* là duy thức sở biến, tùy thuộc quý vị biến như thế nào. Nếu quý vị biến thành Phật, sẽ thành Phật; nếu quý vị biến thành Bồ Tát, sẽ thành Bồ Tát. Quý vị biến lục đạo chúng sanh sẽ thành lục đạo chúng sanh, quý vị biến tam ác đạo, liền hiện tam ác đạo. Chính quý vị thích biến gì, sẽ được đó, nguyên lý ở chỗ này. Hiểu rõ nguyên lý, tín tâm bền được kiến lập, vì sao ta tin tưởng pháp này? Có đạo lý trong ấy! Nói theo Lý thông suốt, nên ta tin tưởng pháp này. Chẳng hiểu rõ Lý, làm sao ta tin tưởng được? Chẳng thể tin tưởng! Vì thế, chữ Tín cũng chẳng dễ dàng cho lắm!

(Sao) Khởi Tín hiệu viết chân thật thức tri, bỉ trầm không vi tịch, tác niệm nhi tri giả, danh tự La Hán, hư vọng tri thức dã.

(鈔)起信號曰真實識知，彼沉空為寂，作念而知者，名字羅漢，虛妄知識也。

(Sao: Luận Khởi Tín gọi vị ấy là chân thật thức tri, còn những kẻ đắm chấp nơi không tịch, hoặc phải khởi niệm mới biết, là danh tự La Hán, thì gọi là tri thức hư vọng).

Khởi Tín Luận do Mã Minh Bồ Tát trước tác, đương nhiên Mã Minh Bồ Tát hiểu chân tướng sự thật rất rõ ràng, minh bạch. Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch, Ngài tu pháp nào? Ngài nhất định tu niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chẳng sai! Mã Minh Bồ Tát tu Tây Phương Tịnh Độ, người hiểu rõ ràng, không ai chẳng đến Tây Phương Tịnh Độ; do vậy, Mã Minh Bồ Tát hiện đang ở thế giới Cực Lạc. Khởi Tín Luận viết: “*Tùng bốn dĩ lai, tự tánh mãn túc nhất thiết công đức. Sở vị tự thể, hữu đại trí huệ, đại quang minh nghĩa cố, biến chiếu pháp giới nghĩa cố, chân thật thức tri nghĩa cố, nãi chí mãn túc vô hữu sở thiếu nghĩa cố*” (Xét từ cái gốc thì tự tánh vốn trọn đủ hết thảy công đức, tức là nói tự thể có ý nghĩa đại trí huệ, đại quang minh, có ý nghĩa trọn khắp pháp giới, có ý nghĩa chân thật hiểu biết, cho đến trọn đủ chẳng thiếu sót nghĩa nào). Nói thật ra, Ngài nói nhiều dường ấy, nhưng trong Đàn Kinh, Lục Tổ chỉ nói một câu đã bao gồm trọn hết: “*Nào ngờ tự tánh, vốn trọn đủ*”, câu nói của Ngài bao quát hết thảy, có thể nói đoạn văn trên đây của Khởi Tín Luận chính là chú giải cho câu nói của Lục Tổ đại sư, thảy đều trọn đủ!

“*Chân thật thức tri*” và “*trầm không vi tịch, tác niệm nhi tri*” khác nhau! “*Trầm không vi tịch*” chỉ những kẻ tu hành thông thường, nhất là nói tới những người tu Thiền. Tu Thiền nếu chẳng đắc pháp, ngồi nơi đó, tâm rất thanh tịnh, ngồi đến mức một niệm chẳng sanh, ngỡ là rất thanh tịnh, nhưng có phải là Thiền thật sự hay chẳng? Chẳng phải! Vì sao? Trong Thiền có Quán, chẳng phải là chết cứng. Trong Thiền không có Quán sẽ thuộc về Vô Tướng Định, trong tâm người ấy có chấp trước hay không? Người ấy có chấp trước, chấp trước vô tướng, phàm phu chấp vào tướng. Loại người ấy chấp vào vô tướng, [tức là] vẫn có chấp trước, nói cách khác, vẫn chưa buông xuống, vì sao? Phàm phu chúng ta chẳng phải là vô tướng, mà là có tướng, còn người ấy rơi vào vô tướng, cho nên người ấy chẳng rớt ráo! Tu thành công sanh lên Tứ Thiên Thiên, trong Tứ Thiên Thiên có ngoại đạo thiên là Vô Tướng Thiên, người ấy ngỡ Vô Tướng Thiên là đạt đến rớt ráo Niết Bàn, sai lầm quá đỗi! “*Trầm không vi tịch*”

(đắm chìm nơi Không, ngõ là tịch diệt) là trật. Còn “*tác niệm nhi tri*” là phạm phu thông thường. Chúng ta phải phân biệt, tưởng tượng, nghiên cứu rồi mới biết; đó gọi là “*tác niệm nhi tri*”, đây chẳng phải là chân tri. Trí huệ chân chánh chẳng cần phân biệt, chẳng cần khởi tâm động niệm, vừa nhìn liền biết, đó là chân tri. Sau khi đã thấy, phải nghiên cứu rồi mới biết, đó chẳng phải là chân tri! Hai loại này là phạm phu, phạm phu như thế nào? Danh tự La Hán! Hữu danh vô thực, chẳng phải là A La Hán thật sự, mà là tri thức hư vọng, chẳng phải là thiện tri thức chân thật. Thiện tri thức thật sự chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Chúng ta phải nhớ kỹ cương lĩnh này, ba thứ phân biệt, vọng tưởng, chấp trước làm hại chúng ta quá mức, hại chúng ta đời đời kiếp kiếp luân hồi trong lục đạo, đời đời kiếp kiếp tu hành đều chẳng có kết quả. Phật dạy chúng ta bỏ gì? Không gì chẳng nhằm trừ bỏ phân biệt, vọng tưởng, chấp trước mà thôi, trừ bỏ những thứ ấy. Tôi nói như thế, sợ mọi người nghe xong lại hiểu lầm ý nghĩa. “Được rồi! Từ hôm nay trở đi ta chẳng phân biệt, chẳng chấp trước hết thảy”. Người khác hỏi ta: “Đây là gì?” Chẳng biết! Chuyện này sẽ phiền phức to! Kẻ ấy chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, nam nhân, nữ nhân cũng chẳng biết, ăn cơm rồi hay chưa ăn cũng chẳng biết luôn! Chuyện ấy phiền lắm, phá hoại tướng thể gian! Kinh thường dạy: “*Phật pháp trong thế gian, chẳng hoại tướng thể gian*”. Người thể gian có chấp trước, chúng ta bề ngoài phải tùy thuận sự chấp trước của họ; người thể gian có phân biệt, chúng ta bề ngoài phải tùy thuận sự phân biệt của họ, bên trong chẳng có phân biệt, chấp trước, nhưng bên ngoài thì có phân biệt, chấp trước giống hệt như họ, đây gọi là “*chẳng hoại tướng thể gian*”.

Như thường nói “*Phật pháp trên thế gian, chẳng lìa thế gian giác*”. Chẳng lìa thế gian là gì? Chẳng lìa sự phân biệt, chấp trước của người thể gian, chẳng lìa những điều đó. Giác là gì? Trong tâm ta, quả thật không có phân biệt, chấp trước, nhưng xử sự, đãi người, tiếp vật, dùng phân biệt, chấp trước, trật tự trên thế gian này sẽ không bị rối loạn, chẳng bị làm hỏng, chẳng bị phá hoại! Trong nội tâm quả thật không có phân biệt, chấp trước, đây mới là đúng, đó là chẳng chấp hai bên Có và Không, gọi là Trung Đạo. Trong tâm chính mình không có phân biệt, chấp trước, [đó là] chẳng chấp Có. [Đối với] hiện tượng bên ngoài có phân biệt, chấp trước, [đó là] chẳng rớt vào Không. Hai bên Có và Không đều chẳng chấp trước, đó là Trung Đạo. Bồ Tát hành Trung Đạo, mọi người phải hiểu rõ ý nghĩa này, chớ nên hiểu lầm. Hiểu lầm thì chẳng đọa vào bên Có, sẽ đọa vào bên Không, luôn đọa một bên, đều là sai lầm. Trên mặt Sự, có phân biệt, chấp

trước, nhưng trong tâm ngàn muôn phần đừng nên có phân biệt, chấp trước. Trong tâm chẳng có phân biệt, chấp trước, tâm ấy sẽ là Diệu Quán Sát Trí (Pratyaveksanā-jñāna), Bình Đẳng Tánh Trí (Samatā-jñāna), trên sự tướng có phân biệt, chấp trước, đó là Thành Sở Tác Trí (Kṛtyānusthāna-jñāna), hiểu rõ đích xác là chuyển bát thức thành tứ trí. Đọc đoạn kế tiếp, ý nghĩa này càng ngày càng sâu.

(Sao) Thị cố tà kiến dữ chánh kiến nhất thể, chúng diêu dữ chúng họa đồng môn.

(鈔) 是故邪見與正見一體，眾妙與眾禍同門。

(Sao: Do vậy, tà kiến và chánh kiến cùng một thể, các điều tốt lành và các tai họa cùng một môn).

Hai câu này có ý nghĩa rất sâu. Chúng ta thấy tà kiến và chánh kiến là đối lập, là tương đối, các điều tốt lành và các ương họa cũng là tương đối, có sao là nhất thể? Ở đây, phải biết: Thể là một, [cùng một] tâm nguyên, tâm thể! Họa, phước đều do cùng một tâm ấy biến hiện; do vậy, nó chẳng phải là hai thứ. Vì sao biến thành họa và phước? Do mê và ngộ, ngộ rồi, họa cũng là phước; hễ mê, phước cũng là họa. Do đó, [họa hay phước] chỉ trong vòng mê hay ngộ! Mê và ngộ chẳng hai, vì sao? Ngộ chính là chuyện này, mà mê vẫn là chuyện này, chẳng rời khỏi chuyện này! Do vậy, mê và ngộ chẳng hai. Phật, Bồ Tát ngộ là ngộ tâm nguyên, ngộ tâm thể. Phàm phu chúng ta mê, mê cũng là tâm nguyên, mê cũng là tâm thể, cho nên cùng một chuyện mà sanh ra hai hiện tượng khác nhau; tuy hai thứ hiện tượng khác nhau nhưng là cùng một chuyện. Vì thế nói mê và ngộ chẳng hai!

Nếu quý vị thấy rõ chân tướng này, quả thật là mê và ngộ chẳng hai. Do hiểu rõ chân tướng sự thật này, cho nên Phật, Bồ Tát chẳng ghét kẻ ác, vì sao? Vì là một, chẳng hai với kẻ ấy. Vì sao phàm phu chúng ta ưa thích người lành, chán ghét kẻ ác? Chúng ta ngỡ là hai, chẳng phải một. Vì thế, tâm tham ái, tâm chán ghét nảy sanh mạnh mẽ, đây là mê, chẳng ngộ! Sau khi ngộ, nói thật ra, chẳng có tâm chán ghét, tâm tham ái cũng không có, tâm người ấy thanh tịnh, như Lục Tổ đã nói: “*Vốn không có một vật*”. Vĩnh viễn là tâm thanh tịnh, tâm nguyên vốn vắng lặng, vĩnh viễn là tâm thanh tịnh, tịch diệt; thấy hết thấy các hiện tượng bên ngoài, chánh kiến, tà kiến, các điều tốt lành, các tai họa đều là tướng thanh tịnh, tịch diệt, đó là chân tướng. Tâm chính mình thanh tịnh, thấy cảnh giới bên ngoài thanh tịnh. Nói cách khác, chúng ta thấy cảnh giới bên ngoài chẳng

thanh tịnh vẫn là do tâm chính mình chẳng thanh tịnh, trọn chẳng phải là cảnh giới bên ngoài không thanh tịnh.

Ngày nay chúng ta niệm Phật, niệm Phật nhằm mục đích nào? Mục đích là khôi phục cái tâm thanh tịnh của chúng ta. Bất luận ý niệm nào, thiện niệm cũng thế, mà ác niệm cũng vậy, chánh niệm cũng thế, mà tà niệm cũng vậy, chỉ cần ý niệm dấy lên, ngay lập tức đổi nó thành A Di Đà Phật, khuất phục hết thấy các niệm, đó gọi là công phu. Đây gọi là vun bồi bản tịch, khôi phục tâm nguyên bản tịch. Sau khi Tịch, nó sẽ có tác dụng Chiếu. Tịch là tâm thanh tịnh, thanh tịnh sẽ sanh trí huệ, trí huệ là tác dụng Chiếu, “*Tịch mà thường Chiếu, Chiếu mà thường Tịch*”. Nay công phu chúng ta phải thực hiện là “*Tịch mà thường Chiếu*”, vì sao? Vì chúng ta vẫn chưa thể Chiếu, Tịch là trước hết tu Định, trước hết, tu cái tâm thanh tịnh, chẳng để cho cái tâm dấy sóng. Tâm dấy sóng là gì? Là phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, tâm sẽ chẳng bình lặng. Chúng ta dùng phương pháp Niệm Phật để uôn nắn, đối với hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, thấy đều dùng một câu A Di Đà Phật để thay thế. Do vậy, trong mười hai thời, chỉ có một câu A Di Đà Phật. Nếu công phu đi đúng quỹ đạo, lúc ngủ vẫn niệm A Di Đà Phật, lúc nằm mộng vẫn niệm A Di Đà Phật, mong mọi người hãy nỗ lực.

Nếu quý vị đạt được cảnh giới ấy, chớ nên hoan hỷ, cảnh giới ấy chỉ là công phu vừa mới đắc lực, vừa mới đi đúng quỹ đạo, không có gì là phi phạm! Nếu hoan hỷ, cảm thấy chính mình ghê gớm quá, ngay lập tức công phu ấy bị mất đi, chẳng thể giữ gìn được! Phải dùng cái tâm rất bình thường, phải có tâm khiêm hạ, [cảm thấy] chính mình không bằng người khác, người khác đạt được chẳng bỏ mất, chúng ta đạt được, rất dễ bị mất đi. Chúng ta là sơ học vừa mới đạt được, tâm hết sức khiêm hạ, nỗ lực học tập, mong giữ được công phu này, cũng chớ nên mang lòng hy vọng, [vì có tâm hy vọng thì công phu ấy] nhất định sẽ bị mất, giữ không được, vì sao? Tâm mong mỏi là xen tạp, vừa niệm A Di Đà Phật vừa xen tạp hy vọng, không được rồi! Do vậy, niệm Phật sợ nhất là chính mình xen tạp, nếu công phu chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chỉ có một câu Phật hiệu, trừ một câu Phật hiệu ra, chẳng có một vọng niệm nào. Ta muốn giữ gìn công phu ấy, một vọng niệm chẳng thể có thì mới thật sự giữ gìn được! Lâu ngày chầy tháng, quý vị thực hiện công phu này đôi ba năm, sẽ giống như các vị đại đức往昔 sanh xưa kia, biết trước lúc mất, không bệnh tật mà往昔 sanh. Điều này ai nấy đều làm được, chỉ sợ chính quý vị mê mất

phương hướng. Quý vị tự mình mê mất chính mình, vậy là lại bỏ uổng đời này, đáng tiếc lắm!

Do vậy, người thật sự niệm Phật, thật sự hy vọng vãng sanh Tịnh Độ ngay trong đời này, viên mãn Bồ Đề, nói thật ra, ba kinh đủ rồi, ba kinh nhất định phải cùng tham chiếu, chúng ta mới quyết định nắm chắc. Một bộ kinh đương nhiên cũng được, thậm chí một bộ kinh cũng chẳng cần đến, chỉ cần một câu A Di Đà Phật cũng được, nhưng phải là người căn tánh rất nhạy bén. “Căn tánh rất nhạy bén” như vừa mới nói chính là gì? Phải là người rất thật thà, thật thà niệm Phật. Hiện thời, chúng ta chẳng thật thà, chẳng thật thà sẽ dấy vọng tưởng. Người thật thà niệm Phật, dạy họ một câu A Di Đà Phật, người ấy sẽ suốt ngày từ sáng đến tối giữ chắc A Di Đà Phật, đích xác là chẳng có vọng niệm nào, loại người ấy được gọi là “thật thà”. Tuy chúng ta niệm Phật, nhưng thấy cái này chẳng thuận mắt, thấy cái kia không quen, tức là chẳng thật thà. Người chẳng thật thà thì phải tham chiếu cả ba kinh để những lý luận, phương pháp, nhân quả, cảnh giới trong đó thấy đều hiểu rõ! Chúng ta biết cách đi theo con đường ấy như thế nào, chính mình nắm vững. Không chỉ nắm vững, mà đích xác còn có thể định kỳ hạn chúng đắc, [nghĩa là] có thể hạn định thời gian bao lâu sẽ thực hiện được. Do vậy, pháp môn này vô cùng thù thắng, thật sự là pháp môn chẳng thể nghĩ bàn khó được, hiếm có. Cuối cùng là kết luận...

(Sao) Tức tâm đạt bản nguyên, thứ cơ khả dĩ vi sa-môn hĩ.

(鈔) 息心達本源，庶幾可以為沙門矣。

(Sao: Lắng lòng đạt đến cội nguồn, ngộ hầu có thể làm bậc sa-môn vậy).

“*Tức tâm*” là dứt vọng tâm, tức là dứt trừ phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Vì tà kiến, các tai họa đều do vọng tâm tạo tác, chúng ta có thể dứt trừ vọng tâm, nói cách khác, quý vị dứt trừ tà kiến, hết thấy họa hoạn đều chẳng có, cũng bị dứt bật rồi. Họa hoạn là gì? Lục đạo luân hồi, đó là họa lớn, do vọng tâm biến hiện. Dứt trừ vọng tâm, “*bản nguyên*” là Chân Như bản tánh, bản tánh bèn hiển hiện, kiến tánh sẽ thành Phật. Vì thế, nói: “*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, kiến tánh bèn thành Phật. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sang bên đó kiến tánh thành Phật.

“*Thứ cơ khả dĩ vi sa-môn*”, “*Sa-môn*” (Śramaṇa) là tiếng gọi người xuất gia tu hành. Liên Trì đại sư khích lệ chúng ta, ắt phải làm được “*tức*

tâm đạt bốn nguyên” (lắng lòng, đạt đến cội nguồn) thì mới có thể gọi là người xuất gia tu hành chân chánh vậy. Ngày hôm nay, chúng tôi giảng đến chỗ này.

Tập 111

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm hai mươi lăm:

Tam, xuất danh hiệu.

Sơ, chúng danh.

(Kinh) Trưởng lão Xá Lợi Phát, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Lợi Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu Lâu Đà.

三、出名號。

初、眾名。

(經)長老舍利弗。摩訶目犍連。摩訶迦葉。摩訶迦旃延。摩訶俱絺羅。離婆多。周利槃陀伽。難陀。阿難陀。羅睺羅。憍梵波提。賓頭盧頗羅墮。迦留陀夷。摩訶劫賓那。薄拘羅。阿耨樓駄。

(Ba, nêu danh hiệu.

Thứ nhất, danh hiệu của thánh chúng.

Kinh: Trưởng lão Xá Lợi Phát, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Lợi Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu Lâu Đà).

Đây là nêu ra [danh hiệu] của mười sáu vị thượng thủ trong kinh Di Đà.

(Sớ) Trưởng lão giả, đức trưởng, lập lão, hựu đức lập cụ nhất, diệc thông xưng trưởng lão, quán hạ thập lục tôn túc.

(疏)長老者，德長臘老，又德臘具一，亦通稱長老，貫下十六尊宿。

(Sớ: “Trưởng lão”: Đức cao, tuổi hạ cao. Lại nữa, nếu giữa đức hạnh và tuổi hạ, chỉ hội đủ một thứ, cũng đều gọi là trưởng lão. Chử

“trưởng lão” chỉ chung cả mười sáu vị tôn túc [được liệt kê trong đoạn chánh kinh trên đây]).

Trong Phật môn, “trưởng lão” (Āyusmat) là cách xưng hô vô cùng tôn kính; vị ấy ắt phải xuất gia khá lâu, thông thường, theo thói quen tại Trung Quốc, xuất gia ba mươi năm mới có thể xưng là “trưởng lão”, đồng thời còn phải là một vị hữu học, hữu đức.

(Sao) Lạp giả, xuất gia nhất tuế danh nhất lạp. Châu tuế chi trung, duy nhất lạp cố.

(鈔) 臘者，出家一歲名一臘。周歲之中，惟一臘故。

(Sao: “Lạp”: xuất gia mỗi năm là một lạp, bởi lẽ, trong một năm chỉ có một tháng Chạp).

Người xuất gia theo thói quen gọi Lạp là một năm. “Châu tuế” là một năm, trong một năm chỉ có một tháng Chạp⁷⁷. Nói bao nhiêu Lạp, trên thực tế là nói bao nhiêu năm.

(Sao) Diệc vân “nhất hạ”, ý chánh đồng dã.

(鈔) 亦云一夏，意正同也。

(Sao: Còn nói là một Hạ, ý nghĩa tương đồng).

Còn gọi là “một Hạ”, ý nghĩa tương đồng. Hạ là mùa Hè, gọi là “nhất Hạ” vì trong Phật giáo có quy chế An Cư mùa Hạ, An Cư quả thật là một chế độ vô cùng hay. Lúc đức Phật tại thế, sống theo lối khát thực. Mùa Hè tại Ấn Độ là mùa mưa, từ Rằm tháng Tư đến Rằm tháng Bảy là mùa mưa, mùa mưa đi ra ngoài khát thực khá khó khăn. Trời mưa lấm nước, trên mặt đất rất nhiều trùng, đi khát thực thường là không chú ý, mỗi ngày sẽ đạp chết mấy con trùng, cũng là vô ý sát sanh. Đồng thời, bọn ngoại đạo tại Ấn Độ cũng khát thực, trong ba tháng mùa mưa, họ cũng không ra ngoài khát thực, cũng có thể nói là họ đều an cư. Nếu đệ tử Phật đi khát thực trong ba tháng ấy, người thế gian sẽ xàm xì: “Bọn họ hình như chẳng giống kẻ tu đạo. Người khác tu đạo đều rất tuân thủ quy củ, chứ bọn họ không giống kẻ tu đạo”. Vì thế, có rất nhiều định chế về tập

⁷⁷ Sách Thuyết Văn Giải Tự giải thích chữ Lạp trong Lạp Nguyệt (tháng Chạp) như sau: “Lạp, hạp dã, hạp tế chư thần giả” (Lạp là hạp, vì cúng tế chung các vị thần). Các nhà chú giải cho rằng: Lạp theo nghĩa cổ là cúng tế chư thần và tổ tiên sau khi đã kết thúc gặt hái cuối năm.

quán sinh hoạt trong nhà Phật chịu ảnh hưởng từ những tôn giáo ở Cổ Ấn Độ.

Nhưng đức Phật đã ban [cho tập tục an cư mùa Hạ] một ý nghĩa đặc biệt, thù thắng! Ý nghĩa đặc biệt là ngoài những đệ tử thường tùy hăng ngày theo Phật, thân cận Phật mỗi ngày ra, đức Phật còn có rất nhiều đệ tử, số lượng còn nhiều hơn các vị thường tùy đệ tử, họ đều chủ trì các đạo tràng, giảng kinh, thuyết pháp tại mỗi địa phương. Những vị này có cơ hội thân cận Phật rất ít, hàng năm chỉ có một lần trong ba tháng An Cư mùa Hạ, thầy đều trở về gặp đức Phật, tức là mỗi năm họ có ba tháng ở cùng một chỗ với đức Phật, tiếp nhận tái giáo dục. Quy chế này vô cùng hay, mới thật sự có thể khiến cho dạy và học đều tiến triển. Do vậy, hàng năm, Phật có ba tháng để giáo dục nâng cao trình độ, gom các môn đệ trụ trì hoằng pháp các nơi về. Một mặt là tìm các vị ấy về nghe đức Phật thuyết pháp, mặt khác là những đồng học cùng nhau nghiên cứu thảo luận, chẳng hạn như vị ấy ở nơi này hóa độ chúng sanh, gặp những vấn đề khó khăn, gặp phải những kẻ kỳ quái, đối phó ra sao, có những nỗi khó khăn nào, các đồng học sẽ cùng nhau trao đổi ý kiến, khiến cho trí huệ tăng trưởng, tăng trưởng kỹ năng ứng xử với tín đồ. Vì thế, đây là một quy chế giáo dục vô cùng tốt đẹp.

Trên thế gian này, trong mấy năm gần đây, do khoa học kỹ thuật mỗi tháng mỗi ngày đều mới lạ, cho nên hiện thời mới có giáo dục nâng cao trình độ. Nếu quý vị chẳng được nâng cao trình độ, nói cách khác, quý vị sẽ lạc hậu, sẽ bị đào thải! Chúng tôi ở Mỹ, thấy có nhiều kỹ sư, nhân viên kỹ thuật trong các công xưởng của Mỹ, hàng năm thường được gửi đi huấn luyện, thời gian huấn luyện không dài, có khi là mười ngày, hay nửa tháng, nhằm học tập khoa học kỹ thuật mới mẻ, mới có thể đuổi kịp [đà tiến bộ trong ngành nghề của chính mình]. Giáo viên trong trường học cũng phải được giáo dục nâng cao trình độ giống như vậy, nếu họ chẳng được giáo dục nâng cao trình độ, cứ áp dụng phương pháp cũ kỹ, cũng chẳng theo kịp thời đại. Khoa học kỹ thuật đổi khác mỗi tháng, mỗi ngày, thúc đẩy toàn bộ xã hội tiến bộ, phồn vinh, nếu quý vị chẳng thể hấp thu kiến thức mới, chắc chắn sẽ lạc hậu, chắc chắn bị xã hội đào thải!

Từ ba ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni Phật đã đề xướng quy chế tấn tu, kết hạ an cư là giáo dục nâng cao trình độ. Do vậy, nhà Phật thường nói: “Quý vị được bao nhiêu tuổi Hạ?” Bao nhiêu tuổi Hạ là quý vị đã an cư được mấy lần; đây là tuổi xuất gia, quý vị đã xuất gia bao nhiêu năm?

(Sao) Thông xưng giả, thượng vân đức lập câu tôn.

(鈔) 通稱者，上云德臘俱尊。

(Sao: “Gọi chung”: Trong phần trên đã nói là đức hạnh lẫn tuổi lập đều đáng tôn trọng [mới được gọi là trưởng lão]).

Một đằng là nói vị ấy có học vấn, có đạo đức, một đằng là nói vị ấy xuất gia khá lâu. Trong Phật môn, xuất gia mười năm là Hạ Tọa, hai mươi năm là Trung Tọa, ba chục năm là Thượng Tọa, trưởng lão được gọi là Thượng Tọa. Tôi và pháp sư Tường Vân⁷⁸ còn thiếu một năm để gọi là Thượng Tọa, chúng tôi xuất gia hai mươi chín năm, phải là ba mươi năm mới có thể gọi là Thượng Tọa, sang năm mới tròn ba mươi năm.

(Sao) Thử vị độc đức quán chúng, đơn lập tiên nhân, diệc đắc danh vị “trưởng lão”.

(鈔) 此謂獨德冠眾，單臘先人，亦得名為長老。

(Sao: Ở đây có ý nói: Chỉ riêng đức hạnh đứng đầu đại chúng, hoặc chỉ tuổi hạ cao hơn người khác thì cũng được gọi là “trưởng lão”).

Ở đây, đều gọi chung là trưởng lão do có ý nghĩa như sau: Tuy tuổi tác chẳng lớn, xuất gia chưa lâu, nhưng nếu như vị ấy hữu đức hữu học thì cũng tôn xưng là Thượng Tọa. Chẳng hạn như vị ấy mới xuất gia, tuy

⁷⁸ Pháp sư Tường Vân (1917-1999) họ Lý, tên là Mạnh Tuyên, quê ở huyện Hải Thành, tỉnh Liêu Ninh, thuộc gia đình thư hương. Tuổi vừa mới lớn, Sư đã cảm nhận thế sự vô thường, ba cõi không yên, luôn mang chí nguyện xuất trần. Năm hai mươi tuổi, Sư tự nguyện trường trai, thờ Phật, xin đến dự thính tại Bát Nhã Phật Học Viện ở thành phố Trường Xuân để học nội điển. Sư đã từng làm ký giả, giáo viên, nhập ngũ. Sau khi sang Đài Loan, Sư luôn ôm chí nguyện xuất gia, nhưng chưa gặp nhân duyên, mãi đến năm Dân Quốc 50 (1961), Sư mới gặp nhân duyên y chỉ hòa thượng Huyền Diệu chùa Viên Giác ở Đài Bắc xin xuống tóc, pháp danh Hội Nguyên, hiệu Viên Định, nhưng hòa thượng phần nhiều dùng danh hiệu Tường Vân trong các trước tác. Sư được thọ Cụ Túc Giới dưới tòa trưởng lão Đạo Nguyên tại chùa Hải Hội (thành phố Cơ Long) cùng năm ấy. Sau khi xuất gia, Sư càng siêng gắng học nội điển, tu trì, giảng diễn, trước thuật. Sư từng được mời làm Bí Thư Trưởng Trung Quốc Phật Giáo Hội, rồi lần lượt ủy viên Văn Hiến, ủy viên xúc tiến quan hệ Phật giáo Trung Hoa - Hàn Quốc và Trung Hoa - Nhật Bản. Sư từng làm Đồng Sự Trưởng Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội, xã trưởng Phật Đà Giáo Dục Tạp Chí Xã, ủy viên cố vấn biên tập hoặc chủ bút các tờ báo Phật giáo như Từ Minh, Giác Thệ, Sư Tử Hồng, Từ Vân, Thiên Hoa, từng lãnh vai trò tôn chứng A Xà Lê trong các đàn truyền giới tại các chùa Thanh Lương, Linh Nham v.v... và chuyên dạy nội điển tại các Phật học viện Hải Minh và Tịnh Giác.

chưa lâu, nhưng đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, hoặc đã chứng quả, chứng đắc quả A La Hán; đây là “*đức tôn*” (đức hạnh đáng tôn trọng), chẳng luận định tuổi tác của vị ấy. Có những vị tuy vẫn chưa khai ngộ, cũng chưa chứng quả, nhưng xuất gia rất lâu năm, cũng có thể gọi vị ấy là Thượng Tọa. Giống như mười sáu vị tôn giả ở đây, trừ ngài A Nan và La Hầu La ra, những vị khác tuổi tác đều rất cao. Tuy hai vị này trẻ tuổi, A Nan là tiểu đệ của Phật, tức là em họ trẻ nhất. Ngài sanh nhằm ngày đức Phật thành đạo. Đức Phật thành đạo lúc ba mươi tuổi, A Nan nhỏ hơn Phật ba mươi tuổi, La Hầu La là con trai Thích Ca Mâu Ni Phật; hai vị này tuổi tác tương đối trẻ, nhưng đều chứng quả, đức đáng tôn trọng, nên cũng gọi là trưởng lão.

(Sao) Như Tỳ Bà Sa Luận, Pháp Tánh Thượng Tọa, Sanh Niên Thượng Tọa chi loại, thị dã.

(鈔) 如毗婆沙論，法性上座，生年上座之類是也。

(Sao: Như trong luận Tỳ Bà Sa, phân loại Pháp Tánh Thượng Tọa và Sanh Niên Thượng Tọa là do ý nghĩa này).

Pháp Tánh là hữu đức, minh tâm kiến tánh, được gọi là Thượng Tọa, xưng là trưởng lão. Loại khác là Sanh Niên, tức là vị tăng có tuổi tác rất cao.

(Sao) Hựu Đường dịch Cự Thọ, tức song bị đức lập.

(鈔) 又唐譯具壽，則雙備德臘。

(Sao: Lại nữa, bản Đường dịch [ghi trưởng lão] là Cự Thọ, tức là đức lẫn tuổi Hạ đều cao).

Bản “*Đường dịch*” là bản dịch của Huyền Trang đại sư. Trong bản dịch kinh này, Huyền Trang đại sư [dịch chữ “trưởng lão”] thành Cự Thọ. Hiện thời, ít dùng Cự Thọ, chứ thời cổ thường sử dụng. Cự Thọ cũng có nghĩa là học trò. Chúng ta thường thấy thầy tặng quà cho trò, trên ấy thường ghi tên “*Mồ mồ hiền cự thọ*” (học trò X...). Thuở ấy, đức Phật gọi đệ tử bằng danh từ này, gọi họ là Cự Thọ. Trong chữ Cự Thọ, ý nghĩa Đức và Lạp thầy đều có.

(Sao) Ngụy dịch Huệ Mạng, tức chuyên tựu đức ngôn.

(鈔) 魏譯慧命，則專就德言。

(Sao: Bản dịch [kinh Vô Lượng Thọ] đời Ngụy ghi [trưởng lão] là Huệ Mạng, tức là chuyên nói về đức).

Trong kinh Vô Lượng Thọ, “Ngụy dịch” là bản dịch của ngài Khang Tăng Khải, [trưởng lão] được gọi là Huệ Mạng, kinh Kim Cang cũng viết “Huệ Mạng Tu Bồ Đề”.

(Sao) Tuy viết nhị khả thông xưng, ưu tất dĩ đức vi trọng.

(鈔) 雖曰二可通稱，尤必以德為重。

(Sao: Tuy nói cả hai loại này đều có thể gọi [là trưởng lão], nhưng ắt coi trọng đức hơn).

Có Sanh Niên và Pháp Tánh, nhưng vẫn coi đức tánh là chánh yếu, coi trọng đức tánh.

(Sao) Kim kinh sở liệt, cái hữu hữu đức nhi vô lập giả, vị hữu hữu lập nhi vô đức giả dã.

(鈔) 今經所列，蓋有有德而無臘者，未有有臘而無德者也。

(Sao: Nay [mười sáu vị tôn giả] được nêu tên trong kinh này, có vị hữu đức thiếu lập, nhưng chưa hề có vị nào có lập thiếu đức).

Đây là nói tới mười sáu vị tôn giả được nêu tên ở đây. Mười sáu vị tôn giả ấy, có vị hữu đức vô lập, “vô lập” là tuổi rất trẻ, có hai vị (A Nan và La Hầu La), nhưng chẳng có vị nào hữu lập vô đức, đều là đức cao vọng trọng!

(Sao) “Quán hạ” giả, trưởng lão chi xưng, bất độc Xá Lợi Phát, nãi chí A Nậu Lô Đà, giai danh trưởng lão, giai thượng thủ đệ tử dã.

(鈔) 貫下者，長老之稱，不獨舍利弗，乃至阿耨樓駄，皆名長老，皆上首弟子也。

(Sao: “Áp dụng chung” là danh xưng trưởng lão không chỉ gọi riêng ngài Xá Lợi Phát, mà cho đến ngài A Nậu Lô Đà đều gọi là trưởng lão, đều là bậc thượng thủ trong các vị đệ tử).

Trong kinh này, những vị ấy đều mang ý nghĩa biểu thị pháp, tượng trưng pháp môn này “thích hợp khắp ba căn, gồm thâu lợi căn lẫn độn

căn”. Vị được nêu tên đầu tiên là tôn giả Xá Lợi Phất. Tôn giả Xá Lợi Phất trí huệ bậc nhất, biểu thị pháp môn này nếu chẳng phải là người trí huệ bậc nhất sẽ chẳng thể tin tưởng, chẳng thể phát nguyện cầu sanh Tây Phương. Nếu một người thật sự thông đạt Phật pháp, thật sự hiểu rõ sanh tử luân hồi đáng kinh sợ, không ai chẳng chọn lựa pháp môn Niệm Phật, vì sao? Niệm Phật quyết định thành Phật, không chỉ quyết định thành Phật, mà còn quyết định thành Phật trong một đời, không cần đợi đến đời sau! Thật sự phát tâm niệm Phật tức là quý vị đối với lý luận, phương pháp, và cảnh giới của pháp môn này đều có thể hiểu rõ, thông đạt, y giáo phụng hành.

Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói nhiều lần, điều ấy cũng chẳng phải là giả! [Do tu pháp môn này, đối với] tám nỗi khổ chen nhau nung nấu, chúng ta đều có thể diệt trừ, tuyệt diệu, thật sự lìa khổ được vui! Chẳng cần nói tương lai vãng sanh Tây Phương lìa khổ được vui, mà là lìa khổ được vui ngay trong hiện tại. Do vậy, người thật sự niệm Phật có thể đạt được “chẳng già, chẳng bệnh, chẳng chết”. Lúc vãng sanh, sáng suốt, tinh táo, biết trước lúc mất, chẳng bị bệnh khổ, khi mất như nhập Thiên Định, đó là chẳng có tử khổ, lúc ra đi chẳng ngã bệnh. Chúng ta thấy nhiều người đã làm được, phải suy nghĩ: Vì sao họ có thể làm được? Cũng có chẳng ít người tuy niệm Phật, nhưng không làm được, quý vị hãy quan sát cận kề, vì sao họ chẳng làm được? Nếu chúng ta tự mình quan sát rõ ràng, tiêu trừ nguyên nhân khiến cho chúng ta không thể làm được, học tập những người đã làm được, thì chúng ta cũng sẽ làm được, cũng sẽ thành công! Phạm là người có thể làm được, tất nhiên là một trăm phần trăm y giáo phụng hành, công đức lợi ích ấy chẳng thể nghĩ bàn, vì sao chúng ta không chọn lấy? Vì sao chẳng cần đến [pháp môn Niệm Phật này]? Vì thế, con người nói đến giác ngộ thì người ấy giác ngộ điều gì? Giác ngộ điều này, đó mới gọi là thật sự giác ngộ, triệt đề giác ngộ, đầy là trí huệ. Người giác ngộ có trí huệ, có thể chọn lựa, trong hết thảy các pháp môn, chọn lựa pháp môn thù thắng, chọn lựa pháp môn bậc nhất. Chúng ta sẽ thảo luận tỉ mỉ nghĩa lý này trong kinh Vô Lượng Thọ vì kinh Vô Lượng Thọ vừa mở đầu bèn thảo luận vấn đề này!

(Sớ) Xá Lợi Phất giả, Phạn ngữ Xá Lợi, thứ vân Thu Lộ.

(疏) 舍利弗者，梵語舍利，此云鷲鷲。

(Sớ: Xá Lợi Phất (Śāriputra), tiếng Phạn Xá Lợi, cõi này dịch là Thu Lộ).

Dịch sang nghĩa tiếng Hán là Lộ Tu⁷⁹, Đài Loan có loại chim này!

(Sớ) Phạn ngữ Phất, thủ vân Tử, cố vân Thu Tử, diệc vân Thân Tử, diệc vân Châu Tử, cánh hữu đa hiệu, khùng phiến bất dẫn. Chư đệ tử trung, trí huệ đệ nhất. Xung đệ nhất giả, cô hiển nhất đức, Ngữ vân: “Quân tử bất khí”, hướng phục La Hán.

(疏)梵語弗，此云子，故云鶩子，亦云身子，亦云珠子，更有多號，恐繁不引。諸弟子中，智慧第一。稱第一者，姑顯一德，語云：君子不器，況復羅漢。

(Sớ: Tiếng Phạn “Phất” (Putra), côi này dịch là Tử (con), nên [Xá Lợi Phất] được dịch là Thu Tử, hoặc Thân Tử, hoặc còn dịch là Châu Tử, có nhiều danh hiệu, sợ rườm rà nên chẳng nêu ra. Trong các vị đệ tử, Ngài có trí huệ bậc nhất. Nói “đệ nhất” chỉ là hiển lộ một đức. Sách Luận Ngữ nói: “Quân tử chẳng chỉ có một tài nghệ”, hướng hồ bậc La Hán ư?)

Hướng gì những vị ấy đều là Đại A La Hán, chẳng phải là A La Hán thông thường.

(Sao) Thu Tử giả.

(鈔) 鶩子者。

(Sao: Thu Tử)

Vì sao Ngài có tên là Xá Lợi Phất? Cổ nhân đặt tên, Ấn Độ và Trung Quốc có rất nhiều chỗ tương tự. Có người đặt tên theo đức tánh, có người đặt tên dựa theo thân thể, chẳng hạn như những điểm đặc trưng đặc thù. Thí dụ như có người đầu rất lớn, chúng ta gọi là Đại Đầu, trọn chẳng phải là không dễ nghe. Cổ nhân thường có lệ này. Tôn giả Câu Hy La đầu gối rất lớn, to hơn người khác, nên [tên Ngài] dịch sang nghĩa tiếng Hán là Đại Tất Cái (đầu gối to). Cho nên có rất nhiều trường hợp đặt tên theo cách như vậy. Một loại khác, quá nửa là cha mẹ biểu lộ lòng kỳ vọng nơi con cái, mong con cái mai sau khôn lớn sẽ danh xứng với thật. Chẳng

⁷⁹ Lộ Tu (鶩) là tiếng gọi chung những loài diệc hay cò trắng, có đến mười bảy loài khác nhau. Đẹp nhất là loài Bạch Lộ, lông trắng muốt, mỏ đen, sau đầu có hai sợi lông dài trắng phau. Tuy vậy, có sách dịch chữ Thu Lộ thành Hoàng Ly là một loài chim bé, lông vàng, cánh đen, ta thường gọi là chim Vàng Anh. Trong Yếu Giải, tổ Ngẫu Ích đã dẫn lời thiền sư Sở Phạm Thạch Kỳ nói Xá Lợi là chim Xuân Oanh.

giống như hiện thời, đặt tên lung tung xèng, chỉ quan tâm tới nét bút, Âm Dương cát hung⁸⁰, đều chẳng hợp tình hợp lý.

(Sao) Kỳ mẫu sanh hình đoan chánh.

(鈔) 其母生形端正。

(Sao: Mẹ Ngài thân hình đoan chánh).

Dung mạo của mẹ ngài Xá Lợi Phát vô cùng đoan chánh.

(Sao) Nhãn tịnh như Thu Lộ, liên mẫu đắc danh, vân thị Thu Lộ chi tử dã.

(鈔) 眼淨如鶩鶩，連母得名，云是鶩鶩之子也。

(Sao: Mắt trong như mắt chim Thu Lộ, do mẹ mà Ngài có tên ấy, [Xá Lợi Phát] nghĩa là con bà Thu Lộ).

Mắt của mẹ Ngài rất đẹp, giống như mắt chim Thu Lộ. Do vậy, mọi người gọi Ngài là “con bà Thu Lộ”, do gọi tên theo mẹ mà có danh hiệu như vậy.

(Sao) Thân Tử tức thân đoan ý.

(鈔) 身子即身端意。

(Sao: Thân Tử: Ý nói thân thể đoan chánh).

Mẹ Ngài thân hình đoan chánh, nên [Ngài được gọi theo đặc điểm của mẹ] thành Thân Tử.

(Sao) Châu Tử tức nhãn tịnh ý.

(鈔) 珠子即眼淨意。

(Sao: Châu Tử có nghĩa là mắt trong veo).

“Châu” là “nhãn châu” (眼珠: tròng mắt). Tròng mắt của mẹ Ngài hết sức đẹp đẽ, nên gọi Ngài là Châu Tử. “Nhãn tịnh ý” có nghĩa là con mắt thanh tịnh.

⁸⁰ Đây là một môn bói toán, theo đó, thầy bói sẽ đếm tên họ viết theo chữ Hán có mấy nét, thuộc bộ nào để gán cho tên gọi ấy thuộc hành nào trong Ngũ Hành, để lập thành quẻ Bát Quái Âm Dương rồi tiên đoán mạng vận của đứa trẻ. Do vậy, nhiều khi cha mẹ cầu kỳ đặt tên con sao cho số nét phối hợp thành quẻ tốt, chẳng cần quan tâm đến ý nghĩa thật sự.

(Sao) Cánh hữu đa hiệu, phi kim sở cấp, cố bất phiền dẫn.

(鈔) 更有多號，非今所急，故不繁引。

(Sao: Ngài còn có nhiều danh hiệu nữa, nhưng nay những điều ấy chẳng cần thiết, nên chẳng cần nêu ra để khỏi rườm rà).

Ngài có rất nhiều danh hiệu.

(Sao) Hạ giai lệ thử.

(鈔) 下皆例此。

(Sao: Những vị sau đó đều theo lệ này).

Mỗi vị tôn giả đều có rất nhiều danh hiệu, không chỉ là một tên.

(Sao) Trí huệ giả, tại mẫu thai thời, dĩ năng linh mẫu biện thắng kỳ cữu.

(鈔) 智慧者，在母胎時，已能令母辯勝其舅。

(Sao: “Trí huệ”: Lúc còn ở trong thai mẹ, đã có thể khiến cho mẹ tranh biện thắng cậu).

Cậu của Ngài là tôn giả Câu Hy La; lúc Ngài chưa sanh ra, còn đang nằm trong bụng mẹ, bình thường mẹ Ngài biện luận với em trai luôn thua cuộc, em trai bà ta rất thông minh. Kể từ khi mang thai Xá Lợi Phất, mẹ Ngài biện tài vô ngại, mỗi lần cùng em trai biện luận, em trai đều thua. Người em suy nghĩ: “Đây chẳng phải là năng lực của chị ta! Trước đây, chị chẳng bằng ta, nhất định là do đứa bé trong bụng chị, tức cháu trai ta. Trong tương lai, nó ra đời, ta làm cậu mà chẳng tranh biện thắng nổi nó, mất mặt lắm”. Do vậy, tôn giả liền đi tham học. Đến Nam Thiên Trúc, tham phỏng các đại đức, nghiêm túc học tập, đọc mười tám loại kinh, chuẩn bị cho mai sau, khi trở về, đứa cháu đã lớn lên, chẳng đến nỗi thua nó, Ngài có ý niệm như thế! Trong thời gian cầu học, tôn giả vô cùng dụng công, chẳng có thời gian cắt móng tay, nên móng tay cũng rất dài, người ta gọi Ngài là Trường Trảo Phạm Chí (thầy tu Bà La Môn móng tay dài). Trường Trảo Phạm Chí là cậu của ngài Xá Lợi Phất.

Đến khi Ngài trở về, Xá Lợi Phất đã bảy tám tuổi, đã theo Thích Ca Mâu Ni Phật xuất gia, Ngài cũng rất không phục, nói: “Cháu ta thông minh như thế, làm sao có thể theo Thích Ca Mâu Ni Phật xuất gia? Chẳng có lẽ nào?” Ngài tìm Thích Ca Mâu Ni Phật để biện luận. Tìm được Thích Ca

Mâu Ni Phật, liền hỏi: “Cháu ta là Xá Lợi Phất có thuộc trong hội của Phật hay không?” Đức Phật đáp: “Có, ở chỗ này của ta”. Ngài nghĩ muốn đem cháu về, đức Phật chẳng chấp thuận, bảo hãy biện luận, đức Phật bảo: “Nếu ông tranh biện thắng, ta sẽ cho ông mang Xá Lợi Phất về”. Tôn giả nói: “Tôi tranh biện thua, sẽ dâng đầu cho Ngài, chặt đầu đưa cho Ngài”. Đức Phật nói: “Được! Ông hãy đưa ra một đề tài”. Tôn giả bèn nói: “Tông chỉ của ta là chẳng thọ hết thảy các pháp”. Đức Phật liền hỏi: “Ông có thọ câu nói ấy hay không? Nếu ông thọ, tức là thua rồi. Hết thảy các pháp chẳng thọ thì đối với pháp ấy ông thọ hay chẳng thọ?” Tôn giả nghe đức Phật nói như vậy, tự hiểu chẳng xong rồi, quay đầu bỏ đi. Đi không bao xa, bèn quay trở lại, đại trượng phu một khi đã thốt ra lời, ngựa kéo xe cặp bốn⁸¹ khó đuổi theo được, đã hứa chặt đầu bèn chặt đầu, quay trở lại chỗ Thích Ca Mâu Ni Phật, thừa nhận đã thua, chuẩn bị chặt đầu dâng cho Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật nói: “Ta cũng chẳng cần ông chặt đầu, ông hãy ngoan ngoãn bái ta làm thầy trong hội này, làm đệ tử của ta là được rồi”. Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng thu nhận cậu của ngài Xá Lợi Phất làm đệ tử. Chuyện này được Trí Độ Luận chép rất tỉ mỉ, tức là chuyện của Trường Trảo Phạm Chí⁸². Đây là nói khi Ngài ở trong thai, cũng có thể biện luận thắng cậu mình.

(Sao) Bát tuế dâng tọa, thập lục đại quốc, nghị luận vô song, thất nhật chi nội, biến đạt Phật pháp, cố viết trí huệ đệ nhất.

(鈔)八歲登座，十六大國，議論無雙，七日之內，遍達佛法，故曰智慧第一。

(Sao: Năm tám tuổi lên giảng tòa, trong mười sáu nước lớn⁸³, không ai nghị luận bằng được Ngài, [sau khi xuất gia với Phật], trong vòng bảy ngày, thông đạt trọn khắp Phật pháp, nên gọi là trí huệ bậc nhất).

⁸¹ Tứ mã (馬馬) là ngựa thặng xe bốn con chung một cỗ. Ngựa thặng cặp bốn như vậy phải là ngựa thuần thực, khỏe đều, chạy đều, bền sức.

⁸² Phạm Chí (Brahmacārin) có nghĩa gốc là chàng thanh niên thuộc chủng tánh Bà La Môn đang trong giai đoạn tu học thánh điển và giữ mình, sống đời độc thân trong sạch. Đây là giai đoạn đầu trong bốn giai đoạn (Āśrama) bắt buộc của thanh niên Bà La Môn. Nói theo nghĩa rộng, chữ Phạm Chí chỉ chung những người tu theo đạo Bà La Môn (Ấn Độ Giáo về sau này), thậm chí, về sau này, tất cả những tu sĩ ngoại đạo đều được gọi chung là Phạm Chí.

⁸³ Theo kinh Xà Ni Sa trong kinh Trường A Hàm, mười sáu đại quốc là Ương Già (Anga), Ma Kiệt Đà (Magadha), Ca Thi (Kāśi), Câu Tát La (Kosāla), Bạt Kỳ (Vrjji), Mạt La (Malla), Chi Đề (Cedi), Bạt Sa (Vatsa), Cư Lôu (Kuru), Bàn Xà La (Pañcāla),

Trong kinh, đức Phật đã nói rất rõ ràng: Xá Lợi Phất là cỗ Phật tái lai, cố ý thị hiện. Mục Kiền Liên cũng thế, hai vị này là cỗ Phật tái lai.

(Sao) Cô hiển nhất đức giả.

(鈔) 姑顯一德者。

(Sao: Chỉ hiển lộ một đức).

“Cô” là tạm thời, cho thấy Ngài có quá nhiều đức, chỉ nêu lên một điều!

(Sao) Minh phi Thân Tử chi ngoại, chư A La Hán giai vi liệt huệ.

(鈔) 明非身子之外，諸阿羅漢皆為劣慧。

(Sao: Nói rõ: Chẳng phải là ngoài ngài Xá Lợi Phất ra, các vị A La Hán khác đều là trí huệ kém cõi).

Nói thật ra, mười sáu vị này, không ai chẳng phải trí huệ đệ nhất, ai này đều có trí huệ, nhưng nhằm biểu thị pháp, nên mỗi cá nhân đại diện một thứ, thật ra, mỗi vị tôn giả đều là trí huệ đức năng vô lượng vô biên.

(Sao) Diệt phi Thân Tử chi cụ trí huệ, dư tắc bất kiêm, cái thị các cử nhất đức, dĩ biểu pháp môn vô lượng.

(鈔) 亦非身子止具智慧，餘則不兼，蓋是各舉一德，以表法門無量。

(Sao: Mà cũng chẳng phải là ngài Xá Lợi Phất chỉ có trí huệ, chẳng có những đức năng khác, ấy là vì đối với mỗi vị chỉ nêu một đức, nhằm biểu thị pháp môn vô lượng).

Nhằm dụng ý biểu thị pháp, đại biểu pháp môn này.

A Thấp Ba (Ásvaka), A Ban Đề (Avanti), Bà Tha (Matsya), Tô La Sa (Śūrasena), Càn Đà La (Gandhāra), và Kiêm Bình Sa (Kambboja). Trong kinh Phật thường nhắc tới những đại thành như Xá Vệ, Vương Xá, Chiêm Bà, Tỳ Xá Ly, Kiều Diễm Di v.v... đó là thủ đô của những nước lớn, chẳng hạn như Xá Vệ là thủ đô của Câu Tát La (còn phiên âm là Kiều Tát La), Vương Xá là thủ đô của Ma Kiệt Đà, Chiêm Bà (Campā) là thủ đô của nước Ương Già, Tỳ Xá Ly (Vaishali) là thủ đô của Bạt Kỳ, Kiều Diễm Di (Kausambi) là thủ đô của Bạt Sa...

(Sao) Hựu dĩ dẫn chư thiên hảo nhĩ.

(鈔) 又以引諸偏好耳。

(Sao: Lại [nhằm dụng ý] tiếp dẫn những kẻ riêng ưa thích [một phẩm đức nào đó]).

“Dẫn” là tiếp dẫn. Thế gian này có rất nhiều người ham mê khác nhau, có người ưa trí huệ, có kẻ chuộng thần thông, có người thích biện luận, mỗi cá nhân ham mê khác nhau. Ngài Xá Lợi Phất chuyên hướng dẫn loại người ưa chuộng trí huệ. Quý vị cầu trí huệ bậc nhất thì đến đâu để học trí huệ đệ nhất? Trong kinh này, Ngài đại diện trí huệ đệ nhất, đại biểu ý nghĩa này. Có rất nhiều người nói “kinh Di Đà nhằm độ mấy bà già”, để độ bà già thì cần gì phải kể tên Xá Lợi Phất và Mục Liên Liên ở đây? Chẳng cần! Những kẻ đọc kinh Phật chẳng nghiên cứu [kỹ càng] đại ý của bản kinh thường nghĩ như vậy, quá sức ơ hờ! Người thật sự thông đạt Phật pháp, chẳng cần đọc kinh văn, nhìn thấy những vị nào được nêu tên trong kinh văn liền hiểu tánh chất và nội dung của bộ kinh ấy. Đây là vì hướng dẫn những kẻ ưa chuộng riêng một môn nào đó!

(Sao) Như kinh ngôn: Xá Lợi Phất yển tọa, Mục Liên dục khởi kỳ định, kiệt tận thần lực, bất năng động kỳ y chi nhất đới. Thường ngôn Mục Liên thần thông đệ nhất, thực tri Xá Lợi Phất thần thông, nãi chí thị hồ!

(鈔) 如經言：舍利弗晏座，目連欲起其定，竭盡神力，不能動其衣之一帶。常言目連神通第一，孰知舍利弗神通，乃至是乎。

(Sao: Như kinh đã nói: Ngài Xá Lợi Phất ngồi yên, Mục Liên muốn Ngài xuất Định, bèn dốc cạn thần lực, nhưng chẳng thể động một chéo y của ngài [Xá Lợi Phất]. Thường nói “Mục Liên thần thông bậc nhất”, nào biết ngài Xá Lợi Phất thần thông đến thế!)

Đây là nói đức năng trọn chẳng phải chỉ có một, nêu lên một thí dụ về sự thị hiện thần thông của ngài Xá Lợi Phất. Chúng ta hiểu: Trong các đệ tử đức Phật, ngài Mục Liên Liên thần thông đệ nhất, nhưng Mục Liên Liên vẫn chẳng thể làm gì ngài Xá Lợi Phất được! Có một hôm, Xá Lợi Phất tịnh tọa, Mục Liên muốn Ngài xuất Định, đã dùng hết thần thông vẫn chẳng thể lay động Ngài, ngay cả đối với y phục của Ngài mà còn chẳng

có cách nào lay động, huông gì những thứ khác? Quý vị mới hiểu ngài Xá Lợi Phát thần thông chẳng thể nghĩ bàn!

(Sao) Quân tử bất khí giả, Khổng Tử ngữ.

(鈔) 君子不器者，孔子語。

(Sao: “Quân tử bất khí” là lời Khổng Tử nói).

Đây là lời Khổng lão phu tử nói⁸⁴, “khí” là khí cụ (器具: vật dụng), quân tử là người lắm tài, có rất nhiều sở trường. Chữ “Khí” hàm ý chỉ có một tài năng chuyên biệt, bởi lẽ, các vật dụng chỉ có một công dụng, chẳng thể có rất nhiều công dụng được. “Bất khí” nghĩa là lắm tài, lắm nghề, thứ gì cũng đều có thể làm được. Dưới đây là nêu một tỷ dụ:

(Sao) Như châu bất khả lục, xa bất khả thủy, thị khí dã.

(鈔) 如舟不可陸，車不可水，是器也。

(Sao: Như thuyền chẳng thể lướt trên mặt đất, xe chẳng thể chạy dưới nước, đó là Khí (một công dụng chuyên biệt)).

Thuyền chẳng thể đi trên đất, thuyền chỉ có thể bơi dưới nước, chỉ có một cách sử dụng.

(Sao) Quân tử cụ túc đa năng, bất trệ nhất khí, khởi đắc vị Nhan Mẫn vô văn, Du Hạ khuyết hạnh.

(鈔) 君子具足多能，不滯一器，豈得謂顏閔無文、游夏缺行。

(Sao: Quân tử trọn đủ nhiều tài năng, chẳng vướng mắc nơi một tài năng nào. Há có thể nói Nhan Hối và Mẫn Tử Khiên chẳng hiểu văn chương, Tử Du và Tử Hạ thiếu đức hạnh u?)

“Nhan” là Nhan Hối, “Mẫn” là Mẫn Tử Khiên⁸⁵, họ đều là đệ tử nhập thất của Khổng lão phu tử, tức là trong số những người được gọi

⁸⁴ Câu này trích từ thiên Vi Chánh sách Luận Ngữ.

⁸⁵ Nhan Hối (521-481 trước Công Nguyên), tự là Tử Uyên, nên thường gọi là Nhan Uyên, được tặng mỹ hiệu Phục Thánh, người nước Lỗ, là học trò đặc ý của Khổng Tử, được xếp hàng thứ tư trong Thập Triết (mười môn đệ đứng đầu), được coi là người đức hạnh nhất trong số các môn đệ. Ngài gia cảnh thanh bần, nhưng vẫn an bần lạc đạo, giữ vững đức hạnh. Ngài là người cực thông minh, nhưng yếu thọ, mắt sớm, nên

Thất Thập Nhị Hiền (bảy mươi hai hiền nhân). Nhan Hòì được kể tên trong số những vị đức hạnh, chẳng lẽ Ngài chẳng hiểu gì về văn học ư? Hiền chứ! Đặc biệt nêu gương đức hạnh của Ngài. “Du” là Tử Du, “Hạ” là Tử Hạ⁸⁶, Không lão phu tử thường thường ca ngợi họ về tài nghệ, chẳng lẽ họ thiếu đức hạnh ư? Họ có chứ, bất quá chẳng nêu ra đó thôi!

(Sao) Quân tử thượng nhĩ, huông siêu phàm nhập thánh, tam minh kiển nhiên, lục thông thanh triệt, hiệu Lộ Tận A La Hán da? Có viết “cô hiển nhất đức” đã.

(鈔)君子尚爾，況超凡入聖，三明皎然，六通清徹，號漏盡阿羅漢耶，故曰姑顯一德也。

khi Nhan Hòì mất, Không Tử đã cảm thán khôn cùng. Đến đời Hán, Nhan Hòì được tôn xưng là người đứng đầu trong Thất Thập Nhị Hiền. Ngài cũng là người có miếu thờ riêng tại Khúc Phụ (quê Không Tử), nơi ấy gọi là Phục Thánh Miếu.

Mẫn Tử Khiên (536-487 trước Công Nguyên), tên thật là Mẫn Tôn, Tử Khiên là tên tự, người nước Lỗ, đứng đầu Thập Triệt, đức hạnh chẳng kém gì Nhan Uyên, được tôn là người chí hiếu, bị mẹ ghẻ ngược đãi vẫn một mực hiếu thuận. Trời lạnh, mẹ ghẻ ác độc, không cho mặc áo bông, phải độn lau vào áo để giữ ấm. Khi đẩy xe cho cha ra ngoài, do lạnh quá, run tay, đẩy xe xuống mương, cha tức giận cầm gậy vụt, áo rách, hoa lau bay lá tả. Cha hiểu rõ nguồn cơn, giận dữ, toan bỏ vợ. Mẫn Tử Khiên van xin cha nguôi giận: “Mẹ còn chỉ mình con lạnh, nếu cha đuổi mẹ, hai em con cũng phải chịu cảnh cô cút”. Mẹ kể nghe chuyện cũng cảm động từ đó sửa đổi tính tình. Ông nổi tiếng là người ít nói, cẩn trọng, đến nỗi Không Tử khen ngợi: “Phù nhân bất ngôn, ngôn tất hữu trúng” (Ôi! Người này chẳng nói, chứ nói ắt phải trúng). Họ Mẫn ở Đại Hàn tự xưng là hậu duệ của Mẫn Tử Khiên.

⁸⁶ Tử Du là tên tự của Ngôn Yển (506-443 trước Công Nguyên), là người xứ Thường Thục, nước Ngô. Ông là người phương Nam duy nhất trong bảy mươi hai môn đệ hàng đầu của Không Tử. Sau khi học thành tài, ông trở về Nam, truyền bá Nho giáo, công hiến rất lớn trong việc phát triển văn hóa vùng Giang Nam, nên được hậu thế tôn xưng là Nam Phương Phu Tử. Các triều đại Đường, Tống, Nguyên lần lượt được truy tặng ông những danh hiệu Ngô Hầu, Đan Dương Công rồi Ngô Công. Tử Du từng làm Ấp Tề ấp Vũ Thành nước Lỗ, lòng danh về tài văn học, chủ trương dùng lễ nhạc giáo hóa dân chúng.

Tử Hạ là tên tự của Bốc Thương (507-420 trước Công Nguyên), quê ở Ôn Ấp (nước Tấn), tài văn học sánh ngang Tử Du. Ông đóng góp nhiều trong công việc giáo dục thời ấy, chủ trương lấy lòng Nhân để thay đổi con người. Về già, ông sang xứ Tây Hà nước Ngụy dạy học, sáng lập Tây Hà Học Phái nhằm bồi dưỡng nhân tài. Không may, tuổi già, con chết trẻ, ông thương khóc đến nỗi mù mắt. Do đó, trong Văn Sao, Ấn Quang đại sư mới dùng điển tích “Tây Hà thất minh” (Tây Hà mù mắt) khi nói về tật mắt kém của mình.

(Sao: Quân tử còn như thế, huống bậc siêu phàm nhập thánh, tam minh rạng ngời, lục thông thấu suốt, được gọi là Lậu Tận A La Hán ư? Vì thế, nói “chỉ hiển thị một đức”).

Tam Minh và Lục Thông có cùng một ý nghĩa. Lục Thông là sáu thứ thần thông. Tam Minh là sáu thứ thần thông được nâng cao hơn, thù thắng hơn, nên gọi là Tam Minh. Tam Minh (Tri-vidyā) là Túc Mạng Minh (Pūrva Nivāsānusmṛti Jñāna-sāksāt-kriya Vidyā), Thiên Nhãn Minh (Cyuty-upapatti Jñāna-sāksāt-kriya Vidyā) và Lậu Tận Minh (Āsrava-ksaya Jñāna-sāksāt-kriya Vidyā).

(Sớ) Thủ cử Xá Lợi Phát, dĩ thử kinh duy trí sở giải cố.

(疏) 首舉舍利弗，以此經惟智所解故。

(Sớ: Nêu tên ngài Xá Lợi Phát đầu tiên vì chỉ có người trí mới hiểu kinh này).

Ở đây, Liên Trì đại sư đặc biệt nhắc nhở chúng ta, kinh xếp ngài Xá Lợi Phát đầu tiên vì nói thật ra, chỉ có bậc đại trí huệ mới có thể hiểu, tin, bằng lòng y giáo phụng hành bộ kinh này!

(Sao) Kinh trung Phật vị chúng sanh thuyết thử nan tín chi pháp, nan tín, tắc duy trí huệ thâm viễn giả, thử tín bất nghi, thị dĩ thủ cử.

(鈔) 經中佛為眾生說此難信之法，難信，則惟智慧深遠者，始信不疑，是以首舉。

(Sao: Trong kinh, đức Phật vì chúng sanh mà nói pháp khó tin này. Khó tin thì chỉ có người trí huệ sâu xa mới tin tưởng chẳng nghi; vì thế, nêu tên Ngài đầu tiên).

Đặt tên giả Xá Lợi Phát ở đầu kinh, nhất là kinh này từ đầu tới cuối, đức Phật đều gọi ngài Xá Lợi Phát để nói, chẳng gọi người khác, ngụ ý chỉ có thể nói với người có đại trí huệ. Kể chẳng phải là bậc đại trí huệ sẽ chẳng tin tưởng, đây là pháp khó tin mà! Pháp môn này là pháp thành Phật ngay trong một đời; chúng ta đọc sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư [sẽ thấy] Ngài giải thích chữ Phật Thuyết trong tựa đề kinh, Thuyết là “*duyệt sở hoài dã*” (thỏa thích điều ấp ủ). Đức Phật lấy độ chúng sanh làm bản hoài, đức Phật có nguyện vọng muốn độ trọn hết thầy chúng sanh, mong muốn hết thầy chúng sanh mau chóng thành Phật. Nay cơ duyên thành

Phật của chúng sanh đã chín muồi, quý vị nghĩ xem: Đức Phật có vui sướng hay chẳng? Thật sự là một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp tới nay, cơ hội khiến nhiều người dường ấy được thành Phật đã tới, đức Phật thật sự hoan hỷ, vui sướng, giảng cho chúng ta pháp khó tin này, tức là phương pháp quyết định thành Phật ngay trong một đời. Thưa quý vị, [do hành theo] những kinh điển khác, thành Bồ Tát, thành Duyên Giác, thành La Hán tuyệt vời lắm, nhưng chẳng có bộ kinh nào thành Phật! Quý vị đi kiếm, chẳng có bộ nào cả! Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, thành Phật như thế nào? Đến cuối cùng, “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”, đến thế giới Cực Lạc thành Phật. Bộ kinh này từ đầu đến cuối giảng về thế giới Cực Lạc, chẳng phải là nói kèm theo, mà là toàn bộ đều nói! Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là nói kèm theo, chẳng phải là chuyên nói, còn kinh này là kinh điển để thành Phật.

Trong phần trước, chúng tôi đã một đôi lần nhắc nhở quý vị, niệm Phật thành Phật, niệm Bồ Tát thành Bồ Tát, niệm La Hán bèn thành La Hán, “*tâm này là Phật, tâm này làm Phật*”, tâm chúng ta muốn làm gì sẽ làm nấy. Do vậy, trong vô lượng pháp môn, chẳng có pháp môn nào thù thắng bằng pháp môn Niệm Phật! Kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Thập Địa Bồ Tát, từ đầu tới cuối chẳng lìa niệm Phật*”, chúng ta tin tưởng. Qua năm mươi ba lần tham học trong Tứ Thập Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Thiện Tài đồng tử đi tham phỏng, vị thiện tri thức thứ nhất là tỳ-kheo Đức Vân, trong Tứ Thập Hoa Nghiêm gọi Ngài là tỳ-kheo Cát Tường Vân, dạy Thiện Tài pháp môn Niệm Phật. Vị thiện tri thức cuối cùng, tức vị thiện tri thức thứ năm mươi ba là Phổ Hiền Bồ Tát, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Do vậy, có thể biết: Thiện Tài đồng tử từ đầu tới cuối chẳng lìa pháp môn Niệm Phật, Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì? Pháp môn tín nguyện trì danh, chúng ta thấy được điều này từ kinh Hoa Nghiêm. Giữa năm mươi một vị thiện tri thức ấy, bao gồm Tông, Giáo, Hiền, Mật, ngoại đạo, trong tất cả hết thảy các pháp môn, Niệm Phật là bậc nhất, Niệm Phật là thành Phật trong một đời. Thật sự hiểu rõ đạo lý này, các kinh khác, chẳng cần niệm Phật, Bồ Tát khác, quý vị mới là thật sự tin tưởng.

Ta muốn tiêu tai vẫn niệm phẩm Phổ Môn, mắc bệnh vẫn niệm kinh Dược Sư, nghiệp chướng nặng nề bèn niệm kinh Địa Tạng, đây là gì? Quý vị vẫn chưa tin tưởng! Thật sự tin tưởng, kinh này là kinh bậc nhất, pháp môn này là pháp môn đệ nhất. Nói tới tiêu tai thì nói thật ra, Quán Âm Bồ Tát chẳng tiêu được, A Di Đà Phật có thể tiêu! Tiêu tội nghiệp, Địa Tạng Bồ Tát làm không được, nhưng A Di Đà Phật có thể thực hiện. Kể ấy chẳng tin A Di Đà Phật, cho nên đức Phật nói là pháp khó tin, chẳng sai!

Kẻ ấy không tin, khó tin mà! Có bệnh tật bèn tìm Dược Sư Như Lai, chẳng biết tìm A Di Đà Phật, niệm như vậy hữu hiệu hay chẳng? Hữu hiệu; nhưng hiệu quả chẳng lớn, nguyên nhân vì sao? Vì tâm quý vị chẳng chuyên, nếu chuyên tâm sẽ có sức mạnh to lớn, tâm chẳng chuyên mà!

Do vậy, một đạo tràng thật sự tu Tịnh Độ là khó có, từ thời Dân Quốc tới nay chỉ có đạo tràng của Ấn Quang đại sư chuyên tu Tịnh Độ, họ chỉ niệm một bộ kinh A Di Đà, trong mười hai thời một câu A Di Đà Phật chẳng gián đoạn, trong Niệm Phật Đường, Phật hiệu chẳng gián đoạn, đạo tràng ấy là đạo tràng của người thật sự thành tựu. Do vậy, chúng ta thấy pháp khó tin, vừa mở đầu bèn đặt Xá Lợi Phất vào vị trí thứ nhất, ý nghĩa ấy vô cùng sâu!

(Sao) Hoặc nạn.

(鈔) 或難。

(Sao: Nếu cật vấn).

“Nạn” là vấn nạn.

(Sao) Bát Nhã Tâm Kinh, độc cáo Thân Tử, tác tri Thân Tử chi trí, tại hồ giải Không, bất tại Tịnh Độ.

(鈔) 般若心經，獨告身子，則知身子之智，在乎解空，不在淨土。

(Sao: Bát Nhã Tâm Kinh chỉ nói riêng với ngài Xá Lợi Phất, nên biết trí của ngài Xá Lợi Phất chú trọng nơi giải Không, chẳng tại Tịnh Độ).

Nếu có người đưa ra vấn đề này để tranh luận, trí huệ của ngài Xá Lợi Phất là giải Không, trong kinh Bát Nhã nêu tên Ngài, làm sao Ngài có biết Hữu? Tịnh Độ là Hữu! Dưới đây là câu trả lời của Liên Trì đại sư:

(Sao) Y! Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, độc bất viết Tịnh Độ tức Không, Không tức Tịnh Độ hồ? Nhược bát Tịnh Độ, tác phi Chân Không, bất giải Chân Không, tác phi chánh trí, Thân Tử chi trí, tất bất như thị.

(鈔) 噫！色即是空，空即是色，獨不曰淨土即空，空即淨土乎。若撥淨土，則非真空，不解真空，則非正智，身子之智，必不如是。

(Sao: Ôi! Sắc chính là Không, Không chính là Sắc, lẽ nào chẳng phải “Tịnh Độ chính là Không, Không chính là Tịnh Độ” hay sao? Nếu bài bác Tịnh Độ thì sẽ chẳng phải là Chân Không, chẳng hiểu Chân Không sẽ chẳng phải là Chánh Trí, trí của ngài Xá Lợi Phất quyết chẳng phải là như thế).

Đây là nói tới hai câu trong Tâm Kinh, cũng là hai câu trọng yếu trong Tâm Kinh. Sắc là gì? Nay chúng ta nói “vật chất” thì trong Phật pháp dùng một chữ Sắc để đại diện. Sắc có phạm vi vô cùng rộng lớn, y báo và chánh báo đều bao gồm trong ấy. Trong Tâm Kinh nói “*Sắc tức là Không*”, lời này là thật, chẳng giả, vì sao? Bản thể của hết thảy Sắc pháp là Không, trọn chẳng thể được. Phàm phu chúng ta mê mất chân tướng, tưởng những thứ ấy là thật; do vậy, dấy lên vọng tưởng trong ấy, có được, mất, có tốt, xấu, có phân biệt, có chấp trước, dấy lên vô minh, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chịu thua thiệt to lớn, chẳng biết chân tướng của hết thảy các Sắc pháp là không tịch.

Thật ra, những hiện tượng này thường ở trước mắt, nhưng chúng ta chẳng giác ngộ. Những điều kinh giảng, quý vị càng nghĩ càng thấy có lý, Sắc là gì? Kinh thường giảng: “*Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, xác thực là mộng cảnh, đúng là mộng. Đang trong lúc chúng ta nằm mơ, cảnh giới trong mộng rõ ràng, quý vị tưởng là chân thật, tình giác toàn là rỗng không! Nay chúng ta mở toang con mắt, đây là nằm mộng, quý vị đến tối nhắm mắt ngủ, chẳng phải là một mực đều Không, thứ gì cũng đều không có ư? Cảnh giới ấy hoàn toàn không có, quý vị tưởng cảnh giới ấy là thật ư? Giả! Ngày hôm sau, khi thức dậy, lại tiếp tục nằm mộng. Quý vị mơ giấc mộng ấy vài chục năm, mơ vài chục năm vẫn chẳng giác ngộ! Nằm mơ một hai ngày, chẳng giác ngộ, chẳng đáng trách, nhưng nằm mơ mấy chục năm vẫn chẳng giác ngộ? Người giác ngộ, nhắm mắt lại, hết thảy sắc tướng bên ngoài là Không, chẳng có nữa, Sắc tướng đã Không rồi!

Có thể thấy sắc tướng bên ngoài là giả, chẳng thật. Chư vị thấu hiểu căn kẽ, thấu hiểu chân tướng sự thật, chân tướng sự thật được gọi là “Thật Tướng của các pháp” như trong kinh đã nói. Sau khi thấu hiểu, lợi ích to lớn lắm, chẳng có phiền não, vì sao? Ý niệm lo được, lo mất chẳng còn, được và mất chẳng hai! Giống như quý vị nằm mơ, quý vị đạt được, mất đi, sau khi tỉnh giấc, thấy đều như không, thấy đều là không, được và mất chẳng hai, không có tâm được mất! Do không có tâm được mất, phiền não mất đi chín mươi phần trăm! Hiện thời, chín mươi phần trăm phiền não

của chúng ta đều là do được mắt mà có, lo được, lo mất. Ý niệm được mắt chẳng có, tâm tự tại; đây là tâm khai ý giải! Hiểu vạn pháp là không, vạn pháp là giả.

Người thật sự giác ngộ, thông minh có trí huệ sẽ giống như Bồ Tát, chúng ta nắm chắc cơ duyên này, tự lợi, lợi tha, lợi ích thù thắng nhất trong các thứ lợi ích chính là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, không có lợi ích nào lớn hơn được! Đây là thật sự giác ngộ, triệt để giác ngộ. Kẻ chẳng giác ngộ gặp Phật pháp chẳng tin, gặp pháp môn này chẳng muốn học, tu tập pháp môn khác. Người thật sự giác ngộ, nhất định chọn lựa pháp môn này. Chẳng chọn lựa pháp môn này, khăng khăng chẳng tu học pháp môn này, tức là chưa giác ngộ! Thật sự ngộ, buông xuống vạn duyên, nhất tâm trì danh, chính mình thành Phật, mà cũng giúp cho người khác thành Phật.

Tu học pháp môn này, đúng như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: Pháp môn bậc nhất, là đệ tử bậc nhất của Như Lai; vì thế, vị biểu thị pháp thứ nhất trong kinh Vô Lượng Thọ là tôn giả Kiều Trần Như, là người được Thích Ca Mâu Ni Phật độ đầu tiên sau khi thành Phật. Do vậy, pháp môn này là pháp môn đệ nhất, chúng ta y theo kinh điển này tu hành, sẽ là đệ tử bậc nhất của Phật. Trong kinh, đức Phật đã giảng rõ ràng, giống như đã thọ ký cho chúng ta vậy!

“*Sắc tức thị Không*”, chúng ta phải hiểu: “*Sắc*” là nói về hiện tượng, “*Không*” là nói tới bản thể. Tánh và tướng chẳng hai, tánh, tướng như nhau, tánh như tướng, tướng như tánh. Chúng ta vẫn lấy chuyện nằm mộng làm tỷ dụ, tâm có thể nằm mộng là Không, cảnh giới trong mộng là Sắc, trong khi nằm mộng, toàn bộ cái tâm chúng ta biến thành mộng cảnh. “*Không tức thị Sắc*”, toàn thể mộng cảnh là tâm. “*Sắc tức thị Không*” Sắc và Không là một, chẳng hai. Nếu quý vị nói Sắc và Không là hai, trật rồi, chúng là một. “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc, Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*”, là một, chẳng hai! Hiểu rõ đạo lý này, sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần cũng là “*Sắc, Không bất nhị, Tánh, Tướng như một*”. Đó là nhập Phật pháp. Nhập Phật pháp bèn thật sự giác ngộ; nhập cảnh giới ấy, vạn pháp bình đẳng, vì sao? Toàn là sắc tướng hiển hiện từ Không. cầm lấy một viên kim cương, mọi người coi như bảo bối, nó từ trong Không hiển hiện; lấy một cục đất bần thiêu, mọi người chẳng cần tới, đều chán ghét, nhưng nó cũng do tâm tánh hiển hiện, có cùng một tâm tánh, chúng là một, không hai!

Trong hết thảy cảnh giới, quyết định chẳng có phân biệt, chấp trước hư vọng, tâm quý vị bình đẳng, tâm bình đẳng là Phật tâm! Nhân hạnh của mười pháp giới, Phật tâm là tâm bình đẳng. Vì sao Phật bình đẳng? Vì

Ngài thấy hết thấy các pháp vốn bình đẳng. Hết thấy các pháp bất bình đẳng thì sao? Bất bình đẳng là do quý vị nghĩ chúng bất bình đẳng, chẳng phải là hết thấy các pháp bất bình đẳng, do quý vị phân biệt, chấp trước hư vọng, tự nghĩ chúng là bất bình đẳng, bất bình đẳng là giả, chẳng phải là tướng chân thật. Tướng chân thật là bình đẳng, tướng chân thật là bất nhị. Điều này đích xác cần phải có trí huệ cao độ thì mới có thể hiểu rõ chân tướng sự thật. Tịnh Độ là Sắc, lấy bốn câu trong Tâm Kinh làm công thức để áp dụng thì “*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Tịnh Độ là không, không tức Tịnh Độ*”.

(Sớ) Ma Ha Mục Kiền Liên giả. Ma Ha, thử vân Đại. Mục Kiền Liên, thử vân Thái Thục Thị, nhất vân Lai Bạc, thần thông đệ nhất.

(疏)摩訶目犍連者。摩訶，此云大。目犍連，此云采菽氏，一云萊菔，神通第一。

(Sớ: Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha, cõi này dịch là Đại. Mục Kiền Liên, cõi này dịch là Thái Thục Thị, còn dịch là Lai Bạc, thần thông bậc nhất).

Ma Ha (Mahā) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Đại.

(Sao) Mục Kiền Liên, tánh dã, danh Câu Luật Đà. Câu Luật Đà giả, thụ danh, đảo thụ thần nhi sanh, nhân dĩ vi danh.

(鈔)目犍連，姓也，名拘律陀。拘律陀者，樹名，禱樹神而生，因以為名。

(Sao: Mục Kiền Liên (Maudgalyāyana) là họ, tên Ngài là Câu Luật Đà (Kolita). Câu Luật Đà là tên một loài cây, do cầu đảo thần cây mà sanh Ngài, nên đặt tên như vậy).

Đây là do cha mẹ Ngài cầu khẩn nơi thần cây mà sanh ra đứa con ấy, nên đặt tên đó. Mục Kiền Liên là họ của Ngài.

(Sao) Kỳ tộc chúng đa, cố biệt dĩ Đại.

(鈔)其族眾多，故別以大。

(Sao: Dòng họ Ngài đông đúc, nhằm phân biệt nên gọi là Đại).

Gia tộc của Ngài vô cùng hưng vượng, nhân số rất đông; vì thế, thêm chữ Đại vào trước tên họ để phân biệt, gọi Ngài là Đại Mục Kiền Liên.

(Sao) Thần thông giả, như Phật thăng Đạo Lợi, độc long chướng Phật, chư tỳ-kheo thỉnh hàng long, Phật giai bất hứa, Mục Liên hóa thân đại tiểu, long cụ toại phục. Hựu như ngoại đạo di sơn, chế chi bất động; nhất thành Thích Chủng, cử chi Phạm Thiên, cập chỉ xa, thiêu đường đặng, cố vân thần thông đệ nhất.

(鈔)神通者，如佛昇忉利，毒龍障佛，諸比丘請降龍，佛皆不許，目連化身大小，龍懼遂服；又如外道移山，制之不動；一城釋種，舉之梵天，及止車燒堂等，故云神通第一。

(Sao: “Thần thông” như Phật lên cõi trời Đạo Lợi, độc long chướng ngại Phật, các tỳ-kheo xin phép hàng phục rồng, đức Phật đều không cho. Mục Liên hóa thân to, nhỏ, rồng sợ hãi liền hàng phục. Lại như ngoại đạo dời núi, Ngài ngăn trở chẳng cho lay động. Dem những người họ Thích trong cả một thành lên cõi Phạm Thiên, và ngăn xe, đốt điện đường v.v... nên nói là “thần thông bậc nhất”).

Ở đây, nêu lên những chuyện thị hiện thần thông nổi tiếng nhất của ngài Mục Kiền Liên. Chuyện thứ nhất là Ngài hàng phục rồng. Đây là nói ở bên cạnh núi Tu Di, có hai long vương ở đó, tức Nan Đà long vương (Nanda) và Bạt Nan Đà (Updananda) long vương, hai long vương ấy là huynh đệ. Khi đức Phật lên trời Đạo Lợi thuyết pháp cho mẹ, tức là giảng kinh Địa Tạng, chuyên vì mẹ Ngài mà giảng [kinh ấy] nhằm độ mẹ Ngài. Đi qua chỗ long vương ở, long vương thấy Thích Ca Mâu Ni Phật bay qua, bay lại, bèn nổi lòng sân hận, miệng phun khói đen che lấp quang minh của mặt trời và mặt trăng, biến hiện thân hình rất lớn, quán quanh núi Tu Di bảy vòng. Quý vị thấy thân rồng to lắm, đuôi đuôi ngoài biển, đầu gác lên đỉnh núi, một con rồng to đường ấy! “Mục Liên hóa thân đại tiểu”: Mục Kiền Liên thấy con rồng ấy hóa thân to như thế, Ngài bèn biến ra thân lớn hơn nữa, dài gấp đôi, quán quanh núi Tu Di mười bốn vòng, rồng sợ hãi, thần thông của rồng chẳng hơn Ngài, bị Ngài hàng phục. Rồng cũng biết biến thân nhỏ, Mục Kiền Liên hóa thân vi tế, nhỏ hơn rồng, xục xạo trong tai và mũi rồng, rồng khó chịu lắm, nhưng chẳng làm thế nào được! Đây là “biến đại, biến tiểu”!

“*Hữu như ngoại đạo di sơn, chế chi bất động*” (Lại như ngoại đạo dời núi, ngăn trở chẳng cho lay động). Kinh nói: Thầy trò ngoại đạo hơn năm trăm người, nhất tâm nhất ý niệm chú để dời núi, niệm một tháng, quả nhiên chân núi lay động. Mục Liên thấy chuyện ấy, tâm nghĩ: “Núi này động, chẳng biết bao nhiêu tiểu trùng trong ấy đều phải chết!” Do vậy, lão nhân gia lên đỉnh núi tịnh tọa. Ngài vừa tịnh tọa thì ngoại đạo niệm cách nào cũng chẳng thể lay động núi được. Đây là “*chế chi bất động*”.

Chúng ta hiểu chú thuật quả thật hữu hiệu. Xã hội hiện thời vô cùng rối loạn, yêu ma quỷ quái đầy rẫy trong xã hội này. Nghe pháp sư Khai Tâm nói thật đáng sợ, Ngài nói: “Chúng ta thường đi ngoài đường, mỗi ngày chen vai sát cánh với yêu ma, quỷ quái quá nhiều”. Ngày nay xã hội đại loạn, tà thuật quá nhiều, phàm là kẻ có thần thông thấy thần, thấy quỷ cũng chẳng phải là chuyện tốt lành! Thần thông có phải do người ấy tu được hay chẳng? Không phải, chẳng bằng ngoại đạo trước kia. Trước kia, thần thông do ngoại đạo tự tu, thật sự chịu trọn nỗi khổ để tu thành thần thông. Hiện thời, có rất nhiều kẻ, chưa đầy vài ngày bèn có thần thông, thần thông của họ cũng chẳng phải là giả, họ đến nói với ta thì ta cũng tin tưởng, nhưng thần thông của họ do đâu mà có? Do yêu ma quỷ quái dựa thân, chẳng phải thần thông của chính kẻ ấy! Lũ yêu ma, quỷ quái rời bỏ họ, ngay lập tức họ mất năng lực đó, chuyện là như vậy đó! Ngàn muôn phần đừng nên mong tưởng thần thông. Nếu quý vị mong thần thông, quý vị sẽ đến tìm quý vị, vì sao? Quý vị có ý nghĩ ấy, chúng sẽ tìm đến quý vị. Quý vị chẳng có ý niệm ấy, chúng chẳng dám tìm tới. Quý vị có ý niệm ấy, nói cách khác, quý vị lôi kéo chúng nó, chúng nó sẽ đến. Quý vị chẳng dấy lên ý niệm ấy, mà chúng đến tìm sẽ là phạm pháp! Quý vị dấy lên ý niệm ấy, chúng sẽ đến tìm quý vị, chúng có lý do, chẳng bị coi là phạm pháp. Sau đó, quý vị gặp xui xẻo là đáng đời! Quý vị chèo kéo hắn, chứ hắn đâu có chèo kéo quý vị.

Do vậy, pháp môn Tịnh Độ là y pháp, chúng ta biến lý luận, đạo lý, cảnh giới, và phương pháp trong tam kinh hoặc ngũ kinh thành tư tưởng, kiến giải, và hành vi của chính mình, quyết định là thượng phẩm thượng sanh. Tam kinh phân lượng không nhiều lắm, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật hai quyển, kinh Di Đà một quyển, kinh Vô Lượng Thọ một quyển, [tất cả là] bốn quyển chẳng nhiều lắm! Bốn quyển kinh ấy, chúng ta thật sự thống thiết dốc công sức, quả thật biến chúng thành tư tưởng, kiến giải, hành vi của chính mình, chẳng lẽ nào không thượng phẩm thượng sanh! Điều này rất trọng yếu. Kinh đã thấu triệt thuần thực, chúng ta có thể nắm

vững cương lĩnh. Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta học tập A Di Đà Phật, học tập từ-kheo Pháp Tạng, biến bốn mươi tám nguyện thành bốn nguyện của chúng ta, đồng nguyện, đồng chí với A Di Đà Phật thì mới được! Chớ nên nói bốn mươi tám nguyện là của A Di Đà Phật; phải biến nguyện của A Di Đà Phật thành nguyện của chính chúng ta, biến hạnh của A Di Đà Phật thành hạnh của chính chúng ta, điều này chẳng phải là không làm được, ai nấy đều có thể làm được!

Sau khi chúng ta đọc kinh này, đầy đủ Tín, Nguyện, Hạnh, hiểu rõ nguyên lý và nguyên tắc trong kinh Vô Lượng Thọ không chỉ là nguyên tắc và nguyên lý để tu Tịnh Độ, mà là nguyên lý của y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, “*tâm này là Phật, tâm này làm Phật*”, đây là nguyên lý của toàn thể Phật pháp, quá mâu nhiệm. Hai câu tám chữ đã giảng rõ ràng, rành rẽ, quả thật là mâu nhiệm đến tột cùng! Phải thiết thực thực hiện Tịnh nghiệp tam phước, thật sự phát Bồ Đề tâm, nương theo nhân quả của chín phẩm để tu hành, lẽ đâu chẳng thành công? Tu các pháp môn khác thật sự khó, thật sự phức tạp. Pháp môn này đơn giản, dễ dàng, ai nấy đều có thể làm được, ai nấy đều có thể cầu được Thượng Phẩm, chúng ta quyết định chớ nên coi thường điều này. Người khác chẳng đồng ý với cách nói này, chẳng thể tiếp nhận, chúng ta chấp tay hoan hỷ, chớ nên biện luận với họ. Lục Tổ đại sư nói như vậy đấy! Người ta có thể nghe lọt tai thì chúng ta khuyên lơn, khích lệ họ. Họ chẳng nghe lọt tai, muốn học pháp môn khác, chúng ta chấp tay cung kính, hoan hỷ, pháp môn khác cũng hết sức tốt đẹp, hết thấy các pháp môn đều do đức Phật nói, đâu có pháp nào chẳng tốt đẹp, pháp môn bình đẳng chẳng hai, chẳng khác, nhưng trong các pháp môn, quả thật có khó và dễ, đó là sự thật. Nói thật ra, khó hay dễ chẳng do pháp môn, mà do căn tánh của chúng sanh chúng ta; nhưng dầu căn tánh nhay bén tu các pháp môn khác, vẫn phải vãng sanh Tịnh Độ. Trong Vô Lượng Thọ Kinh Huyền Nghĩa, chúng tôi đã nói: “*Pháp môn này chuyên tiếp độ thượng căn*”, thượng căn là gì? Quý vị có thể tin, phát nguyện, chịu niệm Phật, người ấy là thượng căn, nói thật ra là thượng thượng căn! Thượng thượng căn trong nhà Thiền là “*minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ*”, nói thật ra, vẫn thua người niệm Phật hạ phẩm hạ sanh, vì sao? Người hạ phẩm hạ sanh vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ bình đẳng với Quán Âm, Thế Chí; người thượng thượng căn đại triệt đại ngộ minh tâm kiến tánh trong nhà Thiền, nói thật thà chẳng qua là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, hoặc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo, chẳng dễ gì thấy Quán Thế Âm Bồ Tát, vẫn chưa thấy được! Quán Âm Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát, chẳng thấy được! Nếu quý

vị thấy rõ chân tướng sự thật này, người chịu niệm Phật, người chịu phát tâm vãng sanh quả thật là thượng thượng căn, Thiên chẳng sánh bằng!

Mật lại càng chẳng cần phải nói nữa. Đối với thuyết “*tức thân thành Phật*” (thành Phật ngay trong thân này) của Mật giáo, trong Văn Sao, Ấn Quang đại sư đã giảng rất nhiều, đây chỉ là liễu sanh tử, thoát tam giới mà thôi, cũng chỉ bằng A La Hán! Huống chi hiện thời Mật chẳng phải là chân thật, đều là giả, vì sao? Vì trong Mật nói tới thần thông, cảm ứng, nên hết sức dễ bị yêu ma, quỷ quái xen tạp lợi dụng. Trong tâm người học Mật có một chút bất chánh, tà liên tiên nhập, chẳng phải là Phật, Bồ Tát đến, mà là yêu ma, quỷ quái tới. Do vậy, Mật hiện thời là yêu Mật, quỷ Mật, ma Mật, quái Mật, quý vị phải hiểu rõ ràng! Chẳng phải là Mật bất hảo, nhưng trong Mật có yêu ma, quỷ quái [xen tạp], quý vị chẳng thể phân biệt rõ ràng! Quý vị chẳng học được Phật Mật, mà học theo yêu ma, quỷ quái, phiền phức to! Nếu thật sự nói tới Phật Mật, quý vị lại chẳng chịu học, vì sao? Phiền quá! Lắm quy củ quá! Nếu thật sự học Phật Mật, giới luật trong Mật Tông còn khó khăn và nghiêm ngặt hơn Hiền Tông rất nhiều! Ngày nay chúng ta thấy trên cả thế giới, rất nhiều kẻ học Mật cũng chẳng tuân thủ giới luật, ta liền biết Mật của họ là yêu ma, quỷ quái, chẳng phải là Mật chánh đáng, họ chẳng trì giới luật, chẳng đọc kinh điển Hiền Giáo, không được rồi!

Mật Tông Tây Tạng xưa kia và hiện thời chẳng giống nhau, trước đây còn tương tự, hiện tại hồng bát, không giống nữa! Trong Văn Sao, Ấn Quang đại sư đã phê bình Mật giáo Tây Tạng vô cùng nghiêm ngặt, trong Văn Sao có [những đoạn văn như vậy]. Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, chúng ta chẳng thể coi thường. Nếu Bạc Đăng Giác Bồ Tát tái lai nói mà chúng ta vẫn không tin, chẳng còn biết làm sao nữa, cũng chẳng có cách nào! Ngay như Đạt Lại hay Ban Thiền cũng đều chưa phải là Đăng Giác Bồ Tát. Theo ghi chép trong truyện ký, thân phận các vị ấy cũng chỉ là A La Hán! A La Hán chuyển thế, còn thua Đăng Giác Bồ Tát rất xa! Do vậy, chúng ta nhất định phải hiểu rõ chân tướng sự thật trước mắt này, đừng bị bịt mắt, đừng bị mắc lừa! Chúng ta có thể gặp được pháp môn này, đúng như cổ nhân đã nói: “*Một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay*”, chúng ta đã gặp. Nếu chẳng thể nắm vững cơ duyên này, quả thật quá đáng tiếc!

“*Nhất thành Thích Chủng, cử chi Phạm Thiên, cập chỉ xa, thiêu đường đăng*” (Đem những người họ Thích trong cả một thành lên cõi Phạm Thiên, và ngăn xe, đốt điện đường v.v...), những câu chuyện này

cũng là những chuyện xưa, quý vị xem trong Diễn Nghĩa đều có⁸⁷. Ngày hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới đây.

⁸⁷ Sách Diễn Nghĩa trang hai trăm ba mươi ghi những chuyện ấy như sau: Lưu Ly đại vương diệt dòng họ Thích Ca, Mục Liên muốn cứu, nhưng đức Phật bảo là định nghiệp khó trốn, chẳng chấp nhận lời thỉnh của Mục Liên. Mục Liên liền dùng thần lực đem năm trăm người họ Thích đựng trong bát, cất lên cõi Phạm Thiên. Sau khi họ Thích đã bị diệt, Mục Liên mở bát ra xem, chỉ thấy toàn là máu mà thôi; cho nên biết là định nghiệp, Phật cũng chẳng thể cứu được.

“Ngăn xe”: Y vương Kỳ Bà đã sanh lên trời Đao Lợi, do vì một vị tỳ-kheo bị bệnh, nên ngài Mục Liên dùng thần thông lên trời hỏi cách chữa trị, gặp lúc chư thiên ra ngoài chơi, Kỳ Bà ngồi trên xe không chịu xuống, chỉ chấp tay chào mà thôi. Ngài Mục Liên dùng thần lực, ngăn xe lại. Kỳ Bà mới xuống xe chào hỏi Ngài muốn gì. Ngài Mục Liên bèn nói lý do, Kỳ Bà đáp: “Nhịn ăn là ổn”. Mục Liên buông ra, xe mới đi tiếp được.

“Đốt điện đường”: Đế Thích kiến tạo Đắc Thắng Đường, trang nghiêm đẹp đẽ, ngài Mục Liên đến xem, các thiên nữ đều tránh mặt chẳng ra. Mục Liên nghĩ Đế Thích tham khoái lạc, chẳng tu gốc đạo, bèn dùng thần thông, thiêu Đắc Thắng Đường cháy tan tành, rồi vì Đế Thích nói những lời lẽ về vô thường, Đế Thích hoan hỷ, sau đây điện đường vẫn y như cũ, chẳng có dấu vết khói tro nào!

Tập 112

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm ba mươi một:

(Sớ) Ma Ha Ca Diếp giả, thứ vân Đại Quy Thị, nhất vân Âm Quang, Đầu Đà đệ nhất.

(Sao) Đại Quy giả, tiên thế học đạo, hữu linh quy phụ đồ nhi xuất, nhân dĩ vi tánh.

(疏)摩訶迦葉者，此云大龜氏，一云飲光，頭陀第一。

(鈔)大龜者，先世學道，有靈龜負圖而出，因以為姓。

(Sớ: Ma Ha Ca Diếp (Mahākāśyapa), cõi này dịch là Đại Quy Thị, còn dịch là Âm Quang, Đầu Đà bậc nhất.

Sao: Đại Quy: Tổ tiên Ngài học đạo, có con rùa thiêng đội đồ hình xuất hiện, do vậy lấy [Đại Quy] làm họ).

Có điển cổ ấy, nguyên do là như vậy.

(Sao) Danh Tát Bát La, diệc thụ dã.

(鈔)名畢鉢羅，亦樹也。

(Sao: Tên là Tát Bát La, cũng là tên một loài cây).

Tát Bát La (Pippalā) là tên cây.

(Sao) Xưng Đại, dĩ biệt đồng danh, như tam Ca Diếp đẳng.

(鈔)稱大，以別同名，如三迦葉等。

(Sao: Gọi là Đại nhằm phân biệt với các vị cùng tên, như ba anh em Ca Diếp v.v...)

Vì thị tộc Ca Diếp có rất nhiều người, người có tiếng tăm, có địa vị cũng khá nhiều, nhằm thuận tiện phân biệt, nên gọi Ngài là Ma Ha Ca Diếp, tức là Đại Ca Diếp. Ma Ha nghĩa là Đại.

(Sao) Âm Quang giả.

(鈔)飲光者。

(Sao: Âm Quang là...)

Ma Ha Ca Diếp cũng được gọi là Âm Quang (nuốt mất ánh sáng).

(Sao) Diêu túc sanh vi dã kim sư, dữ nhất nữ nhân, đồng dĩ kim nghiêm Phật tượng, toại cảm thể thể thân như kim sắc.

(鈔) 繇宿生為冶金師，與一女人，同以金嚴佛像，遂感世身如金色。

(Sao: Do đời trước làm thợ kim hoàn đã cùng với một người nữ dùng vàng trang nghiêm tượng Phật, nên cảm quả báo đời đời thân như sắc vàng ròng).

Bản thân Ngài là một người thợ kim hoàn. Có một nữ nhân đem một bức tượng Phật đến nhờ Ngài thếp vàng. Ngài cảm thấy đây là chuyện rất tốt, bèn chẳng lấy tiền công. Công đức do hai người cùng làm, cho nên cảm quả báo đời đời kiếp kiếp thân tướng vô cùng tốt đẹp, thân như sắc vàng ròng.

(Sao) Kim sắc hoảng diêu, thôn hồ dư sắc, danh Âm Quang dã.

(鈔) 金色晃耀，吞乎餘色，名飲光也。

(Sao: Sắc vàng chói ngời, nuốt mất các sắc khác, nên gọi là Âm Quang).

Quang minh của Ngài mạnh hơn những người khác, giống như ban ngày chúng ta ở dưới ánh mặt trời, hết thấy các ánh đèn đều mờ mịt chẳng thấy. Đây là ý nghĩa quang minh rực rỡ vậy!

(Sao) Đầu Đà giả, Phạn ngữ, thử vân Đẩu Tẩu, hoặc vân Đào Thái.

(鈔) 頭陀者，梵語，此云抖擻，或云淘汰。

(Sao: Đầu Đà (Dhūta) là tiếng Phạn, cõi này dịch là Đẩu Tẩu, hoặc dịch là Đào Thái).

Đẩu Tẩu là trừ sạch sành sanh những trần lao trên thân.

(Sao) Hữu thập nhị hạnh, vị nhất A Lan Nhã, nhị thường khát thực, nãi chí thập nhị dẫn tam y.

(鈔) 有十二行，謂一阿蘭若，二常乞食，乃至十二但三衣。

(*Sao*: Có mười hai hạnh, nghĩa là: Một, trụ trong A Lan Nhã, hai là thường khát thực, cho đến hạnh thứ mười hai là chỉ có ba y).

“*Nãi chí*” (cho đến) là tính lược những điều ở giữa. Chúng ta thường gọi Đầu Đà là khổ hạnh; trong các đệ tử Phật, Ngài khổ hạnh bậc nhất. Khi Ngài xuất gia, thân thể hết sức tốt đẹp, sanh trong một gia đình phú quý; sau khi xuất gia, mà có thể tu khổ hạnh, cho nên đức Phật hết sức tán thán Ngài. A Lan Nhã (*Āranya*): Lan Nhã là chỗ nhiệt náo, A dịch là Vô, “*vô nhiệt náo*” là nơi rất thanh tịnh; A Lan Nhã là chốn thanh tịnh. Nói thật ra, xã hội trong quá khứ thanh tịnh hơn xã hội hiện tại, nhất là người xuất gia đều ở tại núi rừng, chẳng phải ở trong đô thị. Nông dân sống trong làng quê, nông dân nuôi trâu bò nhiều nhất, tại Ấn Độ, trâu bò được mọi người rất tôn trọng, chỗ không nghe tiếng trâu bò kêu thì cũng rất an tĩnh. A Lan Nhã lấy “không nghe tiếng trâu bò kêu” làm tiêu chuẩn thanh tịnh. Hiện tại, rất nhiều âm thanh hỗn tạp còn lớn hơn tiếng trâu bò kêu, hiện nay, muốn tìm một nơi yên tĩnh khá khó khăn. [A Lan Nhã là] trụ xứ vô cùng u tĩnh, mang ý nghĩa ấy.

Thứ hai là “*thường khát thực*”, mỗi ngày ra ngoài ôm bát khát thực.

Thứ ba là “*thứ đệ khát*” (khát thực theo thứ tự), tức là theo thứ tự thuận khát thực từng nhà, chẳng thể khát thực nhiều hơn bảy nhà. Nếu bảy nhà đều xin không được, ngày hôm ấy chỉ đành trở về nhịn đói cả ngày để hôm sau đi xin nữa. Chẳng thể chọn nhà có tiền để đến nhà người ta khát thực, ăn những món ngon hơn một chút, nếu như vậy là quý vị có tâm phân biệt. Người ấy (người hành hạnh Đầu Đà) không có tâm phân biệt, bình đẳng khát thực, dựa theo thứ tự thuận ấy.

Thứ tư là “*nhất thực*”, tức là ăn một bữa trưa, quá giữa trưa, quyết định chẳng thể ăn gì khác. Hiện thời, tuy nói là “*trì ngọ*”, nhưng thật ra chẳng phải là “*trì ngọ*”, mà là “*quá trung bất thực*” (qua khỏi giữa trưa chẳng ăn); giờ Ngọ là từ mười một giờ đến một giờ, hai tiếng đồng hồ. Giữa trưa, thời gian mỗi ngày đều khác nhau. Vào thời cổ, dùng nhật quỹ (đồng hồ mặt trời, sundial) để đo lường bóng nắng, phải ăn trước giữa trưa. Nếu gặp hôm trời âm u, thì không có cách nào hết. Trước kia cũng không có đồng hồ, dẫu có đồng hồ cũng chẳng chuẩn xác. Hiện thời thuận tiện hơn trước kia, hiện nay có lịch thiên văn hằng ngày, ghi chép thời gian đúng giữa trưa là mấy giờ, mấy phút, mấy giây, rất rõ ràng. Sau giữa trưa chỉ có thể uống nước. Theo giới luật, thứ nào không trầm lắng thì có thể uống được. Nước chẳng trầm lắng, mật ong, mật đường chẳng trầm lắng. Sữa đậu nành, nước trái cây có thể trầm lắng, phàm những thứ gì có

thể trầm lắng đều chẳng được ăn. Hiện thời, chúng ta thấy rất nhiều người trì ngọ, nhưng buổi chiều trái cây cũng ăn, sữa bò, sữa đậu nành chẳng cần phải nói nữa! Uống một chén sữa, sữa bò có thể trầm lắng. Nói theo giới luật, hoàn toàn là phá trai, công đức trì ngọ hoàn toàn bị phá hoại!

Thứ năm là “*tiết lượng thực*”, [tức là] người ấy ăn có hạn lượng, tuyệt đối chẳng phải dồn thức ăn ba bữa lại để ăn hết trong một bữa. Người ấy sợ đói đặc biệt ăn nhiều một chút, như vậy là không được, trật rồi! Chúng ta cũng thấy nhiều người trì ngọ, ngày nào chẳng trì ngọ sẽ ăn ít, ngày nào trì ngọ, bữa trưa ăn cơm đặc biệt nhiều, làm theo kiểu đó sẽ phá hỏng hệ thống tiêu hóa! Nói thật ra, tu hành không cần làm theo cách như vậy, chẳng phải là nói không ăn thứ gì bèn có thể thành đạo. Không ăn gì thì rắn ngủ suốt mấy tháng mùa Đông chẳng ăn gì, quý vị có thể bằng chúng hay không? Chẳng sánh bằng! Chúng cũng chẳng thể thành đạo!

Vì vậy, nhất định phải hiểu đạo lý của rất nhiều chế định, nghi quy trong kinh Phật. Vì thuở đức Phật tại thế, thói quen sinh hoạt của người xuất gia ngoại đạo đều là đi khát thực bên ngoài. Nếu đệ tử Phật không đi khát thực, người ta sẽ xì xầm, nói Phật chẳng phải là người tu đạo, chẳng có cách nào, chỉ đành đi khát thực bên ngoài. Quá giữa trưa không ăn, là vào thời đại xưa kia, những đệ tử thường tùy của Phật quá nửa đều tịnh tọa tu Định ở đấy, tâm các Ngài đều thanh tịnh. Thứ gì cũng đều không có, ba y một bát, thứ gì cũng đều buông xuống, tâm các Ngài thanh tịnh. Người hiện tại chúng ta phiền não quá nhiều, vọng tưởng quá nhiều, nếu quý vị tu mỗi ngày chỉ ăn bữa trưa, chẳng thể nào không sanh bệnh! Vì sao? Nói thật ra, thân thể này là một bộ máy, sở dĩ máy móc có thể vận hành thì phải được bổ sung năng lượng. Bổ sung chẳng đủ, máy móc phải tổn hoại. Chẳng hạn như xe hơi, đổ không đủ xăng, nếu quý vị chạy với tốc độ cao, xe chẳng thể nào không hỏng, chẳng thể nào không bị trục trặc! Thân thể chúng ta là một cỗ máy, ẩm thực, dinh dưỡng là năng lượng! Đến lúc thì quý vị phải cung cấp đầy đủ cho nó mới được, nó mới có tinh thần, mới có thể làm việc.

Vì sao đệ tử Phật mỗi ngày ăn một bữa là đủ, chúng ta ăn ba bữa vẫn không đủ? Vẫn phải ăn nhẹ trước khi ngủ? Nguyên nhân là vì máy móc của họ ít hao xăng, máy móc của ta tốn xăng, chẳng có cách nào, chẳng thể so sánh! Mọi người phải hiểu, năng lượng tiêu hao ở chỗ nào? Tiêu hao nơi vọng niệm, quý vị vọng tưởng càng nhiều, tiêu hao năng lượng càng lắm! Thuở trước, người xuất gia không có vọng tưởng, chẳng phan duyên, suốt ngày từ sáng đến tối chẳng suy tưởng, chỉ có nhập định, do vậy, tiêu hao năng lượng ít. Chúng đắc quả A La Hán, bảy ngày ăn một

bữa, Ngài ở trong Định, tiêu hao càng ít. Kinh nói Bích Chi Phật nửa tháng đi khát thực một lần, nửa tháng ăn một bữa, công phu định lực càng sâu, tiêu hao năng lượng càng ít. Ngài ăn một bữa là đủ dinh dưỡng, nửa tháng ăn thêm một lần nữa là đủ. Chúng ta không được, vọng niệm quá nhiều, chẳng chịu tăng thêm [năng lượng] cho cơ thể, chẳng phải là quý vị tự chuốc phiền ư? Do vậy, mọi người phải hiểu rõ đạo lý này, chắc chắn chẳng phải là chuyện giữ thể diện, chẳng phải là chuyện làm cho dễ coi, mà tùy thuộc chúng ta có sức để làm được hay không, chớ nên miễn cưỡng.

Do vậy, chúng ta phải học ăn có hạn lượng, đó là đúng. Cổ nhân Trung Quốc nói về đạo dưỡng sinh: Buổi sáng phải ăn ngon miệng, buổi trưa ăn no, buổi tối ăn ít. Rất hợp lý, giúp cho dưỡng sinh trên phương diện âm thực; nhưng đích xác là lượng âm thực tỷ lệ thuận với ý niệm của chính mình. Ý niệm của chúng ta càng thanh tĩnh, niệm càng thanh tĩnh, càng ăn ít, đó là đạo lý tự nhiên. Vì thế, người tu hạnh Đầu Đà cũng ăn uống có chừng mực, chẳng phải là ăn một bữa rồi ăn đặc biệt nhiều!

Thứ sáu là “*quá trung bất ẩm tương*” (qua khỏi giữa trưa không uống chất tương), phạm là những thứ tương, [tức các thứ nước uống] có vật chất trầm lắng cũng chẳng ăn. Người trì ngọ khi quá Ngọ, tối đa là uống nước, có thể uống chút nước đường, quyết định chẳng uống những thứ trầm lắng!

Thứ bảy là “*trước phẩn tảo y*” (mặc y phẩn tảo). Vì sao y phục người ấy mặc gọi là phẩn tảo y? Đó là y phục cũ rách của người khác vứt bỏ, chẳng cần đến nữa, người ấy nhặt nhanh, loại bỏ những chỗ hư nát, giữ lại những chỗ còn tốt, gom góp lại được nhiều, từng mảnh một, ca-sa là do từng mảnh chằm lại thành. Hiện thời mua một tấm vải, cắt vụn ra, may lại, đã sai ý nghĩa mất rồi. Nếu Phật tại thế, trông thấy, phải mắng người ấy chẳng biết tiếc phước. Phước điền y của người xuất gia làm theo cách đó là chuyện bất đắc dĩ. Quý vị nhặt nhanh chất liệu vải vóc khác nhau, màu sắc cũng khác nhau, sau khi may xong, đem nhuộm màu để chẳng đến nỗi năm sáu màu, mặc áo nhiễm sắc. Quý vị phải hiểu phương thức sống trước đây là như vậy, khác với hiện thời! Tắm y hiện thời may theo cách đó chỉ mang tánh chất kỷ niệm mà thôi, chứ trước kia thì không thể, nhất định phải nhặt nhanh những rẻo vải bên ngoài ghép lại, lúc ấy mới có thể may thành một tấm y.

Thứ tám là “*đản tam y*” (chỉ có ba y), chẳng thể có nhiều y phục, chỉ có ba y. Vì bên Ấn Độ trời nóng, ba y là đủ. Thật ra, y là một tấm vải lớn khoác trên người mà thôi!

Thứ chín là “*trùng gian tọa*” (ngồi nơi mô mả), người ấy muốn ngồi xuống nghỉ ngơi, phải đến đâu để ngồi? Đến ngồi nơi mộ phần, nhằm thường nhắc nhở chính mình cảnh giác, mạng người vô thường, thường nghĩ đến chuyện này sẽ chẳng lưu luyến hết thấy các pháp thế gian.

Thứ mười là “*thụ hạ chi*” (nghỉ dưới gốc cây), buổi tối đi ngủ, chẳng phải là ngủ, mà tìm một gốc cây để có thể che sương, đến tịnh tọa dưới gốc cây, để qua đêm. Đức Phật quy định, chỉ nghỉ dưới mỗi gốc cây một đêm [hôm sau phải nghỉ dưới cây khác] để tránh tâm tham. Nếu cây này rất to, mỗi tối đều có thể đến đây, thôi rồi, tâm tham tăng trưởng! Do vậy, cây này chỉ có thể trú một đêm, đêm sau quyết định chẳng thể đến ở dưới cùng một gốc cây! Quý vị phải đi tìm chỗ khác, nên nói là “*thụ hạ nhất túc*” (nghỉ dưới gốc cây một đêm), để tuyệt đối chẳng tham luyến hoàn cảnh.

Thứ mười một là “*lộ địa tọa*” (ngồi nơi đất trống), công phu này cao hơn một chút, không cần ngồi dưới gốc cây, là nơi đất trống cũng có thể ngồi!

Thứ mười hai là “*đản tọa bất ngọa*” (chỉ ngồi không nằm), sẽ chẳng nằm xuống ngủ. Mười hai thứ này gọi là hạnh Đầu Đà, tôn giả Ca Diếp thường tu khô hạnh như vậy.

(Sao) Dĩ tư khổ hạnh, tẩy trừ trần lụy, trừng tịnh thân tâm dã.

(鈔) 以斯苦行，掃除塵累，澄淨身心也。

(Sao: Dùng các khổ hạnh ấy để trừ trần lụy, lắng trong thân tâm).

Đây là mục đích tu hành.

(Sao) Ca Diếp niên lão, bất xả Đầu Đà, Phật mãn kỳ suy, khuyến linh hưu tức, Ca Diếp Đầu Đà như cố. Phật nãi thâm tán, hữu Đầu Đà hạnh, ngã pháp cửu tồn; cố vân Đầu Đà đệ nhất.

(鈔) 迦葉年老，不捨頭陀，佛憫其衰，勸令休息，迦葉頭陀如故。佛乃深讚，有頭陀行，我法久存，故云頭陀第一。

(Sao: Ngài Ca Diếp tuổi già chẳng bỏ hạnh Đầu Đà, đức Phật thương xót Ngài suy yếu, khuyên hãy nghỉ ngơi, Ca Diếp vẫn hành Đầu Đà như cũ, đức Phật hết sức tán thán: “Có hạnh Đầu Đà, pháp của ta tồn tại lâu dài”. Vì thế, nói Ngài là Đầu Đà bậc nhất).

Tôn giả Ca Diếp lúc tuổi già, đức Phật khuyên Ngài đừng nên tu khổ hạnh như vậy, có thể thoải mái một chút, Ngài không chịu, vẫn tiếp tục tu khổ hạnh; do vậy, đức Phật đặc biệt tán thán Ngài.

Hiện thời tu đạo khó khăn hơn xưa kia rất nhiều! Người hiện thời tu hành, nói thật ra, nếu có thể thành tựu thật sự cũng là chuyện chẳng thể nghĩ bàn, vì sao? Hết thấy những phương cách lập ra cũng chẳng đúng pháp, sống chẳng đúng pháp. Nói cách khác, trong cuộc sống hằng ngày, không chỉ chẳng thể khiến cho quý vị đoạn tham, sân, si, mà còn là tăng trưởng tham, sân, si mạn, làm sao có thể tu thành đạo cho được? Tu chẳng thành công! Trong tự viện hiện thời, liêu phòng là mỗi người một gian, mỗi người một gian sẽ chẳng thể tu đạo, chắc chắn tu chẳng thành công. Trong quá khứ, liêu phòng tại từng lâm tự viện là một phòng ngủ tập thể, giống như trong quân đội, không có phòng đơn. Trong tự miếu, chỉ có Trụ Trì Phương Trượng là có một căn phòng nhỏ, những vị cương lĩnh chấp sự có một căn phòng. Lại còn những vị già cả, thể lực suy yếu, có thể có một phòng riêng. Những người trẻ tuổi nhất định không được, phải ngủ trong phòng ngủ tập thể. Đó gọi là nương tựa vào đại chúng, như vậy thì mới có thể thành tựu. Hiện thời, không chỉ là mỗi người một phòng, mà còn có phòng xép, nói thẳng thừng là hưởng phước, người ấy phước báo rất lớn! Hưởng xong rồi, đời sau dễ sợ lắm, vì sao? Trong Phật môn thường nói: “*Kim sanh bất liễu đạo, phi mao đới giác hoàn*” (Đời này chẳng liễu đạo, đeo lông, đội sừng đên). Tương lai phải trả nợ, quý vị thiếu nợ bao nhiêu thí chủ, trả chưa xong, chuyện này phiền phức lắm! Do vậy, tu học trong hiện tại hoàn toàn phải dựa vào sự cảnh giác của chính mình, chính mình chẳng cảnh giác, chắc chắn bị đọa lạc.

(Sớ) Ma Ha Ca Chiên Diên, tánh dã, thữ vân Văn Súc, nhất vân Bất Định, nhất vân Phiến Thằng, nhất vân Ly Hữu Vô đẳng.

(疏)摩訶迦旃延，姓也，此云文飾，一云不定，一云扇繩，一云離有無等。

(Sớ: Ma Ha Ca Chiên Diên, là họ, cõi này dịch là Văn Súc, hoặc dịch là Bất Định, hoặc dịch là Phiến Thằng, hoặc dịch là Ly Hữu Vô v.v...)

Ca Chiên Diên (Kātyāyana) là tiếng Phạn, chữ Phạn này bao hàm rất nhiều ý nghĩa trong ấy.

(Sớ) Nam Thiên Trúc Bà La Môn tộc dã.

(疏) 南天竺婆羅門族也。

(Sớ: Ngài thuộc chủng tộc Bà La Môn ở Nam Thiên Trúc).

Đây là nói đến xuất thân và gia thế của Ngài, Ngài thuộc chủng tộc Bà La Môn ở Nam Ấn Độ, trong bốn chủng tánh⁸⁸ của Ấn Độ, thuộc giai cấp tối cao.

(Sớ) Luận nghị đệ nhất.

(疏) 論議第一。

(Sớ: Luận nghị bậc nhất).

Ngài có biện tài, trong các đệ tử Phật, Ngài là bậc luận nghị đệ nhất.

(Sao) Văn Súc giả, văn thái tu súc dã.

(鈔) 文飾者，文采修飾也。

(Sao: Văn Súc là văn vẽ, chải chuốt, bóng bẩy).

Chúng ta vừa nhìn đã thấy vị này bình thường rất trọng hình thức bề ngoài, rất coi trọng ăn mặc chải chuốt, dáng vẻ bề ngoài vô cùng đoan chánh.

(Sao) Phàm nhân luận nghị, tâm tuy hiểu liễu thử lý, nhược trực toại nhi bất văn, hãn mạn nhi bất súc, tắc từ bất đạt ý, phi thiện u luận nghị giả dã.

(鈔) 凡人論議，心雖曉了此理，若直遂而不文，汗漫而不飾，則辭不達意，非善於論議者也。

(Sao: Phàm là người luận nghị, tâm tuy hiểu rõ lý ấy, nhưng nếu nói thẳng thừng, lời lẽ chẳng tao nhã, câu chữ lan man, chẳng trau chuốt, ắt lời lẽ chẳng thể diễn đạt ý tưởng, chẳng phải là người luận nghị giỏi).

⁸⁸ Chữ Chủng Tánh hay Chủng Tộc được kinh Phật dùng để dịch chữ Varna hoặc Jāti trong tiếng Phạn. Khái niệm Varna đã được đề xướng từ thời rất xa xưa, có thể thấy khái niệm này sớm nhất trong bộ Rig Veda. Theo đó, bốn chủng tánh chính yếu của xã hội Ấn Độ thời cổ là Bà La Môn (Brahmins), Sát Đế Lợi (Ksatriya), Phệ Xá (Vaishya) và Thủ Đà La (Shudra). Ngoài ra còn có một chủng tánh được coi là hèn hạ nhất, gọi là Dalit, hoặc Panchamas, hoặc Asprushya, ta thường gọi là “giai cấp cùng đinh”. Thông thường, chữ Varna thường được dịch là Giai Cấp, không chính xác lắm, vì trong mỗi chủng tánh lại chia ra vô số giai cấp.

Ngài không chỉ trau chuốt dáng vẻ bề ngoài, mà ngay cả lời ăn tiếng nói cũng biết trau chuốt, gọt giũa. Vì thế, cùng người khác nói năng, lời lẽ hết sức ôn nhu, tao nhã, trang trọng.

(Sao) Bất Định giả, tung hoành thiện xảo, thị thiện luận nghị ý.

(鈔) 不定者，縱橫善巧，是善論議意。

(Sao: Bất Định là ngang dọc khéo léo, ý nói khéo luận nghị).

Bất Định mang ý nghĩa này, chính là như nay chúng ta nói “*biện tài vô ngại*”.

(Sao) Phiến Thằng giả, tử hệ mẫu cố, hựu phá nhiệt đàn khúc vi Phiến Thằng.

(鈔) 扇繩者，子繫母故，又破熱彈曲為扇繩。

(Sao: Phiến Thằng: Do con ràng buộc mẹ, lại do phá nhiệt não, trừ bỏ những lý lẽ cong vạy, nên gọi là Phiến Thằng).

Những ý nghĩa được nói ở đây đều là nói về lúc Ngài cùng người khác biện luận. “*Tử hệ mẫu*” (con ràng buộc mẹ), trong đây cũng có một nhân duyên: Lúc tôn giả còn nhỏ, cha qua đời, Ngài là một cô nhi, mẹ Ngài cải giá (tái giá), Ngài một mực đi theo mẹ, nên nói là “*tử hệ mẫu cố*” (do con ràng buộc mẹ). Trưởng thành trong hoàn cảnh gia đình như vậy, đương nhiên có nhiều chuyện chẳng thể vừa ý, phải chịu rất nhiều hạn chế. “*Phá nhiệt đàn khúc*”: “*Nhiệt*” (熱) là nhiệt não (nóng bức, chỉ phiền não), “*khúc*” (曲) là cong queo, chỉ tà tri tà kiến. Ngài có năng lực bài trừ phiền não, phá trừ tà tri tà kiến cho người khác, [nên nói là “*phá nhiệt đàn khúc*”, “*đàn*” (彈) là dùng cái ná để bắn đạn]. “*Phiến thằng*” là tỷ dụ, giống như phía đuôi cây quạt có buộc tua⁸⁹ [để trang trí], đây cũng là ý nghĩa “*tử hệ mẫu*” (con ràng buộc mẹ), Ngài theo mẹ đi tái giá, giống như sợi dây [trang trí] buộc vào cây quạt, mang ý nghĩa này.

(Sao) Bất đọa đoạn thường, phát huy Trung Đạo, vi Ly Hữu Vô dã.

(鈔) 不墮斷常，發揮中道，為離有無也。

⁸⁹ Nguyên văn là “*phiến trụ*” (扇墜), tức là theo lối xưa, đuôi những cây quạt thường được kết tua bằng chỉ màu, thắt thành các nút Cát Tường, Hồ Điệp, Song Ngư v.v... Đôi khi còn kết những miếng ngọc nhỏ.

(Sao: Chẳng đọa vào đoạn kiến hay thường kiến, nêu rõ Trung Đạo, là Ly Hữu Vô).

Ý nghĩa này dễ hiểu. Những nghĩa này đều được bao hàm trong danh hiệu Ca Chiên Diên.

(Sao) Như ngoại đạo vấn: “Nhân tử bất hoàn, tri vô tha thế. Vị nhân tử thọ khổ, ưng đương hồi hoàn, cam thọ bất hoàn, cố vô tha thế”.

(鈔)如外道問：人死不還，知無他世。謂人死受苦，應當回還，甘受不還，故無他世。

(Sao: Như ngoại đạo hỏi: “Người chết rồi chẳng trở về, nên biết là không có đời khác. Bởi lẽ, con người chết đi, chịu khổ, phải nên quay về, nay cam chịu, chẳng quay về, cho nên không có đời khác”).

Đây là nêu thí dụ, có ngoại đạo thỉnh giáo tôn giả. Kẻ ngoại đạo ấy chẳng tin có đời sau, vì sao không tin? Người sau khi đã chết, chưa hề nghe nói người chết ấy trở về [báo tin], vậy thì lẽ nào có đời sau? Dem vấn đề ấy hỏi Ngài.

(Sao) Đáp ngôn: “Như thế tội nhân, bị trú lao ngục, ninh đắc quy phủ?”

(鈔) 答言：如世罪人，被駐牢獄，寧得歸否。

(Sao: Ngài đáp: “Như tội nhân trong cõi đời, bị giam trong ngục, có trở về được chăng?”)

Ngài nêu tỷ dụ này cũng rất hay, giống như một kẻ phạm tội, bị bắt giam trong ngục, hẳn có thể quay về hay chẳng? Chẳng thể trở về được!

(Sao) Hựu vấn: “Thiên hà diệc bất quy?”

(鈔) 又問：天何亦不歸。

(Sao: Lại hỏi: “[Kẻ sanh lên] cõi trời sao cũng không trở về?”)

Người đã chết, sanh lên trời, cõi trời tự tại, vì sao kẻ ấy chẳng trở về?

(Sao) Đáp ngôn: “Đọa xí đắc xuất, khảng tái nhập phủ?”

(鈔) 答言：墮廁得出，肯再入否。

(Sao: Đáp rằng: “Té xuống hầm cầu, được thoát ra rồi có chịu trở vào hay chẳng?”)

Thế gian của loài người [đối với chư thiên] giống như hầm phân, người ấy rất vất vả mới thoát ra khỏi hầm phân, người ấy có còn tiến vào nữa hay chẳng? Người ấy sẽ chẳng tiến vào. Sanh lên cõi trời giống như thoát ra [khỏi hầm phân].

Vì thế, lời nghị luận của Ngài quả thật có thể khiến cho người khác chịu phục; đây là nêu ra vài thí dụ để nói.

(Sao) Như thị chủng chủng diệu thuyết chư nghĩa, Tăng Nhất A Hàm tán vân: “Thiện phân biệt nghĩa, phu diễn giáo đạo, cố viết luận nghị đệ nhất”.

(鈔)如是種種妙說諸義，增一阿含讚云：善分別義，敷演教道，故曰論議第一。

(Sao: Đủ mọi cách khéo nói các nghĩa như thế, kinh Tăng Nhất A Hàm⁹⁰ khen ngợi: “Khéo phân biệt nghĩa, diễn bày giáo đạo, nên nói là luận nghị bậc nhất”).

Chúng ta lại xem vị tôn giả thứ năm:

(Sớ) Ma Ha Câu Hy La, thử vân Đại Tất.

(疏) 摩訶俱絺羅，此云大膝。

(Sớ: Ma Ha Câu Hy La, cõi này dịch là Đầu Gối To).

Câu Hy La (Kaustthila) là tiếng Phạn, cõi này dịch là Đại Tất. Đầu gối của Ngài to hơn người khác, cho nên người ta gọi Ngài bằng tên này, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “đầu gối to”, nên tên của Ngài gọi là Đại Tất Cái.

(Sớ) Xá Lợi Phất cữ, đáp vấn đệ nhất.

⁹⁰ Tăng Nhất A Hàm (Ekottaragama-sutra) là một trong bốn bộ A Hàm của Tiểu Thừa. Bộ kinh này gồm có mười một quyển do ngài Đàm Ma Nan Đề (Dharmamandi) truyền đọc, ngài Trúc Phật Niệm dịch ra Hán văn vào năm Kiến Nguyên 20 (384) đời Phù Tấn, ngài Đàm Tung làm bút thọ. Kinh này lại được dịch lần nữa bởi ngài Cù Đàm Tăng Già Đề Bà (Samghadeva) vào năm Long An thứ hai (398) đời Đông Tấn. Kinh này chủ yếu giảng về pháp số. Kinh này tương ứng với Tăng Chi Bộ Kinh (Anguttara Nikāya) trong Phật giáo Nam Truyền.

(疏) 舍利弗舅，答問第一。

(Sớ: Là cậu của ngài Xá Lợi Phất, trả lời câu hỏi bậc nhất).

Ngài là cậu của Xá Lợi Phất. Trong các đệ tử của đức Phật, Ngài là bậc trả lời các câu hỏi bậc nhất.

(Sao) Đại Tát giả, tùng trạng đắc danh.

(鈔) 大膝者，從狀得名。

(Sao: Do hình trạng mà có tên là Đại Tát).

Do hình dạng mà Ngài có danh hiệu ấy.

(Sao) Cữu giả, dữ Thân Tử mẫu, thị tỷ đệ cố.

(鈔) 舅者，與身子母，是姊弟故。

(Sao: “Cậu”: Ngài với mẹ ngài Xá Lợi Phất là chị em).

Mẹ ngài Xá Lợi Phất là chị của tôn giả Câu Hy La, ngài Câu Hy La là cậu của ngài Xá Lợi Phất.

(Sao) Vãng luận thắng tỷ.

(鈔) 往論勝姊。

(Sao: Thường tranh luận thắng chị).

Bình thường hề tranh luận với chị, Ngài luôn luôn thắng, chị chẳng thể cãi giỏi hơn Ngài.

(Sao) Tỷ hoài Thân Tử.

(鈔) 姊懷身子。

(Sao: Chị có mang Xá Lợi Phất).

Lúc chị Ngài có thai, tức là hoài thai Xá Lợi Phất.

(Sao) Cơ biện tân phát, đệ bất năng cập.

(鈔) 機辯迅發，弟不能及。

(Sao: Khả năng tranh biện cao hãnh lên, em trai chẳng thể sánh bằng).

Khi chị Ngài mang thai Xá Lợi Phất, đột nhiên biện tài vô ngại; mỗi lần biện luận, Ngài đều bị thua. Ngài nghĩ, trong tương lai đứa cháu trai này ra đời, nếu chẳng biện luận thắng nó, sẽ là chuyện rất mất mặt. Vì thế, Ngài phát phần tu học, đến nhiều nơi trên xứ Ấn Độ để tham học.

(Sao) Phát phần du học, thệ bất tiền trảo, độc thập bát chủng kinh.

(鈔) 發憤遊學，誓不剪爪，讀十八種經。

(Sao: Phát phần du học, thệ chẳng cắt móng tay, đọc mười tám loại kinh).

Không có thời gian cắt móng tay, phát phần đọc sách, cầu học, cho nên móng tay rất dài, người ta gọi Ngài là Trường Trảo Phạm Chí.

(Sao) Đáp vấn giả, điêu tinh cần cố, đắc tứ biện tài, xúc vấn năng đáp, cố vân đáp vấn đệ nhất.

(鈔) 答問者，繇精勤故，得四辯才，觸問能答，故云答問第一。

(Sao: “Đáp vấn”: Do siêng năng chuyên ròng cầu học, đạt được bốn món biện tài, hễ được hỏi liền có thể đáp ngay, nên gọi là đáp vấn bậc nhất).

Trong các đệ tử Phật, Ngài trả lời các câu hỏi bậc nhất. Vị tôn giả thứ sáu:

(Sớ) Ly Bà Đa giả, thử vân Tinh Tú, nhất vân Thất Tú, vô đảo loạn đệ nhất.

(疏) 離婆多者，此云星宿，一云室宿，無倒亂第一。

(Sớ: Ly Bà Đa (Revata), cõi này dịch là Tinh Tú, hoặc dịch là Thất Tú (sao Thất), không điên đảo, loạn tưởng bậc nhất).

“Đảo” là điên đảo, “loạn” là loạn tưởng, vô đảo loạn bậc nhất.

(Sao) Tinh Tú giả, tùng tinh khát tử nhi sanh, nhân dĩ vi danh. Thất Tú giả, Thất vi nhị thập bát tú trung, đệ thập tam tú, hoặc đảo thử tinh cố.

(鈔)星宿者，從星乞子而生，因以為名。室宿者，室為二十八宿中，第十三宿，或禱此星故。

(Sao: Tinh Tú là do cha mẹ cầu đảo ngôi sao mà sanh ra, nên đặt tên như thế. “Thất Tú”: Sao Thất là ngôi sao thứ mười ba trong Nhị Thập Bát Tú⁹¹, chắc là cầu đảo ngôi sao này).

Có thể là cha mẹ Ngài cầu đảo ngôi sao ấy mà sanh ra đứa con này, nên Ngài có tên là Tinh Tú.

(Sao) Vô đảo loạn giả, tâm chánh, cố bất điên đảo; tâm định, cố bất tán loạn, cố vân “vô đảo loạn đệ nhất”.

⁹¹ Nhị Thập Bát Tú (còn gọi là Nhị Thập Bát Xá hoặc Nhị Thập Bát Tinh) thật ra không phải là hai mươi tám ngôi sao, mà là hai mươi tám chòm sao (tinh cung). Theo thiên văn cổ của người Hán, vào thời Hạ và Châu, một tháng âm lịch chỉ có hai mươi tám ngày, nên cổ nhân gom các tinh tú có thể thấy trên bầu trời Trung Hoa thành hai mươi tám tinh cung, quy định mỗi tinh cung ứng với một ngày (lệ này vẫn giữ dù sau đó tháng Âm Lịch có đến ba mươi ngày). Họ đã chia bầu trời thành bốn khu vực gọi là Huyền Vũ (Bắc), Bạch Hổ (Tây), Châu Tước (Nam) và Thanh Long (Đông), hai mươi tám tinh cung nằm trên đường Hoàng Đạo (quỹ đạo biểu kiến của mặt trời so với trái đất) được chia thành bốn nhóm (tứ tổ) tương ứng với bốn phương trên đây. Thanh Long gồm các sao Giác, Cang, Đê, Phòng, Tâm, Vĩ, Cơ; Huyền Vũ gồm các sao Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngụy, Thất, Bích; Bạch Hổ gồm Khuê, Lâu, Vị, Mão, Tắt, Chủy, Sâm; Châu Tước gồm Tinh, Quý, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chấn. Họ lại còn chia bầu trời thành chín khu vực gọi là Cửu Dã (Quân Thiên, Thương Thiên, Biền Thiên, Huyền Thiên, U Thiên, Hạo Thiên, Châu Thiên, Viêm Thiên và Dương Thiên) nhằm ứng với chín châu, và ghép Nhị Thập Bát Tú tương ứng với chín khu vực đó (mỗi khu vực như vậy gọi là Phần Dã; mỗi khi có sao lạ chuyển dời vào một phần dã, sẽ được coi là điềm báo hung tinh, tai nạn, hay chiến tranh sắp xảy ra). Sao Thất, có tên gọi đầy đủ là Thất Hỏa Tru, thuộc phần dã Huyền Thiên (phương Bắc) là một chòm sao (tinh cung) gồm nhiều nhóm sao nhỏ (tinh tòa, hoặc tinh quan) nhỏ hơn như Thất, Ly Cung, Lôi Điện, Lũy Bích Trận, Vũ Lâm Quân, Phu Việt, Bắc Lạc Sư Môn, Bát Khôi, Thiên Cang, Thổ Công Sứ, Đàng Xà. Tinh tòa có nhiều ngôi nhất là Đàng Xà (22 ngôi) và ít nhất là Thiên Cang (chỉ có một ngôi). Nếu nhìn theo cách phân loại của thiên văn hiện thời, chòm sao Thất bao gồm các nhóm sao (hoặc một phần) Phi Mã (Pegasus), Song Ngư (Pisces), Bảo Bình (Aquarius), Ma Kết (Capricornus, ta thường gọi là Nam Dương), Nam Ngư (Piscis Austrinus), Kinh Ngư (Cetus), Tiên Nữ (Andromedae), Yết Hồ (Lacerta), Tiên Hậu (Cassiopeia), Tiên Vương (Cepheus) và Thiên Nga (Cygnus). Người Hoa cho rằng chòm sao này có hình dáng giống như cái nhà nên gọi là Thất. Do vậy, nó được coi là Đại Cát Đại Lợi, nên theo cách bói toán mê tín, những ngày có sao Thất sẽ rất may mắn cho cưới gả, tế lễ, nhóm bạn, khai trương v.v... nếu không có hung tinh hoặc bại tinh khác xen vào.

(鈔)無倒亂者，心正，故不顛倒；心定，故不散亂，故云無倒亂第一。

(Sao: Vô đảo loạn là tâm chánh, nên chẳng điên đảo, tâm định nên chẳng tán loạn. Vì thế nói là chẳng đảo loạn bậc nhất).

Trong các vị đệ tử, Ngài biểu thị vô đảo loạn đệ nhất.

(Sớ) **Châu Lợi Bàn Đà Già giả, thử vân Kế Đạo, nhất vân Đại Lộ Biên, cẩn trì bán kê, đắc ngô chứng quả.**

(疏)周利槃陀伽者，此云繼道，一云大路邊，僅持半偈，得悟證果。

(Sao: Châu Lợi Bàn Đà Già (Ksudrapanthaka), côi này dịch là Kế Đạo, còn dịch là Đại Lộ Biên, chỉ trì nửa bài kệ, đắc ngô, chứng quả).

Trong các vị đệ tử Phật, Ngài là người đần độn nhất. Do vậy, mười sáu vị tôn giả ở đây thấy đều là biểu thị pháp.

(Sao) **Kế Đạo giả, kỳ mẫu dựng thời hoàn gia, ư trung lộ dẫn tử, kế tục ư đồ lộ chi gian, cố vân Kế Đạo.**

(鈔)繼道者，其母孕時還家，於中路誕子，繼續於途路之間，故云繼道。

(Sao: Kế Đạo: Mẹ Ngài lúc mang thai, trở về nhà [mẹ đẻ], sanh con giữa đường, sau đó, [sanh ra Ngài] cũng trên đường nên đặt tên là Kế Đạo).

Mẹ Ngài có thai lần đầu, sanh con trên đường [trở về nhà cha mẹ ruột], có thai lần này lại sanh trên đường đi. Do vậy, gọi là Kế Đạo.

(Sao) **Đại Lộ giả, mẫu sanh nhị tử, giai ư lộ biên, ngôn đại dĩ biệt tiểu dã.**

(鈔)大路者，母生二子，皆於路邊，言大以別小也。

(Sao: Đại Lộ: Mẹ sanh hai con đều ở bên đường, nói Đại nhằm phân biệt với Tiểu).

Đây là Đại Lộ Biên.

(Sao) Bán kệ giả, xuất gia ngu ám, cứu vô sở giải, huynh tiên nhập đạo, quái kỳ vô tri, khiến sử quy tục, ý Phật tự môn, ta thân lưu thể. Phật liên nhi lục chi, sử tụng “tảo trừu”, mỗi nhật tụng chi, ký nhất vong nhất, cứu chi hốt ngộ, cầu tịnh hoặc trừ, đắc A La Hán.

(鈔)半偈者，出家愚暗，久無所解，兄先入道，怪其無知，遣使歸俗，倚佛寺門，嗟歎流涕。佛憐而錄之，使誦掃箒，每日誦之，記一忘一，久之忽悟，垢淨惑除，得阿羅漢。

(Sao: “Nửa bài kệ”: Ngài xuất gia, căn tánh ngu độn, tối tăm, tu học đã lâu mà chẳng hiểu biết gì, anh Ngài đã nhập đạo trước, quả Ngài vô tri, đuổi Ngài hoàn tục, Ngài đứng dựa cửa chùa, than khóc, trào lệ, đức Phật thương xót, giữ lại, bảo tụng câu “chổi quét”, mỗi ngày tụng đọc, nhớ được chữ này, quên chữ kia, lâu ngày bỗng ngộ, cầu sạch, Hoặc trừ, đắc A La Hán).

Kinh dạy: Do có nhân duyên, Châu Lợi Bàn Đà Già kiếp trước là Tam Tạng pháp sư, là một người rất lỗi lạc. Vị pháp sư này tiếc pháp, dạy người khác chỉ dạy phân nửa, giữ lại phân sau, vì sao? Sợ tương lai người khác học trôi vượt mình, cho nên đời này mắc quả báo ngu si. Do vậy, thầy đều là có nhân quả: Tiếc của mắc quả báo bần cùng; tiếc pháp mắc quả báo ngu si. Hai anh em Ngài đều xuất gia, anh Ngài thấy Ngài rất đáng thương, nghe kinh thật lâu mà vẫn chẳng hiểu, không chỉ chẳng hiểu ý nghĩa, mà một chữ cũng chẳng nhớ được, Do vậy, người anh khuyên Ngài: “Người hãy về nhà cho xong, hoàn tục đi, đừng xuất gia nữa!” Ngài khóc nức lên, đương nhiên cũng là vừa hận chính mình ngu si, vừa hận là phải rời khỏi đức Phật. Sau khi đức Phật trông thấy, biết nhân duyên trong kiếp trước của Ngài, nên giữ lại, dạy Ngài niệm hai chữ “tảo trừu” (chổi quét). Ngài niệm Tảo, quên mất Trừu, niệm Trừu quên bẵng Tảo, người đàn độn như thế đấy! Nhưng niệm lâu ngày, Ngài bỗng nhiên khai ngộ, đó là do thiện căn trong đời quá khứ hiện tiền, khai ngộ, cũng chứng quả A La Hán. Nếu chẳng gặp Phật, cả đời này sẽ bị luống uổng! Do đức Phật biết nhân quả kiếp trước, biết dùng phương pháp gì để tảo trừ nghiệp chướng, khiến cho tôn giả khôi phục. Vị tôn giả thứ tám là...

(Sớ) Nan Đà giả, thử vân Thiện Hoan Hỷ, Phóng Ngưu Nan Đà dã.

(Sao) Phóng Ngưu Nan Đà giả, Nan Đà hữu tam, A Nan Đà, Tôn Đà La Nan Đà, kiêm thử vị tam, dĩ Phóng Ngưu biệt dư nhị dã.

(疏) 難陀者，此云善歡喜，放牛難陀也。

(鈔) 放牛難陀者，難陀有三，阿難陀，孫陀羅難陀，兼此為三，以放牛別餘二也。

(Sớ: Nan Đà, cõi này dịch là Thiên Hỷ, tức Phóng Ngưu Nan Đà.

Sao: Phóng Ngưu Nan Đà: Có ba vị Nan Đà, tức A Nan Đà, Tôn Đà La Nan Đà, và vị này là ba. Gọi là Phóng Ngưu để phân biệt với hai vị kia).

Nan Đà (Nanda), trong các đệ tử Phật có tất cả ba vị [cùng tên Nan Đà] là Phóng Ngưu Nan Đà, A Nan Đà (chính là tôn giả A Nan), Tôn Đà La Nan Đà (Sundara-nanda). Dùng chữ Phóng Ngưu nhằm phân biệt với hai người kia, Phóng Ngưu có nghĩa là chăn trâu⁹².

(Sớ) A Nan Đà giả, thử vân Khánh Hỷ.

(疏) 阿難陀者，此云慶喜。

(Sớ: A Nan Đà, cõi này dịch là Khánh Hỷ).

Vị này là tôn giả A Nan, sau này kết tập Kinh Tạng, gọi đầy đủ là A Nan Đà (Ānanda), người Trung Quốc thường lược bỏ âm cuối, nên gọi Ngài là A Nan.

⁹² Theo Pháp Hoa Huyền Tán, quyển một: “*Tiếng Phạn là Nan Đà, Hán dịch là Hỷ, vị này về căn bản là người chăn trâu, do hỏi Phật mười một điều về cách chăn trâu mà biết Phật có trọn đủ Nhất Thiết Trí, bèn chứng quả A La Hán, là người cực thông minh, âm thanh tuyệt diệu*”. Ngài Tôn Đà La Nan Đà chính là em ruột cùng cha khác mẹ của Phật (vị này là con của di mẫu (đi) Ma Ha Ba Xà Ba Đề), dung mạo, oai nghi đẹp đẽ nhất, có đủ ba mươi tướng (chỉ thiếu tướng bạch hào và trái tai không tròn đầy như Phật). Vị này do cưới vợ là Tôn Đà La (Sundarī), nên gọi là Tôn Đà La Nan Đà. Phật độ Ngài xuất gia tại vườn Ni Câu Luật, ngay trong ngày cưới, đức Phật đến hoàng cung thọ trai, thọ trai xong trao bát cho ngài Tôn Đà La Nan Đà. Do kính mến, Ngài cứ ôm bát đi theo, đức Phật đi mãi về đến tinh xá Ni Câu Luật; đức Phật bèn truyền tăng chúng cho ngài Nan Đà xuất gia. Không dám cãi lại, Ngài vẫn nhớ vợ. Đức Phật bèn thị hiện thần thông, dẫn Ngài lên cung trời cho thấy các thiên nữ đẹp hơn Tôn Đà La rất nhiều để khuyến dụ, Nan Đà hăm hở tu tập để được lên cõi trời. Do bị chư tăng chê trách là vì tham dục mà tinh tấn tu tập nên hết sức hổ thẹn, lại được đức Phật dùng thần thông dẫn xuống địa ngục, quý sứ chỉ cái gông to, vạc dầu đang đun sùng sục, bảo: Đờ chờ sẵn khi ngài Nan Đà hưởng hết phước báo cõi trời sẽ xuống đó chịu tội. Ngài Nan Đà tỉnh ngộ, lại được đức Phật chỉ điểm thêm, nên cuối cùng đoạn được tham dục, chứng quả La Hán.

(Sớ) Hựu vân Vô Nhiễm, Phật chi tòng đệ, đa văn đệ nhất. Tựu đương kinh, tắc A Nan dữ chúng, đồng văn Tịnh Độ chi giáo, nhi độc dĩ tổng trì lực, ức niệm bất vong, thành kết tập dã.

(疏)又云無染，佛之從弟，多聞第一。就當經，則阿難與眾，同聞淨土之教，而獨以總持力，憶念不忘，成結集也。

(Sớ: Còn dịch là Vô Nhiễm, là em họ đức Phật, đa văn bậc nhất. Chính trong kinh này, ngài A Nan và đại chúng cùng nghe giáo pháp Tịnh Độ, nhưng riêng Ngài do sức tổng trì nên nhớ nghĩ chẳng quên, mới kết tập thành kinh điển).

Về sau, ngài A Nan là người kết tập, lưu thông Kinh Tạng của đức Phật. Vì thế, vị này là vô cùng trọng yếu trong Phật môn. Vì sao gọi Ngài là Khánh Hỷ?

(Sao) Khánh Hỷ giả, Phật thành đạo nhật đản sanh.

(鈔) 慶喜者，佛成道日誕生。

(Sao: Khánh Hỷ là vì Ngài hạ sanh nhằm ngày Phật thành đạo).

Ngày hôm ấy, dòng họ Thích Ca song hỷ lâm môn.

(Sao) Vương cập thân dân, ký văn thái tử thành Phật.

(鈔) 王及臣民，既聞太子成佛。

(Sao: Vua và thân dân nghe tin thái tử thành Phật).

Đây là một chuyện vui, tin tức truyền tới.

(Sao) Hựu văn cung trung đản tử.

(鈔) 又聞宮中誕子。

(Sao: Lại nghe trong cung sanh hoàng tử).

Cha của A Nan và cha của Thích Ca Mâu Ni Phật là anh em ruột. Tôn giả A Nan là con của người chú Thích Ca Mâu Ni Phật.

(Sao) Song mỹ nhị nan, nhất thời tất cụ, cử quốc hãn khánh, nhân dĩ lập danh.

(鈔) 雙美二難，一時畢具，舉國忻慶，因以立名。

(Sao: Hai điều tốt đẹp, hai điều khó khăn mà nay cùng lúc đạt được, cả nước vui mừng; do vậy, đặt tên cho Ngài là [A Nan]).

Do như vậy mà Ngài có danh hiệu ấy, cho nên gọi là Khánh Hy.

(Sao) *Hựu kiến kỳ tướng giả, văn kỳ thanh giả, đồ kỳ oai nghi giả, vô bất hoan hỷ cố.*

(鈔)又見其相者，聞其聲者，睹其威儀者，無不歡喜故。

(Sao: Lại nữa, do người thấy hình tướng Ngài, nghe tiếng Ngài, thấy oai nghi của Ngài, không ai chẳng hoan hỷ).

Tướng mạo của A Nan rất đẹp đẽ, đức Phật có ba mươi hai tướng, A Nan có ba mươi tướng, chẳng sai khác Phật cho mấy; vì thế, người ta thấy Ngài đều hoan hỷ. Nghe tiếng Ngài, trông thấy oai nghi của Ngài, đều sanh tâm hoan hỷ. Điều này có liên quan đến danh hiệu.

(Sao) *Vô Nhiễm giả, tùy Phật nhập thiên cung, long cung, tâm vô nhạo trước, diệc kỳ sự dã.*

(鈔)無染者，隨佛入天宮龍宮，心無樂著，亦其事也。

(Sao: Vô Nhiễm: Theo Phật vào cung trời hoặc cung rồng, tâm chẳng ham đắm, cũng do chuyện ấy [mà được gọi là Vô Nhiễm]).

Ngài chẳng nhiễm đắm, thường theo đức Phật. Đức Phật lên trời giảng kinh, Ngài cũng đi theo, Phật giảng kinh ở long cung, Ngài cũng đi theo, chẳng bị động tâm bởi sự phú quý. “Diệc kỳ sự dã” là nói tới chuyện vô nhiễm này.

(Sao) *Phật tùng đệ giả, Phật, Tịnh Phạn vương tử; A Nan, Bạch Phạn vương tử, nhị vương con quý cố.*

(鈔)佛從弟者，佛，淨飯王子；阿難，白飯王子，二王昆季故。

(Sao: “Em họ của Phật”: Phật là con vua Tịnh Phạn (Śuddhodana), A Nan là con vua Bạch Phạn (Śuklodana), hai vua là anh em).

Phụ thân họ là anh em ruột⁹³.

(Sao) Đa văn giả, A Nan thị Phật nhị thập ngũ niên.

(鈔) 多聞者，阿難侍佛二十五年。

(Sao: Đa văn: A Nan hầu Phật hai mươi lăm năm).

A Nan hai mươi tuổi xuất gia, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng kinh hai mươi năm rồi. Năm A Nan hai mươi tuổi, [Thích Ca Mâu Ni Mâu Ni Phật đã năm mươi], Thích Ca Mâu Ni Phật vừa thành đạo bèn bắt đầu giảng kinh, Phật thành đạo đúng ngày A Nan sanh ra. Vì thế, đức Phật giảng kinh hai mươi năm, A Nan mới xuất gia. Đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm tất cả. Sau khi A Nan xuất gia, sau năm năm mới làm thị giả của đức Phật. Vì thế nói Ngài hầu Phật hai mươi lăm năm. “*Thị Phật*” là làm thị giả của đức Phật. Vừa mới xuất gia chẳng phải là thị giả của Phật, sau năm năm, [đức Phật] mới chọn Ngài làm thị giả.

(Sao) Phật sở thuyết pháp, bất vong nhất tự, Niết Bàn xưng A Nan đa văn sĩ.

(鈔) 佛所說法，不忘一字，涅槃稱阿難多聞士。

(Sao: Những pháp do đức Phật thuyết, Ngài chẳng quên một chữ, kinh Niết Bàn gọi A Nan là “bậc đa văn”).

Trong kinh Niết Bàn gọi A Nan là “*đa văn sĩ*”.

(Sao) Hựu Ca Diếp tán viết: “Phật pháp đại hải thủy, lưu nhập A Nan tâm”.

(鈔) 又迦葉讚曰：佛法大海水，流入阿難心。

(Sao: Lại nữa, ngài Ca Diếp khen ngợi: “Nước biển cả Phật pháp, chảy vào tâm A Nan”).

Ngài A Nan có trí nhớ vô cùng tốt, nghe qua một lần, vĩnh viễn ghi nhớ, chẳng quên mất. Do vậy, sau khi đức Phật diệt độ, kết tập kinh điển do ngài A Nan lên tòa phước giảng (複講), tức là nhắc lại những điều đức Phật đã giảng một lượt, mọi người ghi chép lại rồi mới kết tập thành kinh điển.

⁹³ Tịnh Phạn Vương có ba người em trai là Bạch Phạn Vương (Śuklodana), Hộc Phạn Vương (Dronodana) và Cam Lộ Phạn Vương (Amrtodana).

(Sao) Đồng văn độc ức giả, chánh biểu cường ký siêu hồ đẳng dĩ dã. Cố viết đa văn đệ nhất.

(鈔) 同聞獨憶者，正表強記超乎等夷也。故曰多聞第一。

(Sao: “Cùng nghe, riêng nhớ”: Biểu thị Ngài có trí nhớ mạnh mẽ vượt trội đồng bạn, nên nói là đa văn bậc nhất).

“Đẳng dĩ” là đồng bạn. Vị thứ mười:

(Sớ) La Hầu La giả, thủ vân Phú Chương, hoặc viết Cháp Nhật, mật hạnh đệ nhất.

(疏) 羅睺羅者，此云覆障，或曰執日，密行第一。

(Sớ: La Hầu La, cõi này dịch là Phú Chương, hoặc là Cháp Nhật, mật hạnh bậc nhất).

Vị này là con trai Thích Ca Mâu Ni Phật.

(Sao) Phú Chương giả, bản A Tu La danh, khả dĩ thủ chương nhật nguyệt, cố danh Phú Chương, diệc viết Cháp Nhật.

(鈔) 覆障者，本阿脩羅名，能以手障日月，故名覆障，亦曰執日。

(Sao: Phú Chương (ngăn lấp) vốn là tên của một vị A Tu La vì vị ấy có thể dùng tay che lấp mặt trời hay mặt trăng, nên gọi là Phú Chương hoặc Năm Mặt Trời).

La Hầu La (Rāhula) dịch sang nghĩa tiếng Hán là Phú Chương; vốn là tên của một A Tu La. A Tu La ấy thần thông rất lớn, có thể dùng tay che khuất thái dương hay mặt trăng, cho nên gọi là Phú Chương hoặc Cháp Nhật (cầm nắm mặt trời).

(Sao) Chương hữu nhị nghĩa.

(鈔) 障有二義。

(Sao: Chương có hai nghĩa).

“Chương” gồm có hai ý nghĩa.

(Sao) Nhất vân: Phật vị sở chương, bất tức xuất gia, dĩ vị hữu tử, phụ vương bất hứa xuất gia.

(鈔)一云：佛為所障，不即出家，以未有子，父王不許出家。

(Sao: Một thuyết nói đức Phật bị Ngài chướng ngại, chẳng thể xuất gia ngay, do chưa có con nên phụ vương chẳng chấp thuận cho Phật xuất gia).

Quý vị đọc Thích Ca Phổ, hoặc xem truyện ký về Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ hiểu: Thuở ấy, Tịnh Phạn Vương chẳng bằng lòng cho Thích Ca Mâu Ni Phật xuất gia, vì chưa có người nối dõi. Thích Ca Mâu Ni Phật phải sanh con trai rồi mới có tư cách xuất gia.

(Sao) Hậu dĩ chỉ phúc hoài nhâm, phương toại bản chí, tắc Phật bị kỳ chướng dã.

(鈔)後以指腹懷妊，方遂本志，則佛被其障也。

(Sao: Về sau, chỉ vào bụng [vương phi] khiến [bà ta] hoài thai mới được toại chí, tức là Phật bị chuyện này ngăn trở vậy).

Khi ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật bèn chỉ phi tử nói: “Cô ta đã có mang”, Da Thủ Đà La (Yasodharā) mang thai La Hầu La sáu năm mới sanh ra Ngài, nên gặp nạn rất lớn, không chỉ chướng ngại cha xuất gia, mà đồng thời còn khiến mẹ gặp tai nạn oan khuất.

(Sao) Nhất vân lục niên tại thai.

(鈔)一云：六年在胎。

(Sao: Thuyết kia là Ngài ở trong thai sáu năm).

Thời gian Ngài ở trong thai lâu hơn người khác; người khác mười tháng bèn sanh, còn Ngài sáu năm, ở đây có nhân quả.

(Sao) Dĩ túc sanh tàng tắc thử huyệt, u chi lục nhật, kim báo lục niên, tắc kỷ tự bị chướng dã.

(鈔)以宿生曾塞鼠穴，幽之六日，今報六年，則己自被障也。

(Sao: Do đời trước từng lấp hang chuột, khiến [chuột] bị nhốt trong hang sáu ngày, nay mắc quả báo [ở trong thai] sáu năm, tức là chính mình bị chướng lấp).

Trong đời quá khứ nghịch ngợm, lấp hang chuột, lấp sáu ngày, khiến trong sáu ngày, chuột chổng ra khỏi hang được. Kiếp này mắc quả báo phải ở trong thai mẹ sáu năm mới sanh ra. Nhân quả báo ứng, tự làm tự chịu, chẳng có cách nào! Tuy Ngài xuất gia, tập khí nghịch ngợm vẫn chưa trừ hết. Từ chuyện trước kia, Ngài lấp hang chuột, có thể biết Ngài rất nghịch ngợm. Sau khi xuất gia, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Ngài bái Xá Lợi Phất làm sư phụ, Ngài là đồ đệ của Xá Lợi Phất, suốt ngày từ sáng đến tối chơi đùa mà thôi!

(Sao) Mật hạnh giả, kinh vân: “La Hầu La mật hạnh, duy ngã năng tri chi”. Duy Phật năng tri, tức Bồ Tát, Thanh Văn giai sở bất tri, huống phàm phu hồ. Tích hạnh nhi nhân bất tri, cố viết mật hạnh đệ nhất.

(鈔)密行者，經云：羅睺羅密行，惟我能知之。惟佛能知，則菩薩聲聞皆所不知，況凡夫乎。積行而人不知，故曰密行第一。

(Sao: Mật hạnh là như kinh nói: “Mật hạnh của La Hầu La, chỉ mình ta có thể biết”. Chỉ mình Phật có thể biết, thì Bồ Tát, Thanh Văn thấy đều chẳng biết, huống hồ phàm phu! Tích lũy công hạnh nhưng người khác chẳng biết, nên gọi là mật hạnh đệ nhất).

Tuy Ngài chơi đùa mỗi ngày, nhưng tu hành ngay trong chơi đùa, chỉ có đức Phật biết, người khác chẳng biết, chỉ thấy Ngài rất nghịch ngợm, suốt ngày từ sáng đến tối chơi giỡn, chẳng ai biết Ngài đang tu hành. Công phu tu hành ấy cao hơn người khác một bậc. Đây là Phật tử La Hầu La.

(Sớ) Kiều Phạm Ba Đề giả, thử vân Ngưu Ty, thọ thiên cúng dường đệ nhất.

(疏)憍梵波提者，此云牛伺，受天供養第一。

(Sớ: Kiều Phạm Ba Đề (Gavāmpati), cõi này dịch là Ngưu Ty, được chư thiên cúng dường bậc nhất).

Vị tôn giả này cũng có quả báo.

(Sao) Ngưu Ty giả, quá khứ thế trung, khinh lộng sa-môn, kim báo ngưu ty.

(鈔) 牛伺者，過去世中，輕弄沙門，今報牛伺。

(Sao: Ngưu Ty: Trong đời quá khứ, khinh mạn, bỡn cợt sa-môn, đời này mắc quả báo nhai nhóp nhép như trâu nhoi).

Trong đời quá khứ, Ngài nghe một vị tỳ-kheo già niệm kinh, nghe xong, Ngài ở bên cạnh, cười gheo vị ấy, nói âm thanh của vị ấy niệm kinh khó nghe, giống như [tiếng] một con trâu già. Vị tỳ-kheo già ấy bảo Ngài: “Ta đã chứng quả A La Hán, ông vô lễ đối với ta, trong tương lai sẽ mắc quả báo”. Ngài cực lực sám hối, kết quả vẫn đọa trong súc sanh đạo, biến thành trâu, làm trâu suốt năm trăm đời. Đây là do bỡn cợt một vị tỳ-kheo, vị tỳ-kheo ấy chẳng phải là sa-môn tầm thường, mà là A La Hán; cho nên mắc tội nặng như thế.

(Sao) Hựu ngũ bách thế từng vi ngưu cố, ngưu tuy bất thực, hằng sự hư tiểu, dư báo vị tận, cố xưng thử danh.

(鈔) 又五百世曾為牛故，牛雖不食，恆事虛哨，餘報未盡，故稱此名。

(Sao: Lại từng làm trâu năm trăm đời. Trâu tuy chẳng ăn, vẫn luôn nhoi nhóp nhép, dư báo chưa hết, nên được gọi bằng tên ấy).

Tuy đời này, Ngài được làm thân người, xuất gia, vẫn còn tập khí của một con trâu. Miệng trâu luôn nhóp nhép, khi chẳng ăn cỏ cũng nhóp nhép. Dư báo chưa hết, do vậy, trực tiếp dùng tập khí ấy để đặt tên cho Ngài là Kiều Phạm Ba Đề, khiến cho người ta liễu giải, chẳng dám khinh mạn Ngài.

(Sao) Thiên cúng giả, mã mạch chi báo, bỉ độc ư thiên thượng Thi Lợi Sa viên thọ cúng. Hựu phạm phu đồ hình, bất tri quán đức, khỗng nhân cơ tiểu tao khiên, thường cư thiên thượng, chư thiên kính phụng, cố vân thọ thiên cúng dường đệ nhất.

(鈔) 天供者，馬麥之報，彼獨於天上尸利沙園受供。又凡夫睹形，不知觀德，恐人譏笑遭愆，常居天上，諸天敬奉，故云受天供養第一。

(Sao: “Chư thiên cúng dường”: Trong quả báo [Phật và tăng đoàn] phải ăn lúa mạch của ngựa, riêng Ngài ngự trên vườn Thi Lợi Sa cõi trời nhận cúng dường. Lại do phạm phu nhìn hình tướng, chẳng biết quán đức, sợ người ta sẽ chê cười chuốc lấy tội khiên nên Ngài thường

ngự trên cõi trời, chư thiên tôn kính, phụng sự, nên nói là được chư thiên cúng dường bậc nhất).

Phàm phu thế gian chẳng nhận biết Ngài. Nếu cũng có kẻ chê cười Ngài, tương lai kẻ ấy lại mắc quả báo năm trăm đời làm trâu, tức là chẳng từ bi! Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Ngài đừng đi khát thực, sợ có kẻ chê cười Ngài, bảo Ngài hãy lên cõi trời thọ trai, chư thiên cúng dường Ngài. Vì chư thiên có Thiên Nhãn, nhận biết Ngài là bậc A La Hán, sẽ chẳng khinh mạn Ngài, sẽ khởi tâm cung kính đối với Ngài, cho nên Ngài được chư thiên cúng dường bậc nhất. Ở đây, cũng có một điển cố, tức là “*mã mạch chi báo*”. Phật và các đệ tử, tổng cộng một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, là một đoàn thể rất lớn, từng ở ấp Tỳ Lan (Vairantya) suốt ba tháng chẳng có gì ăn. Đại khái là nơi ấy cũng có thiên tai, bắt buộc người ta phải lấy lương thực cho ngựa ăn để cúng dường Tăng đoàn. Vì thế, có quả báo ba tháng ăn lúa mạch nuôi ngựa, thấy đều là có nhân quả báo ứng. Vì ngài Kiều Phạm Ba Đề được chư thiên cúng dường, nên Ngài không bị tai nạn ấy, mỗi ngày vẫn lên trời thọ trai, [trong khi] hết thấy mọi người đều phải chịu quả báo ăn lúa mạch dành cho ngựa, Ngài không bị, riêng Ngài ngự trên vườn Thi Lợi Sa (Serīsaka-vimāna) trong cung trời [Tứ Thiên Vương].

(Sớ) Tân Đầu Lô Phả La Đọa, thượng tam tự, thử vân Bất Động, danh dã; hạ tam tự, thử vân Lợi Căn, tánh dã.

(疏)賓頭盧頗羅墮，上三字，此云不動，名也；下三字，此云利根，姓也。

(Sớ: Tân Đầu Lô Phả La Đọa, ba chữ đầu cõi này dịch là Bất Động, là tên; ba chữ sau, cõi này dịch là Lợi Căn, là họ).

Tân Đầu Lô Phả La Đọa (Pindola-bhāradvāja) là tiếng Phạn, tên và họ đều [được nêu ra] đầy đủ.

(Sao) Tiên danh hậu tánh giả, kỳ tộc phàm thập bát, xưng danh tại tiên, biệt kỳ dư dã.

(鈔)先名後姓者，其族凡十八，稱名在先，別其餘也。

(Sao: “Nêu tên trước họ”: Dòng họ ấy có đến mười tám người [nói tiếng] nên nêu tên trước họ để phân biệt với những vị khác).

Gia tộc của Ngài cũng vô cùng phồn thịnh.

(Sao) Nại Da Luật vân: Thụ Đê trưởng giả, dĩ chiên-đàn bát trí sát đảnh thượng, hiệu u chúng vân: “Thần lực năng thủ giả tức dữ”. Tôn giả hiện thông thủ bát, Phật ha trách dĩ, sắc linh bất đắc nhập diệt, lưu thân cứu trụ, ứng mạng thế cúng, vì đại phước điền dã.

(鈔)奈耶律云，樹提長者，以栴檀鉢置剎頂上，號於眾云：神力能取者即與。尊者現通取鉢，佛呵責已，敕令不得入滅，留身久住，應末世供，為大福田也。

(Sao: Nại Da Luật chép: “Trưởng giả Thụ Đê (Jyotis), đem bát bằng chiên đàn đặt trên đầu cột phướn, rồi bảo đại chúng: “Ai có thần lực có thể lấy được sẽ tặng cho người đó”. Tôn giả hiện thần thông, lấy bát, đức Phật quở trách, truyền chẳng được nhập diệt, lưu thân ở mãi trên thế gian để nhận cúng dường [của chúng sanh] trong đời Mạng, làm đại phước điền vậy).

Nại Da Luật là Tỳ Nại Da Tạng (Vinaya), tức Luật Tạng. Ngài Tân Đầu Lô Phả La Đọa có thần thông; nói thật ra, thuở Phật tại thế, các vị đệ tử ai nấy đều có thần thông, nhưng Phật cấm ngặt, quyết định chẳng cho phép các Ngài tùy tiện thị hiện thần thông, chẳng thể được! Chỉ trong nhân duyên đặc biệt, nhưng vẫn phải được Phật đồng ý, chẳng thể dễ dãi thị hiện thần thông. Do Ngài dễ dãi thị hiện thần thông, nên Phật quở trách, lại còn trừng phạt, phạt Ngài ở lâu dài trên nhân gian, chẳng được phép diệt độ. Do vậy, tôn giả Tân Đầu Lô vẫn còn ở trên thế gian. Ngài có hình dạng ra sao, chính Ngài cũng chẳng nói, quý vị cũng chẳng nhận ra, Ngài biến hóa mà! Có người cúng trai, cúng Thiên Tăng Trai (trai tăng ngàn vị), Ngài cũng đến nhận cúng dường. Ngài đến nhận cúng dường thì quý vị có phước; vì thế, gọi là phước điền. Nay chúng ta cúng trai tăng, nếu người đến nhận cúng dường toàn là phàm phu, chẳng có thánh nhân, phước chúng ta tu ấy sẽ chẳng lớn. Nếu trong số các vị nhận cúng dường có thánh nhân, phước báo ấy sẽ rất lớn!

Giống như thuở trước, vua Tiền Liâu⁹⁴ cúng dường trai tăng một ngàn vị, nhằm lúc Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư trụ thế, Định Quang Cổ Phật đến ứng cúng, vua có phước báo to lớn. Chúng ta biết Vĩnh Minh Diên Thọ là A Di Đà Phật tái lai, do Định Quang Phật nói ra. Vĩnh Minh Diên Thọ là tổ sư Tịnh Độ đời thứ sáu, quốc vương cử hành Thiên Tăng

⁹⁴ Tiền Liâu (850-932) là vua nước Ngô Việt thời Ngũ Đại, hiệu là Vũ Túc Vương, nhiệt thành hộ trì Phật pháp, khiến vùng Ngô Việt được gọi là Phật Quốc.

Trai, tức là cúng dường một ngàn người xuất gia đến thọ trai, ứng cúng. Khi đó tiếng tăm lớn nhất là ngài Vĩnh Minh Diên Thọ. Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ là quốc sư, tức là thầy của quốc vương. Trong lúc ứng cúng, trong khi thọ trai, ghé chủ tọa cứ nhường tới nhường lui, ai cũng chẳng chịu ngồi! Mọi người đang nhường nhau, có một vị hòa thượng chẳng khách sáo chi hết, bước tới ghé chủ tọa, ăn mặc cũng rất xộc xệch, rất lôi thôi, chẳng có một ai quen biết Sư, mà cũng chẳng biết Sư từ đâu đến. Sư ngồi ghé chủ tọa, quốc vương tuy trong lòng rất khó chịu, nhưng vị ấy cũng là người xuất gia, cũng chẳng tiện lôi xuống, mọi người ngồi vào vị trí như vậy. Sau khi thọ trai xong, Sư đột nhiên bỏ đi, quốc vương liền hỏi Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư: “Hôm nay trăm cúng trai tăng, bậc thánh hiền có tới ứng cúng hay chẳng?” Ngài nói: “Có chứ! Định Quang Cổ Phật tới ứng cúng”. Quốc vương hỏi: “Vị nào vậy?” “Là hòa thượng ngồi ghé chủ tọa”. Vị hòa thượng ấy tai rất lớn nên mọi người gọi Ngài là Đại Nhĩ hòa thượng. Quốc vương vừa nghe nói Định Quang Cổ Phật tới ứng cúng, tuyệt quá! Vốn trước đó, trong tâm là cả một đống bực bội, [nay biết] vị ấy là Cổ Phật đến ứng cúng, vội vã sai người truy tìm dấu vết, đi khắp nơi dò hỏi xem Ngài đi theo đường nào, khi tìm được thì Ngài đang tịnh tọa trong hang động.

Những kẻ ấy biết Ngài là Định Quang Cổ Phật, mọi người tới lạy Phật, Ngài nói một câu: “*Di Đà lẻo mép*”, A Di Đà Phật nhiều chuyện! Vì sao lại nói ra thân phận của ta? Ngài bèn đi, [tức là] bèn nhập diệt. Mọi người thấy Định Quang Cổ Phật đã viên tịch, nhưng nghe nói “*Di Đà lẻo mép*”, vậy thì Vĩnh Minh Diên Thọ là A Di Đà Phật. Do vậy, lúc trở về, không sao, Định Quang Cổ Phật đã viên tịch, A Di Đà Phật vẫn còn, quay về lạy A Di Đà Phật, biết Vĩnh Minh Diên Thọ là A Di Đà Phật. Vội vã quay về cung tâu trình: “Đại Nhĩ hòa thượng đã nhập diệt”. Quốc vương nghe tin rất áo nã, nhưng lại nghe Vĩnh Minh Diên Thọ là A Di Đà Phật tái lai, vô cùng hoan hỷ, vội vã đến gặp ngài Vĩnh Minh Diên Thọ, còn đi chưa được mấy bước, bên ngoài có người đến tâu: “*Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư đã viên tịch*”. Do vậy, quý vị phải hiểu, chẳng thể bộc lộ thân phận, hễ thân phận bại lộ, bèn phải viên tịch ngay lập tức!

Hiện thời, tôi nghe nói tại Trung Quốc lẫn ngoại quốc có rất nhiều kẻ nói họ là Bồ Tát chi đó tái lai, Phật gì đó tái lai, nói rồi vẫn chẳng đi, điều này chẳng thể tin tưởng, hễ nói ra phải tịch! Người khác nói cũng được, mà chính mình nói cũng được, nhưng hễ nói xong phải tịch! Quý vị thấy Di Lạc Bồ Tát tự mình nói, chẳng do người khác nói. Chính Ngài nói Ngài là Di Lạc Bồ Tát, nói xong, bèn ra đi. Nay chúng ta tạc tượng Di Lạc

Bồ Tát là tượng Bồ Đại hòa thượng, Ngài là người đời Tống, nhằm thời Tống Cao Tông, cùng thời với Nhạc Phi. Lúc Ngài viên tịch, tự nói mình chính là Di Lạc Bồ Tát, nói xong bèn mất. Do vậy, trong Phật môn, hễ thân phận bị bộc lộ, phải ra đi ngay lập tức, chẳng thể nào thân phận đã bộc lộ mà vẫn không đi, đó chắc chắn là gạt người, chắc chắn chẳng đáng tin cậy. Bởi lẽ đó, tôn giả Tân Đầu Lô tới nay vẫn còn trên thế gian.

(Sớ) Ca Lư Đà Di, thử vân Hắc Quang.

(疏) 迦留陀夷，此云黑光。

(Sớ: Ca Lư Đà Di (Kālodāyin), cõi này dịch là Hắc Quang).

Vị tôn giả này, nhất định là một người đen đúa, vì da Ngài rất đen. Người da đen cũng có thể học Phật, cũng chứng quả A La Hán, chúng ta cũng chẳng thể khinh dễ Ngài! Hiện thời, trên thế giới này, có chuyện kỳ thị chủng tộc, thường rẻ rúng người da đen. Người da đen cũng có thể chứng quả A La Hán, cũng có thể thành Phật, có thể thấy Phật pháp bình đẳng.

(Sao) Hắc Quang giả, nhan dung thô hắc cố, hựu hắc sắc quang diệu, dị thường hắc cố, dạ hành khát thực, nhân kiến kinh hãi, Phật cấm dạ hành, diêu thử chế dã.

(鈔) 黑光者，顏容粗黑故，又黑色光耀，異常黑故，夜行乞食，人見驚駭，佛禁夜行，繇此制也。

(Sao: Hắc Quang là dung mạo thô kệch, đen đúa, lại do sắc đen chói ngời, do đen đúa dị thường, ban đêm đi khát thực, người khác trông thấy kinh hãi. Đức Phật cấm [tỳ-kheo] đi ban đêm, cũng là do chuyện này mà chế định).

Ngài đã có một ngày đi khát thực buổi tối, khiến một bà bầu hoảng hốt, người ta tưởng Ngài là quỷ. Do vậy, đức Phật mới chế định giới luật sau đây: Tỳ-kheo buổi tối chẳng được phép ra khỏi cửa, chẳng được phép đi lại [ngoài phạm vi tinh xá]. Giới điều này do Ngài mà chế định.

(Sớ) Ma Ha Kiếp Tân Na giả, thử vân Phòng Tú, tri tình tú đệ nhất.

(Sao) Phòng Tú giả, nhị thập bát tú trung, đệ tứ tú dã. Phụ mẫu đảo tử tinh nhi sanh tử, nhất vân sơ xuất gia thời, tương dục nghệ Phật.

(疏) 摩訶劫賓那者，此云房宿，知星宿第一。

(鈔) 房宿者，二十八宿中，第四宿也。父母禱此星而生子，一云初出家時，將欲詣佛。

(Sớ: Ma Ha Kiếp Tân Na (Mahākālpina), cõi này dịch là Phòng Tú, biết tinh tú bậc nhất.

Sao: Phòng Tú⁹⁵ là ngôi sao thứ tư trong Nhị Thập Bát Tú. Cha mẹ cầu đảo ngôi sao này mà sanh ra Ngài, có thuyết nói lúc Ngài mới xuất gia, sắp đến chỗ Phật).

Đi đến chỗ Thích Ca Mâu Ni Phật, muốn theo Phật xuất gia.

(Sao) Trung lộ trị vũ, ký thực đào xá, nga hữu tỳ-kheo lai cộng túc chỉ. Bỉ tỳ-kheo giả, tức Phật hóa hiện, văn pháp đặc đạo. Tắc Phòng Tú giả, dĩ u đào gia phòng xá nhi lữ túc cố, diệc nhất nghĩa dã.

(鈔) 中路值雨，寄食陶舍，俄有比丘來共宿止。彼比丘者，即佛化現，聞法得道。則房宿者，以於陶家房舍而旅宿故，亦一義也。

(Sao: Giữa đường mắc mưa, phải ở nhờ nhà người thợ gốm, chợt có một vị tỳ-kheo đến cùng nghỉ lại. Vị tỳ-kheo ấy chính là đức Phật hóa hiện. Tôn giả nghe pháp đặc đạo, nên [gọi là] Phòng Tú là do nghỉ chân nơi nhà của người thợ gốm, đây cũng là một ý nghĩa).

Có hai ý nghĩa như sau: Một ý nghĩa là cha mẹ Ngài cầu đảo nơi tinh tú mà sanh ra đứa con ấy. Ý nghĩa thứ hai là khi Ngài xuất gia, muốn theo Phật xuất gia, đương nhiên đường sá khá xa xôi, trên đường bèn tá túc trong nhà một người thợ làm đồ gốm. Lúc ấy, cũng có một vị tỳ-kheo

⁹⁵ Sao Phòng có tên đầy đủ là Phòng Nhật Thố, là tinh tòa thứ tư trong phương Đông, thuộc phần dã Thương Thiên, còn được gọi là Thiên Tứ. Tinh cung này gồm các nhóm sao (tinh quan) nhỏ hơn là Phòng, Câu Linh, Kiện Bế, Phật, Đông Hàm, Tây Hàm, và Tùng Quan, tương ứng với các chòm sao (constellation) Thiên Yết (Scorpius, Hồ Cáp), Thiên Xứng (Libra), Sải Lang (Lupus) và Xà Phu (Ophiuchus) hiện thời. Do sao này được coi nằm đúng bụng rỗng, tức là nơi vạn vật bị tiêu mất, nên theo quan điểm bói toán mê tín của cổ Trung Hoa, sao này là hung tinh. Họ quan niệm những ngày có sao này mà tiến hành làm gì sẽ khó thành công, dễ bị thất bại nửa chừng, nhà nào xây cất nhằm ngày này sau ba năm sẽ bị tai ương!

đến nơi ấy. Vị tỳ-kheo ấy do Thích Ca Mâu Ni Phật hóa thân, giống như đến tiếp dẫn tôn giả, thấy Ngài xuất gia tâm rất kiên thành, liền thuyết pháp cho Ngài, Ngài chứng quả ngay nơi ấy. Trong ấy (trong danh hiệu Ngài) cũng có ý nghĩa Phòng Tú (ngủ đêm trong nhà).

(Sao) Tri tinh tú giả, bất giả cơ hành, thông hiểu thiên tượng, cố vân tri tinh tú đệ nhất.

(鈔)知星宿者，不假璣衡，通曉天象，故云知星宿第

一。

(Sao: Tri tinh tú: Chẳng nhờ vào các dụng cụ thiên văn, mà thông hiểu các hiện tượng thiên văn, nên nói là tri tinh tú bậc nhất).

“Cơ hành”⁹⁶ là các dụng cụ hay máy móc dùng trong thiên văn, Ngài không cần dùng những dụng cụ, máy móc đó, vẫn có thể biết thiên văn. Trong các đệ tử đức Phật, Ngài là một nhà thiên văn học. Vị thứ mười lăm:

(Sớ) Bạc Câu La giả, thủ vân Thiện Dung, thọ mạng đệ nhất.

(疏)薄拘羅者，此云善容，壽命第一。

(Sớ: Bạc Câu La (Vakkula), cõi này dịch là Thiện Dung, thọ mạng bậc nhất).

Đây là một vị có tuổi tác lớn nhất trong các đệ tử Phật.

(Sao) Thiện Dung giả, nhan mạo đoan chánh cố.

(鈔)善容者，顏貌端正故。

⁹⁶ Cơ hành vốn là một dụng cụ đo lường thiên văn thời cổ, có tên gọi đầy đủ là Tuyền Cơ Ngọc Hành (璇璣玉衡) thường được trang hoàng bằng ngọc. Dụng cụ này được nhắc đến lần đầu tiên trong phần Thuán Điền của sách Thượng Thư. Trịnh Huyền giải thích: “Do chuyển động nên gọi là Cơ, nhận định, đo lường đúng mực nên gọi là Hành, dùng ngọc để chế tạo, nhằm biết được đường lối vận chuyển của tinh tú”. Có người giải thích Cơ Hành chính là tiền thân của Hồn Nghi Khí (Armillary sphere) về sau này. Hồn Nghi Khí tức là một dụng cụ để xác định vị trí của các tinh tú trong chiêm tinh và thiên văn học. Bộ máy này gồm những vòng thép hoặc đồng có đồng tâm gắn trên một trục có thể xoay chính cho khớp với các hiện tượng quan sát trên bầu trời. Mỗi vòng tượng trưng cho một số đặc điểm thiên văn như đường Hoàng Đạo, thiên nguyên Tý Ngọ tuyến, thiên xích đạo, vị trí và phương hướng các chùm sao chủ yếu như sao Bắc Đẩu, sao Nam Đẩu... rất phức tạp.

(Sao: Thiện Dung là vẻ mặt đóaan chánh).

Trong các tỳ-kheo, Ngài lớn tuổi nhất, là một vị tỳ-kheo già, tướng mạo vô cùng đóaan chánh, hết sức đóaan nghiêm.

(Sao) Thọ mạng giả, thọ mạng bách hữu lục thập, cố vân Thọ Mạng đệ nhất.

(鈔) 壽命者，壽命百有六十，故云壽命第一。

(Sao: “Thọ mạng”: Tuổi thọ đến một trăm sáu mươi, nên nói là thọ mạng bậc nhất).

Thọ mạng một trăm sáu mươi tuổi, thọ mạng bậc nhất.

(Sao) Diêu tích trì bất sát giới, cửu thập nhất kiếp, thọ bất trung yếu.

(鈔) 繇昔持不殺戒，九十一劫，壽不中天。

(Sao: Do kiếp xưa giữ giới chẳng giết, nên chín mươi một kiếp, sống thọ, chẳng chết yếu).

Đây là nói tới nhân quả, vì sao Ngài khỏe mạnh trường thọ như vậy? Trong đời quá khứ, Ngài đời đời kiếp kiếp trì giới chẳng sát sanh, giữ rất nghiêm, cho nên được quả báo này. Quý vị phải hiểu: Phạm là quả, nhất định luôn có nhân; chẳng thể nào có quả mà thiếu nhân! Có nhân mà chẳng có quả, chẳng có chuyện ấy! Nhân và quả nhất định tương ứng. Đức Phật dạy chúng ta, quả báo đều do tu được, của cải là do trong đời quá khứ tu Tài Bố Thí mà đạt được. Có người phát tài rất khó, rất vất vả mới có của cải. Có người rất dễ phát tài, hầu như là chẳng bận tâm, tiền từ trên trời rơi xuống! Đó là trong quá khứ, lúc tu nhân, người ấy tu Tài Bố Thí. Có kẻ tu Tài Bố Thí bèn bố thí rất miễn cưỡng, trong tương lai kẻ ấy có được quả báo hay không? Có quả báo, nhưng quả báo là có được [của cải] cũng chẳng dễ dàng! Có người bố thí rất nhanh nhẹn, căn bản là chẳng để ý, cứ việc bố thí, trong tương lai đạt được quả báo cũng rất dễ dàng, cũng là vô ý mà có được của cải, đúng là “*một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng định trước*”, chẳng có mảy may miễn cưỡng được! Pháp bố thí đặc thông minh, trí huệ, vô úy bố thí đặc khỏe mạnh, trường thọ. Chẳng sát sanh là vô úy bố thí; vì thế, Ngài đặc quả báo khỏe mạnh, trường thọ.

(Sao) Hựu tích tăng thí nhất bệnh tăng Ha Lê Lặc quả.

(鈔) 又昔曾施一病僧訶梨勒果。

(Sao: Lại xưa kia từng bố thí một vị tăng mắc bệnh một trái Ha Lê Lặc⁹⁷).

Đây là bố thí cho vị xuất gia bị bệnh, chăm sóc vị ấy.

(Sao) **Cảm ngũ bất tử.**

(鈔) 感五不死。

(Sao: Cảm được năm loại không chết).

Được quả báo tốt lành, năm thứ bất tử.

(Sao) **Sơ sanh hiện dị, mẫu dĩ vi quái, trí chi ngao bàn bất tử.**

(鈔) 初生現異，母以為怪，置之熬盤不死。

(Sao: Lúc mới sanh, hiện tướng lạ, mẹ cho là yêu quái, bỏ trong mâm đem nướng, chẳng chết).

Lúc mới sanh, Ngài chẳng giống người bình thường cho lắm. Vì thế, mẹ Ngài chẳng hoan hỷ, người nhà chẳng hoan hỷ, cho là yêu quái, nên bỏ trong mâm đem nướng, Ngài chẳng chết.

(Sao) **Phục trí phủ trung bất tử.**

(鈔) 復置釜中不死。

(Sao: Lại bỏ trong nồi [đem nấu] không chết).

Bỏ trong nồi Ngài cũng chẳng chết.

(Sao) **Phục trí thủy trung.**

(鈔) 復置水中。

(Sao: Lại quăng xuống nước).

⁹⁷ Ha Lê Lặc (Harītaki), còn phiên âm là Ha Lê Đát Kê, hoặc Ha Lê Đảm Kê, là một loại trái cây có tác dụng làm thuốc tại Ấn Độ; do vậy, tượng Dược Sư Phật theo truyền thống Tây Tạng thường được vẽ hoặc tạc tay trái ôm bình bát đặt trước bụng, bên trong bát có đặt một quả Ha Lê Lặc, tay phải đặt trên đầu gối, cầm một nhánh cây Ha Lê Lặc. Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh giảng: “Trái Ha Lê Lặc tròn đủ sáu vị, có thể trừ hết thầy bệnh, là vua trong các loài thuốc chẳng phải kiêng kỵ gì”. Theo các bản dịch kinh Mật Tông tiếng Anh đang lưu hành hiện thời thì Ha Lê Lặc chính là quả Chebulic Myrobalan (có tên khoa học là Terminalia Chebula), cây rất cao, có thể tới 39 mét, lá mọc đối xứng. Trái Ha Lê Lặc có thịt mỏng, hình bầu dục, nhưng thon dài, trông hơi giống trái Thanh Trà của Việt Nam, có hạt cứng ở giữa.

Bỏ Ngài dưới nước.

(Sao) Cự ngư thôn chi.

(鈔) 巨魚吞之。

(Sao: Cá to nuốt lấy).

Bị cá lớn nuốt trọn, cá bị người ta bắt được.

(Sao) Dao phá, tử hiện, nhất vô sở tổn.

(鈔) 刀破子現，一無所損。

(Sao: Dùng dao mổ cá, con hiện ra, chẳng bị tổn hại gì!)

Ngài cũng không chết!

(Sao) Hỏa bất năng pháo, thang bất năng chủ, thủy bất năng yêm, ngư bất năng phệ, đao bất năng cắt, danh ngũ bất tử.

(鈔) 火不能炮，湯不能煮，水不能淹，魚不能噬，刀不能割，名五不死。

(Sao: Lửa chẳng nướng được, nước sôi chẳng thể nấu được, nước chẳng nhấn chìm được, cá chẳng cắn xé được, dao chẳng cắt được, nên gọi là Ngũ Bất Tử).

Ngài vừa ra đời, gặp nạn rất lớn, đều chẳng chết. Do đời quá khứ bố thí, chiếu cố một vị xuất gia, nên đắc quả báo ấy.

(Sao) Hựu nhàn tĩnh thiểu dục, thâm nhiếp lục căn, diệt độ chi hậu, tháp do khước bối. Cố thường nhạo nhàn cư, bất xử chúng trung, điệt xưng đệ nhất.

(鈔) 又閒靜少欲，收攝六根，滅度之後，塔猶却貝。故常樂閒居，不處眾中，亦稱第一。

(Sao: Lại nữa, Ngài nhàn tĩnh, ít ham muốn, thâm nhiếp sáu căn, sau khi diệt độ, tháp của Ngài còn từ chối [tiền bằng] vỏ sò [do nhà vua dâng cúng]. Do thường thích nhàn cư, chẳng thích ở trong đại chúng, cũng gọi là đệ nhất).

Vị này thích thanh tĩnh, chẳng ưa náo nhiệt, chẳng thích đa sự. Sau khi diệt độ, người ta dựng tháp để cúng dường Ngài. Vua A Dục là đại hộ

pháp trong Phật môn, cũng đến cúng dường tháp của Ngài. Khi đó, dùng vỏ sò để cúng dường tháp [vì vỏ sò được dùng làm tiền tệ thời ấy], vua dùng hai mươi chiếc vỏ sò để cúng dường Ngài. Vỏ sò đặt nơi đó tự nhiên bay đi, Ngài chẳng cần, chẳng tiếp nhận, vỏ sò sau khi từ tháp bay ra, còn rơi chạm vào chân vua A Dục. Thuở tại thế, Ngài chẳng tiếp nhận người khác cúng dường quá mức, chẳng ưa thích náo nhiệt; sau khi Ngài khuất bóng, tháp của Ngài vẫn còn có thần lực ấy. Quý vị muốn đến cúng dường Ngài, Ngài chẳng tiếp nhận. Vị thứ mười sáu là:

(Sớ) A Nậu Lô Đà giả, nhất danh A Na Luật Đà, thử vân Vô Bản, diệc vân Vô Diệt, diệc vân Như Ý, Thiên Nhãn đệ nhất.

(疏)阿耨樓駄者，一名阿那律陀，此云無貧，亦云無滅，亦云如意，天眼第一。

(Sớ: A Nậu Lô Đà (Aniruddha), còn gọi là A Na Luật Đà, cõi này dịch là Vô Bản, cũng gọi là Vô Diệt, hoặc còn gọi là Như Ý, Thiên Nhãn đệ nhất).

Vị tôn giả này cũng là em họ Thích Ca Mâu Ni Phật⁹⁸.

(Sao) Vô Bản giả, tích u cơ thế, tăng dĩ tắc phạn thí Bích Chi Phật, cứu thập nhất kiếp, tư dụng sung túc.

(鈔)無貧者，昔於饑世，曾以稷飯施辟支佛，九十一劫資用充足。

(Sao: Vô Bản: Xưa kia trong đời đói kém, Ngài từng đem cơm bằng gạo Tắc⁹⁹ thí cho một vị Bích Chi Phật nên chín mươi một kiếp tiêu dùng sung túc).

⁹⁸ Ngài A Nậu Lô Đà là con trai của Cam Lộ Phạm Vương (Amrtodana, em út của Tịnh Phạm Vương).

⁹⁹ Tắc là tên một loài lúa quý, hạt ăn rất ngon, nên cổ nhân coi là vua trong các loài ngũ cốc, thậm chí người Hán cổ đại còn coi gạo Tắc là hiện thân của vị thần nông nghiệp, hoặc thần lương thực, và dùng chữ Xã Tắc để chỉ đất nước; cũng như mỗi năm đều tế lễ. Do vậy, chúng tôi đoán bản đang lưu hành đã in sai chữ này, vì trong một bản khác, ghi là Bại (稗), nhìn vào mặt chữ khá giống với chữ Tắc (稷), nhưng ý nghĩa hoàn toàn khác biệt. Bại là một loại cỏ, có hạt ăn được, vị đắng, chẳng ngon lành gì, nhưng có thể nấu thành cháo ăn đỡ lòng của người nghèo. Theo ngu ý, phải ghi là chữ Bại vì hợp với tình cảnh đói kém do hạn hán lúc đó, cũng như hợp với lời giảng của Hòa Thượng là người nông dân nghèo ăn cơm nấu bằng hạt kê.

Đó là một năm mất mùa, gặp lúc hạn hán dữ dội, hết thấy mọi người chẳng có gì ăn. Khi ấy, Ngài là nông phu, nông phu đương nhiên mang theo chút cơm để ăn buổi trưa ngoài ruộng. Cơm ấy chẳng phải là thứ ngon lành, chỉ nấu bằng hạt kê, gặp Bích Chi Phật đi khát thực. Trong tâm, Ngài nghĩ Bích Chi Phật nửa tháng mới đi khát thực một lần, nếu ngày hôm nay Ngài chẳng xin được gì, phải nhịn đói nửa tháng. Ngài nói: “Ta bô thí cho vị ấy, tôi đa là ta nhịn đói một ngày”. Do vậy, Ngài tự đem chút cơm ấy cúng dường Bích Chi Phật, được quả báo chín mươi một kiếp chẳng bần cùng, tiêu dùng sung túc, tức là ăn, mặc, đi, ở, chẳng bị thiếu hụt.

(Sao) Chí kim bất diệt, sở cầu như ý, cố hữu Vô Bản đẳng tam dịch.

(鈔) 至今不滅，所求如意，故有無貧等三譯。

(Sao: Đến nay bất diệt, sở cầu như ý, nên mới có ba cách dịch như Vô Bản v.v...)

Quả báo ấy chẳng thể nghĩ bàn! [Danh hiệu] của Ngài có ba ý nghĩa ấy.

(Sao) Thiên Nhân đệ nhất giả, xuất gia hỷ miên.

(鈔) 天眼第一者，出家喜眠。

(Sao: Thiên Nhân bậc nhất, Ngài xuất gia, thích ngủ).

Ngài hôn trầm, thích ngủ gà ngủ gật.

(Sao) Phật thuyết pháp thời, hôn thụy bất giác.

(鈔) 佛說法時，昏睡不覺。

(Sao: Lúc Phật thuyết pháp, hôn giả ngủ mê mệt, chẳng tỉnh).

Đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, Ngài ngồi ở dưới nghe, ngủ gục.

(Sao) Phật nãi ha trách, tỷ chi loa cáp.

(鈔) 佛乃呵責，比之螺蛤。

(Sao: Phật bèn quở trách, sánh ví như ốc, hào).

Bị Phật quở một trận dữ dội, Phật mắng Ngài: “Loa sư bạng cáp loại, nhất thụy nhất thiên niên, bất văn Phật danh tự” (Như sò, nghêu, hào, hén, hể ngủ, ngủ ngàn năm, chẳng nghe danh hiệu Phật).

(Sao) Phát phần tinh tấn, kinh thất trú dạ, nhãn bất giao tiếp, thất kỳ song mục.

(鈔) 發憤精進，經七晝夜，眼不交睫，失其雙目。

(Sao: Ngài phát phần tinh tấn, trải qua bảy ngày đêm, mắt chẳng nhắm lại, nên mù cả hai mắt).

Sau khi bị Phật quở một trận, Ngài cũng rất khá, biết hổ thẹn, bèn nỗ lực tinh tấn. Suốt bảy ngày đêm, Ngài không ngủ. Mệt nhọc quá độ, hỏng cả mắt, về sau bị mù.

(Sao) Phật giáo tu tập Nhạo Kiến Chiếu Minh Kim Cang tam-muội, toại đắc Thiên Nhãn.

(鈔) 佛教修習樂見照明金剛三昧，遂得天眼。

(Sao: Đức Phật dạy Ngài tu tập Nhạo Kiến Chiếu Minh Kim Cang tam-muội, bèn đắc Thiên Nhãn).

Đức Phật thương xót, dạy Ngài tu tập Nhạo Kiến Chiếu Minh Kim Cang tam-muội, dạy Ngài tu môn Định ấy. Sau khi tu Định ấy thành công, Ngài đắc Thiên Nhãn. Sở dĩ Ngài được gọi là Bán Đầu Thiên Nhãn, vì Ngài chẳng dùng mắt để nhìn, mà cả đầu đều có thể nhìn, bốn phương tám hướng đều có thể thấy. Hơn nữa, lại là Thiên Nhãn đệ nhất trong các vị A La Hán. A La Hán thông thường chỉ có thể thấy một tiểu thiên thế giới, Thiên Nhãn của Ngài có thể thấy tam thiên đại thiên thế giới, tu thành Định ấy. Vì thế, Ngài là Thiên Nhãn đệ nhất trong các đệ tử Phật. Ngài là chân thật tinh tấn, thật sự chịu làm.

(Sao) Quán đại thiên giới như đổ chuông quả.

(鈔) 觀大千界如睹掌果。

(Sao: Nhìn cõi đại thiên như thấy trái cây đang nắm trong tay).

Ngài thấy tam thiên đại thiên thế giới giống như quả Am La Ma trong lòng bàn tay. Quả Am La Ma như kinh thường nói chính là quả ỏ¹⁰⁰ ta ăn hiện thời. Trước kia, chúng tôi thấy kinh nói “*Am La Ma quả*”, chẳng

¹⁰⁰ Chúng tôi nghĩ ở đây có sự nhầm lẫn trong sự phiên dịch giữa pháp sư Đạo Nguyên và người dân Ấn Độ, vì các tự điển đều ghi Am La Ma, hoặc Am Ma, Am La, Am Một La là những cách phiên âm khác nhau của chữ Âmra, hoặc Amara, nghĩa là quả xoài.

hiều là gì? Kinh nói “*đề hồ quán đảnh*”, chẳng hiểu Đề Hồ là gì? Hòa thượng Đạo Nguyên từng sang Ấn Độ thăm viếng, do Ngài là pháp sư giảng kinh, đến Ấn Độ đặc biệt hỏi dò Đề Hồ là gì? Am La Ma quả là gì? Các vị hãy đem cho ta xem! Kết quả họ cầm đến, quả ôi, Đài Loan có; đó là quả Am La Ma. Còn Đề Hồ là gì? Đề Hồ là sa-lạp (salad)¹⁰¹.

Đoạn kinh này thường được gọi là “*lưu thủy văn chương*”¹⁰², chúng ta đã đọc xong, rất dài. Đến buổi sau, chúng ta sẽ thảo luận về phương diện nghĩa lý. Đây là giới thiệu mười sáu vị tôn giả, ngày hôm nay chúng tôi giảng tới đây.

¹⁰¹ Tuy nói là Salad, nhưng ở đây ngụ ý các loại nước xốt dùng cho salad. Theo từ điển Phật Học cũng như mô tả về Đề Hồ trong kinh Phật, nhất là kinh Đại Bát Niết Bàn, ta có thể suy đoán Đề Hồ là phó-mát (phô mai, cheese, fromage).

¹⁰² Lưu thủy văn chương: Từ ngữ sánh ví văn chương lưu loát, hàm ngụ rất nhiều ý nghĩa, mỗi người đọc cảm nhận mỗi khác. Từ ngữ này dựa theo ý một câu nói cổ “*lạc hoa hữu ý, lưu thủy vô tình*” (hoa rơi hữu ý, nước chảy vô tình).

Tập 113

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm ba mươi tám:

Nhị, tổng kết

(Kinh) Như thị đẳng chư đại đệ tử.

(Sớ) Như thị giả, kết thượng. Đẳng giả, lệ dư. Đại giả, thâm tiền Đại nghĩa.

二、總結。

(經) 如是等諸大弟子。

(疏) 如是者，結上。等者，例餘。大者，收前大義。

(Hai, tổng kết.

Kinh: Các vị đại đệ tử như thế.

Sớ: “Như thị” nhằm kết lại phần trên. “Đẳng” là nói đến những vị khác. “Đại” gồm thâm ý nghĩa của chữ Đại trong phần trên).

Câu này nhằm tổng kết tất cả mười sáu vị tôn giả đã được nêu ra trong phần trước. Trong kinh Phật, các con số mang ý nghĩa biểu thị pháp, như trong kinh này, chúng ta thấy dùng “thất” nhiều nhất, chẳng hạn như “thất trùng hàng thụ”, “thất trùng lan thuẫn”, “thất bảo trì”, dùng chữ Thất để biểu thị sự viên mãn. Thất có nghĩa là Đông, Nam, Tây, Bắc, trên, dưới, chính giữa, mang ý nghĩa ấy. Kinh Hoa Nghiêm thường dùng Thập để biểu thị pháp. Thập là con số, từ một đến mười là con số viên mãn; vì vậy, nó mang ý nghĩa biểu thị pháp. Thập Lục cũng nhằm biểu thị pháp, trong Mật Tông, nó biểu thị ý nghĩa đại viên mãn. Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy “Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ” (mười sáu vị Chánh Sĩ như Hiền Hộ v.v...), ở đây cũng dùng “thập lục” nhằm biểu thị ý nghĩa nói rõ “Thiền - Tịnh bất nhị, Mật - Tịnh bất nhị”. Cư sĩ Hạ Liên Cư lão nhân gia thường nói: “Tịnh Độ là hiển thuyết của Mật Tông”. Ngài khẳng định Tịnh và Mật là một, không hai; nhất là Phổ Hiền Bồ Tát đại diện cho pháp môn này. Trong Mật Tông, tổ sư Kim Cang Tát Đỏa (Kim Cang Thủ Bồ Tát) là hóa thân của Phổ Hiền Bồ Tát. Vì thế, biết rằng: Thiền trở về Tịnh Độ, mà Mật vẫn trở về Tịnh Độ. Chẳng trở về Tịnh Độ, sẽ chẳng thể viên mãn rốt ráo! Do đó, ta biết: Hiền, Mật, Tông, Giáo đến cuối cùng thay đều quy vào Tịnh Độ, đây mới là rốt ráo viên mãn. Con số này nhằm

biểu thị ý nghĩa ấy. Bộ kinh này bao gồm toàn bộ Phật pháp trong ấy; vì thế, pháp môn này thù thắng chẳng thể nghĩ bàn.

(Sớ) Đệ tử giả.

(疏) 弟子者。

(Sớ: Đệ tử).

Những vị ấy đều là Đại Thừa Bồ Tát thị hiện làm Thanh Văn, tuyệt đối chẳng phải là tỳ-kheo thật sự, mà là Đại Bồ Tát thị hiện.

(Sớ) Học tại sư hậu viết Đệ.

(疏) 學在師後曰弟。

(Sớ: Học sau thầy nên gọi là Đệ).

Có ý nghĩa này, thầy tuổi lớn hơn trò.

(Sớ) Giải tùng sư sanh viết Tử.

(疏) 解從師生曰子。

(Sớ: Sự hiểu biết do thầy mà sanh ra nên gọi là Tử).

Quý vị khai ngộ là do thầy giúp đỡ, quý vị khai ngộ dưới tay thầy, nên có ý nghĩa Sanh, [tức là] sanh trí huệ. Pháp Thân huệ mạng do thầy mà sanh; vì thế, chữ Đệ Tử do đó mà có!

(Sớ) Như tư thắng hội, khả vị “nan đệ, nan huynh, thiện tác, thiện thuật”.

(疏) 如斯勝會，可謂難弟難兄，善作善述。

(Sớ: Hội thù thắng như thế, có thể nói “em khó có, mà anh cũng khó có, khéo làm, khéo thuật”).

“Nan đệ, nan huynh” có điển cố, trong phần sau sẽ nói tới.

(Sao) “Kết thượng, lệ dư” giả, tiền kết thập lục tôn giả, hậu lệ thiên nhị bách nhân dã.

(鈔) 結上例餘者，前結十六尊者，後例千二百人也。

(Sao: “Kết phần trước, nói đến những người khác” là tiểu kết [phần kinh văn nói về] mười sáu vị tôn giả trong phần trước, sau đó nhắc tới một ngàn hai trăm vị [Thường Tùy Chúng]).

Mười sáu vị ấy là đại biểu, trên thực tế, một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị dự hội đều được bao gồm trong ấy.

(Sao) “Thâu tiền Đại nghĩa” giả, thủ đại đệ tử, tức tiền đại tỳ-kheo, đại A La Hán, dĩ nhất Đại tự nhiếp tiền nhị dã.

(鈔)收前大義者，此大弟子，即前大比丘大阿羅漢，以一大字攝前二也。

(Sao: “Gồm thâu ý nghĩa chữ Đại trong phần trên”: Các vị đại đệ tử ấy, chính là đại tỳ-kheo, đại A La Hán trong phần trước, dùng một chữ Đại để gồm trọn hai ý nghĩa được nói trong phần trên).

Ý nghĩa này dễ hiểu.

(Sao) “Học tại sư hậu” giả, tiên giác, hậu giác, như huynh tiên đệ hậu cố. “Giải tùng sư sanh” giả, khai phát, dục dưỡng, nhi thành pháp khí, sở vị: “Tùng Phật khẩu sanh, đương thiệu Phật chủng”, như phụ mẫu sanh tử cố.

(鈔)學在師後者，先覺後覺，如兄先弟後故。解從師生者，啟發育養，而成法器，所謂從佛口生，當紹佛種，如父母生子故。

(Sao: “Học sau thầy” là tiên giác và hậu giác, như anh trước, em sau. “Sự hiểu biết do thầy mà sanh” là khơi gợi, phát khởi, vun bồi, biến thành pháp khí, nên gọi là “sanh từ miệng Phật, sẽ nối tiếp dòng giống Phật”, giống như cha mẹ sanh ra con cái).

Ý nghĩa này rất dễ hiểu.

(Sao) “Nan đệ, nan huynh” giả, cổ xưng Nguyên Phương nan vi huynh, Quý Phương nan vi đệ, ngôn huynh hào đệ tuấn, vô khả ưu liệt.

(鈔)難弟難兄者，古稱元方難為兄，季方難為弟，言兄豪弟俊，無可優劣。

(Sao: “Em khó có mà anh cũng khó có”, cổ nhân nói Nguyên Phương khó thể làm anh, Quý Phương khó thể làm em, ý nói anh em đều tài trí, chẳng thể nói ai hơn, ai kém).

Đây là một điển cố của Trung Quốc. Thời Đông Hán, huyện trưởng huyện Thái Khâu là Trần Thật¹⁰³ sanh được hai người con, đứa lớn là Nguyên Phương, đứa nhỏ là Quý Phương, hai đứa con ấy đều xuất chúng phi thường, tài hoa chẳng thể phân hơn kém. Vì thế, cô nhân khen hai anh em đều giỏi, xưng tụng là “*nan đệ, nan huynh*”, do đó mà có điển cố. Ở đây, đại sư nói rất rõ ràng:

(Sao) Kim bất thủ bỉ ý, lược dụ Phật vi huynh, chư A La Hán vi đệ.

(鈔) 今不取彼意，略喻佛為兄，諸阿羅漢為弟。

(Sao: Ở đây không dùng ý nghĩa ấy, chỉ tạm sánh ví Phật là anh, các A La Hán là em).

Dẫn tỷ dụ này để dùng trong Phật pháp.

(Sao) Nhị câu nan đắc cố.

(鈔) 二俱難得故。

(Sao: Vì cả hai đều khó có).

¹⁰³ Trần Thật (104-185), tự là Trọng Cung, người đất Hứa, Dĩnh Châu (nay là huyện Hứa Xương, tỉnh Hà Nam), làm huyện lệnh Thái Khâu thời Hán Hoàn Đế. Ông là người điềm tĩnh, đạo đức, cai trị rất tốt, phán quyết công minh, dân chúng vô cùng kính phục. Khi ông mất, có tới ba vạn người đến điếu tang. Trần Thật có nhiều con: Trần Kỳ, Trần Quý, Trần Hiệp, Trần Thâm, Trần Hưu và Trần Quang, nhưng chỉ có Trần Kỳ và Trần Thâm là lỗi lạc. Trần Thật, Trần Kỳ và Trần Thâm được xưng là Tam Quân thời ấy. Trần Kỳ, tự Nguyên Phương, được tôn xưng là bậc danh đức đương thời. Do thấy triều đình rối ren, không ra làm quan, ở nhà dạy học và trước tác bộ Trần Thư nổi tiếng, mãi cho đến khi Đông Trác lần hiệp vua, ép ông ra làm quan, mới bắt đầu nhận chức Ngũ Quan Trung Lang Tướng. Đông Trác có ý muốn thiên đô từ Lạc Dương về Trường An, trăm quan bợ đỡ, chỉ riêng Trần Kỳ dám phản đối. Đông Trác rất tức giận, nhưng do kính sợ tài đức của ông nên phải nuốt giận. Nhân khi được bổ sang làm Tướng Quốc nước Bình Nguyên (một nước chư hầu của nhà Hán thời ấy, thuộc địa phận tỉnh Sơn Đông hiện thời), Trần Kỳ liền thu xếp hành trang rời khỏi Lạc Dương ngay. Về sau, Trần Kỳ làm quan đến chức Đại Hồng Lô. Trần Thâm tự là Quý Phương, đạo đức, phẩm hạnh chẳng kém anh. Trần Thâm từng làm quan đến chức Tư Không Duyệt (tương đương thứ trưởng bộ Công Nghiệp hiện thời), tuy mất sớm, nhưng con cháu của Trần Thâm lại nổi trội và được ghi danh trong lịch sử nhiều hơn Trần Kỳ.

Thầy khó có, trò cũng khó có; như thế mới là “*su tư đạo hợp*” (thầy trò hợp đạo), mới có thể có thành tựu, quả thật chẳng dễ dàng. Một vị thầy tốt mà chẳng có học trò giỏi, cũng chẳng thể làm gì được! Đạo của thầy chẳng truyền được! Có học trò giỏi, thiếu thầy giỏi, học trò cũng đáng tiếc, có thiên bẩm tốt đẹp, nhưng cả đời chẳng gặp thiện tri thức, cũng luống uổng! Thầy giỏi, trò hay kết hợp, đây là nhân duyên hết sức khó có, chẳng phải chuyện dễ dàng, chúng ta phải biết điều này! Nói thật ra, đây là “*bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ*” (trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ), chẳng phải chuyện dễ dàng! Thầy giỏi là gì? Nói theo Phật môn, đức Phật là vị thầy giỏi nhất, là vị thầy chúng đắc quả vị rốt ráo, chẳng còn phải bàn cãi! Bồ Tát, Thanh Văn là thầy giỏi, là người chứng quả, tri kiến của các Ngài chắc chắn chẳng sai lầm. Kẻ chưa chứng đắc quả vị, ít nhiều vẫn có vấn đề, chưa chắc đã hoàn toàn chính xác. Đã chứng quả sẽ chính xác, giống như A La Hán đã thành Chánh Giác, chẳng có vấn đề gì. Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác, Phật là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ở đây, thầy là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, trò là Chánh Giác, nhân duyên này quá thù thắng!

Chúng ta tu học pháp môn này, nói thật ra, nếu thật sự tu học, một trăm phần trăm thuận theo, y giáo phụng hành, quý vị sẽ giống như A La Hán, bằng với Chánh Giác. Nếu thật sự một trăm phần trăm y giáo phụng hành, không chỉ là bằng với Chánh Giác, mà trên thực tế, có thể nói quý vị bằng với Chánh Đẳng Chánh Giác, điều này chẳng thể nghĩ bàn, pháp môn này khó có! Chúng ta nương theo phương pháp này để tu hành, nhất định phải dùng ba bộ kinh ấy. Đối với kinh Di Đà, chúng ta chọn hai bản chú giải quan trọng nhất là Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa và Di Đà Kinh Yếu Giải. Thứ hai là kinh Vô Lượng Thọ, thứ ba là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Phải biến ba kinh này thành tư tưởng, kiến giải, và hành vi của bản thân chúng ta, một trăm phần trăm vâng thuận! Nói cách khác, quý vị niệm Phật trong một đời này, chắc chắn là Thượng Phẩm Thượng Sanh. Quý vị có thể làm được chín mươi phần trăm sẽ là Thượng Phẩm Trung Sanh; làm được tám mươi phần trăm sẽ là Thượng Phẩm Hạ Sanh. Làm được bảy mươi phần trăm, sẽ là Trung Phẩm Thượng Sanh; tùy thuộc quý vị làm được mấy phần! Làm được hai mươi phần trăm, quý vị là Hạ Phẩm Hạ Sanh! Hoàn toàn chẳng làm, vậy là đừng trông mong gì! Tuy quý vị niệm Phật hằng ngày, vẫn chẳng chắc ăn, [vãng sanh hay không] vẫn là một ẩn số. Có thể làm được từ hai mươi phần trăm trở lên, nói cách khác, người ấy quyết định vãng sanh, sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nếu quý vị làm được từ tám mươi phần trăm trở lên, thừa cùng quý vị, quý vị

vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới quyết định là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, tùy thuộc chính quý vị.

Trong giảng đường này của chúng ta, ba kinh được giảng không ngừng; bản thân tôi có cảm xúc vô cùng rõ rệt, mỗi lần thù thắng hơn! Cảnh giới của chính tôi cũng khác hẳn, mỗi lần đều khác nhau; vì thế, tràn ngập lòng tin! Điều này rất ư khó có! Ngày nay, đức Phật là thầy của chúng ta, Thích Ca, Di Đà là thầy của chúng ta, các đại đức chú sớ là người dẫn đường, tiếp dẫn chúng ta! Liên Trì đại sư chú giải, các vị như Liên Trì và Ngẫu Ích là người dẫn đường cho chúng ta. Nếu chúng ta có thể thật sự y giáo phụng hành, đây cũng là “*nan đê, nan huynh*”, rất khó có, hết sức chẳng dễ dàng! Mắt thấy quý vị sẽ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Phật trong một đời này, nhân duyên này thù thắng dường ấy! Đó là nói “*nhị câu nan đắc*” (cả hai đều khó có).

(Sao) “Thiện tác, thiện thuật” giả, cổ xưng Văn Vương dĩ Vương Quý vi phụ, phụ tác ư tiên, dĩ Vũ Vương vi tử, tử thuật ư hậu. Kim diệc bất thủ bỉ ý.

(鈔)善作善述者，古稱文王以王季為父，父作於前，以武王為子，子述於後。今亦不取彼意。

(Sao: “Khéo làm, khéo thuật” là cổ nhân nói tới Văn Vương, do cha Văn Vương là Vương Quý¹⁰⁴ đã làm từ trước (sáng lập công nghiệp), con Văn Vương là Vũ Vương kế tục công nghiệp; nay cũng chẳng dùng ý nghĩa này).

¹⁰⁴ Vương Quý tên thật là Cơ Quý Lịch, là con thứ ba của Châu Thái Vương (Cơ Đản Phụ). Do Châu Thái Vương thấy con của Vương Quý là Cơ Xương (Châu Văn Vương) sẽ làm rạng rỡ công nghiệp nhà Châu nên muốn truyền ngôi cho Vương Quý. Hai anh của Vương Quý là Thái Bá và Trọng Ung liền giả vờ lên núi hái thuốc rồi trốn đi, để Quý Lịch làm vua. Thái Bá và Trọng Ung cắt tóc, xâm mình, giống như người ở phương Nam, vượt sông Trường Giang, lập ra nước Ngô. Vương Quý đánh phạt giặc Nhung Dư Vô, Thi Hô và cầm tù ba đại phu của giặc Nhung, oai danh lừng lẫy, biến tiểu quốc Châu thành cường thịnh, mở rộng lãnh thổ nhà Châu, khiến vua nhà Thương là Văn Đinh (tên thật là Tử Thác, ông nội của Trụ Vương), nghi kỵ, lấy cớ thưởng công, triệu về kinh, rồi kiếm cớ bắt giam, khiến Vương Quý chết đói trong ngục. Cả ba đời Vương Quý, Văn Vương, Vũ Vương (Cơ Phát) đều làm nước Châu từ một nước nhỏ bé ở Tây Kỳ trở thành một chư hầu hùng mạnh của nhà Thương, nên người ta thường khen ngợi ba vị này là “*thiện tác, thiện thuật*” ý nói Vương Quý khéo khai sáng công nghiệp, Văn Vương và Vũ Vương khéo kế thừa.

“*Thiện tác, thiện thuật*” là khen ba thế hệ của nhà Châu, hiện thời trích dẫn điển cổ này, nhưng không dùng theo ý nghĩa đó.

(Sao) *Lược dụ Phật vi phụ, chư A La Hán vi tử, sư tư đạo hợp cố.*

(鈔) 略喻佛為父，諸阿羅漢為子，師資道協故。

(Sao: *Nhằm sánh ví đại lược, Phật là cha, các vị A La Hán là con, do thầy trò hợp đạo vậy.*)

“*Sư tư đạo hợp*” mới có thành tựu thù thắng, pháp hội thù thắng đường ấy, phổ độ mười phương thế giới hết thảy chúng sanh. Tiếp theo đây là phần giảng về Xứng Lý, đoạn văn này khá dài, Lý ở đây cũng khá sâu!

(Sớ) *Xứng Lý, tắc tự tánh vương số dung thông, thị Phật dữ đệ tử câu nghĩa.*

(疏) 稱理，則自性王數融通，是佛與弟子俱義。

(Sớ: *Xứng Lý thì tâm vương, tâm số trong tự tánh dung thông chính là ý nghĩa Phật và đệ tử cùng tụ hội.*)

“*Vương số dung thông*”: Vương là tâm vương, Số là tâm sở. Tám thức là tâm vương, năm mươi một tâm sở là Số. Tám thức ví như Phật, năm mươi một tâm sở ví như đệ tử. “*Vương số dung thông*” là nói xứng tánh. “*Vương ngoại vô số, số ngoại vô vương*”: Ngoài tâm vương không có tâm sở, ngoài tâm sở chẳng có tâm vương, mang ý nghĩa này!

(Sao) *Thai giáo vân.*

(鈔) 台教云。

(Sao: *Theo giáo nghĩa của tông Thiên Thai.*)

Thiên Thai đại sư nói...

(Sao) *Tâm vương Như Lai, tâm số đệ tử. Kim thích vị vương giả, bát thức dã.*

(鈔) 心王如來，心數弟子。今釋謂王者，八識也。

(Sao: *Tâm vương là Như Lai, tâm số là đệ tử. Nay giải thích, nói đến Vương là nói tới tám thức.*)

Ví tám thức như Vương.

(Sao) *Thử bát thức giả, thiện ác luân chuyển, điều chi chủ tử, như vương ngự thần, như sư suất đệ tử cố. Số giả, ngũ thập nhất tâm sở dã. Thử ngũ thập nhất, nhất tắc hằng y tâm khởi, nhị tắc dữ tâm tương ứng, tam tắc hệ thuộc u tâm, kỳ u bát thức, như thần hướng quân, như đệ tử phụng sư cố.*

(鈔) 此八識者，善惡輪轉，繇之主宰，如王御臣，如師率弟子故。數者，五十一心所也。此五十一，一則恆依心起，二則與心相應，三則係屬於心，其於八識，如臣向君，如弟子奉師故。

(Sao: *Tám thức ấy làm chủ tử sự luân chuyển trong đường thiện, nẻo ác, như vua cai trị bầy tôi, như thầy dẫn dắt trò. “Số” là năm mươi một tâm sở. Năm mươi một món ấy, một là luôn nương vào tâm để sanh khởi, hai là tương ứng với tâm, ba là phụ thuộc vào tâm. Đối với tám thức, các tâm sở giống như bầy tôi hướng về vua, như đệ tử thờ thầy.*)

Đoạn này, nói thật ra, nhằm giảng rõ nguyên lý sanh tử luân hồi trong lục đạo, vì sao có lục đạo? Vì sao có luân hồi? Nguyên lý ở ngay trong câu này. “*Thiện ác luân chuyển*” là nhân, sự sướng, khổ trong lục đạo là quả báo. Tạo nhân gì như thế nào sẽ đắc quả báo như thế ấy, nhưng chủ nhân của sự “tạo nhân, chịu báo” là A Lại Da thức. Duy Thức Luận thường nói: “*Lai tiên, khứ hậu, tác chủ công*” (đến trước, đi sau, làm ông chủ). Trong Bát Thức Quy Củ Tụng, Huyền Trang đại sư đã giảng rõ ràng, cái gì đến đầu thai trong lục đạo? A Lại Da thức đến đầu thai, đến lãnh chịu quả báo. Khi chết, cái nào rời đi cuối cùng? A Lại Da thức rời đi cuối cùng. Như vậy là nó đến trước tiên, rời đi cuối cùng, nó là chủ, tức là chủ nhân của việc xoay vần trong lục đạo, tạo nghiệp, hứng chịu quả báo. Phàm phu chúng ta chẳng liễu giải, coi nó là linh hồn, người Hoa gọi là linh hồn, trong Phật giáo gọi là A Lại Da thức, còn gọi là “*thần thức*”. Ngoại đạo Ấn Độ cũng chẳng liễu giải tình hình này, họ gọi nó là Thần Ngã (Ātman). Danh xưng bất đồng, nhưng nói về cùng một chuyện.

“*Thiện ác luân chuyển, điều chi chủ tử*” (là chủ tử của sự luân chuyển trong đường thiện, nẻo ác), đây là nói “*tiền lục thức thông thiện, ác, vô ký, tam tánh*” (sáu thức trước thuộc về ba tánh thiện, ác, không thiện, không ác). Nói cách khác, làm lành là nó, mà tạo ác cũng là nó, tạo tác chuyện chẳng thiện chẳng ác, thường gọi là “*vô ký tánh*”, cũng do nó. Quý vị tạo tác thiện, nhất định có thiện báo; tạo ác, nhất định có ác báo;

tánh vô ký sẽ có một loại quả báo chẳng thiện chẳng ác, mỗi thứ đều có quả báo. Chư vị phải biết: Trong sáu thức trước (từ Nhãn Thức đến Ý Thức), thức có năng lực mạnh nhất là thức thứ sáu, tức Ý Thức. Ý Thức là gì? Là ý niệm suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung của chúng ta, đó là tâm vọng tưởng. Quý vị có thể nghĩ tới quá khứ, nghĩ tới hiện tại, nghĩ tới vị lai, thấy đều do thức thứ sáu, tức Ý Thức, nó nghĩ đến điều lành lẫn điều ác. Chư vị chớ nên coi nhẹ vọng tưởng. Một niệm quý vị vừa tưởng, sẽ gieo một chủng tử vào A Lại Da thức, chủng tử ấy gặp duyên sẽ phải nhận lãnh quả báo. Quý vị nghĩ tới điều lành là một chủng tử thiện, quý vị nghĩ tới điều ác là một chủng tử ác, chẳng cần đợi quý vị tạo ác! Nghĩ tới một điều ác, quý vị đã tạo ác nghiệp. “Ta chưa làm”, không làm, nhưng trong A Lại Da thức cũng có. Nếu quý vị còn làm, sức mạnh của chủng tử ác nghiệp ấy sẽ lớn mạnh. Quý vị chỉ nghĩ, chưa làm, thì sức mạnh của nó yếu hơn một chút, nhưng đều là chủng tử Kim Cang bất hoại giống như nhau! Vì thế, ý niệm quan trọng lắm! Trong kinh, đức Phật thường nói: “*Bồ Tát úy nhân, chúng sanh úy quả*” (Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả). Đến khi quả báo [ứng hiện], chúng sanh sợ hãi. Khi quả báo xảy đến, Bồ Tát chẳng sợ, Ngài biết có sợ cũng vô dụng, cảnh nghịch xảy đến bèn vâng chịu. Bồ Tát sợ gì? Sợ tạo nhân ác, sợ có ác niệm, các Ngài sợ những điều ấy. Vì thế nói: Tu hành nơi khởi tâm động niệm!

Do vậy, chúng ta hãy tự suy nghĩ, chúng ta có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới hay không? Chuyện này chớ nên hỏi ai khác, chính mình suy nghĩ sẽ biết. Từ sáng đến tối, ta có niệm nào nhiều nhất? Niệm nào có sức mạnh mẽ nhất? Tương lai sẽ theo niệm ấy mà đi! Nếu ta suốt ngày từ sáng đến tối, tham niệm mạnh mẽ, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, thứ gì ta cũng đều muốn, niệm ấy rất mạnh, nói cách khác, đời sau quý vị nhất định vào tam đồ! Sức mạnh của tham là nghiệp nhân trong ngạ quỷ đạo, đời sau nhất định thành quỷ. Con người đã chết, không nhất định trở thành quỷ, luân hồi trong lục đạo thì quỷ đạo chỉ là một trong sáu phân! Vì sao nói “người đã chết đều thành quỷ”? Quý vị hãy nghĩ xem có lý hay là không? Người nào chẳng tham? Tâm tham nặng nề, trong tương lai sẽ đều thành quỷ. Kẻ ấy hiện thời hằng ngày đều tạo nghiệp tham, nên sau khi chết đi, gần như là tám mươi phần trăm đều vào ngạ quỷ đạo! Vì thế nói “người ta chết đi đều thành quỷ”, lời ấy cũng nói có lý lắm, cũng chẳng thể bảo là hoàn toàn thiếu đạo lý.

Nếu chúng ta muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc, nói thật thà thì chúng ta niệm niệm đều là A Di Đà Phật, tâm tâm đều là A Di Đà Phật, chúng ta tạo nghiệp là A Di Đà Phật nghiệp. Tạo A Di Đà Phật nghiệp,

chẳng thọ quả báo trong lục đạo, quý vị coi thử trong lục đạo có đường nào là A Di Đà Phật? Không có, chỉ có Tây Phương Cực Lạc thế giới là quả báo của A Di Đà Phật. Vì thế, quý vị tạo nghiệp nhân ấy, quả báo trong tương lai nhất định là sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì vậy, người muốn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, từ sáng đến tối đừng dấy vọng tưởng, hết thấy niệm tốt lẫn niệm xấu thấy đều chẳng cần đến. Chúng ta chỉ có một niệm A Di Đà Phật, miệng niệm Phật, tâm tưởng Phật, niệm kinh bèn tưởng cảnh giới trong kinh, cảnh giới trong kinh là cảnh giới của A Di Đà Phật. “*Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật*”, đạo lý là như vậy đó. Do vậy, nó là chủ tể, tạo nghiệp ở nơi đây, sau này nhất định phải hứng chịu quả báo.

Thứ thứ bảy là ngã chấp kiên cố. Trong Duy Thức Luận thường nói: “*Tứ đại phiền não thường tương tùy*”, nghĩa là [bốn đại phiền não] thường sẵn có kể từ lúc mới sanh, bốn điều gì vậy?

1. Ngã Si, [tức là] ngu si đây! Do ngu si, nên kẻ ấy mới chấp trước thân này là ta. Ngã kiên, ngã chấp do ngu si sanh ra, vô cùng kiên cố, chẳng dễ gì phá trừ!

2. Ngã Ái là thứ bám sinh.

3. Ngã Kiên, nay chúng ta gọi ngã kiên là thành kiến. Thành kiến rất sâu.

4. Ngã Mạn, nói chung luôn cảm thấy ta mạnh hơn người khác, luôn thấy kẻ khác chẳng bằng ta. Ngạo mạn cũng là bám sinh.

Bốn đại phiền não này, thưa quý vị, chương đạo, chúng là chương ngại căn bản. Nếu chúng ta đã muốn niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị phải biết chừa thượng thiện nhân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có bốn thứ phiền não này. Nói cách khác, chúng ta phải nỗ lực nhứt bớt si, kiến, ái, mạn. Quý vị có thể nhứt bớt một phần, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị sẽ tăng cao một phần. Cả bốn thứ này đều chẳng có, quý vị sẽ vãng sanh trong ba phẩm thượng. Nếu quý vị chẳng đoạn những món này một chút nào, nói cách khác, nếu thật sự rất may mắn, quý vị sẽ vãng sanh trong ba phẩm hạ, chứ chẳng thể đạt được trung phẩm, quý vị là hạ phẩm vãng sanh!

Có thể thấy đoạn những thứ ấy chẳng dễ dàng, vô cùng khó đoạn; nhưng trong hết thấy các pháp môn, nói thật ra, phương pháp Niệm Phật rất dễ đoạn phiền não, vì sao? Người niệm Phật chẳng cần đoạn phiền não mà phiền não tự nhiên chẳng còn, vì sao? Quý vị suốt ngày từ sáng đến tối chỉ niệm A Di Đà Phật, ý niệm nào khác đều chẳng có, chẳng đoạn mà đoạn, cách này khéo tuyệt vời! Thật sự nói đến đoạn phiền não, nói thật

ra, chúng ta dốc hết tánh mạng cả một đời, sợ vẫn chẳng thể đoạn một phẩm Kiến Hoặc. Nói cách khác, nếu chẳng tu pháp môn này, tu bất luận pháp môn nào mà mong thành tựu trong một đời này đều chẳng dễ dàng, rất khó làm được! Sau đó, chúng ta mới biết pháp môn này thù thắng. Pháp môn này từ hạ hạ phẩm cho đến thượng thượng phẩm, đúng như Thiện Đạo đại sư đã nói: “*Ngộ duyên bất đồng nhi hữu sai biệt*” (do gặp duyên khác nhau mà khác biệt). Ngày nay chúng ta gặp duyên quá thù thắng, thù thắng khôn sánh! Có thể nói từ thời Dân Quốc tới nay, duyên phận thù thắng giống như chúng ta, đạo tràng thù thắng như vậy, chưa hề có! Trong quá khứ, đạo tràng của thầy Lý ở Đài Trung, mỗi tuần chỉ giảng kinh một lần, còn chúng ta mỗi tuần bốn lần. Hơn nữa, Ngài giảng kinh thì rất nhiều kinh Đại Thừa đều giảng, chẳng phải chuyên giảng kinh Tịnh Độ! Nay chúng ta duyên thù thắng, vượt trội quá nhiều, vượt trội những đạo tràng tại Đại Lục vào đầu thời Dân Quốc, có thể nói hiện thời nhân duyên của chúng ta thù thắng khôn sánh, mọi người đúng là đang hưởng phước mà chẳng biết chính mình có phước! Vì thế, chỉ cần chính mình có thể giác ngộ, sám hối, y giáo phụng hành, ai nấy đều nắm chắc vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới!

Năm mươi một tâm sở là như trong Duy Thức Luận thường giảng: Biến Hành có năm tâm sở, Biệt Cảnh có năm tâm sở, Thiện có mười một tâm sở, Căn Bản Phiền Não có sáu tâm sở, Tùy Phiền Não có hai mươi tâm sở, Bất Định có bốn tâm sở. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận đã giảng rất rõ ràng. Từ năm mươi một tâm sở, chúng ta rất dễ thấy thiện tâm sở ít, chỉ gồm mười một thứ, ác tâm sở nhiều, có hai mươi sáu thứ, tức sáu Căn Bản Phiền Não và hai mươi Tùy Phiền Não, số lượng ác nhiều, thiện ít! Nói theo sức mạnh thì cũng là thế lực ác mạnh mẽ, thế lực thiện yếu ớt! Vì thế, một người đi theo phương diện xấu thì dễ, hướng theo phương diện tốt sẽ khó khăn! Nguyên nhân căn bản là tâm sở nhiều hay ít, yếu hay mạnh đã được phơi bày rất rõ rệt ở trong ấy. Do vậy, một người có thể đoạn ác, tu thiện, có thể thật thà niệm Phật, chính là đại thiện căn, đại phước đức, đại nhân duyên, chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên. Đúng như cổ đức đã nói: “*Một ngày hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay*”. Một ngày ấy là gì vậy? Cả ba thứ thiện căn, phước đức, nhân duyên đều hiện tiền, nhân duyên ấy khó có! Không chỉ là trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ. Ngày nay, ba nhân duyên ấy tụ hội, chúng ta gặp gỡ pháp môn này là “nhân duyên”, bản thân chúng ta có “thiện căn”, thiện căn là quý vị có thể tin tưởng, có thể lý giải; quý vị có “phước đức”, có phước đức chính là quý vị thật sự chịu phát nguyện, thật sự chịu y giáo tu hành, đấy là phước!

Phước đức chẳng phải là nói quý vị hiện thời có địa vị trong xã hội, có tiền của, chẳng phải vậy. Phước báo ấy cũng như không, sau khi chết chẳng mang theo được gì! Đúng như trong phẩm Hạnh Nguyện đã nói: “*Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân*” (Muôn thứ không mang được, chỉ có nghiệp theo thân). Thứ gì cũng chẳng mang theo được! Vì thế, quý vị có thể tín giải, phát nguyện niệm Phật, đây là phước báo lớn nhất, vì những điều này quý vị có thể mang theo được!

Năm mươi một tâm sở, vì sao được gọi là tâm sở pháp? Vì chúng “*hằng y tâm khởi*” (luôn nương vào tâm mà sanh khởi). Nói thật ra, năm mươi một loại tâm sở pháp là tác dụng tâm lý, đó gọi là “*tám thức làm Thể*”. Năm mươi một thứ ấy là tác dụng do tám thức dậy khởi. Dụng chẳng là Thể, vì thế, nó nương vào tâm mà sanh khởi. Là tâm, há có tâm sở? Chẳng có tâm sở. Là Thể, sẽ chẳng có tác dụng. Đây là nói theo mặt khởi tác dụng. Thứ hai là “*dĩ tâm tương ứng*” (tương ứng với tâm), Dụng chẳng là Thể, Thể chẳng là Dụng, nhất định là tương ứng. Vì thế, “*hằng dĩ tâm vương tương ứng, nhi bất ly*” (thường tương ứng với tâm vương, chẳng là tâm vương). “*Hệ thuộc u tâm*” (phụ thuộc vào tâm), chúng phụ thuộc tâm vương. Chẳng hạn như trong tám thức, A Lại Da thức có năm tâm sở, tức năm món Biên Hành. Thức thứ bảy có mười tám tâm sở, năm thức trước có ba mươi bốn tâm sở. Ý Thức, tức thức thứ sáu, có nhiều nhất, năm mươi một món tâm sở nó hoàn toàn trọn đủ. Vì thế, thức thứ sáu (Ý Thức) có công năng lớn nhất, Duy Thức Luận gọi nó là “*tội khởi họa thủ*” (đầu sở gây tội họa), lục đạo luân hồi do nó tạo tác, nhưng thành Phật, làm Tổ, nó cũng là đệ nhất đại công thần! Nay chúng ta niệm Phật, dùng tâm gì để niệm Phật? Đương nhiên là thức thứ sáu, tức Ý Thức niệm Phật, công của nó to lớn. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thành Phật, làm tổ cũng do thức thứ sáu (Ý Thức). Nói cách khác, nay bản thân chúng ta phải hiểu rõ ràng chân tướng sự thật này, chúng ta vận dụng thức thứ sáu (Ý Thức) ra sao, dùng nó để tạo nghiệp? Hay là dùng nó để niệm Phật? Nếu quý vị dùng nó thích đáng, sẽ thành Phật, thành Bồ Tát. Nếu dùng chẳng thích đáng, quả báo là tam đồ, tùy thuộc quý vị sử dụng nó như thế nào!

(Sao) Hựu Trí Giác vân: “Thập đại Thanh Văn, giai thị tự tâm thập thiện pháp số”. Tỳ Đàm kệ vân: “Dục, tưởng, cánh nhạo, huệ, niệm, tư, cập giải thoát, tác ý u cảnh giới, tam-ma-đề dĩ thống”.

(鈔)又智覺云：十大聲聞，皆是自心十善法數。毗曇偈云：欲想更樂慧，念思及解脫，作意於境界，三摩提以痛。

(Sao: Lại nữa, ngài Trí Giác dạy: “Mười vị đại Thanh Văn đều là pháp số thập thiện trong tự tâm”. A Tỳ Đàm Luận có bài kệ: “Dục, tưởng, cảnh nhạo, huệ; niệm, tư và giải thoát; tác ý nơi cảnh giới; tam-ma-đề và thọ”).

Đây là một bài kệ trong A Tỳ Đàm Luận. Trí Giác là Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư, là tổ sư đời thứ sáu của Tịnh Độ Tông chúng ta, là A Di Đà Phật tái lai. Quý vị đọc bộ Di Đà Kinh Yếu Giải Thân Văn Ký của pháp sư Bảo Tĩnh, trong ấy đã trích dẫn câu chuyện này rất rõ ràng, nhưng trong cuốn [Di Đà Kinh Yếu Giải] Giảng Nghĩa, pháp sư Viên Anh không nhắc tới. Trong lời giảng giải, pháp sư Bảo Tĩnh nói rõ ngài Vĩnh Minh Diên Thọ là A Di Đà Phật tái lai, chuyện này là thật. Lão nhân gia nói “*thập đại Thanh Văn*” tức mười vị đại đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật biểu thị pháp, các Ngài biểu thị điều gì? Tượng trưng cho mười thiện pháp trong tự tâm, tức là Thập Thiện trong tự tâm.

“*Dục, tưởng, cảnh nhạo, huệ*”: Dục chính là Dục (欲) trong Biệt Cảnh tâm sở¹⁰⁵, nói theo cách bây giờ, Dục là dục vọng. Trong cảnh giới ham thích, sanh khởi một điều mong mỏi, tức là nói đến Sở Duyên Duyên trong bốn duyên của sự sanh khởi niềm mong ấy. “*Cần y vi nghiệp dụng*” (siêng năng là tác dụng của nghiệp), Cần (勤) là siêng năng, nó khởi tác dụng. Tác dụng là phải nỗ lực theo đuổi, mong muốn đạt được; trong bốn duyên, nó chính là Vô Gian Duyên, vì tâm sở pháp thông với hết thảy các pháp. Như chúng ta hiện thời, có Dục hay không? Có! Chúng ta có dục vọng. Dục vọng của chúng ta là gì? Mong mỏi sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, mong thấy A Di Đà Phật, đó là dục vọng của chúng ta, là Sở Duyên Duyên của người niệm Phật chúng ta. Chúng ta đã có dục vọng ấy, phải nỗ lực theo đuổi, nhớ Phật, niệm Phật, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, đó là tinh tấn, là siêng năng! Nhất định phải làm theo cách như vậy thì mới có thể thành công. Không chỉ duyên thế gian phải buông xuống, mà còn đừng nghĩ tới chúng, đừng nhớ tới chúng, vì quý vị nghĩ tưởng tới chúng, nghiệp báo sẽ là trong lục đạo, mỗi ngày đều tạo nghiệp lục đạo.

¹⁰⁵ Biệt Cảnh: Các tâm sở do duyên theo từng cảnh riêng biệt mà phát sanh tác dụng tâm lý, gồm Dục (Chanda), thắng giải (Adhimoksa), niệm (Smrti), định (Samādhi), huệ (Prajñā).

Quyết định chẳng nghĩ tới, quyết định chẳng bận tâm tới chúng, niệm niệm chỉ nghĩ tới A Di Đà Phật, niệm niệm chỉ nghĩ tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, như vậy là được.

Hiện thời, tôi trừ niệm Phật ra, có thể là tôi niệm Phật chẳng nhiều như quý vị, nhưng tôi xem kinh rất nhiều, tôi chuyên đọc ba kinh Tịnh Độ, mục đích nhằm mong giảng các kinh ấy hay hơn, có sức thuyết phục hơn, khiến cho mọi người nghe xong đều có thể tiếp nhận, trong tương lai mọi người đều vãng sanh, đó là chuyện tốt đẹp! Tôi nằm mơ cũng thấy đang giảng kinh, dường thành một thói quen. Giảng kinh, hết thầy mệt nhọc đều chẳng có. Mỗi ngày trên tòa giảng tôi giảng tám tiếng, có bữa giảng chín tiếng, càng giảng càng hào hứng. Chẳng giảng thì chẳng có tinh thần! Đương nhiên là do Tam Bảo gia trì. Nhớ Phật, niệm Phật trọng yếu vô cùng! Đọc kinh cũng là tưởng Phật, tuy miệng chẳng niệm, trong tâm nghĩ tới Phật, tưởng cảnh giới của thế giới Cực Lạc. Đó là “*dục, tưởng, cánh nhạo, huệ*”.

Tưởng là một Biến Hành tâm sở¹⁰⁶. [Sách Diễn Nghĩa giảng] “*ư cảnh thủ tướng vi tánh, thi thiết chủng chủng danh ngôn vi tha đích nghiệp dụng*” (tánh của Tưởng là đối với cảnh bên chấp tướng, nghiệp dụng của nó là [do chấp trước] bên đặt ra các thứ danh từ [hình dung những gì nội tâm cảm nhận từ quá trình Xúc, Tác Ý và Thọ]). Nay chúng ta tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới, tưởng A Di Đà Phật cũng giống như vậy. Thế giới Cực Lạc là một danh hiệu, A Di Đà Phật cũng là một danh hiệu. Từ danh hiệu sẽ nghĩ đến cảnh giới trong thực tế. “*Cánh nhạo*” là Xúc trong Biến Hành tâm sở, [sách Diễn Nghĩa giảng] “*Thọ, Tướng, Tư đẳng sở y vi tha đích nghiệp dụng*” (Nghiệp dụng của nó là chỗ để Thọ, Tướng, Tư v.v... nương vào). Tâm và tâm sở cần phải tiếp xúc cảnh giới. Nói cách

¹⁰⁶ Biến Hành (Sarvatraga) là một loại tâm sở, đối ứng với Biệt Cảnh. Khi bất cứ sự nhận thức nào sanh khởi, nó đều là hoạt động tâm lý, mang tánh chất phổ biến, nên gọi là Biến Hành. Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận giảng: “*Loại này chung khắp cho hết thảy các tâm thiện, ác, vô ký, nên gọi là Biến Hành*”. Biến Hành bao gồm:

1. Xúc (Sparsha) chỉ tác dụng tinh thần phát sanh khi Căn, Thức, và Cảnh hòa hợp, Xúc cũng dùng để chỉ các cảm giác khách quan khi Căn tiếp xúc Trần.
2. Tác Ý (Manasi-kara), tác dụng tinh thần do chú ý nhận biết đối với một tâm cảnh nào đó.
3. Thọ (Vedana), tác dụng tiếp nhận của nội tâm sau khi đã có Xúc.
4. Tưởng (Samjna): Tác dụng chuyển biến, tiếp nhận hình ảnh của cảnh vào trong nội tâm, có thể tạm hiểu là tri giác biểu tượng trong tâm lý học hiện đại.
5. Tư (Cetana), tức là sự tạo tác trong nội tâm, nảy sanh phân biệt, quan điểm, thành kiến, sau khi Tưởng xuất hiện trong nội tâm.

khác, chúng ta vận dụng vào pháp môn này, niệm niệm chẳng xả. Huệ chính là Huệ trong Biệt Cảnh. Ở đây, Huệ có nghĩa là chọn lựa, phân biệt, tức là quý vị có năng lực phán đoán, có năng lực chọn lấy hay bỏ đi. Nay trong hết thấy các pháp, chúng ta chọn lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, chọn cách trì danh niệm Phật, trong ngàn kinh vạn luận chỉ lấy ba kinh Tịnh Độ; đây là trí huệ vô thượng.

Vì thế, tôi khuyên các đồng tu, nếu quý vị có thể thật sự buông xuống, sẽ là một trăm phần trăm chân tu, tu Thượng Phẩm Thượng Sanh, buông xuống một trăm phần trăm. Không chỉ là buông pháp thế gian xuống, ngay cả Phật pháp cũng đều buông xuống, tôi niệm một quyển kinh. Vì thế, tôi khuyên mọi người niệm kinh Vô Lượng Thọ. Trước hết, quý vị niệm kinh Vô Lượng Thọ ba ngàn biến, những thứ khác đều buông xuống hết. Niệm xong ba ngàn biến, tâm quý vị định, đạt được Niệm Phật tam-muội, khai trí huệ. Nếu quý vị mỗi ngày niệm hai biến, trong thời gian năm năm sẽ hoàn thành, quý vị dùng thời gian năm năm có thể tu được Thượng Phẩm Thượng Sanh. Sau năm năm, quý vị biện tài vô ngại, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian hễ lục căn tiếp xúc đều thông đạt; tuyệt đối chẳng giống như hiện thời chúng ta hôm nay đọc kinh này, ngày mai nghiên cứu kinh khác. Kẻ khác nghiên cứu sáu mươi năm chắc chắn chẳng bằng quý vị năm năm công phu, vì sao? Quý vị năm năm chuyên ròng, tương ứng với Chân Như bản tánh. Kẻ kia nghiên cứu cả đời, luôn suy tưởng lung tung, vọng niệm toại bởi, Định, Huệ hoàn toàn chẳng có, vô tác dụng!

Chúng ta thấy các vị cô đức dạy học, thường là người học thân cận một vị thiện tri thức. Thiện tri thức bảo người ấy làm những việc nặng trong chùa miếu, trước nay cũng chẳng hề dạy cho người ấy điều gì. Người ấy làm ba năm hay năm năm, quả thật không thể nhận được nữa, tìm gặp lão hòa thượng: “Con đến đây cầu pháp, đã làm nhiều năm như thế, Ngài chẳng dạy con điều gì”. Lão hòa thượng cười bảo người ấy, người ấy bèn khai ngộ, vì sao? Trong cuộc sống, lão hòa thượng hoàn toàn sống trong Giới, Định, Huệ, dạy quý vị điều gì? Thử nghiệm, rèn luyện trong cuộc sống, rèn luyện sao cho tất cả tập khí, khuyết điểm đều sạch sành sanh, tâm thanh tịnh, huệ bèn sanh. Huệ vừa sanh, hễ tiếp xúc Phật pháp bèn thông suốt. Cần phải giảng giải nữa chăng? Chẳng cần! Hễ tiếp xúc bèn thông đạt. Vì thế, mọi người chẳng cầu trí huệ chân thật, mà cầu gì? Cầu Thế Trí Biện Thông, lầm lẫn quá đỗi!

Chúng ta muốn hoằng pháp, chuyện hoằng pháp tuyệt đối chẳng thể thực hiện bằng Thế Trí Biện Thông. Hoằng pháp bằng Thế Trí Biện Thông

sẽ chẳng tránh khỏi phạm sai lầm, quý vị giảng kinh sẽ trật, hiểu sai ý nghĩa. Quý vị nhất tâm niệm bộ kinh này, nhất tâm hoằng dương bộ kinh này, chắc chắn tốt đẹp, sẽ được Tam Bảo gia trì. Khi quý vị đọc, sẽ khai trí huệ, có ngộ xứ. Khi quý vị giảng cho người khác nghe, cũng có ngộ xứ. Một mặt, ngộ xứ ấy do từ tâm quý vị đã định mà có, từ tam-muội do bản thân quý vị đã tu. Mặt khác là do A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí gia trì quý vị. Bởi lẽ, khi quý vị giảng không chuẩn bị, hoặc là đã chuẩn bị, nhưng lên đài giảng sẽ nói hoàn toàn khác với những gì đã chuẩn bị. Trên giảng đài, chẳng biết vì sao nói được như thế! Đó là: Trong là tam-muội, ngoài được Tam Bảo gia trì, nên xuất hiện sức mạnh ấy. Tuyệt đối chẳng phải là Thế Trí Biện Thông mà hòng làm được! Vì thế, tôi dạy quý vị, đây là một phương pháp và phương hướng chính xác, nếu quý vị không tin, tức là chính quý vị thiếu phước báo, tự mình có chướng ngại. Do đó, mọi người muốn niệm đến nhất tâm bất loạn, muốn thành tựu Niệm Phật tam-muội, muốn đắc huệ giải, muốn lợi ích hết thảy chúng sanh, nhất định phải thâm nhập một môn! Quý vị có thể buông hết thảy xuống, đây là Định, mỗi ngày niệm kinh, niệm từ đầu đến cuối chẳng bỏ sót một chữ nào, chẳng niệm đảo lộn câu nào, chẳng đọc sai chữ nào, đó là trí huệ. Vì thế, niệm kinh là hoàn thành Tam Học Giới - Định - Huệ một lượt, tôi đã nói câu này rất nhiều lần. Có sao chẳng niệm kinh?

Tu hành cần thân thể rất khỏe mạnh, thân chẳng khỏe mạnh sẽ không xong! Thân thể khỏe mạnh cũng do chính mình tu được. Năm ngoái, tôi từ Tân Gia Ba trở về, lão hòa thượng Tùng Niên dạy tôi một phương pháp, tôi nhớ đã kể với mọi người trong giảng đường, chẳng biết quý vị có làm hay không! Có một lần, đồng tu Tân Gia Ba mời tôi dùng cơm, pháp sư Diển Bồi tiếp đãi. Pháp sư tuổi đã cao, bảy mươi hai tuổi, thân thể rất yếu, rất nhiều bệnh. Lão hòa thượng Tùng Niên tám mươi mấy tuổi, tóc bạc, mặt trẻ, đầu tóc trắng phau, da dẻ giống như da trẻ nhỏ. Ngài duỗi cánh tay ra: “Quý vị thấy da tôi mịn màng hay không?” Rồi Ngài dạy pháp sư Diển Bồi: “Tôi dạy thầy một phương pháp, thầy về nhà học trong ba tháng, bảo đảm hữu hiệu, bệnh gì cũng chẳng có! Phương pháp rất đơn giản, là một chén nước sôi. Buổi tối lúc sắp đi ngủ, chuẩn bị sẵn một chén nước nóng, đến sáng hôm sau thức dậy, dùng rửa mặt, dùng súc miệng, vừa thức dậy, bước xuống giường bèn uống chén nước đó. Đứng vững vàng ở nơi đó, mặt hướng về phía Đông hoặc phía Đông Nam, tức là phương hướng mặt trời mọc, hướng về phương hướng đó, cầm vững chén nước trên tay, uống ba trăm ngụm, chớ nên nhiều hơn, mà cũng chớ nên ít hơn, mỗi một ngụm đều phải nuốt xuống”. Sư nói: “Chỉ cần thầy uống

như vậy suốt ba tháng, bệnh tật gì cũng đều chẳng còn”. Trăm bệnh chẳng sanh! Người không bệnh tật sẽ tăng tuổi thọ!

Ngài nói chính Ngài thọ một trăm ba mươi năm hay một trăm năm mươi năm chẳng có vấn đề gì, chính Ngài nắm chắc điều đó, thật dễ dàng! Nhưng phải có lòng kiên trì, vì sao? Uống xong một chén nước ấy, tôi thí nghiệm một phen, ba trăm ngậm phải mất bốn mươi lăm phút. Trong khi uống, hết thấy ý niệm đều phải buông xuống, một niệm cũng chẳng có! Nói thật ra, cách của Ngài là tu Định, cầm vững chén nước trên tay, đứng bất động nơi đó suốt bốn mươi lăm phút, đó là tu Định! Uống mỗi ngậm một chút, vì nếu quý vị uống một ngậm lớn, mấy ngậm đã hết sạch rồi! Nhất định phải uống ba trăm ngậm, chẳng thể nhiều hơn hay ít hơn, mỗi ngậm đều phải nuốt xuống. Do vậy, tôi nghĩ điều thứ nhất, trong tâm Ngài một niệm chẳng sanh, đây là tu Định. Ba trăm ngậm, mỗi ngậm phải nhớ rõ ràng, trên thực tế là cách tu Sở Túc Quán trong Thiền Tông. Ngậm thứ nhất, ngậm thứ hai, ngậm thứ ba đều là tu Sở Túc. Đồng thời khiến cho nội tạng vận động, vì quý vị nuốt xuống mỗi ngậm, nội tạng lại vận động, nước thanh tẩy nội tạng. Thanh tẩy nội tạng, nội tạng vận động, lại còn có công phu định lực, lẽ nào chẳng có hiệu quả? Hôm nay, tôi đem phương pháp này truyền dạy quý vị lần nữa, sẽ tăng tuổi thọ, trăm bệnh chẳng sanh.

Nhớ Phật, niệm Phật, chúng ta đều là thượng thượng phẩm vãng sanh; bởi lẽ, chúng ta mong cầu thượng thượng phẩm. Trước đây, do chúng ta chẳng thấu triệt giáo lý, chỉ cần hạ hạ phẩm vãng sanh là được rồi. Hiện thời, chúng ta liễu giải, chẳng làm chuyện ngốc nghếch nữa, phải cầu thượng thượng phẩm, vì sao? Chúng ta ai nấy đều có phần đối với cơ duyên Thượng Thượng Phẩm! Thập Địa Bồ Tát tới Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng lìa niệm Phật, Ngài là tín nguyện trì danh vãng sanh. Tuy chúng ta hiện thời là phàm phu sát đất, nhưng cũng là tín nguyện trì danh, dùng phương pháp giống như Thập Địa Bồ Tát. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, nếu chúng ta bị đãi ngộ chẳng bình đẳng sẽ là chuyện không thể có được! [Nếu có thì hóa ra là] chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng phải bãi công, vẫn phải thỉnh nguyện! Không thể nào có chuyện ấy, phương pháp giống như nhau mà! Do thế giới ấy là thế giới bình đẳng, phàm ai vãng sanh tới đó đều viên chúng ba món Bất Thoái, đạo lý ở chỗ này! Mong mọi người hãy nỗ lực, đừng xem thường chính mình, chớ nên khinh rẻ chính mình, nhưng cũng đừng nên ngạo mạn, hiểu hết thấy các pháp là pháp bình đẳng, nghiêm túc tu Phổ Hiền thập nguyện. Chúng tôi vừa mới nói, kinh Vô Lượng Thọ vừa mở đầu [đã nói] các vị Bồ Tát ấy tu

gì? Thầy đều tuân tu “*Phổ Hiền đại sĩ chi đức*”, nói cách khác, không vị nào chẳng tu mười đại nguyện vương. Vì thế, chúng ta phải nhấn mạnh mười đại nguyện vương, phải nỗ lực nghiêm túc thực hiện. Đó là Huệ như đang nói ở đây, tức là trí huệ đoạn nghi sanh tín, chọn lựa bằng trí huệ.

“*Niệm*” là Niệm trong Biệt Cảnh, chúng ta dùng tâm sở này để niệm Phật, chúng ta niệm Phật hiệu, sáu chữ hay bốn chữ cũng thế, niệm từng chữ phân minh. Chúng ta tưởng A Di Đà Phật, tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới, cảnh giới ấy rõ ràng, rành rẽ. Nếu muốn cảnh giới rõ ràng, kinh chẳng thể không thuộc! Hiện thời, đại đa số mọi người đều thuộc kinh Di Đà, bước thứ hai là chúng ta phải thuộc kinh Vô Lượng Thọ. Sau khi niệm ba ngàn biến kinh Vô Lượng Thọ, lại niệm kinh Quán Vô Lượng Thọ. Quý vị chỉ cần hiểu rõ phương pháp và nhân quả được giảng trong kinh Quán Vô Lượng Thọ là được rồi. Trong tương lai, có thời gian, chúng tôi sẽ giảng Quán Kinh kỹ càng một lượt, giảng kỹ sẽ được lợi ích lớn nhất.

Tư là Tư tâm sở trong Biến Hành. Năm Biến Hành là Tác Ý, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư. Nói thật ra, Tư là tạo tác. Văn tự Trung Quốc là một loại phù hiệu trí huệ. Quý vị thấy Tư là gì? Trong tâm dấy lên phân biệt, có giới hạn. [Trong chữ Tư (思)], phía trên chữ Tâm (心) là chữ Điền (田), tức là có giới hạn. Trong tâm có phân biệt, có giới hạn là Tư! Tư là tạo nghiệp, Tưởng chẳng tạo nghiệp. Tưởng (想) là trong tâm có tướng (相), quý vị vẫn chưa phân biệt, chẳng tạo nghiệp; Tư tạo nghiệp, Tư là có phân biệt. Chúng ta chẳng tạo nghiệp luân hồi trong lục đạo, mà tạo tịnh nghiệp, tạo tịnh nghiệp vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta tư tưởng (nghĩ nhớ) A Di Đà Phật, nghĩ tới cảnh giới Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Giải Thoát có nghĩa là tự tại; nay chúng ta gọi Tác Ý là chú ý, đây là tâm sở thứ nhất trong năm Biến Hành. Nói thật ra, nó có nghĩa là cảnh giác. Trong Tông Môn thường nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”. Giác là tác ý. Nay chúng ta thời thời khắc khắc đề cao tâm cảnh giác, tâm cảnh giác khiến cho chúng ta niệm Phật sẽ chẳng quên mất Phật hiệu. Do vậy, nói thật ra, bí quyết niệm Phật là chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, hai điểm này đều chẳng dễ dàng làm được; đặc biệt là chẳng xen tạp, khó thực hiện nhất! Chẳng hạn như người niệm Phật lại muốn nghiên cứu kinh luận khác, tu tập pháp môn khác, đó gọi là xen tạp, Thiệu Đạo đại sư nói như vậy. Còn có Tây Phương Xác Chi do Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát giảng, người niệm Phật lại xem kinh, niệm chú, bái sám, làm pháp hội, lại còn nói chuyện gẫu chẳng khẩn yếu; đấy đều là xen tạp.

Người tu hành xen tạp, trong một vạn người, khó có dăm ba người vãng sanh! Họ chẳng chuyên tu! Người chuyên tu quyết định vãng sanh, vạn người tu, vạn người về, chẳng sót một ai! Vì vậy, tạp tu chẳng bằng chuyên tu! Ngàn muôn phần chớ nên hiểu lầm những người đó là đại thông gia, học rộng, nghe nhiều, làm rồi! Đến cuối cùng, những người đó tu gì cũng chẳng thành, vẫn luân hồi trong lục đạo. Nếu quý vị tâm độ chúng sanh thiết tha, hãy chuyên tu pháp môn Niệm Phật, sẽ độ vô lượng vô biên chúng sanh. Dầu chẳng nói một câu nào, vẫn độ vô lượng vô biên chúng sanh, vì sao? Thân giáo! Quý vị nêu khuôn mẫu cho người khác nhìn vào! Đây mới đúng là người thật sự giác ngộ! Khi quý vị ra đi tự tại, biết trước lúc mất, biểu diễn một chút, lúc tắt yếu sẽ mở đại hội vãng sanh.

Hà Đông tước sĩ phu nhân¹⁰⁷ ở Hương Cảng là mẹ ông Hà Thế Lễ, lúc mất đã mở đại hội vãng sanh. Bà cụ niệm Phật, con trai lẫn con dâu

¹⁰⁷ Hà Đông tước sĩ phu nhân chính là bà Trương Tịnh Dung, bình thê của Hà Đông tước sĩ (Sir Robert Hotung, 1862-1956). Ông này là một doanh gia thành công và là một nhà từ thiện nổi tiếng, cha là người Hòa Lan gốc Do Thái (Charles Henri Maurice Bosman), lấy tên Trung Hoa là Hà Sĩ Văn, mẹ họ Thí, không rõ tên, quê ở huyện Bảo An, tỉnh Quảng Đông. Hà Đông tước sĩ là một trong những người Trung Hoa được phong tước Hiệp Sĩ (Knight, người Hoa dịch là Tước Sĩ) đầu tiên. Hotung rất được chính quyền Anh tại Hương Cảng nể trọng, từng bí mật tài trợ kinh phí cho Tôn Dật Tiên tiên hành chuẩn bị cách mạng Tân Hợi. Lúc gần mất, ông đột ngột rửa tội theo đạo Tin Lành, nên con cái phần nhiều theo đạo Cơ Đốc. Trước khi mất, ông đã dành ra năm mươi vạn tiền Hương Cảng để lập quỹ từ thiện, tức Hà Đông Tước Sĩ Từ Thiện Cơ Kim. Ông có hai vợ, nguyên phối là Mạch Tú Anh (chỉ có một con trai là Hà Thế Vinh), bình thê (đây là người vợ thứ hai, nhưng có quyền hạn ngang hàng với vợ chính theo chế độ đa thê thời ấy), tức bà Trương Tịnh Dung đang được hòa thượng Tịnh Không nhắc đến ở đây. Bà Trương Tịnh Dung thường được biết dưới hiệu Trương Liên Giác, là em họ bên ngoại của bà Mạch Tú Anh. Bà Tịnh Dung có mười người con, trong đó có ba người con trai, tướng quân Hà Thế Lễ (Robbie Hotung) là con trai thứ ba, nhưng đứng thứ bảy trong mười anh chị em. Tướng quân Hà Thế Lễ (1906-1998) là một thương gia thành công đồng thời là thượng tướng bậc hai của quân đội Trung Hoa Dân Quốc, từng tốt nghiệp từ học viện Quân Sự Woolrich của Anh và trường pháo binh Fontainebleau của Pháp. Ông Hà Thế Lễ từng giữ chức thứ trưởng bộ Quốc Phòng Đài Loan, và là ủy viên Trung Ương Đảng của Quốc Dân Đảng Đài Loan. Một người con gái khác của cụ Trương Tịnh Dung là Hà Ngái Linh (Hà Kỳ Tư), thường được biết đến dưới tên gọi Dr. Irene Cheng (do chồng bà là ông Trịnh Tương Tiên) từng dạy triết học tại nhiều đại học và tích cực bảo tồn Khổng Học. Bà Irene Cheng có viết một tác phẩm nhan đề Hà Đông Tước Sĩ Phu Nhân Trương Liên Giác Cư Sĩ Truyện (nhan đề tiếng Anh là “Clara Ho Tung: A Hong Kong Lady, Her family and her times”, do Hương Cảng Đại Học Xuất Bản Xã ấn hành năm 1976) để kể về hành trạng của mẹ.

đều là tín đồ Cơ Đốc giáo ngoan đạo. Lúc còn sống bà cụ chẳng hề can thiệp, vì tự do tín ngưỡng mà! Khi lâm chung, biểu diễn cho họ xem, báo tin cho thân thích, bằng hữu khi nào sẽ đến nhà cụ để đưa cụ đi vãng sanh. Lúc cuối cùng, cụ gọi người nhà: “Các con suốt đời tin đạo, tín ngưỡng tự do, mẹ trọn chẳng xen vào, ngày hôm nay mẹ sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, các con hãy niệm vài câu Phật hiệu đưa tiễn, chắc là được chứ?” Cả đời cụ chẳng đòi hỏi gì, yêu cầu nhỏ nhoi ấy, người nhà chẳng bàn cãi gì, cũng cung kính niệm Phật, niệm chưa đầy mười lăm phút cụ đã ra đi. Vì thế, người nhà từ Cơ Đốc giáo chuyển sang niệm Phật, vì sao? Chính mắt trông thấy, nên đã độ bọn họ từ Cơ Đốc giáo quay về, đều niệm Phật.

Cụ mở đại hội biểu diễn vãng sanh thật cao minh! Đây là hoàng pháp, chúng tôi suốt đời giảng pháp nát cái lưỡi, chẳng lợi hại bằng một chiêu của cụ! Quý vị thấy một chiêu ấy, TV, radio, báo chí chỗ nào cũng đều đăng tải, hiệu quả rộng lớn! Kể chẳng tin, trông thấy cũng tin tưởng, quý vị nói xem hiệu quả có lớn lắm hay không? Vì thế, hoàng pháp lợi sanh khuyến người chẳng phải là ra rả mỗi ngày, thật sự có hiệu quả, một chiêu bèn cảm hóa họ, khiến họ quay đầu. Bà cụ Hà Đông có thể làm được, nhưng nói thật ra, mỗi cá nhân đều có thể làm được, nhưng quý vị có muốn làm hay không mà thôi! Bằng lòng làm, ai nấy đều làm được! Nếu ở Đài Loan, mỗi năm đều có mấy người đến thời tiết nhân duyên, mỗi năm có đến mấy lượt mở đại hội vãng sanh, pháp môn Tịnh Độ sẽ được đề cao ngay lập tức! Vì thế, bình thường phải cảnh giác, chính mình phải chuyên, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn.

“*Tam-ma-đề dĩ thổng*”, Tam-ma-đề (Samādhi) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Định, [sách Diễn Nghĩa giảng] “*ư sở quán cảnh, linh tâm chuyên chú bất tán vi tánh*” (tánh của nó là đối với cảnh được quán, giữ cho tâm chuyên chú chẳng tán loạn), Định lấy khai trí huệ làm nghiệp dụng. Định là chuyên nhất, chúng ta quyết định chọn lấy pháp môn này, cả đời này quyết định chẳng thay đổi, tu một môn này đến cùng, đây là Định. Chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn là biểu hiện của Định. Quý vị tạp tu, sẽ chẳng có Định. “*Thổng*” (痛) có nghĩa là Thọ trong năm Biến Hành; dùng chữ này để biểu thị, [nói lên ý nghĩa] tiếp nhận, lãnh nạp hết thấy cảnh giới. Trong cuộc sống, trong một đời, chúng ta có thuận cảnh và nghịch cảnh. Cảnh giới thuận hay nghịch hiện tiền, chúng ta đều phải tiếp nhận. Khi chúng ta tiếp nhận, đừng nảy sanh mừng, giận, buồn, vui, đó là trí huệ. Trong thuận cảnh, đừng dấy tâm hoan hỷ, trong nghịch cảnh chớ nên sanh phiền não, vì sao? Dấy lên mừng, giận, buồn, vui nơi cảnh giới, Phật hiệu sẽ niệm chẳng thành, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới

cũng chẳng thành. Mục đích của chúng ta là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thuận cảnh nơi này dầu tốt đẹp, ta chẳng tham ái, chúng chẳng giữ được chúng ta, chúng ta vẫn đến Tây Phương. Trong nghịch cảnh, chúng ta chẳng dấy phiền não, chẳng khởi sân hận, chúng ta biết hoàn cảnh dầu xấu đến mấy, cũng bất quá là ngăn ngủi mấy năm hay mấy chục năm sẽ qua đi, hoàn cảnh sau đây sẽ rất tốt đẹp! Ngàn vạn phần chớ nên bị nghịch cảnh ngăn ngủi tạo thành chướng ngại, như vậy mới là có trí huệ.

(Sao) Thị tri Đại Ca Diếp giả, tâm Dục số, dĩ chí tồn xuất yếu, thiện dục tâm phát, xả thế ác dục cố. Phú Lô Na giả, tâm Tướng số, dĩ tướng tác phân biệt, biện tài vô ngại cố.

(鈔)是知大迦葉者，心欲數，以志存出要，善欲心發，捨世惡欲故。富樓那者，心想數，以想則分別，辯才無礙故。

(Sao: Do vậy biết ngài Đại Ca Diếp chính là Dục tâm số, bởi tâm chuyên chú xuất thế, tâm ham muốn điều lành dấy lên, bỏ ác dục thế gian. Ngài Phú Lô Na là Tướng tâm số, do tướng nên phân biệt, biện tài vô ngại).

Đây là nêu lên mười vị đại đệ tử để chứng minh các Ngài biểu thị mười pháp số Thập Thiện trong tự tâm, kể ra mấy thí dụ. Tôn giả Ca Diếp “tâm dục số” là nói Ngài tu khổ hạnh, chỉ có một mục đích là mong muốn vượt thoát sanh tử luân hồi trong lục đạo, mong muốn chứng đắc quả báo Đại Niết Bàn. Vì thế, Ngài có thể vứt bỏ ngũ dục lục trần trong thế gian, có thể buông xuống.

Tôn giả Phú Lô Na, “tâm tướng số”, Ngài coi trọng Tướng tâm số. Tôn giả Phú Lô Na thuyết pháp đệ nhất, tôn giả Ca Diếp Đâu Đà đệ nhất, khổ hạnh đệ nhất, thanh tâm quả dục (tâm thanh tịnh, ít ham muốn). Ngài cũng trọng trung cho căn bản tu hành trong Phật pháp, tức là thanh tâm quả dục. Dục vọng ít, nhu cầu sẽ ít, nên cuộc sống đơn giản, “*u nhân vô tranh, u thế vô cầu*” (chẳng tranh với người, chẳng cầu mong đời với thế gian). Vì thế, xếp Ngài vào hàng đầu rất có lý. Tôn giả Phú Lô Na “*diễn thuyết Khổ, Không, Vô Thường, thâm đàm Thật Tướng*” (diễn nói Khổ, Không, Vô Thường, bàn Thật Tướng sâu xa), bởi lẽ, trong tâm, Tướng tâm số đứng đầu, Tướng tâm số khởi tác dụng. Do tướng, Ngài mới có thể “*quán cơ thuyết pháp*” (xét theo căn cơ để thuyết pháp), thành tựu biện tài vô ngại.

(Sao) Ca Chiên Diên giả, cánh nhạo số, dĩ vấn đáp vãng phục, cánh tương thiệp nhập, luận nghị bất cùng cố.

(鈔)迦旃延者，更樂數，以問答往復，更相涉入，論議不窮故。

(Sao: Ca Chiên Diên là Xúc tâm số, do hỏi đáp qua lại, càng thêm thâm nhập, luận nghị chẳng cùng tận).

Tôn giả Ca Chiên Diên là vị nghị luận bậc nhất trong mười vị đại đệ tử, nay chúng ta nói [“vấn đáp”] là “biện luận”, Ngài biện luận bậc nhất. Vì trong khi biện luận, mỗi câu hỏi đáp, Ngài hỏi rất hay, mà đáp cũng rất khéo! Đây là tùy cơ ứng biến, không như diễn thuyết. Diễn thuyết có thể chuẩn bị sẵn bài diễn giảng, có chuẩn bị. Biện luận chẳng có cách nào chuẩn bị, chẳng biết người khác hỏi vấn đề nào, chẳng biết người ta lấy chuyện gì để biện luận. Vì vậy, trí huệ chân chánh thì mới có thể hùng biện, tùy cơ ứng biến. Do vậy, Ngài đạt được pháp lạc.

(Sao) Nãi chí huệ Xá Lợi Phát, niệm Ưu Ba Ly.

(鈔)乃至慧舍利弗，念優波離。

(Sao: Cho đến Xá Lợi Phát là huệ, Ưu Ba Ly là niệm).

Ngài Xá Lợi Phát trí huệ đệ nhất, Ngài “*đắc vô nghi giải thoát*”, nói cách khác, do đâu mà ngài Xá Lợi Phát có trí huệ? Ngài đoạn sạch hết thấy nghi lự, chẳng còn nghi. Không còn nghi, chỉ có chánh tín, đây là bí quyết tu hành của ngài Xá Lợi Phát. Nay chúng ta đối với pháp môn này, tin sâu, chẳng nghi, may may hoài nghi đều không có, quyết định chọn lựa pháp môn này, tu học pháp môn này. Chúng ta nhất loạt tán thán, ca ngợi các pháp môn khác, nhưng chẳng học. Người nào học, chúng ta đều tán thán, đều hoan hỷ, nhưng chúng ta chẳng học. Bất luận ai khen pháp môn khác hay khéo ra sao, chúng ta chẳng động tâm. Chúng ta cũng đồng ý với lời họ nói, nhưng tuyệt đối chẳng dấy lên ý niệm mong tu học; đó là Chánh Tín, là trí huệ. “*Niệm Ưu Ba Ly*”, tôn giả Ưu Ba Ly trì giới đệ nhất, vì Ngài thọ trì giới luật, chánh niệm phân minh, cho nên gọi là “*niệm đệ nhất*”. Ngài có thể ước thúc thân tâm, chẳng phạm giới luật.

(Sao) Tư La Hầu La, giải thoát Thiện Cát, tác ý Na Luật, tam-ma Mục Liên, thông A Nan đẳng. Thông giả, thọ dã, lãnh nạp ý dã.

(鈔)思羅睺羅，解脫善吉，作意那律，三摩目連，痛阿難等。痛者，受也，領納意也。

(Sao: La Hầu La là tư, Thiện Cát là giải thoát, A Na Luật là tác ý, Mục Liên là Tam-ma-đề, A Nan là thống. Thống mang ý nghĩa nhận lãnh, lãnh nạp).

“*Tư La Hầu La*”, tôn giả La Hầu La suốt ngày từ sáng đến tối vui chơi, nhưng đức Phật biết công phu tu hành của Ngài, người khác chẳng hiểu, Ngài là mật hạnh bậc nhất. Ngài tu hành chẳng coi trọng bề ngoài; vì thế, quý vị nhìn từ bề ngoài sẽ chẳng thấy, Ngài hoàn toàn dùng công phu bên trong, trong chơi đùa, đã thật sự dụng công, mật hạnh bậc nhất. Vì thế, nói là “*tư La Hầu La*”. Vì sao? Nếu chẳng phải là chánh tư duy, Ngài chẳng thể thành tựu. Vì thế, chánh tư duy trong khi giỡn hớt, chơi đùa. “*Giải thoát Thiện Cát*”, Thiện Cát là tôn giả Tu Bồ Đề, giải Không đệ nhất. Vì thế, trong kinh Bát Nhã có Ngài. Kinh Kim Cang là do đức Phật giảng cho tôn giả Tu Bồ Đề. “*Tác ý Na Luật*”, tôn giả A Na Luật là Thiên Nhân đệ nhất. Vì tác ý nên mới có thể hiển hiện thần thông. Chẳng tác ý, Ngài sẽ chẳng có năng lực ấy. Tác Ý là chú ý. Hễ Ngài chú ý, năng lực ấy hiện tiền. Chẳng chú ý, chính là như thường nói: “*Nhìn mà chẳng thấy, nghe tai nọ lọt qua tai kia*”, thiếu chú ý! Khi ngài A Nậu Lô Đà chú ý, năng lực Thiên Nhân của Ngài có thể thấy tam thiên đại thiên thế giới.

“*Tam Ma Mục Liên*”, ngài Mục Liên thần thông đệ nhất, thần thông do Định mà có. Nói cách khác, tôn giả Mục Kiền Liên thần thông đệ nhất, cũng có nghĩa là Ngài Thiên Định đệ nhất, trong Định mới có thể hiện thần thông. “*Thống A Nan*”, Thống là Thọ. Ngài A Nan đa văn đệ nhất, Ngài đắc “*văn tự tổng trì, lãnh thọ bất vong*” (văn tự tổng trì, nhận lãnh chẳng quên), có thể tiếp nhận. Đức Phật giảng một lần, Ngài bèn ghi nhớ rõ ràng, rành rẽ, vĩnh viễn chẳng quên mất. Ở đây, Thống có nghĩa là Thọ, mang ý nghĩa “*lãnh nạp*”, tức là tiếp nhận.

(Sao) Vương tất cụ số, số tất quy vương, thử nhị tương phù, nhi thử khai ngộ. Nhược vương, nhược số, bất xuất tự tâm, dẫn đắc nhất tâm, vương số câu tận.

(鈔)王必具數，數必歸王，此二相扶，而取開悟。若王若數，不出自心，但得一心，王數俱盡。

(Sao: Tâm vương ắt có tâm sở, tâm sở ắt quy vào tâm vương. Hai thứ ấy phù hợp với nhau sẽ đạt được khai ngộ. Dù tâm vương hay tâm sở đều chẳng ra ngoài tự tâm, chỉ cần đắc nhất tâm thì tâm vương lẫn tâm sở đều mất).

Tâm vương và tâm sở đều được gộp trong nhất tâm. Bốn câu này là tổng kết, bắt đầu từ nhất niệm vô minh, mê mất chân tánh của chính mình, biến thành tám thức, từ tám thức lại sanh ra năm mươi một tâm sở, giống như trên không sanh ra mây mù, trên biển nổi sóng gió. Nay chúng ta khéo vận dụng tâm (tâm vương) và tâm sở, nhất định có thể khai ngộ, khói tiêu, mây tan! Đến cuối cùng, chỉ còn lại có mỗi mình chân tâm, “*duy nhất chân tâm*”, trong kinh này gọi nó là nhất tâm bất loạn. Do vậy, ta biết ý nghĩa đại chúng tụ hội, nói theo phương diện xứng tánh, cũng có thể quy kết vào nhất tâm bất loạn. Ngày hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 114

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm bốn mươi một:

Nhị, Bồ Tát chúng.

Sơ, minh loại.

(Kinh) Tịnh chú Bồ Tát Ma Ha Tát.

(Sớ) Tịnh giả, thừa tiền ngôn Phật thuyết thử kinh, bất dẫn Thanh Văn dự hội, đại sĩ diệt sở đồng văn dã.

二、菩薩眾。

初、明類。

(經)並諸菩薩摩訶薩。

(疏)並者，承前言佛說此經，不但聲聞與會，大士亦所同聞也。

(Hai, các vị Bồ Tát.

Một, nói rõ loại.

Kinh: Và các vị Bồ Tát Ma Ha Tát.

Sớ: Chữ “Tịnh” tiếp nói phần trước nhằm nói đức Phật thuyết kinh này, không chỉ Thanh Văn tham dự mà các vị đại sĩ cũng cùng nghe).

Trong pháp hội này, không chỉ có tỳ-kheo, La Hán, mà đồng thời cũng có Bồ Tát, cho thấy pháp môn này thích hợp khắp ba căn, gồm thân độn căn lẫn lợi căn.

(Sớ) Bồ Tát giả, Phạn ngữ, cụ vân Bồ Đề Tát Đỏa, kim cử nhị tự, tỉnh văn dã.

(疏)菩薩者，梵語，具云菩提薩埵，今舉二字，省文也。

(Sớ: Bồ Tát là tiếng Phạn, nói đủ là Bồ Đề Tát Đỏa, nay nêu hai chữ [Bồ Tát] là nói gọn).

“Cụ” là đầy đủ. Người Hoa luôn chuộng đơn giản, lược bớt âm cuối. Đối với Bồ Đề Tát Đỏa (Bodhisattva), chỉ nói là Bồ Tát.

(Sớ) Thử vân Giác Hữu Tình.

(疏) 此云覺有情。

(Sớ: Phương này dịch là Giác Hữu Tình).

“Thử” là Trung Quốc; [Bồ Tát] dịch sang nghĩa tiếng Hán là hữu tình chúng sanh đã giác ngộ.

(Sớ) Giác Tình phục hữu tam nghĩa, hựu dũng mãnh cầu nghĩa.

(疏) 覺情復有三義，又勇猛求義。

(Sớ: Giác Hữu Tình lại có ba nghĩa, lại có nghĩa là dũng mãnh mong cầu).

Dũng mãnh cầu Phật pháp, trên cầu Phật pháp, dưới hóa độ chúng sanh.

(Sớ) Ma Ha Tát giả, thử vân Đại Đạo Tâm Chúng Sanh.

(疏) 摩訶薩者，此云大道心眾生。

(Sớ: Cõi này dịch Ma Ha Tát là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh).

Ma Ha Tát (Mahasattva) là Đại Bồ Tát. Ma Ha là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Đại. Bồ Tát là nói tới những vị thuộc địa vị Tam Hiền. Chúng ta gọi Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng là Bồ Tát. Ma Ha Tát là Đẳng Địa, tức là từ Sơ Địa cho đến Đẳng Giác, chúng ta gọi các Ngài là Ma Ha Tát, tức Đại Bồ Tát.

(Sớ) Dĩ cụ tứ chủng đại cố. Hựu Pháp Hoa lục đại, Phật Địa tam đại, bất xuất tứ cố. Bồ Tát Ma Ha Tát, do vân Bồ Tát trung Đại Bồ Tát dã, giản phi chư tiểu Bồ Tát cố.

(疏) 以具四種大故，又法華六大，佛地三大，不出四故。菩薩摩訶薩，猶云菩薩中大菩薩也，揀非諸小菩薩故

(Sớ: Do trọn đủ bốn nghĩa đại. Lại nữa, sáu nghĩa đại trong kinh Pháp Hoa, ba nghĩa đại trong Phật Địa Luận đều không ra ngoài bốn thứ đại ấy. Bồ Tát Ma Ha Tát giống như nói các Ngài là Đại Bồ Tát trong các vị Bồ Tát, nhằm phân biệt các Ngài chẳng phải là các tiểu Bồ Tát).

Các danh tướng đều được giải thích trong đoạn dưới đây.

(Sao) Bất dẫn Thanh Văn giả, ngôn Tiểu Thừa, Đại Thừa, nhất thiết hiền thánh, cộng văn thử kinh, vô vị Tịnh Độ vi Bồ Tát sở bất tiết dã.

(鈔)不但聲聞者，言小乘大乘，一切賢聖，共聞此經，毋謂淨土為菩薩所不屑也。

(Sao: “Không chỉ Thanh Văn”: Ý nói Tiểu Thừa, Đại Thừa, hết thầy hiền thánh cùng nghe kinh này, chớ nói Bồ Tát chẳng thêm tu Tịnh Độ).

Câu này nhằm phá tình kiến của lũ phàm ngu chúng ta. Kẻ phàm phu ngu muội cứ tưởng niệm Phật là để dạy mấy bà cụ già, có sao các vị đại Bồ Tát vẫn phải niệm Phật? Vẫn phải cầu sanh Tịnh Độ? Đấy đều là tình kiến của phàm phu ngu si, chẳng phải là sự thật. Trên thực tế, ngay cả Đẳng Giác Bồ Tát cũng cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đã thấy rõ rệt [chuyện ấy].

(Sao) Giác Hữu Tình giả, đồng Phật sở chứng chi vị Giác, vô minh vị tận chi vị Tịnh dã.

(鈔)覺有情者，同佛所證之謂覺，無明未盡之謂情也。

(Sao: Giác Hữu Tình: Sở chứng giống như chư Phật là Giác, vô minh chưa hết là Tịnh).

Cách giảng này có ý nghĩa khá sâu. Đẳng Giác vẫn xưng là Bồ Tát, vì sao? Ngài còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá. Nói cách khác, Ngài vẫn chưa đoạn hết Tình, cho nên gọi Ngài là hữu tình chúng sanh đã giác ngộ (Giác Hữu Tình), nhằm phân biệt với phàm phu và Nhị Thừa bất giác. Người Tiểu Thừa tuy giác, nhưng giác không nhiều lắm, giác ngộ rất ít; do vậy, vẫn chưa thể xưng là Bồ Tát. Trong Giác Hữu Tình bao hàm ba ý nghĩa, ý nghĩa thứ nhất là:

(Sao) Nhất, bi trí sở duyên nghĩa.

(鈔)一、悲智所緣義。

(Sao: Nghĩa thứ nhất là bi trí sở duyên).

Từ bi gồm ba loại: Chúng sanh duyên từ bi, pháp duyên từ bi, vô duyên từ bi. Lòng từ bi của Phật là vô duyên từ bi, lòng từ bi của Bồ Tát là pháp duyên từ bi.

(Sao) Ngôn Giác thị sở tu Phật đạo, Tình thị sở hóa chúng sanh, thượng dĩ trí cầu, hạ dĩ bi độ dã.

(鈔)言覺是所修佛道，情是所化眾生，上以智求，下以悲度也。

(Sao: Ý nói, Giác là Phật đạo để tu, Tình là chúng sanh được hóa độ [bởi Bồ Tát]. Trên là dùng trí để cầu, dưới là dùng lòng bi để hóa độ).

Thượng cầu, hạ hóa, nên chúng ta gọi Ngài là Bồ Tát. Ý nghĩa thứ hai là...

(Sao) Nhị, năng sở hợp mục nghĩa, ngôn Giác thị sở cầu chi quả, Hữu Tình thị năng cầu chi nhân, dĩ kỷ chi tâm, ngô Phật chi Lý dã.

(鈔)二、能所合目義，言覺是所求之果，有情是能求之人，以己之心，悟佛之理也。

(Sao: Nghĩa thứ hai là gộp chung Năng và Sở, ý nói Giác là cái quả được cầu, hữu tình là người cầu, dùng cái tâm của mình để ngộ Lý của Phật).

Đây là nói theo Năng và Sở, Năng và Sở đều thuộc về chính mình. Người học Phật mong cầu Vô Thượng Bồ Đề, cầu Vô Thượng Bồ Đề từ đâu? Phải cầu từ nội tâm của chính mình, cầu bên ngoài chẳng được! Vì thế, Phật pháp gọi là Nội Học, kinh Phật gọi là Nội Điển, thấy đều dạy chúng ta phải cầu từ trong tự tánh. Trong giảng đường, chúng tôi đã giảng rất nhiều rồi! Chúng ta cầu giác, cầu chánh, cầu tâm thanh tịnh, tức là giác tâm, chánh tâm, thanh tịnh tâm, ba môn này đều có thể nhập đạo; nhưng Tịnh Độ Tông chú trọng tâm thanh tịnh, cầu Phật hiệu phải như thế nào thì mới đắc lực? Phải niệm đến khi cái tâm thanh tịnh của chính mình hiện ra, Phật hiệu mới đắc lực. Tuy chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, nhưng tâm chẳng thanh tịnh là không được rồi! Niệm Phật như vậy quả báo là phước báo nhân thiên hữu lậu, chẳng thể vãng sanh. Hưởng phước trong nhân gian là một chuyện nguy hiểm nhất, vì sao? Hễ hưởng phước thường bị mê hoặc, chẳng còn chịu tiếp tục nỗ lực tu, hưởng hết phước báo, nghiệp chướng hiện tiền, phải đọa trong tam ác đạo. Phật môn thường gọi điều này là “tam thế oán”, nghĩa là đời thứ nhất tu phước, đời thứ hai hưởng phước, đời thứ ba đọa lạc. Lúc hưởng phước sẽ tạo tội

ngiệp; vì thế, phước chẳng còn nữa, tội nghiệp hiện tiền, nhất định đọa lạc.

Do vậy, chúng ta phải biết niệm Phật như thế nào, công phu niệm Phật ở nơi khởi tâm động niệm. Ý niệm vừa dấy lên, ngay lập tức đổi nó thành Phật hiệu, quyết định chẳng để ý niệm tiếp tục tăng trưởng. Không chỉ ác niệm chớ nên tiếp tục tăng trưởng, mà thiện niệm cũng chớ nên, vì sao? Ác niệm tiếp tục tăng trưởng, quả báo nhất định là trong tam đồ, tức địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Tâm sân hận nặng nề, tâm ganh ghét nặng nề, nhất định đọa địa ngục, bản thân chúng ta phải giác ngộ điều này. Tương lai chúng ta sẽ đi về đâu, chính mình hiểu rõ ràng, minh bạch! Tâm keo tham nặng nề, đời sau là ngạ quỷ đọa. Tà chánh, thị phi, thiện ác chẳng rõ, đời sau là súc sanh đọa, ngu si mà! Không chỉ ý niệm tam ác đọa dấy lên, chúng ta phải cảnh giác, ngay lập tức đổi thành A Di Đà Phật, mà ý niệm tam thiện đọa dấy lên, chúng ta cũng không cần, vì sao? Tam thiện đọa là thọ sanh trong nhân thiên, vẫn chẳng thể thoát khỏi tam giới, liễu sanh tử. Chúng ta chỉ có một mục tiêu, cầu sanh thế giới Cực Lạc, đó là đúng.

Mong cầu sanh về thế giới Cực Lạc, cầu bằng cách nào? Ngoại trừ không có ý niệm, hễ có niệm bèn niệm A Di Đà Phật, điều này rất trọng yếu, phải mong sao chẳng có ý niệm nào khác! Trong một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ, ý niệm niệm Phật có thể là hai mươi giờ, tối thiểu cũng phải là mười lăm giờ, quyết định phải là hơn phân nửa, chúng ta mới có sức mạnh. Mỗi ngày ta niệm Phật mười hai giờ, tâm ta đặt nơi Phật hiệu; ngoài ra, mười hai giờ kia là dấy vọng tưởng. Nói cách khác, tỷ lệ thành công của quý vị là nửa nọ nửa kia, chẳng trông cậy được! Vì thế, nghĩ tới chỗ này, chúng ta chớ nên khởi tâm cảnh giác, niệm Phật như vậy là ngộ nhập Phật lý. Chỉ cần quý vị một mực niệm, cũng không cần phải cầu khai ngộ, cũng không mong đạt nhất tâm! Điều gì cũng chớ nên cầu, cứ một mực niệm như vậy, quyết định niệm sao cho đoạn hết vọng niệm, sẽ thành công. Khi nào đắc Niệm Phật tam-muội? Khi nào đắc nhất tâm bất loạn? Khi nào minh tâm kiến tánh? Đến lúc đó, sẽ tự nhiên thành tựu, chẳng cần phải lo lắng. Vì chúng ta thường có ý niệm cầu nhất tâm bất loạn, cầu công phu thành phiến, dấy là chướng ngại, là vọng niệm, là xen tạp. Điều khẩn yếu trong pháp môn này là chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, ngay cả ý niệm cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng chẳng xen tạp, điều này rất trọng yếu. Ý nghĩa thứ ba là...

(Sao) Tam, lợi sanh vì cấp nghĩa, ngôn quảng giác nhất thiết hữu tình, sở vị “vị năng tự độ, tiên năng độ nhân”, thị dã.

(鈔)三、利生為急義，言廣覺一切有情，所謂未能自度，先能度人，是也。

(Sao: Nghĩa thứ ba là gấp gấp lợi lạc chúng sanh, ý nói giác ngộ rộng rãi hết thảy hữu tình. Nói “chưa thể tự độ mà đã độ kẻ khác trước” chính là [nói đến] ý nghĩa này).

Đây là điều đáng ca ngợi nơi Bồ Tát, đáng cho chúng ta tôn kính. Đây là nói chính Ngài chưa thành Phật, nhưng đã giúp người khác thành Phật trước. Như Địa Tạng Bồ Tát đã nêu gương, chính mình chưa thành Phật, nhưng chẳng biết có bao nhiêu học trò của Ngài đã thành Phật, Ngài giúp người khác thành Phật, bỏ mình vì người! Đây là tâm đại bi đặc biệt thiết tha! Chúng ta lại xem tiếp, trong đoạn này, so sánh [giữa Bồ Tát] và Thanh Văn.

(Sao) Dũng mãnh cầu giải, Thanh Văn xu tịch tự an, danh vì giải đãi; đại sĩ khắc chí Bồ Đề, sở vị đại cường tinh tấn dũng mãnh dã.

(鈔)勇猛求者，聲聞趨寂自安，名為懈怠；大士剋志菩提，所謂大強精進勇猛也。

(Sao: “Dũng mãnh cầu”: Thanh Văn hướng về sự tịch tĩnh, tự an nhàn, nên gọi là giải đãi (biếng nhác), đại sĩ quyết chí đạt Bồ Đề, nên gọi là đại cường, tinh tấn, dũng mãnh).

“Dũng mãnh cầu” mang ý nghĩa ấy, các Ngài khác với Tiểu Thừa. Tiểu Thừa sau khi chúng đắc Thiên Chân Niết Bàn, chẳng còn học tiếp nữa, mà an trụ, đức Phật thường nói họ “giải đãi” vì không chịu tinh tấn. Nhưng từ nhiều kinh điển Đại Thừa, chúng ta cũng đọc thấy đức Phật đã nói rất rõ ràng, người Tiểu Thừa cũng chẳng phải vĩnh viễn là Tiểu Thừa. Họ giải đãi, không chịu tinh tấn trong một khoảng thời gian, bất quá thời gian ấy rất dài, hai đại kiếp! Sau hai đại kiếp, họ sẽ hồi Tiểu, hướng Đại, tu theo Bồ Tát đạo; nhưng trong hai đại kiếp bất động, rất đáng tiếc, trong thời gian dài như thế, họ không chịu tinh tấn! Bích Chi Phật trong một đại kiếp cũng không chịu tinh tấn. Đức Phật quở trách họ là “tiêu nha, bại chủng” (mầm cháy, hạt giống lép), không chịu tinh tấn, thua kém Bồ Tát. Bồ Tát đích xác là dũng mãnh, tinh tấn.

(Sao) Đại hữu tứ nghĩa giả, Thanh Lương Sớ vị: Nhất giả, nguyện đại, cầu Đại Bồ Đề cố.

(鈔)大有四義者，清涼疏謂：一者願大，求大菩提故。

(Sao: “Đại có bốn nghĩa”: Thanh Lương Sớ giảng, một là nguyện đại, do cầu Đại Bồ Đề).

Trích dẫn Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao của ngài Thanh Lương đề giảng. Ở đây, chúng ta phải đặc biệt chú ý, phải thấu hiểu sâu đậm: Bồ Tát chẳng cầu phước báo nhân thiên. Ngày nay, tuy chúng ta mong học Phật, vừa mong “*cầu đại Bồ Đề*”, vừa mong được hưởng phước báo nhân thiên, thứ gì ta cũng đều muốn có, đâu có chuyện tiện nghi như vậy? Nếu quý vị mong đạt được Đại Bồ Đề, phải bỏ phước báo nhân thiên. Quý vị chẳng bỏ phước báo nhân thiên, sẽ thành chướng ngại. Phước báo nhân thiên to lớn, đến lúc lâm chung sẽ chẳng nở bỏ, dẫu niệm Phật tốt đẹp đến mấy vẫn chẳng thể vãng sanh. Chúng ta phải giác ngộ điều này, chẳng cầu phước báo nhân thiên! Trong nhân gian, có thể duy trì cuộc sống, tương đương với mức sinh hoạt của người bình thường là đủ rồi, chớ nên tham cầu xa xỉ nữa, tâm chúng ta an trụ nơi đạo. Đó là điều thứ nhất, tức “*nguyện đại*”.

(Sao) Nhị giả, hạnh đại, nhị lợi thành tựu cố.

(鈔)二者行大，二利成就故。

(Sao: Hai là hạnh đại, vì thành tựu tự lợi và lợi tha).

“*Hạnh*” là nói tới hạnh môn. Bồ Tát hành trì tự lợi, lợi tha, chính mình thành tựu, cũng giúp người khác thành tựu, thành tựu ấy là thành tựu rất ráo viên mãn, vì sao? Đây là nói tu pháp môn Tịnh Độ này là thành tựu rất ráo viên mãn, các pháp môn khác chẳng sánh bằng. Nói thật thà, các pháp môn khác thành tựu hữu hạn, chẳng viên mãn, chỉ riêng pháp môn này thành tựu rất ráo viên mãn. Vì vậy, chúng ta giới thiệu cho người khác học Phật, hãy giới thiệu người ấy học gì? Nhất định phải giới thiệu pháp môn Niệm Phật, khuyên người ấy phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ; nhưng pháp môn này quả thật là pháp khó tin, thật đấy, chẳng giả tí nào! Do vậy, phải tham cứu kinh luận Tịnh Độ kỹ lưỡng, bản thân chúng ta mới thật sự đoạn nghi sanh tín, chẳng có chút nghi hoặc nào, chúng ta khuyên người khác mới có sức thuyết phục, khiến cho người ấy nghe xong có thể tiếp nhận, tâm phục, khẩu phục. Nói cách khác, nếu chúng ta chẳng tham cứu thấu suốt kinh luận Tịnh Độ, chưa thể đoạn trừ nghi căn của

chính mình, khuyên lơn, khích lệ người khác, người ta phản bác, chúng ta chẳng có cách nào đối đáp. Do vậy, cần phải thâm nhập kinh luận.

(Sao) Tam giả thời đại.

(鈔) 三者時大。

(Sao: Ba là thời đại).

Thời gian tu hành lâu dài.

(Sao) Kinh tam vô số kiếp cố.

(鈔) 經三無數劫故。

(Sao: Do phải trải qua ba vô số kiếp).

“*Tam vô số kiếp*”, quyết chẳng phải là nói Tạng Giáo Phật như đức Phật thường nói trong kinh, [để thành Tạng Giáo Phật] phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp. [Tức là] bắt đầu từ Tu Đà Hoàn cho đến Tạng Giáo Phật, phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chẳng phải là Viên Giáo, chẳng phải là Thông Giáo, chẳng phải là Biệt Giáo, mà là Tạng Giáo Phật, chúng ta phải hiểu rất rõ ràng điều này. Theo như Khởi Tín Luận đã nói, người tu hành phải trải qua một vạn kiếp mới có thể thành tựu phát tâm, phát tâm là gì vậy? Là nói tới Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, tức là Phát Tâm Trụ. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo cũng tính từ lúc đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, chúng Vị Bất Thoái, [phải mất] một vạn kiếp mới có thể tu đến Phát Tâm Trụ. Sau đây lại trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, lúc ấy mới có thể viên mãn Bồ Tát địa, đạt đến Thập Địa. A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất tu các địa vị trong Tam Hiền, tức Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. A-tăng-kỳ kiếp thứ hai tu bảy địa vị, từ Sơ Địa đến Thất Địa. A-tăng-kỳ kiếp thứ ba tu Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa. Nhưng chư vị phải hiểu: Ba đại A-tăng-kỳ kiếp tính từ Sơ Trụ của Viên Giáo! Phạm phu chúng ta kể từ khi đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Tư, chúng Vị Bất Thoái, tu đến Sơ Trụ của Viên Giáo là một vạn kiếp, đó là “*thời đại*”.

Vì thế, quý vị có muốn niệm Phật hay không? Quý vị niệm Phật sẽ khỏi phải [trải qua thời gian tu hành lâu xa ấy]. Thành tựu trong một đời! Chẳng cần phải trải qua một vạn kiếp và ba đại A-tăng-kỳ kiếp, không cần! Một đời bèn thành tựu! Cũng không cần phải trải qua Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, không cần trải qua những bước đó, chẳng cần phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, cũng không cần phải trải qua năm mươi một địa vị, mà quý vị thành Phật viên mãn! Các pháp môn khác

chẳng được tiện nghi như vậy! Nếu quý vị chịu tin tưởng, sẽ là thật sự có phước! Đây là con đường thành Phật nhanh chóng, chẳng có gì nhanh hơn con đường này, nhưng quý vị phải hiểu: Người khác đã đạt tới Thập Địa, tu một vạn đại kiếp, cộng thêm ba A-tăng-kỳ kiếp, rốt cuộc là như thế nào? Vẫn phải niệm Phật sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải đi một đường vòng rộng ngàn ấy! Từ hội Hoa Nghiêm, chúng ta thấy “mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc”, vẫn là phải vãng sanh!

Nếu có hai người tu hành, một người tu theo đường lối Phật pháp Đại Thừa thông thường, phải trải qua một thời gian tu tập dài ngàn ấy, còn người kia thật thà niệm Phật, tới Tây Phương đã sớm thành Phật. Chỉ sợ quý vị đã thành Phật nhiều kiếp, vị đồng tu kia mới tới, mới nhập môn! Vì thế, vừa gặp mặt liền nhận biết: “Lão huynh tới muộn quá, sao bây giờ mới tới?” Đây là đạo lý nhất định.

(Sao) Tứ giả, đức đại, cụ túc Nhất Thừa chư công đức cố.

(鈔) 四者德大，具足一乘諸功德故。

(Sao: Bốn là đức đại, do trọn đủ các công đức Nhất Thừa).

“*Nhất Thừa chư công đức*” là công đức nơi Như Lai quả địa, như tam đức bí tạng Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, bốn tịnh đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Niết Bàn có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Bát Nhã cũng có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Giải Thoát cũng có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, đó là thật sự đạt được thanh lương, bất biến, “*nãi chí Thập Lực, Tứ Vô Úy, Thập Bát Bất Cộng Pháp*” (cho đến Thập Lực, Tứ Vô Úy, mười tám pháp Bất Cộng), những công đức nơi quả địa Như Lai thấy đều chứng đắc, cho nên nói là “*đức đại*”. Đây là nói thông thường, Đại có bốn ý nghĩa, Thanh Lương đại sư giảng như thế.

(Sao) Pháp Hoa lục đại giả.

(鈔) 法華六大者。

(Sao: Sáu nghĩa đại trong Pháp Hoa).

Kinh Pháp Hoa cũng có lục đại. Liên Trì đại sư chú giải kinh Di Đà, trích dẫn kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa nhiều nhất, dùng kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa để giải thích kinh Di Đà, với dụng ý nâng cao địa vị kinh Di Đà lên tới địa vị đại pháp Nhất Thừa viên đốn như Hoa Nghiêm và Pháp Hoa! Đó là lão pháp sư buốt lòng rất miệng, mong mọi người đừng nên coi rẻ kinh điển này, chớ nên xem thường pháp môn

này! Pháp môn này quả thật là viên đôn Nhất Thừa. Nếu chẳng phải là bậc tái lai thật sự, sẽ nhìn chẳng ra, những nhân vật này đều là những nhân vật lỗi lạc, thật sự là bậc tái lai! Họ chỉ bảo, cảnh tỉnh giúp đỡ chúng ta, kinh điển bày ra nơi đây, nhưng chúng ta chẳng biết giá trị. Các Ngài chỉ điểm, mong chúng ta nhận biết. Trong sáu thứ đại của kinh Pháp Hoa, thứ nhất là:

(Sao) Tín đại pháp.

(鈔) 信大法。

(Sao: Tin vào đại pháp).

Trong kinh Pháp Hoa có nói: “*Tín nhất tâm Chân Như chi pháp*” (tin vào pháp Chân Như nhất tâm). Nói thật ra, ý nghĩa ấy trong kinh Pháp Hoa chính là như Quán Kinh đã dạy: “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật), mang ý nghĩa ấy, ý nghĩa ấy được gọi là “*tín đại pháp*”. Chúng ta niệm Phật, nói thật ra là để thẳng thừng đi làm Phật! Vì y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, chẳng lìa tự tánh. Chúng ta niệm Phật, tương lai nhất định thành Phật, niệm Bồ Tát thành Bồ Tát, niệm Thanh Văn thành Thanh Văn, niệm thiên bèn sanh thiên, niệm tham, sân, si, bèn biến thành ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, đó là đạo lý nhất định! Vấn đề là trong tâm quý vị suốt ngày từ sáng đến tối tưởng gì? Hiểu rõ đạo lý này, chẳng cần phải hỏi ai khác bản thân chúng ta trong tương lai sẽ đi về đâu? Nếu suy nghĩ cặn kẽ một phen, sẽ hiểu rõ ràng, rành rẽ. Đòi sau ta sẽ sanh về đâu? Không cần hỏi ai khác, hãy xem ý niệm hiện tại của ta, ý niệm nào nhiều? Loại ý niệm nào mạnh mẽ? Cái nào mạnh sẽ lôi đi trước, nó dẫn quý vị đi đâu thôi!

Chúng ta hiểu rõ nguyên lý này, ý niệm niệm Phật sẽ tăng mạnh hơn, phải khiến cho nó nhiều hơn, có sức mạnh lớn hơn, trong tương lai, ý niệm mạnh sẽ dẫn đi trước, dắt chúng ta sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, chuyện là như vậy đó! Vì vậy, pháp môn này gọi là “*nhị lực pháp môn*”, bản thân chúng ta phải chuẩn bị, phải có năng lực ấy. Ngoài ra, còn có một năng lực nữa, lúc lâm chung, Phật đến tiếp dẫn chúng ta. Pháp môn nhị lực, trong các pháp môn khác không có! Vì thế, pháp môn Niệm Phật rất có đạo lý, tuyệt đối chẳng phải là vọng tưởng, chẳng phải là huyễn tưởng, mà xác thực là có căn cứ lý luận vô cùng vững vàng, chúng ta phải tin điều này! Thứ hai:

(Sao) Giải đại nghĩa.

(鈔) 解大義。

(Sao: Hiểu đại nghĩa).

“Đại nghĩa” là gì? Nói theo kinh này, chúng ta vẫn phải thật sự thấu triệt, lý giải ý nghĩa “tâm này là Phật, tâm này làm Phật”. Thật sự hiểu rõ, thật sự lý giải, quý vị sẽ chẳng hoài nghi. Bất luận gặp gỡ pháp môn nào, bất luận gặp thiện tri thức nào đến khuyên quý vị học pháp này, pháp nọ, quý vị nghe xong, nhất định sẽ như như bất động, vì sao? Quý vị liễu giải lý luận, người ta tu pháp môn khác là vì họ chưa thấu triệt. Nếu họ thấu triệt, chắc chắn họ sẽ chọn lựa pháp môn Niệm Phật, chẳng chọn lựa pháp môn khác. Chọn lựa pháp môn khác, nói cách khác là chưa thấu triệt lý luận! Tu hành vẫn là đi lòng vòng, trong một đời này có thành tựu hay không? Tôi nghĩ rất khó khăn!

Tôi nói điều này cũng rất hợp lý! Người ấy thành tựu, trong một đời này ắt phải đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới mới được coi là thành tựu. Nếu kẻ ấy chẳng có năng lực đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, sẽ chẳng có thành tựu! Đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới là thành tựu gì? Giống như học hành trong nhà trường, vào lớp Một, mới được nhập học! Tôi vừa mới nói, nếu là Đại Thừa Bồ Tát pháp, kẻ ấy phải tu một vạn kiếp mới hòng đạt đến Sơ Trụ trong Viên Giác. Nếu kẻ ấy tu pháp Tiểu Thừa, tu bắt đầu từ đó, qua lại bảy lần trong đường trời người, mới có thể chứng quả A La Hán, thọ mạng cõi trời dài lắm! Bảy lần qua lại, số lượng thời gian đều là con số thiên văn, thành tựu của người ấy là như thế đó, bất quá, người ấy chẳng còn đọa trong tam ác đạo, đảm bảo chẳng đọa trong ba ác đạo. Nói cách khác, trong một đời này, nếu chẳng phá được Kiến Hoặc, thành tựu của người ấy là thành tựu phước báo nhân thiên trong đời sau, vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ, khổ rồi!

Chư vị phải biết, các đồng tu đang hiện diện đều là người thiện căn sâu dày, mỗi vị đồng tu quý vị trong đời quá khứ đã tu không biết bao nhiêu ba đại A-tăng-kỳ kiếp, đã tu vô lượng vô biên ba đại A-tăng-kỳ kiếp, cũng từng cúng dường vô lượng vô biên chư Phật, nay quý vị vẫn trong tình trạng như thế này là vì sao? Đời đời kiếp kiếp tu hành đều thất bại, chẳng phá được tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc; phá được tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc bèn đạt tiêu chuẩn. Đời đời kiếp kiếp tu, đời đời kiếp kiếp thất bại, cho nên chẳng có cách nào, đúng là đáng sợ! Trong đời này, kẻ ra chúng ta có nhân duyên thù thắng. Không có nhân duyên thù thắng,

nói thật ra, quý vị chẳng gặp giảng tòa này của chúng tôi. Tôi nói lời thật cùng quý vị, quý vị sẽ không gặp được giảng tòa của tôi! Quý vị gặp giảng tòa của tôi, tôi biết quý vị rất có phước khí, đã có thiện căn rất lớn trong đời quá khứ.

Gặp gỡ giảng tòa này, quý vị có thể tin, hiểu, hành, hay lắm, trong đời này xin chúc mừng quý vị, quý vị thành tựu. Thành tựu ấy là đại thành tựu, là thành tựu chẳng thể nghĩ bàn. Ngay cả những vị Bồ Tát đã tu một vạn kiếp, đều là những vị Bồ Tát đã tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp Bồ Tát, trông thấy quý vị đều hâm mộ! Các Ngài tốn thời gian dài ngàn ấy, đạt được quả báo giống như quý vị trong hiện thời. Quý vị chẳng phí hơi sức mà đạt được, các Ngài phải tốn công sức nhiều ngàn ấy mới đạt được! Người thật sự lý giải mới có thể tin sâu chẳng nghi! Thứ ba là...

(Sao) Phát đại tâm.

(鈔) 發大心。

(Sao: Phát đại tâm).

Điều này rất trọng yếu, kinh Vô Lượng Thọ đã một đôi lần nói rõ: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nhất định phải phát Bồ Đề tâm, “*đại tâm*” là Bồ Đề tâm. Ba bậc vãng sanh thượng, trung, hạ đều phải phát Bồ Đề tâm, Bồ Đề tâm là gì? Thượng cầu, hạ hóa. Thượng cầu hạ hóa hiểu như thế nào? Nói theo pháp môn Tịnh Độ, dễ nói lắm! “*Thượng cầu*” là ta mong mỗi sanh về Tịnh Độ, “*hạ hóa*” là ta khuyên người khác cũng cầu sanh Tịnh Độ, đây là Vô Thượng Đại Bồ Đề tâm, quý vị thấy trong pháp môn này dễ nói lắm! Quý vị thấy rất dễ hiểu, rất dễ làm được. Trong hết thảy các pháp môn Đại Thừa khác mà giảng, chắc là phiền phức lắm, giảng nửa ngày chưa chắc quý vị đã hiểu, dấu hiệu cũng chẳng làm được! Cách nói này do Ngẫu Ích đại sư đã giảng trong Di Đà Kinh Yếu Giải, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ là phát Vô Thượng Bồ Đề tâm. Vì thế, bản thân chúng ta phải phát tâm vãng sanh, phải khuyên dạy hết thảy mọi người đều cùng phát nguyện vãng sanh, đây là “*phát đại tâm*”.

(Sao) Xu đại quả.

(鈔) 趨大果。

(Sao: Hướng đến đại quả).

Hướng đến quả báo Vô Thượng Bồ Đề, đó là nói “mục tiêu của chúng ta là thành Phật”. Chúng ta không mong thành Tạng Giáo Phật,

cũng chẳng muốn thành Thông Giáo Phật, cũng không mong thành Biệt Giáo Phật, chúng ta muốn đạt đến rốt ráo viên mãn Phật, tức Viên Giáo Phật. Nếu muốn thành tựu Viên Giáo Phật, quyết định phải cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quyết định đạt được trong một đời, chẳng cần đợi đến đời thứ hai. Vì vậy, pháp môn này là pháp môn thành Phật ngay trong đời này, chẳng phải là pháp môn tâm thường. Chúng ta phải hiểu rõ ràng, phải lý giải điều này!

(Sao) Tu đại hạnh.

(鈔) 修大行。

(Sao: Tu đại hạnh).

“*Đại hạnh*” là tín nguyện trì danh, trong hạnh môn của Bồ Tát không có gì vĩ đại hơn, vì sao? Kinh Hoa Nghiêm nói Thập Địa Bồ Tát từ đầu đến cuối chẳng lìa niệm Phật. Như chúng tôi vừa mới nói, những vị Bồ Tát ấy trước hết phải tu một vạn kiếp mới đạt đến Sơ Trụ, từ Sơ Trụ lại tu một A-tăng-kỳ kiếp đạt đến Thập Hồi Hương, lại tu một A-tăng-kỳ kiếp mới đạt đến Sơ Địa. Tín nguyện trì danh niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải niệm bao lâu? Thập Địa Bồ Tát, Thập Địa từ đầu đến cuối chẳng lìa niệm Phật, Ngài phải niệm hai A-tăng-kỳ kiếp mới có thể đạt đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Lại gặp gỡ Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, mới có thể vãng sanh, đâu có thẳng thừng, sung sướng như chúng ta! Chúng ta nghiêm túc niệm Phật dăm ba năm sẽ có thể vãng sanh. Chúng ta mất thời gian dăm ba năm, còn các Ngài tốn thời gian vô lượng kiếp, vấn đề là quý vị có chịu tin tưởng hay không? Nếu quý vị chẳng chịu tin tưởng, đức Phật nói đó là chuyện thường tình phải như vậy, là hiện tượng rất bình thường! Nếu quý vị chịu tin, Phật sẽ cảm thấy lạ lùng, có sao quý vị có thể tin tưởng? Đây là pháp khó tin mà!

Quý vị có thể tin, kinh dạy: Quý vị nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên; nếu không, quý vị sẽ chẳng thể tin tưởng. Quý vị tin, nói cách khác, cơ duyên thành Phật của quý vị trong một đời này đã tới rồi! Tuyệt đối chẳng phải là nhân duyên thông thường, mà là nhân duyên thù thắng khôn sánh, chúng ta phải thấu hiểu thật sâu, đúng như cổ nhân đã nói: “*Như Lai thâm ân, phán thân nan báo*” (Như Lai ơn sâu, nát thân khó đền)! Chúng ta báo đáp như thế nào? Từ nay trở đi, chúng ta vĩnh viễn thoát ly sanh tử luân hồi, viên thành Vô Thượng Bồ Đề, ân đức ấy tìm đâu ra? Làm sao quý vị có thể báo đáp trọn hết được! Báo đáp ơn Phật

như thế nào? Chỉ có thượng cầu, hạ hóa, trên là chính mình cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, dưới là phổ biến, khuyến dạy hết thảy chúng sanh tín nguyện trì danh, chỉ có cách này mới có thể báo ân Phật. Trừ cách đó ra, chẳng có cách nào báo ân Phật. Đó là “*tu đại hạnh*”.

(Sao) Chứng đại đạo.

(鈔) 證大道。

(Sao: Chứng đại đạo).

“*Chứng đại đạo*” chứng quả Vô Thượng Bồ Đề, tức Viên Giáo Phật quả. Kinh Pháp Hoa nói đến sáu nghĩa Đại này, nếu chẳng vãng sanh thế giới Cực Lạc, phải mất một thời gian rất dài mới có thể làm được. Tính ra, ít nhất là một vạn kiếp cộng thêm ba A-tăng-kỳ kiếp mới làm được; đây là cách tính toán dè dặt nhất. Chúng ta có thể thành tựu trong một đời; vì thế, những kẻ học Giáo thông thường chẳng chịu tin tưởng. Các vị Bồ Tát tu lâu dài ngàn ấy, còn quý vị một câu Phật hiệu bèn vãng sanh, bèn chứng đắc, há có chuyện tiện nghi dường ấy? Họ không tin! Chẳng thể trách họ được! Vì Tây Phương Cực Lạc thế giới khác với mười phương thế giới chư Phật. Thế giới của mười phương chư Phật và cõi chúng ta đang sống đây là lục trần, Tây Phương Cực Lạc thế giới là cõi Pháp Tánh, chẳng phải là lục trần. Bởi lẽ, Tây Phương Cực Lạc thế giới hoàn toàn là do công đức nơi quả địa của A Di Đà Phật hiển hiện. Kinh thường dạy: Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo. Đẳng Giác Bồ Tát đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn giống như “*cách la khán nguyệt*” (cách một lớp the ngắm trăng), “*la*” (羅) là “*la sa*” (羅紗: The, lượt), cách một lớp the, ngắm trăng qua cửa sổ bịt the, vẫn còn có một tầng chướng ngại! Đẳng Giác Bồ Tát còn có một tầng chướng ngại. Vì thế, người nghiên cứu giáo chẳng tin chuyện này là lẽ dĩ nhiên, chẳng đáng trách! Đây là nói về “*chứng đại đạo*”.

(Sao) Nhi tín giải phát tam, đệ nhất nguyện đại trung nhiếp; xu giả, đệ tam thời đại trung nhiếp; tu giả, đệ nhị hạnh đại trung nhiếp; chứng giả, đệ tứ đức đại trung nhiếp.

(鈔) 而信解發三，第一願大中攝；趨者，第三時大中攝；修者，第二行大中攝；證者，第四德大中攝。

(Sao: Nhưng [đem so với bốn nghĩa đại của ngài Thanh Lương] thì tín đại pháp, giải đại nghĩa, phát đại tâm được bao gồm trong điều thứ

nhất là nguyện đại, xu đại quả gồm trong điều thứ ba là thời đại, tu đại hạnh nằm trong điều thứ hai là hạnh đại, chứng đại đạo thuộc trong điều thứ tư, tức đức đại).

Đây là dùng Tứ Đại như ngài Thanh Lương đã giảng để thâm nhiếp Lục Đại trong kinh Pháp Hoa, nội dung của chúng như nhau! Ngài Thanh Lương giảng bốn nghĩa, tức là quy nạp sáu nghĩa thành bốn. Pháp Hoa giảng sáu điều, tức là triển khai Tứ Đại của ngài Thanh Lương thành sáu. Bốn nghĩa và sáu nghĩa có nội dung như nhau!

(Sao) Phật Địa tam đại giả, nhất số đại, nhị đức đại, tam nghiệp đại. Đức đại khả tri, số tức nguyện ý, nghiệp tức hạnh ý, cố vân bất xuất tứ ý dã.

(鈔)佛地三大者，一數大，二德大，三業大。德大可知，數即願意，業即行意，故云不出四意也。

(Sao: Ba nghĩa đại trong Phật Địa Luận là: Một, số đại; hai, đức đại; ba, nghiệp đại. Đức đại dễ thấy, Số có nghĩa là Nguyện, Nghiệp chính là Hạnh. Cho nên nói “chẳng ra ngoài bốn ý”).

“Số đại” là nói thệ nguyện của Bồ Tát rộng lớn vô biên, giống như bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nguyện nào cũng đều rộng lớn không ngần mé. Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát cũng như Tứ Hoàng Thệ Nguyện như chúng ta thường nhắc tới, mỗi nguyện đều là vô lượng vô biên. Vì thế, gọi là Số Đại. “Đức đại” là nói vạn đức viên mãn, từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Thập Định và Thập Nhẫn của Thập Địa Bồ Tát, đều là nói về cảnh giới của Đẳng Giác. Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy tỳ-kheo Pháp Tạng tư duy năm kiếp, thành tựu Tây Phương Cực Lạc thế giới, tiếp dẫn hết thầy chúng sanh hữu duyên trong mười phương thế giới chư Phật, đây là Đức Đại. Hữu duyên là gì? Có thể tin, có thể nguyện, có thể hành. Có thể hành là chịu niệm Phật, đó là hữu duyên. Không tin, chẳng chịu phát nguyện, không chịu niệm Phật, chẳng có cách nào hết, Phật chẳng thể giúp những kẻ ấy!

Thứ ba là “nghiệp đại”. Nghiệp là sự nghiệp. Sự nghiệp của Phật, Bồ Tát là rộng độ chúng sanh, chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát bèn có ứng. Cảm ứng đạo giao, giống như kinh Hoa Nghiêm giảng Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, cho đến năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong Tứ Thập Hoa Nghiêm đều là tu hành, đây là đại hạnh. Phẩm cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm là Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm, tổng

cộng gồm bốn mươi quyển kinh văn, nói đến chuyện gì? Nói thật ra, giảng về cuộc sống thường ngày của một người thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, cách xử sự, đãi người, tiếp vật của người ấy trong xã hội, nói về những chuyện ấy. Từ cuộc sống, hiển lộ sống động cách tu hành trong một đời của người niệm Phật: Người ấy chẳng rời khỏi gia đình, chẳng tách rời đại chúng, chẳng tách lìa xã hội, mà viên thành Phật đạo. Thiện Tài đồng tu tu tín nguyện trì danh, thầy của Ngài là Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát cũng đều tu tín nguyện trì danh, thầy đều là tu Tây Phương Tịnh Độ. Đọc kinh Hoa Nghiêm chớ nên không biết điều này! Nếu từ kinh Hoa Nghiêm mà ngay cả điểm này cũng chẳng nhìn ra thì đã uổng công đọc kinh Hoa Nghiêm mất rồi! Cổ đức nói Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đều nhằm giới thiệu, dẫn về kinh này, lời ấy vô cùng có lý. Các Ngài có thể nói ra câu ấy, chắc là các Ngài cũng nhìn ra đường nẻo ấy!

Tôi cũng đã từng thưa với các đồng tu, tôi khăng khăng quyết tâm đối với pháp môn Tịnh Độ là nhờ giảng kinh Hoa Nghiêm nhiều năm như thế mà đắc lực. Nếu tôi chẳng giảng kinh Hoa Nghiêm nhiều năm như thế, tôi chẳng thể tin tưởng pháp môn này. Do từ kinh Hoa Nghiêm, tôi thấy Văn Thù, Phổ Hiền, Thiện Tài đều tu pháp môn này, lúc ấy, điều đó mới khiến cho tôi đặc biệt lưu ý pháp môn này, nhận biết pháp môn này là giai đoạn tu học cuối cùng của các vị Đại Bồ Tát. Vì thế, pháp môn này thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Đây là Nghiệp Đại.

“*Số tức Nguyện ý, nghiệp tức Hạnh ý, cố vân bất xuất tứ ý dã*” (Số có nghĩa là Nguyện, Nghiệp có nghĩa là Hạnh, cho nên nói “chẳng ra ngoài bốn ý”). Số là Nguyện, bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát, nguyện nào cũng trọn khắp pháp giới, nguyện lực ấy vô tận. Số có ý nghĩa là Nguyện, Nghiệp có ý nghĩa là Hạnh, nguyện hạnh rộng lớn vô lượng vô biên.

(Sao) Giải phi tiểu giả, như Văn Thù, Di Lạc đẳng, giai thị Đẳng địa vị trung Bồ Tát.

(鈔) 揀非小者，如文殊彌勒等，皆是等地位中菩薩。

(Sao: “Nhằm phân biệt chẳng phải là tiểu Bồ Tát”, như Văn Thù, Di Lạc v.v... đều là các vị Bồ Tát thuộc địa vị Đẳng Giác).

“*Đẳng địa*” là [địa vị] Đẳng Giác, Đẳng Giác cũng là địa vị thứ mười một, dưới Phật, trên Pháp Vân Địa, là địa vị hậu bồ Phật. Vì thế, tuyệt đối chẳng phải là Tiểu Thừa, “*Văn Thù, Di Lạc*” đều là đại Bồ Tát, Bồ Tát nơi quả địa.

(Sao) Phi Sơ Tâm, Ngũ Phẩm, Tín, Trụ, Hạnh, Hướng cố.

(鈔) 非初心五品信住行向故。

(Sao: Chẳng phải là Sơ Tâm, Ngũ Phẩm, Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng).

Cũng chẳng phải là những địa vị nhỏ nhoi trong Đại Thừa. Ngũ Phẩm chính là Ngũ Phẩm Quán Hạnh như tông Thiên Thai đã nói. Từ Ngũ Phẩm Quán Hạnh lại tiến lên Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Ngũ Phẩm Quán Hạnh vị:

1) Thứ nhất là Tùy Hỷ Phẩm, công phu đạt đến cảnh giới này, trong tâm sanh pháp hỷ, chính mình có thể khảo nghiệm chính mình, tâm sân khuê, tâm ghen ghét chắc chắn chẳng có, đã đạt đến cảnh giới ấy. Người ấy tự vui mừng vì cảm thấy chính mình may mắn, mà cũng vui mừng vì người khác nghe pháp, y theo Phật pháp tu hành. Tự mừng, mừng cho người khác. Phân biệt, chấp trước, ghen ghét, nóng giận đều chẳng có, đó là Tùy Hỷ Phẩm.

2) Thứ hai là Độc Tụng Phẩm. Khi ấy, người đó thích đọc kinh, càng đọc càng thấy có ý vị, không như chúng ta chưa nhập cảnh giới ấy. Đọc kinh này ngán quá, đọc mấy chương đã chẳng muốn đọc tiếp. Khi đạt đến địa vị Ngũ Phẩm, người ấy thích đọc tụng Đại Thừa, đọc kinh điển chẳng ngán. Suốt ngày chẳng ăn cũng không sao, suốt ngày chẳng ngủ cũng không sao cả, nhưng một ngày chẳng đọc kinh sẽ không được, nhất định phải đọc kinh. Vì vậy, từ tập khí này có thể thấy công phu của một người tu hành, có thể thấy cảnh giới của người ấy.

3) Thứ ba là Thuyết Pháp Phẩm, vô cùng thích thuyết pháp cho người khác. Dem những gì chính mình đã đọc tụng, chính mình thể nghiệm, nói cho người khác nghe, đó là thượng cầu, hạ hóa.

4) Thứ tư là Kiêm Hành Lục Độ Phẩm, “*kiêm*” là kèm thêm, vì người ấy Quán Hạnh đắc lực, cho nên kiêm tu Lục Độ.

5) Thứ năm là Chánh Hành Lục Độ Phẩm, Chánh Hành có nghĩa là “*nhập Lý*”. Kiêm Hành Lục Độ là tu trên mặt Sự, tu Lục Độ nơi Sự. Chánh Hành Lục Độ là nhập Lý Lục Độ, biết Lục Độ bất nhị.

Những điều này gọi là Ngũ Phẩm Quán, là năm địa vị trong tông Thiên Thai. [Các vị Bồ Tát được nói trong kinh này] chẳng thuộc [các địa vị] Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Những vị Bồ Tát được nói trong phần trên đều là Đẳng Giác Đại Bồ Tát, chẳng phải là những vị Bồ Tát nhỏ nhoi.

(Sớ) Xứng Lý, tác tự tánh chân vọng dung, thị Bồ Tát nghĩa.

(疏) 稱理，則自性真妄融，是菩薩義。

(Sớ: Nói theo Lý thì tự tánh chân vọng dung thông là ý nghĩa của Bồ Tát).

Trong tự tánh có giác và mê, giác là thật, mê là vọng, giác và mê bất nhị, đó là dung thông. Giác và mê bất nhị là như thế nào? Quý vị giác thì vẫn là tự tánh của chính quý vị, mà mê thì nó vẫn là tự tánh. Trong tự tánh vốn chẳng có giác, mà cũng chẳng có mê. Giác là nó, mà mê vẫn là nó! Quả thật là bất nhị. Vì thế, lìa mê là giác. Do giác - mê bất nhị, cho nên đức Phật mới dạy chúng ta tu Lễ Kính Chư Phật, chúng ta chẳng dám khinh rẻ bất luận chúng sanh nào. Vì sao? Họ là Phật. Bản thân quý vị tu hành mong thành Phật, mà coi thường Phật, còn có thể thành Phật được sao? Quý vị chẳng thành Phật! Người khác là Phật gì? Người ấy nay đang là một vị Phật mê hoặc, điên đảo. Tuy mê hoặc, điên đảo, người ấy xác thực là Phật! Người ấy có Phật Tánh, Phật Tánh của người ấy trọn chẳng có mê hoặc, điên đảo. Vọng thức của người ấy mê hoặc, điên đảo, chứ Phật Tánh trọn chẳng mê hoặc, điên đảo. Nhìn từ Thật Tướng, “*hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Vì vậy, Phổ Hiền Bồ Tát mới dạy chúng ta tu “*lễ kính chư Phật*”, đối với bất luận kẻ nào, bất luận sự vật gì, đều phải cung kính, phải chí thành cung kính. Đây là “*Bồ Tát nghĩa*”, biết chân vọng bất nhị, thật sự giác ngộ.

(Sao) Chân bất biến nhi tùy duyên, thị chi vị Giác Hữu Tình.

(鈔) 真不變而隨緣，是之謂覺有情。

(Sao: Chân Như bất biến mà tùy duyên, nên gọi là Giác Hữu Tình).

“*Chân*” là Chân Như, Chân Như vĩnh viễn không thay đổi. Đó là nói Bồ Tát vĩnh viễn không thay đổi, không thay đổi, nhưng tùy duyên. Những vị như các đại Bồ Tát này, gần như đã đoạn sạch vô minh rồi, đạt đến Đẳng Giác Bồ Tát thì bốn mươi một phẩm vô minh đã phá bốn mươi phẩm, còn sót một phẩm, có thể nói là các Ngài thật sự chẳng thay đổi. Tùy duyên là đại từ, đại bi, có thể hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Vì thế, các Ngài chẳng chấp trước, chẳng phân biệt. Nếu các Ngài chấp trước, phân biệt, sẽ chẳng thể tùy duyên. Do không phân biệt, chấp trước, nên có thể tùy duyên. Do nói theo ý nghĩa này nên là Giác Hữu Tình; vì Giác là Chân Như, tùy duyên là hữu tình.

(Sao) Vọng thành Sự nhi Thể không, thị chi vị Hữu Tình Giác.

(鈔) 妄成事而體空，是之謂有情覺。

(Sao: Hu vọng tạo thành Sự, nhưng Thể của nó là Không, bèn gọi là Hữu Tình Giác).

Hữu tình chúng sanh giác ngộ, giác ngộ gì vậy? Giác ngộ hết thấy vạn pháp rốt ráo Không, chẳng thể được! Như Tâm Kinh đã nói: “*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*”, hoặc như trong kinh Kim Cang đã nói: “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế*”. Lại nói: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Đây là nói rõ bản thể của hết thấy vọng và bản thể của những sự do vọng tạo thành đều là Không. Vì thế, đối với hết thấy sự tướng, tự nhiên chẳng chấp trước. Nếu tâm thanh tịnh, sẽ chẳng còn dậy sóng, đó gọi là “*hữu tình giác*”, đã giác ngộ. Quý vị phải biết: Mười phương thế giới và thế giới này đều do Ngũ Uẩn tạo thành, Ngũ Uẩn là Không. Vừa mở đầu, Tâm Kinh liền nói: “*Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*”.

Tây Phương Cực Lạc thế giới là cõi Pháp Tánh, chẳng phải là Không, vì nó là thật, chẳng phải là vọng. Cảnh giới bên ấy chắc chắn chẳng giống cõi Ngũ Uẩn trong mười phương thế giới chư Phật, nó là cõi Pháp Tánh. Chư vị phải nghiên cứu kỹ càng ba kinh thì mới hiểu rõ ràng chân tướng sự thật này!

(Sao) Chân vọng bất lập, duy thị nhất tâm, thành thử đại đạo tâm, hiệu viết Ma Ha Tát.

(鈔) 真妄不立，唯是一心，成此大道心，號曰摩訶薩。

(Sao: Chân vọng chẳng lập, chỉ là nhất tâm, thành tựu đại đạo tâm ấy nên gọi là Ma Ha Tát).

Ma Ha Tát đều là nói theo tự tánh, tâm địa của chúng ta sạch lâu, hai bên chân lẫn vọng đều lìa, chẳng có nữa. Lục Tổ đã diễn tả câu này như sau: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*”. Không chỉ chẳng có vọng, mà chân cũng chẳng có. Chân lẫn vọng đều chẳng có, tâm thanh tịnh đạt đến tột bậc. “*Duy thị nhất tâm*” là cái tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh ấy chính là “*đại đạo tâm*”, là Chân Như bản tánh, toàn thể hiển lộ. Vì thế, gọi là Ma Ha Tát. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 115

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm bốn mươi sáu:

Nhị, liệt danh.

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát.

二、列名。

(經)文殊師利法王子。阿逸多菩薩。乾陀訶提菩薩。常精進菩薩。

(Hai, nêu tên.

Kinh: Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát).

Kinh này nêu tên bốn vị Bồ Tát, vị thứ nhất là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử.

(Sớ) Văn Thù Sư Lợi giả, thủ vân Diệu Thủ, diệc vân Diệu Cát Tường, diệc vân Diệu Đức.

(疏)文殊師利者，此云妙首，亦云妙吉祥，亦云妙德。

(Sớ: Văn Thù Sư Lợi, cõi này dịch là Diệu Thủ, còn dịch là Diệu Cát Tường, hoặc còn dịch là Diệu Đức).

Trước tiên giới thiệu ý nghĩa của danh hiệu Bồ Tát. Văn Thù Sư Lợi (Mañjuśrī) là tiếng Phạn, [danh hiệu này chính] là dịch âm tiếng Ấn Độ, nghĩa tiếng Hán là Diệu Thủ. Thủ (首) là bậc nhất. Diệu Thủ có nghĩa là “vi diệu bậc nhất”. Cũng dịch là Diệu Cát Tường, hoặc dịch là Diệu Đức. Ba ý nghĩa này tương thông. Diệu Thủ, Diệu Cát Tường, Diệu Đức, ý nghĩa như nhau, chỉ là cách dịch khác nhau. Vị Bồ Tát này tượng trưng cho trí huệ bậc nhất.

(Sớ) Pháp Vương Tử giả, Phật vi Pháp Vương, Bồ Tát nhập pháp chánh vị, danh Pháp Vương Tử.

(疏)法王子者，佛為法王，菩薩入法正位，名法王子。

(Sớ: “Pháp Vương Tử”: Phật là Pháp Vương, Bồ Tát nhập chánh pháp vị, gọi là Pháp Vương Tử).

Vương có nghĩa là Tự Tại. Trong hết thầy các pháp, đức Phật đại tự tại; vì thế, gọi là Pháp Vương. Ở đây, phải chú ý Bồ Tát “*nhập pháp chánh vị*”. Nhập pháp chánh vị chỉ điều gì? Thế nào mới là pháp chánh vị? Đây là nói về bậc Đẳng Giác Bồ Tát. Đẳng Giác Bồ Tát sẽ lập tức thuộc địa vị Hậu Bồ Phật. Chúng ta thường gọi Bồ Tát thuộc địa vị ấy là Pháp Vương Tử.

(Sớ) *Hựu thủ cử Văn Thù giả, lệ tiền Xá Lợi Phát nghĩa.*

(疏) 又首舉文殊者，例前舍利弗義。

(Sớ: *Lại nữa, nêu tên ngài Văn Thù đầu tiên, có ý nghĩa giống như Xá Lợi Phát trong phần trước.*)

Xếp Văn Thù Bồ Tát đầu tiên, có ý nghĩa biểu thị pháp giống như mười sáu vị tôn giả trong phần trước. Vì trong phần Thanh Văn chúng ở trên, Xá Lợi Phát trí huệ đệ nhất được nêu tên đầu tiên. Trong hàng Bồ Tát cũng giống như vậy, trong hết thầy các Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi đại diện cho trí huệ đệ nhất. Điều này nói rõ: Nếu chẳng phải là người trí huệ bậc nhất sẽ chẳng thể tiếp nhận, chẳng thể tin tưởng bộ kinh này. Phàm ai có thể tin, nguyện, trì danh câu vãng sanh, đều là trí huệ bậc nhất. Nếu không có trí huệ đệ nhất, nói thật ra, sẽ chẳng thể chọn lựa pháp môn này. Pháp môn này là pháp môn độc nhất thành Phật trong một đời, chỉ có người trí huệ bậc nhất mới có thể chọn lựa, mới có thể tin nhận, phụng hành.

(Sao) *Văn Thù Sư Lợi, diệt vân Mạn Thù Thất Lợi.*

(鈔) 文殊師利，亦云曼殊室利。

(Sao: *Văn Thù Sư Lợi, còn gọi là Mạn Thù Thất Lợi.*)

Cũng là dịch âm tiếng Phạn.

(Sao) *Ngôn Diệu Thủ đẳng giả.*

(鈔) 言妙首等者。

(Sao: *Nói là Diệu Thủ v.v...*)

Đây là dịch ý, Diệu Thủ, Diệu Cát Tường, Diệu Đức, có nhiều cách dịch như thế.

(Sao) *Chuẩn Hoa Nghiêm tông, biểu tam pháp môn, viết Tín, Hạnh, Trí.*

(鈔) 準華嚴宗，表三法門，曰信行智。

(Sao: Theo tông Hoa Nghiêm, [ba cách dịch ấy] biểu thị ba pháp môn là Tín, Hạnh, Trí).

Văn Thù và Phổ Hiền đều là Đại Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm, [cùng với Thích Ca Mâu Ni Phật] các Ngài được gọi là Hoa Nghiêm Tam Thánh. Trong hội Hoa Nghiêm, các Ngài có địa vị giống như Quán Âm và Thế Chí trong thế giới Cực Lạc. Vì Ngài biểu thị ba pháp môn Tín, Hạnh, Trí, tức là đại diện cho Tín, Hạnh và Trí; còn Phổ Hiền Bồ Tát biểu thị Nguyện và Hạnh; ngài Văn Thù là Tín, Hạnh, Trí, biểu trưng ba môn ấy.

(Sao) Diệu Thủ giả, Tín dã. Tín vi vạn hạnh vạn đức chi đầu thủ cố.

(鈔) 妙首者，信也，信為萬行萬德之頭首故。

(Sao: Diệu Thủ là Tín. Tín đứng đầu vạn hạnh, vạn đức).

Tín đứng đầu trong tu hành. Chúng ta chẳng tin sẽ không thể nào tu được! Quý vị muốn tu hành, đầu tiên là quý vị nhất định tin tưởng. Tu hành siêng năng hay lười nhác, công phu sâu hay cạn, có quan hệ mật thiết với lòng tin. Quý vị tin sâu thì hạnh cũng sâu, sẽ tinh tấn, chẳng lười biếng! Nếu lòng tin cạn cợt, hạnh nhất định cũng nông cạn, thường bị giải đãi! Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu*” (tín là nguồn đạo, mẹ công đức). Tín là cội nguồn nhập đạo, là mẹ của hết thảy các công đức. Chữ Mẫu mang ý nghĩa tỷ dụ “có thể sanh”. Chỉ có Tín mới có thể sanh ra vô lượng vô biên công đức. Vị Bồ Tát này có đức hiệu là Diệu Thủ do mang ý nghĩa này.

“*Vạn hạnh, vạn đức*”: “*Hạnh*” là nói về hạnh môn, “*đức*” là nói tới đức chân thật. Trong các kinh điển Đại Thừa, những điều Bồ Tát tu tập được gọi là Lục Độ Vạn Hạnh, như bố thí, trì giới cho đến mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát. Nói “*vạn đức*” là như trong kinh thường nói “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát”. Lại nữa, chúng ta thường đọc thấy [các đức như] Thập Lực, Tứ Vô Úy, mười tám pháp Bất Cộng nơi quả địa Như Lai, cho đến các bộ kinh lớn thường nói vô lượng trăm ngàn đà-la-ni. Những điều ấy đều là nói đến đức chân thật. Đức chân thật chỉ có lòng tin mới có thể nhập. Vì thế, nói: “*Tín năng tất đạo Như Lai địa*” (do tin, ắt đạt đến địa vị Như Lai). Có thể thấy tín tâm vô cùng trọng yếu. Ba điều kiện tu hành trong pháp môn Tịnh Độ

được gọi là “ba tư lương”, thứ nhất là Tín, tín nguyện trì danh, do ba điều kiện ấy có thể sanh về Tịnh Độ.

(Sao) Diệu Cát Tường giả, hạnh dã.

(鈔) 妙吉祥者，行也。

(Sao: Diệu Cát Tường là Hạnh).

Diệu Cát Tường là nói về Hạnh. Nương theo Phật pháp để tu hành, chắc chắn là cát tường, nhất là nương theo kinh Di Đà để tu hành. Kinh Thập Vãng Sanh dạy, “*hành nhân*”, tức người nương theo pháp môn này để tu hành, trọn đủ Tín, Nguyện, Hạnh, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, “*A Di Đà Phật sai phái hai mươi lăm vị Bồ Tát ngày đêm bảo vệ quý vị*”. Quý vị có hai mươi lăm vị Bồ Tát bảo hộ, lẽ nào có chuyện chẳng cát tường? Vì thế, hạnh môn này vô cùng đặc biệt, thù thắng.

(Sao) Phật Địa Kinh ngôn: “Nhất thiết thế gian thân cận cúng dường, tán thán, danh Diệu Cát Tường”.

(鈔) 佛地經言：一切世間親近供養讚歎，名妙吉祥。

(Sao: Phật Địa Kinh¹⁰⁸ nói: “Hết thảy thế gian thân cận cúng dường, tán thán, nên gọi là Diệu Cát Tường”).

Lại nêu kinh luận để chứng thực, hết thảy thân cận, cúng dường, tán thán, đó là do diệu đức cảm ứng.

(Sao) Hựu Chân Đế vân.

(鈔) 又真諦云。

(Sao: Lại nữa, ngài Chân Đế nói).

Pháp sư Chân Đế¹⁰⁹ là người đời Đường, đây là một vị cao tăng Tây Vực đến Trung Quốc hành hóa. Sư nói:

¹⁰⁸ Phật Địa Kinh có tên gọi đầy đủ là Phật Thuyết Phật Địa Kinh do ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường. Thân Quang Bồ Tát đã viết bộ Phật Địa Kinh Luận để giảng giải kinh này. Bộ luận ấy được ngài Huyền Trang dịch ra tiếng Hán gồm bảy quyển.

¹⁰⁹ Chân Đế (Paramārtha, 499-569), là người nước Ưu Điền Ni, Ấn Độ, là một vị đại pháp sư kiêm dịch giả nổi danh ngang hàng với ba vị La Thập, Huyền Trang và Bất Không. Ngài sở trường về Vô Tướng Duy Thức Học, theo đường biển từ Phù Nam (một vùng đất cổ ở phía Nam vùng Thủy Chân Lạp, tức Nam Việt Nam) đến Trung Quốc vào năm Thái Thanh thứ hai (548) thời Lương Vũ Đế. Khi Ngài đến kinh đô

(Sao) Ư oán thân trung, bình đẳng lợi ích, bất vi tổn nã, danh Diệu Cát Tường.

(鈔) 於怨親中，平等利益，不為損惱，名妙吉祥。

(Sao: Bình đẳng lợi ích kể oán, người thân, chẳng khiến họ bị phiền nã, tổn hại, nên gọi là Diệu Cát Tường).

Oán thân bình đẳng, quyết chẳng tổn hại chúng sanh, quyết chẳng khiến cho chúng sanh dấy khởi phiền nã, đó là hạnh đại bi bình đẳng của Bồ Tát, nên gọi là Diệu Cát Tường. Chúng ta đọc đến chỗ này, nói thật ra, phải học theo, phải nghiêm túc học tập! Nói thật ra, trong hết thủy thế gian, chúng ta khuyết thiếu “*thân cận, cúng dường, tán thán*”, nói thật thà là chúng ta chẳng sót sáng tu mười nguyện Phổ Hiền. Một người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đối với mười nguyện Phổ Hiền và Thập Hạnh của ngài Văn Thù (Thập Ba La Mật¹¹⁰) đều phải nên tu học. Chúng ta thấy kinh Vô Lượng Thọ, vừa mở đầu, các vị Bồ Tát, Thanh Văn, tỳ-kheo, hết thủy đại chúng tham dự hội ấy, chẳng ai không “*tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*”, “*Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” chính là mười đại nguyện vương. Vì thế, sau khi đọc kinh ấy, chúng ta phải nắm được cương lĩnh, phải hành, nỗ lực thực hiện! Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng thường nói: Làm được một trăm phần trăm, trong tương lai, quý vị vãng sanh Tây Phương thế giới, quyết định là Thượng Phẩm Thượng Sanh. Làm được chín mươi

Kiến Nghiệp thì gặp loạn Hầu Cảnh làm phản Lương Vũ Đế nên phải lánh sang đất Tô Hàng, khởi sự dịch kinh nơi đó. Ngài dịch tất cả 76 bộ kinh, tổng cộng 315 quyển, trong đó nổi tiếng nhất là các bộ Nhiếp Đại Thừa Luận, Câu Xá Luận, Kim Thát Thập Luận... Do vùng Hoa Nam loạn lạc liên miên, Ngài khó thể an trụ, lại không có đạo tràng dịch kinh được triều đình bảo trợ như các vị La Thập, Huyền Trang, Bất Không, nên sức dịch thuật và nghị luận của Ngài thật đáng khâm phục. Năm 512 cảm ngộ Hoa Nam không phải là vùng đất hoằng pháp thuận lợi, Ngài ngồi thuyền trở về Ấn Độ, nhưng lại bị bão đánh giạt trở lại Quảng Châu, được Thứ Sử Âu Dương Ngỗi tha thiết thỉnh cầu, lại được các vị như Trí Khải v.v... quy y (đây là trùng âm đọc, không phải là tổ Trí Khải của tông Thiên Thai), Ngài tiếp tục dịch kinh. Chịu ảnh hưởng của Ngài, các tông Nhiếp Luận và Câu Xá được thành lập tại Trung Hoa. Ở đây, có lẽ hòa thượng nói nhầm, vì ngài Chân Đế mất năm 569, lúc đó Trung Hoa còn thuộc thời Nam Bắc Triều. Năm 569 nhằm niên hiệu Thiên Thống thứ năm nhà Bắc Tề, Thiên Bảo thứ tám nhà Tây Lương, Thái Kiến nguyên niên nhà Nam Trần, Thiên Hòa thứ tư nhà Bắc Châu. Nhà Đường mãi đến năm 618 mới thành lập.

¹¹⁰ Thập Ba La Mật là Thí, Giới, Nhẫn, Thiên, Bát Nhã, Phương Tiện, Nguyên, Lực và Trí.

phần trăm, quý vị là Thượng Phẩm Trung Sanh. Làm được tám mươi phần trăm, quý vị là Thượng Phẩm Hạ Sanh. Thượng Phẩm Hạ Sanh cũng khá lắm, tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, sau bảy ngày hoa nở, thấy Phật. Chúng ta phải tranh thủ điều này. Vì thế, phải sốt sắng thực hiện, ở đây, [lời Sớ] cũng nêu ra ý nghĩa này.

Chúng ta càng phải nên học tập chuyện “oán thân bình đẳng” này, chúng ta thấy có kẻ oán, người thân đều là hết sức bất bình đẳng, đây là chướng ngại rất lớn. Nếu có thể từ oán thân bình đẳng mà tu tâm đại bi thanh tịnh và bình đẳng của chính mình thì lúc chúng ta vãng sanh sẽ nắm chắc một trăm phần trăm, trong sát-na lâm chung, quý vị chẳng bị chướng ngại, vì sao? Quý vị thanh tịnh, bình đẳng, cho đến lúc ấy sẽ chẳng có gì không buông xuống được, trong lòng sẽ chẳng có vướng mắc gì. Thậm chí người ta chạm vào thân thể quý vị, quý vị cũng chẳng có phiền não, oán thân bình đẳng mà. Vì thế, lúc bình thường chúng ta phải thật sự dốc công phu để có thể tránh khỏi những chướng ngại nầy sanh ngoài ý muốn khi vãng sanh.

(Sao) Hữu sanh thời hữu thập chủng thụy.

(鈔) 又生時有十種瑞。

(Sao: Lại nữa, lúc Ngài sanh ra có mười điềm lành).

Có mười thứ điềm lành¹¹¹, cho nên gọi là Diệu Cát Tường. Đây là do Văn Thù Bồ Tát thị hiện lúc hạ sanh.

(Sao) Nhất, quang minh mãn thất, nãi chí thập, tượng sanh lục nha, danh Diệu Cát Tường.

(鈔) 一光明滿室，乃至十象生六牙，名妙吉祥。

(Sao: Một là quang minh ngập nhà, cho đến điều thứ mười là voi mọc sáu ngà, nên gọi là Diệu Cát Tường).

Lúc Ngài sanh ra có mười thứ tướng lành, có thể nói là vô lượng vô biên phước đức hiện tiền, nên mới có điềm lành như vậy.

¹¹¹ Mười tướng lành: Một là quang minh ngập nhà, hai là cam lộ đầy sân, ba là đất trời lên bảy bấu, bốn là thân mở kho tàng, năm là gà sanh trứng phượng, sáu là lợn sanh ra lợn con có hình rồng, bảy là ngựa sanh kỳ lân, tám là trâu sanh ra con Bạch Trạch, chín là kho lúa tràn ngập hạt thóc bằng vàng, mười là voi có sáu ngà.

(Sao) Thị tức Giải chi Hạnh cố.

(鈔) 是即解之行故。

(Sao: Do Giải chính là Hạnh).

“*Tức Giải chi Hạnh*”, đây là giải thích chữ Diệu có nghĩa là “Giải Hạnh tương ứng”, Giải ở trong Hạnh, Hạnh ở trong Giải, Giải là Hạnh, Hạnh là Giải. Chúng tôi cũng rất nhấn mạnh điểm này, vì tôi mong mọi các vị đồng tu Tịnh Độ, chúng ta phải hợp ba kinh lại để tham chiếu, tức là đối với kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, phải biến ba kinh ấy thành tư tưởng, kiến giải, và hành vi của chính mình, đó là Diệu. Kiến giải, tư tưởng, và hành vi của chúng ta là Giải, [ngược lại], Giải phải là tư tưởng, kiến giải, và hành vi của chính chúng ta. Đó là “*diệu giải*” ba kinh, phải làm được điều ấy.

(Sao) Diệu Đức giả, trí dã. Kinh vân: “Chư Phật chi mẫu, Thích Ca chi sư, khởi phi diệu đức?” Thị tức Hạnh chi Giải cố.

(鈔) 妙德者，智也。經云：諸佛之母，釋迦之師，豈非妙德。是即行之解故。

(Sao: Diệu Đức là trí. Kinh dạy: “Mẹ của chư Phật, thầy của đức Thích Ca, há chẳng phải là Diệu Đức ư?” Đó là Hạnh chính là Giải vậy).

[Xét đến] ý nghĩa [của danh hiệu] Diệu Đức, nói thật ra, Văn Thù Bồ Tát đã thành Phật từ lâu, Ngài là cổ Phật thả chiếc bè Từ, trở lại giúp Thích Ca Mâu Ni Phật hồng pháp lợi sanh. Trong kinh, đức Phật đã từng dạy: Ngài Văn Thù từng là “*thất Phật chi sư*”, tức là thầy của bảy vị Phật, trong số đó có Thích Ca Mâu Ni Phật. [Bảy vị Phật ấy là] ba vị cuối cùng trong kiếp quá khứ (Trang Nghiêm Kiếp), và bốn vị Phật trong Hiền Kiếp hiện tại. Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát là thầy của bảy vị Phật, cho nên Ngài đã sớm viên mãn trí huệ. Trí huệ chẳng viên, chẳng thể gọi là Diệu Đức. Kinh Hoa Nghiêm nói vị Bồ Tát này “*liễu liễu kiến Phật tánh, do như Diệu Đức đẳng*” (thấy Phật tánh rành rành, giống như là Diệu Đức), cũng là nói rất rõ ràng ý nghĩa này: Từ lâu xa, Văn Thù Bồ Tát đã chứng đắc Nhất Thiết Chủng Trí, chẳng khác gì Phật; vì thế, Ngài đại diện cho Trí Môn.

(Sao) Nhập pháp chánh vị giả, Như Lai cứ Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa, nhi Bồ Tát nhập u thứ địa, thị vị thiệu long Phật chủng, đương kế Phật vị. Như đại quân thể nguyên cư chánh, sở sanh vương tử, kim tại Đông Cung, đương thiệu vương vị, danh Pháp Vương Tử, hựu danh Phật Tử, kỳ ý diệc nhĩ.

(鈔)入法正位者，如來據中道第一義，而菩薩入於此地，是謂紹隆佛種，當繼佛位。如大君體元居正，所生王子，今在東宮，當紹王位，名法王子，又名佛子，其意亦爾。

(Sao: “*Nhập pháp chánh vị*”: Như Lai ngự trong Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa, Bồ Tát nhập địa vị ấy, điều đó gọi là “tiếp nối hưng thịnh dòng giống Phật, sẽ kế tục địa vị Phật”, giống như hoàng đế nắm quyền¹¹², vương tử do nhà vua sanh ra nay đang ở Đông Cung, sẽ nối ngôi vua, nên gọi là Pháp Vương Tử, lại còn gọi là Phật Tử, cũng có cùng một ý nghĩa).

Ở đây vừa giảng về pháp, vừa nêu tỷ dụ. “*Như Lai cứ Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa*” là nói đến chánh vị của đức Phật. “*Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa*” là Phật vị, tức là Phật quả rốt ráo trong Viên Giáo. Thông thường, tông Thiên Thai nói có bốn loại Phật là Tạng, Thông, Biệt, Viên; chỉ có Viên Giáo Phật mới là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa. “*Bồ Tát nhập địa vị*”, ý nói: Bồ Tát gần đạt đến địa vị Phật. Trung Đạo chẳng dễ hiểu cho lắm, chúng tôi nói theo tông Thiên Thai thì tông Thiên Thai giảng ý nghĩa [Trung Đạo] khá sâu, họ nói theo sự viên giải. Những điều này thuộc về Giáo Hạ, Giáo Hạ nói “đại khai viên giải”, đại khai viên giải là địa vị minh tâm kiến tánh. Nếu đại khai viên giải mà chấp vào Viên, sẽ chẳng viên! Có thể thấy: Hễ chấp trước Viên thì vẫn là khuyết điểm, vẫn sai lầm, huống hồ những thứ khác? Bọn phàm phu chúng ta chấp Có, chỗ nào cũng đều tưởng hết thấy đều có thật, thật sự có, làm mất rồi! Người Nhị Thừa chẳng chấp Có, họ chấp Không, cũng sai luôn! Bồ Tát là hai bên Không và Có đều chẳng chấp trước. Đó gọi là Trung Đạo.

Chương Đại Thế Chí Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm có nói: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Nhiếp trọn sáu căn nhưng chẳng chấp Có, tịnh niệm tiếp nối là chẳng chấp Không, hai bên Không và Có đều chẳng chấp trước. Phương pháp niệm Phật ấy vô cùng cao cấp, trong bốn loại niệm Phật, loại này gọi là Thật Tướng Niệm Phật, thông thường chúng tôi rất ít nói tới, vì sao? Chúng ta làm không được. “*Đô nhiếp lục căn*” là nhất niệm bất sanh, lục căn của chúng ta đối trước cảnh giới lục trần chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, không khởi tâm, chẳng động niệm, đó là Nhiếp, chúng ta có thể làm

¹¹² “*Thế nguyên cư chánh*” là từ ngữ chỉ sự cai trị của nhà vua. Theo Hán Ngữ Từ Điển, từ ngữ này có nghĩa là hoàng đế lấy nguyên khí của trời đất làm Thế, thường dùng chánh đạo để cai trị, giáo hóa dân chúng, nên gọi là “*cư chánh*”.

được hay không? Lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới lục trần mà có thể chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước hay chẳng? Làm chẳng được! Vì thế, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật dạy chúng ta những phương pháp niệm Phật khác, không dạy phương pháp này. Kinh dạy chúng ta quán tướng, quán tượng, trì danh, chẳng giảng về Thật Tướng. Đại Thế Chí Viên Thông Chương giảng về Thật Tướng Niệm Phật. Chúng ta phải hiểu đạo lý ấy, chúng ta cũng mong tận hết sức, nỗ lực thực hiện; nhưng hễ có ý niệm nỗ lực thì lại không được, vì sao? Chấp tướng, nên chẳng đạt được. Vì vậy, Thật Tướng Niệm Phật là vô cùng tự nhiên, đó gọi là “*thong dong Trung Đạo*”! Trong ấy, không có tướng tượng, chẳng khởi tâm, không động niệm, hễ chúng ta có ý niệm bèn là khởi tâm động niệm. Nói thật ra, chúng ta dùng ba phương pháp niệm Phật trên đây, niệm đến Lý nhất tâm bất loạn, sau đây, niệm Phật sẽ tự nhiên là Thật Tướng. Thật ra, niệm Phật đến Sự nhất tâm sẽ nhiếp trọn sáu căn, quý vị đắc Niệm Phật tam-muội. Niệm đến Lý nhất tâm mới là tịnh niệm tiếp nối. Điều ấy được gọi là Niệm Bất Thoái, niệm niệm lưu nhập Như Lai giác hải. “*Tát Bà Nhã hải*” (biển Nhất Thiết Trí) như trong kinh Phật đã nói chính là biển đại giác, “biển” là tỷ dụ. Bồ Tát nhập pháp chánh vị cũng gần như đạt đến địa vị này; nhưng Bồ Tát nhập vào địa vị này sẽ “*thị vị thiếu long Phật chủng, đương kế Phật vị*” (được gọi là “tiếp nối hưng thịnh dòng giống Phật, sẽ kế tục địa vị Phật”), tức là địa vị Hậu Bồ Phật, Bồ Tát nhập địa vị này.

Tiếp đó, [lời Sao] dùng pháp thế gian làm tỷ dụ, “*như đại quân thế nguyên cư chánh*”, “*đại quân*” là hoàng đế, “*hoàng đế cư chánh*” [nghĩa là] nơi hoàng đế ngự được gọi là “*chánh vị*”, tức [ngự trên] ngôi cửu ngũ¹¹³. Trong Phật pháp, Pháp Vương Tử giống như Đông Cung Thái Tử,

¹¹³ Theo Dịch học, Cửu là số Dương lớn nhất, mang ý nghĩa tôn quý nhất, còn Ngũ là con số tượng trưng cho sự vừa phải chừng mực trong các số Dương. Dùng hai con số này ghép lại để hình dung vua tôn quý nhất trong một nước, nhưng xử sự luôn thích hợp, chừng mực, biết kiềm chế thích đáng, không sa vào cực đoan. Đồng thời, quẻ Thuần Càn trong kinh Dịch gồm sáu vạch liền nét chồng lên nhau, mỗi một vạch được gọi là Cửu. Cửu Ngũ chính là vạch thứ năm trong quẻ Thuần Càn, được kinh Dịch giảng là: “*Cửu Ngũ, phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân*” (Cửu Ngũ: Rồng bay lên trời, bậc đại nhân nêu rõ phong thái, khuôn phép, hoặc còn có cách giải thích là Cửu Ngũ: Rồng bay lên trời, bậc đại nhân được lợi). Dù hiểu theo nghĩa nào, Cửu Ngũ thể hiện ý nghĩa tốt lành, không thái quá, vì là số thuần Dương nhưng không đến cực hạn như Thượng Cửu (hào cuối cùng trong quẻ Thuần Càn), vì hễ đến cực hạn, chí Dương sẽ biến thành Âm. Cửu Ngũ hàm nghĩa đã gần đến cực hạn, nhưng vẫn điều hòa, thích

địa vị giống nhau. “*Sở sanh vương tử, kim tại Đông Cung, đương thiệu vương vị*” (vương tử do vua sanh nay đang ở Đông Cung, sẽ nối ngôi vua), là người thừa kế quốc vương. Do vậy, có thể biết Pháp Vương Tử là người thừa kế đức Phật; do vậy, Pháp Vương Tử vô cùng tôn quý.

“*Hựu danh Phật Tử, kỳ ý diệc nhĩ*” (lại còn gọi là Phật tử, cũng có cùng một ý nghĩa), cũng gọi là Phật Tử, nhưng Phật Tử không có ý nghĩa rõ rệt như Pháp Vương Tử. Trong hội Hoa Nghiêm đã nói “*Phổ Hiền vi trưởng tử*” (Phổ Hiền là con cả), tức là Pháp Vương Tử, “*Văn Thù vi thứ nam*” (Văn Thù là con trai thứ). Văn Thù giống như đứa con nhỏ, còn Phổ Hiền là con lớn của đức Phật. Trưởng tử là Pháp Vương Tử, thứ nam là Phật Tử. Vì sao trong hội Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát được xếp cao hơn Văn Thù Bồ Tát? Chư vị phải hiểu, Văn Thù tượng trưng Trí, Phổ Hiền tượng trưng Hạnh, xếp Phổ Hiền vào bậc nhất vì trọng Hạnh! Tây Phương Tam Thánh cũng giống như vậy, Quán Thế Âm được xếp trước Đại Thế Chí vì Quán Âm tượng trưng cho Hạnh, Đại Thế Chí biểu thị Trí, pháp môn này cũng coi trọng thực hành. Vì thế, quý vị nhìn vào cách xếp đặt vị trí của Bồ Tát, sẽ hiểu pháp môn ấy trọng trí hay trọng hạnh, sẽ thấy rất rõ ràng.

(Sao) Phàm Bồ Tát giai Pháp Vương Tử, độc xưng Văn Thù giả, Kinh Khê vân: “U vương tử trung, đức thôi Văn Thù”. Hựu chư kinh Văn Thù thường vi nhất thiết Bồ Tát thượng thủ cố. Lệ Xá Lợi Phất giả, Thân Tử trí huệ đệ nhất, Văn Thù đại trí độc tôn, như tiền sở minh thủ kinh duy trí phương năng tín thọ cố.

(鈔)凡菩薩皆法王子，獨稱文殊者，荊溪云：於王子中，德推文殊，又諸經文殊常為一切菩薩上首故。例舍利弗者，身子智慧第一，文殊大智獨尊，如前所明此經惟智方能信受故。

(Sao: Phàm các vị Bồ Tát đều là Pháp Vương Tử, nhưng riêng gọi ngài Văn Thù bằng danh từ này. Ngài Kinh Khê nói: “Trong các vị vương tử, ngài Văn Thù phẩm đức cao nhất”. Lại nữa, trong các kinh, ngài Văn Thù thường là thượng thủ của hết thảy Bồ Tát. Như ngài Xá Lợi Phất, Thân Tử trí huệ bậc nhất, Văn Thù đại trí độc tôn, như trong phần trước đã nói: “Chỉ có người trí huệ mới có thể tin nhận [pháp môn] này”).

đáng, giống như vua dầu quyền lực đã đến mức chí tôn, vẫn kính trời sợ đất, biết kiềm chế, xử sự thích đáng.

Đoạn này giảng rất hay, vì sao? Phàm là Bồ Tát đều gọi là Pháp Vương Tử. Pháp Vương Tử là tiếng gọi chung, không nhất định là Phổ Hiền [hay Văn Thù] mới được gọi là Pháp Vương Tử. Chúng ta gọi chung bậc kiến tánh Bồ Tát là Pháp Vương Tử. Trong Viên Giáo, từ Sơ Trụ trở lên đều gọi là Pháp Vương Tử, hoặc đều gọi là Phật Tử, vì sao? Đồng Sanh Tánh với Phật, cách nói này hết sức hợp lý. Tâm phàm phu chúng ta và tâm Phật chẳng giống nhau. Phàm phu chúng ta sử dụng cái tâm phân biệt, tâm vọng tưởng, tâm chấp trước; còn kiến tánh Bồ Tát, chính là chuyển tám thức thành bốn trí, Ngài chẳng sử dụng những tâm ấy. Trong phần hai mươi lăm pháp Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm, hai mươi lăm vị Bồ Tát thấy đều là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo; vì thế, địa vị cũng chẳng cao lắm! Trong kinh Lăng Nghiêm, Quán Thế Âm Bồ Tát là Viên Giáo Sơ Trụ, Đại Thế Chí Bồ Tát cũng là Sơ Trụ trong Viên Giáo. Vì thế, tuy cùng là một vị Bồ Tát, nhưng trong mỗi bộ kinh, địa vị khác nhau. Trong hội Lăng Nghiêm, Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện làm Sơ Trụ. Trong kinh Hoa Nghiêm, Ngài thị hiện làm Đệ Thất Hồi Hương; trong kinh Pháp Hoa, Ngài thị hiện thân phận Đẳng Giác. Vì vậy, trong mỗi hội, thị hiện thân phận khác nhau. Trong kinh Lăng Nghiêm, Bồ Tát nói: *“Phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo”* (xoay lại cái Nghe để nghe tự tánh, tánh trở thành vô thượng đạo). Lấy Quán Thế Âm Bồ Tát làm thí dụ, hai mươi bốn vị thánh [trong hội Lăng Nghiêm] cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, các Ngài thấy sắc, nghe tiếng khác chúng ta! Quán Âm Bồ Tát dùng gì để nghe âm thanh? Dùng tánh Nghe để nghe. Chúng ta dùng Nhĩ Thức để nghe, khác hẳn! Bồ Tát thấy hết thấy sắc tướng bèn dùng tánh Thấy để thấy, chúng ta dùng Nhãn Thức để thấy. Nếu chúng ta cũng biết dùng căn tánh của sáu căn, sẽ chẳng khác gì Phật! Nếu quý vị biết dùng căn tánh của sáu căn, sẽ được gọi là Pháp Vương Tử. Nếu quý vị chẳng dùng căn tánh của sáu căn, vẫn dùng tám thức, chẳng thể gọi là Pháp Vương Tử!

Thông thường gọi [Bồ Tát] là Phật Tử, phạm vi tương đối rộng hơn một chút, có thể bao gồm cả hạng Sơ Phát Tâm chúng ta. Quý vị học Phật, đều là đệ tử Phật, quy y Tam Bảo, đều là đệ tử Tam Bảo, tương đối rộng rãi hơn một chút! Gọi là Pháp Vương Tử thì ý nghĩa nghiêm ngặt hơn một chút. Trong Lăng Nghiêm Chánh Mạch, pháp sư Giao Quang bảo người học Lăng Nghiêm phải biết *“bỏ thức dùng căn”*. Tuy đề xướng như vậy, bỏ thức dùng căn há dễ dàng? Chẳng phải là chuyện dễ dàng! Nói thật ra, công đức của một câu A Di Đà Phật trọn chẳng kém *“bỏ thức dùng căn”*,

vấn đề là quý vị phải biết dùng, phải biết niệm thì mới được. Biết niệm là gì? Chẳng biết niệm là gì? Hiện thời, mọi người chúng ta đều niệm Phật, nhưng nói thật thà thì quá nửa đều chẳng biết niệm, quý vị niệm chẳng đúng pháp! Vì thế, công hiệu chẳng rõ rệt. Biết niệm là gì? Người biết niệm, trong tâm vừa dấy niệm, bất luận là niệm gì, thiện niệm hay ác niệm, chánh niệm hay tà niệm, nhất loạt chẳng quan tâm tới, vì sao? Trong Chân Như bản tánh không có niệm, nó vốn chẳng có niệm! Có niệm là trật rồi, vốn chẳng có ý niệm mà! Hiện thời, đối với niệm ấy, bất luận niệm gì, chỉ cần niệm dấy lên, niệm thứ hai bèn đổi thành A Di Đà Phật. Nói cách khác, khởi niệm chỉ có nhất niệm, quyết định không có niệm thứ hai tiếp nối, niệm thứ hai bèn đổi thành A Di Đà Phật. Niệm Phật như vậy gọi là “biết niệm”. Niệm lâu ngày, hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng đều chẳng còn nữa, đều đoạn hết, chỉ còn lại A Di Đà Phật.

Nếu quý vị thiện căn sâu dày, do một câu A Di Đà Phật sẽ đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, niệm đạt tới Lý nhất tâm bất loạn, vãng sanh quyết định là Thượng Phẩm Thượng Sanh. Nếu thiện căn và phước đức cạn một chút, chẳng dày như vậy, phương pháp Niệm Phật này thật sự chế ngự phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, chẳng để chúng dấy lên, hiện hành, quý vị quyết định có phần vãng sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong Tây Phương thế giới. Nói cách khác, trong một đời này, chúng ta thật sự vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, viên chứng ba món Bất Thoái, thành Phật trong một đời. Hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn là thành Phật trong một đời. Bất luận pháp môn nào khác đều chẳng có cách nào sánh bằng pháp môn Niệm Phật!

Ở đây, có một câu hỏi, Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị đều gọi là Pháp Vương Tử, vì sao những vị Bồ Tát khác chẳng gọi là Pháp Vương Tử, chỉ riêng gọi ngài Văn Thù? Kinh Khê đại sư¹¹⁴ bảo: “*U vương*

¹¹⁴ Kinh Khê Trạm Nhiên (711-782) là tổ thứ chín của tông Thiên Thai, quê ở đất Kinh Khê, Tấn Lăng, Thường Châu (nay thuộc huyện Nghi Hưng, tỉnh Giang Tô). Ngài mang chí xuất trần từ bé. Năm mười bảy tuổi, rời nhà đi học đạo các nơi, đến năm Khai Nguyên 18 (730), gặp ngài Kim Hoa Phương Nham ở Đông Dương, nghe giảng Ma Ha Chỉ Quán, bèn xin cầu học với tổ thứ tám của tông Thiên Thai là ngài Tả Khê Huyền Lăng. Dưới sự dìu dắt của Tổ, Ngài chuyên học Thiên Thai Giáo Quán. Đến năm Khai Bảo thứ bảy (749), Sư xuất gia tại chùa Tịnh Lạc ở Quân Sơn, Nghi Hưng. Ngài nghiên cứu rộng rãi Luật Tông, nhất là Tứ Phần Luật. Ngài tự đề cho mình trách nhiệm trung hưng Thiên Thai, nên lại ra sức chú giải ba bộ sách lớn của tông Thiên Thai (Pháp Hoa Văn Cú, Ma Ha Chỉ Quán, Pháp Hoa Huyền Nghĩa). Các trước tác chủ yếu của Ngài là Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa Thích Thiêm, Pháp Hoa Kinh Văn

tử trung, đức thôi Văn Thù”, [nghĩa là] trong hết thầy các vị Bồ Tát, ngài Văn Thù đức hạnh bậc nhất. Nếu Ngài chẳng có đức hạnh cao dường ấy, làm sao có thể là thầy của bảy đức Phật? Đây là một lý do khiến cho mọi người chúng ta đặc biệt tôn trọng Ngài. “Hựu chư kinh Văn Thù thường vi nhất thiết Bồ Tát thượng thủ cố” [nghĩa là] trong sự biểu thị pháp của đại đa số kinh điển Đại Thừa đều xếp Văn Thù Bồ Tát đứng đầu, giống như trong pháp Tiểu Thừa, xếp tôn giả Xá Lợi Phất bậc nhất, mang ý nghĩa tương đồng. Trong Tiểu Thừa, Thân Tử là ngài Xá Lợi Phất, Xá Lợi Phất trí huệ đệ nhất; trong hàng Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát biểu thị trí huệ đệ nhất. Bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, nếu chẳng phải là trí huệ đệ nhất, chẳng thể tin nhận bộ kinh điển này, chẳng thể tin nhận pháp môn này. Vì thế, nhất định phải xếp [hai ngài Xá Lợi Phất và Văn Thù] vào vị trí thứ nhất, đó là ý nghĩa biểu thị pháp.

(Sao) Hựu phân biệt nhi luận, tặc Thân Tử Quyền Trí, Văn Thù Thật Trí. Quyền Trí minh “hữu sanh Tịnh Độ”, Thật Trí minh “vô sanh Tịnh Độ”. Độn căn tặc tùng Quyền nhập Thật, lợi căn tặc Quyền Thật song dung. Nhược thôi bốn nhi luận, Bất Tư Nghị Cảnh Giới kinh vân: “Phục hữu bách thiên vạn ức Bồ Tát, hiện Thanh Văn hình, diệc lai tại tọa, kỳ danh viết Xá Lợi Phất đẳng”. Tặc Văn Thù, Thân Tử, đồng nhất thậm thâm trí huệ, ích tri thử kinh phi thiểu trí sở năng tín hĩ.

(鈔)又分別而論，則身子權智，文殊實智，權智明有生淨土，實智明無生淨土，鈍根則從權入實，利根則權實雙融。若推本而論，不思議境界經云：復有百千萬億菩薩，現聲聞形，亦來在坐，其名曰舍利弗等。則文殊身子，同一甚深智慧，益知此經非淺智所能信矣。

(Sao: Lại nữa, nói phân biệt thì Thân Tử là Quyền Trí, Văn Thù là Thật Trí. Quyền Trí nói rõ “có sanh Tịnh Độ”, Thật Trí nói rõ “chẳng sanh Tịnh Độ”. Độn căn là từ Quyền nhập Thật, lợi căn là Quyền và Thật cùng viên dung. Nếu luận theo căn bản (Bốn) thì kinh Bất Tư Nghị Cảnh Giới nói: “Lại có trăm ngàn vạn ức Bồ Tát, hiện thân Thanh Văn, cũng đến trong hội này, tên các Ngài là Xá Lợi Phất v.v...”, vậy thì Văn Thù và Thân Tử có cùng một trí huệ rất sâu, nên càng biết kẻ trí cạn sẽ chẳng thể tin kinh này).

Cú Ký, Ma Ha Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoàng Quyết, Kim Cang Bể, Chỉ Quán Nghĩa Lê, Pháp Hoa Ngũ Bách Vấn Luận v.v...

Đoạn chú giải này chứa đựng ý nghĩa rất sâu. “*Phân biệt nhi luận*” (nói phân biệt), vì cách giảng trong phần trước là tổng thuyết. Tách ra để nói, trí huệ có Quyền và Thật bất đồng. Quyền là nói theo kiểu phương tiện thiện xảo, Thật là nói chân thật. Quyền là đức Phật tùy thuận kiên giải, hiểu biết thông thường của chúng sanh để nói. Thật là nói theo cảnh giới của chính Như Lai, thường là chúng ta không có cách nào tiếp nhận, nhưng đó là chân thật. Đức Phật tùy thuận kiến giải và hiểu biết thông thường của chúng ta để nói, chúng ta đều có thể tiếp nhận, rất hoan hỷ tiếp nhận. Vì thế, hai vị này tượng trưng hai thứ trí huệ Quyền và Thật. Người Tiểu Thừa có công phu định lực khá sâu, và cũng hiển thị trí huệ kha khá, nhưng trí huệ của họ chẳng lưu xuất từ Chân Như bản tánh. Do vậy, chẳng phải là chân trí huệ; vì thế, mới miễn cưỡng nói Quyền Trí. Thật ra, nếu không nói ra đoạn văn này, Quyền Trí của Xá Lợi Phất cũng chẳng dễ giảng, vì sao? Không có Thật Trí, lấy đâu ra Quyền Trí? Giống như cái cây, không có rễ, lấy đâu ra cành, lá! Thật Trí là cội rễ, Quyền Trí là cành, lá. Không có Thật Trí, chắc chắn không có Quyền Trí, tức là cũng nói rõ: A La Hán thiếu trí huệ! Ai mới có trí huệ? Người kiến tánh mới có trí huệ. Tâm tánh là Thật Trí, tâm tánh khởi tác dụng, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, đó là Quyền Trí. Đoạn này đã chỉ rõ, tôn giả Xá Lợi Phất cũng là bậc đại quyền thị hiện, chẳng phải là Tiểu Thừa thật sự, mà cũng là cô Phật tái lai, địa vị của các Ngài chẳng sai khác cho lắm, đều giống nhau, đều đã thành Phật. Thị hiện làm Thanh Văn, hay làm Bồ Tát trong hội Thích Ca Mâu Ni Phật, không gì chẳng nhằm giúp Thích Ca Mâu Ni Phật hoằng pháp mà thôi. Đó là đại từ, đại bi, thả chiếc bè Từ, có ý nghĩa như vậy.

“*Quyền Trí minh hữu sanh Tịnh Độ*” (Quyền Trí nói rõ “có sanh Tịnh Độ”), thừa nhận Tây Phương Cực Lạc thế giới có thật, giống như thế giới hiện tại này của chúng ta, [Cực Lạc] ở phương Tây của thế giới này, nhưng chẳng phải là ở phía Tây của địa cầu này, nó ở phương Tây của thế giới Sa Bà. Trên địa cầu này, gần đây có những người thật sự thông hiểu khoa học cũng liễu giải, địa cầu này nói thật ra là một châu trong một tiểu thế giới. Một ngàn tiểu thế giới mới gọi là một tiểu thiên thế giới. Lấy tiểu thiên thế giới làm đơn vị, một ngàn tiểu thiên thế giới mới gọi là một trung thiên thế giới. Lại lấy trung thiên thế giới làm đơn vị, một ngàn trung thiên thế giới gọi là một đại thiên thế giới. Danh xưng chung của một đại thiên thế giới là thế giới Sa Bà. Thế giới Cực Lạc ở phía Tây thế giới Sa Bà. Điều này nói rõ, đức Phật giảng cho chúng ta sự thật này, từ thế giới Sa

Bà đi về phương Tây qua khỏi mười vạn ức cõi Phật, quả thật có một tinh cầu, tinh cầu ấy rất lớn, chẳng biết lớn hơn địa cầu của chúng ta bao nhiêu lần, thế giới ấy là thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật.

Thế giới Cực Lạc thù thắng trang nghiêm khôn sánh! Vì thế giới ấy là cõi Pháp Tánh, khác với thế giới của chúng ta, tánh chất khác nhau, vì sao? Thế giới của chúng ta, thậm chí mười phương các cõi Phật đều do Chân Như bỗng tánh sau khi vô minh dấy lên, biến thành A Lại Da thức; trong A Lại Da thức lại có hai phần là Kiến Phần và Tướng Phần. Từ Kiến Phần biến hiện Tướng Phần, Tướng Phần biến hiện y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới; vì thế, nó từ vô minh biến hiện. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có vô minh, hoàn toàn do tự tánh biến hiện; do đó, nơi ấy là tự tánh Tịnh Độ, khác hẳn thế giới này của chúng ta! Ở nơi này là “*vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới làm duyên tăng trưởng lục thô*”, cõi nước của chúng ta do vậy mà có. Nói cách khác, xét đến căn nguyên của nó, cõi này do vô minh biến hiện, còn cõi kia hoàn toàn từ Chân Như bỗng tánh hiện ra, căn nguyên chẳng giống nhau. Chúng ta chẳng có cách nào lý giải điều này! Kinh thường dạy: “*Duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh*” (chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo), hữu tình trong chín giới chẳng thể nào lý giải, đạo lý ở chỗ này. Vì thế, người căn tánh độn một chút bèn từ Quyền nhập Thật; đó là “*có sanh Tịnh Độ*”, hữu sanh!

Khi chúng ta niệm Phật đến mức công phu thành thực, trong tương lai, khi lâm chung, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn chúng ta, chuyện này là thật, chẳng giả! Vì thế, mọi người đọc đến đây, chớ nên hoài nghi, thật sự vãng sanh, chẳng phải giả! Nhưng nếu là người lợi căn, sẽ cao minh hơn, đó gọi là “*sanh thì quyết định sanh, đi thì chẳng thật sự đi*”, không đi làm sao sanh? Không đi mà thật sự sanh! Đó là người căn tánh nhạy bén, hiểu tự tánh của A Di Đà Phật và tự tánh của chính chúng ta là một tánh, chẳng phải là hai tánh, nên gọi là “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”. Người như vậy vãng sanh, thừa quý vị, đều là thượng thượng phẩm, sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm trong thế giới bên kia. Đó là lợi căn, người ấy thật sự có trí huệ, biết có “*vô sanh Tịnh Độ*”.

“*Vô sanh Tịnh Độ*” là thật sự liễu đạt Pháp Không, hai thứ chấp trước đều phá sạch. Phạm phu có Nhân Ngã Chấp và Pháp Ngã Chấp. Ngã Chấp đã hết, chúng đắc Nhân Không, quả vị niệm Phật là Sự nhất tâm bất loạn, niệm tới Pháp Không là Lý nhất tâm bất loạn. Đắc Sự nhất tâm bất loạn, sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư của Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn thuộc loại “*hữu sanh Tịnh Độ*”. Cõi Phương Tiện và cõi Đồng

Cư đều thuộc loại hữu sanh Tịnh Độ; nhưng chư vị phải hiểu: Thế giới Tây Phương là Có và Không bất nhị, như Tâm Kinh đã nói: “*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*”, đó là diệu độ! Vì vậy, quý vị bảo nó là hữu sanh cũng được, mà nói nó là vô sanh cũng được luôn! Hữu sanh và vô sanh là một, không hai. Chúng ta vừa nhìn, thường thấy có đối lập, thấy hữu sanh thì còn có hy vọng, thấy vô sanh bèn đau buồn, chẳng trông mong gì! Sai mất rồi! Không biết chúng là một, chẳng hai! Đó là cỗi màu nhiệm thật sự!

Những người căn tánh lạnh lợi khai ngộ rồi, họ niệm Phật đến mức kiến tánh. Sau khi kiến tánh, tâm họ thật sự đạt được thanh tịnh, khi ấy, triệt để hiểu rõ chúng sanh và Phật chẳng hai, tịnh và uế dung thông. Giống như Đại Luận đã nói, Tâm Kinh cũng nói rõ rệt: “*Chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng như, chẳng sạch, chẳng đến, chẳng đi, chẳng thường, chẳng đoạn*”. Trung Quán Luận nói đến “*bát bất*” (tám điều chẳng) đó là Thật Tướng của các pháp, cũng chính là như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói trong kinh Lăng Nghiêm: “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*”. Tuy trong tâm thanh tịnh chẳng sanh một niệm, giống như Lục Tổ đã nói: “*Vốn chẳng có một vật*”, Phật hiệu của người ấy vẫn chẳng gián đoạn. Tuy Phật hiệu chẳng gián đoạn, quyết định chẳng trở ngại “*vốn chẳng có một vật*”!

Thiền Tông muốn chứng “*vốn chẳng có một vật*” thì phải chứng tâm thanh tịnh. Nếu niệm một tiếng Phật hiệu, họ phải súc miệng ba ngày, họ nói trong tâm đã bị nhiễm dơ! Nếu quý vị lắng lòng đôi chút, suy nghĩ, [sẽ thấy] tâm kẻ ấy chẳng thanh tịnh! Có sao nói kẻ ấy chẳng thanh tịnh? Nếu thật sự thanh tịnh, niệm một tiếng Phật hiệu há còn có thể nhiễm bần kẻ ấy hay chăng? Do vậy, ta biết: Kẻ ấy chán ghét niệm Phật thì cái tâm chán ghét ấy là tâm chẳng thanh tịnh, vẫn chẳng thoát khỏi chấp trước, chấp trước gì vậy? Chấp trước thanh tịnh, chấp trước “*không có một vật*”. Kẻ ấy trọn chẳng phải thật sự là “*không có một vật nào*”! Trong tâm kẻ ấy hãy còn có [ý niệm] “*không có một vật*”, có [một ý niệm] “*chẳng có một vật nào*” tồn tại! Vì thế, trọn chẳng thật sự đạt đến “*không có một vật nào*”! Nếu thật sự đạt đến “*không có một vật nào*”, sẽ chẳng quan tâm đến chuyện niệm Phật [có ô nhiễm cái tâm hay không; tâm người ấy] chắc chắn không bị ô nhiễm. Vì thế, cảnh giới này rất khó đạt được! Tuy biết “*ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật chẳng có tâm*”, nhưng người ấy niệm Phật chưa hề gián đoạn, tuy biết “*sanh tức vô sanh, vô sanh tức sanh*”, kẻ ấy vẫn muốn vãng sanh. Chúng ta thấy trong hội Hoa Nghiêm, Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị đều niệm Phật cầu sanh Tây

Phương Cực Lạc thế giới, họ là “*vô sanh mà sanh*”. Những vị Bồ Tát ấy chẳng phải là phạm nhân! Chúng ta phải thấu hiểu từ chỗ này!

Tịnh Độ chỉ có một, tuyệt đối chẳng có hai. Ở đây, nhằm thuyết pháp cho thuận tiện hồng khiến quý vị ngộ nhập, chứ trên thực tế là một chuyện. Căn khí chúng sanh có lợi và độn, độn căn từ Quyền nhập Thật, tức là cõi Phạm Thánh Đồng Cư dần dần chúng nhập cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cũng giống hết như chúng ta dụng công ở đây. Chúng ta dùng thức thứ sáu, tức tâm Ý Thức để niệm Phật, chẳng sai! Đó là Quyền. Quý vị hiểu rõ đạo lý ấy, sẽ có thể từ Quyền nhập Thật, có thể chuyển thức thứ sáu, tức Ý Thức, thành Diệu Quan Sát Trí. Nếu chẳng hiểu rõ đạo lý này, quý vị sẽ vĩnh viễn thuộc Quyền vị, chẳng thể nhập Thật vị. Do đó, phải hiểu rõ Lý rồi thực hiện từ Quyền, dốc sức nơi mặt Sự, ôn thỏa thích đáng, chắc chắn chẳng đi sai đường! Vì vậy, từ Sự trì dần dần tiến đến Lý trì.

Nói đến những vị Đại Bồ Tát này, các Ngài là lợi căn! Các Ngài là “*Quyền Thật song dung*” (Quyền lẫn Thật đều viên dung). Tuy hiểu rõ Lý, vẫn chẳng phê Sự, chẳng vứt bỏ Sự! Như Đại Thế Chí Bồ Tát đã hiểu rõ Lý, nhiếp trọn sáu căn, minh tâm kiến tánh, Ngài suốt ngày từ sáng đến tối vẫn lần tràng hạt, niệm A Di Đà Phật chẳng ngừng, chẳng phé Sự! Cho đến những vị như Văn Thù, Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát trong Viên Giáo, trong hội Hoa Nghiêm vẫn phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Đây đều là thị hiện hình tướng nhằm khuyên lơn, khích lệ cửu giới hữu tình, cửu giới bao gồm cả Thập Địa Bồ Tát trong đó, khuyên họ cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ hồng viên mãn Vô Thượng Bồ Đề, mang ý nghĩa này.

“*Nhược thôi bốn nhi luận*” (nếu luận theo căn bản), “*Bốn*” là căn bản, những gì chúng ta thấy trong hiện thời là hình tướng. Xá Lợi Phất, Văn Thù đều là thị hiện hình tích, chứ về căn bản, các Ngài đã thành Phật từ lâu, đều là cổ Phật tái lai. “*Bát Tư Nghị Cảnh Giới Kinh vân*” (kinh Bát Tư Nghị Cảnh Giới nói), Bát Tư Nghị Cảnh Giới Kinh là kinh gì? [Chính là] Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm trong kinh Hoa Nghiêm, tức Nhập Bát Tư Nghị Cảnh Giới Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm, đó là tựa đề của phẩm kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm. Vì tên của phẩm này quá dài, ở đây chỉ nói Bát Tư Nghị Cảnh Giới Kinh, tức là trong Tứ Thập Hoa Nghiêm có nói: “*Phục hữu bách thiên vạn ức Bồ Tát, hiện Thanh Văn hình, diệt lai tại tọa*” (lại có trăm ngàn vạn ức Bồ Tát hiện hình tướng Thanh Văn cũng đến ngồi trong hội này). Trong kinh Hoa Nghiêm mới nêu bày căn bản (Bốn) [của các vị Thanh Văn]! Nếu không, làm sao trong hội Hoa Nghiêm có Tiểu Thừa cho được? [Phải là] Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị mới có tư cách dự hội Hoa Nghiêm! Chẳng phải là

Pháp Thân đại sĩ, muốn thấy còn chưa thấy được pháp hội này, có sao những vị như Xá Lợi Phất đều hiện diện trong ấy? Đến hội thứ chín của kinh Hoa Nghiêm, chúng ta mới thấy điều này, tức là trong quyển thứ nhất của bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm ta thấy cảnh giới này, vì sao? Hàng Tiêu Thừa đều hiện diện, bởi những vị ấy vốn chẳng phải là Thanh Văn thật sự, mà là gì? Đều là Phật, Bồ Tát hiện thân Thanh Văn, biến hiện hình dáng Thanh Văn để tham gia pháp hội này.

“*Kỳ danh viết Xá Lợi Phất đấng*” (tên các Ngài là Xá Lợi Phất v.v...), nêu ra một vị, toàn bộ những vị ấy vốn đều là Pháp Thân đại sĩ. Do đó, trong kinh thường gọi các Ngài là “đại tỳ-kheo, đại A La Hán”, cho thấy các Ngài chẳng phải là [Thanh Văn, Duyên Giác] thật sự, mà đều là Đại Bồ Tát. “*Tắc Văn Thù, Thân Tử, đồng nhất thậm thâm trí huệ*” (như vậy thì Văn Thù và Thân Tử có cùng một trí huệ rất sâu). Nói theo căn bản, các Ngài như nhau, đều là cổ Phật hoặc đại Bồ Tát tái lai. “*Diệc tri thử kinh phi thiện trí sở năng tín hĩ*” (Cũng biết là kẻ trí cạn chẳng thể hiểu kinh này), thật đấy, chẳng sai tí nào, đúng như kinh đã dạy: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể do ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy). Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải trọn đủ ba điều kiện sau đây: Phải có nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên. Nhân duyên hiện thời của chúng ta, nói thật ra là thù thắng hơn bất cứ thời đại nào, năm kinh đồng thời tuyên giảng, nhân duyên ấy sâu xa. Lại nữa, giảng Di Đà Kinh Sớ Sao cũng ít, mà giảng Yếu Giải cũng ít. Thông thường, các đạo tràng giảng kinh Di Đà nhằm ứng phó mà thôi, giảng bảy ngày, giảng nửa tháng, những ý nghĩa trong ấy đều không thấu lộ được! Giảng kinh Vô Lượng Thọ càng ít, giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật cũng chẳng nhiều. Đạo tràng chúng ta ba kinh đều thâm nhập, nghiên cứu, suy xét, nhân duyên ấy thù thắng khôn sánh!

Hiện thời, tùy thuộc bản thân chúng ta thiện căn, phước đức ra sao? Thiện căn, phước đức là gì? Thiện căn là tín giải, quý vị có tin hay không, quý vị có thể lý giải hay không? Tôi thật sự liễu giải, tôi tin tưởng; nhưng quý vị phải biết: Thiện căn có sâu hay cạn khác nhau. Tôi tin tưởng, tôi hiểu rõ, thiện căn chưa thể tính là sâu, như thế nào mới được coi là sâu? Giống như chúng ta ở nơi đây nghiên cứu bộ kinh này, cảnh giới của chúng ta mỗi lượt mỗi khác! Từ chỗ này sẽ thấy thiện căn sâu hay cạn. Thí dụ như năm ngoái tôi tín giải chẳng bằng năm nay, năm kia không bằng năm ngoái, năm ngoái không bằng năm nay, năm nay lại nhất định chẳng bằng

năm tới, quý vị mới thấy tín giải đích xác có cạn hay sâu! Vì thế, thiện căn có cạn hay sâu [khác nhau]!

Phước đức cũng có lớn hay nhỏ khác nhau! Phước đức là gì? Là phát nguyện và trì danh. Phát nguyện và trì danh cũng mỗi năm một khác! Năm ngoái nguyện lực chẳng mạnh mẽ như nguyện lực năm nay, lòng tự tin năm ngoái chẳng khẳng định như lòng tự tin năm nay. Quý vị thấy phước đức mỗi năm lớn hay nhỏ khác nhau. Trì danh, nói theo phương pháp thì mỗi năm một tinh thuần hơn. Câu Phật hiệu thật sự niệm rất hữu hiệu, rất có sức mạnh, niệm Phật mỗi năm một tốt đẹp hơn. Đó là nói thiện căn, phước đức quả thật có sâu, cạn, lớn, nhỏ sai khác, chúng ta chớ nên không chú ý. Chớ nên nghĩ kinh Di Đà ta đã nghe một lần, hiểu rồi, chẳng cần nghe nữa! Kể như quý vị có thiện căn, có phước đức, nhưng thiện căn chưa đủ sâu, phước đức chưa đủ đầy!

Tuy chúng ta có thiện căn, phước đức, nhân duyên, nhưng đối với ba phương diện thiện căn, phước đức, nhân duyên, ắt đều phải khiến cho chúng mạnh hơn, tiếp tục tăng mạnh hơn không ngừng. Như vậy thì đến lúc báo tận, vãng sanh, sẽ vô cùng thù thắng, phẩm vị tăng cao, chẳng luống uổng một đời này! Mong mọi người hãy đặc biệt lưu ý điều này, mấy năm gần đây tôi mới thấu hiểu rất sâu điều này. Hôm nay chúng tôi giảng đến đoạn này!

Tập 116

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm bốn mươi chín.

(Sớ) A Dật Đa giả, thứ vân Vô Năng Thắng, tức Di Lạc Bồ Tát dã.

(疏) 阿逸多者，此云無能勝，即彌勒菩薩也。

(Sớ: A Dật Đa (Ajita), cõi này dịch là Vô Năng Thắng, tức là Di Lạc Bồ Tát).

Vị thứ hai trong Bồ Tát chúng là Di Lạc Bồ Tát.

(Sao) Di Lạc, thứ vân Từ Thị, tánh dã, A Dật Đa, danh dã. Cụ tức đương vân Từ Vô Năng Thắng, dĩ tại mẫu thai trung, tức hữu từ tâm, cố dĩ danh tộc.

(鈔)彌勒，此云慈氏，姓也，阿逸多，名也。具足當云慈無能勝，以在母胎中，即有慈心，故以名族。

(Sao: Di Lạc (Maitreya) cõi này dịch là Từ Thị, đó là họ. A Dật Đa là tên. Nói đầy đủ sẽ là Từ Vô Năng Thắng, do khi ở trong thai mẹ, bèn có từ tâm, vì thế, lấy họ như thế).

Ở đây, tổng cộng có sáu điều giải thích, đây là điều thứ nhất. Từ Vô Năng Thắng là nói đến từ bi. Trong Phật môn, thông thường nói từ bi có ba thứ, hoặc nói tới bốn thứ. Trong bốn thứ, thì:

1) Loại thứ nhất là Ái Duyên Từ, loại này phạm phu chúng ta đều có. Chúng ta thích kẻ khác, bèn đối xử rất từ bi với kẻ ấy, đó là Ái Duyên Từ, tâm lượng rất nhỏ, giống như cha mẹ đối với con cái.

2) Loại thứ hai là Chúng Sanh Duyên Từ, phạm vi mở rộng, như tâm lượng của bậc thánh hiền, quân tử trong thế gian tương đối lớn, như ông Phạm Trọng Yêm đã nói: “*Lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu*” (dùng lòng yêu thương đối với người già của ta để đối đãi người già của người khác, dùng lòng yêu thương đối với trẻ nhỏ của chính ta để yêu thương trẻ nhỏ của người khác). Đây là Chúng Sanh Duyên Từ, tâm lượng lớn hơn.

3) Thứ ba là Pháp Duyên Từ. Pháp Duyên Từ là quan sát tự tánh của hết thảy các pháp bình đẳng, xuất phát từ cái tâm bình đẳng mà bình

đăng quán hết thầy chúng sanh. Bồ Tát mới có lòng Từ này, vì Ngài đã thật sự liễu giải Thật Tướng của các pháp. Do vậy, tâm từ bi này phải sâu và lớn hơn Chúng Sanh Duyên Từ.

4) Thứ tư là Vô Duyên Từ, vô điều kiện, Như Lai mới có lòng từ bi này, đó gọi là chúng đến quả vị rốt ráo. Như Lai từ bi đối với hết thầy chúng sanh chẳng đòi hỏi một điều kiện nào. Bồ Tát còn có điều kiện, Pháp Duyên Từ còn có điều kiện, Phật chẳng có điều kiện. Đây là lòng từ bi thù thắng nhất.

Di Lạc là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Từ Bi. Khi Ngài ở trong thai mẹ đã có tâm từ bi, nên dòng họ Ngài dùng danh xưng này làm họ. Nói theo kiểu này chính là lòng Từ tự lợi, vì Ngài còn ở trong thai mẹ chưa sanh ra. Cũng có thể nói từ tâm ấy là lòng Từ hiện tại, từ tâm hiện tại, từ tâm tự lợi. Thông thường, chúng ta nói đến từ bi đều là lợi tha, đều nói theo phương diện lợi tha, chẳng biết từ tâm có thể tự lợi. Lòng người từ bi đến cùng cực, sẽ có thể hóa giải hết thầy độc hại, chẳng điều gì có thể tổn hại người ấy được, từ tâm mà! Ý nghĩa thứ hai:

(Sao) Hựu quá khứ sanh trung, ngộ Đại Từ Như Lai, nguyện đồng thử hiệu, tức đắc từ tâm tam-muội.

(鈔)又過去生中，遇大慈如來，願同此號，即得慈心三昧。

(Sao: Lại nữa, trong đời quá khứ, gặp Đại Từ Như Lai, nguyện có cùng danh hiệu ấy, liền đắc từ tâm tam-muội).

Ý nghĩa thứ hai vô cùng rõ rệt. Trong đời quá khứ, Ngài tu Bồ Tát đạo, gặp một vị Phật có hiệu là Đại Từ, nên gọi là Đại Từ Như Lai. Ngài phát nguyện, mong đời đời kiếp kiếp trong tương lai có cùng nguyện, cùng hạnh với Phật. Nguyện ấy quả nhiên chẳng hư dối, sau này, khi Ngài làm Bồ Tát, đời đời kiếp kiếp quả nhiên đắc danh hiệu ấy. Danh hiệu ấy nhìn từ hình tướng là do vị Phật trong quá khứ, trên thực tế, Ngài tu Từ Tâm tam-muội, tâm địa vĩnh viễn từ bi. Bất luận trong thuận cảnh hay nghịch cảnh đều một mực từ bi, nên gọi là Từ Tâm tam-muội. Trong quá khứ, rất nhiều vị Bồ Tát đều học theo Phật. Trong kinh Lăng Nghiêm, chúng ta thấy Quán Thế Âm Bồ Tát gặp gỡ cổ Quán Âm Phật, cũng mong mỏi đồng hạnh, đồng nguyện với Quán Âm Phật, nên đời đời kiếp kiếp làm Quán Âm Bồ Tát. Tình hình như vậy, chẳng phải chỉ mình Di Lạc Phật, mà rất nhiều vị có tình hình như vậy. Ý nghĩa thứ ba là:

(Sao) Hựu tích vi Bà La Môn, hiệu Nhất Thiết Trí, u bát thiên tuế, tu tập từ hạnh.

(鈔) 又昔為婆羅門，號一切智，於八千歲，修習慈行。

(Sao: Lại nữa, xưa kia Ngài là Bà La Môn, hiệu là Nhất Thiết Trí, trong tám ngàn năm, tu tập hạnh từ bi).

Thứ ba, trong đời quá khứ, Ngài từng thị hiện thân ngoại đạo. Tuy thị hiện thân phận Bà La Môn, theo đạo Bà La Môn, Ngài cũng là tu tâm từ bi. Thứ tư...

(Sao) Hựu Phát Sa Phật thời, dĩ Thích Ca Như Lai đồng phát Bồ Đề tâm, thường tập từ định.

(鈔) 又弗沙佛時，與釋迦如來同發菩提心，常習慈定。

(Sao: Lại nữa, thời Phát Sa Phật, cùng phát Bồ Đề tâm với Thích Ca Mâu Ni Phật, thường tu tập Từ định).

Đây cũng là nói đến chuyện quá khứ, thầy đều là thiên trọng phương diện tự lợi hạnh. Nhìn từ chỗ này, chúng ta biết Di Lạc Bồ Tát và Thích Ca Mâu Ni Phật từng là đồng học. Kinh còn nói thêm, không chỉ là đồng học, mà thân phận, địa vị, tư cách của Ngài còn cao Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật sớm hơn Ngài, vượt trời, Ngài biến thành Hậu Bồ Phật của Thích Ca Mâu Ni Phật, do nguyên nhân gì? Trong kinh, đức Phật đã dạy: Trong quá khứ, khi tu Bồ Tát đạo, đức Thế Tôn dũng mãnh, tinh tấn, nên vượt trội. Nếu chẳng dũng mãnh, tinh tấn, dựa theo thứ tự thuận, ngài Di Lạc sẽ là vị Phật thứ tư, trong Hiền kiếp, Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thứ năm; hiện thời các Ngài đã đảo lộn thứ tự. Đó là do tinh tấn chẳng thể nghĩ bàn! Đức Phật cũng khuyến khích chúng ta phải nên tinh tấn, đừng biếng nhác! Thứ năm:

(Sao) Hựu Tư Ích Kinh vân: “Chúng sanh kiến giả, tức đắc từ tâm tam-muội”.

(鈔) 又思益經云：眾生見者，即得慈心三昧。

(Sao: Lại nữa, kinh Tư Ích¹¹⁵ nói: “Chúng sanh trông thấy Ngài, liền đắc từ tâm tam-muội”).

¹¹⁵ Kinh này có tên gọi đầy đủ là Tư Ích Phạm Thiên Sở Vấn Kinh, còn gọi là Tư Ích Nghĩa Kinh, do ngài Cưu Ma La Thập dịch vào thời Diêu Tần, gồm hai mươi bốn phẩm. Trong kinh này, đức Phật vì Vông Minh Bồ Tát và Tư Ích Phạm Thiên v.v...

Ý nghĩa này hết sức rõ rệt là lợi tha, lợi ích chúng sanh. Chùa thờ Phật hiện thời, hễ bước vào sơn môn, điện thờ thứ nhất là Thiên Vương Điện. Chính giữa Thiên Vương Điện thờ Di Lặc Bồ Tát, đặc biệt thờ tượng Bồ Đại hòa thượng vì hết sức rõ rệt là tượng Bồ Đại hòa thượng có thể khiến cho người ta vừa trông thấy bèn sanh tâm hoan hỷ, sanh tâm từ bi. Theo lịch sử Trung Quốc ghi chép, hóa thân của Di Lặc Bồ Tát tại Trung Quốc vô cùng rõ rệt, mọi người đều biết đến thì có hai lần: Lần đầu tiên là Phó Đại Sĩ đời Đường, hiện thân cư sĩ; lần thứ hai nhằm thời đại Tống Cao Tông nhà Nam Tống, hiện thân Bồ Đại hòa thượng. Từ đây trở đi, người Trung Quốc đắp tượng Di Lặc Bồ Tát đều tạc tượng Bồ Đại hòa thượng, dùng Ngài để biểu thị từ tâm tam-muội. Bên cạnh Bồ Đại hòa thượng thường vẽ mấy đứa bé vây quanh, nhất định là có năm hay sáu đứa trẻ. [Tượng tạc có] năm đứa trẻ khá nhiều! Năm đứa tượng trưng cho tài, sắc, danh, ăn uống, ngủ nghỉ, [tức là] tượng trưng Ngũ Dục. Sáu đứa tượng trưng cho Lục Trần, tức Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Tượng trưng Ngũ Dục, Lục Trần suốt ngày từ sáng đến tối vây bủa Ngài, Ngài chẳng động tâm, chẳng bị quấy nhiễu! Mang ý nghĩa này!

Chư vị phải hiểu, đối với chuyện tu hành, ngày nay chúng ta nói thật ra, nhìn vào Phật môn cảm khái ngàn muôn, tu gì vậy? Chẳng biết! Mỗi ngày niệm mấy quyển kinh, gọi đó là tu hành ư? Cổ nhân nói một ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, rách toạc cổ họng cũng ủng công. Có thể thấy niệm kinh, niệm Phật, lễ bái nếu chẳng đúng pháp, chỉ có hình thức, chẳng thể nói là tu hành! Nếu bảo đó là tu hành thì hiện thời khoa học kỹ thuật rất tiên bộ, chúng ta chế ra người máy sai nó mỗi ngày lạy tượng Phật, mỗi ngày lạy từ sáng đến tối, trong tương lai người máy ấy sẽ thành Phật! Chúng ta chế ra một người máy khiến cho nó niệm A Di Đà Phật. Nó mỗi ngày niệm suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ không ngừng, niệm còn siêng năng hơn chúng ta, nó có thể thành Phật hay không?

Hiện thời tôi ở ngoại quốc, tại đạo tràng Dallas, dùng máy thu âm tự động xoay băng, hai mươi bốn tiếng đồng hồ niệm Phật không ngừng, vậy thì cái máy thu âm ấy trong tương lai nhất định thành Phật, nhất định

giảng lý Không Tịch. Các bản dịch khác của kinh này là Trì Tâm Phạm Thiên Sớ Văn Kinh do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào thời Tây Tấn và Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sớ Văn Kinh do ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch vào thời Bắc Ngụy. Kinh này được chú giải khá nhiều, nổi tiếng nhất là các bộ Trì Tâm Phạm Thiên Kinh Lược Giải của ngài Đạo An, Chú Tư Ích Kinh của ngài Hiền Minh, Tư Ích Phạm Thiên Sớ Văn Kinh Giản Chú của ngài Viên Trưng.

là Thượng Phẩm Thượng Sanh? Trật rồi! Thành Phật là tâm thành Phật, thân chẳng thể thành Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ cũng hỏa táng, có thể thấy thân chẳng thành Phật, mà là tâm thành Phật! Tu gì? Tu tâm! Lục Tổ Đàn Kinh ghi chép, Lục Tổ đại sư ở Hoàng Mai, suốt tám tháng mỗi ngày đều giã gạo, bữa cử nơi ấy, chẳng nghe kinh ngày nào, cũng chẳng bước vào cửa Thiên Đường, mà cũng chẳng biết niệm kinh, cũng chẳng biết lạy Phật, không ai dạy Ngài! Ngài cũng chẳng hiểu giới luật, cái gì cũng chẳng biết, lạ lùng thay! Ngũ Tổ truyền địa vị Tổ Sư cho Ngài, dựa vào đâu? Người ta thật sự biết tu! Do vậy, nay chúng ta đã làm trật rồi, ngay cả một câu Phật hiệu cũng chẳng biết niệm, ngay cả kinh cũng chẳng biết nghe!

Cổ nhân nói nghe kinh phải tiêu quy tự tánh, nghe phải có ngộ xứ. Nghe mà chẳng có ngộ xứ, chẳng liên quan đến sự tu hành của quý vị! Nghe xong tôi luôn ghi nhớ, được chưa? Không được! Không chỉ chẳng được, quý vị còn phạm lỗi lầm rất lớn. Vì sao? Tăng trưởng tà kiến. Đầu óc quý vị vốn chẳng có tà tri tà kiến nhiều ngàn ấy, nay nghe xong nhận vào một đống lớn tri kiến, sẽ như Thanh Lương đại sư đã nói [“tăng trưởng tà kiến”]. Nghe kinh phải khai ngộ, chẳng phải là bảo quý vị nghe kinh phải ghi nhớ, quý vị nhớ để làm gì? Quý vị đọc kinh Kim Cang thấy đức Phật phủ nhận toàn bộ những gì Ngài đã nói: Nếu ai nói đức Phật giảng kinh, kẻ ấy báng Phật! Đức Phật chẳng nói kinh, quý vị nghe kinh từ chỗ nào? Nhớ nhiều ngàn ấy từ chỗ nào?

Người biết nghe kinh, nghe kinh một tiếng rười sẽ tu gì? Tu Giới, Định, Huệ, giống như đọc kinh, buông hết thảy vọng niệm xuống, lặng lẽ nghe giảng ở nơi đây, chẳng dấy phân biệt, không khởi chấp trước, chẳng dấy vọng tưởng, ta tu Giới một tiếng rười ở đây. Giới luật là “*đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành*”. Một vọng tưởng ta cũng chẳng dấy lên, ta đã “*đừng làm các điều ác*”, Giới ấy bèn trọn đủ. Kinh là lời lẽ chân thật lưu lộ từ tâm tánh của Phật, đó là chí thiện, thiện nhất trong các điều thiện. Chúng ta nghe kinh là “*vâng làm các điều lành*”, giới luật viên mãn. Ta dùng tâm thanh tịnh để nghe, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, ta tu Định một tiếng rười. Ta nghe rõ ràng, rành rẽ, nghe có ngộ xứ, đó là trí huệ. Nghe kinh như vậy gọi là “*tiêu quy tự tánh*”. Khi ấy, tự tánh Giới, tự tánh Định, tự tánh Huệ của quý vị thấy đều hiện tiền, đây là tiêu quy tự tánh.

Tu hành phải chuyên thức thành trí, đây là cương lĩnh của việc nghe giáo và tu hành, hành là hành vi. Trong hành vi, quan trọng nhất là tri kiến. Nếu tri kiến sai lầm, dầu chúng ta tu thân và khẩu tốt đẹp đến mấy, vẫn là

phước báo nhân thiên hữu lậu. Thời cổ có tỳ-kheo-ni Liên Hoa Hương suốt đời niệm kinh Pháp Hoa, đáng tiếc là chẳng khai ngộ, chẳng may mắn như thiên sư Pháp Đạt. Pháp Đạt gặp gỡ Lục Tổ chỉ điểm, khiến Sư đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Nếu Pháp Đạt không gặp Lục Tổ, sợ rằng chẳng khác tỳ-kheo-ni Liên Hoa Hương. Đời thứ hai, tỳ-kheo-ni Liên Hoa Hương làm thân người, nhưng kém đời trước, đời thứ hai sanh làm kỹ nữ, trong miệng có mùi thơm hoa sen, vì đời trước đã niệm kinh Pháp Hoa cả đời, nên trong miệng thơm hương hoa sen, nhưng làm kỹ nữ, quý vị thấy bà ta tu hành đạt được gì? Kết quả là như vậy! Bà ta chỉ tu cái miệng, chẳng tu tâm! Trong miệng có kinh Diệu Pháp Liên Hoa, trong tâm không có! Niệm kinh Pháp Hoa cả đời được quả báo như vậy!

Quý vị xem những câu chuyện của cô nhân, đọc Cao Tăng Truyện, ngữ lục các tông, chúng ta sẽ tìm ra, họ tu gì? Thứ nhất là tu nhân nhục. Kinh Kim Cang dạy: *“Nhất thiết pháp đắc thành u nhân”* (hết thấy pháp do nhân mà thành tựu). Lục Ba La Mật trong kinh Kim Cang nhằm răn dạy kẻ sơ học trước hết phải tu hai điều: Một là bố thí, hai là nhân nhục. Bố thí là buông xuống, tuyệt đối chẳng phải là nói “ta có tiền liền ngay lập tức đem bố thí, làm chuyện tốt”, [nếu nói như vậy], quý vị đã hiểu lầm toàn bộ ý Phật mất rồi! Đó chẳng phải là ý nghĩa thật sự của bố thí. Ý nghĩa thật sự là phải buông kiến giải xuống, buông phiền não xuống. Hãy đem những thứ ấy bố thí, hãy bố thí tham, sân, si, hãy đem Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến bố thí hết, mang ý nghĩa này. Chỉ đem tiền tài bố thí, quý vị sẽ được phước báo trong đời sau. Trong thế gian hiện thời, kẻ có tiền, có thế lực rất nhiều, do trong đời quá khứ đã tu nhân ấy mà ra. Quý vị thấy hiện thời những kẻ ấy có tiền, chẳng hề tu hành, chẳng làm chuyện tốt! Vì thế, nói bố thí là buông xuống hết thấy tri kiến của chúng ta, buông hết thấy phiền não xuống, [Phật dạy chúng ta bố thí] là dạy chúng ta bỏ những thứ ấy, đem bố thí hết! Vì thế, công phu áp dụng ở chỗ này!

Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, Lục Tổ đại sư ở Hoàng Mai tám tháng đã tu Lục Độ, vạn hạnh, quý vị nghĩ xem có đúng hay không? Bố thí, trì giới, nhân nhục, tinh tấn, Thiền Định, Bát Nhã, thứ gì Ngài cũng đều trọn đủ. Sự tu hành ấy chỉ có hòa thượng Ngũ Tổ Nhân hiểu rõ, nhìn ra. Trong chùa ấy có hơn ba ngàn người, chỉ có một người đang thật sự tu hành, những người khác đều là giả tu hành, chỉ có một mình Lục Tổ tu hành. Người tu hành thật sự ấy bị những kẻ giả tu hành coi thường, nhưng người chân tu hành cung kính mọi kẻ giả tu hành. Quý vị đọc Đàn Kinh sẽ thấy ngay cả đối với một tiểu hành giả mười bốn, mười lăm tuổi còn

chưa xuất gia, hãy còn để tóc, làm việc trong ngôi chùa ấy, Lục Tổ đều gọi kẻ ấy là “thượng nhân”. Từ Đàn Kinh chúng ta thấy, Tổ đều gọi họ là Thượng Nhân, tôn kính như vậy đó. Có thể thấy Ngài không chỉ tu Lục Độ, vạn hạnh, mà còn thật sự tu mười nguyện Phổ Hiền. Chúng ta xem kinh, nghe giảng phải chú trọng những chỗ này, phải hiểu rõ, mới hiểu tu học như thế nào trong cuộc sống hằng ngày.

Cương lĩnh tu hành là tu “*giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm*”, người tu Tịnh Độ chúng ta đặc biệt chú trọng điều thứ ba là tâm thanh tịnh. Trong tâm thanh tịnh trọn đủ Giới, Định, Huệ, trong tâm thanh tịnh trọn đủ vô lượng trí huệ, đức hạnh. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối thấy lỗi làm của người khác, chẳng thấy bản thân có lỗi lầm! Trên thực tế, người khác quyết định chẳng có lỗi lầm, vì sao là quyết định không có lỗi lầm? “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, lỗi lầm của người ta từ đâu mà có? Không có! Lỗi lầm từ đâu ra? Trong chính cái tâm của chúng ta có lỗi lầm, tâm kính (tâm gương lòng) của chúng ta dơ bẩn nên soi đến những nơi khác sẽ thấy chúng đều dơ bẩn. Quý vị thấy cái này dơ bẩn, cái kia cũng bẩn thỉu, chẳng biết cái tâm soi chiếu của chính mình là chớp nhúa, chứ bên ngoài trọn chẳng dơ bẩn. Lục Tổ đã giảng tình hình này rất rõ ràng: “*Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi người khác. Nếu thấy người khác trật, chính mình càng sai hơn*”. Nói rất rõ ràng, người khác há có làm lỗi? Chúng ta phải vận dụng giáo huấn quý báu này vào cuộc sống, vận dụng vào xử sự, đãi người, tiếp vật.

Ngày nay chúng ta thấy các đạo tràng trong thiên hạ đều rối beng, chẳng thấy có một đạo tràng thanh tịnh nào, nguyên nhân vì đâu? Tâm kính của mỗi cá nhân đều một mực hồ đồ, nên khi soi chiếu bên ngoài, luôn thấy bên ngoài dơ bẩn, chẳng biết lỗi lầm nơi chính mình. Tu hành, quý vị thật sự hiểu rõ đạo lý này, sẽ biết tu hành phải thực hiện từ chỗ nào? Nên tu theo cách nào? Ngày nay chúng ta niệm tới [danh hiệu] Từ Thị Bồ Tát, phải tu Từ Tâm tam-muội. Chúng ta đãi người tiếp vật có tâm từ bi hay không? Chúng ta có từ bi đối với chính mình hay không? Nếu chẳng thể sửa đổi những khuyết điểm của chính mình, tức là chẳng có chút từ bi nào đối với chính mình, vẫn khiến cho chính mình đời sau phải luân hồi trong lục đạo, vậy thì coi là từ bi sao được? Mức độ thấp nhất là phải sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, lúc ấy mới là từ bi đối với chính mình.

Vì thế, tôi nói Phật hiệu cũng chẳng biết niệm, có sao nói chẳng biết niệm? Người biết niệm mỗi câu Phật hiệu đều chế ngự phiền não. Quý

vị niệm Phật chẳng thể chế ngự phiền não, niệm Phật hiệu vô dụng! Ý niệm vừa dấy lên bèn lập tức đổi thành A Di Đà Phật, đó là biết niệm. Chẳng biết niệm là miệng niệm A Di Đà Phật, trong tâm vẫn dấy vọng tưởng, đó là chẳng biết niệm. Vì thế, công phu đặc lực nhìn từ chỗ này, mỗi một câu Phật hiệu đều có thể chuyển biến ý niệm. Do vậy biết: Niệm Phật chẳng phải quý ở chỗ niệm cho nhiều, cũng chẳng quan trọng phải dùng phương thức gì để niệm. Nói ngắn gọn là một nguyên tắc: Niệm đến mức thân tâm thanh tịnh, niệm tới mức chính mình chẳng sanh phiền não, công phu đặc lực. Niệm Phật phải niệm theo cách ấy!

Có người hỏi tôi, niệm Phật rốt cuộc là niệm Ớ (ㄛ) Di Đà Phật, hay A (ㄚ) Di Đà Phật? Điều này chẳng quan trọng! Từ băng âm, chúng tôi nghe lão pháp sư Đàm Hư, Ngài là người Đông Bắc, niệm Ớ (ㄛ) Ni (ㄛー) Đà Phật, âm điệu rất lạ lùng. Đó là thổ âm phương Bắc, Ngài vẫn có thể thành tựu, Ngài vãng sanh cũng là ngôi vãng sanh. Do vậy, ta biết, âm thanh niệm Phật chuẩn xác đương nhiên là tốt, niệm sai âm cũng chẳng sao cả, vấn đề là gì? Chỉ cần quý vị có thể chế phục phiền não, chỉ cần trong tâm quý vị có A Di Đà Phật. Âm niệm chính xác là A (ㄚ), đó là âm tiếng Phạn. Trong bốn mươi hai chữ Hoa Nghiêm Tự Mẫu, chữ cái thứ nhất đọc là A (ㄚ). Chúng ta do thói quen niệm Ớ (ㄛ) Di Đà Phật¹¹⁶, chẳng sao cả, chuyện ấy không quan trọng!

Trong Phật môn cũng có câu chuyện về niệm chú Lục Tự Đại Minh, người ấy niệm sai, [đọc thành] “*Án, ma-ni bát-mê ngu ru*”, khi người ấy niệm, các hạt đậu đều có cảm ứng, các hạt đậu tự nhảy lên¹¹⁷. Người ta

¹¹⁶ Đây giọng đọc chữ A trong tiếng Quan Thoại tùy từng địa phương, thế mà cũng gây nên tranh luận, giống kiểu tranh luận phải đọc A Di Đà Phật hay A Mi Đà Phật trong hiện tại, thậm chí có người chủ trương phải đọc Phật là Bụt, hay không được niệm A Di Đà Phật mà phải niệm là Phật A Di Đà hoặc Bụt A Di Đà thì mới là “Việt hóa kinh điển”! Có người còn cực đoan đến mức chủ trương tất cả chữ Di trong kinh điển phải đọc thành Mi hết như Tu Mi Sơn thay vì Tu Di Sơn, và quả quyết chư Tổ và những vị dịch kinh tiền bối đã đọc ngọng chữ Mi thành Di (sic!) Nếu đúng như vậy, không hiểu sao các vị học giả như Đào Duy Anh, Bùi Kỳ, Trần Trọng Kim, Hoàng Xuân Hãn v.v... đều nhất loạt không hện mà cùng “đọc ngọng” Mi Đà thành Di Đà hết!

¹¹⁷ Trong câu chuyện này, do người niệm chú chữ nghĩa kém cỏi, thấy các chữ Ma, Ni, Bát (嘛呢叭) trong chú Lục Tự Đại Minh có bộ Khẩu đằng trước vẫn đọc là Ma, Ni, Bát, bèn nghĩ chữ Hồng (吽) gồm hai chữ Khẩu (口) và Ngu (牛) ghép lại, có lẽ vẫn phải đọc là Ngu. Tin chắc như vậy, người ấy cứ trì như thế nhiều năm. Để nhớ biến số đã tụng niệm, do không có xâu chuỗi, người ấy dùng hai cái chén, một chén đựng đầy đậu, chén kia trống không, cứ niệm xong một biến lại bỏ một hạt đậu từ chén đậu sang cái chén trống không cho đến hết bèn bỏ ngược lại. Niệm nhiều năm như thế, do

nói: “Người niệm sai rồi! Chú ấy phải đọc là Án, ma-ni bát-mê hồng”. Người ấy vừa thay đổi, các hạt đậu chẳng nhảy lên nữa. Người ấy chẳng quan tâm nữa, ta vẫn niệm “*Án, ma ni bát mê nguru*” bèn có cảm ứng. Vì thế ta biết: Tâm thành ắt linh, âm đọc sai chẳng có quan hệ to tát gì! Thứ sáu:

(Sao) Hựu Bi Hoa Kinh vân: “Phát nguyện ư đao binh kiếp trung, ủng hộ chúng sanh”.

(鈔) 又悲華經云：發願於刀兵劫中擁護眾生。

(Sao: Lại nữa, kinh Bi Hoa nói: “Phát nguyện ủng hộ chúng sanh trong lúc đao binh kiếp”).

Đây cũng là nói tới lòng Từ lợi tha. Không chỉ là lòng Từ lợi tha, mà còn là lòng từ bi đến tận tương lai. Ngài phát nguyện trong “kiếp đao binh”. “Kiếp đao binh” là nói tiểu tam tai và đại tam tai, đại tam tai là hỏa tai, thủy tai, và phong tai, những tai nạn ấy to lớn. Tiểu tam tai là chiến tranh, cơ cấn (飢饉: đói kém), và ôn dịch. Trong quá khứ, chúng tôi đọc kinh thường thấy nói đến tiểu tam tai, rất nghi hoặc, từ xưa đến nay, có ngày nào chẳng phải là chiến tranh? Trong quá khứ, người Hoa và Nhật Bản đánh nhau tám năm, có được coi là kiếp đao binh [trong tiểu tam tai] hay không? Vẫn chưa tính, cố nhiên là kiếp đao binh, nhưng chẳng phải tiểu tam tai. Theo kinh nói, đao binh trong tiểu tam tai, tức chiến tranh, chỉ có bảy ngày bảy đêm; ôn dịch là bảy tháng bảy ngày bảy đêm, “*cơ cấn*” là đói kém, bảy năm bảy tháng bảy ngày.

Tôi đến thăm Quảng Đảo (Hiroshima) và Trường Kỳ (Nagasaki) mới hoát nhiên đại ngộ, tiểu tam tai như trong kinh Phật nói vốn là chiến tranh hạch tử (chiến tranh nguyên tử). Chiến tranh kéo dài bảy ngày, sau đấy nạn ôn dịch do bụi phóng xạ gây ra phải bảy tháng mới có thể tiêu diệt. Nơi bị ném bom, cây cỏ chẳng mọc được. Bảy, tám năm sau trên mặt đất mới mọc cây cỏ, cây cỏ chẳng mọc chính là nạn đói kém. Vì vậy, tiểu tam tai được giảng trong kinh Phật là tiên đoán chiến tranh hạch tử (chiến tranh hạt nhân, chiến tranh nguyên tử). Thời gian đao binh kiếp ngắn ngủi, nhưng thời gian đói kém lâu dài. Từ ba ngàn năm trước, đức Phật đã thấy chiến tranh hạch tử trong thời hiện đại, đã nói về kiếp nạn ấy. Di Lạc Bồ Tát xuất hiện trong kiếp nạn này để cứu vớt, che chở hết thầy chúng sanh.

tâm tinh chuyên, có cảm ứng, cứ niệm xong một biến, một hạt đậu từ chén này nhảy sang chén kia, người ấy khỏi cần phải thò tay bốc như trước.

(Sao) Thị tác từ long tức thể, bi trần hậu kiếp, chí cực chi từ, siêu xuất phàm, tiểu, cố Vô Năng Thắng.

(鈔)是則慈隆即世，悲臻後劫，至極之慈，超出凡小，故無能勝。

(Sao: Do vậy, lòng Từ chan chứa đời này, lòng Bi thấm tới kiếp sau, lòng Từ đạt tới tột bậc, vượt trội phàm phu và Tiểu Thừa, nên gọi là Vô Năng Thắng).

Đây là tán thán Di Lạc Bồ Tát đại từ, đại bi, phàm phu, ngoại đạo, Tiểu Thừa đều chẳng thể sánh bằng Ngài. Vì vậy, Di Lạc có nghĩa là lòng Từ không ai vượt trội hơn được (Từ Vô Năng Thắng), không có ai hơn được Ngài.

(Sớ) Hựu Di Lạc ký văn thử kinh, Long Hoa tất thuyết thử kinh, đương tri thử kinh lưu thông vô tận.

(疏)又彌勒既聞此經，龍華必說此經，當知此經流通無盡。

(Sớ: Lại nữa, ngài Di Lạc đã nghe kinh này, ở trong hội Long Hoa sẽ nói kinh này, nên biết kinh này lưu thông vô tận).

Đoạn này nói vô cùng hay, đây là phục bút¹¹⁸, vì đến phần sau trong bản kinh này, sáu phương Phật tán thán. Sáu phương Phật đều tán thán

¹¹⁸ “Phục bút” là một thủ pháp trong cách viết văn, nhất là trong tiểu thuyết chương hồi của Trung Hoa, nhằm ngầm chỉ diễn biến trong tương lai, nếu người đọc tinh ý sẽ đoán biết được tình tiết câu chuyện diễn biến như thế nào. Một thí dụ kinh điển thường được dùng để miêu tả lối Phục Bút là trong Hồng Lô Mộng, Giả Bảo Ngọc nằm mơ thấy chính mình đến Thái Hư Huyền Cảnh, thấy trên giá sách có nhiều cuốn sách đề tên theo từng tỉnh. Hỏi tiên cô chủ quản Thái Hư Huyền Cảnh thì được cho biết đó là các sách ghi số mạng của những nữ nhân trong mỗi tỉnh. Vì quê ở Nam Kinh (thuở ấy gọi là Kim Lăng), nên Giả Bảo Ngọc mở cuốn Kim Lăng Thập Nhị Thoa Chính Sách ra coi, thấy có hình vẽ và những bài thơ tứ tuyệt. Trong ấy, có một trang vẽ một con sói đang đuổi một cô gái, phía dưới đề bốn câu thơ: “Tử hệ Trung Sơn lang, đắc chí tiện xuong cuồng, kim khuê hoa liễu chất, nhất tái phó hoàng lương” (tạm dịch: Sói ở trong rừng núi, đắc chí càng hung tàn, thân liễu bỏ khuê các, một năm mộng huyền hư). Các nhà chú giải bảo bài thơ này nói về số mạng của Giả Nghênh Xuân (chị họ Giả Bảo Ngọc; Nghênh Xuân là con của Giả Xá. Giả Xá là bác ruột của Giả Bảo Ngọc). Chữ Tử Hệ (子系) trong bài thơ ghép lại thành chữ Tôn (孫), tức là Tôn Thiệu

kinh này, có thể thấy sáu phương Phật nhất định hoàng dương bộ kinh này, quả thật là tận hư không, khắp pháp giới, không lúc nào, không chỗ nào chẳng lưu thông bộ kinh này! Do vậy, ta biết: Kinh này là “pháp môn bậc nhất để độ chúng sanh” của mười phương ba đời hết thầy chư Phật. Ý nghĩa được bao hàm ở đây là dạy chúng ta hãy tỉnh ngộ, nhận thức pháp môn này.

(Sao) Vấn: Hà tri tất nhĩ?

(鈔) 問：何知必爾。

(Sao: Hỏi: Vì sao biết ắt sẽ phải là như vậy?)

Trong phần trên đã nói trong tương lai, trong hội Long Hoa, ngài Di Lặc nhất định thuyết kinh này, vì sao quý vị biết nhất định sẽ là như thế?

(Sao) Đáp: Pháp Hoa xưng cổ Phật phóng quang, vị thuyết thử kinh.

(鈔) 答：法華稱古佛放光，為說此經。

(Sao: Đáp: Kinh Pháp Hoa nói cổ Phật phóng quang để nói kinh này).

Đây là dùng kinh Pháp Hoa để chứng minh. Trong kinh Pháp Hoa, Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói: “*Phật phóng mi gian bạch hào tướng quang, chiếu Đông phương vạn bát thiên thế giới*” (Đức Phật phóng quang minh từ tướng bạch hào, chiếu tới một vạn tám ngàn thế giới ở phương Đông), trong quang minh hiển hiện các cõi Phật, cùng với cảnh giới y báo và chánh báo trang nghiêm trong cõi Phật ấy. Di Lặc Bồ Tát cũng tham gia hội Pháp Hoa. Sau khi thấy như vậy, Di Lặc Bồ Tát bèn hoài nghi, hỏi Văn Thù Bồ Tát. Văn Thù Bồ Tát bảo: Trong quá khứ, Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật cũng từng phóng quang như vậy. Sau khi phóng quang bèn giảng Diệu Pháp Liên Hoa. Nay Thích Ca Mâu Ni Phật cũng phóng quang, nhất định sẽ giảng kinh giống như vậy. Dùng thí dụ này để nhìn, sẽ biết trong tương lai, Di Lặc Bồ Tát nhất định giảng kinh này trong hội Long Hoa.

Tổ, chồng Giá Nghênh Xuân. Giá Nghênh Xuân lấy Tôn Thiệu Tổ gia đình khá giả, nhưng chồng hung bạo, hành hạ đến nỗi Nghênh Xuân chết rất trẻ, xuất giá vừa đầy năm đã chết.

(Sao) Kim Phật phóng quang, tri tất thuyết thử, tác Phật Phật thuyết Pháp Hoa dã. Nhi thử kinh giả, độ sanh tối cấp, chư Phật cộng tán.

(鈔)今佛放光，知必說此，則佛佛說法華也。而此經者，度生最急，諸佛共讚。

(Sao: Nay đức Phật phóng quang, ta biết là đức Phật ắt nói kinh ấy, tức là đức Phật nào cũng đều nói kinh Pháp Hoa. Nay kinh này độ chúng sanh cấp thiết nhất, được chư Phật cùng khen ngợi).

Đây là sáu phương Phật tán thán trong phần sau.

(Sao) Ký vị chư Phật cộng tán, tất vị chư Phật sở thuyết, Long Hoa chi hội, tất thuyết thử kinh, hà nghi chi hữu.

(鈔)既為諸佛共讚，必為諸佛所說，龍華之會，必說此經，何疑之有。

(Sao: Đã được chư Phật cùng khen ngợi, ắt sẽ được chư Phật nói. Hội Long Hoa ắt nói kinh này, há còn ngờ chi?)

Trong hội Long Hoa, Di Lặc Bồ Tát nhất định nói Tịnh Độ tam kinh, nhất định cũng khuyên mọi người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Bởi lẽ, hiện thời có rất nhiều người, thậm chí còn một số pháp sư, chẳng tu Tây Phương Tịnh Độ mà muốn tu Di Lặc Tịnh Độ. Di Lặc Tịnh Độ khó tu lắm! Tu thành công, trong tương lai vãng sanh Đâu Suất Nội Viện, thân cận Di Lặc Bồ Tát, lại đợi đến năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, sẽ theo Di Lặc cùng xuống thế gian này. Di Lặc Bồ Tát thị hiện thành Phật, họ sẽ thị hiện làm A La Hán, cho đến lúc ấy, Di Lặc Bồ Tát giảng Tịnh Độ tam kinh vẫn khuyên họ vãng sanh. Nếu chúng ta tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy họ đến: “Lão huynh, sao đến bây giờ anh mới tới?” Vì thế, phải biết pháp môn này thù thắng. Tôi lại bảo quý vị, nếu quý vị đã vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn đến thăm đạo tràng của Di Lặc Bồ Tát, mỗi ngày đều có thể đi. Đồ đệ của Di Lặc Bồ Tát nếu muốn tới Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể dễ dàng như thế! Vì thế nói Tây Phương Tịnh Độ thù thắng, mười phương chư Phật tán thán. Di Lặc Tịnh Độ chẳng được mười phương chư Phật tán thán. Chúng ta phải nhận thức rõ ràng điều này, nỗ lực tu Tây Phương Tịnh Độ. Vị thứ ba là Càn Đà Ha Đề Bồ Tát :

(Sớ) Càn Đà Ha Đề, thử vân Bất Hưu Tức.

(疏) 乾陀訶提，此云不休息。

(Sớ: Càn Đà Ha Đề (Gandhahastin), cõi này dịch là Bất Hưu Tức).

Đây là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán, có nghĩa là chẳng nghỉ ngơi.

(Sao) Bất Hưu Tức giả, hành chư phạm hạnh, lịch hằng sa kiếp, nhiên hậu thọ ký, kinh thử đa kiếp, tăng bất hưu tức cố.

(鈔) 不休息者，行諸梵行，歷恆沙劫，然後授記，經此多劫，曾不休息故。

(Sao: Bất Hưu Tức là hành các phạm hạnh trải hằng sa kiếp, rồi mới được thọ ký, trải qua nhiều kiếp như vậy, chưa từng nghỉ ngơi).

Bồ Tát tu hành bao kiếp dài lâu chưa hề gián đoạn, chưa từng nghỉ ngơi. Vị tiếp theo là Thường Tinh Tấn Bồ Tát (Nitiyodyukta) :

(Sao) Thường Tinh Tấn giả nhị nghĩa, nhất giả Thiên Thai vân: “Kiến Pháp Tánh thường trụ, hành vô tác Chánh Cần cố”. Nhị giả, Bảo Tích Kinh vân: “Thử Bồ Tát vị nhất chúng sanh, kinh vô lượng kiếp, tùy trực bất xả, do bất thọ hóa, tăng vô nhất niệm khí xả chi tâm, nãi tinh tấn chi chí cực dã”.

(鈔) 常精進者二義，一者天台云：見法性常住，行無作正勤故。二者寶積經云：此菩薩為一眾生，經無量劫，隨逐不捨，猶不受化，曾無一念棄捨之心，乃精進之至極也。

(Sao: Thường Tinh Tấn có hai nghĩa, một là như ngài Thiên Thai nói: “Thấy Pháp Tánh thường trụ, hành Chánh Cần vô tác”. Hai là như kinh Bảo Tích dạy: “Vị Bồ Tát này vì một chúng sanh mà trải qua vô lượng kiếp theo sát kẻ ấy chưa hề buông bỏ, dầu kẻ ấy chẳng tiếp nhận sự giáo hóa, Bồ Tát vẫn không có một niệm tâm buông bỏ, đấy là tinh tấn tới tột bậc vậy”).

“Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân” (trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai), một người cũng chẳng buông bỏ! Thường Tinh Tấn Bồ Tát làm được [điều ấy]. Đối với Thường Tinh Tấn và Bất Hưu Tức, trong quá khứ, khi chúng tôi giảng kinh này đã nói, bốn vị Bồ Tát này biểu thị pháp, Văn Thù biểu thị trí huệ, Di Lặc biểu thị đại từ, tu học pháp môn Tịnh Độ

phải có đại trí huệ, đại từ bi, phải chẳng ngưng nghỉ, phải thường tinh tấn, quý vị mới có thể vãng sanh. Các danh hiệu Bồ Tát được nêu lên ở đây nhằm dạy chúng ta yếu lãnh (cương lãnh trọng yếu) trong tu hành.

(Sao) Nhị nghĩa giả, nhất thị tự lợi, vị sanh thiện tăng trưởng, dĩ sanh thiện bảo trì, vị sanh ác dự phòng, dĩ sanh ác tốc diệt, danh Tứ Chánh Cần.

(鈔) 二義者，一是自利，未生善增長，已生善保持，未生惡預防，已生惡速滅，名四正勤。

(Sao: “Hai nghĩa”: Một là tự lợi, điều thiện chưa sanh phải tăng trưởng, điều thiện đã sanh phải gìn giữ, điều ác chưa sanh phải ngăn ngừa, điều ác đã sanh phải nhanh chóng diệt, đó gọi là Tứ Chánh Cần).

Hãy nên tu học điều này. Trong bản dịch của Huyền Trang đại sư, ba mươi bảy Đạo Phẩm hoàn toàn được nêu ra. Trong bản dịch của La Thập đại sư, ba khoa trước (Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc) của ba mươi bảy Đạo Phẩm bị tỉnh lược, chỉ nói Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, và Bát Thánh Đạo Phần, bốn khoa ấy. Niệm Xứ và Chánh Cần rất trọng yếu, chúng ta tu hành phải thực hiện từ nơi đây. Tứ Niệm Xứ là trí huệ, do Văn Thủ Bồ Tát đại diện, dạy chúng ta thấy thấu suốt. Tứ Chánh Cần là từ bi, do Di Lạc Bồ Tát đại diện. Từ bi đối với chính mình, đó là nói tu lòng Từ tự lợi, tự lợi rồi mới có thể lợi tha, phải từ bi đối với chính mình! Từ bi là chính mình nhất định phải sửa lỗi tu thiện, phải nghiêm túc tu Tứ Chánh Cần. Thiện đã có thì phải gìn giữ nó, thiện chưa sanh phải khiến cho nó sanh trưởng. Điều ác chưa có phải ngăn ngừa, chẳng cho ác niệm dấy lên. Đã tạo ác nghiệp phải sám hối, sau đây chẳng tạo nữa!

(Sao) Nhi ngôn kiến tánh vô tác, tắc liễu tri Pháp Tánh bản phi thiện, phi ác. Tuy vân tu thiện, bất tu nhi tu; tuy vân khứ ác, bất khứ nhi khứ. Sở vị “nhất niệm bất sanh”, thị chân tinh tấn cố.

(鈔) 而言見性無作，則了知法性本非善非惡。雖云修善，不修而修；雖云去惡，不去而去。所謂一念不生，是真精進故。

(Sao: Nhưng nói kiến tánh vô tác, tức là hiểu rõ Pháp Tánh vốn chẳng thiện, chẳng ác. Tuy nói tu thiện, nhưng chẳng tu mà tu; tuy nói trừ

ác, nhưng không trừ mà trừ. Đó gọi là “nhất niệm chẳng sanh”, là tinh tấn thật sự).

Những ý nghĩa được giảng trong phần trên dễ hiểu, hiện thời, chúng ta có thể làm được, nhưng đối với ý nghĩa ở đây, chúng ta rất khó làm được. Nếu làm được ý nghĩa ở chỗ này, quý vị sẽ giống như Lục Tổ: “*Chẳng tu mà tu, tu mà chẳng tu*”. Phàm phu chúng ta chẳng thấy Ngài đang tu hành, chỉ có người thật sự từng trải mới hiểu. Phật và các đại Bồ Tát biết, phàm phu và Nhị Thừa chẳng biết, vì sao? Các Ngài xứng tánh, xứng tánh là thật tu. Xứng tánh là thật sự tinh tấn. Các Ngài biết hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng có một pháp nào là ngoại lệ, như huyền, như hóa, như mộng, như ảnh, đó là sự thật! Ngay cả đối với chuyện đức Phật thuyết pháp độ sanh, kinh cũng nói rất hay: “*Như không cốc hương*” (như tiếng vọng từ hang trống). Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Như mộng, huyền, bọt, bóng*”, Phật môn thường nói: “*Đại tác mộng trung Phật sự, kiến lập thủy nguyệt đạo tràng*” (Làm chuyện Phật sự to lớn trong mộng, tạo lập đạo tràng bóng trăng in nước), đạo tràng giống như bóng trăng in xuống nước, là hình bóng, chẳng chân thật! Quý vị liễu giải chân tướng của y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, sẽ tâm bình, khí hòa, biết hết thấy các pháp đều chẳng thể được, hết thấy các pháp đều thanh tịnh, tự tại, vì sao? Chúng là hình bóng!

Đối với người trước kia, quả thật hình bóng rất khó lãnh hội, nhưng đối với người hiện thời, điều này rất dễ hiểu. Chúng ta mỗi ngày coi TV, [những hình ảnh hiện ra trên] màn hình TV là hình bóng. Quý vị thấy một đồng to kim cương, châu báu, quý vị cũng chẳng đạt được, biết nó là Không. Thấy một đồng phân lớn trên màn hình, quý vị cũng chẳng nghĩ thấy mùi thơm, hình bóng mà! Chúng chẳng có tốt, xấu, chẳng có thiện, ác, vì sao? Đều là Không. Thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật này, [sự thật ấy] được gọi là Chư Pháp Thật Tướng, quý vị đều hiểu rõ. Bất luận trong cảnh giới nào, tâm quý vị thanh tịnh, bình đẳng. Do vậy, ta biết: Hết thấy lỗi lầm đều do chúng ta ngỡ hình bóng là thật, thấy kim cương, châu báu trên màn hình, bèn hận chẳng thể đoạt lấy ngay lập tức; đó là thứ của ta! Trông thấy thứ không thích bèn sốt ruột toan đập vô mặt nó, kết quả là màn hình TV bị đập nát bét, tay bị thương máu chảy ròng ròng, mà vẫn không biết vì sao! Hiện thời hết thấy lũ chúng sanh chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối làm chuyện ngốc nghếch này, chẳng biết tất cả các cảnh giới đều Không. Đó là điện ảnh, điện ảnh lập thể (3D), trọn chẳng thể được, chẳng có một pháp nào để có thể đạt được! Chúng ta thấy màn chiếu của phim

ảnh là mặt phẳng, cứ sao nay nhìn vào chúng lại thấy là [hình ảnh] lập thể, trọn chẳng thể được! Nếu quý vị tu từ chỗ này sẽ kiến tánh. Khi kiến tánh, tu mà chẳng tu, chẳng tu mà tu!

Người niệm Phật chúng ta giống hệt như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói trong kinh Lăng Nghiêm: “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm liên tục*”. Nhiếp trọn sáu căn là vô tu, vô niệm, tịnh niệm liên tục là hữu niệm, niệm A Di Đà Phật chẳng ngừng là “*niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm*”. Hai dòng trước trong đoạn này nói về Sự, hai dòng sau giảng về Lý, giảng chân tướng sự thật, chẳng có thiện hay ác, chẳng có tu, chẳng có chúng. Chính vì chân tướng sự thật là như vậy, nên quý vị mới có thể một bước lên trời, đạo lý của pháp môn Tịnh Độ niệm Phật được kiến lập trên cơ sở này. Dùng một câu Phật hiệu để thay thế hết thảy các niệm, bất luận niệm ấy là thiện hay ác, thiện và ác đều là Không, chỉ có một câu A Di Đà Phật, hết thảy những điều khác đều xa lìa, đó là một bước lên trời, ngay lập tức khôi phục bốn tánh. Do vậy, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới viên chứng ba món Bất Thoái, mới lên trọn bốn cõi, đạo lý là như thế đó!

Ở đây, đại sư kết luận, kết luận ấy cổ nhân cũng đã nói, “*sở vị nhất niệm bất sanh, thị chân tinh tấn*” (đó gọi là “một niệm chẳng sanh”, là tinh tấn thật sự). Cổ nhân có một bài kệ như sau: “*Nhược khởi tinh tấn tâm, thị vọng, phi tinh tấn; nhược năng tâm bất vọng, tinh tấn vô hữu nhai*” (nếu khởi tâm tinh tấn, là vọng, chẳng tinh tấn. Nếu tâm thật chẳng vọng, tinh tấn không bên bờ). Đó là đúng, quý vị khởi tâm tinh tấn, thì cái tâm tinh tấn ấy là vọng tưởng, trong tâm thanh tịnh đã có một vọng tưởng tồn tại, làm sao có thể gọi là tinh tấn cho được? Chẳng thể gọi là tinh tấn. Lục Tổ nói “*vốn chẳng có một vật*”, quý vị đã có một vật, nếu quý vị tinh tấn thì vật ấy là vô minh, là điên đảo, không thể gọi là chân tinh tấn được!

Do vậy, đối với hết thảy các kinh, hết thảy các lời do đức Phật đã nói về sau này được ghi chép thành văn tự nhiều ngàn ấy, quyết định chớ nên chấp tướng, hễ chấp tướng là trật. Điều này là chuyện bất đắc dĩ, chẳng có cách nào, là một thứ phương tiện, giống như cột mốc chỉ đường, quý vị coi cột mốc chỉ đường là mục tiêu thì sai mất rồi! Nhìn cột mốc chỉ đường rồi đi tiếp, chẳng cần phải quan tâm đến nó. Chúng ta nghe kinh điển và ngôn ngữ của Phật, nghe rồi đừng nên suy tưởng, chẳng cần quan tâm đến, quý vị đi tiếp là đúng. Nếu quý vị dừng lại, suy nghĩ một chút, ghim nó trong đầu óc, đầu óc quý vị sẽ trở thành đồng rác, chông chát cả một đồng lớn rác của Phật, đây là một lỗi lầm rất ư là lớn! Tu học Phật pháp khó khăn, nói thật ra, khó là khó ở chỗ này, rất nhiều người đã hiểu lầm Phật pháp. Chúng ta lại xem ý nghĩa thứ hai.

(Sao) Nhị thị lợi tha, vị đa chúng sanh, do vị vi nan.

(鈔) 二是利他，為多眾生，猶未為難。

(Sao: Hai là lợi tha, độ nhiều chúng sanh, vẫn chưa phải là khó khăn).

Đây là nói hóa độ rất nhiều chúng sanh, vẫn chưa phải là khó khăn. Độ một chúng sanh, chúng sanh ấy chẳng nghe lời, tuy chẳng nghe vẫn chẳng bỏ cuộc. Điều này rất khó, quả thật chẳng dễ dàng!

(Sao) Kim viết vị nhất chúng sanh, thiếu thời vị nhất chúng sanh, do vị vi nan.

(鈔) 今日為一眾生，少時為一眾生，猶未為難。

(Sao: Nay nói độ một chúng sanh, dành một thời gian ngắn cho một chúng sanh thì vẫn chưa phải là khó khăn).

“Thiếu thời” là thời gian ngắn, dành một thời gian ngắn vì một chúng sanh thì vẫn chưa phải là khó.

(Sao) Kim viết vô lượng kiếp, đa kiếp nhi dị khả hóa độ, diệc vị vi nan. Kim viết do bất thọ hóa nhi bất khí xả, bất khí xả do vị vi nan. Kim viết vô nhất niệm khí xả, như thị tinh tấn, cánh vô thoái đọa, cố danh viết Thường.

(鈔) 今日無量劫，多劫而易可化度，亦未為難。今日猶不受化而不棄捨，不棄捨猶未為難。今日無一念棄捨，如是精進，更無退墮，故名曰常。

(Sao: Nay nói trong vô lượng kiếp hoặc nhiều kiếp mà dễ hóa độ thì vẫn chưa phải là khó. Nay nói do kẻ ấy chẳng tiếp nhận sự giáo hóa mà chẳng buông bỏ, chẳng buông bỏ thì vẫn chưa phải là khó. Nay nói là chẳng có một niệm nào buông bỏ, tinh tấn như thế, càng chẳng lui sụt, nên gọi là Thường).

Quý vị thấy từng tầng tỷ dụ cho thấy Bồ Tát quả thật là từ bi đến cùng cực, tinh tấn đến tột cùng. Đặt điều này ở đầu kinh, nói cách khác, vừa mở đầu đã dạy chúng ta điều kiện cơ bản để học kinh Di Đà, chúng ta có trọn đủ [những điều kiện ấy] hay không? Những điều kiện ấy chẳng trọn đủ, chẳng có tí kiên trì nào, sẽ chẳng thể vãng sanh!

Căn bệnh lớn nhất của thế hệ hiện thời là thiếu lòng kiên trì, chẳng biết tu hành là gì? Quý vị hãy đọc Thiên Lâm Bảo Huấn. Thuở ấy, tôi đến Đài Trung cầu học với thầy Lý, thầy Lý chỉ định tôi đọc bộ sách thứ nhất là Thiên Lâm Bảo Huấn¹¹⁹. Lúc ấy rất khổ, Thiên Lâm Bảo Huấn không có bản lưu hành riêng, tôi phải sao từ Đại Tạng Kinh. Dường như tôi sao không nhiều lắm, vì chỉ có văn bản, chứ không có chú giải. Thuở ấy, tôi dùng bản Tần Già Tạng. Bản hiện thời rất tốt, lại còn có chú giải, tức Thiên Lâm Bảo Huấn Bút Thuyết, chú giải soạn rất tỉ mỉ.

Thiên Lâm Bảo Huấn có tất cả hơn ba trăm điều, hơi giống như Thái Căn Đàm¹²⁰, rất có ý vị, đọc rất cảm động, toàn là dạy người khác phải biết phát tâm ra sao, thân cận thầy bạn như thế nào. Tôi có ấn tượng sâu đậm nhất [khi đọc chuyện] một người tham học, người này phẩm hạnh

¹¹⁹ Sách Thiên Lâm Bảo Huấn do hai ngài Diệu Hỷ Phổ Giác và Trúc Am Sĩ Khuê biên soạn tại chùa Vân Môn ở Giang Tây vào thời Nam Tống, thấu thập những lời giáo huấn từ ngài Hoàng Long Huệ Nam cho đến ngài Phật Chiêu Chuyết Am. Tác phẩm này được chú giải khá nhiều, trước sau có Thiên Lâm Bảo Huấn Hợp Chú (do Trương Văn Gia hiệu đính), Thiên Lâm Bảo Huấn Niêm Tụng, nhưng phổ biến nhất là bộ Thiên Lâm Bảo Huấn Bút Thuyết do ngài Thích Trí Tường soạn vào cuối đời Minh, đầu đời Thanh. Tác phẩm này được viết xong vào năm Bính Tuất (1706) triều Khang Hy.

¹²⁰ Thái Căn Đàm do Hồng Ứng Minh soạn vào thời Vạn Lịch nhà Minh, gồm 358 câu cách ngôn về trí huệ và nhân sinh, được chia thành hai tập. Hồng Ứng Minh là một đạo sĩ, tự là Tự Thành, hiệu Hoàn Sơ, không rõ quê quán, năm sinh và năm mất. Ông tinh thông tam giáo, thường lui tới các chùa Phật và trường học, thấu thập những tinh hoa. Ông ta cho biết đã nhặt được Thái Căn Đàm là một tác phẩm ngôn luận của Thiên Tông từ một ngôi chùa đổ nát, đem về tu chỉnh, biên tập thành tác phẩm hoàn chỉnh. Đây có lẽ cũng là một cách nói khiêm tốn, vì trước đó chưa ai nghe nói đến tác phẩm này. Tác phẩm này cùng với Tiểu Song U Ký của Trần Kế Nho và Vi Lô Dạ Thoại của Vương Vĩnh Bản được ca tụng là “xử thế tam đại kỳ thư” (ba bộ sách tuyệt diệu về cách xử thế). Xin trích một đoạn trong Thái Căn Đàm như sau: “*Lương được khổ khẩu, trung ngôn nghịch nhĩ. Nhĩ thường văn nghịch nhĩ chi ngôn, tâm thường hữu phát tâm chi sự, tài thị tán đức tu hạnh đích chỉ thạch. Nhược ngôn ngôn duyệt nhĩ, tiện bả thử sanh mai u trảm độc trung hĩ. Hòa khí chí tường, thân hỷ đa thuy. Tật phong nộ vũ, cảm điều thích thích, tễ nhật quang phong, thảo mộc hân hân. Khả kiến thiên địa bất khả nhất nhật vô hòa khí, nhân tâm bất khả nhất nhật vô hỷ thần*” (Thuốc hay đắng miệng, lời trung chói tai. Tai thường nghe lời chói tai, tâm thường có những chuyện chẳng thuận ý, đây mới là cột trụ để tán đức, tu hạnh. Nếu lời lẽ nào cũng bùi tai, ắt đời này sẽ bị vùi lấp trong chất độc của chim Trảm. Hòa khí tốt lành nhất, tinh thần vui vẻ sẽ có lắm điều tốt đẹp. Gió giật mưa cuồng, chim chóc run rẩy. Trời quang, gió lặng, cây cỏ hân hoan. Đủ thấy trời đất chẳng thể có ngày nào không có hòa khí, lòng người chẳng thể có một ngày nào tâm tình chẳng vui vẻ).

lần học vẫn đều tốt đẹp, nhưng lão hòa thượng và ông ta đúng là giống như oan gia đối đầu, nhìn kiểu nào cũng chẳng thuận mắt, vô duyên vô cớ chửi đánh ông ta. Nhưng ông ta rất hay, khinh nhục thế nào vẫn chẳng bỏ đi, vẫn ngồi trong hội nghe kinh. Có một hôm, lão hòa thượng đem nước rửa chân trút lên người ông ta từ đầu đến chân, ông ta vẫn nín chịu, vẫn không bỏ đi. Cuối cùng, lão hòa thượng thấy vậy rất cău, trực tiếp hạ lệnh đuổi ông ta đi, để ông ta không còn có cách nào nữa. Ông ta có đi hay không? Vẫn không đi. Ông ta tìm chỗ ở bên ngoài chùa, tới nghe giảng kinh từ ngoài tường qua cửa sổ, vẫn chẳng bỏ đi. Lão hòa thượng cũng biết như vậy. Ba năm trôi qua như vậy, lão hòa thượng muốn truyền pháp, giống như Ngũ Tổ truyền pháp, muốn tìm một người kế thừa để truyền pháp. Những đại đệ tử đều tưởng là chính mình [sẽ được chọn], kết quả là lão hòa thượng tuyên bố, tìm người ấy từ bên ngoài về, truyền pháp cho người ấy, ngoài dự liệu của mọi người! [Đại chúng] mới hiểu lão hòa thượng vui dập dủ mọi cách nhằm bồi dưỡng đức hạnh cho người ấy. Ông ta được lão hòa thượng nhìn trúng, nên mới cố ý đày đọa như thế, cuối cùng truyền pháp cho ông ta. Vì thế, nhất cử nhất động của ông ta lão hòa thượng đều biết rõ. Do vậy, chúng tôi rất cảm động.

Vì vậy, học đạo, thường thân cận một vị thầy tốt, bốn năm năm thầy chẳng nói một câu nào, mà sai quý vị làm những việc khổ sở, nặng nề. Có kẻ chẳng nín nhịn được: “Ta đến đây để cầu pháp, nhưng thứ gì cũng chẳng cầu được”, lắc đầu bỏ đi. Muốn đi thì để cho người ấy đi, đó là gì? Người chẳng thể đào tạo được, thiếu lòng kiên trì, là kẻ chẳng thể thành tựu. Do vậy, cũng biết: Tu hành thì điều đầu tiên là tu gì? Tu Nhẫn Nhục Ba La Mật. Nhẫn Nhục Ba La Mật tu thành, những gì quý vị đạt được chẳng bị mất đi; bởi lẽ, “*hết thầy các pháp do Nhẫn mà thành*”. Nếu quý vị không có trình độ công phu này, lão hòa thượng dạy quý vị này nọ, đến cuối cùng sẽ ra sao? Quý vị ham cao chuộng xa, kiêu căng, ngạo mạn, ngỡ chính mình chẳng ai sánh bằng, rớt cuộc, thân bại danh liệt, kết quả tất nhiên là như vậy. Vì thế, người nào là pháp khí? Xem người ấy có kiên trì, có nhẫn nại hay không! Người ấy có bao nhiêu thành tựu, chắc chắn sẽ tỷ lệ thuận với lòng nhẫn nại của người ấy. Công phu nhẫn nại càng sâu, thành tựu càng lớn, nhẫn nại càng cạn, căn khí nhỏ nhoi, thành tựu càng nhỏ bé! Đó là đạo lý nhất định.

Công phu nhẫn nại tới mức thuần thực, là tam-muội, đã đắc Định. Vì thế, Lục Độ phải theo thứ tự thuận, chẳng thể điên đảo. Do vậy, vì sao hiện nay chẳng có trì giới? Vì không có bố thí. Bố thí là tầng thứ nhất, trì giới là tầng thứ hai. Không có bố thí là trong tâm quý vị vướng mắc, quá

nhiều thứ tạp nhạp, chẳng thể buông thứ nào xuống, làm sao quý vị giữ giới cho được? Bồ thí là dạy chúng ta hãy buông xuống, hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng phiền não thấy đều buông xuống, quý vị mới có thể tinh tấn. Có giới mới có thể nhẫn. Giới là cơ sở của nhẫn. Nhẫn là cơ sở của tinh tấn, tinh tấn là cơ sở của Thiền Định. Thiền Định là cơ sở của trí huệ, căn lâu ấy có thể xây càng cao. Thiếu tầng thấp nhất, chắc chắn chẳng thể xây tầng trên được!

Có ai chẳng biết nói danh từ Lục Độ? Ai nấy đều nhớ thật kỹ, nhưng nhớ kỹ có ích gì? Vô dụng! Không thể thật sự buông xuống được! Không chỉ hết thấy các pháp tạp nhạp của thế gian phải buông xuống, mà Phật pháp cũng phải buông xuống. Nếu thứ gì trong Phật pháp quý vị cũng nhớ kỹ, hồng bát, huệ môn sẽ bê tắc, quý vị chẳng thể khai ngộ! Đây là “*tăng trưởng tà kiến*” như Thanh Lương đại sư đã nói! Quý vị nghe càng nhiều, đọc càng lắm, tà kiến càng lắm, thành kiến càng nhiều, thấy cái này không đúng pháp, cái kia cũng chẳng đúng pháp, kinh này nói như thế này, kinh kia nói như thế nọ, cho là Phật đều có nói, đó là báng Phật. Quý vị hãy lôi kinh Kim Cang ra xem, kinh Kim Cang dạy: Nếu ai nói đức Phật thuyết pháp, tức là báng Phật. Chẳng dễ dàng! Vì thế, chúng ta đọc kinh, xem kinh, quyết định chớ chấp trước, đó là đúng pháp. Chẳng chấp trước là buông xuống; bởi lẽ, đức Phật dạy: “*Pháp thượng ưng xả, hà hướng phi pháp*” (pháp còn nên bỏ, hướng gì phi pháp), “bỏ” là bồ thí, buông xuống.

Chúng ta mỗi ngày phải niệm kinh, phải đọc, phải giảng, phải nghe mỗi ngày, nhưng mỗi ngày chớ nên chấp tướng, chớ nên chấp trước, cảnh giới của quý vị sẽ mỗi ngày mỗi khác! Ngày hôm qua, tôi đọc kinh này có kiến giải như thế này, cách giảng như thế này. Ngày hôm nay đọc kinh này, kiến giải và cách giảng khác hôm qua. Có thể thấy ngày hôm qua tôi đọc kinh này [có ngộ xứ khác với hôm nay], đã đọc qua đoạn ấy, tôi chẳng chấp trước vào đấy! Nếu nhớ kỹ, ngày hôm nay tôi vẫn giảng y hệt, giống như băng cassette, nghe một trăm lượt vẫn giống hệt như cũ, chẳng có gì mới mẻ xuất hiện, chẳng có trí huệ, ghi nhớ chết cứng mà! Vì vậy, nhất định phải khai trí huệ, chớ nên ghi nhớ chết cứng!

Thuở ấy, tôi học kinh, thầy Lý cũng một gậy đánh thức tôi. Lúc đó, tôi viết bút ký, cụ gọi tôi vào phòng cụ, hỏi: “Có phải là anh ghi bút ký hay không?” Tôi thưa: “Dạ phải!” “Anh ghi để làm gì? Sang năm cảnh giới của anh lại khác, chẳng phải là bút ký năm nay của anh trở thành thứ phé thải hay sao?” Tôi nghĩ rất có lý, cần gì phải chuốc lấy phiền phức vậy! Vì thế, đơn giản là chẳng ghi bút ký nữa, chuyên môn chú ý nghe. Vì chép bút ký bị phân tâm, chẳng thể chuyên tâm nghe, chuyên tâm nghe

chắc chắn có Định, có Huệ. Tôi vừa mới nói, đó là Tam Học Giới, Định, Huệ được hoàn thành cùng lúc, ân đức của thầy Lý rất lớn! Nếu khi ấy cụ chẳng dạy tôi làm như vậy, tôi vẫn một mực biên biên, chép chép; nói cách khác, tất nhiên cũng là chết cứng nơi ghi chép. Bản thân tôi giảng điều gì sẽ chẳng rời khỏi bút ký, không thoát khỏi phạm vi ấy!

Vì thế, ở Đài Trung, tôi học được một phương pháp sống động, chẳng phải là học thứ bị chết cứng! Tôi đọc chú giải của cổ nhân, thầy trong ấy có vô lượng ý nghĩa xuất hiện. Cụ vừa chỉ điểm, ý nghĩa ấy bèn xuyên suốt, thông đạt, tuyệt đối chẳng phải là giảng [rập khuôn] theo bản chú giải ấy. Nếu giảng theo chú giải, mỗi lần sẽ giống nhau, vì sao mỗi biến đều khác nhau? Mỗi ngày đều khác nhau? Có thể thấy là chẳng chiếu theo chú giải, nhưng cũng chẳng rời khỏi chú giải! Mọi người phải lắng lòng thấu hiểu đạo lý này. Vì thế, hiểu tinh tấn là gì, biết phải tu hành ra sao thì mới thật sự là đúng Lý, đúng pháp.

(Sao) Hựu Bất Hưu Tức, tất Thường Tinh Tấn; Thường Tinh Tấn, tất Bất Hưu Tức. Thử nhị Bồ Tát, diệc danh thù nhi đức nhất giả dã.

(鈔)又不休息，必常精進；常精進，必不休息。此二菩薩，亦名殊而德一者也。

(Sao: Lại nữa, Bất Hưu Tức ắt Thường Tinh Tấn; Thường Tinh Tấn ắt Bất Hưu Tức (chẳng ngơi nghỉ). Hai vị Bồ Tát này cũng là tên khác nhau, nhưng đức là một).

Trong kinh này, chẳng nhắc đến những vị Bồ Tát khác, đặc biệt nêu tên hai vị Bồ Tát này, dụng ý rất sâu! Vì tín nguyện trì danh đòi hỏi “chẳng hoài nghi”, buông xuống, bỏ sạch nghi tình, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp. “Chẳng gián đoạn” là Bất Hưu Tức, “chẳng xen tạp” là Chân Tinh Tấn, xen tạp sẽ chẳng phải là tinh tấn! Do vậy, danh hiệu Bồ Tát ở đây phô bày nguyên tắc trọng yếu trong sự tu học pháp môn này. Chúng ta nương theo cương lĩnh ấy để tu hành, nhất định thành tựu trong một đời này.

Như đức Thế Tôn, như đức Di Đà có cùng đại trí, đại từ, đại trí khế nhập Thật Tướng của các pháp. Đại từ phổ độ chúng sanh. Nếu nói theo pháp môn này, đại trí là thật sự lý giải ba kinh, thật sự lý giải, chẳng sai lầm tí nào! Đại từ là chuyên hoằng ba kinh. Vì kinh này là pháp môn bậc nhất để chư Phật độ hết thảy chúng sanh. Lại còn là khiến cho những chúng sanh tội ác nặng nề nhất có thể nhờ mười niệm hay một niệm mà

vãng sanh, có thể thành Phật. Pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn! Hết thấy các pháp môn khác đều chẳng có công hiệu này, chỉ riêng pháp môn này thù thắng, đại trí cần phải tương ứng với kinh, ắt phải vận dụng đại từ thì mới có thể hoằng dương trọn khắp. Chính mình y giáo tu hành là lòng Từ tự lợi, tuyên dương pháp môn này lòng Từ lợi tha. Chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 117

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm năm mươi hai:

Tam, tổng kết.

(Kinh) Dữ như thị đẳng chư đại Bồ Tát.

三、總結。

(經) 與如是等諸大菩薩。

(Ba, tổng kết.

Kinh: Cùng với các vị đại Bồ Tát giống như vậy).

Câu này nhằm tổng kết phần Bồ Tát Chúng trong phần trên.

(Sớ) Kết thượng lệ dư đồng tiền, tỳ đương kinh, tức biểu Tín, Hạnh, Nguyện tam, thành Tịnh Độ nhân cố.

(疏) 結上例餘同前，就當經，則表信行願三，成淨土因故。

(Sớ: Kết lại [ý nghĩa biểu pháp của] những vị trên đây và các vị Bồ Tát khác giống như trong phần trên, kinh này biểu thị ba thứ Tín, Hạnh, Nguyện, tạo thành cái nhân Tịnh Độ).

Đoạn này sẽ được giải thích trong lời Sao.

(Sao) “Đồng tiền” giả, kết thượng Văn Thù, Di Lạc đẳng. “Lệ dư”, tức Phổ Hiền, Quán Âm nhất thiết Bồ Tát dã.

(鈔) 同前者，結上文殊彌勒等。例餘，則普賢觀音一切菩薩也。

(Sao: “Giống như trên” là kết luận Văn Thù, Di Lạc v.v... [đã nói trong] phần trên. “Các vị Bồ Tát khác” là như Phổ Hiền, Quán Âm, hết thấy các vị Bồ Tát).

Số lượng các vị Bồ Tát dự hội rất nhiều, vì sao không nêu tên các Ngài, ở đây chỉ nhắc tới bốn vị Bồ Tát Văn Thù, A Dật Đa, Càn Đà Ha Đê, Thường Tinh Tấn? Nêu tên nhằm biểu thị pháp, có ý nghĩa giống như [ý nghĩa biểu pháp] của mười sáu vị tôn giả trong phần Thanh Văn Chúng

ở phía trên. Ngoài bốn vị Bồ Tát này ra, các vị Bồ Tát khác dự hội khá đông, nên nói “*dữ như thị đẵng*” (và các vị Bồ Tát giống như thế). Chữ “*như thị*” chỉ bốn vị Bồ Tát đã nói trong phần trước. Các vị Bồ Tát giống như các Ngài rất nhiều!

(Sao) Tín, Hạnh, Nguyên giả, Diệu Thủ biểu tín.

(鈔) 信行願者，妙首表信。

(Sao: “Tín, Hạnh, Nguyên”): Diệu Thủ biểu thị Tín).

Văn Thù Bồ Tát (Diệu Thủ) tượng trưng cho Tín.

(Sao) Cầu sanh Tịnh Độ, Tín vi tối tiên, kinh vân “nhược hữu tín giả”, thị dã.

(鈔) 求生淨土，信為最先，經云若有信者是也。

(Sao: Cầu sanh về Tịnh Độ thì lòng tin là [điều kiện cần phải hội đủ] trước hết. Kinh nói “nếu kẻ nào có lòng tin” chính là nói về điều này).

Thứ nhất là phải kiến lập lòng tin chân thật đối với Tây Phương Tịnh Độ, quyết định chẳng hoài nghi, có như vậy thì chuyện vãng sanh mới quyết định nắm chắc. Phàm là người niệm Phật đến lúc cuối cùng chẳng thể vãng sanh, tuyệt đại đa số nguyên nhân là đến phút cuối, lòng tin dao động, tới lúc lâm chung chẳng tin tưởng, hoặc chẳng nỗ lực bỏ thế giới này, những điều ấy tạo thành chướng ngại cho sự vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, lúc bình thời, vì sao chúng ta phải thâm nhập, nghiên cứu, đọc kinh luận Tịnh Độ? Mục đích là đoạn nghi, khiến cho nội tâm của chúng ta thật sự chẳng còn nghi hoặc, tín tâm thanh tịnh.

(Sao) Tinh Tấn biểu nguyện hạnh, tinh giả bất tạp.

(鈔) 精進表願行，精者不雜。

(Sao: Tinh Tấn biểu thị nguyện và hạnh, Tinh là chẳng xen tạp).

Là chẳng xen tạp!

(Sao) Tấn giả, bất thoái.

(鈔) 進者不退。

(Sao: Tấn là chẳng lui sụt).

Là chẳng gián đoạn; ở đây nói tới bất thoái, tức là chẳng lui sụt.

(Sao) Bất tạp giả, kinh vân nhất tâm bất loạn. Bất thoái giả, kinh vân “bất thoái chuyên Bồ Đề” thị dã.

(鈔)不雜者，經云一心不亂。不退者，經云不退轉菩提是也。

(Sao: “Chẳng tạp”, kinh nói “nhất tâm bất loạn”. Bất thoái: Kinh nói “chẳng thoái chuyên Bồ Đề” là nói tới điều này).

Càn Đà Ha Đề Bồ Tát biểu thị ý nghĩa này. Sau khi đã tin mới thật sự phát nguyện. Lòng tin chẳng vững vàng, nguyện lực chẳng mạnh mẽ; vì lẽ đó, người ấy tu hành chẳng nỗ lực, dễ giải đãi. Thông thường, chúng ta thấy người tu Tịnh Độ hoàn toàn chẳng phải là không sốt sắng, nhưng kẻ ấy trọn chẳng thấy đây là một chuyện trọng yếu, chúng ta biết gốc bệnh của họ là do lòng tin chẳng kiên cố. Nếu lòng tin kiên cố, tự nhiên nguyện lực mạnh mẽ, to lớn, nhất định coi niệm Phật là đại sự bậc nhất trong một đời này. Cơm có thể không ăn, chẳng cần ngủ, nhưng chẳng thể không niệm Phật! Chúng ta biết người ấy thật sự tin, thật sự nguyện vãng sanh, đúng là dốc hết tánh mạng để thực hiện, người như vậy chắc chắn có thành tựu. Lợi ích thứ hai do thâm nhập kinh luận là giúp chúng ta có năng lực tiếp dẫn chúng sanh. Bản thân chúng ta đạt được lợi ích ấy, lợi ích ấy là lợi ích thù thắng khôn sánh. Cổ đức nói lợi ích ấy là “*lợi ích hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay*”, ngày nay chúng ta đã đạt được, sau khi đã đạt được, đương nhiên chính mình thành tựu.

Nhưng chúng ta phải suy nghĩ, đức Phật ban cho chúng ta ân đức này, tổ sư các đời truyền lại cho chúng ta. Nếu ngày nay chúng ta chẳng được đức Phật dạy cho biết, chẳng được tổ sư đời đời truyền thừa, chúng ta làm sao có thể đạt được? Báo đền ân đức ấy như thế nào? Chẳng có cách nào báo đáp! Chúng ta dựng cho Phật một ngôi chùa, Phật chẳng cần trụ trong ngôi chùa tạ tội ấy! Chúng ta đem món gì cúng dường Phật, chớ bảo là đức Phật ăn, ngủi mà Phật còn chưa ngủi nữa kia! Cách duy nhất có thể báo ân Phật là hoằng dương pháp môn này, hoằng dương trọn khắp pháp giới, mong cho hết thảy chúng sanh đều có thể giác ngộ. Giác ngộ rồi mới chịu niệm Phật, đấy là thật sự đại triệt đại ngộ, tu học pháp môn niệm Phật này. Đã có nguyện thì phải tinh tấn, phải sốt sắng, nỗ lực, phải thật sự tinh tấn, có như vậy thì mới có thể thật sự đạt được Bất Thoái, chẳng tạp, mà cũng là “*nhất tâm bất loạn, bất thoái Bồ Đề*” như trong kinh điển đã nói.

(Sao) Bất Hưu Tức giả, tức Bất Thoái nghĩa.

(鈔) 不休息者，即不退義。

(Sao: Bất Hưu Tức có nghĩa là Bất Thoái).

Nếu nói chúng ta phải thực hành, phải tu pháp môn này, suốt ngày từ sáng đến tối đều chẳng nghỉ ngơi, tinh thần con người sẽ chẳng thể chịu đựng được! Bất Hưu Tức là nói quý vị [tu tập] suốt đời, chúng ta niệm Phật suốt đời, hễ mệt thì quý vị cứ nghỉ ngơi, nghỉ ngơi khỏe khoắn rồi lại tiếp tục niệm. Đây là Bất Hưu Tức, quyết chẳng phải là bữa nay ta niệm Phật suốt cả ngày, ngày mai quên bẵng, ngày một nhớ tới, ta lại niệm bù! Như thế là không được, sai rồi! Vì thế, người niệm Phật có định khóa và tán khóa. Định khóa là công khóa sớm tối, quyết định chẳng thể thiếu, hễ thiếu thì gọi là thoái chuyên. Do vậy, tôi khuyên mọi người công khóa sớm tối chớ nên ấn định quá nhiều. Ấn định quá nhiều, sợ quý vị bận bịu công việc sẽ bỏ sót, hễ bỏ sót thì công phu của quý vị bị gián đoạn, chẳng thể gọi là công phu. Vì thế, công khóa sớm tối của chúng ta càng ít càng hay, quý vị có thể gìn giữ suốt đời, chẳng gián đoạn.

Cổ đại đức dạy chúng ta pháp Thập Niệm đơn giản nhất, suốt đời chẳng gián đoạn, cũng phù hợp với ý nghĩa “*nhất hướng chuyên niệm*” (một bề chuyên niệm) như trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói. Chúng ta chẳng vi phạm, phải tuân thủ kinh điển, y giáo phụng hành thì mới có thể thành công. Chớ nên trái nghịch ý nghĩa kinh dạy. Trong tự viện, đạo tràng, mọi người cùng nhau có thời gian làm việc và nghỉ ngơi nhất định, khóa tụng dài một chút cũng chẳng sao. Chư vị tại gia học Phật, chuyện trong gia đình rất bận bịu, nếu khóa tụng rất dài, chẳng tránh khỏi bị gián đoạn. Hôm nay bận quá, không tụng khóa sớm được, ngày mai ta tụng bù! Tối ngày mai lại bận, thôi thì ta sẽ bù vào ngày một. Nếu cả ba ngày đều bận rộn, thôi luôn, chẳng làm, bèn thoái chuyên! Đâm ra chẳng bằng Thập Niệm.

Thời gian Thập Niệm ngắn ngủi, thời gian năm phút là đủ rồi, tôi nghĩ bất luận là ai cũng đều có thể dành ra khoảng thời gian ấy. Buổi sáng, sau khi rửa mặt, súc miệng, quý vị bèn tu pháp Thập Niệm. Buổi tối, ngủ ít đi năm phút, buổi sáng thức sớm năm phút, làm được! Do vậy, cần phải có tâm thường hằng, phải có lòng kiên trì, điều này vô cùng quan trọng. Trừ định khóa ra là tán khóa; tán khóa là tùy lúc, tùy chỗ, quý vị có thể nhắc nhở chính mình niệm A Di Đà Phật. Nói tóm lại một câu, trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, hết thấy cảnh duyên, “cảnh” là hoàn cảnh vật chất, “duyên” là hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau), bất luận trong hoàn cảnh vật chất hay trong hoàn cảnh nhân sự, từ đầu tới cuối gìn

giữ cái tâm thanh tịnh của chính mình, tâm thanh tịnh là gì? A Di Đà Phật. Trong tâm quý vị có A Di Đà Phật, đó là tâm thanh tịnh; đây là chuyên tu! Cổ đại đức bảo cách tu này là “*vạn người tu, vạn người về*”.

Do vậy, trong lúc chúng ta làm việc, cần phải suy nghĩ, chúng ta buông Phật hiệu xuống, nghiêm túc làm công chuyện. Làm xong việc, lại tiếp tục niệm Phật. Niệm Phật quan trọng nhất là trong tâm có Phật, miệng có niệm hay không chẳng sao hết, niệm trong tâm. Miệng niệm đã mệt bèn có thể nghỉ, nhưng trong tâm chớ nên gián đoạn. Lại thưa cùng quý vị, chúng ta đọc kinh cũng là niệm Phật, chúng ta đọc kinh Di Đà, Di Đà Kinh Sớ Sao, Di Đà Kinh Yếu Giải vẫn là niệm Phật, vì kinh toàn giảng về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị niệm Tịnh Độ tam kinh, hay niệm Tịnh Độ ngũ kinh, niệm Vãng Sanh Luận, thấy đều là niệm Phật. Quý vị chớ nên niệm kinh khác! Quý vị nói tôi niệm kinh Hoa Nghiêm, niệm kinh Pháp Hoa, niệm kinh Kim Cang, đó chẳng phải là niệm Phật, mà là xen tạp. Những kinh ấy chẳng giảng về A Di Đà Phật, chẳng nói tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, chớ vị phải hiểu rõ ràng điều này! Vì thế, chúng ta miệng niệm, niệm mệt bèn đổi sang xem kinh, xem kinh vẫn là niệm Phật, có thể điều hòa sinh lý, khiến chúng ta tu tập chẳng mệt mỏi, chẳng chán ngán! Phương pháp tùy thuộc bản thân chúng ta vận dụng sao cho thích đáng thì niệm Phật mới có thể đạt đến pháp hỷ sung mãn.

(Sao) *Hựu Di Lạc từ hạnh, Càn Đà phạm hạnh.*

(鈔) 又彌勒慈行，乾陀梵行。

(Sao: *Lại nữa, Di Lạc là từ hạnh, Càn Đà Ha Đề là phạm hạnh.*)

Di Lạc Bồ Tát biểu thị đại từ đại bi, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát biểu thị trì giới thanh tịnh.

(Sao) *Quán Kinh vân: “Từ tâm bất sát, cụ chư giới hạnh”, thị dã.*

(鈔) 觀經云：慈心不殺，具諸戒行，是也。

(Sao: *Quán Kinh nói: “Từ tâm chẳng giết, đủ các giới hạnh” là nói đến ý nghĩa này.*)

Di Lạc Bồ Tát tượng trưng cho “*từ tâm chẳng giết*”, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát tượng trưng “*giới hạnh trọn đủ*”. Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, đức Phật dạy chúng ta ba thứ tịnh nghiệp, những ý nghĩa được biểu thị bởi Bồ Tát đều ở trong đó. Loại tịnh nghiệp thứ nhất là “*từ tâm bất sát*”, bồi dưỡng tâm từ bi; loại tịnh nghiệp thứ hai là “*đầy đủ các*

giới”; loại tịnh nghiệp thứ ba là “*tin sâu nhân quả*”, Văn Thù Bồ Tát biểu thị Tín.

(Sao) Thành Tịnh Độ nhân.

(鈔) 成淨土因。

(Sao: Thành cái nhân Tịnh Độ).

Trong kinh, đức Phật đã giảng ba thứ tịnh nghiệp này rất rõ ràng, đây là “chánh nhân thành Phật của mười phương chư Phật”. “*Tịnh Độ nhân*” là chánh nhân của Tịnh Độ.

(Sao) Tắc liệt chư Bồ Tát, phi vô nhân cố.

(鈔) 則列諸菩薩，非無因故。

(Sao: Tức là chẳng phải vô duyên có mà kể tên các vị Bồ Tát).

Trong phần trước, kinh này kể tên bốn vị Bồ Tát, chẳng phải là tùy tiện nêu tên, mà là có nghĩa thú biểu thị pháp rất sâu trong ấy. Chúng ta xem đoạn cuối cùng là đoạn luận về xứng tánh.

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh vô bất chiếu, thị Văn Thù trí nghĩa; tự tánh vô bất dung, thị Di Lạc từ nghĩa; tự tánh vô cùng vô tận, thị Bất Hưu Tức, Thường Tinh Tấn nghĩa. Dư khả loại tri.

(疏) 稱理，則自性無不照，是文殊智義；自性無不容，是彌勒慈義；自性無窮無盡，是不休息常精進義。餘可類知。

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh không đâu chẳng chiếu là ý nghĩa trí huệ của Văn Thù, tự tánh không gì chẳng bao dung là ý nghĩa lòng Từ của Di Lạc, tự tánh vô cùng, vô tận là ý nghĩa Bất Hưu Tức và Thường Tinh Tấn, những điều khác có thể suy theo đó mà biết).

Trong kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy ba chữ Tự. Thế Tự Tại Vương Phật trả lời tỳ-kheo Pháp Tạng vô cùng cao minh, trong Thiền Tông gọi đó là Thiền cơ! Phật pháp phải cầu từ nơi đâu? Phải cầu từ tự tánh. Trong bản chú giải này, Liên Trì đại sư đã chú giải vô cùng hay, trong mỗi đoạn đều có lời bàn xứng tánh, tiêu quy tự tánh. Chúng ta thường nghe nói: “*Xem kinh phải tiêu quy tự tánh, tu hành phải chuyển thức thành trí*”, rốt cuộc phải như thế nào mới được coi là tiêu quy tự

tánh? Mỗi đoạn xứng Lý của Liên Trì đại sư chính là tiêu quy tự tánh, như vậy thì mới có thể đạt được thụ dụng chân thật. Nói cách khác, mỗi đoạn ấy là tâm đắc của Liên Trì đại sư khi đọc kinh Di Đà, thật sự tâm đắc, [tức là] điều Ngài đạt được! Vì thế, hết thảy đều có thể quy vào Chân Như tự tánh.

“*Tự tánh vô bất chiếu*” (tự tánh không gì chẳng chiếu), trong tự tánh có ý nghĩa tịch - chiếu, tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch. Tự tánh mới là chính mình thật sự, cái được gọi là “*diện mục vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra*” trong Thiên gia chính là tự tánh, nói về điều này. Chính quý vị phải ngộ! Khi Lục Tổ khai ngộ, Ngài đã ngộ gì? Ngộ tự tánh. Ngài nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn thanh tịnh*”. Chưa từng bị nhiễm dơ. Nay chúng ta nói “quý vị bị nhiễm dơ”, trên thực tế chẳng phải là tự tánh của quý vị bị nhiễm dơ. Nếu tự tánh bị nhiễm dơ, làm sao có thể gọi là Chân Như tự tánh? Chẳng thể gọi là tự tánh! Tự tánh chẳng bị nhiễm dơ. Cái gì bị nhiễm dơ? Tám thức của quý vị bị nhiễm dơ!

Tám thức bị nhiễm dơ như thế nào? Tám thức bị năm mươi một Tâm Sở nhiễm dơ, trọn chẳng phải là Chân Như bản tánh của chúng ta bị nhiễm dơ. Chẳng hạn như mắt chúng ta nhìn thứ gì, chúng ta ví tròng mắt như tự tánh, chúng ta đeo kiếng thì kiếng giống như tám thức. Trên mắt kiếng dính rất nhiều bụi bặm, bôi rất nhiều màu, sẽ thấy chẳng rõ ràng, mắt quý vị có bị nhiễm dơ hay không? Chẳng có! Vốn là mắt kiếng bị nhiễm dơ. Trong Phật môn thường giảng nhiễm dơ theo ý nghĩa này, bản tánh chẳng bị nhiễm dơ! Người giác ngộ biết chân tướng sự thật này, nào ngờ tự tánh vốn thanh tịnh. Quý vị thành Phật, tự tánh thanh tịnh như thế đó. Dầu quý vị đọa trong tam ác đạo, tự tánh vẫn thanh tịnh dường ấy, chắc chắn chẳng bị nhiễm dơ bởi ngoại cảnh. Giống như chúng ta đeo đôi kiếng ấy, mắt kiếng lau rất sạch, mắt ta thanh tịnh. Mắt kiếng của quý vị bị bôi [màu] lung tung, nhưng con mắt của ta vẫn thanh tịnh, đạo lý là như vậy đó. Vì thế, bản tánh là chân tâm, tám thức và năm mươi một Tâm Sở là vọng tâm, có chân, có vọng, vọng tâm giống như mắt kiếng, nó chẳng phải là chân tâm.

Lục Tổ lại nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn trọn đủ*”. Trí huệ, đức năng, cho đến phước báo đều trọn đủ. Thế giới Hoa Tạng trang nghiêm dường ấy, thế giới Cực Lạc giàu có, sung túc như vậy, đó là đại phước báo, do đâu mà có? Chẳng phải do A Di Đà Phật tu được, mà do trong tự tánh vốn trọn đủ. Vì sao nay chúng ta chẳng có phước báo? Chúng ta mê tự tánh, cho nên phước báo chẳng thể hiện tiền. Nếu giác ngộ tự tánh, phước báo sẽ hiện tiền, phước báo ấy là phước báo xứng tánh, vĩnh viễn hưởng bất

tận, dùng chẳng cạn kiệt. Khác với thế gian này, phước báo của chúng sanh trong thế gian này là do tu được, phước báo do tu được chẳng xứng tánh, sẽ dùng hết. Phước báo xứng tánh hưởng thụ bất tận. Vì thế, người thông minh, giác ngộ, cầu gì? Cầu minh tâm kiến tánh. Trong pháp môn này là cầu nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn là minh tâm kiến tánh.

Trong đoạn này, chúng ta thấy được đôi chút ánh sáng của công đức trong bốn tánh mà thôi, nói thật ra, một chút ánh sáng đã thụ dụng bất tận! “*Tự tánh vô bất chiếu*” (tự tánh không gì chẳng chiếu) là trí Văn Thù. Văn Thù Bồ Tát tượng trưng Chân Như bốn tánh, trong ấy vốn tròn đủ quang minh, trí huệ, Ngài tượng trưng điều này.

Lòng Từ của Di Lạc Bồ Tát là tự tánh không gì chẳng bao dung. Người Trung Quốc đắp tượng Di Lạc Bồ Tát là tượng Bồ Đại hòa thượng. Điểm đặc sắc của Bồ Đại hòa thượng là khuôn mặt cười toe toét, bụng rất lớn, biểu thị có thể dung chứa, bụng dạ rộng rãi, có thể bao dung, mang ý nghĩa này. Tạo tượng ấy vì Bồ Đại hòa thượng là hóa thân của Di Lạc Bồ Tát, xuất hiện tại Trung Quốc vào triều đại Nam Tống, nhằm thời Tống Cao Tông (1127-1162), cùng thời với Nhạc Phi, Ngài xuất hiện tại huyện Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang. Lúc Ngài ra đi, tự nêu bày thân phận, tiết lộ Ngài là Di Lạc Bồ Tát tái lai. Nói xong bèn tịch, sanh tử tự tại! Từ đấy, người Trung Quốc hễ tạc tượng Di Lạc Bồ Tát bèn tạc tượng Ngài.

Ngài dạy chúng ta tu hành, rất đáng cho chúng ta phản tỉnh thật sâu. Ngài suốt ngày từ sáng đến tối chẳng làm chuyện gì, luôn đi hóa duyên bên ngoài, hóa duyên xong cũng chẳng dùng tới. Hằng ngày xách một cái túi vải to, người ta cũng chẳng biết Ngài từ đâu tới, chẳng biết Ngài tên họ gì, ngay cả pháp danh xuất gia cũng không biết luôn! Người ta thấy mỗi ngày Ngài xách một cái túi vải lớn, bèn gọi Ngài là Bồ Đại hòa thượng. Cái tên Bồ Đại hòa thượng do đó mà có. Người ta cho thứ gì Ngài bèn dồn vào trong túi, cũng chẳng nhìn tới, cứ dồn vào trong túi. Người khác hỏi Ngài về Phật pháp, Phật pháp là gì? Ngài buông túi xuống đất, buông thông hai tay, nghĩa là gì? Hãy buông xuống! Buông túi xuống có thể nhập Phật pháp, người khác cũng hiểu được ý nghĩa này. Sau khi buông xuống thì làm như thế nào? Ngài cầm lấy túi, đặt lên vai, bỏ đi. Buông xuống được, nhắc lên được. Buông trần lao xuống, “nhắc lên” là phổ độ hết thấy chúng sanh. Thị hiện ra cho chúng ta thấy, đại từ đại bi! “*Tự tánh vô bất dung*” (tự tánh không gì chẳng chứa đựng) là ý nghĩa của lòng từ Di Lạc, từ bi là gì? Từ bi là phải có thể tha thứ, phải có thể bao dung.

Nhưng trong kinh này, chư vị xem kỹ, vị thứ nhất là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, vị thứ hai là Di Lặc Bồ Tát, nhằm nói rõ từ bi phải có lý trí, phải nương vào trí huệ. Chẳng có lòng từ bi được hướng dẫn bởi trí huệ, thiên hạ sẽ đại loạn. Tông chỉ của nhà Phật là “*từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*”, nhưng nhà Phật lại nói: “*Từ bi lắm họa hại, phương tiện thành hạ lưu*” là chuyện như thế nào? Nếu từ bi và phương tiện thiếu lý tánh, đó chính là họa hại, là hạ lưu. Vì thế, tâm từ bi, khoan dung, tha thứ, và các pháp phương tiện đều phải kiến lập trên cơ sở đại trí huệ, đó mới là Phật pháp thật sự.

Hiện thời Phật môn suy vi, suy đến cùng cực, vì sao suy? Thiếu lý tánh, thấy đều là xử sự theo cảm tình. Tôi ưa thích bèn từ bi; tôi không ưa bèn chẳng thèm đoái hoài tới. Từ bi và phương tiện tùy thuộc vào sự cao hứng của cá nhân! Người ấy chẳng xử sự theo lý trí, mà theo cảm tình; do vậy, Phật môn đọa lạc, Phật pháp trong thế gian này bị hủy hoại. Trong quá khứ, tôi giảng Thiên Lâm Bảo Huấn tại chùa Pháp Hoa, giảng sáu, bảy lần. Khi ấy, có người cảnh cáo tôi: “Pháp sư! Tốt nhất là thầy không nên giảng tiếp nữa! Nếu thầy giảng tiếp, sợ sẽ có người đến sửa lưng thầy đó nghe!” Ai đến kiểm chuyện? Người xuất gia đến kiểm chuyện! Nội dung Thiên Lâm Bảo Huấn giảng gì? Kiểm thảo những điều được mất của người xuất gia chúng ta, những thói tật nào cần phải sửa chữa. Chúng tôi giảng trước tác của cô đại đức, nào ngờ người nghe có lẽ cũng cảm thấy tôi đang chửi họ, chẳng phục, muốn đến kiểm chuyện với tôi! Người hiện thời cả thân đầy bệnh, nhưng không ai được phép phê bình! Không chỉ là chẳng ai được phép phê bình, mà quý vị giảng kinh đụng đến chỗ họ kỵ húy cũng không được, còn có cách nào nữa! Kinh nói đến những điều ấy, chúng ta đều phải tránh né, vậy thì còn có thể giảng kinh gì nữa, kinh gì cũng chẳng thể giảng. Trong Phật môn há có đạo lý bất hoại! Đó là chúng sanh thiếu phước, giảng kinh vẫn phải nhìn về mặt của thính chúng, câu nào có thể nói được, câu nào chớ nên nói, ngay cả ý nghĩa của kinh cũng chẳng thể thật sự hiển lộ, sợ gặp phải đố kỵ, sợ bị kiểm chuyện, điều này đúng là khiến cho người ta đau lòng!

Hai vị Bồ Tát một vị tượng trưng trí huệ, một vị tượng trưng từ bi, liên khởi! “*Tự tánh vô cùng vô tận, thị Bất Hưu Tức, Thường Tinh Tấn nghĩa*” (tự tánh vô cùng, vô tận là ý nghĩa Bất Hưu Tức và Thường Tinh Tấn), tự tánh tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch, bao la pháp giới, không gì chẳng chứa đựng!

(Sao) Loại tri giả.

(鈔) 類知者。

(Sao: So sánh để biết).

“Loại” là so sánh sẽ biết.

(Sao) Tự tánh quảng đại thị Phổ Hiền nghĩa.

(鈔) 自性廣大是普賢義。

(Sao: Tự tánh rộng lớn nghĩa là Phổ Hiền).

Chúng ta đọc tác phẩm chú giải kinh Hoa Nghiêm của Thanh Lương đại sư, đối với danh hiệu Phổ Hiền Bồ Tát, Ngài đã giải thích đơn giản, “Phổ” là gì? “Hạnh di pháp giới viết Phổ” (hạnh trọn khắp pháp giới là Phổ). Hạnh của chúng ta có đối tượng là tận hư không khắp pháp giới. Bồ Tát Hạnh là gì? Lục Ba La Mật, thượng cầu, hạ hóa, cảnh giới ấy rộng lớn không ngăn mé, đây là ý nghĩa của Phổ Hiền. “Hiền” là nói địa vị của Ngài chỉ kém Phật, Phật là thánh, dưới thánh nhân là hiền nhân. Chân Như bản tánh của chúng ta tận hư không khắp pháp giới, thường nói là “*thu cùng tam giới, hoành biến thập phương*” (theo chiều dọc thấu suốt tam giới, theo chiều ngang trọn khắp mười phương). Tự tánh của chúng ta chẳng có ngăn mé, đó là ý nghĩa Phổ Hiền. Do vậy cũng biết, danh hiệu của tất cả chư Phật và chư Bồ Tát đều quy vào một tự tánh, hiển thị tự tánh phát xuất quang minh vô hạn, đức năng vô hạn. Như vậy thì quý vị mới có thể nhập Phật môn, mới vào được!

Nếu quý vị thấy hết thấy Bồ Tát đều đối lập với chính mình, “ta là người nào đó, đây là Quán Âm Bồ Tát, kia là Phổ Hiền Bồ Tát”, quý vị và các Ngài là hai thứ đối lập, cảnh giới học Phật của quý vị có hạn độ. Quý vị có thể chứng đắc A La Hán, Bích Chi Phật, hoặc Quyên Giáo Bồ Tát, chứ lên cao hơn nữa quý vị chẳng có phần, vì sao? Quý vị chẳng thể xứng tánh, chẳng thể kiến tánh. Nói theo phía người niệm Phật, quý vị chẳng thể niệm đến Lý nhất tâm bất loạn, công phu của quý vị dẫu tốt đẹp cách mấy, chỉ có thể đạt đến Sự nhất tâm bất loạn, chẳng thể đạt tới Lý nhất tâm, vì sao? Lý nhất tâm kiến tánh, sau khi kiến tánh, tận hư không trọn khắp pháp giới và chính mình là một. Quý vị thấy ở đây, tổ Liên Trì giảng: Văn Thù Bồ Tát là trí huệ của chính mình, Di Lặc Bồ Tát là bản tánh bao dung của chính mình, Phổ Hiền Bồ Tát là tự tánh rộng lớn của chính mình, chẳng có điều nào ra ngoài [tự tánh]! A Di Đà Phật là vô lượng giác trong tự tánh, Thích Ca Mâu Ni Phật là năng nhân tịch mặc trong tự tánh, chẳng có một pháp nào ở ngoài tự tánh, pháp nào cũng quy về tự tánh, đó gọi là

“kiến tánh thành Phật”. Đây là cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn, là công phu của người tu hành chân thật, hợp nhất với hết thủy vạn sự vạn vật.

Vương Dương Minh là một Phật giáo đồ rất kiên thành, ông ta học không ít điều từ giáo lý Phật giáo, sáng lập học thuyết Dương Minh, nhấn mạnh “*tri hành hợp nhất, thiên nhân hợp nhất*”. Trong mười pháp giới, ông đã hợp hai pháp giới lại, nhưng còn tám pháp giới vẫn chưa hợp được. Do vậy, ông ta chưa thành Phật, mà cũng chẳng thể thành Bồ Tát; ông ta chỉ có thiên nhân hợp nhất. Trừ trời, người ra, còn có tam ác đạo, ngoài lục đạo còn có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, ông ta đều chẳng hợp nhất được! Vì thế, ông ta vẫn chưa viên dung Phật pháp, thật sự viên dung là mười pháp giới hợp nhất. Mười pháp giới hợp thành một, sẽ không thể gọi là mười pháp giới, mà gọi là Nhất Chân pháp giới.

Khi chư vị chưa kiến tánh, quý vị trụ trong mười pháp giới. Sau khi kiến tánh, quý vị trụ trong một pháp giới, tức Nhất Chân pháp giới. Đã giác ngộ, pháp giới là Nhất Chân; mê rồi, Nhất Chân biến thành mười pháp giới. Do vậy, mười pháp giới là đôi lập, Nhất Chân pháp giới là viên dung. Trong viên dung, chẳng tìm được dấu vết, giống như nước hòa lẫn sữa, giống như hai ngọn đèn chiếu lẫn nhau. Chúng ta thấy ánh đèn, ánh sáng nào là của ngọn đèn này, ánh sáng nào là của ngọn đèn kia, chẳng tách rời được, toàn thể dung hợp thành một. Đây là tự tánh viên dung, đó mới là thật sự “liạ khổ, được vui”, vì sao? Hết thủy phân biệt, chấp trước, phiền não thấy đều chẳng có; Vô Thượng Bồ Đề, Niết Bàn, Bát Nhã dung hội thành nhất thể. Trong cảnh giới ấy, nói gì cũng chẳng phải, nói gì cũng đều phải, đây chính là cảnh giới thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

(Sao) Tự tánh viên thông thị Quán Âm nghĩa.

(鈔) 自性圓通是觀音義。

(Sao: Tự tánh viên thông là ý nghĩa của Quán Âm).

Pháp Viên Thông do Quán Âm Bồ Tát nói là Nhĩ Căn Viên Thông. Một căn đã viên thông thì căn nào cũng đều viên thông, Ngài tu pháp môn này nên hết sức thích hợp với chúng sanh trong thế giới Sa Bà. Văn Thủ Bồ Tát chọn lựa pháp Viên Thông đã nói: “*Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn*” (chân giáo thể phương này, thanh tịnh nơi nghe tiếng). Thuở ấy, đức Phật đi khắp nơi thuyết pháp dùng âm thanh, giảng cho mọi người nghe, thời ấy chẳng có kinh sách, chưa có văn tự. Lúc tại thế, cụ Khổng dạy học, cũng giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng giảng giải mỗi ngày, nhưng chẳng có sách giáo khoa. Sau khi Khổng lão phu từ

khuất bóng, các đệ tử ghi chép từng điều giáo huấn của Không phu tử lúc bình thời, hiện thời là sách Luận Ngữ. Đức Phật cũng giống vậy, sau khi đức Phật nhập diệt, các đệ tử cũng ghi chép những lời đức Phật đã giảng trước đó, trở thành kinh điển hiện thời. Nhưng học trò Không Tử ghi chép ngôn hạnh của Ngài quá đơn giản, phân lượng chẳng nhiều lắm. Học trò đức Phật rất chịu khó, những lời đức Phật đã nói trong cả một đời từ đầu đến cuối đều được ghi chép lại. Hiện thời, Phật giáo có kinh điển phong phú như thế là do sau này ghi chép lại, chẳng phải là được ghi chép ngay trong lúc ấy, cũng chẳng phải do đức Phật viết trong thuở ấy.

Mãi cho tới hiện thời, chúng ta vẫn cảm thấy nhĩ căn nhạy bén. Vì sao? Đối với cái thấy, chưa hề thấy có chuyện chỉ nhìn bèn hiểu ngay, nhưng đối với nghe thì do nghe bèn dễ dàng hiểu rõ. Vì thế, đọc tụng chẳng bằng lắng nghe, vì sao? Lúc nghe sẽ chuyên tâm, tâm bèn tịnh. Khi ta niệm kinh, tâm là động. Tâm thanh tịnh, thấu hiểu sâu xa. Tâm đang động, sẽ nhập nông cạn. Tôi nghĩ mọi người đều nên biết đạo lý ấy. Vì sao khi các đồng tu cùng tu một chỗ, một người niệm kinh, mọi người chuyên tâm nghe, trong khi nghe sẽ có ngộ xứ. Đây là do nghe mà có tâm đắc, cứ mỗi biến in vào trong óc, nói theo Phật pháp là mỗi biến đều in vào ruộng tám thức, sau một thời gian dài sẽ sanh ra sức mạnh. Sức mạnh ấy có thể phá mê, khai ngộ, đoạn nghi, sanh tín. Vì thế, tự tánh của chúng ta viên dung thông đạt, chẳng có chướng ngại chính là ý nghĩa [của danh hiệu] Quán Âm.

(Sao) Như thượng tùy cử nhất môn, dĩ tiêu danh tự. Nhược các cụ giả, tức danh tự hỗ thông, cố vị tâm tức danh dã. Như thị giải giả, tức u chánh quán tâm trung, kiến nhất thiết Bồ Tát dã.

(鈔)如上隨舉一門，以標名字。若各具者，即名字互通，故謂心即名也。如是解者，即於正觀心中，見一切菩薩也。

(Sao: Để nêu ra bất cứ một môn nào như trên đây, bèn nêu ra một danh tự [của một vị Bồ Tát]. Nếu [thấu hiểu các danh tự khác nhau biểu thị những tánh đức khác nhau], nhưng mỗi mỗi đều trọn đủ, thì các danh tự sẽ dung thông, nên nói “tâm chính là danh”. Hiểu như vậy thì trong tâm chánh quán sẽ thấy hết thấy các Bồ Tát).

Điều này là thật, không chỉ thấy hết thấy Bồ Tát, mà còn thấy hết thấy chư Phật. Không chỉ thấy hết thấy chư Phật, mà y báo và chánh báo

trang nghiêm trong tất cả các cõi nước tận hư không, khắp pháp giới, quý vị đều thấy. “*Danh tự hỗ thông*” vì tất cả hết thấy danh tự đều tượng trưng cho công đức trong tự tánh. Tự tánh là một, không hai; vì thế, những danh tự ấy đều dung thông. Thí dụ như “*tự tánh vô bất chiếu*” (tự tánh không gì chẳng chiếu), ta là Văn Thù Bồ Tát. Từ “*tự tánh vô bất dung*” (tự tánh không gì chẳng bao dung), ta là Di Lặc Bồ Tát; từ “*tự tánh quảng đại*”, ta là Phổ Hiền Bồ Tát. Do vậy hết thấy chư Phật, Bồ Tát là ai? Đều là chính mình, thật đấy, chẳng giả đâu! Vì lẽ đó, trong Phật pháp học Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ở chỗ nào? Cầu trong tự tánh. Kinh Bát Nhã nói: “*Phật chẳng độ chúng sanh*”. Thật vậy, Phật chẳng độ chúng sanh.

Phật chẳng độ chúng sanh, Phật đang làm gì? Nói thật ra, tự tánh của chúng ta giống như vàng trong quặng. Trong ấy, ẩn chứa chẳng biết bao nhiêu vàng ròng, nhưng chưa được khai thác, chẳng đáng một đồng, quý vị chưa khởi tác dụng! Đức Phật giảng cho chúng ta những kinh điển, lý luận ấy, nhằm dạy chúng ta nhận biết dưới đất có quặng, bảo quý vị hãy nhận biết. Đức Phật dạy chúng ta Tam Quy, Ngũ Giới, Lục Ba La Mật, đó là các phương pháp tu hành, cho đến niệm Phật là công cụ để khai thác quặng. Chúng ta đã biết chỗ nào có quặng, đức Phật lại ban cho [chúng ta] các công cụ nhiều ngàn ấy, chuyện khai quặng do chính quý vị ra tay tự làm, Ngài chẳng giúp quý vị được, chính mình phải ra tay! Chính chúng ta nương theo Giới, Định, Huệ, nương theo Tam Quy, Ngũ Giới, nương theo tín nguyện trì danh để khai quật quặng báu trong tự tánh của chúng ta. Trong ấy có vô lượng vô biên trí huệ, vô lượng vô biên đức năng, chẳng hai, chẳng khác với mười phương ba đời hết thấy Như Lai. Đức Phật chỉ giúp chúng ta những việc này, chúng ta phải hiểu rõ ràng! Ân đức ấy vô cùng to lớn. Vì thế, danh tự có ý nghĩa dung thông lẫn nhau. “*Vô bất chiếu*” đương nhiên là “*vô bất dung*”, “*quảng đại*” đương nhiên trọn đủ “*viên thông*”.

“*Tâm tức danh dã*” (tâm chính là danh), Bồ Tát vô danh, chư Phật, Bồ Tát đều chẳng có danh hiệu; do chúng sanh phân biệt, chấp trước mà kiến lập danh hiệu. Nếu chúng sanh chẳng có phân biệt, chấp trước, nói thật thà, quý vị thỉnh đức Phật thuyết pháp, đức Phật chẳng nói một câu nào! Thiên Tôn nói: “*Khẩu quải tường bích*” (Miệng treo trên vách). Đóng đinh trên vách tường, treo ở nơi đó, chẳng dùng được! Vì chúng sanh có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, nên đức Phật có pháp để thuyết. Phân biệt, chấp trước, vọng tưởng là bệnh, vì quý vị có bệnh, thầy lang mới có thể kê toa thuốc cho quý vị, dùng thuốc để chữa trị. Quý vị chẳng

có bệnh, thầy lang đối với quý vị chẳng có cách nào hết, chẳng cần đến thuốc, chẳng có chuyện gì! Do vậy ta biết: Phật pháp được kiến lập trên pháp tương đối của thế gian. Chẳng có chúng sanh thì cũng chẳng có Phật pháp, chúng ta phải biết đây mới là diện mục sẵn có.

[Sách Diễn Nghĩa giảng] “*Danh giả*” (tên gọi) là “*nhân nhân tự tâm*” (tự tâm của mỗi người), “*ly tự tâm, biệt cầu Bồ Tát*” (lìa tự tâm để riêng cầu Bồ Tát), kẻ ấy gọi là “*hành tà đạo, Kim Cang kinh thượng thuyết, bất năng kiến Như Lai*” (hành tà đạo, kinh Kim Cang nói kẻ ấy chẳng thể thấy Như Lai). Như Lai là gì? Như Lai là tự tánh. Quý vị chẳng thể kiến tánh, do tin tà đạo, tà đạo là gì? Ngoài tâm có pháp! Dựa theo tiêu chuẩn này để nói, hiện thời, người học Phật chúng ta, trong một trăm người có tới chín mươi chín người là tà đạo, người nào chẳng tà? Tuy chúng ta nói Tam Quy Y, quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh, cũng bất quá là niệm đặng miệng đó thôi, ai quy y? Vẫn mê hoặc, điên đảo, vẫn cầu tà đạo, làm sao có thể thanh tịnh! Đức Phật ắt phải nói ba chữ (Giác, Chánh, Tịnh), ba chữ ấy chính là tự tâm. Tôi hỏi quý vị, Giác là gì? Giác là chánh tri chánh kiến. Chánh tri chánh kiến là gì? Chánh tri chánh kiến là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là gì? Tâm thanh tịnh là giác. Ba chữ này giải thích lẫn nhau. Ba phương diện đã thấy rõ ràng, chúng ta mới hiểu tự tâm là như thế nào!

Trong ba phương diện ấy, pháp môn Niệm Phật thiên trọng thanh tịnh. Chỉ cần tâm chúng ta thanh tịnh, tri kiến của chúng ta quyết định là chánh tri chánh kiến, là Phật tri Phật kiến, từ tâm thanh tịnh của quý vị hiển lộ. Chúng ta hãy suy nghĩ, hiện thời tâm ta có thanh tịnh hay không? Tự mình nghĩ “tâm ta rất thanh tịnh”, thật ra, còn có ta, còn có người, còn có chúng sanh, [còn có tướng thọ giả], kinh Kim Cang nói là “bốn tướng trọn đủ”, tâm của quý vị chẳng thanh tịnh! Trong tâm quý vị còn thấy thì phi nhân ngã thì làm sao thanh tịnh cho được? Trong tâm của quý vị còn có phân biệt, chấp trước, làm sao quý vị thanh tịnh? Trong tâm quý vị còn có tham, sân, si, mạn, làm sao quý vị thanh tịnh? Trong tâm thanh tịnh những thứ ấy đều chẳng có, tâm ấy mới được coi là thanh tịnh.

Tịnh Độ đi theo con đường này, “*tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh*”. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nhờ vào con đường ấy, con đường ấy thật sự khó khăn! Quá khó, làm như thế nào? Phải mở rộng phương tiện môn. Phương tiện môn là đối tất cả hết thảy phiền não, chấp trước, vọng tưởng thành A Di Đà Phật, tâm quý vị cũng kể như thanh tịnh, vì sao? Trong tâm thứ gì cũng đều chẳng có, chỉ còn lại A Di Đà Phật, chấp nhận được, đó gọi là “đời nghiệp vãng sanh”. Nếu ta mỗi ngày niệm A Di Đà

Phật, mỗi ngày niệm mười vạn tiếng A Di Đà Phật, nhưng tham, sân, si, mạn trong tâm chẳng đoạn, thị phi, nhân ngã chẳng đoạn, có được hay không? Không được! Chẳng thể vãng sanh. Đúng như cổ đức đã nói, quý vị mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, rách toạc cổ họng cũng uổng công, mọi người phải đặc biệt ghi nhớ điều này.

Người thật sự vãng sanh, điều kiện thấp nhất là chế ngự Hoặc, phiền não chưa đoạn, nhưng một câu Phật hiệu có sức mạnh dẫn nén phiền não, đó gọi là đời nghiệp vãng sanh, công phu thành phiền. Người ấy thật sự chưa đoạn phiền não, quả thật có thị phi, ta - người, tham, sân, si, mạn, nhưng là như thế nào? Chúng chẳng khởi tác dụng, hễ niệm dấy lên người ấy bèn ngay lập tức đổi nó thành A Di Đà Phật, những thứ bên ngoài đều bị A Di Đà Phật ngăn lấp, chứ cái gốc ở dưới đó chưa đoạn, hành như vậy gọi là “đời nghiệp vãng sanh”, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nếu công phu cao hơn một bậc, đoạn phiền não, đoạn Kiến Tư phiền não, phá Ngã Chấp, chẳng còn chấp trước có Ngã, người như vậy sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu công phu cao hơn một tầng nữa, sẽ là kiến tánh, xứng lý, đây là Lý nhất tâm bất loạn, vãng sanh sẽ là Thượng Phẩm Thượng Sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Vì thế, công phu thực hiện trong nội tâm, chẳng phải là ở bề ngoài! Nhìn bề ngoài sẽ thường nhìn trật, xem lầm; xem lầm sẽ ảnh hưởng đến chúng ta rất lớn, vì sao? Chúng ta thấy có người nêu gương bèn học theo, tức là nhìn vào tấm gương ấy để học tập, kết quả là kẻ ấy nêu gương sai lầm, chúng ta cũng học theo sai lầm, thấy đều là học theo biểu hiện bề ngoài, học trở thành hình thức bề ngoài! Bề ngoài có vẻ ngon lành lắm, bên trong thì một tí phiền não cũng chẳng đoạn! Không chỉ chẳng đoạn, mà còn dấy lên hiện hành y như cũ. Người như vậy niệm Phật hay tu hành đều biến thành phước báo trời người trong đời sau, chẳng thể thành công.

Chúng ta thấy trong kinh điển, đức Phật đã nói đến tỳ-kheo-ni Liên Hoa Hương, đó là một tấm gương! Đời trước bà ta suốt đời niệm kinh Pháp Hoa. Trong sách Pháp Hoa Kinh Cảm Ứng có một câu chuyện như vậy. Suốt đời niệm kinh Pháp Hoa rất chuyên cần, đời trước là một người xuất gia, mỗi ngày niệm kinh Pháp Hoa, tới đời thứ hai vẫn là một nữ nhân, nữ thân chuyển sang nam thân rất khó khăn! Đó là gì? Tập khí, từ đầu đến cuối cảm thấy bản thân là nữ nhân, trọn chẳng nghĩ chính mình là thân nam, cho nên đời đời kiếp kiếp lưu chuyển đều là nữ nhân. Đời thứ hai chuyển sanh làm thân nữ, duyên chẳng tốt đẹp, sau khi khôn lớn, trở thành kỹ nữ, miệng thơm mùi hoa sen là quả báo do đời trước bà ta niệm

Diệu Pháp Liên Hoa kinh. Do vậy ta biết, chẳng thể chế phục phiền não, chẳng thể cầu vãng sanh, đời sau vẫn đáng lo, chúng ta phải thật sự giác ngộ và cảnh giác điều này. Đời này gặp cơ duyên này, nhất định phải nắm chắc, nhất định phải thành công.

“*Như thị giải giả, tức u chánh quán tâm trung, kiến nhất thiết Bồ Tát dã*” (hiểu như thế tức là nơi tâm chánh quán thấy hết thấy các Bồ Tát). “*Giải*” (解) là lý giải, như trong phần trên đã nói, hoàn toàn quy vào tự tánh, hoàn toàn hòa nhập trong tự tánh, kiến giải ấy là Phật kiến, tức kiến giải của Phật, Phật tri Phật kiến, cũng là như kinh Pháp Hoa đã nói “*nhập Phật tri kiến*”. Chúng ta có thể nói Liên Trì đại sư chú giải bộ kinh này, sau mỗi đoạn đều có một đoạn Xưng Lý chính là nhập Phật tri Phật kiến. Không giống như trong phần trước, những điều đã nói trong phần trước là tùy thuận tri kiến của phàm phu chúng ta để giải thích bộ kinh này; đoạn này chẳng tùy thuận phàm phu, mà hoàn toàn dùng Phật tri Phật kiến để nhìn bộ kinh này, [sẽ thấy] thấy đều là đàm luận xưng tánh. Sở dĩ Ngài chú giải theo cách này là nhằm phô bày pháp môn Di Đà thù thắng khôn sánh, trong hết thấy các pháp môn, [pháp môn này] là Đại Thừa của các pháp Đại Thừa, là liễu nghĩa nhất trong các pháp liễu nghĩa, hiển thị ý nghĩa ấy, cực viên, cực đốn! Chúng ta được gặp gỡ đúng là may mắn! “*Chánh quán tâm trung*” (trong tâm chánh quán) là thật sự hiểu rõ, thông đạt, tự tánh không gì chẳng chiếu, đó là Văn Thù hiện tiền, tự tánh không gì chẳng bao dung, đó là Di Lặc xuất thế; tự tánh rộng lớn, quý vị thường thấy Phổ Hiền, tự tánh viên thông, quý vị sẽ ở cùng một chỗ với Quán Thế Âm Bồ Tát mỗi ngày, thấy đều quy vào tự tánh.

(Sao) Kim kiến phàm phu bất kiến Bồ Tát giả, dĩ thất chánh quán cố.

(鈔) 今見凡夫不見菩薩者，以失正觀故。

(Sao: Nay thấy phàm phu, chẳng thấy Bồ Tát là do đã mất chánh quán).

Hiện thời chúng ta chỉ thấy phàm phu, chẳng thấy một vị Bồ Tát nào, cũng chẳng thấy một vị Phật nào! Nói thật ra, chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát mỗi ngày đều ở cùng chúng ta, nhưng chúng ta chẳng nhận ra, chẳng biết! Làm lỗi ở chỗ nào? Làm lỗi ở chỗ bản thân chúng ta mê hoặc, điên đảo; chúng ta phải nghiêm túc phản tỉnh, kiểm điểm! Như trong kinh Địa Tạng đã dạy: “*Diêm Phù Đề chúng sanh, cử tâm động niệm, vô bất thị nghiệp, vô bất thị tội*” (Chúng sanh trong cõi Diêm Phù, suy nghĩ, dấy lên ý niệm, không gì chẳng phải là nghiệp, không gì chẳng phải là tội).

Chúng ta đang tạo tác khá nhiều tội lỗi, nhưng chính mình không biết, cứ tưởng những gì chúng ta đang làm đều rất chính xác, làm sai nhưng trọn chẳng biết. Mỗi ngày đều diệt Phật pháp, nhưng vẫn tưởng chính mình đang hưng khởi Phật pháp. Tạo nghiệp diệt Phật pháp là nghiệp tam đồ, là nghiệp địa ngục A Tỳ. Ta mỗi ngày đã lay Phật lại còn tụng kinh, làm sao ta diệt Phật pháp cho được? Đối với câu nói ấy, tôi cũng chẳng nhiều lời, trong tương lai, nếu quý vị thật sự đọa địa ngục, tại chỗ Diêm La Vương sẽ có sổ sách để tính toán; quý vị hãy tự tính toán mới biết vấn đề này chẳng phải là chuyện đơn giản.

Vì vậy, xuất gia phải thận trọng, chẳng phải là tùy tiện, vì sao? Quý vị vừa xuất gia liền có hai con đường: Một là hưng khởi Phật pháp, hai là diệt Phật pháp, tất nhiên là như vậy. Nếu quý vị chẳng thể hưng khởi Phật pháp, sẽ diệt Phật pháp. Tôi nêu lên thí dụ để nói, chẳng hạn như chúng ta bầu thị trưởng Đà Bắc, ông ta làm thị trưởng, con người vô cùng tốt đẹp, đúng là người tốt, nhưng làm thị trưởng như thế nào? Hằng ngày chẳng làm chuyện gì, chẳng làm chuyện tốt, mà cũng chẳng làm chuyện xấu. Ông ta có phạm tội lỗi hay không? Đương nhiên có tội lỗi, chẳng làm việc! Chẳng mưu cầu hạnh phúc cho dân chúng trong cả thành phố, đó là cái tội của ông ta. Ông ta mưu cầu hạnh phúc cho dân chúng, nhưng chẳng tận tâm tận lực, đó là cái lỗi của ông ta. Ông ta có thể làm được mười phần, mà chỉ làm đến tám phần, sẽ có lỗi!

Do vậy, một người xuất gia phải làm cho Phật pháp hưng thịnh. Lời nói và việc làm khiến cho người ta nhìn vào bèn ca ngợi Phật pháp, hay là khiến cho kẻ khác hủy báng Phật pháp? Nếu chúng ta ra ngoài, mọi người đều khen ngợi Phật pháp, tức là mặt Phật tỏa sáng, chúng ta đã thếp vàng cho Phật. Nếu chúng ta ra ngoài, người ta chửi bới, hủy báng chúng ta, thôi rồi, chúng ta tội lỗi to lớn. Vì thế, xuất gia chẳng dễ dàng! Tại gia cư sĩ cũng có thể phát tâm hoằng pháp lợi sanh y hết, nhưng lỗi lầm nhỏ hơn, vì sao? Họ chẳng phải là hình ảnh đại diện, còn người xuất gia là đại diện. Nếu hình ảnh xấu xa, sẽ có lỗi với đức Phật, phạm lỗi với Bồ Tát, phạm lỗi với lịch đại tổ sư, Phật pháp phải diệt vong trong đời quý vị, không được rồi, tội lỗi vô lượng vô biên! Quý vị đừng nói: “Tôi mỗi ngày niệm kinh, lay Phật, chẳng làm chuyện gì sai quấy!”

Tôi lại nêu một thí dụ khác để nói với quý vị, một đạo tràng, đạo tràng là gì? Tất nhiên phải có đạo, có học. Nay chỗ này của chúng ta là một đạo tràng thọt chân, chẳng kiện toàn, vì sao? Chỉ có một nửa, tuy có hành, nhưng hành chẳng trọn vẹn. Một đạo tràng thật sự trọn vẹn, mỗi ngày giảng kinh, mỗi ngày niệm Phật mới là một đạo tràng trọn vẹn.

Người tu hành trong tùng lâm tự viện thời cổ chẳng có vọng tưởng, vì sao chẳng có vọng tưởng? Chẳng có thời gian để khởi vọng tưởng, mỗi ngày phải đến giảng đường nghe kinh tám tiếng đồng hồ, nghe đã mệt nhồi rồi, lại còn phải đến Niệm Phật Đường niệm Phật tám tiếng đồng hồ, đã mệt mười sáu tiếng đồng hồ rồi, mệt đứ đừ, không thể làm gì khác hơn là ngoan ngoãn nghỉ ngơi, chẳng suy tưởng gì hết. Vì thế, đạo tràng ấy tu ba năm, so với chúng ta hiện thời tu tập như vậy, sợ là chúng ta tu suốt ba trăm năm vẫn chẳng bằng người ta tu ba năm. Đó là nương vào đại chúng, cậy vào đại chúng, chẳng có thời gian dấy vọng tưởng.

Kinh thường nói “*nhị thời giảng kinh*”. “*Nhị thời*” là tám giờ hiện thời. Một ngày của Ấn Độ gồm sáu thời, ngày ba thời, đêm ba thời. Tại Trung Quốc, tính theo thời thần là mười hai “thời thần”, một ngày đêm có mười hai thời thần: Tý, Sửu, Dần, Mão... Do vậy chúng ta gọi đơn vị thời gian hiện thời theo lối Tây phương là “tiểu thời” (giờ), vì nó nhỏ hơn thời thần của Trung Quốc. Thời thần của Trung Quốc lại nhỏ hơn “thời thần” của Ấn Độ. Một thời thần của Ấn Độ bằng hai thời thần của Trung Quốc, bằng bốn giờ hiện thời.

“*Nhị thời giảng kinh*” là mỗi ngày giảng kinh tám tiếng. Trong tự viện tùng lâm giống như trường đại học, mỗi ngày lên lớp tám tiếng, quý vị nhất định phải đến nghe. Không có lý do sẽ chẳng thể vắng mặt. Trong hành môn là hai thứ: Một là Niệm Phật Đường, hai là Thiền Đường, tùy quý vị chọn lựa. Quý vị chọn Thiền Đường thì mỗi ngày phải ngồi Thiền tám tiếng, Chọn Niệm Phật Đường thì đến Niệm Phật Đường niệm Phật tám tiếng, giải hạnh tương ứng. Tám giờ còn lại, trên thực tế là ngủ nghỉ nói chung chỉ có bốn giờ, vì quý vị còn phải ăn cơm, còn phải giặt quần áo, còn phải làm những việc lặt vặt cho chính mình. Vì thế, người thật sự tu hành thời gian ngủ mỗi ngày là bao nhiêu? Bốn giờ, họ sẽ chẳng thể dấy vọng tưởng, cũng không bị ác mộng, so với huấn luyện trong quân đội còn nghiêm ngặt hơn, như thế mới có thể thành tựu nhân tài!

Trong quá khứ, thuở tại thế, cụ Phương Đông Mỹ đã nói với tôi mấy lần: “*Muốn hưng khởi Phật giáo mà chẳng khôi phục chế độ tùng lâm sẽ không được!*” Lời ấy rất hữu lý! Chúng tôi suy nghĩ thấy cụ có kiến giải rất đúng. Hiện thời, toàn bộ bạc nhược, thông dong, biếng nhác, đó là phá hoại và tiêu diệt Phật pháp! Chính chúng ta đang phá hoại, tiêu diệt, nhưng chính mình không biết, vẫn tưởng chính mình làm rất chánh đáng, rất chính xác! Làm như vậy có thể vãng sanh hay chẳng? Rất khó! Trong quá khứ, tôi đã từng nói, tôi nói rất thiết tha. Người niệm Phật hiện thời, tôi thấy phần nhiều có thụy tướng vãng sanh là người tại gia. Gần đây,

chúng ta thấy người tại gia niệm Phật, có người đứng mất, ngồi mất, biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh mà qua đời. Chúng ta thấy người xuất gia toàn là chết vì bệnh khổ, lúc mất hồ đồ, mê loạn. Quý vị thấy người ra đi như vậy bèn biết quả báo của người ấy, rất đáng cho chúng ta cảnh tỉnh, kiêng dè! Nếu vẫn tiếp tục như vậy, chính mình có phần trong tam đồ, vãng sanh thì sẽ quyết định vãng sanh, nhưng vãng sanh trong địa ngục A Tỳ, chẳng phải là sanh về thế giới Tây Phương.

Do phàm phu chẳng thấy Bồ Tát, do chẳng có nhân duyên thấy Bồ Tát, tâm họ mê, tức là mê hoặc, điên đảo, tâm bị cảnh chuyên, chẳng có năng lực quán chiếu. Cổ đức nói: Dầu kẻ ấy trì giới, tu thiện, hoặc còn có một chút công phu Thiền Định, nhưng toàn là pháp hữu vi. Sở dĩ nói là pháp hữu vi là vì tâm kẻ ấy chẳng thanh tịnh, vẫn còn có Năng và Sở, còn có thị phi, nhân ngã, còn có tham, sân, si, mạn, nên chẳng gọi là chánh quán. Cảnh giới chánh quán rất cao, chánh quán là “*trực tâm chánh niệm Chân Như*”. Nếu nói theo Thiền Tông, chánh quán là minh tâm kiến tánh. Chưa đạt tới kiến tánh, chẳng thể gọi là chánh quán. Ở đây nói tới xứng lý, đặc biệt là trong pháp môn này, sở dĩ pháp này thù thắng và thuận tiện hơn hết thấy các pháp môn khác là ở chỗ nào? Trong pháp môn này, chúng ta chưa kiến tánh vẫn có thể đạt được chánh quán! Chánh quán là gì? Trong mười hai thời, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, đây là chánh quán. Chẳng cần đoạn phiền não, niệm niệm đều A Di Đà Phật là được rồi, sẽ có thể đời nghiệp vãng sanh. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới có thể gặp A Di Đà Phật, phép Quán ấy mới có thể coi là chẳng sai lầm, có thể coi là chánh quán.

Vậy thì quý vị biết niệm Phật phải niệm theo cách nào, vận dụng công phu ra sao, niệm niệm phải đổi ý niệm thành A Di Đà Phật, đó là đúng. Vì thế, niệm Phật chẳng cốt yếu niệm nhiều hay ít, mà quan trọng là trong tâm chúng ta khởi một niệm bèn ngay lập tức là A Di Đà Phật. Niệm thứ nhất dấy lên, đừng sợ! Cổ nhân nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”. Quyết định chớ để ý niệm tiếp tục, niệm vừa dấy lên bèn ngay lập tức đổi thành A Di Đà Phật, quý vị phải đổi nhanh chóng. Quý vị chẳng đổi nhanh, vọng niệm sẽ nối tiếp nhau dấy lên, phải đổi cho nhanh! Một câu A Di Đà Phật là chánh quán của người niệm Phật. Nếu chúng ta đạt được chánh quán. Thưa quý vị, Văn Thù, Di Lặc, Phổ Hiền, Quán Âm không vị nào chẳng gia trì quý vị, chẳng hề không che chở quý vị, mười phương chư Phật hộ niệm mà! Vì thế, khuyết điểm của chúng ta trong hiện thời là đánh mất chánh quán, “*dĩ thất chánh quán cố*” (vì đã mất chánh quán).

(Sao) Cổ viết: “Bồ Tát thanh lương nguyệt, thường du tất cánh không, chúng sanh tâm cấu tịnh, Bồ Đề ảnh hiện trung”.

(鈔)故曰：菩薩清涼月，常遊畢竟空，眾生心垢淨，菩提影現中。

(Sao: Vì vậy nói: “Bồ Tát trắng trong mát, thường dạo rốt ráo không, chúng sanh tâm như sạch, Bồ Đề hiện bóng hình”).

Bốn câu này hay tuyệt, miêu tả xác thực cảnh giới kiến tánh, miêu tả vô cùng chân thật! Chỉ cần tâm chúng ta thanh tịnh, khi tâm chúng ta thanh tịnh đến mức chẳng nhiễm mảy trần, trần là vọng niệm, khi nhất niệm chẳng sanh, chẳng có vọng niệm nào, nhưng chư vị phải hiểu, tuy chẳng có vọng niệm, nhưng phải có chánh niệm. Nếu vọng niệm chẳng có, chánh niệm cũng không có luôn, vậy là hỏng rồi, biến thành Vô Tướng Định, trở thành ngoại đạo, quả báo là Vô Tướng Thiên trong Tứ Thiên, làm lẫn to lớn quá đỗi! Vì thế, chẳng có vọng niệm thì phải có chánh niệm. Tu các pháp môn khác chánh niệm rất khó, tu pháp môn này chánh niệm dễ dàng; trong pháp môn này của chúng ta, chánh niệm là gì? Câu danh hiệu A Di Đà Phật là chánh niệm, Tịnh Độ tam kinh là chánh niệm, chúng ta niệm kinh này, tưởng cảnh giới trong kinh, đây là chánh niệm.

Tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải tưởng tượng nơi ấy giống như quê hương thì mới được. Phải hiểu quê hương trên thế gian này là giả, chẳng cần nghĩ tới nó. Nghĩ đến quê hương trên thế gian này, nghĩ đến những người thân ái trên thế gian này, quả báo là lục đạo luân hồi, vì sao? Tăng trưởng tham, sân, si. Vì quý vị nghĩ nhớ người thân ái, tăng trưởng tâm tham, tăng trưởng tâm ngu si, nghĩ nhớ không được, trong tâm khó chịu, tăng trưởng tâm sân khuê. Đó là tạo tam đồ, tạo nghiệp tam đồ. Hãy nên bỏ pháp thế gian, chuyên tưởng A Di Đà Phật, chuyên tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới. Bởi lẽ, chúng ta tạo tịnh nghiệp, chẳng tạo nghiệp tam đồ lục đạo thì mới có thể thật sự thoát ly biển khổ, thật sự siêu phàm nhập thánh ngay trong một đời này. Ngày hôm nay, chúng tôi giảng tới đây!

Tập 118

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm năm mươi tư:

Tam, nhân thiên chúng.

三、人天眾。

(Ba, chúng trời người).

Xin xem kinh văn.

(Kinh) Cật Thích Đề Hoàn Nhân đấng, vô lượng chư thiên đại chúng câu.

(經) 及釋提桓因等。無量諸天大眾俱。

(**Kinh:** Và Thích Đề Hoàn Nhân v.v... vô lượng chư thiên đại chúng cùng nhóm họp).

Chúng ta đọc lời chú giải của Liên Trì đại sư.

(Sớ) Cật giả, thừa tiền ngôn Tịnh Độ pháp môn, bất dẫn chư thánh dự hội, nhất thiết phàm chúng giai đồng văn cố.

(疏) 及者，承前言淨土法門，不但諸聖與會，一切凡眾皆同聞故。

(**Sớ:** “Cật” nhằm tiếp nối ý đã nói trong phần trước: Pháp môn Tịnh Độ chẳng phải chỉ có thánh chúng dự hội mà hết thảy phàm chúng đều cùng nghe).

Câu này nói rõ trạng huống trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, quả thật là chỗ để hữu tình chúng sanh thuộc chín pháp giới cùng nhau nhóm họp một chỗ. Hiện tượng này cũng nói rõ sự viên chúng ba thứ Bất Thoái, lên trọn bốn cõi. Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy hết sức cặn kẽ, kinh Di Đà cũng nói giống như vậy. Bồ Tát sanh sang cõi Thật Báo Trang Nghiêm của bên đó, như bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm, tuy sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, nhưng cũng đồng thời sanh vào cõi Thường Tịch Quang, cũng sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, và cũng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Do

vậy rất đặc biệt, bốn cõi xếp hàng ngang, chẳng xếp theo hàng dọc, đây là chỗ khác với mười phương thế giới; đó gọi là “*sanh vào một là sanh trong hết thấy*”. Phàm phu cũng như vậy, phàm phu sanh vào cõi kia, hề sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư nơi ấy, cũng đồng thời sanh trong ba cõi trên. Có thể cùng với các vị thượng thiện nhân, “*thượng thiện nhân*” chỉ Đẳng Giác Bồ Tát, hằng ngày có thể ở cùng một chỗ với các vị Đẳng Giác Bồ Tát, vì bốn cõi trong Tây Phương Tịnh Độ xếp hàng ngang, chẳng theo hàng dọc; cho nên có thể ở cùng một chỗ.

Ở đây, “*nhất thiết phàm chúng*” (hết thấy phàm chúng), “*phàm chúng*” là kẻ chưa đoạn Kiến Tư phiền não, điều này cũng là nói tùy thuận theo tri kiến của bọn chúng sanh chúng ta trong thế giới này. Thật ra, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, dầu một phẩm Hoặc vẫn chưa đoạn, họ cũng là Bồ Tát, đây là vì trong bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật có nói: Phàm người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy đều là Bồ Tát. Do đó, thế giới ấy là thế giới thuần túy Bồ Tát, ở cõi chúng ta đây (thế giới Sa Bà) là ngũ thừa, bên kia chỉ có nhất thừa, chẳng có ngũ thừa. Nói “*phàm phu*” nghĩa là Kiến Tư phiền não chưa đoạn, nói A La Hán tức là đã đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng chưa phá Trần Sa và Vô Minh. Chỉ dùng những danh từ này để tỷ dụ, chẳng phải là thật sự. Tuyệt đối chẳng giống như trong cõi này (thế giới Sa Bà), chúng ta nói “*nhân thiên*”, họ thật sự là nhân thiên, nói A La Hán bèn thật sự là A La Hán. Cõi kia chẳng vậy, do tùy thuận tập khí của chúng ta mà nói [nhân thiên, Thanh Văn]. [Cõi ấy] thuần nhất Bồ Tát, từ đại kinh (kinh Vô Lượng Thọ), chúng ta thấy điều này rất rõ ràng. Vì thế, hợp hai kinh lại để giảng quả thật rất có lợi!

(Sớ) Thích Đề Hoàn Nhân, thử vân Năng Thiên Chúa. Viết “đẳng”, hựu viết “vô lượng” giả, tận nhất thiết chư thiên cố.

(疏)釋提桓因，此云能天主。曰等，又曰無量者，盡一切諸天故。

(Sớ: Thích Đề Hoàn Nhân, cõi này dịch là Năng Thiên Chúa. Nói “đẳng”, còn nói là “vô lượng” vì gồm trọn hết thấy chư thiên).

Thích Đề Hoàn Nhân (Śakro Devānām Indrah) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Năng Thiên Chúa. Thích là Năng, Thích Ca là Năng Nhân. Đề Hoàn Nhân là thiên chúa (chúa một cõi trời), [nên Thích Đề Hoàn Nhân] dịch là Năng Thiên Chúa. Ông ta có năng lực, “*Năng*” là [từ ngữ] tán thán, ca ngợi ông ta. Ông ta thật sự là một vị chúa trời tốt, cai quản thiên chúng, cho thấy ông ta hết sức có trí huệ, có năng lực, thống

lãnh thiên chúng hết sức trật tự, có thể [xử sự] đúng như pháp. Ngọc Hoàng Đại Đế như người Trung Quốc hay nói, trên thực tế là Thích Đề Hoàn Nhân được nói tới trong kinh điển, là Đạo Lợi Thiên Chúa. Cõi trời ấy được gọi là Đạo Lợi thiên, Đạo Lợi (Trayastrimsā) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tam Thập Tam (ba mươi ba), nên còn gọi là Tam Thập Tam Thiên. Quý vị phải nhớ Tam Thập Tam Thiên là một tầng trời, chẳng phải là ba mươi ba tầng. Có rất nhiều người hiểu lầm, nói Phật giáo bảo chỉ có ba mươi ba cõi trời, hiểu lầm rồi. Tam Thập Tam Thiên là một tầng trời. Vì sao nói ba mươi ba? Đây là nhân duyên của Thích Đề Hoàn Nhân trong đời quá khứ.

Chúng ta biết bất luận trên cõi trời hay trong nhân gian, quốc vương hay tổng thống đều có phước báo rất lớn. Phước báo ấy do đời trước tu được, tuyệt đối chẳng phải là ngẫu nhiên. Đời trước, Thích Đề Hoàn Nhân tu hành, phát tâm tạo tháp thờ Phật. Ngoài ra, có ba mươi hai người giúp ông ta hoàn thành công đức kiến tạo ấy. Sau đấy, ông ta làm chúa trời, cõi trời ấy giống như một quốc gia trong hiện tại; trừ chánh phủ trung ương ra, còn có ba mươi hai tỉnh. Những người giúp sức ấy giống như chủ tịch của ba mươi hai tỉnh. Trung ương là thiên tử, vây quanh bốn phía là chư hầu, tình hình tựa tựa như vậy. Cõi ấy bằng phẳng, mỗi phương có tám cõi trời, tức là tám khu hành chánh; kể cả trung ương là ba mươi ba khu vực, chúng ta gọi chung là Tam Thập Tam Thiên, mang ý nghĩa này, chẳng phải là ba mươi ba tầng. Do vậy, ta biết: Tu phước nhất định được phước báo. Biết tu phước đắc phước báo, chúng ta tạo tác tội nghiệp nhất định cũng có ác báo. “*Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, chỉ tranh lai tảo dữ lai trì*” (Thiện ác cuối cùng đều có báo, chỉ là sớm muộn khác nhau thôi). Chúng ta nhất định phải tin tưởng điều này.

“*Viết đặng, hựu viết vô lượng giả, tận nhất thiết chư thiên cố*” (nói là Đấng, lại nói là vô lượng, vì gồm trọn hết thầy chư thiên). Chữ Đấng này chỉ hai mươi tám tầng trời, tuy kinh văn chẳng nói cận kề, chỉ nói một mình Thích Đề Hoàn Nhân, nhưng tiếp đó có nói “*vô lượng chư thiên đại chúng câu*”, nên đều bao gồm trọn hết thầy.

(Sớ) *Viết đại chúng giả, tận nhất thiết chúng sanh cố.*

(疏) 曰大眾者，盡一切眾生故。

(Sớ: Nói “đại chúng” là gồm trọn hết thầy chúng sanh).

Nói tới “đại chúng”, “chư thiên” là nói tới hai mươi tám tầng trời, có các vị thiên chúng dự hội này. “Đại chúng” là nhân gian chúng ta, cho đến bao gồm cả A Tu La đạo, súc sanh, ngạ quỷ đạo. Nói thật ra, chỉ có

địa ngục đạo khổ nhất, chẳng có cơ duyên nghe pháp, trong ngạ quỷ đạo mà có thiện căn thì vẫn có thể đến nghe kinh.

(Sớ) Câu giã, thông kết “tịnh chư Bồ Tát” dĩ hạ văn dã.

(Sao) Thượng “tịnh Bồ Tát”, thị tiểu đại nhất đối.

(疏) 俱者，通結并諸菩薩以下文也。

(鈔) 上并菩薩，是小大一對。

(Sớ: Chữ “câu” có ý nghĩa tương thông với phần tiểu kết trong đoạn văn “và các Bồ Tát”.

Sao: Phần “và các Bồ Tát” trong phần trước [phối hợp phần nói về chúng Thanh Văn] thành một cặp Tiểu Thừa và Đại Thừa).

“Thượng” chỉ phía trước, Thanh Văn là Tiểu Thừa, Bồ Tát là Đại Thừa, [hợp thành] một cặp Tiểu - Đại.

(Sao) Kim cập “chư thiên đại chúng”, thị thánh phàm nhất đối.

(鈔) 今及諸天大眾，是聖凡一對。

(Sao: Nay ghép với “chư thiên, đại chúng” thành một cặp thánh - phàm)

A La Hán và Bồ Tát là thánh nhân, chư thiên và đại chúng là phàm phu, ghép thành một cặp thánh - phàm.

(Sao) Thánh phàm cộng văn thử kinh.

(鈔) 聖凡共聞此經。

(Sao: Thánh và phàm cùng nghe kinh này).

Đại chúng dự hội trong pháp hội này vô cùng trang nghiêm, hết sức thù thắng.

(Sao) Vô vị Tịnh Độ vi phàm phu sở bất năng dã.

(鈔) 毋謂淨土為凡夫所不能也。

(Sao: Chớ nói phàm phu chẳng thể tu Tịnh Độ).

Đây là đại sư buốt lòng rất miệng chỉ bảo chúng ta, đừng nghĩ Tây Phương Tịnh Độ quá cao, sợ rằng phàm phu chúng ta chẳng đến được! Quý vị thấy trong kinh đã nói rành rành có phàm phu! Phàm chúng đều có thể đến đó, có sao chúng ta chẳng đến được? Dụng ý ở chỗ này!

(Sao) Thích Đề Hoàn Nhân giả, cụ vân Thích Ca Đề Bà Nhân Đề.

(鈔) 釋提桓因者，具云釋迦提婆因提。

(Sao: Thích Đề Hoàn Nhân nói đủ là Thích Ca Đề Bà Nhân Đề).

Đây là âm tiếng Phạn đầy đủ, người Trung Quốc chuộng đơn giản, thường lược bớt âm cuối, như thường nói Bồ Tát lẽ ra phải là Bồ Đề Tát Đỏa, chúng ta lược bớt âm cuối, chỉ gọi là Bồ Tát. Đây là do người Hoa chuộng giản lược, chẳng thích rườm rà!

(Sao) Thích Ca giả, thử vân Năng. Đề Bà Nhân Đề giả, thử vân Thiên Chúa. Tường hữu ngũ chủng danh, khứng phiến bất tự.

(鈔) 釋迦者，此云能。提婆因提者，此云天主。詳有五種名，恐繁不敘。

(Sao: Thích Ca, cõi này dịch là Năng. Đề Bà Nhân Đề cõi này dịch là Thiên Chúa. Nói căn kể thì có năm loại tên, sợ rườm rà nên chẳng trình bày).

Chẳng nói nhiều vì điều này trọn chẳng quan trọng cho lắm.

(Sao) Ca Diếp Phật diệt thời, nhất nữ nhân phát tâm tu tháp, tam thập nhị nhân tá chi.

(鈔) 迦葉佛滅時，一女人發心修塔，三十二人佐之。

(Sao: Thời Phật Ca Diếp diệt độ, một người nữ phát tâm tu bổ tháp, ba mươi hai người giúp đỡ).

Giúp cho cô ta hoàn thành tháp ấy.

(Sao) Kim vương Dao Lợi.

(鈔) 今王忉利。

(Sao: Nay [cô ta] là vua cõi trời Dao Lợi).

Là Dao Lợi thiên vương.

(Sao) Thống tứ phương tam thập nhị thiên.

(鈔) 統四方三十二天。

(Sao: Thống lãnh ba mươi hai vị trời ở bốn phương).

Ba mươi hai người giúp cô ta trong kiếp trước, phước báo đều là sanh thiên. Đức Phật đã bảo chúng ta, trong Phật pháp thường nói có năm thời kỳ, tức là “*ngũ chủng kiên cố*”. Năm trăm năm đầu tiên, “*giải thoát kiên cố*”, nghe kinh, nghe pháp tu hành rất dễ chứng quả. Năm trăm năm thứ hai, “*Thiền Định kiên cố*”, nhằm lúc Phật pháp vừa mới truyền đến Trung Quốc. Do vậy, Thiền Tông Trung Quốc vô cùng hưng thịnh là do đạo lý này. Năm trăm năm thứ ba, “*đa văn kiên cố*”. Vào thời đại Tùy - Đường, các tông phái hưng thịnh, là thời đại hoàng kim của Phật pháp, mọi người nghiên cứu, thảo luận giáo lý, phát huy rạng rỡ, đa văn kiên cố. Nói cách khác, chỉ biết nói, người thật sự đắc Thiền Định không nhiều lắm, từ lịch sử quả thật thấy rõ điều này. Thời kỳ thứ tư là “*tháp tự kiên cố*”. Mọi người dốc hết tánh mạng tu phước, cất tháp, dựng chùa chiền, miếu mạo, làm những chuyện này. Thời kỳ thứ năm là thời đại hiện tại của chúng ta, năm trăm năm thứ năm, tức là sau khi đức Phật diệt độ hai ngàn năm trăm năm, “*đấu tranh kiên cố*”. Trong kinh đức Phật đã dạy rõ ràng. Nếu thế hệ hiện tại chẳng đấu tranh thì Phật đã nói trật rồi sao? Con người hiện tại đấu tranh, đức Phật giảng rõ, đó là hiện tượng hoàn toàn bình thường, chẳng có gì là lạ! Điều khẩn yếu là kẻ khác đấu đá, ta chẳng đấu đá, họ tranh, ta chẳng tranh, như vậy là tốt! Trong thời đại này, chúng ta thật thà niệm Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là người thượng thượng căn.

Dựng tháp, cất chùa phước báo rất lớn. Sau khi chúng ta nghe xong, quý vị chớ nên dấy lên vọng tưởng: Chúng ta hãy đi xây chùa, dựng miếu, tương lai có thể làm chúa trời của Tam Thập Tam Thiên để hưởng phước! Thuở ấy ông ta (Thích Đề Hoàn Nhân) có thể làm được, nếu hiện thời quý vị xây miếu, dựng chùa, sợ rằng chẳng thể sanh thiên. Không chỉ chẳng thể sanh thiên, còn sợ phải đọa địa ngục A Tỳ, vì sao? Vì sau khi quý vị dựng xong, khiến cho người ta đấu tranh. Trước đây, khi đã tạo dựng xong xuôi, thỉnh cao tăng đại đức giảng kinh, thuyết pháp, hướng dẫn đại chúng tu hành, công đức ấy rất lớn. Hiện thời, sau khi xây dựng xong xuôi, sẽ khiến cho người ta vận dụng hết tâm cơ để đấu đá, tranh đấu mỗi ngày. Trước đây là đạo tràng Phật pháp, hiện tại là đạo tràng đấu tranh; vì thế, quả báo khác nhau. Người ta dựng tháp có thể sanh lên trời, nay chúng ta dựng chùa, tháp sẽ bị đọa lạc. Vì thế, chư vị nhất định phải có trí huệ, phải hiểu rõ.

Tôi giảng kinh nhiều năm như thế, chưa bao giờ khuyên người khác dựng chùa. Tôi xuất gia vào năm Dân Quốc 48 (1959). Xuất gia chưa được

bao lâu, ước chừng vào năm Dân Quốc 50 (1961), pháp sư Vô Thượng ở hồ Thanh Thảo, huyện Tân Trúc rất từ bi, dựng một Niệm Phật Đường cạnh chùa, tôi đã đến thăm, xây cất rất đẹp. Sư mời người ta tới đó niệm Phật, lại còn mỗi tháng phát không ít tiền chi dụng, nhưng tìm không được người, không ai đến. Quý vị mới biết hiện thời có một đạo tràng chân chánh rất khó! Chẳng phải là chuyện dễ dàng! Chúng ta liễu giải hoàn cảnh hiện thời, liền biết phải làm theo cách nào! Nếu bản thân chúng ta tổ chức một pháp hội giảng kinh công đức ấy rất lớn. Chúng ta tổ chức một lần “đại chuyên Phật học giảng tòa”, công đức ấy cũng rất lớn, khiến cho những người trẻ tuổi trong một thời gian ngắn, cùng tập trung một chỗ nghiên cứu tất cả kinh giáo. Hoặc mọi người chúng ta cùng nhau niệm Phật cộng tu, công đức ấy cũng rất lớn. Hiện thời, chúng ta in kinh để bố thí, làm băng thâu âm để bố thí, những công đức ấy đều rất lớn. Thật sự có sức thì chúng ta thuê bao đài truyền hình một thời gian, thỉnh pháp sư giảng kinh ở đó mỗi ngày, công đức ấy lớn hơn dựng chùa miếu, hoàng pháp lợi sanh mà! Hiện thời, muốn phát triển theo mục tiêu này thì [không thể tiến hành nơi] tháp miếu, tháp miếu gần như đều là nơi chốn đấu tranh.

(Sao) Hựu A Hàm vân: “Bổn vi nhân thời, hành u đốn thí, kham năng tác chủ, cố viết Thiên Chúa.

(鈔)又阿含云：本為人時，行於頓施，堪能作主，故曰天主。

(Sao: Lại nữa, kinh A Hàm nói: “Vốn do lúc làm người, đã hành bố thí nhanh chóng, có thể làm người xưng suất, nên gọi là Thiên Chúa”).

Trong quá khứ, lúc làm người trong nhân gian, Thích Đề Hoàn Nhân đã hành bố thí nhanh chóng, có thể lãnh đạo những kẻ có cùng chí hướng chung sức bố thí hòng thành tựu Phật sự. Vì thế, quả báo hiện thời của ông ta là Thiên Chúa trên cõi trời.

(Sao) Đẳng giả, đẳng tam thập nhị.

(鈔)等者，等三十二。

(Sao: “Đẳng” là kể cả ba mươi hai người kia).

Như ba mươi hai người kia.

(Sao) Dĩ cập kỳ dư dã.

(鈔) 以及其餘也。

(Sao: Cùng với những người khác).

Chữ “kỳ dư” chỉ chư thiên.

(Sao) Vô lượng giả, hựu tăng từ dĩ tận, tắc khái Dục, Sắc, Vô Sắc chư thiên dã.

(鈔) 無量者，又增詞以盡，則槩欲色無色諸天也。

(Sao: “Vô lượng” là từ ngữ nhằm nói thêm cho trọn hết, nhất loạt bao gồm chư thiên thuộc Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới).

Không chỉ là thiên chúa cõi trời Đao Lợi và chư thiên [trong cõi trời ấy]; ngoài Đao Lợi Thiên ra, chư thiên thuộc Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên đều đến tham dự pháp hội này rất đông đảo. Tiếp theo đây, giải thích chữ Thiên có rất nhiều ý nghĩa, Thiên có nghĩa là quang minh.

(Sao) Thiên hữu đa ý, hoặc danh Trú, dĩ trú trường cố; hoặc danh Vô Sầu Nảo, dĩ thường lạc cố.

(鈔) 天有多意，或名晝，以晝長故；或名無愁惱，以常樂故。

(Sao: Trời có nhiều ý, hoặc gọi là Trú, vì ngày rất dài; hoặc gọi là Vô Sầu Nảo vì thường vui sướng).

Chư thiên phước báo rất lớn, nhân gian chúng ta chẳng sánh bằng chư thiên. Bình thường chư thiên chẳng lo nghĩ, chẳng có phiền não. Trước khi lâm chung bảy ngày, khổ não mới xuất hiện. Khi ấy, họ cảm thấy đau khổ vô cùng, đó gọi là “Ngũ Suy tướng hiện tiền”. Chư thiên là hóa sanh, chẳng phải sanh bằng thai (thai sanh) nên chẳng có sanh khổ. Vì là hóa sanh nên nhớ chuyện quá khứ, do họ chẳng bị mê khi cách âm. Hơn nữa, chư thiên đắc quả báo Ngũ Thông, trừ Lục Tận Thông ra, năm loại thần thông kia đều có đủ, chẳng phải do tu thành, mà do quả báo nên có. Vì thế, phước báo rất lớn. Chúng ta thường nói “thiên y vô phùng” (áo trời không may), áo cõi trời chẳng cần may cắt, muốn mặc gì, y phục đã ở trên thân, muốn màu gì, kiểu cạo gì đều thuận theo lòng muốn mà biến hóa, giống như Tây Phương Cực Lạc thế giới; vì thế, chư thiên rất tự tại. Họ ăn thứ gì cũng đều là như vậy, đều là tự nhiên biến hóa thành.

Khô vào lúc nào? Lúc tướng Ngũ Suy hiện tiền. Chư thiên diện mạo chẳng già yếu, bất luận tuổi cao đến đâu, quý vị thấy họ vĩnh viễn là trẻ tuổi, chẳng suy lão. Tướng Ngũ Suy:

- Thứ nhất là hoa héo. Trên đầu chư thiên đều cài hoa, nam hay nữ đều chuộng cài hoa, hoa luôn hết sức tươi tắn, đẹp đẽ. Nếu ngày nào đó, hoa bị khô úa, vị trời ấy sẽ lo lắng, vì sao? Hễ hoa khô tức là thọ mạng chỉ còn bấy ngày.

- Thứ hai là thân thể hôi thối. Khi phước tận thọ hết, đột nhiên trở nên hôi thối. Thân thể chư thiên rất sạch sẽ, không cần tắm rửa, trên thân có mùi thơm. Chính chúng ta thường khi lạy Phật, tụng kinh, hoặc trong khi niệm Phật, lúc rất an tĩnh, nghe có mùi thơm, chúng ta chẳng thấp hương mà ngửi thấy mùi hương lạ là do nguyên nhân nào? Quá nửa là chư thiên đi qua, thấy quý vị đang niệm Phật, xem kinh nơi đây, họ dừng lại một chút để tỏ lòng kính trọng, họ rất cung kính quý vị, tỏ lòng cung kính, trên thân tỏa hương thơm. Tuy chúng ta chẳng thấy họ, nhưng ngửi thấy mùi thơm. Đây đều là tướng rất tốt lành.

- Thứ ba là dưới nách rịn mồ hôi. Đây là tướng suy, họ cũng rất kính sợ.

- Thứ tư là y phục ô uế. Họ chẳng cần giặt quần áo, vĩnh viễn chẳng dơ bẩn, chẳng nhiễm mảy trần. Khi ấy, y phục sẽ dính bụi, đất, dơ bẩn.

- Thứ năm là ngồi đứng không yên.

Đây là tướng Ngũ Suy hiện tiền của chư thiên, họ cũng rất hoảng sợ, vì biết thọ mạng chẳng còn được mấy ngày! Trừ nổi thống khổ ấy ra, bình thường họ chẳng có ưu lự, cũng chẳng có phiền não, tới khi ấy, ưu lự lẫn phiền não đều dậy lên. Vì thế, ở đây nói, quả thật họ “sống nhiều, khổ ít”.

(Sao) Hoặc danh Đăng Minh, dĩ vô hắc ám cố.

(鈔) 或名燈明，以無黑闇故。

(Sao: Hoặc gọi là Đăng Minh vì chẳng tối tăm).

Chư thiên đều có quang minh, trên thân cũng tỏa quang minh, cung điện cũng tỏa quang minh. Vì thế, cõi trời là tướng khắp nơi sáng sủa, chẳng có tối tăm. Đây là nói rõ chữ Thiên có nhiều ý nghĩa như vậy.

(Sao) Đại chúng giả, chư thiên nhi hạ, nhân cập Tu La, tận lục đạo nhất thiết chúng sanh dã.

(鈔)大眾者，諸天而下，人及修羅，盡六道一切眾生也。

(Sao: “Đại chúng”: Từ chư thiên trở xuống, con người và Tu La, trọn khắp hết thảy chúng sanh trong lục đạo).

Đây là một cách giải thích.

(Sao) Nhất vân kiêm tiền Bồ Tát, Thanh Văn, đồng danh đại chúng.

(鈔) 一云：兼前菩薩聲聞，同名大眾。

(Sao: Có thuyết nói là kể cả Bồ Tát và Thanh Văn trong phần trên cùng gọi là “đại chúng”).

Nói cách này cũng hợp lý.

(Sao) Thông kết giả, thượng ngôn dữ đại tỳ-kheo chúng câu. Kim thử Câu giả, ngôn diệc dữ chư Bồ Tát, chư thiên, đại chúng câu dã.

(鈔)通結者，上言與大比丘眾俱。今此俱者，言亦與諸菩薩諸天大眾俱也。

(Sao: “Thông kết”: Trong phần trên đã nói “cùng với các vị đại tỳ-kheo nhóm họp”, nay chữ Câu ở chỗ này cũng có nghĩa là “cùng với các vị Bồ Tát, chư thiên, đại chúng nhóm họp”).

Phần văn tự này có thể giải thích theo nhiều cách. Theo nghĩa rộng, sẽ bao gồm cả những phần trước. Theo nghĩa hẹp thì chỉ nói trực tiếp trong đoạn này. Nói cách nào cũng hợp lý.

(Sao) Hoặc nạn: Vô sắc tắc vô nhĩ, vô thân, quỷ, ngục tắc cực u, cực khổ, hà dung dự hội nhi văn thử kinh?

(鈔)或難：無色則無耳無身，鬼獄則極幽極苦，何容與會而聞此經？

(Sao: Chắc có kẻ bắt bẻ: Vô sắc sẽ chẳng có tai, không có thân; ngục quỷ và địa ngục vô cùng tối tăm, khổ sở, làm sao có thể dự hội nghe kinh này cho được?)

Có lẽ cũng có người nêu ý kiến: Quý vị nói như thế, lục đạo chúng sanh đều gồm trọn trong ấy; nói thật thà, trong lục đạo, từ Sắc Giới Thiên

cho đến ngã quý giới như tôi vừa mới nói, chẳng có ai hoài nghi. Nếu nói Vô Sắc Giới Thiên cũng bao gồm trong ấy, người ta sẽ hoài nghi: Vô Sắc Giới Thiên chẳng có thân thể; chẳng có thân thể làm sao tới nghe kinh? Địa ngục giới quá khổ, địa ngục giới làm sao còn có thể rời địa ngục đi nghe kinh? Nếu bị giam trong ngục, nghe nói nơi nào đó giảng kinh còn có thể rời nhà giam đi nghe kinh hay không? Vì thế, lời vấn nạn này cũng rất cao minh, đã nêu ra hai điểm [rất đáng hoài nghi]. Tiếp theo đây, chúng ta hãy đọc lời giải thích của Liên Trì đại sư.

(Sao) *Nhiên vô sắc giả vô thô sắc, phi vô tế sắc dã.*

(鈔) 然無色者無粗色，非無細色也。

(Sao: *Nhưng Vô Sắc là không có thô sắc, chẳng phải là không có tế sắc*).

Chư thiên Vô Sắc Giới quả thật chẳng có thô sắc, thô sắc là hiển sắc, giống như [những sắc tướng mà] nhục nhãn của chúng ta có thể trông thấy, đó là hiển sắc, họ (chư thiên trong cõi Vô Sắc) thật sự chẳng có [hiển sắc], nhưng họ có sắc hay không? Họ vẫn có sắc! Thí dụ như chúng ta buổi tối đi ngủ nằm mộng, mộng có sắc hay không? Mộng có sắc! Khi quý vị đang nằm mộng, tôi chẳng thấy sắc tướng trong giấc mộng của quý vị, nhưng bản thân quý vị thấy rõ ràng, đó gọi là Vô Biểu Sắc (Avijñaptirūpa), nó thật sự có. Chẳng hạn như chúng ta ngồi ở chỗ này, nghĩ đến ai đó, nghĩ đến một vật kiến trúc nào, quý vị vừa nghĩ, sắc tướng ấy bèn xuất hiện rõ ràng trong óc, nhưng người ngồi sát cạnh quý vị chẳng thấy. Sắc tướng của chư thiên Vô Sắc Giới có tình trạng giống như vậy, người có công phu Thiền Định khá sâu sẽ có thể thấy.

Vì thế, người có công phu Thiền Định, quý vị ở nơi ấy đầy vọng tưởng, người ấy liền biết. Vì sao? Vì vừa nghĩ, trong tâm quý vị có tướng, người ấy thấy tướng đó, thấy tướng ấy đang hoạt động. Cho nên quý vị nằm mộng, người ấy cũng biết, biết quý vị đang làm gì trong mộng. Vì người ấy hoàn toàn trông thấy mộng cảnh ấy, có thể thấy vi tế sắc; những kẻ phàm phu như chúng ta chỉ có thể thấy thô sắc, hiển sắc, chẳng thấy sắc tướng vi tế. Vì thế hoàn toàn chẳng phải là chư thiên Vô Sắc Giới không có sắc, họ vẫn có sắc thân! Dưới đây có một chứng cứ.

(Sao) *Phật Niết Bàn thời, Vô Sắc Thiên nhân lệ hạ như vũ.*

(鈔) 佛涅槃時，無色天人淚下如雨。

(Sao: Khi đức Phật nhập Niết Bàn, chư thiên cõi Vô Sắc lệ tuôn như mưa).

Kinh Niết Bàn nói như vậy. Nếu chư thiên cõi Vô Sắc chẳng có sắc, họ tuôn lệ bằng cách nào? Lệ rõ ràng từ nhãn căn chảy ra, có thể thấy họ thật sự có tế sắc.

(Sao) Tác thân chí nhĩ căn, diệt phục hà ngại.

(鈔) 則身至耳聞，亦復何礙。

(Sao: Như vậy thì từ thân cho đến nhĩ căn, cũng còn ngăn ngại gì?)

Họ đến nghe kinh quả thật chẳng có chướng ngại.

(Sao) Địa ngục, ngạ quỷ, trọng giả hoặc cách bất thông.

(鈔) 地獄餓鬼，重者或隔不通。

(Sao: Địa ngục, ngạ quỷ, nếu là kẻ tội nặng có lẽ bị ngăn ngại, chẳng thông suốt).

Nếu đọa vào địa ngục A Tỳ, hoặc bát hàn, bát nhiệt địa ngục, nếu muốn đến nghe kinh sẽ chẳng dễ dàng, vì sao? Vô Gián địa ngục, tội ấy rất nặng, chẳng có cách nào đến, nhưng kẻ tội nhẹ có thể. “Du Tăng địa

ngục”¹²¹ là tội nhẹ. “Cô Độc địa ngục” cũng nhẹ. Cô Độc địa ngục¹²² giống như đem kẻ ấy giam cầm một chỗ, lúc bình thường chẳng cho kẻ ấy tiếp xúc với mọi người, chẳng chịu khổ to tát, giống như người bị giam cầm, tình hình là như thế đó.

(Sao) Khinh giả, vị khả lệ phán.

(鈔) 輕者未可例判。

(Sao: Đối với người tội nhẹ, chẳng thể phán định giống hệt như [kẻ đọa trong A Tỳ được]).

Kẻ tội nhẹ trong địa ngục vẫn có cơ hội nghe pháp.

(Sao) Hựu Phật quang sở xúc, địa ngục thiên tử đắc chứng đôn viên.

¹²¹ Du Tăng địa ngục còn gọi là Tứ Môn địa ngục, Phó địa ngục, hoặc Cận Biên địa ngục, là những địa ngục ngoài mười sáu địa ngục chính (bát hàn, bát nhiệt). Theo Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh, mỗi địa ngục chính có bốn cửa, ngoài mỗi cửa có bốn địa ngục phụ, như vậy là mỗi địa ngục chính có mười sáu địa ngục phụ, các địa ngục ấy được gọi là Du Tăng địa ngục. Du Tăng địa ngục gồm có bốn loại là Đường Ôi (nung nóng, hầm nấu), Thi Phẫn (xác chết và phân), Phong Nhận (các thứ nhọn bén), Liệt Hà (sông sôi sùng sục). Mười sáu địa ngục chính gồm:

1. Tám địa ngục nóng là Đẳng Hoạt (Sañjīva, chết đi sống lại), Hắc Thăng (Kālasūtra, khổ gấp mười lần Đẳng Hoạt), Chúng Hợp (Samghāta, tội nhân bị các ngọn núi xô đến ép chặt lại), Khiếu Hoán (Raurava, kêu gào), Đại Khiếu Hoán (Mahāraurava), Tiêu Nhiệt (Tapanā, nung đốt), Đại Tiêu Nhiệt (Pratāpana) và A Tỳ địa ngục (Avīci). Trong các ngục này, mỗi ngục sau khổ gấp mười lần ngục trước, thời gian trong ngục sau dài gấp đôi ngục trước. Thời gian tội nhân ở trong Đẳng Hoạt là 500 năm, thời gian trong Hắc Thăng là 1.000 năm v.v...

2. Tám địa ngục lạnh là Cụ Pháo (Arbuda, da dễ bị lạnh nứt rộp lên), Pháo Liệt (Nirarbuda, nứt toác), Khẩn Nha (Atata, răng rụng lập cập), A Thu Thu (Hahava), A Hô Hô (Huhuva), Thanh Liên (Utpala), Hồng Liên (Padma), Đại Hồng Liên (Mahapadma). Những tên gọi này đều nhằm diễn tả tội nhân quá lạnh rên rỉ không thành tiếng, da dễ nứt toác, xanh tím như hoa sen xanh, hoặc nứt nẻ phô bày máu thịt như hoa sen hồng. Thời gian trong địa ngục lạnh dài khủng khiếp. Kinh thường nói để tính thời gian trong Cụ Pháo địa ngục, dùng cái học chứa gạo của thành Qua Tát Lạp làm chuẩn. Học ấy có thể chứa được 200 thưng gạo, cứ mỗi trăm năm lấy một hạt mà bỏ vào đó, khi nào bỏ đầy học thì hết thời gian thọ tội trong địa ngục Cụ Pháo. Mỗi ngục lạnh sau có thời hạn thọ tội gấp 20 lần ngục trước.

¹²² Cô Độc địa ngục là những ngục chỉ có một chỗ có thể ở gần các địa ngục chính, hoặc lẻ loi trong nhân gian như bên bãi biển, núi non, chốn hoang vu v.v...

(鈔) 又佛光所觸，地獄天子得證頓圓。

(Sao: Lại nữa, do được Phật quang chiếu tới, thiên tử chốn địa ngục bèn chứng đốn viên).

Đây là nêu một thí dụ thực tế để giảng rõ. “Địa ngục thiên tử” là vua Diêm La, họ hữu duyên, nghe pháp cũng có thể chứng quả, đây là nói tới chuyện được Phật quang chiếu tới. Câu chuyện này xảy ra vào lúc Phật làm Bồ Tát, còn đang tu nhân, Ngài là Bồ Tát, “túc hạ hữu tứ thập chủng quang minh” (dưới chân có bốn mươi loại quang minh), đương nhiên vị Bồ Tát ấy chẳng phải là hạng Bồ Tát thông thường, chắc chắn là Địa Thượng Bồ Tát, dưới chân mới có quang minh. Từ tướng hảo viên mãn, Ngài phóng quang chiếu xuống phía dưới, chiếu thấu địa ngục. Chúng sanh trong địa ngục được tiếp xúc quang minh của Phật có thể sanh lên trời. Ở trên trời, nghe tiếng trống trời, phát tâm chân thành sám hối. Vừa sám hối, thật sự là vô lượng công đức, “chứng đắc đốn viên”. Đốn viên là quả vị Thập Địa Bồ Tát. Do vậy, sám hối có sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn.

Chúng ta nên hiểu người như vậy cũng chẳng phải là người phạm, cũng là đời đời kiếp kiếp tu hành! Thiên căn vô cùng sâu dày, nhưng trong đời trước, khi lâm chung, một niệm sai lầm, sai ở chỗ nào? Nói chung là có chuyện gì đó chẳng như ý bèn dấy tâm sân hận, do một niệm tâm sân hận bèn vào địa ngục, đọa trong địa ngục. Vì kẻ ấy tu trì phước báo rất lớn, tuy đọa địa ngục, vẫn làm vua trong địa ngục, làm vua Diêm La. Nay được Phật quang chiếu tới, nghiệp tiêu, giác ngộ, tỉnh ngộ. Sanh lên trời, nghe tiếng trống trời, do vậy, sanh tâm sám hối ân cần. Vì thế, ngay lập tức có thể đốn siêu Thập Địa; Thập Địa ở đây đương nhiên là Thập Địa trong Biệt Giáo, chẳng phải là Thập Địa trong Viên Giáo. Thập Địa trong Biệt Giáo khá lắm, bằng với Thập Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Điều này chỉ rõ chúng sanh trong địa ngục vẫn có thể đắc độ nhờ vào pháp môn này.

(Sao) *Nhiên tắc Phật thuyết thử kinh, quang chiếu thập phương, an tri quỷ ngục bất đắc văn dã?*

(鈔) 然則佛說此經，光照十方，安知鬼獄不得聞也。

(Sao: Vậy thì đức Phật nói kinh này, quang minh chiếu đến mười phương, làm sao biết là nga quỷ, địa ngục chẳng được nghe?)

Làm sao quý vị biết nọ quý, địa ngục chẳng đến nghe kinh? Bởi lẽ, nếu sám hối chân thành, thật sự sám hối thì nói thật thà, sám hối có sức mạnh không gì sánh bằng. Phạm nhân chúng ta chẳng thật sự phát khởi cái tâm sám hối, trong tâm mong sám hối, nhưng trên thực tế, chẳng đầy mấy phút bèn quên bẵng, vẫn làm chuyện sai quấy y như cũ, đấy chẳng phải là sám hối! Thật sự sám hối là như Không lão phu tử đã nói “*bất nhị quá*” (chẳng phạm lỗi lần thứ hai). Ta biết ta làm chuyện này sai quấy, về sau, ta quyết định chẳng phạm cùng một lỗi làm lần thứ hai, có thể phạm lầm lỗi khác, chứ lỗi lầm này chắc chắn chẳng phạm nữa. Đó là thật sự sám hối! Sám hối, được vài hôm lại phạm lỗi lầm giống hệt, tức là chẳng hề sám hối! Quan sát từ góc độ này, người thế gian chúng ta tạo tội ác, rất ít kẻ sám hối; vì thế, nghiệp chướng chẳng thể tiêu được!

Nghiệp chướng chẳng tiêu cũng rất phiền phức, nghiệp chẳng thể tiêu, bèn tăng trưởng, đấy là đạo lý nhất định; cũng chẳng thể nói là ta giữ nguyên như vậy được, chẳng nhiều hơn, chẳng ít đi, rất khó! Tiêu không được sẽ tăng trưởng, tăng trưởng đến mức độ kha khá, nhất định đọa trong tam ác đạo. Ngàn muôn phần đừng nói ta mỗi ngày lay Phật, hằng ngày niệm Phật, tụng kinh, nói chung là trong tương lai dầu ta chẳng thể vãng sanh vẫn không bị đọa trong tam ác đạo! Các vị hãy xem bản chú giải của pháp sư Từ Vân Quán Đảnh, đây là một vị đại pháp sư lỗi lạc vào thời Khang Hy nhà Thanh. Tác phẩm chú giải của pháp sư Từ Vân Quán Đảnh có tựa đề là Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương Sớ Sao, trước đây chúng tôi đã in bản lưu hành riêng. Quý vị đọc bản chú giải Sớ Sao của Ngài, phía sau Ngài có nói một trăm thứ quả báo của người niệm Phật, cùng là niệm một câu A Di Đà Phật như nhau, nhưng có một trăm thứ quả báo khác nhau. Quả báo thứ nhất là đọa địa ngục, niệm Phật mà đọa địa ngục, quả báo thứ hai là đọa nọ quý, quả báo thứ ba là đọa súc sanh. Quý vị hãy xem ba điều đầu tiên ấy, người niệm Phật đọa trong tam ác đạo!

Thuở ấy, tôi còn rất trẻ, vừa mới học Phật, thấy chuyện này rất nghi hoặc. Người niệm Phật dầu chẳng thể vãng sanh, đời sau hưởng phước phước báo nhân thiên nói chung là có, cơ sao bị đọa trong tam ác đạo? Tôi thỉnh giáo thầy Lý chuyện này, thầy vừa nghe tôi nêu câu hỏi ấy, bèn bảo: “Anh hỏi câu này rất quan trọng, tôi chẳng trả lời cho một mình anh. Khi tôi giảng kinh sẽ trả lời, nói rõ cùng đại chúng”. Miệng tuy niệm Phật, nhưng trong tâm, tham, sân, si, mạn chẳng đoạn, tiếng tăm, lợi dưỡng, thị phi, nhân ngã chẳng đoạn, mỗi ngày vẫn tạo những nghiệp ấy, vậy thì quý vị chẳng hứng chịu quả báo, ai sẽ lãnh chịu? Người niệm Phật như vậy chỉ là khẩu thiện, tâm bất thiện, hạnh bất thiện! Trong tam nghiệp, quý vị chỉ

có một thứ thiện, hai thứ kia đều bất thiện! Vì thế, quả báo vẫn là trong tam đồ.

Trong một trăm điều ấy, có niệm Phật thành Phật, niệm Phật thành Bồ Tát. Do vậy, nhất định phải hiểu rõ Lý, niệm Phật đúng lý, đúng pháp, ngay cả nạ quý, địa ngục đạo đều có thể đón siêu Thập Địa, hưởng hồ chúng ta! Giống như thầy Lý thường nói, nói rất khó nghe, con người hiện thời chai lì, bất nhân! “Chai lì, bất nhân” là gì? Ý nghĩ, tâm tư giống như khúc gỗ, đã chết ngắc rồi, chẳng biết lợi hại, không sợ nhân quả, nguy quá! Do chuyện này, chúng ta biết không phải người niệm Phật nào cũng đều có thể vãng sanh, thật đấy! Hiện thời, trong thế gian này, người niệm Phật đông đảo, người vãng sanh ít ỏi, nói cách khác, đại đa số người niệm Phật vẫn vào trong tam ác đạo. Quý vị muốn thật sự liễu giải nguyên nhân này, hãy nghiên cứu kỹ càng kinh điển Tịnh Độ, hãy đọc kỹ nhiều lượt bản chú giải Đại Thế Chí Viên Thông Chương của pháp sư Quán Đảnh, quý vị sẽ giác ngộ!

Vì thế, tôi thường nói, thường khuyên mọi người, niệm một câu Phật hiệu như thế nào mới có sức mạnh? Phải chế ngự được vọng niệm của chúng ta. Vọng niệm là gì? Là những thứ thị phi, nhân ngã, phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, tham, sân, si, mạn, hễ ý niệm ấy dấy lên bèn dùng A Di Đà Phật giần xuống, khiến cho nó chẳng thể dấy lên hiện hành thì Phật hiệu mới có tác dụng. Miệng niệm Phật, nhưng các ý niệm ấy vẫn dấy lên y như cũ, có tác dụng gì đâu? Vô dụng! Đức Phật dạy chúng ta câu Phật hiệu này để làm gì? Chính là vì muốn chúng ta chế phục phiền não. Quý vị có thể chế phục phiền não, bèn đỏi nghiệp vãng sanh. Chế phục phiền não gọi là công phu thành phiền, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, đấy là mức độ thấp nhất. Đoạn phiền não, thật sự niệm đến mức đoạn Kiến Tư phiền não, quý vị vãng sanh cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nếu công phu sâu hơn một chút, Trần Sa phiền não cũng đoạn, vô minh cũng phá được một phần, quý vị sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

Ở chỗ này phải chú ý, phải đặc biệt ghi nhớ, ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, nhưng chẳng thể chế ngự phiền não, sẽ chẳng thể vãng sanh. Vì trong kinh, đức Phật trọn chẳng bảo quý vị mỗi ngày niệm Phật nhiều hay ít, dựa vào quý vị niệm nhiều hay ít để đến tiếp dẫn quý vị vãng sanh, chẳng dựa vào đó, mà dựa vào mức độ thanh tịnh của cái tâm quý vị! Một câu A Di Đà Phật là thuốc để tịnh hóa thân tâm chúng ta, quyết định chớ nên coi thường! Câu Phật hiệu quả thật giúp chúng ta tịnh hóa thân tâm thì niệm Phật hiệu có sức mạnh, khởi tác dụng. Nếu không, miệng niệm suốt ngày từ sáng đến

tôi, niệm mười vạn câu Phật hiệu, cô nhân vẫn chê cười: “*Rách toạc cổ họng cũng ủng công!*” Quý vị vẫn đi vào tam đồ như cũ, rách toạc cuống họng vẫn ủng công! Do vậy, nhất định phải đúng lý, đúng pháp hàng phục phiền não, giần ép nó. Vì thế, ý niệm vừa dấy lên, ngay lập tức đổi nó thành A Di Đà Phật, niệm tới khi tâm chính mình thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, niệm tới khi phiền não, tập khí của chúng ta chẳng dấy lên, hiện hành. Đương nhiên đoạn chẳng dễ dàng, nhưng có thể niệm đến mức khiến chúng chẳng dấy lên, hiện hành, mỗi cá nhân đều có thể làm được! Niệm đến dứt phiền não, đích xác là chẳng phải ai cũng có thể làm được, nhưng niệm đến mức chế ngự phiền não, tập khí thì [ai nấy đều có thể] làm được. Lại còn do sức mạnh của việc thật sự sám hối, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị cao hay thấp xét theo chỗ này.

Vì thế, cuối bản chú giải Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, các tổ sư đại đức xưa kia đã nêu trường hợp vua A Xà Thế. Vua A Xà Thế tạo tội nghiệp Ngũ Nghịch, giết cha, hại mẹ, câu kết tay đôi với Đề Bà Đạt Đa hại cha mẹ, phá hòa hợp tăng, phạm toàn bộ Ngũ Nghịch. Lúc nhà vua lâm chung, tướng địa ngục hiện tiền; khi ấy, nhà vua kinh sợ, sanh tâm sám hối to lớn, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, nghiêm nhiên là Thượng Phẩm Trung Sanh, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Ông ta là Ngũ Nghịch, Thập Ác, lâm chung mười niệm, do sức mạnh của tâm sám hối quá mạnh mẽ, nên phẩm vị được nâng cao như vậy. Cũng giống như thí dụ được nêu ở đây, địa ngục thiên tử là vua Diêm La, vua Diêm La là quý vương trong nạ quý đạo, thuộc về nạ quý đạo, nghiêm nhiên được Phật quang chiếu tới, vừa nghe tiếng trống trời bèn đón siêu Thập Địa. Đón siêu Thập Địa thì tối thiểu cũng là Thượng Phẩm Trung Sanh, phù hợp với lời Thiện Đạo đại sư chỉ dạy. Lão nhân gia bảo: “*Ba bậc, chín phẩm là do chúng ta gặp duyên khác nhau mà khác biệt*”.

Ngày nay, chúng ta gặp duyên thù thắng khôn sánh, giảng kỹ ba kinh là nhân duyên khó có. Thông thường chúng ta nhìn ra ngoài, giảng kinh Di Đà thì có, quý vị hãy hỏi thăm một chút, một bộ kinh Di Đà giảng bao lâu thì xong? Bảy ngày! Lại hỏi dò một chút, bảy ngày là giảng bao lâu? Mỗi ngày giảng một tiếng. Lại còn quá nửa thời gian là dịch sang Đài ngữ¹²³, hai giờ dịch mất một giờ, trên thực tế là bảy giờ giảng xong kinh

¹²³ Đài ngữ là ngôn ngữ thông dụng ở Đài Loan, gọi theo người Đài Loan là Tâi-uân-ūē, đôi khi còn gọi là Phước Lão Thoại, Hà Lạc Thoại, Hạc Lão Thoại v.v... Thật ra, đây là phương ngữ tỉnh Phước Kiến (thường gọi là Mân Nam ngữ), chủ yếu là giọng của vùng Tuyên Châu và Chương Châu, rất tương tự với giọng Hạ Môn, pha trộn với một số từ ngữ vay mượn từ tiếng Hakka (Khách Gia), Nhật Bản, cũng như của thổ dân

Di Đà. Quý vị thấy chúng tôi giảng ở đây, mới là mở đầu, đã hết một trăm mười tám lần giảng, vừa mới là phần kinh văn mở đầu! Trong Tự Phần, vẫn chưa giảng xong Thông Tự, nhân duyên này thù thắng khôn sánh, cả đời khó gặp gỡ, duyên thật sự đầy đủ. Gặp duyên đầy đủ, phần còn lại là bản thân chúng ta có chịu làm hay không! Đây là vấn đề thuộc về thiện căn và phước đức của mỗi cá nhân, thiện căn là có thể tin và hiểu. Ta nghe ở nơi đây, thật sự nghe hiểu, có thể tin, hiểu, đó là thiện căn của quý vị. Có thể nguyện, có thể hành là phước đức của quý vị. Quý vị thật sự phát nguyện, thật sự chịu niệm Phật, thật sự chịu sám hối, đó là quý vị có phước đức. Ba điều kiện thiện căn, phước đức, nhân duyên đều đầy đủ, quý vị sẽ vãng sanh. Kinh dạy: “*Chẳng thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy*”. Ba điều này đều trọn đủ viên mãn, nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên, quý vị nhất định vãng sanh thế giới Tây Phương trong một đời này. Phẩm vị cao hay thấp thì sao? Do bản thân quý vị nỗ lực! Dưới đây là đoạn giảng về xứng lý:

(Sớ) Xứng Lý, tác tự tánh triệt thượng triệt hạ, thị La Hán, Bồ Tát, chư thiên đại chúng câu nghĩa.

(疏)稱理，則自性徹上徹下，是羅漢菩薩諸天大眾俱義。

(Sớ: Xứng Lý thì tự tánh thông trên, thấu dưới chính là ý nghĩa của La Hán, Bồ Tát, chư thiên và đại chúng cùng nhóm hợp).

Câu này thuộc phần bàn luận xứng tánh đối với đoạn kinh văn này. Chúng ta hãy đọc lời chú giải của tổ Liên Trì.

(Sao) Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ, thượng nhi triệt hồ chư thánh dã, thượng diệc dĩ chi câu, hạ nhi triệt hồ lục phàm dã, hạ diệc dĩ chi câu.

(鈔)是法平等，無有高下，上而徹乎諸聖也，上亦與之俱，下而徹乎六凡也，下亦與之俱。

Đài Loan. Đặc biệt là khi Quốc Tánh Gia (Trịnh Thành Công) chạy ra Đài Loan lập căn cứ chống lại nhà Thanh với chiêu bài “phản Thanh, phục Minh”, đa số thủ hạ là người Tuyền Châu, nên giọng Tuyền Châu chiếm ưu thế trong Đài ngữ. Thêm nữa, người chịu trách nhiệm tổ chức giáo dục ở Đài Loan thuở ấy là quân sư Trần Vĩnh Hoa (tức Trần Cận Nam) cũng là người Tuyền Châu nên giọng Tuyền Châu càng chiếm ưu thế.

(Sao: Pháp này bình đẳng, chẳng có cao thấp, thượng là thấu đến các vị thánh, người bậc trên cũng cùng nhóm họp, dưới là thấu đến lục phàm, kẻ bậc hạ cũng cùng nhóm họp).

Trong hai câu đầu, “*pháp*” là nói tới Pháp Tánh, đây là nói về Chân Như bản tánh. Trong Chân Như bản tánh, vạn pháp bình đẳng vì hết thấy các pháp “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Cái có thể hiện, có thể biến (năng hiện, năng biến) là chân tâm của chính mình, cảnh giới được hiện, được biến (sở hiện, sở biến) thực tại là một, chẳng hai. Vì thế nói, “*thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ*” (pháp này bình đẳng, chẳng có cao thấp), đây là thật, là sự thật ngàn vạn phần xác đáng. Các khoa học gia hiện thời tuy chưa kiến tánh, nhưng cũng biết các pháp thế gian bình đẳng, chẳng hai, chẳng khác, vì sao? Các khoa học gia cận đại đã phân tích vật chất, chúng quả thật bình đẳng. Con người thấy kim cương quý báu nhất và bùn đất rẻ rúng nhất, các nhà khoa học phân tích thấy chúng hoàn toàn tương đồng, về căn bản chẳng khác gì nhau. Vật chất cơ bản là một, không hai, chỉ là công thức cấu tạo khác nhau. Phân tích, kim cương là nguyên tử, điện tử, các hạt cơ bản [hợp thành], bùn đất cũng do nguyên tử, điện tử, và các hạt cơ bản hợp thành. Nếu chia nhỏ hơn nữa, chúng đều là năng lượng dao động. Khoa học gia hiểu rõ đạo lý này, hết thấy vạn vật trong thế gian là bình đẳng. Cái gọi là “bất bình đẳng” chỉ là chấp trước của mọi người; rời khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, hết thấy các pháp bình đẳng!

“*Thượng nhi triệt hồ chư thánh*” (trên là thấu đến các vị thánh): Nếu Pháp Tánh thật sự có cao hay thấp, thượng sẽ chẳng thể thấu triệt hạ, hạ chẳng thể thấu triệt thượng. Vì chúng là bình đẳng, nên có thể triệt thượng, triệt hạ. Thượng là Bồ Tát, La Hán, hạ là chư thiên, nhân dân, có thể nhóm họp (“câu”), đại chúng có thể nhóm họp cùng một chỗ. Điều này cũng nói rõ Tây Phương Tịnh Độ là một cõi Pháp Tánh, bốn cõi của nó viên dung. Chúng ta thường nói pháp môn này là “*hoành xuất tam giới*”, nhưng không biết Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng là “*hoành sanh tứ độ*” (sanh vào bốn cõi theo chiều ngang), thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Đúng là pháp khó tin như kinh đã nói.

(Sao) Lương dĩ Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Tứ Đẳng, Lục Độ, Ngũ Giới, Thập Thiện, vạn hạnh phân nhiên, nãi chí bát vạn tứ thiên chư trần lao môn, duy thị nhất tâm, chân thật tánh trung vô sai biệt cố.

(鈔)良以四諦，十二因緣，四等六度，五戒十善，萬行紛然，乃至八萬四千諸塵勞門，唯是一心，真實性中無差別故。

(Sao: Ấy là vì Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Tứ Đẳng, Lục Độ, Ngũ Giới, Thập Thiện, vạn hạnh vô số, cho đến tám vạn bốn ngàn môn trần lao, chỉ là nhất tâm, trong tánh chân thật chẳng sai biệt).

Có thể nói là câu này đã bao quát trọn hết các phương pháp tu học trong Phật môn. Tứ Đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, là pháp tu của Tiểu Thừa Thanh Văn; trong ấy nói tới hai tầng nhân quả: Khổ, Tập là nhân quả thế gian, Diệt, Đạo là nhân quả xuất thế gian. Đức Phật thuyết pháp, nói quả trước, nói nhân sau. Nói quả trước, [quả là] những gì mọi người nay đang tiếp nhận, dễ giác ngộ. Sau đấy lại bảo quý vị, khổ ấy do đâu mà có, nói ra nhân duyên. Nay chúng ta chịu khổ, Khổ do Tập mà có. Tập là tạo tác, mê hoặc tạo nghiệp, đó là Tập. Mê hoặc tạo nghiệp nên mới có khổ quả, tức khổ quả trong lục đạo luân hồi. Chúng ta thấy xuất thế gian cũng giống như vậy. Diệt là quả, diệt gì? Diệt phiền não, diệt sanh tử. Xuất thế gian chẳng có phiền não, chẳng có sanh tử, vì sao có quả báo tốt đẹp dường ấy? Nhân của nó là Đạo. [Đạo trong] Tiểu Thừa là ba mươi bảy đạo phẩm, Đại Thừa là Lục Độ vạn hạnh Bồ Tát đạo. Trong đoạn này, do nói tới Tứ Đế, nói đến mười hai nhân duyên, lại nói Tứ Đẳng, Lục Độ. Ở đây, Tứ Đế, ba mươi bảy đạo phẩm chuyên nói về Thanh Văn đạo là pháp tu của hàng Tiểu Thừa. Mười hai nhân duyên là pháp Duyên Giác, tức là pháp tu của Duyên Giác. Căn tánh Duyên Giác nhạy bén hơn Thanh Văn, họ nghe mười hai nhân duyên bèn giác ngộ.

Mười hai nhân duyên là Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão Tử. Trong mười hai pháp nhân duyên ấy, vừa có nhân vừa có quả, cũng là nói tới tam thế nhân quả. Chẳng hạn như Vô Minh duyên Hành, Vô Minh và Hành là nhân duyên quá khứ. Hành duyên Thức, từ Thức tới Ái, Thủ, Hữu là nhân quả trong đời này, đời hiện tại; sau đó, lão tử là đời sau. Đây là hai tầng nhân quả ba đời. Trước hết, nói đến cái nhân trong đời quá khứ, cái quả hiện tại, lại nói đến cái nhân trong hiện tại, cái quả trong đời sau. Cái nhân hiện tại gồm ba điều Ái, Thủ, Hữu. Vì quý vị có Ái, Thủ, Hữu, nên mới chước lấy đời sau lại phải sanh tử luân hồi, vĩnh viễn chẳng thể ngưng dứt, sanh tử nhọc nhằn!

Ở đây, phải chú ý Vô Minh. Vô Minh được nói đến ở đây chẳng phải là Căn Bản Vô Minh. Nếu là Căn Bản Vô Minh thì người đoạn mười hai nhân duyên vô minh ấy tối thiểu là Pháp Thân đại sĩ, vì sao vẫn là Duyên Giác? Duyên Giác chưa kiến tánh. [Do vậy], vô minh ở đây là Chi Mạt Vô Minh, chưa phải là Căn Bản Vô Minh. Chúng ta thường gọi loại vô minh này là Hoặc Nghiệp Khổ, đây là Hoặc, mê hoặc. Chi Mạt Vô Minh trọn chẳng phải là Căn Bản Vô Minh, cũng là Si, tức si trong tham, sân, si. Si là vô minh, ngu si. Do ngu si nên mới tạo nghiệp, do tạo nghiệp mới có quả báo. Nếu chúng ta muốn đoạn mười hai nhân duyên ấy, nói thật ra, trong đời quá khứ, chúng ta chẳng đoạn được. Thuộc về đời trước thì chúng ta đoạn bằng cách nào? Bởi Vô Minh và Hành là nhân duyên trong đời quá khứ, chẳng có cách nào làm gì được! Năm chi từ Thức đến Xúc thuộc về quả, là quả trong hiện tại. Đã là quả thì cũng không có cách nào thực hiện. Nếu muốn đoạn quả, ta tự sát thì tự sát cũng không được! Tự sát được vài ngày lại đi đầu thai, chẳng thể giải quyết vấn đề! Dầu quý vị đau khổ đến mấy cũng chớ nên tự sát, tự sát chẳng thể giải quyết vấn đề. Không chỉ chẳng thể giải quyết vấn đề, mà ngược lại còn khiến cho vấn đề phức tạp hơn, quả báo trong tương lai càng khổ hơn!

Chỉ có thể đoạn một thứ, tức là đoạn nơi nhân duyên trong hiện tại! Nhân duyên hiện tại là gì? Ái, Thủ, Hữu. Ái là vô minh, Ái là mê hoặc, là khởi hoặc; Thủ và Hữu là nghiệp, là hạnh nghiệp. Nếu quý vị giác ngộ nơi ba phương diện này, sanh tử sẽ đoạn trừ, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. Quý vị thật sự chẳng tham ái đối với hết thảy các pháp thế gian, đời sau quyết định chẳng còn luân hồi. Đây là cội rễ của luân hồi! Ta còn ưa thích cái này, còn nghĩ tới cái kia, thôi rồi! Cội rễ vẫn còn! Quý vị chưa nhổ rễ thì vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Ta chẳng Ái, ta chán ghét, có được hay không? Không được! Chán ghét cũng là Ái! Có sao chán ghét cũng là Ái? Ta không thích kẻ này, ta chẳng muốn gặp hắn, ta thích vĩnh viễn chẳng gặp mặt kẻ ấy, vẫn là Ái! Chư vị phải hiểu, Ái ấy bao gồm cả ưa ghét trong đó! Quý vị ưa thích kẻ khác là Ái, mà chán ghét hắn vẫn là Ái. Vì sao? Ưa thích kẻ khác, ta thích tiếp cận hắn. Chẳng ưa thích hắn, ta thích chẳng phải gặp mặt hắn, thích hắn xa lìa ta. Do vậy, thảy đều thuộc về Ái. Thử hỏi: Chúng ta có cái tâm ấy hay không? Nếu có cái tâm ấy, cội rễ Chi Mạt Vô Minh của quý vị rất mạnh, lục đạo luân hồi rất khó thoát lìa.

Còn có một phương pháp nữa, hay lắm! Chẳng đoạn từ nơi đây, mà đoạn từ Thủ cũng được! Trên thực tế, đoạn Thủ còn khó hơn đoạn Ái! Thủ là gì? Chiếm giữ lấy. Khi quý vị ái, vẫn là ý niệm, còn khi Thủ, ta phải đạt

được, phải nắm trong tay. Đạt được rồi mà buông ra khác hẳn với “đoạn trừ” quan niệm ấy khi chưa đạt được. Nay đã đạt được rồi, quý vị có thể bỏ hay không? Đoạn từ Ái là đoạn nơi Hoặc. Đoạn từ Thủ và Hữu là đoạn nơi hạnh nghiệp. Cuối cùng là Hữu, có thể đoạn từ Hữu là công phu thuộc giai đoạn tối cao. Hữu là gì? Đã có nghiệp, có nghiệp mà có thể tiêu nghiệp, có thể đoạn nghiệp ấy, có thể thấy là công lực càng lớn hơn nữa. Vì vậy, Duyên Giác ra khỏi tam giới, cao hơn Thanh Văn! Trí huệ cao, phương pháp cũng khéo léo, chính Ngài có thể từ ba phương diện Ái, Thủ, Hữu để đồng thời đoạn, hay đoạn một điều trong ấy, vẫn có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, liễu sanh tử, thoát tam giới.

“*Tứ Đăng, Lục Độ*”: Tứ Đăng là nói tới điều gì? Tông Thiên Thai chia Phật pháp thành tứ giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên. Lục Độ là pháp tu của Bồ Tát. Tạng Giáo Bồ Tát tu Lục Độ, Thông Giáo Bồ Tát vẫn tu Lục Độ, Biệt Giáo và Viên Giáo Bồ Tát vẫn chẳng rời Lục Độ. Danh mục Lục Độ tuy tương đồng, cảnh giới khác nhau, ngày càng thù thắng hơn. Lục Độ là Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã. Ngũ Giới, Thập Thiện là pháp nhân thiên. Thọ trì Ngũ Giới có thể đạt được thân người, siêng tu Thập Thiện có thể sanh lên trời. “*Vạn hạnh phân nhiên*” là nói gộp chung Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. “*Bát vạn tứ thiên trần lao*” là gộp chung lục phàm. Tứ thánh lục phàm tuy khác nhau, “*duy thị nhất tâm*” (chỉ là nhất tâm), đều là duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Tâm này làm Bồ Tát thì là Bồ Tát pháp giới. Tâm này làm Thanh Văn thì là Thanh Văn pháp giới. Tâm chúng ta tưởng làm gì bèn hiện pháp giới ấy. Mười pháp giới do nhất tâm biến hiện ra, trở về nhất tâm. Nhất tâm là căn nguyên của vạn pháp, nhất tâm cũng là chỗ quy hướng của vạn pháp.

Trong tánh chân thật, tức là trong Chân Như bản tánh của chúng ta, nói thật ra, chẳng có mười pháp giới khác biệt. Vì vốn chẳng có mười pháp giới sai biệt, cho nên mới có thể thấu triệt mười pháp giới. “*Chân thật tánh trung vô sai biệt cố*” (do trong tánh chân thật chẳng có sai biệt), nên đại chúng đều có thể thông trên, thấu dưới. Điều này được hiển thị trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Từ đại kinh, chúng ta thấy trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đã giảng ba câu rất quan trọng. Thứ nhất là “*Như Lai trụ chân thật huệ*”, đây là nói tới một điều chân thật. Thứ hai là “*tùng Thật Tế lý thể chi sở hiển hóa*” (từ Thật Tế lý thể hiển hiện, biến hóa ra), Thật Tế lý thể là Chân Như bản tánh. Thứ ba là “*huệ dĩ chân thật chi lợi*”, tức là ban cho chúng sanh lợi ích chân thật. Ba thứ chân thật ấy đều xứng tánh, đều nói tới Chân Như bản tánh.

Do vậy, kinh này và kinh Vô Lượng Thọ đều từ chân tánh của đức Phật lưu lộ, là vô thượng pháp bảo, cổ nhân gọi là “*xứng tánh cực đàm*” (lời bàn luận xứng tánh đến tốt cùng). Kinh Hoa Nghiêm xứng tánh, kinh Pháp Hoa cũng xứng tánh, nhưng vẫn chưa thể coi là tốt cùng. Kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ xứng tánh đến tốt bậc, chẳng có gì cao bằng, chẳng có gì viên mãn hơn được! Nhất là trong kinh này, Liên Trì đại sư dùng đoạn xứng lý này để giảng giải, hoàn toàn nói về tự tánh, thật sự là “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”. Đoạn văn tự này quả thật đã hiển thị chân thật, Thật Tế lý thể. Do vậy, thế giới Tây Phương thông trên, thấu dưới, không gì chẳng viên dung, không gì chẳng mỹ mãn, viên chứng ba thứ Bất Thoái, lên trọn bốn cõi. Trong quá khứ, chúng tôi nghĩ thế nào cũng không ra đạo lý này, hiện thời dần dần hiểu rõ, dần dần nhận ra đường nẻo, đúng là pháp hỷ sung mãn, đối với sự tu học và hoằng dương của chúng ta, nảy sinh lòng tin khôn sánh.

(Sao) Long xà hỗn tạp, phàm thánh giao tham, thử gian Phật pháp trụ trì, bỗng lai như thị.

(鈔)龍蛇混雜，凡聖交參，此間佛法住持，本來如是。

(Sao: Rắn rồng hỗn tạp, phàm thánh lẫn lộn, Phật pháp trụ trì trong thế gian này vốn là như thế).

Câu này nói tới hoàn cảnh tu học hiện thời của chúng ta. Đại sư nói đoạn này cũng là vì có một câu chuyện xưa, có nhân duyên. Trong quá khứ, vào đời Đường, có thiền sư Vô Trước lên núi lễ Phật, đến triều bái Ngũ Đài Sơn. Trước đây, lên núi lễ Phật là tham học, không giống như hiện thời. Hiện thời, lên núi chiêm bái là đi văn cảnh, du lịch. Trước đây, lên núi lễ Phật không phải là đi xem phong cảnh, mà là đi tham lễ tri thức, tầm sư, phỏng đạo, vì lễ ấy mà đi. Tâm Sư vô cùng kiên thành, Văn Thù Bồ Tát liền biến hóa thành một cụ già tiếp đãi. Ngẫu nhiên gặp gỡ, thiền sư gặp một cụ già, cụ già ấy hỏi Sư: “Thầy từ phía Nam tới phải không?” “Vâng! Tôi từ phương Nam tới”. Ngũ Đài Sơn ở phương Bắc, cụ lại hỏi: “Phật pháp ở phương Nam duy trì như thế nào?” Thiền sư trả lời: “Tăng ni đời Mạt (là người xuất gia, nam chúng, nữ chúng), ít trì giới luật. Đối với giới luật cũng không coi trọng lắm!” Rất cảm thán thốt lời ấy! Mọi người đều chẳng tuân thủ giới luật, chẳng tuân thủ Thanh Quy. Thiền sư lại hỏi cụ già ấy: “Phương Bắc thì sao?” [nghĩa là] tình hình [tăng ni tu trì] ở phương Bắc của quý vị là như thế nào? Thật ra, cụ già là Văn Thù Bồ Tát bảo Sư: “*Long xà hỗn tạp, phàm thánh giao tham*”. Do vậy, một

câu này của Tổ chính là dùng ngay câu nói do Văn Thù Bồ Tát trả lời thiền sư Vô Trước để nói rõ.

Nay chúng ta sanh nhằm thời kỳ Mạt Pháp. Đối với các thứ hiện tượng chẳng đúng pháp trong thời kỳ Mạt Pháp chớ nên chê trách. Vì sao? Vốn là như thế! Quý vị muốn trách kẻ khác, nói cách khác, chính mình chịu thua thiệt. Vì sao? Tâm ta chẳng thanh tịnh. Chúng ta giữ vững một tông chỉ, ai nấy tự tu hành, mọi người hoan hỷ, như vậy là tốt! Kẻ khác chẳng ngăn ngại ta, ta cũng chẳng trở ngại họ. Họ chí tâm cầu đạo, hễ chúng ta có thể giúp đỡ bèn giúp đỡ. Họ chẳng chịu chí tâm học đạo, chúng ta chấp tay hoan hỷ, là được rồi! Có những người tâm độ chúng sanh rất thiết tha, tâm từ bi vượt trời Phật, Bồ Tát, đúng là nguyện thà chính mình vào địa ngục, hận chẳng thể kéo kẻ khác trở lại! Kéo cách nào cũng chẳng kéo được! Kết quả chính mình bị người ta kéo xuống địa ngục, thật đấy! Đó là sai lầm rất lớn!

Do vậy, chúng ta nhất định phải biết, kẻ có thể tiếp nhận thì giúp đỡ họ; giống như Phật, Bồ Tát tiếp dẫn chúng sanh, người nào căn cơ chín muồi bèn giúp cho người ấy vãng sanh, giúp cho người ấy thành Phật. Chưa chín muồi, bèn giúp cho kẻ ấy chín muồi. Chia thành vài giai đoạn. Kẻ chẳng có thiện căn, giúp họ gieo thiện căn. Nếu chúng ta chia thành vài giai đoạn, vừa nhìn bèn biết người ấy thuộc giai đoạn nào, đó gọi là “*long xà hỗn tạp*”. Kẻ chín muồi là rồng, vì sao? Trong đời này, kẻ ấy phải bay lên trời! Kẻ ấy sẽ thoát khỏi tam giới, liễu sanh tử, sẽ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật, làm tổ. Đó là rồng. Còn có kẻ tuy tin tưởng pháp môn này, nhưng chính kẻ ấy một câu Phật hiệu niệm chẳng đắc lực, suốt ngày từ sáng đến tối vẫn là thị phi, nhân ngã, tham, sân, si, mạn không ngừng tăng trưởng y như cũ! Chúng ta biết kẻ ấy chẳng thể vãng sanh. Tuy chẳng thể vãng sanh, nhưng kẻ ấy có thể niệm Phật, tụng kinh thì vẫn là chuyện tốt, kết duyên với thế giới Cực Lạc! Đời nào, kiếp nào đó trong tương lai, kẻ ấy phát tâm dũng mãnh, tinh tấn, sẽ có thể thành công.

Vì vậy, chư vị phải hiểu, dũng mãnh, tinh tấn chẳng phải là chuyện đơn giản, tuyệt đối chẳng phải là nói cả đêm nay ta luôn niệm Phật, đọc kinh, tụng Phật, ta rất tinh tấn, chẳng phải! Tinh tấn chẳng phải là ý nghĩa ấy! Đó là gì? Quý vị có tấn, nhưng chưa chắc đã tinh! “Tinh” là gì? “Tinh” là trong tâm quý vị chẳng có thị phi, nhân ngã, phiền não, chấp trước, vọng niệm, đó là Tinh. Tinh là tinh thuần, nói cách khác, Tinh là chẳng xen tạp, Tấn là chẳng gián đoạn, phải hiểu rõ ràng điều này. “Tinh” trọng yếu lắm! Ta có thể không xen tạp thì một câu Phật hiệu của ta sẽ vượt trời câu Phật

hiệu của người có Tấn chẳng có Tinh. Chẳng biết một câu Phật hiệu [chuyên tinh] trội hơn bao nhiêu câu [thiếu chuyên tinh]! Mười vạn câu của người ta chưa chắc đã hữu hiệu, chẳng thể hàng phục phiền não, một câu Phật hiệu của người chuyên tinh có thể hàng phục phiền não. Do vậy, Tinh còn quan trọng hơn Tấn!

Quý vị đọc lời Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát giảng trong Tây Phương Xác Chỉ, niệm Phật kỵ nhất là xen tạp. Vì hễ xen tạp, sẽ chẳng thể chuyên tâm, chẳng thể chế phục phiền não, chẳng thể tiêu nghiệp chướng. Do vậy, quý vị phải đạt đến chẳng xen tạp. Chẳng xen tạp: Chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng có vọng tưởng, chẳng có tham, sân, si, mạn, đó là “chẳng xen tạp”. Nếu lúc thật sự đạt được thuần túy, chẳng xen tạp, trong tâm chỉ có một câu Phật hiệu, chỉ có một bộ kinh Di Đà này, trừ điều ấy ra, kinh điển gì cũng đều có thể tạm thời gác lại, đây là tinh tấn thật sự. Tôi muốn nghiên cứu những đại kinh, đại luận thì thấy đều về Tây Phương Cực Lạc thế giới gặp A Di Đà Phật rồi hãy tính, hiện thời chẳng xem, đây là tinh tấn thật sự! Ngày hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới đây!

Tập 119

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm năm mươi sáu:

Nhị, Chánh Tông phân.

二、正宗分。

(Hai, phân Chánh Tông).

Trong phần trước, chúng tôi đã giới thiệu Tự Phần của kinh này, từ hôm nay trở đi, chúng ta bước vào phần Chánh Tông của kinh này. “Tự” (序) là giới thiệu, dẫn nhập, những ý nghĩa trọng yếu nhất trong một bộ kinh đều thuộc bộ phận Chánh Tông Phần này; vì thế, văn tự cũng đặc biệt nhiều, nghĩa lý được nêu bày hết sức tường tận. Trong phần Chánh Tông chia thành bốn đoạn lớn, tức bốn khoa:

1) “Sớ, tường trần y chánh linh sanh tín nhạo” (trước hết, nêu bày căn kẽ y báo và chánh báo để [người nghe] sanh lòng tin ưa) là đoạn thứ nhất, tức khoa mục lớn thứ nhất. Bốn đoạn lớn ấy chẳng ngoài ba món tư lương là Tín - Nguyện - Hạnh. Đoạn thứ nhất trần thuật tỉ mỉ y báo và chánh báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. “Y báo” là hoàn cảnh sống của chúng ta, “chánh báo” là tự thân, trừ thân thể của chính chúng ta ra đều gọi là y báo; người khác là hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau) của chúng ta. Trong hoàn cảnh có hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất, thảy đều là y báo. Nói “chánh báo” là nói tới tự thân của chúng ta, đừng nghĩ hết thảy hữu tình chúng sanh đều là chánh báo, [nghĩ như thế] là sai lầm. Nếu chúng ta thật sự lý giải, thật sự hiểu rõ y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới, tự nhiên sẽ sanh tâm đại hoan hỷ!

Nói thật ra, khá nhiều đồng tu học Phật chúng ta học Phật đã nhiều năm ngàn ấy, dường như ngày nào cũng lần chuỗi niệm A Di Đà Phật, nhưng có hiểu rõ y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới hay không? Chẳng hiểu rõ! Vì sao biết quý vị chưa hiểu rõ ràng? Nếu quý vị thật sự hiểu rõ, một hạt xá-lợi của Thích Ca Mâu Ni Phật khiến cho quý vị động tâm thì Thích Ca Mâu Ni Phật là đại ma vương! Vì sao? Tâm quý vị niệm lâu ngày ngàn ấy, vừa mới niệm đến mức được thanh tịnh chút ít, gặp dịp này, tâm thanh tịnh của quý vị liền bị phá hoại, chẳng còn nữa, điều đó gọi là “ma cảnh hiện tiền”. Vì thế, chư Phật, Bồ Tát quyết định

chẳng đến thế gian này, [bởi] đến đây chẳng có ích gì cho quý vị, nếu đến sẽ hại chết quý vị, vì sao? Quý vị chấp tướng. Phật muốn chúng ta tu gì? Muốn chúng ta tu tâm thanh tịnh, muốn chúng ta thành tựu Niệm Phật tam-muội. Các Ngài đến sẽ khiến cho chúng ta bị quấy động, [thế là] chúng ta chuyện gì cũng xoi hỏng hỏng không!

Quý vị hãy nghĩ xem, chúng tôi giảng kinh, tu học ở chỗ này nhiều năm, tâm mới an định một chút, bị hai hạt xá-lợi từ Tu Lý Lan Kha (Sri Lanka, Tích Lan) biến thành tình trạng ấy, Phật thấy chúng ta thành ra nông nổi này sẽ ư lệ! Đây là điều chẳng nên! Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, quý vị sẽ thấy chân thân của Phật, còn thấy xá-lợi gì nữa! Vì thế, người thật sự niệm Phật trong mười hai thời, giữ được sự thanh tịnh, bình đẳng của chính mình trong hết thủy cảnh duyên, đây mới là có thể đi vào khuôn khổ. Phật lưu lại xá-lợi hoặc lưu lại chân thân, chỉ nhằm khiến cho những kẻ còn chưa tin Phật sẽ sanh khởi lòng tin, dụng ý ở chỗ này. [Đối với người] đã nhập môn, chẳng cần đến thứ ấy nữa! Đối với những kẻ chưa dấy lên lòng tin, đối với xã hội thông tục, xá-lợi rất hiếm lạ, họ đến chiêm ngưỡng, sanh khởi tín tâm. Người đã sanh tín tâm phải tiến cao hơn nữa, chớ nên chấp trước những thứ ấy, chớ nên thoái chuyển, chỉ có tinh tấn, đừng bị lui sụt! Hy vọng chư vị liễu giải ý nghĩa này.

Chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể nghĩ bàn, thường nói là “*tát thọ thanh hư chi thân, vô cực chi thể*” (đều nhận lấy cái thân trong sạch, rộng rang, bản thể vô cực), thân thể trong suốt, chẳng có tí ti ô uế nào! Đã thế, thân ấy chẳng phải có, chẳng phải không, thật sự có hình tướng, nhưng chẳng có gì để quý vị nắm bắt, giống như mây mù. Có mây hay không? Có, nhưng quý vị có thể nắm được nó hay không? Nắm chẳng được. Vì thế, nó có thể “*tương tức, tương nhập*”, sự sự vô ngại. Thân thể hai người có thể hợp thành một, có thể tách rời, vì sao? Chẳng có chướng ngại! Như ánh sáng, như hình bóng, vĩnh viễn bất hoại. Do vậy, đúng là Vô Lượng Thọ, chẳng phải là vô lượng trong hữu lượng, mà thật sự là vô lượng trong vô lượng. Quý vị phải chú tâm lãnh hội điều này!

Đoạn văn này chủ yếu nhằm dạy chúng ta sanh khởi tín tâm và dục vọng ưa thích đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới, thế giới của mười phương chư Phật đều chẳng sánh bằng Tây Phương Tịnh Độ. Nơi tốt đẹp ngàn ấy, chúng ta không chỉ phải đến, mà còn phải đến cho nhanh, phải sớm có ngày đến đó, người thật sự liễu giải nhất định là như vậy.

2) Đoạn lớn thứ hai, “*nhị, chánh thị nguyện hạnh linh tri tu chánh*” (hai, là chỉ dạy thẳng vào nguyện hạnh khiến cho [người nghe] biết tu sửa). Quý vị tin, và cũng rất ưa thích, rất hướng về, rất hâm mộ, đến đó

bằng cách nào? Trong đoạn thứ hai, chánh thức chỉ dẫn, dạy quý vị phát nguyện tu hành, khiến cho quý vị biết tu như thế nào, chứng ra sao, “*chứng*” ở đây là vắng sanh. Vì thế, hai đoạn lớn này trọn đủ ba món tu lương Tín - Nguyện - Hạnh.

3) Đoạn lớn thứ ba, “*tam, giao dẫn Phật ngôn linh đoạn nghi hoặc*” (ba, trích dẫn xen lẫn lời Phật để đoạn nghi hoặc). Đoạn này là sáu phương Phật xung tán. Liên Trì đại sư vẫn xếp đoạn kinh văn này vào phần Chánh Tông; trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư phán định từ chỗ này, [kinh văn] thuộc về phần Lưu Thông. Đó là cách phán định khác nhau của hai vị đại sư đối với kinh này, quan điểm của mỗi vị đều có lý. Trong Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, phần Chánh Tông nói thật ra chính là hai đoạn trước trong phần Chánh Tông của bản kinh này. Ngẫu Ích đại sư chia hai đoạn ấy thành Tín, Nguyện, Hạnh, chia thành ba khoa ấy, phán định phần “*lục phương Phật xung tán*” thuộc về phần Lưu Thông. Cách phán định của Ngài cũng có lý do rất thù thắng. Ngài nói pháp môn này “*duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh*” (chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo), Đẳng Giác Bồ Tát vẫn chưa thể hiểu rõ ràng, rành rẽ pháp môn này, vì thế giới Tây Phương quá sức chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, người nào mới có đủ tư cách lưu thông bộ kinh này? Nói đến “*lưu thông*”, nếu nói theo cách bây giờ, chính là giới thiệu, vì mọi người giới thiệu, đề cao kinh này, ai có tư cách? Người đề cao, giới thiệu nhất định phải hiểu rất rõ ràng, minh bạch kinh này. Chẳng hiểu rõ ràng, cứ hồ đồ giới thiệu với người khác sẽ chẳng thể [làm được]! Vì thế, Tổ nói chỉ có Phật và chư Phật mới trọn đủ tư cách lưu thông, ý nghĩa này cũng hết sức viên mãn!

Nhưng tổ Liên Trì vẫn phán định đoạn kinh văn này thuộc về phần Chánh Tông, Ngài cũng có lý riêng. “*Giao dẫn Phật ngôn*”: Giao (交) là lẫn nhau, sáu phương Phật lần lượt nói, không vị Phật nào chẳng tán thán pháp môn này, không vị Phật nào chẳng hộ niệm bộ kinh này. Sau khi chúng ta đọc xong, quả thật sẽ đoạn nghi hoặc. Tuy đối với phần trước đã nói là có lòng tin ưa, nhưng quý vị chưa chắc đã [có tín nguyện] rất sâu, nay thấy mười phương chư Phật đều tán thán, tín tâm bèn tăng mạnh mẽ hơn, nguyện tâm chẳng thay đổi! Đồng thời, chúng ta cũng có thể hiểu mười phương chư Phật hóa độ chúng sanh đều giảng bộ kinh này. Căn cơ của chúng sanh trong mười phương thế giới khác nhau, hết thấy các pháp môn do chư Phật đã nói chắc chắn cũng chẳng giống nhau, nhưng hết thấy chư Phật không vị nào chẳng giảng kinh Di Đà, đây là điều tương đồng. Hết thấy chư Phật, không vị Phật nào chẳng khuyên con người niệm Phật vắng sanh Tịnh Độ, đây là điểm tương đồng.

Do vậy ta biết pháp môn này là pháp môn được mười phương ba đời vô lượng vô biên chư Phật cùng hoằng dương, chẳng phải chỉ riêng Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta! Chúng ta mới hiểu pháp môn này thù thắng, pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn. Chính mình cũng cảm thấy rất may mắn, chúng ta hữu duyên, có phước báo gặp gỡ bộ kinh này và pháp môn này trong một đời này. Có thể gặp được pháp môn này, chỉ cần chúng ta khéo y giáo phụng hành, chúng ta nhất định có thể thành tựu trong một đời này! Vì vậy, sáu phương cùng tán thán nhằm làm cho tín niệm của chúng ta kiên cố hơn!

4) Đoạn lớn thứ tư, “*tứ, hồ chương nan sự linh nhất thiết cảm phát*” (bốn, lần lượt phơi bày sự khó khăn khiến cho hết thấy đều cảm kích, đầy khởi). “*Hồ chương*” (互彰) là các vị Phật lần lượt nêu bày rõ ràng pháp môn này khó tin, pháp khó tin mà! Chư Phật khen ngợi Thích Ca Mâu Ni Phật có thể thị hiện thành Phật trong đời ác ngũ trược, nói pháp khó tin này. Chư Phật tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng tán thán chư Phật. Chúng ta mới hiểu pháp này thật sự là pháp khó tin, chúng ta được gặp gỡ, có thể tin tưởng, điều này khiến cho chúng ta thật sự phát khởi đạo tâm vô thượng. Từ chỗ này ắt sẽ cảm động, thật sự phát khởi đạo tâm vô thượng. “*Vô thượng Bồ Đề tâm*” là tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Nếu từ kinh văn, chúng ta thật sự cảm động mà phát tâm, tâm ấy là chân thật; nhưng chúng ta thấy các sự thật trước mắt cũng chẳng thấy giống như Liên Trì đại sư đã nói, vì sao? Ai mà chẳng mỗi ngày không niệm kinh Di Đà, có mấy ai thật sự cảm động? Vì sao chẳng thể cảm động? Tuy niệm, chẳng biết nghĩa kinh! Vì thế, tâm quý vị vẫn như như bất động, chẳng bị cảm động. Điều này thật đáng tiếc, khó trách Liên Trì đại sư phải tốn nhiều tinh thần ngàn ấy để chú giải tỉ mỉ, mong sao bản chú giải này sẽ giúp cho quý vị cảm động, có thể thật sự phát tâm, thật sự phát tâm cầu sanh Tịnh Độ.

Các vị đại đức trong Tịnh Tông xưa nay, trong ngoài nước, đều dị khẩu đồng âm chỉ dạy chúng ta phải chuyên tu. Trong chuyên tu, nhất định phải giữ vững ba tín điều:

- Thứ nhất là quyết định “chẳng hoài nghi”, đoạn nghi, sanh tín. Từ khoa mục thứ ba của Liên Trì đại sư, tức “*giao dẫn Phật ngôn linh đoạn nghi hoặc*”, có thể thấy đoạn nghi sanh tín vô cùng trọng yếu, chẳng nghi hoặc!

- Thứ hai, “chẳng xen tạp”, điều này vô cùng khó khăn. Trong Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã khai thị rõ ràng, Ngài

nói người niệm Phật kỳ nhất là xen tạp. Xen tạp là gì? Kẻ ấy tụng kinh, đương nhiên chẳng phải là tụng Tịnh Độ tam kinh. Vì lúc Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát thị hiện, Tịnh Độ chỉ có tam kinh nhất luận, vẫn chưa có tứ kinh hay ngũ kinh, đọc tụng tam kinh nhất luận, chẳng sai, tương ứng với pháp môn này. Nếu quý vị niệm những kinh điển Đại Tiểu Thừa khác bèn gọi là xen tạp, vì sao? Chẳng chuyên! Ta niệm ba kinh này, mỗi ngày nghĩ tới A Di Đà Phật, chẳng khác gì niệm Phật! Tâm ta vẫn đặt nơi A Di Đà Phật, vẫn đặt nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ta niệm kinh Kim Cang là không được rồi! Trong kinh Kim Cang chẳng khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật, chẳng khuyên chúng ta cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; vì thế, không được! Niệm Tâm Kinh cũng không được, trong Tâm Kinh từ đầu đến cuối chẳng có câu nào khuyên quý vị niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì vậy, những thứ ấy đều là xen tạp.

Quý vị vừa tụng kinh, vừa trì chú, trì chú là xen tạp! Người niệm Phật chúng ta, niệm chú bèn niệm Vãng Sanh Chú, trong kinh Tịnh Độ có chú ấy. Chúng ta niệm chú Đại Bi, niệm chú Lăng Nghiêm, hoặc niệm Thập Tiểu Chú đều là xen tạp. Do vậy, chuyên chẳng dễ dàng! Vì quý vị có chuyên, tâm mới thanh tịnh. Trừ tụng kinh, niệm chú ra, còn tham gia pháp hội. Hễ tham gia pháp hội, tiếp xúc người khác cũng nhiều, thị phi, nhân ngã, ưu điểm của họ Trương, khuyết điểm của họ Lý, lại là một đống lớn những thứ tạp nhập, tâm bèn loạn! Thậm chí còn tham Thiền, còn học những pháp môn khác. Lại còn nói tới những chuyện cát, hung, họa, phước chẳng quan trọng, thấy đều là xen tạp. Hễ xen tạp, tâm sẽ không chuyên, tâm chẳng chuyên, tịnh nghiệp chẳng thể thành tựu! Mọi người muốn thành tựu tịnh nghiệp, đích xác là phải giữ vững nguyên tắc này, chẳng xen tạp! Vì thế, chẳng xen tạp vô cùng khẩn yếu!

- Lại còn [điều thứ ba] là “chẳng gián đoạn”. Có thể làm được chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, không ai chẳng thành tựu!

Tôi lại thưa cùng chư vị đồng tu, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng nhập Niết Bàn, Bồ Tát đã bắt sanh bắt diệt, lẽ đâu Phật còn có sanh diệt? Quý vị gặp Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ bảo quý vị: Xả-lợi của ta là giả, lừa quý vị, bởi Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng diệt! Ở đây, tôi nói lời thật với quý vị: “*Phàm những gì có hình tướng, đều là hư vọng*”. Điều đó được gọi là “*hoàng điệp chỉ đề*” (đem lá vàng bảo là vàng ròng để dễ cho trẻ nít khỏi khóc), chẳng phải là quý vị hiểu kỳ u? Được rồi! Biến hiện một chút mới mẻ thích ý để dễ dành quý vị, giống như người lớn lừa trẻ nhỏ. Lợi ích chân thật ở trong kinh điển. Vì thế, đối với Tam Bảo, lúc đức Phật chẳng trụ thế, quan trọng nhất là Pháp Bảo, chúng

ta phải nên thâm nhập. “*Thâm nhập kinh luận, y giáo phụng hành*”, như vậy thì mới thật sự có thể cảm phát, cổ vũ phát khởi tâm Vô Thượng Bồ Đề, cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ.

Sơ, tường trần y chánh linh sanh tín nhạo.

初, 詳陳依正令生信樂。

(*Một, nêu bày căn kẽ y báo và chánh báo để [người nghe] sanh lòng tin ưa*).

Ở đây chia thành hai đoạn vừa.

Sơ, đối cơ. Nhị, thị pháp.

(*Kinh*) Nhĩ thời, Phật cáo trưởng lão Xá Lợi Phất.

初對機。二示法。

(*經*) 爾時佛告長老舍利弗。

(*Một, là đối ứng với căn cơ. Hai là dạy pháp.*

***Kinh*: Lúc ấy, đức Phật bảo trưởng lão Xá Lợi Phất).**

Bộ kinh này rất đặc biệt, vô vấn tự thuyết, tức là không có ai khai thỉnh, đức Phật gọi tên ngài Xá Lợi Phất để nói. Xá Lợi Phất trí huệ bậc nhất trong hàng Thanh Văn. Vì sao đức Phật chẳng nói với người khác? Nói với người khác, người ấy chẳng thể tin tưởng, tín giải! Phải nói với người trí huệ bậc nhất, người ấy nghe xong sẽ có thể tin tưởng. Điều này biểu thị: Người thật sự có thể tin tưởng pháp môn này, có thể phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, nhất định trọn đủ trí huệ chân thật, là bậc thượng thượng căn.

Nay dường như chúng ta tí xíu trí huệ cũng chẳng có, nhưng chúng ta tin tưởng, chẳng hoài nghi, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ; Phật, Bồ Tát thấy quý vị là thượng thượng căn, thật sự là kẻ có trí huệ, vì sao? Nếu chẳng phải là người thật sự có trí huệ, lẽ nào có thể chọn lựa pháp môn này trong vô lượng pháp môn? Đây phải là sự quyết trạch bằng trí huệ. Quý vị chọn pháp môn này, tức là quý vị trúng giải đặc biệt. Giải đặc biệt chỉ có một, bị quý vị rút trúng, chắc chắn thành Phật trong một đời này. Quý vị chọn lựa pháp môn khác, chẳng thể thành Phật trong một đời! Chọn lựa pháp môn này, đời này quý vị đã được định sẵn sẽ thành Phật! Chẳng coi đó là trí huệ, thì điều gì mới được coi là có trí huệ? Nếu chẳng coi đó là thượng thượng căn, kẻ nào mới được gọi là thượng thượng căn?

(Sớ) Thử hạ văn thuộc Chánh Tông.

(疏) 此下文屬正宗。

(Sớ: Từ phần kinh văn này trở đi thuộc vào Chánh Tông).

Từ câu kinh văn này trở đi thuộc về phần Chánh Tông.

(Sớ) Dĩ tiền thị tự dẫn.

(疏) 以前是序引。

(Sớ: Những phần trước nhằm giới thiệu dẫn nhập).

Dẫn dắt để bước vào phần Chánh Tông.

(Sớ) Hậu thị Lưu Thông.

(疏) 後是流通。

(Sớ: Sau phần này là Lưu Thông).

Đây là ba phần của kinh. Lưu (流) là trôi chảy, thông suốt, truyền bá mười phương. Thông (通) là thông đạt, chẳng có chướng ngại, thông đạt ba đời. Vì đức Phật thuyết pháp với bốn nguyện muốn lợi ích mười phương ba đời hết thảy chúng sanh; do vậy, kinh điển nhất định phải được lưu thông. Nay chúng ta thấy có nhiều chỗ chẳng đúng pháp, phía sau kinh điển có in trang giữ bản quyền, “sở hữu bản quyền, in lại ắt truy cứu trách nhiệm”, điều đó có nghĩa là chớ nên lưu thông, chỉ riêng ta có thể lưu thông, người khác chẳng được phép lưu thông! Hễ có ý niệm ấy, dấu kẻ ấy niệm Phật giới giang, tâm niệm thanh tịnh cách mấy, trong tương lai sẽ sanh về đâu? Sanh về địa ngục A Tỳ, chẳng thể sanh trong nhân thiên! Kẻ ấy giới luật tinh nghiêm, tâm địa thanh tịnh, vẫn chẳng thể vãng sanh, chẳng thể sanh trong nhân thiên, vì sao? Chướng ngại đại pháp lưu thông, đoạn huệ mạng của hết thảy chúng sanh, tội ấy to lớn! Vì vậy, các đồng tu chúng ta phải đặc biệt chú ý điều này. Nếu nói tác phẩm này tốt đẹp, chỉ riêng chúng ta lưu thông, chẳng cho người khác lưu thông; nói cách khác, quý vị đã tạo nghiệp địa ngục! Quý vị trái nghịch bốn nguyện của hết thảy chư Phật, xung đột với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, bốn mươi tám nguyện của người ta, nguyện nào cũng đều độ chúng sanh, còn quý vị nguyện nào cũng chẳng cho phép kẻ khác độ chúng sanh, như vậy thì làm sao được! Vì thế, tội lỗi này đúng là vô lượng vô biên!

Ở đây, tôi đặc biệt nhắc nhở các đồng tu, thậm chí đối với những băng thân âm của chúng ta cũng giống như vậy, có thể giúp cho kẻ khác

tin hiểu thì đều phải phát tâm chân thật giúp kẻ khác. Chớ nên nói những thứ này tôi giữ bản quyền, tôi muốn được hưởng bao nhiêu lợi ích, thôi rồi! Cổ nhân gọi [kẻ làm như vậy] là “*buôn bán Như Lai*”, coi Phật pháp như thương phẩm để buôn bán, chẳng thể được! Do vậy, nay chúng ta thấy rất nhiều kẻ gây tạo tội nghiệp mà chẳng biết! Cận đại có những kẻ bảo “*khai miếu điểm*” (mở chùa để buôn bán), chẳng thể bảo người ta nói như vậy là bịa đặt, hủy báng, quả thật là có những kẻ đang làm như thế! Tôi thường nghe người ta nói, hiện thời làm nghề nghiệp ấy, trong các thứ nghề nghiệp, lợi lộc tốt nhất là mở chùa để kinh doanh! Lại chẳng cần phải đóng thuế, kinh doanh rất tốt đẹp, thu nhập cũng khá lắm, cuộc sống rất thoải mái, giàu có! Nhưng quý vị hưởng thụ bất quá cũng là vài chục năm, sau đây sợ rằng đọa trong địa ngục A Tỳ trăm ngàn vạn kiếp chẳng thoát khỏi! Có sao con người cứ phải làm chuyện xuẩn ngốc ấy? Chúng ta phải đặc biệt đề cao cảnh giác điều này.

(Sớ) Duy thử vi nhất kinh sở tông chi chánh nghĩa dã. “Nhĩ thời” giả, đương bỉ lục chủng thành tựu Thời dã. “Phật cáo” giả, kinh vô phát khởi, Phật tự thuyết cố. Lương diêu thử kinh, cứu thế tối cấp, bất sĩ thỉnh cố.

(疏)唯此為一經所宗之正義也。爾時者，當彼六種成就時也。佛告者，經無發起，佛自說故。良繇此經，救世最急，不俟請故。

(Sớ: Đây chính là phân ý nghĩa chánh yếu được đề cao bởi một kinh. “Nhĩ thời” là Thời [thành tựu] trong sáu thứ thành tựu. “Phật cáo”: Kinh không có ai phát khởi, do đức Phật tự nói. Ấy là vì kinh này cứu thế cấp thiết nhất nên chẳng đợi người khác khai thỉnh).

Đức Phật thấy nhân duyên đã chín muồi, nhân duyên đã chín muồi là gì? Đức Phật có Tha Tâm Thông, biết rằng [nếu Ngài] nói ra pháp môn này sẽ có người tin tưởng, có người có thể hiểu, có người chịu phát nguyện niệm Phật vãng sanh, đó là cơ duyên chín muồi. Chẳng cần phải thỉnh, chẳng cần người ta đến lễ thỉnh, đức Phật tự nói ra, có thể thấy tâm độ sanh cấp thiết, mong mỗi quý vị thành Phật ngay lập tức! Phàm phu thành Phật chỉ có pháp môn này! Không chỉ phàm phu thành Phật, mà Bồ Tát thành Phật cũng chỉ có mình pháp này. Từ kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy “*Thập Địa Bồ Tát thí chung bất ly niệm Phật*” (Thập Địa Bồ Tát từ đầu tới cuối chẳng rời niệm Phật), vì sao? Chỉ có niệm Phật mới thành

Phật. Quán Kinh dạy rất hay: “*Thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật*” (tâm này làm Phật, tâm này là Phật). Tâm chúng ta niệm Phật là tâm đang làm Phật, tâm làm Phật thì mới có thể thành Phật, đạo lý ở chỗ này!

(Sao) Phàm ngôn “nhĩ thời”, tất thượng hữu duyên khởi.

(鈔) 凡言爾時，必上有緣起。

(Sao: Hễ nói “nhĩ thời” thì trước đó ắt có duyên khởi).

Hễ trong kinh dùng chữ này, trong phần trước nhất định có “*duyên khởi*”. Sáu món thành tựu trong phần trước của pháp hội là duyên khởi.

(Sao) Cố vân đương bỉ thời dã.

(鈔) 故云當彼時也。

(Sao: Nên nói “ngay trong lúc ấy”).

Nhằm khi ấy!

(Sao) Phật tự thuyết giả, chư kinh giai hữu Thông Biệt nhị tự.

(鈔) 佛自說者，諸經皆有通別二序。

(Sao: “Phật tự nói”: Các kinh đều có hai phần Thông Tự và Biệt Tự).

Giống như trong kinh Vô Lượng Thọ có phần Phát Khởi Tự, đầu tiên là đức Phật phóng quang hiện tướng lành, ngài A Nan trông thấy hết sức kinh hỷ (kinh ngạc, hoan hỷ), lúc đó mới thỉnh giáo, phát khởi như thế đó! Kinh này chẳng có, mà do Thích Ca Mâu Ni Phật trực tiếp bảo cho chúng ta biết về Tây Phương Cực Lạc thế giới, khuyên chúng ta hãy niệm Phật vãng sanh.

(Sao) Thông tắc Chứng Tín, Biệt tắc Phát Khởi. Như Pháp Hoa, tắc bạch hào phóng quang, khởi Nhất Thừa chi giáo.

(鈔) 通則證信，別則發起。如法華，則白毫放光，啟一乘之教。

(Sao: Thông Tự là Chứng Tín Tự, Biệt Tự là Phát Khởi Tự, như kinh Pháp Hoa, bạch hào phóng quang, mở đầu giáo pháp Nhất Thừa).

Trong kinh Pháp Hoa có phần Phát Khởi. Trong hội Pháp Hoa, đức Phật “*tiên phóng bạch hào tướng quang, chiếu vạn bát thiên độ*” (trước hết phóng quang minh từ tướng lông trắng giữa hai mày, chiếu sáng một

vạn tám ngàn cõi nước), [tức là chiếu sáng] một vạn tám ngàn cõi Phật rồi mới bảo ngài Xá Lợi Phất: “*Chư Phật trí huệ, thậm thâm vô lượng. Thập phương Phật độ trung, duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệt vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết*” (Trí huệ của chư Phật rất sâu vô lượng, trong các cõi Phật khắp mười phương, chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai, mà cũng không ba, trừ phi đức Phật nói phương tiện). Có thể thấy nói Tam Thừa hay Ngũ Thừa đều là đức Phật nói phương tiện, chứ chân thật chỉ có một Phật Thừa. Do vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ có pháp Nhất Thừa, chẳng có Nhị Thừa hay Tam Thừa. Đó là nhân duyên phát khởi của kinh Pháp Hoa.

(Sao) Duy Ma.

(鈔) 維摩。

(Sao: Kinh Duy Ma).

Là kinh Duy Ma Cát.

(Sao) Tắc Tỳ Da thị tật, khai Bất Nhị chi đàm.

(鈔) 則毗耶示疾，開不二之談。

(Sao: Thị hiện bị bệnh nơi thành Tỳ Da Ly để mở ra cuộc bàn luận về pháp môn Bất Nhị).

[Sách Diễn Nghĩa giảng]: “*Duy Ma cư sĩ ở Tỳ Da Ly thành, hiện thân hữu tật*” (Cư sĩ Duy Ma thị hiện bị bệnh tại thành Tỳ Da Ly). Đại thành Tỳ Da Ly (Vaisālī)¹²⁴ là nơi cư sĩ Duy Ma thuyết pháp thuở ấy. Ngài thuyết pháp, giả bệnh, tiếng đồn lan truyền cư sĩ Duy Ma mắc bệnh, mọi người đều muốn đến thăm bệnh. Thích Ca Mâu Ni Phật biết cư sĩ Duy Ma bị bệnh, liền sai các đệ tử như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp và các vị đại Bồ Tát cùng tới thăm cư sĩ Duy Ma. Đến chỗ cư sĩ Duy Ma, nếu quý vị đọc kinh Duy Ma đều biết, những vị đệ tử Phật ấy đều là bậc xuất gia A La Hán, thấy cư sĩ Duy Ma cũng đều đánh lễ ba lạy, nhiều quanh cư sĩ Duy Ma ba vòng, chẳng khác gì lễ tiết khi gặp đức Phật!

¹²⁴ Vaisālī là thủ đô của nước Bạt Kỳ (Vajjian), Bạt Kỳ là quốc gia của bộ tộc Ly Xa (Licchavi). Đây cũng là nơi đức Phật thuyết giảng trước khi nhập Niết Bàn. Theo sử ký, thành được đặt tên theo vua Vishal thuộc thời sử thi Mahabharata. Đây cũng là nơi trưởng lão Da Xá triệu tập bảy trăm vị trưởng lão Phật giáo kết tập kinh điển lần thứ hai, tạo thành sự phân khai giữa Thượng Tọa Bộ và Đại Chúng Bộ.

Hiện thời Phật pháp suy vi, suy đến mức cuối cùng sẽ bị diệt vong. Vì sao bị suy vi, diệt vong? Phật môn chẳng đúng pháp. Vì sao chẳng đúng pháp? Hiện thời, vừa xuất gia, khoác lấy loại y phục này bèn tự tôn, tự đại, ta đã xuất gia, người tại gia đều phải hướng về ta đánh lễ, đều phải xá chào ta. Chẳng biết so với kẻ tại gia, người xuất gia phải đọa địa ngục nhiều hơn người tại gia tới chín mươi chín phần trăm! Vì vậy, tôi chẳng sót sáng khuyên kẻ khác xuất gia! Ngay cả các vị đến quy y, tôi đều nói rất rõ ràng: Nếu quy y chẳng đúng pháp, quý vị quy y trong địa ngục A Tỳ! Ngay cả quy y mà còn như vậy, huống gì xuất gia! Vì sao nói quy y sẽ quy y vào địa ngục A Tỳ? “Ta quy y vị pháp sư X...”, “pháp sư X... là thầy của ta”, quý vị bèn đọa địa ngục A Tỳ. Vì quý vị quy y là quy y Tam Bảo, chẳng phải quy y một pháp sư nào đó, vị pháp sư ấy chỉ chứng minh cho quý vị mà thôi! Quý vị cho rằng vị này là sư phụ ta, vị kia chẳng phải là sư phụ ta, sự hòa hợp của Tăng đoàn bị quý vị phân hóa! Quý vị làm sự nghiệp gì vậy? Phá hòa hợp Tăng! Quý vị hãy kiểm xem trong giới luật, “phá hòa hợp Tăng” là tội gì? Phá hòa hợp Tăng là tội Ngũ Nghịch, đọa địa ngục A Tỳ. Vì thế, trong tâm của người thọ quy y [phải nghĩ] ta quy y Tam Bảo, chỉ cần là người xuất gia đều là sư phụ của ta, bình đẳng như nhau, chẳng có phân biệt, Tăng đoàn ấy mới là Tăng đoàn hòa hợp, đây mới là Tăng đoàn của Như Lai. Ngày nay chúng ta chẳng nhìn thấy [điều ấy]!

Mỗi vị pháp sư [thường nói] “đây là đồ đệ của ta, ta có bao nhiêu đệ tử quy y”, biến thành một đảng, một phái, một phạm vi thế lực, một bề lũ của chính mình, trong tương lai cả thầy lẫn trò đều phải đọa lạc! Người xuất gia kiêu căng, ngã mạn. Chư vị hãy suy nghĩ: Phật pháp là phải phá phiền não, phải đoạn phiền não! Ngã mạn là đại phiền não, sau tham, sân, si là mạn; không chỉ chẳng thể đoạn mạn, mà còn tăng trưởng! Chưa xuất gia, tâm ngã mạn còn nhỏ một chút, sau khi xuất gia bèn rất đáng sợ, tâm ngã mạn tăng trưởng! Chưa xuất gia, phiền não ít, nhẹ, có thể vãng sanh, có thể tu hành tốt đẹp, nên vãng sanh đều có tướng lành rất tốt đẹp. Vừa xuất gia, phiền não tăng trưởng, đâm ra dễ nổi nóng; vì thế, đều vãng sanh vào tam ác đạo! Tôi nói với mọi người câu nào cũng là lời chân thật!

Trong các vị Bồ Tát có một vị là Thường Bất Khinh Bồ Tát, tôi nghĩ các vị xem kinh Pháp Hoa đều thấy phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát. Đại khái, vị Bồ Tát này tâm ngạo mạn quá nặng, nên Ngài dùng phương pháp “lễ kính chư Phật” để đoạn trừ tâm ngạo mạn. Trông thấy bất cứ ai, Ngài đều đến đánh lễ, xưng tán. Vì sao? Đoạn trừ sự kiêu căng, ngã mạn của chính mình. Thấy hết thấy chúng sanh Ngài đều đánh lễ, Thường Bất

Khinh Bồ Tát cũng là Đẳng Giác Bồ Tát! Chẳng có Bồ Tát kiêu căng, ngã mạn, mà cũng chẳng có Phật kiêu căng, ngã mạn. Chúng ta thấy các vị thiện tri thức thuộc bốn mươi một địa vị trong kinh Hoa Nghiêm, không vị nào chẳng tự khiêm, tôn kính người khác. Tự mình khiêm hạ, tôn trọng người khác, xưng tán người khác; bởi lẽ, điều thứ nhất trong đức hạnh của Phổ Hiền đại sĩ là “lễ kính chư Phật”. Bản thân chúng ta tu hành nhất định phải hiểu rõ, nhất định phải làm được điều này!

Nếu có may mắn ý niệm khinh mạn người khác, sự vãng sanh của chúng ta sẽ bị chướng ngại, vì sao? Tây Phương Cực Lạc thế giới không có ai chẳng tu hạnh Phổ Hiền. Từ kinh Vô Lượng Thọ chúng ta thấy “*hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền đại sĩ), đều là tu hạnh Phổ Hiền. Phàm ai có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thừa chư vị, đều gọi là Phổ Hiền Bồ Tát. Kinh Hoa Nghiêm nói Phổ Hiền Bồ Tát có ba loại:

- Đương vị Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát.
- Đạo hậu Phổ Hiền đã thành Phật, thả chiếc bè Từ, lui xuống (thị hiện) địa vị Bồ Tát.
- Đạo tiền Phổ Hiền, tức là hàng Pháp Vân Địa cho đến chúng ta là kẻ sơ phát tâm trong hiện tại.

Chỉ cần chúng ta tu mười đại nguyện vương, hành theo mười đại nguyện vương, quý vị là Phổ Hiền Bồ Tát. Do vậy, có thể nói Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới thuần nhất Phổ Hiền Bồ Tát.

Cũng chính vì lẽ đó, trong niên hiệu Hàm Phong đời Thanh, cư sĩ Ngụy Nguyên gộp Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm vào Tịnh Độ tam kinh, trở thành Tịnh Độ tứ kinh. Ông ta nói rất có lý, chẳng phải là nói tùy tiện, quả thật có căn cứ, dựa trên [sự kiện] cuối kinh Hoa Nghiêm “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*” và dựa trên kinh Vô Lượng Thọ “*giai tuân Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (đều tuân thủ đức của Phổ Hiền đại sĩ). Vì thế, ông ta nhận định Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm đối với Tây Phương Tịnh Độ vô cùng trọng yếu. Thời đầu Dân Quốc, Ấn Quang đại sư đem Đại Thế Chí Viên Thông Chương ghép vào sau bốn bộ ấy, trở thành Tịnh Độ ngũ kinh. Ngũ kinh nhất luận là điển tịch Tịnh Độ hoàn bị nhất, chúng ta chỉ cần đọc tụng những kinh điển ấy là đủ rồi, nhưng chúng ta nhất định phải hư tâm (trống lòng).

Thuở ấy, ngài Duy Ma là cư sĩ, tuy là cư sĩ nhưng Ngài giảng kinh, thuyết pháp mỗi ngày; vì thế, quý vị phải hiểu, trong Phật môn, quý vị đọc tác phẩm Nội Học Viện Huấn của Âu Dương Cán Vô, quý vị hãy đọc kỹ lưỡng, ông ta chỉ trích thói xấu trong Phật môn thời Mạt Pháp, mọi người

chẳng coi trọng pháp, mà coi trọng hình thức, chỉ cần hễ xuất gia, mặc loại y phục ấy, bèn coi trọng hình thức, chẳng coi trọng pháp. Sau khi đức Phật diệt độ, pháp là đệ nhất, đó gọi là “*y pháp, bất y nhân*”; trong Tứ Y Pháp, đức Phật bảo rõ ràng: Chớ nghe theo người! Trong Phật môn, từ xưa tới nay, thầy lớn nhất. Ai lớn? Thầy lớn! Thầy chẳng nhất định là tại gia hay xuất gia, không nhất định là nam, nữ, già, trẻ, chỉ cần người ấy giảng kinh, thuyết pháp, đó là thầy! Vị thầy ấy lớn nhất. Trong Phật môn, thầy được gọi là “hòa thượng” (Upādhyāya), Hòa Thượng là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thân Giáo Sư. Phật pháp của ta do vị ấy mà có, vị ấy là Thân Giáo Sư, là hòa thượng của ta.

Do điều này ta biết, thuở đức Phật tại thế, một ngàn hai trăm năm mươi lăm người đã từng nghe kinh từ nơi cư sĩ Duy Ma. Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thầy xuất gia, cư sĩ Duy Ma là vị thầy tại gia. Trong mắt của một ngàn hai trăm năm mươi lăm người ấy, hai vị thầy đáng tôn kính như nhau, chẳng có tâm phân biệt, chẳng có tâm chấp trước, có thể thành tựu đạo nghiệp. Lại nhìn về sau này, Trung Quốc có một vị xuất gia lỗi lạc là pháp sư Huyền Trang. Pháp sư Huyền Trang cầu học tại Ấn Độ mười bảy năm, bái hai vị thầy, bản thân Ngài là người xuất gia, một vị thầy là người xuất gia, tức luận sư Giới Hiền, trụ trì chùa Na Lan Đà, là một vị đại đức lỗi lạc. Vị thầy kia là người tại gia, tức cư sĩ Thắng Quân. Ngài đối xử với cư sĩ Thắng Quân giống hệt như đối với luận sư Giới Hiền, chúng ta phải hiểu rõ điều này thì mới có thể thành tựu.

Nếu quý vị nghĩ ta mặc áo dài tay rộng, ta lớn nhất, tôi khuyên quý vị đừng nên xuất gia, vì sao? Quý vị tại gia có thể thành tựu đạo nghiệp, có thành tựu lỗi lạc. Khi quý vị vừa xuất gia, tự tôn, tự đại, sợ rằng tương lai phải đọa lạc, đạo nghiệp bị chướng ngại, vì sao? Quý vị khinh dễ hàng cư sĩ thật sự có học vấn, có đức hạnh, chẳng chịu học theo họ, thành tựu sự kiên cố ngạo mạn nơi chính mình! Nếu quý vị là thân cư sĩ, sẽ có thể sanh tâm kính ngưỡng, tâm cung kính đối với mỗi vị cư sĩ, chẳng coi thường họ, sẽ có lợi ích rất lớn đối với quý vị. Phật pháp là giáo dục, là giáo dục của Phật Đà, trong giáo dục là tôn sư trọng đạo, thầy lớn nhất! Chúng ta gọi Thích Ca Mâu Ni Phật là Bổn Sư, tức vị thầy căn bản, chúng ta tự xưng là Tam Bảo đệ tử, phải nhớ điều này!

Hiện thời trong thế gian này, quan niệm sai lầm ấy tôi thiếu đã lâu đến năm trăm năm, sai lầm đã lâu trở thành đúng, mọi người đều làm, ngỡ sai là đúng, quả thật đã hại người xuất gia chúng ta thâm trọng! Ngay cả tệ nạn trong chuyện quy y đã bắt đầu từ đời Minh. Chúng ta thấy trong phần sau sách Ngũ Giới Tướng Kinh Tiên Yếu, Ngẫu Ích đại sư đã nói, đúng là

cảm khái muôn vàn, vô cùng đau xót, quy y chẳng đúng pháp, tạo thành sự chia rẽ rã rời trong Phật môn, khiến cho Phật pháp suy diệt. Nói thật ra, những loài yêu ma quỷ quái đều xuất gia trong Phật môn, “*thí như sư tử trùng, hoàn thực sư tử nhục*” (ví như trùng trên thân sư tử lại ăn thịt sư tử). Nói theo thuật ngữ hiện thời là xâm nhập, yêu ma quỷ quái xâm nhập Phật môn, bản thân chúng ta phải phân biệt rõ ràng.

Thuở trước, khi tôi xuất gia cũng có vị pháp sư tiền bối đã bảo tôi: “Ông xuất gia rồi, có sao lại theo học với kẻ tại gia?” Tôi đến Đài Trung theo học với người tại gia. Tôi nói: “*Tôi xuất gia để học Phật pháp, chẳng phải vì điều chi khác. Nếu điều gì tôi cũng chẳng học được, người xuất gia chẳng thể học với người tại gia, tôi sẽ hoàn tục*”. Tôi bảo: “Thầy nói suông chẳng có bằng chứng, nếu thầy viết cho tôi một bài nói rõ người xuất gia chẳng thể học với người tại gia, tôi lập tức hoàn tục. Vì sao? Tôi có thể đăng [lời đoạn quyết ấy] trên Trung Ương Nhật Báo. Tôi có lý do, vì tôi muốn học Phật pháp, thân phận không quan trọng, thầy viết điều ấy cho tôi để tôi hợp báo, người ta sẽ nói tôi hoàn toàn chẳng mắc bệnh thân kinh, vì sao tôi hoàn tục? Tôi vì học Phật pháp mà hoàn tục”. Ông ta đâu dám viết! Ông ta không dám viết thì tôi chẳng cần quan tâm đến, vẫn tới Đài Trung học như cũ!

Nói đến cư sĩ Duy Ma, chúng ta thấy trong sự thị hiện nguyên thủy nhất của Phật pháp có vị thầy xuất gia và vị thầy tại gia. Những vị đại tỷ-kheo, đại A La Hán, đại Bồ Tát đến chỗ trưởng giả Duy Ma thỉnh an, thăm hỏi bệnh tình, thừa dịp này, cư sĩ Duy Ma giảng pháp môn Bất Nhị cho mọi người, khai thị pháp môn Bất Nhị. Ngài dùng phương pháp này để phát khởi. Thật ra, ngài Duy Ma giả bệnh, chẳng phải là thật sự mắc bệnh, lẽ đâu Pháp Thân đại sĩ sanh bệnh? Chẳng thể bị bệnh, thị hiện đó thôi! Dùng phương pháp ấy để lôi kéo kẻ khác đến cho Ngài thuyết pháp.

(Sao) Viên Giác, Kim Cang, dĩ cập chư kinh, đa nhân hữu vấn tại tiên, nhiên hậu Phật vị tuyên diễn.

(鈔)圓覺、金剛，以及諸經，多因有問在先，然後佛為宣演。

(Sao: Trong Viên Giác, Kim Cang và các kinh, phần nhiều do có người đã hỏi trước rồi đức Phật mới tuyên diễn cho những người ấy).

Trong kinh Viên Giác, Văn Thù Bồ Tát khai thỉnh pháp môn của Như Lai trong lúc tu nhân, đây là có người khai thỉnh. Kinh Kim Cang do ngài Tu Bồ Đề khai thỉnh, hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật nêu ra hai câu

hỏi, xin Phật khai thị: “*Vân hà ưng trụ? Vân hà hàng phục kỳ tâm?*” (nên trụ như thế nào? Nên hàng phục cái tâm như thế nào?) Do một hỏi, một đáp [mà giáo pháp] hưng khởi. Đây là nêu rõ pháp hội mỗi lần của đức Phật có nhân duyên khác nhau!

(Sao) Kim kinh bất nhiên, cố vô phát khởi. “Cứu thế tối cấp” giả, mạt thế chúng sanh, căn độn, chướng thâm, giải thoát, Thiên Định, thậm nan khả đắc. Phật dĩ đại bi xuất thử nhất môn, hoành tiết sanh tử, cấp cứu chúng sanh, duy khủng bất cấp, cố bất đãi thỉnh.

(鈔)今經不然，故無發起。救世最急者，末世眾生，根鈍障深，解脫禪定，甚難可得。佛以大悲出此一門，橫截生死，急救眾生，唯恐不及，故不待請。

(Sao: Nay kinh này chẳng giống như vậy, nên chẳng có phát khởi. “Cứu thế cấp thiết nhất”: Chúng sanh đời Mạt căn độn, chướng sâu, giải thoát, Thiên Định rất khó thể đạt được. Do lòng đại bi, đức Phật nêu ra môn này, cắt ngang sanh tử, gấp rút cứu vớt chúng sanh chỉ e chẳng kịp, nên chẳng đợi thỉnh).

Đoạn này nêu rõ nhân duyên phát khởi của kinh này, rất đặc biệt, “*vô vấn tự thuyết*” (không ai hỏi mà tự nói). Nói thật ra, Liên Trì đại sư rất khó có, Ngài đã nói toạc ra sự buốt lòng rất miệng của đức Như Lai. Vì sao đức Phật chẳng đợi người khác hỏi rồi mới nói? Đó là vì “*cứu thế chi cấp*” (gấp rút cứu đời), không có gì gấp rút hơn chuyện này! Nhất là đối với chúng sanh trong thời kỳ Mạt Pháp, nay chúng ta đang sống trong thời Mạt Pháp, chúng sanh thời Mạt Pháp căn tánh chậm lụt, nghiệp chướng sâu nặng, những điều ấy đều là sự thật. Ngày nay chúng ta có quá nhiều tư tưởng, quan niệm, hành vi sai lầm, biết rõ mà cố phạm, đó là nghiệp chướng nặng nề! Hiểu lầm chánh pháp, chẳng thể thật sự lý giải, bị tà tri tà kiến ràng buộc, đây là nghiệp chướng sâu nặng. Vì thế, chẳng đạt được “*giải thoát, Thiên Định*”. “*Giải thoát*” là nói tới chúng quả, [quả] là bốn quả vị trong Tiểu Thừa, tức Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả. Thiên Định: Thời kỳ Tượng Pháp là Thiên Định thành tựu, tham Thiền có thể đắc Định, có thể đại triệt đại ngộ. Trong thời kỳ Mạt Pháp, chẳng thể đạt được những điều ấy! Nguyên nhân khiến chẳng đạt được là do trong tâm người thời kỳ Mạt Pháp có quá nhiều vọng tưởng, vì sao? Mỗi ngày quý vị đọc báo chí, xem TV, nghe radio, chuyện trên toàn thế giới quý vị mỗi ngày đều biết, trong tâm có quá nhiều những ý niệm rồi

beng, muốn ngưng dứt cũng chẳng được! Như xưa kia chẳng có báo chí mà cũng chẳng có TV, tâm người ta dễ thanh tịnh; hiện thời chẳng dễ gì thanh tịnh, đó là hiện tượng nghiệp chướng sâu nặng.

Vì thế, nếu chúng ta chẳng thể thật sự thâm nhập kinh tạng, sẽ thường bị làm lẫn bởi tập tục, ngộ tập tục là chính xác, mọi người đều làm như thế! Lúc tôi còn trẻ, phản đối Phật giáo dữ nhất vì chẳng hiểu biết! Ngõ Phật giáo là mười phần mê tín. Do ở Đại Lục, chỉ nghe nói có niệm kinh, chẳng nghe nói tới giảng kinh. Trái lại, tôi rất khâm phục Cơ Đốc giáo và Y Tư Lan giáo (đạo Hồi), họ thường xuyên giảng đạo, tôi tiếp xúc, thường đến nghe, nghe họ giảng rất có lý! Chẳng có ai giảng Phật giáo cho tôi nghe! Mọi người đều chê Phật giáo là mê tín, đáng nên đả đảo! Tôi cũng ngộ Phật giáo là mê tín. Lúc tôi học Tiểu Học, trường học của chúng tôi là một ngôi chùa. Tại Đại Lục đây lên phong trào toan thu đoạt các tài sản của tự viện để quốc gia làm trường học, cho nên ngôi trường tôi học là một ngôi chùa, đuổi người xuất gia trong chùa đi! Đại Hùng bảo điện dùng làm lễ đường, lấy các gian điện đường bên cạnh làm phòng học. Tất cả tượng Phật, Bồ Tát, tượng thần đều bị giam trong một gian phòng nhỏ, chất đống nơi đó, dán dấu niêm phong. Thầy của chúng tôi vẫn còn chưa đến nổi nào, chưa đốt trụ tượng Phật, chỉ niêm phong chẳng cho học trò đụng vào! Khi bé, tôi rất nghịch ngợm, vì thưở ấy đâu có món đồ chơi nào, chúng tôi trèo cửa sổ vào, coi tượng Phật như đồ chơi, nghịch đến nổi tượng hư hết. Nay nghĩ lại, đó là làm thân Phật chảy máu, tạo tội nghiệp rất nặng. Trong trường học [đề xướng] bài trừ mê tín, tôi là một trong những kẻ tiên phong. Đối diện ngôi chùa ấy có một con suối nhỏ, trên suối có bắc cầu, đối diện cầu là một ngôi miếu thờ Sơn Thần, giống như miếu thờ Thổ Địa, chẳng lớn! Tượng Sơn Thần đắp bằng đất sét, cao khoảng ba thước, tôi tìm mấy đồng học giúp sức, hạ tượng Sơn Thần xuống, khiêng ra ngoài cửa, làm như để ông ta bảo vệ, mỗi ngày tôi ngồi ngay nơi chỗ [đặt ngai thờ của] ông ta để học bài.

Những chuyện ấy đều là do người xuất gia chẳng thể hoằng pháp lợi sanh, chẳng thể giảng rõ ràng, minh bạch Phật pháp, nên mới khiến cho xã hội hiểu lầm Phật giáo, chẳng thể chỉ riêng quở trách những người đó (những kẻ bài xích, hủy diệt Phật pháp) về lỗi lầm ấy! Quý vị nói quý vị tốt đẹp thì tốt đẹp ở chỗ nào? Quý vị phải giảng rõ ràng, minh bạch với người ta. Nói cách khác, người xuất gia phải chịu trách nhiệm phần lớn về nguyên nhân khiến Phật giáo suy vi! Phật giáo truyền đến Đài Loan, mọi người cũng nghĩ Phật giáo là mê tín. May mắn là sau này, các sinh viên các trường đại học hoặc chuyên nghiệp đề xướng phong trào học Phật,

khiến cho nhiều vị giáo sư và học giả đều nghiên cứu Phật pháp, địa vị của Phật giáo tại Đài Loan mới dần dần được nâng cao, mới có thành quả như hiện thời! Một chút thành quả ấy do đâu mà đắc lực? Những vị pháp sư, cư sĩ hoằng pháp lợi sanh tại Đại Lục đều theo chánh phủ tới Đài Loan, do nơi này nhỏ bé, dễ tuyên dương rộng lớn Phật giáo. Đại Lục rộng lớn dường ấy, mấy người [hoằng pháp] chẳng thấm vào đâu! Chỉ có một số rất ít thành thị [hoằng dương Phật giáo], mấy ai hiểu Phật pháp? Đại đa số đều chẳng biết, đều nghĩ Phật giáo là mê tín. Chúng sanh trong đời này nghiệp chướng vô cùng nặng nề, nếu muốn đạt một chút thành tựu trong các pháp môn khác, đúng là rất khó, chẳng dễ dàng.

(Sao) Phật dĩ đại bi xuất thử nhất môn, hoành tiệt sanh tử, cấp cứu chúng sanh, duy kh ủng bất cập, cố bất đãi thỉnh.

(鈔)佛以大悲出此一門，橫截生死，急救眾生，唯恐不及，故不待請。

(Sao: Do lòng đại bi, đức Phật nêu ra môn này, cắt ngang sanh tử, gấp rút cứu vớt chúng sanh chỉ e chẳng kịp, nên chẳng đợi thỉnh).

Liên Trì đại sư và Ngẫu Ích đại sư đều nói pháp môn này do đức Như Lai bi tâm triệt để, nói cho chúng ta biết chính đức Phật thành Phật viên mãn như thế nào, hoàn toàn truyền dạy cho chúng ta, chẳng giữ lại mảy may nào! Pháp môn này là pháp môn chân thật, chẳng phải là pháp môn phương tiện như thường nói! Vì sao chúng ta biết nó là pháp môn chân thật? Do lẽ đó, chẳng đọc đại kinh sẽ không được! Cư sĩ Ngụy Nguyên tán thán Sớ Sao chẳng ngớt, nhưng do Liên Trì đại sư chẳng đồ công nơi kinh Vô Lượng Thọ nên ông ta cảm thấy rất đáng tiếc! Trong lời tựa của bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của chính mình, Ngụy Nguyên đã nói rất rõ ràng, đại kinh trọng yếu như thế mà trải các đời không có ai hoằng dương!

Vì trong đại kinh, kinh văn nói đến ba thứ chân thật: Thứ nhất là “*Như Lai chân thật huệ*”, đó là trí huệ Bát Nhã trong Chân Như bỗn tánh; “*trụ chân thật tế*”, chân thật tế là Pháp Thân lý thể; “*huệ dĩ chân thật chi lợi*” ban cho lợi ích chân thật, “*huệ*” (惠) là huệ thí (惠施: rộng rãi ban cho), bố thí chúng sanh lợi ích chân thật. Lợi ích chân thật là gì? Thành Phật mới là lợi ích chân thật. Tôi dạy quý vị cách này, quý vị dùng phương pháp này sẽ có thể thành Phật, lợi ích ấy mới là chân thật. Tôi dạy quý phương pháp này, quý vị có thể làm Bồ Tát, đó chẳng phải là chân thật thuần túy, chân thật thì nhất định phải là Vô Thượng Bồ Đề. Kinh Vô

Lượng Thọ và kinh này cùng bộ, Đại Bản hay Tiểu Bản mà thôi! Do vậy ta biết phương pháp này chẳng phải là pháp phương tiện, mà là pháp chân thật. Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là pháp phương tiện, chỉ riêng pháp này là pháp chân thật. Thấy chúng sanh cơ duyên đã chín muồi, cho nên mới “*xuất thử nhất môn, hoành tiệt sanh tử*” (nêu ra môn này, cắt ngang sanh tử), vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, quả báo là sanh ngang vào bốn cõi, chẳng thể nghĩ bàn!

“*Cấp cứu chúng sanh, duy khủng bất cập*” (gấp rút cứu vớt chúng sanh chỉ e chẳng kịp), chúng ta thật sự hiểu ý nghĩa này, mới biết ân Phật khó báo, phải như thế nào mới hồng báo ân Phật? Nhất định phải y giáo tu hành, vãng sanh trong ba phẩm thượng mới có thể xứng với Phật, đấy mới coi là báo ân! Đó là nói về mặt tự lợi đối với chúng ta. Kế đó, chúng ta phải cực lực tuyên dương, giới thiệu pháp môn này với người khác, như vậy thì mới có thể báo ân Phật. Nếu không, chẳng có cách nào báo ân Phật; nói cách khác, quý vị tu học các pháp môn khác, vẫn chưa được hưởng ân Phật sâu đậm nhất. Quý vị tiếp xúc pháp môn này, nương theo pháp môn này để tu học, đó là chịu ân Phật sâu nhất, sâu đến cùng cực. Từ mấy câu này có thể nhìn ra bi tâm triệt để của Như Lai; do vậy, Ngài chẳng cần chờ người khác thỉnh.

(Sao) Thí như hữu nhân, tột hoạn ác dương, mạng tại hô hấp, bỉ hữu lương phương, y chi tu chế, diên hoãn nhật thời, dược vị cập thành, mạng dĩ tiên vẫn. Hiện hữu thành dược, nhập khẩu tức hoạt, hữu nhân tâm giả, tức ưng tốc dĩ, thượng hà sĩ kỳ lễ sính ân cần, nhiên hậu đầu tễ.

(鈔)譬如有人，卒患惡瘍，命在呼吸，比有良方，依之修製，延緩日時，藥未及成，命已先殞。現有成藥，入口即活，有仁心者，即應速與，尚何俟其禮聘殷勤，然後投劑。

(Sao: Ví như có người bỗng bị khối u ngất nghèo, mạng sống chỉ trong hơi thở. Kẻ khác có bài thuốc hay, dựa theo đó để bào chế, thời gian dây dưa, thuốc chưa kịp chế thành công, mạng đã đứt trước. Nay có thuốc đã chế sẵn, uống vào liền sống, người có lòng nhân ái nên nhanh chóng trao cho, cần gì phải đợi người ta lễ thỉnh ân cần rồi mới trao thuốc).

Chỉ dùng một tỷ dụ để nói. Ví như có người bị lở loét ngất nghèo, “*dương*” (瘍) là ác tật (bệnh ngất), độc sang (ghẻ độc), khối u ác tính,

mắc chứng bệnh này, mạng sống chỉ còn trong hơi thở, thấy người ấy sẽ chết ngay lập tức. Có cách nào trị hay không? Có phương pháp! Nhưng quý vị còn phải chẩn đoán, còn phải đi hái thuốc, còn phải chế luyện. Ôi chao! Quý vị bào chế thuốc chưa thành công, người ấy đã chết từ lâu rồi, chẳng kịp chạy chữa! Điều này giống như chúng sanh chúng ta trong thời Mạt Pháp hiện nay, nói thật thà, “*luong phuong*” (phương thuốc hay) là nói đến các pháp môn khác, có tốt hay không? Tốt chứ! Tuy tốt, nhưng chữa chẳng kịp! Thọ mạng của chúng ta quá ngắn, đại nạn hiện tiền.

Mấy hôm nay, trong hội nghị thượng đỉnh Mỹ và Liên Xô¹²⁵, mọi người xem ra rất vui vẻ, tôi chẳng nghĩ như vậy, tôi có cách nhìn khác với mọi người, tôi cảm thấy lòng người trên toàn thế giới đã biến đổi, lòng người khác thường, đạo đức trụy lạc, chẳng thể nào có chuyện đại thánh đại hiền xuất hiện trên thế gian. Khi vị chúa cứu thế thật sự xuất hiện trên thế gian, đó là lúc nào? Tâm thái của hết thảy chúng sanh đều có thể sửa lỗi đổi mới, đều có thể sám hối hướng thiện, khi ấy sẽ có bậc đại thánh đại hiền xuất hiện, thật sự làm vị chúa cứu thế. Hiện thời, chúng sanh đều có tâm thái gặp nạn, đại kiếp nạn sắp xảy ra, há có thánh nhân xuất hiện cứu thế? Đây là chỗ tôi hoài nghi. Do Phật môn điều gì cũng nói đến nhân quả, quý vị phải nhìn từ nhân quả.

Đại chiến nguyên tử có thể hoãn lại vài năm cũng tốt, chúng ta liều mạng nỗ lực niệm Phật! Đến khi đại chiến bùng nổ, chúng ta có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nên cũng chẳng bận tâm. Vì thế, mọi người nhất định phải giành lấy thời gian, nỗ lực học Phật, phải nỗ lực tu phước trong khoảng thời gian này, vì sao? Tới khi tai nạn xảy đến mới nghĩ tu phước, chẳng kịp đâu! Chẳng có nơi nào để tu cả! Tu phước cũng phải có phước báo, người thiếu phước báo muốn tu phước cũng chẳng tu được. Giành ngay lúc có thể tu phước, chúng ta liều mạng tu phước; chớ nên chờ đến lúc cơ duyên chẳng còn, muốn tu phước chẳng được, lúc đó cũng rất khổ sở!

Người ấy bệnh tình nguy ngập, nhưng nay đã có thuốc chế sẵn, chữ “*thành dược*” tỷ dụ pháp môn này, tỷ dụ pháp môn tín nguyện niệm Phật, pháp môn này quả thật có thể cứu trọng bệnh của quý vị, “*nhập khẩu tức*

¹²⁵ Đây là cuộc hội nghị thượng đỉnh Mỹ - Liên Xô tại Geneva (Thụy Sĩ) giữa tổng thống Ronald Reagan và tổng bí thư Mikhail Gorbachev vào ngày 19 và 20 tháng Mười Một năm 1985 nhằm thảo luận vấn đề cắt giảm vũ khí nguyên tử, hỏa tiễn, cam kết đôi bên không chủ động tấn công trước. Cuộc họp thượng đỉnh này mở đầu một loạt những cuộc họp thượng đỉnh giữa Mỹ và Liên Xô trong các năm sau đó cho đến khi Liên Xô sụp đổ vào năm 1991.

hoạt” (uống vào liền sống). “*Hữu nhân tâm giả, tức ưng tốc dữ*” (người có lòng nhân ắt liền nhanh chóng trao cho), người có lòng nhân tỳ dụ Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, có còn phải đợi kẻ khác thỉnh hay chẳng? Chẳng cần. Chờ người ta đến khai thỉnh, lòng nhân của quý vị bị sút mẻ, thấy chúng sanh khổ sở ngàn ấy, biện pháp này có thể cứu, bèn lập tức ban cho! Không cần chờ người khác lễ thỉnh, không cần chờ kẻ khác ân cần cầu pháp, cho quý vị liền! Không cầu mà cho ngay; nhưng người thế gian lạ lắm, họ chẳng cầu mà quý vị ban cho, họ bèn xem thường! [Họ sẽ nghĩ] nói chung, thứ ấy vô giá trị, phải là thứ ân cần khẩn cầu, dầu cầu mà vẫn chẳng cho, thứ ấy sẽ tuyệt vời lắm, giá trị nhất định rất cao! Mang quan niệm sai lầm.

Đây là người thế gian mê hoặc, điên đảo, chẳng phân biệt đúng - sai, thiện - ác, coi người tốt là kẻ xấu, ngõ kẻ xấu là người tốt. Kẻ ấy dùng đủ mọi thủ đoạn lừa gạt họ, [vẫn nghĩ] người này thật tốt. [Đối với] người thật sự nghĩ yêu thương, che chở, cứ sợ người ấy có mưu toan, sợ trong tương lai người ấy sẽ chiếm đoạt tiện nghi của ta, ta phải đề phòng, phải cẩn thận. Chẳng tin tưởng chánh pháp, vừa nghe tà pháp bèn lập tức tiếp nhận! Hiện thời, tà pháp hung hăng, ngang ngược, thế lực rất lớn, chánh pháp chẳng có mấy ai nghe, chúng ta có cơ duyên nghe chánh pháp, há nên chẳng quý trọng?

(Sao) Phật cứu chúng sanh, ý diệc như thị.

(鈔) 佛教眾生，意亦如是。

(Sao: Phật cứu chúng sanh, cũng mang ý nghĩa như vậy).

Phật độ chúng sanh giống như người có lòng nhân từ, thấy người ta bệnh tình nguy kịch đến nông nỗi ấy, tự mình biết loại thuốc nào bèn lập tức trao cho, cũng không cần nói đến chuyện báo đáp, cũng chẳng cần nói tới lễ tiết, mau mắn trao cho người ấy, cứu mạng người ấy là chuyện khẩn yếu! Bộ kinh này, pháp môn này là tiên đơn cứu mạng của chúng ta, [bắt cứ] tai ương hoạn nạn gì hiện tiền, chúng ta có thể miễn trừ hết thảy tai nạn, cầu sanh Tịnh Độ, thành Phật trong một đời. Ngày hôm nay chúng ta giảng tới chỗ này!

Tập 120

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai trăm năm mươi chín:

(Sớ) Vân: Chư kinh vô luận, chỉ như bốn giáo nhị kinh, giai hữu phát khởi, kim kinh hà độc bất nhiên? Đáp: Ý di thiết cố, diệc thị bất phát khởi chi phát khởi cố.

(疏)問：諸經無論，只如本教二經，皆有發起，今經何獨不然。答：意彌切故，亦是不發起之發起故。

(Sớ: Hỏi: “Các kinh chẳng bàn tới, chỉ riêng hai kinh thuộc giáo này đều có phần phát khởi, có sao riêng mình kinh này chẳng vậy?” Đáp: Do ý càng thiết tha, cũng là chẳng phát khởi mà phát khởi vậy).

Đây là Liên Trì đại sư giả lập một nghi vấn, trên thực tế, cũng có thể có nghi vấn này. “Chư kinh” là các kinh khác, chúng ta chẳng bàn tới, chỉ nói tới Tịnh Độ tam kinh, kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh đều có phần Phát Khởi, có sao Tiểu Bản A Di Đà Kinh không có ai phát khởi? Nêu ra một câu hỏi như thế, Liên Trì đại sư giải đáp: “Ý di thiết cố” (do ý càng thiết tha)!

(Sao) Bốn giáo nhị kinh giả, Thập Lục Quán Kinh dữ thử kinh Đại Bản.

(鈔) 本教二經者，十六觀經與此經大本。

(Sao: “Hai kinh thuộc giáo này” là Thập Lục Quán Kinh và Đại Bản của kinh này).

Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ.

(Sao) Giai chuyên thuyết Tịnh Độ, cố xưng bốn giáo.

(鈔) 皆專說淨土，故稱本教。

(Sao: “Đều chuyên nói về Tịnh Độ nên gọi là “bốn giáo”).

Đây là Tịnh Độ tam kinh, thời Liên Trì đại sư, kinh điển chuyên về Tịnh Độ Tông là tam kinh nhất luận. Nay chúng ta thấy kinh luận Tịnh Độ là ngũ kinh nhất luận, thêm vào Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm và Đại Thế

Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương. Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm do cư sĩ Ngụy Nguyên thêm vào dưới đời Thanh trong niên hiệu Hàm Phong, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương do Ấn Quang đại sư thêm vào đầu thời Dân Quốc, nên mới biến thành Tịnh Độ Ngũ Kinh. Nói cách khác, cuối phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên là “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”, đương nhiên có thể nói là kinh điển Tịnh Độ! Không chỉ là kinh điển Tịnh Độ, mà còn là kinh điển rất trọng yếu trong Tịnh Độ Tông. Trong Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương đã nêu ra cương lĩnh tu học vô cùng trọng yếu. Thời Liên Trì đại sư, Tịnh Độ vẫn chỉ có ba kinh. Vì thế, hễ nhắc tới [kinh điển Tịnh Độ] đều không nói ngũ kinh. Chẳng nói tới những kinh điển khác trong bốn giáo, chỉ nói “*bốn giáo nhị kinh*”.

(Sao) Quán Kinh, tặc Vy Đề thương tử ác nghịch, yếm trước cầu tịnh, nhi viết: “Ngã nguyện sanh thanh tịnh thế giới, bất nhạo thử Diêm Phù Đề trước ác thế” dã. Thị dĩ Xà vương mẫu tử vi phát khởi cố.

(鈔)觀經，則韋提傷子惡逆，厭濁求淨，而曰我願生清淨世界，不樂此閻浮提濁惡世也。是以闍王母子為發起故。

(Sao: Quán Kinh thì bà Vy Đề Hy đau lòng vì con ác nghịch, chán cõi trước, cầu cõi tịnh, bèn nói: “Nguyện sanh về thế giới thanh tịnh, chẳng thích đời trước ác trong cõi Diêm Phù Đề”; đây là dùng mẹ con vua A Xà Thế để phát khởi).

Đây là nhân duyên phát khởi của Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh.

(Sao) Đại Bản, tặc Thế Tôn nhất nhật dung nhan dị thường.

(鈔)大本，則世尊一日容顏異常。

(Sao: Đại Bản thì một hôm đức Thế Tôn dung nhan khác lạ).

“*Dung nhan dị thường*” tức là vô cùng hoan hỷ, Phật dùng sự hoan hỷ để phát khởi, hiện tướng lành hoan hỷ khôn sánh, tôn giả A Nan trông thấy.

(Sao) A Nan vấn ngôn: “Ngã tùng thị Phật, vị tăng hoạch đồ oai dung, hữu như kim nhật”.

(鈔)阿難問言：我從侍佛，未曾獲睹威容，有如今日。

(Sao: A Nan hỏi: “Con từ khi hầu Phật đến nay, chưa từng được thấy oai dung giống như ngày hôm nay”).

A Nan trông thấy vô cùng kinh ngạc, lạ lùng, Ngài nói: “Con hầu Phật đã lâu như thế, trước nay chưa hề thấy đức Phật vui sướng giống như ngày hôm nay”. Do vậy, quý vị phải hiểu đức Phật nói kinh này vô cùng hoan hỷ.

(Sao) Khởi phi niệm quá khứ chư Phật, hoặc niệm vị lai chư Phật, cố trí nhiên da?

(鈔) 豈非念過去諸佛，或念未來諸佛，故致然耶。

(Sao: Há chẳng phải là nghĩ tới quá khứ chư Phật hoặc vị lai chư Phật nên mới thành ra như vậy ư?)

A Nan suy nghĩ vì sao đức Phật hoan hỷ ngàn ấy? Nhất định là do niệm Phật, chỉ có niệm Phật mới là hoan hỷ nhất, bèn hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật thỉnh giáo.

(Sao) Thiện tai A Nan, hữu chư thiên giáo nhữ lai vấn? Nhữ tự vấn da?

(鈔) 善哉阿難，有諸天教汝來問？汝自問耶？

(Sao: Lành thay A Nan! Có chư thiên dạy ông hỏi? Hay là ông tự mình hỏi?)

Đức Phật nghe A Nan hỏi, hỏi cũng vô cùng vui vẻ, bèn hỏi ngược lại: “Có phải là chư thiên bảo ông hỏi hay chẳng? Hay do chính ông tự hỏi?”

(Sao) Nhữ sở vấn giả, thắng bố thí nhất tứ thiên hạ Thanh Văn, Duyên Giác, chư thiên, nhân dân, nữ chí quyên, nhuyễn, kinh u lũy kiếp, thượng bách thiên vạn bội, bất khả dĩ cập.

(鈔) 汝所問者，勝布施一四天下聲聞緣覺諸天人民，乃至蜎蟻，經於累劫，尚百千萬倍，不可以及。

(Sao: Lời ông hỏi [có công đức] trôi hơn bố thí cho Thanh Văn, Duyên Giác, chư thiên, nhân dân, cho đến các loài cựa quậy, bò toài trong bao nhiêu kiếp, dầu trăm ngàn vạn lần vẫn chẳng thể sánh bằng).

Do lời hỏi này của A Nan, đức Phật liền giảng cho chúng ta pháp môn Trì Danh Niệm Phật. Nói ra pháp môn ấy sẽ độ chẳng biết bao nhiêu chúng sanh? Chư vị nhất định phải biết, tuy trong Phật pháp thường nói “*pháp pháp bình đẳng, vô nhị, vô biệt*” (pháp nào cũng bình đẳng, chẳng hai, chẳng khác), Phật pháp xác thực là bình đẳng, bình đẳng là nói theo Lý. Nói theo Lý là bình đẳng, nhưng nói theo Sự bèn bất bình đẳng. Đối với sự bất bình đẳng ấy, nói thật ra, chẳng phải là Phật pháp bất bình đẳng, mà do chúng sanh chúng ta bất bình đẳng. Vì vậy, hết thảy Phật pháp có khó và dễ, các pháp môn khác khó tu, những kẻ căn tánh kém hèn như chúng ta, nghiệp chướng nặng nề, chẳng có cách nào tu được, tu suốt đời vẫn chẳng thể thành công. Pháp môn này đơn giản, dễ tu học, có thể nói là lục đạo phàm phu đều có phần.

Nếu pháp này dễ tu, mà trong tương lai thành tựu quả báo chẳng thù thắng gì hết thì cũng rất đáng tiếc, chẳng thể coi là viên mãn. Nếu vừa dễ vừa có quả báo thù thắng nhất, pháp môn này thật sự là viên mãn rất ráo. Có pháp môn ấy hay không? Có! Như pháp môn Trì Danh Niệm Phật được giảng trong kinh Di Đà, pháp môn ấy thù thắng khôn sánh, thực hiện dễ dàng, thành công cao, thật cao! Cao đến mức độ nào? Cao đến thành Phật, cao đến mức triệt chúng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác; vì thế, đức Phật hoan hỷ.

Mười phương hết thảy chư Phật đều lấy độ chúng sanh làm bản hoài, chư Phật thật sự mong mỗi hết thảy chúng sanh, ước gì các người lập tức thành Phật, đây mới là bản nguyện độ chúng sanh của Phật, trọn chẳng mong quý vị trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, trải qua vô lượng kiếp rồi mới dần dần thành tựu. Nói thật ra, bản nguyện của Phật là mong mỗi chúng ta lập tức thành Phật. Pháp môn Di Đà này là tâm nguyện của chư Phật, A Di Đà Phật đã thực hiện được tâm nguyện của chư Phật trong ấy! Mong mỗi quý vị mau chóng thành Phật, mau đến mức độ nào? Kinh nói từ một ngày cho đến bảy ngày, quý vị xem còn có pháp môn nào khác nhanh hơn pháp môn này? Khó hay không? Chẳng khó! Trong bốn mươi tám nguyện có nói “mười niệm vãng sanh”, “một niệm vãng sanh”, chuyện này quả thật chẳng khó, mười niệm hay một niệm đều có thể vãng sanh.

Nhưng nếu quý vị muốn vãng sanh làm Phật trong một đời này, phải nghiên cứu cặn kẽ những lý luận trong ba kinh ấy, phải tham chiếu lẫn nhau, chỉ đọc một bộ kinh sẽ chẳng viên mãn, hợp ba kinh lại để xem sẽ liễu giải. Kinh Vô Lượng Thọ là kinh Tịnh Độ bậc nhất, nội dung giảng về duyên khởi của Tây Phương Cực Lạc thế giới, Tây Phương Cực Lạc thế giới do đâu mà có? Do nhân duyên gì mà có? Thành tựu ra sao? Giảng

cho chúng ta biết những chuyện ấy! Nói tới lịch sử, tình huống đại lược và thành tựu của Tây Phương Cực Lạc thế giới, bảo cặn kẽ những chuyện này cho chúng ta biết. Nhưng tông chỉ của kinh Di Đà là khuyên chúng ta phát nguyện niệm Phật cầu vãng sanh; vì thế, tông chỉ là “khuyến tín, khuyến nguyện, khuyến hạnh”. Tông chỉ của kinh Quán Vô Lượng Thọ là giảng về phương pháp Niệm Phật; vì vậy, rất trọng yếu, giảng về nhân quả của ba bậc chín phẩm trong thế giới Cực Lạc, chúng ta dùng cái nhân gì để tu, trong tương lai đến Tây Phương Cực Lạc thế giới chứng phẩm vị như thế nào? Do vậy, ta biết ba kinh quả thật có những chỗ khác nhau. Hợp ba kinh lại để xem, sự liễu giải của quý vị đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới mới viên mãn. Nếu có thể xem thêm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm và Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương sẽ càng viên mãn hơn, tín tâm càng thanh tịnh, kiên định hơn, vãng sanh Tịnh Độ chắc chắn thành tựu trong một đời này.

Vì thế, công đức do lời hỏi của ngài A Nan đúng là vô lượng vô biên, khiến cho Thích Ca Mâu Ni Phật dạy cho chúng ta biết Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, đức Phật nói câu hỏi ấy còn hơn “*bồ thí chư Thanh Văn, Duyên Giác trong một tứ thiên hạ*”, Thanh Văn, Duyên Giác đều là người chứng quả, cúng dường A La Hán, cúng dường Bích Chi Phật quả báo chẳng thể nghĩ bàn. “*Chư thiên, nhân dân*”: Chư thiên là các vị trời trong hai mươi tám tầng trời, cùng với loài người chúng ta, cho đến lục đạo chúng sanh. “*Quyên nhuyễn*” là súc sanh đạo, ở đây là nói về lục đạo chúng sanh. Người ấy bồ thí bao lâu? Thời gian dài lâu, “*kinh ư lũy kiếp, thượng bách thiên vạn bội, bất khả dĩ cập*” (trải bao kiếp dài lâu, dầu trăm ngàn vạn lần vẫn chẳng thể sánh bằng), vẫn kém hơn! Bao kiếp dài lâu cúng dường Bích Chi Phật, A La Hán, bồ thí lục đạo chúng sanh, bồ thí nhiều kiếp dài lâu vẫn chẳng bằng công đức hỏi Phật lần này của ngài A Nan. Công đức ấy nhiều đến nỗi chẳng có cách nào diễn tả được!

(Sao) Sở dĩ giả hà?

(鈔) 所以者何。

(Sao: Vì có sao vậy?)

Vì sao lời hỏi này có công đức to ngàn ấy?

(Sao) Chư thiên nhân dân, nãi chí quyên nhuyễn, giai nhân nhữ vấn nhi đắc độ thoát.

(鈔) 諸天人民，乃至蜎蠕，皆因汝問而得度脫。

(Sao: Chư thiên, nhân dân, cho đến các loài cựa quậy, bò toài đều nhờ câu hỏi của ông mà được độ thoát).

A Nan vừa hỏi, đức Phật liền giảng pháp môn này! Tuyệt lắm! Mọi người đều đắc độ trong một đời này. Sự đắc độ ấy chẳng phải là tầm thường, mà là đắc độ thành Phật. Các Thanh Văn, Duyên Giác, lục đạo phàm phu thầy đều thành Phật, quý vị nghĩ xem công đức ấy nhiều cỡ nào? Tuyệt đối chẳng phải là công đức do bao kiếp cúng dường A La Hán, Bích Chi Phật, và lục đạo chúng sanh có thể sánh ví được, không có cách nào so sánh! Chúng ta hiểu rõ chuyện này, quý vị biết nay chúng ta niệm A Di Đà Phật công đức chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta khuyên người khác niệm Phật, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chư vị còn có thể phát tâm đi giảng kinh Di Đà, giảng Tịnh Độ ngũ kinh, khuyên khắp mọi người niệm Phật, công đức ấy, thưa quý vị, sẽ giống như công đức của ngài A Nan, quyết chẳng thể kém hơn A Nan! Chư vị phải phát tâm, chớ nên nói: Ta thiếu tài ăn nói, cũng chưa từng học hành, thiếu học vấn. Chuyện ấy chẳng quan trọng, chỉ cần quý vị phát tâm, oai thần của A Di Đà Phật và mười phương chư Phật gia trì quý vị, quý vị ngay lập tức trở thành biện tài vô ngại. Quý vị không chịu phát tâm sẽ chẳng có cách nào hết! Quý vị chịu phát tâm, đích xác là sẽ rất nhanh chóng trọn đủ trí huệ, thần thông, và đạo lực.

Trong quá khứ tôi theo thầy Lý học giảng kinh tại Đài Trung. Chúng tôi có một vị lão đồng học, tôi vẫn vô cùng cảm kích bà ta, vì tôi thấy bà ta phát tâm giảng kinh, tôi mới phát tâm. Tôi chẳng hề dấy lên ý niệm phát tâm đi giảng kinh. Thầy Lý mở lớp dạy học, trong số đó, một đồng học lớn tuổi nhất là cư sĩ Lâm Khán Trị, lúc ấy đã sáu mươi mấy tuổi, học xong Tiểu Học, vẫn học giảng kinh nơi ấy dốc chí gắng sức. Lúc đó, chúng tôi tuổi trẻ, trông thấy bà ta đã sáu mươi mấy tuổi, chúng tôi mới ba mươi tuổi. Bà ta hơn tôi ba mươi tuổi, học hết Tiểu Học, còn tôi đã tốt nghiệp Trung Học, học vấn cao hơn. Bà ta có thể làm được, vì sao tôi chẳng làm? Do vậy, mới dấy lên ý niệm giảng kinh, tham gia lớp học của thầy Lý, cùng học tập với mọi người, thấy chẳng khó cho lắm!

Bà Lâm Khán Trị học thành công, năm nay đã gần chín mươi tuổi, hiện vẫn còn sống tại Đài Trung. Bà suốt đời giảng kinh, pháp duyên thù thắng, phía Bắc cho đến Tân Trúc, phía Nam cho tới Lộ Cảng, mỗi tuần bà ta phải giảng vài lần, đúng là chẳng vui lắm sao? Công đức ấy rất lớn. Chúng tôi là những đồng học trẻ tuổi thật sự phát tâm nỗ lực học tập đều do chịu ảnh hưởng bởi bà ta. Vì thế, chỉ học xong Tiểu Học, sáu mươi tuổi

vẫn chẳng muộn, vẫn có thể học, sau khi học, giảng suốt hai mươi năm vẫn chẳng có vấn đề gì! Cư sĩ Lâm Khán Trị đúng là gương tốt cho chúng ta, chúng ta phải học tập bà ta, công đức ấy vô lượng vô biên.

Giảng Tịnh Độ ngũ kinh, hoàng dương pháp môn Niệm Phật, hết thầy chư Phật không vị nào chẳng hoan hỷ, hết thầy chư Phật không vị Phật nào chẳng gia trì quý vị, vì sao? Phù hợp bốn hoài của Phật! Thập phương tam thế Phật, nói thật thà, dùng phương pháp gì để độ chúng sanh? Dạy chúng sanh mau chóng thành Phật? Chính là phương pháp Niệm Phật. Có những chúng sanh chẳng tin phương pháp này, chẳng thể tiếp nhận, đức Phật mới dùng phương pháp khác. Phương pháp này là chánh thuyết của Như Lai, tám vạn bốn ngàn pháp môn khác là biệt thuyết của Như Lai, chẳng phải là chánh thuyết. Chánh thuyết quý vị không tin, lại phải đi đường vòng, giảng cho quý vị pháp môn khác. Nói pháp môn khác, quý vị tu học theo đó phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, hoặc vô lượng kiếp mới có thể thành Phật. Chánh thuyết pháp môn này, nếu quý vị tin tưởng, quyết định thành Phật trong một đời này!

Từ Vãng Sanh Truyện và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, chúng ta thấy thường là người tu học pháp môn này khoảng từ ba năm tới năm năm bèn thành công, quyết định vãng sanh. Quý vị thấy tướng hảo lúc họ ra đi! Biết trước lúc mất, tuyệt đại đa số là trước một tháng biết sẽ ra đi vào ngày nào, còn có khi biết trước ba tháng sẽ đi vào ngày nào, người ấy cũng chẳng sanh bệnh, tới lúc đó, sẽ cáo biệt người nhà quyến thuộc: “Ngày hôm nay tôi sang Tây Phương Cực Lạc thế giới”, tiêu dao tự tại, đến đi như thường! Bao nhiêu gương trong pháp môn này bày ra trước mắt mà chúng ta vẫn chẳng tin, chẳng còn cách nào cả! Đó là đúng như kinh đã dạy, nghiệp chướng sâu nặng, tội nghiệp sâu nặng, chẳng tin tưởng! Thật sự chịu tin tưởng, chịu phát nguyện, chịu niệm Phật, không ai chẳng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì thế, pháp môn này được gọi là pháp khó tin, thật sự khó! Dầu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, sanh về nơi ấy sẽ thuộc địa vị nào? Kinh dạy rất rõ ràng: “*Giai thị A Bệ Bạt Trí*” (đều là Bất Thoái Chuyển).

A Bệ Bạt Trí là tiếng Phạn, dịch ra là Bất Thoái Chuyển! Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo chẳng thoái chuyển. Nói thông thường, tối thiểu phải là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Tính như vậy, quý vị chiếm tiện nghi to lớn, vì sao? Trong các kinh thông thường, đức Phật thường nói: Tính từ ngày đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, phải tu một vạn đại kiếp mới có thể tu đến Sơ Trụ trong Viên Giáo. Quý vị thấy quý vị dùng ba năm công phu, hễ vãng sanh, thời gian ba năm hoặc năm

năm ấy bằng với thời gian người khác phải tu cho đến khi đoạn được Kiến Hoặc! Trong Tiểu Thừa, đoạn Kiến Hoặc là quả Tu Đà Hoàn, tính từ lúc ấy thì phải mất một vạn đại kiếp mới có thể đạt được tình trạng giống như quý vị. Quý vị ba năm hay năm năm bèn thành công, điều này chẳng thể nghĩ bàn, đúng là pháp khó tin!

Trên thực tế, Tây Phương Cực Lạc thế giới có quả vị ấy hay không? Chẳng phải, mà là quả vị gì? Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy A Bệ Bạt Trí là Thất Địa Bồ Tát, quả báo này càng chẳng thể nghĩ bàn! Trong Viên Giáo, từ Sơ Trụ tu đến Thất Địa bao lâu? Hai A-tăng-kỳ kiếp! Quý vị thấy đó, một vạn đại kiếp cộng thêm hai A-tăng-kỳ kiếp, pháp môn thông thường phải tu lâu ngàn ấy! Pháp môn Niệm Phật thành công trong một đời. Vì vậy, thế giới Tây Phương thù thắng chẳng có cách nào tương tượng được, đúng là chẳng thể nghĩ bàn. Kinh giảng rất rõ ràng, cảnh giới ấy chỉ có Phật và chư Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo, chắc chắn là hữu tình trong chín pháp giới chẳng thể hiểu rõ được! “Hữu tình trong chín pháp giới” bao gồm hàng Bồ Tát, kể cả Đẳng Giác Bồ Tát, không có cách nào lý giải! Vì thế, vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, nói thật ra, đem kinh Vô Lượng Thọ phối hợp với kinh này để nhìn sẽ thấy rất minh bạch, rất rõ ràng, ở đây chúng ta là “*hoành xuất tam giới*”, về Tây Phương là “*hoành sanh tứ độ*”.

Thế giới Tây Phương là một thế giới bình đẳng, không có cao, thấp, chẳng có sai biệt. Do vậy, Thập Địa Bồ Tát vãng sanh, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cũng đồng thời sanh vào cõi Thường Tịch Quang, cũng đồng thời sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư và cõi Phạm Thánh Đồng Cư, một sanh, hết thấy sanh, đồng thời, tuyệt diệu! Chúng ta đời nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, cũng đồng thời sanh trong ba cõi trên, tức cõi Phương Tiện Hữu Dư, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, và cõi Thường Tịch Quang, đồng thời đều sanh, chẳng thể nghĩ bàn! Đích xác là [chỉ có] Phật và chư Phật mới hiểu rốt ráo điều này. Bồ Tát chẳng có cách nào [thấu hiểu] chuyện lạ lùng dường ấy! Giống như chúng ta đời nghiệp vãng sanh, sanh sang đó bèn là “*hoành sanh tứ độ*”, chẳng nói chi nhiều, chúng ta nói tới Thất Địa Bồ Tát! Giống như thế giới Hoa Tạng trong kinh Hoa Nghiêm, Thất Địa Bồ Tát vãng sanh tới đó, gặp mặt chúng ta, quý vị nói xem Thất Địa Bồ Tát cảm thấy thế nào? Nhất định Ngài sẽ hết sức chúc mừng chúng ta: “Quý vị rất may mắn! Quý vị tu một chút như thế bèn đến được, quý vị thấy tôi đã tu cả một vạn đại kiếp cộng thêm hai A-tăng-kỳ kiếp mới đạt đến trình độ này, quý vị tu một chút bèn bình đẳng với tôi”. Các Ngài rất chúc mừng quý vị! Quý vị ngay

lập tức bình đẳng với các Ngài! Do vậy, quý vị hãy suy nghĩ cảnh giới này, cổ đức nói: “*Duy Phật dĩ Phật phương năng cứu cánh*” (chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo”), chẳng phải là chuyện giả!

Trong thế giới Sa Bà này, chúng ta làm sao có thể bằng với Bồ Tát? Chẳng có cách nào bằng được A La Hán, tới nơi ấy, không chỉ bình đẳng với Thất Địa Bồ Tát và Đẳng Giác Bồ Tát, mà còn bình đẳng với Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, một sanh, hết thủy sanh, bốn cõi viên dung. Trong mười phương thế giới chư Phật không có tình hình này, chỉ riêng thế giới Cực Lạc là đặc biệt có! Các thế giới khác không có. Trong hết thủy các kinh điển, chẳng có cách nói này, chỉ riêng Tịnh Độ tam kinh là có, đúng là lạ lùng! Quý vị ắt phải đọc thấu suốt ba kinh thì mới có thể hiểu rõ ràng sự thù thắng, trang nghiêm, công đức và lợi ích của Tịnh Độ!

Đối với bộ kinh này, đại khái chúng tôi phải giảng bốn trăm lượt mới giảng xong, quý vị mới có nhận thức kha khá về Tây Phương Cực Lạc thế giới! Bốn trăm buổi giảng, tức là hơn một năm, đáng giá lắm! Nếu giảng kỹ kinh Vô Lượng Thọ cũng phải tốn thời gian dài như thế thì mới có thể giảng được. Mong mọi người hãy kiên trì, nỗ lực. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ ràng, minh bạch Tây Phương Cực Lạc thế giới, bản thân chúng ta hoan hỷ, mà còn có thể vì người khác diễn nói, cũng có thể giảng rõ ràng cho người khác. Giảng rõ ràng, người ta mới có thể tin tưởng; giảng chẳng rõ ràng, làm sao người khác tin tưởng cho được? Nếu người ta tin tưởng, tức là quý vị độ kẻ ấy thành Phật, công đức giống như đức Thế Tôn tán thán tôn giả A Nan. Vì thế, qua câu hỏi này của ngài A Nan, khiến cho chúng sanh trong sáu đường đều thành Phật.

(Sao) Thị dĩ Như Lai nhan dung vi phát khởi cố.

(鈔) 是以如來顏容為發起故。

(Sao: Đây là dùng dáng vẻ của Như Lai để phát khởi).

Kinh Vô Lượng Thọ do đức Phật hoan hỷ mà phát khởi. Tục ngữ thường nói: “*Nhân phùng hỷ sự, tinh thần sáng*” (người gặp chuyện vui, tinh thần sáng khoái). Gặp chuyện vui vẻ, mệt nhọc gì cũng quên bẵng! Tinh thần sung mãn, vẻ mặt tươi sáng, rạng rỡ. Vì thế, đức Phật tuyên nói pháp môn này vô cùng vui vẻ.

(Sao) Kim nan.

(鈔) 今難。

(Sao: Nay cật vấn).

Nay kẻ ấy đưa ra lời vãn nạn.

(Sao) Chư kinh phát khởi, thả trí vật luận.

(鈔) 諸經發起，且置勿論。

(Sao: Phát khởi của các kinh, hãy để đó chẳng bàn tới).

Đối với phần Phát Khởi của những kinh khác, chúng ta tạm thời không nói tới.

(Sao) Chỉ như nhị kinh, thị Tịnh Độ bản giáo, giai hữu phát khởi, thử kinh bất dị nhị kinh.

(鈔) 只如二經，是淨土本教，皆有發起，此經不異二經。

(Sao: Chỉ nói với hai kinh thuộc vào giáo pháp Tịnh Độ, đều có phần Phát Khởi, kinh này chẳng khác hai kinh ấy!)

Kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật chẳng có gì sai biệt.

(Sao) Hà dĩ độc vô?

(鈔) 何以獨無。

(Sao: Có sao riêng [kinh này] chẳng có?)

Vì sao kinh này không có phần Phát Khởi?

(Sao) Cố vị thử thông!

(鈔) 故為此通。

(Sao: Cho nên đã thông điều [nghị vấn] này!)

“Thông” nghĩa là thông đạt, chẳng có chướng ngại. Vì quý vị có nghi, có nghi bèn có chướng ngại. Nay phải khiến cho mỗi nghi lự ấy bị tiêu trừ, khiến cho quý vị có thể thông đạt vô ngại. Liên Trì đại sư muốn vì chúng ta giải thích:

(Sao) Ngôn Phật thuyết nhị kinh, tuy diệc đại bi tâm thiết, đặc thị vãng sanh, nhiên nhi quán pháp tinh vi, nguyện môn quảng đại, như tiền tự trung thuyết.

(鈔)言佛說二經，雖亦大悲心切，特示往生。然而觀法精微，願門廣大，如前序中說。

(Sao: Ý nói đức Phật nói hai kinh tuy cũng do tâm đại bi tha thiết mà đặc biệt chỉ dạy pháp vãng sanh, thế nhưng phép Quán tinh vi, nguyện môn rộng lớn, như trong phần Tự ở trên đã nói).

Liên Trì đại sư nói lời này, nói thật ra, cũng rất có lý, có kiến địa. Ngài nói hai bộ kinh như đã nói trong phần trước, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là mười sáu phép điều quán, nói thật ra, vẫn chẳng dễ dàng thành tựu, nhất là chúng sanh đời Mạt Pháp tâm thô thấp, cảnh giới quá vi tế, chẳng dễ gì quán thành công! Bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ, nguyện nào cũng đều sâu rộng chẳng thể nghĩ bàn.

(Sao) Vị nhược thử kinh, dẫn sự trì danh, tức sanh bỉ quốc, vuu vi yếu nhi hựu yếu.

(鈔)未若此經，但事持名，即生彼國，尤為要而又要。

(Sao: Chẳng như kinh này, chỉ chú trọng trì danh liền sanh về cõi ấy, càng là trọng yếu nhất trong những điều trọng yếu).

Trong ba kinh, bộ kinh này còn trọng yếu hơn hai bộ kinh kia, vì sao? Đơn giản, dễ dàng! Do vậy, Liên Trì đại sư chú giải bằng Sớ Sao, giải thích kinh Di Đà tỉ mỉ như thế, nhưng đối với kinh Vô Lượng Thọ, lão nhân gia chẳng chú giải. Cư sĩ Ngụy Nguyên vô cùng bội phục Sớ Sao, thường cảm thấy Liên Trì đại sư chẳng viết chú giải kinh Vô Lượng Thọ thật là chuyện rất đáng tiếc. Đương nhiên, nguyên nhân rất nhiều, trong kinh Vô Lượng Thọ chúng ta đã từng thảo luận, đây là vì trong thời Liên Trì đại sư kinh Vô Lượng Thọ chưa có một bản rất hoàn chỉnh. Vì lẽ đó, Đại Kinh không được lưu truyền rộng rãi như Tiểu Bản Di Đà Kinh, là vì phiên bản chưa hoàn chỉnh, chúng ta đọc thấy chẳng trôi chảy!

Thí dụ như xưa kia, pháp sư Luật Hàng trong quá khứ ở Đài Trung, thầy Quảng Hóa là đồ đệ của Ngài. Trong quá khứ, vị lão pháp sư này cũng là tướng quân, là Trung Tướng xuất ngũ, sau đấy xuất gia. Ngài có mấy bài viết nhắc tới chuyện ấy. Vì trong thời Kháng Chiến tại Đại Lục, Sư học Phật, thân cận lão hòa thượng Hư Vân, cư sĩ Hạ Liên Cư, thân cận

pháp sư Từ Châu. Hạ cư sĩ và pháp sư Từ Châu đều khuyên Sư niệm Phật, lại còn giới thiệu tầm trọng yếu của kinh Vô Lượng Thọ. Bản kinh Vô Lượng Thọ của chúng ta [đang sử dụng trong hiện thời] do Sư mang từ Đại Lục sang Đài Loan. Sau khi mang tới, do cụ Từ Châu và cư sĩ Hạ Liên Cư phó chúc Sư, đúng là trọng yếu, nên sau khi tới Đài Loan, Sư đã từng đề xướng in hai lần. Năm Dân Quốc 38 và 39 (1950), kinh này đã được lưu thông tại Đài Loan, nhưng số lượng chẳng nhiều. Lúc đó, thầy Lý cũng đã giảng một lần. Mãi cho đến bản này của ngài Hạ Liên Cư mới có thể nói là thật sự không tìm được khuyết điểm nào; nhưng văn tự trong ba bản hội tập đều ưu mỹ hơn các bản dịch gốc, có thể đọc được! Lão pháp sư Luật Hàng đọc năm bản dịch gốc, thấy không suông, Sư nói: “Tôi đọc hai trang, chẳng muốn đọc tiếp nữa”. Đó là do phiên dịch chẳng khéo. Đã thế, nội dung của năm bản sai khác rất lớn, biến thành không biết nên theo bản nào, chẳng biết bản nào là tốt nhất. Do vậy, lưu thông đại kinh này sanh chướng ngại.

Sau khi bản hội tập của cư sĩ Hạ Liên Cư ra đời, mọi người nhận định bản này là phiên bản tốt nhất của kinh Vô Lượng Thọ. Đồng thời, cũng chính do bản này thúc đẩy chúng ta nghiên cứu năm bản dịch gốc của kinh Vô Lượng Thọ và bốn bản hợp dịch. Kinh Vô Lượng Thọ có tổng cộng chín phiên bản khác nhau. Do vậy, tôi cảm thấy những đồng tu chúng ta hiện thời phước báo quá lớn, người thuở trước chẳng phước báo to lớn như quý vị! Ngay như lão pháp sư Đạo Nguyên và thầy Lý ở Đài Trung đều chưa thấy chín bản dịch gốc. Nay chúng ta cả chín bản đều thấu đạt, lại còn có bản hoàn chỉnh vô cùng hay. Sách này có thể in ra vào tháng Bảy này, mọi người đều có thể xem được. Chẳng biết mười phương chư Phật hoan hỷ như thế nào, chúng ta chẳng có cách nào hình dung! Đó là ngày chư Phật hoan hỷ!

Kinh này đơn giản, dễ dàng, tức là khuyến tín, khuyến nguyện, khuyến hạnh. “*Đản sự trì danh, tức sanh bỉ quốc, vuu vi yếu nhi hựu yếu*” (chỉ chú trọng trì danh liền sanh về cõi ấy, càng là trọng yếu nhất trong những điều trọng yếu). Trong Tam Kinh, nếu luận định về phương diện tu trì, đương nhiên kinh này trọng yếu nhất, là cương lĩnh tu học của Tịnh Độ.

(Sao) Cố Phật ý w tu, diệc phục thiết nhi hựu thiết.

(鈔) 故佛意於斯，亦復切而又切。

(Sao: Vì thế, ý Phật ở chỗ này, càng càng là thiết tha nhất trong những nỗi thiết tha).

Do vậy, đức Phật tâm vô cùng khẩn thiết muốn giảng bộ kinh này. Nói cách khác, hận không thể ngay lập tức truyền dạy quý vị, khiến cho quý vị nay có thể viên thành Phật đạo trong một đời này. Do đó, [chẳng có phần Phát Khởi] là do tâm độ sanh khẩn thiết của Phật!

(Sao) Vị chư chúng sanh tác bất thỉnh hữu dã.

(鈔) 為諸眾生作不請友也。

(Sao: Làm bạn chẳng thỉnh của các chúng sanh).

Câu này trích từ kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật cũng mở toang cửa phương tiện, chẳng cần thỉnh, chẳng cần khách sáo, ta mau chóng, gấp rút nói với quý vị pháp môn này để quý vị thành tựu tốt đẹp. Đúng là ân sâu đại đức của Phật nát thân khó đền. Báo đại ân của Phật bằng cách nào? Tôi nghĩ, chỉ có y giáo tu hành, vãng sanh trong ba phẩm thượng, đại khái mới có thể gọi là “báo ân Phật”, chứ trung hạ phẩm vãng sanh, báo ân Phật vẫn còn thiếu sót! Thật sự báo ân Phật, phải phát nguyện quyết định cầu vãng sanh trong ba phẩm thượng, quý vị có làm được hay không? Có cầu được hay không? Khi A Di Đà Phật phát nguyện thành lập Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài đã làm xong, nếu chúng ta cầu vãng sanh mà nói được, nhưng làm không được, lỗi lầm nơi chính mình, chẳng tại ai khác, há có chuyện chẳng làm được!

Nhưng ở đây, tôi đặc biệt kính khuyên chư vị một câu, nếu muốn chân thật làm được, tốt nhất là xem chung ngũ kinh, vì sao? Quý vị đã thấu triệt lý luận, chẳng hoài nghi, lòng tin kiên định, hiểu rõ phương pháp, làm theo phương pháp ấy, đoan chắc quý vị có thể tu thành công! Hiểu rõ cảnh giới, chắc chắn chẳng bị ma dựa, nhất định chẳng lạc đường. Vì thế, lý luận, phương pháp, cảnh giới thấy đều hiểu rõ ràng, lẽ nào chẳng thành Phật đạo? Trước khi thành Phật thì hiện nay nên ra sao? Thưa quý vị, hiện tại quý vị lìa khổ được vui. Trước khi vãng sanh, quý vị là người sung sướng nhất trên thế giới này, vì sao sung sướng? Vì tâm quý vị thanh tịnh, hiểu rõ đạo lý, hiểu phương pháp, thấu hiểu cảnh giới, chẳng vướng mắc, không lo nghĩ, quý vị biết ngày nào sẽ về Tây Phương Cực Lạc thế giới, lẽ đâu chẳng sung sướng? Không còn gì sung sướng hơn. Do vậy, ngay lập tức đạt được “lìa khổ, được vui”.

Nhưng nếu quý vị chẳng hiểu rõ lý luận, phương pháp, và cảnh giới, dẫu niệm câu Phật hiệu này, vẫn là sờ soạng, có nắm chắc vãng sanh hay không? Lắc đầu! Không biết, đây là rất khổ! Giống như đi đường, hoài nghi ta đi theo con đường này đúng hay sai? Rốt cuộc còn bao xa? Ta phải

đi tới khi nào mới đến đích? Vấn đề chồng chất! Quý vị tham cứu thấu suốt rõ ràng ngũ kinh, phương hướng chính xác, chẳng sai, đường đi cũng chẳng sai, có thể tính ra còn mấy ngày nữa sẽ đến nơi, hiểu rõ ràng, rành rẽ. Vì thế nói: Bất luận pháp môn nào cũng chẳng thể sánh bằng! Đây là đức Phật chân thật đại từ đại bi, “*vị chư chúng sanh tác bất thỉnh hữu dã*” (vì các chúng sanh làm bạn chẳng thỉnh).

(Sao) Bất phát chi phát giả, hiện tiền chúng sanh, nhạo trước sanh tử, bất cầu xuất ly, tự năng phát khởi Phật chi đại bi, thuyết thử kinh cố.

(鈔)不發之發者，現前眾生，樂著生死，不求出離，自能發起佛之大悲，說此經故。

(Sao: “Chẳng phát mà phát”: Hiện tiền chúng sanh ưa thích, đắm đuối sanh tử, chẳng cầu xuất ly, khiến cho đức Phật tự phát khởi lòng đại bi nói kinh này).

Liên Trì đại sư nêu nguyên do vì sao kinh này chẳng có phần Phát Khởi. Bởi lẽ, chúng sanh khi nào giác ngộ? Khi nào thật sự giác ngộ? Người thật sự giác ngộ biết nỗi khổ lục đạo luân hồi, thật sự biết, biết lục đạo luân hồi đáng sợ, tâm luôn mong xuất ly, người ấy sẽ giác ngộ, chân thật giác ngộ. Nếu vừa học Phật vừa lưu luyến lục đạo luân hồi, kẻ ấy chưa giác ngộ, kẻ ấy niệm Phật cũng chẳng qua là kết duyên với A Di Đà Phật, hiện thời chẳng muốn vãng sanh, vẫn chưa muốn vãng sanh, chỉ là kết duyên mà thôi! Niệm mấy câu A Di Đà Phật, niệm mấy quyển kinh để kết duyên. Kết duyên cũng tốt, vì sau này khi đã nếm hết nỗi khổ, hối hận, muốn vãng sanh, vẫn được vãng sanh! Vì quý vị có duyên nên đến khi ấy lại đi. Nói cách khác, khi nào giác ngộ thì sẽ đi khi đó!

(Sớ) Độc cáo Xá Lợi Phát giả, lệ tiền duy trí sở tín cố, hựu nhất cáo, nhất thiết cáo cố. Hựu Tịnh Giác vân: “Hợp tứ tất cố”.

(疏)獨告舍利弗者，例前唯智所信故，又一告一切告故，又淨覺云：合四悉故。

(Sớ: Bảo mình ngài Xá Lợi Phát, giống như trong phần trên [đã nói], chỉ có người trí huệ mới có thể tin pháp môn này. Lại nữa, bảo với một là bảo với hết thảy. Lại nữa, ngài Tịnh Giác nói: “Do phù hợp Tứ Tất Đàn”).

Trong lời Sao sẽ giải thích tỉ mỉ.

(Sao) *Lệ tiền giả, tức thủ cử Thân Tử ý.*

(鈔) 例前者，即首舉身子意。

(Sao: “Giống như phân trên”: Tức là ý nghĩa nêu tên ngài Xá Lợi Phát đầu tiên).

“*Lệ tiền*” là trong mười sáu vị tôn giả thuộc Tụ Phần, tôn giả Xá Lợi Phát được xếp vào vị trí thứ nhất, tức “*trưởng lão Xá Lợi Phát*”. Vì sao xếp Ngài đầu tiên? Ngài là trí huệ đệ nhất. Kẻ không có trí huệ đệ nhất, đức Phật nói với kẻ ấy, kẻ ấy chẳng tin! Phải là người trí huệ đệ nhất, nói với người ấy thì người ấy mới tin tưởng. Vì thế, không chỉ trong Tụ Phần, tôn giả Xá Lợi Phát được nêu tên đầu tiên, mà tới phần Chánh Tông của kinh văn, Thích Ca Mâu Ni Phật mở miệng dạy cũng chuyên nói với Xá Lợi Phát, gọi Xá Lợi Phát để giảng, là do ý nghĩa này.

(Sao) *Dĩ thâm thâm trí huệ, đồng sát u tịnh uế chi cơ, dung thông u Sự Lý chi tế, phương năng tín thọ bất nghi.*

(鈔) 以甚深智慧，洞察於淨穢之機，融通於事理之際，方能信受不疑。

(Sao: Do trí huệ rất sâu, xét thấu suốt căn cơ tịnh hay uế, dung thông cả Sự lẫn Lý, mới có thể tin nhận, chẳng nghi).

Đây là lý do vì sao đức Phật phải gọi tôn giả Xá Lợi Phát để nói. Nói cách khác, chẳng phải là người thiện căn sâu dày, phước đức viên mãn, quý vị nói kinh này và pháp môn này với người ấy sẽ vô ích! Dẫu người ấy chẳng phản đối, vẫn chẳng thể tu học pháp môn này! Người Nhị Thừa trí huệ nông cạn, Quyền Giáo Bồ Tát còn có chấp trước, rất khó tiếp nhận pháp môn này, nghe kinh nhiều, đọc nhiều, trọn chẳng tin tưởng! Vì sao? Người ta tu hành phải tu hai A-tăng-kỳ kiếp mới đạt đến Thất Địa, lẽ nào quý vị tiện nghi như vậy? Đồi ba năm bèn đạt tới Thất Địa, không ai tin được! Nói thật ra, do kẻ ấy trí huệ nông cạn nên chẳng tin! Ất phải có trí huệ rất sâu mới triệt chiếu cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, người ấy mới có thể tin tưởng.

“*Đồng sát u tịnh uế chi cơ*”, nói thật ra, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, chẳng có tịnh hay uế để nói! Nói cách khác, tìm tịnh và uế không ra! Phỏng theo cách nói trong Thiên Tông sẽ là: “*Mịch tịnh uế liễu bất khả đắc*” (tìm kiếm tịnh và uế trọn chẳng thể được). Tịnh và uế do đâu sanh ra? Từ phàm tình chấp trước sanh ra. Tâm của quý vị thanh tịnh là Tịnh Độ, tâm của

quý vị chẳng thanh tịnh là uế độ, tịnh và uế biến hiện như thế đó! Người có trí huệ rất sâu biết căn nguyên của tịnh và uế do đâu mà có; vì thế, người ấy tin tưởng! Người ấy có thể “*dung thông u Sự Lý chi tế*” (dung thông nơi Sự và Lý), bằng lòng đến gặp A Di Đà Phật, bằng lòng vãng sanh thế giới Cực Lạc, ngoài Lý chẳng có Sự, ngoài Sự chẳng có Lý, Sự và Lý vốn viên dung, vốn vô chướng ngại. Ở đây nói “*tịnh uế chi cơ*” là nói đến căn cơ, hết thấy tâm địa thanh tịnh là một loại cơ duyên. Vì sao? Tâm thanh tịnh, người ấy sẽ tin tưởng, tín tâm thanh tịnh, người ấy quyết định vãng sanh.

Vì thế, trong các buổi giảng, chúng tôi thường [khuyên quý vị] nắm vững cương lĩnh này, hãy nắm vững, lấy đó làm tiêu chuẩn tu hành cho chúng ta, cương lĩnh là gì? Bình đẳng, thanh tịnh, từ bi. Trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ đã nêu minh bạch ý nghĩa này, Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh. Chúng ta tu gì? Tu thanh tịnh, bình đẳng. Bình đẳng là Lý, thanh tịnh là Tụ Thụ Dụng, Tha Thụ Dụng là từ bi. Trong phần trước, tôi đã nhắc quý vị đồng tu một lần nữa, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi là một mà ba, ba mà một, có thể giải thích lẫn nhau. Bình đẳng là gì? Thanh tịnh bèn bình đẳng, từ bi bèn bình đẳng. Thanh tịnh là gì? Bình đẳng bèn thanh tịnh, bất bình đẳng làm sao thanh tịnh cho được? Từ bi bèn thanh tịnh, từ bi là gì? Thanh tịnh bèn từ bi, bình đẳng bèn từ bi. Quý vị chuyên qua chuyên lại ba câu ấy, đọc mấy lượt, sẽ có thể thấu hiểu.

Nay chúng ta niệm câu A Di Đà Phật này theo cách nào? Phải niệm cho ra thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, như vậy là thành công. Trong khi tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, một câu A Di Đà Phật khôi phục sự thanh tịnh; khi tâm bất bình đẳng, một câu A Di Đà Phật [khiến cho tâm] bình đẳng; khi tâm chẳng từ bi, một câu A Di Đà Phật [khiến cho tâm] từ bi. Niệm như vậy, công phu đắc lực. Nói “*đắc lực*” là niệm cho ra thanh tịnh, bình đẳng, từ bi. Thanh tịnh, bình đẳng, từ bi là Chân Như bản tánh, là Pháp Thân lý thể của chính quý vị, dùng một câu Phật hiệu này để niệm cho ra. Vì thế, quý vị có thành tựu bình đẳng với chư Phật, Bồ Tát, đạo lý là như vậy! Khi ấy mới tin sâu, chẳng nghi ngờ, hiểu rõ lý, hiểu rõ cảnh giới, quyết định chẳng nghi hoặc, đây là trí huệ thật sự.

(Sao) Như Bát Nhã hội thượng thủ cử Tu Bồ Đề giả, dĩ Bát Nhã đàm Không, Tu Bồ Đề Giải Không đệ nhất cố dã.

(鈔)如般若會上首舉須菩提者，以般若談空，須菩提解空第一故也。

(Sao: Như trong hội Bát Nhã, nêu tên ngài Tu Bồ Đề đầu tiên vì Bát Nhã giảng về Không mà ngài Tu Bồ Đề là bậc Giải Không đệ nhất).

Lại nêu một thí dụ khác. Nếu là kẻ trí cận sẽ chẳng thể tin tưởng, chẳng có cách nào nói với kẻ ấy cảnh giới cao xa như thế, Lý sâu mầu như thế, Sự cũng vi diệu. Vì thế, đức Phật phải tìm một người trí huệ bậc nhất để bàn luận, giống như trong kinh Kim Cang cũng phải như vậy, tìm tôn giả Tu Bồ Đề vì Ngài là bậc Giải Không đệ nhất. “*Bát Nhã đàm Không*”, Không là gì? Thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, đó chính là Bát Nhã Chân Không. Không là gì? Là trong tâm thứ gì cũng đều chẳng có, Lục Tổ nói: “*Vốn chẳng có một vật*”, đó là thanh tịnh, có một vật sẽ không thanh tịnh, thanh tịnh là Bát Nhã Chân Không. Quý vị có một vật sẽ chẳng Không, sẽ chẳng thanh tịnh.

Chúng ta tu hành, đặc biệt là tu Tịnh Độ, phải thường xuyên giữ cho tâm và cảnh của chính mình như một. Tâm là bên trong, cảnh là bên ngoài, đây là “*Không Hữu chẳng hai*”. Đó là Bát Nhã rất sâu, chẳng giả. Bên trong là thanh tịnh, vốn chẳng có một vật, chẳng nhiễm mảy trần. Bên ngoài thì sao? Bên ngoài chẳng chấp tướng, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, không khởi tâm, chẳng động niệm. Trong và ngoài như nhau! Khi ấy, chân tánh của quý vị thật sự hiển lộ hoàn toàn, tác dụng của chân tánh là trí huệ Bát Nhã. Pháp môn này là phương tiện thiện xảo, dùng phương pháp gì để đạt tới cảnh giới ấy? Một câu A Di Đà Phật, hay tuyệt, quá khéo! Vì vậy, chư vị phải lãnh hội sâu xa, phương pháp này quả thật là khéo léo đến tột bậc!

(Sao) Nhất thiết cáo giả, cáo Thân Tử nhất nhân, tức thị cáo hiện tiền nhất thiết Thanh Văn, Bồ Tát, nhân, thiên, đại chúng, cập vị lai nhất thiết chư chúng sanh dã.

(鈔)一切告者，告身子一人，即是告現前一切聲聞菩薩人天大眾，及未來一切諸眾生也。

(Sao: “Bảo với hết thầy”: Bảo với một mình Thân Tử chính là bảo với hết thầy Thanh Văn, Bồ Tát, người, trời, đại chúng hiện tiền và hết thầy các chúng sanh trong tương lai).

Đây là giải thích câu “*nhất cáo, nhất thiết cáo giả*” (bảo với một người là bảo với hết thầy). “*Cáo*” là đức Phật nói, nói cho ai biết? Chỉ nói với ngài Xá Lợi Phất. Xá Lợi Phất là đại biểu, nói với Xá Lợi Phất là nói với hết thầy đại chúng. Đức Phật đang nói với ngài Xá Lợi Phất, mọi người

quý vị nghe ké, đều nghe hết. Nghe xong, tùy thuộc quý vị có giác ngộ hay không. Nếu quý vị vừa nghe bèn giác ngộ, há chẳng phải là đức Phật cũng nói cho quý vị biết ư? Quý vị nghe xong chẳng giác ngộ, đây cũng là đức Phật đã nói với quý vị. Chưa giác ngộ, nhưng nói với quý vị thì trong A Lại Da Thức của quý vị đã gieo một chủng tử. Chủng tử ấy gọi là Kim Cang chủng tử, vĩnh viễn bất hoại! Trong tương lai gặp duyên sẽ chín muồi!

Nếu vừa mới nói mà quý vị tin tưởng, tiếp nhận, suy nghĩ: “Vì sao đức Phật giảng nhiều pháp môn như thế? Vốn còn có một pháp môn tiện nghi, đơn giản, dễ dàng, như vậy, lại còn thành tựu thù thắng chẳng thể nghĩ bàn dường ấy. Tốt lắm, ta quyết định chọn lựa pháp môn này”. Người như vậy là hạng người gì? Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư nói rất hay, người như thế cơ duyên thành Phật đã chín muồi. Nếu cơ duyên thành Phật của người ấy chưa chín muồi, nghe xong sẽ chẳng tin, hoặc tin nhưng không chịu vãng sanh, hoặc miễn cưỡng. Vãng sanh khá lắm, nơi ấy tốt đẹp, muốn đến đó. Tuy muốn đến đó, nhưng lại không chịu niệm Phật. Nói chung, sẽ chẳng thể thành công! Trong ba tư lương Tín, Nguyện, Hạnh, thiếu mất một thứ, chẳng được rồi, không thể đi. Ba điều kiện thầy đều trọn đủ, cơ duyên thành Phật trong đời này của người ấy đã đến rồi. Tôi nghĩ, trong đời hiện tại ở Đài Loan, sợ rằng có không ít người cơ duyên thành Phật đã chín muồi. Nếu chẳng phải là tình hình ấy, những điển tịch quý báu của pháp môn Tịnh Độ chẳng thể nào đều phát hiện, lại còn phát hiện phiên bản hoàn chỉnh vô cùng hay! Đó là cơ duyên thành Phật của mọi người đã chín muồi. Vì thế, duyên trong đời này thù thắng hơn đời trước, thù thắng rất nhiều! Do đó, nói với một người là nói với hết thầy mọi người.

(Sao) Tứ Tất giả.

(鈔) 四悉者。

(Sao: Bốn Tất Đàn).

Tứ là con số, [ở đây] là bốn điều. Tất Đàn (Siddantha) là pháp. Tất Đàn là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Biên Thí, tức là bình đẳng bố thí trọn khắp, gồm có bốn điều. Thứ nhất là Thế Giới Tất Đàn, Thế Giới Tất Đàn là gì? Nói đơn giản là khiến cho hết thầy chúng sanh khởi tâm hoan hỷ. Vì thế, Phật, Bồ Tát thuyết pháp nhất định phải tuân theo nguyên tắc này, tức là tuân theo bốn nguyên tắc Tất Đàn, nhất định phải làm cho chúng sanh tâm hoan hỷ. Quý vị tin tưởng Tịnh Độ, tôi

giảng Tịnh Độ cho quý vị, quý vị rất vui vẻ. Kẻ khác chẳng tin Tịnh Độ bèn chẳng nói tới Tịnh Độ. Quý vị chuộng Thiền, tôi bèn giảng Thiền, trong tâm quý vị vui vẻ, rất hoan hỷ. Phải quán cơ, tức là xét coi [người được hóa độ] thuộc căn tánh gì, thích pháp môn nào, đức Phật bèn giảng cho họ pháp môn ấy. Có thể thấy đức Phật nói hết thầy các pháp chẳng xuất phát từ [ý kiến] chủ quan, mà xuất phát từ khách quan, xuất phát từ nhu cầu của đại chúng, quý vị muốn gì, Phật bèn nói với quý vị điều ấy. Vì thế, mới mở ra vô lượng vô biên pháp môn, tương ứng vô lượng vô biên căn tánh. Căn tánh khác nhau nên pháp môn nhiều; do đó mà có nhiều đường ấy!

(Sao) Nhất, Thân Tử nãi tả diện đệ tử, kinh đa cư thủ, pháp ưng nhĩ cố, thị Thế Giới Tát Đàn.

(鈔)一、身子乃左面弟子，經多居首，法應爾故，是世界悉檀。

(Sao: Một, Thân Tử là đệ tử bên trái, phần lớn đứng đầu các kinh, pháp phải nên như vậy. Đó là Thế Giới Tát Đàn).

“*Pháp ưng nhĩ*”: Xét theo pháp, đương nhiên là như vậy. “*Tả diện đệ tử*”, nói theo cách bây giờ, là đại đồ đệ, là đại đồ đệ của Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong tất cả các học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật, ngài Xá Lợi Phất là thượng thủ, là lớp trưởng, thường đứng ở bên trái Thích Ca Mâu Ni Phật, Mục Kiền Liên đứng bên phải, đây là hai vị đại đệ tử của đức Phật. Đức Phật có chuyện gì đương nhiên phải nói với hai người bọn họ; do vậy, đây là chuyện đương nhiên. Gọi Xá Lợi Phất để nói, điều này nghe rất tự nhiên, chẳng có may mắn thiên vị nào. Đây là ý nghĩa của Thế Giới Thất Đàn,

“*Thế giới*” nghĩa là sai biệt, vì Thế (世) là nói tới quá khứ, hiện tại, vị lai; Giới (界) là giới tuyến (界線), giới tuyến giữa Đông, Nam, Tây, Bắc, trên, dưới. Vì thế, nó có nghĩa là sai biệt. Nói cách khác, đức Phật giảng cho hết thầy chúng sanh các thứ pháp môn sai biệt, khiến cho hết thầy chúng sanh ai nấy sanh lòng hoan hỷ. Quý vị mong đời sau làm người, mong đời sau tốt đẹp hơn đời này, đại phú, đại quý, đức Phật bèn giảng cho pháp môn làm người đại phú đại quý trong đời sau; quý vị hài lòng, hoan hỷ. Kẻ khác nói: “Làm người chẳng tốt đẹp gì, thọ mạng rất ngắn, dẫu trường thọ thì một trăm hai mươi tuổi vẫn phải chết, hưởng chi tuổi già, khổ sở chẳng kham. Nghe nói cõi trời thọ mạng dài, chư thiên không chết, hẳn sanh lên trời sẽ hưởng phúc trời”. Đức Phật nói: “Rất tốt! Khá

lắm, ta sẽ giảng pháp môn sanh thiên cho quý vị”. Quý vị cũng hoan hỷ. Thế Giới Tất Đàn mang ý nghĩa này!

Theo cái nhìn của chúng sanh nhảy bén, căn tánh tối thấp nhất thì họ nói cõi trời cũng chẳng tốt đẹp, vì sao? Tam giới đau khổ, dẫu sanh lên cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng, thọ mạng tám vạn đại kiếp, đến lúc [hết tuổi thọ] vẫn phải đọa lạc. Lại nghĩ Tiểu Thừa cũng chẳng tốt đẹp. Gì mới là tốt? Phải giống như Phật mới là tốt đẹp, nhắm đến một mục tiêu mong thành Phật. Quý vị thật sự muốn thành Phật, đức Phật cũng gặt đầu, đức Phật hoan hỷ: “Được! Ta sẽ dạy quý vị pháp môn thành Phật”. Pháp môn nào là pháp môn thành Phật? Tín nguyện trì danh, niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ là pháp môn thành Phật, là pháp môn vô thượng, pháp môn đệ nhất. Bởi lẽ, đây là pháp môn thành Phật. Vì sao gọi là Thế Giới Tất Đàn, phải hiểu ý nghĩa của nó.

(Sao) Nhị, Thân Tử trí huệ đệ nhất, chúng sở tôn ngưỡng, bỉ tín Tịnh Độ, chúng diệc tín chi, thị Vị Nhân Tất Đàn.

(鈔)二、身子智慧第一，眾所宗仰，彼信淨土，眾亦信之，是為人悉檀。

(Sao: Hai, ngài Xá Lợi Phất trí huệ bậc nhất, được mọi người tôn sùng. Ngài tin Tịnh Độ thì mọi người cũng tin, đó là Vị Nhân Tất Đàn).

“*Vị nhân*” có nghĩa là khiến cho hết thảy chúng sanh đạt được lợi ích thật sự, tức là đạt được lợi ích Sanh Thiện. Xá Lợi Phất “*trí huệ đệ nhất*”, là đệ tử bậc nhất của đức Phật. Trong các đệ tử đức Phật, Ngài là bậc gương mẫu, các sư đệ không ai chẳng kính ngưỡng đại sư huynh, Ngài có tác dụng dẫn đầu và nêu gương. Ngài Xá Lợi Phất đã tin thì [những người khác] còn nói năng chi nữa? Đương nhiên các tiểu sư đệ ai nấy đều tin. Nếu đức Phật nói với người khác, người khác tin, vẫn có rất nhiều người chẳng tin tưởng lắm, vì sao? Đại sư huynh của chúng ta chẳng tin, chúng ta chẳng cần phải tin điều ấy. Nay đại sư huynh đã tin, còn tranh cãi chi nữa? Vì thế, nói theo cách bây giờ, ngài Xá Lợi Phất có sức ảnh hưởng, có sức hiệu triệu, hễ thuyết phục được Ngài sẽ giống như độ trọn khắp những người khác. Đây là khiến cho hết thảy mọi người đều nhìn theo và mong được bằng ngài Xá Lợi Phất. Vì thế, đại chúng tham dự pháp hội, ai nấy đều được lợi ích Sanh Thiện (sanh trường điều lành).

Thiện được nói trong Phật môn cũng có tiêu chuẩn. Đời này thiện, đời sau bất thiện, đức Phật bảo [thiện kiểu ấy] chẳng phải là chân thiện, mà là bất thiện! Phải là đời này thiện, đời sau cũng thiện, đời sau nữa càng

thiện hơn, đời đời kiếp kiếp đều thiện, đức Phật bảo đây là thiện. Tiêu chuẩn thiện của Ngài là nhìn về sau, nhìn vào tương lai, hiện tại bất thiện, nhưng đời sau thiện, đời kế tiếp cũng thiện, đức Phật bảo đây là thiện. Do vậy ta biết: Đức Phật chú trọng đời sau, chú trọng dài lâu, tuyệt đối chẳng chú trọng chuyện trước mắt, quang cảnh trước mắt vô cùng ngắn ngủi, tạm bợ, chẳng đáng nói tới.

(Sao) Tam, vị bất tín Tịnh Độ giả, tự bỉ bất như, chuyển kỳ tà chấp, thị Đối Trị Tất Đàn.

(鈔)三、為不信淨土者，自鄙不如，轉其邪執，是對治悉檀。

(Sao: Ba, vì kẻ chẳng tin Tịnh Độ, tự coi thường, nghĩ chính mình thua kém, nhằm chuyển biến tà chấp của họ, đây là Đối Trị Tất Đàn).

Đối Trị nghĩa là chính kẻ đó có bệnh, nghĩ cách chữa trị cho kẻ ấy, thường gọi là “*đối chứng hạ dược*” (cho thuốc ứng với căn bệnh), dùng phương pháp này. Nói theo phương diện trí huệ, đại chúng chẳng có ai sánh bằng ngài Xá Lợi Phất. Ngài Xá Lợi Phất quay đầu, bỏ sạch các pháp môn Ngài đã tu học trước kia, từ nay trở đi niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, người khác bèn suy nghĩ: Trí huệ và thần thông của chúng ta đều chẳng bằng ngài Xá Lợi Phất, Ngài đã quay đầu, chúng ta còn chưa quay đầu ư? Ai nấy đều quay đầu! Quay đầu tuyệt diệu lắm, chẳng phải là quay đầu tu Đại Thừa, chẳng phải là tu pháp môn khác, mà là quay đầu tu pháp môn Niệm Phật vãng sanh, quay đầu tu pháp môn thành Phật trong một đời.

Xét đến ý nghĩa trong đoạn này, nói thật thà, những vị này đều diễn tuồng, đều là diễn viên biểu diễn cho chúng ta xem. Những vị này từ đâu tới? Toàn là từ Tây Phương Cực Lạc thế giới đến diễn một vở tuồng, biểu diễn cho chúng ta xem. Nếu chẳng phải từ Tây Phương Cực Lạc thế giới đến, làm sao có thể diễn hay như thế được? Diễn giống như thế được? Đúng là đại từ đại bi! Biểu diễn cho chúng ta xem! Tất cả hết thấy các pháp môn đã tu học trước đây đều là phương tiện của phương tiện, chưa rốt ráo! Trước đây quý vị chưa khai chánh huệ nhãn, thiện căn, phước đức, nhân duyên chưa chín muồi, nên giảng cho quý vị những tiểu pháp ấy, nay quý vị thiện căn, phước đức chín muồi, bèn giảng cho quý vị pháp viên mãn rốt ráo!

Trong các buổi giảng, nhìn thấy đại chúng tôi cũng rất cảm khái! Tôi giảng kinh tại Đài Loan, qua năm sau là ba mươi năm, trong ba mươi năm ấy tôi đã thấy khá nhiều khuôn mặt, những người thuộc mười năm,

hai mươi năm trước chẳng còn nữa. Nay nhìn thấy quý vị có phước báo to hơn họ, vì sao? Mười năm, hai mươi năm trước tôi chưa chín muồi, tôi chẳng giảng hay như thế! Họ nghe đã chán chê rồi, họ chẳng nghe cho tới hiện thời. Người càng về sau càng có phước báo vượt trội người thuở trước. Người thuở trước tiếp tục nghe không ngừng, trong tâm hiểu rõ, những điều tôi giảng ở đây mỗi năm mỗi khác! Lại nói với quý vị, mỗi tháng khác nhau! Nay tôi nói với mọi người hoàn toàn là lời chân thật, bản thân tôi chẳng có chút hoài nghi nào! Tuy trong quá khứ cũng chẳng có hoài nghi, nhưng chưa thể khẳng định, hiện thời “chẳng hoài nghi” là hoàn toàn khẳng định! Trong quá khứ tôi chẳng dám nói, vỡ ngực: “Ta quyết định vãng sanh, ta là thượng phẩm thượng sanh”, không dám! Nay có thể vỡ ngực, bảo mọi người: “Tôi chẳng có vấn đề gì!”

Phải hiểu Đồi Trĩ Tất Đàn là phải bỏ hết thấy chấp trước, chuyên tu Tịnh Độ, chuyên hoằng Tịnh Độ. Hiện thời trên cả thế giới, bất luận người ở nơi đâu thỉnh tôi giảng kinh, thỉnh giảng Tịnh Độ ngũ kinh nhất luận, tôi lập tức đáp ứng, thỉnh tôi giảng kinh khác, tôi nhất loạt không đáp ứng. Trong quá khứ đã giảng những bộ đại kinh, đại luận, nay tôi thấy đều không giảng, để cho người khác giảng, nhường cho họ giảng. Hiện thời, tôi quyết định chẳng xen tạp, vì sao? Tôi mong cầu thượng phẩm thượng sanh! Nhất định phải chuyên tu, chuyên hoằng, quyết định chẳng thể để tâm bị loạn.

(Sao) Tứ, vị linh tập tiểu pháp giả, hiệu kỳ hương đại, cầu sanh Tịnh Độ, cứu cánh thành Phật, thị Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

(鈔)四、為令習小法者，效其向大，求生淨土，究竟成佛，是第一義悉檀。

(Sao: Bốn, vì khiến cho kẻ tu tập tiểu pháp sẽ noi theo mà hướng đến Đại Thừa, cầu sanh Tịnh Độ, rốt ráo thành Phật. Đó là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn).

Điều thứ tư mới là rốt ráo viên mãn. Điều thứ tư là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn, tức là “*thành Phật*”. Những người trong đoạn trên, một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, thoát đầu theo Thích Ca Mâu Ni Phật học giáo pháp A Hàm, học Tiểu Thừa. Dần dần từ trong Tiểu Thừa, đức Phật chuyển biến họ, lại từ Tiểu hướng Đại, hồi Tiểu hướng Đại, đến giai đoạn thứ hai, đức Phật giảng kinh Phương Đẳng, khuyên họ hồi Tiểu hướng Đại, giảng Đại Thừa. Pháp môn trong Đại Thừa rộng lớn vô biên, có thể giúp quý vị thành Bồ Tát.

Bồ Tát có rất nhiều giai đoạn, y theo kinh Hoa Nghiêm, có năm mươi một cấp bậc Bồ Tát. Trong ấy, sai khác hết sức to lớn, nhưng đều chẳng bằng Phật! Pháp môn này chẳng phải là dạy làm Bồ Tát, mà là dạy làm Phật, còn cao hơn Bồ Tát một cấp, pháp này dạy quý vị làm Phật. Đúng như trong hội Pháp Hoa đã nói: “*Duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệt vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết*” (chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai, cũng không ba, trừ Phật phương tiện nói). Pháp Nhất Thừa là một Phật Thừa, Nhị Thừa là Đại Thừa và Tiểu Thừa, Tam Thừa là Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát. Không hai cũng không ba, chỉ có pháp Nhất Thừa! Hoa Nghiêm là pháp Nhất Thừa, Pháp Hoa là pháp Nhất Thừa, kinh này là Nhất Thừa của Nhất Thừa, liễu nghĩa của liễu nghĩa. Mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, trở về bộ kinh này, là chỗ quy túc cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, còn gì để nói nữa!

Vì thế, nói với ngài Xá Lợi Phất, Xá Lợi Phất hỏi Tiểu hướng Đại, mọi người thấy Xá Lợi Phất như vậy, còn có ai chẳng muốn hỏi Tiểu hướng Đại? Do vậy, giảng cho ngài Xá Lợi Phất, ý nghĩa này rất sâu, Ngài là gương mẫu của đại chúng, nêu gương cho đại chúng, độ Ngài sẽ độ hết thảy đại chúng, ý nghĩa ở chỗ này. Do đó, kinh này từ đầu tới cuối, đức Phật chẳng gọi người khác, mà bảo Xá Lợi Phất. Ngày hôm nay chúng ta giảng tới chỗ này!